

Phật Thuyết

**ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM**

**THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**

Quyển 1

Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng
Diệu Âm - Phổ Hạnh kính ghi và đúc kết

Phật Lịch 2563 – 2019



Printed in Australia by All Villa Print

Email: allprint@bigpond.com, Telephone: (+61) 2 9724 7012

This book is for free distribution and is not for sale.

Kinh ấn tống không được bán

MỤC LỤC TOÀN BỘ QUYỂN 1 & 2

QUYỂN 1

I. ĐÔI NÉT VỀ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG	1
II. NHÂN DUYÊN THÀNH LẬP TỊNH TÔNG HỌC HỘI	7
III. KHÁI LƯỢC VỀ HỘI TẬP KINH VÔ LƯỢNG THỌ	11
IV. TỔNG THÍCH KINH ĐỀ	19
V. PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG ĐỆ NHẤT	33
LỤC CHỨNG THÀNH TỰU:	
1. Tín Thành Tựu	34
2. Văn Thành Tựu	35
3. Thời Thành Tựu	36
4. Chủ Thành Tựu	36
5. Xứ Thành Tựu	36
6. Chúng Thành Tựu	38
VI. ĐỨC TUÂN PHỔ HIỆN ĐỆ NHỊ	55
THẬP LỤC CHÁNH SĨ:	
1. Hiền Hộ Bồ Tát	62
2. Thiện Tư Duy Bồ Tát	75
3. Tuệ Biện Tài Bồ Tát	81
4. Quán Vô Trụ Bồ Tát	83
5. Thần Thông Hoa Bồ Tát	88
6. Quang Anh Bồ Tát	89
7. Bảo Tràng Bồ Tát	95
8. Trí Thượng Bồ Tát	97
9. Tịch Căn Bồ Tát	99
10. Tín Tuệ Bồ Tát	100
11. Nguyên Tuệ Bồ Tát	101
12. Hương Tượng Bồ Tát	101

13. Bảo Anh Bồ Tát	102
14. Trung Trụ Bồ Tát	102
15. Chế Hành Bồ Tát	104
16. Giải Thoát Bồ Tát	104

MƯỜI ĐẠI NGUYÊN VƯƠNG CỦA PHỔ HIỀN BỒ TÁT

1. Lễ Kính Chư Phật	108
2. Xưng Tán Như Lai	115
3. Quảng Tu Cúng Đường	121

Bảy Đại Cương Về Pháp Cúng Đường

i. Như giáo tu hành cúng đường	122 + 634
ii. Lợi ích chúng sinh cúng đường	122 + 637
iii. Nhiếp thọ chúng sinh cúng đường	122 + 637
iv. Đại chúng sinh khổ cúng đường	124 + 640
v. Cần tu thiện căn cúng đường	126 + 644
vi. Bất xả Bồ Tát nghiệp cúng đường	127 + 649
vii. Bất ly Bồ Đề tâm cúng đường	127 + 653
4. Sám Hối Nghiệp Chương	128
Phục Nghiệp Sám	132
Chuyển Nghiệp Sám	134
Diệt Nghiệp Sám	134
i. Thuận lưu thập tâm	141
ii. Nghịch lưu thập tâm	143
5. Tùy Hỷ Công Đức	154
6. Tỉnh Chuyển Pháp Luân	156
7. Tỉnh Phật Trụ Thế	157
8. Thường Tùy Phật Học	163
9. Hằng Thuận Chúng Sinh	163
10. Phổ Giai Hối Hương	164

TỊNH NGHIỆP TAM PHƯỚC

1. Phước Thứ Nhất	165 + 899
2. Phước Thứ Hai	168 + 899
3. Phước Thứ Ba	173 + 900

LỤC HÒA KÍNH

1. Kiến Hòa Đồng Giải177 + 269
2. Giới Hòa Đồng Tu177 + 269
3. Thân Hòa Đồng Trụ178 + 269
4. Khẩu Hòa Vô Tranh178 + 270
5. Ý Hòa Đồng Duyệt179 + 270
6. Lợi Hòa Đồng Quân179 + 271

TAM HỌC: GIỚI - ĐỊNH - TUỆ180

LỤC ĐỘ

1. Bồ Thí181
2. Trì Giới182
3. Nhẫn Nhục182
4. Tinh Tấn184
5. Thiền Định185
6. Trí Tuệ185

TỨ HOÀNG THỆ NGUYỆN188

TỨ MA

1. Phiền Nảo Ma209 + 1570
2. Ngũ Âm Ma209 + 1571
3. Tử Ma210 + 1571
4. Thiên Ma211 + 1571

PHƯỚC ĐIỀN

1. Bi Điền245
2. Ân Điền245
3. Đức Điền246

BÁT TRIÊN294

TAM PHƯỚC296

TAM GIẢI THOÁT MÔN

1. Cửa Không302
2. Cửa Vô Tướng303
3. Cửa Vô Nguyện (Vô Tác)303

TỨ VÔ NGẠI BIỆN

1. Nghĩa Vô Ngại Biện	348
2. Pháp Vô Ngại Biện	348
3. Từ Vô Ngại Biện	348
4. Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện	349

VII. ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI ĐỆ TAM

399

MƯỜI LOẠI TỰ TẠI

1. Mạng Tự Tại	456
2. Tâm Tự Tại	457
3. Tư Cụ Tự Tại	458
4. Nghiệp Tự Tại	461
5. Thọ Sanh Tự Tại	466
6. Giải Tự Tại	469
7. Nguyên Tự Tại	471
8. Thần Lực Tự Tại	473
9. Pháp Tự Tại	474
10. Trí Tự Tại	474

VIII. PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA ĐỆ TƯ

483

MƯỜI ĐỨC HIỆU CỦA PHẬT

1. Như Lai	487
2. Ứng Cúng	496
3. Đẳng Chánh Giác	497
4. Minh Hạnh Túc	498
5. Thiện Thệ	506
6. Thế Gian Giải	517
7. Vô Thượng Sĩ	522
8. Điều Ngự Trượng Phu	525
9. Thiên Nhân Sư	531
10. Phật Thế Tôn	531

TỨ NIỆM XỨ

1. Quán Thân Bất Tịnh	551
2. Quán Thọ Thị Khổ	552

3. Quán Tâm Vô Thường	553
4. Quán Pháp Vô Ngã	553

NĂM LOẠI PHẬT THÂN

1. Pháp Thân	578
2. Báo Thân	582
3. Ứng Thân	583
4. Hóa Thân	583
5. Đăng Lưu Thân	583

LỤC ĐỘ

1. Bồ Thí	600 + 958 + 1158
a. Tài Thí	601
b. Pháp Thí	603
c. Vô Úy Thí	604
2. Trì Giới	604 + 959 + 1158
Tam Tụ Tịnh Giới	
i. Nhiếp luật nghi giới	608
ii. Nhiếp thiện pháp giới	609
iii. Nhiều ích hữu tình giới	609
3. Nhẫn Nhục	609 + 960 + 1158
a. Nhẫn Nhục Đối Với Người	610
b. Nhẫn Nhục Đối Với Hoàn Cảnh Vật Chất	611
c. Nhẫn Nhục Đối Với Sự Tu Học	612
4. Tinh Tấn	614 + 961 + 1161
5. Thiền Định	617 + 961 + 1162
6. Trí Tuệ (Bát Nhã)	621 + 962 + 1162

TỨ TẮT ĐÀN

1. Thế Giới Tắt Đàn	639
2. Vị Nhân Tắt Đàn	639
3. Đối Trị Tắt Đàn	639
4. Đệ Nhất Nghĩa Tắt Đàn	640

TỨ NHIẾP PHÁP

1. Bồ Thí676 + 1316
2. Ái Ngữ677 + 1317
3. Lợi Hành677 + 1317
4. Đồng Sự677 + 1317

IX. CHỈ TÂM TINH TÁN ĐỆ NGŨ687

SÁU THỨ THIỆN ÁC

1. Thiện Trong Trời Người731
2. Thiện Của Nhị Thừa736
3. Thiện Của Tiểu Thừa Bồ Tát738
4. Thiện Của Thông Giáo Bồ Tát738
5. Thiện Của Biệt Giáo Bồ Tát739
6. Thiện Của Viên Giáo Bồ Tát740

X. LỜI CUỐI765

XI. LỜI KHAI THỊ CỦA AN QUANG ĐẠI SƯ769

XII. LỜI DI HUẤN TỐI HẬU CỦA ĐỨC PHẬT771



QUYỂN 2

I. ĐÔI NÉT VỀ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG777
II. PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN ĐỆ LỤC783
TAM THẬP NHỊ TƯỞNG (BA MƯƠI HAI TƯỞNG)810
MƯỜI NIỆM TRONG KINH DI LẶC SỞ VẤN	
1. Nhất Giả906
2. Nhị Giả907
3. Tam Giả908
4. Tứ Giả912
5. Ngũ Giả917
6. Lục Giả918
7. Thất Giả921
8. Bát Giả922
9. Cửu Giả922
10. Thập Giả924
HAI THỨ BỒ ĐỀ TÂM (THEO VÃNG SINH YẾU TẬP)	
1. Duyên Sự Bồ Đề Tâm942
2. Duyên Lý Bồ Đề Tâm943
HAI THỨ BỒ ĐỀ TÂM (THEO SÁCH TÔNG YẾU)	
1. Tùy Sự Phát Tâm943 + 945
2. Thuận Lý Phát Tâm944 + 950
TAM TỰ	
1. Thuyết Thứ Nhất:1016
a. Chánh Định Tự1016
b. Tà Định Tự1016
c. Bất Định Tự1016
2. Thuyết Thứ Hai1017
3. Thuyết Thứ Ba1018

TỨ VÔ NGẠI

1. Pháp Vô Ngại1044
2. Nghĩa Vô Ngại1045
3. Từ Vô Ngại1046
4. Nhạo Thuyết Vô Ngại1046

THẾ NÀO GỌI LÀ HIẾU?1138

BỐN TƯỞNG

1. Tướng Ngã1141
2. Tướng Nhân1141
3. Tướng Chúng Sinh1142
4. Tướng Thọ Giả1142

BỐN ĐÀ-RA-NI

1. Pháp Đà-Ra-Ni1154
2. Nghĩa Đà-Ra-Ni1155
3. Chú Đà-Ra-Ni1155
4. Nhãn Đà-Ra-Ni1156

III. TÁT THÀNH CHÁNH GIÁC ĐỆ THẤT1173

IV. TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC ĐỆ BÁT1229

BẢY ĐỘC DIỆU CỦA CỠI CỤC1240

THẬP NHÃN CỦA BỒ TÁT TRONG KINH BẢO VÂN

1. Nội Nhãn1286
2. Ngoại Nhãn1288
3. Pháp Nhãn1289
4. Tùy Phật Giáo Nhãn1293
5. Vô Phương Sở Nhãn1298
6. Tu Xứ Xứ Nhãn1299
7. Phi Sở Vị Nhãn1299
8. Bất Bức Não Nhãn1301
9. Bi Tâm Nhãn1304
10. Thệ Nguyện Nhãn1306

TAM PHẦN

1. Kiến Phần1356
2. Tướng Phần1356
3. Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần1356

BÁCH PHÁP

1. Tâm Pháp1364
2. Tâm Sở Pháp1364
3. Bất Tương Ứng Hành Pháp1364
4. Sắc Pháp1364
5. Pháp Vô Vi1365

V. VIÊN MẪN THÀNH TỰU ĐỆ CỬU1399

BỐN CÔI (TỨ ĐỘ)

1. Thường Tịch Quang Độ1446
2. Thật Báo Trang Nghiêm Độ1446
3. Phương Tiện Hữu Dư Độ1447
4. Phạm Thánh Đồng Cư Độ1447

VI. GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT ĐỆ THẬP1481

VII. QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH ĐỆ THẬP NHẤT1493

MƯỜI BẢY SỨC CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM

(TỨC LÀ MƯỜI BẢY Y BÁO CỦA TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC)

1. Trang Nghiêm Thanh Tịnh Công Đức Thành Tựu1496
2. Lượng Trang Nghiêm1497
3. Tánh Trang Nghiêm1498
4. Hình Tướng Trang Nghiêm1502
5. Chủng Chủng Sự Trang Nghiêm1505
6. Diệu Sắc Trang Nghiêm1505
7. Xúc Trang Nghiêm1506
8. Tam Chủng Trang Nghiêm1506
9. Vũ Trang Nghiêm1507
10. Quang Minh Trang Nghiêm1507
11. Diệu Thanh Trang Nghiêm1508

12. Chủ Trang Nghiêm	1509
13. Quyển Thuộc Trang Nghiêm	1511
14. Thọ Dụng Trang Nghiêm	1518
15. Vô Chư Nạn Trang Nghiêm	1520
16. Đại Nghĩa Môn Trang Nghiêm	1524
17. Nhất Thiết Sở Cầu Mãn Túc Trang Nghiêm	1526

TÁM LOẠI TRANG NGHIÊM CỦA PHẬT

1. Tòa Trang Nghiêm	1527
2. Thân Nghiệp Trang Nghiêm	1528
3. Khẩu Nghiệp Trang Nghiêm	1528
4. Tâm Trang Nghiêm	1529
5. Đại Chúng Trang Nghiêm	1531
6. Thượng Thủ Trang Nghiêm	1531
7. Chủ Trang Nghiêm	1532
8. Bất Hư Tác Trang Nghiêm	1532

BỐN LOẠI TRANG NGHIÊM CỦA BỒ TÁT Ở THẾ GIỚI CỰC LẠC

1. Trang Nghiêm Thứ Nhất	1533
2. Trang Nghiêm Thứ Hai	1533
3. Trang Nghiêm Thứ Ba	1534
4. Trang Nghiêm Thứ Tư	1535

BA KHỔ

1. Khổ Khổ	1536
2. Hoại Khổ	1536
3. Hành Khổ	1536

TÁM KHỔ

1. Sanh Khổ	1540
2. Lão Khổ	1541
3. Bệnh Khổ	1543
4. Tử Khổ	1544
5. Ái Biệt Ly Khổ	1545
6. Oán Tắng Hội Khổ	1545

7. Cầu Bất Đắc Khổ	1545
8. Ngũ Âm Xí Thanh Khổ	1545

TÁM NẠN

1. Địa Ngục Nạn	1549
2. Súc Sinh Nạn	1549
3. Ngạ Quỷ Nạn	1549
4. Trường Thọ Thiên Nạn	1549
5. Bắc Uất Đan Việt Nạn	1549
6. Manh Lung Âm Á Nạn	1549
7. Thế Trí Biện Thông Nạn	1550
8. Sanh Phật Tiền Phật Hậu Nạn	1550

VIII. QUANG MINH BIẾN CHIẾU ĐỆ THẬP NHỊ

MƯỜI HAI VỊ QUANG PHẬT (THẬP NHỊ QUANG PHẬT)

1. Vô Lượng Quang Phật	1612
2. Vô Biên Quang Phật	1615
3. Vô Ngại Quang Phật	1616
4. Vô Đẳng Quang Phật	1617
5. Trí Tuệ Quang Phật	1618
6. Thường Chiếu Quang Phật	1618
7. Thanh Tịnh Quang Phật	1619
8. Hoan Hỷ Quang Phật	1620
9. Giải Thoát Quang Phật	1621
10. An Ổn Quang Phật	1622
11. Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật	1623
12. Bất Tư Nghị Quang Phật	1626

IX. THỌ CHÚNG VÔ LƯỢNG ĐỆ THẬP TAM

X. LỜI CUỐI

XI. LỜI KHAI THỊ CỦA AN QUANG ĐẠI SƯ

XII. LỜI DI HUẤN TỐI HẬU CỦA ĐỨC PHẬT

BẢNG ĐÍNH CHÁNH QUYỂN I

Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh giải diễn nghĩa

Trang	Hàng	Câu, chữ in sai	Xin đọc là
6	7	giác chớ không mê	giác là không mê
6	8	chánh chớ không tà	chánh là không tà
6	8	Tịnh chớ không nhiễm	Tịnh là không nhiễm
19	14	phối hợp hay khếp	phối hợp hay khéo
55	8	Chế Hạnh Bồ tát	Chế Hành Bồ tát
55	15	Chế Hạnh Bồ tát	Chế Hành Bồ tát
60	10	phía hữu	phía hữu
174	11	để xác định	để xác định
184	7 từ dưới	Tấn là tiến chớ không thoái	Tấn là tiến, không thoái
295	3	bỏ xen tài	bỏ xen tài
310	8	với vật đều giác chớ không mê	với vật đều tỉnh giác không mê
337	17	chúng sinh là phạm phụ	chúng sinh là phạm phu
441	5	tối thắng tự tại	tối thắng tự tại
444	14	Thích Ca Mâu Phật	Thích Ca Mâu Ni Phật
445	12 từ dưới	tương lai	tương lai
471	6 từ dưới	thành Thánh, thánh Hiền	thành Thánh, thành Hiền
514	1	giác chớ không mê	giác ngộ
541	1	gia Tướng Số	gia Tướng Số
586	cuối	tu tập	tụ tập
587	1	tu tập	tụ tập
604	2	Sư sĩ Lâm	Cư sĩ Lâm
604	8	đoạn dứt	đoạn dứt
639	5+6 từ dưới	bạn tri ân	bạn tri ân
666	12 từ dưới	có thể đoạn dứt	có thể đoạn dứt
725	3	nhưng chẳng	nhưng chẳng
728	cuối	bất tự nghị	bất tự nghị
751	1	Khởi tâm động niệm	Khởi tâm động niệm

BẢNG ĐÍNH CHÁNH QUYỂN II

Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh giải diễn nghĩa

Trang	Hàng	Câu, chữ in sai	Xin đọc là
viii	12 từ dưới	Cõi Cực	Cõi Cực Lạc
806	hàng cuối	trượng phụ	trượng phu
808	13	niệm niệm giác chớ không mê	niệm niệm đều tỉnh giác
892	2 từ dưới	chí tâm chí nhạo	chí tâm tín nhạo
961	7	“Tinh” là thuần chớ không tạp	“Tinh” là thuần, không tạp
1010	cuối	chủ chánh giác	thủ chánh giác
1019	2 từ dưới	Tâm Bồ Đề là giác chớ không mê	Tâm Bồ Đề là tâm giác ngộ
1019	2 từ dưới	Dùng giác chớ không mê	Dùng tâm giác ngộ này
1021	15	chấn chấn	chắc chắn
1063	5	đều giác chớ không mê	đều tỉnh giác
1099	10 từ dưới	sự kiên này	sự kiện này
1176	19	Sơ tổ	Sư tổ
1198	2 từ dưới	thuần tiện	thuần thiện
1257	3 từ dưới	tu tập	tụ tập
1328	8 + 9	là một toàn thể	là một đoàn thể
1415	11 từ dưới	thuần tục	thuần thực
1430	hàng cuối	tâm chỉ sở hiện	tâm chi sở hiện
1475	13	đại diện	đại diện
1511	3 từ dưới	chớ không tạp	nhất không tạp
1512	5 từ dưới	Vi Hề Hi	Vi Đề Hi
1546	1	tu tập	tụ tập
1561	9 từ dưới	khiến thọ	khiến họ
1574	2 từ dưới	sóng ta	sóng to
1587	1	Bồ tát là giác chớ không mê	Bồ tát là giác tức không mê
1587	1	chánh chớ không tà	chánh là không tà
1587	1	tịnh chớ	tịnh là
1589	12	Đạo Lợi thiên	Đạo Lợi thiên
1593	10 từ dưới	“Bất khả tư nghi”	“Bất khả tư nghi”
1632	15	một vi Phật	một vị Phật
1659	3	bốn mươi lăm năm	bốn mươi chín năm

I. ĐÔI NÉT VỀ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG

Hòa Thượng thượng Tịnh hạ Không sinh tháng hai năm 1927, thế danh là Từ Nghiệp Hồng, tại huyện Lư Giang, tỉnh An Huy Trung Quốc. Ban sơ, lúc hai mươi sáu tuổi, ngài theo học triết học với giáo sư Phương Đông Mỹ (Dong Mei Fang); về sau học Phật với Đại sư Chương Gia (Zhang Jia), một cao tăng Mật tông thời bấy giờ, và cư sĩ Lý Bình Nam (Lee Bing Nan). Cả ba thầy đều là bậc rất khó được.

Theo cô Hòa Thượng Thích Như Huệ ở Úc Châu, “*Hòa Thượng Tịnh Không là một danh tăng của Phật Giáo thế giới, người có công phát triển Phật Giáo Phương Tây. Những bài thuyết giảng của ngài rất thực tế và gần gũi với người đệ tử Phật*”.

Theo Đại đức Thích Tâm An trong “*Phật Giáo Là Gì?*”, có giới thiệu sơ lược về Hòa Thượng Tịnh Không như sau: “*Ngài thông Tông, thông Giáo, thâm nhập thực tiễn kệ lý, kệ cơ, thâm đắc thuyết pháp tam-muội*”.

Sau khi thọ giới cụ túc lúc ba mươi ba tuổi, ngài chu du khắp nơi trên thế giới, giảng kinh thuyết pháp. Trước sau đã giảng rất nhiều kinh như: Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Kinh Bát Nhã, Đại Thừa Khởi Tín luận, Đại Trí Luận, Tịnh Độ Ngũ Kinh v.v... liên tục suốt gần sáu mươi năm giảng kinh thuyết pháp chưa bao giờ mỗi mệ, chưa bao giờ ngừng nghỉ. “*Sống một ngày, giảng một ngày*”, đây là mục tiêu của ngài. Thật là hiếm có! Việc rất khó được mà ngài đã làm được.

Ngài là người tiên phong trong việc sử dụng hệ thống truyền thanh, đài truyền hình, truyền hình vệ tinh, mạng lưới thông tin toàn cầu, dùng phương tiện truyền thông hiện tại để truyền bá chánh pháp,

đẩy mạnh nền giáo dục Phật Đà: Phật Giáo không phải là tôn giáo mà là nền giáo dục chí thiện, tối cao nhất của Phật Đà đối với cửu pháp giới chúng sinh.

Đại đức Thích Nguyên Tạng, thành viên của Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất tại Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan trong quyển “Pháp ngữ của Hòa Thượng Tịnh Không” đã vô cùng tán dương: *“Hòa Thượng Tịnh Không là người đã thực hành Pháp cúng dường một cách chí tâm, tha thiết, nếu không muốn nói là ngài đã thành tựu viên mãn về việc làm này trong mấy thập niên qua”*. Ngài đã cố gắng thực hiện ‘cúng dường Pháp’ bằng cách thành lập nhà xuất bản Phật Đà ở Đài Loan và ấn tống miễn phí toàn bộ kinh điển của Phật Giáo không những là kinh sách tiếng Hoa mà Hòa Thượng còn cho in nhiều ngôn ngữ khác như: Anh, Pháp, Việt v.v... để giúp nhiều sắc tộc khác dễ dàng lãnh hội được ánh sáng của Chánh Pháp”. Theo Hòa Thượng Tịnh Không, kinh sách phải được in thật đẹp và trang nhã nhằm tạo nên sự thu hút cho người học Phật trong thời đại hiện nay.

Phỏng theo tài liệu trong “Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh” giảng giải của Hòa Thượng Tịnh Không, do Vọng Tây cư sĩ bản dịch thì: “Mấy chục năm qua, Hòa Thượng Tịnh Không đã phát tâm tái bản, ấn tống các loại kinh Phật và sách thiện của nhà Nho v.v... lên đến hơn mười triệu cuốn” như: Đại Tạng Kinh, Liễu Phàm Tứ Huán, An Sĩ Toàn Thư, Tứ Khố Toàn Thư, Tứ Khố Hội Yếu, Quần Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông v.v..., gửi tặng các trường Đại học, các Phật Học Viện, các cơ sở Phật giáo trên toàn thế giới, không phân biệt sắc thái chủng tộc. *Chủ trương của ngài là xiển dương Phật pháp Đại thừa, phá trừ mê tín, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, nhất định phải đem Phật Giáo trở về với giáo dục, khai phát trí tuệ khiến mọi người*

hiểu được chân vọng, chánh tà, đạt đến mục đích cứu cánh: Một đời giải thoát, một đời viên mãn thành tựu.

Cũng theo tài liệu của Cư Sĩ Vọng Tây:

- Năm 1985, Hòa Thượng định cư tại Hoa Kỳ. Thời gian hoằng pháp trên đất Mỹ, ngài đã có sự cống hiến rất nổi bật trên phương diện đoàn kết chủng tộc, đoàn kết tôn giáo, nâng cao đạo đức con người khiến xã hội được an định.

- Tháng 8 năm 1995, ngài được tiểu bang Texas và thành phố Dallas, Hoa Kỳ phong tặng “Công Dân Danh Dự” của tiểu bang và “Công Dân Danh Dự” của thành phố. Hòa Thượng đã từng được mời đến thuyết giảng tại các trường Đại học như Đại học Lý Công Tân Gia Ba, trường Đại học tiểu bang Maine ở Mỹ, trường Đại học Deanza-College ở tiểu bang Texas, trường Đại học Hawaii. Các trường Đại học ở Úc châu tại tiểu bang Melbourne, Sydney, Queensland v.v... Ở các nước Á châu như: Trường Đại học Phụ Nhân Đài Loan, Đại học văn hóa Trung Quốc, Đại học Thành Công, Đại học Trung Sơn v.v... *Gót chân ngài đến đâu đều qui tụ rất đông thính chúng đến để học tập, được nghe Pháp âm của ngài. Pháp duyên của Hòa Thượng rất thù thắng được tứ chúng đệ tử khắp nơi hết lòng ủng hộ.*

- Năm 1995, tại Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Tân Gia Ba, ngài đã chỉ đạo sáng lập lớp Bồi Huấn Nhân Tài Hoàng Pháp. Trên ba năm ở Tân Gia Ba, ngài đã chủ động đi thăm viếng các đoàn thể tôn giáo, đặc biệt ngài đã đoàn kết được chín tôn giáo lớn ở Tân Gia Ba, tham gia trợ giúp các từ thiện xã hội. Ở Úc châu, ngài đã tham gia diễn đàn tôn giáo, trợ giúp trường Đại học Griffith thành lập “Trung tâm văn hóa Đa Nguyên”, trợ giúp Đại học Queensland thành lập “Học viện nghiên cứu giải quyết xung đột và hòa bình”.

- Tháng 5 năm 2000, nhận lời mời của Cục Tôn Giáo Trung Quốc, ngài cùng những lãnh tụ của chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba, đi thăm viếng các đoàn thể tôn giáo Trung Quốc, xây dựng mối quan hệ thân thiện.

- Tháng 1 năm 2001, tại Úc châu, ngài bắt đầu dự bị xây dựng Tịnh Tông Học Viện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài hoằng pháp; tính đến nay đã hoàn tất trên mười năm.

- Tháng 5 năm 2002, trường Đại học Griffith thỉnh mời Hòa Thượng làm “Giáo sư Danh Dự”. Đến tháng sáu, Đại học Queensland lại mời Hòa Thượng làm giáo sư khách tọa và được thành phố Toowoomba phong tặng “Công Dân Danh Dự” của thành phố.

- Giữa tháng 8 năm 2002, trường Đại học Griffith (Úc châu) phong tặng Hòa Thượng “Tiến Sĩ Danh Dự”.

- Tháng 7 năm 2003, với chức phận giáo sư đại biểu trường Đại học Griffith đến Thái Lan tham gia “Hội nghị Hòa Bình thế giới của Liên Hiệp Quốc”.

- Tháng 4 năm 2004, Đại học Queensland Úc châu phong tặng “Tiến Sĩ Danh Dự”.

- Tháng 6 năm 2004, Bộ tôn giáo Indonesia tổ chức thành đoàn phỏng vấn lãnh tụ tôn giáo, thỉnh mời ngài làm “Cố vấn Danh Dự”, đi thăm viếng Ai Cập, Ý Đại Lợi, và Vatican trong tinh thần giao lưu, tìm hiểu giữa tôn giáo, tiến đến sự hài hòa cùng xây dựng ý thức chung.

- Tháng 8 năm 2004, Đại học Châu Lập Islam giáo Indonesia phong tặng “Tiến sĩ Danh Dự”, cũng trong tháng này, Hòa Thượng được mời tham gia “Hội nghị Quốc Tế” do Liên Hiệp Quốc Giáo Khoa Văn tổ chức cử hành tại Okayama, Nhật Bản để phát biểu chuyên giảng đề tài.

- Tháng 6 năm 2005, do sự tích cực cống hiến, đẩy mạnh nền văn hóa đa nguyên, tôn giáo hài hòa, liên hệ đoàn kết chủng tộc và nỗ lực hoàn thiện công việc giáo dục thế giới, nữ hoàng Anh Quốc đã kính tặng ngài: Huân Chương AM.

Tính đến nay (năm 2010), ngài đã tham gia mười mấy lần Hội Nghị Hòa Bình Thế Giới của Liên Hiệp Quốc. Ngài là người đề xướng về lý niệm “Tôn giáo thế giới là một nhà”; đề cao giáo dục tôn giáo để thay vào chỗ thiếu sót rất lớn của giáo dục gia đình, giáo dục học đường, giáo dục xã hội hiện nay. Riêng về Pháp môn Tịnh Độ, ngài là vì sao “Bắc Đẩu”, khai sáng trí tuệ, đức tin về niềm tin Tịnh Độ, chân xác và vững chãi trong tâm thức mọi người con Phật về thế giới Tây Phương Cực Lạc, về đức Phật A Di Đà, một đời này quyết định vãng sinh thành Phật.

Điểm đặc sắc của đời ngài có ba việc: Không quản tiền, không quản người, không quản việc. tất cả đều tùy duyên mà không phan duyên, chỉ thuần “hoằng pháp lợi sinh”, đẩy mạnh truyền thống văn hóa giáo dục. Trên năm mươi năm không xem truyền hình, báo chí, luôn bảo trì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Có thể nói ngài là “Thế Giới Đệ Nhất nhân”, không có người thứ hai trong thời đại mạt pháp. Để bổ túc thêm vào phần tiểu sử của Hòa Thượng, xin được tóm tắt nêu ra một ít về lời giới thiệu của người dịch Thích Nhuận Nghi (chùa Từ Đức, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Việt Nam) trong “Tịnh Không Pháp Sư gia Ngôn Lục”, tập một, như sau:

“Trong quá trình phiên dịch, tôi nhận thấy những lời dạy của Hòa Thượng đã đánh thức tôi rất nhiều trên con đường hành trì tu học Phật pháp, như kim chỉ nam quán chiếu lại mình để tu tập, nhằm chuyển hóa những tập khí vô minh từ nhiều đời, và tôi đã vừa dịch vừa đọc, nghiền ngẫm như vậy trong suốt sáu năm...” Phần sơ lược tiểu sử của Hòa Thượng, sách này cũng nêu ra: “Hòa Thượng

Tịnh Không đã quyên tặng xây dựng trên một trăm trường học tình thương và nhiều quỹ dành cho giáo dục, y tế trên toàn cầu, in ấn hàng triệu bản kinh sách, băng đĩa v.v... Ngài luôn tôn trọng đề cao tất cả pháp môn, nhưng đặc biệt xiển dương tông Tịnh Độ”.

Vì vậy, ngài chủ trương khuyến tấn hành giả tu theo pháp môn Niệm Phật A Di Đà. Ngài nhấn mạnh Phật pháp không phải là mê tín. Phật pháp là Giác-Chánh-Tịnh: Giác chớ không mê; Chánh chớ không tà, Tịnh chớ không nhiễm. Tuy tuổi đã cao nhưng vẫn ngày ngày giảng pháp bốn tiếng đồng hồ trên đài truyền hình vệ tinh, phục vụ cho những ai hữu duyên học Phật. Ngài thường nhắc nhở người học Phật muốn đạt công phu lợi ích chân thật trên con đường hành trì tu học, phải luôn ghi nhớ câu: *“Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác, Từ Bi, Nhìn thấu, Buông xả, Tự tại, Tùy duyên, Niệm Phật”*.

Ngài cũng thường nhắc nhở người tu, học Phật cần phải tránh: *“Tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn”*.

Ngài đúng là một vị cao tăng, đại từ bi, đại trí tuệ của Phật giáo đương đại.

Nam Mô A Di Đà Phật

Diệu Âm - Phổ Hạnh

Cẩn chí

II. NHÂN DUYÊN THÀNH LẬP TỊNH TÔNG HỌC HỘI

Đây là nhân duyên! Tôi rời tổ quốc mấy mươi năm, lần đầu tiên về nước, hình như là thập niên tám mươi, là năm 1987 hay 1988 gì đó, không nhớ rõ! Ở Mỹ, tôi liên hệ được với lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, biết được ông đang ở Đại Lục hoằng dương bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ, tôi vô cùng hoan hỷ, bởi vào thời đó, hoằng dương bản này (tức bản Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ trang nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh do cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập) không có ai, ở hải ngoại chỉ có mình tôi, ở Đại lục chỉ có mỗi mình ông ấy. Ở Mỹ, tôi chỉ điện thoại liên hệ ông nhưng chưa gặp mặt vì thời gian ông ở Mỹ có một tháng rồi trở về nước.

Tôi đến Bắc Kinh, Đại Lục thăm ông. Sau khi gặp mặt, ông nói với tôi: hy vọng ở hải ngoại tôi thành lập Tịnh Tông Học Hội, đây là nguyện vọng của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, từ lâu ông đã đề xuất nhưng ở Đại Lục không thực hiện được, ông hy vọng tôi ở hải ngoại làm được.

Tịnh Tông Học Hội thứ nhất của tôi ở hải ngoại là tại Vancouver, Canada. Tịnh Tông Học Hội thứ hai ở Mỹ, California, do Vương Nhất Hoa chủ trì, phát triển cũng khá. Riêng ở Mỹ và Canada có hơn ba mươi Tịnh Tông Học Hội. Tịnh Tông Học Hội chính là Liên xã ngày xưa, chỉ đổi danh xưng mà thôi. Danh xưng này là hiện đại hóa, mọi người nghe qua có vẻ rất mới mẻ, không giống như Liên xã trước đây, nói đến Liên xã, mọi người liền nghĩ đó là tôn giáo, là mê tín. Cho nên, Hạ Liên Cư, ông ấy nghĩ rằng phải đổi tên, tên không chánh tức ngôn không thuận, tất cả đạo tràng Phật Giáo nên đổi thành Học Hội như: Thiên Thai Tông là Thiên Thai Học Hội, Hoa Nghiêm Tông là Hoa Nghiêm Học Hội v.v...

Hiện tại trên toàn thế giới, tính đến nay (năm 2010) có khoảng trên hai trăm “*Tịnh Tông Học Hội*”. “*Tịnh Tông Học Hội*” là do ông ấy đề ra, chúng tôi ở nước ngoài thực hiện. Chúng tôi không có quản hạt, các “*Tịnh Tông Học Hội*” mỗi mỗi đều độc lập: hành chánh độc lập, nhân sự độc lập, tài vụ độc lập, chỉ có lúc tổ chức hoạt động, chúng tôi hỗ trợ chi viện cho nhau. Chúng tôi không có tổ chức, không có trên dưới, mọi người đều bình đẳng như nhau, đều là tự động tự phát.

Chúng tôi toàn tâm, toàn lực giúp họ, hiệp trợ cho họ trên Giáo, Lý, Hành, Quả. Bất luận giảng kinh ở đâu, chúng tôi dùng mạng internet, họ đồng bộ đều có thể thu nghe được; truyền hình vệ tinh lại càng thuận tiện, hai mươi bốn tiếng đồng hồ không hề gián đoạn, chúng tôi dùng phương pháp này để liên hệ. Thỉnh thoảng có việc cần tham quan, thăm viếng, tiếp xúc và chia sẻ Phật pháp với mọi người, ngoài ra tất cả thời gian đều dùng vào việc giảng kinh.

Tại Úc châu, chúng tôi kiến lập một Tịnh Tông Học Viện, đây là cơ quan bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp, khác với Tịnh Tông Học Hội là thuộc về cơ cấu tôn giáo. Đầu tiên, Tịnh Tông Học Viện Úc châu được chính phủ phê chuẩn là tôn giáo. Nhưng sau ba năm, nhân viên chính phủ đến khảo sát, họ phát hiện chúng tôi đang làm công tác giáo dục không phải là tôn giáo nên qui nạp Học Viện chúng ta vào giáo dục xã hội, qui về trường học. Điều này thật hiếm có! Vô cùng hiếm có!

Trên thực tế, đức Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời là làm công tác giáo dục xã hội, suốt đời chỉ dạy học, những hành nghi tôn giáo trong suốt cuộc đời ngài không tìm ra được. Cho nên, chúng ta tôn xưng Thích Ca Mâu Ni Phật là đức Bổn sư, là bậc thầy căn bản của mình; tự xưng mình là đệ tử. Quan hệ giữa chúng ta và đức Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò. Bồ Tát, A-la-hán v.v... là những

học trường, trong quá khứ đều là học trò của Phật. Chúng ta và Bồ Tát là đồng học trước và sau. Quan hệ phải xác định cho rõ ràng, họ không phải là thần, không phải là thiên, họ là con người học Phật, nhất định phải đem Phật Giáo trở về với giáo dục.

Phương hướng, mục tiêu này năm xưa lúc mới học Phật, Chương gia Đại sư đã chỉ dạy cho tôi, ngài khuyên tôi xuất gia, dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật. Quyển sách đầu tiên ngài bảo tôi đọc là “Thích Ca Phương Chí”, “Thích Ca Phổ” tức là truyện ký về đức Phật Thích Ca. Tôi hoàn toàn tiếp thu, nên vừa xuất gia liền bắt đầu giảng kinh dạy học mãi đến năm nay (năm 2010) là năm mươi hai năm. Tôi vô cùng cảm tạ thầy, nếu không có sự chỉ đạo của thầy, cho dù xuất gia cũng sẽ không có thành tựu.

Điểm tốt của tôi chính là vâng lời. Tôi đối với thầy thâm tín không nghi, điều thầy dạy tôi chăm chỉ nỗ lực học tập. Quý là ông trời che chở, thọ mạng tôi kéo dài. Điều này đối với tôi giúp ích rất nhiều, nếu không có được thời gian học tập dài như vậy thì không có cách chi khế nhập được cảnh giới. Huân tập năm mươi hai năm kinh giáo, rất nhiều thứ có thể nhìn thấy, thời gian ngắn quá thì không được.

Tôi học Phật tổng cộng là năm mươi chín năm (tính đến năm 2010), giảng kinh năm mươi hai năm. Năm mươi chín năm kiên nhẫn, miệt mài, mỗi ngày không xa rời kinh quyển. Bình quân mỗi ngày đọc kinh bốn tiếng đồng hồ. Tôi rất hy vọng hiện tại giảng kinh cũng có thể được bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày. Giảng bốn tiếng cũng không có vấn đề gì, nhân duyên thôi! Tất cả tùy duyên! Sống trên thế gian này không có gì khác ngoài việc giảng kinh. Sống một ngày, giảng một ngày. Ngoài giảng kinh ra tất cả đều buông xuống hết. Từ lâu đã buông hết rồi!

(Viết theo “*Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa*” do Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng ngày 14-10-2010 tại *Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội Hồng Kông*”, tập 166).

A Di Đà Phật
Diệu Âm - Phổ Hạnh
Cẩn chí



III. KHÁI LƯỢC VỀ HỘI TẬP KINH VÔ LƯỢNG THỌ

Kinh Vô Lượng Thọ được xem là kinh bậc nhất của Tịnh Tông, nhưng rất tiếc kinh điển quý báu thù thắng này đã bị chìm lấp trong Đại Tạng Trung Hoa đến hơn ngàn năm! Theo thuyết giảng của Hòa Thượng ^{thượng} Tịnh ^{hạ} Không cũng như lời giới thiệu của Thượng tọa Thích Giác Toàn trong “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải Chú Dịch Giải” (biên soạn: Pháp sư Tịnh Không; người dịch: Nguyên Trùng): từ đời Hán đến đời Tống, Kinh Vô Lượng Thọ tổng cộng có mười hai bản Hán dịch. Sau đời Tống Nguyên chỉ còn lại có năm bản Hán dịch gốc:

1. “Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh” do Chi-lâu-ca-sấm đời Hậu Hán dịch.
2. “A Di Đà Kinh” do Chi Khiêm đời Ngô (thời Tam Quốc dịch).
3. “Vô Lượng Thọ Kinh” do Khương Tăng Khải đời Tào Ngụy dịch.
4. “Vô Lượng Thọ Như Lai Hội” do Bồ Đề Lưu Chí đời Đường dịch.
5. “Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh” do Pháp Hiền đời Triệu Tống dịch.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Xét đến nguyên nhân, năm bản dịch gốc có nhiều chi tiết rộng, lược sai biệt khá lớn. Ví dụ về đại nguyện của đức Phật A Di Đà, trong hai bản dịch đời Đường và đời Ngụy có bốn mươi tám bản nguyện; nhưng hai bản dịch đời Ngô và Hán có hai mươi bốn, bản dịch đời Tống có ba mươi sáu bản nguyện, chứng tỏ các bản Hán dịch không phải dựa vào một Phạn bản duy nhất mà có nhiều Phạn bản khác nhau. Điều này cũng nói

lên: Khi đức Phật còn tại thế giảng Kinh Vô Lượng Thọ không phải chỉ một lần mà ít nhất cũng phải năm, ba lần. Trong khi đó, những kinh khác Phật chỉ thuyết qua có một lần.

Năm 1883, Max Muller (người Đức) và Nam Điền Văn Hùng (người Nhật) cho xuất bản một Phạn bản Kinh Vô Lượng Thọ và Max Muller dịch ra Anh ngữ. Năm 1908, Nam Điền Văn Hùng dịch ra Nhật ngữ. Năm 1917, Dịch Nguyên Văn Lai dựa theo một Phạn bản khác và một bản Tạng dịch của kinh được tìm thấy ở Nepal, đính chính Phạn bản đã công bố trước đó, rồi dịch ra Anh ngữ và Nhật ngữ.

Cũng theo chú giải của cụ Hoàng: Đối với kẻ sơ tâm học Phật, nếu chuyên trì một bản dịch thì khó bề hiểu rõ ý chỉ sâu xa. Nếu đọc cả năm bản càng gian nan! Vì vậy trước đây đa số bỏ kinh này, dồn sức vào nghiên cứu Kinh Di Đà. Đầu đời nhà Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thăng nói: “Kinh này ít được xiển dương thì quả thật do chúng ta thiếu cội lành”. Thật đúng như vậy! Thế nên, các đại cư sĩ Vương Nhật Hưu đời Tống, Bành Thiệu Thăng, Ngụy Thừa Quán đời Thanh đều vì hoằng dương kinh này mà mỗi vị trước sau soạn ra hội bản và tiết bản (hội bản là bản hội tập các bản dịch hiện có; tiết bản là chia bản kinh thành từng đoạn, đánh số, đặt tiêu đề).

Cư sĩ Vương Nhật Hưu đời Tống từng viết cuốn “Long thư Tịnh Độ Văn” được bốn biển khen ngợi, truyền tụng tới nay. Ông Vương khi lâm chung đứng ngay ngắn vãng sinh, đủ chứng minh cư sĩ thật là bậc hạnh giải đều ưu việt, là bậc tại gia, đại đức thù thắng hi hữu của Tịnh Tông Trung Hoa. Ông Vương tiếc nuôi bảo điển bị bụi phủ, bèn hội tập bốn bản dịch các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống của Kinh Vô Lượng Thọ soạn thành một bản, đặt tên là Đại A Di Đà Kinh. Bản của ông Vương ra đời được cả nước khen ngợi là tiện lợi, được các tông lâm lấy làm khóa bản (kinh đọc tụng trong các thời

khóa công phu hàng ngày) lưu truyền phổ biến còn hơn cả bản dịch gốc.

Cần Long Đại Tạng Kinh của Trung Hoa và Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng của Nhật đều thu thập bản hội tập của ông Vương vào Đại Tạng. Liên Trì Đại Sư nói: “Bản hội tập của ông Vương so với năm bản dịch thì giản dị, rõ ràng hiện đang phổ biến, lợi ích rất lớn”. Vì thế, trong “Di Đà Sớ Sao”, mỗi khi dẫn chứng Kinh Vô Lượng Thọ, đa phần ngài đều trích dẫn từ bản của ông Vương. Cận đại, Ấn Quang Đại Sư khi viết lời tựa cho lần tái bản bộ “Viên Trung Sao”, cũng khen bản của ông Vương là “Văn nghĩa tường tận, lưu thông khắp nơi”.

Tuy bản hội tập của ông có công rất lớn đối với Tịnh Tông, nhưng cũng có nhiều điểm sai sót. Ngọc trắng có vết, hiền giả xót xa! Liên Trì Đại Sư chê rằng: “Sao phần trước, viết thêm phần sau, phần lấy bỏ chưa trọn vẹn”. Bành Thiệu Thăng cư sĩ chê “lộn xộn, trái nghịch nhau, chẳng phù hợp với ý chỉ viên dung”.

Dựa vào lời phê của các bậc cổ đức, cụ Hoàng Niệm Tổ trộm nêu ra ba khuyết điểm của ông Vương:

- Một là bản hội tập của ông Vương chỉ dựa trên bốn bản, chưa dùng bản dịch đời Đường. Bản dịch đời Đường mang tên “Vô Lượng Thọ Như Lai Hội” trích từ Kinh Đại Bảo Tích do Đại sư Bồ Đề Lưu Chí dịch, lời văn có nhiều điểm áo diệu tinh yếu mà các bản dịch khác không có.

- Hai là phần lấy, phần bỏ chưa trọn vẹn: Chọn phần rườm rà, bỏ phần trọng yếu, biến sâu thành cạn. Chẳng hạn như Liên Trì Đại sư quả rằng: “Như ba bậc vãng sanh, bản dịch đời Ngụy đều nói là phát Bồ Đề Tâm, mà bản họ Vương chỉ nói là bậc Trung phát Bồ Đề tâm. Bậc Hạ bảo chẳng phát, bậc Thượng lại chẳng nói, thành ra cao thấp chẳng thứ tự. Vì vậy, bảo là chưa trọn vẹn”. Do câu trên,

thấy rằng “bậc Thượng chẳng nói” là bỏ chỗ trọng yếu, “bậc hạ lại nói chẳng phát” chính là biến sâu thành cạn. Vì vậy, Liên Trì Đại Sư cùng ông Bành đều quở trách.

- Ba là tự ý thêm văn, nghiêm nhiên tự sáng tác. Họ Vương hay dùng lời văn mình sáng tác ra để diễn thuật nghĩa của bản gốc. Vì vậy, Liên Trì Đại Sư quở rằng: “Sao phần trước, thêm phần sau, chưa theo đúng phép dịch thuật”. Ngài trách ông Vương sao dẫn kinh văn nơi phần trước, rồi tiếp đó chép thêm lời văn ông tự soạn. Nếu đã là hội tập, cần phải dựa theo bản dịch gốc, muôn phần chẳng được dùng câu nào ngoài bản dịch gốc. Thấy được những khuyết điểm trên của họ Vương, không có nghĩa là chẳng nên hội tập, mà chỉ để thấy rằng hội bản của ông ta có nhiều tỳ vết. Cư sĩ Bành Thiệu Thăng cảm khái trước lỗi lầm của hội bản họ Vương, bèn dùng bản dịch đời Ngụy chia thành từng mục, tạo thành bản Kinh Vô Lượng Thọ thứ bảy, nhưng bản này chỉ là tiết bản của bản dịch đời Ngụy.

Cuối đời nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Thừa Quán (tự là Mặc Thân) nhằm cứu vãn khuyết điểm của ông Long Thư (hiệu của ông Vương Nhật Hữu), bèn dùng cả năm bản dịch gốc hội tập thành một bản. Ban đầu đặt tên là Kinh Vô Lượng Thọ, sau đó ông Chánh Định Vương Canh Tâm đổi thành “Ma Ha A Di Đà Kinh”. Lời văn bản hội tập của ông Ngụy giản dị, trong sáng, chọn lọc thích đáng, vượt xa bản họ Vương, nhưng vẫn vướng căn bệnh thêm văn chưa hoàn toàn dứt hết được. Do đó, bản của họ Ngụy cũng chưa tận thiện.

Tiên sư là cư sĩ Hạ Liên Cư, trí cùng đủ, thông Tông lẫn Giáo, viên dung “Hiển, Mật, Thiền, Tịnh”, nhất tâm, chuyên hoằng dương “Trì Danh Niệm Phật” nhiếp vạn đức. Do hoằng dương Tịnh Tông nên ngài mong mỗi bản kinh đệ nhất của Tịnh Tông này sẽ được vệt bụi tỏa sáng, nguyện ước bản kinh vô thượng này lợi lạc đời sau, bèn kế tục tiền hiền, tiến hành hội tập lần nữa, vớt bỏ vạn

duyên đóng cửa ba năm, tịnh đàn, kết giới, lắng tâm, tồn chí, sửa bản thảo mười lần mới hoàn tất.

Đầu tiên, được vị lão pháp sư thấu triệt cả Tông lẫn Giáo là *Huệ Minh*, tay cầm hội bản chụp hình trước Phật điện để chứng minh. Kế đó, vị đại đức trong Luật tông là lão Pháp sư Từ Châu chuyên giảng kinh này ở Tế Nam, đích thân phân khoa, giảng giải. Cậu của Hoàng Niệm Tổ là Mai Quang Hy cũng giảng kinh này trên đài phát thanh trung ương, khen là hội bản tốt nhất. Sau đấy, trong phần lời tựa của kinh, ông còn viết: *“Tinh đáng, minh xác, hiển nhiên có căn cứ. Không một nghĩa nào chẳng lấy từ bản dịch gốc. Không một câu nào vượt ngoài bản gốc. Làm rõ ràng những chỗ khó khăn, thô tháp, tối nghĩa. Với chỗ phiền phức rườm rà làm cho đơn giản gọn gàng; chỗ lộn xộn, lồi thoi biến thành nghiêm chỉnh; chỗ thiếu sót làm cho viên dung; chỗ tốt đẹp đều được đầy đủ; không sự thực nào chẳng được thấu lấy trọn vẹn. Tuy muốn chê là bản chẳng hay cũng vô phương”*.

Vì vậy, từ khi hội bản của tiên sư ra đời đến nay, chẳng có chân mà đi khắp chốn. Các bậc tôn túc Phật giáo cho rằng hội bản này giản dị, nghĩa phong phú, câu cú lưu loát, nghĩa lý viên dung, nên nó được giảng thuyết, tán dương, lưu truyền cả trong nước lẫn hải ngoại. Người thấy kẻ nghe hoan hỉ tín thọ, trì tụng, ấn hành liên tục chẳng dứt.

Gần đây, hội bản này được giới học Phật hải ngoại đưa vào Tục Tạng trong lần ấn hành mới nhất. Mừng được thấy quang minh của Đại Kinh thường chiếu thế gian, cái nguyện thù thắng hội tập của tiên hiền nay đã viên thành. Bản Kinh Vô Lượng Thọ hoàn thiện nhất nay đã hiện diện, ấy thật là đại sự nhân duyên hi hữu khó gặp vậy.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Hoàng Niệm lão được tiên sư giao phó đại sự chú giải hoằng dương kinh này. Ông đã từng theo

học dưới giảng tòa của thầy, đích thân nghe toàn bộ kinh này suốt hai mươi năm. Đầu thập niên sáu mươi, ông từng thử viết đề cương huyền nghĩa kinh này trình lên thầy duyệt, được thầy ấn khả. Nhưng, trong kiếp nạn cách mạng văn hóa, bản thảo ấy đã bị hủy mất chẳng còn chút gì! Đến tuổi đã ngoài bảy mươi, lại lâm bệnh cũ, thẹn chưa báo ân sâu, sợ vô thường chợt đến nên gắng gượng tắm thân già bệnh, kể tục hoàng thệ truyền đăng, đem thân tâm cúng dường Tam Bảo, đóng cửa tạ khách, toàn lực chú giải kinh này.

Theo nhận định của Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa về sách chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ với tựa đề Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải: “Xét về mọi mặt, tác phẩm này không thể nào sánh kịp với hai bản chú giải trân quý “Di Đà Yếu Giải” và “Di Đà Sớ Sao” của cổ đức, nhưng so với những bản chú giải Kinh Vô Lượng Thọ trong Đại Tạng, bản chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ rất tỉ mỉ, tổng hợp nhiều lời giải thích của chư tôn cổ đức Trung Hoa, Nhật.

Hoàng lão cư sĩ cũng khéo trích dẫn những đoạn kinh luận khiến cho người đọc hiểu được tường tận Kinh Vô Lượng Thọ. Với mỗi lời nguyện, Hoàng cư sĩ đều chú giải nguyên do. Đến phần nói về chánh báo, y báo trang nghiêm Cực Lạc, Hoàng cư sĩ giảng tỉ mỉ những thứ trang nghiêm ấy do mỗi bản nguyện nào kết thành.

Điểm đặc biệt hơn nữa là Hoàng cư sĩ đã khéo dung hội những quan điểm khác nhau của Thiên, Tịnh, Mật khiến cho người đọc thấy rõ pháp vị dung thông, nhất như giữa các pháp môn, làm nổi bật bản hoài vĩ đại của chư Phật; khai, thị, ngộ, nhập tri kiến Phật cho chúng sinh. Ngoài ra, đối với những từ ngữ Phật học chuyên biệt được dùng trong bản kinh này, Hoàng lão cư sĩ cũng chẳng tiếc công chú giải tường tận”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Hoàng Niệm lão viết chú giải này đã trích dẫn rất nhiều nguyên văn kinh luận để chúng ta tham khảo. Công đức này thật vô lượng vô biên. Chúng ta muốn tìm nhiều sách như vậy cũng không tìm thấy. Đọc bộ chú giải này chính là đọc một trăm chín mươi ba loại tư liệu quan trọng trong kinh luận, giúp chúng ta phá mê sanh tín, giúp chúng ta quay đầu là bờ, giúp chúng ta kiên định tín tâm, đời này nhất định được về Tịnh Độ. Ngày nay, chúng ta gặp được kinh này, gặp được chú giải tường tận của Hoàng Niệm Tổ, nhận thức của chúng ta đối với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc lại càng nâng cao một bậc. Đây là chín ngàn năm thời mạt pháp, gặp được Phật pháp có thể thật sự một đời thành tựu, vãng sinh Cực Lạc, chính là bộ kinh này, là chú giải này.

Kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất đại kinh của Tịnh Độ Tông. Chúng ta nay có được bản hội tập hoàn thiện viên mãn của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, có khoa hội, có chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lại có thêm lần diễn giảng này của Đại lão Hòa Thượng, thật là duyên thù thắng biết bao! Pháp môn này về sau nhất định “phổ văn”, phát triển rộng rãi, được chư Phật hộ niệm, chư Bồ Tát hộ trì. Kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập này nhất định đem đến cho thế gian thông tin Chánh pháp trụ thế lâu dài, đem đến ánh sáng vô hạn, phước đức vô hạn. Tất cả chúng sinh y theo kinh này, đều có thể liễu sanh thoát tử, ra khỏi tam giới. Đây là sự thật!

IV. TỔNG THÍCH KINH ĐỀ PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Từ nhà Hán đến nhà Tống, các bản dịch khác nhau của kinh này xét thấy có mười hai bản, lưu truyền đến cận đại chỉ còn năm bản. Bồ Tát giới đệ tử Vận Thành Hạ Liên Cư, pháp danh Từ Tế, hội tập các bản dịch và kính chia thành chương mục.

Xét cả mười hai bản dịch, dùng chữ “Vô Lượng Thọ” làm tên đã hết mười bản; dùng chữ “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” đặt tên có hai bản. Dùng “Chánh Giác” để đặt tên có một bản. Bản dịch đầu tiên là bản Hán dịch có tên “Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”. Bản cuối cùng là bản đời Tống có tên “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”. Nay hội bản này, với sự phối hợp hay khếp của cư sĩ Hạ Liên Cư, nguyên danh của hai bản dịch được gộp thành một tên với tựa đề: *“Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”*. Tất cả mười hai đề kinh đều được phối hợp trong một tựa đề. Ý nghĩa của Tịnh Tông nhân, pháp, dụ, giáo, lý, hạnh, thể, tướng, dụng v.v... cùng hiện rõ trong đề kinh này.

Đề là cương lĩnh của toàn bộ kinh. Đối với đề kinh đã hiểu rõ thì đại ý của toàn bộ kinh cũng có thể nắm bắt được một cách đại khái. Chữ đầu của đề kinh là “Phật”. Phật là tiếng gọi tắt của chữ Phạn “Phật Đà”, có nghĩa là người giác ngộ, trong đó bao hàm tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tự giác là tự mình đã triệt để giác ngộ, minh bạch đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh; đồng thời cũng giúp người khác giác ngộ, gọi là giác tha, cho đến khi đạt đến rốt ráo viên mãn mới có thể xưng là Phật. Chữ Phật trong đề kinh là

chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni; Trung Quốc dịch tên ngài là “Năng nhân tịch mặc”.

“**Phật thuyết**” ở đây để chỉ đức Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết kinh, cũng bao gồm tất cả chư Phật ở mười phương thế giới.

Vì sao vậy? Vì tất cả chư Phật đều giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng có vị Phật nào mà không giảng tam kinh Tịnh Độ. Những kinh khác không nhất định phải giảng, vì còn phải tùy thuộc trình độ, căn cơ của mỗi chúng sinh. Ba bộ kinh: Vô lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, A Di Đà đều là “tam căn phổ bị, phạm thánh tề thu”. Cho nên, tất cả chư Phật đều giảng. Đây là điều chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng, nó cùng những kinh điển khác không giống nhau.

Chữ “thuyết”, ngày xưa có nghĩa là “hỉ duyệt”, vui mừng mới thuyết. Cổ đức giải thích chữ này là “duyet sở hoài”; trong tâm Phật thường nghĩ, thường niệm, đến nay gặp được cơ hội, ngài rất hoan hỉ vì chúng sinh mà nói ra.

- Tâm sự của Phật là gì?

- Phạm phu đều có tâm sự, Phật cũng có tâm sự. Tâm sự của Phật và phạm phu không giống nhau: Tâm sự của Phật là độ chúng sinh, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, liễu thoát sinh tử ra khỏi tam giới, mau chóng thành Phật. Ngoài những điều này ra, chư Phật chẳng có tâm sự.

Hôm nay nhìn thấy căn cơ chúng sinh đã thuận thực, đức Phật vui mừng khôn xiết, có thể đem phương pháp, kinh điển này truyền thọ cho tất cả chúng sinh. Có được phương pháp này, chúng sinh một đời quyết định thành Phật, việc này thật không thể nghĩ bàn! Trong Đại Thừa Kinh luận có nói: “*Phạm phu muốn tu thành Phật phải trải qua ba đại A-tăng-Kỳ Kiếp lâu xa mới được thành Phật*”.

Nay chúng ta được pháp môn này, chỉ trong một đời này chí tâm nhất hướng tu tập nhất định sẽ thành tựu được quả vị cứu cánh viên mãn.

Ngẫu Ích Đại Sư trong “Yếu Giải” nói: “*Phật lấy việc độ sanh làm bản hoài, cơ duyên thành Phật của chúng sinh nay đã thuần thực*”. Câu nói này quả thật xưa nay chưa có ai đề cập. Thật là hiếm có!

- Pháp khó tin, vì sao ta tin được?

- Vì cơ duyên thành Phật của chúng ta trong đời này đã thuần thực mới khiến ta tin ngay và có thể chấp nhận.

“**Đại Thừa**” là tỉ dụ; ngày xưa chữ “thừa” đọc là “thặng”, là công cụ vận chuyển (như xe hươu, xe nai v.v...). “Đại thừa” ý nghĩa là phổ độ chúng sinh, nếu chỉ lợi ích cho riêng mình thì gọi là Tiểu Thừa. Trong kinh này, hai chữ “Đại Thừa” ví cho “Đệ nhất nghĩa Đê” của Tịnh Tông: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật”. Tâm năng niệm vốn đã là Phật; khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật. Như sách “Yếu Giải” đã nói: Danh hiệu Di Đà chính là bản giác lý tánh của chúng sinh. Cái tâm niệm Phật ngay hiện tại của chúng ta là Quả Giác của Như Lai, do đó Quán Kinh dạy “*tâm này là Phật*”; tâm này trì danh thì chính là “*tâm này làm Phật*”. Vốn đã là Phật, nay lại làm Phật. Vì vậy, ngay lập tức là Phật, thẳng chóng thỏa đáng, phương tiện rốt ráo, kỳ diệu, đặc biệt, thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Chỗ nói đến trong bộ kinh này là “*năng niệm chi tâm*”, đây là dạy chúng ta niệm Phật: “*Năng niệm chi tâm, bản lai thị Phật. Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm. Năng thừa giả đại, khởi tâm niệm Phật. Niệm niệm tác Phật, sở thừa giả đại*”. Năng, sở đều đại cả, đúng thật là Đại Thừa. Cổ đức nói: “*Pháp môn này là Đại Thừa trong Đại Thừa, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, đệ nhất liễu nghĩa trong các kinh liễu nghĩa*”, đem bộ kinh này tán thán đến chỗ cùng cực.

“**Vô Lượng Thọ**” là tánh đức, là đức năng của tự tánh, của chân tâm vốn sẵn có trong ta. Chữ “A Di Đà” là Phạn ngữ. Nếu phân tích trên mặt chữ: “A” có nghĩa là vô. “Di Đà” có nghĩa là lượng. “A Di Đà” có nghĩa là “vô lượng”. Đức năng của tự tánh vô lượng vô biên. Trong kinh điển, Phật đem vô lượng nghĩa, nhưng chỉ đề cập đến hai nghĩa: Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ.

Phải hiểu rằng Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ chỉ là hai ý nghĩa trong vô lượng nghĩa. Thọ mạng có thể đại biểu cho thời gian: Quá khứ, hiện tại, vị lai. “Quang” là quang minh biến chiếu, có thể đại biểu cho không gian. Khi chúng ta nói: Trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tài nghệ vô lượng, mọi thứ vô lượng v.v... Tất cả những vô lượng đều gói trọn trong ba chữ A-Di-Đà. Tuy nhiên, người xưa lại nói: Trong tất cả vô lượng, “thọ mạng vô lượng” là đệ nhất nghĩa. Vì sao? Nếu không có thọ mạng thì tất cả vô lượng khác cũng chỉ là trống không! Ví như người có vô lượng tiền của, nếu không có thọ mạng thì mọi thứ cũng chỉ là vô ích, bị người khác thọ dụng hết!

Sách Bình Giải giảng: “*Hết thầy ba thứ trang nghiêm của Cực Lạc Tịnh Độ đều qui về thọ mạng*”. Ba thứ trang nghiêm là: Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, quốc độ trang nghiêm. Vì vậy, đức hiệu Vô Lượng Thọ được nêu trong tựa đề kinh này gồm cả nguyện hạnh của Pháp Tạng khi ngài tu nhân lẫn quả địa Phật đức. Y báo, Chánh báo, chủ, bạn của Cực Lạc, yếu chỉ của kinh, không một điều nào chẳng được thấu tóm trọn vẹn trong tựa đề bản kinh này.

“**Trang nghiêm**” là tốt đẹp. Phật pháp là trang nghiêm. Có thể nói, ngài Pháp Tạng tỳ kheo từ lúc sơ phát tâm cho đến khi thành Phật A Di Đà, đều nhất tâm nhất ý hoàn thiện đạo tràng Tây Phương Cực Lạc, một hoàn cảnh thật tốt đẹp hầu cung ứng cho hết thầy chúng

sinh đến để tu hành. Đây tức là “*nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ*”.

“*Trang nghiêm chúng hành*” (Trang nghiêm các hạnh): Đoạn ác tu thiện tức là “*trang nghiêm chúng hành*”. “Hành” là hành vi, “*trang nghiêm chúng hành*” là khiến cho hành vi, đức năng của mình đều tương ứng với tự tánh. Tu học tánh đức cần có nhận thức rất sâu, đó là “*tuệ giải*”, là trí tuệ rõ suốt chân tướng sự thật, nhiên hậu sẽ cảm được vô cùng hoan hỉ.

Gốc rễ của hành vi ác là “*tham, sân, si*”. Phật dạy chúng ta trước phải bứng tận gốc ba thứ độc phiền não này mới thật sự là người khoẻ mạnh, bệnh tật sẽ tiêu trừ; bằng cách Phật đưa ra phương pháp “*Lục độ*”. Dùng “*bố thí*” để trừ tham độc; dùng “*nhẫn nhục*” để nhỏ trừ sân độc; dùng “*trí tuệ*” nhỏ trừ si độc. Công đức bố thí được lợi ích vô lượng vô biên: Tài bố thí được khoẻ mạnh trường thọ. Chúng ta in kinh bố thí sẽ hội đủ tất cả ba loại bố thí. Bởi in kinh, sang băng đĩa v.v... phải dùng đến tiền (đây là tài bố thí); nội dung bên trong là Phật pháp (đây là Pháp bố thí); sau khi mọi người nghe xong, tâm khai ý giải, không còn lo âu sợ hãi (là Vô Úy thí). Đây là “*nhất cử tam đắc*”, ai biết làm việc này là người thông minh.

Trong kinh nói: “*Ngã dĩ thành tựu, trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hành*” (Ta đã thành tựu hạnh thanh tịnh, trang nghiêm cõi Phật), đây là nói đức Phật A Di Đà tu nhân chứng quả. Do cảm được quả là cõi vui sướng, nên nói: “*Bỉ Cực Lạc giới vô lượng công đức cụ túc trang nghiêm*” (Cõi Cực Lạc kia, đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm). Theo Thám Huyền Ký: “Trang nghiêm có hai nghĩa: Một là đầy đủ cõi đức. Hai là trang hoàng cho đẹp đẽ”.

Các câu: “*Vinh sắc quang diệu, bất khả thắng kiến*” (Màu sắc đẹp để chói lợi chẳng thể nhìn trọn nổi), “*vô lượng quang viên, chiếu diệu vô cực*” (vô lượng ánh sáng rực rỡ, chiếu ngời vô cực)

“*bạch châu, ma ni dĩ vi giao lạc, minh diệu vô tỷ*” (bạch châu, ma ni dùng làm dây chăng, sáng đẹp không gì sánh được), “*hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu*” (hoa trái luôn thơm tho, quang minh chiếu rọi rõ), “*tùy phong tán phức, duyên thủy lưu phân*” (gió thổi đưa hương thơm ngát, nước chảy tỏa mùi thơm), “*vô lượng quang minh, bách thiên diệu sắc, tất giai cụ túc*” (vô lượng quang minh, trăm ngàn diệu sắc thảy đều đầy đủ) “*kỳ diệu trân dị, châu biến hiệu sức, quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ*” (Vật kỳ diệu, quý, lạ trang hoàng khắp nơi, ánh sáng, màu sắc chói ngời, đẹp đến cùng cực) đều là những câu tả rõ thế giới của đức Phật ấy đủ các sự trang nghiêm khắp cả cõi nước, thể hiện ý nghĩa “trang hoàng” của chữ “trang nghiêm”.

Các câu “như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm” (như thật an trụ, đầy đủ trang nghiêm) trong phẩm thứ chín của kinh này lại nhằm diễn tả ý nghĩa “đầy đủ các đức”. Do vậy, thế giới Cực Lạc trang nghiêm như thế đều do an trụ nơi “Như Thật”. “Thật” là “chân thật tể”, nghĩa là “đầy đủ các đức”. Câu “cụ túc trang nghiêm nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện” (hết thảy trang nghiêm hiện ra tương ứng) trong phẩm mười lăm chính là nói về ý nghĩa “viên minh cụ đức” của sự sự vô ngại pháp giới.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trong kinh này, “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm” đều thuộc về tánh đức trong tự tánh vốn đủ của chúng ta. Lục Tổ Huệ Năng sau khi khai ngộ, đã nói: “Hà kỳ tự tánh bản lai cụ túc”; “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm” đều là “bản lai cụ túc”. Thế nhưng, hôm nay chúng ta quên mất, tánh đức chẳng thể hiển bày, cần phải tu đức mới có thể hiển lộ tánh đức.

- Tu như thế nào?

- Phải đem tất cả tập tánh của chúng ta tu chính trở lại thành bản tánh thanh tịnh.

“*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là dạy cho chúng ta tổng cương lĩnh của sự tu học: Trước tiên, phải thanh tịnh ba nghiệp “thân, khẩu, ý”. “Nghiệp” là những điều tạo tác không thanh tịnh xuất phát từ tâm vọng tưởng, điên đảo. Người giác ngộ không có vọng tưởng, người mê hoặc mới có vọng tưởng. Vọng tưởng là dáng vẻ của mê, của phiền não cũng là sự ô nhiễm nghiêm trọng! “Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến...” làm nhiễm ô tâm thanh tịnh của chúng ta, nhất định phải tẩy sạch, khôi phục lại tâm thanh tịnh. Trong kinh, Phật thường nói: “*Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh*”, câu này vô cùng quan trọng! Vậy tại sao không tưởng Phật?! “*Niệm Phật, tưởng Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*” là căn cứ đạo lý này.

“*Bình Đẳng*” là vượt khỏi sai biệt. Kinh dạy: “*Tâm, Phật cập chúng sinh thị tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật, và chúng sinh, cả ba không sai biệt). Chính là nói rõ ý nghĩa bình đẳng. Bình đẳng cũng tức là chân như, là pháp môn bất nhị. Ngay trong cuộc sống hàng ngày, nếu thật sự tu học Đại Thừa, thật sự tu học pháp môn Di Đà thì ngay trong đối người, tiếp vật phải tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng.

- Dùng phương pháp gì để tu?

- Dùng câu danh hiệu A Di Đà Phật là phương thuốc tịnh hóa tất cả.

Nên nhớ: Một ngày cho dù niệm cả vạn câu Phật hiệu mà tâm “*tham, sân, si*” vẫn đầy đủ thì chỉ luống công! Người xưa thường nói: “*Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Chữ “*giác*” này chính là câu Phật hiệu lập tức có thể đề khởi, thì mọi phiền não sẽ được hóa giải, đây gọi là biết dụng công. Dụng công lâu ngày thì công phu sẽ đắc lực; vọng tưởng ít dần; “*tham, sân, si*” phiền não nhẹ, tâm địa thanh tịnh, nhìn mọi sự mọi vật có trí tuệ hơn. Nếu học Phật đã lâu mà vọng tưởng, phiền não vẫn còn nguyên thì phải xét lại, việc tu của mình đã có vấn đề, đó là không như pháp.

“Giác” tức là không mê. “*Bình Đẳng Giác*” có bốn nghĩa:

- Một là “*Bình đẳng phổ giác nhất thiết chúng sinh*” (Giác ngộ trọn khắp hết thảy chúng sinh) tức là pháp khiến cho hết thảy chúng sinh cùng bình đẳng thành Phật. Pháp “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” của kinh này thích ứng cả ba căn. Tất cả hàm linh nương theo pháp này đều được độ thoát, chính là “*Bình đẳng phổ giác*”.

- Hai là “*Dĩ pháp bình đẳng giác ngộ chúng sinh*” (Dùng pháp bình đẳng để giác ngộ chúng sinh). Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Vô tác, vô sở hữu v.v... là pháp bình đẳng*”. Pháp Trì Danh “*tâm làm Phật, tâm là Phật*” thâm hợp diệu đạo, khéo nhập Vô Sanh, từ niệm nhập vô niệm, do vắng sinh chứng vô sanh, niệm đến khi năng lẫn sở cùng mất, cho nên pháp Trì Danh chính là yếu chỉ “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên không trụ vào đâu để sinh tâm) của Kinh Kim Cang Bát Nhã và cũng đúng là pháp “*vô tác, vô sở hữu*” đã nói trong Tịnh Ảnh Sớ. Dùng pháp như vậy dạy dỗ chúng sinh, vượt ngang khỏi tam giới thành Cứu Cánh Giác. Đó là dùng pháp bình đẳng để giác ngộ chúng sinh.

- Ba là “*Bình Đẳng Giác*” là Chánh Giác của Như Lai. Chánh Giác không có hết thảy sự khác biệt cao, thấp, sâu, cạn nên gọi là “*Bình Đẳng Giác*”.

- Bốn là, riêng trong kinh này, *Bình Đẳng Giác* chính là danh hiệu của đấng giáo chủ Cực Lạc, là đức Phật A Di Đà.

Tựa đề kinh gồm đủ các nghĩa nói trên. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Có thể nói “*Thanh Tịnh*” là “*Tăng Bảo*”, “*Bình Đẳng*” là “*Pháp Bảo*”, “*Giác*” là “*Phật Bảo*”; đầy đủ “*Tự tánh Tam Bảo*”. Cũng bao gồm “*Giới, Định, Tuệ*” tam học: “*Thanh Tịnh*” là “*Giới Học*” (Giới là thanh tịnh, là thanh lương); “*Bình Đẳng*” là “*Định*

học”; “*Giác*” là “Tuệ Học”. Sự tu học trong Tịnh Độ là lấy điều này làm “yếu lĩnh tối cao”. Nếu có người hỏi:

- Bạn tu Tịnh Độ cần gì?
- Cầu Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm!
- Vậy bạn tu những gì?
- Tu Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác!
- Bạn dùng phương pháp gì để tu?
- Dùng Tín, Nguyện, Trì Danh.

Cho nên, trong Tín, Nguyện, Trì Danh đã đầy đủ Tam Học, Tam Bảo, bao gồm toàn bộ Phật pháp, không riêng gì giáo pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật mà thậm chí cả mười phương tam thế tất cả chư Phật, tất cả các pháp đều bao gồm trong một câu A Di Đà Phật. Cho nên, công đức danh hiệu thật không thể nghĩ bàn!

Chữ “**Kinh**”, theo chú giải của cụ Hoàng đó là lời Phật dạy; tiếng Phạn là Tu-đa-la. Nghĩa đen là sợi chỉ; nghĩa bóng là “Khế Kinh” chữ “Khế” có hai nghĩa:

- Một là khế lý (phù hợp với lý), lý là Thật Tế Lý Thể.
- Hai là khế cơ. “Cơ” là cơ nghi. Khế cơ là phù hợp với căn cơ của chúng sinh, cũng có nghĩa là thời cơ, thời tiết nhân duyên. Vì vậy, “Khế cơ” là phù hợp với căn tính cùng thời đại của chúng sinh. Nay do nói gọn, bỏ chữ Khế, chỉ gọi là Kinh.

Kinh có đủ bốn nghĩa “*quán, nhiếp, thường, pháp*” (xuyên suốt, thâm tóm, thường hằng, pháp)

- “*Quán*” là lý xuyên suốt tất cả những điều được nói.
- “*Nhiếp*” là thâm giữ, nhiếp trì tất cả chúng sinh. Dùng cách nói hiện nay: Lời dạy của Phật có sức nhiếp thọ khiến chúng sinh sau

khi tiếp xúc, muốn thôi cũng chẳng được, giống như sắt nam châm có sức mạnh lớn như vậy.

- “*Thường*” là bất di bất dịch, là chân lý, vĩnh hằng không thay đổi.

- “*Pháp*” là pháp tắc; quá khứ, hiện tại, vị lai, xa, gần cùng tuân theo.

Hội đủ bốn chữ trên mới diễn nói hết được ý nghĩa của chữ “*Kinh*”.

Các Kinh được đặt tên chẳng ngoài việc dùng *nhân* (người), *pháp*, *dụ* (thí dụ). Có bảy loại: Ba loại chỉ dùng một thứ (đơn), ba loại dùng đến hai thứ (phức) và một loại dùng đủ cả ba (cụ túc), cộng chung thành bảy loại. Chẳng hạn như:

1. Chỉ dùng một thứ (đơn)

- Đơn nhân: A Di Đà Kinh. A Di Đà là nhân, không có pháp, dụ.
- Đơn pháp: Đại Bát Nhã Kinh. Đại Bát Nhã là pháp, không có nhân, dụ.
- Đơn dụ: Phạm Võng Kinh. Phạm Võng là dụ, không có nhân, pháp.

2. Dùng đến hai thứ (phức)

- Nhân- Pháp: Văn Thù Vấn Bát Nhã Kinh. Văn Thù là Nhân, Bát Nhã là Pháp, không có dụ.
- Pháp-dụ: Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Diệu pháp là pháp, Liên Hoa là dụ, không có nhân.
- Nhân-dụ: Bồ Tát Anh Lạc Kinh. Bồ Tát là nhân. Anh Lạc là dụ, không có pháp.

3. Cụ túc nhân pháp dụ: Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Phật là nhân, Đại Phương Quảng là pháp, Hoa Nghiêm là dụ.

Tựa đề hội bản Kinh Vô Lượng Thọ ở đây cũng đủ nhân, pháp, dụ: Chữ Phật trong tựa đề kinh biểu thị người đấng quả cõi này. Vô Lượng Thọ là người đấng quả kia, cho nên trong tựa đề kinh có người đấng quả của cả hai cõi. Bảy chữ: “Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” là pháp. Hai chữ Đại Thừa là dụ. Thừa là cỗ xe. Kinh này có thể chuyên chở vô lượng chúng sinh cùng đến chỗ có của báu, giống như xe trâu trắng lớn trong Kinh Pháp Hoa nên dùng Đại Thừa làm dụ.

Các kinh đều có đủ giáo-hạnh-lý: Dựa vào lý lập giáo, nương theo giáo tu hành (hạnh), từ hạnh hiển lý. Xét về kinh này: “*Phật thuyết Đại Thừa*” là giáo, “*Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*” là hạnh, “*Vô Lượng Thọ*” là lý.

“*Vô Lượng Thọ*” hàm ý ba đời nhất như (giống hệt như nhau), bản thể Pháp Thân thường trụ Niết Bàn, cũng chính là Phật tánh sẵn đủ của chúng sinh, là bản tâm “*tâm này là Phật*”. Vì vậy, phán định Vô Lượng Thọ thuộc về lý vì nó chính là Thật Tế Lý Thể.

“*Phật thuyết Đại Thừa*” là giáo, nghĩa là nương theo lý thể của “*Vô Lượng Thọ*” để trực chỉ *Đại Thừa*. *Vô Lượng Thọ* là dụ, vì Phật tuyên thuyết Đại Kinh để nói về cái chúng sinh vốn sẵn có đủ. Lý do phán định chữ “*Phật thuyết Đại Thừa*” là giáo đã rõ.

Từ giáo khởi hạnh nên “*Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*” chính là diệu hạnh được đức Phật giảng dạy. Một câu Di Đà dùng trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm thì chính là “*y giáo tu hành*”, chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai, hiển lộ trọn vẹn bình đẳng giác sẵn có. Ấy là dùng hạnh hiển lý.

Hơn nữa, được vãng sinh thì ngộ Vô Sanh Nhân, từ Thể khởi Dụng, lại dùng diệu pháp bình đẳng này bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sinh vãng sinh Tịnh Độ, cùng chứng Đại Giác. Đây cũng chính là từ các hạnh hiển lý vậy.

Nếu đem tựa đề kinh phối hợp với tam đại thì Vô Lượng Thọ là Thể Đại, Trang Nghiêm Thanh Tịnh là Tướng Đại, Bình Đẳng Giác là Dụng Đại.

Căn cứ theo bản Hán dịch, “Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” là A Di Đà Phật, ta có thể đem tựa đề này phối hợp với ba giác:

- Vô Lượng Thọ là Bản giác của ta.

- “Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm” để trang nghiêm tự tâm là Thi Giác.

- Thi Giác hợp với Bản Giác, tiến thẳng tới Cứu Cánh Giác chính là chữ “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” trong tựa đề kinh.

Lại có thể hiểu: Bình Đẳng Giác là Bản Giác của ta, khởi tâm niệm Phật để tự “trang nghiêm” là “Thi Giác”. Thi, Bản chẳng rời nhau, thẳng tiến trên đường giác ngộ, chóng vào được Tịch Quang, chứng “Vô Lượng Thọ”.

Như vậy, Bình Đẳng Giác là nhân tâm (cái tâm dùng làm nhân, cái tâm tu nhân) của ta. Vô Lượng Thọ là Quả Giác của chúng ta.

Diệu nghĩa được phát triển đến vô tận như thế, nhưng đều nằm gọn trong tựa đề. Vì vậy, sách Viên Trung Sao có câu Sớ như sau: “Nghe tựa đề kinh được vô lượng công đức”. Thật tình mà nói, tất cả những kinh khác đều không thể sánh bằng.

Trên đây đã trình bày về cương lĩnh và ý nghĩa tổng quát của tựa đề kinh. Tiếp theo chúng ta chính thức đi vào phần kinh văn. Ở đây, cụ Hoàng Niệm Tổ tuân theo lệ từ trước đến nay, chia toàn bộ bản kinh ra thành ba phần: *Tự Phần*, *Chánh Tông Phần*, và *Lưu Thông Phần*.

Ngẫu Ích Đại Sư nói: “*Tự như đầu, ngũ quan đầy đủ, Chánh Tông như thân, phủ tạng chẳng thiếu, Lưu Thông như chân tay, vận hành không trệ ngại*”. Theo ý Đại sư, “*Tự như đầu*” tức là Tự Phần của kinh giống như người có đầu, xét từ ngũ quan (lông mày, mắt, tai, mũi, miệng) có thể biết được phần nào con người ấy thiện hay ác, trí hay ngu. Nhìn vào Tự Phần của một bộ kinh, liền có thể biết toàn bộ bản kinh ấy là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Thiên Giáo hay Viên Giáo. Vì thế trong Tự Phần ắt phải có những đoạn kinh văn ý nghĩa sâu xa. Nay y theo ý chỉ của Đại sư, cụ Hoàng Niệm Tổ phân định kinh này như sau:

1. Từ phẩm 1 đến phẩm 3 là Tự Phần.
2. Từ phẩm 4 đến phẩm 42 là Chánh Tông Phần
3. Từ phẩm 43 đến phẩm 48 là Lưu Thông Phần.

Ba phần này cũng chính là cách phán định của hai vị Tịnh Ảnh và Gia Tường đối với bản Ngụy dịch của kinh này. Trong Tự Phần lại chia làm hai: Một là Thông Tự, hai là Biệt Tự. Thông Tự còn gọi là Chứng Tín Tự, các kinh đều có. Các ngài Thiên Thai, Gia Tường dựa theo sáu thứ thành tựu trong Pháp Hoa Luận để luận định Chứng Tín Tự. Sáu thứ thành tựu là như Tông Mật Đại Sư nói: “Một là Tín, hai là Văn, ba là Thời, bốn là Chủ, năm là Xứ, sáu là Chúng”. Sáu duyên chẳng đủ, giáo pháp chẳng thể hưng khởi được nên phải đủ cả sáu, do đó bảo là “thành tựu”. Dùng sáu điều ấy để chứng thực kinh văn, xác quyết đây là lời Phật dạy chân thật đáng tin, vì thế gọi

là “chúng tín”. Hai phẩm đầu tiên của kinh này thuộc về “Thông Tự Phần”.

“Biệt Tự” còn gọi là “Phát Khởi Tự”, tức là đầu mỗi phát khởi toàn kinh, vì pháp chẳng thể tự khởi lên một mình, phát khởi phải có duyên do. Duyên do phát khởi của các kinh khác nhau nên gọi là “Biệt Tự”.

Chẳng hạn như kinh Tiểu Bản A Di Đà, chẳng ai hỏi mà Phật tự nói (vô vấn tự thuyết), kinh này do Thế Tôn phóng quang hiện tướng tốt lành, A Nan thưa hỏi mà nói. Mỗi kinh chẳng giống nhau nên gọi là “Biệt Tự”. Phẩm thứ ba của kinh này thuộc về phần “Biệt Tự”.

Tuy văn tự không dài nhưng cách kết cấu của kinh này đích thật là tương đồng với cách kết cấu của một bộ Đại kinh như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa v.v... nhưng so với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa thì ngắn hơn nhiều, rất thích hợp cho người thời nay đọc tụng. Phần Tự nói duyên do của Pháp Hội. Phần Chánh Tông là phần chủ yếu nhất của Pháp hội, đem toàn bộ ý thú quan trọng của Pháp hội, hoàn toàn phát huy ra. Phần Lưu Thông là hi vọng những người được nghe bộ kinh này, hay đọc bộ kinh này, đều có trách nhiệm, nghĩa vụ đem pháp môn này, tận tâm tận lực tuyên dương, đẩy mạnh, giới thiệu đến tất cả chúng sinh, khiến mọi người đều được lợi ích viên mãn của Đại Pháp.

Do đây có thể thấy: Phật pháp tâm lượng rất rộng lớn. Trong Kinh Đại Thừa thường nói: “*Ngang khắp mười phương, dọc cùng tam tế*”, đây là tâm lượng của Phật, Bồ Tát. Chúng ta học Phật mục đích là phải thành Phật, cũng có nghĩa là phải khôi phục lại tâm lượng của bản năng chúng ta cùng với chư Phật Như Lai không khác.

V. PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG ĐỆ NHẤT

Phần này giới thiệu địa điểm, thời gian đại chúng tham gia trong Pháp hội.

KINH VĂN:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dữ đại tỳ kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan đấng, nhi vi thượng thủ. Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, cập Hiền Kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội.

VIỆT DỊCH:

Tôi nghe như thế này: Một thời đức Phật ở tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, với các đại tỳ kheo chúng một vạn hai ngàn người câu hội. Hết thấy các vị đại thánh đã đạt thần thông, tên các ngài là: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan v.v... làm thượng thủ. Lại có Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát và hết thấy Bồ Tát trong Hiền Kiếp đều đến nhóm hội.

GIẢNG:

“*Như thị ngã văn*” (Tôi nghe như vậy). Tất cả kinh Phật đều mở đầu bằng câu này, là do di giáo của đức Thế Tôn, ngụ ý pháp môn này do chính A Nan, tôi được nghe từ đấng Thích Tôn.

Có người nghi rằng: Phật thành đạo đã hai mươi năm, sau đó A Nan mới xuất gia; lại đến mười năm sau đó, A Nan mới vâng mạng làm thị giả. Như vậy, những kinh Phật dạy trong ba mươi năm trước đó làm sao A Nan có thể nghe mà bảo rằng “tôi nghe”? Có ba cách giải thích: Triển chuyển văn, Phật trùng thuyết, A Nan tự thông.

- *Triển chuyển văn*: Trong Kinh Báo Ân nói những kinh nào A Nan không được nghe trước đó thì nghe từ các tỳ kheo khác, hoặc nghe chư thiên nói.

- *Phật trùng thuyết*: Kinh Báo Ân nói A Nan tuân lệnh Phật làm thị giả, bèn xin ba điều. Điều thứ ba là: những kinh chưa được nghe xin Phật giảng lại, Phật chấp nhận.

- *A Nan tự thông*: Kinh Kim Cang Hoa nói A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội nên với những kinh chưa nghe, ngài tự có thể ức trì.

Do đây có thể biết, câu: “*như thị ngã văn*” vô cùng quan trọng. Bốn chữ này cũng hàm nghĩa: Đức Phật suốt bốn mươi chín năm thuyết pháp, nếu đem tổng kết lại thì Phật chỉ nói có hai chữ “*như thị*”. Có nghĩa là xưa nay những gì Phật dạy chẳng bao giờ biến đổi nên gọi là “*như*”; những gì Phật dạy, lúc nào cũng đúng như lý mà nói nên bảo là “*thị*”. Cách nói này thật là tuyệt diệu!

Ngẫu Ích Đại Sư trong Di Đà Yếu Giải bảo: “*Nương theo lý Thật Tướng niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ quyết định chẳng sai nên bảo là Thị*”.

“*Như Thị*” là “*Tín Thành Tự*”, là điều đầu tiên trong sáu thứ thành tự. Chữ “*ngã*” (tôi) để chỉ cho người kết tập, tức tôn giả A Nan. Chúng ta đều biết: Thế Tôn năm xưa lúc còn tại thế, giảng kinh nói pháp hoàn toàn dùng khẩu ngữ, không có văn tự ghi chép. Mãi sau khi đức Phật diệt độ, chúng đệ tử cảm thấy một đời thầy

mình đối với đại chúng biết bao nhiêu điều dạy dỗ quý báu, cần phải lưu truyền cho đời sau. Nếu nhờ vào khẩu truyền thì rất khó, hơn nữa dễ phát khởi sai lầm. Phương pháp tốt nhất là dùng văn tự ghi chép lại. Việc ghi chép phải vô cùng chính xác và cẩn trọng. Đồng thời, sự kết tập phải do đoàn thể quyết định.

Phương pháp kết tập là thỉnh A Nan tôn giả đem những kinh mà Thế Tôn đã giảng trong quá khứ giảng lại một lần. A Nan tôn giả nổi tiếng là đa văn đệ nhất trong hàng đại đệ tử của đức Phật. Sức ký ức của A Nan vô cùng tuyệt diệu, chẳng khác chi máy ghi âm, sau khi nghe qua một lần là vĩnh viễn không quên, có thể giảng y như Phật. Vì thế, ngài được đại chúng thỉnh đăng tòa giảng kinh, bên cạnh có người ghi chép lại. Phần thính chúng gồm năm trăm vị A-la-hán, đều là học trò của đức Phật, cũng đã từng nghe Phật giảng kinh, thỉnh họ đến để chứng minh. Đồng thời, khi A Nan thuyết giảng, nếu có vị nào không đồng ý điểm nào thì đoạn thuyết giảng đó phải xóa bỏ không được ghi chép. Sự nghiêm cẩn trong việc kết tập kinh điển là vậy, đòi hỏi phải tất cả năm trăm vị thánh chúng đều công nhận đó chính là lời Phật dạy mới được ghi nhận. Bốn chữ “như thị ngã văn” xác quyết chắc thật lời A Nan nói là đúng sự thật, đó là “Tín thành tựu”, khiến người sau có thể tin được.

Chữ “ngã văn” là “**Văn Thành Tựu**”. “Văn” là nghe; “ngã” là tự ngã. Có người hỏi:

- Thánh nhân “vô ngã”, sao A Nan lại tự xưng là “Ngã”?

- Vì chẳng hoại giả danh vậy! Thật tướng vô tướng nên chẳng giống như phàm phu có “Ngã”. Thật tướng chẳng phải bất tướng, nên chẳng giống “vô ngã” của Tiểu Thừa. A Nan thuận theo thế gian, giả gọi là “Ngã”, nên chẳng trái nghịch “Đệ Nhất Nghĩa Đế”. Lại nữa, như Quán Kinh Sớ nói: “*Không Ngã thì không ai nghe*;

không ai nghe thì sự giáo hóa tuyệt. Vì để truyền dạy, hóa độ chẳng tuyệt, giả danh nói Ngã”.

“**Nhất thời**” (một thời) là “**Thời Thành Tựu**”. Trong kinh chẳng nói là năm đó, tháng đó, chỉ căn cứ lúc thầy trò căn cơ tương ứng hòa hợp, nói, nghe hoàn tất thì gọi là “nhất thời”. Hơn nữa, lịch pháp mỗi nơi chẳng giống nhau, cách phân chia thời gian trên thế giới khác nhau: Một ngày đêm trên trời Tứ Thiên Vương bằng năm mươi năm dưới trần. Khoa học hiện nay đã chứng minh thời gian mặt trời đi trọn một vòng quanh trung tâm Hệ Ngân Hà (tức là một năm thái dương) tương đương với thời gian hai vạn vạn năm trên địa cầu. Tốc độ chuyển động của vật thể càng gần với vận tốc ánh sáng thì thời gian cũng tùy theo vận tốc chuyển động của vật thể mà biến đổi, chẳng có số lượng nhất định. Vì thế, trong kinh chỉ nói “*nhất thời*” là hết sức thực tế.

“**Phật**” là “**Chủ Thành Tựu**”. Phật là tông chủ của hết thầy chúng sinh nên gọi là chủ. Hơn nữa, trong sáu thành tựu, “*Chủ thành tựu*” đóng vai trò trọng yếu nhất. “Phật” tiếng Phạn là “Phật Đà”, dịch sang tiếng Hán là Giác giả (bậc giác ngộ). Phật là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

- *Tự giác* khác với phàm phu bất giác.
- *Giác tha* khác với Nhị Thừa chỉ giác ngộ cho riêng mình.
- *Giác hạnh viên mãn* khác với Bồ Tát còn đang tu nhân.

Ba “*giác*” cùng viên mãn là bậc tôn quý nhất trong thánh chúng, nên xưng là Phật.

“**Tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung**” (Tại Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật) là “**Xứ Thành Tựu**”. Sách Đại Bảo Tích Kinh Luận ghi:

“Hỏi: Vì sao pháp này chỉ nói ở thành Vương Xá mà không nói ở thành quách khác?

“Đáp: Do bởi pháp này là trụ xứ của đảng Pháp Vương. Ví như thành Vương Xá là chỗ cư ngụ của vua nên gọi là Vương Xá. Pháp môn này cũng giống như thế, là chỗ cư ngụ của đảng Pháp Vương. Để biểu thị nghĩa này nên nói là trụ ở thành Vương Xá”.

Núi Kỳ Xà Quật (Griddhkuta) là một trong năm hòn núi ngoài thành Vương Xá. Tịnh Ảnh Sớ viết: “Núi Kỳ Xà, Hán dịch là núi Linh Thứu. Núi này có nhiều bậc linh tiên cư trụ nên gọi là Linh. Cũng do có chim Thứu sống trong núi này nên gọi là Thứu và “Đánh núi này hình giống đầu chim Thứu nên cũng gọi là Thứu Đầu sơn”.

Sách Tây Vực Ký nói về núi này như sau: “Mặt Nam của phía Bắc núi đột nhiên cao vọt lên như chim Thứu đậu, cũng giống như cái đài cao. Sắc núi biếc in lên không trung đậm nhạt rõ nét, Như Lai ngự trong đời năm mươi năm thường ở núi này thuyết nhiều diệu pháp”.

Trí Độ Luận giảng: “Núi Kỳ Xà Quật hơn hết trong năm ngọn núi vì:

- Tinh Xá trong núi này gần thành, nhưng khó lên được. Vì gần thành nên đi khát thực không vất vả, do khó lên được nên người tạp nhạp chẳng tới. Vì vậy, phần nhiều ngự ở núi này chẳng trụ nơi khác.

- Núi Kỳ Xà Quật này là chốn phước đức xa xưa, là chỗ thánh nhân thích ở. Phật là chúa các thánh nên hay ngự ở đây.

- Núi Kỳ Xà Quật là trụ xứ của tam thế chư Phật.

- Trong núi này thanh tịnh, là nơi có phước đức, vắng vẻ, thanh tịnh, là hành xứ của hết thầy chư Phật, là nơi được thập phương Bồ Tát cung kính, khen ngợi, tám bộ đại lực chúng thần thủ

hộ cung kính, cúng dường. Các Kinh Đại Thừa phần nhiều được nói tại núi này”.

- Trong núi, mười phương đại lực Bồ Tát vô lượng trí tuệ, phước đức thường đến gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, lễ bái, cung kính nghe pháp. Các Kinh Đại Thừa phần nhiều giảng tại núi này.

“Dĩ đại tỳ kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu” (Với các đại tỳ kheo chúng một vạn hai ngàn người câu hội). Cuối phẩm thứ ba có câu: **“Hựu hữu tỳ kheo ni ngũ bách nhân, thanh tín sĩ thất thiên nhân, thanh tín nữ ngũ bách nhân. Dục giới thiên, Sắc giới thiên, chư thiên Phạm chúng, tất cộng đại hội”** (Lại có tỳ kheo ni năm trăm người, thanh tín sĩ bảy ngàn người, thanh tín nữ năm trăm người. Dục giới thiên, sắc giới thiên, chư thiên Phạm chúng cùng nhóm trong đại hội).

Cuối kinh cũng chép: *‘Chư Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỉ, tín thọ phụng hành’* (Chư Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, hết thảy đại chúng, nghe lời Phật dạy đều hoan hỉ lớn, tin nhận, vâng làm) cho thấy lúc Phật thuyết kinh, trong hội có các đại Bồ Tát, Thanh Văn, tỳ kheo, tỳ kheo ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, cho đến chư thiên phạm chúng, thiên long bát bộ đều đến nghe pháp. Đây chính là **“*Chúng Thành Tụ*”** trong sáu thứ thành tựu.

“Tỳ kheo” (Bhiksu) là tiếng Phạn, có ba nghĩa: *Khất Sĩ, Phá Ác, và Bồ Ma.*

- **Khất Sĩ:** Là khất thực, khất pháp. “Khất thực” là khi đã xuất gia rồi thì xin ăn để nuôi thân, không làm ăn, không tích chứa, bỏ hết vạn duyên, một dạ thanh tu. “Khất pháp” là tìm thầy hỏi đạo, nắm sương dải gió, tìm cầu

điều pháp mong thành thánh quả nên bảo: Khất pháp để dưỡng tâm.

- Phá Ác: Chánh tuệ, quán sát phá phiền não ác, trừ hết “kiến tư hoặc”, siêu xuất tam giới.
- Bồ Ma: (làm ma sợ hãi) như Kinh Niết Bàn nói: “*Ma tánh cấu tỳ, kị tha thắng kỹ, kiến bỉ thắng kỹ, cố hoài khủng bố. Hựu cụ kỳ nhân đa hóa chúng sinh đồng xuất sinh tử, không kỳ cảnh giới, cố sinh khủng bố*” (Tánh ma cấu tỳ, theo Trung Hoa Đại tự điển, chữ cấu có tám nghĩa, một nghĩa trong ấy là Ác), kị người hơn mình, thấy ai hơn mình lòng sinh kinh hãi. Lại sợ người ấy giáo hóa nhiều chúng sinh cũng thoát khỏi sinh tử, khiến cho cảnh giới ma trông rộng nên sinh lòng sợ hãi).

“**Đại**”: Tiếng Phạn là Ma-ha, có ba nghĩa là đại, đa, thắng: “Đại” là như A Di Đà Sớ Sao giảng: “*Thiên Vương, đại nhân cùng kính ngưỡng, do đức chẳng nhỏ nên gọi là Đại*”. Ngài Gia Tường bảo: “*Đại có ba nghĩa: Một là sinh sự hiểu biết lớn lao, hai là phá ác lớn, ba là chứng đại quả*”. “Đa” là nội điển (chỉ kinh sách trong Phật môn), ngoại tịch (chỉ những sách vở thế gian) đều thông suốt nên gọi là Đa. “Thắng” là vượt hơn những kẻ học khác, vượt lên trên cả chín mươi sáu thứ ngoại đạo.

“**Vạn nghị thiên nhân câu**” (Một vạn hai ngàn người câu hội) là nói về số lượng các tỷ kheo.

Bộ Hội Sớ của Nhật viết: “*Các kinh thường nêu một ngàn hai trăm năm mươi người. Kinh này và Kinh Pháp Hoa lại nói một vạn hai ngàn người. Đó là bốn hoài xuất thế, là Pháp hội thù thắng cả một đời, nên thập phương đại đức đều như mây nhóm đến*”. Chữ “câu” có nghĩa là cùng nhóm đến.

“*Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt*” (Hết thầy đại thánh, thần thông đã đạt). Câu này vốn là câu khen ngợi đức hạnh của Bồ Tát. Nhưng, trong kinh này dùng lời khen ngợi Bồ Tát để ca tụng Thanh Văn là ngụ ý các vị thánh chúng thường theo hầu Phật vốn là Pháp Thân Đại Sĩ, “*ẩn Bồn thù Tịch*” (Bồn là Quả địa thật sự, Tịch là những hạnh, những quả vị biến hiện. Chẳng hạn, Quán Thế Âm Bồ Tát là cổ Phật (Chánh Pháp Minh Như Lai, đây là Bồn), nhưng thị hiện thân Bồ Tát (đây là Tịch) nhằm giúp A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sinh, hoặc là thánh chúng phương khác giúp Phật hoằng hóa, đóng vai trò những người gây ảnh hưởng.

Câu “*nhất thiết đại thánh*” (hết thầy đại thánh) chỉ Bồn Địa của họ vốn là bậc Bồ Đề rốt ráo. “*Thần thông dĩ đạt*” là Quyền Tịch (thị hiện phương tiện quyền biến), dùng du hí thần thông đến cõi này. Do vậy, biết được các hàng Thanh Văn nêu tên sau đó đều là các bậc đại quyền thị hiện hỗ trợ đức Thế Tôn khai hiển pháp môn Tịnh Độ.

Hội Sớ viết: “*Từ Sơ Quả trở lên đều gọi là Thánh. Đã cùng tột quả Đại A-la-hán thì gọi là Đại Thánh. Cũng có thể hiểu là ngoài hiện làm Thanh Văn, trong ẩn dấu hạnh Bồ Tát nên gọi là Đại Thánh*”.

Chữ “*Thần*” là thần dị, chẳng lường được, chữ “*thông*” là vô ngại, không bị úng trệ, chữ “*đạt*” có nghĩa là chứng, chính là chứng “*Tam Minh, Lục Thông*” (ba minh, sáu thông).

Đương thời, ngài A Nan tuy chưa đắc *Lậu Tận Thông*, nhưng do ngài là đương cơ nên cũng kể trong số các vị này.

Ngài Tịnh Ảnh giải thích: “*A Nan lợi căn tăng thượng, tuy còn ở địa vị Hữu Học (chưa đạt được quả vị Vô Học) mà thành được vô thượng công đức thắng diệu nên gọi là Đại Thánh. Đã hiểu biết*

trọn vẹn thân thông nên cũng gọi là đã đạt". Do vậy, ngài A Nan cũng được nêu tên trong số "*nhất thiết đại thánh thân thông dĩ đạt*".

"Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như" (Tên các ngài là: Tôn giả *Kiều Trần Như*). "Tôn giả" là bậc trí đức đầy đủ, đáng tôn trọng, cũng là tiếng tôn xưng bậc A-la-hán. "*Kiều Trần Như*" gọi đủ trong tiếng Phạn là *A Nhã Kiều Trần Như*. "A Nhã" là tên, "*Kiều Trần Như*" là họ; dịch sang tiếng Hán là "*Liễu Bồn Tế*", "*Tri Bồn Tế*" hoặc là "*Dĩ Tri*" (đã biết), "*Vô Tri*" ("*Vô Tri*" không có nghĩa là chẳng biết gì, mà có nghĩa là biết được cái "*Không*"). Ngài Tịnh Ảnh bảo: "*A là không, Nhã là trí. Chúng Vô Thành Trí nên gọi là Vô Trí. "Vô" là bản tánh của hết thảy các pháp nên gọi là Bồn Tế. Hiểu biết rõ ràng Bồn Tế ấy nên gọi là Liễu Bồn Tế*". Lúc Thế Tôn "chuyển pháp luân" lần thứ nhất độ năm tỳ kheo, ngài Kiều Trần Như ngộ đạo đầu tiên.

Sách Pháp Hoa Văn Cú chép: "*Ngài là đệ tử thứ nhất trong giáo pháp của Phật Thích Ca*". Trong "*phẩm Đệ Tử*" của Kinh Tăng Nhất A Hàm, Phật gọi ngài là: "*Ngã Thanh Văn trung đệ nhất tỳ kheo, khoan, nhân, bác thức, thiện năng khuyến hóa, tương dưỡng thánh chúng, bất thất oai nghi*" (Tỳ kheo bậc nhất trong hàng Thanh Văn của ta: khoan dung, nhân từ, hiểu rộng, có khả năng khuyến hóa khéo léo, dạy dỗ thánh chúng; chẳng mất oai nghi).

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Kinh này trước hết nêu tôn danh ngài Kiều Trần Như nhằm biểu thị: Người có thể nghe nhận kinh pháp này đều là đệ tử bậc nhất. Phẩm "*Phi Thị Tiểu Thừa*" (Chẳng phải là Tiểu Thừa) của kinh này chép: "*Đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu, năng sinh nhất niệm hỉ ái chi tâm, qui y, chiêm lễ, như thuyết tu hành... đương tri thử nhân, phi thị Tiểu Thừa, u ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử*" (Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật rồi có thể trong một niệm sinh lòng hoan hỉ, yêu thích, qui y, chiêm lễ, đúng

lời dạy tu hành... nên biết người ấy chẳng phải là Tiểu Thừa, đáng gọi là đệ tử bậc nhất trong pháp của ta).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: *Kiều Trần Như* là người đầu tiên chứng quả, sắp tên ngài đầu tiên ở đây ngụ ý: Bộ kinh này là bộ kinh đệ nhất để thành Phật. Ngày nay, chúng ta y theo bộ kinh này tu tập, đây là đệ nhất được độ, đệ nhất thành Phật, bởi vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì viên chứng “Tam Bất Thoái”, trong đời này nhất định sẽ thành tựu Phật quả viên mãn.

Tôn giả Xá Lợi Phất: Chữ “*Xá Lợi*” (Sāri) trong tiếng Phạn gọi là chim Thu Lộ, “*Phất*” (Putra) là con. Do vậy, tên ngài dịch là Thu Tử. Tên ngài đặt theo mẹ, mẹ ngài thân hình đoan chánh, mắt trong như mắt chim Thu Lộ, nên đặt tên ngài là Thu Tử, nghĩa là con của bà Thu Lộ. Ngài còn có tên là Châu Tử, cũng do mắt mẹ ngài trong như ngọc. Ngài còn được gọi là Thân Tử vì mẹ ngài thân hình đoan chánh. Xá Lợi Phất là bậc Trí tuệ đệ nhất trong hàng Thanh Văn đệ tử Phật. Lúc còn trong thai, ngài đã khiến cho mẹ nói năng hùng hồn hơn cả ông cậu Câu-Hy-La (Kosthila: Vị này về sau cũng chứng A-la-hán). Ngài tám tuổi đã lên tòa giảng, mười sáu tuổi đi các nước nghị luận vô song, trong vòng bảy ngày hiểu trọn Phật pháp. Kinh này nói đến pháp hết thấy thế gian khó tin được, chỉ có bậc Đại Trí mới có thể tin tưởng sâu xa, chẳng nghi ngờ. Vì vậy, tên ngài được kể ở đầu kinh, ngay sau ngài Kiều Trần Như.

Tôn giả Mục Kiền Liên: Chính là ngài Ma Ha Mục Kiền Liên trong Kinh A Di Đà. “Ma Ha” nghĩa là lớn, Mục Kiền Liên là họ. Tên ngài là Câu Luật Đà (Kolita). Cha ngài làm Tướng Quốc, cầu con từ thần cây Câu Luật Đà, sanh được ngài nên đặt tên ngài như thế. Trong các đệ tử Phật, ngài là thần thông đệ nhất.

Trí Độ Luận viết: “*Như Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ đệ nhất, Mục Kiền Liên thần túc đệ nhất*”. “*Xá Lợi Phất là đệ tử bên phải*”

Phật, Mục Kiền Liên là đệ tử bên trái”. Tôn giả thần thông rất rộng, chẳng hạn như đem toàn bộ người trong dòng họ Thích trong một thành bay lên trời Phạm Thiên; ngoại đạo dời núi, ngài chế ngự khiến núi chẳng lay động; hàng phục rồng độc v.v... Những sự như vậy khó lòng thuật đủ.

Tôn giả Ca Diếp: “Ca Diếp” là họ. Ngài tên Tất Ba La cũng là tên một loài cây. Do cha mẹ cầu đảo nơi thần cây ấy sinh ra ngài nên lấy tên cây đặt tên cho ngài. Tôn giả là con nhà Trưởng giả đại phú, bỏ cả gia tài lớn lao, tu đại hạnh đầu đà, được mọi người biết đến nên gọi là Đại Ca Diếp, để phân biệt với ba vị Ca Diếp đồng thời là: Thập Lục Ca Diếp, Đồng Tử Ca Diếp, Đồng Nữ Ca Diếp.

Ca Diếp, Hán dịch là Quy. Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: “*Đời xưa học đạo, rùa thiêng đội bản đồ của tiên ứng hiện. Tên dòng họ được đặt theo đức nên gọi là họ Quy*”.

Ca Diếp còn dịch là Âm Quang vì thời Tỳ Bà Thi Phật, ngài làm thợ luyện kim cùng một cô gái nghèo dùng vàng ròng trang hoàng tượng Phật. Từ đấy trở đi, trong chín mươi mốt kiếp, thân như vàng ròng, quang sắc chói lòa che lấp các sắc khác nên gọi là Âm Quang (Âm nghĩa là nuốt mất, ánh sáng của ngài “nuốt” mất các sắc khác).

Ca Diếp tuổi già chẳng bỏ hạnh đầu đà (là mười hai hạnh: ở chốn A-lan-nhã (chốn vắng lặng), thường hành khát thực, khát thực theo thứ tự, ngày chỉ ăn một bữa, ăn có chừng mực, sau giờ ngộ chẳng uống các thứ tương (tức các thứ nước được chế biến từ thực phẩm như nước ép trái cây, súp...), mặc y phân tảo, chỉ có ba y, ngồi nơi mồ mã, ngủ dưới gốc cây, ngồi nơi đất trống, chỉ ngồi không nằm). Dùng các khổ hạnh này để tẩy trừ trần lụy, lắng trong thân tâm). *Đức Phật* thương ngài suy yếu, khuyên hãy thôi nghỉ, *Ca Diếp* vẫn giữ hạnh đầu đà như cũ. Phật khen ngợi nồng nhiệt rằng: “*Hữu đầu đà*

hạnh, ngã pháp cửu tồn” (Có hạnh đầu đà, pháp của ta tồn tại lâu dài). Do vậy bảo ngài hạnh đầu đà bậc nhất.

Nói sơ lược về Đại Ca Diếp là sơ tổ truyền tâm ấn Phật của Thiên Tông. Quyển thứ ba Kinh Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi chép: *“Phạm Vương chí Linh Sơn, dĩ kim sắc Bát La hoa hiến Phật, xả thân vi tòa, thỉnh Phật vị chúng sinh thuyết pháp. Thế Tôn đặng tòa, niêm hoa thị chúng, nhân thiên bách vạn, tất giai võng thố. Độc hữu Kim Sắc Đầu Đà phá nhan vi tiếu. Thế Tôn vân: - Ngộ hữu chánh pháp nhãn tàng, Niết Bàn diệu tâm, Thật Tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, phó chúc Ma Ha Ca Diếp”* (Phạm Vương đến Linh Sơn đem hoa Kim Sắc Ưu Bát La cúng Phật, dâng thân làm tòa, thỉnh Phật vì chúng sinh thuyết pháp. Thế Tôn lên tòa, giơ cành hoa cho chúng xem. Trăm vạn trời người thấy đều ngơ ngẩn, chỉ có Kim sắc Đầu Đà hé miệng mỉm cười. Thế Tôn nói: Ta có chánh pháp nhãn tàng, Niết Bàn diệu tâm, Thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn. Phó chúc Ma Ha Ca Diếp). Đây chính là công án “Thế Tôn niêm hoa” được truyền tụng trong cõi đời.

Theo Hoàng Niệm lão: Đức Thế Tôn truyền tâm ấn cho Ca Diếp làm sơ tổ Thiên Tông. Ca Diếp lại truyền cho A Nan làm Nhị Tổ. Nay nêu tên ngài Đại Ca Diếp ở đầu kinh chính là để biểu thị thâm ý Thiên, Tịnh bất nhị.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Ca Diếp tôn giả đại biểu cho Tông môn, cho Thiên Tông. A Nan tôn giả đại biểu cho giáo hạ. Ngoại trừ thiên tông, chín tông phái còn lại đều gọi là giáo hạ. Lấy hai vị này làm đại biểu cho toàn bộ Phật pháp không rời khỏi Tịnh Độ.

“Tôn giả A Nan đấng”: Bản Đường, Tống dịch là A Nan Đà (Ananda), gọi tắt là A Nan; Hán dịch là Khánh Hỷ, Hoan Hí, còn dịch là Vô Nhiễm. Ngài là con của Bạch Phạn Vương (Suklodana),

em họ của Phật, sanh trong ngày Phật thành đạo. Tịnh Phạn Vương (Sudhodana) nghe tin thái tử thành Phật, lại nghe trong cung sinh con trai càng thêm hoan hỷ, bèn phán: “Hôm nay đại cát, là ngày hoan hỷ”, bảo với sứ giả: Đứa trẻ ấy nên đặt tên là A Nan”.

Hơn nữa, tôn giả đoan chánh thanh tịnh như tấm gương trong vắt. Trông thấy hình dạng ngài, nghe tiếng ngài, xem uy nghi của ngài, không ai chẳng hoan hỷ, nên đặt tên như vậy.

Ngoài ra, tôn giả theo Phật vào long cung, thiên cung, tâm không ham đắm. Phật đã năm mươi lăm tuổi, A Nan mới xuất gia, hầu Phật hai mươi lăm năm, pháp Phật tuyên thuyết ngài đều nhớ giữ, chẳng quên một chữ. Kinh Niết Bàn gọi A Nan là bậc Đa Văn. Ngài Ca Diếp cũng khen rằng: “*Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm*”: (Nước biển cả Phật pháp chảy vào tâm A Nan) nên gọi ngài là đa văn đệ nhất. chữ “đẳng” có nghĩa là vân vân... để chỉ chung các vị còn lại.

“*Nhi vi thượng thủ*” (Đều làm thượng thủ)

Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: Xét chung, năm vị Thánh nói trên:

Liễu Bồn Tế biết rõ Bồn Tế lâu xa nên được nêu tên đầu tiên.

Thân Tử trí tuệ bậc nhất biểu thị Phật Trí, trí chẳng nghĩ bàn, trí chẳng thể nói, trí Đại Thừa rộng lớn, trí không gì bằng, không chi sánh, tối thượng thắng trí, sâu rộng không bờ bến của Phật Di Đà.

Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất, hiển thị thế nguyện du hí thần thông.

Đại Âm Quang hiển thị quang minh thù thắng của Phật Di Đà không gì chẳng chiếu tỏ, là tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các đức Phật.

Khánh Hy biểu thị nghe tên hoan hỉ đều được độ thoát.

Hơn nữa, Ca Diếp là Sơ Tổ của Tông môn (thiền tông), A Nan là Nhị Tổ, A Nhã Kiều Trần Như biểu thị bản tế của đương nhân. Xá Lợi Phất biểu thị trí tuệ vốn sẵn có của chúng sinh; Mục Kiền Liên chính là thần thông chúng sinh sẵn có; Âm Quang là linh quang độc diệu, thoát khỏi căn trần; Hoan Hỉ biểu thị sự vui sướng bình sinh, tâm tâm tiếp nối.

Vì vậy, một bộ Đại kinh đúng là phó pháp truyền tâm; một câu danh hiệu phơi bày trực tiếp Như Lai diện mục. Lãnh hội điều này mới đáng xưng là “*hổ mọc thêm sừng*”. Chỉ cần hăm hở mà niệm sẽ là vô thượng thâm thiền. Chẳng nệ định trì hay tán niệm (*định trì* là trì niệm với định tâm, niệm đến đâu chú tâm đến đó không xen tạp, tán loạn. *Tán niệm* là niệm Phật mà tâm tán loạn, chưa thể định được), quyết định chẳng phí uổng công lao.

“*Hữu hữu Phổ Hiền Bồ Tát*” (Lại có Phổ Hiền Bồ Tát): Bồ Tát là chữ Phạn nói tắt, nói đủ là “Ma-ha Bồ-đề Chát-đế Tát-đòa” (Maha Boddhisattva) Ma-ha dịch là Đại, “Bồ-Đề” là Đạo, “Chát-đế” là Tâm, “Tát-đòa” dịch là chúng sinh hoặc hữu tình, ghép lại là “đại đạo tâm chúng sinh”, nói gọn là Bồ-Đề Tát-Đòa, nghĩa là Giác Hữu Tình.

Chúng ngộ giống như Phật gọi là Giác. Chưa hết vô minh nên gọi là Hữu Tình. Giác lại có nghĩa là Phật đạo mình đang mong cầu. Hữu tình là chúng sinh mình đang hóa độ. Việc lợi sanh gấp rút, rộng độ chúng sinh cùng chúng Đại Giác nên gọi là Giác Hữu Tình. Hai chữ Bồ Tát là cách nói giản lược nhất.

Vì sao là Đại Đạo Tâm Chúng sinh? Vì đủ cả bốn điều lớn lao. Tịnh Ảnh Sớ giảng bốn điều lớn lao là: “*Một là nguyện đại, vì cầu đại Bồ Đề. Hai là hạnh đại, vì thành tựu hai lợi (lợi mình, lợi*

người). Ba là thời đại, vì trải qua ba vô số kiếp. Bốn là đức đại, vì đầy đủ các công đức nhất thừa”.

Bồ Tát cũng bao gồm lục đại của kinh Pháp Hoa: Tín đại pháp, giải đại nghĩa, phát đại tâm, hướng đại quả, tu đại hạnh, chứng đại đạo. Do đầy đủ các thứ “đại” nói trên nên gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sinh.

“*Phổ Hiền*” (Samantabhadra) còn gọi là Biến Cát. Thanh Lương Sớ nói: Phổ Hiền có ba loại: Một là Vị Tiên (phát tâm Phổ Hiền), hai là Vị Trung (Đẳng Giác Bồ Tát), ba là Vị Hậu Phổ Hiền (đắc quả nhưng chẳng xả nhân hạnh, tức là đã thành Phật nhưng chẳng bỏ hạnh khi còn tu nhân).

Quyển một của Đại Nhật Kinh Sớ ghi: “*Phổ Hiền Bồ Tát: Phổ là khắp hết thấy các chỗ, Hiền nghĩa là sự lành màu nhiệm nhất; tức là nguyện hạnh do tâm Bồ Đề khởi lên và thân, miệng, ý thấy đều bình đẳng, trọn khắp hết thấy các chỗ đều thuận nhất diệu thiện, đầy đủ các đức. Vì vậy lấy đó làm tên*”. Phổ Hiền, Văn Thù là hai vị Hiếp Sĩ (Hiếp sĩ: Hiếp tức là cái hông; hiểu theo nghĩa hẹp, “hiếp sĩ” chỉ cho vị Bồ Tát đứng hầu hai bên Phật, như Quán Âm, Thế Chí là hiếp sĩ của Phật Di Đà. Hiểu theo nghĩa rộng Hiếp sĩ là trưởng tử, đệ tử thân cận, trợ thủ đắc lực nhất của một vị Phật), hầu hai bên Phật Thích Ca, là Thượng thủ trong hội của đức Thích Ca.

Trong hội Hoa Nghiêm, họ cũng là Thượng Thủ. Phổ Hiền Bồ Tát còn là trưởng tử của hết thấy chư Phật. Tứ thập Hoa Nghiêm Tứ Thập tụng (bài kệ tụng trong quyển bốn mươi của bộ Hoa Nghiêm bản dịch bốn mươi quyển đời Đường) ghi: “*Nhất Thiết Như Lai hữu trưởng tử, bỉ danh hiệu viết Phổ Hiền Tôn*” (Hết thấy Như Lai có trưởng tử, danh hiệu của ngài là Phổ Hiền) cho thấy Phổ Hiền chính là từ Pháp Thân của Như Lai xuất hiện hóa thành vị Đẳng Giác Đại sĩ khen ngợi Thích Tôn, xưng diễn thánh giáo.

Trong Mật Giáo, *Phổ Hiền* chính là Kim Cang Tát Đỏa (Vajrasattva), Sơ Tổ của Mật giáo. Kim Cang Tát Đỏa chính là Kim Cang Thủ Bồ Đề Ma Ha Tát (Vajrapāni). Nay trong kinh này, Phổ Hiền Đại Sĩ được kể tên là bậc Thượng Thủ cao nhất, chính là để hiển thị: Mật, Tịnh bất nhị. Vì vậy, tiên sư là Hạ Lão cư sĩ nói: *“Tịnh Độ chính là hiển thuyết của Mật Giáo”* (Tổ sư Liên Hoa Sanh Đại Sĩ (Padmasambhava) của Hồng Giáo Mật Tông Tây Tạng chính là hóa thân của A Di Đà Phật. Vì vậy, Hồng Giáo tôn sùng A Di Đà Phật, sót sáng khuyến sanh về Cực Lạc hơn các tông phái khác).

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: Cũng gọi là Mạn Thù Thất Lợi, Hán dịch là Diệu Thủ, cũng dịch là Diệu Cát Tường, còn dịch là Diệu Đức, là thầy của chư Phật.

Kinh Tâm Địa Quán nói: *“Tam thế giác mẫu Diệu Cát Tường”* (Mẹ giác ngộ của ba đời là Diệu Cát Tường).

Sách Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường giảng chữ Diệu Đức như sau: *“Văn Thù, cõi này dịch là Diệu Đức, do thấy rõ ràng Phật Tánh, đức không gì chẳng viên mãn, quả không gì chẳng cùng tột, nên xưng là Diệu Đức”*.

Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: Trong chúng Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là bậc trí tuệ bậc nhất. Ngài vốn là Long Chung Tôn Vương Như Lai, hiện tại ngài ở cõi Thường Hi phương Bắc thành Phật, hiệu là Bảo Tích Như Lai. Đời vị lai, ngài sẽ thành Phật hiệu là Phổ Kiến Như Lai. Do vậy, Đại sĩ Văn Thù thành Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nay ngài thị hiện trong hội này làm bậc đại trí độc tôn, biểu thị pháp môn này chỉ có người đại trí mới có thể tín nhập nổi.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: có thể nói pháp hội này thật vô cùng thù thắng. Phổ Hiền và Văn Thù là hai vị Đại Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Trong Hoa Nghiêm Tam Thánh: Phật là Tỳ Lô Giá

Na, Bồ Tát tức Văn Thù, Phổ Hiền. Ý này nói rõ bốn kinh cùng với Kinh Hoa Nghiêm là bình đẳng. Cổ nhân xưng Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm; Kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm. Sự quan hệ của Tịnh Tông với Hoa Nghiêm vô cùng mật thiết, thật sự là nơi qui hướng của Hoa Nghiêm.

Phía trước nói Pháp hội này có đến mười hai ngàn thiên nhân câu hội. Thực tế mà nói: Bộ kinh này cùng kinh Pháp Hoa không khác. Cho nên, Ngẫu Ích Đại sư nói: “*Trong Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà là áo tàng của Hoa Nghiêm, là bí tủy của Pháp Hoa*”. Từ điểm này ta có thể tìm được sự minh chứng lời của Ngẫu Ích Đại sư đích thực là có căn cứ, chẳng phải tùy tiện mà nói.

Bộ kinh điển này, trên địa vị toàn bộ Phật pháp mà nói là “đăng phong tạo cực” đạt đến đỉnh tối cao, quả thật là đệ nhất kinh. Đồng thời, Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ của Mật Tông, đại biểu cho Mật Tông, nói lên rằng Kinh Vô Lượng Thọ hàm chứa cả Thiền lẫn Mật. Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều ở bộ kinh này lưu xuất ra. Nói cách khác, tất cả các pháp môn, đến sau cùng đều trở về Kinh Vô Lượng Thọ.

Trong phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện”, Phổ Hiền Bồ Tát ở trong rừng Thệ Đa phát mười đại nguyện vương.

Sau đó, ngài nói kệ rằng: “*Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chương ngại, diện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sinh An Lạc sát. Ngã ký vãng sinh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thủ đại nguyện, nhất thiết viên mãn tận vô dư, lợi lạc nhất thiết chúng sinh giới*” (Nguyện tôi vào lúc mạng sắp dứt, trừ sạch hết thảy các chương ngại. Tận mắt thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sinh cõi An Lạc. Tôi đã vãng sinh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này viên mãn hết thảy chẳng còn sót, lợi lạc hết thảy chúng sinh giới).

Lại nữa, trong kinh “Văn Thù Phát Nguyện” có câu: “*Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chương ngại, diệt kiến A Di Đà, vãng sinh An Lạc Sát, sanh bỉ Phật quốc dĩ, thành mãn chư đại nguyện. A Di Đà Như Lai, hiện tiền thọ ngã ký*” (Nguyện tôi lúc mạng chung, diệt trừ các chương ngại, gặp mặt A Di Đà, vãng sinh cõi An Lạc. Sinh cõi Phật ấy rồi, thành mãn các đại nguyện, A Di Đà Như Lai hiện tiền thọ ký cho). Hai vị Đại sĩ đều phát nguyện cầu sinh Cực Lạc, nhằm khuyến nhủ hết thầy Bồ Tát hãy đều tin kính đại trí của Văn Thù, nhập đại hạnh của Phổ Hiền, dẫn dắt khắp các chúng sinh cùng về Cực Lạc. Vì vậy, kinh này nêu các ngài làm Thượng Thủ.

“*Di Lạc Bồ Tát, cập Hiền Kiếp trung, nhất thiết Bồ Tát giai lai tập hội*”. (Di Lạc Bồ Tát và hết thầy Bồ Tát trong Hiền kiếp đều đến nhóm hội): Di Lạc (Maitreya), Hán dịch là Từ Thị, là họ của Bồ Tát, tên ngài là A Dật Đa (Ajita), Hán dịch Vô Năng Thắng; nói đầy đủ là Từ Vô Năng Thắng.

Sách Di Đà Sớ Sao giảng: “*Do khi ngài còn trong thai, mẹ liền có tâm từ, nên lấy đó làm họ. Lại trong đời quá khứ, gặp Đại Từ Như Lai, nguyện cùng mang hiệu này liền đắc Từ Tâm tam-muội. Lại nữa, xưa kia ngài làm Bà-la-môn, hiệu là Nhất Thiết Trí, trong tám ngàn năm tu tập hạnh Từ...*”

Bồ Tát Di Lạc là đương lai hạ sinh Tôn Phật, hiện ở cõi trời Đâu Suất, là vị Phật Bồ Xứ. Thế gian này không ít người hâm mộ, mơ ước Di Lạc Bồ Tát, vì biết ngài sẽ đến thế gian này để thành Phật. Có rất nhiều người muốn sinh về Nội Viện của Đâu Suất, tương lai Bồ Tát xuống đây thành Phật, họ sẽ theo làm đệ tử. Tâm nguyện này rất tốt, tuy nhiên đến Nội Viện của Đâu Suất thiên đâu phải là chuyện dễ. Tu học pháp môn này thường gọi là Di Lạc Tịnh Độ. Tu Di Lạc Tịnh Độ so với Di Đà Tịnh Độ còn khó hơn.

Hãy xem trong Kinh Di Đà nói: “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu. Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền, thị nhơn chung thời tâm bất điên đảo tức đắc vãng sinh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ*”. (Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào nghe được hồng danh của Phật A Di Đà rồi chấp trì danh hiệu ấy, hoặc trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm không tán loạn, người ấy lúc lâm chung được Phật A Di Đà và các Thánh chúng hiện đến trước mặt, tự tâm người ấy lâm chung không có điên đảo liền được vãng sinh về quốc độ Cực Lạc của Phật A Di Đà).

Di Lặc Tịnh Độ không thể trong bảy ngày mà được vãng sinh, không dễ dàng như vậy. Di Lặc Bồ Tát là Tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức, là chuyên gia của Pháp Tướng Duy Thức. Nếu trong Pháp Tướng Duy Thức không thể xây dựng một cơ sở thật tốt, e rằng ngài không nhận bạn. Điều này thật khó! Vả lại, Pháp Tướng Duy Thức đích thật không phải dễ học! Ngày nay, các Pháp sư, đại đức có nghiên cứu Pháp Tướng Duy Thức đích thật là rất ít.

Tuy nhiên, muốn gặp Di Lặc Bồ Tát, bí quyết thù thắng của Hòa Thượng Tịnh Không nêu ra là cầu sinh Tây Phương Tịnh Độ. Đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới làm học trò của A Di Đà Phật; Di Lặc cũng là học trò của A Di Đà Phật, chúng ta đến Nội Viện đi dạo một vòng sẽ nhìn thấy lão học trưởng. Đây là phương cách bí quyết tìm Di Lặc Bồ Tát dễ dàng nhất. Hướng chi phần sau của bộ kinh này, từ phẩm ba mươi hai trở đi, ngài Di Lặc là đương cơ (những phẩm phía trước là tôn giả A Nan đương cơ).

Trong phẩm thứ bốn mươi sáu, đức Phật phó chúc Đại Sĩ Di Lặc như sau: “*Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn, nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán, phó chúc như đấng tác đại thủ hộ...đương linh thị pháp, cứu trụ bất diệt*”. (Ta nay theo đúng lý tuyên thuyết Pháp môn rộng lớn vi diệu được hết thầy chư Phật khen ngợi như thế này, giao phó các ông thực hiện sự thủ hộ rộng lớn...để pháp này được tồn tại lâu dài chẳng diệt). Ngài Di Lặc tuân lãnh lời Phật phó chúc, hoằng trì kinh này. Vì vậy, Đại Sĩ tương lai chẳng những trong hội Long Hoa quyết nói kinh này mà suốt tột cùng đời vị lai cũng sẽ thường nói kinh này chẳng dứt. Có người hỏi:

- Di Lặc Bồ Tát bao giờ đến thế gian này?

- Đức Thích Ca Mâu Ni Phật trong “Di Lặc Hạ Sinh Kinh” có nói: Phải tới năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau Di Lặc Bồ Tát mới đến. (Sách chú giải của cụ Hoàng trang 126 nói là năm mươi sáu ức sáu trăm vạn năm ở địa cầu). Thời gian này quả là con số thiên văn, quá dài! Đây là sự thật. Nên biết: Di Lặc Bồ Tát hiện ở cõi trời Đâu Suất. Một ngày ở cõi này là bốn trăm năm của cõi nhân gian chúng ta. Một năm cũng ba trăm sáu mươi lăm ngày, thọ mạng của ngài là bốn ngàn tuổi, thử tính xem hơn năm mươi sáu ức ngàn ngày nữa, Di Lặc Bồ Tát mới đạt được Báo Thân, sau mới hạ sinh đến thế giới này thành Phật.

Hiện nay có số người dùng lời yêu mị, mê hoặc quần chúng bảo rằng Di Lặc đã hạ sinh rồi, điều này chẳng có căn cứ. Chúng ta phải “y pháp bất y ngôn”, nên cẩn trọng chớ vội tin lời đồn nhảm!

“*Hiền Kiếp trung nhất thiết Bồ Tát*” (Hết thầy Bồ Tát trong Hiền Kiếp): Trụ kiếp hiện tại tên là Hiền Kiếp. Trong đại kiếp này có một ngàn đức Phật xuất thế. Theo sách Phật Tổ Thống Ký, trong kiếp này, đức Phật thứ nhất tên Câu Lưu Tôn Phật; kế đến là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật; vị thứ ba là Ca Diếp Phật; vị thứ tư là đức Thích

Ca Mâu Ni Phật hiện tại. Sau đó có Di Lạc Phật v.v... chín trăm chín mươi sáu vị Phật nối tiếp nhau xuất thế. Nay trong hội này, Di Lạc Bồ Tát và chín trăm chín mươi lăm vị Đại sĩ khác sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp đều đến nhóm hội, nghe Phật thuyết pháp. Vì vậy, ta biết rằng hết thảy các đức Phật vị lai trong Hiền Kiếp đều sẽ tuyên thuyết kinh này.



VI. ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN ĐỆ NHỊ

KINH VĂN:

Hựu Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ, sở vị: Thiện Tư Duy Bồ Tát, Tuệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Tuệ Bồ Tát, Nguyễn Tuệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, nhi vi Thượng Thủ.

VIỆT DỊCH:

Lại có nhóm Hiền Hộ, mười sáu vị Chánh Sĩ, tức là Thiện Tư Duy Bồ Tát, Tuệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Tuệ Bồ Tát, Nguyễn Tuệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát làm Thượng Thủ.

GIẢNG:

“*Hựu Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ*” (Lại có nhóm Hiền Hộ, mười sáu vị Chánh Sĩ): “Chánh Sĩ”; “Chánh” là chánh đạo, “Sĩ” là cư sĩ, sĩ phu, người có học vấn, có đạo đức. “Chánh Sĩ” chỉ hàng Bồ Tát tại gia, các vị này tuy bề ngoài hiện tướng phàm phu, bên trong thâm đạt Chánh pháp. Ngoài ra, danh xưng đối với Bồ Tát, chúng ta cũng có thể gọi các ngài là “Đại Sĩ” (Quán Âm Đại Sĩ) hoặc “Khai Sĩ”, (“Khai” là khai ngộ), đây chính là bậc đã đại triệt, đại ngộ. Chỗ này, Hòa Thượng Tịnh Không lưu ý chúng ta không được gọi các ngài là Đại Sư. Chữ Đại Sư là tôn xưng đối với Phật. Hiện tại,

chúng ta thấy có rất nhiều người xuất gia đều xưng là Đại Sư. Xưng hô như vậy là không tốt! Người xưa gọi là qua mặt!

- Bạn thành Phật rồi chưa?

- Chưa thành Phật không thể tôn xưng là Đại Sư. Đức Phật là Đạo sư của trời, người; Bạn xưng Đại Sư thật là quá đáng! Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí v.v... đều không dám xưng Đại Sư. Văn Thù, Phổ Hiền nhìn thấy Đại Sư phải đánh lễ ba lạy, đi nhiều phía hữu ba vòng. Bạn có phước báo như vậy chưa? Bạn có gánh vác nỗi hay không? Đây là thường thức phổ thông chúng ta phải nên hiểu.

Chúng ta tôn xưng người là tôn kính đối với họ. Nhưng, nếu vượt quá thì biến thành không tôn kính! Ví như nhìn thấy người, chúng ta gọi là tiên sinh, vậy là rất tôn kính rồi. Nếu nhìn thấy họ mà gọi là tổng thống tiên sinh, trong khi họ không phải là tổng thống, vậy là quá mức, là mắng họ, miệt thị họ, chứ chẳng phải tôn kính. Danh phận không phù hợp, điều này không nên!

Người hiện tại chưa hiểu Phật pháp cho rằng gọi Đại Sư là tôn kính, kỳ thật không phải vậy. Chúng ta gọi Ấn Quang Đại Sư vì ngài đã viên tịch, chúng ta tôn kính ngài, vinh danh ngài là Đại Sư thì được. Nhưng, khi ngài còn ở đời thì việc này không nên. Lúc ngài còn tại thế, văn bản của ngài đưa ra đều là “Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao”. Sau khi ngài viên tịch, chúng ta mới gọi ngài là “Ấn Quang Đại Sư Văn Sao”.

Thế nhưng, chúng ta nên biết: chỉ có Tổ sư của Tịnh Tông mới có thể xưng là Đại Sư. Đó là trải qua nhiều đời công nhận. Tổ sư của các tông phái khác không thể xưng là Đại Sư. - Vì sao? Vì Tịnh Tông là dạy người một đời bình đẳng thành Phật. Tất cả chư Phật dùng pháp môn này và ngày nay cũng dùng pháp môn này khuyên người niệm Phật, cũng bình đẳng thành Phật, không hề khác biệt với Phật.

Đoạn kinh văn trên giới thiệu mười sáu vị tôn giả đều là Bồ Tát Đẳng Giác tại gia. Trong đó duy nhất chỉ có Hiền Hộ Bồ Tát là thị hiện ở cõi Ta Bà này, ngài sinh trong thành Vương Xá, cùng thời với đức Phật Thích Ca, còn lại những vị khác đều từ thế giới khác đến.

Sách Bình Giải giảng rõ việc này như sau: “*Đầu tiên nêu lên nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ để chỉ rõ pháp này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm gốc. Kế đến, nêu ra các vị ấy đến từ phương khác, ngụ ý: Trong cõi Phật mười phương, đều dùng pháp này làm đại sự xuất thế, cùng tinh tấn đến cầu pháp này*”.

Lời bàn trên rất phù hợp yêu chỉ của kinh, vì đối với kẻ tại gia tu hành Trì Danh Niệm Phật là thích hợp nhất. Thập phương Đại Sĩ đều đến nghe pháp nhằm biểu thị pháp này thù thắng thật là đại sự nhân duyên vậy. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Phật nói pháp môn này đã chấn động tận hư không biến pháp giới tất cả cõi nước chư Phật; giảng kinh khác không có sức mạnh này. Cho nên, Bồ Tát khắp mười phương thế giới liền đến phương này để ủng hộ đạo tràng, trang nghiêm đạo tràng. Bồ Tát đến đạo tràng là vô lượng vô biên. Bồ Tát Hiền Hộ là chủ phương Đông. Kỳ thật, chủ phương Đông không phải chỉ có mình ngài, Bồ Tát thế giới Ta Bà cũng rất nhiều, nhưng vì sao chỉ nêu mỗi danh hiệu ngài? Đây là dùng danh hiệu ngài để biểu pháp.

Người tại gia, sứ mệnh thứ nhất là hộ pháp. Người xuất gia, sứ mệnh thứ nhất là Hoằng pháp. Hoằng pháp đương nhiên cũng phải hộ pháp. Hoằng và Hộ, hai trách nhiệm này phải song hành với nhau. Bồ Tát xuất gia lấy hoằng pháp làm chủ, hộ pháp là phụ trợ. Bồ Tát tại gia lấy hộ pháp làm chủ, hoằng pháp là phụ trợ. Hoằng và Hộ đều phải gánh vác. Trong gánh vác có phân ra chủ khách. Bốn chúng

đồng tu phải hợp tác mật thiết, không thể phân ra. Được vậy, Phật pháp mới có thể trụ thế gian, lợi ích chúng sinh.

Ngày nay, trong Phật pháp không đoàn kết! Nhân lực, tài lực của chúng ta thấy đều bị phân tán! Đối với chính mình có tổn thất vô cùng to lớn. Đối với tất cả chúng sinh càng không cần phải nói. Nếu như chân thật có nhiệt tâm muốn đem Phật pháp phổ biến cùng khắp thế giới, phổ độ chúng sinh hữu tình thì chúng ta phải đoàn kết. Có vậy mới tập trung được nhân lực, tài lực v.v... thì việc gì mà chẳng thành tựu? Hiện tại, mọi người đều phân tán, khiến sức mạnh bị suy giảm, thật rất đáng tiếc! Làm bất cứ việc gì cũng đều bị hạn chế! Nhân lực, tài lực v.v...không đủ! Tâm có thừa mà sức không đủ. Cho nên, chỗ này nêu Bồ Tát Hiền Hộ để ngài gây vị trí thứ nhất. Chính là nhắc nhở chúng ta sự việc này.

“Hiền” là nói về đức, có trí tuệ, có đức năng. “Hộ” là hộ pháp, hộ trì Chánh pháp. Công đức của hộ pháp và hoằng pháp ngang nhau. Có thể nói công việc của hộ pháp vượt hơn hoằng pháp. Chúng ta thử nghĩ xem: Nhân tài hoằng pháp không phải không có. Tại gia, xuất gia..., bốn chúng đệ tử đều muốn phát tâm hoằng dương Phật pháp, nhưng rất khó! Khó ở chỗ nào? - Khó ở chỗ bạn có được một hộ pháp đắc lực hay không? Nếu có được hộ pháp chân thật mới có thể làm ra một số việc. Nếu được rất nhiều hộ pháp thì việc hoằng pháp của bạn quyết không phải ở chư Phật mà những đại Bồ Tát này thị hiện làm ra những việc đó.

Cho nên, công đức của hộ pháp không thể nghĩ bàn. Đặc biệt, đối với Pháp sư trẻ tuổi, nếu không có hộ pháp đắc lực làm sao họ có thể trưởng thành, có thể trở thành Pháp sư hoằng dương Phật pháp kiệt xuất một đời! Pháp sư giảng kinh, quan trọng nhất là được rèn luyện ở trên bục giảng; phải giúp họ lên bục giảng mỗi ngày. Đó chính là đốc thúc họ, ép họ, phải thành công. Bằng ngược lại, sau ba

tháng thì họ quên hết sạch! Sau sáu tháng thì họ không thể lên bục giảng! mới biết được hộ pháp là quan trọng: Hộ pháp thành tựu Pháp sư, hộ pháp có thể khiến cho chính pháp thường trụ dài lâu. Cho nên, các vị pháp sư xuất gia, tương lai nếu có cơ hội làm trụ trì thì phải nên tường tận. Trụ trì phải làm công việc của Hiền Hộ, phải biết lễ thành Pháp sư.

- Mời Pháp sư như thế nào?

- Pháp sư phải tương ứng với bốn tông tu học của đại chúng. Như vậy, đối với đồng tu đại chúng mới có thể được lợi ích chân thật. Nếu sở tu, sở học của Pháp sư này khác với Pháp môn của chúng ta, kinh luận nương theo cũng khác, vậy thì chúng ta không nên mời họ. Người xưa thường nói “*Thà làm động nước ngàn sông, không dám động tâm người tu niệm*”. Nơi đây đã chọn Pháp môn Niệm Phật, chuyên tu chuyên hoằng, đại chúng đã có thành tựu. Nếu mời họ giảng Thiền, giảng Mật thì khác nào làm loạn tâm, nhiễu loạn công phu, phá hoại tu hành của đại chúng. Như vậy, không những không có công đức mà còn có lỗi với họ. Nhất định không nên làm!

Đây là hộ pháp chánh tri, chánh kiến, biết gìn giữ tâm thanh tịnh của đại chúng. Việc làm này không phải phát xuất từ tâm phân biệt, nên nhớ là như vậy. Cho nên, trụ trì của đạo tràng là con mắt của đại chúng trong đạo tràng đó. Bạn là người dẫn đầu, nếu bạn làm sai, những người theo sau bạn thấy đều sai hết, bạn phải chịu trách nhiệm. Thế nên, con đường của bạn đi, nhất định phải thuần chánh, quyết không sai lầm. Phải phòng hộ cho đạo tràng, phải học tập Bồ Tát Hiền Hộ, phải áp dụng Hiền Hộ trên vai của chính mình.

Chánh Sĩ Hiền Hộ thị hiện sinh trong thành Vương Xá, là vị tại gia Bồ Tát ở địa vị Đẳng Giác, cùng thời với đức Phật Thích Ca. Địa vị của ngài hoàn toàn bình đẳng với Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ

Tát Đại Thế Chí, Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền v.v... Điểm này chúng ta phải ghi nhớ.

Cũng thế, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tướng xuất gia thành Phật. Đồng thời với Phật còn có một vị hiện tướng tại gia thành Phật, đó là Tôn giả Duy Ma Cật. Tôn giả Duy Ma Cật là Phật tại gia. Chúng ta trong kinh Duy Ma Cật xem thấy đệ tử của Phật như ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên v.v..., dường như hầu hết các kinh Đại, Tiểu thừa khi vừa mở đầu đều có tên hai vị này và tôn giả A Nan. Ba vị này là đại đệ tử của Phật, thấy đức Thích Ca Mâu Ni Phật, họ đánh lễ ba lạy, đi nhiều phía hữu ba vòng, mới chấp tay cung kính thưa hỏi Phật.

Các lễ phép này, các ngài đến cư sĩ Duy Ma Cật cũng làm như vậy. Cư sĩ Duy Ma thăng tòa giảng kinh, đây là cư sĩ giảng kinh; Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nan v.v... đều là biểu tượng của người xuất gia. A-la-hán xuất gia, nhìn thấy cư sĩ Duy Ma cũng đánh lễ ba lạy, đi nhiều phía hữu ba vòng, rồi chấp tay thưa hỏi, không hề khác nhau. Điểm này chúng ta cũng phải ghi nhớ, đặc biệt nhất là người xuất gia. Chỉ sợ khi bạn vừa xuất gia, vừa khoác lên người áo rộng, đầu tròn thì biến thành công cao ngã mạn!

Cho nên, thời kỳ mạt pháp, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất hay. Diên đảo rồi! Diên đảo ở chỗ nào? Ngày xưa người tu hành chứng quả, số người thành tựu nhiều nhất, thù thắng nhất là tỳ kheo xuất gia, kể đến tỳ kheo ni, cư sĩ nam tại gia được xếp hàng thứ ba, cư sĩ nữ thì ít nhất. Còn hiện tại, tu hành chứng quả, chính là chân thật vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc: Người nữ tại gia thành tựu có thể nói là thứ nhất, số lượng rất đông; thứ hai là chúng nam tại gia, thứ ba là chúng nữ xuất gia, sau cùng là chúng nam xuất gia. Xem có đáng lo hay không?!

- Vì sao có hiện tượng này?

- Chính là khi mặc bộ đồ tu lên người thì không biết trời cao đất rộng, cồng cao ngã mạn, cầu người cung kính. Khi người vừa cung kính cúng dường, có được chút ít phước báo đều đã xài hết! Cho nên, Tổ sư, Đại đức từ xưa đến nay khuyên dạy ta phải khiêm tốn, cung kính. Đặc biệt, trong sám nghi khóa tụng, chúng ta thường hay đọc đến: “Tất cả cung kính, một lòng kính lễ”. Bồ Tát Phổ Hiền dạy ta: “Lễ kính chư Phật”, ý nghĩa này rất sâu, làm sao có thể dám cồng cao ngã mạn, làm sao có thể xem thường người khác?!

Bốn kinh này, chúng tỳ kheo xuất gia chỉ nêu ra có năm vị, Bồ Tát xuất gia chỉ nêu ra có ba vị, Bồ Tát tại gia nêu đến mười sáu vị. Ý nghĩa thật quá rõ ràng: Cái pháp môn này, bộ Kinh Vô Lượng Thọ này chính là độ đồng tu tại gia. Đây là Pháp Bảo Vô Thượng, một đời viên mãn thành Phật.

Tôi thường khuyên các đồng tu: Chúng ta ngày nay phải nương theo A-Di-Đà Phật, phải học với A -Di -Đà Phật. Vì sao? Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta. Đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”. Chúng ta học theo A Di Đà Phật là vua trong các Phật. Kinh Vô Lượng Thọ là vua trong các kinh. Ngày nay, chúng ta y theo bộ kinh này là đủ.

Có người nói: - Nếu chỉ y theo bộ kinh này thì quá ít, e rằng không đủ! Xin trả lời: Bộ kinh này, mỗi câu mỗi chữ đều là pháp môn viên mãn, không những hàm chứa tất cả pháp mà Đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm mà thậm chí đến mười phương ba đời, tất cả chư Phật Như Lai nói ra pháp tạng vô tận cũng không vượt ra ngoài Kinh Vô Lượng Thọ. Chân tướng sự thật này chúng ta phải tường tận, phải thông đạt, sau đó mới có thể hết lòng hết dạ, một môn thâm nhập, chúng ta mới có thành tựu.

Một kinh thông, tất cả kinh đều thông. Ví như chúng ta đào giếng lấy nước: Giếng đào càng sâu, nguồn nước sẽ càng phong phú,

nước trong bốn bể lớn chúng ta đều có được. Viên dung tất cả pháp, tùy độ sâu của ta thôi. Mùi vị của giếng cạn sẽ không giống mùi vị của giếng sâu. Phật Phật là đạo đồng, chỉ sợ ta không đủ sâu, nhất định phải hiểu được một môn thâm nhập, huân tu dài lâu, chúng ta mới có thể đạt tới thành tựu chân thật.

“*Thượng Thủ*”: giống như vị thủ tọa trong một đoàn thể. Như trên đã đề cập, đoạn này hiển thị rõ ràng: Kinh này là độ đồng tu tại gia. Đồng tu tại gia đối diện với hoàn cảnh rất phức tạp còn có thể trong một đời viên mãn thành Phật, hướng chi là người xuất gia. Người xuất gia chẳng phải là thuận duyên hơn sao? Đây gọi là phổ độ, không chúng sinh nào mà không được độ. Điển tích này thật vô cùng vi diệu, thù thắng đến cùng tột.

Mười sáu vị tại gia nêu ra, chỉ có ngài Hiền Hộ là bản địa, ngoài ra đều là Bồ Tát tha phương đến. Nói rõ hơn, mười phương thế giới chư Phật đều giảng kinh Tịnh Độ nên tất cả Bồ Tát ở mười phương thế giới đều đến tham dự pháp hội này, trang nghiêm đạo tràng. Danh hiệu mười sáu vị Bồ Tát này chính là cương lĩnh của toàn bộ kinh. Chúng ta nên học tập từ các ngài.

Trước nhất, chúng ta nên học với ngài **Hiền Hộ**. “Hộ”: chính là hộ pháp, hộ pháp phải “Hiền”, phải là một hiền nhân quân tử chân thật mới làm được. Trong Phật pháp gọi “Hiền” là Bồ Tát Tam Hiền Vị. Nên biết: Kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại Thừa ngay trong Đại Thừa, Nhất Thừa trong Nhất Thừa, nên chữ “Hiền” này tiêu chuẩn rất cao. Bồ Tát Tam Hiền Vị của Viên giáo là “Thập Trụ”, “Thập Hạnh”, “Thập Hồi Hương” trong kinh Hoa Nghiêm. Viên giáo “Sơ Trụ” đã phá được một phẩm vô minh; chứng một phần Pháp Thân là Pháp Thân Đại Sĩ mới có năng lực hộ trì đại pháp Vô Lượng Thọ; cũng chính là hộ trì Pháp môn Tịnh Độ.

Pháp môn này không phải pháp môn bình thường. Pháp môn này khiến tất cả cửu pháp giới chúng sinh bình đẳng thành Phật. Tất cả pháp môn khác đều không thể so sánh được với pháp môn này. Đích thực, đây là pháp môn chí cao vô thượng. cứu cánh viên mãn.

Sách Danh Nghĩa Tập viết: “*Bạt Đà Bà La (Bhadrapala) dịch là Hiền Hộ, tự gìn giữ hiền đức, lại hộ trì chúng sinh. Hoặc dịch là Hiền Thủ, do ngài ở địa vị Đẳng Giác là Thượng Thủ của các bậc hiền nhân*”. Đủ thấy Chánh sĩ Hiền Hộ thị hiện sinh trong thành Vương Xá, là vị tại gia Bồ Tát ở địa vị Đẳng Giác.

Theo Hoàng Niệm lão: “Trong kinh Bát Châu Tam-muội, Bồ Tát Bạt Đà Hòa (Hiền Hộ) là người phát khởi Niệm Phật tam-muội, đích thân thấy được Phật Di Đà. Xét ra, trong kinh này ngài đến trong pháp hội thù thắng này để giúp Phật hiển bày pháp môn Niệm Phật tam-muội vô thượng”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Người học Phật, quan trọng nhất là phải khéo bảo hộ, gìn giữ chính mình. Trong thời đại hiện nay, muốn bảo hộ chính mình nhất định mỗi ngày phải đọc tụng kinh điển, tư duy nghĩa kinh, y giáo phụng hành, “thân, khẩu, ý” mới có thể tránh phạm lỗi lầm, không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Nếu thấy người mê hoặc, phải sinh tâm thương xót, không nên tránh họ vì họ là người bình thường không phải người phi thường. Nếu họ chân thật giác ngộ, họ sẽ hồi đầu.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Thời kỳ mạt pháp (là thời kỳ chúng ta) tà sư nói pháp như cát sông Hằng*”. Những gì là tà sư? Sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài bị cám dỗ, mê hoặc khiến chúng ta xa rời chánh pháp, đó là tà sư. Ra phố xem những sản phẩm bày bán xinh đẹp v.v... liền khởi tâm động niệm, lòng ham muốn khởi dậy, tâm được mắt hiện tiền, đó là tà sư! Không phải chỉ một người nói chuyện mới là tà sư, mà ngay những thứ bày ra trước

mắt như: phim ảnh, truyền hình, báo chí, quảng cáo, những bức vẽ thời trang trên áo nam, nữ v.v...khơi dậy sự thèm khát của con người đều là tà sư. Nên biết tà sư lớn nhất, ma vương lớn nhất chính là truyền hình. Trong truyền hình, những tiết mục biểu diễn đều là bạo lực, sắc tình, yêu ma quái quái đầu độc con người. Trẻ thơ mỗi ngày xem thấy đều bị ma vương thả một lưới gom gọn! Đó chính là tà sư nói pháp! Không phương cách chi phòng bị!

Học sinh ở Mỹ cũng như nhiều nước tân tiến đã dùng máy tính để làm bài tập. Mỗi học sinh có vi tính. Trong vi tính hàm chứa đủ thứ, bất cứ tiết mục gì đều có thể truy cập được. Cho nên, trong đầu trẻ thơ, những thứ kỳ quái thấy đều có! Xem nhiều, nghe nhiều, tiếp xúc nhiều rồi; cha mẹ, thầy giáo cũng không có cách chi ngăn dạy! Chúng hiểu được còn nhiều hơn so với chúng ta! Cho nên, có thứ gì thì bắt chước ngay thứ đó, đây là tà sư nói pháp!

Tôi thường khuyên các đồng tu: Nếu chân thật muốn bảo hộ mình, tốt nhất là không nên xem báo chí, không xem truyền hình, không nghe phát thanh, không tham dự những nơi không cần thiết... Người xưa thường nói: *Biết ít việc, phiền não ít, những gì không cần thiết để biết thì không nên biết, không cần đến nghe. Người biết nhiều nơi, quen biết nhiều người thì thị phi càng lắm!*

Ngày xưa hoàn cảnh tu học là ở trong núi sâu, đạo tràng xây dựng ở trong núi lớn. Muốn đến đạo tràng phải đi mấy ngày; nếu không có thành ý, họ sẽ không đi. Cho nên, đạo tràng tu học còn gọi là “Lan Nhã”. Chữ “Lan Nhã” tiếng Ấn Độ gọi là A-lan-nhã; dịch thành ý nghĩa Trung quốc là chốn thanh tịnh.

Thế nhưng, hiện nay giao thông thuận tiện, đạo tràng lớn ở Trung Quốc đều mở lộ để đi, du khách đến tấp nập không ngừng, đạo tràng đó làm sao có thể tu hành! Không cách chi tu hành! Đạo tràng đều biến thành thắng địa tham quan du lịch. Nếu dùng ánh mắt kinh

tế hiện đại mà nói thì rất tốt, tôi cũng tán thành: Tốt lắm! Thay quốc gia kiểm ngoại tệ!

Đạo tràng chân thật tu hành phải tìm nơi thanh tịnh, vắng vẻ, không người vãng lai mới tốt. Tôi từ lâu đã đề xuất thôn Di Đà, chính là đạo tràng mô hình mới của thế kỷ hai mươi mốt. Đạo tràng xưa nên để làm nơi tham quan du lịch, làm nơi giáo dục, phổ độ chúng sinh, vậy thì vô lượng công đức. Nên nhớ: Muốn hộ pháp phải có Định, có Tuệ, không có Định Tuệ thì không thể nói đến hộ pháp.

Mỗi ngày chúng ta đọc tụng, trong thời khóa sớm, tối có “Tứ hoằng thệ nguyện”. Trong “Tứ hoằng thệ nguyện” dạy chúng ta phải làm thế nào để bảo vệ chính mình, làm thế nào khế nhập đại đạo Bồ Đề.

* *Nguyện thứ nhất: “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”* dạy chúng ta phát tâm Bồ Đề, phát tâm nguyện rộng lớn, tất cả vì chúng sinh, không vì chính mình. Tôi nghe rất nhiều người nói: - Cả đời này vì ai mà khổ?! - Cả đời này vì ai mà bận rộn?! Lời nói này nghe qua rất bi ai! - Đời bạn rớt cuộc vì ai? Khổ nhọc cả đời, cuối cùng chỉ một mãng “không” cho người khác, không ai có thể mang theo được! Thật cảm khái vô hạn!

Người học Phật chúng ta thì không có vấn đề! Chúng ta xả thân vì Phật pháp, vì chúng sinh, đây là lý tưởng cao thượng trong tinh thần xả kỷ vị tha, quên mình vì mọi người. Vì Phật pháp, vì Chánh pháp trường tồn ở thế gian, chúng ta làm công tác tiếp nối tuệ mạng của Phật, mang niềm vui Phật pháp, lợi lạc đến khắp mọi người. - Nếu vì chính mình thì sao? - Thì sớm vãng sinh là điều tốt nhất! Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, y chánh trang nghiêm, hà tất phải ở thế gian này chịu khổ?!

* *Nguyện thứ hai: “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*:

- Đoạn bằng cách nào?

- Danh văn lợi dưỡng thầy đều buông bỏ, năm dục sáu trần là gốc rễ của địa ngục. Phiền não đoạn, trí tuệ mới thêm lớn, sau đó mới học rộng nghe nhiều.

* *Nguyện thứ ba: “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”*. Tôi thường khuyên các đồng tu: Đời này phải ôm chặt Kinh Vô Lượng Thọ, chưa đến Tây Phương Cực Lạc thì chúng ta chỉ một môn thâm nhập, đến Tây Phương Cực Lạc chúng ta sẽ học rộng nghe nhiều (Pháp môn vô lượng thế nguyện học). Nếu hiện tại muốn học nhiều môn thì đó chỉ là học tạp, học loạn cả! Hiện tại, chúng ta là phải nắm chắc phần đến được Tây Phương Cực Lạc. Cho nên, hai nguyện đầu của “Tứ hoằng thế nguyện” bây giờ chúng ta phải nỗ lực làm; hai nguyện sau khi đến Tây Phương Cực Lạc mới hoàn thành (“Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”, đây là *nguyện thứ tư*).

Hai nguyện đầu là phát đại tâm, đoạn trừ phiền não, đó là khéo giữ mình, khéo bảo hộ mình, chân thật hộ niệm mình. Chân thật hộ niệm mình cũng chính là khéo giữ gìn ba nghiệp: thân, khẩu, ý. Đặc biệt là khẩu nghiệp: Không nói lỗi người, nhất định phải tuân thủ. Người khác nói lỗi của ta, làm nhục, phỉ báng ta, thậm chí đến hãm hại ta, chúng ta dứt khoát không được oán hận, không oán trời cũng không trách người, luôn giữ tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mới có thể giác ngộ. Nên nghĩ: Đây là do nghiệp của ta phải gánh chịu hậu quả, phải cam tâm tình nguyện chấp nhận, sẽ tiêu tan, bớt đi nghiệp chướng của chính mình. Người hãm hại ta, nhục mạ ta, phỉ báng ta v.v... họ không có tội mà trái lại còn có công đức thành tựu hạnh nhẫn nhục cho ta. Nếu đem tâm oán thù họ thì oan oan tương báo, không bao giờ dứt được. Thật đáng sợ! Vậy thì sai rồi!

Cho nên, tâm giải thoát, tâm luân hồi chỉ cách nhau một niệm. Khi tâm vừa chuyển thì tất cả thế gian này đều là thiện tri thức

của mình. Nói cách khác, chúng ta quyết phải lấy đức báo oán, thành tựu đức hạnh của chính mình, thành tựu đạo nghiệp của chính mình, đó là chân thật hộ trì chính mình.

Mặt khác, phải luôn luôn tâm niệm tri ân, báo ân, tán thán đối với người. Người hãm hại ta, làm khổ ta cũng chính là ân nhân đối với ta, vì họ tiêu nghiệp chướng giùm cho ta, ta cảm kích họ còn không hết, báo ân họ còn không kịp, lấy chi ôm lòng thù hận! Việc này chính đức Phật dạy ta. Nếu Phật không dạy làm sao ta biết được! Đây chính là thọ dụng mà ta có được nhờ sự học Phật, cũng chính là công đức, sự lợi ích mà đức Phật đã ban cho chúng ta.

Hiểu biết được rồi mới thấy nghiệp chướng từ vô thi kiếp đến nay đều là chướng ngại trong việc vãng sinh của chúng ta. Dứt sạch được phiền não, nghiệp chướng thì an vui, tự tại, cảnh giới trong tâm mỗi năm mỗi tốt hơn, mỗi năm xả được nhẹ nhàng thanh tịnh hơn.

Cho nên, trước đây, mỗi ngày tôi mang về rất nhiều bao thơ cúng dường. Về chùa phải mở từng cái, phải đếm, phải làm việc này, phiền não chết người! Sau đó, tôi quyết không nhận nữa! Tất cả cúng dường đều quy về cho thường trụ, một phân tiền cũng không lấy! Rất tự tại!

“Không tiền” cũng có chỗ rất hay! Bất cứ người nào cũng không thể gạn hỏi tôi: Tiền để xây chùa, tiền để đắp tượng v.v...Bạn xem! Được tự tại dường nào! Vạn duyên buông bỏ, không nhiễm một trần, thật là trải qua một đời sống đại tự tại. Hiểu được hộ pháp, biết được làm thế nào để hộ pháp, tức là bạn đã biết được phương cách hộ trì chính bạn, bạn chính là hiền nhân, bạn đã vào được địa vị Bồ Tát.

Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc, không những được khai hoa kết trái mà còn vượt qua rất nhiều so với Ấn Độ. Trong

Tổ sư, đại đức ở Trung Quốc, có rất nhiều vị là cổ Phật, Bồ Tát tái lai, ứng hóa đến. Gần đây nhất, là Đại Sư Ấn Quang, ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí tái sinh. Trong lịch sử ghi chép:

- Đại sư Trí Giả là Thích Ca Mâu Ni Phật tái sinh.
- Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái sinh.
- Hòa Thượng Bồ Đại là Bồ Tát Di Lặc tái sinh v.v...

Đời đời, chư Phật Bồ Tát ứng hóa thị hiện ở Trung Quốc đều có. Phật với Bồ Tát đối với người ở đây đặc biệt ái hộ. Việc ái hộ này cũng có đạo lý. Vì ở đây con người dễ dàng giác ngộ, người giác ngộ lại rất nhiều, nên có cảm ứng tương thông với Phật và Bồ Tát.

Đạo Tràng ở Trung Quốc không giống đạo tràng ở Ấn Độ. Ở Trung Quốc, điện Phật Giáo được xây dựng rất chính qui. Khi bước vào, kiến trúc đầu tiên là điện Thiên Vương. Trong điện này thờ thần hộ pháp.

- Việc này có ý nghĩa gì?
- Hãy giữ gìn chính bạn!

Phải hiểu rõ đạo lý này. Trong Phật Giáo không có chút gì là mê tín. Giáo dục trong Phật Giáo, mấy ngàn năm trước đã đạt đến nghệ thuật hóa cao độ, đem nghệ thuật cùng giáo học tập hợp thành một thể. Trong khi giáo dục thế gian vẫn chưa thể đạt đến cứu cánh thì Phật pháp đã làm được, việc này phải là trí tuệ cao đẳng mới có thể hoàn tất.

- Bằng cách nào chúng ta mới không phụ công lao truyền đạt của các bậc Tổ sư, đại đức?

- Phải lý giải, thâm đạt tường tận ý nghĩa thâm sâu của nền giáo dục này, đem nó khuếch tán rộng khắp thế giới, xác minh nền

giáo học của Phật pháp không nhất thiết phải dùng lời nói. Hãy xem trong điện Thiên Vương thờ năm hình tượng của Phật, Bồ Tát:

- Vừa bước vào cửa chùa liền thấy *Bồ Tát Di Lặc*. Bồ Tát Di Lặc ở đây không phải là hình tượng người Ấn Độ mà tạc hình Hòa Thượng Bồ Đại với cái bụng thật to là biểu trưng dạy mọi người phải có tâm lượng lớn: “*Tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới*”. Khấp pháp giới, bất cứ thứ gì đều có thể bao dung độ lượng. Người học Phật, trước phải mở rộng tâm lượng, tâm lượng nhỏ thì không có tư cách học Phật. Bồ Tát Di Lặc lúc nào cũng tươi cười, bao dung đón người, đây là biểu thị tấm lòng Từ Bi. Trong Phật pháp lấy: “*Từ Bi làm gốc, phương tiện là cửa*”. Bồ Tát Di Lặc đặt ngay chính điện là dạy bạn bước vào cửa Phật phải lấy “*Từ Bi làm gốc, phương tiện là cửa*”, dạy bạn sinh tâm bình đẳng, thành tựu tướng an vui. Không luận đến đâu, một mãng hoan hỉ, hiển lộ lòng đại từ, đại bi.

Sau đó, nhìn sang hai bên là “*Tứ Đại Thiên Vương*” gồm có:

- *Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương*: Danh hiệu này cũng là biểu pháp. “*Trì*” là gìn giữ”; “*Quốc*” là quốc gia. Hai chữ “*Trì Quốc*” hàm nghĩa:

- Làm thế nào bảo trì chính bạn suốt đời thành tựu đạo đức, học vấn mà không bị hư hại?

- Làm thế nào gìn giữ gia đình bạn được hạnh phúc mỹ mãn, không đến nỗi khiến gia đình hư hại?

- Làm thế nào gìn giữ sự nghiệp được thành công thuận lợi?

- Làm thế nào gìn giữ xã hội được an định, phần vinh?

- Làm thế nào gìn giữ quốc gia được giàu mạnh?

- Làm thế nào gìn giữ, thúc đẩy thế giới hòa bình?

Tất cả những vấn nạn trên đều bao hàm trong “*Tri Quốc Thiên Vương*”. Vừa thấy ngài, ta liền nghĩ ngay đến những sự việc trên. Ngài dạy chúng ta then chốt, nguyên tắc của sự tu hành.

- Biểu thị ở chỗ nào?

- Trên tay ngài cầm cây đàn Tỳ Bà, đó chính là sự biểu thị: Muốn đạt đến những mục tiêu trên, nhất định phải học Trung Đạo. Tỳ Bà biểu thị Trung Đạo: Dây đàn nếu căng quá sẽ bị đứt; giàn quá sẽ không kêu; dây căng vừa phải mới phát ra âm thanh tuyệt diệu, tròn đầy, là ý này. Không phải *Tri Quốc Thiên Vương* mỗi ngày thích đàn Tỳ Bà, hiểu như vậy là sai rồi, làm gì có việc đó! Ngài dùng phương pháp này để nhắc nhở bạn phải hành Trung Đạo, nhà Nho gọi là Trung Dung. Đối nhân xử thế, tiếp vật nhất định phải làm đến được vừa vặn thích hợp, không nên quá đáng, cũng không được bất cập. Nếu hiểu được ý nghĩa này thì vừa nhìn thấy ngài, chẳng phải đã học qua một bài rồi sao? Vội vàng phải đánh lễ ngài, cảm tạ ngài đã dạy ta, cần gì phải nói chớ!

- *Nam Phương Thiên Vương*: Cũng là *Tăng Trưởng Thiên Vương*. “*Tăng Trưởng*” chính là tiến bộ: Đức hạnh mỗi năm phải tiến bộ, trí tuệ mỗi năm thêm lớn, năng lực, thậm chí phẩm chất đều phải nâng cao mỗi ngày. Phật pháp không lạc hậu! Phật pháp luôn cầu tiến! Cho nên, *Nam Phương Thiên Vương* là đại biểu cho sự dũng mãnh, tinh tấn. Nhà Nho thường nói: “*Một ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới*”. “*Ngày ngày mới*” là tiến bộ.

Hiện tại, có người nói: “*Phật pháp phải đi kịp với thời đại*”. Tôi nghe qua rất đau lòng! Tại sao Phật pháp phải theo kịp thời đại?! *Phật pháp là lãnh đạo của thời đại, đi theo sau thời đại thì chúng ta sai rồi!!* Làm gì có đạo lý này! *Phật pháp là trí tuệ cứu cánh, viên mãn, chỉ đạo thế giới này, mãi mãi đứng đầu của thời đại, không phải là ở sau.*

Ngày nay Phật pháp hư hại đến thế này, bốn chúng đệ tử chúng ta phải chịu trách nhiệm, phải rất là hổ thẹn! Chúng ta không đem Phật pháp chân chánh nói với mọi người, khiến xã hội đại chúng sinh ra hiểu lầm nghiêm trọng, đó là chúng ta chưa dốc hết tâm lực, bốn phận của một người học trò!

Vì sao mỗi ngày chúng ta phải cực lực đề xướng Phật pháp? Một người dù tuổi tác đã cao cũng không đến nỗi tệ! Tuy sức khỏe không còn cường tráng như xưa, nhưng cũng nên nỗ lực, tận dụng hết sức mình để vun bồi trí tuệ Phật pháp, cống hiến cho mọi người, nhất là cho giới trẻ, những khả năng Phật pháp của chính mình.

Phật pháp, quan trọng nhất là phải có người tiếp nối. Chúng ta phải toàn tâm, toàn lực bồi dưỡng nhân tài, đem mấy mươi năm kinh nghiệm của chính mình, cung cấp cho các đồng tu làm tham khảo, hi vọng thế hệ sau vượt trội hơn người đi trước, mới có thể dẫn dắt, khiến thế giới này chân thật có thể đạt đến những bình đẳng, an định cùng tồn tại. Phật pháp là môn học vấn chân thật hữu dụng, là giáo dục chí thiện viên mãn không phải mê tín, hoàn toàn không có chút mê tín.

Trên tay của *Tăng Trưởng Thiên Vương* cầm cây bảo kiếm. “Kiếm” biểu thị Trí tuệ. Trên tay Văn Thủ Bồ Tát cũng cầm bảo kiếm, đây là trí tuệ đoạn phiền não. Chúng ta biết chỉ có trí tuệ mỗi ngày thêm lớn mới có thể đảm đương “Trì Quốc”; đem lời dạy của “Trì Quốc Thiên Vương” thiết thực nâng cao. Giáo dục của hai vị Thiên Vương này tương đối viên mãn. Thế nhưng chúng ta phân vân không biết bắt đầu từ đâu? Tây Phương Thiên Vương cùng Bắc Phương Thiên Vương chính là dạy chúng ta phương pháp hạ thủ.

- *Tây Phương Thiên Vương* còn gọi là *Quảng Mục Thiên Vương*. “Quảng Mục” chính là quan sát, khảo sát. Phải xem nhiều, xem người khác, rút tĩa kinh nghiệm, sở trường của người khác, cải

chính khuyết điểm của người khác là bạn tiến bộ rồi. Xã hội hiện nay vô cùng phức tạp! Cho nên, đạo cụ trong tay *Quảng Mục Thiên Vương*: Một tay cầm con rồng hoặc con rắn, tay kia cầm hạt châu. Rồng, rắn biểu thị nhiều biến hóa, thay đổi phức tạp. Hạt châu là bất biến, hơn nữa còn có năng lực chuyển hóa được rồng. Hàm ý ở đây khuyên chúng ta phải chuyển được cảnh giới, đừng để bị cảnh giới xoay chuyển, vậy là cao minh!

- *Bắc Phương Thiên Vương*: Còn gọi là *Đa Văn Thiên Vương*, biểu trưng phải nghe nhiều, không hề bảo phải nói nhiều, không hề có “*Đa môn Thiên Vương*”.

Tóm lại, muốn thành tựu trí tuệ, phải đạt đến những mục đích đã đề cập trên: Thấy nhiều, nghe nhiều. Nhà Nho Trung Quốc thường nói: “*Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường*”. “*Đi vạn dặm đường*” là để tham quan, khảo sát, thành tựu học vấn chân thật của chính mình.

Tiên sinh Phương Đông Mỹ, năm xưa khi tôi học triết học với ngài, ngài thường nói: “Người học triết học nhất định phải ngồi phi cơ, một lần bay lên được rất cao, sau đó xem lại thế giới rất nhỏ”, giúp cho bạn lĩnh hội sâu sắc, thể hội cái đạo lý này, nhất định phải đọc sách, đọc nhiều kinh sách, sách sử. Lịch sử là rút lấy kinh nghiệm, thành công hay thất bại: Một quốc gia hưng vượng đều có đạo lý của sự hưng thịnh; quốc gia diệt vong nhất định có nhân tố của diệt vong. Phải nắm được cái nguyên tắc này. Thịnh suy của một gia đình cũng có đạo lý nhất định. Thành tựu, thất bại của một cá nhân vẫn có nguyên tắc, nguyên lý của nó. Phải có tầm nhìn, hấp thụ được lịch sử thì cái thấy của bạn mới được sâu, nhìn được xa. Đọc kinh sách thì thành tựu được trí tuệ, bạn sẽ có năng lực ứng phó, giải quyết được mọi vấn đề. Đây là học vấn chân thật.

“*Bắc Phương Thiên Vương*” trên tay cầm cây dù là biểu trưng phòng ngự ô nhiễm, đặc biệt phòng ngự tâm địa ô nhiễm. Tâm chúng ta vốn dĩ là thanh tịnh, khi khởi tham, sân, si, mạn, mê hoặc... chính là lúc tâm ta bị ô nhiễm, tinh thần bị ô nhiễm, kiến giải bị ô nhiễm, vậy là hư rồi!

Tóm lại, mọi hình tượng thờ cúng trong nhà Phật đều có tính giáo dục, hàm nghĩa rất sâu. Mọi người đến đây không phải để cúng bái thần mà là để chiêm ngưỡng. Vừa thấy các ngài, họ liền được khai mở trí tuệ, biết được phải nên làm gì. Cho nên, kinh này vừa mở đầu, nhất định nêu danh hiệu các ngài; chính là ý này. Người thông minh, vừa xem thấy danh hiệu các ngài là đã hiểu được hàm nghĩa trong kinh muốn nói gì.

- Hộ Pháp Thiên Vương: “Hộ” là hộ vệ chính mình, không phải hộ người khác. Tôi thường nói: Những du khách mỗi ngày đến Trung Quốc Đại Lục rất đông đảo, nếu được hướng dẫn viên tốt, hoặc Pháp sư ở đạo tràng đó có thể thông suốt tường tận, giảng giải cho họ thì đây là cơ hội giáo dục rất hiếm có. Bình thường chúng ta giảng dạy Phật pháp, họ đều không chịu nghe, bây giờ họ đến cửa, cố gắng mà giáo hóa họ một loạt để trước khi quay về, họ xuất tiền cúng dường chúng ta không uổng phí! Chúng ta cũng xứng đáng nhận của thù lao. Họ cúng dường tài vật cho ta, ta cúng dường pháp cho họ.

Cho nên, những am đường tự viện cổ xưa, có thể nhân cơ hội này mà giáo hóa chúng sinh trên toàn thế giới. Tôi nghĩ: Tương lai ở Phật Học Viện, đây là giáo trình phải nên xem trọng, Phật pháp có thể nhân cơ duyên này mà mở mang rộng lớn, để những người ngoại quốc đến Trung Quốc tham quan biết được Trung Quốc đích thật là có văn hóa, có học vấn, có trí tuệ, không thể không bội phục giáo dục này. Việc này người ngoại quốc có nằm mộng cũng không nghĩ ra!

Nên nhớ: Học Hiền Hộ, chúng ta không những khéo bảo hộ, gìn giữ chính mình mà còn phải xứng đáng là đệ tử Phật, là bậc thầy mô phạm, gương mẫu cho tất cả mọi người. Nói cách khác, khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, chúng ta phải đắn đo, suy nghĩ; mỗi niệm phải nghĩ đến đại chúng xã hội, không thể nào làm sai. Hiện nay, vấn đề xã hội tương đối nghiêm trọng! Mọi việc hầu như đi ngược lại với giáo huấn của cổ thánh, tiên hiền. Người lớn thường hay ta thán: Con cái chẳng nghe lời! Học trò không vâng lời thầy! Công nhân nơi xí nghiệp chẳng tuân hành chủ! v.v... Làm chủ phải thương lượng với công nhân, phải nói điều hòa với họ, bằng không họ sẽ bãi công, không làm! Nguyên nhân do đâu? Khổng lão Phu Tử dạy học có nói một câu rất quan trọng: “*Tác quân, tác thân, tác sư*”.

Khi tôi còn nhỏ, ở Phúc Kiến, vào thời đó mỗi gia đình đều có cúng bài vị tổ tiên. Trên bài vị tổ tiên đều có viết: “Thiên, Địa, Quân, Thân, Sư”. Ấn tượng của tôi rất sâu sắc. Cho nên, nhà Nho dạy chúng ta: *Tác quân, tác thân, tác sư*. Giáo dục này không phải đặt định lấy đối tượng mà là phổ biến tất cả. Nếu thông đạt, thực hành được điều giáo học của nhà Nho thì con cái bạn sẽ biết vâng lời, học trò sẽ vâng lời thầy, công nhân của bạn nhất định biết phục tùng chủ. Nếu trong ba chữ, bạn chỉ làm được một chữ thì vấn đề sẽ xảy ra, đó là chuyện tất yếu.

- Con cái vì sao chẳng nghe lời?

- Bạn chỉ làm được một chữ “thân”, bạn là cha mẹ ruột của chúng. Trách nhiệm của chữ “sư” bạn chưa hoàn tất. “Sư” là dạy bảo chúng, bạn chưa làm được! Trách nhiệm của chữ “Quân”, bạn chưa làm xong! “Quân” là lãnh đạo chúng. Bạn là cha mẹ ruột, bạn phải dạy bảo con cái bạn, lấy bạn làm gương. Trẻ nhỏ đều học từ cha mẹ, học tấm gương của cha mẹ. Nếu cha mẹ tâm chánh, việc làm chánh, chúng từ nhỏ đã nhìn thấy tấm gương tốt này, lớn lên làm sao chúng

có thể làm càng, làm quấy chớ?! Không thể nào! Cho nên, chúng ta là bậc cha mẹ, khi đối mặt với con cái, là người thân của chúng, cũng phải làm thầy giáo của chúng, cũng phải làm lãnh đạo của chúng. Ba chữ này nếu bạn làm được trọn vẹn, gia đình bạn sẽ được mỹ mãn, vấn đề sẽ được giải quyết.

Cũng cùng một đạo lý này, ở trường học, bạn chỉ làm được một chữ “sư”, bạn không làm được chữ “thân”, không thương yêu, quan tâm đến học trò, không toàn tâm, toàn lực giúp đỡ chúng. Bất luận là ở phương diện nào, bạn không phải là người lãnh đạo tốt của học trò, không làm được chữ “Quân” thì trách sao học trò không vâng lời!

Nơi xí nghiệp, công ty cũng thế. Bạn là ông chủ, là người lãnh đạo công nhân, là bậc thầy, mỗi sự việc bạn đều chỉ đạo, dạy bảo họ. Bạn có thể xem công nhân như anh, chị, em, con cái... của bạn. Bạn thương yêu, chăm sóc, yểm trợ họ, giúp họ giải quyết khó khăn. Công nhân của bạn nhất định tận trung với bạn. Cho nên, ba chữ “quân, thân, sư” không thể tách rời. Chính mình chân thật làm đến được thì bạn chính là tấm gương tốt cho xã hội, là bậc thầy mô phạm, là chân thật hộ trì chính mình. Đây là chân thật thâm nghĩa bao hàm ở trong *Hiền Hộ*, chúng ta nhất định phải thông suốt vấn đề này.

Kể đến mười lăm vị Bồ Tát phía sau là cư sĩ tại gia: Vị thứ nhất là ***Thiện Tư Duy Bồ Tát***: Chữ “Thiện Tư Duy” biểu thị chánh trí minh liễu, (hiểu trọn vẹn rõ ràng) tin sâu Phật tuệ, lại còn biểu thị ngài Pháp Tạng lúc còn tu nhân, tư duy năm kiếp kết thành thắng nhân đại nguyện.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Thiện Tư Duy*” chú trọng nhất ở chữ “*Thiện*”. Ý nghĩa chữ “*Thiện*” quá sâu, quá rộng, rất khó hiểu, chúng ta không cách gì làm đến được, nên cần đem tiêu chuẩn

này hạ thấp xuống để có thể thực tiễn được ngay trong đời sống của chính mình. Đây là chúng ta chú trọng ở “giải, hành, chứng”, ngay trong công việc đối nhân xử thế, tiếp vật. “*Thiện Tư Duy*” chính là biết ân, báo ân. Việc này, chúng ta có thể làm được: Thường nghĩ ân Tam Bảo, ân chúng sinh, ân cha mẹ, ân Tổ quốc.

Trong “kệ hồi hướng” chúng ta tụng mỗi ngày: “Thượng báo tứ trọng ân” (trên đền bốn ân nặng). Một người có thể thường nghĩ đến báo ân, đức hạnh của người này càng tích càng sâu, chúng ta thường gọi là tích công bồi đức. “Tri ân, báo ân” điều này thật không đơn giản. Trong Kinh Đại Bát Nhã, vừa mở ra, đức Phật đã chỉ bày, Bồ Tát Nhị Địa tu học có tám khóa mục, “tri ân, báo ân” là một trong tám khóa mục đó. Việc này nói rõ “tri ân” là đáng quý. Trí tuệ Bồ Tát Nhị Địa tương đối cao, họ mới chân thật tri ân. Phàm phu không biết tri ân! Không biết ân dưỡng dục của cha mẹ, không biết ân giáo hóa của thầy, không biết ân hộ trì của quốc gia. Việc này phải nên hiểu.

Bạn thấy những người không quốc tịch thật đáng thương! Quốc gia bảo hộ bạn; nếu là một quốc gia lớn mạnh, bạn cảm lấy hộ chiếu đến quốc gia nào, họ đều tôn kính bạn. Nếu bạn không có quốc tịch, họ cũng xem thường bạn. Phải thể hội được điều này, quốc gia có ân đức bảo hộ chúng ta. Không những thế, tất cả chúng sinh đều có ân đức hỗ trợ ta: Quần áo ta mặc không phải do ta nuôi tằm dệt vải; cơm gạo ta ăn cũng không phải do ta gieo trồng v.v... Trong xã hội có biết bao nhiêu người khổ cực cần lao, cung cấp đời sống hằng ngày cho ta.

Cho nên, phải chân thật hiểu được bốn ân nặng, đặc biệt là nhớ nghĩ ân Tam Bảo. Trong ân Tam Bảo trọn vẹn đầy đủ bốn ân. Kế đến phải nhớ nghĩ đến chúng sinh đang đau khổ khắp nơi trên thế giới mà khởi đại bi tâm. Chính tâm đại bi này là động lực thúc đẩy

chúng ta chăm chỉ, nỗ lực tu học hầu thành tựu đức hạnh, học vấn, năng lực v.v... tiến đến quả vị giác ngộ trong một đời này

Phật pháp không phải tôn giáo, Phật pháp là giáo dục, là học thuật. Bất cứ tôn giáo nào cũng phải học Phật pháp. Vì sao? Vì bạn phải học trí tuệ. Có trí tuệ, có giác ngộ mới giải quyết được mọi vấn đề. Cho nên, Phật giáo không chủ trương bài xích, bảo bạn bỏ đạo mới đến học Phật, việc làm này trái với đạo đức xã hội. Đức Phật không nhận học trò này!

Bạn là tín đồ tôn giáo, bạn có quyền yêu thích tôn giáo của bạn, tôn kính Thượng đế của bạn. Phật tán thán bạn, bạn là con cái tốt của Thượng Đế, là học trò tốt của Phật. Bạn tín ngưỡng tôn giáo, có thể qui y Tam Bảo, làm học trò của Phật. Bạn với Thượng Đế là quan hệ cha con, bạn cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, không hề có xung đột, rất là hòa hợp.

Nên biết, chỉ có trí tuệ mới khiến người ta tâm phục, khẩu phục. Trí tuệ ở đây không cần phải có văn bằng, văn bằng chỉ là giả không thật, không có tác dụng gì. Điều quan trọng là đối với chính mình, bạn phải có tín tâm, chăm chỉ nỗ lực, nhất định phải đoạn dứt phiền não, tiêu nghiệp chướng; ngũ dục lục trần, danh văn lợi dưỡng của thế gian xả được sạch trơn. Cho nên, *Thiện Tư Duy Bồ Tát* là:

- Thường tư duy bốn ân nặng.

- Tư duy nỗi khổ của chúng sinh trong lục đạo luân hồi đang mê hoặc điên đảo, ngu muội vô tri, tạo nghiệp thọ báo không ngày ra khỏi mà tìm cách cứu giúp họ. Tư duy nỗi khổ của chúng sinh cũng chính là quay đầu lại chính mình. Không nghĩ đến nỗi khổ của chúng sinh thì không biết chính mình khổ.

- Tư duy đến nghiệp chướng sâu nặng của chính mình từ vô thỉ đến nay tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Đời này nếu chỉ hưởng

phước, không chịu tu phước, còn tạo thêm tội nghiệp thì phước sẽ chóng hết, tội báo sẽ hiện tiền.

Trên đây là ba sự việc có quan hệ mật thiết với chúng ta. Thế nhưng, danh hiệu của Bồ Tát có thêm chữ “*Thiện*”. Cái gì gọi là “*Thiện*”? - Phạm những việc tương ứng với chân như, pháp tánh đó chính là “*Thiện*”; đi ngược lại chân như, pháp tánh là bất thiện. Cách nói này rất khó hiểu, rất khó thể hội. Nói một cách đơn giản dễ hiểu chính là: Khởi tâm động niệm, lời nói, ý nghĩ, việc làm đều tương ứng với giáo huấn của bộ kinh này, đây là thiện.

Đại Sư Ấn Quang nói rất hay: “*Đốn luân tận phận, nhàn tà tồn thành*”. Tám chữ này là thiện có thể giải cứu cả kiếp nạn này.

- Sao gọi là “*Đốn luân*”?

- “*Luân*” là luân thường, đại đạo, là qui luật của tự nhiên, của đại tự nhiên; con người có; súc sinh, ngạ quỷ, quỷ thần đều có. “*Luân*” cũng có nghĩa là loại, là đồng loại, đồng luân. Chúng ta thuộc loại nào? Giáo dục thời xưa của Trung Quốc, khái niệm căn bản chính là “*luân thường*”. “*Luân thường*” bắt đầu từ vợ chồng đến cha con, anh em, vua tôi, bè bạn. Đây là giáo dục “*ngũ luân*”. Trong đời này muốn đạt được hạnh phúc mỹ mãn, việc quan trọng là quan hệ giữa người và người phải xử sự cho tốt. Thử hỏi, một gia đình: Cha không ra cha, con không ra con, anh chị em, người thân quyến thuộc cùng sống với nhau đều xem nhau như kẻ thù thì gia đình này có hạnh phúc không?

Hôm nay, chúng ta học Phật rồi, trong “*ngũ luân*” có một loại đặc biệt, loại của chúng ta là “*học Phật*”. Trong “*học Phật*” lại có thể phân ra nhiều loại. Loại của chúng ta là “*tu Tông Tịnh Độ*”. Bạn thuộc loại nào, bạn phải làm hết bổn phận của loại đó; đối với xã hội, đối với đồng luân nhất định phải có cống hiến, đây là “*tận phận*”. Dốc hết bổn phận của mình: Tự mình làm, cũng khuyên người

làm, chính mình dựa vào kinh điển, y giáo phụng hành, sau đó mới có thể khuyên bảo người khác.

Trong kinh, đức Thế Tôn biết bao lần khuyên dạy chúng ta nên thọ trì, đọc tụng vì người diễn nói. “Thọ” là hoàn toàn tiếp nhận những gì trong kinh đã dạy. Sau khi tiếp nhận thì mãi mãi gìn giữ, không đánh mất cũng không biến chất, quyết tuân thủ, đây là “trì”. Không những thế, còn phải diễn thuyết cho người.

- “Diễn” là gì?- Là làm gương cho người khác xem. Đời sống chính là biểu diễn, làm tấm gương cho người khác. Tấm gương này phải hoàn toàn tương ứng với lời dạy trong kinh. Ví như Phật dạy: khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người. Nếu hàng ngày ta cứ moi móc, nói xấu lỗi người là sai rồi! Không tương ứng lời Phật dạy là bạn không có thọ trì, không vì người khác diễn nói.

Phật pháp là giáo dục; giáo dục là cầu học. - Bạn có tâm cung kính, tâm chân thành cầu học nơi các bậc thầy chăng? Người xưa thường nói: Chỉ có trò đến cầu thầy, không có chuyện thầy tìm trò để dạy. Hoàn toàn không có đạo lý này. Đây là tôn sư trọng đạo.

- Ai là thiện tri thức? – Ai là thầy tốt của bạn?

- Người mà bạn kính ngưỡng nhất, khâm phục nhất, có thể học hỏi nơi họ để tiến đến thành công. Đó chính là thiện tri thức, bậc thầy tốt nhất của bạn.

- Hằng ngày bạn ở chung với Phật Thích Ca, Phật A Di Đà nhưng bạn chẳng học được thứ gì cả là do đâu?!

- Bạn không có tâm khâm phục các ngài! Những gì các ngài dạy, bạn không làm theo! Chân thật kính ngưỡng, bạn phải vâng lời. Bản thân thầy không thành tựu, không quan trọng! Thầy làm không được nhưng thầy dạy bạn, bạn đều làm được. Thầy mọi thứ đều không đúng pháp, nhưng phương pháp thầy dạy bạn là đúng như

pháp, bạn thầy đều làm theo, bạn thành Phật, thành Tổ vượt qua thầy rồi. Nên nhớ! Ở đây không phải nói kính ngưỡng tiếng tăm, thanh danh lẫy của họ. Trong trường hợp này, lời họ nói ra, bạn chỉ tuân bằng mặt chứ không bằng lòng. Vậy thì nhất định sẽ không có sự thành tựu.

Tôi học Phật bảy năm, sau đó xuất gia, liền bắt đầu giảng kinh, dạy ở Phật Học Viện. Sau khi xuất gia hai năm tôi mới thọ giới, trong khi đó tôi đã giảng kinh được hai năm rồi. Thọ giới xong, tôi đến Đài Trung thăm thầy Lý. Ngài vừa gặp tôi liền nói: “Ông phải tin Phật!” Tôi nghe xong bỗng ngây người! Mới gặp chưa nói lời nào. Thầy đã chỉ vào tôi mà nói như vậy. Tôi ngây người một lát, thầy giải thích cho tôi nghe: “Tin Phật không đơn giản!” Không thể nói hiện nay ông đã xuất gia, thọ giới rồi, hơn nữa lại đang làm công việc hoằng pháp, chưa chắc là thật sự tin Phật! Có người cả đời xuất gia tám, chín mươi năm vẫn không tin Phật!

- Tiêu chuẩn tin Phật của thầy là gì?

- Đó là lời Phật dạy trong kinh, bạn thầy đều làm được mới gọi là tin Phật. Nếu chưa làm được tức là bạn không tin. Đã tin thì đâu có lý không làm. Không chịu làm chính là không tin tưởng. Cho nên, hai chữ “*tin Phật*”, điều này rất khó! Thế Tôn dạy: “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu*”. Tín tâm là cội gốc của tu hành, chứng quả. Không có tín tâm kiên cố làm sao có thể thành tựu đạo nghiệp! Có tín tâm kiên cố thì “*đốn luân tận phận*” nhất định làm được. “*Nhàn tà tồn thành*”: “*tà*” là tà tri, tà kiến; “*nhàn*” là ngăn chặn. Phải biết ngăn chặn, ngăn ngừa tà tri, tà kiến.

- Bằng cách nào ngăn chặn tà tri, tà kiến?

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với mọi người:

- Việc đầu tiên là không nghe điện thoại. Có điện thoại trong tay liền nói cả một, hai giờ, toàn những chuyện thị phi!

Cho nên, không việc gì thì không nên nghe điện thoại, không nên gọi điện, có thể tránh rất nhiều những tư tưởng, khái niệm không chính xác. Tôi thường nói: Không xem báo chí, không xem truyền hình, không nghe đài phát thanh thì tâm bạn thanh tịnh. Những gì cần biết thì hãy tiếp xúc; những gì không cần biết, tốt hơn không nên biết, gìn giữ tâm thanh tịnh của chính mình, đây là “*Thiện tư duy*”.

Tóm lại, phải học *Bồ Tát Thiện Tư Duy*. Thực tiễn được “*Thiện Tư Duy*” trong đời sống thì bạn chính là *Bồ Tát Thiện Tư Duy*. Nên biết: Niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát là niệm những tánh đức vốn có trong ta. Có nhớ niệm mới biết gìn giữ, biết tự trọng, biết bảo vệ thiện pháp, thiện tâm, thiện hạnh của chính mình, đó chính là Hiền Hộ Bồ Tát. Tư tưởng kiến giải thuần chánh, bạn chính là Bồ Tát Thiện Tư Duy. Cũng có thể nói: Tất cả danh hiệu Phật là tánh đức của ta; tất cả danh hiệu Bồ Tát là đức tu của ta. Từ đức tu hiển hiện ra tánh đức của chính mình. Cho nên, niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát cũng là niệm chính mình.

Số mười sáu đề cập ở đây không phải là con số mà là tiêu biểu cho sự viên mãn. Trong Mật Tông thường dùng số mười sáu hoặc hai mươi một, tiêu biểu cho viên mãn. Hiền tông chúng ta phần nhiều lấy số bảy hoặc số mười làm tiêu biểu cho sự viên mãn. Như trong Kinh Di Đà nói: Mười vạn ức cõi Phật, bốn kinh nói hai trăm mười ức cõi Phật (đó là hai mươi một mở rộng đến hai trăm mười) đều là ý nghĩa biểu pháp.

Tuệ Biện Tài Bồ Tát: Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng nhất giữa người với người. Khổng Phu Tử dạy học: Đầu tiên là đức hạnh, thứ hai mới là ngôn ngữ. Phật pháp dạy học cũng không ngoại lệ. *Hiền Hộ, Thiện Tư Duy* là đức hạnh. *Tuệ Biện Tài* chính là

ngôn ngữ. Đây là chỗ gặp nhau giữa Phật học và Khổng học. Trong biện tài phải có trí tuệ thì biện tài của bạn mới tích lũy công đức, mới không tạo nghiệp. Không có trí tuệ thì tốt nhất không nên có biện tài. Vì sao? Biện tài sẽ tạo ra nghiệp lớn, những điều họ nói ra đều không phải là chánh pháp, mê hoặc lòng người, tội này rất nặng! Đọc Luận Ngữ, chúng ta thấy Khổng Phu Tử có thời gian ngắn làm quan ở nước Lỗ. Khi ngài vừa nhậm chức, liền xử trăm Thiệu Chánh Mão đương thời. Thiệu Chánh Mão phạm tội gì?

- Không thấy tội! Bạn nhìn không ra lỗi ông ấy!

- Vì sao Khổng lão lại giết ông ấy?

- Chính ông ta là năng ngôn thiện đạo, nói lời thị phi, bày chuyện thị phi khắp nơi, làm mê hoặc lòng người. Ông ta có biện tài, có lẽ Khổng Phu Tử cũng không biện lại ông, hết cách rồi thì giết thôi! Điều này trong sử sách có ghi: Khổng lão giết Thiệu Chánh Mão, tội của Chánh Mão là tà tri, tà kiến sẽ ảnh hưởng rất xấu đối với xã hội.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi đến giảng kinh tại Hồng Kông (khoảng năm 1977 hay 1978), Pháp sư Thường Hoài ở Hồng Kông nói với tôi: - Hồng Kông có một bộ phận Cơ Đốc giáo gọi là Đạo Phong Sơn, chuyên tiếp đãi người xuất gia. Người xuất gia vào lúc đó, sau khi đến Hồng Kông không có chỗ ở, được họ tiếp đãi vô cùng chu đáo: Cung cấp thức ăn, chỗ ở, hàng ngày đưa họ đi chơi, còn có Phật đường cho họ, mỗi ngày bảo họ lạy Phật, đọc kinh. Tiếp họ thật tốt, chẳng thể chê được, khiến ai nấy đều có cảm tình. Thế rồi, sau hai ba tháng họ nói Cơ Đốc tốt! Phật giáo không được! Pháp sư Phật giáo chẳng đếm xỉa đến chúng tôi, chẳng bằng Cơ Đốc giáo! Sau đó bỏ đạo, đến giáo đường của họ thôi! Rất nhiều Pháp sư đã hoàn tục và vào đạo họ.

Tôi nói: Việc đó hiểm có! Chúng ta đi xem thử. Tôi liền đến Đạo Phong Sơn để viếng thăm, thấy trong đó có một số Pháp sư đã mặc áo hoàn tục. Họ nói với tôi: Cơ Đốc giáo rất từ bi, bác ái. Chủ nhân của Đạo Phong Sơn ra tiếp kiến tôi, đại khái cũng muốn khuyên tôi. Sau khi thăm viếng xong, tôi nói: Việc làm của quý vị rất tốt! Họ nghe xong cảm thấy không hứng thú, cũng hơi ngớ ra! Sau đó tôi nói: “Tôi thật cảm ơn quý vị, không hề giả dối, các vị đã khuyên những người xuất gia này hoàn tục, tin Cơ Đốc giáo”. Họ ngạc nhiên, có vẻ không tin, hỏi: Vì sao? Tôi nói: Phật pháp truyền đến nay đã ba ngàn năm rồi, trong cửa Phật cũng có người tốt kẻ xấu; Cơ Đốc của quý vị truyền đến nay sắp hai ngàn năm, những phần tử trong quý vị cũng không hẳn mọi người đều tốt. Họ cũng đồng ý! Tôi nói: Số rác rưởi này nhà Phật chúng tôi không có cách chi thanh lý, quý vị giúp chúng tôi thanh lý sạch sẽ, chúng tôi phải cảm ơn quý vị chứ.

Ý tôi nói: Đạo Phong Sơn của quý vị làm trạm chứa rác của nhà Phật chúng tôi. Chỉ có mấy lời của quý vị mà họ đã xiêu lòng, những người này rõ ràng không có tâm đạo. Không có tâm đạo thì không thể học đạo, quý vị dọn sạch họ đến đây thì tuyệt quá! Thật sự tinh hoa của nhà Phật đâu thể nào lay chuyển được! Nếu họ có thể tỉnh ra, sau này không làm trạm chứa rác nữa, không còn khuyến dụ người xuất gia hoàn tục nữa. Nếu nói thẳng: Họ là người tạo tội nghiệp, việc làm của họ hoàn toàn không có công đức. Những người nghe theo họ đều là thấy lợi quên nghĩa, tâm đạo không kiên cố. Cho nên, trí tuệ biện tài mới thật giúp ta thấu triệt; lời nói của ta mới thật dạy người.

Quán Vô Trụ Bồ Tát: Đây là công phu đích thật đắc lực. Người học Phật đã lâu, thử nhìn lại công phu của mình: Phiền não có giảm chưa? Trí tuệ có tăng trưởng không? Ác nghiệp trong tư tưởng, lời nói, việc làm của mình có giảm chưa? Thiện nghiệp có tăng trưởng không? v.v... Những sự việc này đều thuộc về công phu của

bạn. Thành thật mà nói, người học Phật nếu công phu không đắc lực, cũng chưa chắc được vãng sinh. “*Quán Vô Trụ*”, danh hiệu này khiến chúng ta nghĩ ngay đến Kinh Kim Cang Bát Nhã: “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”. “*Quán Vô Trụ*” chính là “*Ứng Vô Sở trụ*”. Trước đây, Lục Tổ Huệ Năng, đời Đường, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh cũng chính ở câu này. Chữ “*Quán*” là quán sát thế gian, không dùng tâm ý thức, Thiền Tông gọi là “*tham thiên*”.

- Vì sao gọi là “*tham*”?

- “*Tham*” là tham cứu, không phải nghiên cứu. Nghiên cứu chưa thoát khỏi tâm ý thức, chưa thoát khỏi tư duy tưởng tượng. “*Tham cứu*” không dùng ý thức.

- Thế nào gọi là không dùng tâm ý thức?

- Điều này không phải dễ! Trước tiên phải hiểu tướng trạng của tâm ý thức như thế nào? Tác dụng của nó ra sao? Sau đó mới dần dần thể hội được. Cái tâm này là A-lại-da thức gieo chủng tử, ngày nay chúng ta gọi là để lại ấn tượng. Sáu căn tiếp xúc với sáu trần đều để lại ấn tượng rất sâu, đây là tác dụng của A-lại-da như: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng... liền phân biệt. Phân biệt là tác dụng của thức thứ sáu, tức là “*ý thức*”. Do phân biệt mà chấp trước, khởi tâm tham ái, sinh tình cảm gây nên phiền não, đây là “*có trụ*” thì hỏng rồi! Chấp trước là Mạt-na-thức, chính là thức thứ bảy, chỉ có “*Vô trụ*” mới tương ưng với Pháp tánh, với chân tướng của sự thật. “*Vô trụ*” chính là “*Thiện Tư Duy*”; “*có trụ*” là bất thiện.

Kinh Kim Cang, đức Phật nói rất hay: “*Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc*”. Ba tâm bất khả đắc, nói rõ cái tâm “*năng đắc*” chẳng thể được, đó là giả! Trong kinh nói: Vạn pháp là duyên sinh, ngay cả Phật pháp cũng là duyên sinh. Đức Phật nói: “*Pháp thượng ưng xả hà huống phi pháp*” (Pháp còn

phải buông, huống chi là không phải pháp). Chữ “Pháp” ở đây chính là Phật pháp.

- Phật pháp tại sao phải xả?

- Vì Phật pháp cũng là pháp duyên sinh!

“Năng đắc” và “sở đắc” (cảnh giới bên ngoài) đều là giả, không thật, làm sao có thể trụ được. Đức Phật dạy ta đối với vạn sự, vạn pháp phải tùy duyên. Tùy duyên là tự tại: Sao cũng được, có cũng tốt, không có cũng tốt, tuyệt đối không có một chút ý niệm nào được, mất, lấy, bỏ v.v... đây gọi là “Vô Trụ”. “Vô Trụ” chính là Niết Bàn. Công phu “Vô Trụ” đạt đến cực điểm chính là cảnh giới Đại Niết Bàn. Trong Tam Học “Giới-Định-Tuệ” mà nói, đây thuộc về định công thiên định rất sâu. Thiên định phải có Tuệ, nếu Định không có Tuệ thì Định này vô dụng, không khởi tác dụng.

- “Tuệ” là gì?

- Là “sinh tâm” nhưng vẫn “vô trụ”, vậy mới cao minh. Nếu nói “sinh tâm” làm trở ngại “vô trụ”; “vô trụ” làm trở ngại “sinh tâm”, đây là quan điểm của người thế gian. Có người nói công việc quá nhiều làm cản trở tâm thanh tịnh, tôi phải xa rời tất cả công việc mới được tâm thanh tịnh, như vậy là bạn khởi tâm lấy, bỏ rồi! Bạn chẳng tùy duyên tự tại, đó chẳng phải là “vô trụ”. Đã biết tướng là giả, thế là không: Tướng giả thì dù có bận rộn đi chẳng nữa cũng là giả, làm sao có chướng ngại! “Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, đây chính là cảnh giới Hoa Nghiêm. Công phu như vậy, thọ dụng như vậy mới thật là thọ dụng chân thật, mới thật sự là “*Quán Vô Trụ*”.

Phật nói trong kinh: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán*”. Quán sát được như vậy, bạn chính là “*Quán Vô Trụ Bồ Tát*”. Cho nên, việc

này rất quan trọng! Có được công phu này, bạn có thể đạt được cương lĩnh của đề kinh, tức là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”.

Trong “*Quán Vô Trụ*” còn có một tầng ý nghĩa sâu hơn là “Vô Trụ nhất định phải sinh tâm”. Nếu “Vô Trụ” không “sinh tâm”, đây chính là chỗ Thế Tôn quở trách hàng Nhị Thừa trốn vào Niết Bàn, chỉ có tự lợi mà không có lợi tha. Tự lợi, không lợi tha cũng không tệ! Cũng rất khó được! Nhưng phải hiểu: Không lợi tha thì tánh đức của ta không viên mãn. Nói cách khác, nhất định phải “sinh tâm”, nhất định phải đem “sinh tâm” và “vô trụ” hợp thành một. Nếu phân thành hai thì bạn chỉ mới chứng đắc có một nửa, chưa viên mãn.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, các Bồ Tát từ địa vị thấp nhất là Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát đều đã thâm nhập “Vô Sở Trụ”, đạt đến nhất chân pháp giới. Nếu chứng đến quả vị viên mãn, hướng lên trên còn có đến bốn mươi một giai đoạn: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác đến Diệu Giác mới thành Phật.

- Nhiều vị thứ như vậy phải tu cách nào?

- “Sinh tâm” hóa độ tất cả chúng sinh. Loại hóa độ này giống như Kinh Kim Cang nói: “Độ vô lượng vô biên chúng sinh mà thật không thấy có chúng sinh nào được độ”. “Độ vô lượng vô biên chúng sinh” là “sinh tâm”, “Thật không có chúng sinh nào được độ” là “vô trụ”. “Sinh tâm” và “vô trụ” là một không phải hai. Một câu này mà nói, chính là năm mươi ba tham học của Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba tham học của Thiện Tài gọi là “trải sự luyện tâm”, cảnh giới nào cũng phải trải qua, phải hòa quang đồng trần với tất cả chúng sinh, không có phân chia.

- “Luyện tâm” là luyện cái gì?

- Luyện “Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác”

“Trải sự luyện tâm”: Nếu không trải qua khảo nghiệm trên sự tương, thì tất cả thành tựu của bạn nói ra đều không đáng tin! *Hoa sen nở trong nước đâu có chi là hiếm lạ! Sen mà đức Phật nói với chúng ta là hoa sen nở trong lửa, đây mới thật là hiếm lạ, mới thật là trân quý! Lửa tiêu biểu cho ngũ dục lục trần. Ở trong năm dục sáu trần mà vẫn duy trì được tâm thanh tịnh vô nhiễm, vậy là thành công.*

Cho nên, “Vô Trụ Sinh Tâm” là Phật pháp cao cấp ở trong Phật pháp. Người thường chúng ta có thể học “Vô Trụ”, không nên học “sinh tâm”. Chúng ta vẫn phải chia nó ra từng giai đoạn. Sau khi thật sự được “vô trụ” rồi thì mới trải sự luyện tâm. Chưa đến được cảnh giới “Vô Trụ” thì việc này làm không nổi, vừa làm là có vấn đề ngay!

Trong “*Quán Vô Trụ Bồ Tát*” hàm chứa ý nghĩa rất sâu: “*Vô Trụ sinh tâm*”, “*Sinh tâm vô trụ*”; chúng ta đảo ngược lại chữ này để đọc thì ý nghĩa liền xuất hiện. Đây là chân thật có trí tuệ, đích thật có định lực vượt qua được khảo nghiệm. Khi chưa vượt qua được khảo nghiệm, chúng ta phải tránh, không nên để cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu. Nếu thật sự có định lực, có công phu thì có thể không cần tránh né. Vì sao? Vì chúng ta có thể chuyển cảnh giới. “*Cảnh tùy tâm chuyển*”, chúng ta sẽ không bị nó chuyển, vậy thì được!

Người mới học Phật, đức Phật đưa ra rất nhiều qui củ nhất định phải tuân thủ. Vì sao vậy? “Vô tri”, như khi còn ở Tiểu học, thầy giáo đôn đốc rất nghiêm khắc. Lên đến Trung học mới nới một chút. Đến Đại Học thì mở rộng hơn: Tự mình quản lý, tự mình có trí tuệ, tự chăm sóc lấy mình. Cũng thế, người hiểu Phật pháp cạn thì càng bảo thủ. Tiểu Thừa như Tiểu học, qui củ quản lý rất nghiêm khắc, một tí sai lầm cũng không được phạm. Phật pháp Đại Thừa thì mở rộng, vì bạn đã có Định, có Tuệ không cần ai quản lý.

Trong Nhất Chân Pháp giới dứt khoát không ai can thiệp đến bạn, mọi việc đều vẫn như pháp. Khổng Tử nói: “Thất thập tùng tâm sở dục, nhi bất vô cử”. Đây là Khổng Phu Tử tự mình nói ra cảnh giới của ngài: Sau bảy mươi tuổi thì tùy theo tâm ý của mình, mọi hành vi đều hợp với phép tắc, với lễ độ, vậy là cao minh! Pháp Thân Đại Sĩ chính là “Tùng tâm sở dục”, nhưng mọi việc họ làm đều không trái với pháp tánh, hoàn toàn tương ứng với tánh đức.

“Thần Thông Hoa Bồ Tát”: Biểu thị sức thần thông, muôn hạnh kết thành đức hoa để tự trang nghiêm, đầy đủ phương tiện thành tựu chúng sinh, như kinh chép: *“Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện”*.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, thật sự khi chứng đắc “Quán Vô Trụ” rồi thì “Thần Thông Hoa” chính là “sinh tâm”, nhất định phải “sinh tâm”. Đã “Vô Trụ” thì phải phát tâm phổ độ chúng sinh.

- Phổ độ chúng sinh có trở ngại cảnh giới thanh tịnh, tịch diệt của ta chăng?

- Không trở ngại! Tuy mỗi ngày cùng với chúng sinh “hòa quang đồng trần”, sinh hoạt, biểu diễn đủ mọi thứ, nhưng tâm họ vẫn như như bất động.

Danh hiệu hai vị Bồ Tát này hợp lại, chính là biểu tượng mà nhà Phật chúng ta thường dùng, đó là “Bánh xe pháp”, “Pháp luân thường chuyển”: *“Thần Thông Hoa”* là “luân” (bánh xe), chuyển động không ngừng. “Vô Trụ” là trung tâm của “luân”, Tâm vòng tròn bất động, nhưng vòng tròn thì luôn động. Ý nghĩa này rất viên mãn. Chư Phật, Bồ Tát như vậy, chúng ta muốn học Phật cũng phải học như vậy.

- Làm thế nào làm lợi ích chúng sinh mà tâm vẫn như như bất động?

- Kinh Kim Cang Bát Nhã, đức Phật dạy: “*Tam luân thế không*”: *Không ngã tướng, không nhơn tướng, không chúng sinh tướng*. Đây chính là không dính tướng ta, không dính tướng người, không dính vào tất cả tướng của sự việc mà ta đã làm, đây gọi là không chúng sinh tướng, là làm đến được “*Vô Trụ*”. Sinh hoạt mỗi ngày vẫn làm không hề dừng nghỉ, đó chính là “*sinh tâm*”, là “*Thần Thông Hoa*” biểu hiện ở chỗ này.

“Thần Thông”, hai chữ này rất nhiều người hiểu lầm, cho rằng đây là những sự việc thật kỳ quái nên gọi là thần thông, hiểu như thế là sai rồi! “Thông” là thông đạt, là trí tuệ tường tận thông suốt tất cả sự việc thế, xuất thế gian nên gọi là “Thông”. “Thần” là biểu hiện năng lực thần kỳ khôn lường, khác hẳn mọi người thông thường. “Hoa” là tỉ dụ cho tu nhân. Thực vật trước nở hoa, sau mới kết quả. Hoa nở tốt thì tương lai kết quả sẽ tốt. Trong kinh, Phật hay dùng hoa, đại biểu cho “*Lục Độ vạn hạnh*” của Bồ Tát. Bồ Tát phải tu “*Lục Độ vạn hạnh*” mãi cho đến khi viên thành Phật quả.

“*Quang Anh Bồ Tát*”: chữ “Quang Anh” biểu thị quang minh chiếu rọi. Các chữ “*Vô Lượng Quang*”, “*Vô Biên Quang*”, “*Vô Ngại Quang*” v.v... tôn quý nhất trong các quang minh, là ý nghĩa của chữ “Quang Anh”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: chữ “Quang” là quang minh; chữ “Anh” là phát huy; “*Quang Anh*” là quang minh ánh phát, là hiện tượng triển hiện, tức là quang minh biến chiếu. Trong lúc giảng giải, tôi thường hay khích lệ các đồng tu: Chúng ta học Phật, sự biểu hiện rất là quan trọng.

- Cái gì là biểu hiện?

- Cái tướng là biểu hiện! Chúng ta nói Phật pháp tốt, nhưng tốt ở chỗ nào? - Nhìn xem! Học Phật gì mà mặt mày tối thui, làm sao khiến người khác có thể tin được?! Học Phật rồi, biểu hiện chúng ta

phải tốt, toàn thân phóng quang, tinh thần sung mãn, người khác nhìn vào tự nhũ: - Học Phật tốt thật! Như vậy mới được.

Do vậy, không tiếp xúc với chúng sinh thì hình tượng chẳng quan trọng; tiếp xúc với quần chúng rộng lớn thì hình tượng là quan trọng hơn hết, người khác vừa tiếp xúc với bạn liền có ngay thiện cảm. Trong kinh, Phật dạy: Đối nhân xử thế tiếp vật phải “hòa nhan ái ngữ”. Ấn tượng tốt thì làm việc gì cũng đều rất thuận lợi, quới nhân giúp đỡ rất nhiều. Hình tượng không tốt, họ vừa trông thấy liền ngoảnh mặt quay lưng.

Nên nhớ: Hình tượng là phát xuất từ sự tu trì đích thật chớ không phải giả vờ. Ngày nay, chúng ta biết hình tượng trên màn hình đều mang mặt nạ cả, chẳng phải đồ thật! Nên nhớ lừa dối chúng sinh là chúng ta đắc tội. “*Quang Anh Bồ Tát*” ở chỗ này biểu thị ý nghĩa rất sâu: Hình tượng cá nhân phải tốt; hình tượng đoàn thể cũng phải tốt. Đoàn thể là tăng đoàn.

Một đoàn thể, không luận là tại gia hay xuất gia, có ít nhất từ bốn người trở lên, cùng tuân thủ lời dạy của Phật, tu sáu phép hòa kính thì đoàn thể đó được gọi là “Tăng đoàn”. “Tăng”, tiếng Phạn gọi là “Tăng già”; nghĩa gốc của “Tăng già” là hòa hợp chúng; “chúng” là quần chúng, đoàn thể tập hội.

Trong gia đình có bốn người trở lên, đều ứng dụng tu “lục hòa” thì gia đình đó chính là “Tăng đoàn”. Một cơ sở kinh doanh có ít nhất bốn người trở lên, đều tu sáu pháp hòa kính thì cơ sở này chính là “Tăng đoàn”...Cả nhà bạn là hòa hợp chúng thì nhà bạn chính là đạo tràng. Cơ quan, xí nghiệp của bạn là hòa hợp chúng thì cơ quan xí nghiệp bạn cũng là đạo tràng...đều được chư Phật hộ niệm, chư thiên ủng hộ. Cho nên, hòa hợp chúng không chỉ dành riêng cho người xuất gia. Tuy nhiên, người xuất gia vẫn phải luôn luôn là mẫu mực, là tấm gương tốt cho mọi người noi theo.

Trong nhà Phật, những hình tượng này chúng ta phải thật sự xem trọng, vì ngày nay hầu như cả thế giới đều hiểu lầm vô cùng nghiêm trọng đối với Phật giáo. Sự hiểu lầm có tác hại dẫn đến sự xem thường đánh giá Phật giáo rất thấp! Họ cho rằng Phật giáo là đa thần giáo, thần nào cũng lạy! Tôn giáo cao cấp, theo họ, chỉ có một thần. Thần minh vô thượng chỉ có một. Họ đánh giá Phật giáo như vậy có phải là rất oan uổng chẳng?!

- Ai tạo nên hiện tượng xã hội này?

- Ta tạo nên! Không nên trách người mà trách chính mình chưa làm hết trách nhiệm của người đệ tử Phật, chưa thể giải thích rõ ràng về chân tướng của Phật pháp khiến mọi người hiểu lầm như vậy. Chúng ta cần phải sám hối, phải nghiêm chỉnh nỗ lực tu hành, phải là tấm gương tốt để mọi người nhìn thấy, phải cố gắng đem chân tướng sự thật của Phật pháp nói rõ ràng, minh bạch với đại chúng.

Đạo tràng phải là chuẩn mực của hội quần chúng trên toàn thế giới. Hội quần chúng nhỏ nhất là gia đình, lớn nhất là quốc gia. Chúng ta ở trong tất cả hội quần chúng tạo nên tác dụng mô phạm. Trong hội quần chúng này không có danh văn lợi dưỡng, không có nhân ngã thị phi, không có lợi hại, được mất. Hội quần chúng thanh tịnh; ý nghĩ việc làm đều vì lợi ích xã hội, quảng đại quần chúng, chẳng phải nói suông. “*Đốn luân tận phận*” chúng ta đích thật làm hết bổn phận mình, phải xây dựng đạo tràng đúng pháp.

- Đúng pháp là như thế nào?

- Khi đức Phật còn tại thế đã là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Suốt đời Phật giảng kinh thuyết pháp nhiều nhất tại hai đạo tràng: một đạo tràng nơi thành Vương Xá và một đạo tràng tại Tịnh Xá Kỳ Viên. Tất cả đạo tràng đều do quốc vương, đại thần, trưởng giả giàu có xây dựng. Những sự vụ trong đạo tràng đều do họ quản lý. Họ thỉnh Phật đến đó chỉ thuần là để giảng kinh, thuyết pháp. Lúc rồi

rãnh thì nội bộ nghiên cứu, thảo luận, tiêu trừ tất cả nghi hoặc để nâng cao trình độ và cảnh giới của chính mình.

Tôi vô cùng ngưỡng mộ phương cách làm việc năm xưa của đức Thế Tôn . Nói rõ hơn đạo tràng cần phải để cư sĩ quản lý. Người xuất gia tiếp nhận sự lễ thỉnh của cư sĩ, tứ sự cúng dường, để hoằng pháp lợi sinh, tuyệt đối không can thiệp vào những việc linh tinh.

Có số người xuất gia không an tâm! Cũng chẳng trách họ! Họ nói: - Đạo tràng này tôi không có chủ quyền, nếu chẳng may, ngày nào đó họ không vui đuổi tôi đi thì sao?! Điềm này xin nói thật với bạn: - Bản thân bạn không có tín tâm! - Vì sao? - Vì bạn không có đạo! Xưa nay Tổ sư thường nói: *“Chỉ sợ không có đạo; chẳng sợ không có chùa”*.

Nếu bạn thật sự có đạo, nơi này không cầu thỉnh, nơi khác cũng sẽ có người chấp tay cầu bạn, bạn sợ cái gì? Chỉ e bạn không có đạo, chẳng đạo tràng nào cần đến bạn thì bạn cùng đường! Nếu đích thân bạn xây đạo tràng thì quyền sở hữu đạo tràng này là của chính bạn. Xin hỏi bạn: - Bạn ra khỏi cái nhà nào?! Bạn đã hỏi gia rồi! Bạn vừa ra khỏi nhà nhỏ của bạn, liền đeo gông nơi cái nhà lớn! Sai rồi! Sai lắm lớn! Cho nên, chúng ta không cần đạo tràng, không cần nơi chốn. Nếu quả thật không có người lễ thỉnh thì ngày tháng này càng thật thoải mái, an vui.

Bây giờ lều trại rất lý tưởng: Phần dưới đều có tấm lót, côn trùng không vào được, có dây kéo rất kín. Một cái lều trại nhỏ, đến nơi cảnh núi sông hữu tình an nghỉ, thật thoải mái thế nào! Cát đạo tràng làm gì! Đức Phật ngày xưa, tối ngủ ở góc cây, không có chăn đắp, mỗi ngày chỉ ăn một bữa giữa trưa. Đời sống này là đời sống của thần tiên. Tại sao chúng ta không thể sống đời sống như thế? Tại sao lại tạo ra quá nhiều gông cùm, trói chặt chúng ta như vậy?! Khiến chúng ta vĩnh viễn trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, làm chuyện ngu

dốt như vậy, còn hô to đốc ý, há chẳng phải mê hoặc, điên đảo rồi sao?! Cho nên, trong tâm chúng ta phải buông bỏ nó cho thật sạch sẽ, không còn một chút phiền phức nào cả, không tạo tội nghiệp.

Lời nói của cổ nhân: Đạo quan trọng hơn chùa là danh ngôn chí lý, chúng ta phải khắc ghi trong lòng, cố gắng y giáo phụng hành. Chúng ta hi vọng chân thật có cư sĩ Hiền Hộ, có cư sĩ Thiện Tư Duy, họ sẽ xây dựng đạo tràng, đến lễ thỉnh cúng dường người xuất gia đến đây tu hành, hoằng đạo. Công đức hoằng, hộ được phát huy hết mức, bốn chúng là một nhà. Cái biển hiệu này hào quang muôn trượng, chiếu khắp đất trời. Chúng ta đã tô vàng lên mặt Phật, đây là công đức chân thật vô lượng vô biên! Đây là tôi khích lệ các bạn đồng tu tại gia xây dựng đạo tràng. Một người có khả năng thì một người xây. Nếu không đủ khả năng thì hợp tác với những người có cùng chí hướng với nhau mà cùng xây.

Đầu óc người hiện tại quả thật đều mê tít trong chuyện tiền bạc, thật đáng thương! Bất kể làm việc gì, việc trước tiên là nghĩ đến tiền; Chúng ta nhất định không tạo một mảy mai áp lực nào lên tín đồ. Đạo tràng chỉ tiếp nhận quyên góp của bạn, tuyệt đối không hạn chế mỗi tháng phải đóng góp bao nhiêu tiền, một năm bao nhiêu tiền.

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói rất hay: *“Chúng ta không có tiền, không có phước báo, A Di Đà Phật có đại phước báo. Cái núi này là chỗ dựa chắc chắn”*. Vậy còn vấn đề gì nữa? Bạn phải dựa thật chắc.

- Dựa thế nào?

- Y giáo phụng hành là chân thật lấy A Di Đà Phật làm núi dựa. Những gì trong kinh dạy, bạn đều làm đến được, nguồn tiền bạn cần có trong việc hoằng pháp lợi sinh, A Di Đà Phật sẽ mang đến cho bạn, đâu cần bạn phải bận tâm, tự mình lo nghĩ kinh doanh, khổ chết mất! Trong nhà Phật có câu: *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất*

úng”. Khi tôi mới bắt đầu tiếp xúc với Phật giáo, *Đại Sư Chương Gia* truyền thụ cho tôi, tôi tín nhiệm đối với thầy.

Tôi là một học sinh tốt, một học sinh chuẩn mực. Những lời chỉ dạy của thầy, tôi phục tùng một trăm phần trăm, tôi cũng làm được một trăm phần trăm, tôi không phụ lòng thầy. Nếu ngày nay tôi có tà tri, tà kiến hay làm việc gì không tốt, tôi đều nghĩ tôi có lỗi với thầy. Nơi tôi ở, tôi cũng treo hình của thầy tôi. Học sinh chúng ta ngày nay vào lớp, hình của thầy cũng phải treo vào đó. Trong một đời, xa rời thầy mấy mươi năm rồi, nhưng tâm tưởng chúng tôi vẫn mãi mãi bên nhau. Thầy dạy tôi phải giữ tâm báo ân, hoằng pháp lợi sinh, tôi làm sao dám trái phạm. Thường giữ tâm báo ân thì bạn sẽ không có suy nghĩ xằng bậy.

Cho nên, cư sĩ tại gia phát tâm, chỉ cần phát ra từ chân tâm chân thật, vì hoằng dương Phật pháp, vì hóa độ chúng sinh, vì xã hội an định, vì lợi ích quần sinh... Phật, Bồ Tát đều bảo hộ, luôn luôn “hữu cầu tất ứng”, làm gì có chuyện cầu không được. Đại sư Chương Gia dạy tôi phương pháp này, hơn nữa còn nói với tôi: “Cả đời con đều do Phật, Bồ Tát an bày, không cần phải lo lắng gì nếu con thật tu”. Nghe câu nói này, tôi vô cùng hoan hỉ, mãi đến bây giờ vẫn còn hoan hỉ. Hơn bốn mươi năm rồi, tôi thật có cảm ứng này. Thật không cần lo lắng! Thật không cần chờ đợi! Có cầu tất có ứng! Có nguyện ắt sẽ thành. Đại sư còn nói: Nếu có nguyện, có cầu mà vẫn chưa có cảm ứng, nên biết nghiệp chướng của mình quá nặng. Phải mau tiêu trừ nghiệp chướng; nghiệp chướng tiêu thì cảm ứng liền hiện tiền.

- Làm thế nào để sám hối?

- Chân thật biết được lỗi lầm của chính mình phải mau sửa đổi, phải thật sự quay đầu, đó gọi là sám hối. Sám hối là về sau không tạo tác nữa. Chân thật phát tâm sám hối, chư Phật Bồ Tát tán thán, thánh nhân cũng nói: “*Sửa lỗi là đại thiện*”.

Tóm lại, cư sĩ tại gia xây dựng đạo tràng là chính xác, giống như xây dựng trường học: Người tại gia xây dựng trường học, tổ chức đồng sự quản lý trường học. Người xuất gia là giáo viên. Trường học bạn xây xong, liền phải mời giáo viên, mời thỉnh một hiệu trưởng. Hiệu trưởng là tổng giám đốc, họ có trách vụ chỉ đạo và quản lý trường học. Ông chủ là giám đốc, sản quyền thuộc về ông chủ. Cũng thế, trong tự viện mời thỉnh một người đến trụ trì, mời một người đến chấp sự, mời một số người đến tu hành, hoằng pháp lợi sinh, được như vậy là đúng pháp.

Thuở trước, khi Phật giáo vừa truyền đến Trung Quốc, được quốc gia hộ trì. Đạo tràng do quốc gia xây dựng là tài sản của quốc gia. Pháp sư trong đó cũng do quốc gia mời thỉnh. Cho nên, Pháp sư chỉ lo tu hành, hoằng pháp.

Nói đến *Quang Anh Bồ Tát* là nói đến hình tượng của Phật pháp. Nếu hình tượng của bạn không tốt thì đối với việc hoằng truyền Phật pháp sẽ sinh ra chướng ngại rất nghiêm trọng. Cho nên Quang Anh ở chỗ này, ý nói là xây dựng hình tượng Phật pháp, hào quang vạn trượng chiếu khắp đại thiên. Cá nhân là hình tượng học Phật, gia đình là hình tượng của Phật pháp. Mọi người nhìn xem! Nhà này học Phật mà rối bời, lộn xộn, khiến chướng ngại người xung quanh không tin tưởng vào Phật pháp. Đây là diệt pháp chứ không phải hoằng pháp! Học Phật, nhất định phải có hình tượng rất tốt, điều này rất quan trọng!

Bảo Tràng Bồ Tát: (đây là bản Đường dịch, bản Ngụy dịch ghi là Trí Tràng) biểu thị Trí tuệ thù thắng ví như tràng báu. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Tràng” là cao hiển, Phật pháp là quý báu. *Bảo Tràng Bồ Tát* nghĩa là tuyên dương Phật pháp, đem trân bảo của Phật pháp truyền thọ cho đại chúng.

- Hiện tại cái gì là “Bảo”?

- Truyền hình vệ tinh là “Bảo”, đường truyền internet là “Bảo”. Chúng ta dùng cái “Bảo” này đem Phật pháp lưu truyền đến thế giới. Nên biết: Ngày nay trên toàn thế giới có được đạo tràng như Cư Sĩ Lâm ở Singapore này là rất hiếm có! Việc này không phải tôi đặc biệt tán thán với đại chúng mà đó là sự thật.

Cơ cấu xã hội đang thay đổi! Thời đại này là thời đại công nghiệp, thời đại khoa học kỹ thuật cao, cuộc sống con người mỗi ngày đều rất bận rộn, làm gì có thời gian ngày ngày đến đạo tràng hai tiếng đồng hồ để nghe kinh, không thể nào! Cho nên, cơ hội chúng sinh nghe pháp ngày càng ít! Phước của chúng sinh ngày càng giảm! Chỉ có Singapore là phước địa, là đại phước báo mới có rất nhiều người mỗi ngày đều đến nghe kinh, vậy thì còn gì bằng!

Cho nên, xã hội phương Tây, xây đạo tràng không cần lớn, một phòng nhỏ cũng được rồi, quan trọng là phải có thiết bị kỹ thuật cao, có phòng thu âm mô hình nhỏ, dùng phòng thu âm này, sau khi lưu xong, lợi dụng đường truyền vệ tinh phát ra cho toàn thế giới. Đây chính là ý nghĩa đại biểu của Bảo Tràn Bồ Tát.

Khoa học kỹ thuật cao là Bảo Tràn, là cao huyền. Lợi dụng phương pháp kỹ thuật cao này mà chuyên chở Phật pháp đi khắp nơi trên thế giới, bằng cách làm thành các băng đĩa CD, VCD v.v... Tôi nghe nói: Một đĩa có thể bảo tồn khoảng hai trăm năm, lưu truyền dài lâu. Lợi dụng truyền hình phát thanh, đường truyền để phát đi, vậy thì biến khắp mười phương, Bảo Tràn ở chỗ này đã khởi được tác dụng. Tận tâm, tận lực dùng phương pháp kỹ thuật cao, giới thiệu Phật pháp đến khắp mọi người trên toàn thế giới, bạn chính là *Bảo Tràn Bồ Tát*.

Phía trước đã đề cập đến *Quang Anh Bồ Tát*, tức là nói đến hình tượng của Phật pháp. Chỗ này, *Bảo Tràn Bồ Tát* là nói ta phải tuyên dương Pháp môn này.

Trí Thượng Bồ Tát: (thấy trong bản Đường dịch; bản Ngụy dịch ghi là Tuệ Thượng): ngài là biểu thị cho Trí tuệ cao độ, Trí tuệ viên mãn, Diệu trí vô thượng, có lợi ích thực tiễn chân thật trong Phật pháp sở cầu, mục đích cứu cánh của người tu Phật. Trí tuệ vô thượng có công năng giúp ta chuyển mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển phiền não thành Bồ Đề... Cho dù nghiệp lực chưa thể chuyển được, nhưng nếu có được sự thâm hiểu về Phật pháp, có sự tu tập, bạn cũng có thể được tự tại an lạc, trải qua đời sống của Phật, Bồ Tát, không còn phàm phu nữa. Vì sao? Vì bạn có trí tuệ.

- Trí tuệ từ đâu mà có?

- Có được từ *Quang Anh, Bảo Trạng*, chính là nghe pháp, tu trì mà có được.

- Thế nhưng, vì sao có người có trí tuệ, có phước báo nhưng họ vẫn làm những việc hồ đồ?!

- Đây là do nghiệp lực sai khiến! Thật đáng sợ! Hãy xem! *Đường Thái Tông*, một vị vua anh minh, khi lên làm Hoàng đế, liền giết anh ruột và em ruột của mình, đây là vết nhơ của ông trong lịch sử. Đối với thành tích của ông không ai mà không bội phục. Thế nhưng, đối với điểm này, mọi người đều không tán đồng! Không có tình anh em! Lại xem thí dụ khác: Vào triều nhà Thanh, Hoàng đế Ung Chánh, con trai vua Khang Hy. Khi Ung Chánh làm Hoàng đế đã giết sạch hết anh em của ông không chừa một ai! Bạn có thể nói ông không trí tuệ, không hiểu Phật pháp chăng? Không phải vậy! Tất cả Hoàng đế nhà Thanh đều là tín đồ Phật giáo thuần thành, đều có rất nhiều Quốc sư hướng dẫn. Nhưng đây là nghiệp lực không thể nghĩ bàn!

Xã hội chúng ta ngày nay không xem trọng giáo dục, đạo nghĩa. Cái phong tục phương Tây đã ngấm vào người Trung Quốc, đem truyền thống tốt đẹp của cổ xưa phá bỏ hết. Người Trung Quốc

ngày trước, từ nhỏ được tiếp nhận giáo dục: Trung hiếu, nhân ái, tín nghĩa, hòa bình. Xã hội ngày trước nói đạo nghĩa là nói nghĩa khí.

- Xã hội phương Tây ngày nay nói cái gì?

- Nói lợi hại! Vậy thì thật đáng sợ! Vừa có lợi thì lập tức đổi tâm, đạo nghĩa không còn! Việc này hiện tại chúng ta đều có thể xem thấy khắp nơi rất rõ ràng. Ở Mỹ, có rất nhiều công ty. Trong công ty này có rất nhiều nhân tài chuyên nghiệp; công ty khác biết được liền lôi kéo qua bằng cách cho họ rất nhiều đãi ngộ, họ liền từ chức nơi này đến nơi khác nhậm chức! Thấy lợi quên nghĩa! Đây là việc rất bình thường đối với giáo dục phương Tây, thử hỏi xã hội này làm sao không loạn!

Nói đến đây, chúng ta không thể không bội phục người Nhật. Tôi đối với người Nhật thật vô cùng bội phục, năm vóc sát đất! Dẫu rằng ngày trước họ ức hiếp người quá đáng, nhưng người Nhật ở xã hội ngày nay còn có đạo nghĩa. Công nhân làm việc ở Nhật, cho dù công ty này trên đà suy thoái, họ vẫn tiếp tục hỗ trợ cho đến cùng, không nỡ nhả tâm quay lưng rời bỏ, chạy đi nơi khác. Cái gốc này là văn hóa Trung Quốc, họ vẫn còn gìn giữ. Lại nữa, công nhân làm việc ở Nhật, nếu có vấn đề gì không hài lòng đối với chủ thì họ kháng nghị nhưng không bãi công, bằng cách mang trên đầu một miếng vải trắng. Chủ nhìn thấy liền biết họ có ý kiến rồi, vội vàng triệu tập hội nghị để giải quyết một cách ôn hòa. Khác hẳn người nước ngoài, vừa bất bình là lập tức bãi công thì đôi bên đều tổn thất.

Ngày nay, trong xã hội này có thể thấy được một chút nghĩa khí, ngoài Nhật Bản ra, nơi khác không còn nhìn thấy! Có loại đạo nghĩa này, mới chân thật là người biết được tri ân và báo ân. Giáo dục phương Tây, ân nghĩa không có! Chẳng biết được cái gì là ân, cái gì là nghĩa, làm sao nói đến báo ân?! Hiện tại, thế gian này, như Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tà sư nói pháp như cát sông Hằng!” Không

có trí tuệ cao độ, không thể nào chống chọi được sức đam mê của ngũ dục, lục trần. Nếu có thể không động tâm, phải nói rằng: Bạn là Bồ Tát tái sinh, là hiện thân của *Trí Thượng Bồ Tát*.

Tịch Căn Bồ Tát: Vị Bồ Tát này đại biểu cho lục căn thanh tịnh, vô nhiễm, tịch diệt cảnh trí đại Định mà trên quả địa Như Lai chứng được, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Sư Tử Phấn Tấn tam-muội*”. “*Sư tử Phấn Tấn tam-muội*” đó chính là đại Định của quả địa Như Lai. “Căn” là sáu căn, “Tịch” là thanh tịnh, tịch diệt. Sách Hội Sớ giảng: “*Trí và cảnh đều vắng lặng, các căn thanh tịnh nên gọi là Tịch Căn*”. “Tịch” là căn bản, có công năng chiếu soi vô cùng, chiếu mà thường tịch, thanh tịnh vô nhiễm, đây tức là Định.

- Định từ do đâu mà có?

- Định từ Tuệ mà có! Không có diệu trí vô thượng làm sao có thể chứng được “Tịch diệt cảnh trí”. Định và Tuệ hỗ trợ nhau. Định giúp Tuệ; Tuệ giúp Định. Tuệ là nhìn thấu, hiểu rõ chân tướng sự thật. Định là ngay trong hiện tượng có thể như như bất động. Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*”. “Bất thủ u tướng” là không chấp tướng. Ngoài không chấp tướng, trong không động tâm, đó là Thiền định. Công phu Thiền định càng sâu, giúp bạn nhìn thấu chân tướng sự thật càng thấu triệt hơn.

Bình thường chúng ta nói “Định-Tuệ” khiến mọi người khó hiểu, nảy sinh ý tưởng khó học. Cho nên, chúng ta đổi cách mà nói: “*Nhìn thấu, buông bỏ*” thì mọi người dễ hiểu. Nhìn thấu là “*Tuệ*”, buông bỏ là “*Định*”. Nhìn thấu là hiểu rõ chân tướng sự thật. Buông bỏ là buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước... bao gồm tất cả căn gốc của nghiệp tập phiền não. Thiền tông cũng như Giáo hạ đều bảo ta phải tu từ căn bản. Căn bản là gì? - Đó chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Phải đem tất cả những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thả đều buông bỏ, bạn liền thành Bồ Tát, thành Phật. Nếu

vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi ngày thêm lớn thì thật đáng sợ! Đây là tạo nghiệp phải thọ lấy khổ báo.

Nên nhớ: Luôn gìn giữ lục căn thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là tu nguyên tắc của “*Tịch căn*”, thành tựu pháp môn bất nhị của “*Tịch căn*”. “Trí Thượng” đại biểu cho Trí tuệ; “*Tịch căn*” đại biểu cho phước; tâm thanh tịnh là đại phước báo.

Người thế gian hàm hồ, mê hoặc đảo điên lấy khổ làm vui, cho là sự hưởng thụ; Phật pháp gọi đó là tạo nghiệp.

- Niềm vui chân chính là gì?

- Tâm địa thanh tịnh, đó mới là chân lạc.

“*Tịch diệt*” là sự hưởng thụ tối cao, đích thật một mây trần cũng không nhiễm. Trong Phật pháp thường dùng chữ “*tịch chiếu*”. “*Tịch*” là tâm thanh tịnh, “*Chiếu*” là khởi dụng của Trí tuệ. “*Tịch*” mà “*thường chiếu*”, mọi thứ đều hiểu rõ, đây là Phật. Bồ Tát thì “*chiếu*” mà “*thường tịch*”. “*Chiếu*” là mọi thứ hiểu rõ; trong mọi thứ hiểu rõ mà tu tâm thanh tịnh, đây là Bồ Tát. Tâm đã thanh tịnh rồi thì đó là Phật.

Tín Tuệ Bồ Tát: “*Tín*” ở đây là chân tín, thật tín, tín tâm chân thật. Đặc biệt, trong bốn tông Tịnh Độ có ba điều kiện tối quan trọng là : Tín, Nguyện, Hạnh. Trong “*Tín*” phải có “*Tuệ*”, nếu không sẽ trở thành tà tín, không phải chánh tín. Trong “*Nguyện*” cũng phải có “*Tuệ*”; “*Nguyện*” không có “*Tuệ*” không phải là thật nguyện. “*Tin sâu, nguyện thiết*”, “*Tuệ*” thực tiễn nhất là ngay trong Kinh Vô Lượng Thọ, siêng năng đọc tụng, siêng năng lý giải, y giáo phụng hành, Tuệ của bạn liền đầy đủ.

Theo như các câu trong kinh này “*Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai, tắc năng hoan hỉ tín thử sự*” (Đã từng cúng dường các Như Lai thì có thể hoan hỉ được sự này), “*nhân thân nan đắc, Phật nan trị*,

tín tuệ văn pháp nan trung nan” (thân người khó được, Phật khó gặp, tín tuệ, nghe pháp là điều khó nhất trong các điều khó) thì Tịnh Độ Tông là pháp khó tin. Nếu ai tin nhận được đều là do tuệ căn sẵn có từ trước.

Đại Sư Ân Quang tu hành, trong phòng ngài không có bất cứ thứ gì ngoài tấm che để thay đồ, giặt quần áo. Trong Phật đường nhỏ của ngài chỉ vồn vẹn một tôn tượng Phật, một quyển Kinh A Di Đà. Phía sau tượng Phật, ngài viết một chữ “chết” rất lớn. Đại sư ngài dạy chúng ta làm thế nào tu Tín, Nguyện, Hạnh, làm thế nào ngay trong đời này quyết định vãng sinh.

Người thế gian cho rằng chết là đáng sợ! Chúng ta học Phật, cái chết đối với chúng ta là di dân đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, hân hoan vui thích mà đi, mong ngóng từng ngày để được đi, xả bỏ thân như uế này được thân kim cang bất hoại, sao lại không đi chứ?!

Mỗi tối lên giường ngủ, liền nghĩ Phật đến tiếp dẫn ta, ngày ngày trông mong ngài đến đón ta. Hiện tại, Phật chưa đến, chúng ta có chút việc chưa xong, phải hoàn tất cho xong giảng Kinh Vô Lượng Thọ, giúp chúng sinh nhiều hơn một chút. Còn hơi thở, còn chút sự sống là còn trách vụ, mang lý tưởng lợi ích đến mọi người, khuyến tấn mọi người tin Phật, niệm Phật đồng phát nguyện vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, thân cận đức Phật A Di Đà.

Nguyện Tuệ Bồ Tát: Đây là trí tuệ nguyện sinh Tịnh Độ, nguyện thành Phật đạo, nguyện độ khắp tất cả chúng sinh. “*Nguyện Tuệ*”, theo Hoàng Niệm lão, là “biểu thị trí tuệ rộng lớn, đại nguyện vương của Phật Di Đà, lại được hỗ trợ bằng tín tuệ của bậc Chánh Sĩ, biểu thị Tịnh Độ dùng “tín, nguyện, trì danh” làm Tông”.

Hương Tượng Bồ Tát: Là Bồ Tát từ cõi A Súc Phật ở phương Đông đến. Ngài từng ở trong hội Duy Ma ngồi nghe pháp (với Bồ Tát Duy Ma Cát). Trong Phật pháp thường dùng sư tử, dùng

voi lớn làm biểu trưng. Ngài Văn Thù Bồ Tát cõi su tử; Phổ Hiền Bồ Tát cõi đại tượng. Kỳ thật, Văn Thù, Phổ Hiền không cõi su tử cũng không cõi đại tượng. Đó chỉ là ý nghĩa biểu trưng. Su tử đại biểu cho đồng mãnh, sức trí tuệ tối dũng mãnh. Voi đại biểu cho vững vàng, cho sức Định. Ý nói:

- Tòa ngòai của Văn Thù là Đại trí tuệ.
- Tòa ngòai của Phổ Hiền là Đại Định.

Mặt khác, “Hương Tượng” cũng đại biểu cho “Hạnh”, “hương tượng” trong chú giải của người xưa; khí lực của nó rất lớn, thân “hương tượng” tỏa ra mùi hương, mùi nơi thân Bồ Tát này cũng thế. Thời xưa, khi khoa học chưa phát triển, vận chuyển đều phải nhờ động vật. Trong động vật có thể kéo nặng, sức mạnh rất lớn là đại tượng. Sức mạnh của tượng mạnh hơn rất nhiều so với trâu, ngựa. Cho nên, “hương tượng” đại biểu cho sức mạnh, dùng nó để biểu thị Di Đà nguyện lực vô biên, cũng biểu thị nguyện lực của chúng ta cũng phải vô biên.

Bảo Anh Bồ Tát: “Anh” là tinh anh, tinh hoa. “Bảo Anh” là tinh hoa trong các “Bảo”, biểu thị Di Đà nguyện hải, trang nghiêm bằng vô lượng công đức diệu bảo, có thể khiến phàm phu không có công đức mau chóng thăng lên địa vị “Bất Thoái”, chứng nhập Niết Bàn. Đây chính là thứ quý nhất trong các “Bảo”, nên nói là “Bảo Anh”. Bồ Tát Bảo Anh là biểu trưng ý nghĩa này.

Trung Trụ Bồ Tát: Biểu thị tâm chúng ta phải trụ nơi Trung Đạo. Trung Đạo thì không có tâm thiên lệch, không thiên về “không”, cũng không thiên về “có”; không thiên về “chánh”, cũng không thiên về “tà”. Những chân, giả, tà, chánh, thiện, ác, phải, quấy v.v... là chấp hai bên. Phật dạy chúng ta phải đi theo đường Trung đạo, đó chính là biểu hiện đời sống trí tuệ cao đẳng.

Chúng ta tâm chánh, ngôn chánh, hạnh chánh; người ngoài có bàn luận thế nào cũng chẳng quan hệ gì đến ta. Họ thấy sai, ngộ nhận về ta, luôn là không thể tránh khỏi! Thế gian này có mấy ai làm vừa lòng hết tất cả?! Không thể! Đức Phật cũng không làm được! Thế gian này có bao nhiêu người mắng Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, ta nghe đã quá nhiều! Phật còn bị người mắng sá gì là ta!

Phật tiếp nhận người mắng; chúng ta cũng phải tiếp nhận người mắng. Phải tiếp nhận! Không nên có một câu biện bạch nào. Chúng ta đối với người chân thành, cung kính, tán thán. Họ hủy báng ta, ta cũng cung kính họ; họ hãm hại ta, ta cảm ân họ. Đây là thật! Họ giúp ta tiêu nghiệp chướng, giúp ta tăng trưởng phước tuệ! Xét lại! Có người nào chẳng phải ân nhân của ta. “Trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ”, thường giữ cái tâm này là *Bồ Tát Trung Trụ*.

Phải học “*tịnh niệm tương tục*”. “Tịnh” chính là không xen tạp, “tương tục” là công phu không gián đoạn. Từ nơi công phu mà nói: Có thể đạt đến “tức niệm ly niệm”, công phu của bạn liền được thuần thực. “Tức niệm ly niệm” chính là người thông thường hay nói: “Niệm mà không niệm; không niệm mà niệm”. “Không niệm” và “niệm” là một chớ không phải hai. Đây là vào “Pháp môn không hai”.

“Pháp môn không hai” là cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ. Vào được cảnh giới này tức là siêu việt mười Pháp giới, biết được tất cả pháp thế, xuất thế gian đều là “pháp bất nhị”; tận hư không khắp pháp giới là chính mình, đây là chân tướng. Từ đó, tâm đại bi sinh khởi, đối với tất cả chúng sinh “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. “Từ” là quan tâm, thương yêu, chăm sóc không có điều kiện, “Bi” là nhìn thấy tất cả chúng sinh khổ nạn, tận tình giúp họ thoát khỏi khổ nạn, cũng không có điều kiện. *Bồ Tát Trung Trụ* ở đây biểu thị ý nghĩa rất sâu, đó là lý cũng gọi là nhìn thấu.

Chế Hành Bồ Tát: “Hành” là hành vi sinh hoạt của chúng ta. Hành vi làm sao không sai lầm? Bạn chính mình phải biết tiết chế! “Chế” là sửa lỗi, tự làm mới, đó là chân thật tu hành. Thánh hiền xưa dạy: “Người không phải Thánh Hiền làm sao không lỗi!” Mỗi người đều có lỗi lầm. Lỗi mà có thể sửa, đó chính là Bồ Tát, không chịu sửa lỗi là phạm phu. Cho nên, biết lỗi là giác ngộ, sửa lỗi là công phu. *Chế Hành Bồ Tát* ở đây biểu thị nghiêm trì tịnh giới, lánh ác làm lành, hơn nữa “*Niệm Phật chính là trì giới*” cũng có nghĩa là “*Chế Hành*”. Chúng ta ngay trong cuộc sống thường ngày phải tuân thủ, nắm chắc nguyên tắc này, chính là chúng ta trải qua đời sống Bồ Tát.

Giải Thoát Bồ Tát: “giải” là giải trừ; giải trừ phiền não, giải trừ lo lắng vướng bận, thoát khỏi ưu bi khổ não. “*Giải thoát Bồ Tát*” ở đây biểu thị “trừ diệt kết phược” nên gọi là giải thoát. Các Bồ Tát phía trước là từ trên nhân mà nói. Vị này là từ trên quả mà nói, cho nên ý nghĩa vô cùng viên mãn. Giáo học của Phật pháp rất thực tế, rõ ràng. Nếu chúng ta thể hội được, thực hành được thì hiện tiền đời sống của chúng ta: Gia đình sẽ mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội an lành, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình, mọi người tôn kính lẫn nhau, lễ nhường lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau v.v... cùng tồn tại phát triển.

Vào năm 1970, nhà triết học nước Anh, Thang Ân Tử, đã chỉ điểm cho mọi người trên thế giới một con đường đi, ông nói: “*muốn cứu vãn thế kỷ hai mươi mốt đạt đến hòa bình, cùng tồn tại, chỉ có học thuyết của nhà Nho cùng Phật giáo Đại Thừa*”. Phát ra từ miệng người nước ngoài, con người này thật cừ khôi, có học vấn, có kiến thức, ông nhìn thấy được thế kỷ hai mươi mốt là một xã hội rất phức tạp.

Vào thời trước, mỗi quốc gia khu vực đều đóng cửa, đôi bên không qua lại với nhau, mỗi người trải qua ngày tháng thái bình của mỗi người; mỗi người có phạm vi khung trời nhỏ của mỗi người. Thế kỷ hai mươi mốt, theo trào lưu tiến bộ của khoa học kỹ thuật, thông tin phát triển, nhà nhà đều có vi tính lên lớp. Tin tức toàn cầu đều có ở ngay trước mặt, phạm vi tiếp xúc của bạn quá lớn! Giao thông thuận tiện, lúc nào cũng có thể đi du lịch khắp nơi trên thế giới, chính thức mặt đối mặt. Ngày trước, văn hóa không đồng, nên khi vừa tiếp xúc đương nhiên có xung đột. Quan điểm bất đồng, phương thức đời sống khác nhau, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, đột nhiên vừa tiếp xúc luôn là không thích ứng.

- Làm thế nào giải quyết được vấn đề này?

- Học thuyết nhà Nho và Phật giáo Đại Thừa có thể giải quyết! Cho nên, nước Anh vào năm trước đã đem Phật học đưa vào giáo trình trường học. Đây là quốc gia chính thức ra lệnh làm. Tiểu học, Trung học, Đại học trong giáo trình đều có kinh Phật. Nước Anh là một quốc gia Ki-tô giáo, họ làm trước dẫn đầu. Ngày nay, chúng ta mới làm cũng là rơi vào phía sau của người khác rồi.

Hiện tại, Úc Châu mở hội thảo cũng là dẫn đầu thế giới. Họ tập hợp nhân vật lãnh đạo giới tôn giáo, giới học thuật, học giả, chuyên gia v.v... đến thảo luận, nghiên cứu môn học vấn thích ứng thế kỷ hai mươi mốt. Tôi đã tham dự buổi hội thảo ở Úc châu, thăm viếng qua trường Đại học của họ. Đại học cũng rất chú trọng đến vấn đề này.

Bởi vì, chính sách hiện tại của Úc châu là mở rộng di dân từ các nơi khác nhau trên thế giới di dân đến đó. Bối cảnh văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng v.v... đều không giống nhau, phải cùng người Úc hòa đồng chung sống trong một xã hội, làm thế nào có thể tránh được những ngăn cách, những hiểu lầm v.v... để cùng hợp tác, cùng tồn

tại phát triển, đây là ý hướng và mục tiêu của họ. Viện trưởng của Học Viện đến hỏi tôi, tôi cũng nói với họ: Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Họ nghe rồi rất hoan hỉ, rất hi vọng tôi đến mở lớp...

“Nhi vi thượng thủ” (Làm thượng thủ) ngụ ý tất cả mười sáu vị Đại Sĩ đều là thượng thủ của vô lượng vô biên Bồ Tát tại gia, cùng lúc đến dự hội. Mười sáu vị Bồ Tát này, mỗi vị Bồ Tát: Tất cả những ưu điểm, sở trường, đức hạnh v.v... của họ đều là tiêu đề để chúng ta hướng đến học tập. Làm được như họ, ta chính là Bồ Tát viên mãn. Mười sáu vị Bồ Tát này cũng biểu thị hàm nghĩa của toàn bộ kinh vô cùng thiết yếu.

KINH VĂN:

Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung, du bộ thập phương, hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn.

VIỆT DỊCH:

Đều cùng tuân tu đức của Đại Sĩ Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy pháp công đức, đi khắp mười phương, hành quyền phương tiện, vào pháp tạng của chư Phật, rốt ráo đến bờ kia.

GIẢNG:

“Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức”: Pháp hội kinh này lấy Phổ Hiền Bồ Tát làm thượng thủ của hết thảy Bồ Tát. Các vị khác như: Văn Thù, Di Lặc, Hiền Hộ v.v..., các vị xuất gia, tại gia Bồ Tát và mười phương vô lượng vô biên các đại Bồ Tát đến nhóm hội đều tuân hành theo đức của Phổ Hiền Đại Sĩ. “Đại Sĩ” tức

là Bồ Tát, là Đại đạo tâm hữu tình; “Sĩ” là sĩ phu. “Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức” nói rộng ra chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Đại Sĩ là Hoa Nghiêm trường tử, Văn Thù là thứ nam. Bộ kinh này là rút gọn của Hoa Nghiêm, là tinh hoa của Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là nói tỉ mỉ của Kinh Vô Lượng Thọ. Nếu có thể khế nhập sâu rộng bộ kinh này, sau đó giảng Kinh Di Đà thì thật tuyệt, vì nội dung kinh này sâu sắc, lời lẽ dễ hiểu, vị sâu lời cạn, giảng mới có sức mạnh, có công lực. Câu trên đây là lấy từ Kinh Hoa Nghiêm, giảng năm năm cũng giảng chưa xong!

Cho nên, cần phải nắm lấy cương lĩnh. Thế Tôn trong Kinh Hoa Nghiêm có dạy: “*Bồ Tát nếu không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể viên thành Phật đạo*”, tức không thể chứng được viên giáo Phật quả. Cốt lõi tốt cùng phẩm đức của ngài Phổ Hiền là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, cũng là mười đại cương tu hành của Hoa Nghiêm. Trong mười đại cương tu hành này, hầu như mọi người đều có thể học thuộc lòng, tuy nhiên vẫn chưa thấu được ý nghĩa thâm sâu, chỉ hiểu một cách lơ mờ. Nói cách khác, bạn chưa tường tận, chưa thông suốt!

Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền: Thứ nhất là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai, ba là quảng tu cúng dường, bốn là sám hối nghiệp chướng, năm là tùy hỷ công đức, sáu là thỉnh chuyển pháp luân, bảy là thỉnh Phật trụ thế, tám là thường tùy Phật học, chín là hằng thuận chúng sinh, mười là phổ giai hồi hướng. Nguyện thứ mười: “*Phổ giai hồi hướng*” hiển thị nghĩa chữ “*Phổ*”. Từ nguyện lễ kính đến nguyện thứ chín “*hằng thuận chúng sinh*” hiển thị ý nghĩa của chữ Hiền. Do đó, mười đại nguyện hiển thị danh xưng

Phổ Hiền. Theo Hoàng Niệm lão: “Hiền” là theo chiều dọc tốt cùng ba đời, “Phổ” là bao hàm trọn vẹn không sót.

Thanh Lương Sớ nói: “*Với quả không gì chẳng đạt đến cùng tốt là Phổ, chẳng bỏ tu nhân là Hiền*”. Rõ ràng, Phổ Hiền trong kinh này là “*Vị Hậu Phổ Hiền*”, cũng tức là như Thiện Đạo đại sư nói là tướng từ Quả hướng đến Nhân.

1. LỄ KÍNH CHƯ PHẬT

Giáo học trong nhà Phật, lễ kính là trước tiên. Lễ kính là lưu xuất tự nhiên từ trong tánh đức của bạn, không phải từ bên ngoài. “Lễ” biểu hiện ra bên ngoài là cung cung, kính kính. “Kính” là giữ ở trong tâm. Trong nhà Phật, mọi người gặp nhau đều chấp tay xá chào. Chấp tay đại biểu cho sự nhất tâm. Bình thường, bàn tay chúng ta các ngón đều tách rời ra, biểu thị tâm tán loạn, vọng niệm rất nhiều. Nếu tất cả vọng niệm đều dập tắt, hợp nhất lại là nhất tâm, là cung kính. Nên biết: Tâm chân thành là cung kính, tâm thanh tịnh là cung kính, tâm bình đẳng là cung kính, tâm giác ngộ là cung kính. Tất cả đều là tu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”.

Đối người, đối sự, đối vật đều cung kính. Cung kính ở đây không phải bảo bạn gặp ai cũng cứ gập đầu, lễ bái, tu như vậy hóa ra đầu óc bạn chẳng bình thường rồi! Trên đường phố nhiều người qua lại, gặp ai cũng gập đầu, làm gì có đạo lý này! Chữ “kính” ở đây là kính ở trong tâm, về mặt sự vẫn không đi ngược lại với pháp thế gian. Chỗ gọi là “*Phật pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp*”, người thế gian dùng lễ tiết gì, chúng ta cũng dùng lễ tiết đó. Phải “hàng thuận chúng sinh, tùy hỉ công đức”, đây đều là trong “Thập nguyện vương” chỗ nói đến.

- Đối sự làm thế nào tu lễ kính?

- Phải tận tâm, tận lực, hết lòng làm cho tốt sự việc, đây là đối sự lễ kính. Pháp môn này là pháp môn Phổ Hiền, chẳng phải thông thường, dứt khoát không nên “khẩu thị tâm phi”, miệng nói mà tâm không hành, chống trái với Đạo.

- Đối vật, cung kính thế nào?

- Tất cả vật dụng bày biện ngăn nắp, sạch sẽ là đối với vật lễ kính. Trong ánh mắt của Phổ Hiền Bồ Tát, tất cả các pháp đều bình đẳng, vạn vật đều có pháp tánh, cùng với chân tâm bản tánh là một.

Lục Tổ Huệ Năng lúc khai ngộ, ngài nói: “*Hà kỳ tự tánh năng sinh vạn pháp*”, thập pháp giới, y chánh trang nghiêm đều là tự tánh sở sanh, chỗ biến hiện ra. Tự tánh là Phật, Vạn sự vạn vật từ tự tánh sinh khởi biến hiện cũng đều là Phật. Phải dùng tâm lượng như vậy, quán sát như vậy, đối với tất cả đều cung kính, thế mới gọi là lễ kính chư Phật.

- Chư Phật là ai?

- Quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật đều là chư Phật. Quá khứ chư Phật, chúng ta đã xem thấy trong kinh đức Phật có giới thiệu. Hiện tại Phật, đức Thích Ca Mâu Ni cũng giới thiệu về đức Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc; đức Phật Dược Sư ở thế giới phương Đông v.v... là Phật hiện tại.

- Vị lai Phật là ai?

- Là tất cả chúng sinh. Chỗ này phạm vi lễ kính sẽ rộng. Chúng ta cung kính Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà như thế nào thì đối với tất cả chúng sinh cũng đồng một tâm cung kính như vậy. Nếu sự cung kính có khác biệt thì bạn không phải tu hạnh Phổ Hiền. Tất cả chúng sinh đối với ta có ân, có oán, có giúp đỡ, có hãm hại, có nhục mạ v.v... ta đều xem họ là Phật, sự cung kính đều như nhau không thể có khác biệt. Có người nói:

- Việc này rất khó làm!

- Rất khó làm cũng phải làm cho được! Bạn không làm được tức là bạn không phải tu hạnh Phổ Hiền! Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh; đã có Phật tánh thì họ chính là Phật. Chúng ta lễ kính đối với họ, không phải vì bản thân, địa vị, đẳng cấp v.v... của con người họ, mà chúng ta tôn trọng Phật tánh của họ. Phật tánh của họ cùng với tất cả chư Phật Như Lai không hề khác biệt. Ngoài chúng sinh hữu tình ra, chúng sinh vô tình là vạn vật trong thế gian đều có Pháp tánh. Pháp tánh cùng Phật tánh là một tánh. Cho nên, trong Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: *“Tinh dĩ vô tình đồng viên chủng trí”*.

Nói cách khác, chúng sinh vô tình cũng là Phật; đối với chúng sinh vô tình cũng phải cung kính, cùng một lòng cung kính như đối với Phật A Di Đà. Nếu có sự khác biệt, bạn không phải tu hạnh Phổ Hiền. Giả như có cái bàn để trước mặt, trên bàn để những thứ dơ bẩn, bạn lập tức lau nó sạch sẽ, cho dù bàn đó không phải sở hữu của bạn, đây là bạn tu hạnh Phổ Hiền. Kề đến, bàn ghế để không được ngay ngắn, bạn lập tức sửa lại, xếp ngay thẳng chỉnh tề. Khi ngồi vào ghế, cũng phải ngồi ngay thẳng; không ngay thẳng là không tôn kính. Đó là tu lễ kính chư Phật.

“Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức”: Câu này mở đầu cũng là câu quan trọng nhất của toàn kinh, chúng ta nhất định không thể xem thường lướt qua được. Học Phật có thể được thọ dụng hay không then chốt là ở câu này.

Xưa kia, Quốc Sư Thanh Lương vào thời nhà Đường, sau khi hoàn thành phiên dịch và chú giải Kinh Hoa Nghiêm, ngài đặc biệt đem quyển sau cùng của Kinh Hoa Nghiêm đưa ra lưu thông đặc biệt. Quyển này gọi là “Biệt hành lưu thông bản”, đó chính là “Phổ Hiền Bồ Tát hạnh nguyện phẩm” mà hiện nay chúng ta thường thấy. Quyển kinh này là Hoa Nghiêm thứ bốn mươi, cũng chính là quyển

sau cùng trong phẩm “Nhập pháp giới”, là tổng kết, cũng là tổng cương lĩnh của Kinh Hoa Nghiêm. Y theo bốn kinh này tu hành, cũng chính là y theo tiêu chuẩn của A Di Đà Phật, của Bồ Tát Phổ Hiền.

A Di Đà Phật là “Phật trung chi vương”, Bồ Tát Phổ Hiền có thể nói là “Bồ Tát trung chi vương”. Trong rất nhiều sám nghi, chúng ta đều đọc “Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát”, vua trong các Bồ Tát. Trong hàng Bồ Tát, không ai có thể thù thắng hơn Phổ Hiền. Trong tất cả chư Phật, không ai thù thắng hơn so với A Di Đà Phật. Bộ kinh này: Vua trong các Phật, vua trong các Bồ Tát, thầy đều đầy đủ. Chúng ta gặp được kinh này chẳng khác nào như trong kinh Phật đã nói: *“như kẻ nghèo gặp được của báu”*. Đích thật là có cái tâm trạng này, sự vui sướng chẳng thể nghĩ bàn! Đạt được rồi nhất định phải lý giải, phải giải được thật thấu triệt; sau đó phải y giáo phụng hành một cách triệt để.

- Phải bắt đầu từ đâu?

- Từ lễ kính mà phần trước đã nói qua. “Lễ kính” là khai hiển ngay trong tánh đức của chính chúng ta, là lưu xuất tánh đức của chúng ta. Đại đức xưa thường nói: “Khởi tu tự tánh”. Đây chính là “tự tánh khởi tu”. Cách tu này có thể cảm ứng tương thông với mười phương ba đời tất cả chư Phật, Bồ Tát. - Vì sao? - Vì chư Phật, Bồ Tát cũng *“khởi tu tự tánh”*.

Ngày nay, chúng ta cũng *“khởi tu tự tánh”* nên liền có cảm ứng. Do đây có thể biết, vừa phát tâm chân thành để tu là “năng cảm”; chư Phật, Bồ Tát vốn “năng ứng”. Nguyên do cảm ứng chính ngay chỗ này. Cho nên, Ấn Quang Đại sư nói: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích”*. Cũng có thể nói: một phần thành kính, chư Phật Như Lai gia trì một phần; mười phần thành kính được chư Phật Như Lai gia trì mười phần. Chúng ta hiện diện nơi đạo tràng, cảm thọ của chúng ta cùng với sự cảm thọ khi tiếp xúc với cuộc sống bên ngoài

hoàn toàn khác nhau. Cảm thọ nơi đây là vui mừng, có pháp hỉ thanh tịnh. Có đồng tu nói với tôi:

- Bước vào giảng đường nghe kinh là hưởng thụ.
- Lời nói này có thật không?
- Là thật!
- Hưởng thụ này do đâu mà có!
- Nhờ ánh sáng Phật chiếu vào! Mọi người ở đây đều được tắm mình trong hào quang của chư Phật.

Năm tôi sang Mỹ giảng kinh, có số người nước ngoài, mỗi lần tôi giảng họ đều đến, ngồi xếp bằng trên thảm, đôi mắt nhắm nghiền. Tôi nói gì họ cũng không hiểu. Mỗi ngày họ đều đến. Có đồng tu hỏi họ:

- Bạn nghe hiểu không?
- Không hiểu!
- Không hiểu, sao mỗi ngày bạn đều đến?
- Vì cảm thọ nơi đây rất tốt!

Bạn xem! Họ đến để hưởng thụ! Họ nói: Từ trường nơi đây rất khác biệt, cảm thọ đối với họ rất là thoải mái khiến họ sinh tâm hoan hỉ. Không phải do tôi giảng hay, tôi giảng không được hay nhưng nhờ Phật lực gia trì.

- Nhờ vào đâu mà được Phật lực gia trì?
- Đó chính là một lòng cung kính!
- Lòng cung kính có năng cảm, chư Phật Bồ Tát liền có ứng.

Nên biết:

- Giảng pháp dạy người, thành thật là thứ nhất!

- Dáng vẻ thành thật ra sao?

- Không lừa dối chính mình, không lừa dối người khác, chân thật có thể làm đến được, đây là thật thà. Người thật thà vô cùng đáng quý! Người thật thà được Phật quang thường chiếu đến họ, cho dù họ không có học Phật cũng vậy. - Vì sao? - Trung thực! Phật tâm của họ thanh tịnh, bình đẳng. Không thể nói, bạn học Phật thì đặc biệt được Phật chiếu cố; không học Phật thì Phật không chiếu cố, vậy là tâm không bình đẳng rồi! Không học Phật, tấm lòng thành khẩn, Phật đều chiếu cố.

“*Lễ kính*” là lưu xuất thành khẩn. Chúng ta phải kính người, kính việc, kính vật. Lễ kính bình đẳng, không hề phân biệt, mới gọi là tu hạnh Phổ Hiền. Như đã đề cập ở phần trước: Tất cả người, tất cả vật bao gồm động vật, thực vật, khoáng vật v.v..., tất cả sự chúng ta đều phải nên tôn kính. Nếu nói chúng ta không làm được, thực tế mà nói, không phải làm không được mà chúng ta không chịu làm! Nếu bạn chịu làm thì làm gì có chuyện không làm được! Người xưa nói: *Có hai việc khó: “Lên trời khó! Cầu người khó!”*. Việc này là cầu chính bạn, không phải cầu người, thì đâu gọi là khó! Nếu bạn làm được, cũng chính là làm cho tánh đức của bạn được lưu xuất ra. Cho nên, chính mình phải nỗ lực, phải giác ngộ.

Hiện tại, thế gian tai nạn triền miên! Nếu không nỗ lực chăm chỉ tu, tương lai làm sao có thể cứu mình, cứu người?! Trong cuộc sống thường ngày tôi hoàn toàn không hay biết mọi tin tức bên ngoài. Tôi không xem truyền hình. “Tịnh Tông Học Hội” nơi đây không có truyền hình. Tất cả truyền hình đều là phát nội bộ, bên ngoài không có ăng ten trời, không nhận được tin tức bên ngoài. Chúng ta cũng không nghe phát thanh, không xem báo chí.

Có số đồng tu nói với tôi: Vài tháng gần đây họ xem thấy trên truyền hình chiếu tầng băng Nam cực đã và đang tan ra, vấn đề

này tương đối nghiêm trọng! Băng của Nam, Bắc cực mà tan ra, mực nước biển sẽ dâng cao, đô thị duyên hải trên toàn thế giới đều chìm trong đáy biển!

- Tai nạn này do đâu mà đến?

- Có người cho rằng đây là do thiên tai, việc này thì không cách gì cứu chữa! Các khoa học gia cũng đem việc này đổ hết trách nhiệm cho thiên tai! Cách nhìn trong Phật pháp chẳng phải vậy! Trong Phật pháp nói: Bao gồm tất cả tai hại đều do chính chúng ta tạo nên! Câu nói này nếu bạn tin được, vậy chúc mừng bạn, bạn đã giác ngộ. Nếu bạn không tin, chính là bạn chưa giác ngộ! Đích thật chính do ta gây nên! Nếu người người đều tự giác, cải sửa, tự làm mới, tai nạn sẽ liền tiêu trừ.

- Nạn nước từ do đâu mà có?

- Do lòng tham!

Trên Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rõ ràng: Tham dục là nước, sân hận là lửa, ngu si là gió. Tam tai là nạn: nước, lửa, gió. Nếu mọi người trên thế giới đều tăng trưởng tốc độ tham, sân, si thì nạn tam tai liền sẽ khởi dậy. Hoàn cảnh là y báo, y báo tùy theo chánh báo chuyển. Chánh báo là tâm chúng ta. Đức Phật luôn khuyên dạy chúng ta nên dập tắt tham, sân, si. Người người đều có thể dập tắt lửa tham, sân, si thì môi trường sinh thái trên địa cầu này chắc chắn sẽ hồi phục rất nhanh, không còn những tai hại này.

Ngoài tham, sân, si còn có ngạo mạn. Quả báo của “mạn” là động đất. “Mạn” là tâm cao thấp, không bình. Cho nên, những tai hại tự nhiên đều xuất phát từ tâm con người, chiêu cảm mà biến hiện ra. Muốn tiêu trừ khổ nạn phải bắt đầu từ nơi nội tâm; Phật pháp gọi là “nội học”, dùng nội công để cải thiện hoàn cảnh bên ngoài.

- Trường hợp không thể chuyển đổi được hoàn cảnh bên ngoài, riêng cá nhân có thể chuyển đổi được không?

- Vẫn được! Riêng ta chuyển đổi gọi là “Biệt nghiệp”; đại chúng là “Cộng nghiệp”. Trên hội Lăng Nghiêm, Phật nói: “Biệt nghiệp” và “cộng nghiệp”, quả báo không như nhau. Nếu “biệt nghiệp” thiện nghiệp của bạn thù thắng, cho dù ở trong “Cộng nghiệp” vô cùng ác liệt, bạn vẫn có thể tránh được. Ngay trong tai nạn lớn vẫn có rất nhiều người được may mắn, do “biệt nghiệp” không giống nhau. Bạn tỉ mỉ mà quan sát sẽ nhận ra những con người may mắn đó đều có tấm lòng lương thiện, tham, sân, si ít; từ bi, thiện niệm nhiều, nhất định chính là loại người này.

Tôi hy vọng tất cả đồng tu chúng ta, ở mọi lúc, mọi nơi, dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi, tu tất cả cung kính. Phải đem việc này tập thành thói quen, đây là thật tu, thật dụng công. Thật dụng công ở đây không phải là bạn mỗi ngày đọc bao nhiêu bộ kinh, niệm bao nhiêu câu Phật hiệu. Nếu tư tưởng, lời nói, việc làm của bạn đều không tương ưng với những gì trong kinh đã dạy, cho dù bạn đọc hai trăm biến mỗi ngày cũng uổng công thôi! Không dùng được! Phải thật làm! Ngày ngày đọc kinh là để kiểm điểm lại chính mình. Đọc kinh cũng giống như soi gương, soi thấy lỗi lầm mình mà thức tỉnh, cải sửa lại cho hoàn thiện.

2. XUNG TÁN NHƯ LAI

“Xung” là xung dương, “tán” là tán thán. Ở đây không dùng “xung tán chư Phật” mà là “xung tán Như Lai”. Bởi “chư Phật” là từ trên sự tướng mà nói, “Như Lai” là từ trên tánh mà nói. Chúng ta đối với chư Phật cung kính thế nào thì đối với cha mẹ, sư trưởng cũng cung kính như thế ấy. Không những thế, đối với tất cả chúng sinh, thậm chí đối với những kẻ cực ác, chúng ta cũng phải cung kính như vậy, quyết không có phân biệt, không có chấp trước, đây là “lễ kính”

từ trên sự tương mà nói. Tuy nhiên, “xung tán” thì lại khác. Vì sao? Vì “xung tán” có thể ảnh hưởng đến xã hội, ảnh hưởng đến phong tục. Cho nên, nhất định chỉ xung dương mặt phải tức là thiện, mặt trái thì chúng ta không xung dương.

“Thiện” là tánh đức, “bất thiện” là trái với tánh đức. Cổ nhân thường nói “kính nhi viễn chi”, đối với người ác chúng ta vẫn “lễ kính” nhưng không “xung tán”. “Viễn” là không theo họ, không bắt chước họ, như vậy là đúng. “Viễn” không phải là lánh thật xa, không phải ý này. Nếu làm như vậy thì tâm cung kính sẽ bị đánh mất. Cương lĩnh này chúng ta phải thực hiện ngay trong sinh hoạt hàng ngày, đối người tiếp vật. Phải tu chỉnh toàn bộ những suy nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, cách làm sai lầm trước kia, đây gọi là tu hành.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử với năm mươi ba tham vấn, chính là đem hạnh Phổ Hiền thực tiễn, biểu diễn hàng ngày cho chúng ta xem. Đó đích thật là bộ sách tốt nhất trong tất cả sách giáo khoa của thế gian, trong đây có lý luận viên mãn, có phương pháp vô cùng tinh tế. Thiện tài là đại biểu cho mô phạm, cũng chính là bản thân chúng ta, người tu hạnh Phổ Hiền. “Thiện” là thiện căn; “tài” là biểu trưng cho phước đức. Trong Kinh Di Đà nói: *“Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức, nhân duyên đắc sinh bỉ quốc”* (Không thể do căn lành, nhân duyên phước đức chút ít mà được sinh về quốc độ Cực Lạc đâu!) Có thể nói, người hội đủ thiện căn, phước đức vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, người đó chính là Thiện Tài.

Năm mươi ba tham vấn của Thiện Tài đại biểu cho mọi tầng lớp trong xã hội, trong đó người xuất gia chỉ có năm vị, tại gia vẫn nhiều hơn. Đương nhiên trong đó cũng có kẻ xấu người tốt, có cả thiện lẫn ác, như Thắng Nhiệt Bà-la-môn đại biểu cho ngu si, Cam Lồ Hỏa Vương đại biểu cho sân khuê, tánh tình nóng nảy, gặp người hay sanh sự đánh người, chửi người, thậm chí đến sát hại người! Phật

Tô Mật Đa là kỹ nữ, dâm nữ, đại biểu cho tham ái. Ba người này là đại biểu cho tham, sân, si tam độc phiền não. Thiện Tài đồng tử tiếp xúc với họ vẫn “lễ kính” nhưng không “tán thán”. Vì sao? Tham, sân, si là trái ngược với tánh đức.

Việc này nói với chúng ta, đối với người làm việc bất thiện, chúng ta vẫn phải lễ kính họ nhưng không tán thán. Đây là “*án ác dương thiện*” mà cổ đức xưa đã dạy: Thấy người làm ác tuyệt đối không nói, một lời cũng chẳng nhắc. Thấy người tốt phải tán dương thì xã hội mới có thể chuyển ác thành thiện. Trong kinh văn phía sau, Phật dạy chúng ta “*khéo giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người*”.

- Xã hội ngày nay vì sao động loạn? Căn nguyên của động loạn là gì?

- Đó chính là người thế gian không nói đến “thiện” mà chỉ tận lực tuyên dương, tận lực tô vẽ cái ác khiến lòng người bất an. Nếu khuyên họ làm việc tốt; họ sẽ bảo bạn là người ngốc! Làm việc tốt đâu có ai khen, làm ác mới là anh hùng sẽ có biết bao người ca ngợi! Như vậy xã hội này làm sao có thể an định?! Xã hội ngày nay, luân lý đạo đức không có người giảng! Nếu nói đạo đức họ sẽ mắng: Anh lạc hậu rồi! Lỗi thời rồi! Đầu óc phong kiến không hợp với trào lưu thời đại.

- Cái gì là hợp thời?

- Bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa là hợp thời!

- Là người học Phật, chúng ta phải toàn tâm, toàn ý giúp xã hội này thay đổi thói xấu, phong tục tập quán không tốt.

- Làm thế nào đem nó chuyển đổi lại?

- Hoàn toàn dựa vào chúng ta, nhất định không thể đem trách nhiệm này đổ cho người khác, đổ cho người khác là sai! Chính mình phải làm cho được: Người thế gian bất trung, ta phải tâm trung.

Người thế gian bắt nghĩa, ta phải nghĩa khí. Người thế gian bắt hiếu, ta phải tận hiếu. Giáo huấn của đại Thánh tiên Hiền chúng ta phải toàn bộ làm cho được.

Nếu mọi người đều có tín tâm kiên định, nỗ lực làm theo như phần trước đã nói: *Tín Tuệ, Nguyện Tuệ, Hương Tượng Bồ Tát* v.v..., cái thế giới này có thể được cứu, kiết vận có thể văn hồi, tai nạn có thể hóa giải. Mỗi người chúng ta phải phát đại tâm như Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Đại tâm phàm phu*”, công đức và uy đức của họ vượt qua Thanh Văn, Duyên Giác, và quyền giáo Bồ Tát. Thanh Văn là A-la-hán; Duyên Giác là Bích Chi Phật, quyền giáo Bồ Tát là Bồ Tát Tam Hiền trở xuống.

- Thế nào gọi là phát “*Đại tâm phàm phu*?”

- Là người biết đem giáo huấn trong Kinh Vô Lượng Thọ dạy thầy đều làm cho được, công đức này khiến họ lập tức vượt qua bậc Tam Thừa. Đây là thật không phải giả! Vừa phát tâm liền siêu việt! Chân thật gọi là: “*Buông bỏ đồ đao, lập địa thành Phật*”. Phát tâm là quan trọng! Tầm nhìn của người thế gian rất cạn, chỉ mong cầu lợi trước mắt; hiện tại không có lợi ích, bảo họ làm Phật họ cũng không làm! Xin nói với bạn: Chỉ cần bạn phát Đại tâm, bạn liền có được lợi ích.

- Lợi ích gì vậy?

- Vĩnh viễn trẻ trung, vĩnh viễn khoẻ mạnh, dung mạo sáng lạn, Pháp hỷ tràn đầy, tự tại an vui, hiện tại có được lợi ích.

Thế gian xem tướng đoán mạng cũng thường nói: “*Tướng tùy tâm chuyển*”, “*Đại tâm*” của bạn vừa phát ra, (“*Đại tâm*” là gì? Là Phật tâm), thì tướng của bạn sẽ dần dần chuyển thành tướng Phật. Nếu thường giữ tâm thiện, lời thiện, việc làm thiện, tướng mạo, thân thể bạn sẽ liền thiện. Nếu giữ tâm ác, chuyên gây phiền phức cho

người, chuyên nhìn khuyết điểm của người, tâm bạn ác, nói ác, làm ác, cuối cùng biến tướng mạo bạn cũng thành ác! Vậy thì tai họa làm sao không đến?! Vận mệnh con người hoàn toàn do chính bạn chủ động, không phải trên tay người khác.

Người như thế nào mới là “Đại tâm phạm phu”? Trên Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử là mẫu mực “Đại tâm phạm phu”. Ngài gặp được Phật pháp, hoan hỷ tín thọ, lễ Bồ Tát Văn Thù làm thầy. Có lẽ bạn cho rằng Thiện Tài gặp vận may, gặp được Bồ Tát Văn Thù, một thầy giáo tốt như vậy, còn bạn đến đâu tìm thiện tri thức?! Tại bạn không biết! Bồ Tát Văn Thù ở ngay trước mặt mà bạn không nhận ra!

- Ai là Bồ Tát Văn Thù?

- Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh chính là Bồ Tát Văn Thù, biểu trưng trí tuệ. Trong kinh này, tràn đầy trí tuệ viên mãn, y theo kinh này mà tu học, chính là bạn thân cận với Bồ Tát Văn Thù. Nếu trực nhận ra được, ngoài chính bạn ra, thầy đều là chư Phật Như Lai: người thiện do Phật biến hiện, người ác cũng do Phật biến hiện; thuận cảnh hay ác cảnh đều do Phật biến hiện để thử thách bạn ngay trong đó mà tôi luyện, trải sự luyện tâm.

- Luyện cái gì?

- Luyện tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm Chánh Giác, tâm từ bi của chính mình. Đây là thật sự tu hành, thật sự công phu, thật sự là tấm gương cho người tu hành. Thế nên, Thiện Tài nhất định không có một bạn học; nếu có bạn học thì cả đời ngài cũng không thể thành Phật! Vì sao? Vì không thể làm được trọn vẹn sự lễ kính, tán thán! Anh là bạn tôi, anh và tôi ngang nhau; vậy là tánh đức của bạn đã kém khuyết đi một phần!

Tất cả cung kính, duy chỉ có một cái bạn không cung kính thì sao được thành tựu viên mãn! Một mê thì tất cả mê, một giác thì tất cả giác. Tất cả cung kính thì một cái nhỏ nhặt cũng không được bỏ. Cho nên, thị hiện của Thiện Tài trên đạo Bồ Đề: Học trò chỉ có mỗi mình ta, ngoài chính ta ra đều là Phật, Bồ Tát, đều là thiện tri thức. Chúng ta phải có cái thấy như vậy, phải dụng tâm như vậy mới đúng là tu hạnh Phổ Hiền.

Lúc trẻ đi học, thành thật mà nói, tôi có rất nhiều cách thấy, cách nhìn không hề giống như các bạn, ngay đến thầy giáo cũng không hề giống. Có lần đến lớp, trong bài văn giảng đến “Nhạc Phi tinh trung báo quốc”; nói đến Nhạc Phi, đương nhiên nói đến Tần Cối; ai mà không tán thán Nhạc Phi, không mắng Tần Cối! Quan điểm của tôi lại khác! Tôi nói:

- Tần Cối cũng không tệ! Là anh hùng của dân tộc! Mọi người trợn mắt nhìn tôi: Chú là người có đầu óc làm phản! Sao chú có cách nghĩ này?! Sau đó tôi giải thích cách thấy của tôi; vì sao cả hai người đều là anh hùng, đều rất cừ khôi, rất được chúng ta tôn kính: Nhạc Phi dạy chúng ta mặt chánh phải tinh trung báo quốc, tuy không may bị hãm hại mà chết, nhưng tấm gương trung nghĩa, mẫu mực của ông mãi lưu lại đời sau, khi nhắc đến tên ông, ai mà không nghiêng mình tôn kính! Chúng ta phải học tập, phải bắt chước ông.

Tần Cối, vì sao cũng là anh hùng dân tộc? Ông dạy ta mặt trái, ông đã làm việc sai trái, hãm hại trung lương, nên cuối cùng phải nhận chịu quả báo như vậy. Ông hiện thân nói pháp cho chúng ta thấy, đó là việc tốt, không phải là việc xấu. Chúng ta xem thấy Tần Cối, liền nghĩ ngay không dám làm việc xấu; nhìn thấy Nhạc Phi, gọi chúng ta nhớ phải làm việc tốt. Cả hai người đều là thầy giáo tốt. Tôi có thể nói ra một tràng đạo lý này. Do đây có thể biết, quần chúng xã hội đều là thầy của chúng ta, đều là điển hình mô phạm cho chúng

ta, đều là đại ân, đại đức giúp chúng ta thành tựu công đức của chính mình.

Tóm lại, “tán thán” thuộc về khẩu nghiệp; khẩu nghiệp thì chúng ta không nên khinh suất. Kinh Địa Tạng nói: Tương lai bị đọa vào địa ngục cắt lưỡi, nước đồng sôi đổ vào miệng, giường sắt nóng dính vào thân, đều do khẩu nghiệp mà gây tạo. Đây là chân tướng sự thật, không phải để hù dọa người, chúng ta phải nên hết sức cẩn trọng!

Nên nhớ: Là người học Phật, lễ bái, tôn kính Phật mà khẩu nghiệp không tu, suốt ngày chỉ thị phi nhân ngã thì một chút công đức của bạn đều rơi rụng hết, chỉ còn tích lũy tội nghiệp vô lượng vô biên. Cho nên, phải giác ngộ! Phải thông hiểu! Phải hồi đầu! Miệng này ngày ngày niệm A Di Đà Phật là “xưng tán Như Lai” thì trong tâm phải nhớ Phật. Trên miệng niệm Phật, tâm không xen tạp, không gián đoạn thì vô lượng vô biên công đức.

3. QUẢNG TU CÚNG DƯƠNG

Điều này vô cùng quan trọng! Bồ Tát Phổ Hiền không phải tu bố thí mà ngài tu cúng dường. Thông thường, đối với Phật, Bồ Tát, đối với trưởng bối chúng ta mới cúng dường; đối với đồng bạn, với mọi người, chúng ta chỉ bố thí. Kỳ thật, bố thí và cúng dường là một sự việc, nhưng tâm thì khác nhau: Một bên có tâm cung kính; một bên tâm cung kính bị hạ thấp, thậm chí còn sinh tâm ngạo mạn khi bố thí! Có tâm cung kính thì đó là cúng dường; tâm cung kính không đạt đến tiêu chuẩn của Phổ Hiền vẫn gọi là bố thí.

Hạnh Phổ Hiền bố thí là đối với tất cả chúng sinh, bao gồm cả hàm linh xuân động, đều cung kính như cung kính cúng dường chư Phật. Được vậy thì phước báo vô cùng lớn, chúng ta phải nên học. Đặc biệt đối với người cùng khổ, không nên dùng tâm khinh

mạn mà bố thí, phải dùng tâm cung kính mà bố thí như cúng dường chư Phật, đó mới là tu “*Quảng tu cúng dường*”.

Trong phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện đề ra ***Bảy đại cương về Pháp cúng dường*** như sau:

1. Như giáo tu hành cúng dường: (Tu hành đúng theo lời dạy về cúng dường). Chỗ này, chúng ta đặc biệt đề cao, phải đem Kinh Vô Lượng Thọ, mỗi câu mỗi chữ thấy đều làm cho được, đó chính là “*như giáo tu hành cúng dường*”.

2. Lợi ích chúng sinh cúng dường: Khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm nếu thấy có lợi ích cho chúng sinh thì nên nỗ lực làm; nếu xét thấy không có lợi ích, nhất định không làm. Lợi ích chúng sinh thù thắng nhất vẫn là bố thí Phật pháp, đặc biệt là Kinh Vô Lượng Thọ, khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ tín thọ phụng hành. Đây là thành tựu công đức “*lợi ích chúng sinh cúng dường*”.

3. Nhiếp thọ chúng sinh cúng dường: Điều này không phải dễ! Muốn nhiếp thọ chúng sinh, trước nhất chính mình cần phải có đức hạnh, có tu trì, có học vấn, mới có thể nhiếp thọ lòng người. “Nhiếp thọ” chính là bạn có một lực rất mạnh, có thể thu phục lòng người; người hiện tại gọi là “tâm lý học”. Làm thế nào có thể hiểu được tâm lý chúng sinh, dẫn dắt họ quay về Chánh pháp, đó chính là “*nhiếp thọ chúng sinh cúng dường*”. Nói cách khác, loại cúng dường này là thay thế tất cả chư Phật tiếp dẫn chúng sinh. Chúng ta phải tiếp dẫn tất cả chúng sinh qui hướng Tịnh Độ. Chỉ có pháp môn này mới một đời nhất định vãng sanh.

Trong nhà bạn, chúng sinh rất nhiều! Chuột, gián, ruồi, muỗi v.v... đều là chúng sinh, bạn phải nên giáo hóa chúng nó niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, khuyên bảo chúng xả bỏ thân súc sinh. Đối với động vật còn phải vậy huống chi đối với người, càng phải thương yêu.

- Dùng phương pháp gì để nhiếp thọ?

- Phật tượng, Phật hiệu! Hiện tại, máy niệm Phật rất phổ biến, đối với người niệm Phật chúng ta, câu Phật hiệu trong nhà hai mươi bốn giờ không nên gián đoạn. Có người nói:

- Người trong nhà không tin! Họ phản đối niệm Phật!

- Đó chính là bạn tu chưa tốt!

Theo lý mà nói: Học trò của A Di Đà Phật là rất được mọi chúng sinh hoan nghinh. Bạn là học trò của A Di Đà Phật, không được họ hoan nghinh thì nhất định có vấn đề! Bạn phải cố gắng phấn tĩn, cố gắng kiểm điểm chính mình. Nhất định bạn chưa làm đúng như pháp, như lý. Làm gì có chuyện không được mọi người hoan nghinh chứ! Trong nhà nhất định bạn chưa tu lễ kính. Người trong nhà có lỗi làm tuyệt đối không nhắc đến, không nên để trong lòng. Người nhà có gì tốt thì phải khen ngợi. Đây là thay đổi vận khí của cả nhà bạn. Nếu nhà nhà đều làm được như vậy, sẽ thay đổi được tập quán của xã hội.

Nên nhớ: Cúng dường là phục vụ! Nhiệt tâm vì gia đình phục vụ, chăm sóc đời sống đi lại của họ, đó chính là cúng dường. Dùng thể lực, lao tác để phục vụ là nội tài cúng dường. Nội tài thù thắng hơn so với ngoại tài. Dùng trí tuệ tư duy thay đổi cả sinh khí, nâng cao mức sống, hoàn thiện gia đình trải qua được đời sống an vui và hạnh phúc, đó là bạn dùng “Pháp cúng dường”, khiến mọi người an tâm làm việc, hăng hái làm việc, trẻ đi học thì nỗ lực siêng năng học tập... Chân thật là một gia đình mỹ mãn. Mở rộng ra là xã hội hài hòa, quốc gia an định, đó thấy đều là sự cúng dường. Nếu bạn không làm được, chỉ một mực trách người, đó là sai lầm!

Chân thật tu học như lý, như pháp nhất định có thể nhiếp thọ chúng sinh, khiến người ngưỡng mộ, khiến người noi theo, khiến

người tự động, tự phát đến thỉnh giáo, học tập với bạn. Đây chính là “nhiếp thọ” có sức mạnh. Cho nên, chúng ta phải chân thật làm đến “*nhiếp thọ chúng sinh cúng dường*”, nhất định phải là tấm gương tốt cho mọi người trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

4. Đại chúng sinh khổ cúng dường (Chịu khổ thế cho chúng sinh để cúng dường): Trên kinh Phật nói tất cả chúng sinh thọ dụng cả đời đều do tự làm tự chịu, không ai có thể thay thế. Biết vậy, nhưng chúng ta vẫn phải nỗ lực mà giúp họ. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ v.v... đã siêu việt mười pháp giới, có thể an nghỉ Niết Bàn, nhưng do lòng bi mẫn các ngài vẫn thị hiện ở thế gian này tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp, phổ độ tất cả chúng sinh.

Ngày nay, trong số đồng tu chúng ta, có không ít những người giàu có, nếu có thể đem đời sống sung túc của mình hạ thấp một bậc, dùng tiền của này bố thí, giúp những chúng sinh khổ nạn. Thường giữ cái tâm này đó chính là thay chúng sinh chịu khổ.

Đầu năm Dân Quốc lão Hòa Thượng Hư Vân, Đại Sư Ấn Quang đã nêu cao tấm gương tốt cho người xuất gia. Hai vị Đại Đức này đều rất tuyệt vời. Tín đồ của các ngài nhiều vô số, tài vật cúng dường các ngài cũng vô cùng phong phú. Thế nhưng, Hòa Thượng Hư Vân chưa từng may một bộ quần áo mới. Chúng ta xem thấy rất nhiều hình ảnh của ngài, quần áo ngài mặc trên thân đều là đắp vá rất nhiều chỗ. Tôi chưa thấy bức ảnh nào của ngài mặc quần áo không có đắp vá!

- Quần áo mới ngài có không?

- Có rất nhiều! Tín đồ vừa thấy ngài mặc quần áo rách, lập tức mang quần áo tốt, chất liệu tốt, thợ may đẹp đến cúng dường ngài, ngài cũng không xem qua, họ vừa đi, ngài liền đem biếu tặng cho người khác, ngài vẫn mặc quần áo cũ, chịu khổ thay cho chúng sinh, ngài đã thật làm!

Đại Sư Ấn Quang cũng thế, ngài ở chùa Báo Ân, Tô Châu thành lập một “Hoàng Hóa Xã”, chính là nơi lưu thông kinh Phật, ngài đem tất cả tiền cúng dường của mười phương làm vốn in kinh sách biếu tặng đến khắp nơi kết duyên với người. Sách của “Hoàng Hóa Xã” in rất đẹp, hiệu đính rất kỹ lưỡng, rất ít chữ sai. Cả đời ngài chỉ làm một việc này. Lúc ở Thượng Hải, “Hộ Quốc Tứ Tai Pháp Hội”, trong lúc diễn giảng, ngài nhắc đến phương Bắc có tai nạn, từ trong tài khoản in kinh, ngài trích ra ba ngàn tiền Đại Dương đi cứu trợ. Có thể biết, tất cả tiền cúng dường, từng li từng tí ngài đều dùng để in kinh bố thí, không hề đem đi làm việc khác, không hề cải thiện đời sống của mình, một món ăn ngon cũng không đòi hỏi, không hề may một bộ quần áo mới, cũng không hề chỉnh lý hoàn cảnh nơi ở của mình, đây là ngài thay chúng sinh chịu khổ.

“*Thay chúng sinh chịu khổ*”, chúng ta có thực lực, nên tận hết sức để làm. Đặc biệt, khổ nạn lớn nhất của chúng sinh ngày nay là không nghe được Phật pháp. Không nghe được Phật pháp, họ vĩnh viễn chìm đắm trong mê hoặc điên đảo! Ngày tháng của họ ngày càng khổ, cái mê càng sâu! Cho nên, bố thí pháp là một trong những sự việc hàng đầu, là “*thay chúng sinh chịu khổ*” thù thắng nhất. Nếu có thật lực, nên xây đạo tràng, thỉnh Pháp sư giảng kinh thuyết pháp, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đó mới thật là vô cùng công đức!

- Phải xây dựng đạo tràng ra sao?

- Phải xây dựng đạo tràng mô phạm, thúc đẩy giáo dục Phật Đà, không làm kinh sám, không làm pháp sự, không làm pháp hội. Đạo tràng chúng ta thuần Tịnh Tông: Buổi tối giảng kinh, ban ngày niệm Phật. Có lẽ bạn sẽ hỏi:

- Đạo tràng không có pháp hội, không có pháp sự, làm thế nào để thu nhập?!

- Nếu chân thật muốn xả thân vì người, làm được như vậy mà phải chết đói thì thiết nghĩ chúng ta không cần phải tin Phật! Vậy Phật pháp là giả rồi! Nên biết: Người chân thật tu hành đúng pháp, không cần phải đi phan duyên người nào, không cần phải nịnh bợ một ai, cũng không cần phải xin tín đồ một xu nào. Nếu bạn chết đói, trong Phật pháp, vị thần hộ pháp thứ nhất là Bồ Tát Vi Đà phải bị cách chức để điều tra!! Đây là thật chứ không phải giả!

Cho nên, đạo tràng chân thật tu học nhất định được chư Phật hộ niệm; long thiên, thiện thần bảo hộ. Tuy không dư dả, nhưng đạo tràng của bạn quyết sẽ không có vấn đề. Nếu lương thực hết, Bồ Tát Vi Đà sẽ tìm người mang đến cho bạn, không thể để bạn thiếu hụt, không thể để bạn đói khát, cũng không thể để bạn lạnh rét. Chỉ cần bạn một lòng chuyên tâm niệm Phật, một lòng làm đạo thì tốt, danh vọng lợi dưỡng thấy đều buông bỏ; tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó gọi là đạo tràng chánh pháp, đạo tràng mô phạm. Không luận là đạo tràng lớn hay nhỏ, trong đó bốn chúng đồng tu đều có thể tuân theo sáu pháp hòa kính, đạo tràng này là đạo tràng đệ nhất thế gian! Công đức này thù thắng không gì bằng! Đây là giải hành tương ưng, chân thật là thay chúng sinh chịu khổ.

5. Cần tu thiện căn cúng dường: (Siêng năng tu tập căn lành để cúng dường): Đây là then chốt, thiện căn là tất cả pháp thiện từ nơi gốc này mà sinh ra. Trong kinh Phật nói thiện căn của thế gian pháp có ba điều: Không tham, không sân, không si. Có những thứ này thì thật là bất an! Bệnh độc của thế gian có nghiêm trọng thế mấy, nhiều nhất chỉ chết một mạng người, nhưng “tham, sân, si”, tam độc này mới thật là tai hại, phiền phức! “Tham độc” quả báo ở đường ngạ quỷ; “sân độc” quả báo ở địa ngục; ngu “si độc” quả báo ở đường súc sinh. Đến ba đường ác này mới biết được sự nghiêm trọng của nó.

Chỉ cần chúng ta trong mỗi giờ, mỗi lúc gìn giữ được tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác đó chính là “*cần tu thiện căn cúng dường*”.

6. Bất xả Bồ Tát nghiệp cúng dường (Không bỏ hạnh Bồ Tát để cúng dường): Giả như trước kia chưa học Phật, bạn mở một cửa hàng nhằm mục đích kinh doanh đoạt lợi. Hôm nay học Phật, học làm Bồ Tát rồi, bạn mở cửa hàng không còn vì chính bạn mà vì xã hội đại chúng, vì phục vụ mọi người; cửa hàng đó của bạn chính là “Bồ Tát nghiệp”. Cho nên, Phật Bồ Tát cùng chúng sinh chỉ khác nhau trong một niệm.

- Đối với bạn trẻ còn cấp sách đến trường, nếu mang trong tâm một hoài bão: Ta phải gắng sức nỗ lực học tập thật tốt, lấy được học vị, sau này có thể phục vụ đại chúng, phục vụ xã hội, hoàn toàn không vì chính mình. Đây là “học trò Bồ Tát”, việc đi học của bạn là “sự nghiệp Bồ Tát”.

- Nếu là chủ gia đình, có thể quên mình, dốc hết tâm sức nỗ lực làm việc, hướng dẫn, dạy dỗ, chăm sóc người thân, khiến mọi người trong gia đình đều được cuộc sống an vui, hài hòa, tự tại, đây đích thực là một gia đình gương mẫu, có trật tự, có kính nhường, bạn là “người chủ Bồ Tát”.

Sự nghiệp của Bồ Tát không cần phải vào tự viện, mà ngay trong đời sống, trong công việc, trong đối nhân xử thế, tiếp vật, chỉ cần có tâm niệm vì lợi ích chúng sinh, vì dẫn dắt chúng sinh phá mê khai ngộ, đều gọi là “*Bồ Tát nghiệp*”.

7. Bất ly Bồ Đề tâm cúng dường: (Chẳng rời tâm Bồ Đề để cúng dường). Trong bảy việc, việc đầu tiên và việc cuối cùng là quan trọng nhất. Tâm Bồ Đề là tâm chân thật, tâm triệt để giác ngộ. Đức Phật trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói tâm Bồ đề chính là chân tâm, bản tánh của chính mình. Thể của tâm Bồ Đề là tâm chân thành:

Đổi người, đổi việc, đổi vật nhất định phải dùng tâm chân thành, không thể dùng tâm hư vọng; phải nói lời thành thật, không tự gạt, không gạt người.

Tôi ở Hoa kỳ, có các đồng tu trách tôi:

- Pháp sư! Sao ngài không có bí mật nào hết vậy?!

- Bí mật gì?

- Tiền gửi trong ngân hàng!

Cái ngân hàng mà tôi gửi tiền mọi người đều biết. Họ nói việc này không thể cho người khác biết. Tôi nói vì sao không thể cho người khác biết? Hơn nữa số tiền đó không phải của tôi, tôi cũng sẽ không dùng đến. Số tiền đó do mọi người cúng dường, hiện tại chưa dùng nên phải để đó. Lúc có việc cần dùng mới lấy ra dùng, chính tôi từ trước đến giờ không dùng đến. Hiện tại, số tiền đó chi ra lớn nhất chính là cấp học bổng; còn lại là giúp cho một số khổ nạn.

Bảy loại pháp cúng dường trên đây mà Bồ Tát Phổ Hiền đã nói trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta nhất định phải học tập, phải quảng tu, phải dùng tâm chân thành, tận tâm tận lực mà vì lợi ích tất cả chúng sanh; phước báo ta có được sẽ giống như chư Phật trên quả địa Như Lai, viên mãn đến như vậy.

4. SÁM HỐI NGHIỆP CHUỖNG

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Từ vô thủy kiếp đến nay, do lòng tham lam, giận dữ, ngu si khiến thân, khẩu, ý chúng ta tạo tác vô lượng, vô biên nghiệp ác. Nếu nghiệp ác có hình tướng, thì khắp cả cõi hư không cũng không sao dung chứa hết được!”. Cho nên, trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta phải cố gắng phát hiện được lỗi lầm mình, đem lỗi lầm của chính mình tu sửa lại, về sau không tái phạm nữa, đây là pháp sám hối.

“*Nghiệp*” là tạo tác. Nên nhớ: Làm ác có chướng ngại, làm thiện cũng vẫn có chướng ngại! Vì sao? Vì làm ác, quả báo của bạn sẽ ở ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Làm thiện, quả báo của bạn sẽ là ba đường thiện: Cõi trời, cõi người, cõi A-tu-la. Tuy vậy, bạn cũng chưa ra khỏi ba cõi, vẫn trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi! Thế nên, Phật dạy chúng ta phải tu tịnh nghiệp. Tu tịnh nghiệp là đoạn trừ tất cả ác, tu tất cả thiện mà không chấp trước. Tịnh nghiệp khác với thiện nghiệp ở chỗ không chấp trước, có chấp trước thì nghiệp thiện đó không thanh tịnh, liền sinh chướng ngại!

Trong kinh “*Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện*” nói: “*Chúng sinh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm đều là đang tạo tội*”. Đó là thật, không hề giả! Vì sao? Thử nghĩ xem! Có chúng sinh nào khởi tâm động niệm mà không vì “cái ta”? Có “cái ta” thì phiền phức đã rất lớn rồi! “Ta” chính là tội, là nghiệp. Mỗi niệm đều vì ta! Nhân gian Trung Quốc có câu: “Người không vì mình, trời tru đất diệt!”. Dường như mọi người đều cho rằng khởi tâm động niệm đều vì ta, đây là việc đương nhiên, là lý đương nhiên; đã là người, đương nhiên phải vì ta. - Không sai! Không vì ta, họ không phải là người mà là Phật, Bồ Tát. Cho nên, nếu vì ta, họ chân thật là người; là người thì không thoát khỏi lục đạo!

- Vì sao Phật phải nói cách này?

- Chúng ta phải hiểu ý Phật! Phật nói với chúng ta tất cả chúng sinh thật có “Chân Ngã”, thân này chỉ là giả! Cái giả mới luân hồi trong sáu cõi, “Chân Ngã” nhất định không có luân hồi. Không những không có luân hồi trong sáu cõi mà còn siêu việt cả mười pháp giới.

- Chân Ngã ở đâu?

- Ở Pháp giới Nhất chân!

“Chân Ngã” là Phật. Phật có ba thân; mỗi chúng ta đều có ba thân. Bản thể chân thật của thân chính là Pháp thân. Cũng trên kinh Phật nói: người tu hành đạt đến trình độ tương đối, liền chứng được “Pháp Thân Thanh Tịnh”. Pháp Thân thanh tịnh mới thật là ta. Trong Thiền tông thường nói: “*Bỏ lai diện mục trước khi cha mẹ sinh ra*”. Cái “*Bỏ lai diện mục*” này chính là “Chân Ngã”, là “Pháp Thân thanh tịnh”; Kinh Hoa Nghiêm gọi là “Tỳ Lô Giá Na”.

“Tỳ Lô Giá Na” là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó là trùm khắp mọi nơi, không lúc nào không có; không nơi nào không có. Nếu ngay nơi đây không có “Chân Ngã” thì thân tứ đại giả hợp này cũng không thể hiện tiền. Giả tướng là nương vào “Chân Ngã” mà sinh ra. Chúng sinh vì mê chấp cái giả tướng cho đó là thật mà quên mất đi bản thể chân thật của mình! Điên đảo là ở chỗ này!

Từ vọng tưởng, chấp trước, mê đắm “*cái ta*” nảy sinh vô số phân biệt, đưa cái “Nhất Chân” chuyển biến thành hoàn cảnh vô cùng phức tạp: Mười pháp giới, sáu cõi, ba đường! Đây là do “Duy thức sở biến”, “thức” chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu đoạn dứt được chấp trước, liền siêu việt sáu cõi. Vậy họ ở đâu? Ở Pháp giới bốn thánh! Pháp giới bốn thánh là: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Nếu tâm phân biệt của bạn nặng, bạn là Thanh Văn, Duyên Giác. Nếu tâm phân biệt của bạn rất nhẹ, bạn là pháp giới Bồ Tát, pháp giới Phật. Mười pháp giới do đây mà có! Nếu tâm phân biệt hoàn toàn đoạn dứt mới siêu việt được mười pháp giới, phản bản hoàn nguyên, trở về với tự tánh, pháp giới nhất chân, bản thể chân thật của chính mình. Trong pháp giới nhất chân, vị thứ của Bồ Tát cũng không đồng nhau. Trong Kinh Hoa Nghiêm, bốn mươi một Pháp thân Đại Sĩ là bốn mươi một đẳng cấp.

- Bốn mươi một đẳng cấp này do đâu mà có?

- Từ vọng tưởng mà có! Người trong pháp giới Nhất Chân tuy còn có vọng tưởng, nhưng vọng tưởng rất nhẹ vì họ không còn phân biệt, chấp trước. Vô minh chính là vọng tưởng. Bốn mươi một phẩm vô minh đoạn hết rồi mới chứng được quả vị cứu cánh viên mãn Bồ Đề. Viên mãn Bồ Đề chính là hồi phục cái “Chân Ngã”, bỏ lai diện mục của chính mình; như Kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói: “*Viên mãn Bồ Đề, qui vô sở đắc*”, ngoài ra không có thêm bất cứ một thứ gì.

Tóm lại, Phật dạy: nếu khởi tâm động niệm có một chữ “Ta”, chữ “Ta” này chính là “chấp trước kiên cố”, có chấp trước thì không thể nào ra khỏi ba cõi, nhất định phải trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi! Cho nên, có “Ta” chính là tội, là ác. Lại thêm cái chấp trước nghiêm trọng nữa là “cái của ta”, đó là mê đã quá nặng! Chấp trước thân này là ta, đủ đã phiền não! Lại thêm chấp trước “Cái của ta”: đây là nhà của tôi, tài sản của tôi, quyền thuộc của tôi, sự nghiệp của tôi v.v... thì phiền não quá lớn!

Thân này kéo theo quá nhiều, quá nặng, làm sao vượt thoát được ba cõi! Phật A Di Đà có muốn kéo bạn, kéo cũng không nổi! Thế nên, Phật dạy ta phải buông bỏ, phải bố thí, phải xả “cái ta sở hữu”, “ta sở hữu” là vật ngoài thân, trước tiên đem nó xả hết; kể đến những vọng tưởng, chấp trước cũng thầy đều xả hết thì đạo Bồ Đề mới không gặp chướng ngại. Ngàn vạn lần không nên bị những huyễn tướng này lừa gạt! Đó là nhìn thấu! Đó là thức tỉnh! Phải triệt để thay đổi, tự làm mới. Phải đoạn ác tu thiện. Thay đổi là khoa mục tu hành rất quan trọng. Phật dạy ta phải tu pháp sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng.

- Làm thế nào sám trừ?

- Sám hối! “sám” là tiếng Phạn, dịch âm là “sám-ma”, người Trung Quốc thích đơn giản, chỉ dùng một âm là “sám”. Trong văn tự

Trung Quốc có chữ “hối”, ý nghĩa rất gần, “hối” là hối quá. Cho nên, Pháp sư dịch kinh liền đem hai chữ này gộp lại gọi là “sám hối”. Danh từ này trong kinh gọi là “Phạn-Hoa hợp dịch”: chữ trước là tiếng Phạn, chữ sau là chữ Trung Quốc. Ý nghĩa chữ “Sám” là chính mình có lỗi lầm, có thể can đảm bộc bạch với tất cả mọi người: tôi đã làm việc xấu ác gì đó. Chữ “hối” là về sau không phạm nữa. Nhà Nho có câu “Bất nhị quá”, lỗi lầm chỉ phạm một lần, không có lần thứ hai. Lần thứ hai là phải sửa đổi lại, thay đổi tự làm mới, đây gọi là chân thật sám hối.

Sám hối có nhiều cách như: lạy Lương Hoàng Sám, lạy Đại Bi Sám, lạy Tịnh Độ Sám, lạy Pháp Hoa Sám, lạy Thủy Sám, mở đàn thù lục v.v... Thử hỏi: - Có thể sám trừ hết thầy tội hay không? Giả như lạy Lương Hoàng Sám khiến tội liền tiêu thì rất hữu hiệu. Nếu lạy mà không có kết quả, bạn liền có vấn đề! Vấn đề không phải sai ở phương pháp, mà sai từ nơi tư tưởng của bạn! Bạn chưa thấu hiểu được pháp này, chỉ đem sám nghi chiếu theo đó mà đọc tụng lướt qua thì không được lợi ích gì! Nếu chỉ đọc qua thôi, người xưa nói: Đau mồm rất họng cũng chỉ uổng công! Mỗi ngày bạn lạy tụng, cho dù có vập đầu cả vạn cái, cũng chỉ như giả gạo, không thay đổi gì, hoàn toàn không hữu dụng!

- Vậy phải sám ra sao?

- Phải “*Tùy văn nhập quán*”, nương theo kinh văn mà thấy được tư tưởng, việc làm của mình trước đây sai quấy, quyết tâm cải sửa lại, đây là chân thật sám hối. Sám trừ nghiệp chướng có ba loại: *Phục nghiệp sám, chuyển nghiệp sám và diệt nghiệp sám*.

1. Phục Nghiệp Sám

Là đè nén tội nghiệp của mình xuống, việc này tương đối dễ dàng. Thực tế, ngày nay chúng ta “Trì danh niệm Phật”, mỗi câu mỗi chữ đều là “Phục nghiệp sám”. Nếu lấy giáo nghĩa để giảng, bao gồm

tất cả pháp môn đều là “sám hối môn”. “Sám hối”, hai chữ này hàm nhiếp tất cả pháp môn tu học của Phật pháp, chỉ là phương thức sám hối không như nhau, nhưng phương hướng, mục tiêu thấy đều giống nhau. Chúng ta dùng câu niệm Phật để tu pháp sám hối. Câu Phật hiệu này, Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta phương pháp niệm Phật là “nhiếp hết sáu căn, tịnh niệm liên tục”. Ý theo phương pháp này niệm câu Phật hiệu, liền có thể hàng phục được nghiệp chướng của bạn. Hàng phục được nghiệp chướng thì “đời nghiệp vãng sinh”.

Nên nhớ “đời nghiệp vãng sinh” là chỉ mang theo nghiệp cũ chớ không mang nghiệp mới. Không thể nói: Ngày ngày ta tạo nghiệp, hết thấy nghiệp đều mang theo. Làm gì có đạo lý này! Công phu niệm Phật, nếu có thể hàng phục được phiền não, đấy gọi là “Công phu thành khởi”. Nói khác đi, “Công phu thành khởi” chính là đem câu Phật hiệu hàng phục được phiền não, phiền não tuy chưa đoạn nhưng nó không khởi được tác dụng. Trong tâm phiền não: Tham ái, tham tâm vừa khởi dậy, lập tức đề khởi: A Di Đà Phật! Tham tâm liền bị đề xuống. Gặp những việc không vừa mắt, phiền não sân hận nổi lên. A Di Đà Phật! Lại đề tâm sân hận xuống. Đây là công phu niệm Phật.

Niệm Phật không phải là xướng ca đề A Di Đà Phật nghe, không phải vậy! Do đây có thể biết: Ngay trong tâm bạn, một niệm không sinh, có thể không cần niệm Phật. Trong nhà Phật thường nói: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, “Niệm” chính là phiền não khởi hiện hành, chúng ta không sợ! Vì sao? Chúng ta là phàm phu, phiền não đương nhiên khởi hiện hành. Phiền não không khởi hiện hành thì chúng ta đã là Phật, là Bồ Tát rồi! Vấn đề là phải “giác” được nhanh, “giác” là để đối trị “mê”; “giác” cũng chính là câu Phật hiệu có thể lập tức đề khởi ngay nơi cửa ải, chế phục tức khắc phiền não sinh khởi.

2. Chuyển Nghiệp Sám

Đây là loại người rất thông minh, họ có thể chuyển nghiệp. Việc này rất vi diệu, hiệu quả rất thù thắng, chính là đem tư tưởng, kiến giải sai lầm của mình trước đây chuyển đổi lại cho phù hợp với Chánh pháp, không còn tự tư tự lợi, ích kỷ, mỗi niệm đều vì chúng sinh, vì Phật pháp. Sám pháp này là “chuyển nghiệp sám”.

3. Diệt Nghiệp Sám

Trong kinh đức Phật dạy: Ví như gian phòng tối cả ngàn năm, nay thấp sáng lên ngọn đèn, bóng tối liền tiêu diệt. Dùng bóng tối để ví tội nghiệp, dùng ánh sáng đèn để ví cho trí tuệ. Có thể biết: “Định” có công năng hàng phục nghiệp. “Tuệ” có thể phá trừ những tội nghiệp. Việc tu học của chúng ta nương “giới” sanh “Định”; do “Định” mà phát sinh “Tuệ”. Nếu trì giới không thể được “Định”, việc trì giới này chỉ là phước đức, không phải công đức, chỉ là phước báo hữu lậu của thế gian, không thể chuyển nghiệp, không thể diệt tội, cũng không chế phục được tội.

Công đức có thể giúp ta thoát ly sinh tử, phước đức thì không thể! Vì sao có sự khác biệt này? Bởi vì tâm người trì giới rất tốt, rất nghiêm nhưng vẫn còn phiền não vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên không thể thành tựu công đức! Xem thấy người kia phá giới, người nọ không giữ giới, họ vẫn còn có tâm phân biệt, khiến công đức trì giới của họ bị tiêu mất không sinh được Định. Cho nên, Lục Tổ Huệ Năng nói rất hay: “Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá” (Nếu là người chân chánh tu hành thì không thấy lỗi của thế gian).

Cũng thế, người chân thật trì giới không thấy lỗi thế gian. “Không thấy” ở đây có nghĩa là “thấy mà như không thấy”, quyết không chấp trước, chẳng để vào tâm là ý này. Tiếp đó, Lục Tổ nói: “*Nhược kiến tha nhân phi, tự phi khước thị tử*”, (Nếu thấy lỗi người

khác là lỗi ở nơi mình!) Đem lỗi người khác để trong tâm, dính ở trên miệng, thị phi lỗi người; Lục Tổ nói: Lỗi đó chính là ở nơi bạn! Bạn đã đọa lạc rồi! Lại nói: “*Tha phi, ngã bất phi, ngã phi tị hữu quá!*” (Người lỗi ta không lỗi, ta lỗi bởi chê bai!).

Họ làm sai là chuyện họ, ta không thể giống như họ. Cho dù ta có nghiêm trì giới luật, nhưng còn thị phi, còn phê bình người khác, còn nói lỗi người, còn xem thường người, ấy là ta có lỗi. Chỗ này, Lục Tổ nói rất hay, chân thật là nhắc nhở ta phải tu hành, thành tựu công đức của chính mình, phải chân thật sám trừ nghiệp chướng!

Đời nhà Đường, Tổ sư sáng lập Luật Tông Trung Quốc là Luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nam, thật không ai sánh bằng. Không những người thời đó tôn kính ngài, tán thán ngài mà mãi đến hôm nay, nhắc đến Luật sư Đạo Tuyên, không ai mà không khởi tâm cung kính. Ngài trì giới rất tinh nghiêm, thanh tịnh, cảm được thiên nhân cúng dường. Mỗi ngày, ngài chỉ ăn một bữa, buổi ăn trưa của ngài do thiên nhân mang đến cúng dường, ngài không cần phải đi khát thực. Phước báo lớn như vậy.

Có một hôm, Đại Sư Khuy Cơ đi ngang qua núi Chung Nam, cũng rất ngưỡng mộ Luật sư Đạo Tuyên, liền thuận tiện ghé thăm. Luật Sư Đạo Tuyên nghe Đại Sư Khuy Cơ sắp đến thăm, liền nghĩ đến việc cần phải hiển lộ một chút để Đại Sư Khuy Cơ thấy, vì ngài nghe nói Đại Sư Khuy Cơ (nguyên là Tổ Sư của Pháp Tướng tông, đệ tử của ngài Huyền Trang) rất kém khuyết trong việc trì giới. Ông sinh trưởng trong gia đình giàu có, hào môn quý tộc. Chú ông là Đại tướng của vua Đường Thái Tông. Khi xuất gia, nghe nói mọi người gọi ông là “Tam Xa Hòa Thượng”. Lúc đó, Đại Sư Huyền Trang tìm đến khuyên ông xuất gia. Ông nói với Đại Sư: Tôi xuất gia cũng được, nhưng phải cho tôi hưởng thụ!

Đại Sư hỏi:

- Ông muốn hưởng thụ gì?

Ông đưa ra ba điều kiện:

1. Tôi thích đọc sách, tôi muốn đem theo một xe sách để đi xuất gia.

- Được! Không vấn đề gì!

2. Tôi thích hưởng thụ vật chất, muốn mang theo một xe vàng ròng

- Được! Cũng không hề gì!

3. Tôi cần có mỹ nữ hầu hạ, phải mang theo một xe mỹ nữ.

Đại sư Huyền Trang đều đáp ứng mọi thứ cho ông. Thế nên, mọi người gọi ông là “Tam Xa Hòa Thượng”. Đó là đối với việc trì giới ông không được nghiêm túc! Luật sư Đạo Tuyên cho rằng Đại sư Khuy Cơ học vấn tuy rất tốt, rất có biện tài, nhưng giới luật thì không được! Hôm nay phải biểu diễn một chút để ông ta xem!

- Diễn cái gì?

- Buổi trưa thiên nhân mang cơm đến cúng dường, đây là việc rất hiếm lạ!

Thế là, Đại Sư Khuy Cơ lên núi, ngồi đến giữa trưa. Thiên nhân hôm đó không mang cơm đến cúng dường! Luật Sư Đạo Tuyên rất thất vọng! Vốn dĩ muốn biểu diễn một chút để cảm hóa Khuy Cơ, không nghĩ đến thiên nhân thất tín, hôm nay không đến, bắt đắc dĩ cũng không còn cách nào! Đến chiều, Đại Sư Khuy Cơ xuống núi. Hôm sau, buổi trưa thiên nhân lại mang cơm đến cúng dường. Luật Sư Đạo Tuyên liền trách:

- Hôm qua sao ông không đến?

Thiên nhân này nói:

- Hôm qua, Bồ Tát Đại thừa ở trên núi, cả núi này đều có thần hộ pháp bảo hộ, tôi không đến được!

Luật Sư Đạo Tuyên nghe lời nói này, trên thân liền toát mồ hôi, hổ thẹn đến cùng tội! Mới biết được ý niệm của chính mình là sai lầm, là có tội nghiệp!

Qua câu chuyện này, thực tế mà nói, có thể lấy mấy câu của Lục Tổ Huệ Năng làm một chú giải: *“Thấy người khác có lỗi tức chính mình liền có lỗi!”*

- Họ thật có lỗi hay không?

- Không hề thấy!

Người khác xem thấy Đại Sư Khuy Cơ khuyết điểm cả người, lỗi lầm cả người. Nhưng, thiên nhân xem thấy ngài thì không phải vậy! Bạn nghiêm trì giới luật triệt để, rất tinh nghiêm, đó là giới luật Tiểu Thừa rất được thiên nhân tôn kính. Thế nhưng, so với Bồ Tát Đại Thừa, bạn còn cách rất xa!

- Vì sao vậy?

- Vì bạn còn chấp vào sự tướng!

Những lý cùng sự này chúng ta phải thấu hiểu tường tận. Đại đức xưa dạy: Chúng ta khởi tâm động niệm đều là tạo tác tội nghiệp. Tội nghiệp có hai loại: *“giá tội”* và *“tánh tội”*

- *“Giá tội”* là gì?

- *“Giá”* là phòng chỉ, phòng phạm, phòng ngừa; nếu phạm tội nghiệp này thì nhẹ; *“tánh tội”* mới nặng, cho dù Phật có chế ra giới luật này hay không, nếu tạo *“tánh tội”* thì nhất định phạm tội. Lấy “Ngũ giới” mà nói: “Sát sinh” là *“tánh tội”*, dù chưa thọ giới, nếu vi phạm bạn vẫn có tội. Không thể nói bạn chưa thọ giới, việc sát sinh đối với bạn là không có tội, không có đạo lý này! Quốc gia

chế định giết người phải thọ tội tử hình; bạn không hiểu luật pháp, giết người cũng bị xử tử! Cũng thế, dâm dục, trộm cắp, vọng ngữ lừa gạt chúng sinh là “*tánh tội*”, dù có thọ giới hay không thọ giới, tội trạng đều như nhau. Trong năm giới, chỉ có uống rượu là “*giá tội*”.

- Uống rượu không có tội, sao Phật lại ghép nó vào trong năm giới cấm?

- Vì sợ bạn uống say sẽ phạm các giới trước, tạo ra ác nghiệp!

Cho nên, “giới rượu” là phòng phạm. Nếu bạn phạm vào “giới rượu”, đó là “*giá tội*”, không phải “*tánh tội*”. Nếu phạm “*tánh tội*” thì đây là phiền phức lớn! Sám hối “*tánh tội*” bao gồm “sự sám” và “lý sám”. Cần phải chân thật phát tâm sám hối từ chính nội tâm mình, về sau không tái phạm. Phải cầu Phật, cầu Bồ Tát gia hộ, cầu điềm lạ, cầu cảm ứng. Những phương pháp sám hối này trong kinh nói rất nhiều. Nếu phạm “*giá tội*” thì làm pháp sám hối, y theo phương pháp sám hối Phật dạy là: Bạch chúng, tuyên bố với mọi người bạn đã vi phạm những lỗi lầm gì. Trong “*giá tội*” có rất nhiều khai mở, chúng ta cũng cần phải hiểu: Giới luật là linh động, hoạt bát, không phải hoàn toàn khô cứng. Có lần, một đồng tu đến hỏi tôi:

- Thức ăn chay nếu không dùng gia vị hành, tỏi thì rất khó ăn, việc này có nghiêm cấm không? Tôi nói:

- Không nghiêm cấm, có thể dùng! Nên biết: Họ dùng một chút hành tỏi vẫn còn tốt hơn nhiều so với ăn thịt, đây là “khai duyên”. Nếu ngay đến những phối liệu này cũng không cho phép thì họ sẽ không ăn chay, vẫn tiếp tục ăn thịt! So sánh giữa khinh và trọng ở chỗ này có thể khiến họ không tạo trọng tội thì cái tội nhẹ kia có thể thông qua. Phải biết “thông quyền đạt biến”, không nên quá cố chấp đến những việc như vậy, hướng hồ chỉ làm gia vị. Tuy nhiên, việc này ở chốn thiền môn thì nhất định không được phép! Vì sao? Tránh việc đàm tiếu! Hòa Thượng mà vẫn còn ăn hành tỏi! Nhưng

đối với người tại gia có thể gia giảm đôi chút. Chỗ này cũng nên tìm hiểu:

- Vì sao Phật ngăn cấm ngũ tân?

- Vì ngũ tân ăn nhiều sẽ sinh ra rất nhiều lỗi lầm! giống như tai hại của rượu, đây thuộc về “*giá tội*”. Rượu uống say rồi mới có lỗi. Nhưng có người uống say thì ngã lăn ra ngũ một giấc thật dài, không gây tội nghiệp, vậy thì không việc gì. Trái lại, có người uống rượu liền khởi tửu phong, vậy thì rất phiền phức! Đó mới có lỗi lầm!

Trong nhà Phật không có định pháp, không có pháp nhất định. Có người xào rau thêm ít rượu vào, rượu đó không thể làm say, việc này thì không sao, không gọi là phá giới. Ngày trước, Phật ngăn cấm người xuất gia không được mang theo tiền, đây cũng là “*giá giới*”, phòng ngừa tâm tham! Tiền càng nhiều thì tâm tham càng nặng! Tiền càng nhiều thì càng khó xả được! Đây là “ngừa quấy dứt ác”, một loại “quyền nghi thiết lập”, biết được Thế Tôn rất chú tâm dạy học, nơi nơi đều vì chúng ta chế ra rất nhiều công việc phòng phạm. Về phương pháp sám hối “*tánh tội*” có hai cách: Sự sám và Lý sám.

- *Sự sám*, như trên đã nói, có nhiều cách: Tu Lương Hoàng Sám, tu Thủy Sám v.v..., chiếu theo nghi qui đó mà làm; chân thật làm mới có tác dụng; không thể chỉ đọc suông một lần mà có lợi ích.

- *Lý sám*, Trên kinh, Phật nói: “Vạn pháp đều không”, “vạn pháp do duyên sinh”; phạm hễ là “pháp duyên sinh” thì ngay nơi thể là không, không thể có được. Chúng ta tạo tác chủng chủng tội nghiệp cũng là duyên sinh. Đã là duyên sinh thì chủng chủng tội nghiệp này ngay nơi thể cũng là không, không thể có được. Đây là đạo lý nhất định! Hiểu được đạo lý này, khế nhập “Không tánh”, cái tội này liền diệt. Thế nhưng, nếu chưa khế nhập được “Không tánh”

tức là chưa chứng đắc, chưa vào được cảnh giới này thì vạn lần chó nên nghĩ tội nghiệp là không! Thử hỏi:

- Ăn cơm, đôi với bạn có hay không?

- Có! một cái có thì tất cả đều có, một cái không thì tất cả đều không. Nếu bạn có thể vào được cảnh giới “*vạn pháp giai không*” (tất cả pháp đều là không), tội nghiệp của bạn liền tiêu trừ, giống như cảnh giới trong Kinh Kim Cang nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán*”. “Quán” là “Tuệ”. Vào được cảnh giới này, như phần trước đã nói: “*Tam tâm bất khả đắc, duyên khởi tánh không*”. Việc này là then chốt, bạn chân thật được giải thoát. Không những bạn siêu việt sáu cõi mà mười pháp giới cũng siêu việt luôn. Đó là “*Lý sám*”. Từ trên lý mà tu pháp sám hối đây là: “*Diệt nghiệp sám*”.

Tóm lại, từ trên sự mà sám hối là “*phục phiền não*”, phục tội nghiệp, khiến cho tội nghiệp không khởi hiện hành. Nếu từ trên lý, cách sám hối này là nhỏ sạch tận gốc các tội nghiệp; chân thật là chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sinh tử thành Niết Bàn. Đó mới là pháp sám hối cứu cánh. Ngoài ra, có thể niệm Phật, niệm đến “*lý nhất tâm bất loạn*”, “*quán tội tánh không*”, vậy thì được. “*Sự nhất tâm bất loạn*” thì chưa được, phải đạt đến “*lý nhất tâm bất loạn*”, chính là đã đoạn được “*Kiến tư phiền não*”, “*Trần sa phiền não*”, “*Phân phá vô minh*”, siêu việt mười pháp giới, vãng sinh Tây Phương trong cõi Thật Báo Trang-Nghiêm hay cõi Thường Tịch Quang, mới có thể tu “*Diệt nghiệp sám*”, tiêu diệt tội nghiệp.

Thực tế, “*chuyển nghiệp sám*” là thù thắng nhất, cao minh nhất. Ngoài các phương pháp sám hối trên, đức Phật còn chỉ dạy chúng ta rất tường tận, nhận biết được “*Thuận lưu thập tâm*” tức là mười tâm thuận theo sinh tử, có mười tâm này thì ta không thể thoát

khởi sinh tử luân hồi, và “Nghịch lưu thập tâm” là mười tâm giúp ta siêu việt luân hồi.

“**Thuận lưu thập tâm**”, gồm có:

1. *Vô minh hôn ám, vọng kế nhân ngã khởi u thân kiến*:

“Vọng” là hư vọng; “kế” là chấp trước. “Vọng kế” là tối tăm ngu si, chấp trước, hư vọng cho thân này là ta, thân người khác là người. Có ta, có người, từ đó sinh khởi ngã chấp nghiêm trọng, vô minh vọng tưởng điên đảo hình thành, căn bản của luân hồi phát xuất từ đây.

2. *Ngoại gia ác hữu* (Ngoài thêm bạn ác):

Không có trí tuệ chân thật dễ rơi vào cạm bẫy, hàm lừa của thế gian, tạo tác ác nghiệp, gây nhân sinh tử, phiền não tăng trưởng.

3. *Thiện bất tùy tùng* (Chẳng theo điều thiện):

Thường hay đố kỵ, hủy báng, nhục mạ, hãm hại, cản trở người tu thiện.

4. *Tam nghiệp tạo ác* (Gây ba nghiệp ác):

Thân, khẩu, ý không ác nào mà không tạo, cũng chính là nói gây tạo mười ác nghiệp.

5. *Ác tâm biến bố* (Ác tâm trùm khắp):

Nếu hội đủ nhân duyên chín mươi thì không có việc ác nào mà họ từ nan.

6. *Ác tâm tương tục* (Ác tâm liên tục):

Ý niệm tạo ác tiếp nối không ngừng. Ban ngày tạo ác, ban đêm nằm mộng vẫn là đang tạo ác. Thật đáng sợ!

7. *Phú hý quá thất* (Che đậy lỗi lầm):

Tránh né, nguy trang lỗi lầm của mình, đẩy trách nhiệm cho người khác. Việc ác này rất nặng! Phật dạy chúng ta phải “tích âm đức”: Làm việc tốt không nên để người khác biết, phải che dấu phước đức của mình, càng tích càng dày, quả báo tương lai sẽ thù thắng. Đối với tội nghiệp thì không nên che dấu, cho dù tạo ra nhiều hay ít, đều mong người khác biết. Vì vậy, người khác thấy bạn mắc một câu, người kia trách bạn một tiếng, thì quả báo này trả hết.

8. *Bất úy ác đạo* (Chẳng sợ đường ác):

Ngoan cố, ngang ngược, tàn ác, hiếu thắng, ưa xung đột đối kháng, không chịu thiệt, tranh hơn tranh thua với mọi người. Đây là tập khí, tâm bệnh lớn.

9. *Vô tâm, vô quý*:

Chính mình không biết hổ thẹn, không bị lương tâm dày vò, là vô tâm. Bất chấp lời phê bình của người khác, không sợ dư luận, cứ tha hồ tạo tội là vô quý.

10. *Bác vô nhân quả* (Chẳng kể nhân quả):

Phải nhận rằng, cả đời này chân thật là may mắn được gặp Phật pháp. Trước khi chưa gặp Phật pháp, các tội nghiệp chúng ta thường tạo nhưng chẳng hề hay biết. Không hay biết thì đâu lo gì sám hối tội nghiệp!

Tôi hai mươi sáu tuổi mới học Phật, mới hiểu được việc này (nhân quả báo ứng). Thời gian kháng chiến năm đó, tôi mới mười mấy tuổi, tạo nghiệp sát rất nặng, ham thích săn bắn. Cho nên, rất nhiều tướng số gia đoán mạng cho tôi đều nói tôi đoán mạng. Tôi tin điều này! Vì sao? Vì nghiệp sát của tôi quá nặng! Ngay đời này cuộc sống rất khổ cực, không thể đoàn tụ với người nhà. Tôi cũng tin là do nghiệp báo, tôi đã sát sinh khiến cho cả nhà của chim, thú không

được đoàn viên, nay tôi phải nhận chịu quả báo này! Tạo nhân gì phải nhận quả đó, làm sao tránh được!

Sau khi chân thật hiểu được rồi, Phật, Bồ Tát đã cứu hộ tôi. Tôi chân thật thay đổi, tự làm mới, không còn vì mình mà vì Phật pháp, vì chúng sinh. Lại nữa, gặp được pháp môn Tịnh Độ, đời này mới chân thật làm được viên mãn, mới rõ được con đường: làm thế nào báo ân Phật, báo ân chúng sinh, bù đắp lại những lỗi lầm trước đây mình đã giết hại chúng sinh, chỉ có hồng dương Phật pháp, đem pháp môn thù thắng này giới thiệu đến tất cả mọi người.

Nghịch lưu thập tâm: Mười loại tâm này đi nghịch dòng sinh tử, có thể giúp chúng ta tiêu tai, giải nạn, hóa giải được vô số tai biến của hiện tại thế gian. Phật ở trong kinh cũng thường nói:

“Nhược nhơn thức tác tâm, đại địa vô thốn thổ”: Nếu người nào cũng chân thật, nhận được cái tâm thì đại địa này không một tác đất! Cái *“đại địa vô thốn thổ”* này, ý nói tất cả vấn đề thảy đều được giải quyết. Trở lại mười tâm nghịch lưu như sau:

1. Minh tín nhân quả:

“Minh” là trí tuệ, không phải mê tín. Phật nói trong tất cả kinh đều không rời nhân quả. Thế gian pháp hay Phật pháp đều không rời khỏi qui luật này. Nhân quả tuyệt đối không có mê tín. Cho nên, nhân thiện ắt được quả thiện; nhân ác nhất định cảm ác báo. Tuy nhiên, có một số hiện tượng trong xã hội dường như không tương ứng với nhân quả mà Phật pháp đã nói. Thật ra, không phải thế! Chẳng qua bạn chỉ nhìn thấy hiện tượng trước mắt mà chưa thấu triệt được nhân quả.

Lý nhân quả trong quan điểm Phật pháp, phải thông cả ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Đời trước bạn tu thiện thì đời này bạn được giàu sang phú quý. Cho dù đời này bạn tạo rất nhiều tội

nghiệp, cái phước thừa của bạn chưa hưởng hết, nên bạn vẫn tiếp tục hưởng phước. Nhưng, bạn nên biết, trong đời này nếu bạn chỉ hưởng phước mà không chịu tu phước, vẫn gây ác nghiệp thì phước báo của bạn dù lớn cũng tiêu hao rất nhanh. Nếu đời này bạn chưa thọ quả báo thì đời sau, hoặc đời sau nữa bạn sẽ rất thâm khổ!

Trái lại, người ngày nay tu phước vẫn gặp hoàn cảnh khổ cực, không may là do đời trước họ không tu phước, ngày nay phải nhận thọ quả báo. Tuy nhiên, những nhân thiện họ tạo ra trong đời này không mất, đời sau họ sẽ được an vui, phú quý. Cho nên, người giàu sang không phải đời đời họ giàu sang, người nghèo khổ không phải đời đời họ chịu nghèo. Tạo hóa rất công bằng. Nhân quả báo ứng không hề sai lệch. Sau khi tin sâu vào lý nhân quả, bạn mới nhận ra trách nhiệm của mình, không đổ lỗi cho người khác hay bất cứ nguyên nhân nào.

2. Sinh trọng tâm quý, tự hổ khắc trách:

Rất biết xấu hổ, chính mình phải phát khởi tâm hổ thẹn, phải chăm chỉ nỗ lực ra công khắc chế mình, khắc phục tất cả phiền não, tập khí từ vô lượng kiếp đến nay.

3. Sinh đại bố úy (lòng rất sợ sệt):

Đường ác dễ vào mà rất khó ra, chớ nên lơ là xem thường. Khi Phật còn tại thế, Kỳ Viên tịnh xá có một ít công trình xây cất, xem thấy dưới đất có một tổ kiến, Phật nhìn thấy chỉ mỉm cười. Các đệ tử đi bên Phật thấy vậy không hiểu vì sao đức Thế Tôn mỉm cười những con kiến này?. Đức Phật nói: Đàn kiến này rất ngu si, bảy vị Phật xuất thế mà nó vẫn chưa thoát thân kiến!

Một vị Phật xuất thế là trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. Bảy vị Phật xuất thế phải trải qua hai mươi một A-tăng-kỳ kiếp mà chúng vẫn chưa thoát thân kiến! Thảo nào rơi vào ác đạo thì thật khó ra!

Đường sức sinh cũng thế! Cõi nọ quý, một ngày bằng một tháng của nhân gian ta. Tuổi thọ của nọ quý (cách tính cũng như nhân gian, một năm mười hai tháng, ba trăm sáu mươi lăm ngày), đoạn mạng cũng là một ngàn tuổi, mạng dài thì tới mấy vạn tuổi. Thật đáng sợ! Ngày tháng trong cõi nọ quý không nhìn thấy mặt trời chỉ toàn là một màu tối đen. Thật quá kinh khiếp!

Cõi nọ quý gọi là “Đao đồ”, chữ “Đao” là hình dung thường hay lo sợ có người đến giết mình. Cõi sức sinh gọi là “Huyết đồ”, ăn nuốt lẫn nhau. Địa ngục gọi là “Hỏa đồ” toàn là một biển lửa, thật là trường kỳ đau khổ! Phật dạy chúng ta phải có tâm lo sợ ba đường ác mà nỗ lực tiến tu, đoạn dứt “tham-sân-si” là cội gốc của tam ác đạo.

4. *Phát lồ sám hối:*

Không nên che dấu, không nên ngụy trang tội lỗi của mình. Phải dũng cảm. Có đủ dũng khí mà thố lộ công khai với mọi người, không sợ mọi người trách cứ. Mọi người trách cứ chính là giúp ta tiêu tai tội nghiệp.

5. *Đoạn tương tục tâm:*

Nhất định không để cho các ý niệm ác sinh khởi tiếp nối. Ý niệm ác vừa khởi, liền phải hàng phục nó, ngăn dứt nó. Cứ thế mà tu tập, chánh niệm, cảnh giác theo dõi trong từng Sát-na những ý niệm sinh khởi, như vậy mới chân thật làm được đoạn tất cả ác. Sau khi đoạn ác phải tu thiện. Nếu không tu thiện sẽ không thể tích công bồi đức. Chỉ có tích công bồi đức mới có thể thành tựu đại phước, đại thiện cho chính mình. Cho nên năm phần kế tiếp Phật dạy:

6. *Phát Bồ Đề tâm*

7. *Đoạn ác tu thiện: tu công bù lỗi.*

8. *Thủ hộ chánh pháp:*

Gìn giữ chánh pháp, điểm này vô cùng quan trọng! Phải biết hộ pháp còn quan trọng hơn so với hoằng pháp. Thực tế mà nói, thế gian này không phải không có người hoằng pháp, nhân tài hoằng pháp rất nhiều, nếu không gặp được thiện hộ nhiệt tâm, nhân tài hoằng pháp cũng sẽ bị mai một, ngay trong một đời họ chỉ có thể tự lợi mà không thể lợi tha.

Công đức và trách nhiệm của hộ pháp rất lớn. Khi Phật còn tại thế, đem việc hộ pháp này ủy thác cho quốc vương, đại thần, trưởng giả. Họ có năng lực hộ pháp, có oai thế, có tiền của, có thể xây dựng đạo tràng, bố trí an ổn, bồi dưỡng pháp sư, khai thỉnh pháp sư nơi này hoằng pháp lợi sinh. Cho nên, muốn Phật pháp hưng vượng, bốn chúng đệ tử đều phải biết làm công việc hộ pháp này.

Ngày trước, khi tôi còn trẻ học Phật, nếu không gặp được Hàn Quán Trưởng trong ba mươi năm toàn tâm toàn lực hộ trì, chúng ta sẽ không có thành tựu ngày nay. Nếu không có được sự hộ trì của người này, tôi nghĩ chỉ có hai con đường để đi: Một là làm kinh sám, sẽ bỏ việc giảng kinh, không có cơ hội giảng cho mọi người, hai là đành phải hoàn tục! Mới biết công đức hộ pháp không thể nghĩ bàn!

Hộ trì Phật pháp không phải đơn giản! Cả nhà Hàn cư sĩ giúp tôi cũng gặp rất nhiều khổ nạn. Thế nhưng, bà hiểu được, bà sáng suốt, bà không bị quấy nhiễu bởi hoàn cảnh bên ngoài. Trên bục giảng kinh, nếu giảng không hay người khác sẽ cười bạn, đây là chướng ngại nhỏ. Nhưng bạn giảng được không tệ, thính chúng rất hoan hỉ tán thán; người đố kỵ sẽ liền đến, là không thể tránh khỏi! Người đố kỵ sẽ nghĩ hết cách để phá hoại, đến khiêu khích, đến sinh sự! Nhất là ngày trước tôi ở trong nhà của Hàn Quán Trưởng. Tôi là người xuất gia, bước đến không có con đường nào để đi, không có chùa nào có thể dung chứa, phải ở trong nhà cư sĩ hết mười bảy năm, không phải thời gian ngắn! Người khiêu khích sinh sự là không thể

tránh khỏi! Người trong nhà của họ phải có sức nhẫn chịu được. Nếu như không thể nhẫn chịu được, họ sẽ nói:

- Pháp sư à! Không được rồi! Ông ở đây, tôi không thể chịu đựng nổi áp lực bên ngoài, thì tôi đành phải ra đi!

Rất may! Người trong nhà họ sáng suốt, họ có thể chịu đựng được bất cứ dèm pha, nhục mạ gì, họ đều không để ý. Việc này cũng rất khó làm, không phải dễ dàng! Cho nên, thành tựu của chúng ta, chân thật là rất cảm kích đối với bà. Không có bà, sẽ không có thành tựu ngày hôm nay, cũng không có thư viện Hoa Tạng ở Đài Bắc, cũng không có Tịnh Tông Học Hội. Cho nên, công đức hộ trì thật chẳng thể nghĩ bàn!

Hộ trì phải có trí tuệ chân thật, có Định lực chân thật. Trí tuệ có thể phân biệt phải quấy; Định lực giúp không bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, có thể kiên trì, sau cùng mới có thể thành tựu. Cho nên, khi Quán Trưởng vắng sinh, hai lần nhìn thấy A Di Đà Phật đến an ủi bà, xem thấy hải hội Liên Trì. Điềm lạ đích thật là tương ứng với công đức của bà.

Ngày nay, bạn thấy người xuất gia chúng tôi đắp cái y này, màu sắc này là màu cà phê, không phải y màu đỏ, áo tràng màu vàng như thông thường. Ngày trước, khi Hàn Quán Trưởng bệnh nặng, có một hôm tôi bỗng nghĩ ra màu sắc y của chúng ta không như pháp! Phật nói: Y nhiễm sắc tránh dùng năm loại màu chính là: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen. Cho nên, y phục nhà Phật là màu ca sa, là y nhiễm sắc không phải chính sắc.

Tôi nghĩ đến điểm này liền điện thoại cho tiệm may Tăng phục, mời họ may cho chúng tôi loại y phục như pháp này. Chủ tiệm may Tăng phục buổi tối liền đến thư viện đo y phục cho chúng tôi, luôn tiện tôi nhờ ông ấy có thể hoàn tất nhanh hơn một chút để may cho chúng tôi. Ông nói: Buổi trưa A Di Đà Phật đến tiệm may dặn

bảo: thư viện có việc gấp, bảo ông mau làm cho xong. Ông nói: Vật liệu may mặc ông đã chuẩn bị xong hết. Thật là không thể nghĩ bàn! Chúng ta khởi một niệm đúng pháp, liền có thể cảm ứng được A Di Đà Phật.

“Hộ Pháp”: Chúng ta có thể thỉnh những bậc cao tăng, đại đức, không luận là tại gia hay xuất gia đến giảng kinh, chỉ cần họ chân thật có tu, có học thì có thể mời họ. Thế nhưng, họ đến giảng kinh phải thông hiểu đại chúng đang tu pháp môn gì? Họ giảng kinh luận gì? Nhất định phải phù hợp với việc tu học của đại chúng thì mới đúng. Mọi người đều tu pháp môn Niệm Phật, đều cùng một mục tiêu cầu sinh Tịnh Độ, nếu mời Pháp sư đến giảng về tham thiền, về trì chú thì sai rồi, việc này không nên!

Người hộ pháp không những bảo hộ chính mình mà còn phải hộ pháp cho đại chúng. Ở đây, chúng ta không kỳ thị mà chỉ gìn giữ tín tâm, định tâm của đại chúng, thâm tín thiết nguyện, tuyệt đối không để người khác làm sai lệch mục tiêu! Trong Phật pháp thường nói: *“Muốn Phật pháp hưng thịnh, chỉ có Tăng khen Tăng”*. Đôi bên tán thán lẫn nhau, Phật pháp mới có thể hưng khởi.

Thế nhưng, hiện tại thông thường, nhất là Pháp sư trẻ tuổi, chưa nhận được giáo huấn chính qui, không hiểu được đạo lý này, đến đâu họ luôn là người giới thiệu về mình, chính mình tu học con đường này rất tốt. Họ có thành kiến, nên đối với pháp môn khác, họ liền có phê bình, vậy thì rất dễ dàng dẫn sai người khác tu học! Việc này thông thường chúng ta gọi là không biết lễ phép!

Người xưa thường nói: *“Thà làm động nước trăm sông, không động tâm người tu niệm”*. Họ đã tu Pháp môn này mười năm, hai mươi năm rồi thì không nên tùy tiện dao động họ. Đó là một việc rất tàn khốc! Phá hoại tín tâm của người khác, khiến họ đâm ra hoài nghi, nhiễu loạn lòng người là việc không nên làm! Cho nên, bất cứ

nơi nào mời chúng ta đến giảng, chúng ta phải hỏi thăm dự liệu trước: Chỗ họ tu theo pháp môn gì? Tu được bao lâu? Do ai hướng dẫn? v.v... Nếu đạo tràng đó không phải chuyên tu một pháp môn nào, thì ta có thể tùy tiện giảng. Có đạo tràng không tìm được Pháp sư hoằng pháp, cứ thấy Pháp sư nào đi ngang qua đó, cũng đều thỉnh hết, cứ mặc họ tùy tiện giảng không cần phải chọn lựa!

Cho nên, hoằng pháp có được hiệu quả hay không, then chốt là ở hộ pháp. Người đại hộ pháp, nhất định phải có đại trí tuệ, có tổ chức, có nhân lực lẫn tài lực. Nếu không có phước báo, chỉ có trí tuệ thì đành học giảng kinh.

Thủ hộ chánh pháp vô cùng quan trọng! Chánh pháp có thể cứu trụ thế gian hay không? Có thể lợi ích chúng sinh hay không? đều ở sự khéo léo hộ trì.

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói rất hay: *“Chúng ta không có phước báo, A Di Đà Phật có đại phước báo. Chúng ta không có trí tuệ, A Di Đà Phật có đại trí tuệ. Cả đời chúng ta chỉ cần dựa vào A Di Đà Phật: Không có trí tuệ cũng biến thành có trí tuệ; không có phước báo cũng thành có phước báo. Dựa núi này thật tốt! Chân thật dựa được chắc”*. Cho nên, Lý Mộc Nguyên đã tìm được cái núi tốt để dựa.

Mười năm qua, từ nơi công việc của Phật giáo được thuận buồm xuôi gió. Cách dựa núi này của ông thật hay, thật chắc, thật khiến mọi người nghe qua đều cảm động! Lý Mộc Nguyên, mười năm trước đã bị bệnh ung thư. Năm đầu tiên khi tôi gặp ông, ông rất mập như Bò Tát Di Lặc với cái bụng rất to, người rất trắng kiện. Năm thứ hai, thứ ba sau đó, bỗng chốc ông liền ốm xuống. Lúc đó, tôi vẫn không để ý! Ông nói với tôi: Bác sĩ đã chẩn đoán ông bị ung thư và nói thọ mạng ông nhiều nhất chỉ còn khoảng sáu tháng! Những phim chụp quang tuyến, những báo cáo về bệnh trạng của ông, nay vẫn

còn khoảng ba, bốn mươi tấm phim chụp, nội tạng bên trong không còn chỗ nào tốt.

Ông là một Phật tử thuần thành, biết chính mình mắc căn bệnh này là không thể cứu, nên đem tất cả tài sản, việc buôn bán trong nhà thầy đều giao hết cho vợ; thẻ tín dụng đều trả cho ngân hàng, trên người ông không còn bất cứ thứ gì. Ở đạo tràng Cư Sĩ Lâm, ông làm công quả, sống một ngày làm một ngày, đợi lúc vãng sinh. Bạn xem! Ông đã đợi mười mấy năm, sức khỏe lại càng ngày càng tốt! Hiện tại đi tái khám mới hay không có thứ bệnh nào. Cho nên, giới y học ở Singapore cho ông là một kỳ tích. Bởi ông không có khám bệnh, không tìm bác sĩ, không hề uống thuốc, tất cả đều buông bỏ! Có người giới thiệu ông bác sĩ giỏi, ông vẫn không tìm gặp, chỉ chuyên tâm niệm Phật, chờ Phật đến tiếp dẫn. Tế bào ung thư trong toàn thân ông quả nhiên tiêu hết. Hơn nữa, hiện tại thân thể ông khỏe mạnh còn vượt hẳn hơn người thường.

Ông nói với tôi, năm trước thăm viếng Trung Quốc Đại Lục, đến phương Bắc khí hậu lạnh, ông cũng chỉ mặc chiếc áo sơ mi. Ông không lạnh! Mùa đông, thân thể ông phát nhiệt, mùa hạ thân ông mát. Thật không thể nghĩ bàn! Cuộc đời còn lại, ông chân thật hy sinh! Chân thật phụng hiến! Triệt để vì Phật pháp, vì xã hội, vì chúng sinh! Ông cùng với A Di Đà Phật, với chư Phật Như Lai, đồng tâm, đồng nguyện, đồng hiểu, đồng làm. Tín tâm của ông thật sự vô cùng kiên định.

Mười năm trước lâm bệnh phải chết, đó là do “nghiệp báo thân” của ông. Hiện tại, ông chuyển “nghiệp báo thân” của ông thành “thân nguyện lực”; “nguyện thân” chính là thừa nguyện trở lại. Phước báo ông ngày nay là do chư Phật Như Lai gia trì, do tất cả chúng sinh có phước, ông liền có phước. Đó là hiện thân ông nói pháp ngay trước mắt chúng ta. Cũng có thể nói, ông là Bồ Tát sống!

Ông ăn uống rất đơn giản, có người biếu ông thức ăn ngon, bổ dưỡng, ông liền tặng lại cho người khác, bản thân ông không cần đến.

Trường hợp của cư sĩ Lý Mộc Nguyên là “chuyển nghiệp sám”; căn bệnh ngặt nghèo đó là “nghiệp báo”, ông có thể chuyển. Nên biết, ông có thể chuyển, chúng ta cũng có thể chuyển. Trường hợp cá nhân tôi, thầy tướng xem tôi đoán mạng, không sống quá bốn mươi lăm tuổi, tôi cũng đã chuyển nghiệp. Cả đời này học Phật thì ngay đời này chuyển. Đích thật là vậy! Tôi chuyển còn nhẹ nhàng hơn Lý Mộc Nguyên. Ông còn mang một chút bệnh, tôi chỉ bệnh qua một tháng vào năm bốn mươi lăm tuổi. Tôi biết tuổi thọ mình đã đến nên cũng không tìm bác sĩ, cũng không uống thuốc. Mỗi ngày chỉ ăn một ít cháo lỏng với một ít rau, niệm A Di Đà Phật chờ vãng sinh. Niệm qua một tháng thì hết bệnh.

9. Niệm mười phương Phật:

Chính là niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Vì mười phương ba đời tất cả chư Phật đều niệm A Di Đà Phật; chúng ta niệm A Di Đà Phật chẳng phải là niệm mười phương chư Phật hay sao? Nếu không tin, mỗi ngày lay vạn Phật, lay mười hai ngàn danh hiệu Phật, có niệm được hết mười phương chư Phật chẳng? - Không hề niệm được! Mười phương chư Phật vô lượng, vô biên, bạn mới niệm có mười hai ngàn niệm, vậy thì sót lọt rất nhiều! Niệm một câu A Di Đà Phật, xin nói với bạn: Sẽ không sót một vị Phật nào.

Cũng thế, bạn tụng Kinh Vô Lượng Thọ cũng chính là bạn đã tụng tất cả kinh mà chư Phật đã giảng. Vì sao? Vì mười phương ba đời tất cả chư Phật, không vị nào mà không giảng Kinh Vô Lượng Thọ, các kinh khác thì không nhất định phải giảng. Chúng ta phải hiểu được đạo lý này. Kinh Vô Lượng Thọ là giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật

cầu sinh Tịnh Độ. Chúng ta phải ngay chỗ này mà xây dựng tín tâm kiên cố.

10. Quán tội tánh không:

Trên kinh Phật nói “vạn pháp giai không”, “vạn pháp do duyên sinh”. Phàm hễ do duyên sinh thì ngay nơi thể đều không, không thể có được. Tất cả tội nghiệp cũng là biểu thị trong tất cả vạn pháp. Cho nên, tội nghiệp ngay nơi thể của nó cũng là không. Phép quán này chỉ dành cho những bậc đã chứng đắc, có trí tuệ chân thật mới khế nhập được “*Không tánh*”. Đối với phàm phu chúng ta ngã chấp, pháp chấp còn quá sâu nặng, vạn lần không nên nghĩ tội nghiệp là không, rồi cứ tha hồ tạo tội, đó là sai lầm rất lớn. Cho nên, phải tỉ mỉ mà thể hội được điểm này.

Tóm lại, qua hai mươi điều: “*Thuận lưu thập tâm*” và “*Nghịch lưu thập tâm*”, đức Phật đã chỉ dạy rất tường tận cho chúng ta, mười tâm nên tránh và mười tâm nên phát khởi hầu tiêu tai tội nghiệp, thoát vòng sinh tử. Nếu không thể nhớ hết được những lời dạy trên, chỉ còn cách sám hối đơn giản và hiệu quả nhất đó là niệm Phật.

Ngày trước, năm đầu nhà Thanh, Từ Vân Quán Đánh Pháp sư có trước tác mười thể loại rất phong phú, trong đó có một bộ “*Sớ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*”, ngài nói: Tất cả chúng sinh tạo tội nghiệp cực trọng, bất cứ kinh luận sám pháp nào cũng không cách chi sám trừ được hết tội nghiệp, duy chỉ niệm A Di Đà Phật mới có thể sám trừ hết tội nghiệp. Lời nói của ngài thật có căn cứ, không phải tùy tiện. Công án này ngay nơi “*Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*”, trong đó nói vua A-Xà-Thế nghe lời xúi giục của Đề Bà Đạt Đa giết cha, hại mẹ, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu, ông thấy đều phạm hết. Tội nghiệp như vậy, bao gồm tất cả pháp sám hối trong kinh luận của Phật đều không có cách chi sám trừ hết tội nghiệp

của ông ấy. Thế mà trong “A Xà Thế Vương Kinh” có đề cập: Đến phút lâm chung, ông chân thật sám hối, một lòng niệm A Di Đà Phật cầu sinh Tịnh độ, ông thật đã được vãng sinh. Không những được vãng sinh mà phẩm vị của ông còn rất cao là “Thượng phẩm trung sinh”.

Cho thấy, Pháp môn Tịnh Độ rất thù thắng, tạo tội ngũ nghịch, thập ác, lý đáng phải đọa A-Tỳ địa ngục, còn được cứu, chỉ cần chân thật sám hối, thật sự hồi đầu phát nguyện vãng sanh. Sự việc này khiến chúng ta sâu sắc cảm nhận: Đối với những người ác tạo tội nghiệp ở thế gian, chúng ta nhất định cũng không dám khinh thường họ. Vì sao? Biết đâu đến lúc lâm chung, họ chân thật sám hối, niệm Phật được vãng sinh, phẩm vị của họ không chừng còn cao hơn chúng ta. Cho nên, vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới gồm hai loại người: Một loại bình thường niệm Phật, đoạn ác tu thiện, tích công bồi đức, một loại khi lâm chung sám hối vãng sinh.

Pháp sám hối trong nhà Phật còn dạy chúng ta: *Khởi đại bi tâm, oán thân bình đẳng*. Nên biết, người khác phi báng, nhục mạ, hãm hại ta là do quả báo của đời này hoặc đời trước của ta. Ngày nay, gặp lại họ tương báo lẫn nhau thì nên vui lòng tiếp nhận. Oán thù nên mở không nên trối! Khi tâm oán hận, báo thù không còn nữa, nợ này đến đây đã kết thúc, đây mới là phương cách thông minh, trí tuệ. Được vậy, trên đạo Bồ Đề mới thuận buồm xuôi gió, không còn có chướng ngại. Huống hồ trên kinh Phật nói: “*Ư nhất thiết xứ nhi bất trụ tướng*”. Kinh Bát Nhã cũng nói: “*Ly nhất thiết tướng tức nhất thiết pháp*”, bao gồm tất cả hiện tượng, không nên để trong lòng; trước mọi hoàn cảnh chẳng nảy sinh yêu, ghét. Cảnh thuận hay nghịch đều giúp ta trải nghiệm tự thân, tu tâm thanh tịnh. Đây mới thật là người tu đạt đến “tâm an lý đắc”, đời sống chân thật mỹ mãn.

Hiện tại, người thế gian ô nhiễm tinh thần, ô nhiễm tư tưởng, ô nhiễm kiến giải vô cùng nghiêm trọng! Dùng phương pháp gì để phòng bị, để đối trị? Dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng! Trong tâm bình đẳng, quan trọng nhất là oán thân bình đẳng. Oán thân bình đẳng thì mọi thứ khác đều có thể bình đẳng.

5. TÙY HỈ CÔNG ĐỨC

Chúng ta xem thấy nhiều đạo tràng có đặt thùng phước sương, bên trên ghi là thùng công đức, cho rằng tiền để vào đó là có công đức, vậy là sai rồi! Không hề có công đức!

Thuở xưa, vua Lương Võ Đế nổi tiếng là một Phật giáo đồ kiên thành, một đại hộ pháp của nhà Phật. Khi ông còn đương vị, đã kiến tạo bốn trăm tám mươi ngôi đạo tràng, nay gọi là tự viện, qui mô đều rất lớn, khích lệ người xuất gia, độ chúng hàng mấy trăm ngàn người. Lúc tổ sư Thiên Tông Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ đến Trung Quốc, nghe danh Lương Võ Đế nhiệt tâm hộ pháp, liền đến bái kiến. Lương Võ Đế rất vui mừng tiếp kiến Tổ Sư, luôn tiện kể lại thành tích của mình cho Bồ Đề Đạt Ma.

Ông hỏi Tổ sư: - Vậy trăm có được công đức chăng? Đạt Ma Tổ Sư nói: - Không có công đức gì? Vì sao? Việc làm của vua Lương Võ Đế chỉ có thể xem là phước đức, không phải công đức. Công đức phải do chính mình tu tập mới được. Nêu ra một thí dụ: “Trì giới” có “công” (cái “công” này là công phu); được “Định” tức là “đức”. Cho nên “công” là tu nhân, “đức” là chứng quả. Được “Định” mới gọi là công đức. Chưa được Định, việc “trì giới” chỉ là phước báo, chưa được công phu.

- Vì sao có người trì giới được Định, lại có người trì giới không được Định?

- Chính là đúng pháp hay không đúng pháp! Tu học đúng pháp có “*công*”. Tu học không đúng pháp không có “*công*”. Điểm này chúng ta phải tường tận.

Lục Tổ ngày xưa dạy người trì giới: “*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá*”, nếu là người chân chánh tu hành thì không thấy lỗi của thế gian. Không thấy lỗi của thế gian thì việc trì giới của bạn mới tốt, mới có công đức. Nếu trì giới còn thấy lỗi của người không trì giới, sinh tâm xem thường, kết quả trì giới của bạn chỉ được cái công cao ngã mạn, làm sao được công đức! Có chăng chỉ là phước báo hữu lậu trong sáu đường.

Chỗ này, tôi không nói phước báo nhân thiên mà nói phước báo trong sáu đường. Vì sao? Vì nếu bạn không được thân người, mà được thân súc sinh hay ngựa quý, bạn cũng hưởng phước. Bạn thấy đó! Có súc sinh được người nuôi nấng, rất mực yêu thương, chăm sóc, xem chúng như bảo bối, chúng là chủ cả nhà rồi! Phước báo trong cõi ngựa quý cũng không nhỏ, trong nhân gian Trung Quốc, chúng ta xem thấy họ cúng bái quý thần như: Sơn thần, Thổ địa, Thần hoàng đều là cõi ngựa quý. Những quý thần này có tu phước nên dù trong cõi quý vẫn hưởng được phước.

“*Tùy hi công đức*”, ý nghĩa rất sâu. Đức Phật biết được phiền não, tập khí của chúng sinh là do tích lũy từ vô lượng kiếp, thế nên phải biết sám trừ. “*Tùy hi công đức*” là để đối trị tâm ngã mạn, tâm đố kỵ. Chỉ một niệm chuyển đổi, liền biến thành vô lượng công đức. Phật và chúng sinh khác nhau ở chỗ này. Người thế gian thông thường thấy người khác hơn mình thì sinh tâm đố kỵ, muốn tìm cách phá hoại, gây chướng ngại để họ không thành tựu. Đây là tạo tội nghiệp rất nặng.

Thánh nhân thế gian dạy ta phải “*thành nhân chi mỹ*”, thấy người khác làm việc thiện, phải tận tâm tận lực mà giúp họ. “*Tùy hi*

công đức” là vui theo công đức của họ thì bạn cũng được phần công đức ngang bằng với họ. Ví như nhà họ có ngọn đèn sáng, bạn đến cùng mỗi đèn với họ thì ánh sáng đèn của bạn cũng sáng như ngọn đèn của họ, đây là bạn thông minh. Nếu dập tắt ngọn đèn của người thì kết quả bạn cũng chìm trong bóng tối! Hiểu được đạo lý này, chúng ta cũng có thể chuyển công đức của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình.

- Bằng cách nào vậy?

- Y theo Kinh Vô Lượng Thọ này mà tu học, hết lòng thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói, đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật, vậy thì bạn đã thành công.

6. THỈNH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Chúng ta biết rằng trong thế gian chỉ có Phật pháp là chân thật có thể giúp người giác ngộ, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, liễu sinh tử, xuất tam giới, viên thành Phật đạo, hiện đời gia đình được mỹ mãn, an vui hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội hài hòa, quốc gia hưng thịnh, thế giới hòa bình. Đích thật Phật pháp là quảng đại vô biên, tất cả các pháp khác đều không thể sánh bằng.

Tuy nhiên, nếu Phật pháp không có người thuyết thì “*tuy trí mạc năng giải*”, người thế gian dù có thông minh, trí tuệ đến đâu, đối với Phật pháp họ cũng không cách chi hiểu được, nên phải có người thuyết. Người thuyết pháp không phải tự nhiên mà đến, nhất định phải có người phát tâm thỉnh cầu. Cho nên, thỉnh pháp sư, đại đức đến thuyết giảng kinh, diễn nói Phật pháp là kiết tường bậc nhất, khiến người nghe sinh tâm hoan hỷ, giác ngộ. Có giác ngộ thì tai nạn, nghiệp chướng mới chân thật tiêu trừ. Chuyển đổi sai lầm của mọi người là công đức vô biên, là đệ nhất phước báo.

Chữ “*Pháp luân*” ở đây có nghĩa là viên mãn. “*Luân*” là bánh xe, là tròn, là động mới kéo theo khoa học kỹ thuật hiện đại. Ngày nay, khoa học phát triển chính do động lực của bánh xe khởi động. Ngoài ra còn một ý nghĩa sâu hơn: Tròn là động; tâm vòng tròn là tịnh không động. Phật pháp thường nói: “*Động, tịnh không hai; thể tướng nhất như*”.

7. THỈNH PHẬT TRỤ THỂ

Việc này cũng vô cùng quan trọng! Hiện tại, Phật không còn ở thế gian, chúng ta chỉ có thể đắp nắn tượng Phật để cúng dường, tượng trưng cho Phật pháp vẫn thường trụ ở thế gian. Những Pháp sư, Đại đức thay Phật nói pháp, chúng ta phải nên mời họ đến đạo tràng để giảng kinh nói pháp trong thời gian dài. Được vậy, chúng ta mới có thể chân thật được phần lợi ích, vì có mấy ai chỉ nghe kinh một lần mà có thể khai ngộ, liền được chứng quả. Không hề có!

- Nếu không có phải làm sao?

- Phải ngày ngày nghe! Thực tế mà nói, chúng ta ngày nay phước báo không bằng người xưa. Ngày trước, trong Tông lâm tự viện Trung Quốc, mỗi ngày đều có giảng kinh không hề gián đoạn. Đại Sư Thanh Lương năm xưa ở đời đã giảng Kinh Hoa Nghiêm đến năm mươi lần, việc này lịch sử có ghi chép. Người thân cận với Đại sư, nếu có lòng nhẫn nại, dưới hội của ngài, được nghe qua năm mươi lần, có lý nào mà không ngộ được.

- Chúng ta ngày nay nghe kinh khó khăn là do đâu?

- Một ngày nóng đến mười ngày lạnh!

Đạo tràng Cư Sĩ Lâm, mỗi ngày đều giảng kinh, không quá hai giờ đồng hồ. Trong hai mươi bốn giờ, chỉ có hai giờ nghe kinh, vẫn còn hai mươi hai giờ khởi tâm vọng tưởng, làm sao có được thành tựu! Pháp sư tông lâm vào thời xưa, mỗi ngày giảng kinh tám

tiếng đồng hồ. Một bộ Kinh Hoa Nghiêm, mỗi ngày giảng tám giờ, một năm mới giảng xong viên mãn. Chúng ta mỗi ngày chỉ giảng có hai giờ, phải mất bốn năm mới hoàn tất. Đại Sư Thanh Lương thật hơn người. Ngài sống đến trên một trăm tuổi. Người thời đó gọi ngài là Bồ Tát Hoa Nghiêm, thực tế là không thể nghĩ bàn!

Vào đầu năm Dân Quốc, đạo tràng Trung Quốc đại khái chỉ còn lại một đạo tràng niệm Phật của Đại Sư Ấn Quang ở chùa Linh Nham Sơn, Tô Châu. Đặc sắc của đạo tràng ngài không có giảng kinh, không có Pháp hội, không có kinh sám pháp sự, Phật thất suốt năm, chỉ một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Một ngày, sáu cây hương; mỗi cây hương một tiếng rưới đồng hồ; sáu cây hương là chín giờ đồng hồ. Mỗi ngày niệm Phật chín tiếng đồng hồ, ngày đêm không gián đoạn. Buổi tối là thay phiên, suốt năm làm “tinh tấn Phật thất”. “Tinh tấn Phật thất” của ngài là bảy lần bảy liên kết lại với nhau. Mười cái bảy liên kết lại, thêm hương, chín cây hương niệm Phật. Cho nên, phàm trong Niệm Phật Đường của Ấn Tổ, người niệm Phật ở nơi đó qua vài năm, không luận là tại gia hay xuất gia, cuối cùng họ vắng sinh đều có tướng lạ rất tốt.

Sau khi Ấn Tổ vắng sinh, Diệu Chân Đức Sâm, lão Pháp sư này kế thừa qui củ của Ấn Tổ được một thời gian. Sau năm kháng chiến, đạo tràng cũng suy vi. Hiện tại, chúng ta nếu muốn xây dựng một đạo tràng mới như vậy đều không thể đủ cơ duyên! Chỉ có đạo tràng như vậy mới có thể rèn luyện được chúng sinh, chân thật có thể thành tựu chúng sinh. Cho nên, xây dựng một đạo tràng công đức vô lượng vô biên. Phải xây dựng một đạo tràng chân thật tu học, có người ở đó thành Phật; vắng sinh chính là bất thoái thành Phật, công đức đạo tràng này sẽ rất lớn. Cho nên, thiện tri thức đối với việc tu học của chúng ta là vô cùng quan trọng.

- Làm thế nào lưu được thiện tri thức ở lại đạo tràng?

- Người chân thật học Phật, chân thật tu hành, không có tình riêng, không nói nhân tình. Cho dù nơi đây bạn tiếp đãi rất tốt, rất nồng hậu, cũng không cách chi giữ chân họ lại!

- Vậy phải dùng phương cách gì?

- Phải y giáo phụng hành! Mọi người đều chân thật muốn học, muốn tu, muốn ngay trong đời này thành Phật. Đây chính là “*Đại tâm phàm phu*” mà Kinh Hoa Nghiêm đã nói. Cho dù không tìm được thiện hữu; Phật, Bồ Tát cũng sẽ hóa thân đến đây chiếu cố mọi người. Vấn đề là chúng ta có chân thật phát tâm chưa? Chân thật mới có thể cảm động được thiện tri thức thường trụ ở khu vực này, chúng ta mới có cơ duyên học tập, huân tu thời gian dài, mới có thể được lợi ích chân thật.

Hiện tại, khoa học phát triển, người chân thật hiểu được hộ pháp thì quá ít! Chân thật hiểu được hộ pháp đó là Bồ Tát, không phải người thông thường. Người chân thật có đại trí tuệ, đại phước báo không cần xây đạo tràng. Xây đạo tràng không khởi được tác dụng lớn mà nên xây đài truyền hình vệ tinh, giảng kinh hai mươi bốn giờ không ngừng nghỉ, để mọi người trên toàn thế giới đều có thể xem được mà không cần phải đến đạo tràng. Nếu chân thật muốn học Phật, ở nhà họ chỉ cần mở máy truyền hình, một ngày nghe kinh tám tiếng đồng hồ, đây thật sự là đem Phật pháp trực tiếp đến nhà người. Thật vô cùng quan trọng, vô cùng hữu dụng!

Bình thường tổ chức một đoàn hoằng pháp chừng mười mấy, hai mươi người cũng đủ rồi. Những pháp sư này, ngày ngày trong phòng thu âm giảng kinh, ghi hình lại. Xong mang đến đài truyền hình vệ tinh để phát sóng, đây là đại đạo tràng khoa học kỹ thuật cao. Phải xây dựng đạo tràng như vậy, không nên xây chùa, tốn kém nhiều tiền, tiền chôn trong đất thật đáng tiếc! Không có tác dụng lớn!

Ngày nay, phải sử dụng số tiền đó vào những việc hữu dụng hơn như: Bồi dưỡng giảng sư trong phòng thu âm giảng kinh, ghi hình; thiết bị trong phòng thu âm phải thật tốt; cúng dường những pháp sư này để họ chuyên tâm nghiên cứu Phật pháp Đại Thừa, không bận tâm lo lắng về đời sống vật chất. Mỗi bộ kinh giảng đều có ghi hình, thu âm lại, tương lai chính là một bộ “Đại tạng kinh sống”. Chân thật là lợi ích và ý nghĩa vô cùng! Bất cứ nơi đâu, chúng sinh thích nghe kinh gì, chúng ta liền cho phát ra bộ kinh luận đó.

Ngoài giảng kinh, nói pháp, chúng ta cũng giúp người niệm Phật. Hai mươi bốn giờ Phật hiệu không gián đoạn; tượng Phật trang nghiêm nhất hiển thị trên màn hình. Họ vừa xem thấy A Di Đà Phật, vừa nghe được Phật hiệu A Di Đà Phật, theo đó mà niệm.

Trong nhà cũng có thể tu Phật thất, có thể làm được mỗi ngày nghe kinh tám tiếng, niệm Phật tám tiếng. Phước báo này so với người xưa không hề khác biệt. Người xưa phải tận dụng công sức để xây dựng rất nhiều đạo tràng mới có thể phổ độ chúng sinh. Ngày nay, chỉ dùng một đài truyền hình vệ tinh cũng đủ rồi.

Nếu chân thật có tài lực, có loại trí tuệ này, phải nên chính mình là một chuyên nghiệp, hoàn toàn là truyền hình, truyền thanh vệ tinh của Phật giáo, phát sóng cho toàn thế giới.

Ngày nay, chúng ta chưa đủ sức, thiết nghĩ cũng nên đem cái nghĩ cấu tượng này truyền đạt cho các đồng tu. Mọi người đều có ý niệm này, mỗi người thường nghĩ, thì sự việc này tất sẽ tiến đến thành công. Tâm tưởng sự thành! Nếu chỉ một người nghĩ thì sức mạnh sẽ rất yếu kém.

“*Thỉnh Phật trụ thế*” thật vô cùng quan trọng! Thế giới hiện nay giao thông thuận tiện, các mặt đời sống của con người cũng mở rộng, mỗi khu vực đều cần có Phật pháp; chúng ta không thể nào cung ứng được rất nhiều giảng sư đến khắp nơi giảng kinh nói pháp,

đây là việc vô cùng khó khăn! Nhưng nhờ vào khoa học kỹ thuật cao, số người ít vẫn có thể hoàn tất được công việc này.

Có cơ duyên nữa, có thể cần một số phiên dịch, đem Hoa ngữ phiên dịch thành các loại ngôn ngữ cần thiết trên toàn thế giới. Ngày nay, nhờ sự phát triển khoa học, thuận tiện hơn rất nhiều so với ngày trước. Chúng ta thiếu kém chính là thiếu hộ pháp. Nếu không người phát tâm hộ trì thì sự việc này sẽ rất khó làm! Công trình phiên dịch tương đối gian nan! Phải đem sự việc này làm cho tốt; vẫn là phải giữ qui củ, phương thức dịch kinh của người xưa. Nhất định không thể chỉ có một hoặc hai người mà có thể đọc lập dịch ra được một bộ kinh.

Ngày trước, Trung Quốc dịch kinh đều từ tập thể làm ra. Phàm hễ tham gia dịch kinh, đó là một Pháp hội, thỉnh giảng sư, đại đức đến giảng bộ kinh này. Người dịch kinh phải tham gia nghe giảng tường tận mới khởi bản thảo. Nếu có nghi hoặc, lập tức phải hỏi. Sau khi dịch xong cáo bãng, phải đọc cho mọi người nghe, xem đại chúng có ý kiến gì, có từ, ý gì hay hơn không để nhuận danh, để tu đính, luôn là làm cho bản dịch đạt đến tận thiện, tận mỹ, khiến mọi người sinh tâm hoan hỉ khi tiếp xúc với kinh sách này.

Chúng ta xem thấy trên đề kinh Phật, đều có tên người phiên dịch. Người này là chủ biên trong đạo tràng dịch kinh đó, không nhất định phải do ông ta dịch.

- Vì sao phải dùng tên tuổi ông ấy?

- Ông ta hoàn toàn gánh trách nhiệm bản dịch này, cũng chính là chứng minh bản dịch này không sai, có thể lưu thông.

Trong lịch sử có ghi chép: Dịch trường của ngài Cựu Ma La Thập hơn bốn trăm người, dịch trường của Đại Sư Huyền Trang rất lớn, hơn sáu trăm người.

Tóm lại, người phiên dịch phải hiểu được Phật pháp, phải có tu, có học. Nếu chỉ hoàn toàn dựa trên mặt chữ để dịch thì không khéo hóa thành “y văn diễn nghĩa, tam thế Phật oan”, ba đời chư Phật đều bị hàm oan! Cho nên, phải biết “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa” trong bài “Kệ khai Kinh” thật không phải dễ dàng! Không thể khinh suất được!

Sau khi bản thảo thành tựu, vẫn tiếp tục thảo luận, tu đính lại. Tốt nhất, khi in ra bản thảo, nên gửi tặng những đại đức có nghiên cứu, có tu, có học, mời họ xem, mời họ đính chánh. Sau đó mới hoàn thành một quyển hoàn thiện để lưu hành thì sẽ không gặp vấn đề.

Dịch kinh rất khó! Rất quan trọng! Nhất là Kinh Hoa Nghiêm. Trong mỗi câu, mỗi chữ của Hoa Nghiêm đều hàm nghĩa biểu pháp rất sâu, nếu không hiểu nó mà dịch thì toàn văn sẽ biến thành “hai chân cao!” (lưỡng túc tôn), vậy thì thành ra thứ gì chứ?! Điều này nói lên nhân tài dịch kinh, chúng ta phải bồi dưỡng. Họ phải có tu, có học, có thể thông đạt hai loại ngôn ngữ, mới có thể đảm nhiệm công tác này. Nếu đối với kinh luận không thông đạt, cho dù cơ bản văn học họ có tốt đến đâu cũng không thể đảm trách được công việc này. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Phật pháp không người nói, tuy có trí cũng không thể hiểu*”. Người thế gian dù thông minh trí tuệ đến đâu, họ cũng không cách chi hiểu được Phật pháp, bởi kinh điển của Phật luôn luôn là ý ở ngoài lời; mỗi chữ, mỗi câu đều bao hàm rất nhiều ý nghĩa trong đó.

Trong mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, thật sự mà nói, chỉ có bảy nguyện: Từ nguyện thứ nhất “Lễ kính chư Phật” đến nguyện thứ bảy “Thỉnh Phật trụ thế” là bảy nguyện. Trong mỗi nguyện đều gồm cả sáu nguyện kia, dung nhiếp lẫn nhau. Ba nguyện sau cùng thuộc về “Hồi hướng”, cũng chính là:

- *Hồi hướng Bồ Đề* (thường tùy Phật học).

- *Hồi hướng chúng sinh* (hằng thuận chúng sinh).

- *Hồi hướng Pháp giới* (phổ giai hồi hướng).

8. THƯỜNG TÙY PHẬT HỌC

Thường tùy Phật học là hồi hướng Chánh Giác, hồi hướng Bồ Đề, Phật pháp hóa đời sống bằng những công tác phúc lợi xã hội. Cương lĩnh này rất trọng yếu! Phật là đối tượng, tấm gương sáng chói tiêu chuẩn nhất cho người học Phật, chúng ta phải theo Phật tu học, đây tức là “Thường tùy Phật học”. Mỗi ngày mở Kinh Vô Lượng Thọ ra đọc là mỗi ngày chúng ta tiếp nhận giáo dục, lời răn của Phật A Di Đà. Dùng tâm chân thành, tâm cung kính để đọc tụng thì mỗi ngày đều có thể khai ngộ, cũng chính là mỗi ngày ánh quang minh của Phật khai sáng trí tuệ cho ta, gia trì ta ngày ngày được Pháp hi sung mãn. Đây tức là có thọ dụng. Cứ thế mà nỗ lực, trường kỳ tinh tấn, bất thoái chuyển; sự tu học của chúng ta mỗi ngày một tiến bộ, chỗ giác ngộ mỗi ngày một nâng cao, có như vậy mới thật sự là đệ tử của Phật. Gìn giữ tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ là chúng ta tu theo hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền, thật sự đã làm được “thường tùy Phật học”, quả thật là không có luống qua.

9. HẰNG THUẬN CHÚNG SINH

Chúng ta phải học Bồ Tát Phổ Hiền, phải học Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn. Chúng sinh tập khí không tương đồng, căn tánh thiện ác không giống nhau; không riêng ở thế gian này mà phạm vi mở rộng còn có lục đạo chúng sinh, thập pháp giới chúng sinh, cho đến tha phương thế giới chúng sinh vô lượng vô biên. Chúng ta trong tất cả mọi hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất phải “*hằng thuận chúng sinh*”, phải tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng; những gì thấy chướng mắt, từ từ luyện tập sẽ thấy thuận mắt, đây gọi là tu hành.

10. PHỔ GIAI HỒI HƯỚNG

Phổ giai hồi hướng là hồi hướng pháp giới, hồi hướng tự tánh, hồi hướng chân như, hồi hướng trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Bồ Tát Phổ Hiền, trong danh hiệu này hiển thị: Chữ “*Phổ*”, ý nói Phổ Hiền Bồ Tát là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”; “thường tùy Phật học” và “hằng thuận chúng sinh” là nghĩa của chữ “*Hiền*”. Cho nên, trong ba câu hồi hướng đã bao hàm danh hiệu của Bồ Tát Phổ Hiền.

Bồ Tát Phổ Hiền trong Kinh Hoa Nghiêm đã phát nguyện cầu sinh Cực Lạc thế giới. Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc, ngài nói: “Ngã ký vãng sinh bỉ quốc dĩ”, tôi đã vãng sinh đến cõi của Phật A Di Đà; “Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện”, câu này rất quan trọng!

- Vì sao Bồ Tát Phổ Hiền phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ?

- Vì đến Tây Phương Cực Lạc thấy được A Di Đà Phật thì mười đại nguyện của ngài mới viên mãn. Cho thấy, Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng không chi sánh bằng, ngay đến Phổ Hiền, Văn Thù vẫn phải cầu sinh. Bồ Tát Phổ Hiền còn nói: “*Phổ nguyện trăm nịch chư chúng sinh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát*”. Nguyện vọng của Phổ Hiền hy vọng tất cả chúng sinh đang trầm luân trong luân hồi lục đạo, mau mau niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Đây cũng là phát nguyện “*Phổ giai hồi hướng*”.

“*Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung*” (Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy các pháp công đức). Hai câu này khen ngợi thật đức của Đại sĩ. “Cụ túc” là đầy đủ, viên mãn, không thiếu sót; “vô lượng” là nhiều vô số, chẳng thể dùng thí dụ so sánh, cũng không cách chi tính đếm được, “hạnh” là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v..., “nguyện” là các nguyện thù thắng như “Tứ hoằng thệ nguyện”, mười đại nguyện

v.v... “nguyện” để dẫn dắt “hạnh”; “hạnh” để viên mãn “nguyện”. “Hạnh” như đôi chân, “nguyện” như đôi mắt, nương tựa lẫn nhau.

Hạnh, nguyện là tánh đức chẳng phải từ bên ngoài. “Hạnh” cũng là hành vi đời sống, bao gồm thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp. Hành vi của ba nghiệp này phải tương ứng với mười cương lĩnh của Bồ Tát Phổ Hiền, nếu trái với mười cương lĩnh này là sai lầm. Chúng ta thông thường rất khó đạt đến tiêu chuẩn của Phổ Hiền. Vậy phải làm sao? Phải thuận theo phương hướng, mục tiêu như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ mà Thế Tôn đã đề ra. Phương hướng, mục tiêu đó chính là ba loại tịnh nghiệp. Trong chú giải của Đại Sư Thiện Đạo, đặc biệt vì chúng ta nhấn mạnh: Phải tu từ “**Tịnh Nghiệp Tam phước**”, đó là:

1. Phước Thứ Nhất

Thuộc phước báo nhân thiên, gồm có bốn câu: “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Người học Phật, học làm Bồ Tát, trước phải làm người tốt. Đại sư Ấn Quang đề xướng “giữ tâm tốt, làm việc tốt, lời nói hay, làm người tốt”. Chữ “*dưỡng*” ở đây không những chỉ phụng dưỡng, chăm sóc đi đứng, đời sống tuổi già của cha mẹ mà còn phải dưỡng tâm cha mẹ để cha mẹ không lo buồn mà hoan hỉ trải qua ngày tháng, việc này không dễ dàng!

Trung Quốc thời xưa chọn nhân tài lãnh đạo, tiêu chuẩn phải là hiếu tử (người con hiếu). Cho nên, trung thần xuất thân từ hiếu tử: Ở nhà, họ là đứa con tận hiếu, được tuyển chọn ra làm quan, họ liền có thể tận trung với tổ quốc; trung, hiếu là một thể.

Chúng ta thấy tám gương đại hiếu của người xưa ở Trung Quốc là vua Thuấn. Ông xuất thân trong gia đình khổ khốc: Cha thì quá hung bạo; mẹ ghẻ thường hay hiềm hóc; người em khác mẹ lại

ngạo nghễ tạt đó. Thế nhưng, ông vẫn luôn luôn hết lòng phụng sự gia đình, hiếu kính cha mẹ, nhường nhịn với em. Ông đã nêu gương hiếu đạo, phụng dưỡng cha mẹ không những chỉ về thân mà lẫn cả về tâm, vô cùng viên mãn. Sau này, vua Nghiêu mển chuộng đức của ông nên vời về cung gã luôn hai nàng công chúa là Nga Hoàng và Nữ Anh, lại giao chín con trai cho ông dạy dỗ. Tâm hiếu đạo của ông Thuấn thật cảm đến trời, người! Không những người thời đó tán thán ông mà đời sau xem thấy ghi chép này, tâm cung kính thần phục cũng tự nhiên sinh khởi.

Quan điểm “hiếu” của thế gian, của nhà Nho là vậy. Tuy nhiên, nếu dùng tiêu chuẩn của nhà Phật thì vẫn chưa đủ! Cái “hiếu” này chỉ mới làm được có một phần mười! Vì sao vậy? Vì Phật pháp có cái nhìn tường tận, chính xác: sinh mạng là vĩnh hằng, không phải chỉ đời này mà còn có đời quá khứ, cả đời vị lai. Nếu để cha mẹ vẫn mãi trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, bạn là người đại bất hiếu! Vậy phải làm sao? Trước tiên, chính bạn phải nỗ lực tu tập, chứng được quả vị Phật viên mãn, chữ “hiếu” này mới đạt đến cứu cánh, mới có khả năng rộng độ tất cả cha mẹ bạn từ vô lượng kiếp đến nay.

Quan điểm “hiếu” trong nhà Phật cùng “hiếu” trong nhà Nho, trên cảnh giới có chỗ khác biệt. Nhưng, học thuyết, tu trì và giáo học của họ đều lấy “hiếu” làm căn bản, đây là điểm tương đồng. Phật pháp khẳng định, người học Phật lễ kính Phật mà bất kính đối với cha mẹ thì việc học Phật của bạn cũng là vô ích! Do nguyên nhân gì? Vừa mở đầu bạn đã sai rồi! Cha mẹ là hai vị Phật sống, bạn không lạy! Lại mỗi ngày lạy Phật tượng gỗ, Phật xi măng v.v... làm sao bạn có thể thành tựu! Chỗ này không phải tôi dạy bạn, mà Thế Tôn dạy bạn! Tuy cha mẹ không cần mỗi ngày bạn phải dậy sớm, hướng đến họ dập đầu ba lạy, không phải vậy! Nhưng, đối với Phật bạn cung kính ra sao thì đối với cha mẹ bạn phải cung kính như vậy. Ngoài cha mẹ ra, bao gồm tất cả chúng sinh đều là Phật, chúng ta cũng phải

cung kính, đó mới thật là “tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức”. Chúng ta không nghe kinh suông mà phải nỗ lực làm! Làm cho mọi người thấy đều sinh tâm hoan hỉ, sau đó mới khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, đó là đại hiếu.

- “*Phụng sự sư trưởng*”: Đây là sư đạo, sư đạo xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Muốn trở thành người tốt, bạn phải có công hiếu đối với xã hội, nhất định bạn phải trải qua sự đào tạo trong nền giáo dục tốt. Một nền giáo dục tốt phải là nền giáo dục có sự gắn bó, phối hợp mật thiết giữa gia đình và học đường, mới có thể đào tạo được con người có tài lẫn đức cho quê hương đất nước. Là bậc cha mẹ, bạn có trách nhiệm dạy dỗ con cái biết tôn sư trọng đạo, biết kính trọng vâng lời thầy, biết tri ân và báo ân thầy. Mặt khác, thầy giáo có trách nhiệm đem đạo lý giảng dạy cho học sinh hiểu vì sao phải hiếu dưỡng cha mẹ. Đây là sư đạo phải xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo.

“*Từ tâm bất sát*”: Muốn nuôi dưỡng lòng từ, quan trọng là không được sát sinh hại vật. Từ bi trong đạo Phật chính là thương yêu. Sự thương yêu này bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, hoàn toàn dựa trên căn bản của lý trí, không phải như yêu thương ích kỷ của thế gian, có cảm tình mới yêu thương.

“*Tu thập thiện nghiệp*”: Mười thiện nghiệp này là nền tảng cơ bản để hoàn thành nhân cách của con người, nhất định phải tuân thủ. Mười nguyên tắc này là: Thân không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Miệng không nói dối, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời thêu dệt, không nói lời hung ác. Ý không tham, không giận, không si mê.

Nên biết: Địa cầu chúng ta đang bệnh! Khí hậu cũng khác thường, tai nạn triền miên! Vì sao thế? Do tâm con người không tốt! tham, sân, si đầy dẫy! Như Phật pháp nói: “*Y báo tùy theo chánh báo*

chuyển”. Thế giới ngày nay “*ngũ trược ác thế*”, tam tai hiểm nạn đều do ác nghiệp. *Khế kinh* dạy “*Đối phó với các ác thì phải dùng ác*”. Hạnh phúc hay khổ đau là kết quả của hành vi thiện ác. Hành vi thiện ác tuy thiên sai vạn biệt, cũng không ngoài mười nghiệp đạo vốn sẵn có trong mỗi người chúng ta. Mười thiện nghiệp này là nền tảng của mọi công đức, cũng là định bản hành môn trong tịnh nghiệp đạo tràng chúng ta “*mười thiện nghiệp mà khá thì thành nhân loại; mà nhiều thì thành chư thiên (đó là hai nghiệp quả vui thế gian); mà hoàn toàn thì thành Thanh Văn, Độc giác; mà chưa tuyệt đối thì là Bồ Tát; mà đã tuyệt đối thì là Phật Đà (đó là bốn nghiệp quả vui xuất thế)*” (Trích *Kinh mười thiện nghiệp* của *Trí Quang* dịch, trang 173).

2. Phước Thứ Hai

Phước thứ hai là “*Thọ trì tam qui, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”.

- Hiện tại người qui y Tam Bảo rất nhiều, thế nhưng họ có thọ trì hay không?

- Chưa chắc! Chỉ là hình thức, dáng vẻ mà thôi!

- Vậy thì không thể dùng được! Nhất định phải thọ trì!

- Thế nào là thọ trì?

“Thọ” là hoàn toàn tiếp nhận! “Tiếp nhận”, hai chữ này thật không phải dễ dàng! Nếu đối với đạo lý của “Tam qui y” mà bạn không thông hiểu, không tường tận, bạn làm sao học tập?! Hành pháp của “Tam qui” tức là tác pháp thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày. Công đức, lợi ích, cảnh giới, chỗ tốt của “Tam qui y”, bạn không biết được, làm sao bạn có thể sinh tâm hoan hỉ?!

Cho nên, truyền thọ “Tam qui y” nhất định phải giảng cho rõ ràng, tường tận, thông suốt, thấu đáo. Chúng ta cử hành nghi thức

“Tam qui” thời gian quá ngắn, không cách chi giảng giải tường tận. Tuy nhiên, chúng ta cũng có phương cách bỏ cứu. Đồng tu học Phật, không luận bạn đã qui y Phật rồi hay chưa qui y, đều có thể dựa vào hai quyển sách nhỏ: “Nhận thức Phật giáo” và “Tam qui truyền thụ”. Hai quyển này là bài khóa cần thiết cho người thọ trì “Tam qui y”.

Vào khoảng một ngàn ba trăm năm về trước, Lục Tổ Huệ Năng, tổ thứ sáu của Thiên Tông Trung Quốc, ngài giảng “Tam qui y” đã không dùng danh từ “Phật, Pháp, Tăng”. Có thể thấy được cách nói của ngài là khế cơ, thích ứng với căn cơ người hiện tại.

- Vì sao Lục Tổ không nói “Phật, Pháp, Tăng”?

- Đạo lý này chúng ta phải hiểu: Rất có thể, dùng chữ “Phật, Pháp, Tăng” dễ khiến mọi người sinh ra hiểu lầm, không dễ dàng lý giải, không nhận được hiệu quả thực tế. Cho nên, Đại sư ngài đã đổi sang cách nói, dùng “Giác, Chánh, Tịnh”. Phật là “Giác”; Pháp là “Chánh”; Tăng là “Tịnh”. Cách nói này nghe qua có phần dễ hiểu. Hơn nữa, chữ “Giác-Chánh-Tịnh” đều lưu xuất từ tự tánh, không phải từ bên ngoài. “Qui y giác” là “qui y tự tánh giác”. Do đây có thể biết “qui y” không phải là “qui y” người khác. Chữ “Tự” trong “Tự qui y Phật”, “Tự qui y Pháp”, “Tự qui y Tăng” là chỉ cho tự tánh.

- Phật là “Tự tánh Giác”.
- Pháp là “Tự tánh Chánh”.
- Tăng là “Tự tánh Tịnh”.

Điểm này, chúng ta đối với giáo huấn của Phật Đà thật vô vàn bội phục đến năm vóc sát đất! Đức Phật không hề dạy chúng ta qui y ngài. Không hề có! Phật dạy chúng ta “qui y tự tánh Tam Bảo”. Lời nói này nếu không giảng rõ thì rất dễ sinh ra hiểu lầm, biến thành mê tín, nghĩ rằng muốn học Phật phải nương vào Thích Ca Mâu Ni Phật thì sai rồi! Phật nói: “*Các con phải tự thấp đuốc mà đi*”, phải

nương vào tự tánh của chính mình, không nương vào bất cứ người nào khác. Đức Phật cũng nương vào tự tánh, chúng ta cũng nương vào tự tánh.

“Tự tánh Tam Bảo” quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Tự tánh Giác, Tự tánh Chánh, Tự tánh Tịnh là ba đại cương lĩnh trong tu học Phật pháp. Phật dạy ta từ mê quay lại nương vào “tự tánh Giác”, từ tà tri tà kiến quay đầu lại nương vào “tự tánh Chánh” tức Chánh tri, chánh kiến; từ tất cả nhiễm ô quay đầu lại nương vào “tự tánh Tịnh” tức tâm thanh tịnh. Thế là Phật giáo có ba cửa: Cửa Giác, cửa Chánh và cửa Tịnh. Thử xem trình độ, căn tánh của mình thích hợp với cửa nào thì vào cửa đó, không nên miễn cưỡng!

Thiền tông, Tánh tông là vào từ “cửa Giác” nên gọi là “*Đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Đó là người căn tánh lanh lợi, thông minh nhất thế gian mới có năng lực tu Pháp môn này. Đại sư Huệ Năng nói: Đối tượng mà ngài tiếp dẫn phải là người “thượng thượng căn”; nếu không phải là người “thượng thượng căn” thì cửa này không thể vào được!

Ngày trước, khi tôi mới học Phật, thầy nói với tôi: “Thiền giống như một bước lên trời”, nếu có bản lĩnh này đương nhiên là rất tốt, giống như lên lầu cao mười tầng, bạn có được công phu từ dưới đất nhảy vọt một cái lên đến lầu mười, thì còn gì để nói, việc này không phải người thông thường có thể làm được! Thế nhưng, nếu bạn không nhảy lên được, rớt trở xuống thì tan xương nát thịt, tiêu ròi!

- Vậy đối với người căn tánh bậc Trung, Hạ phải làm sao?

- Không cần lo! Có cầu thang! Bạn leo cầu thang từng cấp đi lên, chậm một chút nhưng không hề gì!

Giáo hạ là vào từ “cửa Chánh” tức chánh tri, chánh kiến. Nỗ đi trong Phật pháp rất nhiều! Leo cầu thang thời gian quá dài, phải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, đó là nói học giáo. Hiện tại, chúng ta không qua hai cửa đầu, vì chúng ta không phải là người thượng căn một bước đến trời; cũng không muốn leo cầu thang vì quá lâu, mệt chết người! Chỉ còn phương pháp là vào “cửa Tịnh” tức là tu học Pháp môn Tịnh Độ.

Niệm A Di Đà Phật tức là vào “cửa Tịnh”, tu tâm thanh tịnh. Thực tế mà nói, cửa này rất dễ dàng, tiện lợi, cho dù thuộc căn tánh nào, chỉ cần biết dùng câu “A Di Đà Phật” để nhiếp phục, tịnh hóa được tất cả ô nhiễm như: Ô nhiễm tinh thần, ô nhiễm tâm lý, ô nhiễm tư tưởng, ô nhiễm kiến giải, thậm chí ô nhiễm cả sinh lý. Sau khi tịnh hóa được những ô nhiễm rồi, bạn nương theo công đức, bổn nguyện của A Di Đà Phật cầu sinh Tây Phương Cực Lạc. Sự thành tựu, thọ dụng này của bạn, so với người căn tánh “thượng thượng căn” của Thiên tông đã vượt xa không biết là cao hơn gấp bao nhiêu lần. Cho nên, Pháp môn Tịnh độ chân thật là thù thắng không chi sánh bằng, được tất cả chư Phật đều xưng tán.

“*Cụ túc chúng giới*”: “Cụ túc” là đầy đủ, trọn vẹn. “Chúng” là rất nhiều, “Giới” là lời giáo huấn của Phật trong tất cả kinh điển. Tất cả kinh thì quá nhiều chúng ta không cách chi thọ trì được hết. Thực tế mà nói, ngay trong đời này, chúng ta chỉ cần thọ trì một bộ kinh, y theo lời dạy của một bộ kinh mà làm cũng rất viên mãn rồi, nhất là bộ Kinh Vô Lượng Thọ này. Phía trước đã nói: Kinh Vô Lượng Thọ chính là cương yếu của Kinh Đại Hoa Nghiêm, là tinh hoa của Kinh Đại Hoa Nghiêm. Kinh này triển khai chính là toàn bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm triển khai chính là bộ Đại tạng Kinh. Chúng ta đã chọn đúng bổn kinh cương yếu này, y theo giáo huấn của bổn kinh này mà tu hành, liền đầy đủ được “chúng giới”.

“*Bất phạm oai nghi*”: “Oai nghi” là lễ tiết. Trong thế pháp, quan niệm đạo đức, phong tục tập quán, nhân tình lễ tiết, chúng ta cần phải biết. Nhất là thời đại ngày nay: Tin tức, giao thông thuận tiện, không gian hoạt động của chúng ta rộng lớn, thường hay có kỳ nghỉ, du lịch nước ngoài để tham quan. Đến khu vực nào, phong thổ, phong tục tập quán, nhân tình của khu vực đó, chúng ta phải dò xét một chút để nhập cảnh tùy tục. Tuy chỉ ở đây thời gian ngắn, nhưng cũng cùng họ kết được chút duyên hoan hoan, hỉ hỉ. Trong duyên hoan hỉ này, chúng ta đem Phật pháp biếu tặng cho họ. Chúng ta ra ngoài mang theo một ít lễ vật nhỏ tùy thân. Đến đâu cũng kết duyên với mọi người, thậm chí có thể mang theo một số danh thiếp in hình Phật rất đẹp, phía sau in mấy câu kinh văn, tùy lúc tặng cho mọi người. Vậy thì rất tốt!

Mỗi niệm không quên quan tâm chúng sinh, thương yêu chúng sinh, giúp đỡ chúng sinh. Tấm hình Phật nhỏ này tặng họ, cũng chính là thương yêu họ, quan tâm và giúp họ, khiến họ xem thấy hoặc nghe qua tai, liền mãi trông được thiện căn. Nếu họ có hứng thú, có tâm hoan hỉ, chúng ta có thể liên lạc họ, hoặc không ngừng gửi những tặng vật, băng đĩa, băng ghi hình cung cấp cho họ. Mỗi giờ, mỗi phút đều phải lưu tâm đem Phật pháp giới thiệu đến mọi người. Trong giới thiệu này, nhất định phải từ “*bất phạm oai nghi*” mà làm, khiến mọi người nhìn thấy liền sinh tâm hoan hỉ, không nên để người khác thấy chúng ta liền sinh tâm chán ghét, vậy thì sai rồi! Chúng ta học Phật, phải đem tấm thành tích của mình mà hiển bày ra.

- Tấm thành tích này là gì?

- Là diện mạo, sắc tướng, phong cách của bạn.

Học Phật, sắc diện, tướng mạo phải đối tốt; thân thể phải đối tốt. Đây là biểu hiện của nhà Phật.

3. Phước Thứ Ba

“Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”.

“Phát Bồ Đề tâm”: Người niệm Phật phát Bồ Đề tâm chính là phát tâm cầu quả giác ngộ, noi theo sự nghiệp độ sanh của tất cả chư Phật. Quả vị này cao tột không chi hơn nên gọi là “Vô Thượng Bồ Đề”. Kinh Hoa Nghiêm bảo *“Nếu quên mất tâm Bồ Đề mà tu các pháp lành, đó là nghiệp ma”*. Thật vậy, quên mất Bồ Đề tâm là quên mất mục tiêu giải thoát giác ngộ để lợi mình, lợi ích tất cả chúng sinh thì có khác chi như người cất bước khởi hành mà chẳng biết sẽ đi về đâu, đi với mục đích gì?! Người tu như thế cho dù có dụng công khổ nhọc thế mấy, cuối cùng chỉ mang đến kết quả hưởng phước nhân thiên mà thôi, vẫn trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, chịu vô biên khổ não.

Tâm Bồ Đề là tâm chân thật giác ngộ: Giác ngộ thế gian này là khổ, không, vô thường, nên đối với thế gian nhất định không có tham luyến, gìn giữ tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác; đối với tất cả chúng sinh chỉ một mảng từ bi, chính là quan tâm, thương yêu giúp đỡ mọi người.

Tĩnh Am Đại Sư khi xưa đã soạn ra *“Phát Bồ Đề Tâm Văn”* để khuyến khích tứ chúng, khuyên mọi người nên nghĩ đến mười nhân duyên để phát tâm. Mười duyên ấy là: Vì nghĩ đến công ân Phật, vì công ân cha mẹ, vì nhớ ân sư trưởng, vì tưởng ân tín thí, vì biết ân chúng sinh, vì lo khổ sinh tử, vì tôn trọng tánh linh, vì sám trừ nghiệp chướng, vì hộ trì chánh pháp, vì cầu sinh Tịnh Độ. Trong *“câu sinh Tịnh Độ”*, ngài dẫn chứng kinh Di Đà: *“Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sinh bỉ quốc”* (Không thể dùng chút ít căn lành, phước đức nhân duyên mà được sinh về nước kia). *Nhiều căn lành không chi hơn là “Phát Bồ Đề tâm”*; *nhiều phước*

đức không chi hơn “Trì Danh Niệm Phật”. Nhiếp tâm niệm Phật giây phút hơn bố thí nhiều năm; chân thật phát tâm Bồ Đề hơn tu hành nhiều kiếp, giữ chắc nhân duyên này, nhất định được sinh Cực Lạc.

Nên biết: Tâm Bồ Đề là gốc để vãng sinh Tịnh Độ. Nếu chẳng phát được tâm này, cho dù có siêng tu, mỗi ngày niệm mấy vạn niệm, xâu chuỗi chẳng rời tay, cũng không thể vãng sinh. Phát Bồ Đề tâm là phát khởi “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. “Bồ Đề Tâm” là “Tín, Nguyện”; “nhất hướng chuyên niệm” là “Hạnh”.

Ngẫu Ích Đại Sư dạy:

“Tâm Vô Thượng Bồ Đề là kim chỉ nam để tu Tịnh Độ. Nhà hàng hải dùng kim chỉ nam để xác định phương hướng. Nếu muốn vượt biển sinh tử về thẳng bờ kia Cực Lạc phải dùng Bồ Đề tâm để dẫn đường, nên người tu tịnh nghiệp chẳng thể không phát Bồ Đề tâm, lại dùng Bồ Đề tâm ấy để trì danh hiệu thì mới là chánh hạnh”.

Nói cách khác, không phát Bồ Đề tâm thì dầu có trì danh hiệu cũng chưa phải là chánh hạnh.

Sách Di Đà Yêu Giải cũng nói: “*Nếu không có Tín, Nguyện thì dầu có trì danh hiệu đến mức gió lay chẳng động, mưa chẳng thấm ướt, khác nào tường đồng, vách sắt vẫn chẳng đắc cái lý vãng sinh. Kẻ tu Tịnh Nghiệp chẳng thể không biết điều này”.*

“*Thâm tín nhân quả*”: “Nhân quả” này không phải là nhân quả thông thường, nhân duyên quả báo, thiện ác của thế gian, cái ý này rất thấp. Trong “Tam Phước”, ý nghĩa của “thâm tín nhân quả” rất sâu; “nhân quả” này là chỉ cho “nhân duyên niệm Phật”: Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Thế nhưng hai chữ “niệm Phật”, người ngày nay ít người hiểu được. Nếu “niệm Phật” mà trong tâm không có Phật thì đó gọi là “hát Phật”.

Chữ “niệm” của Trung Quốc rất có trí tuệ, chữ “niệm” do chữ “kim” và chữ “tâm” ghép lại, trong tâm hiện tại của bạn có Phật mới gọi là niệm Phật. Miệng niệm hay không niệm không hề gì, miễn sao trong tâm thật có Phật, mỗi niệm đều là Phật, Phật ở trong tâm chưa từng gián đoạn, con người này chân thật là người niệm Phật, nhớ Phật như mẹ nhớ con, niệm lực này rất mạnh! Cho dù con cái bất hiếu hoặc ở phương xa... người mẹ vẫn ngày ngày nhớ nghĩ đến chúng, nếu có thể đem cái niệm này đổi thành niệm A Di Đà Phật thì quyết sẽ thành Phật.

Có thể nói người chân thật niệm Phật chính là người của thế giới Tây Phương Cực Lạc, là người thừa nguyện tái lai để rộng độ chúng sinh, thật không phải giả! Họ đến thế gian này: Sống vì tất cả chúng sinh, chết cũng vì tất cả chúng sinh, sinh hoạt vì tất cả chúng sinh. Vì chúng sinh tức là chân thật vì chính mình. Nếu vì chính mình mà lo là với chúng sinh, đó là tâm phàm phu, tâm luân hồi, không phải tâm Bồ Đề.

“*Đọc tụng Đại Thừa*”: Kinh này là kinh Đại Thừa nên không cần phải niệm bất cứ kinh Đại Thừa nào khác. Đọc Kinh Vô Lượng Thọ chính là tiếp thu tổng cương lĩnh, tinh hoa của tất cả kinh Đại Thừa. Cho nên, mỗi ngày đọc tụng kinh này chính là tiếp nhận giáo huấn của Phật Đà.

- Vì sao phải niệm mỗi ngày?

- Vì chưa làm được! Nếu ba ngày không đọc kinh, vọng tưởng chấp trước của ta thấy đều đầy đủ! Sau khi đọc rồi phải ghi nhớ, phải hiểu được ý nghĩa trong kinh, đem nó biến thành tư tưởng, kiến giải, hành vi của chính mình mới có được thọ dụng chân thật. Lúc bấy giờ, chuyển biến ngay tâm lý, phiền não, vọng niệm ít đi thì trí tuệ khai mở, từ đó dung mạo cũng sẽ chuyển biến tốt đẹp hơn.

Trên kinh nói: “*Tất cả pháp từ tâm tướng sinh*”. Nếu mỗi ngày bạn nghĩ tham như: Tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi; khí tham càng nhiều thì dung mạo của bạn càng giống quỷ! Tâm sân hận quá nặng là khuôn mặt địa ngục; ngu si là khuôn mặt súc sinh! - Sao không nghĩ Phật? Ngày ngày nghĩ đến Phật sẽ biến thành mặt Phật. Muốn chính mình lớn lên xinh đẹp, dễ thương, mỗi ngày nên tưởng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát; tưởng đức Phật A Di Đà. Nghĩ tưởng ba năm, tướng mạo bạn chắc chắn sẽ giống Phật, giống Bồ Tát. Tướng cái gì biến ra cái đó. Ngày ngày nghiên cứu kinh giáo thì Pháp hỉ sung mãn, công việc có bận rộn thế mấy cũng không biết mệt, không cần bất cứ thuốc dinh dưỡng nào của thế gian. Nên biết: Thân thể con người, dinh dưỡng tốt nhất là hoan hỉ.

“*Khuyến tấn hành giả*”: “Khuyến” là khuyến khích. “Khuyến tấn hành giả” là giáo hóa, giúp đỡ, động viên người khác học Phật tiến bộ. Quan trọng nhất chính mình phải làm được tấm gương tốt, khiến người khác xem thấy đều tâm phục, khẩu phục mà tìm đến bạn để cầu học, không cần phải đi tìm họ.

Trong nhà Phật không có chiêu sinh, không có chuyện kéo tìn đồ. Đây là “tác sư tác phạm” cũng là phương cách tốt nhất để “khuyến tấn hành giả”. Nếu là người buôn bán, bạn hết lòng phục vụ mọi người, bạn là Bồ Tát thương nhân, Bồ Tát làm buôn bán. Sự nghiệp của bạn không vì mục đích lợi nhuận cá nhân mà vì phục vụ xã hội quần chúng tốt đẹp, đây là đệ nhất mô phạm, cũng chính là sự nghiệp của Bồ Tát, không cần phải đổi thân phận, không nhất định phải đổi hình tướng xuất gia, đây là quan niệm sai lầm!

Trên đây là “Tam phước” thành tựu đức hạnh của chính mình. Thế nhưng, con người không thể tách rời khỏi xã hội mà đơn độc sinh tồn. Con người là động vật xã hội, làm thế nào chung sống với mọi người mà không xảy ra sự hiềm khích, xung đột?! Đức Phật

nêu ra sáu pháp “**Lục Hòa Kính**”, đây là tánh đức mọi người đều có. Khi mê thì không “hòa”, giác ngộ rồi tự nhiên sẽ hòa. Bất luận người tại gia hay xuất gia nếu tuân thủ, nỗ lực y giáo phụng hành sáu pháp hòa kính đều có được lợi ích. Sáu pháp đó là: *Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt và lợi hòa đồng quân.*

1. Kiến Hòa Đồng Giải

Kiến hòa đồng giải: là nền tảng của sự hòa thuận. “*Kiến*” là tư tưởng kiến giải. Làm thế nào có thể làm đến được mọi người cùng hiểu? Kinh Địa Tạng nói: Chúng sinh Diêm Phù Đề cương cứng, khó giáo hóa. Mọi người đều cho rằng mình đúng, người khác là sai nên dễ sinh ra rất nhiều mâu thuẫn, xung đột! Muốn tránh những xung đột này, nhất định phải xây dựng cùng hiểu. Tiêu chuẩn Phật dạy rất hay: Mỗi người phải nên buông bỏ thành kiến của chính mình, đem cách nghĩ, cách thấy của mình đều buông bỏ, vậy chẳng phải là cùng hiểu hay sao?

2. Giới Hòa Đồng Tu

Chữ “Giới” này cùng với “Trì giới” trong “Lục Độ” là như nhau, là nghĩa rộng không phải nghĩa hẹp. Không như chúng ta nghĩ: “Giới” là trì năm giới, bát quan trai giới, mười giới v.v... là sai rồi! Chữ “giới”, dùng ngôn ngữ hiện tại để nói: “Giới hòa đồng tu” chính là “phải giữ phép”. Nói “giữ phép” để mọi người dễ hiểu, ý này rất rộng! “Giới” là giới điều trong tất cả mọi kinh luận mà Phật đã dạy, chúng ta đều phải tuân thủ. Không những thế, chúng ta còn phải hiểu biết và tuân thủ những lễ tiết căn bản thông thường như phong tục, tập quán, quan niệm đạo đức, pháp tắc qui luật v.v... của quốc gia, xã hội.

Lúc nhỏ, chúng ta phải tiếp nhận giáo dục của cha mẹ, tiếp nhận giáo huấn của thầy giáo, đây là “giữ phép”. Chúng ta học Phật, nương vào cửa Phật phải bồi dưỡng quan niệm “giữ phép”. Chỉ cần có thể “giữ phép”, nhất định có thể hòa thuận cùng sống với mọi người. Cuộc sống chúng ta phải có qui củ, có thứ lớp. Qui củ không phải là ràng buộc chúng ta; chư Phật, Bồ Tát cũng nghiêm trì giới luật, đó là đại từ, đại bi thị hiện cho chúng ta thấy.

Phàm phu khởi tâm động niệm đều là bất thiện, họ tạo tác tội nghiệp sẽ bị đọa vào ba đường ác, miên viễn không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, như thế thật đáng thương! Chư Phật, Bồ Tát thị hiện làm bậc mẫu mực cho mọi người xem, khiến ai nấy nhìn thấy đều có thể noi theo những gương lành này. Nhờ thế mà khổ nạn sẽ không còn, thân tâm mạnh khỏe, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thiên hạ thái bình. Nếu mọi người đều có thể “*giới hòa đồng tu*” thì lợi ích không gì sánh bằng.

3. Thân Hòa Đồng Trụ

Mọi người sống trên địa cầu phải biết thương yêu, gìn giữ trái đất này. Ngay đời này chúng ta hưởng thụ cũng phải san sẻ cho người khác hưởng thụ, phải nghĩ đến bảo toàn cho đời sau có được sự hưởng thụ tốt, đây là đại hoàn cảnh. Thu nhỏ lại, là người đồng quốc gia, nhỏ nữa là một đoàn thể, một gia đình, cùng thương yêu hòa thuận, cùng bảo hộ an toàn cho tập thể, đó là “*Thân hòa đồng trụ*”.

4. Khẩu Hòa Vô Tranh

Phật biết được những hiểu lầm, kết oán của tất cả chúng sinh phần lớn đều phát xuất từ lời nói. Dù vô tình hay cố ý, sự kết oán này sẽ gây chướng nạn rất nhiều trên con đường Bồ Đề. Người xưa dạy: “*Nói ít một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật*” giúp ta “*tâm bình*”

khí hòa”. Một câu A Di Đà Phật là chân ngôn, ngoài câu A Di Đà Phật ra đều là vọng ngữ! Tất cả pháp thế gian đều là giả chớ nên yêu thích! Người hủy báng, nhục mạ ta cũng là giả, hà tất sân hận! Ta là giả, tướng cũng là giả, xem như gió thoảng qua tai! Như như bất động!

Phải học tâm như đất, nhu hòa nhường nhịn, không tiếp nhận là tiêu nghiệp chướng; tiếp nhận là còn tạo nghiệp chướng! Khác nhau chỉ trong một niệm! Có thể người thế gian cho rằng: Bạn là kẻ ngốc, khờ khạo, là dị nhân. Nhưng, chư Phật, Bồ Tát thì tán thán bạn, bạn chắc chắn được sinh về cõi thiện. Nếu không ngừng hướng thượng vươn lên, bạn sẽ thành Phật. Đối với tất cả oan gia trái chủ, mỗi ngày chúng ta đem công đức tu tích được hồi hướng cho họ. Những oan gia trái chủ này ngày ngày tiêu nghiệp chướng cho ta, họ là đại ân nhân của ta không khác!

5. Ý Hòa Đồng Duyệt

Chân thật tu học, tương ưng như pháp, gìn giữ tâm bình khí hòa, vui vẻ hòa hợp với đại chúng, bạn nhất định được “Pháp hỉ sung mãn”. Nếu niệm Phật đã nhiều năm, vẫn không tìm thấy một chút an lạc nào, vậy là bạn chưa vào được cửa! Bạn niệm chưa được tương ưng! Ngày ngày bạn đọc kinh, đạo lý trong kinh bạn không hiểu, không rõ ràng tường tận, không thể thực tiễn những lời Phật dạy ngay trong cuộc sống hàng ngày, bạn có học mà không thể dùng! Nên nhớ: Hiện tại dù chưa đến thế giới Cực Lạc; nhưng an vui, thanh tịnh của thế giới Cực Lạc bạn vẫn có thể hưởng được nơi đây, vậy mới là tu tốt.

6. Lợi Hòa Đồng Quân

Trong “*Lục Hòa Kinh*”, điều thứ nhất và điều sau cùng vô cùng quan trọng. Chữ “*lợi*” là chỉ phước báo cá nhân của mỗi người

chúng ta. “*Lợi hòa đồng quân*” là có phước cùng hưởng. Ta có được phước báo nên chia sẻ cùng hưởng với tất cả mọi người. Nếu người khác có phước báo, ta không cần hưởng của họ, phải có cái nhận biết này! Chúng ta chỉ chân thật cho ra mà không hề cầu lấy, người chân thật giác ngộ chỉ có phụng hiến mà không cầu nhận, tâm bạn sẽ rất thanh tịnh, tự tại; phước báo bạn sẽ ngày càng tăng trưởng. Vì sao? Vì đức năng trong tự tánh vốn đủ của bạn hiện tiền, chướng ngại trong tự tánh được thanh trừ.

Nếu khởi nghĩ muốn hưởng phước của người khác thì đó là chướng ngại, là vọng tưởng điên đảo, chấp trước!

Tóm lại, sáu phép hòa kính mang lại hạnh phúc, an vui đến tất cả mọi người. Một gia đình có áp dụng “*Lục hòa kính*”, gia đình đó trở thành “tăng đoàn”. Chữ “tăng đoàn” không riêng chỉ cho người xuất gia mà bất cứ một đoàn thể nào có ít nhất bốn người trở lên, đều y theo “sáu phép hòa kính” mà tu hành, đoàn thể đó gọi là “tăng đoàn”. Chữ “tăng” là ý nghĩa của thanh tịnh, hòa hợp cùng sống chung. “Tăng đoàn” xuất hiện nhất định được chư Phật hộ niệm, long thần hộ pháp bảo hộ. Vì sao vậy? Vì quá hi hữu! Đáng được người tôn kính. Trong “tam qui y” có lời phát nguyện “Qui y Tăng, chúng trung tôn”, “chúng” là đoàn thể. Đoàn thể đáng được mọi người tôn kính, đó chính là “tăng đoàn”, là đoàn thể tu tập sáu phép hòa kính.

Lúc chưa học Phật, trước phải học làm người tốt, Tam phước, Lục Hòa đều là căn bản để làm người. Từ ngay trên nền tảng này mà nâng cao, đó là học Phật. - Học Phật phải bắt đầu từ đâu? Từ Tam học: Giới-Định-Tuệ.

Tam Học: Giới-Định-Tuệ

Tất cả pháp mà Thế Tôn dạy trong bốn mươi chín năm qui nạp lại không ngoài ba sự việc: Giới học, Định học, và Tuệ học. Cũng thế, trong Tam Tạng kinh điển chia ra làm ba Tạng: Tạng Kinh, Tạng

luật, Tạng luận. “Kinh” là nói “Định học”; “Luật” là “Giới học”, “Luận” là “Tuệ học”. Tam học là tổng cương lĩnh tu học của chúng ta. Nói cách khác, trong cuộc sống khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, nhất định phải tương ứng với “Tam Học”, vậy mới là chân thật học Phật.

Vô lượng hạnh nguyện, chỗ này Phật vì chúng ta nói pháp, đem toàn bộ qui nạp thành mấy điều đại cương: Phổ Hiền Bồ Tát có mười đại cương là “Thập đại nguyện vương”, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện. Tánh đức, Bồ Tát hạnh có sáu đại cương là **Lục Độ** gồm: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ.

1. Bồ Thí

Bồ thí hàm nghĩa rất rộng. Bồ thí nếu không trước tướng thì công đức vô lượng. Chấp tướng bồ thí đó chỉ là phước báo. Không chấp tướng bồ thí, phước đức liền biến thành công đức. Muốn thông minh, trí tuệ nhất định phải tu “*Pháp Bồ Thí*”. Hiện tại, đạo tràng Cư Sĩ Lâm, một tuần lễ giảng kinh bảy ngày, từ đầu đến cuối năm không gián đoạn. Bạn có thể giới thiệu bạn bè đến nghe kinh, đó là “*Pháp Bồ Thí*”. Chúng ta giảng nơi đây đều có thu âm, thu hình làm thành đĩa, bạn đem những đĩa này tặng bạn bè thân thích cũng là “*Pháp Bồ Thí*”. Bên ngoài giảng đường chúng ta, kinh sách kết duyên rất nhiều, mỗi ngày bạn đến có thể thỉnh đem về biếu tặng cho những người quen biết chưa được tiếp xúc với Phật pháp, đây cũng là “*pháp Bồ Thí*”. Quả báo của “*Pháp Bồ Thí*” là khai trí tuệ.

“*Vô Úy Bồ Thí*”: Điều thứ nhất là ăn chay, không sát hại, không kết oán thù với tất cả chúng sinh. Sau đó, cần phải “hộ sinh”, bảo hộ an toàn cho tất cả chúng sinh, bảo hộ xã hội an định. Trong Bồ thí vô úy cũng bao gồm cả không trộm cắp, không nói hai chiều gây hiềm khích cả đôi bên, tội này rất nặng!

Ngoài Tài Thí, Pháp Thí, Vô úy Thí; bố thí còn dạy ta buông bỏ tất cả ngu si, ác nghiệp sinh tử..., ngay đến thân thể cũng không màng, đây là dùng mạng đi bố thí, hy sinh cái tiểu ngã bản thân để mọi người được an toàn. Sau khi buông bỏ thân nghiệp báo này, liền biến thành tự tại, an vui, mười thân trên quả địa Như Lai cũng thấp thoáng mập mờ xuất hiện. (Bồ Đề thân, Nguyện thân, Hóa thân, Trụ Trì thân, Tướng Hảo Trang Nghiêm thân, Thế lực Thân, Như Ý thân, Phước Đức thân, Trí thân, Pháp thân) đây mới là hạnh phúc chân thật mỹ mãn.

2. Trì Giới

Trì giới là giữ phép, giữ qui củ. Nếu không tuân thủ phép tắc, qui củ; cho dù ở thế pháp hay trong Phật pháp, muốn thành công cũng khó! Chân thật là “*Bất y qui củ, bất thành phương viên*”. Muốn vẽ vòng tròn, phải dùng “compa” mới có thể vẽ vòng tròn một cách chính xác. Việc nhỏ của thế gian còn như vậy, huống là đại pháp của xuất thế gian. Cho nên, đúng pháp là hiểu được qui củ, nắm được trọng điểm; đây là nhân tố rất quan trọng trong việc học Phật; sự tùy tiện chỉ là thả theo tập khí phiền não của chính mình mà lưu chuyển thì rất khó thành tựu.

3. Nhẫn Nhục

Nhẫn nhục là nhẫn nại. Phải có tâm nhẫn nại lớn, việc càng khó, sức nhẫn nại càng cao; không có tâm nhẫn nại lớn thì mọi việc khó có thể làm đến được viên mãn. Trên kinh, Phật đem sự tướng của con người qui nạp thành ba loại:

- *Việc thứ nhất*: Phải có tâm nhẫn nại cực lớn, quan trọng nhất là phải khắc phục được phiền não, tập khí từ vô thủy kiếp đến nay của chính mình, việc này quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Người khác có hãm hại, đố kỵ, hủy báng, nhục mạ ta v.v... đều phải có sức nhẫn

chịu, phải thấy như không có việc gì, phải tâm bình khí hòa, tiếp nhận tất cả những chướng ngại.

- *Việc thứ hai*: Là phải có sức nhẫn chịu trước mọi hoàn cảnh như thời tiết khắc nghiệt thay đổi bất thường, phải nhẫn nại không nên vì thời tiết nóng quá hay lạnh quá mà sinh tâm giải đãi đình trệ mọi thời khóa hay gia giảm sự tu học của chính mình. Nhất định phải dũng mãnh, tinh tấn không ngừng.

Trong “Văn Sao” của Đại Sư Ấn Quang, Đại Sư có viết một bức thư rất dài cho một cư sĩ. Cư sĩ này cũng thọ học với Đại Sư, cũng tiếp nhận truyền thụ “Tam qui y”. Ông này gặp nạn, nhà bên cạnh phát hỏa khiến nhà ông cũng cháy rụi! Tài sản trở thành một đống tro! Người vợ cũng do việc này mà qua đời! Nhà tan, người mất! Mỗi ngày từ sáng đến tối ông như ngây như dại, suốt ngày cứ ngu ngu khờ khờ! Có đồng tu đem việc này trình với Đại Sư Ấn Quang, Đại sư đã viết một bức thư rất dài để khai thị cho ông.

Nếu người chân thật học Phật, gặp phải tai nạn này phải nên nghĩ rằng tất cả sự việc ở thế gian đều huyễn hóa, vô thường: Ngày trước có nhà, có tích lũy, còn có bận tâm. Hiện tại, một đám lửa cháy sạch rồi chẳng phải càng tốt hay sao? Không còn bận tâm bất cứ việc gì thì một lòng niệm Phật, quyết định vãng sinh. Ý niệm vừa chuyển thì đám lửa này là “tăng thượng duyên” tốt. Thử hỏi có mấy ai ở trong tai nạn có thể chuyển tâm được?! Việc này nhất định phải tu “*nhẫn nhục Ba-la-mật*”. Người có trí tuệ cao độ, dù trong tai nạn lớn vẫn xem đó là “*ngịch tăng thượng duyên*”, không những đối với đạo nghiệp của chính mình không có chướng ngại nào, trái lại còn xúc tiến tiếp tục nâng cao, vậy thì chuẩn xác!

- *Việc thứ ba*, phải cần cù tu học: Tu hành không phải chỉ thời gian ngắn mà có thể thành tựu. Ngoài ra, cũng cần phải thân cận thiện tri thức, việc này không dễ dàng! Thời xưa, gọi là “hành cước”,

hiện tại gọi là “bái sơ”. Thời trước “bái sơ” là tham phỏng thiện -tri thức, là đi cầu học, đi thỉnh giáo, hoàn toàn khác với hiện nay “bái sơ” là tham quan du lịch. Xưa kia, tham học nổi tiếng nhất, cũng là tấm gương tốt nhất cho người đời đó là Hòa Thượng Triều Châu đã tám mươi tuổi vẫn còn đi “hành cước”, vẫn đến các nơi tham phỏng.

- Sao ngài không ngồi lại nghỉ ngơi cho khỏe?
- Vì chính mình vẫn còn nghi hoặc, vẫn chưa thể đoạn nghi sanh tín, nên cần phải thân cận thiện tri thức, đem cái nghi hoặc trong tâm mà khai mở. Nhờ vậy tín tâm mới thanh tịnh, mới có thể ngồi lại gắng công tu học.

Tóm lại, trong ba sự việc đức Phật đã nêu trên, chúng ta thấy việc thứ nhất là phiền não tập khí rất khó xả. Khó xả mà có thể xả, khó làm mà có thể làm đều nhờ vào sức nhẫn nhục. Cho nên, nhẫn nhục Ba-la-mật trong Lục Độ là điều cốt yếu vô cùng quan trọng, là then chốt thành tựu của chính mình. Thành tựu được sức nhẫn nhục rồi, sau đó mới có thể tiến sâu hơn vào lãnh vực Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ. Nếu không có sức nhẫn nhục thì Tinh tấn, Thiên định, Trí Tuệ theo sau cũng không có!

4. Tinh Tấn

“Tinh” là tinh thuần thì không tạp. “Tấn” là tiến chớ không thoái, đạo nghiệp của bạn nhất định thành tựu. Đạo nghiệp thành tựu thì tất cả đều thành tựu, bao gồm tất cả sự nghiệp trên thế gian cũng đều thành tựu viên mãn. Bồ Tát thị hiện tại gia: Thân phận nam nữ, già trẻ, làm việc các ngành nghề đều là đạo nghiệp. Bạn xem! Khi ý niệm vừa chuyển thì siêu phàm nhập thánh. Phàm phu mỗi ngày mặc áo, ăn cơm là phiền não! Bồ Tát mỗi ngày mặc áo, ăn cơm là tu hành.

5. Thiên Định

Nhờ vào sức Tinh Tấn, sau mới có Thiên Định. Hiện tại, chúng ta xem thấy rất nhiều người tu Định. Mỗi ngày họ ngồi thiền, ngồi được rất lâu nhưng không hề thấy họ được Định! Nguyên nhân là gì? -Thành thật mà nói, họ chưa có nhẫn nhục thì làm sao được Định?! Người khác tán thán mấy câu, họ vui mừng vô kể; nếu mắng họ vài câu thì sân hận trong tâm họ liền khởi dậy mấy ngày, mấy tháng... cũng chưa nguôi, thì làm sao được Định! Cho nên họ xếp bằng ngồi đó, quay mặt vô vách để khởi vọng tưởng, không phải thật vào Định; đây là giả không phải thật! Người chân thật được Định, tâm địa mát mẻ, tự tại.

- Cái gì là Định?

- Trên đề kinh này đã hiển thị: Tâm thanh tịnh là Định, tâm bình đẳng là Định. Tâm thanh tịnh thì không có phiền não, không có tham, sân, si, mạn. Tâm bình đẳng thì không có phải quấy, nhân ngã. Chỉ theo đề kinh này mà tu tập liền có sức Định, có thể đem phiền não, bất bình hoàn toàn tiêu sạch thì đó là sức Định. Sức Định đạt đến trình độ nhất định, trí tuệ liền khai mở, đó chính là “Giác”.

6. Trí tuệ

“Giác” chính là Trí Tuệ Bát Nhã hiện tiền; Bát Nhã hiện tiền thì công đức liền thành tựu. Lúc này, tất cả những phiền não, vọng tưởng, chấp trước đều chuyển thành an vui, trí tuệ. Trong Tương tông nói:

- Chuyển “Đệ lục ý thức” thành Diệu Quan Sát Trí.
- Chuyển “Mạt-na thức” thành Bình Đẳng Tánh Trí.
- Chuyển “Tiền ngũ thức” thành Thành Sở Tác Trí.
- Chuyển “A lại da thức” thành Đại Viên Cảnh Trí.

Cái “chuyển” này là sức Định sinh Trí Tuệ. Nếu không có phiền não thì lấy đâu để chuyển thành Bồ Đề?! Cho nên, phiền não càng nhiều thì Bồ Đề càng lớn. Trong Phật pháp chỉ nói “chuyển” mà không nói “diệt”. Nếu đem phiền não đoạn diệt thì Bồ Đề cũng mất luôn, phiền phức sẽ to! Giống như nước và sóng: “Sóng” là dụ cho phiền não; “nước” dụ cho bản thể thanh tịnh, Bồ Đề Niết Bàn. Tiêu diệt sóng chính là tiêu diệt cả nước.

- Bồ Đề Niết Bàn là gì?

- Là Tự tánh Bát Nhã! Do mê vọng biến thành phiền não, vốn dĩ là Bồ Đề. Phật pháp nói “Không”, không phải là không ngộ, đoạn diệt mà ý nghĩa rất sâu!

- “Pháp hữu vi”, vì sao nói nó là “không”?

- “Hữu” mà không tự tánh, không có tự thể, chỉ là pháp duyên sinh, duyên khởi tánh không. Phàm hễ do nhân duyên sinh đều không có tự tánh, không có tự thể. Đương thể giai không đều bất khả đắc, không phải không có tướng, không phải không có tác dụng. Tướng và tác dụng chúng ta có thể dùng nhưng quyết không thể chấp trước nó, không thể chiếm hữu nó (vì nó có nhưng vốn không thật có), muốn chiếm hữu nó thì sai rồi! Phàm, Thánh khác nhau chỗ này.

Phía trước chúng ta đã nói qua Tam phước, Lục Hòa, Tam Học Lục Độ, mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Khi “Tịnh Tông Học Hội” chúng ta thành lập, tuyển chọn năm khóa mục này rất dễ nhớ; mỗi giờ, mỗi phút đều y theo khóa mục này để tu học. Trong năm khóa mục bao gồm hành môn vô lượng vô biên của Bồ Tát. Chúng ta học Phật, nếu không tu sửa tư tưởng, hành vi của chính mình, xem thường những sự việc này thì không luận bạn dụng công như thế nào để cầu giải, thậm chí nói pháp có được hoa trời rơi rụng cũng chẳng được gì! Thầy Lý trước đây nói: “*Đáng sinh tử như thế*”

nào vẫn phải sinh tử như thế đó”, cũng chính là nói: Đối với “liễu sanh thoát tử” ra khỏi ba cõi không có liên quan!

Cho nên, không luận Phật pháp Tiểu thừa hay Đại thừa, từ đầu đến cuối đều chú trọng ở “Hành”. “Hành” là hành vi đời sống, “Giải” vẫn là phương tiện trước “Hành”; “Hành” phía sau có “Nguyện”. Chữ “Hạnh Nguyện” này rất quan trọng. Chúng ta thường xem thấy trên kinh luận, nhất là “Chú Sớ” của Cổ đức thường ví “Hạnh Nguyện” như đôi cánh của chim, như cặp bánh xe. Nói rõ quan hệ giữa “Hạnh” và “Nguyện” vô cùng quan trọng và mật thiết. “Nguyện dĩ đạo hành”: “Nguyện” là chỉ đạo, lãnh đạo cho “Hành”. “Hành dĩ tiến Nguyện”: “Hành” là thực tiễn cái “Nguyện” trong cuộc sống thường ngày. “Nguyện” quan trọng nhất là phải dùng tâm chân thành làm nền tảng.

Tất cả đại nguyện của Phật, Bồ Tát từ trong nhân địa phát ra đều nương theo “tâm Bồ Đề”. “*Tâm Bồ Đề*”, ngài Thanh Lương giải thích tương đối tường tận: “*Hữu tâm chi lễ, hữu tâm chi tướng, hữu tâm chi đức*”. Ngài phân ra ba phương diện này để nói: “*Tâm chi lễ*” chính là như trên kinh luận đã nói: *Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*; đây là cái lễ của tâm. Pháp môn Tịnh Độ thường gọi là Pháp môn phương tiện trong Đại thừa, thế nhưng cũng phải nương vào tâm Bồ Đề. Trong kinh này chúng ta xem thấy ba bậc vãng sinh, điều kiện vãng sinh luôn là phải “*Phát Bồ Đề tâm, một lòng chuyên niệm*”. Tám chữ này có thể thấy được phát tâm rất là quan trọng.

Có nhiều vị đồng tu xem thường sự việc này, cho rằng tôi niệm Phật chỉ cần “một lòng chuyên niệm” thì được rồi. Đến sau cùng, khi lâm chung vẫn cứ là bối rối chân tay, không được thọ dụng! Nguyên nhân do đâu? Kém khuyết tâm Bồ Đề! Tám chữ điều kiện vãng sinh, bạn chỉ làm được bốn chữ, vẫn chưa đủ! Cho nên không được vãng sinh! “Thâm tâm” trong “Phát Bồ Đề tâm” chính là

“Nguyện tâm” hiếu thiện, hiếu đức. Thông thường tất cả chư Phật Như Lai từ trong “nhân địa” phát ra vô lượng đại nguyện, nếu đem tất cả những đại nguyện đó qui nạp đến sau cùng cũng không ngoài “Tứ Hoàng Thệ Nguyện”. Cho nên, bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà cũng có thể qui nạp thành bốn nguyện là **“Tứ Hoàng Thệ Nguyện”**. Đây là pháp môn Đại Thừa căn bản, trong đó bao hàm tất cả đại nguyện của chư Phật Như Lai:

1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ

Nhất định phải phát tâm nguyện độ tất cả chúng sinh. Vì sao? Phía trước đã nói qua, Bồ Tát nếu không độ chúng sinh, không giáo hóa chúng sinh, tâm Bồ Đề của họ không thể hiển lộ. Nói cách khác, tu học của chính họ không thể viên mãn được công đức. Do đây có thể biết: Tu hành không phải nhốt ở nhà để tu, nhốt ở nhà để tu quyết không thành!

Chúng ta từng nghe có những sự việc: Người xuất gia bé quan; cư sĩ tại gia cũng có bé quan, ở lều tranh cắm tước. Thế nhưng, đây không phải là việc của người mới học có thể làm!

- Đó là những người nào?

- Những người đã tham học, đã thành tựu viên mãn “*căn bản trí*” và “*hậu đắc trí*”.

- Sau khi thành Phật rồi làm gì?

- Không phải ngồi không để mọi người cúng dường, lễ bái mà phải phổ độ, giáo hóa chúng sinh. Phật pháp là sư đạo, “*su*” là rất tôn quý, tôn sư trọng đạo.

Thời xưa, Phật pháp cùng thế pháp giống nhau. Thầy giáo không thể nói: “Ta đến nhà dạy con”. Không thể nói lời này, làm gì có người cuồng vọng như vậy! Bạn có bao nhiêu bản lĩnh mà dám

dạy người?! Cho nên, Phật và Bồ Tát cũng rất khiêm tốn, không tự mình nói: Ta có học vấn, có đức hạnh, có thể làm thầy người. Không hề nói lời này! Tiếng “thầy” là người khác tôn xưng gọi, chính họ quyết không tự xưng “thầy”.

Họ chân thật đã thành tựu nhưng ngại không nói với người, mọi người cũng không quen biết, sao chịu theo học với họ?! Cho nên, phải treo một bảng hiệu, bảng hiệu này chính là “*bé quan*”, ở trong núi cấm túc, ngầm bảo với mọi người: Trí tuệ, đức năng tôi đã thành tựu, không còn tham học bên ngoài nữa, ai muốn tham học đều có thể đến chỗ của tôi, ý này là như vậy. Cho nên, “*bé quan*” là chưa gặp pháp duyên, chưa có người mời thỉnh họ giảng kinh, nên dùng phương pháp này. Phương pháp này là để chờ đợi pháp duyên, cũng chính là chờ người đến thỉnh pháp; một mặt chờ đợi, một mặt chính mình tiến tu.

Người thời xưa cầu học cần phải thân cận thiện tri thức. Ai là thiện tri thức? Người “*bé quan*” chính là thiện tri thức chân thật, có thể đến họ để tham học, để thỉnh giáo. Nếu bạn nêu ra những nghi vấn mà họ không thể giải quyết, bạn có thể mở cửa “*bé quan*” của họ, mời họ cùng tham học với bạn. Họ không đủ tư cách “*bé quan*”, vẫn phải nên làm học trò. Người “*bé quan*” phải là học trò viên mãn, có thể làm thầy người. Cho nên, “*sư đạo*” là rất trang nghiêm, cần phải có người thỉnh pháp.

Năm xưa, đức Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện ở thế gian, dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao sáng ngài thị hiện chứng quả, cũng chính là thành tựu trí tuệ, đức năng cứu cánh viên mãn. Sau khi thành tựu, phải hoằng pháp lợi sinh. Nếu không ai hay biết ngài, không có người đến thỉnh Pháp, ngài phải vào Niết Bàn, liền ở nơi đó mà tọa hóa! Thực tế mà nói, nếu Phật vào Niết Bàn thì thật là đáng tiếc cho thế gian này! Hi hữu lắm mới được Phật thị hiện ở thế gian. Cũng

may, thiên nhân ở “Tịnh Cư Thiên” là cõi trời Tứ thiên biết được, liền giáng trần, vì nhân gian chúng ta mà thỉnh Pháp.

Tôi học Phật hơn bốn mươi năm rồi, ở trên đài giảng kinh đến năm nay (năm 2010) là ba mươi chín năm. Tôi đã đi qua rất nhiều nơi, pháp duyên thù thắng không hề vượt qua nơi đây, nói rõ chúng sinh khu vực này thiện căn, phước đức, nhân duyên chín muồi. Nếu như không phải chúng sinh khu vực này nhân duyên chín muồi thì không thể nào có được cảm ứng với chư Phật, Bồ Tát.

- Vì sao Phật, Bồ Tát chọn nơi đây để xây dựng đạo tràng?

- Nhân duyên vô lượng! Không phải phàm phu có thể đoán biết. Đặc biệt khoảng ba, bốn năm gần đây nhất, cho chúng ta cảm xúc rất rõ ràng, thật không thể nghĩ bàn! Cư sĩ Lý Mộc Nguyên, người lãnh đạo và hộ trì đạo tràng này, như phần trước đã nói qua, mười năm trước ông bị bệnh ung thư nghiêm trọng hết cứu chữa rồi. Ông không đi bác sĩ, cũng không uống thuốc, chỉ một lòng niệm Phật đợi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. A Di Đà Phật không đến tiếp dẫn mà cho ông một sứ mệnh ở nơi đây xây dựng đạo tràng Chánh pháp, tiếp dẫn chúng sinh căn tánh chín muồi.

- Thế nào là căn tánh chín muồi?

- Ngay trong đời này quyết vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc để làm Phật. Đó chính là mắt chúng ta xem thấy, còn có thể không tin tưởng sao?

Duyên của Kinh Vô Lượng Thọ không thể nghĩ bàn! Cả đời tôi giảng kinh chưa hề rời khỏi giảng đài, giảng bất cứ kinh luận nào, pháp duyên đều không bằng giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Chính tôi có cảm xúc rất sâu sắc: Giảng các kinh khác, thính chúng được hai ba trăm người là không tệ rồi, giảng bộ kinh này tôi thường xem thấy ngòi đầy chỗ. Có người nói với tôi: Ngài chưa thấy, lâu bốn cũng

ngồi đầy áp! Đây không phải do tôi biết giảng, tôi mỗi bộ kinh đều có thể giảng thông. Vì sao giảng kinh khác thì ít người nghe, đến khi giảng kinh này thì thính chúng nhiều như vậy?

Kinh Vô Lượng Thọ có rất nhiều quyền: Giảng quyền khác thì thính chúng không nhiều, giảng quyền này thì thính chúng đặc biệt nhiều. Đây rõ ràng chứng minh tường tận: Chúng ta chọn pháp môn này, chọn quyền kinh này là chọn đúng rồi! Tất cả chư Phật hoan hỷ, long thần hộ pháp ở bên cạnh cũng cố vũ để chúng ta chân thật đoạn nghi sanh tín, không xen tạp, không gián đoạn, ngay đời này nhất định thành tựu.

Cư sĩ Lý phát đại tâm, chúng ta cùng nhau thương lượng. Ông lần này vì Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Vô Lượng Thọ, đã xây hai tòa tháp bằng đồng, bạn đều xem thấy. Hai tòa tháp này hiện tại là bậc nhất trên toàn thế giới, không nơi nào cao hơn nơi đây. Ông đặt cho nó cái tên là “Hoa Nghiêm song tháp” để kỷ niệm giảng hai bộ kinh lớn này. Trên thực tế, ý nghĩa này rất sâu! Hai bảo tháp này là bảo tháp Kim Cang, trấn định nền tảng kiên cố của đạo tràng, như Kinh Hoa Nghiêm nói: Đất này là Kim Cang thành tựu, Chánh pháp được kiến lập ngay nơi đây. Chúng ta có tâm nguyện báo đáp cư sĩ Lý Mộc Nguyên, cũng báo đáp chúng sinh khu vực này, duyên đã chín muồi!

- Tâm nguyện này là gì?

- Giảng đường này giảng kinh một năm ba trăm sáu mươi ngày, mỗi ngày đều giảng không thể có một ngày gián đoạn. Ngày rằm, ba mươi chúng ta cũng giảng, ngày mùng một Tết chúng ta cũng giảng. Nhà ăn ở lầu dưới, cơm chay miễn phí; mấy năm trước, một năm nghỉ một ngày, mùng một Tết không phục vụ. Hiện tại, nghe nói ngày mùng một Tết cũng phục vụ luôn, vậy mới là viên mãn!

Ngày nay, đi khắp nơi trên thế giới, có đạo tràng nào một năm ba trăm sáu mươi ngày, mỗi ngày đều giảng kinh, không hề nghe nói qua! Hai tòa tháp này là thứ nhất trên thế giới, đạo tràng chúng ta giảng kinh không hề gián đoạn cũng là thứ nhất thế giới. Ngoài ra, Niệm Phật Đường ở lâu ba, mỗi ngày niệm Phật hai mươi bốn giờ không gián đoạn, một năm ba trăm sáu mươi ngày không gián đoạn, cũng là thứ nhất thế giới. Đạo tràng này giải, hành đều tiến; giải hành tương ưng. Cho nên, ngoài ý nghĩa hai bảo tháp này là “Kim Cang bảo tháp”, trấn định nền tảng của đạo tràng, mà còn là “tháp giải hành”; việc giảng kinh, niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn chính là “giải hành”, khích lệ các đồng tu đến đây niệm Phật.

- Niệm Phật như thế nào?

- Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta một nguyên tắc: “Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. “Tịnh” là không hoài nghi, không xen tạp, “tương tục” là không gián đoạn. Mọi người nghe qua cảm thấy rất khó làm được! Thực tế mà nói, không phải không làm được! Ý nghĩa của “tương tục” rất nhiều: Ví như mỗi ngày bạn hành trì thời khóa sớm tối, mỗi lần độ mười, mười lăm phút. Mỗi ngày đều đặn như vậy, không thiếu sót ngày nào cũng gọi là “tương tục”. Quan trọng nhất trong mười, mười lăm phút này bạn không có hoài nghi, không có xen tạp, niệm Phật tiếp nối từng câu, từng câu tương tục. Vậy thì đúng rồi!

Nếu bạn quá bận, thời gian hành trì sớm tối cũng không có! Có thể tùy duyên, hàng năm hoặc hàng tháng, có chút ngày nghỉ, dành thời gian nghỉ đó: Một nửa xử lý việc cá nhân, một nửa đến đây niệm Phật. Mỗi năm hay mỗi tháng đều đặn như vậy cũng gọi là “tương tục”. Niệm Phật Đường nơi đây giống như đạo tràng Phật thất suốt năm, chúng ta đem phương qui của Đại Sư Ấn Quang trước đây mà thực tiễn ngay nơi đạo tràng này.

Cư Sĩ Lý còn phát tâm, hy vọng tương lai, bên cạnh đạo tràng sẽ xây dựng một thôn Di Đà cúng dường người niệm Phật. Mọi người đến đây, tứ sự cúng dường, cơm áo, ngũ nghi đều do nơi đây phụ trách. Bạn không cần mang đến bất cứ thứ gì. Bạn buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, đến đây ngày ngày nghe kinh, ngày ngày niệm Phật. Nên biết: Ông xây dựng đây không phải là Viện dưỡng lão mà là thôn Di Đà, cúng dường người chân thật phát tâm niệm Phật cầu vãng sinh Tây Phương Cực Lạc. Bất cứ ai muốn đến Tây Phương Cực Lạc để làm Phật, ông đều hoan hỷ cúng dường, phước báo này quá lớn! Ông cúng dường Phật không phải cúng dường người khác, nên khi bạn đến ở thôn Di Đà này, người người đều là vị Phật sống, nhất định vãng sinh bất thoái thành Phật, vậy thì còn gì bằng?! Cho nên đạo tràng này nhất định phát triển đến giải hành tương ưng.

Hai tháp đặt nơi này, ý nghĩa rất sâu! Đó là chư Phật Như Lai an định tín tâm chúng ta. Xem thấy khung cảnh này, tín tâm ta liền đầy đủ, nhất định không bị dao động, nhất định phải phát nguyện phổ độ chúng sinh. Muốn phổ độ chúng sinh, trước phải phổ độ mình. Chính mình chưa được độ không thể độ người khác. Thế nhưng, trong kinh thường nói: Chính mình chưa độ, trước lo độ người, đây là “phát tâm của Bồ Tát”. Bạn có phải là Bồ Tát không? Nếu chưa phải Bồ Tát thì khoan vội! Thành Bồ Tát rồi mới có năng lực, bản lĩnh mà nói câu này. Ngày nay, chúng ta là phàm phu không dám nói câu này. Nhất định phải độ mình trước, tức cầu vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, sau đó mới có năng lực mà độ hóa chúng sinh.

2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn

Phiền não, ngoại duyên rất khó, không dễ gì dẹp bỏ! Đòi sống đi đứng, ăn mặc, mỗi ngày vì những sự việc này mà bôn ba tính toán, tâm không thể định! Không luận người giàu sang hay nghèo hèn, tất cả đều lo âu, phiền não. Phiền não đoạn, tâm mới thanh tịnh,

mới có năng lực tiếp nhận giáo pháp của Như Lai. Phiền não chưa đoạn, cho dù học pháp môn nào cũng chỉ tăng thêm tà kiến, không tăng thêm trí tuệ.

3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Thành thật mà nói nếu không có đức năng, không có trí tuệ, làm sao có thể phổ độ chúng sinh! Tất cả chúng sinh căn tánh không đồng, nhu cầu khác nhau; muốn mãn nguyện tất cả chúng sinh khiến họ sinh tâm hoan hỷ, bạn phải là bậc toàn năng, toàn trí. Muốn vậy, bạn phải chân thật phát nguyện, quyết tâm “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”.

4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

Không gì hơn là quyết tâm niệm Phật vãng sinh. Nếu không niệm Phật vãng sinh, không tu pháp môn Tịnh Độ, nguyện “thành Phật đạo” này rất khó mà thành tựu! Do vậy, mà Bồ Tát Đẳng Giác, thượng thủ trong thế giới Hoa Tạng là Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát, trên hội Hoa Nghiêm đều phát nguyện cầu sinh Cực Lạc, được thân cận Phật A Di Đà. Tóm lại, ngay đời này, phải ghi nhớ: Muốn đầy đủ “Tứ Hoằng Thệ Nguyện” chỉ có cầu sinh Tịnh Độ.

“*An trụ nhất thiết công đức pháp trung*” (An trụ trong hết thảy pháp công đức): “An” là an ổn, “trụ” là trụ ở nơi đó bất động. Thành thật mà nói: Phạm phu chúng ta thật đáng thương, không có chỗ trụ! Nếu nói:

- Tôi có nhà cửa, phòng ốc là có chỗ trụ.

- Đó chỉ là “thân trụ”! Thân an ổn, nhưng tâm chưa chắc đã an trụ nơi này.

Trên Kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề thỉnh pháp với đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “*Ung vân hà trụ?*”. Ý ngài muốn hỏi Phật: Tâm này phải nên trụ vào đâu?

Người thế gian hiểu được “thân trụ”, không hiểu được “tâm trụ”. Cho nên, cả đời bồng bềnh trải qua ngày tháng thật khổ sở, không luận là họ có phước hay không có phước. Có phước họ vẫn khổ; không phước lại càng khổ hơn. Cả đời ưu bi khổ não! Sống như vậy khổ biết dường nào! Do đây có thể biết: “an trụ tâm” là điều rất quan trọng!

Chỗ này “*nhất thiết công đức pháp*”, pháp công đức này là chỉ Di Đà nguyện hải, sáu chữ hồng danh. An trụ ở “*phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm*” là pháp an trụ thù thắng hơn bất cứ loại an trụ nào.

“*Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*” (Đạo khắp mười phương, hành quyền phương tiện): Phía trước đã an trụ trong Kinh Vô Lượng Thọ, tự mình đạt được tất cả pháp công đức, có được lợi ích chân thật. Tiến thêm bước nữa, là đem công đức của Đại Kinh này mở rộng ra, giới thiệu đến tất cả chúng sinh, tức là “*du bộ thập phương*”. “Du” là du hóa, “thập phương” là hết thảy mọi nơi, lưu truyền cùng khắp. Đây cũng là biểu thị “thần thông du hí” của Đại Sĩ, du hành tự tại, hóa độ hết thảy chúng sinh trong mười phương thế giới.

“*Hành quyền phương tiện*”: “Quyền” là quyền nghi, quyền biến, người thế gian hay nói “thông quyền đạt biến”, “Hành quyền phương tiện” tức là “thiện xảo phương tiện”, khéo léo, thích nghi với từng chúng sinh, khiến họ hoan hỉ tiếp nhận Phật pháp, tiếp nhận Kinh Vô Lượng Thọ, tiếp nhận Pháp môn Tịnh Độ. Điều này vô cùng quan trọng.

“*Du bộ*” cũng có nghĩa là tham học. Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc mỗi ngày đều trải khắp mười phương thế giới để lễ bái chư Phật. Bái Phật chính là thăm hỏi, thân cận chư Phật Như Lai, vừa thừa sự cúng dường vừa nghe giáo huấn của các ngài. Cơ hội tu phước, tu tuệ thật quá viên mãn, thử hỏi họ làm sao không thành Phật.

Trong mười phương cõi nước chư Phật, nhất định họ sẽ gặp lại quá khứ bạn bè, quyến thuộc, đồng tham, đồng học nhiều đời, nhiều kiếp, liền có cơ hội giáo hóa họ. “*Hành quyền phương tiện*”: Chữ “phương tiện” này chính là “Tùy loại hóa thân, tùy cơ diễn giáo”. Ở Tây Phương Cực Lạc, người “hạ hạ phẩm vãng sinh”, chỉ cần thấy qua A Di Đà Phật, được ở bên cạnh ngài, đi nhiều quanh một vòng, liền có được năng lực đến thế giới khác “Tùy loại hóa thân”; như Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ môn nói: Đáng dùng thân gì để độ, liền có năng lực thị hiện ra thân đó. Loại năng lực này, theo như kinh Đại Thừa nói: Cần phải đạt đến “Viên giáo Sơ Trụ” Bồ Tát hoặc “Biệt giáo Sơ Địa” Bồ Tát, cũng chính là phải phá được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp thân mới có năng lực này.

Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới không có năng lực “Tùy loại hóa thân”; nhưng, Bồ Tát trong “Pháp giới nhất chân” có thể làm được. Công đức lợi ích thù thắng này tra hết *Đại Tạng Kinh* cũng không tìm ra được.

“*Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*” (Nhập Phật pháp tạng, rút ráo đến bờ kia): “nhập” là khế nhập, là chứng đắc; “Phật” là Phật tánh. Phật tánh chính là chân tâm, bản tánh của mỗi người chúng ta. “Phật pháp tạng” là chỉ cho Trí tuệ, đức năng vốn đủ trong tự tánh. “*Nhập Phật pháp tạng*”, câu này đồng nghĩa với câu “*Thiện nhập Phật tuệ, thông đạt đại trí*” của kinh Pháp Hoa; nói theo Thiền tông là “minh tâm kiến tánh”.

Người có thể vào “Phật pháp tạng”, chính như Kinh Hoa Nghiêm nói là Pháp Thân Đại Sĩ, không phải người thông thường. Pháp Thân Đại Sĩ là thành Phật rồi nhưng là Phật chưa viên mãn, chỉ mới phá được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, họ liền có năng lực ở tận hư không khắp pháp giới độ hóa chúng sinh. Trong “Viên giáo”, chúng ta thấy từ Sơ Trụ trở lên: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác tổng cộng có bốn mươi một ngôi thứ, bốn mươi một ngôi thứ Pháp Thân Đại Sĩ này bao gồm cả Đẳng Giác Bồ Tát đều gọi là “Phần chứng vị”, không phải viên mãn. Cho nên, câu “nhập Phật pháp tạng” là “Phần chứng vị”.

Chúng ta mỗi niệm cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng chính là muốn tham gia “Liên Trì hải hội” vào “Phật pháp tạng”, đó là cách nói của Tịnh Độ tông.

Người xưa nói: Nếu thấy được Phật Di Đà lo gì không khai ngộ! Khai ngộ đó chính là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” của Thiền tông. Do đây có thể biết: Thấy Phật cũng đồng với đại triệt đại ngộ. Thế nhưng, trong Tông môn dùng phương pháp “tham cứu” để đạt đến cảnh giới này. Phương pháp này rất khó đối với thời đại chúng ta, gần như không còn thấy ai có được thành tựu.

Pháp sư Đàm Hư, cách thời đại chúng ta hơn nửa thế kỷ, ngài thường hay khai đạo cho hậu học. Ngài nói: Chính mình trong đời đã thấy qua rất nhiều thiện-tri-thức xuất gia, lẫn tại gia tu hành, họ chỉ được Định; chưa hề thấy hoặc nghe qua người nào được khai ngộ! Đây đích thật ngài đã gián tiếp khẳng định Hòa Thượng Hư Vân của Thiền tông, cùng thời đại với ngài, cũng chỉ mới được Thiền định; không thể khẳng định ngài được khai ngộ! Được Thiền định cũng không dễ rồi! Được Thiền định, nếu chính họ không phát nguyện, tương lai nhất định sinh về cõi trời Tứ Thiên, địa vị này rất cao,

phước báo cũng rất lớn. Chúng ta biết lão Hòa Thượng Hư Vân phát nguyện thân cận Bồ Tát Di Lặc; ngài đích thật sinh đến “Đâu Suất nội viện” việc này một chút cũng không giả! Người, niệm Phật chúng ta nhất định phải hiểu được then chốt của việc tu học: *Niệm Phật thành Phật, con đường thẳng tắt, ổn định, mau chóng đáng tin.*

“*Cứu cánh bị nạn*” là rốt ráo đến bờ kia. Chúng ta nơi đây chăm chỉ, vận dụng tu tập Pháp môn Niệm Phật: niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Trong “Tứ Hoằng Thệ Nguyện”, chúng ta cũng mạnh mẽ phát nguyện độ khắp chúng sinh, nhưng chưa thể thực hiện! Tâm có thừa mà sức không đủ! Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì khác hẳn! Cho dù là “Hạ hạ phẩm vãng sinh”, phiền não tập khí một phẩm cũng chưa đoạn, họ vẫn có năng lực đến tận hư không khắp pháp giới cúng dường chư Phật, độ hóa chúng sinh. Dựa vào cái gì? Nhờ vào sức gia trì của Bản Nguyện Phật A Di Đà!

Mới biết được pháp môn Tịnh Độ thù thắng không gì bằng! Thế, xuất thế gian không pháp môn nào có thể sánh được. Ngay trong đời này chúng ta có duyên gặp được, không phải là sự ngẫu nhiên hay trùng hợp. Trong kinh đức Phật nói: Phải có thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp, đời này mới gặp được; sau khi gặp được chúng ta có thể thành tựu hay không? Trên kinh Phật nói người gặp được có thể phân làm bốn loại:

1. *Người thượng thượng căn*: Nghe rồi liền tin, tin rồi liền phát nguyện, chăm chỉ nỗ lực tu hành, y giáo phụng hành, ngay đời này họ nhất định được vãng sinh.

2. *Người không thể tự động tự phát*: Rất dễ dàng lừa dối, giải đãi, cần có người động viên khích lệ, họ mới phấn chấn đoạn ác tu thiện, niệm Phật cầu sinh, hạng người này cũng có thể vãng sinh.

3. *Người căn tánh kém một chút*: Phải có thiện tri thức cần lao khẩn thiết khuyên bảo hết lời, lâu dần trong xã hội họ vấp phải

hiều chướng ngại, thiệt thòi, lỗ lã, họ mới chịu hồi đầu, tương đối không dễ, cũng có thể thành tựu.

4. *Người có tri kiến bất chánh*: Cho dù chư Phật, Bồ Tát có đến khuyên bảo, họ cũng không thể quay đầu! Loại người này chúng ta xem thấy rất nhiều, đó là do tập khí, phiền não, nghiệp chướng của họ quá nặng: Bên ngoài gặp phải ác duyên như danh vọng, lợi dưỡng; trong tâm lại đầy áp tham, sân, si, mạn. Nội ngoại vừa kết hợp thì bỏ đạo đi mất! Thật vô cùng đáng tiếc! Phật không bỏ rơi họ, vẫn chờ mong họ hồi đầu. Nếu đời này họ không quay đầu thì đời sau hoặc đời đời sau nữa! Thành thật mà nói, chúng ta chớ cười người, chính bản thân chúng ta là loại người đó! Chúng ta đâu phải chỉ đời này mới tu Tịnh Độ, mà trong đời đời kiếp kiếp về trước cũng đã gặp pháp môn này, chẳng qua vì mê hoặc ác duyên bên ngoài mà trôi lăn sinh tử!

KINH VĂN:

Nguyện u vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác, xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo. Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố. Dĩ định tuệ lực, hàng phục ma oán, đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác. Thiên nhân qui ngưỡng, thỉnh chuyển Pháp luân. Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian, phá phiền não thành, hoại chư dục tiệm, tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch. Điều chúng sinh, tuyên diệu lý, trừ công đức, thị phước điền. Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ. Thăng quán đánh giai, thọ Bồ Đề ký. Vị giáo Bồ Tát, tác A xà lê, thường tập tương ứng vô biên chư hạnh, thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn. Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm.

VIỆT DỊCH:

Nguyện trong vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác, bỏ Đâu Suất, giáng hạ vương cung, bỏ ngôi vị, xuất gia, khổ hạnh học đạo. Thị hiện như thế để thuận theo thế gian. Dùng sức Định Tuệ hàng phục ma oán, đắc vi diệu pháp thành Chánh Giác cao tột. Thiên nhân qui ngưỡng, thỉnh chuyển Pháp luân. Thường dùng pháp âm, giác ngộ các thế gian, phá thành phiền não, lấp ao tham dục, gột sạch cấu uế, hiển bày đức thanh tịnh. Điều phục chúng sinh, tuyên thuyết diệu lý, tích công lũy đức, gây tạo phước điền. Dem pháp dược cứu chữa ba khổ. Lên địa vị quán đánh, thọ ký cho Bồ Tát. Để dạy Bồ Tát bèn làm A xà lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm.

GIẢNG:

Hai câu cuối của đoạn trước: “*Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*” (Nhập Phật pháp tạng, rốt ráo đến bờ kia) là lần thứ hai khen ngợi Thật Đức của bậc Đại Sĩ. Đoạn kinh văn này và hai đoạn tiếp theo sau là khen ngợi Quyền Đức của Bồ Tát: Trong khắp mười phương thị hiện tám tướng thành đạo thù thắng.

“*Nguyện u vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác*”
(Nguyện trong vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác).

Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “Đẳng Chánh Giác” là chữ trong bản Đường dịch, là cách dịch theo kiểu tân dịch. Bản Ngụy dịch ghi là “Đẳng Giác”, đó là cựu dịch. “Đẳng Giác” có hai nghĩa:

- Đẳng Giác là địa vị cùng tột của Bồ Tát, sẽ đắc “Diệu Giác, Phật Quả”: Công đức, trí tuệ của bậc này gần tương đương với Diệu Giác nên gọi là Đẳng Giác. Đại

Sư Đàm Loan nói: “So với Diệu Giác còn kém một bậc nên gọi là Đẳng Giác”.

- Đẳng Giác là Phật quả: Trí Độ Luận viết “chư Phật bình đẳng nên gọi là Đẳng Giác”.

Do đó, các nhà chú giải kinh đối với đoạn kinh này cũng có hai cách giải thích:

- Một, Bồ Tát trụ địa vị Đẳng Giác trong mười phương thị hiện tám tướng thành đạo.

- Hai, đây chính là Phật quả: Từ quả hướng nhân, thị hiện tám tướng, cho đến lực dụng sau khi đã thành Phật.

Nói tóm lại, Đại Giác diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng nên đối với hai thuyết này cưỡng chấp một thuyết. Áp dụng cả hai thuyết chẳng trở ngại nhau, vì chúng Bồ Tát đông đảo, ắt hẳn cảnh giới của họ chẳng phải chỉ có một. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trong “Tùy loại hóa thân”, hóa thân Phật là thù thắng nhất để hóa độ chúng sinh. Các thân phận khác như: Thân Bồ Tát, thân Thanh Văn, thân Duyên Giác, thân sáu cõi v.v... thì không cần phải nói, thấy đều có thể thị hiện.

Câu “*Nguyện ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác*”, chính là nói “*Đại viên mãn ứng hóa*”, hóa thân đến mọi nơi, hiện thân ở mọi lúc, tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp, giúp chúng sinh trong vô lượng thế giới. Câu kinh văn này chúng ta cũng không thể xem thường lướt qua, chính mình phải bình lặng đem nó đọc qua nhiều lần, xem thử có thể thể hội được chăng?

Hiện tại ở thế gian này, không gian hoạt động của chúng ta vô cùng nhỏ hẹp. Cho dù đời sống có tự do, tự tại, mỗi ngày ngao du khắp chốn, không gian của chúng ta cũng chỉ là quanh quẩn trong

phạm vi đất nước này, địa cầu này, vẫn không cách nào đến được các tinh cầu khác.

Trên kinh văn này nói “vô lượng thế giới”, nếu vãng sinh đến Tây Phương Cực Lạc, không gian hoạt động của chúng ta là tận hư không khắp pháp giới tất cả cõi nước chư Phật; khởi nghĩ liền đến! Không cần mua vé phi cơ, không cần phương tiện giao thông, cũng không cần thủ tục các thứ; thần thông tự tại, thật vô cùng viên mãn! Trong đây cũng bao gồm cả quá khứ, hiện tại, vị lai. Có thể trở về quá khứ, cũng có thể thẳng đến tương lai. Mười phương ba đời là không gian hoạt động của chúng ta, đó là thật không phải giả! Toàn bộ đều có thể thực hiện. Cũng có thể nói, những thánh giả này đồng với Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ môn chỗ nói đến giống nhau: Đáng dùng thân gì để độ, họ liền hiện thân đó, như Bồ Tát Quán Thế Âm với ba mươi hai ứng thân. Thật sự mà nói là vô lượng vô biên thân, hiển thị ra đức năng của những vị Bồ Tát này.

“*Xả Đâu Suất*” là tướng thứ nhất trong “Bát tướng thành đạo”. “Đâu Suất” là Phạn ngữ, dịch sang nghĩa Trung Quốc là: Diệu Túc, Hỷ Túc, Tri Túc v.v... Đó là tầng trời thứ tư trong “Dục giới”; Nội viện hiện là Tịnh Độ của Bồ Tát Di Lạc; Ngoại viện là chốn dục lạc của thiên chúng. Chỗ này, mang ý nghĩa biểu pháp rất sâu: Bồ Tát tu hành nếu chưa đạt đến trình độ “Tri Túc” thì công phu của Bồ Tát đó chưa được viên mãn! “Tri Túc” rồi thì thành Phật ngay.

Chúng ta, trong các bộ kinh lớn thấy được: Bồ Tát vẫn còn tham độ chúng sinh, tham tạo công đức v.v... cho nên vẫn chưa được “Tri Túc”! Sự việc này chúng ta phải biết, bất luận là thế pháp hay xuất thế pháp phải biết tri túc. Ví như học Phật, kinh điển có rất nhiều, bao la như biển cả, kinh nào chúng ta cũng muốn học, tông phái nào cũng muốn nghe qua..., đó chính là tham, cho dù là tham Phật pháp. Chúng ta tri túc rồi, chỉ một bộ Kinh Vô Lượng Thọ là

đủ. Cổ đức có câu: “*Tam tạng thập nhị bộ nhường cho kẻ bất tri túc để ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh, nhường cho những kẻ bất tri túc để hành*”. Chúng ta tri túc rồi, chỉ một bộ kinh, một câu A Di Đà Phật, một môn thâm nhập trường kỳ huân tu thì vui biết mấy. Tri túc thường lạc! Chỉ một bộ kinh này, nội dung đã bao hàm hết tất cả kinh.

“**Giáng vương cung**”: Đây là tướng thứ hai “gá thai” và tướng thứ ba “xuất sanh” gộp lại. Phật ứng hóa đến thế gian này, tuyệt đối chẳng sinh vào gia đình dân giả thông thường. Vì sao vậy? Vì sức ảnh hưởng không lớn! Thân chúng ta là thân nghiệp báo, tự mình không thể làm chủ, không thể chọn lựa, mà phải tùy nghiệp lưu chuyển. Phật và Bồ Tát là thừa nguyện tái lai, do nguyện lực nên có thể tùy tiện theo sự lựa chọn của mình.

- Vì sao phải chọn ở trong nhà Đế Vương?

- Bồ Tát giáng sinh vào vương cung, nếu nói địa vị tương lai, ngài là địa vị Quốc Vương. Người Trung quốc nói “*Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*” (Quý như thiên tử, giàu như bốn bể), phú quý danh lợi của thế gian ngài đều có đủ. Thế nhưng, ngài có thể buông bỏ hết tất cả để xuất gia tầm đạo. Việc làm này của ngài nếu không phải là người có trí tuệ chân chánh thì không thể làm nổi. Đây là ngài dạy chúng ta “xả đắc”, cũng khiến chúng ta khai ngộ, hiểu rõ ý nghĩa, giá trị chân chánh của kiếp người.

Cuộc đời nếu chỉ quần quật trong khổ nhọc, bận rộn, chính mình cũng không nhận ra vì ai mà ta bận rộn?! Người này rõ thật đáng thương! Kinh Phật thường nói: “Khả lân mẫn giả”, không hiểu bận rộn vì ai?! Cổ nhân cũng nói: “Vì ai cực khổ, vì ai bận?! Họ không biết! Thậm chí bận rộn để được gì? Bận rộn đến ba bữa cơm cũng không có thời gian ăn! Ăn không ngon, ngủ không yên; địa vị

càng cao, tài phú càng lắm rốt cuộc họ cũng chỉ là những kẻ đáng thương!

Người thế gian đều mê hoặc trong tranh danh đoạt lợi, bây giờ chẳng phải là tranh thủ mà là cướp đoạt lấy! Đức Phật, Ngài thật sự giác ngộ, biết rõ những thứ đó là giả, là không, là phiền phức, là đau khổ nên tuyệt đối dứt bỏ hết. Thế gian cho rằng tu hành rất khổ, nhưng kỳ thật là rất vui sướng: Sinh hoạt đơn giản, ít tạo nghiệp, tâm địa thanh tịnh, nhu cầu ít...

“Khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo”: Đây là tướng xuất gia thứ tư. Bản Ngụy dịch chép tỉ mỉ, nguyên văn như sau: *“Hiện xử cung trung, sắc vị chi gian, kiến lão bệnh tử, ngộ thế phi thường, khí quốc tài vị, nhập sơn học đạo, phục thừa bạch mã, bảo quan, anh lạc, di chi linh hoàn, xả thân diệu y, nhi trước pháp phục. Thế trừ tu phát, đoan tọa thọ hạ, cần khổ lục niên, hành như sở ứng”*(Thị hiện sống trong vương cung, trong khoảng sắc vị (Sắc vị là cảnh ngũ dục lục trần, món ngon tuyệt hảo), thấy già, bệnh, chết, hiểu đời vô thường, bỏ đất nước, của cải, ngôi vị vào núi học đạo, cưỡi ngựa trắng, mào báu chuỗi ngọc sai người đem trả về, bỏ áo quý đẹp để khoác pháp phục, gọt sạch râu tóc, ngồi đoan nghiêm dưới cội cây, siêng khổ sáu năm, thực hành điều nên làm).

Đức Phật thị hiện tướng xuất gia này khai thị cho chúng ta giác ngộ thế gian vô thường, chớ nên đắm nhiễm, mê chấp vào nó. Phải xuất gia! Ý nghĩa của “xuất gia” là đối với gia nghiệp không mảy mai chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là đại chướng ngại trên con đường giải thoát. Riêng đối với người học Phật, Phật nêu ra bốn loại xuất gia:

1. *Thân xuất gia, tâm không xuất:* Loại người này tuy đã xuất gia, nhưng trong tâm vẫn đầy ấp những danh văn lợi dưỡng; vẫn tràn đầy “tham, sân, si, mạn” v.v..., việc làm của họ chẳng khác chi người

tại gia; có chăng chỉ là trên hình thức đầu tròn áo vuông, bỏ nhà nhỏ bước vào nhà lớn!

2. *Thân không xuất gia, tâm xuất*: Đây là chỉ cho hàng cư sĩ tại gia học Phật. Tuy hoàn cảnh không cho phép xuất gia, nhưng trong tâm họ lúc nào cũng hướng đến Phật, đến việc tu tập giải thoát. Vậy mà tốt! Họ không tạo nghiệp. Cho nên, người tại gia học Phật thành tựu cũng rất nhiều. Những năm gần đây, có người đứng mà ra đi, ngồi mà ra đi, biết trước giờ chết, nói đi thì đi.

3. *Thân, tâm đều xuất gia*: Đây mới là người chân thật xuất gia: Thân xuất gia, tâm cũng xuất gia. Đó chính là trong Phật pháp nói: Đệ tử chân thật của Phật, có thể gánh vác việc hoằng pháp lợi sinh, kế tục tuệ mạng Phật, gia nghiệp Như Lai.

4. *Thân, tâm đều không xuất*: Đây là chỉ cư sĩ tại gia: Thân không xuất, tâm cũng không xuất! Tuy có học Phật, nhưng học Phật chỉ là thứ yếu, việc danh vọng lợi dưỡng thế gian mới là chủ yếu. Đại khái họ dồn hết chín mươi chín phần trăm lo việc thế gian, còn lại một phần trăm lo nghĩ vấn đề Phật pháp, cũng là không tệ! Phật ngay chỗ này, nhắc nhở chúng ta “*thân không xuất, tâm phải xuất*”. Cho dù phải quần quật suốt ngày với bất cứ nghề nghiệp nào, vẫn có thể thị hiện thành Chánh Giác, biểu thị là mô phạm tốt nhất, gương mẫu tốt nhất cho tất cả mọi người, luôn vì lợi ích tập thể, xả bỏ dục vọng cá nhân, tẩy trừ “tham, sân, si, mạn”. Đó chính là người chân thật học Phật.

“**Khổ hạnh học đạo**”: Kinh Phổ Diệu chép: “*Nhĩ thời Thái tử nhật phục nhất ma, nhất mạch, lục niên chi trung, kiết già phu tọa*” (Khi ấy, Thái tử ngày ăn một hột mè, một hạt lúa mạch, trong sáu năm ngồi xếp bằng) tu tập hạnh gian nan siêng khổ, đời sống có khổ một chút cũng vẫn tốt. Phật dạy chúng ta “*lấy khổ làm thầy*”.

Người có sức nhẫn chịu đời sống khổ cực thì dễ dàng có tính đề cao cảnh giác, đời sống quá thoải mái dễ rơi vào đọa lạc.

Cư sĩ Lý rất quan tâm đến tôi, ông nói: Lão pháp sư ở Trung Quốc Đại Lục có rất nhiều người chăm sóc, ông muốn tìm một số người chăm sóc tôi, tôi cảm tạ ông nhưng không thể chấp nhận. Vì sao? Sợ rằng khi có người chăm sóc, tôi liền sẽ đọa lạc! Tác oai, tác phước vậy thì không được! Thầy tôi đã làm ra một tấm gương tốt cho tôi xem. Tôi nhận thân giáo từ thầy rất sâu. Lão cư sĩ Lý Bình Nam đến chín mươi lăm tuổi chỉ sống một mình, trải qua ngày tháng không người hầu hạ, tự giặt giũ quần áo, nấu cơm v.v... Sau chín mươi lăm tuổi mới chịu nhận học trò chăm sóc; chín mươi bảy tuổi thì ông vãng sinh.

Không người chăm sóc cũng vẫn tốt! Giúp ta có tính tự lập! Ý lại vào người khác chăm sóc, khi đi cần phải có hai người dìu thật là phiền phức! Thật đáng thương! Cho nên, tôi cảm ân Lý Mộc Nguyên, nhưng từ chối không nên tìm người hầu tôi, để sức khỏe tôi được vững chải một chút. Phải hiểu: Sự khổ hạnh đối với thân tâm đều có sự giúp đỡ.

“*Học đạo*”: “học” là học tập; sau khi học rồi phải làm cho được, “đạo” là hiểu được thật tướng các pháp, đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh chân thật giác ngộ, chân thật hiểu rõ, đó là “đạo”.

“*Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố*” (Thị hiện như thế để thuận theo thế gian). Hai câu này đã đem cái bản nguyện nói rõ: Đức Phật là thị hiện, chẳng phải lần này mới phát tâm xuất gia, ngài đến để biểu diễn. Điều này cũng hiển thị sâu xa huyền chỉ của Kinh Pháp Hoa: “*Hết thầy thế gian trời, người, A-tu-la đều cho rằng Thích Ca Mâu Ni Phật nay bỏ cung họ Thích đến thành Già-Gia chẳng xa, ngồi đạo tràng đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng, này Thiện nam tử! Thật ra, ta từ khi thành Phật đến nay đã là vô*

lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp. Từ đây trở đi, ta thường trụ trong thế giới Sa-Bà này thuyết pháp, giáo hóa, cũng ở nơi khác, trong trăm ngàn vạn ức na-da-tha a-tăng-kỳ cõi dạy dỗ lợi ích chúng sinh... Như Lai thấy các chúng sinh ưa thích pháp nhỏ, đức mỏng, cấu nặng, nên vì kẻ ấy nói: ‘Ta xuất gia không lâu liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’. Nhưng thật ra từ khi ta thành Phật đến nay đã lâu xa đường ấy, chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sinh, cho họ nhập Phật đạo mà nói như thế’.

Sở dĩ ngài phải “*thuận thế gian cố*”, tùy thuận thế gian, vì người thế gian phải tìm cha mẹ để đầu thai. Giả như Phật xuất hiện ở thế gian mà không có cha mẹ, chỉ từ trời giáng phàm, đến khi ngài giáo hóa chúng sinh sẽ rất khó! Chúng sinh sẽ nghĩ rằng: Ngài từ trên trời xuống, làm sao ta có thể sánh bằng ngài! Làm sao ta có thể thành Phật như ngài! Sự thị hiện của ngài mang ý nghĩa: Chúng sinh do cha mẹ sinh; thì ngài cũng do cha mẹ sinh; chúng ta từ nhỏ lớn lên, ngài cũng từ nhỏ lớn lên; Ngài có thể thành Phật, chúng ta cũng có thể thành Phật. Từ đó mà tín tâm ta được tăng trưởng. Tuy thị hiện, nhưng trên mặt giáo hóa, những gì Phật dạy đích thật là sự thật, Phật không hề lừa dối chúng ta. Hiểu được đạo lý này, chúng ta cố gắng tu tập, y giáo phụng hành lời Phật dạy, ngay trong đời này chắc chắn có thể ra khỏi tam giới, liễu sinh tử, thành Phật đạo.

Kinh Phạm Võng nói: Ngài đến thế gian thị hiện làm Phật, đây là lần thứ tám ngàn. Khi đến, vẫn phải ra vẻ như một phàm phu không hiểu biết thứ gì, đóng vai trò một thái tử ra ngoài du ngoạn, xem thấy cảnh sinh, già, bệnh, chết, liền xúc động đến quyết chí tu hành. Đây đều là thị hiện, là diễn kịch cho chúng ta xem. Chúng ta ngày ngày xem thấy cảnh sinh, già, bệnh, chết nào có cảm xúc gì! Bất tri bất giác sự việc xảy đến, trước cái chết có hối cũng không kịp! Ngạn ngữ có câu: “Người không lo xa, ắt có họa gần!”

- Thế nào là lo xa?

- Thường nghĩ đến già, khi bệnh, khi chết; nghĩ đến đời sau v.v... Đây gọi là biết lo xa. Nói thế không có nghĩa là bảo bạn phải suy nghĩ tương lai mình sẽ già phải chuẩn bị một ít để lo hậu sự dưỡng già; tương lai mình ắt có bệnh phải cụ bị một khoảng tiền để chi phí thuốc men; tương lai ắt phải chết, lúc chết phải mai táng ra sao? v.v... Nếu bạn có cách suy nghĩ này là sai rồi! Hiện tại chưa già lại chuẩn bị già, bạn sẽ già rất nhanh! Hiện tại không bệnh đã chuẩn bị tiền thuốc thang, ở đó mà chờ bệnh làm sao không bệnh! Thậm chí đến suy nghĩ: Khi chết phải tìm nơi phong thủy tốt, thì bạn sẽ chết rất nhanh! Thấy đều sai hết!

Chân thật lo xa, nghĩ đến những sự việc này phải mau tu tập Phật pháp Đại Thừa. Kinh Vô Lượng Thọ, thành thật mà nói, chính là dạy bạn làm thế nào không già, không bệnh, không chết. Ba vấn đề lớn này, Phật pháp đích thật vì chúng ta giải quyết đến cứu cánh viên mãn. Vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải chết, đó là sống mà ra đi.

Những năm gần đây ở Singapore và Malaysia, người niệm Phật vãng sinh không ít. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên đưa người vãng sinh rất nhiều. Chính mắt ông xem thấy hiện tượng, tướng lạ vãng sinh là sống mà ra đi, không phải chết mới ra đi. Họ thấy được Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, nói với người xung quanh: Phật đến rồi! Tôi theo ngài đi đây, liền đi theo ngài.

- Sao họ có thể đi được?

- Vì họ có thể buông bỏ tất cả bất cứ lúc nào, không phải đến lâm chung mới buông bỏ.

“*Đĩ Định Tuệ lực, hàng phục ma oán*” (Đem sức Định Tuệ hàng phục ma oán) Đây là tướng thứ năm “hàng ma” trong “tám

tướng thành đạo”. “Ma” là tiếng gọi tắt của chữ Phạn “Ma la” (māra) có nghĩa là sự dày vò, Hán dịch là “chướng ngại” vì nó hay gây chướng ngại cho người tu đạo, cũng dịch là “sát giã” (kẻ giết chóc) vì nó thường hành phóng dật, đoạn tuệ mạng, làm tổn hại đến sự lành của con người. “Ma-la” còn dịch là “ác giả” (kẻ ác) vì lắm ái dục. Trên kinh nói có đến **Tứ Ma** (bốn loại ma):

1. Phiền não ma

Phiền não ma là tham, sân, si cũng bao gồm cả thất tình, lục dục có thể làm não hại thân, tâm hủy hoại thiện pháp.

2. Ngũ Âm ma

Tức là thân ngũ âm của chúng ta. Thân Ngũ Âm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) có thể gây ra vô số khổ não. “Sắc” là phần vật chất, là sắc thân này; “Thọ, tưởng, hành, thức” là tâm cùng với tác dụng tâm lý. Bản thân của “ngũ âm” tức là ma. Bồ Tát tu hành trên con đường Bồ Đề gặp biết bao nhiêu là chướng nạn, sự dày vò của “ngũ âm”, mỗi người chúng ta đều không thể tránh được!

- Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian cũng qua hình tướng thân ngũ âm này có phải chịu khổ chăng?

- Trên hình tướng họ vẫn phải chịu khổ. Nhưng, thực tế các ngài không hề có khổ. Chúng ta thấy từ cách ăn mặc, đi đứng, đời sống v.v... của các ngài không hề khác với chúng ta. Phàm phu có khổ, vui; các ngài cũng có vui, có khổ. Nhưng cái khổ, vui của các ngài chỉ là thị hiện để thức tỉnh phàm phu chúng ta mà thôi.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói đến năm mươi loại “âm ma”. Năm mươi loại này là: Sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm, và thức âm. Trong mỗi “âm” có mười loại, hợp thành năm mươi loại “âm ma”.

Trong Phật kinh có nói đến ba cõi: *Dục giới*, *Sắc giới*, và *Vô Sắc giới*. *Dục giới*, *Sắc giới* đều có thân thể chi thiên nhân ở *Vô Sắc giới*, tầng trời thứ tư không có thân tướng. Họ không cần thân, chúng ta gọi là “linh giới”, đó là cao cấp nhất trong phàm phu.

- Họ có được xem là giác ngộ không?

- Không thể nói họ không giác ngộ; nhưng phải biết họ không phải Chánh Giác! Trong Phật pháp “giác ngộ” là Chánh Giác. Chữ “Chánh” chỉ riêng nhà Phật mới có. Người thế gian tuy “giác” mà không “Chánh”. Chúng ta xét từ người trời “Tứ không” sẽ nhận ra rất rõ ràng:

- Người “trời Tứ Không” không cần thân có thể giải quyết được vấn đề hay không?
- Vẫn không thể giải quyết được!

Cho dù sinh đến “Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên”, tuổi thọ tám vạn đại kiếp cũng vẫn là có kỳ hạn; tám vạn đại kiếp đến rồi họ vẫn phải đọa lạc! Ngạn ngữ thường nói: “Trèo cao té nặng!” Họ vừa đọa liền đọa vào địa ngục! Hơn nữa, tuyệt đại đa số bị đọa lạc trong “vô gián địa ngục”! Là người tu hành, họ tu đến cảnh giới này tự cho rằng chính mình đã thành Phật, chứng được Đại Niết Bàn! (Niết Bàn là không sinh không diệt), họ đem trời Tứ Thiên, trời Vô Tướng, trời Tứ Không cho là Niết Bàn. Đó là sai lầm ngộ nhận! Chúng ta không thể không rõ được ý này.

3. Tử ma

Có thể hoại diệt mạng căn con người, đây là nói sinh tử dày vò! Con người không thể sống mãi! Giả như công phu tu hành của chúng ta chưa thành tựu mà cái chết đã đến thì thật vô cùng đáng tiếc! Cho dù có được luân hồi trở lại làm người, vẫn còn bị cái “*mê cách ám*”, sự việc của kiếp trước hoàn toàn quên sạch! Có gặp được

thiện-tri-thức tốt, vẫn phải tu lại từ đầu! Cái chết đích thật là sự dày vò! Nếu không có sự chết thì việc tu học của chúng ta đã sớm thành tựu rồi.

Tôi thường nói tu học theo Kinh Vô Lượng Thọ thật sự là ngay đời này nhất định không già, không bệnh, không chết. Đáng tiếc người tin thật quá ít! Đúng như chư Phật nói: Đây là pháp khó tin, chân thật là khó tin! Chắc chắn có người hỏi:

- Bạn nói không chết, tôi thấy người niệm Phật chết cũng không ít, sao nói là không chết?!

- Kỳ thật người niệm Phật không chết! Khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, họ rõ rõ ràng ràng, thông suốt thấu đáo, không có đau khổ, hoan hỷ vứt bỏ thân này mà đi theo Phật. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mãi mãi không già, không bệnh, không chết; tất cả đều tùy tâm sở hiện, chân thật là tâm tưởng sự thành.

4. Thiên ma

Đây là sự quấy nhiễu, chướng ngại từ hoàn cảnh bên ngoài, không từ nơi tự thân. Trên kinh Phật nói thiên ma là ma vương Ba Tuần thích hủy hoại sự lành của người khác. Loại ma bị hàng phục trong kinh này là “Thiên ma”. Bốn loại ma trên đây: Ba loại trước phát xuất từ tự thân chúng ta; chỉ có Thiên ma là từ bên ngoài.

- Loại ma bên ngoài là gì?

- Đó chính là muôn hình vạn trạng của thế giới hiện tại, bao gồm tất cả người, sự vật đang phô bày trước mắt, đang mê hoặc chúng ta làm mất đi sự an lành của thân tâm!

- Làm thế nào phân biệt được ma oán?

- Lấy đề kinh này làm tiêu chuẩn! Tổng cương lĩnh của đề kinh gồm năm chữ: “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Khi tiếp xúc với

người, với sự, với vật mà tâm bạn được thanh tịnh, được bình đẳng, được giác ngộ an vui thì đó là Chánh pháp. Ngược lại, nếu tâm bạn bị phiền não nhiễm ô khởi dậy, thì đó là tà pháp.

Chỗ này Phật dạy: Phải dùng lực Định Tuệ để hàng phục ma oán. “Oán” là oan gia không phải chỉ một đời mà vô lượng đời kiếp, khi bạn muốn tu, họ liền đến gây phiền phức. Bạn phải có sức Định Tuệ duy trì được chủ tể, không bị ngoại duyên khống chế. Nhờ sức Định Tuệ giúp bạn hàng phục được ma oán. Trên đạo Bồ Đề, ma chướng, oan gia trái chủ quá nhiều; không có Định Tuệ làm sao một đời này có thể thành tựu!

Tôi học với thầy Lý, lần đầu gặp tôi, ông liền nói: -Năng lực tôi chỉ có thể dạy ông năm năm! Đây là lời khách sáo! Mục đích của ông chính là hy vọng tôi có thể nghe ông dạy bảo trong vòng năm năm. Năm năm này không rời khỏi ông. Năm năm tuân thủ qui củ của ông cũng chính là nghe một mình ông giảng kinh nói pháp. Một môn thâm nhập! Cắm gốc! Cái gốc này sâu! Cái được chính là Định Tuệ. Sau đó đối với tất cả người, tất cả sự vật đều thay đổi. Tự mình quan sát thấy đích thật là khác hẳn với ngày trước rất nhiều. Trong vòng thời gian bao lâu?- Chỉ ba tháng liền thấy được hiệu quả!

Ban đầu thầy dạy bảo, tôi cũng có chút miễn cưỡng, cảm thấy thái độ của thầy dường như quá ngạo mạn, quá ngang ngược, quá tự đại, gần như thế gian này chỉ có mỗi mình thầy, người khác đều không bằng! Khiến tôi có cảm xúc: Mình không có trí tuệ, cha mẹ ở nhà không dạy tôi! Sao có thể nói: Chỉ được nghe mỗi mình thầy, không được nghe bất cứ người nào! Không những thế, tất cả văn tự nếu không được sự đồng ý của thầy, cũng không được xem! Lại còn một việc nữa: Những gì tôi học trước đây, thầy đều không thừa nhận, một mực bài trừ, phải học lại với thầy từ đầu! Thật không có lời gì để nói!

Tôi vẫn xem mình còn có chút thiện căn, phước đức, thật chịu nghe lời, thật chịu tiếp nhận, y giáo phụng hành. Qua được ba tháng, chính mình liền phát hiện tâm thanh tịnh, thật có chỗ tốt. Ba tháng không đi khắp nơi nghe; bất cứ người nào nói chuyện đều không được nghe. Bị lỗ tai lại!!

Giáo trình thầy chỉ định rất có hạn, ngoài số đó ra, thứ khác không được xem, cũng đóng bít luôn cái nhìn của mình! Tất cả pháp không thấy, không nghe, dần dần tâm được Định. Dùng phương pháp này dạy cho tôi tu Thiền Định, Định có thể khai Tuệ. Chỉ sau ba tháng, nghe người khác nói chuyện, nhìn thấy mọi việc, chính mình cảm thấy thông minh hơn trước nhiều. Sau sáu tháng thì rất rõ ràng, bội phục tận đáy lòng đối với thầy; biết được phương pháp của thầy là cao minh tuyệt diệu, chưa từng được thấy qua, cũng chưa từng được nghe qua.

Cho nên, sau năm năm, tôi liền nói với thầy: Con xin giữ thêm năm năm nữa. Thầy yêu cầu tôi năm năm, tôi tuân thủ qui củ của thầy mười năm. Sau mười năm giảng kinh mới được thành thạo, tất cả đều trôi chảy, nhờ gốc đã cắm sâu. Không giữ qui củ, tự cho mình thông minh, nhất định thất bại! Đồng học thất bại rất nhiều! Học trò thầy dạy có đến một, hai trăm người; chân thật có thể thành tựu, hiện tại chỉ có ba người!

- Làm thế nào được thành tựu?

- Giữ qui củ, thành thật nghe lời mới có thể thành tựu. Phàm tự cho mình là đúng, sau cùng đều thất bại cả! Họ cũng giảng kinh, giảng mấy năm không có tiến bộ! Thính chúng ngày càng ít thì duyên cũng không còn, chính họ cũng không giảng nữa!

Cho nên, không vâng lời giáo huấn của thầy, bạn không có sức Định, không có hàng tâm, không có nhẫn nại, bạn làm sao có thành tựu?! Đó là đại sự nghiệp! Phật pháp là siêu việt ba cõi, siêu

việt mười pháp giới, thành Phật, làm Tổ. Nếu không tu học như lý, như pháp thì không thể thành tựu, bỏ mất đi cơ duyên của đời này! Phải biết: Chính mình không phải là thượng căn, lợi trí, đi theo con đường cũ vẫn là đáng tin.

Đại Sư Thanh Lương trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, nói:

- Thích Ca Mâu Ni Phật có nói pháp không?

- Không có! Pháp mà Thích Ca Mâu Ni Phật nói trong bốn mươi chín năm, không có câu nào do ngài sáng tạo mà chỉ là “*thuật nhi bất tác*” của cổ Phật đã nói.

“*Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố*” (Thị hiện như thế để thuận theo thế gian): Đây là khái phát, dạy bảo chúng ta noi theo con đường của Cổ Thánh tiên Hiền chắc chắn sẽ không sai. Không nên tự cho mình là thông minh, muốn làm mới. Làm mới, vấn đề liền xuất hiện! Phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc nhất định không thể thay đổi, nhưng hình thức có thể tùy thời mà thay đổi. Như giảng đường này của chúng ta hiện đại hóa: Nghi qui chúng ta có thể tiết chế bớt. Trước kia nghi qui đại tòa phải làm bốn mươi phút; người hiện tại công việc quá bận rộn đâu thể lãng phí thời gian đến bốn mươi phút! Cho nên, chúng ta phải giảm bớt nghi qui. Nếu từ trên lý luận, phương pháp, lại chế ra một nghi qui mới thì đó là đặc biệt sai lầm!

Cư Sĩ Lâm muốn xây dựng Niệm Phật Đường, cư sĩ Lý Mộc Nguyên bàn với tôi: Niệm Phật Đường chọn lấy qui củ xưa của Đại Sư Ấn Quang, không thể sai khác. Chúng ta làm thế nào cũng không thể vượt trội hơn người xưa; nếu làm sai, nhân quả sẽ gánh vác không nổi! Hoàn toàn mô phỏng theo nghi qui của Linh Nham Sơn, nếu qui củ này có sai, Đại Sư Ấn Quang chịu trách nhiệm! Chúng ta có chỗ đẩy trách nhiệm, vậy thì tốt!

Tóm lại, “oán” là oan gia đôi đầu. Chúng ta phải có sức Định Tuệ mới hàng phục được ma oán. Trong oan gia có hai loại: “*Phiền não oan gia*” và “*hoan hỉ oan gia*”. Sự việc khiến ngày ngày bạn sinh tâm phiền não là oan gia; sự việc khiến ngày ngày bạn sinh tâm hoan hỉ cũng là oan gia. Cái “*hoan hỉ oan gia*” này luôn làm cho tâm bạn vướng bận, không thể buông bỏ được!

Có lão cư sĩ đến nói với tôi:

- Pháp sư à! Những năm qua tôi niệm Phật cũng không tẻ, bất cứ thứ gì tôi đều có thể buông bỏ, chỉ có đứa cháu là tôi không thể buông, vậy phải làm sao?!

- Đứa cháu đó chính là oan gia của ông, ông không quên nó được! Chỉ cần một việc không thể buông thì không thể nào được vãng sinh! Khi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, bạn nói: Còn việc này con chưa buông, việc kia con chưa buông; A Di Đà Phật không thể đợi bạn, ngài liền đi mất! Do đó ở chỗ này, đức Phật dạy chúng ta phải dùng Định Tuệ lực mới có thể hàng phục được “ma oán”. Riêng về “Ngũ ấm ma”, muốn hàng phục nó, ngoài những phương cách đã đề cập trên, chúng ta cũng cần phải:

1. Gìn giữ thân thể khỏe mạnh: Thân bệnh, chính là bốn đại không điều hòa. Thành thật mà nói: Nếu bạn có bệnh, chính là bạn không có công phu! Người thật có công phu, nếu bệnh, đó chỉ là thị hiện.

Cư sĩ Duy Ma Cật thị hiện giả bệnh. Ngài giả bệnh là phương tiện hóa độ chúng sinh, không phải ngài thật bệnh. Vậy bạn bị bệnh, rốt là giả bệnh hay bệnh thật? Việc này chính bạn phải rõ ràng! Cho nên, thân thể nhất định phải khỏe mạnh, đó chính là hàng phục “Ngũ Ấm ma”.

2. *Dung mạo không dễ bị suy già*: Đây cũng thuộc về “Ngũ Âm ma”. Hiện tại có rất nhiều người chú trọng đến dưỡng sinh, phải ăn thực phẩm gì để thân thể khỏe mạnh, phải trị liệu thế nào về sinh lý, phải vận động ra sao để bảo dưỡng thân thể v.v... Tôi thấy đều không có hiệu quả!

- Trong Phật pháp nói đạo dưỡng sinh là nói cái gì?

- Là tu Định, tu Tuệ!

- Tu Định có phải mỗi ngày chéo gối xếp bằng, quay mặt vào vách không?

- Đích thực là không! Có người nói đến tu Định, mỗi ngày phải ngồi xếp bằng, ngồi mấy giờ đồng hồ. Thế nhưng, những người tu Định này tôi cũng thấy qua: Tướng mạo năm sau không bằng năm trước, thân thể cũng như vậy!

- Đó là do đâu? Mỗi ngày tuy ngồi mấy giờ đồng hồ, trong tâm vẫn khởi lên vọng tưởng, làm sao gọi là Định chứ! Nên biết: Định là trong tâm không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; không nhất định phải chéo gối ngồi xếp bằng. Chúng ta xem thấy Đại Sư Huệ Năng, tổ thứ sáu của thiền tông là người rất cù khôi. Trên Đàn Kinh không ghi chép mỗi ngày ngài ngồi thiền mấy tiếng đồng hồ mà chỉ ghi chép số lượng công việc của ngài rất nhiều. Ở Hoàng Mai, trong nhà trừ ngài bở củi, giả gạo, làm công việc thô nặng này. Nếu ngài xếp bằng quay mặt vào vách, đạo tràng này không có cơm ăn! Ngài giả gạo cung cấp cơm ăn cho cả một đạo tràng đông người, đủ biết công việc của ngài rất nhọc cực, làm gì có thời gian để ngồi thiền! Thử hỏi:

- Ngài có ngồi thiền hay không?

- Có! Làm việc chính là “tọa thiền”. Ngài nói với chúng ta ý nghĩa của “tọa thiền” như sau: “Tọa” là lấy cái ý “bất động”, là tâm

bất động không phải thân bất động, không phải bảo bạn mỗi ngày từ sớm đến tối ngồi đó! Ngồi ở đó thì ai hầu bạn?! Phước báo của bạn được bao nhiêu? Phật dạy: Phước tuệ phải song tu, bạn ngồi đó hưởng phước làm sao được!

Cho nên, không dính mắc là “Thiền”, không động tâm là “tọa”. Thân có thể động, mỗi ngày từ sớm đến tối làm việc, bận rộn đến quên hết tất cả nhưng trong tâm không hề có khởi vọng niệm. Cái bản lĩnh này cao, tâm địa thanh tịnh. Không luận làm bất cứ việc gì, công việc dù nặng nhọc, vất vả đến đâu họ vẫn an nhiên làm việc trong tư thái rất khoan thai, nhẹ nhàng.- Vì sao? Vì họ không dính mắc vào tướng công việc! Phàm phu chúng ta hễ làm công việc gì nặng nhọc, khó khăn thường cảm thấy rất vất vả, mệt nhọc, ấy là do ta chấp trước vào công việc. Nếu không chấp trước vào công việc, bạn sẽ không có cảm xúc.

Tóm lại, thật sự mà nói: “oan gia trái chủ” rất khó ở với nhau. Trong kinh Phật nói với chúng ta: “*Oan gia nên giải không nên kết*”, phải giải cái oán kết này, phải có tính nhẫn nại rất lớn, trí tuệ cao độ, nơi nơi đều nhường nhịn thì có thể hóa giải, sổ nợ liền tính xong, quyết không thể có tâm oán hận hay báo thù. Nếu tâm oán hận hay báo thù không xả bỏ thì oan gia sẽ kết chặt không thể hóa giải. Đời này, họ báo thù bạn, đến đời sau bạn lại báo thù họ. Càng diễn, càng tàn khốc! Mỗi lần báo thù nhất định là vượt trội hơn lần trước! Bạn có ân với người khác không nên mong cầu họ đáp lại. Nếu có oán với người khác phải mau mau hóa giải ngay trong đời này, quyết không kết oán gây thù với bất cứ người nào. Đó là nguyên tắc căn bản.

“Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác” (Đắc vi diệu pháp thành Chánh Giác cao tột): Đây là tướng thành đạo thứ sáu trong “Bát tướng thành đạo”. Chữ “vi diệu” như Kinh Duy Ma nói:

“Vi diệu thị Bồ Đề, chư pháp nan tri cố” (Vi diệu là Bồ Đề, vì các pháp khó biết) Bồ Đề là tri kiến của Phật, cũng chính là “Thật Tế Lý Thể”, là tự tánh của đương nhân. “Tối Chánh Giác” là sự giác ngộ vô thượng cứu cánh viên mãn của Phật. “Thành tối Chánh giác” là rốt ráo thành Phật.

Hòa Thượng Tịnh Không nói câu “đắc vi diệu pháp”, trong “Yếu Giải” của Đại Sư Ngẫu Ích giảng rất hay là: Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật! “Vi diệu pháp” đó chính là niệm A Di Đà Phật, là pháp môn Niệm Phật. Lời nói này, Đại Sư Ngẫu Ích đã vì chúng ta mà nói toạc ra. Kỳ thật trên kinh điển Phật cùng các Tổ sư, đại đức xưa nay cũng đã từng nói nhưng không rõ ràng như vậy.

Trong “Tịnh độ tam phước” có câu: “Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả”, câu nói này trước đây trong nhiều năm tôi cũng không nghĩ ra được thật nghĩa của “thâm tín nhân quả”. Cuối cùng, bỗng nhiên tôi trực nhận: “niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”. “Niệm Phật thành Phật” là đạo lý nhất định. Cái “vi diệu pháp” này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, phải đặc biệt xem trọng.

Trên Kinh Địa Tạng, đọc đến đại trưởng giả, Bà-la-môn nữ, Quang Mục nữ; mỗi người đều chọn lấy pháp môn Niệm Phật. Đặc biệt là Bà-la-môn nữ, Quang Mục nữ đều biết mẫu thân mình đời trước tạo tác tội nghiệp cực trọng; tội nghiệp này nhất định là ở địa ngục. Họ đều là hiếu nữ, suy nghĩ mãi làm thế nào để siêu độ mẫu thân, bèn cầu Phật gia trì, Phật dạy họ phương pháp, đó chính là niệm Phật, quả nhiên liền có hiệu quả.

Trên kinh Đại Thừa thường nói: “Tất cả pháp từ tâm tướng sinh”. Kinh Lăng Nghiêm cũng nói: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”. Đây chính là nguyên lý “Niệm Phật thành Phật”.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật “*đắc vi diệu pháp thành tối Chánh Giác*”. Ngày nay, chúng ta cũng được “vi diệu pháp” là Kinh Vô Lượng Thọ này, vấn đề chính là chúng ta có thành tựu “Tối Chánh Giác” hay không? Nếu muốn thành “Tối Chánh Giác” không gì hơn là “y giáo phụng hành”. Có như vậy thì việc vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, chúng ta chắc chắn có phần. Pháp môn này là “tam căn phổ bị”, cả ba căn đều nhiếp, lợi độn đều thu.

Ngày trước, lão pháp sư Đế Nhân dạy đồ đệ của ngài là người thợ vá nôi, vị này niệm Phật được ba năm, đứng mà vãng sinh. Sau khi chết, còn đứng đó ba ngày, đợi sư phụ đến lo hậu sự cho ông. Có người nào sau khi chết còn có thể đứng đó ba ngày?! Đế lão dạy ông phương pháp rất đơn giản là thành thật niệm Phật, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn; niệm mệt thì nghỉ, nghỉ xong thì niệm tiếp. Ông thật y giáo phụng hành, suốt ba năm chỉ làm như vậy, làm được thành công.

Phương pháp niệm Phật, chúng ta tuân thủ theo pháp sư Hành Sách, tổ thứ mười của Tịnh Tông là nhiều Phật, chỉ tịnh, lễ bái. Tương lai nếu đông người, “Niệm Phật Đường” chúng ta phải phân thành khu. Tượng Phật phải đặt ngay giữa để có thể nhiều Phật, không nên để trên đài. Phía sau tượng Phật nhất định phải có lối đi mới có thể nhiều Phật. Niệm Phật là lấy nhiều Phật làm chủ đạo. Do tinh thần, thể lực chúng ta không đủ, không thể duy trì quá lâu, cho nên, khi nhiều Phật mệt rồi thì nên ngồi xuống chốc lát nghỉ ngơi.

Trong “Kinh Hoa Nghiêm tám mươi”, Thiện tài đồng tử đi tham học; tham phỏng vị thứ nhất là Tỳ kheo Đức Vân (trong “Kinh Hoa Nghiêm bốn mươi” gọi là tỳ kheo Kiết Tường Vân) nhưng không tìm thấy ngài. Sau cùng, “Biệt phong kiến đạo”, trên đỉnh núi còn có một đỉnh núi khác.

- “Biệt phong” đại biểu cho ý gì?

- Đại biểu cho pháp môn đặc biệt, chính là Pháp môn Tịnh Độ. Ngài tu pháp môn đặc biệt này, tu ở nơi “Biệt phong”

- Ngài tu như thế nào?

- “Bát Chu tam-muội”, chỉ đứng và kinh hành nhiều Phật, không ngồi, không nằm.

Thông thường chúng ta nói “Ban Chu tam-muội”, một kỳ là ba tháng. Việc này phải có thể lực rất tốt mới kham nổi, người thông thường không làm được! Chỉ một ngày một đêm không ngủ, đã chịu không nổi rồi! Chín mươi ngày không ngủ, làm sao có thể chịu nổi! Không chỉ không ngủ, ngay đến ngồi cũng không được ngồi! Cho nên, phải biết Niệm Phật Đường là lấy nhiều Phật làm chủ đạo, khi nhiều Phật phải niệm ra tiếng, nhiều Phật mệt rồi, bên cạnh có bồ đoàn nên ngồi xuống tiếp tục niệm theo đại chúng. Lúc ngồi, có thể không niệm ra tiếng. Nếu ngồi mà hôn trầm, ngũ gậy nên đứng dậy đến trước tượng Phật lễ lạy.

Lạy Phật cũng là cách điều tiết, vận động thân thể. Điều tiết thân thể, nếu thật quá mệt nên đến phòng bên cạnh nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi khỏe rồi, phải mau trở lại niệm Phật, đây là thật dụng công! Chân thật nỗ lực! Hy vọng các đồng tu dốc hết tâm lực thành tựu đạo tràng này. Không luận là sức cống hiến của bạn lớn hay nhỏ, Kinh Hoa Nghiêm nói: Tất cả đều bình đẳng. Chỉ một niệm thiện, một chút công đức nho nhỏ đều là tận hư không khắp pháp giới, phước báo vô lượng vô biên. Lời nói này chúng ta có thể khẳng định, không nên hoài nghi.

“*Thiên nhân qui ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân*”:
“Chuyển pháp luân” là tướng thứ bảy trong “Bát tướng thành đạo” của Phật. Kinh Pháp Hoa chép: “*Khi ấy, các Phạm Vương và các trời Đế Thích, Hộ Thế Tứ Thiên Vương, cùng Đại Tỳ Tại Thiên và các*

chúng trời khác, quyền thuộc trăm ngàn vạn, cung kính chấp tay lễ, thỉnh ta chuyển pháp luân”.

Chữ “*Pháp Luân*” chỉ giáo pháp của Phật điển thuyết. “*Luân*” chính là luân bảo (bánh xe báu) của Chuyển Luân Thánh Vương xoay chuyển trong tứ thiên hạ, đè bẹp các oán địch. Cho nên, nó thường được ví với giáo pháp của Phật cũng lưu chuyển trong hết thảy chúng sinh giới, phá trừ các phiền não.

Sách Thám Huyền Ký giảng chữ “*Pháp Luân*” như sau: “*Pháp nghĩa là Quy Trì, nói chung có bốn nghĩa là: Giáo, Lý, Hạnh, Quả. “Luân” là cái được thành tựu, cũng có bốn nghĩa:*

- 1. Viên mãn: Do chẳng khuyết giảm.*
- 2. Đức đầy đủ: Do các tướng: vành, đùm, cãm v.v... đều đầy đủ.*
- 3. Hữu dụng: Do nghiền nát các Hoặc chương.*
- 4. Chuyển động: nghĩa là từ đây tới kia, tức là từ Phật chuyển tới chúng sinh. Cũng có nghĩa là từ kia hướng đến đây, tức là từ chúng sinh đạt đến Phật quả”.*

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Pháp luân*” là tỉ dụ; vào thời cổ xưa, mỗi dân tộc đều có một đồ án làm tiêu chí cho dân tộc đó. Hiện tại, buôn bán bất cứ ngành nghề nào cũng đều có thương hiệu. “*Tịnh Tông Học Hội*” chúng ta cũng có “*logo*” phía trên. Cho nên, Phật pháp cũng thuận theo thế gian pháp, cũng chọn một tiêu chí đại biểu cho giáo học của Thế Tôn đối với xã hội.

Đồ án dùng trong nhà Phật có ba loại: Chữ vạn, hoa sen và pháp luân. Chữ “*vạn*” biểu thị ý nghĩa cho sự tốt đẹp. Tất cả pháp Phật nói ra đều tốt đẹp nhất. Hoa sen, đại biểu cho thanh tịnh vô nhiễm, sinh ra từ bùn nhưng không nhiễm bùn. “*Bùn*” biểu thị cho sáu cõi. Bên trên bùn là nước, “*nước*” biểu thị Pháp giới Bốn Thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Hoa sen nở vượt hẳn trên mặt

nước, ý nói siêu việt sáu cõi lẫn siêu việt mười pháp giới, trụ ở pháp giới Nhất Chân. Ý này cũng ngầm bảo: Không những sáu cõi không nhiệm mà Pháp giới Bốn Thánh cũng không nhiệm. “Pháp luân” tức bánh xe pháp biểu thị viên mãn nhất, chân thật là biểu thị đại viên mãn!

- Bánh xe là tướng “động”, trong “động” có “không động”.
Thử nghĩ: Còn thứ nào có thể hàm nghĩa cả hai tướng này chăng?

- Chỉ có bánh xe! Bánh xe là tròn, tâm vòng tròn bất động. Vành xe động, trung tâm không động. Cho nên, bánh xe đại biểu cho: “động” và “tĩnh” không hai; “động” và “tĩnh” là một. Ý nghĩa sâu hơn một tầng là tiêu biểu cho Tánh, Tướng không hai; “không” và “có” là một. Bạn xem! Vành bánh xe biểu thị “tướng có”; tâm bánh xe biểu thị “tướng không”, cũng đại biểu cho “tánh”. Tất cả những sự việc trên không biểu tượng nào có thể hiển thị được bằng “bánh xe”.

- Tâm viên ở đâu?

- Không tìm ra được! Hiện tại không có học thuyết nào có thể nói ra được rõ ràng, chỉ nói đó là “điểm”. “Điểm” là khái niệm trừu tượng không phải sự thật. Thế nhưng, điểm di động, đó chính là “tuyến”; “tuyến” di động chính là “diện”. “Tuyến” và “diện” chúng ta có thể quan sát được, “Điểm” không thể quan sát. Cho nên, không tìm ra tâm viên. Tâm là “không”, tướng là “có”.

- “Có” từ đâu mà ra?

- “Có” từ “không” mà ra! Cho nên, “có” vẫn là “không”; “có” không phải là thật có, mà là “huyền có”.

“*Chân không bất động, diệu hữu phi hữu*”: Bánh xe biểu trưng cho ý này. Ý này thật viên mãn! Đích thật mười phương ba đời tất cả chư Phật vì chúng sinh nói pháp cũng chính là nói rõ đại đạo

lý, chân tướng của vũ trụ nhân sinh này. Vòng tròn của bánh xe “pháp luân” biểu thị mười Pháp giới y chánh trang nghiêm. Trung tâm của “Pháp luân” đại biểu cho tự tánh, cho Pháp Thân lý thể, cũng chính là chân tâm bản tánh của chúng ta.

Bánh xe nhất định phải động! “động” là hoạt động. Nếu bánh xe không động thì biến thành phế vật, thành đồ vô dụng! Ngày nay khoa học phát triển, có được thành tựu huy hoàng đều nhờ bánh xe chuyển động. Bất cứ máy móc nào cũng không ngoài vòng tròn này. Hiện tại, bánh xe còn làm thành răng, bánh răng ngay trong bánh xe ăn khớp với nhau mới có thể sinh ra tác dụng chuyển động.

Phật giảng kinh nói pháp, dùng bánh xe pháp để biểu thị “*Pháp Luân thường chuyển*”, hàm nghĩa thúc đẩy công tác giáo dục Phật Đà, giáo dục xã hội. Có thể nói trong “Tám tướng thành đạo” bảy tướng kia đều vì cái tướng này, cho nên, tướng “*Chuyển Pháp Luân*” phải đặc biệt nói thật tường tận.

“*Thường dĩ Pháp âm, giác chư thế gian*” (Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian): Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Từ câu này trở đi cho đến trước câu “*u thử trung hạ, nhi hiện diệt độ*” đều nói về tướng “Chuyển Pháp Luân”. Chữ “Pháp âm” chỉ chung cho tất cả giáo pháp của Phật, chẳng giới hạn trong thanh âm, ngôn ngữ. Ấy bởi đức Thế Tôn thuyết pháp là vi trần thuyết, hoặc cõi nước thuyết, thuyết một cách mạnh mẽ, không gián đoạn; lúc nói là thuyết pháp mà lúc im lặng cũng là thuyết pháp; không riêng chỉ hữu tình thuyết mà vô tình cũng thuyết. Vì vậy, chẳng thể cho rằng “Pháp âm” chỉ hạn hẹp trong ngôn giáo của đức Thế Tôn. Chỗ này, Hòa Thượng Tịnh Không nêu ra câu hỏi và giải thích:

- Pháp âm của Phật là Pháp gì vậy?

- Phía sau nói “giác”, pháp này là “*Pháp giác*”, giúp tất cả chúng sinh “*phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*”. Tám chữ này chính là Tông chỉ, mục đích giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật.

- Khổ từ đâu mà có?

- Từ mê hoặc mà có! Mê rồi thì có khổ!

- Vui từ đâu mà có?

- Từ giác ngộ mà có! Giác ngộ thì liền vui! Cho nên, mê ngộ là nhân, khổ vui là quả. Phải từ trên nhân mà hạ thủ, trên quả thì không có cách gì!

“*Giác chư thế gian*”: Đại sư La Thập giảng chữ “thế gian” như sau: “Thế gian là tam giới”, tức là Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Thế Tôn sau khi nhận lời thỉnh cầu của chư thiên, suốt đời ngài diễn giảng đều vận dụng đủ các pháp: Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên để đánh thức tất cả chúng sinh trong tam giới, nên nói: “*Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Thế gian có ba loại: Hữu tình thế gian chủ, Khí thế gian chủ, Trí Chánh Giác thế gian chủ:

* *Hữu tình thế gian chủ*: Mọi người chúng ta đều thuộc về chúng sinh hữu tình.

* *Khí thế gian chủ*: Cũng là chúng sinh, nhưng mắt thịt phàm phu chúng ta không thể nhìn thấy. Trên kinh nói: Thần đất, thần núi, thần cây v.v... Đó là “*Khí thế gian chủ*”.

Đạo tràng chúng ta có thần hộ trì. Nhà ở của chúng ta, Kinh Địa Tạng nói, có thần trách bảo hộ, nhưng chúng ta không thể nhìn thấy. Nếu ta tạo ác nghiệp, những thiện thần này sẽ bỏ đi mất, thay vào đó là ác thần đến, chúng đến để xúi dục ta tạo nghiệp, muốn ta tương lai đọa vào địa ngục, chúng sẽ rất vui mừng. Trong qui thần:

Ác thần có rất nhiều, thiện thần rất ít. Đại khái thiện thần đều qui y tam bảo, đều là đệ tử của Phật, trong đó cũng có rất nhiều Bồ Tát thị hiện, không phải chân thật là quỷ thần.

* *Trí Chánh Giác thế gian chủ*: Chỉ cho những bậc chứng quả từ A-la-hán trở lên. Tông Thiên Thai gọi là Tạng giáo Phật; Phật của tông giáo đều thuộc về “Trí Chánh Giác thế gian chủ”.

Đối tượng Phật giảng kinh nói pháp đều bao gồm cả ba loại này nên gọi là “*chư thế gian*”, cũng chính là chúng sinh trong chín Pháp giới. “*Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*”; hai câu này là tổng tướng của “*Chuyển Pháp Luân*”, nói rõ Thế Tôn vì sao phải xuất thế? Vì sao Thế Tôn xây dựng Phật pháp ở thế gian này? Nhà Phật thường nói: “Nhu Lai gia nghiệp”, hai câu nói trên chính là “Nhu Lai gia nghiệp”, thường không có gián đoạn, đặc biệt hiển thị rất rõ ở trên hội Hoa Nghiêm gọi là: Trần thuyết, sát thuyết, vô gián đoạn thuyết.

Nên nhớ: Chữ “*Pháp âm*” chỉ có Phật mới có thể nói. Như Lai thân, khẩu, ý, ba thân đều không ngoài lợi ích tất cả chúng sinh nên gọi là “*Pháp âm*”. Kinh là dấu hiệu của ngôn ngữ; văn tự chỉ là phù hiệu, là ghi chép của ngôn ngữ, dùng phương pháp này để truyền được lâu dài. Cho nên, văn tự kinh điển cũng thuộc về phạm vi của “*Pháp âm*”. Ngày nay, chúng ta được tiếp thu kinh điển, nghe được Phật pháp khiến tư tưởng, kiến giải, quan niệm, hành vi của chúng ta có thể được chuyển biến, ấy đều nhờ vào tác dụng hiệu quả của “*Pháp âm*”.

“*Giác chư thế gian*”, cũng theo Hòa Thượng Tịnh Không, câu này trọng điểm ở chữ “*giác*”; khiến cho thế gian được phổ biến, bình đẳng giác ngộ, đây là mục đích cứu cánh của chư Phật Như Lai thị hiện ở đời. “Thế gian”: chữ “thế” là nói thời gian. Người Trung Quốc lấy ba mươi năm làm một đời. Bạn xem! Chữ “Thế” (世) này

là tam thập, ba mươi năm gọi là một đời; “gian” là không gian. Chữ “thế gian” có thể gọi là thế giới hay vũ trụ cũng cùng một nghĩa. Dùng lời hiện tại mà nói chính là “thời không”. “Thế” hay thời gian cùng “không gian” trong “thời không” đã bao hàm vô lượng, vô biên tất cả vạn sự vạn vật nên gọi là “chư thế gian”. “Thế gian” vô lượng vô biên, đức Phật vì phương tiện nói pháp để khai mở, đem nó phân thành ba loại lớn: Hữu tình thế gian, Khí thế gian và Trí Chánh Giác thế gian. Phật đối với ba loại thế gian này đều “thường dĩ Pháp âm”, giúp họ giác ngộ.

* *Khí thế gian* là nói thế giới của vật chất, các vật vô tình như cây cối, đất đá, cỏ hoa v.v... tức là quốc độ nơi tất cả chúng sinh sinh sống. Trong mười pháp giới, “chánh báo” là “hữu tình thế gian”; “y báo” là “khí thế gian”. Trên kinh cũng nói; trong mười pháp giới: Bốn pháp giới phía trên gọi là “Trí Chánh Giác thế gian” còn “Hữu tình thế gian” là chuyên chỉ chúng sinh sáu cõi. Cách nói này cũng được.

Nếu mở rộng hơn một chút, cũng có thể nói: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát là “Trí Chánh Giác thế gian”, đây là “Pháp giới Bốn thánh”. Trên kinh Đại Thừa, Phật nói: Sáu cõi là phàm phu; pháp giới Bốn thánh cũng là phàm phu. Sáu cõi gọi là “nội phàm”, “Pháp giới Bốn thánh” gọi là “ngoại phàm”. “Ngoại phàm” vẫn chưa được xem là Thánh nhân. Tiêu chuẩn Thánh nhân này cao!

Trong “Pháp Tướng Duy Thức” lấy “Đồng sanh” và “Dị Sanh” làm tiêu chuẩn để phân định: “Đồng sanh” là “Trí Chánh Giác”, “Dị sanh” là phàm phu.

- Thế nào gọi là “Đồng sanh”, “Dị sanh”?

- “Đồng sanh” là cùng với chư Phật Như Lai dùng đồng một chân tâm, tâm bạn và tâm chư Phật là như nhau. “Dị sanh” là tâm bạn cùng tâm chư Phật không như nhau.

- Vì sao không như nhau?

Chúng ta khởi tâm động niệm là dùng tám thức, năm mươi một tâm sở! Đó chính là “*Dị sanh tánh*”. Ngay đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát quyền giáo, Tạng giáo Phật, Thông giáo Phật cũng là “*Dị sanh tánh*” vì họ chưa kiến tánh vẫn còn dùng tám thức, năm mươi một tâm sở!

- Rốt cuộc ai là “*Đồng sanh tánh*”?

- “*Biệt giáo Sơ Địa*” trở lên; “*Viên giáo Sơ Trụ*” trở lên, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là “*Đồng sanh tánh*”, cùng “*chư Phật Như Lai*” dùng đồng một chân tâm, đây mới chân thật gọi là “*Chánh Giác*”, cũng gọi là “*Đẳng Chánh Giác*” hay “*Chánh Đẳng Chánh Giác*”.

“*Chánh Đẳng Chánh Giác*”, tuy siêu việt mười pháp giới, trụ “*nhất Chân Pháp giới*”, những Bồ Tát này trên kinh Hoa Nghiêm gọi là bốn mươi một vị Pháp Thân Đại Sĩ vẫn còn bốn mươi một giai bậc, họ vẫn chưa viên mãn, nên Phật vẫn còn phải giúp họ, vẫn thường dùng “*Pháp âm giác chư thế gian*”. Chữ “*Pháp âm*” này vi diệu không thể nghĩ bàn! Quyết không phải loại giảng kinh nói pháp như thông thường chúng ta. Do đây có thể biết: “*Pháp âm*”, hai chữ này rất quan trọng! Phải thể hội được ý nghĩa của nó: Chỉ cần là trùng trùng phương pháp, phương tiện khéo léo giúp tất cả chúng sinh giác ngộ, đều gọi là “*Pháp âm*”. Tương lai chúng ta sẽ đọc đến trên hội Kinh Hoa Nghiêm: Trời Quang Âm tương thông ý kiến với nhau, không cần dùng ngôn ngữ, vậy thử hỏi:

- Phật dùng phương pháp gì để tương thông ý kiến?

- Phóng quang! Vừa phóng quang, mọi người xem thấy liền giác ngộ. Đây thật là tiện lợi, không thể nghĩ bàn! Ngôn ngữ mệt chết người, tốn nhiều sức! Một bộ Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta khổ cực

chuyên cần giảng một ngày hai giờ đồng hồ, phải giảng trong năm năm. Riêng đối với Phật, chỉ cần phóng quang, vừa phóng quang chỉ một thoáng sát-na là giảng xong bộ Kinh Hoa Nghiêm. Thật vô cùng tuyệt diệu! Chân thật không thể nghĩ bàn!

Nên biết, từ trời Quang Âm trở đi đều không dùng ngôn ngữ. Phạm vi của ngôn ngữ, thật tế mà nói rất nhỏ hẹp, rất giới hạn: “Tù” không thể diễn đạt “ý”; “tù” cùng “ý” trái nhau. “Ý” là nói ý thức thứ sáu. Năng lực của ý thức thứ sáu vượt hơn nhiều so với ngôn ngữ. Thức thứ sáu bên ngoài có thể duyên đến A-lại-da thức. Thế nhưng, nó vẫn còn có giới hạn, không duyên được đến Chân Như bản tánh. Cho nên, nếu dùng tâm ý thức tu hành, cho dù rất đúng pháp, hoàn toàn chiếu theo kinh giáo của Phật, cuối cùng có thể làm đến được Tạng giáo Phật, Thông giáo Phật, nhưng vẫn chưa ra khỏi được mười pháp giới! Vì sao? Vì giới hạn của thức thứ sáu chỉ hạn cuộc trong mười pháp giới!

Nếu tường tận rồi, bạn có thể “chuyển thức thành trí”. Chuyển tám thức thành bốn trí, bạn đã siêu vượt mười pháp giới, liền vào “Pháp giới Nhất Chân”. Vào “Pháp giới Nhất Chân” thì “Đồng sanh tánh” với Phật. Nên biết: “*Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*” bao gồm mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai trong hư không pháp giới rộng độ khắp chúng sinh, tám chữ này đã biểu đạt được tất cả, đó là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc.

Chúng ta học Phật phải khéo nắm được tổng cương lĩnh. Câu này nói với chúng ta chính là tâm Bồ Đề viên mãn tròn đầy. Tâm Bồ Đề vô thượng chính là “Tứ Hoằng Thệ nguyện” viên mãn. Trong “Tứ Hoằng Thệ nguyện”, “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”, dùng phương pháp gì để độ chúng sinh? - “Pháp âm”! Phía sau là “đoạn phiền não”, “học pháp môn”, “thành Phật đạo”; hai chữ này đều bao

gồm cả. Đó là phần “tổng tướng”. Kế đến, phần “Biệt tướng” chính là áp dụng của “Tổng tướng”.

- Làm thế nào thực hiện trên sự tướng?

- Phật pháp Đại Thừa lấy bốn vị Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng làm căn bản, như xây một căn nhà phải có đủ bốn trụ cột, nếu thiếu một trụ thì không được. “Tứ đại danh sơn” ở Trung Quốc là bốn ngọn núi cao nổi tiếng, biểu trưng thị hiện của bốn vị Bồ Tát này.

- **“Phá phiền não thành, hoại chư dục tiem** (Phá thành phiền não, hoại các hào dục). Phiền não là tham, sân, si v.v... là phiền tâm, não thân nên gọi là phiền não. Hơn nữa, mười thứ: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ được gọi là mười phiền não. Tông Thiên Thai gọi ba thứ “Hoặc”: Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh là ba phiền não. “Thành” là thành trì. Phật diễn diệu pháp, phá tan thành lũy phiền não trong tâm tâm chúng sinh nên kinh nói. “Phá phiền não thành”. Đây là “Biệt tướng”, tuy nói “Biệt tướng” vẫn là nguyên tắc, cương lĩnh.

- “Chúng sinh vô biên thế nguyện độ”, phải bắt tay từ chỗ nào?

- Từ “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”, phải bắt tay ngay từ chỗ này! Phiền não không thể đoạn thì chính mình cũng không thể độ, làm sao độ được người khác! Muốn độ người khác, chính mình trước phải đoạn phiền não.

Phiền não vô lượng vô biên! Thế Tôn lúc giảng kinh thuyết pháp, ngài đem vô lượng vô biên phiền não qui nạp thành tám vạn bốn ngàn. Con số này không phải mơ hồ, tùy tiện mà nói, mà xác thật từng điều Phật đều nói rõ. Người thời nay thích đơn giản, sợ phiền phức mất thì giờ. Phật rất hiểu! Đem nó qui nạp một lần nữa thành

một trăm lẻ tám điều, đây là cương lĩnh. Một trăm lẻ tám loại này gọi là “Bách bát phiền não”. Xâu chuỗi niệm Phật của chúng ta có một trăm lẻ tám hạt hàm nghĩa: Phải niệm A Di Đà Phật, niệm “Giới-Định-Tuệ”, đoạn dứt một trăm lẻ tám cái phiền não.

Thế nhưng, một trăm lẻ tám vẫn xem là rườm rà, phiền phức, nên ngài Thiên Thân Bồ Tát làm bài “Bách pháp minh môn luận”, đem những phiền não này qui nạp một lần nữa thành hai mươi sáu loại. Cho nên, ngày nay nói đến phiền não, đều y theo phương cách của Thiên Thân Bồ Tát. Hai mươi sáu loại này gồm có: Sáu “Căn bản phiền não” và hai mươi cái “Tùy phiền não”. Sáu “căn bản phiền não” là: tham, sân si, mạn, nghi, ác kiến (ác kiến là tà tri tà kiến). Hai mươi “Tùy phiền não” là: Phẫn (giận), hận (tức tối), phú (che dấu tội lỗi), nã (bức rức), tật (ganh ghét), xan (bỏn xẻn), cuồng (lừa dối), xiểm (nịnh hót), hại (tổn hại), kiêu (kiêu căng), vô tầm (tự mình không biết hổ thẹn), vô quý (không biết xấu hổ với người), trạo cử (sự dao động trong tâm), hôn trầm (mờ ám, u trệ), bất tín (không có niềm tin), giải đãi (biếng nhác), phóng dật (buông lung), thất niệm (đăng trí, lãng, quên), tán loạn (rối loạn), bất chánh tri (hiểu biết sai lầm).

Hai mươi sáu loại này nếu qui nạp sẽ thành sáu loại “căn bản phiền não” như đã nêu trên. Cách nói này vẫn quá nhiều; Phật qui nạp thành ba loại là: “Tham-sân-si” tức “Phiền não tam độc”. Ba loại này nếu qui nạp thành một, chính là “tham”. Tất cả chúng sinh từ vô lượng kiếp đến nay lưu chuyển trong sáu đường sinh tử luân hồi không hề ngừng dứt, nguyên nhân căn bản chính là “tham”.

- Dùng phương pháp gì để đối trị phiền não “tham”?

- Phật dạy: Phải bỏ thí để đối trị phiền não “tham”.

- Bạn có từng nghĩ đến: Chúng ta trong đời này, sống với mục đích gì không? Quan hệ cả đời, sao bạn không nghĩ đến?! Ngay

trong đời bạn đến khắp nơi đụng chạm, đụng đến tét đầu chảy máu, sau cùng vẫn là mê hoặc điên đảo, để lỡ qua một đời, có đáng tiếc hay không?!

- Thời xưa, người xuất gia chí hướng rất rõ ràng, tường tận, minh bạch; mục đích của họ ở đâu?

- Ra khỏi ba cõi, vĩnh thoát sinh tử luân hồi! Rõ ràng chúng ta đang làm cái sự việc này!

- Người tại gia thì thế nào?

- Cổ Thánh tiên Hiền cũng dạy chúng ta phải lập chí, phải có phương hướng, mục tiêu. Chí mà không lập, mục tiêu chẳng có thì oan uổng cả cuộc đời! Cho dù chúng ta có nỗ lực, phấn đấu thế mấy, công phu cũng chỉ là trống không, chẳng có được thành tựu.

Lập chí trong thế pháp cùng phát nguyện trong Phật pháp là như nhau. Sau khi lập chí, nếu muốn chí nguyện mình thành tựu viên mãn, cần phải nỗ lực, phấn đấu cầu học. Cầu học, việc thứ nhất là phải “đoạn phiền não, dứt dục vọng”. Vì sao? Vì phiền não, dục vọng làm chướng ngại trí tuệ bạn không được khai mở, không thể kiến tánh! Nếu không có trí tuệ, cho dù học pháp môn nào; Đại sư Thanh Lương trong “Kinh Hoa Nghiêm Sớ Sao” nói rất hay: Cái bạn học được đều là tà tri tà kiến! Giả như không đoạn phiền não, học pháp môn mà vẫn có thể thành tựu thì người thành Phật, thành Tổ đã quá nhiều rồi! Yêu ma quỷ quái cũng đều thành Phật cả!

Phật pháp không gì hơn, chính là dạy bạn đoạn dứt hai loại chướng ngại: Một là “Phiền não chướng”, hai là “Sở tri chướng”. Chỉ cần đoạn dứt hai chướng ngại này, trí tuệ Bát nhã, đức năng đầy đủ trong tự tánh của bạn liền có thể hiện tiền.

Khi Đại Sư Liên Trì còn trẻ, tham phỏng Biển Dung lão Hòa Thượng, một cao tăng đương thời; Đại sư rất chân thành; như Đại Sư

Ấn Quang nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”, ngài là mười phần thành kính, ba bước một lạy, khăn thiết ai cầu, lạy đến lên chót núi, đến trước mặt lão Hòa Thượng, cầu Hòa Thượng khai thị. Lão Hòa Thượng nói những gì với ngài? - “Ông không nên bị danh vọng lừa dối!”

Rất nhiều người ở đó nghe được lời này, cho rằng lão Hòa Thượng nào có khai thị quý báu gì đâu, chỉ câu nói tầm thường như vậy! Họ cười ngài Liên Trì: ông chân thành đến như vậy! Lời nói của Hòa Thượng chỉ là lời nói thường ngày, không có chút chi mới mẽ, vẫn là một câu nói cũ rích! Họ nghe mấy trăm lần đều như gió thoảng qua tai, không có tác dụng! Đại Sư Liên Trì thì khác! Nghe câu nói này như sấm nổ bên tai, liền khởi tác dụng, ngài nói với mọi người: “Lão Hòa Thượng thật từ bi, không nói huyền, nói diệu với tôi, ngài khuyên tôi một lời thành thật”. Đại Sư liên Trì nói: Thành tựu cả đời ngài đều nhờ vào lời khai thị này! Viễn ly danh vọng lợi dưỡng, thành thật tu hành, ngài thật khởi được tác dụng!

- Người hiện tại có mấy ai thành thật?!

- Năm xưa nói lời này, đại khái có khoảng hai mươi năm trước, Pháp Sư Thanh Độ ở Nhật Bản, ông rất thân với tôi, cũng rất chịu giúp đỡ những pháp sư Đài Loan. Ở Nhật, ông tìm mấy học bổng Tiến Sĩ Phật học để tặng cho Đài Loan, tặng một phần cho Pháp Sư Ấn Thuận, còn có những ai tôi cũng không tưởng tượng; Ông cũng muốn tặng một phần cho tôi, nhưng tôi từ chối!

- Ham tước Tiến Sĩ đó là cái gì?

- Là thông lọng của ma vương buộc lấy bạn! Bạn rơi vào trong danh vọng lợi dưỡng rồi! Lấy được thạc tước Tiến Sĩ rồi, cống cao ngã mạn! Chúng ta rất rõ ràng, không lọt vào cái thông lọng này. Thông lọng này có thể buộc người khác, nhưng không buộc được tôi.

Chúng ta học Phật, không phải là mong cầu danh vọng lợi dưỡng thế gian, một chút tiêm nhiễm cũng không có. Chỉ cần có một chút tiêm nhiễm thì liền đọa lạc!

- Đọa lạc vào đâu?

- Vào sáu cõi luân hồi, ba đường ác!

- Lúc nào bạn có thể đoạn “tham-sân-si”?

- Lúc nào bạn được tâm thanh tịnh hiện tiền!

- Tu hành thế nào mới gọi là công phu?

- Thuận cảnh không khởi tham ái! Nghịch cảnh không khởi tâm sân hận! Trong tất cả cảnh duyên rõ ràng, tường tận, thông suốt thấu đáo. Dù thuận hay nghịch cảnh vẫn không động tâm, đó mới là thiên định. Trên Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*”.

“*Bất thủ u tướng*” là đối với cảnh giới bên ngoài: Thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt, thiện duyên cũng tốt, ác duyên cũng tốt, không động tâm, không chấp trước đó là công phu của bạn. Tu hành chính là phải tu việc này. Trong cảnh giới khởi tâm động niệm đó là phàm phu. Trong cảnh giới không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước thì nắm chắc phần.

- Phần gì vậy?

- Pháp hỉ! Chân thật hoan hỉ! Cho dù công phu chưa thành tựu, phước báo đời sau quyết không ở nhân gian mà ở cõi trời để hưởng phước. Thế nhưng, trong đây phải giác ngộ, nhất định phải cầu sinh Tịnh Độ! Vì sao?

- Cõi trời không phải là cứu cánh! Ngạ là vừa đến cõi trời đã bị mê rồi! Hưởng hết phước trời vẫn phải đọa lạc, luân hồi sinh

tử, rơi vào ba đường ác, đó chẳng phải là quá sai lầm ư?! Cho nên, dẫu là phước trời cũng không nên động tâm.

- Làm thế nào mới chân thật phá được phiền não?

- Có phước không nên hưởng, phước để mọi người hưởng! Việc này, Thế Tôn đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Thiên thượng nhân gian, phước báo có lớn, viên mãn đến đâu cũng không hơn được Phật. Phật là đáng “Nhị túc tôn”; Trí tuệ, phước đức của Phật đều viên mãn.

- Phật có hưởng hay không?

- Không có! Phật vẫn ba y một bát, vẫn nửa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngũ quả đêm, cả đời không thay đổi.

- Vì sao Phật phải làm vậy?

- Làm để chúng ta xem! Phước báo của Phật để cho tất cả chúng sinh hưởng, đặc biệt là gia trì tất cả chúng sinh khổ nạn, khiến tai nạn họ giảm nhẹ, thời gian chịu nạn của họ rút ngắn. Đây là Phật lực gia trì! Nên biết, nếu không có Phật lực từ bi gia trì, thế giới này ngày nay không biết phải gặp tai nạn khủng khiếp đến dường nào! Chúng ta không biết được, cũng không biết cảm kích! Mỗi ngày đọc tụng “Thượng báo tứ trọng ân” (trên đền bốn ân nặng), có miệng vô tâm! Rốt cuộc có cái ân gì cũng không tường tận, thật đáng hổ thẹn!

“*Phiền não thành*”, chữ “*thành*” biểu thị rất kiên cố, giống như thành trì.

- Phiền não, tập khí không dễ đoạn, có thể đoạn được hay không?

- Nhất định có thể đoạn được!

- Làm thế nào mới có thể đoạn được phiền não?

- Nếu gặp duyên thù thắng, rất có khả năng đoạn được!

- Duyên gì vậy?

- Ngày ngày nghiên cứu Đại Kinh, Đại luận! Mỗi giờ mỗi phút thường nhắc nhở chúng ta thì có khả năng đoạn trừ phiền não, tập khí. Một ngày không đọc kinh, tâm Bồ đề liền suy, phiền não liền thêm lớn! Ba ngày không đọc kinh, hoàn toàn thoái chuyển, liền quay lùi lại! Do đó, người phước duyên sâu, ngày ngày đọc kinh, ngày ngày niệm Phật, suốt năm không gián đoạn, tính cảnh giác của họ sẽ rất cao; mỗi giờ mỗi phút đều có thể nhớ ra được, dần dà phiền não chuyển biến thành Bồ Đề, chân thật là phá mê khai ngộ.

Hiện tại, chúng ta đọc kinh, niệm Phật quá ít; đem đọc kinh, niệm Phật xem thành buổi điếm tâm; “tham-sân-si-mạn” trở thành bữa cơm chính! Vậy làm sao có thể đoạn dứt được phiền não! Nhất định phải ghi nhớ: Người học Phật muốn vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, không đoạn trừ phiền não thì không được! Thật sự muốn dứt trừ phiền não, tâm bạn mười ác phải không còn, cũng không có “tà tư”. Đối với người, với việc, với vật phải một mănng chân thành, cung kính, từ bi; quyết không có mảy mai ý niệm chiếm tiện nghi, lợi ích của người khác, đó là “tà tư”.

Phải nên xả mình vì người. Người khác có chiếm đoạt tài vật, của cải của ta, cũng không nên sân giận, “Bồ thí Ba-la mật” cúng dường cho họ! Chúng ta quyết: miệng không nói lời ác, thân không tà hạnh, mỗi niệm quan tâm xã hội, quan tâm chúng sinh, thương yêu xã hội, thương yêu chúng sinh, toàn tâm toàn lực giúp xã hội, giúp tất cả chúng sinh. Giữ được cái tâm này nhất định được chư Phật hộ niệm; long thiên thiện thần bảo hộ, phiền não liền sẽ ít đi.

“*Hoại chư dục tiệm*”: “Tiệm” là con sông đê hộ thành (hộ thành hà). Thành thị này ngày nay không còn nữa. Hiện tại, Trung Quốc vẫn còn gìn giữ vài cái cở thành như tường thành ở Tây An vẫn còn. Bên ngoài bức tường thành là sông hộ thành, con sông này gọi

là “niệm” để phòng thủ thành trì. Ở đây, Phật chỉ dùng để tỉ dụ, đem phiền não ví cho “thành”, đem “dục vọng” ví cho “sông hộ thành”.

Chúng sinh thế gian này cứ mãi mê tham đắm ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù), lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Những thứ này phải viễn ly, phải xả bỏ, phải đạ hóa chúng. Người xưa nói: “*Không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậ*”, “niệm” là phiền não, vọng tưởng; “giác” là câu A Di Đà Phật. Khi tham tâm vừa khởi, lập tức câu A Di Đà Phật, đem tâm tham dụ xuống. “Sân khuê” vừa trôi, niệm A Di Đà Phật, cơn giận không sinh. Ý niệm thứ nhất là phiền não, ý niệm thứ hai là A Di Đà Phật, đem vọng tưởng, phiền não xưa tan hết, đây gọi là thật sự biết dụng công.

Đoạn dục vọng, nhu cầu đời sống đơn giản, càng hạ thấp đến mức tối đa thì đối với thân tâm càng khỏe mạnh, không ưu tư, không gánh nặng, không phiền phức, tâm bạn liền được đại tự tại. Người thế gian mê hoặc điên đảo, nghĩ hết cách phải thành gia lập nghiệp.

- Lập nghiệp là nghiệp gì?

- Là nghiệp chướng! Là trói buộc! Là chướng ngại bạn mình tâm kiến tánh; chướng ngại bạn thoát ly sinh tử ra khỏi ba cõi!

- Phải học người thông minh, phải biết những thứ này không phải là việc tốt, phải quyết xả bỏ tất cả những chướng ngại mới có thể được đại tự tại.

Nói đến đây, tôi bỗng nhớ có đồng tu đến nói với tôi: Có số người nghe tôi giảng kinh nói pháp, họ bèn đem nhà và gia nghiệp thả đều buông bỏ hết để đến học Phật. Sự nghiệp vừa buông, không làm việc, không thu thập, qua vài ngày đời sống trở thành có vấn đề! Cả nhà đều kêu khổ; thân thích bạn bè xem thấy cho rằng người học Phật này bị ma ám, mê muội mất rồi! Sau khi nghe qua, tôi cảm thấy họ đã hiểu sai ý của tôi nói, không phải tôi dạy như vậy!

Trên kinh nói “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, thực tế là không dễ dàng! Ý nghĩa lời tôi nói, bạn đã hiểu sai, bạn còn có thể hiểu được ý của Như Lai sao?!- Trong kinh Phật dạy chúng ta buông bỏ là buông bỏ phiền não, buông bỏ dục vọng, không phải bảo bạn buông bỏ công việc. Bạn xem lại đi! Bất cứ kinh nào trong kinh luận Đại thừa hay Tiểu thừa, chỗ nào Phật bảo bạn buông bỏ cả công việc?! Nếu nói Phật dạy phải buông bỏ tất cả công việc, thì việc giảng kinh thuyết pháp của Phật cũng phải buông bỏ, như thế thì thế gian sẽ không còn Phật pháp!

Nên biết: Công việc không hề chướng ngại. Trên Kinh Hoa Nghiêm nói: “Lý sự vô ngại; sự sự vô ngại”. “Ngại” là gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tương đồng với chỗ này nói phiền não, dục vọng. Các thứ này là chướng ngại trên tâm lý phải buông bỏ, trên sự không có chướng ngại, không những Phật không dạy bạn đem công việc buông bỏ mà còn dạy bạn phải chăm chỉ làm việc, nỗ lực hơn người.

Phải biết “tham-sân-si-mạn”, năm dục, sáu trần hại chúng ta đến nỗi đời đời kiếp kiếp không ngừng đầu được! Không thể nói, chúng ta không có thiện căn; nếu không có thiện căn, hôm nay bạn đâu thể ngồi đây đến hai tiếng đồng hồ để nghe kinh. Bạn có thể ngồi được hai giờ đồng hồ, biểu thị bạn có thiện căn, Phật duyên của bạn rất sâu. - Quá khứ, đời đời kiếp kiếp bạn thân cận chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát, Tổ Sư, Đại Đức; vì sao bạn vẫn đọa lạc vào sáu cõi sinh tử luân hồi? Chính vì phiền não bạn chưa đoạn, dục vọng bạn chưa đem nó xả hết! Cho nên, phải thường hay suy nghĩ đến việc này.

Phải hiểu mọi thứ đều giả, không thật có, quyết không có một pháp nào có được. Trong Tâm kinh nói: “*Vô trí diệc vô đắc*”, “*vô đắc*” mới là thật. Đừng nghĩ: Cái này là của tôi, cái kia cũng của

tôi v.v... vậy thì hỏng hết! Đó là tạo “tam ác đạo”. Càng nghĩ càng đáng sợ! Càng nghĩ càng thấy vấn đề này nghiêm trọng! Ngay trong đời này, chúng ta gặp được Phật pháp, được cơ duyên thù thắng thuận lợi, có thể được vãng sinh hay không? Phải xem sức nhẫn nại chịu đựng và công phu của bạn ra sao ? Có đem được phiền não, dục vọng hạ xuống đến mức thấp nhất hay không? Nếu có thể xả bỏ, có thể hạ thấp thì đời này bạn chắc chắn được thành tựu. Nếu đời này vẫn để tập khí sai sử, vẫn y như đời trước không chịu buông bỏ, vậy thì chỉ kết được thiện duyên với A Di Đà Phật mà không thể đi được! Thành thật mà nói: Bạn lại uổng qua một đời này! Xem có đáng tiếc hay không?

“Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch” (Rửa sạch cấu ô, hiển bày đức thanh tịnh): “Tẩy trạc” là rửa sạch; “cấu” là phiền não, là “phiền não chướng”. “Ô” là vô minh, là “Sở tri chướng”, chúng ta phải tẩy rửa cho tinh sạch.

Theo Thiền tông, “*Tẩy trạc cấu ô*” là “*hồi thoát căn, trần*” (thoát khỏi “căn” và “trần”). “Căn” là sáu căn: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. “Trần” là sáu trần; là cảnh giới bên ngoài: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thoát khỏi “căn” và “trần” tức là đối với trần cảnh bên ngoài không nhiễm, mà đối với “căn” cũng không dùng nữa. Trên Kinh Lăng Nghiêm, ngài Giao Quang nói: “Bỏ thức, dùng căn”, “dùng căn” là dùng cái “tánh” trong “căn”, tức là “căn tánh”. Đây mới là cao minh, cùng với chư Phật, Bồ Tát giống nhau. Dùng “tánh thấy” để thấy, không dùng “nhãn thức” (mắt thấy) để thấy; dùng “tánh nghe” để nghe, không dùng “nhĩ thức” (tai nghe) để nghe v.v... “Thức” là phân biệt thì ô nhiễm. “Tánh” là quang minh. Dùng “căn tánh” của sáu căn chính là dùng chân tâm.

Nói dễ nhưng làm rất khó! Phàm phu chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, không biết cách dùng, suốt ngày chỉ dùng sáu thức.

Dùng sáu thức cũng có thể vãng sinh, đây là ưu thế của “Pháp môn Tịnh Độ”, là “Đới nghiệp vãng sinh”. Nếu dùng “căn tánh” (tánh trong căn) thì chẳng phải là “đới nghiệp” nữa.

Theo Tịnh Tông: “Đô nhiếp lục căn” (cùng nhiếp sáu căn), chính là “Tỷ trạc cấu ô “. Hai câu “*Tỷ trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch*”; dùng lời của Đại Thế Chí Bồ Tát mà nói, tức là “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*”.

- Làm thế nào để gom nhiếp sáu căn?

- “Nhiếp” là thu nhiếp, gom lại. Tâm phàm phu thường nương theo sáu căn mà duyên theo sáu trần: Mắt duyên sắc, tai duyên tiếng v.v... Phải gom nhiếp cái tâm này lại, đó chính là công phu.

- Xã hội hiện tại rất phức tạp, như trên Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Tà Sư nói pháp như cát sông Hằng!*” Phật không nói quá đáng!

- Cái gì là “tà sư”?

- Phàm cái gì mê hoặc bạn đều là “tà sư”!

- Cái gì đang dạy bạn?

- Truyền hình đang dạy bạn! Ca vũ, bạo động, sắc tình đang dạy bạn! Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài đều đang dạy bạn!

- Dạy bạn cái gì?

- Dạy bạn tạo mười ác nghiệp! Dạy bạn tăng trưởng “tham-sân-si-mạn” v.v..., mục đích là kéo bạn vào A Tỳ địa ngục. Bồ Tát Địa Tạng ở đó khổ cực lắm mới khuyên dạy được bạn, kéo bạn từ địa ngục ra. Chưa được mấy ngày, ma vương bên ngoài lại tiếp tục mê hoặc bạn! Khiến bạn vừa ra khỏi lại lập tức trở vào! “Chúng sinh Diêm Phù Đề càng cường, nan hóa”, rất khó độ là như vậy!

Phải hiểu được “gom nhiếp sáu căn”, không rơi vào thòng lọng của yêu ma, quỷ quái. Người chân thật tu hành không nên xem

truyền hình. Truyền hình vào thời đại hiện nay là đồng hiệu với ma vương, qua lại với nó, phiền não sẽ rất lớn! Chúng ta phải cảnh giác cao độ.

Hiện nay, trẻ em từ nhỏ đã kết giao mật thiết với nó rồi, một ngày cũng không rời khỏi! Hiện tại chỉ là ma vương, tương lai e rằng thay thế ma vương còn hung hãn, tàn ác hơn nữa như đường truyền internet, không cách chi phòng bị! Nội dung trong đó quá tà, quá ác! Chúng ta nghĩ đến chỗ này không sao khỏi động tâm! Vốn dĩ là một công cụ tốt lại bị ma vương lợi dụng! Là đệ tử tốt của Phật, chúng ta phải phát tâm vận dụng công cụ này để tuyên dương chánh pháp. Thế gian, người có thiện căn vẫn không ít, nếu có được một sự so sánh, họ sẽ giác ngộ quay đầu.

Lần trước, tôi đến Hồng Kông giảng kinh, lão Pháp Sư Giác Quang gọi điện cho tôi. Chúng tôi ít gặp nhau; ông nói với tôi, ông vừa từ Hoa Kỳ trở lại. Ở Hoa Kỳ, ông có hai đạo tràng ở Seattle. Mỗi năm ông đều phải đi đi, về về hai lần; mỗi lần ở mười mấy ngày. Lần này ở Seattle, ông có nghe tôi giảng kinh. Tôi rất kỳ lạ! Tôi ở đây làm sao lại có thể giảng kinh ở Seattle? Thì ra đó là trong truyền hình!

Hiện tại, ở Hoa Kỳ, mỗi ngày chúng ta được một giờ đồng hồ phát sóng băng đĩa giảng. Ông xem thấy rất là hoan hỉ, gọi điện nói với tôi. Ông nói:

Trước đây trong truyền hình cũng có một số tà sư nói pháp mê hoặc người, nhưng sau khi phát tiết mục này của tôi, những tiết mục đó liền rất ít, người xem cũng rất ít, dần dà cũng không còn nữa. Ông đem tin tức này nói với tôi, mời tôi ăn cơm. Cho nên, chúng ta phải cố gắng vận dụng công cụ khoa học kỹ thuật, đem chánh pháp thuần thiện của Phật truyền bá khắp thế giới. Ngạn ngữ có câu: “Không sợ không biết hàng, chỉ sợ hàng đụng hàng”. Chúng ta dùng

đồ thật, đồ tốt để làm ra một sự so sánh, vẫn còn một số người có thiện căn, họ biết chọn lựa, đó là việc tốt.

- Hiện nay kiếp nạn, tai biến xảy ra khắp nơi! Có thể hóa giải được hay không?

- Trên lý luận khẳng định là có!

- Kiếp nạn do đâu mà hình thành?

- Do chúng sinh tạo ác nghiệp mà chiêu cảm! Chúng ta nói lời này, có rất nhiều người không tin! Họ không thể tiếp nhận! Đức Phật thường nói: Mười Pháp giới y chánh trong nghiêm, do “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Lại nói “Tất cả pháp từ tâm tướng sinh”, chính là sự việc này!

Người chân thật học Phật, cầu vãng sinh Tịnh Độ, quyết không xao lãng, từng giờ từng phút luôn kiểm soát tâm niệm mình, quyết “*tẩy sạch cấu ô*”, vứt phăng phiền não, dục vọng. Tâm địa có thanh tịnh thì “*hiển minh thanh bạch*”, tự đắc tâm khai, kiến tánh thành Phật; ngay trong đời này, phải lấy đây làm mục tiêu tu học.

“**Điều chúng sinh, tuyên diệu lý**”: Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Điều” là điều hòa, “chúng sinh” là hết thảy hữu tình, “tuyên” là chỉ bày, “diệu lý” là lý thể của Thật tướng, cũng chính là “Phật tri kiến” của Kinh Pháp Hoa. “Khai Phật tri kiến” và “Thị Phật tri kiến” là “tuyên diệu lý” khiến cho hết thảy hữu tình “Ngộ Phật tri kiến” và “Nhập Phật tri kiến”, đây là “điều chúng sinh”. Cũng chính là khiến họ “khế nhập Trung Đạo”. Pháp môn Tịnh Độ là “tri kiến Phật”; “Trì Danh Niệm Phật” là “khế nhập Trung Đạo”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Điều” là điều ngự, điều lý, điều hòa, điều thuận. “Chúng sinh” là vọng tưởng tạp niệm, phiền não rất nhiều. Phật, Bồ Tát vì chúng sinh thiện xảo phương tiện “tuyên diệu lý” để hiển bày chân tướng của vũ trụ nhân sinh mà Kinh

Pháp Hoa gọi là “Khai, Thi, Ngộ, Nhập”. “Ngộ, Nhập” là việc của chúng ta, của học trò. Phật là thầy, là đấng Đạo Sư của chúng ta, Phật chỉ có “Khai, Thi”.

Chữ “điều” trong “*điều chúng sinh*” vô cùng quan trọng, đây là chữ then chốt. Về mặt sinh lý, nếu thân không điều hòa tức là “bốn Đại” không “hòa”; bạn liền có đau bệnh. Về mặt tâm lý nếu như không “hòa”, bạn liền có ưu tư, phiền não. Cho nên, nguyên tắc giáo học của Phật là giúp chúng sinh hiểu biết làm thế nào để có thể điều tâm, điều thân.

Tiêu chuẩn của “điều” là “pháp tắc tự nhiên”. Nếu có thể thuận theo “pháp tắc tự nhiên” thân tâm liền khỏe mạnh. “Pháp tắc tự nhiên” trong kinh Phật gọi là “Pháp tánh” hay “Phật tánh”. Tương ứng với “Thể tánh” đó gọi là “điều thuận”. Nếu trái với “Thể tánh” thì phiền phức liền đến. Tất cả chúng sinh mê mất đi tự tánh, tư tưởng kiến giải hoàn toàn trái với pháp tắc tự nhiên, cho nên chiêu cảm đến tất cả khổ nạn, đến tất cả những việc không vừa ý. Đạo lý chính ngay chỗ này.

Chúng ta học Phật, quan trọng nhất là phải tu tâm thanh tịnh. Trên đề Kinh Vô Lượng Thọ đã đem nguyên tắc tu học nói với chúng ta: “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”.

Ba nguyên tắc này chúng ta phải thể hiện cho được ngay trong hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất. Mỗi ngày sáu căn tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài, ý niệm vừa khởi, cho dù niệm thiện hay niệm ác đều là ô nhiễm; ý niệm vừa khởi, lập tức đề khởi câu A Di Đà Phật đem ý niệm này lắng xuống. Tịnh Tông dùng phương pháp này hóa giải tất cả các vọng niệm qui về câu A Di Đà Phật.

- A Di Đà Phật là gì?

- Là đức hiệu trong tự tánh của chúng ta, là “chân như bản tánh”. Nói cách khác, “chân như bản tánh” chính là A Di Đà Phật. “A Di Đà Phật” là Phạn ngữ, dịch thành ý nghĩa Trung văn là “Vô Lượng Giác”. Tất cả đều qui về “Vô Lượng Giác”. Chân thật mà nói: Câu Phật hiệu này bạn phải biết niệm. Cái biết niệm này chính là đem tất cả ý niệm của bạn chuyển biến thành A Di Đà Phật. Trong tâm ngoài câu A Di Đà Phật ra, không có bất cứ một tạp niệm nào, tâm bạn mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là “nhất tâm bất loạn”, là “Niệm Phật tam-muội”. “*Tam-muội*” là tiếng Phạn, ý nghĩa là “Chánh thọ”, là hưởng thụ bình thường. Ngày nay, chúng ta hưởng thụ không bình thường. Hưởng thụ bình thường là “vô niệm”; “niệm mà không niệm”; “không niệm mà niệm”, đó là hưởng thụ bình thường, cũng chính là “điều tâm”. Tông chỉ giáo hóa của Phật cũng nhằm mục đích này, chính là “*Điều chúng sinh, tuyên diệu lý*”.

“*Trữ công đức, thị phước điền*”: “Trữ công đức” chính là tích công bồi đức.

- Làm thế nào trữ được công đức?

- Chữ “trữ” này rất quan trọng! “Trữ” là tồn trữ, lưu kho, tích chứa. Trong nhà Phật có câu: “*Lửa thiêu rừng công đức*”, công đức rất khó lưu giữ, chỉ một đóm lửa nhỏ cũng đủ thiêu rụi cả rừng công đức! Người hiện tại nói “công đức” chỉ trên đầu môi, hữu danh vô thực! Trong tâm có niệm không vui thì công đức hết rồi! Phải biết: Thế gian yêu ma, quỷ quái rất nhiều, chúng sợ bạn tích công bồi đức nên thị hiện ra vô số cảnh giới, vô số nhân duyên hầu phá hoại công đức của bạn! Thế nhưng, bản thân chúng không có năng lực phá hoại bạn; bất cứ người nào cũng không cách gì phá hoại được công đức của bạn, chỉ có bạn chính mình khởi lên một niệm sân là tự hủy diệt đi công đức của mình. Cho nên, chúng ta nhất định phải đề cao cảnh giác: Tất cả thuận cảnh không sinh tâm hoan hỷ; tất cả nghịch cảnh

không sinh tâm sân hận, công đức của bạn mới có thể giữ được; con người này chân thật là có trí tuệ.

Phía trước, “hàng ma”, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cho chúng ta xem “*Dĩ Định Tuệ lực, hàng phục ma oán*”; nếu không có Định-Tuệ, công đức của bạn không thể giữ được, đó là đạo lý nhất định! “*Tâm tùy cảnh chuyển*” là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi, tương lai chịu quả báo luân hồi. Lúc chưa học Phật, sáu căn tiếp xúc với sáu trần dễ bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển: Xem thấy việc ưa thích, khởi tâm hoan hỉ; xem thấy việc không ưa thích, khởi tâm ghét bỏ. Vậy thì sai rồi! Sai thì phải sửa lại, đó là tu hành.

Cho nên, tu hành không phải chỉ mỗi ngày tụng kinh niệm Phật, lạy Phật; đó chỉ là hình thức tu hành! “Tu hành” phải chân thật có chỗ hữu dụng, có thể thực tiễn ngay trong đời sống mới thật là có công phu. Công phu nhất định phải trải qua được sự khảo nghiệm; giao lưu với mọi người, chúng ta cũng phải có đôi chút biểu lộ. Đến được cảnh giới này, nếu sắc diện ta lúc nào cũng như tượng thần điêu khắc, người như vậy, trong xã hội này cũng có thể hù chết người!

Cho nên, tiếp xúc với tất cả chúng sinh, biểu lộ cũng có hi, nộ, ái, lạc v.v...nhưng chỉ là hình thức, trong tâm chân thật là thanh tịnh vô nhiễm, như Vĩnh Gia nói: “Phân biệt diệc phi ý”. Tùng li từng tí đích thực là không có ô nhiễm, chân thật là có Định, có Tuệ, đây gọi là có công phu, cũng chính là “*công đức*”.

“*Thị phước điền*”: “Thị” là chỉ thị; chỉ thị ra những gì là phước điền. Cơ duyên tu phước thật quá nhiều, quá rộng. Trong nhà Phật đem vô lượng **phước điền** qui nạp thành ba loại lớn: *Bi điền*, *Án điền* và *Đức điền*.

1. Bi Điền

Bi điền là từ bi, lân mẫn cứu giúp tất cả chúng sinh bản cùng khổ nạn.

- Ai là chúng sinh bản cùng khổ nạn?

- Chúng sinh trong mười pháp giới đều là bản cùng khổ nạn! Chớ nên cho rằng chỉ những người đói rách, thiếu ăn, thiếu mặc mới là bản cùng. Người hiện tại, cho dù họ có phước báo nhà cửa sang trọng, vật chất đủ đầy nhưng đời sống tinh thần của họ rất khổ sở, rất thiếu thốn, đây cũng gọi là người bản cùng.

Cho nên, phạm vi nghèo cùng có rất nhiều: Nghèo cùng trên vật chất, nghèo cùng trên tinh thần, nghèo cùng trên đạo nghiệp, nghèo cùng trên trí tuệ v.v..., phạm vi nghèo cùng thật quá rộng. Ngày nay, chúng ta nói: Năng lực kỹ thuật của quốc gia này kém xa không thể so sánh với quốc gia khác, đây cũng là nghèo cùng, cũng là lạc hậu. Bồ Tát thấy được cội căn của sự nghèo cùng, mà khởi tâm đại bi thương xót, cứu giúp họ vượt khỏi cơn bản cùng, khổ nạn; đây là trồng phước điền cũng gọi là “*Bi điền*”.

2. Ân Điền

Ân điền là báo đáp công ân cha mẹ và sư trưởng, bậc thầy của chúng ta. Thân này có được là nhờ ở cha mẹ; trí tuệ trong nhà Phật gọi là “Pháp thân tuệ mạng” có được là nhờ ở nơi thầy. Ân đức của thầy cùng ân đức của cha mẹ không hề khác nhau. Người hiện tại không có “hiếu đạo”, cho nên “Sư đạo” cũng không có! “Sư đạo” là xây dựng trên nền tảng của “hiếu đạo”. Phật pháp là “Sư đạo”. Chúng ta gọi Thích ca mâu ni Phật là đức “Bổn sư”. “Bổn sư” chính là thầy giáo căn bản, người sáng lập ra “giáo dục Phật Đà” đầu tiên. Mỗi niệm chúng ta không quên ân đức của ngài. Nơi giảng đường, chúng ta muốn cúng dường ngài, cúng dường tôn tượng đức Bổn sư,

không gì hơn; chúng ta phải nỗ lực làm công tác giảng dạy, cùng với các đồng tu gắng công học tập kinh điển, cũng như đối trước mặt Phật chúng ta biểu đạt tấm lòng thành kính, đó cũng là báo ân Phật, cũng chính là “trồng phước điền”.

Ngoài cha mẹ, thầy giáo ra; chư Phật, Bồ Tát, Tổ sư, Đại đức, tất cả thiện tri thức cũng đều có “*Ân điền*” đối với chúng ta. Lại mở rộng hơn; quốc gia có ân đức bảo hộ hoàn cảnh, đời sống chúng ta được an ninh; tất cả chúng sinh cũng có ân đức hỗ trợ đời sống thường ngày cho chúng ta. Đây chính là trong “kệ hồi hương” chúng ta thường đọc: “Trên đền bốn ân nặng”, đó là “*Ân điền*”.

3. Đức Điền

Phần này chuyên chỉ cho Tam Bảo, các bậc đắc đạo như: A la hán, Bồ Tát, Phật là “Đức điền”. *Tam Bảo* có đại trí tuệ, đại đức, đại năng giáo hóa chúng sinh; chúng ta cúng dường các ngài là gieo trồng phước điền.

Hiện tại ở Đại Lục, mọi người xem thấy trên báo chí, nạn nước rất nghiêm trọng! Năm xưa, mỗi lần có nạn nước, chúng ta luôn tận tâm tận lực quyên góp tiền bạc giúp đỡ những cư dân khu vực tai nạn. Năm nay, khu vực tai nạn mở rộng, đồng thời lại bị ảnh hưởng kinh tế, khiến chúng ta xem thấy, chân thật là không biết phải làm thế nào?!

- Tai nạn có phương pháp gì hóa giải chẳng?
- Khẳng định là có! Trị gốc là phải giáo hóa chúng sinh.
- Làm thế nào giáo hóa chúng sinh?
- Khuyên lon, dạy bảo họ: “Diệt trừ tham-sân-si”; “cần tu Giới-Định-Tuệ”!
- Việc này có lợi ích, liên quan gì đến thực tế chứ?!

- Người thế gian không tường tận! Rất nhiều tai biến có quan hệ rất mật thiết với tâm con người. Trên kinh Phật thường nói: “y báo tùy theo chánh báo chuyển”.

Nạn nước là từ tâm “tham” biến hiện ra. Tâm “tham” con người mỗi ngày một lớn thì nạn nước mỗi ngày cũng sẽ càng nhiều! Nạn lửa là từ tâm sân hận; địa chấn là từ tâm bất bình; tâm ngu si là nạn gió bão. Ngày nay, nói những lời này, người thông thường đều không tin tưởng! Họ nói: Không có chứng cứ khoa học, không thể tiếp nhận! Khoa học ngày nay, thực tế mà nói, còn rất non nớt, vẫn chưa đạt đến cảnh giới này!

Ngoài phương pháp giáo hóa chúng sinh, “phương pháp trị phần nổi” cũng có. Tài nguyên, sức người của Trung Quốc là hàng đầu thế giới. Người đông, sức lao động nhiều, nhưng không hề được tận dụng tốt, khiến những tiềm năng, sức lực này lãng phí thật vô cùng đáng tiếc! Cho nên, trên “công tác trị phần nổi”, mỗi năm chúng ta có nạn nước; nạn nước phải nên xếp ở hàng đầu. Phải học “Đại vũ trị thủy”, phải hiểu rõ địa hình, vị thế của đất cao thấp; phải dẫn đạo dòng nước từ phương hướng nào để có thể dẫn nước vào trong biển cả.

Ngày nay, dùng công cụ khoa học hiện đại, tiến bộ hơn rất nhiều so với ngày trước, có thể khai mương dẫn nước, mở rộng ao hồ. Trong lịch sử ghi chép “*Động Đình hồ*” trước đây là tám trăm dặm, nghe nói hiện tại chưa đến ba trăm dặm. Nên biết: Công dụng của hồ lớn chính là để chứa nước khi nước lụt tràn đến. Cho nên, dọc theo sông dài; hồ lớn, hồ bạt nhất định phải nhiều. Hồ bạt của thiên nhiên chúng ta nhất định phải giữ gìn, phải dùng máy móc hiện đại có thể vét được đáy hồ sâu hơn, rộng hơn, tạo sức chứa của nó được nhiều hơn. Đồng thời, bên cạnh khu vực sông có thể tạo nhân công giữ đê, giảm thiểu nạn nước. Đây là những việc có thể làm được.

Công trình thủy lợi vô cùng quan trọng. Phần kiến thiết cơ bản của quốc gia đó là: Đường giao thông, đường sắt, đường quốc lộ.

- Hoa Kỳ vì sao duy trì được cường thịnh như thế?

- Họ xây dựng cơ sở quá tốt! Thế nhưng, công trình thủy lợi của Hoa Kỳ vẫn có chỗ chưa đủ. Thủy lợi là công trình lớn, bình thường khi khô hạn, tưới tiêu ruộng vườn, không chướng ngại nhà nông thu hoạch nông sản; đến khi nước lớn thì có thể chứa nước, không đến nỗi tạo thành nạn lụt. Đây đều là sức người có thể làm được, vì sao không làm?!

Cơ bản hiện tại là công trình phát điện. Có thể nói, phát điện cũng có liên quan với công trình thủy lợi. Hiện nay trên thế giới có rất nhiều nơi lợi dụng thủy lợi để phát điện; Trung Quốc có sông dài, hồ lớn, vì sao không làm?! Phải từ nơi bề nổi mà làm, chỉ mất khoảng từ năm đến mười năm thì Trung Quốc vĩnh viễn sẽ không có nạn lụt. Đó là đại công đức, đại bố thí. Nền tảng này được xây dựng kiên cố thì toàn quốc đều phát triển, không chỉ ở khu vực duyên hải, ngay đến trong đất liền thảy đều có thể phát triển. Do đây có thể biết, chúng ta phải nghĩ đến vì chúng sinh mà tạo phước.

Trở về với đại chúng hiện tiền, đối với bốn câu kinh: “*Điều chúng sinh, tuyên diệu lý, trừ công đức, thị phước điền*”, phải thực tiễn ngay trong đời sống hiện tại của chúng ta. Cư Sĩ Lâm, đạo tràng này là một đạo tràng rất trang nghiêm đúng pháp. Đó là mọi người đều công nhận, không phải riêng tôi tùy tiện nói. Chúng ta phát tâm đến đây để nghe kinh, để niệm Phật, cũng chính là thực tiễn bốn câu kinh văn này. Nếu bạn muốn hỏi:

- Chúng ta đến đây nghe kinh hai giờ đồng hồ, niệm Phật vài tiếng đồng hồ, so với “*Điều chúng sinh, tuyên diệu lý*” có liên quan gì?

- Giảng đường của Cư Sĩ Lâm hiện tại là mỗi ngày giảng kinh hai giờ đồng hồ. Chúng ta phát tâm duy trì giờ giảng kinh mãi mãi không gián đoạn, đó là “*tuyên diệu lý*”. Chúng ta đến nghe kinh là làm “chúng ảnh hưởng” đến mọi người, khiến người sơ học Phật, người chưa học Phật dần dần nghe được, thấy được chỗ tốt của việc học Phật, tự nhiên họ liền đến. Nếu thấy ở nhà niệm Phật cũng được, cần chi phải đến “Niệm Phật Đường”, thì nơi đây giảng kinh trống vắng, thưa thớt, chỉ vài ba người đến, khiến người sơ học vừa nhìn thấy quang cảnh như vậy, tự nhiên tín tâm của họ sẽ không có! Họ có thể nghĩ: Chắc pháp sư này giảng không hay họ sẽ không đến!

Cho nên, đến nghe kinh, bạn chính là *Bồ Tát*, là “chúng ảnh hưởng”, là gieo trồng phước. Cho dù ở nhà nghe kinh rất thuận tiện, đường truyền “internet” có thể liên thông, phát sóng trực tiếp, chỉ cần nhà bạn có vi tính thì có thể nghe. Nhưng, ở nhà nghe chỉ có tự lợi, không thể lợi tha, không gây được sức ảnh hưởng cho người khác. Bạn đến đây nghe kinh là được lợi cả hai bên.

Tóm lại, phải trồng phước điền, phải làm “chúng ảnh hưởng”. Sức ảnh hưởng lớn hay nhỏ không cần biết, nhất định là có ảnh hưởng. Bạn làm “chúng ảnh hưởng” cũng chính là trang nghiêm đạo tràng. Cho nên, đạo tràng này, “Niệm Phật Đường” này có rất nhiều Bồ Tát đang niệm Phật, có Phật đang niệm, có thiên long quỷ thần đang niệm Phật. Có thể thấy được: Tu công đức, tu phước đức không nhất định phải tốn tiền, chỉ cần bạn có thời gian đến đây chính là trồng phước rồi. Thậm chí bạn đến đây dùng một bữa cơm cũng là trồng phước, cũng vì đạo tràng này tuyên dương Phật pháp.

- Bạn đến nơi nào, không cần tốn tiền mà có thể dùng cơm?

- Chỉ Cư Sĩ Lâm, thế giới đệ nhất gia!

Nơi đây mỗi ngày cúng dường ba bữa cơm miễn phí.

Tương lai còn có thôn Di Đà, đến ở cũng không phải tốn tiền, chỉ cần bạn tha thiết thành tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Nơi đây là đạo tràng thành tựu cho người vãng sinh bất thoái thành Phật. Bạn ở nơi đây tu phước thì đặc biệt dễ dàng, chi tiền ra không cần nhiều: một đồng, hai đồng v.v... đều có công đức hi hữu, trồng được phước điền chân thật, không phải giả.

Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ (Dùng các pháp dược, cứu chữa ba khổ): Chư Phật độ sanh là theo bệnh mà cho thuốc. Thuốc ví cho Diệu pháp của Như Lai; bệnh ví cho chúng sinh tật khổ. “*Tam khổ*” là: Khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

* *Khổ khổ*: Là rất nhiều sự khổ xảy đến dồn dập không ngừng.

* *Hoại khổ*: Là đối với tất cả sắc tướng, nó luôn luôn biến hoại mà gây ra sự khổ.

* *Hành khổ*: “*Hành*” là dời chuyển, các pháp đều vô thường, dời chuyển trong từng Sát-na nên sinh khổ não. Theo *Gia Tường Sơ*: “*Sự khổ trong tam Hữu* (tức là sinh tử trong ba cõi) gọi là *tam khổ*”.

Sách Bình Giải cho rằng lời giải thích của Sư Gia Tường là thỏa đáng vì trừ diệt cái khổ sinh tử trong ba cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới) cũng chính là nói cái khổ trong lục đạo luân hồi, rất phù hợp với Tông chỉ của Tịnh tông.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Phật nói với chúng ta trong dục giới có đủ ba loại khổ: Khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Trời sắc giới không có “khổ khổ”, vì họ không chế được dục nên gọi là “thiếu dục tri túc”. Họ có trí tuệ, có sức định, có thể đem tham ái hưởng thụ trong năm dục, sáu trần xả bỏ, do vậy mà họ không có “khổ khổ”. Người trời Sắc giới là “hóa sanh” nên họ không có “sinh, lão, bệnh,

tử” khổ. Cõi Dục giới là: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh đều có. Thai sanh, noãn sanh và thấp sanh chiếm đại đa số.

Người thế gian không rời năm dục: *Tài, sắc, danh, thực, thù* (Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ). Chúng ta xả tài còn có thể được; đối với sắc tình nam nữ cũng có thể xả được; đối với danh cũng có thể không cần. Tuy nhiên, không ăn, không ngủ thì không thể được!

Nên biết, người trời Sắc giới họ có Thiên định rất sâu, nên lúc nào họ cũng tỉnh táo, không cần phải ngủ nghỉ. Hiểu được đạo lý này, chúng ta nên tận khả năng hạ thấp lòng tham dục xuống. Người có sức định càng sâu, họ biết được thân thể này là một việc phiền phức. Người trời Sắc giới cũng có thân thể. Tuy không có “khổ khổ” nhưng họ vẫn có “hoại khổ”. Hoàn cảnh, lậu các, cung điện và ngay chính thân họ cũng có ngày hủy diệt, cho nên họ có “hoại khổ”.

Người thông minh biết được “hoại khổ” có từ nơi thân, vì hữu hình thì hữu hoại, có sắc uớng thì có “hoại khổ”, cho nên họ tiến thêm một mức nữa là không cần sắc thân, tiến vào “Vô Sắc giới”. Trời “Vô Sắc giới” là tầng trời cao nhất trong các tầng trời. Họ không có “khổ khổ” cũng không có “hoại khổ”, nhưng họ vẫn có “hành khổ”. Cảnh giới của họ tuy tốt, nhưng không thể vĩnh viễn gìn giữ! Đến một lúc, họ hoàn toàn bất lực, phải hướng xuống đọa lạc, đây là “hành khổ”.

Do vậy, mà trên Kinh Pháp Hoa, Phật nói với chúng ta: “*Tam giới vô an, do như hỏa trạch*”, hình dung ba cõi như nhà lửa, bên trong đã bị cháy, không còn có chỗ nơi an toàn! Nên biết: Trong sáu cõi chỉ có khổ không có vui. Cái vui mà bạn cảm thấy, đó là cái khổ tạm thời dừng lại, kỳ thật đó là cái thấy sai lầm của bạn!

Trong Phật pháp Đại thừa, thông thường lấy Bồ Tát Văn Thù đại biểu cho trí tuệ “học rộng nghe nhiều”. Trí tuệ mà Bồ Tát Đại

Thế Chí đại biểu là “một môn thâm nhập”. Trí tuệ của Bồ Tát Văn Thù phải là bậc thượng căn lợi trí mới có thể học, người hạ hạ căn thì không được. Trí tuệ của Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu trùm cả ba căn, ngu khôn đều thâm, người hạ hạ căn cũng có thể học. “*Một môn thâm nhập*”, đích thật là dễ dàng, tiện lợi. Một môn thông thì tất cả môn khác đều thông. Thành tựu của họ cũng không khác với Bồ Tát Văn Thù, chỉ có thủ pháp thì không giống.

Đại sư Ấn Quang biết thế gian này sẽ có tai nạn.

- Dùng phương pháp gì để cứu?

- Nếu dùng Phật pháp thì không được! Vì mọi người không tin, cho rằng Phật pháp là mê tín! Hơn nữa, văn tự trong kinh rất khó hiểu, người thông thường không dễ gì tiếp thu được! Nếu dùng đạo lý của nhà Nho để cứu văn thế gian này cũng không còn kịp! Nhà Nho gọi “*mười năm trồng cây, trăm năm trồng người*”. Nho, Phật tuy tốt nhưng không có cách gì cứu kịp! Cho nên, Đại sư ngài chọn lấy “*Thái thượng cảm ứng thiên*”, “*Liễu phàm tứ huấn*”, “*An sĩ toàn thư*”. Dùng ba loại sách này để cứu văn xã hội hiện tại, rất là có đạo lý!

- Ba loại sách này, nguyên lý của nó là gì?

- Nguyên lý chính của nó là nhân quả! Trong kiếp nạn sắp đến, mọi người không tin Phật, không tin Nho, không tin Thánh hiền, tùy tiện làm càn, chỉ duy nhất còn có thể bảo họ nghe lọt vào tai là nhân quả báo ứng, đó là chân tướng sự thật! Cho nên, Đại sư cả đời cực lực đề xướng nhân quả. Ngài chọn ba quyển sách trên cũng là “pháp dược” giúp mọi người vượt qua ải quan trước mắt.

Ngày nay, toàn thế giới tai biến xảy đến khắp nơi, muốn tiêu diệt nó cũng không phải dễ dàng. Muốn nó chậm lại giảm nhẹ đi một chút, hoặc lùi về sau một chút, thành thật mà nói, vẫn còn có thể làm

được. Chuyển biến này tùy thuộc ở tâm con người: Con người phải giác ngộ, phải hồi đầu, phải đoạn ác tu thiện, phải chân thật xả kỷ vị tha, gạt bỏ lợi ích cá nhân mà quan tâm đến lợi ích của xã hội đại chúng. Sau đó, giảm nhẹ “tham, sân, si, mạn” của chính mình, chú trọng đến luân lý đạo đức, kiếp nạn này mới có thể kéo chậm lại hoặc giảm nhẹ.

Trong cuộc sống thường ngày phải nuôi dưỡng thiện tâm, thiện nguyện của chính mình. Trong tâm nhất định không có mười ác: Sát, đạo, dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ý ngữ, ác khẩu, tham, sân, si. Ý niệm chí thiện chính là một câu Phật hiệu. Ngoài câu Phật hiệu ra, ý niệm gì cũng đều xả bỏ. Mục tiêu, phương hướng đời sống của chúng ta phải rất chính xác, rất kiên định, quyết cầu sinh Tịnh Độ, vãng sinh bất thoái thành Phật. Chúng ta đi con đường này, con đường mà tất cả chư Phật đã đi, làm sao có thể sai lầm chứ! Tai không nghe lời ác, thị phi. Miệng không nói lời ác. Khi tiếp xúc qua lại với người, ít nói lời thừa, nên khuyên người niệm Phật. Việc thế gian không nghe, không hiểu thì bạn đã rời khỏi cái thế gian này rồi! Việc thế gian càng hiểu, phiền não càng thêm lớn! Còn ưa thích tò mò chuyện thế gian, chính là bạn vẫn chưa muốn rời khỏi khổ não của luân hồi! Phải hạ quyết tâm không làm những việc này!

Thân không tà hạnh, tốt nhất nên lợi dụng lúc cơ thể khỏe mạnh lay Phật càng nhiều, công đức lay Phật rất lớn, hiệu quả lay Phật rất thù thắng. Nếu mỗi ngày bạn có thể lay một trăm lay, vĩnh viễn không gián đoạn, thân thể bạn nhất định khỏe mạnh, sống lâu không hề bệnh tật. Dùng tâm thanh tịnh, tâm cung kính lay Phật; lay Phật dứt khoát không hề có vọng tưởng xen tạp, cảm ứng tương thông sẽ tự nhiên đến với bạn. Có cầu ắt có ứng, vì sao chúng ta không làm?!

“Thăng quán đánh giai, thọ Bồ Đề Kỳ, vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê”: “Thăng quán đánh giai” (Lên địa vị quán đánh – câu này trích từ bản Đường dịch). Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Giai” là địa vị. “Quán đánh” là ở Ấn Độ vào thời cổ, khi quốc vương lên ngôi, lấy nước bốn biển rưới lên đánh đầu vua. Mật giáo cũng giống như thế, có pháp Quán Đánh. “Quán” có nghĩa là rưới, xối, dội. Quán Đánh nghĩa đen là tưới lên đỉnh đầu.

Mật giáo đặt nặng vấn đề truyền thừa: Chưa qua Quán Đánh chẳng được tự tiện tu tập; các nghi quỹ, kinh điển cũng chẳng được tự tiện đọc.

Ngoài ra Quán Đánh còn phân biệt giữa sơ vị và hậu vị, như quyển thứ mười lăm Đại Nhật Kinh Sớ giảng: *“Ví như dòng Sát-lợi trong thế gian muốn kế tục ngôi vị để dòng vua chẳng dứt, phải quán đánh cho đích tử: Lấy nước bốn biển đựng vào bốn cái bình báu... gội lên đầu Thái Tử. Gội nước ấy xong, lớn tiếng xưng ba lần: ‘Mọi người nên biết: Thái tử đã nhận lãnh địa vị xong. Từ nay trở đi, với tất cả mệnh lệnh của ngài đều phải phụng hành’. Nay đáng Như Lai Pháp Vương cũng giống như vậy, muốn cho dòng Phật chẳng đoạn, nên dùng cam lộ pháp thủy rưới lên đánh Phật tử... Từ đây trở đi, hết thầy thánh chúng đều phải kính ngưỡng, cũng phải biết rằng người này rốt ráo chẳng thoái thất vô thượng Bồ Đề, quyết định kế tục địa vị Pháp Vương của Như Lai”.*

Cách giải thích trong đoạn số văn trên đây là xét theo hành nhân thuộc “Sơ Vị”. Còn với hạng “Hậu Vị” thì như Sách Bí Mật Kỳ giảng: *“Bồ Tát từ Sơ Địa đến Đẳng Giác lúc gần đạt quả Phật cứu cánh, chư Phật dùng nước đại bi quán đánh, tự hạnh liền viên mãn, chứng đắc Phật quả là nghĩa của chữ Đánh”.* Nay kinh này chép “Thăng Quán Đánh giai” (Lên địa vị Quán Đánh), nếu xét về các bậc

Đại sĩ trong hội thì là Hậu Vị, còn về phía chúng sinh được dạy dỗ thì người được Quán Đảnh là Sơ Vị.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đoạn kinh văn trên rất giống khẩu khí của Mật Tông. Đích thật là Mật pháp! Đoạn này cũng nằm trong phần “Chuyển pháp luân”. Trong phần “Chuyển pháp luân” có thể nói: Hiền, Mật, Tông, Giáo đều nói đến cả. Văn tự không nhiều nhưng giảng rất viên mãn, khiến chúng ta xem đến thật sự là sinh tâm hoan hỷ, thật sự tin bộ kinh này là cô đọng của tất cả kinh điển, pháp môn này là tổng cương lĩnh của tất cả pháp môn “*nhất tu, nhất thiết tu*”, đích thật là đại viên mãn giáo. “*Quán Đảnh*” là nghi thức của Mật Tông thọ ký. Thế nhưng “Mật Tông Quán Đảnh” phân ra rất nhiều giai đoạn.

Khi tôi ban đầu học Phật, thọ “Tam qui” là nhờ Đại sư Chương Gia truyền thụ, cũng nhận qua “nghi thức Quán Đảnh”, đó chỉ là hình thức mà thôi. Rốt cuộc ý nghĩa chân thật của “Quán Đảnh”, chúng ta không hiểu. Đại sư cũng không giảng tường tận. Phần nghi thức cũng tuyệt nhiên không có giải thích rõ ràng. Đồng thời, người nhận qui y có đến mấy trăm người, thời gian lại quá thúc bách. Cũng may, tôi được thân cận với Đại sư rất nhiều thời gian. Lúc thân cận có những nghi vấn gì thì thỉnh giáo với Đại sư. Nhờ sự khai đạo của ngài, tôi hiểu được “nghi thức Quán Đảnh” quan trọng nhất là phải hiểu rõ nội dung của nó.

Trong Mật Tông Ký Sao của Đại Tạng Kinh có giải thích tỉ mỉ về “*Quán Đảnh*”. “*Quán*” là đại bi hộ niệm, ngày nay chúng ta gọi là hộ trì, gia trì, Đại từ bi gia trì, Đại từ bi hộ niệm, Đại từ bi bảo hộ, đều có thể nói được thông. “*Đảnh*” là cao nhất. Đầu là bộ phận cao nhất trong thân thể con người. “*Đảnh*” đại biểu cho tất cả pháp môn, là pháp môn cao nhất. Pháp môn thù thắng nhất là “*Đảnh pháp*”. “*Đảnh pháp*” là đỉnh điểm chí cao vô thượng. Do đây có thể biết

“*Quán Đảnh*” là Phật dùng đại từ đại bi đem “Đảnh pháp” viên mãn nhất, thù thắng nhất truyền thụ cho bạn; không phải chỉ dùng một ít nước, rải vài giọt lên đầu bạn mà gọi là “*Quán Đảnh*”; “*Quán Đảnh*” như vậy không ích gì, đó chỉ là hình thức biểu pháp!

Cũng thế, tu học pháp môn Tịnh Độ, nhất định được tất cả chư Phật hộ niệm gia trì, khiến bạn khế nhập “Đảnh pháp”, quả vị cứu cánh Như Lai, đó mới gọi là “*Quán Đảnh*”. Do vậy có thể biết “*Quán Đảnh*” trên hình thức chính là trong Hiền giáo gọi là “Qui y” trên hình thức, “Thọ giới” trên hình thức, đều không đủ để tin cậy! Phật pháp phải nói đến thực chất, phải nói đến chân thật chịu làm. Chỗ này nói “*Quán đảnh giai*”, thực tế mà nói đó chính là chỉ bản kinh này.

- Sao biết được bản kinh này là “Đảnh pháp”?

- Lão cư sĩ Mai Quang Hy, phía trước bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ, có một thiên lời tựa rất hay, rất dài. Trong lời tựa, ông đã vận dụng ghi chép của Đại đức xưa vào thời Tùy, Đường, thời đại hoàng kim của Phật pháp, cũng là thời đại hưng thịnh nhất của Phật pháp. Vào thời này, Đại Thừa, Tiểu Thừa, mười tông phái của Phật giáo gần như đồng thời xuất hiện. Nước ngoài có một số người xuất gia ưu tú đến Trung Quốc du học, trong đó có thành tựu đặc biệt như Nhật Bản, Hàn Quốc. Lúc đó Hàn Quốc chưa thống nhất, gọi là Tam Hàn, phân ra ba quốc gia. Phía Nam Việt Nam cũng có rất nhiều cao tăng, đại đức đến Trung Quốc để du học.

Những đại đức này đã từng nghiên cứu thảo luận rất tỉ mỉ: Đức Phật năm xưa ở đời giảng kinh hơn ba trăm hội, nói pháp suốt bốn mươi chín năm. Những gì Phật giảng dạy đều được ghi chép trong tất cả kinh điển. Vậy bộ kinh nào có thể biểu trưng, gồm thấu tất cả Phật pháp? Họ gần như đều khẳng định, công nhận “Đại

Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh” là “Pháp luân căn bản”; nếu dùng thí dụ để nói, tất cả kinh đều là quyển thuộc của Hoa Nghiêm.

Phật pháp như một cây đại thọ, Hoa Nghiêm là gốc của thân cây lớn. Những điều Thế Tôn giảng dạy trong suốt bốn mươi chín năm, không ngoài cành lá trên thân cây đó; cành lá không rời khỏi cội gốc. Cho nên, gọi Hoa Nghiêm là “Pháp luân căn bản”. Nói cách khác, Hoa Nghiêm chính là “Đảnh pháp”. Lại tỉ mỉ tìm hiểu “Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”:

- *Kinh Hoa Nghiêm* đến sau cùng, làm thế nào mới có thể viên mãn thành tựu, đạt đến “*Đảnh pháp*” chân thật?

- Pháp sau cùng đó chính là Bồ Tát Phổ Hiền, mười đại nguyện vương cầu sinh Cực Lạc, vậy mới có thể đạt đến “*Đảnh pháp*”! Thế là họ đi đến kết luận: Khẳng định Kinh Vô Lượng Thọ là “*Đảnh pháp*”. Vì sao? Kinh Vô Lượng Thọ là rút gọn, là tinh yếu của Kinh Hoa Nghiêm. Cho nên, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa trên thực tế là dẫn đạo chúng ta quay về Tịnh Độ; trong đó: “*Hoa Nghiêm*” là phần “*tựa*”, Kinh Vô Lượng Thọ là phần “*Chánh Tông*”, Kinh A Di Đà là phần “*lưu thông*”.

Vì vậy, trước thời nhà Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh mới nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là quyển trung của Hoa Nghiêm; Kinh A Di Đà là tiểu bản của Kinh Hoa Nghiêm, ba bộ kinh này kỳ thật là một bộ*”. Bành Tế Thanh có thể nói ra lời này, thật không đơn giản! Nếu ông không vào được cảnh giới này, làm sao có thể nói ra câu ấy! Chân thật là người tái sinh mới nói ra được lời này! Chúng ta liền khẳng định: Kinh Vô Lượng Thọ là “*Đảnh pháp*”. Cũng có thể nói: Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà, cả ba kinh này đều là “*Đảnh pháp*”.

Nguyên bản dịch của Bốn Kinh này rất nhiều. Kinh Phật từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, số lần phiên dịch nhiều nhất chính là

Kinh Vô Lượng Thọ mà hiện tại trong Đại Tạng Kinh còn lưu lại năm loại nguyên bản dịch. Ngoài ra còn bảy loại nguyên bản dịch bị thất truyền. Năm loại nguyên bản dịch này các Tổ sư, đại đức ngày trước đã tỉ mỉ nghiên cứu, phát hiện văn tự bản dịch vào ra rất nhiều. Rõ ràng nhất là “Nguyện văn”: Bản dịch nhà Hán có hai mươi bốn nguyện. Đến thời Nam Bắc triều, chúng ta xem thấy bản dịch của Khang Tăng Khải là bốn mươi tám nguyện. Lại xem bản dịch của triều nhà Tống có ba mươi sáu nguyện. Sự khác biệt này quá lớn. Nếu nguyên bản là bốn mươi tám nguyện thì không thể nào biến thành hai mươi bốn nguyện; cũng không thể nào biến thành ba mươi sáu nguyện.

Cho nên, đại đức xưa tiên đoán: Nhất định trước đây là họ căn cứ vào nguyên bản dịch không giống nhau; liền nghĩ ngay đến Thế Tôn năm xưa đã dốc hết sức, nhiều lần tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ, giới thiệu Di Đà Tịnh Độ, khẳng định không chỉ một lần mà giảng qua ít nhất cũng phải ba lần; không như các kinh khác, đức Phật cả đời chỉ giảng một lần, không giảng đến lần thứ hai. Nếu bảy nguyên bản dịch kia không bị thất lạc, số lần Phật giảng kinh này có thể còn nhiều hơn.

Do nhiều lần tuyên giảng, nên trong mỗi quyển có nhiều, ít không đồng, mới cần có bản hội tập. Bản hội tập rất cần thiết mang lại cho sơ học chúng ta nhiều thuận tiện. Bản hội tập sớm nhất là của cư sĩ Vương Long Thư. Hội tập lần thứ hai của cư sĩ Ngụy Mặc Tâm; lão cư sĩ Hạ Liên Cư là hội tập lần thứ ba. Càng về sau thì hội tập càng thù thắng hơn.

Trên đây chúng ta đã nhận biết được cái gì là “Đảnh pháp”. Sau khi nhận biết được “Đảnh pháp”, chúng ta liền đem kinh này đọc qua một lượt từ đầu đến cuối, đó chẳng phải là mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai “*Quán Đảnh*” cho chúng ta một lần hay sao?

Đó là chân thật “*Quán Đảnh*”, không phải “*Quán Đảnh*” giả, còn thù thắng hơn nhiều so với thượng sư rải nước “*Quán Đảnh*”.

Chúng ta phải tường tận: Đọc qua một lần là tiếp nhận một lần “*Quán Đảnh*” của chư Phật Như Lai; đọc hai lần là tiếp nhận “*Quán Đảnh*” hai lần. Một ngày đọc ba lần thì một ngày bạn được chư Phật Như Lai “*Quán Đảnh*” ba lần. Phước báo này của bạn còn có ai sánh được? Nếu nói Kinh Vô Lượng Thọ quá dài, thì niệm Kinh A Di Đà cũng được. Bạn tụng một lần, chư Phật “*Quán Đảnh*” cho bạn một lần. Mỗi ngày bạn tụng mười biến thì Phật “*Quán Đảnh*” cho bạn mười lần. Bạn còn có thể không khai ngộ sao?

Cho nên, “*thăng quán đảnh giai*”, thực tế mà nói chính là thọ trì một bộ kinh này. Y theo phương pháp lý luận của bộ kinh này mà tu học liền đưa bạn lên đến “*Quán Đảnh giai*”. Nếu xả bỏ pháp môn Tịnh Độ, cái “*Quán Đảnh giai*” đó là “khả vọng” mà “bất khả cập”, chúng ta nghe rồi chỉ ngưỡng vọng mà thôi! Vì mấy ai có thể chỉ trong một đời mà có thể thành tựu, là việc không thể nào!

Ngày nay, thật may mắn gặp được Pháp môn Tịnh Độ, ngay trong đời này liền có thể “*thăng Quán đảnh giai*”. Đạo tràng của chúng ta có thể nói là một đạo tràng thù thắng nhất trong hiện tại. Đây không phải chính mình đang khoa trương, chính mình đang tán thán, không phải vậy! Chúng ta suốt năm giảng Đệ Nhất Kinh Tịnh Độ không gián đoạn. Các đạo tràng khác trên thế giới không có. Nếu có, cũng không phải giảng mỗi ngày, giảng suốt năm không gián đoạn. Không chỉ là “giải môn”, chúng ta còn đặc biệt chú trọng “hành môn”.

Đại sư Thanh Lương nói với chúng ta: “Tín-Giải-Hành-Chứng”. Bốn chữ này chúng ta đều xem trọng và làm được; chúng ta làm là “giải hành tương ưng”. Đạo tràng như vậy, ở thế gian này có lẽ cũng có nhưng tôi chưa thấy, cũng chưa nghe nói qua. Ngày nay,

chính mắt chúng ta thấy được là đạo tràng này. Sau đó mới biết được phước báo của chúng sinh khu vực này lớn biết dường nào! Thật không thể nghĩ bàn! Đạo tràng này nhất định được chư Phật hộ niệm, được long thiên thiện thần bảo hộ.

Phải nhận biết rõ ràng, “*Đánh pháp*” của chư Phật Như Lai là “*Pháp môn Tịnh Độ*”. Không riêng chỉ đức Phật Thích Ca hoàng truyền Pháp môn chí cao vô thượng này, mà mười phương tất cả chư Phật Như Lai cũng đồng truyền thọ “*Đánh pháp*” này. Làm sao biết được? Trong bốn kinh, Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi Vương*”. Nên biết: Tán thán của Thích Ca Mâu Ni Phật là đại biểu tán thán của mười phương tất cả chư Phật.

Chúng ta phải là đệ tử Di Đà chân chính, không nên làm đệ tử giả hiệu, mạo nhận đệ tử Di Đà, vấn đề đó liền nghiêm trọng! Nếu mạo nhận đệ tử Di Đà, thân hộ pháp sẽ không tha thứ bạn!

- Đệ tử chân thật của Di Đà phải làm thế nào?

- Mỗi ngày phải nhận “*Quán đánh*” của A Di Đà Phật, mỗi ngày phải đọc kinh; đọc kinh chính là “*Quán đánh*”, ngày ngày phải đọc câu Phật hiệu. Nếu có thời gian, tôi khuyên các đồng tu nên đến Niệm Phật Đường này niệm Phật.

- Vì sao vậy? Ở nhà niệm Phật không phải như nhau sao?

Xin nói với bạn: Ở nhà niệm Phật cùng đến “*Niệm Phật Đường*” niệm Phật, hoàn toàn không như nhau! Ở nhà, bạn không có chư Phật đang ở đó niệm Phật. Ở Niệm Phật Đường này có Phật đang ở đây niệm Phật. Bạn đến đây, nhờ môi trường, sức ảnh hưởng của Phật, Bồ Tát làm sao như nhau được! Từ trường nơi đây là thế gian đệ nhất! Thù thắng đệ nhất! Nơi đây đích thật là không khí của Chánh pháp Như Lai, có đến đây niệm Phật, đích thân bạn mới cảm nhận

được. Bước vào Niệm Phật Đường này chính là “*thăng Quán Đảnh giai*” thì “*thọ Bồ Đề ký*”, cũng chính là “*thọ ký thành Phật*”. Thế nên, đến giảng đường này, đến Niệm Phật Đường này, nhất định bạn sẽ vãng sinh bất thoái thành Phật. Đạo tràng này là đạo tràng thành tựu chư Phật Như Lai, ắt được chư Như Lai gia trì.

“*Vị giáo Bồ Tát, tác A xà Lê*” (Vì dạy Bồ Tát mà làm A Xà Lê). Theo chú giải của cụ Hoàng: A Xà Lê (Acarya) dịch là Giáo Thọ, cũng dịch là Quỹ Phạm Sư, là bậc khuôn phép về chánh hạnh, là tiếng tôn xưng bậc mô phạm cho chúng tăng, thường dùng để chỉ bậc dạy dỗ pháp lành. Trong kinh này, nếu nói theo ý câu “*thăng Quán Đảnh giai*” (lên địa vị Quán Đảnh) thì A Xà Lê là bậc A Xà Lê chỉ dạy chân ngôn, cũng gọi là “*Kim Cang A Xà Lê*” do vị này kế tục địa vị tổ sư Kim Cang Tát Đỏa. A Xà Lê là tiếng tôn xưng bậc truyền pháp *Quán Đảnh*.

Theo giải thích của Hòa Thượng Tịnh Không: “*Giáo*” là giáo dục, mô hình, kiểu dáng thị hiện giáo hóa chúng sinh.

- Kiểu dáng này là gì?

- Làm “A Xà Lê”! Chính là tổng đề mục mà hiện tại chúng ta giảng kinh, chúng ta đã làm rồi nhưng chưa treo lên, tương lai sẽ treo hai bên đôi liễn: “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”.

“A Xà Lê” là tiếng Ấn Độ, chính là bậc thầy mô phạm, mẫu mực cho đại chúng xã hội nên gọi là “A Xà Lê”. “A Xà Lê” dịch là Quỹ Phạm Sư. “Quỹ” là quỹ đạo. Câu “*vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê*” tương đồng với ý nghĩa trên kinh Phật thường dạy: “*thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói*”. “Thọ trì” là tiếp nhận, khế nhập cảnh giới mà Phật đã dạy, mới có thể được thọ dụng chân thật, kể đến là “*đọc tụng*”. Như trên đã nói, đọc tụng một biến, chính là nhận được “*Quán Đảnh*” của chư Phật Như Lai một lần, đó là tự lợi. Đọc tụng tốt nhất

phải đọc ra tiếng. Công đức đọc ra tiếng lớn hơn nhiều so với đọc không ra tiếng.

- Do đâu mà đọc ra tiếng có công đức?

- Do đọc cho người khác nghe! Để người chưa tiếp xúc Phật pháp nghe được bạn đang đọc kinh.

Đọc kinh phải đọc từng chữ rõ ràng, cường điệu âm thanh vui tai, khiến người nghe sinh tâm hoan hỷ, nghe được rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo. Sau khi họ nghe rồi có thể giác ngộ. Có số đồng tu tâm tính nóng vội, đọc kinh rất nhanh. Nghe nói: Một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, chỉ nửa giờ đồng hồ họ đã đọc xong; ti mi lắng nghe, một chữ cũng không nghe được rõ ràng! Cách đọc tụng này chỉ có thể tự lợi mà không thể lợi tha. Tự lợi là nhắc nhở chính mình không quên giáo huấn của Phật.

Nếu nói: Chung quanh bạn không có ai; không có ai mà có quý thần, có chúng sinh mà mắt thịt bạn không thể nhìn thấy. Đó là chúng sinh vô hình, nhiều hơn rất nhiều so với chúng sinh hữu hình. Bạn đọc kinh cho họ nghe, họ nghe rồi sẽ có được thọ dụng. Quý thần học Phật thì quý thần hộ pháp, thiên hạ liền thái bình. Nên biết: Động loạn của xã hội là phát xuất từ quý thần loạn trước. Khi quý thần loạn rồi, chúng ta muốn xã hội an định là việc vô cùng khó! Muốn xã hội an định, phương pháp tốt nhất chính là đọc kinh. Cho nên, trong đọc tụng, ý nghĩa quan trọng nhất là phải độ những chúng sinh vô hình này, làm “tăng thượng duyên” nghe pháp cho họ. Có thể thấy được “đọc tụng” là đối với chúng sinh vô hình, “diễn nói” mới là đối với chúng sinh hữu tình.

- Đối với người thì phải thế nào?

- Phải biểu diễn! Biểu diễn là y giáo phụng hành, phải đem tất cả những giáo huấn trong Phật kinh, thực tiễn ngay trong cuộc

sống thường ngày. Những gì Phật dạy chúng ta phải làm, chúng ta nhất định nỗ lực, chăm chỉ làm; những gì không được làm, chúng ta quyết không vi phạm.

Trong “hành môn”, cương lĩnh quan trọng nhất có ba câu: *“Thiện hộ khẩu nghiệp bất nghị tha quá. Thiện hộ thân nghiệp bất thất luật nghi. Thiện hộ ý nghiệp thanh tịnh vô nhiễm”* (Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi người khác. Khéo giữ gìn thân nghiệp chẳng mất luật nghi. Khéo giữ gìn ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm). Trong đó, khẩu nghiệp là dễ dàng phạm phải nhất! Trong Kinh Địa Tạng, chúng ta thấy: Địa ngục cắt lưỡi, địa ngục cày lưỡi đều là quả báo do nghiệp nhân của khẩu nghiệp mà ra. Cho nên, người chân thật tu hành, tương lai ở Niệm Phật Đường, thân tâm thế giới tất cả ý niệm đều buông bỏ, chỉ có một niệm A Di Đà Phật thì bạn nhất định thành công, vậy mới là chân thật *“khéo giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người”*.

Hiện tại có một loại người, không chỉ riêng mình khởi vọng tưởng, còn phái người đi nghe ngóng người khác! Cái vọng tưởng này sẽ càng lớn, càng sai lầm! Bạn học Phật như vậy đến sau cùng cũng đọa vào A Tỳ địa ngục. Trên đề kinh hiển thị ba cương lĩnh lớn để chúng ta tu hành: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Mỗi ngày nếu biết quá nhiều sự việc, tâm bạn làm sao có thể được thanh tịnh!

Người xưa dạy: Biết nhiều thì phiền não nhiều, đó là giữ tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi, hơn nữa tạo ra địa ngục ba đường, rất đáng sợ! Chúng ta giác ngộ chính là phải ngay từ chỗ này mà tỉnh ngộ. Việc người khác không liên quan gì đến ta, nghe ngóng họ để làm gì?! Thiên tông Lục Tổ Huệ Năng nói rất hay: *“Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá”* (Nếu là người chân chánh tu hành, không thấy lỗi thế gian). Không phải thế gian không có lỗi làm, chỉ

riêng quan tâm chính mình còn không kịp, lấy đâu có thời gian mà đi quản người khác!

- Vậy thì phải dùng cách gì để xem người khác?

- Dùng cách nhìn của Phật để xem người khác! Cái chiêu này là “cao chiêu”; Trong cách nhìn của Phật, xem tất cả chúng sinh đều là chư Phật. Trong cái nhìn của Bồ Tát, xem tất cả chúng sinh đều là Bồ Tát. Người thiện xem thấy chúng sinh đều là người thiện. Người ác, xem thấy Phật, Bồ Tát cũng là người ác! Đạo lý này chính là “*cảnh tùy tâm chuyển*”.

Nếu xem thấy tất cả chúng sinh đều là chư Phật, Bồ Tát liền sinh tâm cung kính, bình đẳng; đó chính là tu hạnh Phổ Hiền. Quyển kinh vừa mở ra: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức*”, đây mới là đệ tử Di Đà chân chánh. Cho nên, phải vì người điển nói, phải làm gương cho đại chúng, đặc biệt phải làm tấm gương cho người tu hành, phải làm thật, đó mới gọi là A-Xà-Lê. A-Xà-Lê là lõi xung hô trong Mật tông. Trong Hiển tông, chúng ta gọi là Pháp sư.

“*Thường tập tương ứng vô biên chư hạnh*” (Thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng). Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Tương ứng” nghĩa là khế hợp như: Tam mật tương ứng, cảnh trí tương ứng v.v... Mật tông lấy ý chỉ “tam mật tương ứng” làm điều cốt lõi, ngõ hầu ba nghiệp thân, khẩu, ý của chúng sinh mau chóng khế hợp với tam mật của Như Lai, cho nên thành Phật ngay nơi thân này. Vì vậy Mật tông còn gọi là Tương Ứng Tông. “Hạnh” là hành vi đời sống: Vi tế là khởi tâm động niệm, thô là lời nói, hành động tạo tác. Hành vi phải tương ứng với tự tánh, với tánh đức; câu nói này vô cùng quan trọng! Chữ “thường” là không gián đoạn; “tập” là học tập, phải có tâm hạnh tương ứng với Phật pháp, với tâm của chư Phật, Bồ Tát từ ngôn ngữ, hành vi cho đến nguyện vọng; đây tức là “*tương ứng vô biên chư hạnh*”.

Đối với đồng tu mới học Phật, nếu nói đến “*hạnh tương ứng*” với tự tánh thì rất khó! Vì sao? Vì chưa kiến tánh! “*Hạnh tương ứng*” với tự tánh, mức thấp nhất phải là “Bồ Tát viên giáo Sơ Trụ”. Từ “Sơ Trụ” trở lên, bốn mươi một vị Pháp Thân Đại Sĩ như trên Kinh Hoa Nghiêm nói, có hơn một trăm bảy mươi đoàn thể, tâm hạnh mỗi người đều tương ứng với Pháp tánh nên gọi là Pháp Thân Đại Sĩ. Ngày nay, chúng ta là phàm phu sinh tử, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, làm sao có thể học được “*hạnh tương ứng*”?! Phật dạy chúng ta rất nhiều qui củ, y theo qui củ đó mà làm thì tương ứng. “*Hạnh tương ứng*” trải đều rất nhiều trong kinh luận.

- Rốt cuộc phải bắt đầu học từ đâu?

- Chúng ta phát tâm chuyên tu Tịnh Độ, vậy thì phạm vi kinh luận của chúng ta học tập liền được thu nhỏ lại: Y cứ theo ba kinh một luận, hoặc năm kinh một luận như cận đại nói. Trong năm kinh một luận vẫn thấy còn rất phức tạp, khó nắm vững; nên khi vừa thành lập “Tịnh Tông Học Hội”, tôi viết ra một duyên khởi, trong duyên khởi nhắc đến “hành môn” năm khoa mục, giúp mọi người dễ ghi nhớ. Khóa mục của “hành môn” phải đơn giản, dễ nhớ và học tập dễ dàng.

Hiện tại thọ giới: Xuất gia thọ hai trăm năm mươi giới; giới điều quá nhiều không thể ghi nhớ! Giới Tỳ kheo ni lại còn nhiều hơn! Không nhớ hết làm sao có thể thực hiện?! Giới Bồ Tát tại gia, Kinh Phạm Võng: Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh cũng quá nhiều, không thể ghi nhớ! Không ghi nhớ thì không cách chi làm được! Nhất định phải rất đơn giản, rất dễ dàng; mỗi giờ mỗi lúc đều có thể ghi nhớ, đọc thuộc lòng. Nhờ vậy, khi khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm lập tức đều có thể tự mình phản tỉnh, kiểm soát lại chính mình có tương ứng với lời giáo huấn của Phật hay không? Cho nên, người chân thật tu hành phải nắm được cương lĩnh.

Chúng ta nêu ra **năm khóa mục**:

* **Khóa thứ nhất** là “*Tam phước*”: Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói “Tam phước” tổng cộng có ba điều, mười một câu.

- *Phước thứ nhất là phước của trời, người*: Nếu chân thật có thể làm đến được, bạn sẽ không mất thân người, sẽ không đọa vào ba đường ác, đời đời kiếp kiếp bạn ở cõi trời, người để hưởng phước.

- Câu thứ nhất: *Hiếu dưỡng cha mẹ*.

- Câu thứ hai: *Phụng sự sư trưởng*.

- Câu thứ ba: *Từ tâm bất sát*.

- Câu thứ tư: *Tu thập thiện nghiệp*.

Bốn câu này ý nghĩa rất sâu, bạn đã làm được chưa? Tôi đã từng làm qua chuyên đề diễn giảng. Phải thực sự ghi nhớ, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm phải tương ứng với bốn điều này, nếu không tương ứng thì sai rồi! Phải “*thường tập tương ứng vô biên chư hạnh*”. Nên biết: Phước thứ nhất là phước của phàm phu, phước thứ hai là phước của hàng Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) mới là học Phật.

Phật pháp là xây dựng trên nền tảng của phước thế gian; không có phước thế gian thì học Phật làm sao thành tựu! Nói cách khác, bạn làm người chưa tốt, làm sao có thể học Phật! Bốn câu trên là dạy bạn làm người; nếu trái ngược với bốn câu này, bạn không phải là con người mà là súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục! Cho nên, trời người có tiêu chuẩn đạo đức của trời, người; lấy nền tảng này để bước vào Phật pháp.

- *Phước thứ hai là phước của Nhị Thừa*: “*Thọ trì tam qui, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”.

Ngày nay, chúng ta thọ “tam qui”, trên thực tế chỉ là qui y trên hình thức; thọ giới cũng chỉ trên hình thức, không phải chân thật! Vì sao? Vì bên dưới không có gốc! Nếu nền móng xây dựng được tốt thì “tam qui, ngũ giới” mới khởi tác dụng, mới có thể thành tựu đức hạnh. Nên biết: Phật pháp là “Sur đạo”. “Sur đạo” là xây dựng trên nền tảng của “Hiếu đạo”, phải từ đây mà học! Ở nhà hiếu thuận cha mẹ, làm tấm gương tốt cho xã hội đại chúng. Phải “vì người điễn nói”, cũng chính là “học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, bạn phải làm đến được.

- *Phước thứ ba là “Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”*: Làm được bốn câu này, bạn mới chân thật là Bồ Tát.

- Thế nào gọi là phát tâm Bồ Đề?

- Đại sư Ngẫu Ích trong “A Di Đà Kinh Yếu Giải” nói: “*Chân thật phát tâm cầu sinh Tịnh Độ*”, cái tâm nguyện này quyết không thay đổi, quyết không nghi hoặc, thì nhất định được sinh, tâm này chính là tâm Vô thượng Bồ Đề. “Tâm Bồ Đề”, trong Quán Kinh, đức Thế Tôn giải thích: Đó là “tâm chí thành”, là “thâm tâm”, là “hồi hướng phát nguyện tâm”.

“*Thâm tín nhân quả*”: Cái nhân quả này không phải là nhân quả báo ứng như thiện nhân thiện quả; ác nhân ác quả, mà là nhân quả của “*Niệm Phật*” là nhân, “*thành Phật*” là quả, không cần phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp mà chỉ một đời đạt đến cứu cánh thành Phật. Chúng ta nhìn lại, trong đời sống thường ngày có rất nhiều người học Phật như tham thiền, học giáo, trì chú, trì giới v.v... có rất nhiều pháp môn; bảo họ niệm Phật thì họ không tin. Họ học pháp môn của họ cũng rất dõng mãnh, rất chuyên cần, chỉ là không chịu niệm Phật!

Cho nên, người “*Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả*” thật là cừ khôi! Nếu thật sự tương ứng với hai câu này, đó chính là thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ đã đầy đủ, đã “*thành thực Bồ Tát, vô biên thiện căn*”, ngay đời này họ quyết định làm Phật, về sau không còn phải trôi lăn trong luân hồi sáu cõi nữa. Có trở lại đây, họ chính là Bồ Tát ứng hóa thân đến, không phải phàm phu mà là thừa nguyện tái lai.

“*Đọc tụng Đại Thừa*”: Phía trước đã nói “đọc tụng Đại Thừa” chính là đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ, đọc tụng Kinh A Di Đà. Đọc qua một biến; chư Phật, Bồ Tát “*Quán Đảnh*” cho ta một lần. Sau khi đọc rồi, nhất định phải y giáo phụng hành.

“*Khuyến tấn hành giả*”: Phải đem *Pháp môn* thù thắng này giới thiệu cho người khác, cho quần chúng, cho tất cả chúng sinh, đó là lợi tha.

Tóm lại, trong mười một câu của “*Tam phước*”: Mười câu đầu là tự lợi, câu sau cùng là lợi tha. “*Tự độ, độ người*”, đó là nói bạn khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm phải tương ứng với “*Tam phước*”, phải “*thường tập tương ứng chư hạnh*”, đó là chân thật tu Tịnh Độ.

* ***Khóa mục thứ hai*** là “*Lục Hòa*”: Đồng tu chúng ta, mọi người cùng cộng tu, nhất định phải tu “*Lục Hòa*”. Sáu cái “*hòa*” này phải tuân thủ, đôi bên cùng tôn trọng lẫn nhau. Tôi dạy các đồng tu nên xem tất cả đại chúng đều là chư Phật Như Lai, dùng tâm cung kính nhất để đối nhân, xử thế, tiếp vật. Người khác dùng tâm trạng thế nào đối với chúng ta, không cần phải chú ý, chúng ta nhất định dùng tâm Phật đối với người. Tất cả mọi người đều là A Di Đà Phật thị hiện cho chúng ta xem, giúp chúng ta thành tựu.

1. Kiến hòa đồng giải: Đây chân thật là viên mãn, chân thật là “nhập Phật tri kiến”. Phạm phu “nhập Phật tri kiến” thì không thể nghĩ bàn, đó là “Đại tâm phạm phu” như Kinh Hoa Nghiêm nói.

2. Giới hòa đồng tu: “Giới” này là nghĩa rộng. Ngày nay “Trì giới”, thực tế mà nói chỉ hy vọng chúng ta có thể nỗ lực triệt để giữ được năm giới, mười thiện là rất tốt rồi, không cần phải nói đến Tỳ kheo giới, Bồ Tát giới chúng ta không làm được. Người xuất gia nên học Đại sư Ngẫu Ích, học Đại sư Hoằng Nhất.

- Các ngài tu như thế nào?

- Các ngài là trì Sa Di mười thiện và năm giới!

Đại sư Ngẫu Ích sau khi thọ giới rồi lại xả giới. Cả đời ngài chỉ trì giới Sa Di. Cho nên, chúng ta thấy có rất nhiều trong văn tự, Đại sư Ngẫu Ích nổi danh là Sa Di Bồ Tát giới, ngài không dám xưng Tỳ kheo, ngài là Sa-Di Bồ Tát. Thành Thời là học trò của ngài, thấy thầy mình xưng là Sa-Di nên trò không dám xưng Sa-Di mà xưng là “xuất gia ưu bà tắc”.

Tại gia ưu bà tắc hay xuất gia ưu bà tắc đều trì năm giới, mười thiện. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, năm giới mười thiện được giải thích tỉ mỉ từ phẩm ba mươi ba đến phẩm ba mươi bảy. Ngoài ra, trì giới còn có một ý nghĩa là “thủ pháp”. Trong đạo tràng thường có rất đông người, nếu không có chế độ, qui củ sẽ trở thành một đoàn thể hỗn loạn. Cho nên, tất cả qui củ trong đạo tràng, mọi người cần phải tuân thủ. Bên ngoài đạo tràng là xã hội, là quốc gia. Quốc gia có pháp luật, có rất nhiều qui ước, chúng ta cũng phải tuân thủ. Làm một công dân tốt, luôn tuân thủ pháp luật. Làm một người tu hành “giữ pháp” là đệ tử tốt của Phật.

3. Thân hòa đồng trụ: Tương lai, sau khi thôn Di Đà khánh thành, rất nhiều đồng tu niệm Phật đến đây cùng ở chung với nhau,

đôi bên chăm sóc lẫn nhau, sách tấn lẫn nhau, khích lệ lẫn nhau. Hy vọng sau này cũng sẽ cùng ở chung trong Liên trì hải hội, như vậy mục tiêu chúng ta mới chân thật đạt đến.

Tôi kiến nghị: Trong thôn Di Đà, mỗi cửa phòng đều là cửa kính trong suốt, khiến người bên trong không thể giải đãi, lười biếng. Ít nhất, phải làm một cửa sổ bằng kính nhỏ, người bên ngoài đi tới, đi lui đều có thể nhìn thấy được bên trong. Nếu cửa phòng đóng kín thì không thể thanh đạo, người ngoài không biết được họ đang làm gì, giải đãi lười biếng ra sao?

Nên nhớ trong thôn Di Đà phải hoàn toàn là trong suốt. Tương lai, ngay đến thân thể cũng trong suốt, một chút ô nhiễm cũng không có! Phải đạt đến tiêu chuẩn này, đây chính là “tác sư, tác phạm”. Cho nên, phải “thủ pháp”, đó là ý nghĩa chân thật của “*thân hòa đồng trụ*”.

4. Khẩu hòa vô tranh: Hy vọng sau khi bước vào thôn Di Đà, cho dù bạn ở nơi đây một năm, hai năm hoặc cả đời cũng không nói một câu nào, duy nhất chỉ nói một câu A Di Đà Phật. Ngoài câu A Di Đà Phật ra, không nói một câu nào! Bạn nhất định thành Phật, nhất định “thượng thượng phẩm” vãng sinh. Vì sao? Vì không có lời nào đáng nói! Nói ra đều là những lời thừa, những lời tiếp nối sáu cõi luân hồi. Bắt đầu hôm nay chúng ta không tiếp nối sáu cõi luân hồi nữa, dứt khoát không nói chuyện! Bạn chào hỏi tôi? - A Di Đà Phật! Bạn nói cái gì nhiều hay ít, tôi cũng: A Di Đà Phật! Một câu cũng không cho lọt vào tai, như vậy tâm mới thanh tịnh, khẩu nghiệp bạn mới chân thật tiêu được sạch trơn.

5. Ý hòa đồng duyệt: Nơi đây suốt hai mươi bốn giờ luân phiên niệm Phật sẽ khiến tâm ta hoan hỉ, không mệt, không chán. Niệm Phật mệt thì nghỉ ngơi chốc lát, nghỉ khỏe rồi phải mau vào Niệm Phật Đường, tự động tự phát, không cần có người đến gõ

cửa nhắc bạn, vậy thì không tốt! Mỗi đơn vị có một trưởng liệu do chính bạn chọn lựa, họ có nhiệm vụ theo dõi, sách tấn bạn; xem thấy thời gian đến rồi, bạn vẫn còn lười biếng, họ sẽ đến gõ cửa bạn! Ở “Niệm Phật Đường” có pháp sư; chuyên môn phụ trách công việc nhắc nhở mọi người gọi là “tuần phang”. Khi bạn niệm Phật bị hôn trầm, ngủ gật; họ dùng “tuần phang”, hay ‘phất trần’ phang nhẹ lên đầu bạn, khiến bạn tỉnh lại. Không như trong thiền đường, dùng “huơng bãng” để đánh. Đây chính là hợp tác lẫn nhau, chân thật làm đến được Pháp hi sung mãn.

6. Lợi hòa đồng quân: Mười phương cúng dường qui về thường trụ, phụ trách cơm áo, đi đứng cho mọi người. Cho nên, đến Niệm Phật Đường này niệm Phật, bạn không cần mang theo một phân tiền, không cần lo lắng đời sống, chỉ cần chân thật chịu niệm Phật là được.

Tôi nghĩ: Tin tức này tương lai sẽ truyền đến xã hội, Niệm Phật Đường của chúng ta về sau sẽ đầy ắp. Cũng may, hồng nguyện của cư sĩ Lý Mộc Nguyên rất lớn, ông muốn xây dựng thôn hai, thôn ba, thôn bốn v.v... thậm chí tương lai xây thành thành phố Di Đà, nước Di Đà. Thật là khó được duyên phận hi hữu như vậy! Chúng ta hoan nghênh xã hội an ổn, khiến mọi người chân thật có nơi nương tựa. Nhưng, thôn Di Đà là chỗ nương về chân chánh của chúng ta, vô lượng công đức, được chư Phật tán thán, đó là tương ứng với “*Lục Hòa*”.

* **Khóa mục thứ ba** là “*Tam Học: Giới-Định-Tuệ*”

* **Khóa mục thứ tư** là *Lục Độ*: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã.

* **Khóa mục thứ năm** là *Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện*.

Tóm lại, năm khóa mục trên đây của “Tịnh Tông Học Hội” chúng ta, nếu bạn có thể ghi nhớ, hiểu rõ được tường tận; khởi tâm động niệm lời nói, việc làm đều có thể tương ứng với năm khóa mục này. Sau đó, phát tâm thanh tịnh một lòng chuyên niệm, thì đó chính là “**thành thực Bồ Tát, vô biên thiện căn**”.

“*Vô biên thiện căn*”, đơn giản mà nói: Đó là đại từ bi, đại tinh tấn, quyết cầu sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định thành Phật, mới có thể hóa độ chúng sinh khổ nạn trong mười phương thế giới.

Hiện tiền giảng đường, Niệm Phật Đường, thôn Di Đà của chúng ta nơi đây là trạm tiếp dẫn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đến nơi đây cũng là đến Tây Phương Cực Lạc. Nơi đây, nếu như lý như pháp mà tu học, bạn nhất định được vãng sinh. Ngày trước tôi thường nói với các đồng tu: “Kinh Vô Lượng Thọ là bảo chứng thư để bạn vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc”, chỉ cần bạn y giáo phụng hành, chân thật chịu làm theo thì không ai mà không được vãng sinh.

“*Thiện căn*” của người thế gian, bao gồm tất cả “*thiện pháp*” đều từ vô tham, vô sân, vô si nên gọi là ba thiện căn.

“*Vô biên thiện căn*” ở chỗ này là nói đến “pháp xuất thế”. “Pháp xuất thế” siêu việt mười pháp giới là pháp giới nhất chân. Trong “pháp giới nhất chân” đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Thiện căn của họ là gì? Là tinh tấn, là đại tinh tấn. Hiện tại chúng ta tuy chưa chứng được cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ, nhưng có thể ở Niệm Phật Đường này, mỗi ngày niệm Phật hai mươi bốn giờ, từ đầu đến cuối năm không gián đoạn cũng là đại tinh tấn, có thể ngang bằng với Pháp Thân Đại Sĩ, tuyệt nhiên không hề kém hơn họ.

“*Thành thực Bồ Tát*”, chú trọng ở hai chữ “*thành thực*”, nếu không có được duyên phận thù thắng này làm sao có thể thành tựu?!

Đúng như Đại sư Thiện Đạo nói trong “chú giải” của Quán Kinh: “*Tất cả thành thực, tổng tại ngộ duyên*”. Chữ “duyên” này rất quan trọng, “duyên” là điều kiện.

Hiện tại nơi đây, điều kiện niệm Phật quá đầy đủ, quá thù thắng! Có rất nhiều Bồ Tát, nhiều người tu hành mong cầu mà không được! Tôi nghĩ về thôn Di Đà, đã nghĩ mười sáu năm rồi, chính mình luôn cho rằng đó là vọng tưởng, cả đời không thể nào thực hiện được! Không ngờ lại có thể thực hiện ở nơi đây, thật hi hữu! Đến nay tôi vẫn cảm thấy rất kinh ngạc! Hơn nữa, sự thành tựu này lại viên mãn đến như vậy! Thử nghĩ xem! Nếu không phải là được chư Phật oai thần gia trì, quyết không thể nào! Thành thật mà nói, Bồ Tát gia trì cũng không thể làm được, nhất định phải oai thần chư Phật Như Lai gia trì mới làm được. Chúng sinh khu vực này duyên làm Phật đã chín muồi, cho nên mới có cảm ứng thù thắng đến như vậy, phước báo hi hữu, vô lượng kiếp đến nay, vào lúc này hoa khai kết quả, đó là “*thành thực*”.

“Thành thực Bồ Tát, vô biên thiện căn, vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm” (Thành thực Bồ Tát vô biên thiện căn. Vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm). Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Thiện căn là sự lành nơi ba nghiệp thân, miệng, ý; vững chắc chẳng thể lay động nổi thì gọi là căn. Thêm nữa, sự lành sanh ra diệu quả, sanh ra các điều lành khác nên gọi là căn.

“*Hộ niệm*” là giữ gìn, ức niệm. Sách Hội Sớ giảng: “*Hộ là che chở, gìn giữ. Niệm là nghĩ nhớ*”. Theo Hòa Thượng Tịnh Không, câu kinh văn trên đây là nói tương ưng, đã tương ưng liền cảm động chư Phật hộ niệm. “*Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm*”, câu nói này khiến chúng ta hôm nay ngay đây, vào lúc này cảm xúc rất sâu sắc đặc biệt! Gần như chính mắt mình nhìn thấy, chính tai mình nghe

được, đích thân mình tiếp xúc được, chân thật là chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ!

Tôi tin chắc đồng tu tại Niệm Phật Đường chúng ta, mọi người đều nhất tâm niệm Phật, sức cảm ứng sẽ rất lớn. Cho nên, đạo tràng thù thắng trang nghiêm có thể xây dựng ở khu vực này, không phải là việc ngẫu nhiên.

KINH VĂN:

Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện. Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng. Ư bỉ tướng trung, thực vô khả đắc, thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị, thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cúng dường chư Phật, khai đạo quần sanh, hóa hiện kỳ thân, do như điện quang, liệt ma kiến võng, giải chư triền phược, viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa, nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn, thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa. Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ.

VIỆT DỊCH:

Trong các cõi Phật đều có thể thị hiện, ví như huyễn sư giỏi hiện các tướng lạ. Trong các tướng ấy thật không có gì để được. Các vị Bồ Tát này cũng lại như thế: Thông các pháp tánh, đạt chúng sinh tướng, cúng dường chư Phật, chỉ dạy quần sanh, hóa hiện thân mình tựa như ánh chớp, xé rách lưới Kiến Hoặc của ma, cõi các trời buộç, vượt xa địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhập pháp môn Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, khéo lập phương tiện hiển thị tam thừa. Đối với hàng trung, hạ căn ấy thị hiện có diệt độ.

GIẢNG:

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ, đoạn kinh văn trên tiếp tục nói về tướng thứ bảy “chuyên pháp luân”. Tên của phẩm này là “Đức Tuân Phổ Hiền” thật phù hợp với ý nghĩa Phổ Hiền Bồ Tát được kể làm Thượng Thủ. Kinh này là Viên Giáo, từ quả khởi nhân, nên kể ngay sau ngài Phổ Hiền là Văn Thù. Phổ Hiền tượng trưng cho Hạnh, Văn Thù tượng trưng cho Trí. Không có “Trí” thì chẳng thể khởi “Hạnh”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đoạn này nói về “Trí Đức” của Bồ Tát Văn Thù. Phía trước nói về “Hạnh Đức” của Bồ Tát Phổ Hiền. Nghĩa thú của kinh này cùng Kinh Hoa Nghiêm như nhau. Trên Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền là trưởng tử; Văn Thù là thứ nam, biểu trưng một sự việc: Ngay trong “*giải, hành*”, xem trọng ở “*hành môn*”, đem “*hành môn*” xếp hàng đầu, “*giải môn*” ở hàng kế. Kinh này cách thức cũng là như vậy. Phía trước “*hành môn*” của Phổ Hiền đã giảng xong. Tiếp theo là “*Trí môn*” của Văn Thù, cũng tức là “*giải môn*”. “Hành” cùng “giải” phải tương ứng mới có thể nâng cao được cảnh giới. Nếu “hành, giải” không tương ứng, “hành” có được chỉ là phước báo. Hơn nữa, “hành” nhất định phải có trí tuệ để y cứ, cái “hành” này mới thật là Bồ Tát hạnh, là chánh hạnh.

“***Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện***” (Trong các cõi Phật, đều có thể thị hiện). Câu này trích từ bản Đường dịch. Từ câu này trở đi là nói về “Trí đức” của Văn Thù, cũng biểu thị phẩm đức “Phổ môn thị hiện” của các Đại Sĩ, chẳng riêng trong cõi nước này thị hiện tám tướng mà cả trong mười phương thế giới cũng thị hiện tám tướng. Do đây có thể biết, những Pháp Thân Bồ Tát này, không gian sinh hoạt của họ quá rộng lớn. “*Chư Phật sát*” là nói tận hư không khắp pháp giới, bao gồm quá khứ, hiện tại và vị lai. Chúng ta thường nói là mười phương ba đời, vô lượng vô biên cõi nước chư Phật, họ đều có thể thị hiện trong đó.

- Cách thị hiện như thế nào?

- Giống như Bồ Tát Quán Thế Âm trong phẩm “phổ môn” đáng dùng thân gì để độ thoát, các ngài liền hiện ra thân đó; chúng sinh có cảm, Phật Bồ Tát liền có ứng. Chỗ này cũng giống như trên Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Tùy chúng sinh tâm*” mà Bồ Tát “*ứng sở tri lượng*”, nêu rõ “*tất cả pháp từ tâm tướng sinh*”. Cho nên, chúng ta tưởng Phật, Phật liền xuất hiện. Trong mười Pháp giới, chúng ta biết Phật là đáng tối cao, thù thắng nhất, viên mãn nhất, vậy sao không ngày ngày tưởng Phật?!

Bên dưới lầu bốn, chúng ta mở rộng làm Niệm Phật Đường, tôi liền nghĩ đến tượng Phật trong Niệm Phật Đường, nhất định phải cúng ngay giữa của Niệm Phật Đường. Bởi khi niệm Phật, nhất định phải lấy nhiều Phật làm chủ đạo. Chúng ta học được từ Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử ra ngoài tham học, vị Thiện tri thức thứ nhất là Đức Vân tỳ kheo. Đức Vân tỳ kheo tu Pháp môn Niệm Phật, ông chọn lấy một phương thức niệm Phật là “Ban Chu Tam-muội” cũng gọi là Bát chu tam-muội.

“Bát Chu” nghĩa là Phật đứng, vì nếu thực hành Pháp môn tam-muội này thì chư Phật hiện ra ở phía trước mặt. Lấy việc thực hành chín mươi ngày làm một kỳ. Trong chín mươi ngày, nhiều Phật liên tục, không được nằm, miệng thường niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cũng không ngừng nghỉ. Vì niệm A Di Đà Phật tức là niệm công đức Phật mười phương, lấy A Di Đà làm chủ Pháp môn. Trong từng bước, từng âm thanh, từng ý nghĩ chỉ tập trung chuyên nhất vào câu A Di Đà Phật.

Hiện tại, chúng sinh thời mạt pháp nghiệp chướng sâu nặng, thể lực không đủ, không làm được. Cho nên, nếu nhiều Phật mệt rồi có thể ngồi xuống uống nước, nghỉ ngơi chốc lát. Nếu nghiêm trọng

hơn, bắt đắc dĩ có thể nằm trên giường nghỉ một lát, khỏe rồi phải lập tức trở lại Niệm Phật Đường nhiều Phật tiếp.

Tôi vừa nói như vậy, cư sĩ Lý lập tức liền đi làm. Tốc độ làm của ông khiến tôi kinh ngạc. Chỉ sau ba ngày, ông cho biết đã đặt tượng Phật bằng gỗ trầm ở Trung Quốc rồi. Hơn nữa, ông còn nhờ họ khắc thành bốn tôn tượng A Di Đà Phật, đứng bốn mặt trên một tòa sen; khi nhiều Phật, mặt nào cũng đều thấy được quang nhan của A Di Đà Phật, vậy thì quá tốt! Việc này tôi cũng không hề nghĩ đến. Tương lai, ngay giữa là tượng Phật, bốn phía đều có thể lạy Phật.

Lạy Phật, chỉ tịnh, nghỉ ngơi là điều thân, nhiều Phật là quan trọng nhất. Nhiều Phật nhất định phải mở miệng niệm Phật, phải niệm ra tiếng. Khi lạy Phật có thể quán tưởng, niệm thầm, không cần niệm ra tiếng. Bởi niệm ra tiếng khi lạy Phật có thể tổn thân thể. Khi chỉ tịnh, nếu không thể niệm Phật, có thể lắng nghe tiếng niệm Phật, trong tâm không có vọng tưởng như vậy mới đúng pháp.

Tương lai, chân thật vào quỹ đạo, Niệm Phật Đường sẽ phân làm ba khu: Vòng tròn gần tượng Phật là khu vực lạy Phật, vòng ngoài là khu nhiều Phật, hai bên là khu vực chỉ tịnh. Đối diện với tượng Phật, hai bên đều treo hình Phật. Bốn phía đều có thể lạy Phật; lạy nhanh hay chậm là tùy thích của bạn, chỉ cần câu Phật hiệu được tròn đầy, như vậy thì tốt. Ở đây niệm Phật không một chút áp lực, nhiều loạn nào, khiến bạn có thể rất thoải mái, ưa thích và sinh tâm hoan hỉ.

Tôi tin tưởng, chỉ trong vòng ba tháng niệm Phật ở đây, có thể bạn sẽ không cần ngủ nghỉ, đây là thật không phải giả! Nhiều nhất trong một ngày bạn chỉ ngủ hai hoặc ba tiếng đồng hồ là đủ. Tinh thần sung mãn, thể lực bạn tràn đầy, bạn được oai thần Tam Bảo gia trì, có thể vượt qua trạo cử, hôn trầm (ngủ nghỉ là hôn trầm), hai loại tâm bệnh tập khí này đều có thể ngay trong Niệm Phật Đường

đem nó tẩy được sạch trơn, hồi phục tâm thanh tịnh, hồi phục thân kim cang bất hoại của bạn, quá nhiều lợi ích, thật không thể nói hết!

“*Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện*” (Trong các cõi Phật đều có thể thị hiện): Đây là ý nghĩa của tiêu đề lớn “*chư Phật sát trung*”, là nói tận hư không khắp pháp giới, mười phương ba đời, vô lượng vô biên cõi nước, cũng là không gian sinh hoạt của chúng ta. Đó là sự thật! Không gian sinh hoạt của chúng ta rất lớn, không phải chỉ duy nhất trên địa cầu này. Sự việc này chỉ có người giác ngộ mới hiểu, mới có thể được thọ dụng. Người chưa giác ngộ thì rất phiền phức!

- Phiền phức ở đâu?

- Ở chỗ họ chấp trước kiên cố!

Trên kinh Phật nêu ra một công án, cũng là sự thật. Năm xưa, Thế Tôn từng ở thành Xá Vệ, vườn Cấp Cô Độc một thời gian khá dài, đã có không ít kinh điển Đại thừa quan trọng đều giảng tại đây. Có lần, vườn Cấp Cô Độc phải tu sửa. Khi tu sửa, Phật và các đệ tử xem thấy trong vườn có một ổ kiến; vừa xem qua thì Phật mỉm cười. Các đệ tử thấy lạ không hiểu nguyên nhân vì sao Phật lại cười. Thế Tôn liền giải thích: “*Đàn kiến này đã trải qua bảy đời chư Phật xuất thế, nhưng chúng vẫn không rời được thân kiến!*”. Thử nghĩ: Muốn tu hành thành Phật, phải trải qua ít nhất là ba A-tăng-kỳ kiếp. Bảy vị Phật phải trải qua ba lần bảy là hai mươi mốt A-tăng-kỳ kiếp chúng vẫn làm thân kiến. Thật quá khủng khiếp! Không phải kiến có tuổi thọ dài như vậy mà sau khi chết, chúng đầu thai vẫn làm thân kiến, vẫn ở trong ổ đó!

- Vì sao có tình trạng này?

- Trên kinh Đại Thừa thường nói: Ngu si thật đáng sợ! Người ngu si chấp trước kiên cố! Đàn kiến này cũng vậy, chấp trước cái

thân kiến đó là ta, chấp cái tổ kiến là không gian đời sống của nó chỉ lớn như vậy. Cho nên, sau khi chết vẫn đầu thai làm kiến, không biết được không gian sống của nó là vô hạn!

Hiện tại, người thế gian tương đối thông minh, biết lợi dụng khoa học kỹ thuật cao tạo thành phi hành, mở rộng không gian đời sống của con người đến các tinh cầu khác, đây là mộng tưởng của nhân loại; mộng tưởng này sớm muộn gì cũng sẽ thực hiện.

Nhiều năm đến nay, chúng ta xem thấy những thông tin trên báo chí, nghe nói có người ngoài hành tinh đã nhiều lần đến địa cầu này của chúng ta. Sự việc này chúng ta chưa thấy, nhưng với hiện tượng đĩa bay, đích thật là tôi đã thấy. Tôi thấy đĩa bay trên không trung, nhưng chưa thấy đĩa bay đáp xuống. Cũng có rất nhiều người thấy được như tôi. Qua ngày hôm sau, xem thấy trên báo chí có đăng tin tức này, mới biết người trông thấy cũng rất nhiều.

- Sự việc này có phải người ngoài hành tinh đến địa cầu chúng ta để dò xét hay không?

- Cũng không thể biết được! Tuy nhiên, họ có năng lực đến. Công cụ phi hành của họ tốt hơn rất nhiều so với chúng ta. Đó là thật! Đĩa bay này có thể dừng trụ bất động khoảng năm phút, sau đó chuyển động với tốc độ rất nhanh, chỉ trong vài giây thì biến mất. Tốc độ này quá cao! Tuyệt đối không phải trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại của chúng ta có thể đạt được.

Thế nhưng, khoa học cũng không ngừng tiến bộ, hy vọng tương lai họ sẽ có được cái năng lực này, lợi dụng công cụ kỹ thuật cao có thể qua lại với các tinh cầu khác, đó là phương pháp mở rộng không gian đời sống tương đối vụng về của chúng ta. Trong đêm tối, khi trời quang mây tạnh, chúng ta dùng mắt thật quan sát các vì sao trên trời, đại khái có thể thấy được hơn sáu ngàn tinh cầu. Nếu dùng kính viễn vọng cao tần, những tinh cầu này nhiều vô số không cách

chi tính đếm được! Hơn nữa, có rất nhiều tinh cầu ở cự ly tương đối xa; khoa học gia phải dùng năm ánh sáng để tính, chính là dùng tốc độ của ánh sáng trong một năm.

Chúng ta biết được tốc độ nhanh của ánh sáng trong một giây vượt gần ba mươi vạn cây số; tốc độ nhanh như vậy của ánh sáng đi trong một năm, cự ly này gọi là một đơn vị. Khoa học gia nói với chúng ta: Cự ly hành tinh gần chúng ta nhất, nếu dùng tốc độ ánh sáng, đại khái phải mất bốn năm rưỡi mới có thể đến được! Công cụ phi hành của chúng ta, tốc độ nhất định không thể sánh được với tốc độ của ánh sáng.

Lữ hành qua các tinh cầu rất gian nan, thật không phải dễ dàng! Cho dù ngoài “*Thái không*”, người ngoài hành tinh đến thế gian này, công cụ giao thông của họ, không luận phát triển đến trình độ nào, chúng ta vẫn khẳng định được họ thuộc cõi người, không phải cõi trời, họ vẫn nằm trong phạm vi sáu cõi. Có thể thấy được: Địa cầu có người, các tinh cầu khác cũng có người. Chỉ có cõi người mới còn sử dụng phương tiện giao thông; cõi trời họ không cần dùng đến. Người cõi trời có năng lực, có “ngũ thông”, trong đó “thần túc thông” khiến họ lướt qua trong không gian, đến tất cả mọi nơi trong nháy mắt, không cần sử dụng đến bất cứ công cụ nào.

Suy đi nghĩ lại chúng ta quyết phải phục hồi lại sáu bản năng vốn có (lục thông) của chính mình, đó mới là cao minh! Nếu hồi phục được sáu năng lực này, du lịch trong “*Thái không*” sẽ rất thuận tiện, chỉ cần trong một Sát-na, khảy móng tay liền có thể đến bất cứ nơi nào.

Ngày nay, tinh cầu chúng ta xem thấy được vẫn là dừng lại ở không gian ba độ! Ngoài ra, không gian bốn độ, không gian năm độ, không gian sáu độ v.v... thậm chí đến không gian vô hạn độ, khoa học chúng ta vẫn chưa thể đạt đến! Đây chính là nói giới hạn

của không gian họ chưa thể đột phá. Nếu đột phá được giới hạn của “Thời không”, tùy theo mức độ, họ có thể thấy được các cõi trời như: trời Dục giới, trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới; cũng có thể siêu việt sáu cõi, siêu việt đại thiên thế giới thấy được các cõi nước chư Phật. Cho nên, không gian tương đối phức tạp, không phải đơn thuần, chân thật là vô biên tế, vô hạn đến mức chúng ta không thể nào tưởng tượng được như trong kinh Phật nói. Bất khả tư nghì!

Năng lực của Bồ Tát đề cập ở đây là chỉ cho Bồ Tát của thế giới Cực Lạc, chúng ta cũng có phần, chỉ cần chúng ta được vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, không luận phẩm vị cao hay thấp đều có năng lực này.

“*Chư Phật sát trung giai năng thị hiện*” (Trong các cõi Phật, đều có thể thị hiện): Đọc đến câu kinh văn này, chúng ta liền có thể thể hội được: Thế giới Tây Phương Cực Lạc không đi không được! Nhất định phải đi! Không đi chẳng phải là đại ngộ hay sao?!

- “*Giai năng thị hiện*” là thị hiện cái gì?

- Tuyệt đối không thể nói, muốn thị hiện thân gì liền thị hiện ra thân tướng đó. Không phải vậy! Nếu có “muốn” xen vào thì không thể thị hiện! Vô số thị hiện không phải do họ muốn mà do cảm ứng tương thông với mười phương thế giới tất cả chúng sinh mà thị hiện. Chúng sinh có “cảm”, họ liền có “ứng”; không chỉ cảm ứng tương thông với chúng sinh mà cùng với Chư Phật, Bồ Tát cũng cảm ứng tương thông. Phật cũng có “cảm”.

- “Cảm” của Phật là gì?

- Duyên Phật dạy bảo chúng ta đã chín mươi, đó là “cảm” của Phật. Chúng ta liền đến nơi Phật để bái Phật, thỉnh Phật, để cầu giáo, đó cũng là “ứng”. Không chỉ đối với cùng một giai tầng, mà đối với giai tầng thấp hơn hoặc cao nhất như tầng Phật, cũng lại như

vậy. Như phẩm “*Phổ môn*”, *Bồ Tát Quán Thế Âm* nói: “*Đáng dùng thân gì để độ, liền hiện ra thân ấy để độ*”. Sự thị hiện này không chỉ thị hiện chúng sinh hữu tình mà cả chúng sinh vô tình như núi sông, đất đai, cây cối, hoa cỏ v.v... tất cả các thứ đều có thể thị hiện. Cho nên, câu “*Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện*”, cảnh giới này vô cùng sâu rộng. Đây là nói: Sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta đều có được năng lực này.

“***Thí như huyễn sư, hiện chúng dị tướng***” (Ví như huyễn sư giỏi, hiện các tướng lạ): “*Huyễn sư*” là thầy ma thuật, còn gọi là nhà ảo thuật. Đây là thí dụ, trong Trí Độ Luận nói: “*Phương Tây có nhà huyễn thuật có thể hóa hiện hết thầy cung điện, thành quách, nhà viện, thắt khăn thành thỏ, biến đai thành rắn... các thứ biến hiện*”. Vì vậy, kinh này mượn tài huyễn hóa của nhà ảo thuật để ví cho “*Đại Sĩ phổ môn*” thị hiện.

Cũng có thể nói hiện tại, hoàn cảnh sinh hoạt khác nhau, thân phận chúng ta cũng tùy duyên mà biến hóa, đây cũng là “*hiện chúng dị tướng*”. Ví như trong gia đình: Đối với cha mẹ, bạn hiện thân là con cái. Đối với con cái, bạn hiện thân là cha mẹ. Đối với em trai, bạn hiện thân là anh trai v.v... Trong gia đình này của bạn, thân phận bạn mỗi giờ mỗi phút đều không như nhau. Bước vào xã hội, bạn là chủ một công ty, bạn hiện thân là giám đốc; nếu là nhân viên của một hãng xưởng, bạn hiện thân là nhân công. Do đây có thể biết, thân phận chúng ta đối với người, với việc, với mọi sự vật khác nhau là mỗi lúc chúng ta đang khởi biến hóa! Sự việc này nói lên một chân tướng sự thật: “*Tướng không có định tướng*”, tùy duyên mà thay đổi. Cho nên, “*nhập cảnh tùy tục, thung dung tự tại*”, đây là trí tuệ, là người sáng suốt.

“***Ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc***” (Trong các tướng ấy thật không gì có thể được). Câu này trích từ bản Đường dịch. Theo

sách chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Biết các tướng là huyễn hóa, hư vọng nên với “huyễn” chẳng mê. Như trong Kinh Bảo Tích, Học Huyền Thái Tử nói kệ khen ngợi Phật rằng: “*Như huyễn sư huyễn hóa, u huyễn bất mê, dĩ tri huyễn hư cố, Phật quán thể diệc nhiên*” (Như huyễn sư huyễn hóa, tự chẳng mê nơi huyễn, vì biết huyễn hư vọng, Phật xem đời cũng thể).

Đây cũng chính là như Kinh Viên Giác dạy: “*Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác*” (Biết huyễn liền lìa, lìa huyễn chính là giác). Vì vậy đối với huyễn tướng chẳng chấp, chẳng đắc. Kinh văn nhiều lần khen ngợi tử mi “Thật Đức” và “Quyền Đức” của Đại sĩ. “*Giai năng thị hiện*” (đều có thể thị hiện) là Quyền Đức, “*Thật bất khả đắc*” (Thật chẳng thể được) là Thật Đức. Các Đại sĩ trong hội đều trọn vẹn hai Đức: Quyền, Thật này nên nói rằng “*Thử chư Bồ Tát diệc phục như thị*” (các Bồ Tát ấy cũng lại giống như thế).

“*U bi tướng trung, thật vô khả đắc*”: Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Cái lý này rất sâu, rất rộng! Chúng ta phải biết: Tướng là hư vọng, tướng là pháp duyên sinh. Trên kinh Đại Thừa, Phật nói: “Tùy chúng sinh mà hiện tướng”, hiện tướng này là huyễn tướng, nhất định không có tự tánh, nên gọi là “duyên khởi tánh không”, không có thật thể.

Kinh Bát Nhã nói: “Vô sở hữu, bất khả đắc”; chỗ này nói “thật vô khả đắc”. Thật tế mà nói: “Vô khả đắc” đó là thật.

- Vì sao tướng là hư vọng, tánh là không tịch?

- Bởi trong cái sự thật này không có năng, sở. Nếu có năng, sở thì tướng này không còn là hư vọng mà là cảnh giới thật có. Tuy nói có năng hiện, sở hiện; tâm năng hiện, tướng sở hiện, nhưng đến sau cùng năng, sở là một không phải hai. Năng hiện tức là sở hiện; sở hiện tức là năng hiện. Việc này thật không dễ hiểu! Cho nên, trên kinh Phật thường nói: “*Toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng*”.

- Vọng là cái gì?

- Vọng là tướng. Toàn thể “*vọng tướng*” chính là “*chân tánh*”; toàn thể “*chân tánh*” chính là “*vọng tướng*”. Phật nói hai câu này, tuy xác định rất rõ ràng, tường tận. Thế nhưng, người sơ học chúng ta nghe qua vẫn cứ là mù mịt, chưa được rõ ràng. Cho nên, Phật thường đem giấc mộng lấy làm tỉ dụ. Chỗ này dùng huyền sư để thí dụ. Tuy nhiên, dùng cảnh mộng để thí dụ có phần rõ ràng và dễ hiểu hơn. Khi nằm mộng, trong mộng có cảnh giới. Lúc này, nếu tôi hỏi bạn:

- Tâm bạn đang ở đâu? Tâm bạn giống cái gì?

- Toàn cảnh mộng chính là hiện tướng của tâm bạn biến hiện ra. Tâm không có tướng, nhưng có thể hiện tướng. “*Năng biến*” là tâm; “*Sở biến*” là vọng tướng. “*Toàn chân tức vọng, toàn vọng tức chân*”, toàn thể cảnh mộng chính là tâm của bạn. Từ trong mộng tỉnh dậy mới thấy lời Phật dạy thật vô cùng chính xác và có đạo lý. Thử hỏi có mấy ai thể hội được ý này? Quay nhìn lại nhân sinh hiện thực của chúng ta cùng cảnh mộng thật không hề sai khác.

Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh v.v...”

- Vì sao phàm phu chúng ta lại đem cảnh mộng xem thành như thật?

- Phật nói với chúng ta: Vì tất cả chúng sinh do “*biến kế chấp*” mà tạo nên cái tướng phân này (tức là cảnh mộng).

Pháp hữu vi chân thật là mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, như điện, một chút cũng không sai. Bạn đem nó xem là chân thật, từ đó khởi lên vô số cảm thọ, đều thuộc về “*biến kế sở chấp*”, tâm bệnh xảy ra từ chỗ này, đó là mê! Người giác ngộ, “*biến kế sở chấp*” không có. Xả bỏ “*biến kế sở chấp*” liền thấy được “*Viên thành thật*”, thấy

được chân tướng của mười pháp giới y chánh trang nghiêm. “*Chân tướng*” chính là “*viên thành thật*”.

Nói cách khác, rời “vọng” liền thấy được “chân”. Nếu còn “chấp vọng”, cái chân thật dù hiện ngay trước mắt, bạn cũng không thấy được! Phật, Bồ Tát có dạy, bạn cũng không tin! Cho nên, không luận là cảnh giới phàm phu hay cảnh giới của chư Phật Như Lai thị hiện, đều “bất khả đắc”, đều “vô sở hữu”, nên nói “*ư bi tướng trung, thật vô khả đắc*” là sự thật, ngàn vạn lần chính xác! Ngay trong những hư huyền, giả tướng này, bạn chỉ có thể thọ dụng nhưng không thể nào nắm bắt được!.

Tóm lại, bạn “năng đắc” mà “bất khả đắc”. Cảnh giới bên ngoài là “sở đắc”, là nhân duyên sinh pháp, duyên khởi tánh không, đương nhiên cũng là “bất khả đắc”. Cho nên, “năng đắc”, “sở đắc” đều “bất khả đắc”. Nếu chân thật có thể hiểu được chân tướng này, tâm bạn liền định, vọng niệm sẽ không còn. Nếu vẫn còn vọng tưởng, vọng niệm thì bạn không hề biết gì đối với chân tướng sự thật! Tuy ngày ngày vẫn đọc kinh, nghe giảng, sự thật bạn không hề nghe hiểu, không hề tường tận. Trong cảnh giới, bạn vẫn còn có được, mất, có thị phi, có nhân ngã, vậy thì có đọc nhiều, nghiên cứu sâu, nói được hay, bạn vẫn còn ở ngoài cửa, chưa đạt được “chánh thọ” (thọ dụng chân thật), chưa thâm nhập được cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát.

“*Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị*” (Các vị Bồ Tát này cũng lại như thế): “*Thử chư Bồ Tát*” là những Bồ Tát đến dự hội, gồm hơn hai vạn người. Trong đó, chúng tỳ kheo xuất gia là một vạn hai ngàn người; chúng tỳ kheo ni là năm trăm người; chúng cư sĩ tại gia có bảy ngàn người, nữ chúng tại gia có năm trăm người. Đó là chúng ta có thể nhìn thấy được. Ngoài ra, những chúng vô hình, mắt thịt không nhìn thấy được thì nhiều vô kể. “*Thử chư Bồ Tát*”, cũng bao gồm cả chúng đồng tu xuất gia (chỗ này nói Tỳ kheo, Tỳ kheo

ni) lẫn tại gia (chỗ này gọi là “Thanh tín sĩ”). Do đây có thể biết, quan hệ của Kinh Vô Lượng Thọ rất mật thiết đối với chúng ta. Chúng ta ngay trong đời này gặp được Pháp môn Tịnh Độ, thật vô cùng hoan hỉ.

“*Thông chư pháp tánh, đạt chúng sinh tướng*”:

Cụ Hoàng Niệm Tổ nêu ra sách Duy Thức Thuật Ký giảng: “*Tánh là thể. Thể của hết thủy pháp gọi là pháp tánh*”. Vì vậy, “pháp tánh” là thể của vạn pháp, dù trong pháp nhiễm hay tịnh; dù nơi hữu tình hay nơi vô tình, tánh của nó chẳng hề biến đổi nên gọi là “Pháp tánh”. “Pháp tánh” cũng gọi là Chân Như, Thật tướng, Pháp giới, Niết Bàn, Thật Tế v.v...

Hoa Nghiêm Tông cho rằng Chân Như có hai nghĩa là bất biến và tùy duyên. Về mặt tùy duyên, do tạo ra hết thủy các pháp nên gọi Chân Như là Pháp tánh. Lại do bất biến nên tùy duyên tạo ra nhiễm hay tịnh, hữu tình hay vô tình vạn pháp mà Chân Như chẳng đổi, chẳng biến. Ví dụ: Nước biến thành sóng mà chẳng biến mất tánh nước.

Sách Hội sớ lại viết: “*Bồ Tát có hai thứ trí làm căn bản cho hết thủy hạnh tu. Những gì là hai?*”

- *Một là Như Lý Trí chiếu soi bản tánh các pháp chẳng một, chẳng khác, chẳng sinh, chẳng diệt, thì gọi là thông các Pháp tánh.*

- *Hai là Như Lượng Trí chiếu soi tướng khác biệt của chúng sinh, mê, ngộ, phàm, thánh đều khác. Đây gọi là đạt chúng sinh tướng*”.

Như vậy, “*thông chư Pháp tánh*” là Căn Bản Trí, “*đạt chúng sinh tướng*” là Sai Biệt Trí.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Thông” là thông đạt, hoàn toàn không có chướng ngại, hợp với chữ “đạt” phía sau chính là

thông suốt triệt để, thông đạt tánh, tướng của tất cả chúng sinh. Cho nên đức Phật giáo hóa chúng sinh, những gì ngài giảng đều “khế cơ”, “khế lý”, đều có thể khiến mọi người có được lợi ích chân thật.

“*Thông chư Pháp tánh*” là “Khế lý”, tuyệt đối không thể nói sai, đây cũng chính là “minh tâm kiến tánh”, chỗ nói trong Thiền tông. “*Đạt chúng sinh tướng*” là “khế cơ”, đối với căn tánh của chúng sinh đều thấu triệt tường tận nhân quả, lý sự. Phía trước “*thông chư Pháp tánh*” là “*Bát Nhã vô tri*”; câu sau “*Đạt chúng sinh tướng*” là “*vô sở bất tri*”, đó là thành tựu trí tuệ viên mãn. Thực tế mà nói, trí tuệ viên mãn là tự tánh vốn tự đầy đủ, siêu việt tất cả chướng ngại, không phải rời khỏi tự tánh mà riêng được thành tựu trí tuệ viên mãn, vậy là sai lầm!

Trong Trí Độ Luận đề cập đến ba loại trí: Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, Nhất Thiết Chứng Trí.

* “*Nhất Thiết Trí*” chính là “*thông chư pháp tánh*”, là “căn bản trí”, là Trí của hàng Thanh Văn, Duyên Giác, biết được tổng tướng của mọi pháp; tổng tướng đó tức là “không tướng”, biết được tất cả pháp “vô sở hữu, bất khả đắc”.

* “*Đạo Chứng Trí*”: “*Chứng*” là trùng trùng, là rất nhiều; “*đạo*” là đạo lý. “*Đạo chứng trí*” là trí của Bồ Tát, biết tất cả mọi loại đạo pháp khác nhau. “*Đạo Chứng Trí*” chính là “*Đạt chúng sinh tướng*”, cái “*chứng*” này bao gồm “*Pháp giới nhất chân*”, cũng bao gồm tận hư không khắp pháp giới cõi nước chư Phật y chánh trang nghiêm.

* “*Nhất Thiết Chứng Trí*” là Phật Trí viên minh sáng suốt, thông đạt tổng tướng, biệt tướng và hết thảy mọi loại pháp hóa đạo, đoạn trừ nghi hoặc. “*Nhất Thiết Chứng Trí*” chính là “*Nhất Thiết Trí*” cùng “*Đạo Chứng Trí*”, đó là một không phải hai, nếu đem nó phân làm hai sự việc thì sai rồi! Có như vậy bạn mới vào được “*pháp môn*”

không hai”, chúng “Pháp giới nhất chân”. Do đây có thể biết, trong Phật pháp không cho phép chúng ta rơi vào một bên nào. “Căn bản trí”, “Hậu đắc trí” là hai bên. “Nhất Thiết Trí”, “Đạo Chứng Trí” cũng là hai bên. Phải biết nó là một “chỉnh thể viên mãn”, là “pháp môn không hai”, thực tế là Trí tuệ chân thật. Khi trí tuệ khai mở, liền được đại thọ dụng.

- Thọ dụng thể nào?

- “**Cúng dường chư Phật, khai đạo quần sanh**”! Đây là khởi tác dụng: Thường cúng chư Phật, hạ hóa chúng sinh.

- Làm thế nào cúng dường chư Phật?

- Niệm Phật chính là cúng dường chư Phật!

Niệm Phật phải biết niệm, phải “*Phát Bồ Đề tâm, một lòng chuyên niệm*”. Tám chữ này là cúng dường chư Phật, cũng là tự độ. Cho nên, phát nguyện vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, không chỉ là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật hoan hỉ tán thán; A Di Đà Phật hoan hỉ đến tiếp dẫn, mà mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đều khác miệng đồng âm khuyên bảo chúng ta.

- Vì sao chư Phật Như Lai đều tán thán?

- Vì chư Phật Như Lai chỉ có một nguyện, một tâm phổ độ chúng sinh sớm ngày thành Phật.

Niệm Phật vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp môn đệ nhất ngay đời này thành Phật; nhưng pháp môn này nhất định chỉ độ chúng sinh căn tánh chín muồi.

- Làm sao biết được chúng sinh căn tánh chín muồi?

- Sau khi nghe rồi, họ liền tin tưởng, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, không thoái chuyển, dũng mãnh tinh tấn, chân thành niệm Phật phát nguyện vãng sinh Tây Phương Cực Lạc.

Người như vậy gọi là chúng sinh căn tánh chín muồi. Thật không dễ dàng! Thật quá hi hữu! Họ không làm Bồ Tát, không làm A-la-hán mà là làm Phật! Trên Kinh Di Đà, đức Phật nói: “*Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sinh nước kia*”. Ba điều kiện chủ yếu: Thiện căn, phước đức, nhân duyên họ đều có đủ.

Nên biết: Người vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí chính là Phật, không phải Bồ Tát thông thường. Cho nên, chư Phật Như Lai nói pháp môn này là pháp khó tin. Chỉ người làm Phật căn tánh nhất Phật thừa mới tin sâu, không nghi; không phải người làm Phật thì không tin tưởng.

“*Một niệm tương ưng một niệm Phật*”, cái niệm này không phải cúng dường một vị Phật mà tận hư không khắp pháp giới, mười phương ba đời tất cả chư Phật thầy đều cúng dường hết. Pháp môn Niệm Phật là Pháp môn bình đẳng, phổ cúng tất cả chư Phật Như Lai. Cúng dường chư Phật có hiệu quả hay không, phải xem bạn niệm Phật có thành tâm hay không? Nếu dùng tâm chân thành mà tương ưng thì công đức đó không thể nghĩ bàn! Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả.

“*Khai đạo quần sanh*” là độ người. Chúng ta hiện nay có thể đem Pháp môn thù thắng này, dùng phương tiện khéo léo, rộng vì tất cả đại chúng mà giới thiệu, đó chính là “*Khai đạo quần sanh*”. “Khai” là khai mở bế tắc cho họ, vì họ giảng kinh thuyết pháp đó là “ngôn giáo”, nhưng phải lấy “thân giáo” làm nền tảng. Trước có “thân hành”, sau mới có “ngôn giáo”. Cái thứ tự này không thể đảo ngược. “Thân giáo” thù thắng hơn nhiều so với “ngôn giáo”. Chúng ta khuyên người niệm Phật, nói đến lở da miệng, họ vẫn không tin tưởng, vẫn không tiếp nhận, bán tín bán nghi, chỉ có cách bảo họ đích thân đến Niệm Phật Đường niệm Phật một ngày, chính họ thể nghiệm được họ mới tường tận.

Niệm Phật Đường này hoàn toàn không giống với Niệm Phật Đường khác. Đạo tràng này là đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, nơi đây không làm Pháp hội, không làm kinh sám Phật sự; ngoài điển tích của Tịnh Tông ra, không xen tạp bất cứ kinh điển nào, lại có được nhiều Pháp sư trong đạo tràng dẫn chúng, bạn đến đâu mà tìm được?! Cho dù ngày trước họ thanh tịnh hay không thanh tịnh cũng không ngăn ngại. Thanh tịnh tỳ kheo đến đâu mà thỉnh?! Không thỉnh được! Họ ở nơi đây không cần danh vọng lợi dưỡng, không cần bạn cung kính cúng dường, không cần đến thứ gì, duy chỉ chân thành niệm Phật, đều là phát khởi được tâm thanh tịnh nhất, mọi người cùng nhau đến đây niệm Phật, cảm ứng thật không thể nghĩ bàn! Cho nên, đạo tràng này tôi rất rõ, tôi tin tưởng các bạn đồng tu, đầu óc thanh tịnh một chút, bình lặng một chút, có thể biết được đạo tràng này có Phật, Bồ Tát đang niệm Phật.

- Rốt cuộc ai là Phật, Bồ Tát?

- Nếu bạn cố tìm, nhất định sẽ không tìm được! Bạn đi tìm thì câu Phật hiệu bạn niệm sẽ không được tương ứng vì có xen tạp, đã phá hỏng đi công phu niệm Phật của bạn rồi!

- Người xưa ghi chép những việc xen tạp rất nhiều! Như triều nhà Minh, Thích Kế Quang là vị tướng quân của nhà Minh, cũng là một Phật giáo đồ thuần thành. Bình thường ông tụng Kinh Kim Cang rất có lực. Đêm đó, ông mộng thấy một binh sĩ thuộc hạ của mình đã trận vong đến cầu xin ông đọc một quyển Kinh Kim Cang để siêu độ cho anh ta. Lúc tỉnh dậy, ông bèn cung kính đọc kinh hồi hướng cho vị binh sĩ này. Hôm sau, ông lại mộng thấy vị này đến cảm tạ:

- Cảm tạ tướng quân, tôi chỉ nhận được có nửa bộ Kinh Kim Cang! Ông hỏi:

- Vì sao?

- Vì khi ngài đọc Kinh Kim Cang, ngay giữa xen tạp hai chữ “không dùng”, nên hiệu quả chỉ nhận được phân nửa! Ông suy nghĩ: Ta không có nói “không dùng”! Bỗng nhiên nhớ ra: Khi ông đọc kinh, người hầu mang đến cho ông một tách trà. Ông không nói, chỉ xua tay, trong tâm khởi lên ý niệm “không dùng”, vậy mà kết quả đọc kinh chỉ còn có phân nửa! Có thể thấy được xen tạp là việc hư hại, không được xen tạp! Cho nên, Thích tướng quân ngày hôm sau cung kính tụng lại một bộ nữa. Tối đến, ông lại mộng thấy binh sĩ này đến cảm tạ ông, toàn bộ kinh anh ta đã thọ dụng và được siêu sinh.

Do đó có thể biết niệm Phật, tụng kinh không được xen tạp. Phải nên quán tưởng trong đạo tràng này, ngoài chính mình ra, người người đều là chư Phật Như Lai hóa thân đến giúp ta niệm Phật. Cùng với nhiều Phật như vậy niệm Phật, không khí đạo tràng này sẽ rất thanh tịnh, hai mươi bốn giờ niệm Phật nhất định sẽ không mệt mỏi, càng niệm càng hoan hỉ. Đúng là: “*người gặp việc vui, tinh thần thoải mái*”. Nhất định phải xem mỗi người là Phật thật, công đức niệm Phật này thật không thể nghĩ bàn!

“*Khai đạo quần sanh*” còn có một tầng ý nghĩa rất sâu, chính là nói những vị Bồ Tát này đã chứng được “Pháp tánh không” và “Pháp tướng vô sở hữu”, lòng từ bi trong tự tánh của họ tự nhiên sinh khởi. Cái phát tâm đó không phải miễn cưỡng, cũng không phải do người khác khuyên nhắc mà là trong tự nhiên sinh khởi, Pháp vốn như vậy! Kinh Duy Ma chép: “*Tuy tri chư Phật quốc, cập chúng sinh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sinh*” (Tuy biết các cõi Phật và chúng sinh là không mà thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sinh) thì gọi là “*khai đạo quần sanh*”. Nếu hỏi:

- Vì sao họ phải thường tu Tịnh Độ giáo hóa chúng sinh?

- Vì muốn thị hiện tấm gương cho người chưa được độ, để họ nhìn thấy mà phát tâm niệm Phật cầu sinh A Di Đà quốc độ. Đây là từ bi chân thật.

- Vì sao phải độ những chúng sinh này?

- Minh và người không hai!

Chúng sinh chưa độ hết thì phần “tự giác” của ta chưa thể viên mãn. Như thân này của ta có rất nhiều tế bào, chỗ nào trên thân bị u nhọt, phần tế bào ở đó có bệnh, nếu không lo chữa trị cho nó, toàn thân chúng ta tất không được an vui khỏe mạnh. Dưới tầm nhìn của chư Phật, Bồ Tát: “Tình dữ vô tình” đồng một Pháp thân, đồng một lý thể, đồng một tâm tánh, nên gọi là “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”.

Ngày nay, thế giới có tai nạn, người nhận lấy những thống khổ cũng không ít! Là người chân thật giác ngộ, rõ lý, thông đạt chân tướng sự thật liền biết được đó là một bộ phận trong toàn thân của mình, thì có lý đâu ngoảnh mặt, quay lưng trước đau thương của người khác! Hiện tại có cấp nạn, trước phải cứu cấp, cứu cấp đương nhiên thuộc về “Tài Bố thí”. Trước lấy “Tài Bố thí” làm nhân duyên, kết duyên với những chúng sinh bất hạnh này. Sau đó, dùng “Pháp Bố thí” khuyến hóa họ vĩnh trừ ác nghiệp, đoạn ác tu thiện, tích công bồi đức, cải thiện đời sống, có thể tránh được những tai ương họa nạn. Đây nhất định phải nương vào chỉ đạo của Phật pháp.

“Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang” (Hóa hiện thân mình, ví như ánh chớp): Câu này hoàn toàn cùng với phía trước chiếu ứng lẫn nhau. “*Hóa hiện kỳ thân*” chính là thị hiện “*tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp*”. “*Do như điện quang*”, điểm này là then chốt rất quan trọng. “*Điện quang*” chính là nói “*sinh diệt đồng thời*”, cũng chính là “*không sinh không diệt*”, đây là thần lực rất khó nghĩ bàn! Các Đại sĩ nhằm độ chúng sinh, hóa hiện đủ loại thân tướng, thoáng

nhanh như ánh chớp, đến khắp mười phương cõi nước, trên cúng đường, dưới hóa độ, bình đẳng phổ chiếu, chẳng phân biệt: ru, liệt, thân, sơ, vật, ngã, kia, đây v.v...

Sách Hội sơ chép: “Ánh chớp gồm bốn ý nghĩa: Một là rất nhanh chóng, hai là phá tối tăm, ba là chẳng trụ, bốn là chẳng phân biệt. Bồ Tát trong một niệm, một thời, đến khắp tất cả mười phương thế giới, trên cúng đường chư Phật, dưới lợi ích quần sanh, chẳng có tướng xuất nhập, trước sau lạ lùng như ánh chớp”. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chữ “chẳng trụ” ở đây có nghĩa là “Không trụ tướng”, Bồ Tát độ hóa chúng sinh mà không chấp trước cái “tướng độ hóa chúng sinh”. “Không phân biệt” là “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhơn”, chúng sinh có cảm, Phật và Bồ Tát tất sẽ có ứng. Ví như cái khánh, gõ thì mới kêu; không gõ thì không kêu. “Gõ” là “Cảm”, “tiếng kêu” là “Ứng”; gõ càng mạnh tiếng kêu càng lớn, âm thanh càng dài là đạo lý vậy.

“**Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược**” (Phá tan lưới chập, thoát dây ràng buộc): Đoạn phía trước là “tự thọ dụng” của Bồ Tát “*Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang*”, là trí tuệ chân thật. Có trí tuệ chân thật mới có thể cứu giúp chúng sinh, không những chính mình không mệt mỏi, trái lại càng tăng thêm Định-Tuệ. Nếu thật sự chưa vào được cảnh giới này, chớ vội giáo hóa chúng sinh, không chừng bị chúng sinh dẫn đi mất! Việc này đã xảy ra rất nhiều! “Liệt” là tiêu trừ, là phá tan; “ma”; như Trí Độ Luận giảng “*Đoạt tuệ mạng, hoại đạo pháp và gốc lành công đức nên gọi là ma*”. “Kiến” là cách nhìn, cách suy nghĩ, tìm cầu, quyết định v.v... bao gồm cả chánh và tà. “Ma kiến võng” (lưới “Kiến Hoặc” của ma) là tà kiến bời bời đan rối vào nhau khiến người khó thoát, giống như lưới rập nên cũng gọi là “Tà kiến võng” (lưới tà kiến).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Kiến*” là kiến giải; “*ma kiến*” là tất cả những kiến giải sai lầm, cách nhìn sai lầm, suy nghĩ sai lầm mang đến cho chúng ta vô lượng, vô biên khổ nạn. “*Võng*” là lưới, tỉ dụ cho nhiều, cho phức tạp. Những tư tưởng, kiến giải sai lầm của chúng ta quá nhiều, thật vô cùng phức tạp. Nhờ ân chư Phật, Bồ Tát chỉ dạy, chúng ta mới có thể xa lìa những kiến giải, tư tưởng sai lầm; mới biết sáu cõi, ba đường là hiểm đạo. Ngay trong hiểm đạo này quyết gìn giữ tự thân không bị ô nhiễm, không bị đọa lạc. Muốn được bản lĩnh này, tâm chúng ta phải luôn trong “Chánh Định”; không luận cảnh duyên thế nào, trong tâm vĩnh viễn là thanh tịnh, là tường tận, là giác chớ không mê, mới có năng lực giúp người khác, khuyên bảo người khác phá tà tri tà kiến, đây là “*Liệt ma kiến võng*” (Xé rách lưới Kiến Hoặc của ma).

“*Giải chư triền phược*”: “*Triền phược*” là phiền não. “*Triền*” là quấn, trói. “*Phược*” là trói buộc, dùng dây thừng cột trói lại. Như vậy thì tự do đã mất! Đây là tỉ dụ.

Trong kinh Phật nói “**Bát triền, tam phược**”:

“**Bát triền**” là: *vô tầm, vô quý, đố kỵ, bôn xén, ác tác, thù miên, trạo cử, hôn trầm*.

- “*Tàm*” là tự mình làm chuyện sai quấy biết tự thẹn, tự áy náy, tự lương tâm cắn rứt. Người này có lương tâm.

- “*Quý*” là biết hổ thẹn trước những dư luận, chỉ trích, phê bình. Người không có tầm, quý thì vấn đề sẽ trở nên trầm trọng. Họ làm chuyện xấu xa mà lương tâm họ không hề cắn rứt; người ngoài có phê bình, họ cũng mặc kệ, vậy thì vô phương! Cho nên, vô tầm, vô quý là đại phiền não nghiêm trọng. Hai chữ này dù thế hay xuất thế gian đều rất xem trọng.

- “*Đố kỵ*” là tâm ganh ghét cũng là phiền não nghiêm trọng.

“*Bòn xén*” là tâm keo kiệt, cái này với “tham” cùng một thứ; tự mình tiếc rẽ không muốn cho người, không muốn giúp người. “*Bòn xén*” có thể là bòn xen tài, bòn xén pháp.

“*Ác tác*”: Người thế gian thường nói chơi trò tinh nghịch, phá phách, mặc dù không cố ý nhưng những tạo tác này không phải thiện. Xã hội hiện nay có rất nhiều, họ xem những việc ác này cho là hiện tượng bình thường thì nguy to rồi! Đâu biết rằng chính ngôn ngữ, tạo tác của mình gây ra ảnh hưởng phản diện, bất thiện, tiêu cực đối với xã hội to tát đến dường nào!

- Chúng ta ngày nay niệm Phật vì sao không được nhất tâm?

- Một ngày niệm Phật vài tiếng đồng hồ, nếu xem tivi nửa tiếng thì hỏng hết cả!

Cho nên, người niệm Phật khẳng định không xem ti vi, không nghe truyền thanh, ngay đến báo chí cũng không xem thì tốt nhất. Bởi trong đó đăng tải toàn những vấn đề rối loạn của xã hội; những gì có thể xem thì chưa được nửa trang! Những sự việc này đều thuộc về “*ác tác*”. Muốn bảo vệ chính mình, bảo vệ tâm thanh tịnh của con em, phải dạy chúng cách ly những thứ này, chỉ có tâm thanh tịnh mới khởi sinh trí tuệ chân thật. Nếu tâm bị ô nhiễm, cho dù có thông minh cũng chỉ là tà tri tà kiến!

“*Thùy miên*” (ham ngủ nghỉ): Có ngủ nghỉ sức khỏe và tinh thần con người mới được hồi phục. Tuy nhiên, không thể tham ngủ quá nhiều sẽ dễ bị hôn trầm, không tốt. Cho nên, đây cũng là một phiền não.

- “*Trạo cử*”: Là tâm bao chao, không an, không định.

- “*Hôn trầm*” là tinh thần không phấn chấn, lúc niệm Phật vừa ngồi xuống chỉ tịnh là ngủ gật ngay. Có người lúc đi nhiễu Phật họ cũng ngủ gục! Đây là *hôn trầm* không phải công phu.

“*Tam phược*”: là tam độc phiền não “tham-si-sân”. Có những thứ này làm sao tâm được tự tại! Cho nên, phải “giải chư triền phược”. Phật pháp dạy chúng ta “chánh tri, chánh kiến”; “ma kiến” hoàn toàn tương phản với “chánh tri, chánh kiến”.

- Làm thế nào điều chỉnh quan niệm sai lầm của họ?

- Biện pháp tốt nhất là giảng kinh nói pháp khiến cho họ khai ngộ. Sự việc này không phải thời gian ngắn mà có thể làm được. Nếu họ không khai ngộ, hiểu sai ý nghĩa của Như Lai, cho dù nghe một trăm năm cũng là uống công! Thậm chí đem kinh điển của Phật cũng biến thành “ma kiến”, việc này xảy ra rất nhiều. Người xưa gọi là “xem chữ hiểu nghĩa, ba đời chư Phật bị hàm oan!”. Đại Trí Độ Luận thường nói: “*Phật pháp không người nói, có trí cũng không thể hiểu*”. Người thế gian cho dù có thông minh trí tuệ, xem kinh Phật cũng không thể hiểu.

- Vì sao họ không hiểu?

- Vì kinh Phật từng câu, từng chữ đều nghĩa ở ngoài lời. Đó là chỗ khó của Phật pháp. Phật pháp là pháp giác ngộ, nếu nương theo âm thanh, văn tự mà cầu giải, nhất định không thể nào khai ngộ!

- Vì sao? Vì còn chấp tướng! Là tướng mới có thể khai ngộ. Khi nói pháp phải chú trọng “thiện xảo”, “xảo” là phương pháp xảo diệu, “thiện” là khiến người nghe có thể ngộ nhập, đó mới là “thiện”. Nếu người nghe không thể ngộ nhập, tuy “xảo” mà không “thiện”. Cho nên, phải giúp người nghe ngộ nhập mới được.

- Làm thế nào giúp họ ngộ nhập? Phải chăng đi tìm một người chân thật cao minh để nói pháp?

- Không phải vậy! Ngày xưa có rất nhiều người nói pháp chưa khai ngộ nhưng người nghe pháp lại ngộ rồi. Đây mới là “diệu”. Đúng như câu: “*Biết nói không bằng biết nghe*”.

- Bạn nghe kinh đã nhiều năm không thể ngộ nhập là do đâu?

- Bạn không biết nghe!

Người xưa xem kinh, nghe giảng rất dễ dàng thể hội. Người ngày nay tuồng như thông minh hơn người trước, nhưng nghe mấy mươi năm, thậm chí nghe cả đời vẫn không thể khai ngộ! Điểm này phải hiểu: Người xưa học Phật, không luận tại gia hay xuất gia đều có năm năm học giáo.

- Năm năm học giáo là ý nghĩa gì?

- Năm năm học giới; không phải học giới luật mà là tuân thủ răn dạy của thầy.

Ngày trước, muốn học Phật, năm năm đầu đến đạo tràng làm tạp vụ, làm những việc nặng nhọc để tu phước. Không có phước thì không được! Cho nên, năm năm đầu tu phước lẫn tu tuệ, “*Phước tuệ song tu*”.

- “*Tuệ*” thì tu như thế nào?

- “*Tuệ*” là tu “*căn bản trí*”!

- Năm năm dạy bạn cái gì ?

- Dạy bạn “*vô tri*”, giúp tâm bạn định lại.

Trong Thiên tông dùng phương pháp “*tham cứu*” nhằm ngăn chặn tất cả những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong tâm bạn. “*Giáo hạ*” thì dạy bạn đọc kinh. Mỗi tông phái, mỗi đạo tràng cách học không như nhau. Sau khi hoàn tất công việc, bạn phải mau tranh thủ học thuộc kinh. Cho nên, trong giảng đường không có chỗ ngồi cho bạn, bạn không thể nghe kinh! Trong thiền đường cũng không có chỗ ngồi cho bạn! Năm năm đầu chỉ là phục vụ đại chúng, sau năm năm bạn mới có tư cách đến giảng đường nghe kinh hoặc đến thiền đường để tham thiền.

Tóm lại, năm năm đầu “tu phước” chính là xả thân vì thường trụ, nỗ lực làm việc, chăm sóc sự đi lại, sinh hoạt của đại chúng; “tu tuệ” là học thuộc kinh điển, hoàn toàn học thuộc lòng, không có giảng giải. “Học thuộc” là “Giới-Định-Tuệ” tam học, giúp tâm bạn Định không khởi vọng tưởng, nếu có vọng tưởng sẽ không thể nào học thuộc. Dùng phương pháp này để tu “căn bản trí”. Có được nền tảng năm năm như vậy, sau đó đến giảng đường nghe giảng kinh, mới có thể khai ngộ.

Người hiện tại đã bỏ mất đi nền tảng này! Hơn nữa, vừa tiếp xúc Phật pháp, họ liền nghe rất nhiều người giảng, xem qua rất nhiều tư liệu khác nhau, khiến đầu óc họ rối tung hồ đồ đến mê hoặc! Cho nên, người khai ngộ hiện nay không có! Hiện tại, chúng ta không phải “*liệt ma kiến võng*” mà là “*đọa ma kiến võng*”, sa vào lưới ma, không thể ra khỏi!

Tôi nghĩ: Ở Niệm Phật Đường này, chúng ta cố gắng niệm Phật cho tốt trong ba năm, sau mới đến nghe giảng kinh, đây là chiếu theo qui củ để làm. Thế nhưng, hiện tại nếu áp dụng như vậy, e rằng sau ba năm niệm Phật, đến sau cùng mọi người đều chạy hết! Cho nên, chúng ta phải ngày ngày khuyên nhủ, phải đem lợi ích thù thắng này giải thích tường tận cho mọi người hiểu, khiến họ mới phát tâm, sinh tâm hoan hỷ ở Niệm Phật Đường chí tâm niệm Phật. Do vậy, trong giai đoạn mở đầu, giảng kinh vẫn là điều rất cần thiết.

“*Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa, nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn, thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa*” (Vượt xa địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, nhập pháp môn “Không, Vô Tướng, Vô Nguyện”, khéo lập phương tiện, hiển thị tam thừa). Đây cũng là tướng thứ bảy “chuyên pháp luân” trong tám tướng thành đạo.

“*Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa*”. Hai câu này khen ngợi “thật Đức” của các Đại sĩ trong hội, “sở giác” (những điều các ngài giác ngộ) thù thắng, vượt xa địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật. Theo sách chú giải của cụ Hoàng:

“*Thanh Văn*” (Sravaka) là đệ tử Phật theo pháp Tiểu thừa, nghe giáo pháp của Phật mà ngộ lý Tứ Đế. Họ đã đoạn được hai “Hoặc”: Kiến và Tư, thoát khỏi “Phần đoạn sinh tử” nhập Niết Bàn (“Phần đoạn sinh tử” còn gọi là “Hữu vi sinh tử” là sự sinh tử của phàm phu trong tam giới. Do quả báo từ nghiệp thiện hay ác khác nhau mà có hình mạo, thọ lượng khác nhau. Do thân mạng có dài, ngắn khác nhau nên gọi là “Phần đoạn”).

Tịnh Ảnh Sớ nói: “*Ngôn giáo của Đức Phật thuyết gọi là Thanh. Nghe tiếng giải ngộ nên gọi là Thanh Văn*”.

“*Bích Chi Phật*” (Pratyekabuddha): “*Bích Chi*” (Pratyeka) là tiếng Phạn; Hán dịch là nhân duyên. “*Phật*” nghĩa là “giác”. Cụm dịch Bích Chi Phật là Duyên Giác; tân dịch là “Độc Giác”.

Theo “Đại Thừa Nghĩa Chương”, Duyên Giác có hai cách hiểu:

- *Một* là quán mười hai nhân duyên, đoạn Hoặc chứng Chân, từ duyên mà giác ngộ nên gọi là *Duyên Giác*.

- *Hai* là do các duyên sự tướng của ngoại giới như gió thổi cây động v.v... mà được giác ngộ nên bảo là *Duyên Giác*.

Tông Thiên Thai lại phân chia hai danh từ này như sau:

- Ra đời gặp nhằm lúc Phật xuất hiện, quán mười hai nhân duyên được giác ngộ là *Duyên Giác*.

- Ra đời nhằm lúc không có Phật, thấy ngoại duyên: gió thổi cây động, lá rụng, hoa bay v.v... mà giác ngộ là *Độc Giác*.

Hai thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật nói trên đều là bậc hạ căn trong hàng đệ tử Phật.

Nay các Đại sĩ đây vượt xa hơn họ như Sách Bình Giải nói: *“Nhị Thừa tuy đắc ba Không môn, nhưng chìm đắm nơi Thiên Không. Bồ Tát chẳng giống như vậy, thấu đạt lưới huyền, đắc pháp bình đẳng. Vì vậy, tuy trụ ba Không môn mà chẳng trụ vô vi, cho nên dẫn làm Thanh Văn, làm Duyên Giác lại siêu việt địa vị Thanh Văn, Duyên Giác”*.

Kinh Đại Bảo Tích, pháp hội Thiện Đức Thiên Tử có chép : *“Dĩ Thanh Văn pháp giáo hóa chúng sinh, cố ngã thị Thanh Văn. Dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích chúng sinh, cố ngã thị Bích Chi Phật dã. Dĩ đại bi pháp giáo hóa chúng sinh, cố ngã thị Bồ Tát. Ư nhất thiết pháp đắc giải thoát, nhất thiết vô ngại cố. Tùng sở hóa chúng sinh, hoặc dĩ Thanh Văn pháp hóa ích, hoặc dĩ Bích Chi Phật pháp hóa ích, hoặc dĩ Bồ Tát pháp hóa ích. Cố ngã thị Thanh Văn, ngã thị Duyên Giác, ngã thị Bồ Tát dã”*. (Dùng pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sinh nên ta là Thanh Văn. Dùng pháp Bích Chi Phật giáo hóa, tạo lợi ích cho chúng sinh nên ta là Bích Chi Phật. Dùng pháp đại bi giáo hóa chúng sinh nên ta là Bồ Tát. Trong hết thầy pháp được giải thoát vì hết thầy vô ngại. Đối với chúng sinh được ta hóa độ, hoặc dùng pháp Thanh Văn giáo hóa để làm lợi ích, hoặc dùng pháp Bích Chi Phật giáo hóa để làm lợi ích, hoặc dùng pháp Bồ Tát giáo hóa để làm lợi ích, nên ta là Thanh Văn, ta là Duyên Giác, ta là Bồ Tát).

Câu này nói đến phương tiện khéo léo của các Đại sĩ; tùy cơ độ sinh, thị hiện làm Nhị Thừa, chẳng bỏ hình tướng Thanh Văn, Bích Chi Phật nên bảo là “viễn siêu” (vượt xa). Chữ ‘địa’ trong chánh kinh là địa vị, là cảnh giới.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trong cách nhìn của phàm phu, Thanh Văn là thánh nhân, họ có năng lực siêu việt sáu cõi luân

hỏi. Tuy nhiên, nếu so họ với Bồ Tát thì cự ly này còn kém rất xa! Cho nên, trong Phật pháp Đại Thừa, Thế Tôn thường quở trách hàng *Tiểu Thừa*, cũng chính là khuyến khích họ bỏ “Tiểu” hướng “Đại”. Nhất định sớm muộn gì họ cũng sẽ quay đầu. Duyên Giác hay Bích Chi Phật quay đầu có phần nhanh hơn *A-la-hán* vì căn tánh của họ bén nhạy. Lại nữa cơ duyên gặp được Đại Thừa, gặp được thiện tri thức của mỗi người cũng không giống nhau.

Tiểu Thừa so với Bồ Tát: Người Tiểu Thừa không chủ động đi giúp người khác, không “làm bạn không mời của tất cả chúng sinh” như phía sau đoạn kinh này nói. Việc này Tiểu Thừa nhất định không làm được! Không phải họ không độ chúng sinh; nếu bạn cần đến họ, họ phải quán xét xem thiện căn, duyên phận của bạn thế nào mới ra tay giúp bạn. Không như Bồ Tát, dùng tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, không phân biệt, không chấp trước; điểm này về mặt đức hạnh, Tiểu Thừa không thể sánh với Bồ Tát. Đương nhiên, sức định, đạo lực, trí tuệ của họ cũng không thể sánh bằng Bồ Tát, tuy rằng công phu đoạn chướng của Bồ Tát cũng y như họ.

Trong Đại Kinh nói “Bồ Tát viên giáo Thất Tín vị” đoạn “kiến, tư thiền nã”; *A-la-hán* cũng đoạn “kiến tư thiền nã” công phu của họ giống nhau nhưng thần thông, đạo lực, trí tuệ, thiền định của “Bồ Tát Thất Tín vị” cao hơn *A-la-hán* rất nhiều. Đạo lý này cũng dễ hiểu vì tâm lượng của Bồ Tát lớn hơn nhiều so với tâm lượng của *A-la-hán*!

Trên Kinh Hoa Nghiêm nói: Vào thời mạt pháp, người đương cơ là “Đại tâm phạm phu”. “Đại tâm phạm phu” còn vượt trội hơn Thanh Văn, Duyên Giác. Vì sao? Vì Thanh Văn, Duyên Giác không có cơ duyên tu học Đại Thừa như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa v.v..., họ không có phần! Không phải Phật không bình đẳng mà chính họ không tin tưởng, không tiếp nhận! Điểm này họ

thua xa “Đại tâm phạm phu”. Gọi là phạm phu, vì một phẩm vô minh, phiền não họ cũng chưa đoạn. Tuy nhiên, nếu luận về tâm lượng, về kiến giải, chân thật “Đại tâm phạm phu” siêu việt hơn Tiểu Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác. Đây là tán thán đối với những Bồ Tát dự hội này siêu việt rất xa hàng Nhị Thừa. Câu phía sau là chứng nhập tam-muội.

“Nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn”: còn gọi là **“Tam giải thoát môn”**. Chữ **“Không, Vô Tướng, Vô Nguyện”** được Tịnh Ảnh Sớ giảng như sau: *“Chúng sinh và pháp đều không có tự tánh nên gọi là Không. Cho đến nhân duyên cũng chẳng có tướng nên bảo là Vô Tướng. Do vượt khỏi cái “bị lấy” (sở thủ), xa lìa tâm chấp lấy nên bảo là Vô Nguyện”*. Đại, Tiểu Thừa đều có “Vô Nguyện”, có kinh gọi là “Vô Tác”, ý nghĩa như nhau. “Tam giải thoát môn”, ba cánh cửa này có thể giúp bạn chứng đạo, thông đạt vô ngại, chứng được chư pháp thật tướng.

Trong Tiểu Thừa nói: Bạn có thể vượt thoát sáu cõi luân hồi, nhất định là từ trong ba pháp môn này mà thành tựu. Trong Đại Thừa pháp nói: Ba pháp môn này có thể giúp bạn siêu việt mười pháp giới chứng được “Pháp giới nhất chân”. Cho nên, **“Tam giải thoát môn”** thông cả Đại, Tiểu Thừa; danh tướng tuy như nhau nhưng cảnh giới thì không giống nhau. Thí dụ nói: “Không môn”, người Tiểu Thừa chứng được “Ngã không” nên siêu việt sáu cõi; người Đại Thừa chứng được “Ngã không” và “Pháp không” nên siêu việt mười pháp giới, có thể chứng được “pháp giới Nhất Chân”.

“Cửa Không” là từ tự tánh. Từ trên lý thể tất cả vạn sự vạn vật mà nói “tướng có tánh không, sự có lý không”. Họ có thể từ tướng thấy được tánh, từ sự có thể quan sát được lý. Họ chân thật tường tận được sự tướng là huyễn hóa, như trên Kinh Kim Cang nói: “mộng, huyễn, bào, ảnh”. Cái tướng này là giả tướng không phải thật tướng,

là sát-na sinh diệt, không thực tại. Từ nơi cửa này, phương pháp này mà ngộ nhập, thoát ly sinh tử, siêu vượt ba cõi, đó chính là từ “cửa Không” mà chứng đạo.

Thiền tông Trung Quốc và “Pháp Tướng tông” là từ cửa này vào. Cách này rất khó! Chúng ta ngày nay dù niệm cách nào cũng không vào được! Nếu không vào được thì vào cửa thứ hai là cửa “**Vô Tướng**”. “Tướng” là “Hữu môn”, có thể từ “Hữu môn” mà vào.

- Đã “Hữu” vì sao gọi là “Vô Tướng”?

- Bởi tướng là duyên sinh. Kinh Bát Nhã nói: “Vạn pháp duyên sinh”, phạm hễ pháp do nhân duyên sinh đều không có tự tánh. Từ chỗ này tỉ mỉ mà quan sát, thấy được tướng là giả tướng. Nếu chân thật thấy được tất cả tướng đều là giả tướng thì bạn đã nhìn thấu, thông đạt, tự nhiên có thể buông bỏ, không còn chấp trước, liền siêu việt sáu cõi, vào được cửa “Vô Tướng”.

Nếu không vào được cửa “Vô Tướng” phải vào cửa thứ ba là cửa “**Vô Nguyện**” cũng gọi là cửa “**Vô Tác**”. “Nguyện” là tạo tác, “Vô Nguyện” là không có bất cứ tạo tác nào. Nên nhớ! Không tạo tác ở đây là chỉ cho tâm không khởi động niệm, chẳng phải bảo bạn thân không tạo tác. Nếu thân không tạo tác, thử hỏi bạn có ăn uống, ngủ nghỉ, đi đứng làm việc hay không? Nếu có thì vẫn là tạo tác, làm sao nói không tạo tác được!

Cho nên làm bất cứ công việc gì mà không khởi tâm động niệm, không chấp trước đó gọi là không tạo tác. Cho thấy việc này cũng không dễ! Suy cùng nghĩ cạn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, ba cánh cửa giải thoát tuyệt hay nhưng rất khó vào! May thay! Có Pháp môn Niệm Phật, cửa này thì được! Đây là “lão thật niệm Phật”, điều mà trong Kinh Vô Lượng Thọ nói, bao hàm hết thảy Pháp môn, chân thật là “nhất tu nhất thiết tu” (một tu thì tất cả đều tu).

Trong Phật pháp, việc thứ nhất chính là dạy bạn phát nguyện, không có nguyện làm sao có thể thành công! Có đồng tu hỏi tôi:

- Phàm làm việc tốt mà không cầu bất cứ thứ gì đó mới chân thật là việc tốt.

- Lời nói này tuy không sai, nhưng trên thực tế: Như đúng mà sai! Bạn không mong cầu nhưng bạn có thật đạt đến không mong cầu chẳng?! Bụng đói phải ăn cơm, mệt rồi phải nghỉ ngơi, bạn vẫn có “sở cầu”, sao có thể nói là “vô sở cầu”!

Chân thật đạt đến “vô cầu”, đó không phải là cảnh giới của phàm phu chúng ta, mức thấp nhất phải là Pháp Thân Đại Sĩ như Kinh Hoa Nghiêm nói. Họ chân thật làm đến được “vô niệm”, còn chúng ta thì không thể nào! Cho nên, trong cảnh giới, Phật và Bồ Tát vẫn thị hiện có “sở cầu”. Đừng nói là Bồ Tát Viên Sơ Trụ, Bồ Tát Đẳng Giác, Như Lai thừa nguyện tái lai, đến giúp chúng sinh cũng phải thị hiện phát nguyện. Thích Ca Mâu Ni Phật há chẳng thị hiện tám tướng thành đạo, cũng đã dạy chúng ta phát “Tứ Hoàng Thệ Nguyện”, hay sao? A Di Đà Phật phát bốn mươi tám nguyện mới có thể viên mãn thành tựu được thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên vẫn tự trong đây nhất định phải hiểu cho tường tận, nếu chỉ nhìn văn hiểu nghĩa thì ba đời chư Phật đều bị hàm oan!

“*Vô Nguyện*” ở đây là nói lìa tâm năng sở (như Tịnh Ảnh Sơ nói: vượt khỏi cái “bị lấy” (Sở thủ), xa lìa “tâm chấp lấy” (năng thủ), cái nguyện này mới gọi là nguyện chân thật. Người thế gian đều có nguyện vọng, nhưng nguyện vọng của họ không bền bỉ, nếu gặp duyên, họ lại thoái tâm là do nguyên nhân gì? Bởi nguyện của họ phát ra từ vọng tâm, không phải từ chân tâm. Từ vọng tâm thì có phân biệt, có chấp trước, có tạo tác. Chân thật phát nguyện thì không có điều kiện.

Chư Phật Như Lai “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, chính là không có điều kiện, đối với tất cả chúng sinh hữu tình, vô tình đều quan tâm, thanh tịnh bình đẳng, thương yêu bình đẳng. Phàm hễ có điều kiện đều là giả, đều không thật. Có điều kiện là có năng, có sở; năng và sở là hai pháp.

Lục Tổ Huệ Năng nói: “*Hai pháp thì không phải Phật pháp; Phật pháp là không hai*”. Có thể đoạn dứt hai bên năng, sở, đó mới gọi là “Vô Nguyện”, mới gọi là “Vô Tác”.

Trong kinh thường nói: “*Thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*”, mười phương tất cả Phật bao gồm cả chúng ta trong đó, việc này nói lên tất cả pháp đều đồng một thể (cộng đồng nhất Pháp Thân). Thế nên lòng từ bi của Phật, Bồ Tát là “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”. Phàm phu mê là mê ở việc này; chư Phật, Bồ Tát giác ngộ cũng từ sự việc này. Tâm từ bi của các ngài không cần có bất cứ điều kiện nào, trong tâm thật sự đã giải thoát, tâm khai ý giải; cảnh giới đó mới thật sự vui sướng không gì bằng! Sau khi thông hiểu thế nào là “*Vô Nguyện*”, chúng ta mới thể hội được đại đức xưa nói: *Làm mà không làm, không làm mà làm*, đó là lia cả hai bên, hai bên đều không chấp trước.

- A Di Đà Phật có chấp trước đối với bốn mươi tám nguyện của Ngài chăng?

- Không có! Tâm ngài thanh tịnh, không nhiễm một trần, ngài liền “Vô Nguyện”. “Hữu Nguyện” cùng “Vô Nguyện” là một không phải hai cái này tuyệt diệu! Do đây có thể biết “Vô Nguyện”, cảnh cửa này thường gọi là “Pháp môn không hai”.

Tóm lại, vào đạo có ba cửa: *Cửa Không* (tức “*Không*”), *cửa có* (tức “*Vô Tướng*”), *cửa không hai* (tức “*Vô Nguyện*” hay “*vô tác*”). “Hai” mà “không hai”; “nguyện” mà “vô nguyện”; “vô nguyện” tức “nguyện”. Rất nhiều Bồ Tát Đại Thừa từ cửa này mà khế nhập “cảnh

giới Như Lai quả địa” tức là “Pháp giới Nhất Chân”. Chúng ta tu học Tịnh Độ, sinh vào thời kỳ mạt pháp phải hiểu những đạo lý này.

Nhìn chung, “*tam giải thoát môn*”, chúng ta đều không thể vào được. Ba cửa này là con đường thông lộ. Hiện tại chúng ta phải mở con đường sau, không đi ba cửa này. Cho nên, Tịnh Độ tông gọi là pháp môn đặc biệt, “môn dư đại đạo”, ngoài ba cửa chính qui, vẫn còn một cửa thật đặc biệt mà rất nhiều Bồ Tát đều không biết nên gọi là pháp khó tin! Nếu nói với họ về “Không, Vô Tướng, Vô Nguyên”, họ có thể tin không hoài nghi, nhưng nếu nói “Niệm Phật vãng sinh” thì họ không tin!

“*Niệm Phật vãng sinh*” dường như không có cửa, không có trong ba cửa này nhưng đó là pháp môn đặc biệt, riêng biệt, là “pháp ngoài cửa lớn”. Suy cùng nghĩ cạn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đến sau cùng qui nguyên đều không ngoài ba cánh cửa này. Đó là trên kinh Đại, Tiểu thừa thường nói. Riêng đối với Tịnh Tông, chúng ta cũng có bí quyết vào cửa.

Hiện tại chúng ta xây dựng Niệm Phật Đường. Mỗi đồng tu bước vào Niệm Phật Đường đều sinh tâm hoan hỷ, được Phật lực gia trì. Trước khi chưa bước vào Niệm Phật Đường, bạn còn hoài nghi rất khó tin tưởng: Có người hoài nghi thể lực mình không đủ, một ngày một đêm chắc không thể chịu nổi huống hồ hai ngày hai đêm càng không thể chịu nổi! Thế nhưng, sau khi bước vào Niệm Phật Đường, càng niệm càng hoan hỷ, chính mình cảm thấy thật ngoài sức tưởng tượng, thậm chí không ngờ chính mình lại có thể có được năng lực này, từ đó mà tín tâm sinh khởi; không chỉ hai ngày hai đêm mà bảy ngày bảy đêm cũng có thể được.

Làm sao biết được? Ngạn ngữ có câu “người gặp việc vui tinh thần thoải mái”. Bạn bước vào Niệm Phật Đường với tâm trạng hoan hỷ thì tinh thần liền sáng khoái; nếu bước vào với tâm trạng

chẳng vui thì bạn đã mất đi tinh lực phần khởi trong khi niệm Phật. Hoan hỉ là chất bổ dưỡng tốt nhất cho sinh lý chúng ta, bất cứ dinh dưỡng nào cũng không thể sánh bằng với dinh dưỡng hoan hỉ, việc này phải biết!

Phật pháp Đại Thừa dạy chúng ta thường sinh tâm hoan hỉ. Thế nhưng, làm gì có được nhiều việc vui đến như vậy, chỉ niệm Phật mới chân thật là hoan hỉ. Hoan hỉ của niệm Phật phải chính bạn đích thân cảm thọ; không bước vào Niệm Phật Đường, bạn không thể có được cảm thọ này.

Cùng một đạo lý, người trời Sắc giới đã đoạn tuyệt tất cả mọi sự ăn uống, nhưng chẳng bao giờ nghe nói họ bị bệnh. Thử hỏi:

- Họ dùng phương cách gì để duy trì sắc thân của họ?
- Trên kinh nói: “Thiền duyệt vi thực”.

“Thực” là thí dụ cho thứ bổ dưỡng. Chúng ta phải dùng thức ăn nước uống để bồi dưỡng thân thể. Họ dùng là “thiền duyệt”, an vui trong thiền định để trường dưỡng tự thân. Ngày nay, chúng ta ở Niệm Phật Đường Niệm Phật tam-muội, còn nồng hơn so với “thiền duyệt” của người trời Sắc giới. “Thiền duyệt” của họ thành thật mà nói, không có Phật lực gia trì! Chúng ta Niệm Phật tam-muội, không những được A-Di Đà Phật bốn nguyện gia trì, mà mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, đều gia trì, làm sao mà không hoan hỉ chứ! Đích thật là Pháp hỉ sung mãn! Tinh thần phấn khởi trăm phần, càng niệm càng hoan hỉ! Càng niệm càng có thể lực! Nếu bạn nào sức khỏe không tốt, thường hay bị bệnh, nên thường đến Niệm Phật Đường này niệm Phật, những bệnh nhỏ đó đều sẽ tiêu hết. Chính bạn phải có niềm tin, phải biết oai thần gia trì của Phật, Bồ Tát thật không thể nghĩ bàn!

Ngày nay, chúng ta niệm Phật, hi vọng không cần quá cao, mức thấp nhất là “công phu thành khối”. Chỉ cần niệm Phật đến “*công phu thành khối*”, tương lai vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhất định nắm được phần chắc. Nói khác đi, ngay đời này bạn nắm chắc sẽ thành Phật. Trong mười phương pháp giới, chọn lựa này của bạn là thù thắng nhất. Có đồng tu đến hỏi tôi:

- “Công phu thành khối” là như thế nào?

- “*Công phu thành khối*” là trong tâm chỉ có nhớ Phật, niệm Phật. Ngoài nhớ Phật, niệm Phật ra, các vọng niệm khác đều không có. Sức niệm tưởng này mạnh, khiến phiền não trong tâm bị đè xuống, phiền não tuy còn đó nhưng không thể khởi tác dụng, không khởi hiện hành đó là niệm Phật được “*công phu thành khối*”.

Nếu lìa khỏi Niệm Phật Đường, tiếp xúc với cuộc sống thường ngày vẫn còn khởi tâm sân hận khi gặp việc không vui; vẫn khởi tâm tham đắm khi gặp việc vừa ý v.v... phải biết rằng công phu của bạn chưa đạt đến trình độ này! Công phu chân thật đạt đến thành khối, cho dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào, tâm bạn vẫn duy trì được trạng thái bình lặng, an trụ trong cảnh giới ở Niệm Phật Đường. Trong Niệm Phật Đường, chí ít bạn phải rèn luyện tâm mình đạt đến công phu này mới xem là có thành tựu. Có đồng tu nói:

- Việc này rất khó!

- Không sai! Làm Phật đâu phải là chuyện quá dễ dàng!

Sự việc này bình thường bạn phải dụng công.

- Công phu là gì?

- Nhìn thấu, buông bỏ! Cũng chính là nói đối với tất cả mọi người, mọi việc, mọi vật phải thấy nhạt đi đôi chút, không nên quá chấp trước. Phải xem: Việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ hóa không, không

nên chấp trước từng li từng tí, thì công phu của bạn mới có lực. Nếu mọi thứ đều so đo tính toán, vậy thì rất đáng lo!

Cho nên, việc nào cũng nên xem nhẹ: Có cũng tốt! Không có cũng tốt! Thiệt thời cũng tốt! Chịu lỗ cũng tốt! Bị chiếm tiện nghi cũng tốt! Thứ gì cũng đều tốt! Không nên tính toán, cũng không cần phải hỏi qua. Chân thật là “*nhiều một việc, không bằng ít đi một việc; ít đi một việc không bằng không có việc gì*”. Tất cả tùy duyên qua ngày thì tốt!

Những đồng tu lãnh đạo đạo tràng Cư Sĩ Lâm chân thật là rất hiếm có! Chúng ta ở bên cạnh quan sát khởi tâm động niệm của họ, việc làm của họ đều rất bội phục! Họ làm rất đúng pháp, rất tương ưng, đều có thể hóa nặng thành nhẹ, có thể tùy duyên mà không phan duyên. Phan duyên chính là chấp trước, nhất định phải làm như thế nào đó theo ý của mình, vậy thì sai rồi!

“Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa” (Khéo lập phương tiện, hiển thị tam thừa): “Thiện” là khéo léo. Sách Pháp Hoa Nghĩa Sớ viết: “*Phương tiện là tên khác của thiện xảo. Thiện xảo là công dụng của trí*”.

Kinh Đại Tập dạy: “*Năng điều chúng sinh tất linh thú hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị danh phương tiện*” (Có thể điều phục chúng sinh khiến họ qui hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì gọi là Phương tiện).

Hội Sớ cũng nói: “*Kinh Niết Bàn chép: ‘Trí độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ’* (Bát Nhã Ba La Mật là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha)”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Phật pháp chú trọng “khế lý” và “khế cơ”. “Khế lý”, nhất định phải tương ưng với tánh đức, trí tuệ đức năng đầy đủ trong tự tánh. Câu phía trước “Không, Vô

Tương, Vô Nguyện” đó là tánh đức, nếu tương ứng với chỗ này “*thiện lập phương tiện hiển thị tam thừa*” thì họ liền siêu việt. Cũng thế, pháp môn Niệm Phật có thể tương ứng với “Nguyện” của Phật, cụ thể là bốn mươi tám nguyện như trên kinh này đã nói, cũng tương ứng với tánh đức của Phật tức danh hiệu A Di Đà Phật, công đức danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn!

“A Di Đà Phật” là “Vô Lượng Giác”. Mỗi giờ, mỗi lúc, mọi chỗ, mọi nơi, đối với người, với việc, với vật đều giác chớ không mê, đó là A Di Đà Phật. “Mê” là phàm phu, “Giác” là Phật. Cho nên, mỗi niệm tương ứng với giác mới có thể vào được cửa, đó chính là “Khế lý”.

Ngoài “khế lý” còn phải “khế cơ”. “Cơ” là căn tánh của đại chúng hiện tiền. Phật pháp là sống không phải là chết. Phật pháp độ người hiện tại, không phải độ người xưa, cũng không phải độ người vị lai, cũng không phải độ người thế giới khác. Bạn phải hiểu được căn cơ của đại chúng hiện tiền.

Cho nên đồng tu phụ trách dẫn chúng trong Niệm Phật Đường phải tường tận đạo lý này. Chính mình phải thường hay khích lệ, khuyến tấn lẫn nhau, phải nghiên cứu cải tiến lẫn nhau, không được chấp trước thành kiến của chính mình, phải thường thỉnh giáo với Pháp sư thời khóa ngày hôm đó xem các vị cảm thấy như thế nào? Có chỗ nào cần phải cải tiến? Phải thành thật, cung kính mà thỉnh giáo, không phải qua loa, không phải khách sáo. Ngoài ra, còn phải hướng đến mỗi đồng tu đến tham gia niệm Phật, hỏi nhiều nơi họ, thỉnh giáo nhiều lần với họ, khiến đạo tràng chúng ta được cải tiến mỗi ngày. Không ngừng cải sửa, ngày ngày tiến bộ, vậy còn gì bằng! Đạo tràng này tự nhiên trở thành mô phạm đệ nhất thế gian.

- Đạo tràng đệ nhất do đâu mà có?

- Do ngày ngày cải tiến! Phát hiện điều gì không thích hợp thì lập tức phải sửa đổi. Sửa đổi nếu vẫn chưa thích hợp thì tiếp tục sửa nữa, cứ thế mà ngày ngày tiến bộ. Như vậy mới có thể làm được “khế cơ”, mới gọi là “hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức”. Hai câu nói này của Bồ Tát Phổ Hiền, chân thật làm đến được “khế cơ”.

Ngày trước, Tổ sư, đại đức lập ra những qui củ là tùy thuận căn tánh của chúng sinh thời đó. Hiện tại, nếu chúng ta vẫn một mực không đổi, chỉ chiếu theo qui củ của các ngài, đem “Bách Trọng thanh qui” hoàn toàn chiếu theo đó mà làm thì sẽ thành cái gì? Đó là đem người hiện tại đi ngược về quá khứ, khiến ai nấy đều thuộc triều đại nhà Đường, vậy thì người hiện tại không làm được! Cho nên, nhất định phải hiểu được tinh thần, nguyên tắc của nó, thậm chí trên thực tế cách làm của chúng ta cũng cần phải tu chỉnh.

Cho nên qui củ có thể cải chỉnh, giới luật nhà Phật cũng có thể cải chỉnh. Bạn xem! “Bách Trọng thanh qui” chính là giới luật của Thích Ca Mâu Ni Phật, vào lúc đó đã làm ra một cuộc tu chỉnh rất lớn, biến thành Trung Quốc hóa, hiện đại hóa, bản thổ hóa. Tuy nhiên, điều quan trọng là vẫn phải duy trì tinh thần nguyên tắc giới luật của Phật, không được thay đổi, vậy mới có thể nói được thông. Đó cũng gọi là “khế cơ”.

“*Hiển thị tam thừa*”: “Hiển” là minh hiển, “Thị” là thị hiện, chữ “thừa” trong “tam thừa” có nghĩa là cỗ xe, là công cụ chuyên chở khiến cho người ngự trên “thừa” ấy đều đạt đến quả địa. Pháp “tam thừa” là pháp phương tiện, pháp thị hiện. Thế Tôn, sau cùng trên Kinh Pháp Hoa đã đưa ra kết luận: “*Duy hữu nhất thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trì Phật phương tiện thuyết*”. Câu này nói rất rõ ràng với chúng ta: “*Tam thừa*” là Phật phương tiện nói, còn chân thật nói chỉ có pháp “nhất thừa”.

- Cái gì là “nhất thừa”?

- Thành Phật là “nhất thừa”!

Có thể thấy được chư Phật Như Lai vô cùng từ bi, bốn nguyện của các ngài đều hi vọng tất cả chúng sinh ngay trong một đời thành Phật, không phải dạy chúng ta làm Bồ Tát, làm A-la-hán v.v... Không phải vậy!

- Chúng ta có thể làm được hay không?

- Đáp án là khẳng định! Tất cả chúng sinh đều có thể trong một đời chứng được Phật quả cứu cánh viên mãn.

- Vấn đề là ở chỗ nào?

- Là ở ngay chính bạn! Bạn có chịu tin vào chính bạn hay không? Nếu không tin vào chính bạn, vậy thì không còn cách nào! Trong nhà Phật, chữ “Tín” trước tiên là tin chính mình. Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại Sư giảng chữ “Tín” bao gồm sáu nghĩa: Tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự và tín lý.

* Thứ nhất là “tín tự” tức là tin chính mình. Chính mình không có lòng tin đối với mình, không tin tưởng ngay một đời này ta có thể làm Phật, vậy thì tất cả chư Phật cũng không cách gì giúp bạn! Bạn nhất định không thể thành Phật! Cái máu chốt này rất lớn!

* Thứ hai mới là “tín tha”, là tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật, tin tưởng A Di Đà Phật, tin tưởng lý luận và cảnh giới mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói là chính xác, tin tưởng bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nguyện đều hiện thực, y theo Pháp môn này tu nhất định sẽ được Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ta vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất thoái thành Phật, đây là “tín tha”.

Phật pháp không giống như tôn giáo khác. Tôn giáo khác việc đầu tiên là phải “tin Thần”, không phải tin chính mình. Có năm tôi hoàng pháp ở Hoa Kỳ, gặp một số mục sư của Ki Tô giáo, ba, bốn

người đến nói chuyện với tôi. Họ nói: Tịnh Tông chúng ta rất giống với Ki Tô Giáo của họ. Tôi hỏi:

- Rất giống ở chỗ nào?

- Đều là chữ “Tín”, chúng tôi tin Thiên Chúa, các bạn tin A Di Đà Phật! Tôi nói:

- Hoàn toàn không giống nhau! Họ hỏi:

- Không giống ở chỗ nào? Tôi nói:

- Tịnh Độ tông chúng tôi: Thứ nhất là tin chính mình, thứ hai mới tin A Di Đà Phật. Bạn hoàn toàn tin tưởng Thiên Chúa, không có lòng tự tin ở chính mình thì làm sao như nhau được! Nhất định phải xây dựng lòng tự tin, kể đến phải tin tưởng lời Phật dạy.

Pháp Môn Tịnh Độ chân thật là “thiện lập phương tiện”, bốn chữ này nói được đến cứu cánh. Lý luận của Pháp môn này, hiểu hay không hiểu cũng chẳng hề gì, không hiểu cũng có thể thành tựu, chỉ duy nhất thành thật mà niệm, chí tâm mà niệm, kiên trì mà niệm, nhất tâm không xen tạp mà niệm thì kết quả sẽ thù thắng không thể nghĩ bàn!

- Thế sao chúng ta vẫn còn phải giảng kinh?

- Giảng kinh là vì mọi người không có phước nên ngày ngày phải giảng kinh!

- Người thế nào gọi là có phước báo?

- Người thành thật niệm Phật là có phước báo! Ngày ngày họ chỉ chuyên nhất một câu A Di Đà Phật, không nghĩ đến bất cứ thứ gì, loại người này có phước báo!

- Chúng ta vì sao không có phước báo?

- Mỗi ngày từ sớm đến tối nghĩ tưởng xằng bậy, cho nên mới cần giảng kinh cho bạn nghe, dạy bạn giác ngộ, dạy bạn tường tận. Cho nên Phật độ chúng sinh, chỉ có hai loại người dễ độ: Thứ nhất là người thượng căn lợi trí, khuyên dạy họ liền thông đạt tường tận, một vọng niệm cũng không có, trung thực mà niệm. Thứ hai là người hạ căn hạ trí tức là loại ngu hèn.

- Ngu hèn là gì?

- Bảo họ niệm thì họ trung thực niệm, không cần phải tìm hiểu. Từ sớm đến tối họ không có bất cứ vọng niệm nào. Loại người này có thể thành công. Khó độ nhất là loại người ở giữa, là hàng trung căn, chúng ta thuộc loại người này, thật rất phiền phức! Cho nên, Thế Tôn phải mất bốn mươi chín năm khổ cực cần lao, giảng kinh thuyết pháp cũng chỉ vì loại người này!

Nên biết: Buông bỏ là đại phước báo! Hàng trung căn chúng ta chỉ thật sự buông bỏ khi đã hoàn toàn tường tận, thấu suốt được vấn đề! Thế nên, người không có vọng niệm là người có phước báo. Tuyệt đối không thể nói: Có địa vị cao, tài sản nhiều là có phước báo. Hiện tại tuy họ hưởng thụ vật chất, nhưng hưởng được bao năm?! Chết rồi vẫn tiếp tục luân hồi trong ba cõi, sáu đường! Chân thật hiểu được sự việc này mới biết công đức niệm Phật thù thắng đến dường nào!

Pháp môn Niệm Phật là dạy chúng ta một đời làm Phật. Có người hoài nghi, nghĩ mình ngu si, tạo nhiều nghiệp chướng, tội nghiệp rất sâu nặng, làm sao có thể thành Phật?! Trên kinh này nói: Chỉ một câu Phật hiệu tiêu tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội. Bạn niệm một ngày một đêm được bao nhiêu niệm theo đó mà tính xem số lượng mình đã tiêu được bao nhiêu tội nghiệp? Thật không thể nghĩ bàn!

Lời Phật nói là chân thật không phải giả đich thật là có hiệu quả!

- Thế sao đã niệm một ngày một đêm, nghiệp chướng vẫn cứ còn nguyên?!

- Vì tội nghiệp bạn quá sâu, quá nặng! Cứ tiếp tục ngày ngày niệm Phật, ngày ngày sẽ tiêu nghiệp, đạo lý là như vậy. Trên kinh Phật nói: Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, sức mạnh này rất lớn. Nếu có thể liên tục niệm Phật đến ba năm, tội nghiệp vô lượng kiếp của bạn thấy đều tiêu hết.

- Làm sao biết được?

- Khi bạn vãng sinh sẽ rất tự tại: Biết trước giờ đi, đứng mà đi, ngồi mà đi, sang đến Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải cỡi “Phàm thánh đồng cưu” mà là cỡi “Thật Báo Trang Nghiêm”. Trong kinh này nói có ba bậc vãng sinh, bạn là “Thượng phẩm vãng sinh”, mới biết câu Phật hiệu này tiêu nghiệp chướng không thể nghĩ bàn!

Cho nên, khoảng năm Càn Long, đầu nhà Thanh, Pháp Sư Từ Vân Quán Đảnh đã nói trong Chú giải Kinh Quán Vô Lượng Thọ (còn gọi là “Quán Kinh Trục Chi”, thu tập trong Đại Tạng Kinh) như sau: *“Nghiệp chướng của chúng sinh từ vô lượng kiếp đến nay rất là cực trọng, bất cứ kinh luận nào trong Phật pháp, bất cứ sám pháp nào đều không thể sám trừ được nghiệp chướng, duy chỉ có pháp môn Niệm Phật mới có thể tiêu trừ được”*. Việc này cũng ví như người bị bệnh nặng, tất cả thuốc men chữa trị đều vô hiệu, chỉ còn một phương pháp duy nhất là chí tâm niệm Phật có thể sẽ tiêu trừ.

* Pháp Sư Từ Vân Quán Đảnh, trong nhà Phật được xem là một nhà thông thái: Tông, Giáo, Hiền, Mật ngài đều có thể quán

thông. Trước tác của ngài rất phong phú, đại khái có khoảng hơn ba mươi loại. Ngài cũng có chú giải Kinh Lăng Nghiêm. Từ xưa đến nay không ai chú giải Chú Lăng Nghiêm, duy nhất chỉ mỗi mình ngài.

Ngoài ra, sách Pháp Hoa Văn Cú cũng nói:

“Phương tiện là cửa... Thế nhập được chân thật, hiển lộ được chân thật toàn là do công của phương tiện. Theo cách giải thích này, Tiểu Thừa là cái cửa để vào được Đại Thừa nên Tiểu Thừa được gọi là giáo pháp phương tiện. Hơn nữa, tam thừa thông với nhất thừa nên tam thừa cũng gọi là Phương Tiện giáo”.

Kinh luận trên đây thật đã tỏ rõ được yếu chỉ *“Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”*. Tướng thứ bảy *“Chuyển Pháp Luân”* đến đây đã xong.

“U thử trung hạ, nhi hiện diệt độ” (Đối với hàng trung, hạ căn ấy, thị hiện có diệt độ): Đây là tướng thứ tám “Nhập Bát Niết Bàn” trong tám tướng thành đạo. “Niết Bàn” cựu dịch là Diệt Độ, tân dịch là Viên Tịch. “Diệt Độ” là diệt nhân quả sinh tử, diệt hết dòng lũ sinh tử.

Kinh Niết Bàn dạy: *“Diệt chư phiền não, danh vi Niết Bàn. Ly chư hữu giả, nãi vi Niết Bàn”* (Diệt các phiền não gọi là Niết Bàn. Lìa các hữu (tam giới) mới là Niết Bàn).

Sách Tâm Kinh Lược Sớ của ngài Hiền Thủ ghi: *“Niết Bàn, Hán dịch là Viên Tịch, ý nói: Không đức gì chẳng đủ nên bảo là “viên”, không chương nào chẳng tận nên nói là Tịch”.*

- Phật, Bồ Tát có diệt độ hay không?

- Không có! Các ngài đã chứng được không sinh, không diệt thì làm gì còn có sinh tử. Sinh tử chỉ là thị hiện như biểu diễn trên sân khấu.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: các kinh luận trên đây đều nói về các Pháp Thân Đại Sĩ chỉ chuyên chí Phật quả, chẳng trụ vào diệt tận như tro tàn, nhưng vì để nhiều ích (làm lợi ích) hai thừa trung và hạ nên dùng phương tiện khéo léo thị hiện tướng Diệt độ. Như phẩm “Thọ Lượng”, Kinh Pháp Hoa chép: *“Nhược Phật cứu trụ ư thế, bạc đức chi nhân bất chủng thiện căn, bản cùng hạ tiện, tham trước ngũ dục, nhập ư ức tướng vọng kiến võng trung. Nhược kiến Như Lai thường tại bất diệt, tiện khởi kiêu tư, nhi hoài yếm đãi bất sanh nan tao chi tướng, cung kính chi tâm... Thị cố Như Lai tuy bất thực diệt, nhi ngôn diệt độ”*. (Nếu đức Phật trụ lâu dài trong cõi đời thì kẻ đức mỏng chẳng gieo trồng căn lành, bản cùng hạ tiện tham đắm ngũ dục, bị vướng vào lưới ức tướng vọng kiến. Nếu thấy Như Lai thường trụ bất diệt sẽ khởi ý kiêu ngạo, phóng túng, sinh lòng mồi nhác, lừa dối, chẳng thể sinh nổi ý tưởng khó gặp Phật và tâm cung kính được... Vì vậy, Như Lai tuy thật sự chẳng diệt, lại nói là diệt độ).

Chẳng phải là diệt độ, lại hiện có diệt độ nên bảo là “thị hiện”. “Thị hiện” như vậy là để độ căn cơ trung, hạ. Nếu là bậc thượng căn thì thấy rất rõ ràng: Như Lai chẳng từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Vốn đã thoát khỏi sinh diệt thì nào có Niết Bàn! Vì vậy, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đời Tùy khi đọc đến phẩm “Dược Vương” của Kinh Pháp Hoa, thấy hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan.

KINH VĂN:

Đắc vô sinh diệt chư tam-ma-địa, cập đắc nhất thiết đà-ra-ni môn, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội, trụ thâm thiền định, tất đồ vô lượng chư Phật. Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ.

VIỆT DỊCH:

Đắc các tam-ma-địa (Samadhi) vô sinh vô diệt, và đắc hết thấy đà-ra-ni môn, tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, đầy đủ tổng trì, trăm ngàn tam-muội, trụ thiền định sâu, đều thấy vô lượng chư Phật. Trong khoảng một niệm, qua khắp hết thấy cõi Phật.

GIẢNG:

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Trong kinh, chỗ này tiếp ngay theo câu “nhi hiện diệt độ” (mà hiện diệt độ) là câu “***đắc vô sinh vô diệt chư tam-ma-địa***”. (đắc các tam-ma-địa vô sinh vô diệt) là ý nói: Các Đại Sĩ tuy thị hiện tướng Niết Bàn, nhưng thật sự chẳng sinh chẳng diệt, bình đẳng thường trụ Như Như Pháp Thân. Các vị Đại Sĩ này đều tuân theo Phổ Hiền đức, từ quả hướng nhân.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, đoạn kinh văn này là nói “Định Tuệ đẳng trì”, kinh văn tuy không dài, nhưng ý nghĩa rất sâu rộng. Những Bồ Tát này vì tất cả chúng sinh thị hiện tám tướng thành đạo. Công phu của họ là đã đoạn được “Kiến, Tư phiền não”, “Trần Sa phiền não”, phá được một phẩm vô minh, liền có năng lực ứng hóa trăm ngàn ức thân, đáng dùng thân gì để độ, họ liền hiện ra thân đó. Công đức, lợi ích này thật vô cùng thù thắng.

Thực tại, chúng ta biết được người vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc tuy một phẩm phiền não họ cũng chưa đoạn, cho dù là “hạ hạ phẩm vãng sinh” cũng được oai thần bản nguyện của A Di Đà Phật gia trì, đều đắc A Duy Việt trí Bồ Tát nên trí tuệ, thiền định, thần thông đạo lực của họ gần giống như Bồ Tát Thất Địa, Bát Địa. Thật là rất khó được! Người khác dùng ba đến năm năm theo học ở “Phật Học Viện”, khi ra trường họ vẫn là phàm phu sinh tử.

Trong Niệm Phật Đường niệm Phật từ ba đến năm năm, họ làm Phật. Lợi ích này không gì có thể sánh được!

Ở Niệm Phật Đường ba đến năm năm, bạn được “Niệm Phật tam-muội” rồi. “*Công phu thành khối*” là “hạ phẩm” trong “Niệm Phật tam-muội”; “*sự nhất tâm bất loạn*” là “trung phẩm Niệm Phật tam-muội”; “*lý nhất tâm bất loạn*” là “thượng phẩm Niệm Phật tam-muội”. Chỗ này nói “*đắc vô sinh vô diệt chư tam-ma-địa*”, đây là nói rõ đức dụng vô lượng vô biên của chư Bồ Tát, là “tự thọ dụng”.

Sinh diệt là khổ! Được không sinh không diệt thì tự tại. Người niệm Phật ở Niệm Phật Đường hạ quyết tâm sẽ đạt đến cảnh giới không sinh không diệt, chẳng phải đợi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mới không sinh không diệt. Cảnh giới này là cảnh giới hiện chứng ngay trong hiện tiền mà chúng ta có thể đạt được như chư Phật, Pháp Thân Đại Sĩ đã chứng.

“*Tam-ma-địa*” là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung văn là “chánh thọ” hay “chánh định”. “Thọ” là hưởng thọ, cảm thọ. “*Tam-ma-địa*” là sự hưởng thọ bình thường. Cảm thọ của phàm phu trong sáu cõi không bình thường, họ có vô số cảm thọ. Phật đem vô lượng vô biên cảm thọ này qui nạp thành năm loại thọ: *Khổ thọ, lạc thọ, ưu thọ, hỷ thọ, và xả thọ*. Năm loại thọ này phân thành cảm thọ của thân và cảm thọ của tâm. Thân có: *Khổ thọ, lạc thọ*; tâm có: *Ưu thọ, hỷ thọ* (lo, mừng). Ngoài ra còn một loại nữa là “*xả thọ*”: thân không có khổ, vui; tâm không có lo, mừng; lúc này “*khổ, vui, lo, mừng*” tạm thời dừng lại gọi là “*xả thọ*”. Thực tế mà nói, “*xả thọ*” cũng chính là “*chánh thọ*”.

- Vì sao không gọi là “chánh thọ”?

- Vì “*xả thọ*” này rất ngắn, không thể giữ được dài lâu, chỉ tạm thời xả “*khổ, vui, lo, mừng*”, không phải là thiên định chân thật, nên không gọi là “chánh thọ”.

Người trời Sắc giới và Vô Sắc giới đều trụ ở “xả thọ”. Trời “Phi Tướng Phi Phi Tướng” là cao nhất trong Vô Sắc giới, thọ mạng của họ là tám vạn đại kiếp, thời gian đó quá dài thật không cách chi tưởng tượng! Nên biết, một đại kiếp là một lần “thành, trụ, hoại, không” của thế giới. Cái thế giới này “thành, trụ, hoại, không” đến tám vạn lần, họ mới hết thọ mạng, đủ thấy “xả thọ” của họ dài lâu đến dường nào! Tuy nhiên, sau tám vạn đại kiếp, họ lại khởi tâm động niệm, lại có “khổ, vui, lo, mừng” nên cảm thọ của họ cũng không phải vĩnh hằng.

Do vậy mà “Tứ thiên, Bát định”, cũng gọi là “Thế Gian Thiên Định” thấy đều thuộc về “xả thọ”. “Tứ Thiên, Bát Định”: Chữ “Bát Định” này chỉ cho bốn thiên định của cõi “Sắc giới” (Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên) và bốn “Không Định” của “Vô Sắc giới” (Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ).

- Đến lúc nào mới có thể trở thành “Chánh Thọ”?

- Siêu việt sáu cõi luân hồi mới trở thành “Chánh Thọ”.

- Trên hội Lăng Nghiêm, Thế Tôn nói: A-la-hán chứng được “Cửu thứ đệ Định” (Định thứ chín). “Bát Định” là trời “Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ”. Định thứ chín là thiên định ngưng đọng tất cả mọi tâm thức, mới siêu việt ba cõi sáu đường, lúc này gọi là “Chánh Thọ”, không còn thoái chuyển.

Thông thường, tất cả thiên định đều có thể nhiếp tâm, giúp thân tâm an ổn đều gọi là “tam-ma-địa”. “Tam-ma-địa” ở chỗ này là cao cấp không phải thông thường, vì không sinh không diệt, cái “Chánh thọ” này cao. Phàm phu chúng ta, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, nếu muốn được cảnh giới này, pháp môn thuận tiện nhất chỉ có niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Chỉ cần sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, loại “tam-ma-địa” này lập tức liền chứng được. Cái

chúng đăc này không phải chỉ nương vào công phu của bạn mà nương vào “Pháp môn nhị lực” tức là “Pháp môn Tịnh Độ”, bao gồm:

* *Sức mạnh của chính bạn* là nhớ Phật niệm Phật, không chế được tập khí phiền não của tự thân, đạt đến công phu thành khối, đây là “tự lực”.

* *Sức mạnh của A Di Đà Phật nhiếp thọ bạn*, đó là “tha lực”.

“Cập đăc nhất thiết đà-ra-ni-môn”:

Theo Trí Độ Luận: “Đà-ra-ni, Hán dịch là ‘Năng Trì’ hoặc ‘Năng Giá’: Năng trì là nhóm họp, gìn giữ các thiện pháp khiến chúng chẳng tan, chẳng mất; ví như đồ đựng hoàn hảo đem đựng nước, nước chẳng rò rỉ mất. Năng Giá là có thể ngăn chặn khiến cho ác tâm bất thiện chẳng sinh. Nếu toan gây tội ác thì khiến cho chẳng thực hiện được. Do vậy gọi là đà- ra- ni”.

Tam-muội là Định. sở đăc do định lực phát tuệ gọi là đà- ra- ni, như sách Trí Độ Luận giảng: “Tu hành tam-muội này phải tu hành lâu rồi mới thành được đà-ra-ni. Các tam-muội ấy cùng trí tuệ Thật Tướng của các pháp sinh ra đà-ra-ni”. Trí Độ Luận còn viết:

“Đà-ra-ni đời đời thường theo Bồ Tát, các tam-muội khác chẳng được như vậy, hễ đổi thân liền bị mất”. Do vậy mà, cũng theo Trí Độ Luận: Tam- muội phải do tâm tương ứng mới hiện ¹hữu, giống như bình chén chưa nung, tuy có hình dạng bình, chén mà chẳng đựng được nước. Đà-ra-ni như bình chén đã qua lửa nung nên gìn giữ được vô lượng công đức của Bồ Tát. Tuy có lúc tâm chẳng tương ứng (lúc tâm sinh phiền não), đà-ra-ni vẫn thường theo hành nhân như bóng theo thân.

1

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đà-ra-ni là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung văn là “tổng trì”. “Tổng trì” là tổng tất cả pháp, trì tất cả ý. Nếu dùng lời hiện tại mà nói: Cương lĩnh, đại cương, tổng cương lĩnh của hết thầy Phật pháp gọi là “đà-ra-ni” môn. Thông thường giải thích “tổng cương lĩnh” này là: Tất cả ác không sinh, tất cả thiện thêm lớn, đó là đà-na-ri môn.

Ngày nay, chúng ta niệm Phật, tất cả “*đà-ra-ni*” môn chính là chấp trì danh hiệu. Thử nghĩ: Một ngày từ sớm đến tối, chỉ một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, các ý niệm khác thầy đều không có. Ý niệm không có chính là các việc ác không sinh, cả ý niệm ác cũng không có. Một câu vạn đức hồng danh này là đệ nhất thiện pháp của thế và xuất thế gian. Từng câu, từng câu tiếp tục niệm là tăng trưởng tất cả thiện pháp. Được vậy, thì bước vào Niệm Phật Đường niệm Phật, bạn liền được tất cả “*đà-na-ri*” môn. Tuy sau đó bạn rời khỏi Niệm Phật Đường, công phu liền mất. Nhưng, nếu mỗi tuần bạn đều có được một ngày luyện tập niệm Phật, được không sinh không diệt, được các tam-ma-địa thì cũng rất cừ khôi rồi! Thật không phải dễ dàng! Cứ như thế mà luân phiên luyện tập, được hai ba năm, công phu của bạn sẽ rất cao. Nếu có thời gian rảnh rỗi hơn nữa, mỗi ngày bạn đều đến niệm Phật, sau ba năm bạn liền thành Phật.

Chúng ta thấy trong “vãng sanh truyện”, có rất nhiều người niệm Phật vãng sinh. Có người đứng mà đi, ngồi mà đi, biết trước giờ chết, không lâm bệnh, họ ra đi rất hoan hỷ, tự tại, đều do công phu niệm Phật mà thành tựu. Có người nghe đến Niệm Phật Đường này niệm ba năm thì phải chết, họ không dám đến! Có ý niệm này là mê hoặc, điên đảo! Xả không được ba đường ác, sáu cõi luân hồi, tham sống sợ chết, họ vẫn còn sinh tử!

Trong pháp môn Niệm Phật không có sinh tử. Không nên cho rằng đó là chết, thực sự không chết! *Vãng sinh là sống mà ra đi,*

chết thì không thể vãng sinh. Cho nên, Pháp môn này mới gọi là không sinh không diệt. Vì sao? Khi vãng sinh bạn rất rõ ràng, tường tận, thông suốt thấu đáo: Phật đến tiếp dẫn, ta cùng đi với Phật, cái túi da thối này không dùng nữa, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đổi được thân kim sắc tử ma, tướng hảo trang nghiêm như A Di Đà Phật, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp.

Cho nên tôi thường nói, pháp môn này là pháp môn không già, không bệnh, không chết, bạn đến đâu mà tìm?! Tôi nói thầy đều là thật, chỉ cần bạn niệm Phật, tâm địa niệm đến thanh tịnh, niệm đến tiêu hết tập khí phiền não, bạn sẽ không còn bệnh, không còn già yếu, ngày ngày hoan hỉ; hoan hỉ thì trẻ trung. Cho nên, trong Niệm Phật Đường, thân tâm thế giới đều buông bỏ, nhất tâm niệm Phật thì Pháp hỉ sung mãn. Đạt đến công phu thuần thực rồi thì sinh tử tự tại: Muốn đi lúc nào thì đi, muốn ở thêm vài năm cũng không ngăn ngại. Ngày nay, khi thọ mạng đến, chúng ta muốn ở thêm vài năm cũng không được; thọ mạng chưa đến, muốn chết cũng không chết được, phiền phức này rất lớn!

“Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội: “Hoa Nghiêm tam-muội” là tên gọi khác của Phật Hoa Nghiêm tam-muội: Dùng Nhất Chân Pháp giới vô tận duyên khởi làm lý thú. Thấu đạt lý thú ấy thì liền từ tri giải khởi ra vạn hạnh, trang nghiêm Phật quả nên gọi là Hoa Nghiêm. Do nhất tâm tu nên gọi là tam-muội.

Sách Pháp Giới Ký viết: *“Hoa Nghiêm tam-muội được giải thích như sau: Hoa là vạn hạnh của Bồ Tát, vì sao? Do công dụng của hoa là có thể kết trái (chỉ quả đức), hạnh có khả năng cảm được quả. Tuy là pháp nội, ngoại khác nhau, nhưng lực dụng sanh cảm tương tự.*

Dùng sự để tỏ bày pháp nên gọi là Hoa. Nghiêm là hạnh thành, quả mãn, kế hợp tương ứng, cấu chương vĩnh viễn tiêu trừ,

chứng lý viên mãn. Dựa trên Dụng để khen ngợi Đức nên gọi là Nghiêm. Tam-muội là lý trí vô nhị, triệt để dung hội; đây, kia đều chẳng còn; năng sở dứt bặt nên nói là tam-muội”.

Sách Hợp Tán lại viết: *“Pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm. Dùng hoa nhân hạnh trang nghiêm khiến cho tướng trạng của quả đức được hiển hiện. Nhập tam-muội này sẽ thấy thập phương Phật và cõi Phật trong hiện tại”.* Gia Tường Sớ lại viết: *“Tam-muội này dùng để trang hoàng Pháp Thân nên gọi là Hoa Nghiêm”.*

Các thuyết như trên đều tỏ rõ ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội. Theo cụ Hoàng Niệm Tổ:

Thuyết *“pháp giới duy tâm gọi là Phật Hoa Nghiêm”* của Sách Hợp Tán ngụ ý: Nhất Chân Pháp Giới chỉ là tự tâm. Thấu đạt được điều này thì đó chính là *“Hoa Nghiêm tam-muội”*. Còn thuyết *“tam-muội này dùng để trang hoàng Pháp Thân”* của Gia Tường Sớ ngụ ý: tam-muội đều dùng để trang nghiêm Pháp Thân, Pháp Thân chính là tâm diệu minh vốn có, cũng chính là tự tâm. Vì vậy, hết thảy các pháp không pháp nào chẳng từ pháp giới lưu xuất, lại cũng qui về pháp giới ấy.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không:

- Cái gì gọi là Hoa Nghiêm tam-muội?

- Lược nói chính là *“Pháp Giới Nhất Chân”*, cũng chính là chân tâm của ta. Có thể thông đạt tường tận chân tướng của vũ trụ nhân sinh thì gọi là Hoa Nghiêm tam-muội.

Đó là đại đức xưa giải thích đơn giản về danh tướng này. Chúng ta nghe rồi vẫn không hiểu! Cái gì là Pháp giới? Cái gì là tự tâm? Cái gì là liễu đạt? Nếu không hiểu tường tận những danh xưng, thuật ngữ này sẽ rất khó mà được thọ dụng!

Danh từ “Hoa Nghiêm” có thể nói là tổng cương lĩnh, tổng đề mục của tất cả các pháp. “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh” là tên chung của tất cả kinh điển, ngày nay gọi là Đại Tạng Kinh. Đem Pháp hội này, pháp môn này ví như vườn hoa lớn, một đại hoa viên. Trong hoa viên này dung chứa tất cả các kỳ hoa dị thảo tuyệt đẹp gọi là “tạp hoa”.

Chữ “*Nghiêm*” là đẹp, “*Trang Nghiêm*” là mỹ lệ. Nguyên văn tiếng Phạn của đề kinh là “*Tạp Hoa Nghiêm Súc*”. Người Trung Quốc thích đọc là “*Vạn Hoa Trang Nghiêm*”. “*Tạp Hoa Nghiêm Súc*” có hai tầng ý nghĩa: Trang nghiêm tự tánh và trang nghiêm pháp giới. Trang nghiêm tự tánh, hiển thị tánh có năng lực biến hiện ra cảnh giới. Trang nghiêm pháp giới, cũng chính là trang nghiêm đời sống vật chất lẫn tinh thần của chúng ta đạt đến mỹ mãn “chân thiện mỹ tuệ”.

“*Hoa Nghiêm*” là dùng “Nhất Chân Pháp Giới” và “vô tận duyên khởi” làm lý luận y cứ. “Vô tận duyên khởi” là rất nhiều điều kiện, không phải ngẫu nhiên. Toàn thể vũ trụ hình thành do rất nhiều điều kiện vô cùng phức tạp, không ai có thể thấu hiểu được rõ ràng, minh bạch. Duy chỉ có Phật và Đại Bồ Tát mới có thể am tường, liễu giải tất cả. Vì sao? Vì tâm các ngài thanh tịnh, quảng đại không bờ mé, một niệm cũng chẳng sinh, nên không có chướng ngại.

Chúng ta dùng tâm phân biệt, chấp trước, tư duy tưởng tượng, năng lực này là giới hạn. Dùng năng lực hữu hạn để thông đạt cảnh giới vô hạn là một việc làm không nổi! Tận hư không khắp pháp giới, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí tuệ. Trí tuệ này, không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng rõ. Tất cả pháp đều thông đạt, không cần phải tư duy, học tập. Nên biết: Giáo học của Phật là sự thật, không phải là giả thuyết hay tư duy tưởng tượng.

Trong nhà Phật, bộ kinh giảng được viên mãn nhất, cứu cánh nhất, thấu triệt nhất chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Kinh Vô Lượng Thọ, cổ nhân gọi là Trung Bản Hoa Nghiêm. Lý luận, phương pháp cảnh giới của Hoa Nghiêm cùng với Đại Kinh hoàn toàn như nhau, chỉ trên mặt văn tự thì được cô đọng lại. Đương nhiên, chúng ta chỉ nói đại cương, không thể nói kỹ. Nếu nói kỹ tất biến thành “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”.

Muốn trở thành Pháp sư giảng kinh thuyết pháp, hoằng dương Tịnh Độ, hoặc giảng Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà thì nhất định phải hết lòng học Kinh Hoa Nghiêm. Vì sao? Khi Kinh Hoa Nghiêm bạn thật sự thông đạt rồi thì giảng Kinh Vô Lượng Thọ mới thật khoan khoái, lâm ly thấm thiết, một chút chướng ngại cũng không có. Lúc này, bạn muốn giảng dài, giảng ngắn, giảng sâu, giảng cạn đều là tự tại. Đây là lấy Hoa Nghiêm làm cơ sở.

Hoa Nghiêm tam-muội, thật sự mà nói cũng chính là trang nghiêm Pháp Thân, trang nghiêm bản thể của vũ trụ, trang nghiêm chân như bản tánh. “*Ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội*” giống như trong Thiền Tông nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Thế nhưng, tám chữ này của Tông môn nói rất huyền, không dễ hiểu. Trong giáo hạ, tám chữ này là “*nhất chân pháp giới, duy thị tự tâm*”. Cách nói này dường như dễ hiểu một chút, kỳ thật vẫn khó hiểu!

Trong Phật pháp thường nói đến tự tánh, chân như bản tánh; Tịnh Độ tông gọi là “Nhất tâm”. Danh xưng, thuật ngữ trong Đại Kinh tùy tiện liệt vài trang cũng có thể tìm thấy được mấy mươi loại danh từ, đều nói một sự việc.

- Một sự việc vì sao phải nói ra nhiều danh từ như vậy?

- Đó là Thích Ca Mâu Ni Phật nói pháp phương tiện khéo léo! Cũng chính là nói với chúng ta: Danh từ, thuật ngữ thì không nhất định, chỉ cần nêu ra một sự việc, nói cách nào cũng đều được

cả. Có thể biết, cách nói này của Thế Tôn là phá chấp trước của chúng ta. Phá chấp trước đó là trí tuệ chân thật. Bệnh của chúng ta là ở chấp trước. Nếu phá được chấp trước thì kiến giải, nhận biết của chúng ta không hề khác biệt với chư Phật, liền vào được cảnh giới của Phật. Thế nhưng, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rất không dễ gì đoạn được!

Phật nói pháp rất linh động, chỉ dạy chúng ta quan sát vấn đề trên mọi khía cạnh. Có quan sát tỉ mỉ, bạn mới có thể thấu triệt các phức tạp của hiện tượng. Cho nên ở mỗi khía cạnh, Phật dùng một danh từ, danh xưng khác nhau để từ đó chúng ta có thể tổng hợp các danh xưng thuật ngữ này mà ngộ nhập được Thật Tướng của nó.

Trên Kinh Hoa Nghiêm, Đại Sư Thanh Lương nói: “*Nhất Chân Pháp Giới, duy thị tự tâm*”. “Tự” là chính mình, “Nhất Chân Pháp Giới” là chân tâm của chính mình.

Vậy thì:

- Mười Pháp giới y chánh trang nghiêm là gì?

- Từ tám chữ trên, chúng ta có thể thể hội được “*thập pháp giới duy thị vọng tâm*”, vọng tâm của chúng ta biểu hiện ra mười pháp giới.

Đức Phật nói chân và vọng là không hai. Nếu hiểu được chân, vọng không hai, đương nhiên sẽ tường tận “*Nhất Chân Pháp Giới*” cùng “*Thập Pháp Giới*” cũng là không hai. Đó là chân tướng sự thật. Lìa khỏi tự tâm không có pháp giới, đó là Thế Tôn suốt bốn mươi chín năm vì tất cả chúng sinh nói tổng cương lĩnh của tất cả pháp.

Tự tâm là năng hiện, năng biến; Pháp giới là sở hiện, sở biến. Chúng ta phải tỉ mỉ mà thể hội cái ý nghĩa này. Trên kinh Phật còn có hai câu, nói được rất rõ ràng: “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”.

“Pháp Giới Nhất Chân” cùng “Thập Pháp Giới” y chánh trang nghiêm là “duy tâm sở hiện”; trong đó trùng trùng biến hóa là “duy thức sở biến”. “Thức” là vọng tâm; “tâm” là chân tâm. “Thức” chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tâm không là chân tâm. Là chân tâm làm gì có vọng tâm?!

Chúng ta biết: Tâm không có tướng; bởi không tướng nó mới có thể hiện tướng; Nếu nó có tướng thì nhất định nó không thể lại hiện tướng. Đạo lý này trên Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng; đó chính là nói đến “Chân Không” và “duyên khởi”.

Ban đêm nằm mộng, tướng cảnh giới trong mộng không như nhau; tướng cảnh giới đó chính là tâm của bạn đã biến thành tướng. Tướng cùng tánh là một không phải hai. Việc này cũng rất khó hiểu! Cụ thể nhất, chúng ta dùng một khối vàng ròng tạc thành pho tượng Bồ Tát Địa Tạng. “Vàng” biểu trưng cho “tự tánh”, cho “năng biến”. “Tướng” của pho tượng là “sở biến”. Thử hỏi:

- “Tướng” cùng “tánh vàng” là một hay là hai?

- Nếu nói là một thì bạn chỉ thấy được một khía cạnh. Thấy đó là pho tượng Bồ Tát Địa Tạng, bạn đã quên đi bản thể của nó là vàng ròng. Ngược lại, nếu chỉ thấy khối vàng ròng, bạn đã quên đi đó là tượng Bồ Tát Địa Tạng.

- Vậy làm thế nào để hiển thị rõ sự thật này?

- Hiển thị sự thật này, chúng ta không thể nói nó là một, cũng không thể nói nó là hai. Vì sao? Vì nếu nói nó là một, rõ ràng “*tướng*” cùng “*tánh*” là hai sự việc khác nhau! Nếu nói nó là hai: Vàng cùng pho tượng đích thật chỉ trong một món đồ, không phải hai! Tóm lại, là pho tượng thì không có vàng, là vàng thì không có pho tượng! Cho nên, chân tướng sự thật là “*hai mà không hai*”, “*hai mà không khác*”, đó mới là nói rõ chân tướng sự thật.

Cho nên, Phật nói hiện tướng này là “*toàn chân tức vọng*”. Bởi “tướng” là hư vọng, không vĩnh viễn tồn tại, “chân” là vĩnh viễn bất biến. Cho nên, “tánh” là “chân”, là chân tánh. “Tướng” là vọng không phải chân thật. “Toàn chân tức vọng”, cả thầy tâm bạn, chân tâm năng biến đã biến thành “tướng phần” trong mộng cũng như lấy vàng làm thành pho tượng.

“Chân, vọng không hai, tánh, tướng là một”. Nếu trong mộng, bỗng chốc hiểu ra: Toàn thể cảnh mộng chỉ là tự tâm; cảnh mộng cùng pháp giới nào có khác chi, lìa khỏi tự tâm làm gì có cảnh giới. Cho nên, trong mộng nhất định có chính mình. Hoặc giả trong mộng thấy rất nhiều người, thấy sơn hà đại địa y chánh trang nghiêm, nếu tường tận giác ngộ liền nhận ra tất cả pháp đó đều do tự tâm mình biến hiện. Đích thật toàn thể cảnh mộng, y chánh trang nghiêm trong cảnh mộng chính là tự tánh, là chính mình.

Chư Phật, Bồ Tát đại triệt, đại ngộ chính là ngộ ra được sự việc này, thấu suốt tận hư không pháp giới đều do chân tâm mình biến hiện ra, ngoài tự tâm không pháp nào có thể được. Phạm phu mê là mê ngay sự việc này! Không biết được hư không pháp giới, y chánh trang nghiêm, vạn sự vạn vật đều do nơi tự tâm, tự tánh mình biến hiện. Không biết được mà nói không qua được chỗ này, không qua được chỗ kia; trên thực tế là không qua được chính mình, ngoài ra không còn có ai khác.

Do vậy mà mười phương ba đời tất cả chư Phật, Bồ Tát đều là chính mình. Trên kinh thường nói “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”, “tự tánh Di Đà” chính là “Di Đà” trong tự tâm ta biến hiện ra, làm gì có “Di Đà” ngoài tâm, không có! “Duy tâm Tịnh Độ” là thế giới Tây Phương Cực Lạc trang nghiêm cũng do tâm ta biến hiện, quyết không có Tịnh Độ ngoài tâm. Di Đà như thị thì tất cả chư Phật Như Lai, chư Bồ Tát, thậm chí đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cũng

là như thị. Chân thật giác ngộ rồi thì tự nhiên tâm ta sẽ lưu xuất ra “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”, mới thấy được sự quan tâm đến chúng sinh, cúng dường chư Phật, không thứ nào lìa khỏi tự tâm mình. Thông đạt tường tận chân tướng sự thật, đó gọi là *Hoa Nghiêm tam-muội*.

Nên nhớ: “Hoa Nghiêm” chính là “Pháp Giới Nhất Chân”, là “chân như bốn tánh”, là “lý nhất tâm bất loạn” trong Tịnh Tông. Danh từ không như nhau, ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. “Nhất tâm bất loạn”, bản dịch của Đại Sư Huyền Trang là “Nhất tâm hệ niệm”, đều chú trọng đến chữ “Nhất”. Chúng ta học Phật, thực tế mà nói, chính là quá lơ là đi chữ “Nhất” này! Cho nên học Phật rất vất vả, tốn rất nhiều công sức, thời gian, tinh thần mà vẫn không vào được cửa!

- Khi nào có thể vào được cửa?

- Thật không có kỳ hạn! Thành thật mà nói, đến lúc tâm bạn “*Nhất*” rồi mới vào được cửa. Nhất tâm liền vào, nhị tâm không thể vào! Nhập môn (vào cửa), trong Thiền Tông gọi là “kiến tánh”; Tịnh Tông gọi là “nhất tâm bất loạn”.

- Thế nào gọi là “nhất tâm”?

- Một tạp niệm cũng không có, đây là “nhất tâm”! Còn một tạp niệm thì tâm không “nhất”. Sự việc này, nói thì dễ nhưng làm thì rất khó! Kinh nghiệm trong quá trình tu học, chúng ta hiểu rõ: Nhất tâm trong thời gian ngắn có thể làm được nhưng thời gian dài thì rất khó vì do ý niệm xen tạp vọng tưởng sinh khởi. Cho nên, đại đức xưa nói: “*Đọc kinh không bằng đọc chú, đọc chú không bằng niệm Phật*”.

- Lời nói này ý nghĩa gì?

- Chúng ta hiểu được: Muốn tụng kinh phải cần thời gian dài, khi tụng rất dễ khởi vọng tưởng. “Chú” ngắn hơn “Kinh” nên cơ hội

khởi vọng tương tương đối ít. Thế nhưng vẫn còn có niệm khởi! Nếu còn một, hai vọng tương xen tạp thì “Chú” đó sẽ không linh! Không bằng niệm Phật, niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” chỉ trong thời gian ngắn, đích thật là vọng niệm không thể xen tạp. Nếu thấy sáu chữ vẫn còn hơi nhiều thì gom lại thành bốn chữ “A Di Đà Phật” cũng được thành tựu.

Một điều nên biết: “cộng tu” và “riêng tu” không hề giống nhau. Trong cộng tu, nhờ có tác dụng của đại chúng nên vọng tương sẽ giảm ít; chính mình “riêng tu” vọng tương sẽ nhiều. Đặc biệt là Niệm Phật Đường này của chúng ta, có đồng tu đến nói với tôi: bước vào Niệm Phật Đường xem thấy thấy đều là Phật, dường như chính mình cũng là Phật. Vậy thì tốt quá! Bạn khởi ý niệm này là “Phật niệm”, bạn không khởi các vọng niệm khác đó là tương ưng.

Ở nhà niệm Phật rất khó tương ưng, bởi chúng ta là phàm phu còn bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài. Nơi đây, Niệm Phật Đường cung cấp cho bạn một hoàn cảnh tương ưng để niệm Phật, không để các thứ khác làm ảnh hưởng đến bạn, tạo tặng thượng duyên cho bạn và tất cả mọi người tu tập. Nói rõ hơn, Niệm Phật Đường này cũng chính là Hoa Nghiêm tam-muội giúp chúng ta nương vào “*nhất tâm*”, nương vào “*chân tánh*”.

- Muốn “*ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội*” phải tu như thế nào?

- Y theo phương pháp lý luận của Kinh Hoa Nghiêm mà tu học, nếu có thể khế nhập được cảnh giới trong kinh đã nói thì gọi là “*ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội*”. Thế nhưng, chân thật y theo Kinh Hoa Nghiêm mà tu thì rất là phiền phức! Bạn xem! Kinh Hoa Nghiêm chúng ta giảng từ đầu đến cuối, dự định phải mất thời gian năm năm. Dạy phía trước không biết được phía sau; dạy phía sau thì quên hết phía trước! Phải từ đâu mà khởi tu?! Không cách gì để tu!

Thế nhưng, có một phương pháp tốt nhất là đến Niệm Phật Đường niệm A Di Đà Phật, đó chính là viên mãn tròn đầy Hoa Nghiêm tam-muội.

Kinh Hoa Nghiêm đến sau cùng vẫn qui kết về Kinh Vô Lượng Thọ, đó chính là Bồ Tát Phổ Hiền, mười đại nguyện vương qui về Cực Lạc. Kinh Vô Lượng Thọ là bản tóm lược của Kinh Hoa Nghiêm, là tinh hoa của Kinh Hoa Nghiêm. Bộ kinh lớn thì quá phức tạp, quá nhiều. Chân thật nói đến tu hành, càng đơn giản càng tốt. Đơn giản đến sau cùng là bốn chữ A Di Đà Phật; bốn chữ này chính là Hoa Nghiêm tam-muội. Nếu niệm Phật đến được “*công phu thành khối*”, đến “*nhất tâm bất loạn*”, bạn liền “*ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội*”.

Hoa Nghiêm tam-muội có cạn, có sâu. Hiện tại chúng ta chỉ vào được cạn, chưa đủ độ sâu! Nếu đủ độ sâu thì phải giống như chư Phật, Bồ Tát có thể “*tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp*”. Tuy không thể giống như chư Phật, Bồ Tát được tự tại như vậy, chúng ta hiện đời cũng có thể làm được gần giống. Cái gần giống này, chính là người thông thường hay nói: “*Thấy người nói tiếng người, thấy quỷ nói lời quỷ*”, thế nhưng lời bạn nói ra đều có đạo lý khiến người nghe giác ngộ, đó là vào được vị tương tự.

“*Cụ túc tổng trì, bách thiên tam-muội*” (Đầy đủ tổng trì, trăm ngàn tam-muội): “*bách thiên tam-muội*” hay “*vô lượng tam-muội*”, đây là “*Dụng*” giống như trên Kinh Bát Nhã nói: “*Bát Nhã vô tri*”, “*vô tri*” là “*căn bản trí*”, Hoa Nghiêm tam-muội là căn bản. Lại nói: “*vô sở bất tri*”; đây là đức dụng, đức năng của nó cũng chính là “*tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp*”. Tuy “*tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp*” trong tâm một chút ô nhiễm cũng không có, đó gọi là “*bách thiên tam-muội*”, vô lượng tam-muội.

“*Tổng trì*”, phía trước đã nói là “*đà-ra-ni*” môn. “*Đà-ra-ni*” là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung Quốc là “*Tổng trì*”. “*Trì*” là nắm lấy. “*Tổng trì*” là nắm lấy cương lĩnh, tổng nguyên tắc. Như trên đã nói: Kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa của Kinh Hoa Nghiêm, do đây có thể nói: Tổng trì của Kinh Hoa Nghiêm là Kinh Vô Lượng Thọ. Tổng trì của Kinh Vô Lượng Thọ là phẩm thứ sáu: “*Phát đại thệ nguyện*”. “*Phát đại thệ nguyện*” là bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, trong đó các Tổ Sư, đại đức đã công nhận nguyện thứ mười tám là nguyện quan trọng nhất trong bốn mươi tám nguyện. Hay nói cách khác, “*Tổng trì*” của bốn mươi tám nguyện là nguyện thứ mười tám.

- Nguyện thứ mười tám nói cái gì?

- Là mười niệm ắt sinh, đó là sau cùng qui kết về công đức danh hiệu, công đức không thể nghĩ bàn! Cứ như vậy mà qui nạp lại thì “*pháp môn tổng trì*” là danh hiệu A Di Đà Phật. Nhất tâm xưng niệm bốn chữ A Di Đà Phật, trong đó không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; lực dụng của “*nhất tâm*” này là vô hạn, bao trùm tận hư không khắp pháp giới. Nếu có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tâm này liền hẹp, liền có giới hạn.

Cho nên, bước vào Niệm Phật Đường phải buông bỏ vạn duyên, buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, không nghĩ tưởng điều gì, chỉ nhất tâm xưng danh, nhất tâm niệm Phật, tâm này mới tương ứng với chư Phật Như Lai, trong tự nhiên, sóng tâm này liền sẽ kết nối được với tâm chư Phật thành một thể kênh đài. Có liên thông thì có gia trì, bảo hộ. Như vậy, chúng ta đã nắm bắt được đỉnh cao của “*Pháp môn tổng trì*”, liền hiểu rõ vì sao mọi người ở nơi khác niệm Phật so với chúng ta ở Niệm Phật Đường này niệm Phật, thọ dụng không như nhau.

- Do đạo lý gì?

- Từ trường không như nhau! Nơi đây có rất nhiều người niệm Phật, họ chân thật thấu hiểu được lời Phật dạy, họ minh bạch mà niệm Phật, nhất tâm mà niệm Phật, không hàm hồ tán loạn mà niệm Phật. Ngày ngày chúng ta đều giảng kinh; ngày ngày chúng ta đều niệm Phật không gián đoạn. Làn sóng âm này cùng với kênh đài của A Di Đà Phật, và chư Phật Như Lai là tương thông lẫn nhau. Như chúng ta xem truyền hình, nơi đây làn sóng không có quá nhiều nên hình ảnh rất rõ ràng; đến nơi khác cũng có thể xem thấy nhưng hình ảnh chỉ mờ mờ không rõ ràng.

- Quấy nhiễu là gì?

- Là nghĩ tưởng xằng bậy!

Mọi người nơi đây đều dùng tâm thanh tịnh, nên từ trường không có quấy nhiễu, bạn sẽ cảm thấy rất tường tận niềm an lạc, thanh tịnh khi bước vào Niệm Phật Đường này.

Có đồng tu từ nơi khác đến đây niệm Phật, muốn trở về xây dựng Niệm Phật Đường giống hệt nơi đây để mọi người cùng nhau niệm Phật. Hiệu quả nếu so với nơi đây vẫn còn kém hơn một bậc. Nguyên nhân này do đâu? Phải mỗi ngày giảng kinh, ngày ngày khế nhập, giải hành phải tương ứng thì mới được. Chỉ có “hành môn”, không có “giải môn” vẫn là có phiền não! Đại Sư Thanh Lương nói trong Kinh Hoa Nghiêm Sớ Sao: “*Có giải không hành tăng thêm tà kiến; có hành không giải tăng thêm vô minh*”. Do đó, nhất định phải “*giải hành tương ứng*”. Chỗ tốt của đạo tràng chúng ta ngày nay chính là “*giải hành tương ứng*”.

Có lẽ đồng tu nghe lời nói này lại khởi hoài nghi: Ngày trước, nghe nói Niệm Phật Đường của lão Pháp Sư Ấn Quang không có giảng kinh, chỉ thuần một câu Phật hiệu niệm đến cùng! Việc này giải thích ra sao? Thời đại của lão Pháp Sư Ấn Quang thì được! Chúng ta ngày nay thì không được! Vì sao? Do căn tánh khác nhau!

Người thời đó bước vào Niệm Phật Đường, tuy không hiểu sâu về giáo lý của Phật, nhưng họ không có vọng tưởng, họ chân thật có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nhất tâm bước vào Niệm Phật Đường niệm Phật, vậy thì không cần phải giảng kinh. Tâm chúng ta ngày nay nghi hoặc, phân biệt, chấp trước quá sâu, quá nặng, nếu không nương nhờ giáo nghĩa của kinh để tiêu trừ hóa giải thì có bước vào Niệm Phật Đường cũng là tâm tán loạn không được lợi ích! Cho nên, con người ở mỗi thời điểm, nơi chốn không như nhau, nhất định phải hiểu được khế cơ, khế lý mà ứng dụng thích nghi, phương tiện khéo léo.

Trong “*bách thiên tam-muội*”, “tam-muội” này cùng ý nghĩa của Hoa Nghiêm tam-muội không như nhau. Hoa Nghiêm tam-muội có thể gọi là “Chánh Thọ”. Thế nhưng, “Chánh Thọ” có cạn, sâu, rộng, hẹp không đồng. Hoa Nghiêm tam-muội là đạt đến cứu cánh viên mãn. Thực tế mà nói: Chỉ cần “ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội”, con người này chính là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, trong Tịnh Tông gọi họ là “lý nhất tâm bất loạn”, không phải “sự nhất tâm”. “Lý nhất tâm bất loạn” mới là Hoa Nghiêm tam-muội. Cho nên, Hoa Nghiêm tam-muội, ý nghĩa của “tam-muội” này rất sâu. Ý nghĩa “tam-muội” trong “*bách thiên tam-muội*” thì cạn, hiện tại chúng ta có thể học tập. Đó là gì? Đơn giản mà nói “*bách thiên tam-muội*” là “thiện tâm nhất xứ trụ bất động”.

- Cái gì là thiện? Tiêu chuẩn của thiện thế nào?

- Chúng ta dùng năm giới, mười thiện đơn giản nhất trong nhà Phật để biểu trưng cho cái thiện này. Trong tất cả thời, tất cả nơi, tất cả hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, tâm thiện này tuyệt đối không dao động, luôn luôn gìn giữ:

- Thân: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm.

- Miệng: Không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác, không nói lời thù dật.

- Ý: Không tham, không sân, không si.

Cứ như thế mà giữ mãi kiên trì mười thiện, đó gọi là “*bách thiên tam-muội*”, cũng gọi là “*vô lượng tam-muội*”, chúng ta phải nên học tập.

Hoa Nghiêm tam-muội, chúng ta đích thật hiểu rõ ý nghĩa này nhưng không dễ gì ngộ nhập. Nhưng “*bách thiên tam-muội*” có thể giúp chúng ta ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội.

“*Trụ tâm thiên định, tất đồ vô lượng chư Phật*” (Trụ thiên định sâu, đều thấy vô lượng chư Phật).

Sách Hội Sớ giảng: “*Thiên định sâu là trụ trong tam-muội vi diệu, sâu xa, u huyền, chẳng phải là pháp Nhị Thừa và sơ tâm Bồ Tát có thể thực hành nổi*”.

Xét trong kinh này việc hành giả được thấy Phật trong khi nhập định, chính là đại nguyện thứ bốn mươi lăm của *Phật Di Đà*: “*trong Định cúng Phật*”. Lời nguyện này như sau: “*Ngã tác Phật thời, thập phương Phật sát, chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất dĩ đắc thanh tịnh, giải thoát, Phổ Đẳng tam-muội, chư tâm tổng trì, trụ tam-ma-địa, chí ư thành Phật. Định trung thường cúng vô lượng, vô biên nhất thiết chư Phật, bất thất định ý*.”

(Lúc tôi thành Phật, các chúng Bồ Tát trong các cõi Phật mười phương nghe danh hiệu tôi đều đạt được Phổ Đẳng tam-muội thanh tịnh, giải thoát, các tổng trì sâu, trụ tam ma địa cho đến khi thành Phật. Trong Định thường cúng vô lượng, vô biên hết thấy chư Phật, chẳng mất Định ý). Do thường trong Định cúng dường hết thấy chư Phật nên được “*tất đồ vô lượng chư Phật*” (đều thấy vô lượng chư Phật).

Sách Bình Giải giảng: “*Phổ Đăng tam-muội*” là *thâm định môn, tam-muội này do trí nguyện của Phật Di Đà tạo thành, rất sâu không bờ đáy, nên gọi là thâm thiên định. ‘Tát đồ châu biến’ (đều thấy trọn khắp) là nói nghiệp dụng của nó*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Thâm thiên định” này là “tánh định” tự tánh vốn định, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thủ Lăng Nghiêm đại định”, đó là “thâm định” là cảnh giới của quả địa Như Lai, cũng gọi là “lý Định” là Định trên lý, là thiên định chân chánh. “Vô lượng chư Phật” là quá khứ chư Phật, hiện tại chư Phật, vị lai chư Phật. Trong mắt phàm phu đều thấy mọi người là phàm phu. Trái lại, chư Phật nhìn thấy chúng sinh đều là chư Phật, chúng ta tự mình vẫn không thừa nhận! Cho nên, muốn biết bạn thuộc về cảnh giới gì, không cần hỏi người khác nếu bạn xem mọi người đều là Bồ Tát thì tự biết mình đã là Bồ Tát. Nếu tu hành nhiều năm vẫn thấy chúng sinh là phàm phu, vậy nhất định bạn là phàm phu rồi.

“*Trụ thâm thiên định, tát đồ vô lượng chư Phật*”. Phía trước là nói “Định Tuệ Đăng Tri”; câu kinh văn này là nói “từ thể khởi dụng”.

- Thâm thiên định là gì?

- Thế Tôn nói trên Kinh Đại Tập: “*Một câu danh hiệu A Di Đà Phật chính là ‘thâm diệu thiên’*”. “Thâm diệu thiên” không phải là thiên thông thường. Chỗ này “*trụ thâm thiên định*” chính là dạy ta đem tâm trụ ngay danh hiệu A Di Đà Phật. Vào mọi lúc, ở mọi nơi, trong tâm đều có A Di Đà Phật.

Trong Kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề thỉnh giáo với Thích Ca Mâu Ni Phật hai vấn đề:

* *Một là: “Vân hà hàng phục kỳ tâm? (Làm thế nào hàng phục được tâm?). Cái tâm này là vọng tâm, vọng tưởng, vọng niệm*

của chúng ta quá nhiều! “Làm thế nào hàng phục được vọng tâm?” Đây là vấn đề lớn!

* Hai là: “*Vân hà ung trụ?*”, tâm phải an trụ vào chỗ nào?

Thích Ca Mâu Ni Phật đã khai thị, giảng giải hai vấn đề này suốt một bộ Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Chúng ta sau khi khế nhập vào pháp môn Tịnh Độ, xem thấy Phật trả lời tôn giả Tu Bồ Đề hai vấn đề này sao quá dài dòng, rối rắm đến như vậy?! Sự thật không phải thế! Thế Tôn làm gì có nói lời thừa! Phật giảng kinh nói pháp là ứng với căn tánh của chúng sinh, không phải tùy tiện mà nói. Đó là Phật “*ứng cơ nói pháp*”, chúng ta không phải là căn cơ trên hội Bát Nhã nên nghe rồi cũng không hiểu, còn trách Phật nhiều lời!

Thật sự, với căn tánh phàm phu chúng ta, nếu thỉnh giáo với Phật: Làm thế nào hàng phục vọng tâm? Phật sẽ rất đơn giản mà nói: “A Di Đà Phật!” Một câu “A Di Đà Phật”, hết thảy vọng niệm đều tiêu hết. Bạn xem rất đơn giản làm gì có nói nhiều lời! Lại hỏi: Làm thế nào an trụ tâm? “A Di Đà Phật”! Tâm an trụ trên câu A Di Đà Phật thì tốt rồi! Một câu “A Di Đà Phật” tất cả vấn đề đều giải quyết hết, giải quyết viên mãn tròn đầy, cao minh hơn nhiều so với Kinh Kim Cang. Vậy mới thể hội công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn!

Tụng Kinh Kim Cang, tụng hết nửa ngày vẫn chưa hiểu được! Trụ trên câu “A Di Đà Phật” thật có hiệu quả liền có thể đánh bật được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình, đó là “*trụ thâm thiền định*”. Cho nên, pháp môn này vì sao tất cả chư Phật Như Lai đều không ngừng giới thiệu, tán thán, cực lực đề xướng đến tất cả chúng sinh trong chín pháp giới. Đây chân thật là pháp môn đơn giản dễ hiểu, ổn định, dễ dàng, thành tựu vượt hơn rất nhiều so với các pháp môn khác.

Trong Thiên Tông hay trong pháp môn Bát Nhã, tu hành đạt đến “minh tâm kiến tánh”, đó mới chỉ là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát; tu đến “Thập Hồi Hương” phải trải qua một A-tăng-kỳ kiếp; lại tu đến Thất Địa phải hai A-tăng-kỳ kiếp; tu đến Pháp Vân Địa phải ba A-tăng-kỳ kiếp; mới biết được thật khó khăn đường nào!

Nói thế, tuyệt đối không phải chúng ta tu Tịnh Độ nên khoa trương chính mình, mà thật sự là như vậy! Các pháp môn khác không phải không tốt mà các pháp đó chỉ nhằm đáp ứng được một số ít căn cơ nhất định. Chỉ có pháp môn Tịnh Độ là “*ba căn trùm khắp, lợi độn gồm thu*”. Phàm phu chúng ta, sanh đến Cực Lạc Thế Giới dù ở cõi “Phàm Thánh Đồng Cư, hạ hạ phẩm vãng sinh”, hàng ngày vẫn được thân cận, tiếp xúc với Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền cùng các vị Bồ Tát Đẳng Giác khác, cùng xếp hàng ngồi nghe A Di Đà Phật giảng kinh nói pháp. Trong mười phương thế giới không có sự bình đẳng này; nếu không đồng một giai tầng thì không cách chi ở chung được.

- Sự bình đẳng ở Thế Giới Cực Lạc do đâu mà có?

- Do tất cả đều niệm A Di Đà Phật mà được vãng sinh về. Đây là “nhân” bình đẳng, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, “quả” cũng bình đẳng, thọ dụng cũng bình đẳng. Tất cả đều bình đẳng, pháp môn này mới gọi là không thể nghĩ bàn!

“*Tất đồ vô lượng chư Phật*”: Vô lượng chư Phật Như Lai họ đều thấy được. Việc này, chỉ có Bồ Tát ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc mới có thể làm được. Trong “*vô lượng chư Phật*” bao gồm cả chúng ta trong đó.

Tôi dạy các đồng tu phải xem tất cả chúng sinh đều là chư Phật, đích thật là Phật thật. Phàm phu chỉ có mình ta; tất cả người khác đều là chư Phật Như Lai. Không luận họ làm thiện hay ác, chúng ta đều phải nghĩ: Đó là các ngài “*tùy loại hóa thân, tùy cơ thị hiện*”

để thử thách ta, chúng ta cần phải nỗ lực trong cảnh giới thị hiện này mà tu hành.

- Tu hạnh gì?

- Tu hạnh bình đẳng, tu tâm thanh tịnh, tu tâm chánh giác; đó là thành tựu Phật đạo của chính mình. Cho nên tất cả cảnh duyên dù thuận hay nghịch đều giúp ta thành tựu hạnh “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, họ không phải là thiện tri thức, chư Phật Như Lai thị hiện giúp ta là gì?

Mặt khác nếu có thể thường hay đem tâm mình chuyển đổi được như vậy, tập giống như tâm A Di Đà Phật, lâu ngày dài tháng, trong bất tri bất giác, thật có thể “*tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội*”.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Xét về quả, *Hoa Nghiêm tam-muội* còn được gọi là “Hải Ấn tam-muội”; gọi là “Ấn” vì dùng ấn chương của thế gian để làm thí dụ. Văn tự khắc trên “Ấn” có thể ngay lập tức cùng lúc hiện ra, chẳng có sai biệt trước sau, toàn thể cùng phơi bày chẳng có điểm nào ẩn dấu. Gọi là “Hải” vì giống như biển cả, đồng thời hiện bóng hết thấy các tướng sai biệt. Hình tượng sai khác dấu muôn ngàn nhưng thể của nước nào khác. Muôn tướng khởi lên đầy đầy, nhưng nước vẫn trong lặng. Có vạn tướng thì nước vẫn vậy, không có tướng, nước vẫn như thế. Không có thời gian trước sau, nên kéo dài hay rút gọn đều cùng một lúc. Ba đời xưa nay chẳng ngoài cái niệm hiện tiền, cùng hiện trong nước nên rộng, hẹp tự tại, mười phương thế giới chẳng ngoài ngay chón này.”

- Chúng ta ở Niệm Phật Đường niệm Phật, sức mạnh này rất lớn, có thể chuyển biến làn sóng tư tưởng bất thiện của chúng sinh thế gian này không?

- Khẳng định có thể làm được! Tuy tai nạn hiện tại chúng ta không có khả năng giải trừ, nhất định cũng có thể làm cho tai nạn này giảm nhẹ hoặc kéo lui về sau. Tín tâm chúng ta khẳng định như thế, một chút hoài nghi cũng không có!

Chúng ta bước vào Niệm Phật Đường niệm Phật, chân thật là tự độ, độ người, cứu mình cứu người. Giả như chúng ta ngay trong cuộc sống thường ngày nếu không thể “*trụ thâm thiên định*”, không thể “*tất đồ vô lượng chư Phật*”, công phu tu tập của chúng ta sẽ không có lực; muốn có lực phải thực tiễn hai câu trên.

“*Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ*” (Trong khoảng một niệm, qua khắp hết thấy cõi Phật): Cái ý này rất sâu, tác dụng này rất rộng, trong đây cũng hàm chứa vô lượng nghĩa. Kinh văn nói với chúng ta về tình hình sinh hoạt của đại chúng sau khi họ ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội:

* *Đại dụng thứ nhất*: Họ có thể thấy vô lượng chư Phật. “*trụ thâm thiên định, tất đồ vô lượng chư Phật*”. Phần này phía trước đã nói qua.

* *Đại dụng thứ hai*: Họ có năng lực trong “*ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ*”. Câu này nói rõ không gian đời sống của họ rất rộng lớn. Có thể biết được Hoa Nghiêm tam-muội đích thật là cảnh giới không thể nghĩ bàn!

“*Nhất niệm khoảnh*” là nói thời gian rất ngắn, nhưng ngắn chừng bao lâu thì các thuyết không đồng nhất. Như quyển thượng của Kinh Nhân Vương Bát Nhã bảo: “*Cửu thập sát-na vi nhất niệm, nhất niệm trung chi nhất sát-na, kinh cửu bách sinh diệt*”, Có nghĩa là: Chín mươi sát-na là một niệm. Một sát-na trong một niệm trải qua chín trăm lần sinh diệt.

Vãng Sinh Luận Chú, quyển thượng lại chép: “*Một trăm lẻ một lần sinh diệt là một sát-na, sáu mươi sát-na là một niệm*”.

Cả hai thuyết cùng cho rằng trong một niệm có nhiều Sát-na (Kshanas), nhưng Trí Độ Luận cho rằng: “*Trong khoảng khảy ngón tay có sáu mươi niệm*”.

Quyển mười tám sách Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký ghi: “*Sát-na, Hán dịch là Niệm, trong khoảng khảy ngón tay có sáu mươi sát-na*”. Hai thuyết này cùng cho rằng một niệm chính là một sát-na. Thuyết này giản dị, dễ nhớ nên đời sau hay dùng thuyết này: Một niệm là một sát-na.

Vậy thì, “*nhất niệm khoảnh*” gọi là một sát-na. Một khảy móng tay có sáu mươi sát-na. Một phần sáu mươi của một khảy móng tay gọi là một sát-na, cũng gọi là một niệm. Trong thời gian ngắn đến như vậy, họ có năng lực “*biển du nhất thiết Phật độ*”. Chữ “*nhất thiết*” ở đây không những bao gồm hết mười phương mà còn gồm cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai; tất cả cõi nước chư Phật họ đều có thể “*biển du*” (“*biển*” là không có sót lọt); mười phương ba đời vô lượng, vô biên cõi nước chư Phật, họ ngay trong một niệm viên mãn đạt đến.

“*Ư nhất niệm khoảnh, biển du nhất thiết Phật độ*”, chỉ trong một sát-na hay một niệm mà có thể qua khắp các cõi Phật; đây chính là nguyện thứ mười một của Phật A Di Đà: “*Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát, châu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh Giác*”. (Trong khoảng một niệm, chẳng thể vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, đi gặp khắp tất cả các chón cúng dường chư Phật thì chẳng lấy Chánh Giác).

Lại nữa, Sách Bình Giải viết: “*Trong khoảng một niệm đi khắp trọn vô lượng cõi Phật là đã đạt đến thế giới Vô Lượng Thọ Nhất Thừa thanh tịnh, qui kết về Niệm Phật tam-muội*”. Thuyết này

rất sâu sắc, do bởi niệm Phật được sinh Cực Lạc, liền có thể nương vào sức gia bị phát xuất từ nguyện thứ mười một trong Nhất thừa nguyện hải của Di Đà Như Lai mà hiển thị thần thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Trong khoảng một niệm qua khắp các cõi Phật, đó chẳng phải là điều Nhị Thừa hay phàm phu chúng ta mà có thể thấu hiểu được nổi!

Mục tiêu của việc học Phật là để hồi phục bản lai diện mục của chính mình. Nếu nói cạn một chút, mục đích của học Phật chính là dạy bạn nhận biết được chính mình, và hoàn cảnh đời sống của chính mình. Nếu không nhận biết, không rõ hiểu, Phật pháp gọi đó là phàm phu mê hoặc. Khi tường tận, giác ngộ rồi, tự nhiên bạn sẽ có được năng lực này, không gian đời sống của bạn không còn bị hạn cuộc trong khu vực nhỏ bé, mà vô cùng rộng lớn, là tận hư không khắp pháp giới, nơi nào có “cảm” thì nơi đó bạn liền có “ứng”.

Chư Phật, Bồ Tát hiện thân biến du mười phương cõi nước, không phải các ngài có ý mà đi; đạo lý này nhất định phải hiểu: chúng sinh có “cảm”, các ngài liền có “ứng”, cảm ứng tương thông!

Người hiện tại tin tưởng khoa học, trên thực tế họ có thật hiểu khoa học hay chưa?- Cũng chưa chắc hiểu! Chưa chắc hiểu mà vẫn tin, cái tin đó gọi là mê tín! Họ nói chúng ta mê tín Phật pháp! Chúng ta nói họ mê tín khoa học! Đều là mê tín! Hiểu cho tường tận mới tin thì không gọi là mê tín; chưa hiểu rõ mà tin, đó là mê tín!

Người học Phật thông thường đầu óc tương đối bình lặng sáng suốt, người khác nói chúng ta mê tín; chúng ta nghe rồi cũng rất tức cười! Chính mình nghĩ lại:

- Chúng ta có phải mê tín không?
- Không sai! Đích thật là mê tín!
- Vì sao nói là mê tín?

- Phật nói ra những sự việc mà đích thật chúng ta chưa thấy hiểu tường tận. Cho dù trên lý luận, chúng ta hiểu, nhưng thực tế chúng ta vẫn chưa tận mắt thấy. Như hai câu ở chỗ này: “*Trụ thâm thiên định, tất đồ vô lượng chư Phật*”, chúng ta chưa có được “*thâm thiên định*” cũng chưa thấy được chư Phật, nhưng chúng ta vẫn tin tưởng Phật không lừa dối chúng ta. “*Ư nhất niệm khoảnh biến du nhất thiết Phật độ*”, câu này lại càng không thể nghĩ bàn! Chúng ta càng không thể làm được, nhưng chúng ta vẫn tin tưởng! Cái tin này gọi là mê tín! Người ta nói chúng ta mê tín A Di Đà Phật, không phải là mắng chúng ta, mà đó là sự thật. Chúng ta đích thật là mê tín, sao có thể trách người! Thế nhưng, nên biết:

Họ nói chúng ta mê tín, nhưng họ mê còn đáng lo hơn chúng ta nhiều! Bạn hiểu được cái ý này không?

Chúng ta mê là “*một loại mê*”; họ mê là “*hai loại mê*”. Họ không biết tí gì về Phật pháp mà dám nói ta là mê tín, nên họ là “*mê mê tín*”! Nhất định phải làm cho rõ ràng việc này.

Phải hiểu tường tận mới có thể xác quyết cái tin của họ là chánh tín hay mê tín. Phật dạy chúng ta chớ vội tin điều gì, nếu sự việc đó chính mình chưa chứng thực. Sau khi chứng thực rồi mới tin, đây gọi là Chánh tín. Nói cách khác, Phật khuyên chúng ta, nhất định phải vào Hoa Nghiêm tam-muội, thì sự việc này mới chứng thực, mới hòa nhập vào cảnh giới chân thật của chính mình, điểm này rất quan trọng!

Trên kinh Đại Thừa thường nói: “*Dài, ngắn đồng thời, rộng hẹp tự tại*”, “*dài ngắn đồng thời*” là nói thời gian; “*rộng hẹp tự tại*” là nói không gian. Không gian cùng thời gian đều không thật! Trong Pháp Tướng Tông đem không gian, thời gian định vị ở “*bất tương ưng hành pháp*”.

- Cái gì gọi là “*bất tương ưng hành pháp*”?

- Nếu dùng lời hiện tại mà nói, “*bất ương ung hành pháp*” chính là một loại khái niệm trừu tượng không phải sự thật. Người hiện tại, do khoa học phát triển, tầm nhìn của họ đối với sự việc không giống như người trước. Người thời trước nếu nói thời gian là giả, họ rất khó lý giải; hiện tại nói thời gian là giả, mọi người đều dễ dàng hiểu được. Vì sao vậy? Vì có sai biệt thời gian! Hiện tại, chúng ta ở đây (Singapore) là tám giờ; ở Úc Châu thêm hai giờ, bên đó là mười giờ. Mỗi khu vực có thời gian khác nhau, cho nên thời gian là giả không phải thật! Phương vị không gian bốn phương cũng là giả không phải thật, không phải định pháp, chỉ là một khái niệm trừu tượng. Nói cách khác, căn bản không có sự thật này.

Nhà Khoa học Einstein từng nói: “*Quá khứ, hiện tại, vị lai đồng thời tồn tại*”. Có thể nói ra câu này, thật không đơn giản! Ông biết được nó đồng thời tồn tại, nhưng không cách gì trở ngược lại quá khứ, cũng không cách gì bước đến tương lai! Trên lý luận thì rõ, nhưng dùng phương pháp gì có thể đột phá được trục đạo thời gian, hiện tại vẫn chưa tìm ra biện pháp! Thế nhưng, trong Phật pháp đã đột phá từ rất sớm. Trong Thiên định, họ có thể trở về quá khứ, hay bước vào tương lai, có thể biến du tất cả cõi Phật. Trong tất cả cõi Phật bao gồm cả ba đời, mười phương thế giới.

- Thiên định là gì?

- Là trạng thái tĩnh lặng, hoàn toàn bất dứt phân biệt, chấp trước. Ý niệm vọng tưởng phân biệt, chấp trước thảy đều đoạn tận, đó gọi là “*thâm thiên định*”.

Thiên định thế gian gọi là “*Tứ thiên, Bát định*” không làm được vì vẫn còn có ý niệm thiên định. Họ có thể phục hồi một phần năng lực, nhưng không thể biến du tất cả cõi Phật. Ở thế gian này, chỉ cần có được chút định nhỏ; trong thiên định họ cũng có thể nhìn thấy được sự việc xảy ra trong hiện tại hoặc trong quá khứ, hay những sự

việc sẽ xảy đến trong tương lai. Việc này không cần phải có thiên định rất sâu, định nhỏ cũng có thể làm được.

Khi xưa, có một lão cư sĩ, ông là một quân nhân, một tướng quân, kể cho tôi nghe một sự việc: Vào thời kháng chiến, quân đội đóng ở Giang Tây, bên cạnh có một đạo quán, trong đó có một lão đạo rất tiên phong đạo cốt, có tu hành, tuổi tác cũng đã cao. Họ rất kính ngưỡng lão đạo này. Một hôm, lão đạo phái người đến thông báo cho họ; bảo họ nên dọn nhà. Họ hỏi tại sao? Lão đạo nói: Ba ngày sau chỗ này sẽ bị hồng thủy nhận chìm hết! Nghe qua lời này, họ rất khó tin tưởng, bởi thời tiết rất tốt, không có dấu hiệu gì của nước lụt. Thật kỳ lạ! Họ liền phái người đi nghe ngóng xem lão có dọn nhà không, vì địa thế nơi lão ở cũng không cao. Quả thật lão đã dọn rồi! Họ cũng đành nghe theo. Sau ba ngày, quả nhiên sơn hồng bạo phát, nơi đó thật đã bị nhận chìm. Lão đạo đích thật có chút năng lực, sự việc mấy ngày sau ông có thể thấy được.

Ngoài ra, còn một việc nữa: Có một hôm, lão đạo nói với họ: Khi nhập định, lão xem thấy có một trận chiến rất tàn khốc xảy ra ở hướng Đông của Trung Quốc, cự ly tương đối khá xa. Là những tướng quân cao cấp, đối với tin tức này họ đều rất linh thông, cho rằng không có hiện tượng này. Thế nhưng, sau ba tháng, chính phương vị mà lão đạo nói đã xảy ra chiến tranh: Người Nhật tập kích Trân Châu Cảng. Họ cảm thấy rất kỳ lạ! Vì sao lão đạo này có thể nhìn thấy được sự việc trước ba tháng? Việc này chứng tỏ lão đã đột phá được thời gian, có thể thấy được vị lai.

Đích thật “Thời không” có thể siêu việt, nhưng chỉ là siêu việt nhỏ thôi. Không như trong Phật pháp, năng lực rộng lớn, chân thật là không có bờ mé như trên kinh nói: “*Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ*”.

Trong “Thần tăng truyện” có câu truyện của một vị nào đó tôi không còn nhớ, vì đọc sách này cũng khoảng bốn mươi năm trước. Có một pháp sư từ Ấn Độ đến Trung Quốc truyền đạo giảng kinh nói pháp. Pháp duyên của Pháp sư này rất thù thắng. Khi Pháp sư này sắp quay về Ấn Độ, có rất nhiều người muốn cung thỉnh Pháp sư đến nhà mình để thọ trai. Pháp sư đều nhận lời. Hôm sau đến thập lý trường đình tiễn đưa, mọi người đều hồ hởi khoe nhau: “Hôm qua Pháp sư đã đến nhà tôi ứng cúng”. Tổng cộng ngày hôm đó có khoảng mấy trăm người khoe được Pháp sư đến nhà. Mới hay ra Pháp sư này có bản lĩnh phân thân: Đồng một lúc giữa trưa ăn cơm, ông có thể phân thân đến nhà mỗi người. Phật nói chúng ta đều có năng lực này. Pháp sư có năng lực này, chí ít ngài cũng là bậc A-la-hán, tứ quả Tiểu Thừa. Việc này nói rõ: “*Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ*” là sự thật.

KINH VĂN:

Đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh, thiện năng phân biệt chúng sinh ngữ ngôn, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, siêu quá thế gian chư sở hữu pháp, tâm thường để trụ độ thế chi đạo. Ư nhất thiết vạn vật tùy ý tự tại, vị chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu. Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng, hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt. Hưng đại bi, mãn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn, đỗ ác thú, khai thiện môn. Ư chư chúng sinh, thị nhược tự kỷ, chứng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn, tất hoạch chư Phật vô lượng công đức. Trí tuệ thánh minh, bất khả tư nghị. Như thị đẳng chư đại Bồ Tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập.

VIỆT DỊCH:

Được biện tài của Phật, trụ Phổ Hiền hạnh, khéo có thể phân biệt tiếng nói của chúng sinh, khai hóa hiển thị chân thật

chi tế, vượt xa các pháp sở hữu của thế gian, tâm thường trụ chắc chắn nơi đạo độ thể. Đối với tất cả vạn vật tùy ý tự tại, vì các thứ loại làm bạn không thỉnh. Thọ trì pháp tạng thậm thâm của Như Lai, hộ trì chủng tánh của Phật khiến cho thường chẳng đoạn tuyệt. Phát lòng Đại Bi, thương xót hữu tình, diễn từ biện, trao pháp nhãn, lấp nẻo ác, mở cửa lành. Đối với các chúng sinh xem như chính mình, cứu giúp phò trợ khiến đều vượt lên bờ kia, đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật. Trí tuệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn. Các đại Bồ Tát như vậy vô lượng vô biên cùng lúc nhóm đến.

GIẢNG:

“Đắc Phật biện tài” (Được biện tài của Phật): “Biện tài” là tài năng tuyên nói pháp nghĩa một cách khéo léo. Trong Pháp Hoa Sớ, ngài Gia Tường giảng: *“Đáp ứng nhanh chóng từng căn cơ là Biện, lời lẽ bóng bẩy là Tài”*.

Sách Hội Sớ giảng: *“Ngôn âm dứt Hoặc là Biện, tùy cơ hay khéo là Tài, không điều gì chẳng phát xuất từ thánh trí”*. Trong ba thuyết, thuyết này hay nhất.

Tịnh Ảnh Sớ lại bảo Như Lai đắc bốn trí vô ngại, dùng trí vô ngại hưng khởi **Tứ Vô Ngại Biện** (bốn thứ biện tài):

1. Nghĩa vô ngại biện: Biết rõ nghĩa lý của hết thầy các pháp vì thông đạt chẳng ứng trệ.

2. Pháp vô ngại biện: Thấu đạt danh tự của hết thầy các pháp vì phân biệt chẳng ứng trệ.

3. Từ vô ngại biện: Thông đạt tự tại, diễn giảng luận biện rất thông đối với danh từ, nghĩa lý của các pháp thuận theo ngôn ngữ khác biệt của hết thầy chúng sinh ở các nơi khác nhau mà vì họ diễn nói, khiến ai nấy đều được hiểu.

4. Nhạo thuyết vô ngại biện: Vui thuyết không hề bị chướng ngại, không thối lui, không sợ sệt, không bị ai đốn phá. Tùy theo căn tánh và pháp muốn được nghe của hết thầy chúng sinh mà vì họ diễn thuyết viên dung chẳng trệ.

Thuyết trên đây cho rằng các bậc Đại Sĩ khéo hợp thánh trí đắc vô ngại biện tài, khéo thích ứng căn cơ, giảng giải rộng rãi, bàn luận khéo léo nên bảo: “*Đắc Phật biện tài*”.

Hiện tại, có một số đồng tu tại gia, xuất gia phát tâm muốn học giảng kinh, nhất định phải học biện tài của Phật. Nên biết: Biện tài của Phật lưu lộ từ trong tánh đức không phải do học mà có.

- Không do học mà có, vậy phải làm thế nào mới có được?

- Phía trước đã nói, phải được Định! Muốn khai mở trí tuệ, vẫn là từ phương pháp cũ mới có hiệu quả, đó là dạy bạn phải bắt đầu từ tu Định. Sau khi được Định mới học giảng kinh thì sự tiếp thu của bạn sẽ rất nhanh chóng, dễ dàng, vừa nghe liền khai ngộ. Tâm định có thể sinh trí tuệ.

- Hiện tại vì sao bạn học khổ cực đến như vậy?

- Vì bạn có vọng tưởng, có tạp niệm, có phiền não, có lo lắng, có vương bận, bạn không có trí tuệ! Lên đài giảng kinh một giờ đồng hồ, bạn phải chuẩn bị hết mấy mươi giờ, rất khổ cực! Đến lúc nào bạn chuẩn bị chỉ một tiếng đồng hồ mà có thể giảng được mười tiếng rất tự tại, thì bạn an lạc.

Hiện tại, mọi người không chịu tu Định, vừa mở đầu liền muốn nghiên cứu kinh điển, nghiên cứu chú giải của người xưa. Cách này không được! Vĩnh viễn không thể khai ngộ! Hiện tại, tuy chúng ta không có thiên đường nhưng có Niệm Phật Đường. Tốt nhất, trước tiên nên đến Niệm Phật Đường thành thật, trung thực niệm Phật. Niệm được ba năm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không

còn. Mỗi ngày từ sớm đến tối chỉ có một câu A Di Đà Phật, không nghĩ tưởng xằng bậy, tất cả vạn duyên đều buông bỏ, tâm bạn định lại. Sau đó đến nghe tôi giảng kinh, tính khả năng khai ngộ của bạn sẽ rất cao.

“Trụ Phổ Hiền hạnh”: “*Phổ Hiền hạnh*” chính là Hoa Nghiêm tam-muội mà phía trước đã nói. Chúng ta thấy bộ kinh này vừa mở đầu là “*hàm công tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức*”. Ở đây, kinh chép “*Trụ Phổ Hiền hạnh*”, ý nói các Đại Sĩ đều an trụ trong đại hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát.

Hạnh Phổ Hiền đơn giản mà nói: Trong tâm chỉ có ý niệm lợi ích chúng sinh, tạo phước xã hội, tạo phước nhân sinh, không có chút gì tự tư tự lợi. Cũng có thể nói: Hạnh Phổ Hiền là dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi làm tất cả công việc lợi ích chúng sinh, đây là hạnh Bồ Tát cao cấp, thù thắng nhất trong hạnh Phổ Hiền.

- Hạnh Phổ Hiền đáng vẽ ra sao?

- Đáng vẽ của hạnh Phổ Hiền chính là trong sinh hoạt thường ngày, đối nhân xử thế tiếp vật; cách nghĩ, cách thấy hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Trên biểu hiện không hề khác biệt nhưng trên tâm lý thì có thay đổi: Lúc trước, mỗi niệm có ta, vì ta, vì lợi ích của ta v.v... Hiện tại, mỗi niệm đều vì lợi ích tất cả chúng sinh, vì đại chúng xã hội; người thế gian gọi là hy sinh phụng hiến. Thế nhưng ý niệm “hy sinh phụng hiến” cũng không nên có; nếu có ý niệm này, bạn vẫn còn có “ngã, sở”, vẫn là phàm phu chưa đạt đến tiêu chuẩn của hạnh Phổ Hiền.

- Phàm phu tu cái gì?

- Tu thiện hạnh! Nhân thiện tương lai ắt được quả báo thiện, đây không phải là hạnh Phổ Hiền. Quả báo của hạnh Phổ Hiền không

ở trong ba đường thiện mà ở “Pháp Giới Nhất Chân”. Việc này chúng ta học Phật không thể không biết.

Hạnh Phổ Hiền, nếu tường tận mà nói chính là một bộ Kinh Hoa Nghiêm hoàn chỉnh. Triển khai Kinh Hoa Nghiêm từ “như thị ngã văn” đến “tín thọ phụng hành”, mỗi chữ, mỗi câu đều là hạnh Phổ Hiền. Một người ngay trong cuộc sống có được duyên phật, học tập này là đại phước báo. Cái phước báo này không phải chỉ một đời mà chân thật là trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp.

Kinh Hoa Nghiêm, gần đây chỉ ít có hơn hai trăm năm không có người giảng. Ngày nay, chúng ta gặp được hội này quyết không phải là ngẫu nhiên. Gặp được rồi cũng chưa chắc bạn sẽ sinh tâm hoan hỷ! Nếu có thể sinh tâm hoan hỷ, đây là nhiều đời nhiều kiếp thiện căn, phước đức, nhân duyên của bạn đã chín muồi, không phải là việc dễ dàng! Chúng ta nay được thân người, gặp được cơ hội học tập này quyết không nên để lỡ qua. Tuy không thể thực tiễn viên mãn được hạnh Phổ Hiền, chỉ học được một, hai điều trong hạnh Phổ Hiền, đời này chắc chắn cũng có được thọ dụng bất tận. Đây là sự thật.

“Thiện năng phân biệt chúng sinh ngữ ngôn” (Khéo hay phân biệt ngữ ngôn của chúng sinh): Chúng sinh vô biên nên ngôn ngữ của chúng sinh cũng vô lượng. Đây là nói đột phá được chướng ngại trên ngôn ngữ. Ngôn ngữ chúng ta rất tường tận, đặc biệt là ở Singapore, khu vực tuy rất nhỏ nhưng qui tụ rất nhiều chủng tộc, việc tuyển chọn quan viên cũng phải chọn lấy bốn loại ngôn ngữ: Anh ngữ, Hoa ngữ, Mã Lai ngữ, Ấn Độ ngữ. Sự việc này đối với chư Phật, Bồ Tát thì không có chướng ngại. Phật, Bồ Tát chỉ dùng một âm thanh nói pháp, chúng sinh tùy loại đều hiểu được. Chỗ này rất diệu! Mỗi chúng sinh nghe Phật giảng đều là ngôn ngữ của chính mình, thật không thể nghĩ bàn! Thử nghĩ:

- Chúng ta có thể làm được hay không?
- Nghĩ lại cũng thật có chút khả năng này!
- Do đâu?

- Do hiện tại dùng vi tính thì có thể làm được! Trí tuệ của Phật so với vi tính chắc chắn vượt xa hơn trăm ngàn vạn ức lần.

Cho nên, hiện tại chúng ta xem thao tác, vận dụng của vi tính, nghĩ đến năng lực này của Phật đích thực là thật không phải giả. Sức công đức biện tài vô ngại của Phật và chư vị Pháp Thân Đại Sĩ có thể “*nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết*” (Nhập các ngôn âm, khai hóa hết thảy) (bản Ngụy dịch). Nói theo thế pháp là có thiên tài ngôn ngữ, trong Phật pháp gọi là “*vô ngại biện tài*”, không những các ngài có thể thấu triệt hết thảy ngôn ngữ của chúng sinh mà còn có thể sử dụng ngôn ngữ của họ để thuyết pháp, chỉ dạy, giúp họ khai ngộ. Cho nên chư Phật và Pháp Thân Đại Sĩ không có chướng ngại trong việc hoằng pháp lợi sinh, các ngài không cần phải có người thông dịch.

Ngày nay, Phật pháp hoằng dương trên toàn thế giới, thực tế mà nói, chướng ngại ngôn ngữ là nhân tố hàng đầu. Đối với những người ngôn ngữ bất đồng, văn tự bất đồng, không thể trực tiếp đem Phật pháp thù thắng vi diệu giới thiệu đến cho họ, cần phải thông qua phiên dịch.

Thời xưa, hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, lúc đó kinh điển là tiếng Phạn, đến Trung Quốc nhất định phải phiên dịch thành Hoa văn, người Trung Quốc mới có thể xem hiểu được.

- Thông qua phiên dịch lần này, ý nghĩa nguyên văn của Thế Tôn có bị phiên dịch sai không?

- Việc này ngay trong tưởng nghĩ của chúng ta, nhất định không thể nào tránh khỏi một ít sai lầm! Thông thường bạn viết một thiên văn chương, nhờ người khác phiên dịch ra ngoại ngữ, cùng ý nghĩa ban đầu của bạn chắc chắn không như nhau. Rất khó nói!

- Nếu ý nghĩa của Phật dịch sai, sẽ khiến chúng sinh ngộ nhận, vậy phải làm sao?!

- Điểm này dẫn khởi người hiện tại học Phật có hoài nghi đối với kinh điển! Cho nên, có số người nhất định phải tìm kinh điển nguyên bản văn Phạn.

- Đến đâu để tìm? Trong khi kinh điển nguyên bản đều bị thất truyền! Người Trung Quốc có tận hết trách nhiệm này chăng?

- Thời xưa, số lượng lớn kinh điển tiếng Phạn lưu truyền đến Trung Quốc, sau khi phiên dịch thành Trung văn, họ liền không cần đến kinh điển tiếng Phạn nữa, nên không hề lưu giữ để lưu truyền lại. Đây thật là điều đáng tiếc!

Những năm đầu học Phật, tôi đã đem việc này thỉnh giáo với tiên sinh Phương Đông Mỹ: Những điển tịch trân quý như vậy, vì sao cổ nhân không cố gắng bảo tồn lưu lại?! Bạn xem! Người xưa Trung Quốc vốn lo sợ kinh Phật tương lai khi gặp nạn lớn sẽ bị thất truyền, nên đem nó khắc thành “Thạch Kinh” thường trụ danh sơn, lưu truyền đến đời sau.

Mấy năm trước ở Phòng Sơn, Trung Quốc phát hiện được “Thạch Kinh”. Đây là dụng tâm của người xưa lo sợ kinh Phật bị thất truyền nên đem toàn bộ kinh văn khắc lên trên đá. Toàn bộ Đại Tạng Kinh, phân biệt Tạng ở trong bảy động đá. Tôi đến Phòng Sơn tham quan khen ngợi thật không sao kể xiết! Công trình đó không thua gì Vạn Lý Trường Thành. Căn cứ vào ghi chép của họ, bộ Kinh Tạng

này tổng cộng đã khắc gần ba, bốn trăm năm mới hoàn công! Biết bao là nhân lực, tài lực để hoàn tất công tác này!

- Nhưng vì sao họ không chịu lưu giữ nguyên bản văn Phạn lại?

Phương tiên sinh nghe qua lời tôi liền phát ra trận cười thật lớn, khiến tôi cũng cười theo rần rụa! Ông nói với tôi:

- Việc này chú không biết! Người xưa Trung Quốc không giống người Trung Quốc hiện nay. Người Trung Quốc hiện nay không có lòng tự tin dân tộc, đều cảm thấy không bằng người khác. Người Trung Quốc ngày trước lòng tự tin mạnh mẽ, các dân tộc khác không thể sánh bằng, đây là thế giới đệ nhất! Kinh Phật dịch thành Trung văn, không những ý nghĩa của kinh, một chút sai sót cũng không có, tiền nhân Trung Quốc có thể khẳng định chắc chắn đến như vậy; hơn nữa, văn tự còn hoa mỹ hơn so với nguyên văn tiếng Phạn. Đó là nói với thiên hạ về sau: Đọc kinh điển Trung văn là đủ! Không cần phải đọc bản tiếng Phạn.

Bạn xem! Loại khí khái này, chúng ta không hề nghĩ đến người Trung Quốc đích thật có niềm tự tin, đáng được tự hào về dịch thuật kinh Phật.

Có lần, lão cư sĩ Lý Bình Nam nói với tôi: Năm xưa, có rất nhiều bậc tu hành chứng quả, khế nhập được cảnh giới, đều tham gia công tác phiên dịch ở dịch trường, nên họ phiên dịch không có vấn đề. Ý nghĩa phiên dịch hoàn toàn không sai, quyết không như hiện tại chúng ta, không hiểu tường tận lại tự cho là đúng thì không được! Đó là sai lầm đến trăm lần! Người trước, chân thật là có tu, có chứng. Người ngày nay chỉ có tín, có học. Cái “tu” thì không thể nói đến, đừng nói chi đến “chứng” thì lại càng không có! Ngày nay học Phật, thành quả của chúng ta kém rất xa so với người trước đạo lý chính ngay chỗ này!

Cho nên, trên kinh nói: “*Thiện năng phân biệt chúng sinh ngữ ngôn*”, chúng ta sâu sắc tin tưởng việc này là có thể. Thế nhưng, đây không phải là cảnh giới của chúng ta. Ngày nay, chúng ta vẫn phải thông qua phiên dịch. Công tác phiên dịch rất gian nan, phải chân thật đem công tác phiên dịch làm cho tốt, vẫn phải dựa vào công phu tu hành, mới chân thật có thể làm được tốt.

“*Khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”:

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Câu này nói rõ nguyên nhân vì sao chư Phật Như Lai đến thị hiện ở thế gian này. Chúng sinh có cảm, các ngài liền có ứng. Cái cảm này phát ra làn sóng mà khoa học hiện nay gọi là sóng điện. Cái sóng điện này thật vi tế, chính mình không hề có cảm giác, nhưng chư Phật, Bồ Tát đều tiếp nhận được. Các ngài cao minh hơn chúng ta nhiều! Thị hiện đến thế gian này, các ngài dùng đủ loại thân phận khác nhau: Nam nữ, già trẻ, các ngành, các nghề v.v...

Trên Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta xem thấy Thiện Tài đồng tử, năm mươi ba lần tham học chính là biểu thị câu nói này “*khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”. “Chân thật chi tế” chính là “Tri Kiến Phật”, là Tri kiến giác ngộ, là Phật tri, Phật kiến, là cái thấy biết hoàn toàn chính xác phù hợp với chân tướng của vũ trụ nhân sinh. “Khai” là khai mở, “Hóa” là tường tận, là khế nhập cảnh giới, lúc đầu mê hoặc điên đảo, hiện tại liền hoắc nhiên đại ngộ. “Hiển thị” là hiển bày, “Tế” là cứu cánh biên tế, là đỉnh điểm, là rốt ráo, không có bờ mé.

Mục tiêu chung cực của Kinh Pháp Hoa là “*khai hóa, hiển thị chúng sinh ngộ, nhập, Phật tri kiến*”, cùng với “*khai hóa, hiển thị chân thật chi tế*” ở đây là cùng một ý nghĩa. “Khai Phật Tri Kiến” là ngôn giáo, vì người khác diễn nói. “Hiển thị chân thật chi tế” là “Thị Phật tri kiến”, là thân giáo, biểu diễn làm ra dáng vẻ gương mẫu để

người khác xem thấy học tập. “Chân Thật Chi tế” cũng có nghĩa là “Thật Tướng của các pháp” như Kinh Bát Nhã thường nói.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: *“Toàn thể một bộ diệu Pháp Tịnh Độ đều là Phật tri kiến, chỗ nào cũng là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vì vậy, trong kinh này câu nào cũng là khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế, đều là khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật.”*

Sách Hội Sớ nói: *“Khai hiển chân thật là hiển thị, nghĩa là đem mười pháp giới qui về Nhất Thừa, quyết định thành Bồ Đề. Chân Thật Tế là dùng Nhất Phật Thừa để làm pháp tối hậu vậy”.*

Sách Bình Giải lại viết: *“Nếu y theo Tiểu Thừa thì thiên chân là Thật Tế. (Thiên chân là chân lý chưa rốt ráo, nghĩa là cái thấy của Tiểu Thừa chưa trọn vẹn, mới chỉ chứng “Ngã Không”, chưa chứng được “Pháp Không” nên gọi là “Thiên” (lệch lạc). Nếu xét theo Tiệm giáo thì ly nhị biên (rời hai bên Có và Không) là Thật Tế. Nếu xét theo Thánh Đạo Thật Giáo thì Thật Tướng của các pháp là Chân Thật Tế. Nếu xét theo Tịnh Độ, quang xiển đạo giáo là quyền phương tiện (quang xiển là hoàng dương cho đạo pháp được sáng ngời, rạng rỡ, không bị khuất lấp, ẩn tàng), thế nguyện nhất Phật thừa là Chân Thật Tế, là biến nhất thật Chân Như vậy. Thánh đạo thủ lý nhưng không duy lý, Tịnh Độ dùng Sự nhưng chẳng chỉ biết có Sự (đây chính là: Sự tức Lý, sự sự vô ngại). Nếu theo cách hiểu của chúng sinh thì có Sự, Lý, Không, Hữu sai khác, nhưng nếu đứng trên quan điểm chư Phật tám tấc ngời khen thì chỉ có thế nguyện nhất Phật thừa, biến nhất thật Chân Như này là Chân Thật Tế”.*

Rõ ràng Sách Hội Sớ và Bình Giải cùng xem Nhất Phật Thừa của Tịnh Tông là Chân Thật Tế và cũng là Tri Kiến của Phật vậy. Cũng theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Chân Thật Tế chính là tự tâm. Hiểu rõ bản tâm của chính mình, thấy được bản tánh của chính mình là “Khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế”, nhưng trong pháp môn Niệm

Phật cũng lại là bất nhị: Tâm này là Phật, tâm này làm Phật. Vì vậy, tâm mình niệm Phật chính là Chân Thật Tế nên nói rằng: “*Một tiếng Phật hiệu, một tiếng tâm*”. Kinh cũng dạy: “*Nhược nhân đản niệm A Di Đà, thị danh vô thượng thâm diệu thiên*”. (Nếu ai chỉ niệm A Di Đà thì gọi là vô thượng thâm diệu Thiên).

Ngoài ra, phẩm ba của kinh này nói Như Lai “*dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi*” (muốn cứu vớt quần manh, ban cho họ cái lợi chân thật). Trong phẩm thứ tám, tỳ kheo Pháp Tạng, “*trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*”.

Ba thứ chân thật: *Chân Thật Tế, Chân Thật Lợi, Chân Thật Tuệ* chính là cương lĩnh của kinh này; trong phẩm kế tiếp sẽ giảng tường tận.

“*Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*” (Vượt xa các pháp vốn có của thế gian).

Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Nghĩa là vượt khỏi hết thấy các pháp phần đoạn, biến dịch của thế gian*”.

Sách Hợp Tán giảng: “*Vượt khỏi hai thứ chết: phần đoạn và biến dịch, an trụ trí Nhị Không xuất thế. Đó chính là thành tựu Trí Đức và Đoạn Đức*”.

“*Biến dịch sinh tử*” còn gọi là “*vô vi sinh tử*”, “*bất tư nghị biến dịch sinh tử*” v.v... tức là sinh tử của bậc A-la-hán, Bồ Tát, là chánh báo của bậc thánh nhân Tam Thừa được hưởng thụ tại cõi Tịnh Độ ngoài ba cõi.

“*Phần đoạn sinh tử*” là sinh tử của phàm phu. “*Phần đoạn*” là thọ mạng dài ngắn, hình mạo tốt xấu do nghiệp lực cảm thành. “*Trí Đức*” là Trí Tuệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền, là những trí được chứng đắc bởi đức Phật gồm: Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tánh

Trí, Diệu Quan Sát Trí và Thành Sở Tác Trí. “*Đoạn Đức*” là những phẩm đức được thành tựu do đoạn dứt phiền não, vô minh như: Thập Lực, Thập Bất Cộng, Tứ Vô Sở Úy, Tứ Vô Ngại Biện Tài v.v...

Sách Hội Sớ giảng: “*Tam giới hư dối đều chẳng thường trụ, gọi chung là ‘thế gian’*. Chúng sinh, cõi nước muôn vàn sai khác thì gọi là ‘chư sở hữu pháp’*’*. Bồ Tát do đại trí tuệ thấu đạt tánh không vô tướng một cách sâu xa nên bảo là “*siêu quá*” (vượt khỏi)”.

Sách Bình Giải giảng: “*Các pháp sở hữu của thế gian là hữu vi, bị phá hoại thì gọi là ‘thế gian’*. Y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân, quả v.v... hết thảy các pháp hữu vi gọi là ‘sở hữu pháp’*’*. Bồ Tát biết được hết thảy tam giới là hư vọng, nhưng chẳng bỏ hạnh thế gian nên gọi là ‘siêu quá’ (vượt khỏi)”.

Các thuyết trên đều đúng, nhưng thuyết của sách Bình Giải phù hợp với kinh này nhất.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, “*siêu quá thế gian chư sở hữu pháp*” là lý đương nhiên! Câu kinh văn này thực tiễn ngay trong kinh này chính là chư Phật Như Lai “*khai hóa hiển thị Chân Thật Chi Tế*”. Cho nên, đại đức xưa thời Tùy, Đường đã nghiên cứu, tìm hiểu thấy rằng: Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh nói pháp bốn mươi chín năm, kết luận đến sau cùng, kinh này là đệ nhất kinh mà đức Phật suốt đời đã nói, đích thật là siêu việt tất cả pháp thế và xuất thế gian, chúng ta phải đặc biệt trân trọng.

“*Tâm thường để trụ độ thế chi đạo*” (Tâm thường trụ chắc chắn nơi đạo độ thế). Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chữ “*đế*” là chân thật không phải giả, “*trụ*” là an trụ, “*độ thế*” chính là “*chúng sinh vô biên thế nguyện độ*” trong “*Tứ Hoảng Thế Nguyện*”. “*Tâm thường để trụ độ thế chi đạo*” là phải thường giữ cái tâm an trụ ở đạo độ thế, cũng chính là bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, mỗi nguyện đều vì giúp chúng sinh vãng sinh bất thoái thành Phật. “*Độ*”

là dùng tâm chân thành, quan tâm, thương yêu cứu giúp tất cả chúng sinh; người thế gian có loại tâm này rất ít, chỉ chư Phật, Bồ Tát mới đích thật có được tâm này. Nơi nào có khổ nạn, các ngài liền thị hiện, phàm phu mắt thịt không thể nhận biết.

- Chư Phật, Bồ Tát giúp, sao họ vẫn bị tai ương?!

- Nghiệp lực hiện tiền! Phật, Bồ Tát có thể giúp bạn nhưng không thể tiêu trừ nghiệp lực của bạn. Trên kinh Phật nói: *“Tâm, Phật, cập chúng sinh thị tam vô sai biệt”*, ba sức mạnh này là bình đẳng: Sức mạnh của tâm, sức mạnh của Phật và sức mạnh của nghiệp lực chúng sinh tạo tác đều ngang bằng. Kinh Địa Tạng nói: *“Nghiệp lực của chúng sinh năng địch Tu Di, năng sinh đại hải”* đã hình dung nghiệp lực của chúng sinh tạo tác, thật không thể nghĩ bàn!

Nghiệp đã tạo tác thì nhất định phải nhận lấy quả báo. Nhưng khi bạn nhận chịu quả báo, chư Phật Bồ Tát đâu thể làm ngơ, nhất định ở bên cạnh giúp đỡ, chăm sóc bạn. Nên nhớ, nếu tâm bạn cùng tâm Phật Bồ Tát tương ứng thì rất có khả năng tránh khỏi kiếp nạn. Chỗ này, phía trước đã nói qua: Tâm bạn phát ra là làn sóng tư tưởng cùng sóng tâm của Phật, hai tần suất giống nhau liền được sự gia trì của các ngài. Bạn không hiểu, cho đó là mê tín, nhưng khi hiểu được thì đó là tần suất của sóng tư tưởng tương ứng, đích thật là có thể giúp được.

Hiện tại, hiện tượng sóng âm này, khoa học gia cũng đã thừa nhận, thậm chí họ còn nói: *“Thế gian căn bản không có tồn tại, là vô tướng, tất cả hiện tượng vật chất chỉ là hiện tượng sóng động”*. Lời nói này rất có đạo lý! Tôi nghe qua liền thấu hiểu, công nhận không sai chút nào! Đích thật vật chất là hiện tượng của sóng động, là sóng động sinh ra huyền giác, rất phù hợp với Kinh Bát Nhã nói: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện”* hay *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”*. Hiện tượng của sóng

động tác động trên tất cả vật chất, thực vật, khoáng vật v.v... Hiện tại khoa học gia phân tích nó thành phân tử, nguyên tử, điện tử v.v... phân tích đến hạt cơ bản. Tỉ mỉ quan sát nó đều đang chuyển động, không phải đứng yên. Hễ “động” thì sinh ra “sóng”. Nhà Phật không gọi là “sóng” mà gọi là “quang”. Nội địa Trung Quốc, người học khí công gọi đó là “khí”. Sóng, quang hay khí đều là nói một sự việc. Phật pháp nói “*y báo tùy theo chánh báo chuyển*” chính là căn cứ vào đạo lý này.

Tóm lại, chúng ta có thể thay đổi tần suất của hiện tượng vật chất. Nếu tư tưởng không chính xác, liền phá hoại hiện tượng tự nhiên khiến cân bằng sinh thái địa cầu bị phá hoại, gây ra khí hậu khác thường, nhịp độ nước biển dâng cao, băng của Nam, Bắc cực tan chảy! Tất cả đều do sóng tư tưởng của con người quá nhiều gây nên. Sóng tư tưởng này chính là tham, sân, si, mạn phát tiết ra nghiêm trọng! “Tham” là nước, “Sân” là lửa, “Si” là gió, bất bình trong tâm chính là động đất, tất cả đều có nguyên nhân; nhưng đạo lý thâm sâu này khoa học gia vẫn chưa phát hiện! Đây là nhân tố thứ nhất, họ không hề nhìn thấy, chỉ xem thấy nhân tố thứ hai, thứ ba!

- Vậy muốn giúp tất cả chúng sinh phải bắt đầu làm từ đâu?

- Phải từ giáo dục! Người xưa hiểu được, nhưng người hiện tại không hiểu! Người xưa chú trọng giáo dục, quan trọng nhất là dạy bạn có một tư tưởng kiện toàn, một tư tưởng hợp lý. Cái “lý” này chính là “Chân Thật Chi Tế” mà chỗ này nói, phải tương ứng với chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đó là chính xác! Trái với chân tướng, đó là sai lầm! Cho nên: Phải, trái, nhân, ngã, tham, sân, si, mạn không có trong “*Chân Thật Chi Tế*”. Nếu tư tưởng chính xác, kiện toàn thì sinh thái tự nhiên sẽ được bình thường, đại đạo lý này trong kinh điển Đại Thừa, Phật nói rất tỉ mỉ.

Phật pháp tuyệt vời đến như vậy, người thế gian lại rất xem thường, cho đó là mê tín nên gạt bỏ đi, không biết được Phật pháp chân thật có thể giải quyết được nguy cơ, tai nạn của tất cả chúng sinh khiến họ lìa khổ được vui.

- Người hiện tại mê tín khoa học, hậu quả của mê tín khoa học sẽ đi về đâu?

- Tôi thật cũng không biết! Mê tín Phật Học, tương lai có thể sinh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, việc này chúng ta phải nhận biết.

“Tâm thường để trụ độ thế chi đạo”. Tịnh Ảnh Sớ giảng: *“Đế là yên ổn, vững vàng. Ý nói: Thường an trụ nơi đạo độ thế vô vi chân thật”*.

Sách Bình Giải viết: *“Xuất hữu vi, chứng vô vi, nhưng không chấp vào vô vi, nên bảo là ‘để trụ’*. Bồ Tát này thường trụ nơi vô trụ xứ Niết Bàn nên bảo là tâm thường trụ.”

Lại nữa, Sách Hội Sớ viết: *“Bi, Trí in vào nhau để làm chỗ nương nấu thân trí nên gọi là để trụ”*.

“U nhất thiết vạn vật tùy ý tự tại” (Vói hết thầy vạn vật tùy ý tự tại). Đây là niềm kỳ vọng mơ ước của tất cả nhà khoa học, nhà triết học, nhà thần học mong đạt đến cảnh giới này nhưng chưa thể đạt được. Riêng trong Phật pháp Đại Thừa, thật sự là có thể đạt đến “tự tại tùy ý”. Chữ “vạn vật” chỉ cho vạn pháp; “tự tại” là thông đạt vô ngại. Phẩm Tự, Kinh Pháp Hoa có câu: “Tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại” (Tận các hữu kết, tâm được tự tại): Chữ “hữu” ở đây là “Tam Hữu” tức Dục giới Hữu, Sắc giới Hữu và Vô Sắc giới Hữu.

“Hữu Kết” là chấp trước, vướng mắc vào “Tam Hữu” (ba cõi). Do ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới còn phiền não, ngu si, vô minh nên gọi là “Hữu”. Hễ tâm vướng mắc liền bị vật chuyển

nên bị phiền não trói buộc. Phàm phu chấp “Có”, Nhị Thừa trê (vướng mắc) nơi “Không”, đều là đọa trong tình chấp, tâm bị vật chuyển nên đối với vạn vật không được tự tại.

“Tận chư hữu kết” là buông hết những phiền não như: Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não thì tâm được tự tại. Đại Sĩ thấu hiểu sâu xa Pháp Tánh nên “đương tướng ly tướng, bất tùy vật chuyển”, từ ngay nơi tướng mà lia được tướng, không bị vật chuyển nên không bị trói buộc. Các ngài ở trong lục đạo mà chẳng tạo nhân lục đạo, cũng không thọ báo lục đạo. Tâm các ngài thường trụ trong đạo độ thể, trong đại trí tuệ, trong đại từ bi. Nhà Thiền nói: “*Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh.*” Cái “tâm” này là tâm chấp trước, chỉ cần buông bỏ chấp trước tức là “vô tâm”, thì đối với vạn sự, vạn vật đều không có ngăn ngại, tức là vật đã bị tâm chuyển, vấn đề liền được giải quyết nên “*tùy ý tự tại*”. Đây mới thật là hạnh phúc viên mãn, mới thật là lia khổ được vui.

Phàm phu chúng ta thì sao? - Tâm hữu câu lụy! Trong tâm luôn có những câu thúc ràng buộc, vướng bận do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, khổ không kể xiết! Thật rất oan uổng! - Vì sao? - Căn bản những nỗi khổ đó không tồn tại! Giống như nằm mộng vậy thôi. Nếu bạn có chấp trước, chuyện ấy bèn trở thành có thật. Ngày nào bạn giác ngộ mới thấy những sự việc ấy giống như kinh Phật đã nói: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”; “*nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào ảnh, như lộ diệc như điện*”.

Theo Tịnh Ảnh Sớ: “*Do thành tựu thần thông thù thắng, với hết thảy vật có thể biến hóa tùy ý, nên có thể lợi vật (lợi vật là làm lợi lạc, tạo lợi ích cho chúng sinh), ấy là tự tại*”. Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Đại Sĩ thần thông tự tại, với hết thảy vạn vật tâm chẳng bị câu thúc, tùy duyên biến hóa nhiều ích chúng sinh: Bỏ núi Tu Di vào

trong hạt cải, chuyển bốn biển vào trong một đầu lông, tùy ý lợi người nên bảo là “tự tại”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chữ “tùy ý” chính là “tùy duyên”. “Tùy ý tự tại” là “tùy duyên tự tại”. Đó là nói thái độ, đời sống của chúng ta phải “tùy duyên tự tại”.

“Tùy duyên” là đối với “phan duyên” mà nói.

- Cái gì là phan duyên?

- Trong tâm bạn có mong cầu chính là “phan duyên”. “Phan duyên” thì không tự tại. Vì sao? Vì phan duyên là tâm được mất, tâm được mất liền sinh phiền não. Vô lượng vô biên phiền não đều từ tâm được mất mà sinh khởi. Nếu loại bỏ được tâm này, bạn liền rất tự tại, liền trải qua ngày tháng chân thật hạnh phúc mỹ mãn. Một bữa ăn, một ngụm nước đều do tiền định. Đó là thật không phải giả!

- Ai định vậy?

- Chính mình định ra! Do nhân đời trước nên đời này nhận quả báo. Đời trước không gieo nhân, đời này sao có quả?! Nhân duyên quả báo không lọt mây trần! Cho nên, thông đạt đạo lý, rõ biết chân tướng sự thật, đời sống bạn sẽ có tự tại, không cần phải mong cầu vì trong mạng đã có, đến lúc sẽ tự nhiên liền đến, đến rồi cũng không thấy lạ, không hề có ý niệm được mất. Đời sống phải hiểu được tùy duyên; tùy duyên tức tùy thuận pháp tắc nhân quả, tùy thuận sự thật của nhân quả.

“Vị chur thứ loại, tác bất thình chi hữu” (Vì các thứ loại làm bạn chẳng thình): *“Thứ loại”* chỉ cho chúng sinh.

Hội Sớ giảng **“bất thình chi hữu”** (bạn chẳng thình) như sau:

“Chúng sinh quay lưng với giác ngộ, chìm đắm, mê muội, trôi nổi, sanh manh (mù từ lúc mới lọt lòng) không có mắt, không có

lòng mong được thoát. Bồ Tát thương xót họ, không có ý nghĩ mới nhàm, thường làm bạn chẳng tỉnh, tùy duyên yêu thương, che chở. Vì vậy, Kinh Niết Bàn có bài kệ rằng: “Thế cứu yếu cầu nhân hậu đắc, Như Lai bất tỉnh nhi vi qui” (Thế gian muốn được cứu thì phải cầu xin rồi sau mới được cứu. Như Lai chẳng được tỉnh mà thường làm chỗ về nương).

Ngài Tăng Triệu nói: *“Bạn thật sự thì chẳng đợi tỉnh mà giống như từ mẫu luôn hướng đến con trẻ”*. Ví dụ này rất hay: Bạn chân thật là Phật, Bồ Tát giống như mẹ hiền đối với con thơ, thời thời khắc khắc canh cánh bên lòng. Lòng từ bi của các ngài là *“vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”*, “vô duyên” là chẳng có điều kiện như cha mẹ đối với con cái yêu thương vô điều kiện. Phật, Bồ Tát đối với chúng sinh cũng như vậy nên gọi là *“đồng thể đại bi”*. Kinh Duy Ma nói: *“Bất tỉnh chi hữu”* là: *“Mọi người chẳng tỉnh mà vẫn làm bạn để giúp cho an ổn.”* Thế gian này bạn bè chân thật như thế thì rất ít! Người Hoa nói “bằng hữu”, chữ “bằng” là bạn học, chữ “hữu” là đồng chí. Bạn học thì chưa chắc có cùng một chí hướng. Cho nên, “đồng chí” thân thiết hơn bạn học.

“Tác bất tỉnh chi hữu”: Câu kinh văn này chúng ta chính mình phải tỉ mỉ tư duy. Làm thế nào áp dụng trong cuộc sống thường ngày *“làm bạn không rời của chúng sinh”*, đó là chân thật hành Bồ Tát đạo, chân thật thực hiện hoằng nguyện *“chúng sinh vô biên thế nguyện độ”*. Nhất định phải thường giữ cái tâm này.

- Làm thế nào *“tác bất tỉnh chi hữu”* trong cuộc sống thường ngày?

- Phương tiện khéo léo thì vô lượng vô biên, nhất định phải hiểu được quán cơ: Vào lúc nào? Ở nơi đâu? Đối với chúng sinh nào? Trong hoàn cảnh nào? Dùng phương thức nào để giúp họ? v.v...; khéo cơ, khéo lý rất linh hoạt không phải khô cứng. Kinh Hoa Nghiêm từ

đầu đến cuối, loại linh hoạt này có quá nhiều, đó là một quyển sách hay. Bốn kinh chính là nguyên tắc cương yếu mà Kinh Hoa Nghiêm gọi là tế hạnh, tế tiết, nó có một nguyên tắc thật quan trọng là: Bạn phải thật lòng, thật chịu làm mới được. Câu nói này trùng lặp lại rất nhiều lần, vì nó quá quan trọng.

Ngày nay, chúng ta học Phật thật quá lơ là, lòng tin không kiên định, tâm nguyện không đủ mạnh, gặp việc còn do dự không nỗ lực, đừng nói chi đến chủ động “*vì các loại chúng sinh mà làm bạn không mời*”. Chủ động đi làm, đó mới là Bồ Tát, đợi người khác khuyên bảo xúc tiến mới miễn cưỡng đi làm, đó là người Tiểu thừa không phải Đại thừa; Đại thừa nhất định là chủ động. Điểm này chúng ta phải chăm chỉ học tập.

“Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng” (Thọ trì thậm thâm pháp tạng của Như Lai): Câu này then chốt ở hai chữ “Thọ trì”. “Thọ” là tiếp thọ, thật tin, thật hiểu, thật có thể làm. “Trì” là giữ gìn, vĩnh viễn không thể đánh mất. “*Như Lai thậm thâm pháp tạng*” chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ này.

Bộ kinh này ngày trước tôi từng giảng qua, thường nói: Nếu Thế Tôn tỉ mỉ làm chú giải cho Kinh Vô Lượng Thọ thì đó chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.” Mọi người xem Kinh Hoa Nghiêm thì biết đích thực là rất sâu. Hoa Nghiêm là chú giải của Kinh Vô Lượng Thọ; Kinh Vô Lượng Thọ là nguyên văn, đương nhiên phải sâu hơn Hoa Nghiêm.

- Vậy Kinh Hoa Nghiêm có giảng giải hay không?

- Có! Tất cả kinh mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói suốt bốn mươi chín năm chính là chú giải của Kinh Hoa Nghiêm. Ngày nay, chúng ta đem toàn bộ Đại Tạng Kinh rút gọn lại, đó chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Kinh Hoa Nghiêm rút gọn lại chính là Kinh Vô Lượng Thọ. Từ chỗ này mới thể hội kinh này

đích thật là “Pháp tạng thậm thâm”. Nếu triệt để thông đạt tường tận, Phật nói rất hay: “Chỉ có Phật với Phật mới có thể cứu cánh”, Bồ Tát Đẳng Giác cũng không được, vẫn còn phải nhờ Phật lực gia trì mới có thể hiểu và chứng.

Ngày nay, chúng ta cũng đang nghiên cứu, thảo luận, dường như cũng có thể nói, nghe, hiểu thể hội được đại ý của kinh, vẫn là nương nhờ sức oai thần, bổn nguyện gia trì của chư Phật Như Lai. Nếu không được Phật lực gia trì, phàm phu chúng ta không thể nào có được cái năng lực này.

“Hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt” (Giữ gìn Phật chủng tánh khiến thường chẳng tuyệt): “Hộ” là giữ gìn, duy trì. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Câu này có nghĩa là người học Phật muốn thành tựu đạo nghiệp trước hết phải học yêu thương chính mình. Câu này là yêu thương chính mình, yêu thương “Phật chủng tánh của chính mình”. Trong giáo pháp Đại thừa, Thế Tôn thường nói: *“Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai”*, đó là *“chủng tánh Phật”*

Thám Huyền Ký nói: *“Bồ Tát sở hạnh danh vi Phật chủng”* (Sở hạnh của Bồ Tát gọi là Phật chủng). Sở hạnh của Bồ Tát là “Lục Ba La Mật” (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã) hoặc “Thập Ba La Mật” (ngoài “Lục Ba La Mật” có thêm Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí) như được nói trong Kinh Hoa Nghiêm. Tịnh Tông chúng ta tu học năm khóa mục là: Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ và Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện; cũng có nghĩa là thực hành trọn vẹn được hai mươi chữ: Nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên, niệm Phật, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi. Tất cả những yếu tố trên đây đều là “chủng tánh của Phật”.

Sách Hội Sớ dựa vào các kinh luận cho rằng: “*Phật chủng tánh*” có đến bốn nghĩa, ở đây chỉ nêu ba nghĩa:

1. *Phật tánh chúng sinh cùng có*: Trong tâm chúng sinh sẵn có Như Lai tánh, bản lai bất biến, sinh ra các công đức còn nhiều hơn cát sông Hằng, nhưng bị vô minh che lấp, nên dầu có mà cũng như không! Vì họ, Bồ Tát liền khởi sự giáo hóa, khai phát “Như Lai Tạng” mà họ sẵn có, đó gọi là “Thiệu long Phật chủng” (tiếp nối dòng giống Phật được hưng thịnh). Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Thiệu long Phật chủng*” là tiếp nối dòng giống Phật của chính mình, chẳng phải dòng giống của Thích Ca Mâu Ni Phật hay của A Di Đà Phật. Đây là “tự Phật” chẳng phải “tha Phật”, “tha Phật” không thể giúp ta, phải chính mình thành Phật mới được. Từ chỗ này mới hiểu Phật Giáo chẳng phải là tôn giáo. Trong tôn giáo có Thần, có Thượng Đế; cá nhân chẳng thể giống Thần, giống Thượng Đế. Thượng Đế chỉ có một, chân Thần chỉ có một. Trong Phật Giáo chẳng phải vậy mà tất cả chúng sinh đều là Phật. Đây là nói theo “lý”.

2. *Lấy Bồ Đề tâm làm Phật chủng*: Đây là nói theo “Sự”, Kinh Hoa Thủ dạy: “*Thí như vô ngư tắc vô đề-hồ; nhược vô Bồ Tát phát tâm, tắc vô Phật chủng. Nhược hữu ngư tắc hữu đề-hồ, như thị nhược hữu Bồ Tát phát tâm, tắc Phật chủng bất đoạn*”. (Ví như không có bò, sẽ chẳng có đề-hồ. Nếu không có Bồ Tát phát tâm, sẽ không có Phật chủng. Nếu có bò thì có đề-hồ; cũng vậy, nếu có Bồ Tát phát tâm thì Phật chủng chẳng đoạn). Lời này cho thấy: Không phát Bồ Đề tâm sẽ chẳng thành Phật. Vì thế, coi Bồ Đề tâm là “Phật chủng”. Bồ Đề tâm có thể và dụng. Kinh dạy: “*Thể của Bồ Đề tâm là chí thành tâm*”, tâm chân thành đến tột đỉnh. Cổ nhân nói: Chí thành tâm khởi tác dụng: Đối với chính mình là tâm háo thiện, háo đức (ra thiện, chuộng đức); đối với mọi người bằng tất cả tấm lòng từ bi. Từ bi đối với người khác chính là “tha thọ dụng”. Nói cách

khác: “tha thọ dụng” của tâm chí thành là đại từ, đại bi; “tự thọ dụng” là ưa thiện, chuộng đức.

3. *Lấy xưng danh làm Phật chủng*: Kinh Bảo Vân dạy: “*Thí như chủng thụ, hữu kỳ chủng tử, ly ư hủ bại, cụ túc sanh nha nhân duyên. Thiện nam tử! Văn Phật danh giả, đắc kỳ chủng tử, cụ túc nhân duyên, tiện đắc thọ ký*” (Ví như trồng cây, có hạt giống không bị mục nát của cây ấy, đầy đủ nhân duyên mọc mầm. Này Thiện nam tử! Nghe danh hiệu Phật là được hạt giống, đầy đủ nhân duyên liền được thọ ký). Đoạn kinh văn này hoàn toàn chiếu theo cách nói của Tịnh Độ Tông: Nghe danh hiệu Phật cũng giống như được hạt giống. Có “tín, nguyện, trì danh” chính là đầy đủ nhân duyên ắt được thọ ký thành Phật, nên bảo rằng “*Trì Danh là Phật chủng*”. Nếu nghe danh hiệu còn hoài nghi, chẳng khác nào như chủng tử hư nát, tuy có chủng tử nhưng chẳng thể thành tựu.

Theo Hội Sớ, Bồ Đề tâm và xưng danh hiệu Phật là “Phật chủng tánh”, đủ chứng minh rằng kinh này lấy: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” làm Tông, đúng là “*hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt*”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: Nếu nói Bồ Đề tâm theo tựa đề kinh này thì nhất định phải phát tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm Chánh Giác, tâm từ bi. Đối với bất luận người nào, dù kẻ xấu người tốt thầy đều phải dùng chân tâm mà đối xử với họ. Đối với chính mình phải gìn giữ tâm thanh tịnh, tuyệt đối không bị nhuốm bẩn vì tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, “tham-sân-si-mạn” v.v...,luôn luôn giữ tâm bình đẳng không có cao thấp. Thực sự đạt đến đỉnh điểm của tâm bình đẳng thì tự nhiên bạn sẽ giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Phải biết: Thanh tịnh do Giới mà có, Bình Đẳng do Định mà được, Giác do khai Trí Tuệ. Cho nên: “Thanh-Tịnh, Bình-Đẳng,

Giác” là “Tam Học: Giới-Định-Tuệ” mà cũng là “Tam Tạng: Kinh-Luật-Luận”. Thanh Tịnh là “Luật tạng”, Bình Đăng là “Kinh tạng”, Chánh Giác là “Tuệ tạng” hay “Luận tạng”. “Giới-Định-Tuệ” tương ứng với “Tam tạng”, cũng tương ứng với Tam Bảo: Thanh Tịnh là “Tăng Bảo”, Bình Đăng là “Pháp Bảo”, Chánh Giác là “Phật Bảo”. “Phật-Pháp-Tăng” đương nhiên là “chủng tánh của Phật”. Chúng ta mới hiểu ra: kinh dạy phải “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, suốt đời không thay đổi, trong đây bao gồm cả “Giới-Định-Tuệ”.

Cũng theo Hòa Thượng Tịnh Không, trên kinh Phật nói: “*Phật chủng tùng duyên sinh*”, đây là nói trong A-lại-da thức hàm chứa hạt giống thành Phật; hạt giống này nếu muốn gìn giữ nó tiếp nối không dứt, không bị gián đoạn thì ngay trong đời này nhất định phải vãng sinh thành Phật. “*Phật chủng*”, hai chữ này ý nghĩa rất sâu, rất rộng. Mỗi đồng tu có duyên đến đây nghe kinh hai giờ đồng hồ, đến Niệm Phật Đường niệm Phật một giờ đồng hồ, đều do “*Phật chủng*” của bạn đang khởi hiện hành. A-lại-da thức của bạn trong đời quá khứ nếu không có hạt giống làm Phật, ngày nay bạn không thể nào ngồi đây suốt hai tiếng đồng hồ để nghe giảng kinh! Ngồi chưa đến năm phút bạn phải mau chạy ra bên ngoài rồi! Việc này chứng minh thiện căn, phước đức, nhân duyên của bạn trong đời này được đầy đủ, chỉ cần nắm chắc được câu này “*hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt*”, bạn liền có cơ hội làm Phật.

Gia Tường Sớ giảng “*thường sử bất tuyệt*” là: “*Muốn làm cho pháp chủng của Như Lai chẳng dứt vậy*”. Muốn Chánh pháp tồn tại lâu dài, đây là trách nhiệm của tất cả mọi người con Phật, nhất định phải thực hiện từ bản thân mình, chẳng thể đòi hỏi ở người khác. Chánh pháp tồn tại lâu dài chẳng phải là nói kinh điển còn tồn tại ở thế gian. Bởi kinh điển có còn đi chăng nữa, nếu không có ai tu hành thì chánh pháp cũng liền diệt. Cho nên, phải tự khuyên chính mình y

giáo phụng hành, nếu khuyên người khác thì chẳng đáng tin cậy! Phải thật sự chính mình làm sẽ ảnh hưởng đến người khác, nhất là đối với chúng sinh căn cơ chín muồi, họ sẽ học theo bạn.

Tịnh Ảnh Sớ nói: *“Hộ sử ly chướng, khởi thiện vô gián, danh thường bất tuyệt”* (Giữ gìn cho lìa chướng, khởi những điều lành không gián đoạn thì gọi là thường chẳng tuyệt). *“Hộ”* là phải bảo vệ chính mình, bảo vệ *“Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”* của chính mình. Nói cách khác, phải xa lìa nhuốm bần như trên đã nói: Tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng v.v... Đây cũng chính là Phật dạy chúng ta phải *“lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”*, như vậy mới có thể lìa chướng. Học tập cũng phải biết gìn giữ qui củ mới lìa được chướng ngại.

Tổ sư, đại đức dạy: *“Một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”*, đó là *“Giới”*, cần nên tuân thủ. Ba căn bản đã vun bồi tốt đẹp, đều làm được, bạn là Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, bạn đã tròn đủ điều kiện học Phật. *“Ly chướng”* (lìa chướng) là khởi tâm động niệm chẳng có gì là bất thiện, đều tương ứng với tâm thanh tịnh, với thập thiện nghiệp đạo, đó là *“thường sử bất tuyệt”*.

Sách Bình Giải viết: *“Đại Luận chép: ‘nơi không Phật, khen ngợi danh từ Tam Bảo (Tam Bảo âm)’. ‘Tam Bảo âm’ là thọ trì, tuyên nói pháp tạng của Phật. Chúng sinh do đây sẽ gieo căn lành, phát sinh trí, thành tựu những phẩm đức khế lý, nên hạt giống Tam Bảo được liên tục lưu truyền, thường chẳng bị đứt mất”*.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích đoạn văn trên như sau: Nơi chẳng có Phật giáo, bèn tán thán nền giáo dục của đức Phật, giảng giải rõ ràng tường tận với mọi người, khiến *“chúng từ Tam Bảo”* được gieo vào A-lại-da thức của họ, khiến họ có cơ duyên trông thấy tượng Phật, nghe âm thanh qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Họ có được thiện căn ấy, trong tương lai sẽ khởi tác dụng, đó là gieo chủng tử. Đối với chúng sinh căn cơ đã chín muồi, bèn giúp họ

thành Phật. Đối với kẻ chưa có chủng tử, bèn gieo thiện căn cho họ, gieo chủng tử Phật cho họ. Tóm lại, thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật đều là gieo chủng tử vào A-lại-da. Chúng ta xây Niệm Phật Đường chính là để thực hiện “*hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt*”.

Sau khi xây xong thôn Di Đà, nếu có thể thường trụ ở thôn Di Đà, thực tế mà nói, tương lai rất có thể dùng kỳ hạn là ba năm cho một giai đoạn. Ở nơi đây, thân tâm, thế giới tất cả đều buông bỏ, niệm được ba năm có thể đích thật đạt được năng lực tự tại vãng sinh: Muốn đi lúc nào tùy ý, muốn ở thêm vài năm cũng không ngại gì; chân thật có thể đạt đến sinh tử tự tại, việc này một chút cũng không giả! Có được công phu này, chúng ta có thể hoặc dời đến các Niệm Phật Đường khác niệm Phật, thôn Di Đà có thể nhường cho người khác, hy vọng thành tựu thêm một số người. Ba năm chuyên ròng niệm Phật, quyết có thể đạt đến sinh tử tự tại. Tôi khẳng định nói câu này cũng là lấy câu kinh văn này làm căn cứ.

Chúng ta bình thường công phu niệm Phật không có lực vì thường hay gián đoạn, xen tạp. Cách niệm như vậy có niệm ba trăm năm cũng không đáng tin! Nhất định phải thấy đều buông bỏ, một lòng một dạ như trên Kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Đại Thế Chí nói với chúng ta “*gom nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục*”. Ở thôn Di Đà hay trong Niệm Phật Đường đích thật chúng ta có thể làm được, đó chính là chân thật làm được “*hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt*”. Nhất định không được gián đoạn, không thể xen tạp, Phật hiệu nhất định là hai mươi bốn giờ không gián đoạn, nhất định đem hết thấy tạp niệm, lo lắng, vướng bận thấy đều niệm hết, đó mới là “*hộ Phật chủng tánh*”.

Chủng tánh của chín pháp giới khác, chúng ta đều đem nó viễn ly, chỉ hộ trì chủng tánh Phật. Cho nên “*thậm thâm pháp tạng*”

này là chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ; “*hộ Phật chủng tánh*” chính là niệm Phật, trì danh niệm Phật, ngay trong đời này quyết vãng sinh bất thoái thành Phật. Thật vô cùng thù thắng! Bất cứ pháp môn nào đều không thể so sánh được.

“*Hưng đại bi, mãn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn, đở ác thú, khai thiện môn. Ư chư chúng sinh, thị nhược tự kỷ, chứng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn*” (Khởi lòng đại bi, thương xót hữu tình, diễn từ biện, trao pháp nhãn, lấp nẻo ác, mở cửa lành. Với các chúng sinh, xem như chính mình, cứu vớt gánh vác, khiến đều vượt lên bờ kia): Cả mười câu trên đều nói về đức hạnh “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ” của Đại Sĩ.

“*Hưng đại bi, mãn hữu tình*”: “*mãn*” là thương xót nghĩ đến. Bồ Tát thương xót chúng sinh, giúp họ lìa khổ được vui. Lòng từ bi của Bồ Tát khác hẳn lòng từ bi do ái kiến của phàm phu và hàng Nhị Thừa nên gọi là “đại bi”. Kinh Niết Bàn, quyển mười một dạy: “*Tam thế chư Thế Tôn, đại bi vi căn bản*” (Tam thế chư Thế Tôn lấy đại bi làm căn bản).

Quyển một Kinh Đại Nhật của Mật bộ ghi: “*Bồ Đề tâm vi nhân, đại bi vi căn bản*” (Bồ Đề tâm là nhân, đại bi là căn bản). Vì vậy, các Đại Sĩ đều cùng phát tâm “đồng thể đại bi”.

“*Diễn từ biện*”: Do từ tâm mà thốt lên, nhằm giúp chúng sinh đoạn nghi sanh tín. Tịnh Ảnh Sớ giảng. “*Nương lòng từ mà nói ra thì gọi là diễn từ biện*”.

“*Thọ pháp nhãn*” (Trao pháp nhãn): Pháp nhãn là một trong ngũ nhãn của Như Lai. Ngũ nhãn là: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Pháp nhãn là trí tuệ thông đạt, thấu suốt tất cả căn khí của chúng sinh, khéo biết hết thầy pháp cứu độ, tùy thuận căn cơ mà ban pháp để độ thoát họ. Ngài Tịnh Ảnh nói: “*Truyền dạy pháp khiến cho hiểu biết thì gọi là trao pháp nhãn*”. Dạy dỗ chúng

sinh khiến họ đối với Phật pháp sinh hiểu biết đúng đắn, cũng giống như đem pháp nhãn trao cho chúng sinh.

“Đỗ ác thú” (Lấp nẻo ác): “Đỗ” là làm nghẽn; “ác thú” là ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đây là hiểu theo cách thông thường. Đường ác rất khổ, muốn chúng sinh thoát khổ nên dạy họ lia ác, chính là đóng lấp con đường dẫn đến nẻo ác. Trong kinh này, A Di Đà Phật có đại nguyện *“Lai sinh ngã sát, bất phục cánh đọa ác thú”* (Sinh về cõi ta, chẳng còn bị đọa trong đường ác nữa) thật đúng với câu *“đỗ ác thú”* này.

“Khai thiện môn” (Mở cửa lành):

Sách Hội Sớ giảng: *“Là đại từ đức, thiện môn là cửa Bồ Đề Niết Bàn”*. Phẩm “Thọ Lạc Vô Cực” của kinh này chép: *“Tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sinh vô lượng thanh tịnh A-Di-Đà Phật quốc”* (Ất được siêu tuyệt, vãng sinh cõi vô lượng thanh tịnh của Phật A-Di-Đà). Đây chính là mở cửa lành một cách chân thật vậy.

“Ư chú chúng sinh, thị nhược tự kỹ” (Với các chúng sinh xem như chính mình) nghĩa là “đồng thể đại bi”. Cái được người đời yêu mến nhất không gì bằng thân mình, vì xem chúng sinh như thân mình nên có thể cứu độ quần sinh không lười mỏi. Kinh Niết Bàn có câu: *“Nhất thiết chúng sinh dị khổ, tất thị Như Lai nhất nhân khổ”* (Tất cả chúng sinh hứng chịu các nỗi khổ khác nhau, thầy đều như chính bản thân Như Lai chịu khổ). Vì vậy, phổ nguyện:

“Chứng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn” (Cứu vớt, gánh vác cho đều vượt đến bờ kia), “chứng” là cứu giúp; “tế” là độ, làm cho hoàn thành, tạo lợi ích; “chứng tế” là cứu độ; “phụ” là gánh vác. Trên Kinh Đại Pháp Cự Đà Ra Ni, Phật dạy: *“Bồ Tát đảm giả, thế nguyện hà phụ, nhất thiết chúng sinh xuất ly thế gian”* (Bồ Tát đảm trách nhiệm là thế nguyện gánh vác hết thầy chúng sinh xuất ly thế gian).

“Độ” là đến nơi, “bỉ ngạn” là bờ kia, chính là Niết Bàn. “giai độ bỉ ngạn”: Ý nói Đại Sĩ phổ độ khiến cho tất cả chúng sinh đều chứng nhập “Vô Dư Niết Bàn” rồi chính mình mới chứng Niết Bàn.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Hưng đại bi, mãn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn, đở ác thú, khai thiện môn*”; sáu câu này là dạy chúng ta ngay trong cuộc sống hàng ngày tùy duyên, tùy phận tiếp dẫn chúng sinh. Phật tương lai tiếp độ chúng ta; chúng ta phải tiếp dẫn chúng sinh có duyên. Cái “duyên” này cũng là trong đời quá khứ họ có thiện căn, phước đức, đã từng học qua pháp môn này. Nhưng, đáng tiếc họ chưa gặp được duyên nên chưa tin tưởng, thiện căn chẳng thể hiện tiền. Chúng ta phải khuyến bảo, giúp họ phát huy thiện căn, công đức này sẽ rất lớn.

Muốn làm được việc này, thứ nhất bạn phải có tâm bi, “bi” là cứu khổ. Cho dù người đó bần cùng hay đại phú, hãy đưa mắt nhìn xa một chút thử xem đời này hành nghiệp tạo tác của họ ra sao? Có tạo ác nghiệp gây nhân đọa lạc vào ba đường ác hay không? Nếu có, họ là kẻ rất đáng thương! Tiền đồ của họ sẽ là một mảng tối tăm! Bồ Tát liền phát đại bi tâm thương xót họ, vận dụng trí tuệ, phương tiện khéo léo, toàn tâm toàn lực giúp đỡ, khuyến bảo họ, đây là “diễn từ biện”; “diễn” là biểu diễn”, làm ra dáng vẻ để họ xem; “biện” là nói rõ.

Phàm phu tầm nhìn nông cạn, thực tế họ chỉ lo trước mắt, lợi hại ngày mai thì không biết! Chúng ta học Phật, tầm nhìn phải xa hơn một chút, phải suy nghĩ đến đời sau, kiếp sau. Nhất là đời sau, kiếp sau có rất nhiều con đường phải chọn lựa thật chính xác, quả báo mới thù thắng. Muốn giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, chính mình nhất định phải là tấm gương sáng cho họ, dần dà cảm hóa họ, lâu dần họ cũng sẽ giác ngộ, việc này đòi hỏi bạn phải có lòng nhẫn nại. Đối với chúng sinh căn tánh lạnh lợi thì rất dễ dàng, nghe rồi họ

liền có thể giác ngộ. Đối với người căn tánh trung, hạ có lúc phải trải qua rất nhiều năm họ mới quay đầu.

Tôi chính mình học Phật, tôi không phải là người căn tánh lanh lợi, tôi thuộc căn tánh trung đẳng. Đại Sư Chương Gia dạy tôi, một vị thầy tốt như vậy, bậc thầy có trí tuệ, có phương pháp dạy bảo học trò như tôi, ba năm sau tôi mới quay đầu, tương đối không dễ dàng! Tôi không phải là người mà ngài vừa dạy liền có thể tin tưởng. Có cái tôi tin, có cái tôi vẫn hoài nghi, không thể hoàn toàn tiếp nhận! Đại Sư ngài rất có lòng, chân thật thị hiện cho tôi xem.

- Thị hiện thế nào?

- Thị hiện viên tịch qua đời!

Nếu ngài không thị hiện như thế, e rằng tôi vẫn chưa hồi đầu! Không biết đến lúc nào mới quay đầu! Ngài đối với tôi rất tốt, rất thương yêu. Tôi cảm đội ân đức của ngài, nơi hỏa thiêu ngài, tôi dựng một cái lều nhỏ, ở nơi đó ba ngày ba đêm mà tư duy.

- Đại Sư dạy tôi ba năm, rốt cuộc là dạy tôi những gì?

- Nỗ lực mà phản tỉnh mới có thể thể hội được khổ tâm của ngài. Nếu ngài không thị hiện nhập diệt, chắc tôi sẽ không có phút giây nỗ lực phản tỉnh này! Tôi thân cận ngài ba năm, sâu sắc thể hội được chính ngài đang biểu diễn, làm ra tám gương để tôi xem, để tôi ngay nơi đó mà học tập.

“*Thọ pháp nhĩ*”: “Thọ” là truyền thọ; truyền thọ không phải dùng tay để trao đưa cho bạn, mà nói pháp cho bạn nghe, khiến bạn nghe xong hoác nhiên đại ngộ, đó chính là “thọ”. Thế gian hiện tại truyền pháp chỉ là hình thức, sau đó trao cho bạn một giấy chứng minh, việc này thật không đáng tin cậy!

Người thế gian xem trọng văn bằng, Phật giáo không xem trọng văn bằng mà xem trọng thật chứng. Bạn đích thật khế nhập

được cảnh giới thì mới tính, không vào được cảnh giới, tấm giấy kia chỉ là giả không thật! Nhất là hiện nay thời kỳ mật pháp, văn bằng giả quá nhiều! Việc này chúng ta phải nên biết. “Pháp nhãn” là một trong “ngũ nhãn” của Như Lai mà trên kinh thường nói.

- Vì sao ở đây ngài không nói Phật nhãn?

- Bởi đây là giai đoạn của Bồ Tát, không nói đến thành Phật.

Thực tế mà nói, Bồ Tát cũng đầy đủ “Phật nhãn”, duy chỉ thần thông đạo lực vẫn còn kém hơn Phật một bậc. “Đắc Pháp nhãn” chính là “minh tâm kiến tánh”, được “Thanh Tịnh Pháp Thân”, được trí tuệ hiện tiền. Đối với tất cả thế, xuất thế gian pháp, chân vọng, tà chánh, phải quấy, thiện ác, lợi hại v.v... họ đều có năng lực phân biệt. Họ phân biệt rất nhanh, không cần phải trải qua suy nghĩ, vừa tiếp xúc liền thấu hiểu, đây là “Pháp nhãn”, là con mắt đạo lý.

Tóm lại: Hai câu “*Hưng đại bi, mãn hữu tình*” là động cơ giúp người. “*Diễn từ biện*” là phương pháp để giúp người. “*Thọ Pháp nhãn*” là nâng cao cảnh giới của người. “*Đổ ác thú, khai thiện môn*” là giúp người nhận được hiệu quả chân thật thù thắng.

“*Đổ ác thú*”: chữ “*ác thú*” này không riêng chỉ cho ba đường ác mà còn bao gồm cả Thanh Văn, Duyên Giác, quyền giáo Bồ Tát cũng là ác thú. Vì sao? Vì chưa kiến tánh! Tiêu chuẩn ở đây định ở “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” đó mới là “thiện môn”. Cho nên, tiêu chuẩn “thiện môn” ở chỗ này cao, không phải tiêu chuẩn thông thường.

Tịnh Tông là pháp môn ngay trong một đời thành tựu. Trong Mật Tông nói: “Tức thân thành Phật”. Không sai! Thế nhưng, cái “tức thân thành Phật” đó của họ là thành Phật ở đẳng cấp nào? Niệm Phật của Tịnh Độ tông được vãng sinh bất thoái thành Phật, là thành

Phật ở đẳng cấp nào? Đây là việc mà chúng ta cần phải phân biệt cho rõ ràng.

Trong Văn Sao của Pháp Sư Ân Quang nói rất tường tận, ngài nói: “Tức thân thành Phật” của Mật Tông, thông thường gọi là “Tạng giáo Phật”. “Tạng giáo Phật” chính là A-la-hán của Tiểu Thừa, chỉ có thể đến được địa vị này, còn kém xa so với “minh tâm kiến tánh” của Thiên tông. “Minh tâm kiến tánh” của Thiên tông là địa vị “Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát”. Phật mà trong Mật tông thành tựu, “Thiên Thai giáo” gọi là “Tạng giáo”; “Hiền Thủ giáo” gọi là “Tiểu giáo”, chưa ra khỏi mười pháp giới. Họ có năng lực siêu việt tam giới nhưng không có năng lực siêu việt mười pháp giới, cũng chính là nói “vô minh” của họ chưa đoạn, chỉ mới đoạn được “kiến tư phiền não” mà thôi. Tuy nhiên, đó cũng là thành tựu rất thù thắng, điều quan trọng họ có chân thật đạt đến cảnh giới này hay không mới là vấn đề!

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang Thượng Sư, là A-Xà-lê của Mật Tông, là người thành thật không nói lời giả dối, ông nói: Học Mật phải ở trong Mật mà thành tựu, ngày nay gần như không thể nào! Học Mật Tông nếu muốn thành tựu, ông rất khẳng định mà nói: Hiện ở thế gian không có người này! Cho nên ông khuyên người niệm Phật.

Ngày trước, lão Pháp sư Đàm Hư có nói qua: Vào thời đại này, tham thiền quyết không thể có được thành tựu. Ông là người của nửa thế kỷ về trước, ông sống rất thọ, hơn chín mươi tuổi mới vãng sinh. Ông thường nói với mọi người: Suốt đời ông qua lại rất mật thiết với đại đức của Thiên Tông, chưa từng thấy qua hoặc nghe qua người “minh tâm kiến tánh”.

Trong Thiên tông, nếu không “minh tâm kiến tánh” thì không xem là thành tựu. Vì sao? Vì không ra được sáu cõi luân hồi! Đó là khẳng định của lão Pháp Sư Đàm Hư. Tuy nhiên, tham thiền

được Định thì ông đã thấy qua. Được Thiên định tương đối cũng không phải dễ dàng. Chân thật tham thiền được Định có thể sinh đến trời “*Sắc giới*”, còn phải xem thiên định công phu của họ sâu cạn thế nào? Sinh đến trời “*Sắc giới*” Nhị thiên, Tam thiên, việc này ông thấy qua. Cho dù sinh đến trời “*Tứ Thiên*”, đến “*Tứ Không Thiên*” vẫn còn kém xa so với người vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc ở cõi “*Phàm Thánh Đồng Cư*”, “*hạ hạ phẩm vãng sinh*”.

Chúng ta có thể đem những đạo lý này giải thích tường tận, khiến mọi người hiểu rõ, phát tâm tu học Phật pháp, biết chọn lựa Pháp môn Niệm Phật, chọn lựa Kinh Vô Lượng Thọ, kiên định không nghi, Đây là “*Thọ Pháp nhãn*”, bạn đã đem Pháp nhãn truyền thọ cho họ. Sau đó, đường ác tự nhiên đóng lại, không những họ không đọa vào đường ác, cũng không luân hồi trong sáu cõi. Họ có thể tiến thêm bước nữa là siêu việt cả mười pháp giới. Siêu việt quá khó! Nhưng niệm Phật thì dễ dàng.

Cho nên, trong vô lượng pháp môn, thông thường gọi tám vạn bốn ngàn pháp môn, (con số này đích thật là thật. Trong “*Giáo Thừa Pháp Số*”, hoặc “*Phật Học Đại Tự Điển*” bạn có thể tìm ra được), chỉ chọn lựa pháp môn này. Nếu không có “*Pháp nhãn*” chân thật, cho dù sự việc có bày ngay trước mắt, bạn cũng không nhận biết, sẽ dễ lỡ qua cơ hội!

“*Khai thiện môn*”: Ý nghĩa của “*thiện môn*” rất rộng, không phải chỉ cho ba đường thiện trong cõi trời, người mà là con đường dẫn đến cứu cánh viên mãn thành Phật, Phật quả của Viên Giáo. Không luận là “*Thiên Thai tông*” hay “*Hiền Thủ tông*” (tức Hoa Nghiêm tông), quả vị cứu cánh chỉ có pháp môn Niệm Phật mới chân thật là “*thiện môn*”. Thế nhưng, khi tiếp dẫn người sơ cơ, chúng ta nhất định phải tỉ mỉ mà quan sát căn tánh của họ. Nếu là người sơ cơ chưa tiếp xúc qua Phật pháp, chúng ta dùng Phật pháp rất sơ cạn để

giúp họ tiếp nhận. Pháp tạng thậm thâm, không phải vừa mở đầu thì họ liền có thể tiếp nhận.

Tôi tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ là sau khi học Phật bảy năm, không phải dễ dàng! Lúc trẻ tôi ưa thích đọc sách, ưa thích học vấn, cho nên khi tiếp xúc Phật môn, thầy tuy biết niệm Phật rất tốt, nhưng nếu dạy tôi pháp môn này e rằng tôi liền lắc đầu bỏ đi, sẽ không đến học Phật nữa! Vì sao vậy? Đối với lý luận, phương pháp, cảnh giới tôi chưa hề biết chút gì về pháp môn này. Bạn cố gắng nói, tôi cũng hoài nghi, sẽ còn có một tràng nghịch lý để tranh luận với bạn, vậy thì rất phiền phức! Cho nên thầy cao minh, thuận theo thị hiếu của tôi để dạy. Anh thích nghiên cứu? Được! Sẽ để cho anh đi nghiên cứu! Dần dần từng bước từ trong kinh luận Đại, Tiểu thừa đem tôi dẫn vào Tịnh Độ. Phương pháp này rất cao minh, phải dùng nẻo quanh co dẫn dắt tôi đến con đường Tịnh Độ, sau đó mới phát hiện pháp môn này cao.

Ban đầu mới học Phật, tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy tôi đem Phật pháp xem thành triết học. Phật pháp có mười tông phái, trong đó Tánh tông, Tướng tông giảng đạo lý rất hay, tôi xem đó là triết học, còn đối với Tịnh Độ tông, Mật tông, tôi vẫn xem là mê tín nên không thèm xem qua kinh điển. Đến sau cùng, khi tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm mới phát hiện trên hội Hoa-Nghiêm, từ Văn Thù, Phổ Hiền, bốn mươi một vị pháp Thân Đại Sĩ thấy đều niệm Phật cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Việc này khiến tôi giật thót người vì chính mình không hề nghĩ đến!

Văn Thù, Phổ Hiền đại biểu cho trí tuệ đệ nhất, các ngài cũng niệm Phật cầu vãng sinh, chúng ta làm sao dám nói vãng sinh là mê tín. Nếu niệm Phật không phải chân thật là pháp môn thù thắng nhất thì Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát quyết sẽ không tu pháp môn này. Quán

Âm và Thế Chí Bồ Tát thì không cần phải nói, vì các ngài là người của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Cho nên, xem qua những vị đại Bồ Tát này, không vị nào mà không ở thế giới Cực Lạc, không vị nào mà không có quan hệ mật thiết với Phật A Di Đà. Như vậy, chúng ta mới nhận thức được Tịnh độ và chân thật quay đầu. Cho nên, chỗ này “*Đồ ác thú, khai thiện môn*” là chuyên chỉ Tây phương Tịnh độ, vô hình trung đã đem tất cả pháp môn Đại thừa khác đều giáng xuống thấp. Việc giáng thấp này là từ trên căn tánh của chính chúng ta mà nói. Trên kinh Phật nói: “*Pháp môn bình đẳng không có cao thấp*”. Thế nhưng, những pháp môn khác, thực tế chúng ta không cách gì học được có thành tựu.

Thành thật mà nói, căn tánh của tôi còn hơn thầy tôi một chút! Thầy tôi, lão cư sĩ Lý Bình Nam, ông nhận biết pháp môn này còn khó khăn hơn tôi. Trước đó, ông vẫn đi học Thiền, học Mật, học Giáo, tốn rất nhiều thời gian, đến sau cùng gặp được Pháp Sư Ấn Quang, bị lão Pháp sư quở mắng mới chịu buông bỏ, quay về Tịnh Độ! Ông thường nói với chúng tôi, chỉ ít ông đã lãng phí thời gian hơn hai mươi năm, thời gian tôi lãng phí mới có mười bảy năm, nên căn tánh của tôi mạnh hơn thầy một chút, đó chính là cá nhân căn tánh không như nhau, quay đầu có sớm trễ. Cho nên chúng ta tiếp xúc với quần chúng rộng lớn, nhất định phải có lòng nhẫn nại, có trí tuệ và phải có phương tiện khéo léo.

“*Ư chư chúng sinh, thị nhược tự kỷ*”: Đây là thái độ chúng ta trong đối nhân xử thế tiếp vật phải xem tất cả chúng sinh như chính mình, xem lợi ích của người khác như lợi ích của chính mình; người khác bị hại như chính mình bị hại, đó mới là người chân thật giác ngộ. Tất cả chư Phật, Bồ Tát đều có tâm thái này. “*Ư chư chúng sinh*

thị nhược tự kỳ”, tất cả chúng sinh và chính mình đồng một tự tánh; đồng một Pháp Thân, đồng một “Chân Như bản tánh”.

Chữ “Chúng Sinh” có nghĩa là chúng duyên hòa hợp mà sinh khởi, cho nên không riêng chỉ chúng sinh hữu tình mà bao gồm cả chúng sinh vô tình. Vì vậy, động vật, thực vật, khoáng vật v.v... thậm chí đến tất cả hiện tượng tự nhiên đều là chúng sinh, vì tất cả đều do chúng duyên hòa hợp mà sinh khởi. Nói cách khác, chỉ cần có hình tướng đều là chúng sinh. “Chúng sinh”, cái ý này quá rộng, tận hư không khắp pháp giới là chính mình, một chút cũng không sai! Đúng như Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tận hư không khắp pháp giới là chính mình “duy tâm sở hiện”; mười pháp giới y chánh trang nghiêm là chính mình “duy thức sở biến”.

- Thức là gì?

- Thức là phân biệt, từ trong phân biệt biến hiện ra trùng trùng pháp giới khác nhau. Cho nên, lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, pháp giới khác nhau sẽ không còn; không còn mới gọi là “Pháp giới Nhất Chân”. Do đây có thể biết: Người trong “Pháp giới Nhất Chân” cùng người trong “mười pháp giới” không như nhau. Người trong “mười pháp giới” vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Người trong “Pháp giới Nhất Chân” đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thế nhưng, “Pháp giới Nhất chân” cùng “mười pháp giới” không rời nhau, đồng thời tồn tại, đồng chỗ tồn tại. Việc này là không thể nghĩ bàn!

Cho nên, chư Phật cùng những Pháp Thân Đại Sĩ này thị hiện trong “mười pháp giới”, thị hiện trong sáu cõi, cùng tất cả chúng sinh “hòa quang đồng trần”; ở trong đây “hung đại bi, mãn hữu tình”, giúp đỡ, giáo hóa chúng sinh. Họ thị hiện giống hệt như chúng ta, cùng ở chung với mọi người, cũng có phân biệt, cũng có chấp trước, nhưng cảnh giới của họ là “Pháp giới Nhất Chân”. Tuy cùng ngồi

một bàn ăn, cùng nắm tay nhau, họ ở “Pháp giới Nhất Chân”, chúng ta ở “Pháp giới người”, không như nhau! Ý nghĩa này nếu bạn không thể hội được, hãy xem trong “Đàn Kinh”, Lục Tổ Huệ Năng từng hỏi Vĩnh Gia:

- Ông có phân biệt không? (Phân biệt là phạm phu) Vĩnh Gia trả lời rất hay:

- Phân biệt diệc phi ý! (Phân biệt cũng không phải là ý!)

Lục Tổ nghe rồi gật đầu nói:

- Không sai! Ông như vậy, ta cũng như vậy!

Đây chính là nói: Lục Tổ và Vĩnh Gia cùng ở trong “Pháp giới Nhất Chân”. Cho nên, chúng ta phải hiểu, khi giảng kinh nói pháp, họ cũng có phân biệt, cũng có chấp trước, nhưng họ thật sự không phải phân biệt, không phải chấp trước. Vì sao? Chúng ta dùng tám thức, năm mươi một tâm sở; họ dùng là bốn trí. Họ đã chuyển A-lại-da thức thành Đại Viên Cảnh Trí, chuyển Mạt na thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển Đệ lục ý thức thành Diệu Quan Sát Trí, chuyển “tiền ngũ thức” thành Thành Sở Tác Trí. Trên hình thức hoàn toàn như nhau, trong cảnh giới hoàn toàn khác nhau. Chúng ta phân biệt, chấp trước là ô nhiễm. Họ phân biệt, chấp trước là thanh tịnh. Nói khác đi, họ tùy thuận chúng sinh phân biệt mà phân biệt; tùy chúng sinh chấp trước mà chấp trước, chính mình đích thật không phân biệt, không chấp trước. Đây chính là nói rõ: Nhất chân cùng mười pháp giới đồng thời tồn tại, không hề cách xa, không hề có trước sau, đó là chân tướng sự thật.

Chính do sự thật này mà “*độ người chính là tự độ; tự độ chính là độ người*”. Tự độ, độ tha là một sự việc, không phải hai việc. Đây cũng là vào “Pháp môn không hai” mà trong Phật pháp Đại Thừa thường nói. Chúng ta xem thấy là hai vì còn phân biệt, chấp trước.

Họ xem thấy không hai nên mới “phân biệt cũng không phải là ý”. Đạo lý này chúng ta phải rất tỉ mỉ mà thể hội.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tối sơ phương tiện”, đây chính là chỗ vào cửa ban đầu, chúng ta nhất định phải xem lợi hại của người khác chính là lợi hại của chính mình. Người khác có khó khăn tức là chính mình có khó khăn. Người khác có phước là chính mình có phước, đó chính là “*u chur chúng sinh thị nhược tự ky*” (đối với các chúng sinh, xem như chính mình). Nếu thể hội được điều này, lợi ích sẽ vô lượng vô biên.

“***Chứng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn***” (Cứu vớt, gánh vác cho đều vượt lên bờ kia): Đây là sứ mạng, trách nhiệm của người tu học Phật chúng ta. Vì sao? Vì nơi “nhân địa” bạn đã từng phát nguyện. Có người nào mà không ở trước mặt Phật xưng lên “Tứ Hoàng Thệ Nguyện”, trong đó câu đầu tiên là “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”, bạn ở trước Phật xưng lên câu này. Cho dù bạn có tâm hay không có tâm, đã phát nguyện thì phải xứng hiện, không phải tùy tiện mà phát! Phải làm cho được “*chứng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn*”. Đây là mục tiêu thệ nguyện của bạn, không phải độ một, hai người mà phổ độ khắp pháp giới chúng sinh bạn đều độ hết.

- Trong nhà Phật có câu: “*Phật không độ người vô duyên*”. Câu này cùng với câu “*chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*” có mâu thuẫn chăng?

- Phải tỉ mỉ mà tư duy, hoàn toàn không có mâu thuẫn. Quyết không thể nói: Chúng sinh không có duyên thì Phật không độ họ, không hề có đạo lý này! Mà phải nói: *Chúng sinh không có duyên thì độ sau, không phải không độ!*

- Không duyên thì phải làm sao?

- Thì hiện tại kết duyên với họ, không kết duyên thì không được! *Không có duyên thì kết duyên trước. Có duyên thì độ trước.* Cho nên, không hề có xung đột.

- Những người nào có duyên?

- Người tiếp xúc Phật pháp liền sinh tâm hoan hỷ, đó là người có duyên. Bạn nói với họ, họ có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận, có thể lý giải, đó là chúng sinh có duyên độ trước. Đối với pháp môn Tịnh Độ, họ có thể tin hiểu, chịu đến Niệm Phật Đường để niệm Phật, đó chính là duyên đã chín muồi, chúng ta nhất định phải toàn tâm, toàn lực giúp họ chóng đi làm Phật.

Thực tế mà nói, người duyên chín muồi rất ít, người duyên chưa chín muồi thì rất nhiều!

Tôi nghĩ, sự việc này các đồng tu đều thấy rất rõ. Bạn thấy Singapore, tín đồ Phật giáo có bao nhiêu? Tuyệt đối không phải chỉ có số người trong giảng đường này, quyết không phải vậy! Những người đó cũng học Phật, cũng niệm A Di Đà Phật, có miệng không tâm! Vẫn không muốn vãng sinh. Thế giới này vẫn rất tốt, vẫn đáng được lưu luyến! Các pháp môn khác cũng không tệ! Họ học giới luật, học tham thiền, học Mật chú, học giáo v.v... họ học rất nhiều thứ. Đó là gì vậy? Nửa chín, nửa không chín! Chúng ta cũng phải dùng phương tiện khéo léo mà giúp họ, xúc tiến họ thành Phật, vậy thì phải giảng kinh, nghiên giáo, khiến họ có thể thâm nhập, dần dần từng bước, họ sẽ thấu hiểu giác ngộ.

Ngày trước, có năm tôi ở miền Nam Đài Loan giảng kinh gặp ông cụ hơn tám mươi tuổi, đó là lão tiên bối học Phật. Chúng ta xuất gia, kỳ thật ông học Phật lâu hơn, so với chúng ta. Cả đời ông học Phật được mấy mươi năm, cũng tham thiền, cũng học giáo, cũng học Mật, mọi thứ đều thông đạt. Tôi giảng kinh ở miền Nam, ông cũng đến nghe. Chúng tôi quen biết nhau rất lâu; Ông nói với tôi:

- Pháp sư! Hiện tại tôi đã già rồi, những thứ đã học được từ trước, nghĩ lại đều không thể dùng được! Tôi hỏi:

- Vậy ông phải làm sao?

- Hiện tại tôi trung thực niệm Phật rồi! Mỗi ngày tôi niệm ba mươi ngàn danh hiệu Phật. Tôi nói:

- Rất tốt! Ông xem như đã quay đầu!

Hơn tám mươi tuổi mới quay đầu! Cũng được! Chỉ cần quay đầu thì có thể được độ. Tuổi tác ông lớn, mỗi ngày kinh hành niệm Phật là việc rất tốt. Ông ở dưới quê thường hay ra đường đi bộ. Ông nói: Tôi niệm một câu Phật hiệu đi một bước. Mỗi ngày niệm ba mươi ngàn danh hiệu Phật thì đi ba mươi ngàn bước. Thân thể rất khỏe mạnh, đi bộ là vận động rất tốt, đặc biệt là đối với người già.

Cho nên, Niệm Phật Đường lấy “nhiều Phật” làm chủ. “Bát Chu tam-muội”, đó chính là nhiều Phật gọi là “Phật lập tam-muội”. Họ không ngồi cũng không nằm. Hiện tại, Niệm Phật Đường của chúng ta không cần phải nghiêm khắc đến như vậy. Nếu nghiêm khắc, mọi người sẽ e ngại không dám đến niệm Phật! Cho nên, chúng ta phải mở rộng một chút để mọi người niệm Phật được thoải mái, an vui, ưa thích đến đây niệm Phật, đó là bước thứ nhất.

Về sau nếu chúng ta có năng lực, “Niệm Phật Đường” phải có thêm vài người đẳng cấp không như nhau. Càng hướng lên trên thì càng nghiêm khắc hơn. Đối với người sơ học, phải mở rộng để họ cảm thấy ưa thích. Sau đó, dần dần đem cảnh giới của họ hướng lên cao, công phu cũng cao hơn, Đối với người không có duyên, chúng ta trồng hạt giống Phật cho họ. Như hiện tại, chúng ta làm rất nhiều biểu tượng trên áo, in chữ A Di Đà Phật, mặc lên người, người đi đường xem thấy danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc nhìn thấy hình tượng Phật, xem như ta đã gieo được hạt giống Phật cho họ. Đó là bước thứ

nhất, trong A-lại-da thức của họ đã có chủng tử Phật rồi, mục tiêu cũng chính là “giai độ bỉ ngạn” (đều vượt lên bờ kia).

“Tát hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí tuệ thánh minh bất khả tư nghị” (Đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí tuệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn): Chữ “chư Phật” ở đây bao gồm tất cả ba đời mười phương chư Phật. Đoạn kinh văn này là phần tổng kết, nói rõ các Bồ Tát đầy đủ “phước trí nhị nghiêm”, “vô lượng công đức”, như phía trước đã nói, các Bồ Tát có địa vị ngang với quả vị.

“Trí tuệ thánh minh, bất khả tư nghị”: Đây là trí tuệ thông đạt hết thảy mọi sự nên gọi là “thánh”. Bồ Tát Cực Lạc, mỗi mỗi đều là vạn đức, vạn năng không thể nghĩ bàn!

Trí Độ Luận viết: *“Trong pháp Tiểu Thừa chẳng có việc chẳng thể nghĩ bàn, chỉ trong pháp Đại Thừa mới có (ví dụ) như (đức Phật) nói Kinh Pháp Hoa trong sáu mươi tiểu kiếp mà tưởng như trong khoảng bữa ăn”*. Phàm phu chúng ta chẳng thể hiểu nổi, nên bảo là “bất khả tư” (chẳng thể nghĩ nổi), cũng chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, mô tả, bàn luận, hình dung nổi nên nói “bất khả nghị”.

Hiện nay, trước tình trạng xã hội động loạn, bất an, không chỉ là kỳ thị chủng tộc, kỳ thị tôn giáo, kỳ thị văn hóa, đưa đến vấn đề bạo động, chiến tranh; “trí tuệ thánh minh” trong giáo học Phật pháp giúp chúng ta giải trừ những ngăn cách, xung đột này. Tổng cương lĩnh giáo học của Phật pháp là nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Khi chân tướng này đã hiểu rõ rồi thì những vấn nạn của thế kỷ hai mươi mốt liền được giải quyết. Cho nên, giáo dục của Phật Đà rất quan trọng và rất tối cần thiết cho nền hòa bình của thế giới hiện nay. Nhưng, tiếc thay không có người nhận biết, không có người

tuyên dương! Trái lại, còn khiến cho đại chúng xã hội sinh ra rất nhiều hiểu lầm: Phật Giáo biến thành tôn giáo!

- Biến thành tôn giáo có gì không tốt?

- Bởi tôn giáo cùng tôn giáo luôn luôn có sự bài xích lẫn nhau. Phật Giáo không phải là tôn giáo, Phật Giáo chỉ giải quyết tất cả vấn đề về giáo dục, nếu đem nó xem thành học thuật cũng được. “Thuật” là phương pháp có lý luận, đích thật giúp chúng ta giải quyết vấn đề cá nhân, vấn đề sự nghiệp, vấn đề quốc gia lẫn vấn đề của thế giới. Đây là học thuật hiện thực.

Đầu năm Dân Quốc, ở Trung Quốc, Đại Sư Âu Dương Cảnh Vô, học trò của Dương Nhân Sơn, có lần diễn giảng đề tài “*Phật Giáo không phải là tôn giáo, không phải triết học mà là những điều người đời nay cần đến*”. Từ đề giảng này, chúng ta thể hội được: Ông đích thật đã nhận biết, thật đã tỉnh ngộ. Rất tiếc, ông sinh vào thời đại biến loạn, tuy phát đại tâm làm giáo dục, bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp, kế tục tuệ mạng Phật, ông thành lập một Phật Học Viện ở Nam Kinh, chỉ mở được hai năm thì phải đóng cửa! Thời gian tuy ngắn, một số đại Pháp sư, đại cư sĩ đều xuất thân từ Phật Học Viện này. Nếu ông có thể làm được mười năm, hai mươi năm, tôi tin tưởng thế giới ngày nay không đến nỗi có nhiều động loạn, tai hại đến như vậy!

Năm 1970, Thang Ân Tử, triết học gia nước Anh, tại hội nghị quốc tế, đã đưa ra bài phát biểu, trong đó đề cập đến “*chân thật có thể giải quyết được vấn đề của thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết của Khổng, Mạnh và Phật pháp Đại Thừa*”.

Tiên sinh Âu Dương Cảnh Vô đã nói vào khoảng năm 1920, còn Thang Ân Tử nói vào năm 1970, cách nhau nửa thế kỷ. Cách nhìn, kiến giải của họ gần như hoàn toàn giống nhau, đều khẳng định Phật pháp Đại Thừa có thể giải quyết được mọi vấn đề.

Để tránh một số danh từ, thuật ngữ trong Phật học khiến nhiều người hiểu lầm cho là mê tín, vừa nghe liền sinh ra bài xích, không thể tiếp nhận, nên lần này chúng ta giảng Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Hoa Nghiêm; tổng đề mục của chúng ta là đôi liễn viết trên cây cột hai bên: “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”. Tám chữ này, thực tế mà nói chính là toàn thể Phật pháp. Nếu hỏi nội dung của Phật pháp là gì? Tám chữ này đã nói ra hết, một chút cũng không sai, một chút cũng không miễn cưỡng.

“Su” là gương mẫu, “Phạm” là mô phạm. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải hiện thực, làm mô phạm, làm gương mẫu cho tất cả mọi người ngay từ trong gia đình, trong nghề nghiệp cho đến ngoài xã hội v.v... Hoạt động của Phật Giáo chính là công tác giáo dục xã hội. Thích Ca Mâu Ni Phật là nhân vật như vậy, suốt đời ngài hoàn toàn tận nghĩa vụ, chân thật hiển thị tấm gương “không tranh với người, không mong ở đời”; đây là chỗ vĩ đại của ngài khiến người sau vô cùng ngưỡng mộ.

- Ngài có trí tuệ vô tận, đức năng vô tận, sao ngài phải bắt đầu từ nơi công việc giáo dục?

- Vì giáo dục không chỉ là nền tảng xây dựng quốc gia mà còn là nền tảng xây dựng thế giới, kiến thiết cơ bản nhất cho tận hư không khắp pháp giới. Chư Phật, Bồ Tát đều làm công việc này, đây là sự hy sinh phụng hiến, vì tận hư không khắp pháp giới, tất cả chúng sinh mà tạo phước, mà “huệ dĩ chân thật chi lợi” như Kinh Vô Lượng Thọ nói.

Ngày nay, chúng ta đọc phẩm kinh văn này, chỉ ít phải có cái nhận thức này, sau đó chính mình phải phát đạo tâm, phát Bồ Đề tâm, lập đại chí nguyện, noi gương theo Phật, Bồ Tát, nhất là các đồng tu xuất gia. Có lẽ, khi bạn xuất gia chỉ mơ mơ, hồ hồ mà xuất gia, chưa nhận biết rõ ràng sự việc. Nay xuất gia rồi, vậy xin hỏi bạn:

- Bạn có bằng lòng phát nguyện làm công tác giáo dục xã hội, tận hiến cuộc đời mình vì nghĩa vụ, vì tất cả chúng sinh, không cầu bất cứ báo đáp nào chăng?

- Không bằng lòng thì hoàn tục vẫn tốt! Nếu bằng lòng, đây là rất khó được! Việc xuất gia của bạn xem như rất tốt, bạn đã tường tận, đã thấu hiểu.

Chúng ta phải thật làm! Quyết xả bỏ danh vọng, lợi dưỡng, năm dục sáu trần, bằng lòng trải qua đời sống với mức thấp nhất. Nói là như vậy, nhưng thực tế đời sống người xuất gia hiện nay vẫn trên mức thông thường, không phải là mức thấp nhất. Bạn xem! Buổi tối, mọi người ở đây niệm Phật. Tối nay lại có ba mươi sáu giờ niệm Phật. Bên ngoài Niệm Phật Đường đã bày sẵn những thức ăn, thức uống bổ dưỡng, cúng dường rất phong phú, không phải là mức thấp nhất mà là mức cao. Nhưng phải ghi nhớ, quyết không khởi lòng tham!

- Vì sao Phật dạy chúng ta đời sống phải ở mức thấp nhất?

- Để đoạn xan tham, thành tựu “Giới-Định-Tuệ”, được đại tự tại. Trong thuận cảnh không khởi tâm tham ái, trong nghịch cảnh không có lòng sân hận. Chân thật làm đến được như Kinh Kim Cang nói: “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng”, đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Nếu đạt được tiêu chuẩn này, bạn liền siêu việt mười pháp giới. Vì sao? Trong mười pháp giới, bốn tướng đều gồm đủ. Là khởi bốn tướng thì mười pháp giới không còn, liền khế nhập vào pháp giới Nhất Chân, thế giới Cực Lạc như trong bản kinh nói; hay thế giới Hoa Tạng như trên Kinh Hoa Nghiêm nói. Thực tế, Hoa Tạng cùng Cực Lạc là một không phải hai. Cực Lạc là tinh hoa của Hoa Tạng, không hề rời khỏi Hoa Tạng giống như con đường Orchard, khu vực đẹp nhất của trung tâm thành phố Singapore, không hề tách rời khỏi Singapore.

“*Chư Phật vô lượng công đức, trí tuệ thánh minh*”, còn có một tầng ý nghĩa rất sâu, đó là: Trong tự tánh chúng ta vốn sẵn đầy đủ tất cả công đức, trí tuệ. Việc này trong kinh Đại thừa Thế Tôn có nói, nhưng trong Kinh Tiểu thừa thì Phật không có đề cập.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm “xuất hiện” nói rất rõ ràng “*Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai*”. “Vô lượng công đức” là đức tướng, “Trí tuệ thánh minh” là trí tuệ.

- Vì sao hiện nay chúng ta bỏ mất đi trí tuệ, công đức vô lượng này của chính mình?!

- Sự thật không phải mất; tự tánh vốn đủ làm sao mất được, có chăng là trí tuệ, công đức của chúng ta không khởi được tác dụng!

- Vì sao không khởi được tác dụng?

- Vì có chướng ngại, tuyệt nhiên không phải mất! chỉ cần đem chướng ngại đoạn dứt thì trí tuệ, đức năng sẽ hiện tiền.

- Chướng ngại đó là gì?

- Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ba chướng ngại này trong Phật pháp gọi là phiền não. “Chấp trước” là “Kiến Tư phiền não”. “Phân biệt” là “Trần Sa phiền não”, “vọng tưởng” là “căn bản vô minh”, hay “Vô Minh phiền não”.

Phật dạy chúng ta phải đoạn trừ phiền não. Trong cuộc sống thường ngày, đối nhân xử thế tiếp vật, chân thật đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xả bỏ. Xả bỏ ở đây không phải là xả bỏ trên sự. Nếu trên sự mà xả bỏ thì mọi công việc đều buông bỏ! Bạn ngày ngày mặc áo ăn cơm; tôi không mặc áo, không ăn cơm, vậy là hiểu sai ý của Phật rồi! Hoặc nghĩ rằng: Chỉ có chết mới buông bỏ. Kỳ thật, chết cũng chưa hết!

Kinh Địa Tạng nói: Sau khi chết, trong vòng bốn mươi chín ngày, họ phải đi đầu thai, đầu thai là chưa buông bỏ. Việc này nhất định phải rõ ràng, tường tận. Lúc lâm chung, khi hơi thở chúng ta chưa dứt Phật vẫn còn cứu được, hơi thở dứt rồi thì hết cứu! Cho nên, hiện tại nhất định phải chăm chỉ, nỗ lực buông bỏ; không phải buông bỏ trên sự mà buông bỏ nơi tâm.

Cư sĩ Bàn Uẩn triều nhà Đường, ông là người tương đối giàu có, học Phật khai ngộ; trong Tông môn gọi là “minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ”. Sau khi ngộ rồi, ông đem gia sản của mình chất lên một chiếc thuyền, bơi thuyền đến giữa sông, đục một cái lỗ nhận chìm nó. Buông bỏ hết! Thảy đều xả hết!

Có người nghi vấn:

Bạch Cư Sĩ! Tài vật ông không cần nữa, sao không đem nó làm những việc từ thiện, cứu tế chúng sinh bần khổ trong xã hội?! Thực tế, việc làm của ông là bảo với mọi người: việc tốt không bằng không việc gì! Ý nghĩa câu nói này rất sâu. Nếu mỗi người đều vô sự thì thiên hạ thái bình! Vô sự, không phải tuyệt nhiên bảo bạn không làm việc mà là không nên đi phan duyên; tùy duyên thì tốt, đời sống sẽ không có vấn đề.

Bàn cư sĩ biết đan dép cỏ. Mỗi ngày đi bán dép cỏ đổi chút ít tiền mua gạo, mua rau. Đời sống trải qua rất tự tại, rất an vui. Ông không cần tiền, không cần tích chứa, cũng không phải nghĩ đến ngày mai. Trong truyện ký nói; người cả nhà ông đều rất tự tại. Một hôm, ông ngồi trong nhà tĩnh tọa, bảo cô con gái ra ngoài xem bây giờ là lúc nào rồi? Cô con gái biết cha mình muốn vắng sinh, xem thử thời gian đến chưa? Cô bèn ra ngoài lớn tiếng nói với ông: Thời gian vẫn chưa đến! Nói xong, cô đứng bên ngoài vắng sinh. Cư sĩ Bàn ra xem, thấy vậy liền nói: Ái chà! Con nhỏ này! Vốn dĩ ta muốn nó lo

hậu sự cho ta, rốt cuộc ta còn phải lo hậu sự cho nó! Nó còn lợi hại hơn ta!

Bạn xem! Sinh tử tự tại, ra đi đẹp đến như vậy! Chỉ có trong Phật pháp tu học, bạn mới có thể đạt đến loại công phu này. Rõ ràng ông và cả gia đình ông đều đã thực sự nhìn thấu, thật sự buông bỏ và thật sự giác ngộ. Không chấp trước chính là buông bỏ, có thể chân thật làm đến được tùy duyên. Tùy duyên chính là buông bỏ, phan duyên là chấp trước. Tùy duyên chính là tùy thuận cơ duyên, vui vẻ mà làm, nỗ lực mà làm, một chút miễn cưỡng cũng không có, làm được rất tự tại, rất an vui, chân thật làm đến được Pháp hỉ sung mãn.

“Nhu thị đẳng chư đại Bồ Tát, vô lượng vô biên nhất thời lai tập” (Các vị đại Bồ Tát như thế, vô lượng vô biên đồng đến Pháp hội): Đây là Pháp hội của Kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát tham dự Pháp hội quá đông, phía trước đã từng giới thiệu qua. Bồ Tát xuất gia, trên kinh chỉ nêu ra ba vị. Bồ Tát tại gia nêu ra mười sáu vị. Trong mười sáu vị, phương này chỉ có một vị là Hiền Hộ Bồ Tát, mười lăm vị còn lại là từ phương khác đến. Việc này chứng minh thế giới phương khác có liên quan mật thiết với chúng ta. Người hiện tại gọi thế giới phương khác là ngoài “Thái Không”, là người ngoài hành tinh; kỳ thật chỗ này nói rộng hơn nhiều so với phạm vi ngoài hành tinh.

Ngày nay, chúng ta có thể thấy được người ngoài hành tinh cùng đồng một không gian với chúng ta. Nếu không gian khác nhau, chúng ta không thể thấy được họ, họ cũng không thấy được chúng ta. Thí dụ: Chúng ta cùng quỷ thần không đồng một không gian duy thứ, tuy cùng ở chung một nơi nhưng chúng ta cư trú ở không gian ba độ, họ có thể ở không gian bốn độ, năm độ v.v... nên không thể thấy biết được.

Tuy cùng ở một nơi, không gian duy thứ khác nhau, cũng không hề chướng ngại nhau. Giống như chúng ta xem truyền hình,

có rất nhiều kênh đài đều ở trên một màn hình, mở bất cứ một kênh đài nào thì kênh đài đó liền xuất hiện, đều ở trong cái khung nhỏ đó. Phật nói với chúng ta tình huống của mười pháp giới cũng gần giống như vậy, là mười kênh đài.

Hiểu được đạo lý này, người xưa nói: “*Tây Phương Tịnh Độ là sanh thì quyết định sanh, đi thì thật không đi*”. Lời nói này chúng ta nghe qua có vẻ hồ đồ: Cái gì sanh thì quyết định sanh, đi thì lại không đi, không đi thì làm sao sanh?! Hiện tại hiểu được kênh đài của truyền hình thì liền thể hội được ý này.

- Cái khung đó là gì?

- Là “pháp giới Nhất Chân”!

“Mười pháp giới” không rời khỏi “pháp giới Nhất Chân”

- “Pháp giới Nhất Chân “là như thế nào?”

- Hoàn toàn không có duy thứ của “Thời Không” đó gọi là “Pháp giới Nhất Chân”. Cho nên, có thể biết, duy thứ của “Thời Không” gọi là ba độ, bốn độ, năm độ...thậm chí đến vô hạn độ!

- Từ do đâu mà có hiện tượng này?

- Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà ra! Đem “pháp giới Nhất Chân” biến thành rất nhiều “Thời Không” khác nhau. Nếu đem tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thả đều buông bỏ thì hồi phục được “pháp giới Nhất Chân”. Người trong “pháp giới Nhất Chân” đối với tình hình hoạt động của chúng sinh trong duy thứ “Thời Không” vô hạn, họ đều thấu hiểu. Chúng ta không biết được họ, nhưng họ lại biết được chúng ta. Cho nên, chúng sinh có cảm; Phật, Bồ Tát liền có ứng. Cảm ứng tương thông không thể nghĩ bàn!

KINH VĂN:

Hựu hữu Tỳ kheo ni ngũ bách nhân, thanh tín sĩ thất thiên nhân, thanh tín nữ ngũ bách nhân, Dục giới thiên, Sắc giới thiên, chư thiên phạm chúng, tất cộng đại hội.

VIỆT DỊCH:

Lại có Tỳ kheo ni năm trăm người, thanh tín sĩ bảy ngàn người, thanh tín nữ năm trăm người, trời Dục giới, trời sắc giới, chư thiên Phạm chúng đều cùng đến dự đại hội.

GIẢNG:

“*Hựu hữu Tỳ kheo ni ngũ bách nhân*” (Lại có Tỳ kheo ni năm trăm người). Thời xưa, nữ chúng xuất gia ít, Tỳ kheo ni có năm trăm người.

“*Thanh tín sĩ thất thiên nhân*” (Thanh tín sĩ bảy ngàn người) “*Thanh tín sĩ*” là *Ưu-bà-tắc* (upāsaka), cũng gọi là nam cư sĩ tại gia, có bảy ngàn người.

“*Thanh tín nữ, ngũ bách nhân*” (Thanh tín nữ, năm trăm người) “*Thanh tín nữ*” là *Ưu-bà-di* (upāsika) là nữ cư sĩ tại gia, có năm trăm người. Phía trước nêu ra đại chúng dự hội: Tỳ kheo, mười hai ngàn người; tỳ kheo ni, năm trăm người; nam cư sĩ bảy ngàn người; nữ cư sĩ, năm trăm người. Tổng cộng là hai mươi ngàn người. Đây là mắt thịt chúng ta có thể xem thấy những đại chúng này.

Thử nghĩ: Vào ba ngàn năm trước, Pháp hội giảng kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, thính chúng có đến hai mươi ngàn người. Lúc đó không có máy phóng thanh, không có thiết bị khoa học. Đức Phật chỉ dùng một âm thanh nói pháp, tất cả chúng sinh tùy loại đều có thể nghe và hiểu. Đây là nói rõ ngôn ngữ của Phật không có chướng ngại về âm thanh, cự ly có cách xa mấy đều có thể nghe thấy được;

cũng không có chương ngại đối với tất cả khác biệt ngôn ngữ, đây gọi là Diệu âm.

“Dục giới thiên, Sắc giới thiên, chư thiên phạm chúng tất cộng đại hội”: “Dục giới thiên” có sáu tầng trời; đối với ngũ dục: Tài, sắc, danh, thực, thù họ vẫn chưa đoạn dứt. Thế nhưng, tầng trời càng hướng lên cao, tham ái ngũ dục của họ càng tan nhạt. Tuy có hưởng thụ nhưng họ không có tham ái, cũng chính là nói phân biệt, chấp trước của họ cũng tan nhạt, giảm nhẹ lần.

Đến trời Sắc giới, nơi đây họ đều ở trong thiên định sâu, Định lực của họ không chế được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên không khởi tác dụng. Đối với năm dục, sáu trần tuy chưa đoạn dứt nhưng nhờ sức Định có thể hàng phục được nó, đây là Tứ Thiên của Sắc giới. Nên biết: “thiên” ở đây không có nghĩa là cả ngày từ sớm đến tối ngồi xếp bằng xoay mặt vào vách, mắt nhìn mũi, mũi nhìn tâm, đó là thiên, vậy thì sai rồi! Thiên đó chẳng dùng vào đâu, một chút tác dụng cũng không có! Chúng ta đọc Lục Tổ Đàn Kinh.

- Đại Sư Huệ Năng có phải ở trong Định không?

- Ngài thật đang ở trong Định!

- Ngài có ngồi thiền không?

- Không có! Ngài mỗi ngày làm việc bận rộn đến không thờ ra hơi lấy đâu có thời giờ ngồi thiền.

Trong Đàn Kinh giải thích ý nghĩa của hai chữ “Thiền định” như sau: “*Ngoài không dính tướng gọi là Thiền, trong không động tâm gọi là Định*”. Cách giải thích “Thiền định” của ngài Huệ Năng là như vậy. Thật sự, ngài chỉ nói ra từ trên Kinh Kim Cang. Trên Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ u tướng như như bất động*”. Có thể thấy được thiền không chương ngại sinh hoạt bận làm việc.

Chúng ta niệm Phật, nhất định phải niệm đến “nhất tâm bất loạn”. Tâm không điên đảo chính là thiền định, Phật pháp lấy thiền định làm căn bản. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều tu thiền định, chỉ là cách thức tu thiền không như nhau, có tu thiền mới có thể khai trí tuệ.

Cho nên, Phật pháp tổng qui nạp là: “Giới-Định-Tuệ” Tam học. “Giới” là như pháp, tu học đúng lý đúng pháp gọi là “Giới”. Tuân thủ lời dạy của Phật trong kinh điển là “Trì giới”. Trì giới giúp chúng ta được Định, có Định mới không bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc, trong tâm chính mình có chủ tể. Sau khi được Định liền khai trí tuệ.

Kinh Bát Nhã nói trí tuệ có hai loại: “Căn bản trí” và “hậu đắc trí”. “Căn bản trí” là trí tuệ căn bản, là trí tuệ chân thật, là thể của trí tuệ. Cái thể này là “Bát Nhã vô tri”; chỉ có “vô tri” khởi tác dụng mới là “vô sở bất tri”.

- “Vô tri” là gì?

- “Vô” là không vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không khởi tâm động niệm. “Tri” là cái gì cũng đều biết. “Vô tri” là “căn bản trí”; “vô sở bất tri” là “Hậu đắc trí”.

Phàm phu chúng ta phân biệt là rơi vào trong ý thức. Nhưng, đối với người liễu đạo thì “phân biệt diệc phi ý” (phân biệt cũng không phải là ý). Phân biệt, chấp trước của các ngài là tùy thuận phân biệt, chấp trước của chúng sinh mà phân biệt, chấp trước. Cái phân biệt, chấp trước đó không phải là ý của các ngài. Nếu không tùy thuận phân biệt, chấp trước của chúng sinh thì Đức Phật cũng không cách gì giảng kinh, vậy thì một câu Phật cũng không nói ra! Cho nên, kinh Đại Thừa nói: Phật cùng Phật gặp nhau không có lời nào. Đó là thật! đôi bên đều hiểu thì còn có gì để nói. Phật gặp Bồ Tát vẫn còn phải nói, vì Bồ Tát vẫn có chỗ chưa rõ ràng nên Phật mới nói.

- Ở “Sắc giới thiên”, người trời Tứ Thiên có sinh hoạt không?

- Có sinh hoạt, tuyệt đối không thể nói người trời Tứ Thiên ngày ngày đang ngồi thiền! Ngồi đến bao nhiêu kiếp?! Vậy thì một chút ý nghĩa cũng không có! Ai bằng lòng đến đó để làm gì! Không chỉ người trời Tứ Thiên có hoạt động, người ở “Tứ không thiên” cũng có hoạt động. Thế nhưng, trời “Tứ không thiên” không có sắc tướng nên trên kinh không nói đến họ, chỉ nói đến: “Dục giới” và “Sắc giới”, không nói đến “Vô Sắc giới”.

“Chư thiên phạm chúng tất cộng đại hội”: Đây là tổng kết chúng hội mà mắt thịt ta có thể nhìn thấy. Tuy nhiên, số thính chúng mắt thịt không nhìn thấy mới nhiều.

Trong giảng đường này của chúng ta, mắt thịt có thể nhìn thấy có hơn một ngàn người. Nhưng, thính chúng không nhìn thấy thì rất nhiều, đó là nhờ đường truyền chuyển phát đến toàn thế giới. Đồng tu ở Hoa kỳ gọi điện nói với tôi, hiện tại họ cũng đang xem, âm thanh nghe rất rõ. Chúng ta biết trên thế giới có rất nhiều khu vực đồng bộ đang xem trực tiếp trên màn hình, đây là thính chúng mà chúng ta không nhìn thấy. Ngoài ra còn có quỷ thần, chư thiên, chư Phật, Bồ Tát từ mười phương đến cũng đang niệm Phật ở “Niệm Phật Đường” này với chúng ta.

VII. ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI ĐỆ TAM

KINH VĂN:

Nhĩ thời Thế Tôn oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sóng biểu lý, hiện đại quang minh số thiên bách biến. Tôn giả A Nan tức tự tư duy: “Kim nhật Thế Tôn sắc thân chư căn duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, từng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”. Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hi hữu tâm, tức từng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, trường quì hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo. Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vị niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết.

VIỆT DỊCH:

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại cũng như gương sáng trong ngoài sáng tỏ, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ. Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn sắc thân, các căn vui sướng thanh tịnh, quang nhan vọi vọi, cõi báu trang nghiêm, từ xưa đến nay ta chưa từng thấy”, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sinh tâm hi hữu. Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, quì dài, chấp tay mà bạch Phật rằng:

- Thế Tôn ngày nay nhập đại tịch định, trụ pháp kỳ đặc, trụ hạnh đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng. Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau. Ngài nghĩ đến quá khứ vị

lai chư Phật hay chẳng? Ngài nghĩ đến chư Phật hiện tại ở phương khác hay chẳng? Vì sao ngài lại có oai thần sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyệt vời đến mức như thế? Xin tuyên nói cho.

GIẢNG:

“*Nhĩ thời Thế Tôn oai quang hách dịch như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sưởng biểu lý, hiện đại quang minh sở thiên bách biến*” (Lúc bấy giờ đức Thế Tôn oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại cũng như gương sáng trong ngoài sáng tỏ, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ): Đoạn này nói Thế Tôn phóng quang, hiện tướng lành dẫn khởi nhân duyên thù thắng của lần Pháp hội này, tạo đầu mối cho A Nan thưa hỏi, khiến kẻ được nghe liền sinh ý tưởng hi hữu khó gặp, y giáo phụng hành, cầu sinh Tịnh Độ. “*Nhĩ thời*” là lúc bấy giờ, khi giới thiệu phần chứng tín xong, cũng chính là Pháp hội bắt đầu. Trong phần “Tự” chứng tín, tán thán trí tuệ, đức năng của Bồ Tát dự hội.

Thế Tôn là chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật là đáng tôn quý nhất của thế gian, nên xưng là Thế Tôn .

“*Thế Tôn oai quang hách dịch*”：“Oai” là oai đức, oai thần. “Quang” là quang minh: Tự tỏa sáng là “quang”, chiếu soi vạn vật là “minh”, cũng có nghĩa là phóng quang chiếu rạng ngời. “Quang minh” có hai công dụng: Một là phá tối; hai là biểu thị tướng trí tuệ của Phật. “Hách dịch”, chữ “hách” là sáng rất tường tận; “dịch” là tràn trề, ý nghĩa tươi tốt; “*oai quang hách dịch*” có thể tạm dịch là oai quang rạng rỡ, biến chiếu pháp giới.

Chính lúc này, mọi người đều nhận rõ quang nhan của Thích Ca Mâu Ni Phật hiển lộ rất thù thắng, rất khác thường so với mọi khi. Phía sau nêu ra ví dụ rất hay:

“Nhu dung kim tụ” (Nhu khối vàng nung): Chúng ta thấy trên kinh thường dùng sắc vàng để hình dung sắc tướng của Phật. Vàng là một trong số bảy báu. Vàng sở dĩ được người rất trân trọng, ưa thích vì vàng không biến sắc trong bất cứ tình huống nào. Màu sắc của vàng vĩnh viễn là tươi đẹp, nhất là khi vàng ròng tan chảy ở nhiệt độ cao, màu sắc lại càng đẹp hơn. Dùng hình ảnh vàng được nung chảy để ví von dung nhan, quang minh của Phật sáng đẹp thù thắng không chút khiếm khuyết.

“Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý” (Lại như gương sáng chiếu suốt trong ngoài).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Ảnh” là ảnh tượng, “quang ảnh”, là nói biểu thị bên ngoài của Phật. “Sớng” là trong suốt, một chút chướng ngại cũng không có. “*Ảnh sớng biểu lý*” hàm nghĩa biểu thị bên ngoài có thể thấy được bên trong. Đây là hình dung thân thể của Thế Tôn trong, ngoài đều nhất như trong suốt, nói lên hình tướng rất khỏe mạnh.

- Phàm phu vì sao trong ngoài không trong suốt?

- Vì phàm phu có vọng tưởng, phiền não, có lo lắng vướng bận v.v... nên sắc tướng của phàm phu tối tăm mờ mịt, bòn chòn, không có năng lực thấy được người khác. Chư Phật, Bồ Tát đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên trong ngoài của các ngài đều trong suốt.

Thế gian có số người tu hành được chút định lực, có năng lực hàng phục được phiền não, thông thường chúng ta gọi là đạt đến công phu thành khối. Loại người này tâm thanh tịnh, phiền não ít, họ có công lực đặc biệt thấy được tất cả nội, ngoại sắc thân của chúng sinh. Nói cách khác, họ có cặp mắt X-quang; trong Phật pháp gọi là có “Thiên nhãn thông”. Nếu thân thể trong suốt, chúng tỏ công phu

tu hành của người này rất cao, không phải người phàm, chí ít phiền não của họ đã không còn khởi hiện hành.

Năm xưa, khi tôi giảng kinh ở Maine, Hoa Kỳ, từng gặp qua một người Mỹ có thiên nhãn, cũng chính là có công năng đặc dị. Lúc tôi giảng kinh, ông có đến nghe. Vừa xem thấy phía trước quyển chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có in hình lão cư sĩ Hạ Liên Cư, ông liền nói: “Thân thể lão cư sĩ này trong suốt, con người này không phải người bình thường”. Tôi cảm thấy kỳ lạ! Nếu thấy thân thể là trong suốt thì có thể tin, đằng này chỉ thấy diện mạo trên tấm hình mà nói, thì thật là khó hiểu được! Ông còn nói: “Lão Hạ Liên, ông chưa từng thấy mặt, cũng chưa từng nghe qua, người này hiện tại không còn nữa, đây là người tái sinh, năm xưa khi còn ở đời, người này cũng gặp một số khó khăn”. Trên tổng thể, ông nói ra đều gần với sự thật. Cho nên, ngay trong lời nói của ông có thể phán đoán là đáng tin, không phải giả.

Ngài Hải Đông Cảnh Hưng giảng: *“Ánh sáng của gương chiếu ra ngoài gọi là ‘ánh biểu’, giống như thân Phật có quang minh tỏa ra ngoài. Hình ảnh bên ngoài được chiếu rõ bởi ánh sáng hiện rõ trong gương, cũng giống như quang minh đã phóng ra soi ngược lại khiến vẻ mặt rạng rỡ. Do vậy, bảo là biểu lý”*.

Ngài Tịnh Ảnh giảng: *“Ánh sáng chiếu ra ngoài gọi là ‘ánh biểu’. Ánh sáng chiếu ra ngoài rồi lại hiện rõ trong gương gọi là ‘ánh lý’. Thân Phật giống như vậy: Quang minh chiếu ra ngoài là ‘biểu’, chiếu rọi thân Phật là lý”*.

Câu *“diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm”* (sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm) trong bản *Tổng dịch* chỉ rõ trong quang minh của Phật hiện bóng mười phương cõi báu như gương báu tròn đầy hiện bóng mười phương. Sách Bình giải giảng: *“Trong ánh quang minh vắng vặc, hiện bóng tướng trang nghiêm các cõi báu*

mười phương, giống như trong gương châu báu hiện ra tướng sum la vạn hữu”. Thuyết này xác thật là đang nói về cảnh giới Hoa Nghiêm.

“Hiện đại quang minh số thiên bách biến” (Hiện quang minh lớn biến hiện mấy trăm ngàn thứ): Ý nói ngay trong đại quang minh biến hóa vô lượng. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Câu này khiến chúng ta thể hội Phật quang phổ chiếu không hề khác với cảnh giới trên Kinh Hoa Nghiêm biến chiếu pháp giới. Phật hiện ra cảnh giới thù thắng này quyết không phải là ngẫu nhiên mà có đại nhân duyên. “Số thiên bách biến” (Mấy trăm ngàn thứ) cũng giống như câu “tự nhiên quang sắc tham hoi, chuyển biến tối thắng” (tự nhiên màu sắc của từng tia quang minh xen lẫn nhau, chuyển biến tối thắng) trong phẩm “Thọ Lạc Vô Cực” của kinh này, cũng biểu thị Phật quang tự nhiên xen lẫn nhau, xoay chuyển, màu sắc của quang minh biến hóa, càng biến hiện càng thù thắng chẳng cùng cực.

“Tôn giả A Nan tức tự tư duy” (Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ): Tôn giả A Nan là đưng cơ của kinh này.

* Nếu xét về Bốn (quả vị tu chứng thật sự), ngài là vị Pháp Thân Đại Sĩ từ quả hướng nhân.

Trong Kinh Pháp Hoa, Phật bảo các Bồ Tát rằng: “Ngã dĩ A Nan đặng u Không Vương Phật sở, đồng thời phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. A Nan thường nhạo Đa Văn, ngã thường cần tinh tấn. Thị cố, ngã dĩ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhi A Nan hộ trì ngã pháp, diệc hộ tương lai chư Phật pháp tạng, giáo hóa thành tựu Bồ Tát chúng”. (Ta cùng nhóm ông A Nan ở chỗ Không Vương Phật đồng thời phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nan thường ưa Đa Văn, ta thường siêng tinh tấn. Vì vậy ta đã đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà A Nan hộ trì

Pháp của ta, cũng sẽ hộ trì Pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu các Bồ Tát).

* *Nếu xét về Tích* (thị hiện trong thế gian), A Nan là người kết tập kinh tạng, được truyền tâm ấn của Phật (làm vị Tổ thứ hai của Thiền tông), truyền thọ Mật thừa, là nhân vật cốt lõi trong việc truyền thừa Đại giáo. Cho nên, truyền trì Phật pháp là bổn nguyện của ngài A Nan, hiện đang thị hiện làm thị giả của Phật, tiếp nối tuệ mạng của Phật từ quá khứ dẫn đến tương lai. Trong kinh này, ngài là đương cơ, lại có thể suy nghĩ phát ra lời hỏi hay khéo ấy.

Kinh Liên Hoa Sanh Đại Sĩ Ứng Hóa Nhân Duyên nói: “*Từ ngài A Nan, Sơ Tổ Mật Giáo là Liên Hoa Sanh Đại Sĩ, nhận lãnh mật pháp do đấng Thích Tôn phó chúc truyền trao lại*”.

Sách Thai Tạng Giới Mạn Đà Ra Ni Sao, quyển ba chép: “*A Nan mật hiệu là Tập Pháp Kim Cang*”. Điều này chứng tỏ rằng về Bản, ngài A Nan chính là “kim Cang tức Phật” vậy.

“Kim nhật Thế Tôn sắc thân chư căn duyệt dự thanh tịnh”
(Hôm nay Thế Tôn sắc thân các căn vui vẻ, thanh tịnh). Chữ “chư căn” chỉ cho năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của thân sắc tướng.

Gia Tường Sớ giải thích chữ “*thanh tịnh*” là quang hiển (sáng ngời, rõ rệt).

Kinh Bảo Tích lại chép:

“*Như Lai thân giả, tự tánh thanh triệt, hà dĩ cố? Như Lai cửu dĩ viễn ly nhất thiết phiền não chư cấu uế cố. Như Lai thân giả, xuất quá thế gian. Hà dĩ cố? Bất vị thế pháp chi sở nhiễm ô cố, nãi chí Như Lai thân giả, như tịnh kính trung vi diệu chi tượng, như tịnh thủy trung minh mẫn chi nguyệt*” (Thân Như Lai tự tánh trong trẻo, vì có sao? Vì Như Lai từ lâu đã xa lìa hết thảy phiền não và các cấu uế. Thân Như Lai vượt khỏi thế gian. Vì có sao? Chẳng bị pháp thế gian

làm ô nhiễm cho đến thân Như Lai như hình ảnh vi diệu trong tấm gương sạch, như vàng trắng tròn sáng (hiện bóng) trong nước sạch).

Hòa Thượng Tịnh Không giảng chữ “*duyệt dự*” là an vui nên gọi là lỗ chân lông cũng mỉm cười, hiển lộ sự an vui, thanh tịnh không gì bằng, chữ “*thanh tịnh*” ở đây là chỉ cho tâm thanh tịnh. Lại nữa, vì sao Phật vui? Tịnh Ảnh Sớ chép: “*Vui vì có hai lý do:*

- *Nghĩ đến hạnh đức đáng ưa đã thành tựu của A Di Đà Phật cho nên vui.*

- *Nghĩ đến chúng sinh đã đến lúc đạt được lợi ích cho nên vui”.*

“**Quang nhan nguy nguy**” (Quang nhan vòi vọi): “Quang” là quang minh, “nhan” là vẻ mặt, “nguy nguy” là vòi vọi. Ý nói về mặt của Phật cao quý, vĩ đại, đáng tôn trọng nhất.

Gia Tường Sớ giảng: “*Nguy nguy là ý nói đức rộng lớn, cao quý, rạng ngời*”. Câu “*quang nhan nguy nguy*” diễn tả vẻ mặt của Phật viên mãn các đức, rạng ngời quang minh hơn hẳn hết thầy các thứ.

“**Bảo sát trang nghiêm**”: Câu này trích từ bản Tống dịch, trước câu này có bốn chữ “*diện sắc viên mãn*”. Ý nói: Trong quang minh vi diệu phóng ra từ khuôn mặt đức Phật, hiện bóng cõi nước báu (bảo sát) trang nghiêm của cõi Phật mười phương.

“**Tùng tích dĩ lai sở vị tăng kiến, hỉ đắc chiêm ngưỡng, sanh hi hữu tâm**” (Từ xưa đến nay chưa từng được thấy, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hi hữu). Câu này ý nói ngài A Nan tuy hầu cận Phật đã lâu, nhưng các tướng lành như thế, từ trước đến nay Ngài chưa từng được thấy qua. Nay vui mừng lần khâm phục, được ngắm nhìn quang nhan của Phật, liền khởi ý tưởng hi hữu, khó gặp.

Kể về ngài A Nan, Hòa Thượng Tịnh Không giảng rằng: Trong kinh điển ghi chép, ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao sáng, đại triệt đại ngộ; chính lúc này, A Nan chào đời. Cùng một lúc vua Tịnh Phạn nghe em trai mình sinh được con trai, lại nghe hôm nay thái tử thành Phật. Song hỉ lâm môn! Liền đặt tên cho con trai của em mình là A Nan.

A Nan dịch thành ý Trung văn là Khánh hỷ. A Nan, hai mươi tuổi xuất gia, cũng chính là nói: Trước đó hai mươi năm, Phật giảng kinh nói pháp ông chưa được nghe. Thế nên, sau khi xuất gia làm thị giả của Phật, ông yêu cầu Phật sắp xếp thời gian trùng tuyên lại tất cả những bài pháp mà Thế Tôn đã giảng trước đây cho ngài được nghe, Thế Tôn đồng ý. Do vậy mà có thể nói: Tất cả pháp đức Phật giảng trong suốt bốn mươi chín năm, mỗi hội A Nan đều được nghe. Sau khi Phật diệt độ, A Nan trở thành nhân vật quan trọng trong kỳ kết tập kinh điển. Tất cả kinh điển đều do A Nan giảng lại. Ngài có sức ghi nhớ rất sâu, nghe qua một lần thì vĩnh viễn không quên.

- Thế Tôn năm xưa giảng kinh nói pháp, tuyệt nhiên không có ghi chép, A Nan giảng lại có giảng sai không?

- Điểm này chúng ta không cần hoài nghi, Thế Tôn sớm đã biết rõ. Cho nên, khi A Nan giảng trùng tuyên lại, bên dưới có năm trăm vị A-la-hán làm tác chứng cho ngài. Nếu có vị nào nêu ra ý khác thì câu đó không thể ghi chép lại. Cho nên, kết tập kinh tạng không phải là số ít phục tụng số nhiều mà nhất định phải được tất cả năm trăm vị A-la-hán đều đồng ý chấp nhận khẳng định đó chính là lời của Thế Tôn đã tuyên giảng trước đây thì mới được ghi chép lại. Đó là “chứng tín” giúp người sau, khi mở kinh điển ra đều có thể đoạn nghi sanh tín, quyết không hoài nghi. Thực tế, A Nan trùng tuyên lại cũng y như Thế Tôn năm xưa nói pháp, không hề khác biệt.

“Tức tùng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, trường qui hiệp chương” (Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai phải, quì dài, chấp tay mà bạch Phật): Đây là lễ tiết. Trước khi thỉnh pháp, nhất định phải hành lễ. “Lễ” đại biểu chính mình trọng pháp, người Trung Quốc gọi là tôn sư trọng đạo. Cho nên, “lễ” không thể thiếu. Người hiện tại tuy không nói “lễ”, thế nhưng khi gặp người có lễ phép, mọi người đều hoan hỉ.

Ngày trước, tôi ở Đài Trung thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam, thầy giảng cho chúng tôi nghe “Lễ Ký”. Biên độ của “Lễ Ký” rất rộng, thầy tuyển giảng cho chúng tôi nghe “Lễ Ký” không phải là muốn chúng tôi học “lễ”, vì học “lễ” rất khó; chỉ dạy cho chúng tôi hiểu được chút ít thường thức về “lễ”, hy vọng tương lai đối nhân xử thế, tiếp vật đừng để người khác chán ghét. Người xưa thường nói: “Bất học lễ, vô dĩ lập”, không hiểu được lễ mạo, bạn sẽ không có chỗ đứng trong xã hội.

Trung Quốc ngày xưa là đất nước chú trọng lễ nghĩa, lễ giáo. Giáo dục của “lễ” vào thời xưa là quá trình mà trẻ thơ từ bảy tuổi đến trường đã bắt đầu học. Có thể nói, quá trình giáo dục tiểu học chính là học lễ, là dạy con em biết qui củ đối nhân xử thế tiếp vật. Xã hội ngày nay đề xướng dân chủ tự do, mở rộng nhân quyền, những thứ này rất thời trang, quyết không thể phản đối, kỳ thật đó là thiên kiến! Những khẩu hiệu này tuyệt nhiên không thể mang đến an định hòa bình cho cả thế giới phồn vinh, hưng vượng. Trái lại, dường như còn mang đến tai nạn, rất đáng được chúng ta sâu sắc phản tỉnh. Đây là chúng ta từ trên “lễ tiết” mà nghĩ đến.

“Tức tùng tọa khởi”: Ngay lúc này, ngài A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước mặt Phật lễ bái để thỉnh pháp.

“Thiên dẫn hữu kiên” là trật áo vai phải: Đây chính là cách bày tỏ tâm cung kính cùng cực, cách nghi lễ của người Ấn Độ thời

xưa. Ca-sa mà hiện tại Tiểu Thừa mặc chính là vào thời Thích Ca Mâu Ni Phật, đó là một tấm vải quấn trên thân. Thông thường hai vai đều được quấn bên trong, đến khi hành lễ mới để lộ vai phải ra. Ca-sa hiện tại của Tiểu thừa là màu vàng, có người mặc màu đỏ thì không đúng, phải là nhuộm sắc mới đúng. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, cương vực của Trung Quốc ở phía Bắc Ấn Độ, nên khí hậu Trung Quốc phải lạnh hơn so với Ấn Độ. Ba y nhất định không đủ dùng nên phải hiện đại hóa, bản thổ hóa từ y phục, ăn uống cho đến rất nhiều thứ khác.

Áo tràng là y phục của người thời nhà Hán, trong nhân gian hiện tại không còn, chỉ có người xuất gia mới mặc áo tràng này. Xưa kia, khác biệt giữa người tại gia và xuất gia là: Áo tràng người xuất gia mặc chỉ thuần sắc không có thêu hoa. Áo tràng người tại gia mặc có thêu hoa, ít nhất là thêu trên cổ hoặc trên ống tay áo. Người giàu sang, có địa vị, toàn thân áo tràng đều thêu hoa văn. Hoa văn cũng không phải tùy tiện thêu mà đều có qui định, đại biểu cho mỗi tầng lớp, địa vị của họ như: Sĩ, nông, công, thương gọi là “chương phục”, y phục không thể mặc sai! Khi ra ngoài, người khác biết bạn thuộc thành phần nào, để tiện việc hành lễ. “Mão” cũng vậy, trên hoa văn đều có tiêu chí địa vị.

Khi giảng kinh, nghe kinh đều phải đắp y. Nhưng, y này không cần phải lớn như nguyên gốc, đắp bên ngoài sẽ rất phiền phức, nên chúng ta rút gọn chỉ còn lại phân nửa so với nguyên gốc! Lúc trước buộc dây không có móc y. Về sau, không biết người nào phát minh ra cái móc y này rất thuận tiện so với buộc dây. Đây là Trung Quốc hóa, bản thổ hóa.

Khi Phật giáo truyền đến Nhật Bản, người Nhật còn giản tiện hơn; ca-sa họ rút gọn lại chỉ còn ba tấc. Pháp sư Nhật Bản mặc tây phục, không mặc áo tràng. Bình thường ca-sa họ để trong túi áo; khi

làm pháp hội, họ mới mang vào, một miếng ba tấc để phía trước ngực có sợi dây đỏ quàng phía sau cổ, vậy là họ đã đắp y rồi. Họ còn đơn giản hơn chúng ta nhiều. Đây chính là tính chất của kỷ niệm. Chúng ta đắp y là kỷ niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, kỷ niệm Pháp hội thời đó, mỗi niệm không quên ân đức của Phật Đà.

“Trường quì hiệp chương” (Quì dài, chấp tay):

“*Trường quì*”, thông thường là quì một chân, đầu gối trái quì xuống, đầu gối phải không quì. Đây là lễ tiết bày tỏ sẵn sàng đợi Phật sai bảo, đứng dậy dễ dàng, động tác sẽ nhanh nhẹn. “*Trường quì hiệp chương*” là bày tỏ sự cung kính, nhất tâm. Bình thường tâm chúng ta tán loạn, biểu thị mười ngón tay rời rạc; chúng ta đem nó hợp lại thành một chấp tay. Khi chấp, hai mặt bàn tay phải khít lại mới biểu thị sự nhất tâm. Tất cả tạp niệm, vọng tưởng đều buông xả, chuyên tâm chí kính nghe thầy chỉ dạy. Người Trung Quốc quì là hai đầu gối đều quì. Cách quì của người nước ngoài khác với người Trung Quốc. Trong kinh Phật thường dùng chữ “hò quì”; ”hò” là người nước ngoài, “hò quì” chính là quì chỉ một đầu gối chấm đất.

“**Nhi bạch Phật ngôn**”: “*Bạch*” là một kính từ, một ngôn từ cung kính, ý nghĩa là thưa bày.

“**Thế Tôn kim nhật, nhập đại tịch định**” (Thế Tôn ngày nay nhập đại tịch định): Kinh Niết Bàn, quyển ba mươi chép: “*Ngã u thứ gian Sa-La song thọ, nhập đại tịch định, đại tịch định giả, danh Đại Niết Bàn*” (Ta ở Sa-La song thọ nơi cõi này, nhập đại tịch định, đại tịch định có tên là Đại Niết Bàn).

Sách Bình Giải lại nói: “*Phổ Đẳng tam-muội và Đại Tịch Định chỉ là tên khác của Niệm Phật tam-muội. Nay đức Phật vì để nói pháp môn Niệm Phật nên trụ Niệm Phật tam-muội*”.

Cụ Hoàng Niệm Tổ tóm lược các ý trên như sau: “Đại Tịch Định” nói chung là một thứ thiền định của Phật mang tên Đại Niết Bàn. Nếu xét theo kinh này, “Đại Tịch Định” chỉ “Niệm Phật tam-muội”. “Niệm Phật tam-muội” được gọi là “Bảo Vương tam-muội”, là vua trong các tam-muội. Giờ đây, đức Thế Tôn khai diễn pháp môn Tịnh Độ nên ngài nhập “*Niệm Phật Bảo Vương tam-muội*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Đại Tịch Định” chính là thiền định sâu thẳm. Nên biết: Định không phải ngồi xếp bằng quay vào vách, nhắm mắt lại. Loại nhập định này chỉ là “tiểu Định”, không phải “đại Định”. “Tiểu Định” sau khi vào Định thì không khởi được tác dụng. “Đại Định”, đi đứng nằm ngồi đều trong Định. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh nói pháp đều ở trong Định. Ý nghĩa của Định là: Ngoài không dính mắc, trong không động tâm. Tuy mắt Ngài vẫn thấy, tai vẫn nghe v.v..., sáu căn vẫn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần nhưng không bị cảnh giới bên ngoài nhiễu loạn, trong tâm vẫn như như bất động.

Phàm phu thấy sắc, tai nghe tiếng liền bị cảnh giới xoay chuyển, vậy thì rất khổ! Chư Phật, Bồ Tát có công phu định lực, các ngài có thể thấy như không thấy; nghe như không nghe, phân biệt minh bạch tất cả mọi vấn đề nhưng không hề nhiễm trước; định lực này là “Đại Tịch Định”. “Đại Tịch Định” người xưa gọi là “Bảo Vương tam-muội”, cũng gọi là “Phổ Đẳng tam-muội”. “Phổ” là phổ biến, “Đẳng” là bình đẳng. Tất cả các pháp Chư Phật, Bồ Tát chứng được là bình đẳng; không những trên “lý” bình đẳng, trên “tánh” bình đẳng mà trên “sự” cũng bình đẳng, khi ứng dụng cũng bình đẳng; cảnh giới này rất sâu.

Chúng ta nghe nói trên “lý” bình đẳng, trên “tánh” bình đẳng thì gật đầu. Nhưng, nói trên “tướng” bình đẳng, trên “sự” bình đẳng thì không đồng ý. Vì sao? Năm ngón tay đưa ra dài ngắn không đều

làm sao bình đẳng ?! Chỉ có sinh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng mỗi người đều giống Phật A Di Đà như trên Kinh Vô Lượng Thọ nói, vậy mới là bình đẳng.

Thế gian này nói bình đẳng, mọi người rất khó tiếp nhận! Tuy nhiên, trên thực tế vẫn là bình đẳng. Vì sao? Trên kinh Bát Nhã nói “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”: Hảo tướng là hư vọng, ác tướng cũng là hư vọng; hư vọng cùng hư vọng chẳng phải là bình đẳng hay sao? Lại nữa “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn bào ảnh*”. Tất cả pháp đều như mộng, vậy là bình đẳng rồi. Cho nên, nói trên tướng bình đẳng, trên sự cũng bình đẳng.

Vào cảnh giới bình đẳng, tâm bạn sẽ được Định, trong tất cả pháp tuyệt đối sẽ không khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Chư Phật, Bồ Tát tùy tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp, tâm các ngài lúc nào cũng ở trong Định, đó mới thật là “Đại Tịch Định”. Trên Kinh Đại Thừa thường nói: “*Na già thường tại Định, vô hữu bất Định thời*”. “Na già” là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó là rỗng, voi. Rỗng chúng ta chưa thấy, nhưng voi thì đã thấy. Dáng voi to lớn, mỗi ngày từ sớm đến tối, trông nó thông dong dường như trong Định, đi đứng rất chậm rãi, không vội vàng, không khẩn trương. Cho nên, dùng nó để biểu trưng đời sống của Phật, Bồ Tát lúc nào cũng ở trong Định.

“*Trụ kỳ đặc pháp*”: “kỳ” là kỳ diệu; “đặc” là đặc thù. “Trụ kỳ đặc pháp” chính là “*Trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo*”. Là đệ tử Phật, phải biết “Trụ Phật sở trụ, hành Phật sở hành, niệm Phật sở niệm”. Trụ, hành và niệm này chính là áp dụng tâm Bồ Đề. Nếu có thể trụ vào nơi của Phật Di Đà trụ, làm việc của Phật Di Đà làm, nghĩ điều của Phật Di Đà nghĩ thì chúng ta liền khế nhập được Pháp môn Tịnh Độ, chúng được viên mãn Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là biết trụ vào đạo tối thắng nơi chư Phật trụ.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta, quan trọng nhất là tám chữ “*Phát Bồ Đề tâm, một lòng chuyên niệm*”, đó là cương lĩnh tu hành của Bồ Kinh. Tám chữ này phải song hành hợp nhất thì viên tu viên chứng, trong hai không thể thiếu một mới chắc chắn được vãng sinh.

Trong Quán Kinh nói: “*Chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, đó là tâm Bồ Đề.*”

Trong Khởi Tín Luận nói “*Trực tâm, thâm tâm, Đại bi tâm*”. Nếu phối hợp Kinh, Luận lại xem thì “Trực tâm” chính là “chí thành tâm”, tâm chân thành đến tột đỉnh.

- Thế nào là chân thành?

- Trong tâm không có một vọng niệm nào, đó mới thật là tâm chân thành, mới thật là “*trực tâm*”. “Đại Tịch Định” chính là chân thành đến tột đỉnh, thực tiễn ngay “*Trụ chư Phật sở trụ*”. Cho nên, “*chí thành tâm*” trong tâm Bồ Đề chính là “*Trụ chư Phật sở trụ*”.

“*Thâm tâm*” là “*hành Phật sở hành*”, là hiếu thiện, hiếu đức. Thiện và đức đều tương ứng với chân thành, đó mới gọi là “*thâm*”. Nếu thiện, đức và chân thành không tương ứng thì đó là giả không phải thật. Cho nên, Đại sư Thiện Đạo nói: “*Nhất thiết giai tùng chân thật tâm trung tác*”, lời khai thị này rất có đạo lý. Khởi tâm động niệm đối nhân xử thế tiếp vật, tất cả phải từ tâm chân thật mà làm, một chút hư vọng cũng không có. Hiếu thiện, hiếu đức là tự hành, tự thọ dụng, tự thành tựu.

Sau cùng, “*hồi hướng phát nguyện tâm*” chính là “*tâm Đại Bi*”, tâm lợi tha. Cũng chính là nói: Dùng tâm chân thành, chân tâm đối với chính mình là “*thâm tâm*”; chân tâm đối với người khác là “*tâm Phật sở niệm*”, là “*tâm Đại Từ Bi*”. “*Hồi hướng phát nguyện tâm*”, chỗ này nói là “*tối thắng chi đạo*”.

Tóm lại, “*Trụ chư Phật sở trụ*” là “chí thành tâm”; “*đạo sư chi hành*” là “thâm tâm”; “*tối thắng chi đạo*” là “đại bi tâm” là “hồi hướng phát nguyện tâm”, là “tâm Phật Sở niệm”; khởi tâm động niệm đều là lợi ích tất cả chúng sinh. Đây là chúng ta phối hợp, thực tiễn trên tâm Bồ Đề mà nói; trên sự tương, chúng ta phải dụng tâm mà học tập.

Theo nghĩa rộng: Chỗ Phật trụ chính là bốn mươi tám nguyện. Đức Phật A Di Đà kiến lập thế giới Tây Phương Cực Lạc là vì muốn phổ độ hết thảy chúng sinh khổ nạn trong pháp giới, hư không giới. Khổ nạn này là nói đến lục đạo, trong lục đạo, chúng sinh quá khổ, quá đáng thương; đây là phát xuất từ tâm đại từ bi vô tận, tâm chân thành đến tột đỉnh của đức Phật Di Đà đối với hết thảy chúng sinh. Tâm chân thành, một câu danh hiệu A Di Đà Phật này cũng chính là tánh đức, đức hiệu của chân như bốn tánh, nên gọi là “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Trong tâm có A Di Đà Phật chính là “*Trụ Phật sở trụ*”. Mười phương tất cả chư Phật Như Lai đều niệm A Di Đà Phật; cái “niệm” này, chớ nên hiểu lầm cho đó là niệm trên miệng, niệm trên miệng chưa hẳn là niệm!

- Thế nào gọi là niệm?

- Tâm tương ưng! Danh hiệu A Di Đà Phật là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung văn là “Vô Lượng Giác”. Thử nghĩ có vị Phật nào mà không tương ưng với “vô lượng giác”? Tương ưng với “vô lượng giác”; không lìa khỏi “vô lượng giác” thì gọi là niệm Phật, đó là niệm A Di Đà Phật. Phải hiểu được đạo lý này!

Ngày nay, chúng ta niệm câu “A Di Đà Phật” là đang học tập, chân thật là học Phật, học Phật một trăm phần trăm. Cho nên, các đồng tu từ nơi khác đến, tôi nhất định khuyên họ đến Niệm Phật Đường để niệm Phật. Nếu họ không đến, tôi cũng không ngăn ngại

nói với họ rằng họ đã uống một chuyến đến Singapore! Cư sĩ Khang Quốc Thái, Đạt La Tư tối nay quay về. Sáng nay tôi hỏi ông:

- Ông có đến Niệm Phật Đường niệm Phật chưa? Ông nói:

- Không có! Tôi nói:

- Ông đã uống phí khi đến đây rồi!

Cho nên, khi ăn cơm trưa xong, ông liền đến Niệm Phật Đường niệm Phật hai giờ đồng hồ. Sau khi niệm, ông vui vẻ đến nói với tôi:

- Đích thật là khác thường!

Ông muốn quay về sẽ học làm theo. Tôi thành thật nói với ông:

- Học không được đâu! Ông nói:

- Tôi mang máy niệm Phật ở đây về.

- Cũng không được! Máy niệm Phật dù ghi âm ở đây, nhưng sử dụng ở nơi khác thì hoàn toàn không giống ở đây, thậm chí động tác cũng không giống.

- Rốt cuộc không giống ở chỗ nào?

- Từ trường không như nhau, đó là thật!

- Vì sao từ trường không giống nhau?

- Nơi đây có Phật, Bồ Tát niệm Phật. Đạo tràng của bạn không tìm được Phật, Bồ Tát đến niệm Phật, đó là chỗ không giống nhau.

Cho nên, bạn đến đây, chỉ cần đem tâm định lại, khi niệm Phật không nghĩ tưởng xằng bậy, niệm một thời gian liền có cảm thọ. Tôi có nói thế nào cũng không tác dụng bằng đích thân bạn thể nghiệm. Cảnh giới này, nơi đây, bạn không cách gì làm được ở nơi

khác! Vì sao vậy? Xin thành thật nói với bạn: Chủ nhân Niệm Phật Đường này là cư sĩ Lý Mộc Nguyên. Đó là một Bồ Tát, chân thật không có lòng riêng tư, hoàn toàn vì chúng sinh.

Đạo tràng của bạn có thể tìm được người như Lý Mộc Nguyên chẳng? Bồ Tát Lý là thiên hạ hiếm có! Là “*kỳ đặc pháp*”, bạn không thể có được! Ông thật nhìn thấu, thật buông bỏ, mỗi niệm vì chúng sinh, mỗi niệm vì Phật pháp, là tương ứng với tâm Phật, với nguyện của Phật, với hạnh của Phật, nên xây dựng đạo tràng liền cảm động Phật, Bồ Tát đến gia trì. Lại nữa, đồng tu niệm Phật ở đây thật là hiếm có, đích thật là có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng.

Cho nên, huân đạo thì cảm thọ không như nhau. Bạn đến đây niệm Phật cũng chính là tiếp nhận từ trường của họ. Nơi khác, người niệm Phật có thể nhiều hơn, nhưng trong đó không chắc có người chân thật phát tâm niệm Phật, từ trường đó tất sẽ không có cảm ứng. Tôi cảm nhận rất rõ ràng: Niệm Phật Đường nơi đây có Phật, Bồ Tát và chư thần hộ pháp. Hơn nữa, thần hộ pháp rất nhiều, họ xếp thành hàng. Không khí từ trường của đạo tràng nơi đây đích thật không giống đạo tràng ở nơi khác, hi vọng bạn đến đây sẽ có thể cảm thọ. Thời gian niệm Phật ở đây càng lâu, sự cảm thọ thanh tịnh, an lạc sẽ càng nhiều. Đích thật là nhân duyên đời này hi hữu khó gặp!

“*Trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo*”
(Trụ hạnh đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng). Nơi đây, trụ “*chư Phật chi sở trụ*” chính là “*Trụ Di Đà chi sở trụ*”.

“*Đạo sư chi hạnh*” là “*hành Di Đà chi hạnh*”. Nói rõ hơn, pháp môn Niệm Phật, Niệm Phật tam-muội, thân tâm thế giới, vạn duyên buông bỏ, một lòng niệm Phật; nơi Niệm Phật Đường này niệm Phật chính là “*tự hành hóa tha*”, hai thứ thầy đều có đủ. Bạn ở nơi đây Niệm Phật là “*tự hành*”, đồng thời biểu diễn, làm mẫu mực

cho các đồng tu từ các nơi khác đến tiếp nhận sự huân đạo của từ trường này, đó chính là “hóa tha”. Đạo tràng này huân tu rất mạnh, nếu có thể ở đây ba tháng liên tục niệm Phật, thiện căn dù mỏng cũng biến thành dày; nhân duyên ít cũng biến thành đầy đủ, thật không thể nghĩ bàn! Nơi đây, “tín-giải-hành-chứng” đều đang thực hiện, đích thật không dễ dàng, chân thật là “*kỳ đặc pháp*”.

“*Kỳ đặc pháp*”, cũng chính là chỉ pháp môn này. Trong kinh thường nói: Đây là phương pháp khiến người “Ngũ thừa” bình đẳng vào Báo độ, chính là cõi “Thật Báo Trang Nghiêm Độ”, bình đẳng thành Phật. “*Kỳ đặc pháp*” của Tây Phương Cực Lạc là bốn Độ đều đồng một chỗ: Cõi Đồng Cư, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Tịch Quang cùng ở một nơi. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc liền thấy Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền. Những vị Bồ Tát Đẳng Giác này ngày ngày cùng sinh hoạt với mọi người, cùng nghe Phật thuyết pháp.

Ở các thế giới chư Phật khác, bốn cõi không chung nhau, nên phàm phu không thể thấy thánh nhân. Ở Thế giới phương khác có thoái chuyển; ở Tây Phương Cực Lạc không có thoái chuyển mà tất cả đều viên chứng “Tam Bất Thoái”, thù thắng không gì bằng! Đây là ý nghĩa “*Đạo sư chi hành*” mà A Di Đà Phật chính là Đạo sư.

Sách Bình Giải viết: “*Hạnh Đạo Sư chính là Di Đà Thế Tôn bình đẳng dẫn dắt không để sót vầy*” và “*Đại đạo sư chính là Di Đà Thế Tôn dùng bốn nguyện nhiếp dẫn năm thừa*”.

“*Tối thắng chi đạo*” (Đạo tối thắng) là khiến cho tất cả chúng sinh vãng sinh bất thoái thành Phật. Đạo là chỉ pháp môn Tịnh Độ, pháp môn Đại Thừa trong Đại Thừa; Nhất thừa trong Nhất thừa, là Phật pháp cứu cánh viên mãn. Không những thế, “*tối thắng chi đạo*” còn chỉ pháp môn Tịnh Độ, một phẩm phiền não cũng không cần “đoạn” mà chỉ “phục” phiền não. “Phục” dễ hơn “đoạn”. Phiền não

tuy chưa đoạn, nhưng bạn có năng lực không chế nó, khiến chúng không khởi tác dụng là được. “Phục” phiền não có thể “đổi nghiệp vãng sinh”; sinh đến cõi “Phàm thánh Đồng Cư”, cho dù là “hạ hạ phẩm” vãng sinh đều cùng đứng, ngồi với Văn thù, Phổ Hiền và những Bồ Tát Đẳng Giác .

Đại sư Ngẫu Ích cho rằng: Người vãng sinh tuy không phải là Bồ Tát vì một phẩm phiền não họ cũng chưa đoạn, nhưng họ cũng không phải là phàm phu vì họ cùng đứng, ngồi với Bồ Tát Đẳng Giác. Thật sự là cảnh giới không thể nghĩ bàn! Đây là “*kỳ đặc pháp*” và “*tối thắng chi đạo*”.

“*Tối thắng chi đạo*” được Tịnh Ảnh sơ giảng: “*Vô thượng Bồ Đề là đạo tối thắng*”.

Sách Hội Sớ giảng: “*Là pháp mà hết thấy thế gian, xuất thế gian chẳng thể sánh được.*”

Sách Bình Giải giảng: “*Đạo tối thắng là một đạo Niệm Phật Vãng Sinh, vì trong hết thấy phương tiện nó là vô thượng tối thắng*”. Lại còn viết: “*Đạo tối thắng là giải thoát đức. Kinh Niết Bàn dạy: ‘Vô thượng thượng, chân giải thoát’. Vì vậy “vô thượng thượng nghĩa là tối thắng*”.

Nói tóm lại, Niệm Phật chính là đạo tối thắng vô thượng thượng. Khi vãng sinh át chứng Niết Bàn, Hơn nữa, ngay lúc đang niệm Phật, tâm là Phật, tâm làm Phật, ngay khi ấy chính là Phật, chính là lúc Vô thượng thượng giải thoát.

Ngày nay, chúng ta may mắn trong đại vận, gặp được Bồ Tát Lý Mộc Nguyên xây dựng Niệm Phật Đường cùng thôn Di Đà. Chỉ cần có đạo tràng như vậy, người thành tựu sẽ rất nhiều. Phàm hễ bước vào đạo tràng, thân tâm thế giới tất cả đều buông xuống, ba năm nhất định vãng sinh. Chúng ta xem thấy trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục,

trong Vãng Sinh Truyện, họ ba năm công phu thành tựu. Không phải họ mạng chung mà thọ mạng của họ vẫn còn dài, nhưng họ không muốn ở lại chịu khổ, thế giới Cực Lạc quá tốt, họ muốn di dân qua đó sớm.

Tôi giảng kinh nhiều năm, ngày ngày luôn mộng tưởng về một đạo tràng như vậy, nhưng không dám nghĩ tương lai sẽ thành sự thật. Khi đến đây tôi mới cảm nhận: Chân thật là có thể gặp, không thể cầu! Thật tế mà nói là rất khó được! Đây cũng là chư Phật, Bồ Tát an bày cho chúng ta, cũng một phần do thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta đã chín muồi nên chư Phật Bồ Tát đến hộ trì. Rất nhiều đồng tu hỏi tôi:

- Thôn Di Đà bao giờ mới xây xong?

- Tôi nghĩ Cư sĩ Lý làm việc tốc độ rất nhanh, có thể khoảng hai, ba năm nữa sẽ hoàn tất. Năng lực của ông rất mạnh! Từ lúc Niệm Phật Đường khai trương đến nay, ông ngày đêm đều nghĩ đến thôn Di Đà. Ngoại trừ thôn Di Đà ra, ông nói một vọng niệm khác cũng không có. Tâm kiên thành, chuyên chú tất được chư Phật, Bồ Tát gia trì. Cho nên cảm ứng tương thông không thể nghĩ bàn!

“Khứ lai hiện tại, Phật Phật tương niệm. Vị niệm quá khứ, vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà có oai thần hiển diệu, quang thụ thù diệu nãi nhĩ. Nguyên vị tuyên thuyết” (Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau. Ngài nghĩ đến quá khứ vị lai chư Phật chăng? Ngài nghĩ đến chư Phật hiện tại ở phương khác chăng? Sao oai thần Ngài lại sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyện vời đến như thế? Xin tuyên nói cho):

Đoạn này tiếp theo đoạn trước, tôn giả A Nan trong Pháp hội, thay chúng ta thỉnh Pháp. Tôn giả A Nan trong tâm tự nghĩ: Quang sắc của Thích Ca Mâu Ni Phật hôm nay quá kỳ diệu, quá tối thắng. Từ trước đến giờ chưa hề thấy qua phong thái đức Thế Tôn

“*oai quang hách dịch*” hiện ra tướng lạ hi hữu đến như vậy. Cho nên, trong lời xưng tán, ông nói: “*Thế Tôn kim nhật, nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc Pháp, trụ chư Phật Sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo*”. Cái “trụ” này là trong tâm an trụ. Thế gian thường nói: “*Tướng tùy tâm chuyển*”, cho nên tướng sẽ thay đổi. Vì sao thay đổi? Quyết không phải hóa trang, đi làm đẹp, cái đó thì không thể thay đổi được! Biến đổi đó còn có tác dụng phụ, mang đến rất nhiều phiền não! “*Tướng tùy tâm chuyển*”, đây chính là tâm bạn chuyển đổi thì tướng bạn cũng chuyển biến. Không những tướng biến đổi mà thể chất cũng thay đổi. Có người hỏi:

- Niệm Phật có cái gì tốt?

- Bạn phải biểu hiện cho họ xem! Thích Ca Mâu Ni Phật niệm Phật thì “*oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý*”, còn bạn ở Niệm Phật Đường niệm như thế nào? Nếu bạn niệm Phật được dung nhan phát sáng, quang sắc hơn người, khiến ai nấy vừa thấy bạn liền sinh tâm hoan hỉ. Vậy thì công phu niệm Phật của bạn đã có biểu hiện tốt: Càng niệm càng hoan hỉ, càng niệm càng trẻ trung, càng niệm càng khỏe mạnh. Đây là thật không phải giả.

- Bệnh của bạn từ đâu mà có?

- Từ nơi vọng tưởng mà có! Trên kinh Phật nói: Tham, sân, si là ba độc. Trong tâm có ba độc, hoàn cảnh bên ngoài lại trực ác (trực ác là ô nhiễm, không tốt). Trong, ngoài giao cảm, bạn làm sao không bệnh! Nếu bạn hiểu rõ, nhanh chóng tẩy trừ hết bệnh độc, gốc rễ tham, sân, si thì hoàn cảnh bên ngoài lập tức liền thay đổi. Tâm địa thanh tịnh, quang minh thì bạn sẽ không bị ô nhiễm.

Nhà Phật dạy phải sinh tâm đại từ bi. Tâm đại từ bi có thể giải độc, hóa giải được tất cả độc tố trong con người bạn. Muốn thế,

bạn phải chân thật niệm Phật thì công phu mới có lực, mới có thể nhiếp phục tất cả mọi cấu ô phiền não.

Niệm Phật quan trọng nhất là tâm và miệng phải tương ưng, một vọng tưởng cũng không có. Bạn thấy chữ “niệm” bao gồm chữ “kim” ở bên trên và chữ “tâm” ở bên dưới. Có thể thấy “niệm” không phải là miệng niệm, miệng niệm thì không được! Trong tâm hiện tại chân thật “có”, mới gọi là “niệm”. Nếu trong tâm hiện tại không có, chỉ ngoài miệng “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật...” thì người xưa gọi là “đau mồm rát họng cũng chỉ uống công!”

Hãy xem! Những bà cụ thương yêu con cháu, không phải mỗi ngày từ sớm đến tối gọi: Cháu ơi! Cháu ơi! ngoài miệng, mà trong tâm họ lúc nào cũng thật nghĩ đến con cháu, đó gọi là niệm. Nếu có thể đem cái niệm này chuyển đổi thành niệm A Di Đà Phật thì tốt biết mấy, vấn đề liền được giải quyết.

“Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm” (Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau): Tôn giả A Nan nghĩ ngay đến: Trong mười pháp giới, Phật là đáng phước trí viên mãn thù thắng nhất. Phải chăng, đức Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đang niệm Phật? Chân thật là Thích Ca Mâu Ni Phật đang niệm Phật. Cho nên, ngài nói: *“Khứ lai, hiện tại Phật Phật tương niệm”*. “Khứ” là quá khứ; “lai” là vị lai. Chỗ này chính là nói ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả chư Phật đều nhớ nhau. Nói cách khác, trong tâm Phật thường hay nhớ tất cả chư Phật. Phật dạy chúng ta niệm Phật có đạo lý rõ ràng, vì chính ngài cũng niệm Phật. Với câu *“khứ lai, hiện tại Phật Phật tương niệm”* (quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau), đây là “trí quang phổ chiếu”.

Gia Tường Sớ giảng: *“Điều mà vị quá khứ, vị lai, hiện tại Phật nào cũng nghĩ nhớ là tam thế chư Phật đều có ý niệm hóa độ*

chúng sinh. Ánh sáng của mỗi vị chiếu lẫn nhau, trí từng vị chiếu soi lẫn nhau nên bảo là nghĩ nhớ lẫn nhau”.

- Ý niệm hóa độ chúng sinh như thế nào?

- Quan tâm tất cả chúng sinh, thương yêu tất cả chúng sinh, tùy lúc, tùy nơi, tận tâm tận lực giúp đỡ tất cả chúng sinh. *“Phật thị môn trung bất xả nhất nhân”*, đây là chỗ chúng ta phải học tập.

- Chúng ta giúp người, họ không chịu tiếp nhận, vậy phải làm sao?

- Vậy thì không cần phải giúp họ! Nhà Phật thường nói *“Phật không độ người vô duyên”*.

- Người thế nào gọi là vô duyên?

- Họ không thể tin tưởng, họ không có lòng tin đối với bạn, hơn nữa thậm chí còn hoài nghi đối với bạn, không bằng lòng tiếp nhận bạn, vậy thì quyết không nên miễn cưỡng!

- Phật chỉ độ người có duyên. Người như thế nào gọi là có duyên?

- Chịu tin tưởng, chịu thân cận, chịu học tập!

“Vị niệm quá khứ, vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da?” Tôn giả A Nan tự nghĩ: Thích Ca Mâu Ni Phật đang niệm quá khứ chư Phật hay niệm vị lai chư Phật, hay niệm hiện tại chư Phật phương khác? Chúng ta đều biết, mỗi thế giới chỉ có một vị Phật. Trong vô lượng vô biên thế giới, tất nhiên hiện tại tha phương chư Phật cũng là vô lượng vô biên.

“Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụ thù diệu nãi nhĩ”.

(Vì sao oai thần ngài lại sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyệt vời đến như thế). A Nan do thấy đức Phật hiện tướng tốt lành, phóng

quang minh màu nhiệm sáng ngời, tuyệt luân đẹp đẽ chưa từng thấy, ngài rất vui mừng thâm nghĩ việc này ắt có nguyên nhân.

Trong quang minh của Phật hiện bóng mười phương Bảo sát trang nghiêm, hiển hiện Hoa Nghiêm huyền môn nhiệm màu chẳng thể nghĩ bàn. Tôn giả A Nan không hề biết hiện tại Thích Ca Mâu Ni Phật đang nhớ nghĩ đến Phật A Di Đà nên mới hiện ra tướng tốt như thế. Chữ “thần” là thần kỳ; kỳ diệu không thể nghĩ tưởng; “hiển diệu” là sáng đẹp; “thụy” là tướng lạ, tướng tốt; “thù” là thù thắng; “diệu” là vi diệu. Vừa rồi tôi nhắc với mọi người:

- Ngày ngày ở Niệm Phật Đường niệm A Di Đà Phật, tướng hảo quang minh của bạn có thể sánh được với Thích Ca Mâu Ni Phật không?

- Chắc chắn là không như nhau!

- Vì sao không như nhau?

- Thích Ca Mâu Ni Phật thật niệm; bạn ở nơi đây là giả niệm, khác biệt chính ngay chỗ này! Niệm Phật của chúng ta còn xen tạp quá nhiều vọng tưởng, cho nên nếu không thể được dung nhan phát sáng, chính mình phải sám hối, phải hổ thẹn, phải thương hay phản tỉnh nhắc nhở mình, hi vọng chính mình đồng mãnh tinh tấn.

“*Nguyện vị tuyên thuyết*” (Xin tuyên nói cho):

A Nan thỉnh cầu đức Phật nói nguyên nhân vì sao tướng Phật hôm nay đẹp lạ đến như vậy? Chúng ta đều muốn nghe. Ngôn từ thỉnh giáo của A Nan đến đây là hết.

KINH VĂN:

Ư thị Thế Tôn Cáo A Nan ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Nhữ vị ai mãn lợi lạc chư chúng sinh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa. Nhữ kim tư vấn, thắng ư

cúng dường nhất thiên hạ A-la-hán, Bích Chi Phật, bố thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyên phi nhuyển động chi loại, công đức bách thiên vạn bội. Hà dĩ cố? Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh giai nhân nhữ vấn nhi đắc độ thoát cố.

VIỆT DỊCH:

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo A Nan rằng:

Lành thay! Lành thay! Ông vì thương xót, lợi lạc các chúng sinh nên có thể hỏi nghĩa vi diệu như vậy. Ông nay hỏi như thế hơn cả công đức cúng dường một thiên hạ A-la-hán, Bích Chi Phật, bố thí suốt nhiều kiếp cho chư thiên, nhân dân, các loài ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn đến trăm ngàn vạn lần. Vì có sao? Vì chư thiên, nhân dân, hết thấy hàm linh trong tương lai sẽ đều do lời hỏi của ông mà được độ thoát!

GIẢNG:

“U’ thị Thế Tôn cáo A Nan ngôn” (Khi ấy đức Thế Tôn bảo A Nan rằng). Chữ “cáo” là người trên nói với kẻ dưới; thầy nói với trò thì dùng chữ “cáo”. Học trò nói với thầy phải dùng chữ “bạch”, đây là “kính từ”, là ngữ khí tôn kính. Đoạn kinh trên là lời đáp của đức Bổn Sư. “Thiện” là tốt. “Thiện tai!” (Lành thay - Sadhu) là lời khen ngợi.

Theo Trí Độ Luận: *“Lành thay, lành thay, nói đến hai lần là tỏ sự vui mừng vậy”*.

Sư Tịnh Ảnh bảo lời hỏi của A Nan *“xứng cơ, đương pháp, hợp thời”* nên đức Phật khen ngợi.

Sách Bình Giải cho rằng *“vì lời hỏi đó tương xứng tâm Phật”*.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Phật hai lần dùng chữ “*Thiện tai*” chính là khen ngợi ngài A Nan hỏi rất hay, rất có ý nghĩa. Chữ “*Thiện tai*” thứ nhất khen ông đã thể hội, nhận ra được tâm tư của Phật. Chữ “*Thiện tai*” thứ hai, khen ngợi lời hỏi của A Nan rất đúng lúc, phù hợp với cơ duyên chúng sinh chín muồi, nhân câu hỏi này mà Phật giảng về Pháp môn Tịnh Độ.

“*Nhữ vị ai mãn, lợi lạc chư chúng sinh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa*” (Ông vì thương xót, lợi lạc các chúng sinh nên có thể hỏi nghĩa vi diệu như thế). “*Ai mãn*” là thương xót, là bi tâm dẹp khổ; “*lợi lạc*” là từ tâm ban vui. Chúng sinh từ vô lượng kiếp đến nay đã mê mất đi chính mình. Người giác ngộ thấu suốt sự việc này nên khởi tâm đồng cảm thương xót vô hạn. Phật khen A Nan: Ông nay vì muốn dẹp tan nỗi khổ của hết thầy chúng sinh nên mới hỏi nghĩa vi diệu như vậy.

Từ câu “***nhữ kim tư vấn***” (ông nay hỏi như thế) cho đến hết đoạn kinh đều nói về công đức lời hỏi của Ngài A Nan.

Nên biết “***nhất thiên hạ***” (một thiên hạ) là một đại châu tức là một tinh cầu. “***Nhất thiên hạ***” chính là một trong “*tứ thiên hạ*”. “*Tứ thiên hạ*” chính là bốn đại châu vây quanh bốn phía núi Tu Di: Một là Nam Thiệm Bộ Châu (tức là địa cầu), hai là Đông Thắng Thần Châu, ba là Tây Ngưu Hóa Châu, bốn là Bắc Uất Đan Châu.

Sau này, trong lần giảng “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa” (tức Kinh Vô Lượng Thọ giảng lần thứ mười một), Hòa Thượng Tịnh Không có giải thích về “tứ thiên hạ” như sau: “Tứ thiên hạ” tức trú trong bốn phương của núi Tu Di. Nhà Phật nói vũ trụ là đơn vị thế giới; đơn vị thế giới đó chính là “hệ Ngân Hà” mà các khoa học gia hiện nay đề cập đến. Một ngàn đơn vị thế giới như thế cũng chính là một ngàn hệ Ngân Hà gọi là một “Tiểu thiên thế giới”. Một ngàn “Tiểu thiên thế giới” là một “Trung thiên thế giới”. Một

ngàn “Trung thiên thế giới” là một “Đại thiên thế giới”. Đây là phạm vi giáo hóa của một vị Phật.

- Phạm vi này lớn bao nhiêu?

- Mười ức “hệ Ngân Hà” ($1000 \times 1000 \times 1000 = 10$ ức) nên khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là mười ức “hệ Ngân Hà”. Núi Tu Di là trung tâm của “hệ Ngân Hà”, hiện nay khoa học gọi trung tâm này là “Hắc Động”. Lực dẫn của “Hắc Động” này rất lớn, đến ánh sáng cũng bị nó hút vào, vẫn không thể tồn tại.

Trong dự ngôn của người Maya (danh từ này có thể viết sai!), Châu Mỹ thì năm 2012 là năm “Ngân Hà đổi tề”, sẽ xảy ra hiện tượng thiên văn này, nghĩa là trung tâm của hệ Ngân Hà cùng Thái Dương và địa cầu sẽ sắp thành một hàng thẳng. Cơ hội này mấy vạn năm mới có một lần. Lần này, năm 2012 chúng ta sẽ gặp. Các nhà khoa học rất lo lắng về hiện tượng này có thể phát sinh ra thảm họa, do lực dẫn của Hắc Động quá lớn.

- Thảm họa này là gì?

- Bão mặt trời tức thái dương hắc tử dẫn phát sẽ gây sức ảnh hưởng đến địa cầu như phun trào núi lửa và sóng thần nghiêm trọng. Đây là Phật pháp nói về thiên văn học, so với thiên văn học ngày nay cũng rất thú vị. Nhưng Phật pháp, trong Kinh Hoa Nghiêm nói quá lớn, không phải điều mà các nhà thiên văn học hiện nay có thể vươn tới!

Đức Phật nói: Công đức câu hỏi của ngài A Nan hơn hẳn “Cúng dường ‘Nhất thiên hạ’ A-la-hán, Bích chi Phật; bố thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyên phi nhuyển động chi loại, công đức bách thiên vạn bội”.

- Có thật vậy chăng? Chúng ta có thể tin chăng?

- Là thật không phải giả!

Chúng ta giảng kinh nơi đây rất nhiều đồng học ngồi trước màn hình vi tính đều có thể thấy được rõ ràng. Chúng ta trải qua chế phát, dùng vệ tinh truyền đi, trên vệ tinh có thể xem được. Nhưng, đức Phật không cần phiền phức như vậy, bất luận ngài giảng kinh ở đâu, âm thanh và hình ảnh của ngài lập tức được phát ra, tốc độ nhanh hơn tia sóng điện. Trong “Hoàn Nguyên Quán” nói rất rõ là “chu biến pháp giới”. Sóng điện không vượt ra khỏi địa cầu này, cũng không có sức mạnh lớn đến thế.

Đức Phật giảng kinh, ngài không cần đến bất cứ loại máy móc nào, ngài dùng bản năng trong tự tánh, năng lực này rất lớn, lập tức “chu biến pháp giới”, không những mười ức hệ ngân hà, phạm vi giáo hóa của Phật đều nhận được mà trong vũ trụ bao la này còn có không biết bao nhiêu tam thiên đại thiên thế giới khác cũng đều nhận được. Không những nhận được mà còn lập tức nhận được ngay, tuyệt đối không có chênh lệch thời gian. Hiện nay, chúng ta dùng sóng điện, sóng ánh sáng, tốc độ này không nhanh lắm, một giây là ba mươi vạn cây số. *Trong tự tánh chúng ta, bản năng của hiện tượng dao động là “nhất niệm chu biến pháp giới”.*

“*Nhất niệm*” này, như Bồ Tát Di Lạc nói: Trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế. Niệm vi tế đó chính là “nhất niệm”.

Nghe nói gần đây các nhà thiên văn học phát hiện cách quả đất chúng ta khoảng một trăm hai mươi mấy năm ánh sáng có một Thái dương hệ, trong đó có năm hành tinh, mà cự ly, sau khi thông qua quan sát tinh mật, sự biến hóa của khí hậu cũng gần giống như chúng ta, nhất định ở đó có người ở. Cho thấy dần dần họ phát hiện sẽ giống như trên kinh Phật nói.

Trên kinh Phật nói trong biến pháp giới, hư không giới có rất nhiều tinh cầu, mỗi tinh cầu đều có chúng sinh cư trú, chỉ là tầng

không gian khác nhau, chúng ta không nhìn thấy được. Trong Thái dương cũng có chúng sinh, đó là một đám lửa, họ không có lửa thì không thể sinh tồn! Cho nên, giữa vũ trụ bao la này không có chuyện kỳ lạ gì mà không có!

Hiện nay quốc gia gặp nhiều thiên tai, tôi không thể giảng ở trong nước, Hồng Kông sát cạnh quốc gia, tôi giảng ở đây, đem công đức giảng Kinh Vô Lượng Thọ này hồi hướng cho đất nước. Đó là vì sao tôi ngừng giảng Kinh Hoa Nghiêm để giảng kinh này. Hy vọng có thể giúp khu vực này hóa giải thiên tai, hy vọng đất nước an định, mọi điều bình an; cũng bao gồm phía đông khu vực này; phía Bắc là Hàn quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Phi Luật Tân, bên cạnh là Việt Nam, một khu vực như vậy.

Lần này tôi đặc biệt giảng chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ông chú giải quá hay. Khi viết chú giải này, sức khỏe ông không được tốt. Tôi có đến thăm ông mấy lần. Ông ngày đêm không nghỉ. Sau khi hoàn thành chú giải không bao lâu thì ông vãng sinh. Tôi vô cùng cảm tạ ông nên giảng chú giải này một lần lưu lại cho hậu nhân làm kỷ niệm.

Tóm lại, nhờ công đức tinh pháp của ngài A nan mà nhân đây Phật mới khai mở pháp môn Tịnh Độ. Công đức đó thật vô cùng thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn!

“Bồ thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyên phi nhuyển động chi loại, công đức bách thiên vạn bội” (Bồ thí rất nhiều kiếp cho chư thiên, nhân dân, các loài ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn đến trăm ngàn vạn lần):

“Kiếp” là cách gọi tắt của “Kiếp-ba” (Kalpa) của tiếng Phạn, dịch là “Trường thời”. Trí Độ Luận nói: *“Núi đá to bốn mươi dặm, có người trường thọ, cứ mỗi trăm năm lại đến một lần, dùng chiếc*

áo mềm mại phát qua. Khi hòn đá ấy đã bị phẩy đến mòn nát hết cả rồi mà kiếp vẫn chưa tận”.

“*Quyên*” là ngọc nguậy, chỉ cho loài trùng nhỏ.

“*Quyên phi*” là loại trùng nhỏ biết bay.

“*Nhuyễn động*” còn đọc là “*nhụ động*” (bò trườn) là loại trùng không chân, chỉ đi bằng cách bò.

- Lời hỏi của A Nan vì sao có công đức đến thế?

- Vì “*đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh giai nhân nữ vấn nhi đắc độ thoát có*” (chư thiên nhân dân, hết thảy hàm linh trong tương lai đều nhân lời hỏi của ông mà được độ thoát). “*Hàm linh*” là loại có linh tánh, tức là chúng sinh. Nhờ câu hỏi của ngài A-Nan nên hôm nay đức Phật giảng pháp môn Tịnh Độ, pháp môn đại viên mãn mà chư Phật Như Lai đều dùng để hóa độ chúng sinh.

Pháp môn này là “*Phàm thánh tề thâm, lợi độn tất bị, hoành siêu tam giới, kinh đặng tứ độ*” (Thâm trọn phàm thánh, lợi độn cùng được độ, hoành siêu tam giới, chóng lên bốn cõi Tịnh Độ) được chư Phật khen ngợi, được các kinh luận cùng nêu là “*nhất thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng qui*” chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh trong tương lai đều do pháp này mà được độ thoát. Vì vậy, đức Phật khen ngợi công đức lời hỏi của ngài A-Nan thật vô cùng thù thắng. Đặc biệt là trong thời mạt pháp, nếu có thể vì tất cả chúng sinh mà thành pháp, lợi ích này sẽ vô cùng lớn, so với thời quá khứ không hề như nhau.

Ngày trước, khoa học kỹ thuật chưa phát triển, mời pháp sư giảng kinh nói pháp chỉ có thính chúng ở hiện trường đó được lợi ích, thính chúng ngoài hiện trường không cách chi được lợi ích. Cho dù trong thính chúng đó có người phát tâm ghi chép lại những lời

giảng của Pháp sư, sau đó in thành sách để lưu thông trong đời, số lượng này vẫn rất là có hạn nên sức ảnh hưởng không thể nào mở rộng.

Hiện tại, máy móc tiến bộ, ngày càng đại chúng hóa, chúng ta ở một nơi giảng kinh, toàn thế giới đều có thể tiếp sóng nghe được. Đường truyền quốc tế còn có hình ảnh, âm thanh, văn tự gần như đồng thời đều có thể xem thấy. Cho nên, công đức thỉnh pháp so với quá khứ thật không biết là mở rộng đến bao nhiêu lần. Từ chỗ này chúng ta thể hội: Phật nói pháp, sức ảnh hưởng càng lớn, mức ảnh hưởng càng sâu, chúng sinh ảnh hưởng càng nhiều. Tất cả chúng sinh nhờ pháp môn này mà được độ nên công đức A Nan thỉnh pháp trước đây sẽ càng lớn, việc này chúng ta phải nên biết. Cho nên, khi A Nan vừa hỏi, đức Thế Tôn liền tán thán, công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn!

KINH VĂN:

A Nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, cắng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng u thế, quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi, nan trị nan kiến, như Ưu Đàm hoa, hi hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiêu ích.

VIỆT DỊCH:

A Nan! Như Lai do vô tận đại bi, xót thương tam giới, cho nên xuất hiện trong đời, quang xiển đạo giáo, muốn cứu vớt quần manh, ban cho điều lợi chân thật, khó gặp khó thấy, như hoa Ưu Đàm ít khi xuất hiện. Nay lời hỏi của ông gây lợi ích rất nhiều.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn này, đầu tiên Phật nói bốn hoài của Như Lai vì sao ứng hóa ở thế gian này. Nói **Như Lai** không nói Thế Tôn, ý nghĩa này rất rộng. Mười phương thế giới có vô số chư Phật Như Lai, có rất nhiều Pháp Thân Đại Sĩ, mỗi giờ mỗi phút ứng hóa ở thế gian này, như trong phẩm “Phổ môn” nói: “*Đáng dùng thân gì để độ; Phật, Bồ Tát liền hiện ra thân đó để độ*”, chúng sinh có thể nghe được những pháp môn nào, Phật liền vì mọi người nói ra pháp môn đó, đây là ứng cơ nói pháp.

- Vì sao Phật phải thị hiện đến thế gian này?

- “***Dĩ vô tận đại bi, cãng ai tam giới***”. Do vô tận đại bi, xót thương tam giới mà Phật thị hiện đến thế gian này. Chữ “vô tận” chính là ý nghĩa chẳng có cùng tận. “*Cãng ai*”: Chữ “*cãng*” là thương tiếc; “*ai*” là ai mãi; chính là thương xót chúng sinh. “*Tam giới*” là ba cõi: Dục giới, Sắc giới, và Vô Sắc giới. Thiện căn, phước đức của chúng sinh đã đến lúc chín muồi. Chỉ cần chúng sinh có ý niệm tha thiết mong cầu giải thoát, không còn có tâm ưa thích thế gian; chư Phật, Bồ Tát liền sẽ hiện thân đến giúp họ. Hiện thân, đây không phải chỉ hiện một loại thân mà có thể là vô lượng, vô biên thân, có thể đồng thời đồng nơi, đồng thời khác nơi, đồng nơi khác thời. Sự thị hiện của Phật, Bồ Tát rất tự tại, không hề có chút chướng ngại. Chỗ này, trên Kinh Hoa Nghiêm nói là “*sự sự vô ngại*”.

“***Sở dĩ xuất hưng u thế***” (Sở dĩ xuất hiện trong đời): Đức Phật vì thương xót hết thảy chúng sinh trong tam giới nên xuất hiện trong đời. Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện u thế” (Chư Phật Thế Tôn do một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong đời). Đức Thế Tôn cũng vì một đại sự nhân duyên nên tuyên nói nguyện lực của Phật A Di Đà để phổ độ chúng sinh.

“Quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi” (Quang xiển đạo giáo, muốn cứu vớt quần manh, ban cho điều lợi chân thật). Ba câu này có thể nói là sự nghiệp cả đời của đức Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Quang*” là quang đại, sáng sủa, rộng lớn, “*xiển*” là xiển dương, mở bày. “*Đạo*”, ý nghĩa của chữ này có rất nhiều như: Phật đạo, Bồ Tát đạo, Thanh Văn đạo, Thiên đạo, nhân đạo v.v..., đây là chánh thuyết. Nếu nói một cách khái quát, có thể bao gồm tất cả pháp môn. Chữ “*dục*” là sở nguyện đại bi của đức Thích Ca. “*Chứng*” là cứu giúp; “*quần manh*” là chỉ cho chúng sinh trong sáu cõi, đặc biệt là trong ba đường ác. Chúng sinh trong sáu cõi do mê mắt tự tánh, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều trái ngược với chân tướng sự thật, đó chính là tạo nghiệp. Nghiệp mà họ tạo tác nhất định sẽ chiêu cảm thành quả báo.

Hiện tượng của sáu cõi là do nghiệp lực mà biến hiện ra. Nghiệp lực có thiện, có ác: Thiện nghiệp biến hiện ra ba đường thiện, ác nghiệp biến hiện ra ba đường ác. Tiêu chuẩn của thiện ác là tự lợi và lợi tha. Nếu trong cuộc sống thường ngày chúng ta tạo tác chỉ vì “tự lợi”, không màng đến “lợi tha”, thậm chí còn tổn hại người khác, đó là ác nghiệp. Nếu tự lợi đồng thời cũng quan tâm đến lợi tha, đây là “tiểu thiện”. Nếu có thể xả mình vì người, chỉ cần xã hội đại chúng có được lợi ích, nếu phải hy sinh chính mình cũng cam tâm tình nguyện, đó là “đại thiện”. Thiện nghiệp cảm phước báo trời người. Ác nghiệp cảm địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Sáu cõi do đây mà có.

Có người hỏi: - Địa ngục, thiên đường ở đâu? Nếu khoa học không trưng ra chứng cứ, họ sẽ không tin!

Vào thế kỷ trước, có người nêu ra: Địa cầu này là quả đất hình tròn đang chuyển động, lúc ấy tuyệt nhiên không có người tin còn đem người này đi treo cổ, xử tử hình, cho rằng họ nói xằng bậy! Hiện tại hoàn toàn đã chứng minh rồi! Người đó bị chết oan uổng!

Địa ngục đích thật có người thấy, cũng có người đi qua. Nhưng họ nói, mọi người vẫn không tin, cho rằng họ đang gạt! Muốn chính mình phải đích thân nhìn thấy mới tin, đó là người rất khó độ!

Gần đây, khoa học gia phát hiện có nhiều tầng không gian khác nhau, gọi là: Không gian ba độ, không gian bốn độ v.v... Duy thứ không gian càng cao, cảnh giới càng không thể nghĩ bàn! Thực tế, không gian của địa ngục, ngạ quỷ, chư thiên v.v... không cùng không gian duy thứ với chúng ta, nên chúng ta không thể nào nhìn thấy họ. Chư Phật, Bồ Tát có năng lực siêu việt tất cả không gian duy thứ, có thể tự do, tự tại bước vào không gian bốn độ, không gian năm độ v.v... thậm chí đến không gian vô hạn độ. Họ có thể rộng độ tất cả chúng sinh. Theo cách nói này, khoa học gia chấp nhận, tuy họ không hoàn toàn tin tưởng, nhưng trên lý luận là có thể.

Ngày nay, khoa học tuy không ngừng tiến bộ, phát triển, nhưng mong cầu tìm ra phương pháp có thể đột phá được tầng không gian duy thứ, vẫn chưa tìm ra. Nếu tìm được, họ có thể chứng minh có sáu cõi luân hồi.

- Phật pháp dùng phương pháp gì để đột phá?

- Sự việc này chỉ có Phật biết!

- Không gian duy thứ phải chăng vốn dĩ đã có? Do đâu mà hình thành? Phật nói:

- Vốn dĩ không có! Pháp giới chỉ là “Nhất Chân”, làm gì có nhiều thời không cách biệt lớn đến như vậy, không hề có! Thế nhưng, ngày nay nó vẫn là sự thật! Phật nói: Đó là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng sinh mà biến hiện ra. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng sinh vô lượng, vô biên nên không gian duy thứ cũng vô lượng, vô biên. Trên kinh Phật nói mười pháp giới, chính là mười không gian duy thứ khác nhau. Giống như chúng ta xem kênh

đài truyền hình có mười kênh đài khác nhau. Kỳ thật kênh đài là vô lượng, vô biên. “Mười” là đại biểu cho vô tận, không phải là số tự thật.

- Làm thế nào đột phá?

- Đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông bỏ thì đột phá! Ngay khi ấy, chín pháp giới, tất cả hàm linh bạn đều thấy cả; tận hư không khắp pháp giới bạn cũng đều tiếp xúc được.

“*Huệ dĩ chân thật chi lợi*”: “*Huệ*” là ban cho, cũng có nghĩa là “*ân tứ*” (thưởng cho).

Theo Thiên Đạo Đại Sư: “*chân thật chi lợi*” là cái lợi chân thật phát xuất từ thệ nguyện của Phật Di Đà.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Chân thật chi lợi*”, ý nghĩa câu này rất sâu. Chữ “chân thật” biểu thị phải tương ứng với Chân như Bồ tát, lợi ích này mới chân thật. Nếu không tương ứng với Chân Như tự tánh, lợi ích này không phải chân thật; nói cách khác: Không được viên mãn. Ví như bạn đang chịu khổ ở đường ác; Phật, Bồ Tát liền đến giúp bạn thoát khỏi đường ác, sanh đến nhân thiên. Lợi ích này tuy có nhưng không chân thật; vì đến nhân thiên, con người vẫn còn phải luân hồi đọa lạc! Nhân gian gặp được Phật pháp Đại thừa, có thể y giáo phụng hành, vượt thoát ba cõi, sáu đường, chứng quả A-la-hán, Bích Chi Phật hay Bồ Tát, đó là lợi ích rất lớn nhưng vẫn chưa viên mãn nên không xem là lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật phải giúp bạn “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Cho nên, hai chữ “chân thật” ở đây, xác quyết là chỉ cho Đại thừa giúp bạn kiến tánh, đoạn hết “Kiến tư phiền não”, “Trần sa phiền não”, “Vô minh phiền não”, lợi ích này mới chân thật.

Người Trung Quốc trí tuệ, hơn hai ngàn năm về trước, Phật pháp từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, họ chỉ tiếp nhận Phật pháp

Đại thừa, không tiếp nhận Tiểu thừa, đây là lợi ích chân thật. Trong lợi ích của Phật pháp Đại thừa, trình độ “chân thật” cũng không như nhau. Bồ Tát có bốn mươi một giai đoạn, đầu tiên là “Thập Tín” thì không nói đến, vì “Thập Tín” chưa phá được vô minh. Nói cách khác, “Viên giáo Thập Tín Vị” có thể nói là được đại lợi ích nhưng chưa phải là lợi ích chân thật. Từ Sơ Trụ trở lên mới là chân thật. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác có bốn mươi một ngôi thứ; “chân thật” có lớn, nhỏ không như nhau; “chân thật” cứu cánh viên mãn là “Viên giáo Phật quả”. Cho nên, “*chân thật chi lợi*” bốn chữ này nếu nói theo nghĩa rộng là đã “phá được một phẩm vô minh, chứng được một phần Pháp Thân”; nếu nói theo nghĩa hẹp là chứng được “Viên giáo Phật quả”, mới là lợi ích chân thật.

- Thích Ca Mâu Ni Phật có ban cho chúng ta “chân thật chi lợi” hay không?

- Có!

- Sao tôi vẫn chưa tiếp nhận được?! Phật đưa hỏi nào? Sao tôi không biết?!

- Phật đưa rồi mà bạn vẫn không biết, làm sao bạn có được thọ dụng!

- Lợi ích chân thật này là gì?

- Là bộ Kinh Vô Lượng Thọ dạy bạn ngay trong đời này thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn, không giống như pháp Đại thừa khác không làm được.

Ngày nay, bản kinh này theo tôi ước tính số lượng hiện tại lưu thông đã vượt qua con số mười triệu quyển. Bạn có được bản kinh này, chính là Thế Tôn đã đem lợi ích chân thật này tặng cho bạn. Phía trước đã nói qua, mỗi ngày bạn đem kinh này, từ đầu đến cuối đọc qua một lần. Mỗi lần đọc là một lần mười phương tất cả chư

Phật Như Lai quán đánh cho bạn. Thử xem, bạn được bao nhiêu phước báo? Tôi nói như vậy bạn cũng chưa tin!

- Phật quán đánh cho tôi, sao tôi không hề có cảm giác?!

- Không sai! Bạn không có cảm giác Phật quán đánh cho bạn vì bạn không có tiếp nhận!

- Làm thế nào mới có thể tiếp nhận?

- Phải có tín tâm, có nguyện tâm, phải biết lý giải: “Tín, giải, hành, chứng”. Cái “chứng” này chính là tiếp nhận, cảm thọ được sự thương yêu gia trì của Phật đối với bạn, đó là “lợi ích chân thật”.

Đại Sư Thiện Đạo nói rất hay: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*”. Đó chính là “*huệ dĩ chân thật chi lợi*”. Đây mới là Như Lai trên quả địa thực hiện đại nguyện: “*Chúng sinh vô biên thế nguyện độ*”, ngài không nói suông. Có thể nói: Chư Phật Như Lai ở thế gian, nếu không nói bộ kinh này thì trái với bốn nguyện của các ngài. Các kinh khác có thể không giảng, nhưng bộ kinh này không thể không giảng. Vì sao? Vì các kinh khác, pháp môn kinh luận, mức độ ứng cơ không rộng, chỉ dành cho một số đối tượng đặc thù.

Trong Thiên tông, Đại Sư Huệ Năng đã nói rõ trên Đàn Kinh: Đối tượng của ngài là người “thượng thượng căn”. Hay nói cách khác, người thượng, trung, hạ căn nhất định không có phần! Đó không phải là pháp môn phổ độ, hơn nữa thành tựu cũng không phải là cứu cánh viên mãn. Họ có thể giúp bạn “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, cao nhất cũng không vượt qua Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh vị, chỉ cao đến đó. Đây không phải là bốn hải của chư Phật độ chúng sinh.

Tất cả chư Phật độ chúng sinh, luôn hy vọng chúng sinh mau thành Phật, bình đẳng làm Phật giống như các ngài. Không như người

thế gian chỉ thành tựu chính mình; nếu có giúp người khác, chỉ mong sự thành tựu của họ phải kém hơn mình một chút. Đó là tâm luân hồi của phàm phu. Riêng tôi, cũng mong muốn học trò tôi mau thành tựu, tất cả đều có thể vượt qua tôi, vậy là tôi thoát hưu được rồi! Ngày ngày du sơn ngoạn thủy, thật an vui, tự tại dường nào! Tôi hy vọng mọi người vượt qua tôi, đã nghĩ như vậy đến mười mấy năm rồi!

Tóm lại, bình đẳng làm Phật chỉ có Pháp môn Tịnh Độ, Cổ đức nói: *“Có thể khiến cho người ‘ngũ thừa’ được vào Báo độ”*, đó là tán thán cực điểm đối với pháp môn Tịnh Độ. Hơn nữa, tán thán không chút nào khoa trương, Thế Tôn cũng như A Di Đà Phật trên kinh này đều nói: Chỉ cần sinh đến Tây Phương Cực Lạc, không luận bạn thuộc đẳng cấp nào, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí, đại đức xưa chú giải rất rõ, đó là Thất Địa trở lên. Nên biết: phải đời đời kiếp kiếp khó nhọc tu hành mới có thể chứng được quả vị Sơ Trụ. Từ Sơ Trụ đến Thất Địa phải trải qua hai A-tăng-kỳ kiếp tu hành; mới thấy được các pháp môn khác tu khổ cực dường nào!

Trong Niệm Phật Đường này của chúng ta, người niệm Phật căn tánh lanh lợi chỉ mấy ngày liền có thể thành tựu. Người căn tánh chậm lụt, từ ba đến năm năm cũng thành tựu, chứng tỏ người thế gian niệm Phật từ ba đến năm năm, kết quả vượt qua Pháp Thân Đại Sĩ hai A-tăng-kỳ kiếp. Đây mới gọi là *“chân thật chi lợi”*.

Niệm Phật hồng danh thật quá ư huyền diệu! Phương pháp này dạy ta phải “phát tâm Bồ Đề, một lòng chuyên niệm”. Nếu chỉ “một lòng chuyên niệm”, không “phát tâm Bồ Đề” thì ngay đời này bạn chưa thể thành tựu, chỉ là kết thiện duyên với Phật A Di Đà mà thôi. Nếu “phát tâm Bồ Đề”, niệm Phật dù ít cũng có thể vãng sinh.

Đại Sư Ngẫu Ích trong Kinh Di Đà Yếu Giải nói: *“Người niệm Phật có thể vãng sinh hay không là do có tín nguyện hay không. Tín, nguyện là tâm Bồ Đề, sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc,*

phẩm vị cao thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Công phu niệm Phật cạn, phẩm vị vãng sinh thấp. Công phu niệm Phật sâu, phẩm vị vãng sinh cao?”. Lời của Đại Sư nói chính là ý của Phật Di Đà.

- Làm sao biết được là ý của Phật A Di Đà?

- Ấn Tổ nói với chúng ta: “*Kinh A Di Đà mà Đại Sư Ngẫu Ích chú giải đích thật là bốn ý của Phật A Di Đà*” cho nên, tâm Bồ Đề phải phát.

- Làm thế nào phát tâm Bồ Đề?

- Đại Sư Ngẫu Ích nói trong Yếu Giải: “*Một lòng chuyên chú cầu sinh Tịnh Độ, tâm này chính là tâm Vô thượng Bồ Đề*”. Nếu đối với thế gian còn có vướng mắc, bận lòng, tâm Bồ Đề của bạn chưa phát! Bạn chưa triệt để buông bỏ! Cho nên, người phát tâm Bồ Đề, đối với thế, xuất thế gian pháp đều phải buông bỏ, tâm địa thanh tịnh, một trần không nhiễm. Sau đó, một lòng chuyên niệm, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, như vậy mà niệm Phật, quyết được vãng sinh. Đây là lợi ích chân thật. Chỉ có phương pháp này mới chân thật mãn nguyện nguyện của tất cả chư Phật cứu hộ chúng sinh.

“*Quang hiển đạo giáo*” là hoằng pháp, “*dục chứng quản manh, huệ dĩ chân thật chi lợi*” là lợi sanh, quyết không vì chính mình. Có thể lợi ích tất cả chúng sinh mới chân thật là lợi ích chính mình. Mỗi niệm vì quang đại Phật pháp, chỉ có Phật pháp mới có thể cứu độ tất cả chúng sinh trong mười pháp giới.

- Chúng ta phát tâm xuất gia là vì mục đích gì?

- Chính vì sự việc “hoằng pháp lợi sinh”. Cho nên, nhất định phải làm tốt, phải “y giáo phụng hành”, cụ thể là: Năng tín, năng giải, năng nguyện, năng hành. Những gì trên kinh Phật dạy nên làm, chúng

ta quyết tâm nỗ lực mà làm. Những gì Phật dạy không nên làm, chúng ta nhất định tuân thủ; không những thân không làm mà ý niệm cũng không khởi, vậy mới chân thật là học Phật. Học Phật là học tập với Phật.

“Nan tri, nan kiến” (khó gặp, khó thấy): **“Nan tri”**: **“tri”** là gặp, **“kiến”** là thấy; **“nan tri nan kiến”** là khó gặp, khó thấy. Chúng ta từ trong Di Lặc Hạ Sinh Kinh có thể thấy: Sau khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, sức ảnh hưởng của ngài suốt bốn mươi chín năm hành đạo, trong Phật pháp gọi là **“Pháp vận”**. **“Pháp vận”** của Thích Ca Mâu Ni Phật là mười hai ngàn năm.

Căn cứ theo ghi chép của người Trung Quốc, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến nay là ba ngàn, không trăm hai mươi mấy năm. Như vậy, **“Pháp vận”** của ngài còn khoảng chín ngàn năm. Sau chín ngàn năm, thế gian này không có Phật pháp. Mãi đến khi Bồ Tát Di Lặc hạ sinh, thị hiện ở nhân gian thành Phật, phải đợi đến gần năm mươi bảy ức vạn năm. Khoảng trống thời gian này quá dài không có Phật pháp, chân thật là **“nan tri, nan kiến”** (khó gặp, khó thấy). Lại nữa, chúng ta trôi lăn trong sáu cõi luân hồi, đời đời kiếp kiếp xả thân, thọ thân, không thể nói mỗi lần được thân người đều được nghe Phật pháp. Không thể nào có! Nếu dễ có như vậy chúng ta đều sớm đã thành Phật rồi, đâu còn là phàm phu. Cho nên, Phật thường nói: **“Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”**, cơ hội này quá ít!

Khi tôi học Phật, tôi theo lão cư sĩ Lý Bình Nam mười năm. Thầy Lý mỗi tuần giảng kinh hai lần, suốt ba mươi tám năm không hề gián đoạn. Mỗi lần thầy lên lớp giảng kinh, tôi chưa từng để lỡ qua một lần nào. Thịnh thoảng bên ngoài mời thầy đi giảng, chúng tôi cũng đi theo. Chúng tôi phát tâm làm chúng thường tùy của thầy, đại khái có khoảng hai, ba mươi người hoàn toàn không vắng mặt buổi giảng nào. Đó là chúng tôi sâu sắc hiểu rõ cơ hội này hi hữu khó

gặp, trừ khi lâm bệnh thì hết cách! Bất cứ nhân duyên nào cũng đều không thể trở ngại.

“*Như Ưu Đàm hoa, hi hữu xuất hiện*”: Hoa Ưu Đàm (Udumbara) còn gọi là hoa Đàm. Loại hoa Đàm ở thế gian chúng ta nở vào nửa đêm, thời gian nở rất ngắn; chỉ sau hai, ba giờ đồng hồ thì úa tàn. Muốn xem hoa Đàm, nhất định phải đợi đến nửa đêm mới có thể xem thấy. Đây là hình ảnh biểu trưng cho sự hi hữu khó gặp. Sau này, trong lần giảng “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa”, Hòa Thượng Tịnh Không lại một lần nữa đề cập đến hoa Ưu Đàm này, có thêm vài chi tiết có phần mới mẻ và khác biệt hơn trước, xin nêu ra đây:

Hoa Ưu Đàm có chỗ dịch là Linh Thụy Hoa. Lá nó giống như lá cây lê, quả lớn bằng nắm tay, vị ngọt, không hoa mà kết trái. Tuy có hoa nhưng rất ít khi thấy được hoa. Hoa Ưu Đàm xuất hiện ở vùng nhiệt đới, gần đường xích đạo như ở Mã Lai, Úc Châu v.v... đều có hoa này. Hoa nở lúc mười hai giờ đêm, vừa nở chỉ khoảng trong mười phút nó liền khép lại.

Kinh Bát Niết Bàn chép: “*Hữu tôn thụ vương, danh Ưu Đàm Bát, hữu thực vô hoa, nhược kim hoa sanh giả, thế nãi hữu Phật*”(Có loại cây tôn quý là vua của các loài cây, tên là Ưu Đàm Bát, có trái, không hoa. Nếu nó sinh kim hoa, trong cõi đời bèn có Phật).

Kinh Văn Thù Hiện Pháp Tạng lại chép: “*Vô Phật thế, hữu thực vô hoa*”(Nhằm đời không có Phật, cây ấy chỉ có trái chứ không có hoa).

Vì thổ nhưỡng và khí hậu không giống nhau, Hòa Thượng tin rằng chắc chắn không phải chỉ có một loại Ưu Đàm, mà rất nhiều loại: Có loại kết trái, có loại không kết trái, có loại hoa Đàm mỗi năm đều nở, thời gian nở rất ngắn cũng vào lúc mười hai giờ đêm. Căn cứ vào kinh điển cho thấy hoa này rất hi hữu, khó gặp, chỉ khi Phật xuất

thể mới nở, được ví như giáo pháp chân thật của Phật khó có thể gặp gỡ. Quả thật là khó thể gặp được.

Kinh điển từ xưa đến nay, số lượng lưu thông không lớn. Nhờ sự tiến bộ khoa học, những năm gần đây, tuy việc lưu thông so với trước kia thù thắng hơn nhiều, nhưng trong toàn cả Phật môn, số đông đại chúng tu hành, khi nghe đến bộ kinh này hoan hỉ tín thọ phụng hành vẫn là thiểu số!

- Do nguyên nhân gì?

- Nhất định phải do cơ duyên thành Phật đã đến, họ gặp kinh này mới có thể sinh tâm hoan hỉ. Đông đảo đại chúng có mấy ai mong muốn trong một đời này thành Phật? Đương nhiên là số rất ít! Thử nghĩ: Cư dân trên địa cầu có khoảng sáu mươi lăm ức người. Trong số đó, người tín ngưỡng Phật chỉ có trên dưới sáu ức người. Trong sáu ức người này, có bao nhiêu người thật sự gặp được Phật pháp? Nếu phân tích đến tận cùng, thật chẳng còn lại bao nhiêu! Thảm nghĩ chính mình là một trong thiểu số nhóm người đó. Thật vô cùng may mắn, không phải dễ dàng!

“Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiêu ích” (Nay lời hỏi của ông, gây nhiều lợi ích): Phật nói lời này thật không chút quá đáng. Nhân lời hỏi của A Nan mà bản hoài của đấng Thích Tôn được mở toang, hoằng nguyện của Phật Di Đà được tỏ rõ, nên Phật bèn đem pháp chân thật này giải bày hầu lợi ích tất cả chúng sinh. Hiểu được đạo lý này, chúng ta có thể đem Pháp môn, kinh điển này tái bản, in ấn càng nhiều càng tốt để lưu thông giới thiệu cho mọi người thì lợi ích này cùng lợi ích của lời A Nan khai thính Phật không hai, không khác.

KINH VĂN:

A Nan! Đương tri Như Lai Chánh Giác kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại, năng u niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp, thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm. Sở dĩ giả hà? Như Lai Định Tuệ, cứu sống vô cực, u nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tư tại cổ. A Nan để thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết.

VIỆT DỊCH:

A Nan nên biết: Chánh Giác của Như Lai là trí khó lường, chẳng có chướng ngại, có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp, thân và các căn chẳng bị tăng, giảm. Vì có sao thế? Định Tuệ của Như Lai đã trọn vẹn cùng tột đến vô cực, do với hết thảy pháp đều được trụ tại tối thắng. A Nan nghe kỹ, khéo nghĩ nhớ lấy ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.

GIẢNG:

“A Nan! Đương tri Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại” (A Nan! Nên biết Chánh Giác của Như Lai là trí khó lường, chẳng có chướng ngại). Bốn câu này là “Bát Nhã Đức” trong Tam Đức. Đức Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta chế định giới luật, cấm kỵ chúng ta chớ tự khen mình, chê người mà phải khiêm tốn; vì sao chỗ này, Phật hình như chính mình lại tự khen mình? - Đây là Phật từ bi đến tột đỉnh! Thực tế là bất đắc dĩ, lo cho bạn không tin tưởng, Phật đành phải tán thán mình vài câu, hy vọng bạn hiểu rõ mà sinh khởi tín tâm kiên định đối với Phật. Có sinh khởi tín tâm bạn mới có thể được lợi ích chân thật. Nếu tín tâm đối với Phật không đủ, đại pháp có tốt thế mấy cũng sẽ lỡ qua ngay trước mặt! Đó mới là thật đáng tiếc!

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tín là chiếc nôi của mọi công đức*”, câu này rất quan trọng! Hơn nữa, tín tâm cũng là căn nguyên để thành Phật đạo. Trí tuệ Như Lai “*Vô sở bất tri, vô sở bất năng*”, là trí tuệ viên mãn cứu cánh nên nói khó lường. Hai chữ “*nan lượng*” (khó lường) này rất sâu. Công năng của thức thứ sáu trong tám thức rất lớn: Đối với bên ngoài là “Pháp tướng” nó có thể duyên đến hư không pháp giới; đối với bên trong, có thể duyên đến A-lại-da, nhưng không duyên đến được tự tánh.

Chúng ta biết, khoa học hiện nay phát triển về cả hai phương diện: Phương diện lớn là “thế giới vĩ quan” nghiên cứu về đại vũ trụ hư không vật lý, “thế giới vi quan” là nghiên cứu từ chỗ nhỏ nhất là lượng tử lực học, khảo sát nguyên tử, điện tử, hạt căn bản v.v... Trên thực tế, sự nghiên cứu và phát triển của họ về “thế giới vĩ quan” và “thế giới vi quan” đã đến tận cùng, không thể nào phát triển thêm được nữa. Về “vũ trụ vĩ quan”, họ nói chỉ thấy được mười phần trăm của toàn thể vũ trụ, còn chín mươi phần trăm của vũ trụ thì hoàn toàn không thấy! Về thế giới vi quan họ khảo sát đến nguyên tử, điện tử, lượng tử. Trong kinh Phật nói là “*cực vi chi vi*” (vi tế trong cực kỳ vi tế) cũng có thể liên quan đến lượng tử.

Nhưng trong lượng tử có thế giới, điều này khoa học chưa phát hiện. Trong vi trần có thế giới, trong thế giới còn có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Nó nhỏ đến không có bên trong! Việc này khoa học càng chưa thể phát hiện được! Họ chỉ biết, biến pháp giới hư không giới, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần đều do tiểu quang tử biến hiện ra. Họ còn nói thế giới này chỉ có ba thứ: Năng lượng, tin tức và vật chất. Trong khi đó đức Phật nói về “Tam tế tướng” của A-lại-da gồm:

- “*Nghiệp tướng*” của A-lại-da (khoa học gọi là năng lượng).
- “*Chuyển tướng*” của A-lại-da (khoa học gọi là tin tức).

- “*Cảnh giới tướng*” của A-lại-da (khoa học gọi là vật chất).

“*Tam tế tướng*” của A-lại-da mà Đức Phật đã nói từ ba ngàn năm về trước, ba ngàn năm sau các nhà khoa học mới phát hiện được, cũng rất đáng nể. Hiểu được điều này mới thật sự tin phục trí tuệ của Như Lai là từ tự tánh vốn có, phát hiện từ trong Định.

Chữ “Chánh Giác” ở đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là giác trí chân chánh, chứng ngộ hết thấy các pháp, là chân trí của Như Lai, nên thành Phật gọi là thành Chánh Giác.

Tịnh Ảnh Sớ viết: “*Như lai Chánh Giác gọi chung là Phật trí*”. Trí ấy rất sâu không thể nghĩ bàn nên bảo là “*nan lượng*” (khó suy lường) chỉ có Phật với Phật mới hiểu được tường tận, “*Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*”, ngay đến Bồ Tát Đẳng Giác cũng không cách nào hoàn toàn hiểu được. Chữ *Như Lai* ở đây bao gồm tất cả mười phương chư Phật, không riêng gì đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Gia Tường Sớ viết: “*Nói ‘trí Chánh Giác của Như Lai khó lường’ là ý nói: Chân trí mâu nhiệm đến cùng tuyệt, chiếu soi tột cùng pháp giới, chẳng phải là điều kẻ hạ căn, phàm tình hòng biết được nổi*”.

- Vậy ai có thể cảm nhận được?

- Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát trở lên mới cảm nhận được. Tuy tập khí vô thi vô minh của họ chưa đoạn nhưng nó ảnh hưởng không lớn! Đối với cảnh giới sáu trần, họ không còn khởi tâm động niệm, họ siêu việt mười pháp giới. Phật trong mười pháp giới thì không được! Bởi họ vẫn còn khởi tâm động niệm, vẫn còn dùng A-lại-da không phải dùng tự tánh, tự tánh mới là chân tâm. Từ Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát trở lên mới chuyển A-lại-da thành Đại Viên Cảnh Trí, tức là đã chuyển “Thức” thành “Trí”. Họ đã tỉnh giấc mộng trong

“Thập pháp giới”, “Thập pháp giới” không còn thì trí-tuệ chân thật tuyệt diệu mới hiển bày, chiếu soi cùng tận pháp giới.

Sách Bình Giải viết: *“Nương vào Chánh Giác là nương vào Nhất Như của Phật Di Đà để thành Chánh Giác. Ứng Thân ấy chính là bản địa thân. Trí ấy khó lường ... Niệm Phật tam-muội là sở trụ (chỗ để an trụ, pháp để an trụ), do trụ vào đấy bèn phát sinh được diệu trí thù thắng”*.

“Nương vào Di Đà Nhất Như” là nương vào A Di Đà Phật gia trì mà đến thị hiện. Đây cũng lộ ra một chút tin tức: Pháp Thân Đại Sĩ từ thế giới Cực Lạc đến thị hiện giúp tất cả chúng sinh khổ nạn; bất luận họ hiện thân gì đều là *“thừa Di Đà Nhất Như”* tức là nương theo sức oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì mà đến. Cho nên, trí-tuệ đức năng của họ đều không khác với Phật A Di Đà. Đức Thích Ca Mâu Phật cũng có thể là *“thừa Di Đà Nhất Như”*, mà *“lai thành Chánh Giác”*.

Trí tuệ của Ứng Thân Như Lai không khác gì với Pháp Thân và Báo Thân; trí tuệ này rất khó lường. *“Niệm Phật tam-muội là sở trụ”*, do trụ trong tam-muội này mà phát trí tuệ thắng diệu. “Thắng” là thù thắng; “diệu” là vi diệu. Do thắng diệu chân trí chiếu soi Chân Như, lại có thể thông đạt tất cả các pháp không có trở ngại nên gọi là *“vô hữu chướng ngại”*. Chân Như là “Thật Trí”; thông đạt tất cả pháp là “Quyền Trí”. Cả hai loại trí-tuệ này trong tự tánh đều vốn đủ, không phải từ ngoài vào. Cho nên, Phật giáo Đại thừa thường nói: *“Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”*.

“Năng ư niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp” (Có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp): Chữ *“niệm khoảnh”* chỉ thời gian rất ngắn. Bản dịch Kinh Hoa Nghiêm đời Tấn có câu: *“Tri vô lượng kiếp thị nhất niệm, tri nhất niệm tức thị vô lượng kiếp”* (Biết vô lượng kiếp là một niệm, biết một niệm chính là vô lượng kiếp). Theo cụ

Hoàng Niệm Tổ: “*Sự kéo dài hay rút ngắn đồng thời nói trên giống với kinh này. Điều này đủ chứng minh Kinh Vô Lượng Thọ chẳng khác gì Kinh Hoa Nghiêm. Thích Tôn là Tỳ Lô, Ứng Thân Giáo Chủ nơi thế giới này của chúng ta cũng chính là Pháp Thân Vô Lượng Thọ Phật. Thích Ca và Tỳ Lô, Di Đà chẳng một, chẳng khác!*”

“*Năng ư niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp*” là nêu ra thí dụ. Cổ đức nói: Cảnh giới này là “sự sự vô ngại” diễn biến đồng thời, đó là đột phá được hiện tượng thời gian. Đây là chân tướng sự thật! Sự việc này thật không dễ hiểu!

- Làm sao có thể đem thời gian rút ngắn được?

- Kỳ thật, việc này cũng không khó thể hội. Ví như một người nằm mộng, trong Bút Ký nói về “giấc mộng hoàng lương”, thời gian người đó nằm mộng rất ngắn. Trong mộng thấy mình đã trải qua mấy mươi năm. Khi tỉnh dậy, hoàng lương vẫn chưa nấu chín (hoàng lương là một loại gạo tiểu mễ, đem tiểu mễ nấu cơm). Đây há chẳng phải là thu gọn mấy mươi năm trong vài mươi phút đó sao?

Cho nên con người có thể trở về với quá khứ cũng có thể sớm đi vào tương lai. Hiện nay, trong tiểu thuyết khoa học giả tưởng nói về “Đường hầm của thời gian và ánh sáng”. Đây là biểu tượng nói lên tất cả pháp từ tâm tướng sinh. Người này khi tưởng về tương lai thì tương lai cũng có thể biến thành sự thật. Cho nên, bản năng tự tánh của chúng sinh siêu việt thời gian lẫn không gian.

Nếu đột phá được hiện tượng thời gian, hiện tượng không gian đó chính là “*vô lượng thọ*” mà thế giới Tây Phương Cực Lạc đã nói. Không những chỉ tuổi thọ vô lượng mà thứ nào cũng đều vô lượng: Trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, thị hiện vô lượng, nói pháp vô lượng v.v.... Hiện tại mọi người ưa thích của cải, vàng bạc; vàng bạc, của cải ở thế giới cực lạc cũng vô lượng! Muốn có tất cả vô lượng viên mãn, bạn phải nỗ lực tu học pháp môn này, nhất định

sẽ có thể thành tựu; pháp môn khác thì chưa chắc, vì cái bạn đạt được chỉ là có hạn!

“Năng ư niệm khoảnh trụ vô lượng ức kiếp”: Sự diễn biến đồng thời này hiện tại khoa học gọi là siêu việt “Thời Không” (tức là siêu việt cả thời gian lẫn không gian). Siêu việt “Thời Không”, con người có thể tùy tiện quay về quá khứ hoặc bước đến tương lai. Quá khứ, hiện tại, tương lai sẽ không có; muốn nghe Phật Di Đà giảng kinh nói pháp, hiện trường của thế giới Cực Lạc ra sao? Lập tức liền hiển hiện ngay trước mặt, “thập vạn ức cõi Phật” xem như chẳng cách một tơ hào đoạn.

- Làm thế nào mới có thể siêu việt?

- Lìa tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì siêu việt! Có phân biệt, chấp trước mới có thời gian và không gian. Khi “minh tâm kiến tánh” thì không gian và thời gian không còn nữa, họ đã đột phá được “Thời không”.

Ngày nay, chúng ta không cách nào siêu việt “Thời Không”, do trùng trùng chướng ngại của không gian và thời gian chi phối, lại không thể buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên không được tự tại. Tường tận hiểu rõ, phải mau buông xuống thì Niệm Phật mới được tương ưng. *“Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”*, mỗi danh hiệu Phật đều tương ưng với tâm tánh của bạn, tương ưng với Phật A Di Đà, tương ưng với mười phương Như Lai, cảnh giới liền sẽ hiện tiền, sự việc này đáng để chúng ta tỉ mỉ mà suy xét.

Các nhà khoa học hiện đại vẫn dùng tâm ý thức phân biệt mà nghiên cứu vũ trụ nên khám phá của họ chỉ phát hiện được mười phần trăm của vũ trụ, còn chín mươi phần trăm của vũ trụ thì hoàn toàn không thấy!

- Vậy chín mươi phần trăm của vũ trụ này ở đâu?

- Trong kinh Phật nói: Đã trở về tự tánh! Đấng Giác vừa đạt đến Diệu Giác liền đi vào “Thường Tịch Quang”; vào Thường Tịch Quang thì không thể nào nhìn thấy. Vì Thường Tịch Quang không phải là hiện tượng tinh thần, cũng không phải là hiện tượng vật chất nên không thể nào truy cứu được nó. Đây giống như một đại tuần hoàn. Ý này rất sâu sắc! Trên thực tế chúng ta vẫn chưa thể thấu triệt!

Trong phẩm “Thọ lượng” trên kinh Tối Thắng Vương có bài kệ: “*Nhược nhân trụ ức kiếp, tận lực thường toán số, diệc phục bất năng tri, Thế Tôn chi thọ lượng*” (Nếu ai trụ ức kiếp, tận lực thường tính toán, cũng chẳng biết được nổi thọ lượng của Thế Tôn). Nay kinh này dạy trong khoảng một niệm trụ vô lượng kiếp thì đây chính là môn “*Thập thế cách pháp dị thành môn*” trong mười huyền môn “sự sự vô ngại” pháp giới của Kinh Hoa Nghiêm. Nên nhớ: “Hoa Nghiêm” có “*thập huyền*”, Kinh Vô Lượng Thọ cũng có “*thập huyền*” nên cùng với Kinh Hoa Nghiêm là đồng một bộ, trong những kinh khác không có “*thập huyền*”.

“*Thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm*” (Thân và các căn chẳng có tăng giảm): Biểu trưng thân Phật thù diệu chẳng thể nghĩ bàn (thù là thù thắng, diệu là vi diệu). Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Vô hữu tăng giảm*” đồng nghĩa với “*bất sinh bất diệt*”. Siêu việt thời gian, không gian thì vô hữu lai khứ, bất lai bất khứ. Đây là bản năng của tánh đức, cũng là trên sự mà nói: Phật đã chứng đắc nên sự thị hiện của ngài rất tự tại, không có chướng ngại.

“*Thân cập chư căn*”: “*Thân*” là thân thể, “*chư căn*” là sáu căn. Thân và các căn không tăng không giảm, đó cũng chính là vô lượng thọ. Chúng ta đã đọc qua kinh này, người của thế giới Tây Phương Cực Lạc không có già yếu, chúng ta có già yếu. Già yếu

chính là có tăng, có giảm, có biến hóa. Căn thân chúng ta mỗi năm không như nhau, năm sau già hơn năm trước, già đi rất nhanh.

Con người thể gian đích thật là “say sồng mộng chết” mơ mơ hồ hồ mà trải qua ngày tháng! Thời gian qua nhanh, cơ hội này nếu không nắm bắt thì phải làm sao?! - Phải mau nắm lấy! Bạn không nắm lấy, qua vài ngày thì bạn đã già, thể lực đều suy, có muốn làm cũng không thể làm được ! Cơ hội qua đi thì duyên bị cắt đứt, muốn tạo một ít phước cũng không có cơ hội! Loại người này thật đáng thương!

“*Thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm*” còn có một thâm nghĩa áo mật: “*Thân*” là *Pháp thân*. *Pháp thân* là một hiện tượng, hiện tượng này chúng ta không cách gì lý giải được, nhưng nó thật sự tồn tại. *Pháp Thân* không phải là tinh thần cũng không phải là vật chất. Tiến Sĩ Giang Bồn Thắng dùng nước làm thí nghiệm.

- Nước có thân hay không?

- Có thể nói: Phân tử nước chính là thân của nó. Nước không có mắt nhưng biết nhìn; không có tai nhưng nghe được, thậm chí cũng hiểu ý nghĩa của con người. Nói cách khác, tuy nước không có hình tướng, nhưng tác dụng sáu căn nó vẫn có. Cùng một đạo lý như vậy, chúng ta hiểu được: Một hạt bụi cũng có thể xem, nghe, hiểu biết ý nghĩ của con người. Cho đến trạng thái nguyên tử, lượng tử v.v... mắt chúng ta không thể nhìn thấy nhưng tác dụng lục căn của nó vẫn là viên mãn. Nếu hỏi:

- Qui có thân thể không?

- Không có thân thể vật chất, cũng chính là không có mắt, tai, mũi, lưỡi. Họ giống như cơn gió, có tụ có tán. Trong các lễ tiết đốt pháo trúc; pháo trúc này sẽ làm họ nổ tung, vừa nổ thì họ phân tán, cũng có cảm giác rất đau khổ. Nhưng, sau khi qua rồi, họ dần

dẫn tụ lại với nhau. Họ có “kiến, văn, giác, tri”, có thể nhìn, có thể nghe và hiểu được ý nghĩ của con người. Nhưng, chúng ta thì không thấy họ.

“*Thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm*” (thân và các căn chẳng có tăng giảm) ý nói: Phật thân tốt đẹp phi thường. Do ngài trụ vào bốn địa Pháp Thân mà thị hiện Ứng Thân nên đầy đủ đức của viên mãn Báo Thân. Thế nên chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, trong mười pháp giới, thân thật của họ là Pháp Thân, Báo Thân. Pháp Thân là thể, Báo thân là tướng cũng khởi tác dụng. Ở cõi Thật Báo, “Ứng hóa thân” gọi là “Phân thân”. Tuy ứng hóa ở thế gian nhưng thân họ ở cõi Thật Báo, vẫn ở trước Phật nghe kinh, cúng dường, tu phước tu tuệ không gián đoạn.

- Ứng hóa là gì?

- Giống như “phân thân”, đồng thời có thể phân trăm, ngàn, vạn ức thân. Đây là “Xuất sanh vô tận”, một trong ba loại chu biến mà trong “Hoàn Nguyên Quán” nói. Nơi nào chúng sinh có cảm, nơi đó lập tức liền có ứng, Không phải là từ đâu đến mà ngay nơi hiện tiền.

Bởi Pháp Thân có khắp cả mọi nơi, nên cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn! Người thật sự giác ngộ, biết được đạo lý này, thấu đáo được chân tướng sự thật, họ khởi tâm động niệm đều rất cẩn trọng. Vì sao? Vì vô lượng vô biên, vô số, vô tận người đều đang nhìn bạn. Bạn làm sao có thể dấu được chư Phật, Bồ Tát, trời đất qui thần, muôn sự muôn vật, ngay đến hạt bụi, hạt cát, một đầu sợi lông đều có “kiến, văn, giác, tri”, có “thọ, tưởng, hành, thức”.

Lúc mê gọi là “thọ, tưởng, hành, thức”, lúc ngộ gọi là “kiến, văn, giác, tri”, đây là khởi tác dụng của Pháp tánh. Lúc chưa khởi tác dụng dường như không có gì cả, cũng không thể nói nó không có. Khi khởi tác dụng thì thứ gì cũng có, cũng không thể nói nó là có.

Sum la vạn tượng là huyền tướng, bao gồm cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là do Pháp Tánh sở sanh, sở hiện, nó bất biến nên gọi là “Nhất Chân Pháp giới”. Ngoài cõi Thật Báo; mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều vĩnh viễn không ngừng khởi biến hóa, đây là “xuất sanh vô tận”.

- Thứ gì đang chủ tể tất cả pháp?

- Phật nói: *“Tất cả pháp từ tâm tướng sinh”*, tâm tướng chủ tể tất cả pháp. Cho nên, ý niệm rất quan trọng! Bạn ngày ngày niệm A Di Đà Phật thì ở cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, cảnh giới A Di Đà Phật bốn địa phóng quang, vậy chẳng phải quá tốt rồi sao?

- Chúng ta niệm Phật vì sao cảnh giới không hiện tiền?

- Vì không biết niệm! Trong câu danh hiệu Phật của bạn có xen tạp, có hoài nghi, có tạp niệm, hơn nữa thường thường gián đoạn, cho nên bạn cảm thấy không có lợi ích! Nói cách khác, danh hiệu Phật của bạn và tâm của Phật A Di Đà không liên kết với nhau!

Cổ nhân nói: Nếu con thật sự nhớ mẹ, mẹ cũng thật sự nhớ con. Lúc họ nhớ nhau liền có cảm ứng. Chúng ta và Phật A Di Đà phải giống như liên hệ mẹ con thì mới được. Cổ Đức nói: *“Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”*. Cho nên, trên hình thức không phải rất quan trọng mà thực chất mới quan trọng. Phải xem thế giới Cực Lạc là nhà xưa của mình, xem Phật A Di Đà là cha mẹ mình.

Chúng ta xa rời nhà xưa, lạc mất phương hướng, đến đây làm việc luân hồi lục đạo. Hiện tại nghe được giáo huấn của đức Thích Ca Mâu Ni Phật, mới rõ ràng tường tận. Sau khi hiểu rõ, phải nhanh chóng nhận tổ qui tông, việc này rất quan trọng! Nhất định không nên đem việc sinh tử để vào tâm. Niệm niệm đều phải tương ưng với Phật A Di Đà. Ta ở đây phát ra sóng niệm Phật, sẵn sàng chờ đợi,

nghe theo sự sắp đặt của Phật A Di Đà, bao giờ ngài đến đón, ta sẽ đi theo ngài. Phật chưa đến, nhất định ta còn một số công việc chưa hoàn thành cần ở lại:

- *Một* là ở thế gian này tiếp tục tu hành, nâng cao cảnh giới của chính mình, vẫn thù thắng hơn ở thế giới Cực Lạc. Đây là điều trong kinh Phật nói: “Ở Thế giới Ta Bà thật sự tu hành một ngày bằng ở thế giới Cực Lạc tu một trăm năm”. Vì sao? Vì ở thế giới Cực Lạc không có sự cám dỗ. Nơi đây, sức cám dỗ quá nhiều! Nếu không bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc thì bản thân ta tuy chưa đại triệt đại ngộ nhưng thanh tịnh, bình đẳng đã đạt được rồi.

- *Hai* là tiếp tục giúp chúng sinh khổ nạn. Thế giới này, người có duyên với Phật A Di Đà không ít. Chúng ta phải làm tấm gương tốt để tiếp dẫn họ, giúp họ nhận biết được Phật A Di Đà, nhận biết thế giới Tây Phương Cực Lạc. Khi nhận biết rồi, họ cũng có thể phát nguyện, cũng có thể thật làm. “Chánh pháp cứu trụ, tục Phật tuệ mạng” rất cần chúng ta nghiêm túc thực hành, đây không phải khẩu hiệu mà phải làm cho được.

Trong “Hoàn Nguyên Quán” có nêu ra bốn đức phải làm cho được, ấy là “Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác, nhu hòa chất trực, đại chúng sinh khổ”.

Ngày nay, Phật pháp suy thoái, xã hội đại chúng không tin tưởng là do tự thân chúng ta chưa làm được, nên xã hội đại chúng chưa nhìn thấy Chánh pháp thật sự, đạo lý là ở đây.

Chúng ta do mê thất tự tánh quá lâu nên “trí-tuệ, đức năng, tướng hảo” vốn có của chính mình đã biến thành “vọng tưởng, tạo nghiệp, tướng luân hồi lục đạo”! Từ thế giới Cực Lạc biến thành lục đạo; từ Báo Thân có vô lượng tướng hảo, vô lượng vẻ đẹp thành tướng địa ngục; nga qui, súc sinh, A-tu-la v.v... đều là tự làm tự chịu, tự mình gây ra, chẳng do nơi người khác! Ý niệm vừa chuyển thì

người khác đều là Phật, Bồ Tát, đều đại từ bi thị hiện đến để độ ta, khiến ta giác ngộ; thấy được mỗi chúng sinh đều trụ trong bản địa Pháp thân. Đây là bạn đã nhập vào được thế giới của Thiện Tài Đồng tử. Cảnh giới của Thiện Tài rất đơn giản: “Phàm phu chỉ có mình ta, ngoài ta ra đều là Phật, Bồ Tát” nên ngài một đời thành Phật.

Tóm lại, nếu chúng ta niệm Phật vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bốn câu “*năng u niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp, thân cạp chư căn, vô hữu tăng giảm*” (Có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp, thân và các căn chẳng bị tăng giảm) chúng ta đều có phần. A Di Đà Phật như vậy, thế giới Tây Phương Cực Lạc mỗi một người vãng sinh cũng đều như vậy. Rất không thể nghĩ bàn!

“Sở dĩ giả hà? Như Lai Định Tuệ, cứu sống vô cực” (Vì có sao thế? Định Tuệ của Như Lai đã trọn vẹn cùng tột đến vô cực). Đây cũng là “Báo Thân Đức”. “*Như Lai Định Tuệ*” là tự tánh Định Tuệ. “Định” là Thiền định, “Tuệ” là trí tuệ. “Giới-Định-Tuệ” gọi là “Tam vô lậu học”. Trong tất cả pháp thế, xuất thế gian đều phải giữ qui củ, giữ pháp tắc đó chính là “Giới”. “Cứu” là cứu cánh, rốt ráo cùng tột.

“Sống” là thông suốt, hanh thông không chướng ngại. Ý của câu “*Như Lai Định Tuệ cứu sống vô cực*” là chỉ cho thiền định, trí tuệ của Phật đã thông suốt trọn vẹn đến cùng cực, chẳng phải là điều mà hết thầy các Đại Sĩ còn ở địa vị tu nhân (chỉ cho Thập Tín Bồ Tát) có thể đạt đến nổi.

Từ Sơ Tín đến Lục Tín vẫn chưa rời khỏi lục đạo, “Thất Tín” mới xa rời lục đạo. “Thất Tín” ngang bằng với A-la-hán. “Lục Tín” là Tam Quả thánh nhân chưa siêu việt lục đạo. “Bát Tín” là Bích Chi Phật. “Cửu Tín” là Bồ Tát. “Thập Tín” là Phật trong mười pháp giới, chưa ra khỏi mười pháp giới; nếu đoạn được khởi tâm động niệm, họ

liền chúng Sơ Trụ nhập vào cõi Thật Báo mới siêu việt mười pháp giới.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa đến Đẳng Giác có bốn mươi một vị thứ gọi là Pháp Thân Đại Sĩ. Những ngôi vị này đã chứng được quả vị “*Phần chứng tức Phật*” trong “*lục tức Phật*” như Đại Sư Thiên Thai nói. Từ Bồ Tát Viên Giác Sơ Trụ trở lên, giống như trăng non lưỡi liềm, đó là ánh sáng thật của trăng không phải giả. Thế nhưng, ánh trăng của ngày mười lăm tròn đầy viên mãn, mới là quả vị cứu cánh cao tột. Do vậy mà bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ cũng có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, đủ mười đức hiệu Như Lai. Nhưng, chỉ có Như Lai Phật quả cứu cánh mới là quả vị viên mãn.

Nên biết: Người thấy tánh (kiến tánh), Định-Tuệ của họ tuyệt đối không giống như Nhị thừa hay Bồ Tát trong mười pháp giới. Bồ Tát trong mười pháp giới chưa kiến tánh; Phật trong mười pháp giới cũng chưa kiến tánh, chỉ tương đương với Bồ Tát Viên Giác Thất Tín. Nhưng trí tuệ, đức tướng của Bồ Tát Thất Tín vị cao hơn họ rất nhiều. Do đây có thể biết: Phật trong Tạng giáo chỉ có thể đến Bồ Tát Cửu Tín, Thập Tín vị, vẫn chưa đến Sơ Trụ, cũng chính là nói “vô minh” của họ chưa phá. Bồ Tát Sơ Trụ đã phá được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân nên được đại tự tại. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong Pháp giới Bốn Thánh chỉ được tự tại nhỏ.

“*Cứu sống vô cực*” là từ trên quả vị mà nói; “quả vị” ở đây là thành Phật, cũng chính là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. “*Cứu sống*” chính là vô ngại. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói “Pháp giới tứ vô ngại” là: Lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại và sự sự vô ngại. Hai chữ “*vô cực*” này rất quan trọng, cho thấy chữ “Như Lai” phía trước không phải là Như Lai thông thường mà là Như Lai cứu cánh viên mãn; Pháp Thân Đại Sĩ đối với câu này vẫn chưa làm

được. “*U nhất thiết pháp nhi đắc tối thắng tự tại cố*” là “Giải Thoát Đức”. “Tự tại” ở đây chính là “Chân Ngã”, là chủ thể, là “Ngã” trong tứ Tịnh Đức: “Thường-Lạc-Ngã-Tịnh”.

- “Chân Ngã” đến lúc nào mới chứng được?

- Trong Viên giáo là Sơ Trụ Bồ Tát, trong Biệt giáo là Sơ Địa Bồ Tát mới chứng được.

Trong lục đạo, thập pháp giới nói “Ngã”, đó chỉ là “giả Ngã” không phải thật. Khi đạt đến “Chân Ngã” mới vào được cõi Thật Báo, vĩnh viễn thoát ly thập pháp giới. “Thường” là “Đức Niết Bàn”, là bất sinh bất diệt. Huệ Năng Đại Sư nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt*”, đó là “Thường”. “Lạc” là vĩnh viễn xa lìa tất cả mọi khổ não từ vật chất cho đến tinh thần, “Ngã” là tự tại tối thắng, tự tại chủ thể, “Tịnh” là tự tánh vốn là thanh tịnh. Huệ Năng Đại Sư nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”.

Hiện tại, tu hành quan trọng nhất là phải bắt tay từ trì giới. Không trì giới mà niệm Phật, công phu sẽ không đắc lực. Không trì giới mà học kinh giáo, cái học đó là “Phật học”, không phải trí tuệ! Ngày nay, chúng ta phải thật làm, không thể làm giả. *Giới luật như tấm vé tàu hỏa. Tấm vé này phải giữ đến cuối cùng không được vứt bỏ, sẵn sàng cho bất cứ lúc nào họ muốn kiểm tra vé cũng đều có. Lúc đến tận nơi, vé này sẽ trả lại họ. Cũng thế, lúc chưa thành Phật, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn phải trì giới, mãi đến quả vị Diệu Giác, “Giới-Định-Tuệ” Tam Học mới viên mãn, việc này không thể sơ suất được.*

“*U nhất thiết pháp nhi đắc tối thắng tự tại cố*” (Đối với hết thảy các pháp đều được tự tại tối thắng). Chữ “*tối thắng*” cùng với ý nghĩa của “*cứu sống vô cực*” ở phía trước là như nhau, đều chỉ cho quả vị cứu cánh. Tâm thoát khỏi sự trói buộc của phiền não, thông đạt vô ngại, đó là “*tự tại*”. Hơn nữa, chẳng toan tính mà đạt được, hết

thầy vô ngại nên gọi là “*tự tại*”. Đối với tất cả pháp đều “*tối thắng tự tại*”, chính là “*sự sự vô ngại*”.

Thế gian hiện tại động loạn bất an, người người cảm thấy không an toàn, chân thật là tâm cuồng ý loạn, đau khổ không kể xiết!

Thân này, hoàn cảnh này đều là giả không thật thì có gì phải ưu tư cho lắm! Nơi nơi đều bình an! Bom nguyên tử có nổ trên không trung cũng xem như là đốt pháo bông. Có như vậy mới tự tại bình an không việc gì. Cho nên, tất cả không bình an đều do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà ra.

Kinh Kim Cang nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh*”, không thứ nào là thật. Thân giả, thế giới giả, ngay đến Phật pháp cũng giả, Phật nói: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn phải xả, huống là phi pháp). Chữ “*pháp*” này là Phật pháp. Chữ “*xả*” chính là không chấp trước, không phân biệt, không vọng tưởng. Đó là Phật dạy chúng ta phương pháp được tự tại.

Mặt khác, Phật còn dạy chúng ta phải sinh tâm hoan hỷ, đó là chất bổ dưỡng tốt nhất không gì bằng. Khoa học ngày nay điều chế rất nhiều thứ dinh dưỡng, vẫn chưa thể sáng chế được “*pháp hỷ dinh dưỡng*”! Chỉ trong Phật pháp mới có. Cổ nhân nói: “*Người gặp việc vui tinh thần thoải mái*”. Trong kinh Phật nói: Người trời Sơ thiên trở lên, không cần ăn uống ngủ nghỉ. Họ đã xả bỏ hết năm dục: Tài, sắc, danh, thực, thù.

Vậy từ trời Sơ thiên trở lên, dùng thứ gì để nuôi dưỡng thân họ? Thiên duyệt vi thực! “*Thiên duyệt*” là niềm vui trong Thiên định. Niềm vui này chính là thức ăn dinh dưỡng tốt nhất cho họ. Đời sống nhân gian cũng có thể như vậy, nếu bạn đối với công việc có sinh tâm ưa thích, hứng thú thì được. “*Tâm sinh pháp, pháp sinh tâm*”: “*Tâm sinh pháp*” chính là chân tâm. “*Pháp sinh tâm*” là vọng tâm. Phật, Bồ Tát cùng chúng sinh khác nhau ở chỗ này. Các ngài dùng là

chân tâm nên tự tại, an lạc trong tất cả mọi cảnh giới. Chúng sinh dùng là vọng tâm, luôn bị hoàn cảnh mê hoặc, áp chế điên đảo nên không được tự tại.

Chúng ta học Phật phải học theo đời sống của chư Phật, Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm nói có ***mười loại tự tại***, đây đều là tánh đức:

1. Mạng Tự Tại

“*Bồ Tát đắc tuệ mạng trường thọ, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trụ trì thế gian chẳng có chướng ngại*”. Trái lại phàm phu chúng ta do nghiệp lực xoay chuyển nên thọ mạng rất ngắn ngủi.

Người xem tướng đoán mạng có thể đoán mạng bạn rất chuẩn xác, chứng tỏ bạn vẫn là phàm phu chưa phải Thánh nhân. Đối với chư Phật, Bồ Tát họ không thể đoán được. Vì sao? Vì các ngài không có mạng! Không có mạng mới là trường thọ; có mạng đều là đoản mạng!

- Làm thế nào chuyển đoản mạng thành trường thọ?

- Chỉ có trong Phật pháp, ngoài Phật pháp ra, bất cứ phương pháp khoa học nào cũng không làm được. Phật pháp đích thật có thể chuyển đoản mạng thành Vô Lượng Thọ.

- Phương pháp ở chỗ nào?

- Chính ngay trên bộ Kinh Vô Lượng Thọ này!

- Thọ mạng vì sao không được tự tại?

- Vì do nghiệp lực xoay chuyển nên không tự tại! Bạn đến thế gian để nhận chịu quả báo đời trước: hoặc đến để hưởng phước, hoặc đến để chịu tội. Muốn tự tại, bạn phải có năng lực chuyển nghiệp lực thành nguyện lực.

- Cách chuyển như thế nào?

- Khi chưa chuyển, mỗi niệm đều vì ta, vì sở hữu của ta, vì quyền thuộc của ta v.v... đó là “*ngiệp lực*”. Bạn phải đem những ý niệm này chuyển thành mỗi niệm vì tất cả chúng sinh, mỗi niệm vì Phật pháp cứu trụ thế gian. Ý niệm vừa chuyển, cái ta trong bạn không còn nữa, “*ngiệp lực*” trước đây của bạn đã kết thúc một giai đoạn, kế tiếp là “*nguyện lực tái sinh*”; “*nguyện lực tái sinh*” thì bạn được tùy ý tự tại. Bạn muốn ở thế gian này bao lâu đều không có chương ngại, muốn vắng sinh lúc nào cũng đều tùy ý. Vì sao? Vì *nguyện lực* của bạn đã làm chủ! Then chốt chính là ý niệm này. Phạm thánh chỉ cách nhau một niệm.

- Đạo lý “*chuyển phàm thành Thánh*” đã rõ rồi, sao bạn không chịu chuyển?! Sao bạn không làm được?!

- Do tập khí quá nặng của vọng tưởng, phân biệt, chấp trước từ vô lượng kiếp đang khống chế bạn! Thế nhưng nên biết, tập khí đó vẫn là hư vọng không thật, nhất định có thể đoạn.

Bồ Tát Mã Minh trong “*Khởi Tín Luận*” nói: “*Bất giác vốn không*”, “*vốn không*” đương nhiên có thể đoạn; “*Bổn giác vốn có*” thì chắc chắn có thể hồi phục. Ý niệm vừa chuyển, “*bổn giác vốn có*” liền hiện tiền. Phải lý giải thấu triệt sự lý này, bạn mới thật tin, mới chịu thật làm. Nếu nói:

- Tôi tin nhưng không thể làm được!

- Cái tin đó là giả không phải thật! Thật tin thì nhất định phải làm được.

2. Tâm Tự Tại

“*Bồ Tát dùng trí tuệ phương tiện điều phục tự tâm, nhập được vô lượng đại tam-muội, du hí thần thông không chương ngại*”. Đoạn này nói với chúng ta tâm phải Định, tự tánh vốn bản Định. Đại sư Huệ Năng nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn không dao động*”. Chân tâm

là bất động, vọng tâm là động. Tâm tự tại thường ở trong Định, thường sinh trí tuệ. “Đại tam-muội” là đại Định; trong thập pháp giới họ “du hí thần thông” không có chương ngại. “Du hí thần thông” là giáo hóa chúng sinh, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ.

Ngày nay, tâm chúng ta không tự tại, phiền não âu lo rất nhiều! Chân thật muốn tự tại, phải buông bỏ hết tất cả mọi vọng tưởng, phiền não, lo lắng, vướng bận v.v..., trong tâm chỉ trụ trong câu A Di Đà Phật. Tâm tự tại có được là do công phu niệm Phật, khi sáu căn vừa tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, ý niệm vừa khởi thì “A Di Đà Phật” đánh bật đi vọng niệm, đây chính là bạn hàng phục được vọng tâm. Mỗi niệm trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, tâm trụ ở câu “A Di Đà Phật” thì làm gì không thấy được Phật chứ!

Trên Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai tất định kiến Phật*”. Bao gồm tất cả ý niệm đều là nghiệp luân hồi. Cho nên, đối với tất cả thế gian, ở mọi lúc mọi nơi, đối nhân xử thế tiếp vật nên xem tất cả đều là A Di Đà Phật: Người tốt là A Di Đà Phật, người xấu cũng là A Di Đà Phật; đó là bạn biết dụng công, tâm bạn có năng lực biến họ thành A Di Đà Phật – “Tướng tùy tâm chuyển”. Thuận cảnh là A Di Đà Phật; nghịch cảnh cũng là A Di Đà Phật, tâm bạn mới tự tại vào được Niệm Phật tam-muội.

3. Tư Cụ Tự Tại

Bồ Tát có thể dùng vô lượng trân bảo, các thứ vật dụng để trang nghiêm hết thảy thế giới một cách thanh tịnh vô ngại. “*Tư cụ*” ở đây chính là những thứ cần thiết cho đời sống như: Vật chất, cả đến những sinh hoạt có thể mang đến sự thọ dụng về tinh thần cũng được xem là “*tư cụ*”.

“*Trang nghiêm*” là tốt đẹp. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta về thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A

Di Đà. Điều tốt đẹp của thế giới đó nói mãi cũng không hết, chỉ lược nói ra đây vài điều:

- *Thế giới Cực Lạc không có ô nhiễm*: Trong khi đó toàn thể trái đất chúng ta đều đã bị ô nhiễm, cả đến tinh thần chúng ta cũng đều bị ô nhiễm!

- *Đại địa của thế giới Cực Lạc đều bằng lưu ly*, không phải là bùn đất. Lưu ly, người Trung Quốc gọi là ngọc bích, ngọc tốt nhất màu xanh. Cho nên, thế giới Cực Lạc cũng là đại địa màu xanh.

- *Cỏ cây hoa lá ở thế giới Cực Lạc vô cùng mềm mại* đều do vô lượng trân bảo thành tựu.

- Vàng là thứ người thế gian xem trọng nhất, ở thế giới Cực Lạc, vàng dùng để trải đường đi.

- *Tài nguyên ở thế giới Cực Lạc vô cùng phong phú*: đây là “*tư cụ tị tại*”. Cuộc sống nhân dân giàu có, không cần phải lo lắng chút nào.

- *Nước uống là cam lộ, là nước tám công đức*, uống vào vừa bổ dưỡng thân thể vừa giúp tăng trí tuệ; nước của thế giới chúng ta là nước có nhiễm độc, uống vào thì sinh bệnh.

- *Ở thế giới Cực Lạc, gió thổi hoa lá đều phát ra âm thanh vô cùng mỹ diệu*. Suối reo, chim hót diễm nói pháp âm.

- *Đức Phật A Di Đà ngày ngày ở nơi đó dạy học, chú “thượng thiện nhân” đều câu hội nhất xứ*, sung sướng và vui đẹp xiết bao!

Khi xưa, lúc Thế Tôn còn tại thế, đời sống của ngài rất đơn giản, chỉ có ba y một bát, mỗi ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây. Ngài trải qua đời sống vật chất thấp nhất nhưng tị tại nhất. Tri túc

thường lạc! Trong tâm không một chút gánh nặng. Đây là tâm lý khỏe mạnh dẫn đến sinh lý cũng rất khỏe mạnh.

- Ngày nay chúng ta bị vô số tật bệnh là do đâu?

- Do tâm lý không khỏe mạnh! Thức ăn thì nghi thật, nghi nguy! Ý niệm thì thường nghĩ đến: Chỗ này đau, chỗ kia đau, quả nhiên liền đến!

- Bệnh từ do đâu mà có?

- Do suy nghĩ vọng tưởng mà có!

Người tâm lý khỏe mạnh ăn rồi, một niệm cũng không khởi, không nghĩ tưởng thức ăn ngon dở, không có chọn lựa, không có ý niệm về mình, nên thân thể họ khỏe mạnh. Người học Phật, bất luận là tại gia hay xuất gia; bất luận giàu sang hay bần hàn, nếu chân thật có đạo tâm, nên trải qua mức sống rất bình thường, quyết không xa xỉ, không cầu hào hoa, không mong nâng cao phẩm chất đời sống của chính mình; chúng ta có dư phải nên san sẻ, giúp người khác. Đây là “tài Bố thí”, cách bố thí này chỉ có thể giúp họ giải quyết vấn đề ăn mặc đi đứng, không thể nào giúp họ liễu sinh tử, xuất tam giới. Cho nên, Bố thí pháp vẫn quan trọng và cấp thiết nhất.

Ngày nay, chúng ta tu pháp cúng dường, có thể đem thành tích tâm đức của bản thân tu hành, đem pháp hỷ tu tập, lợi dụng mạng “internet” và truyền hình chuyển đi khắp thế giới, cùng chia sẻ học tập với đại chúng. Nếu có năng lực, bất luận người tại gia hay xuất gia, trong đạo tràng nhất định phải ráp đặt ít nhất là mười trang mạng “internet” quốc tế. Mỗi ngày chăm chỉ học tập tu hành, đây là thật sự báo ân Phật, thật sự biết sử dụng “*tu cụ tu tại*” thù thắng nhất của thế gian để nghiêm túc tất cả thế giới (“nghiêm” là trang nghiêm, “súc” là trang súc) thanh tịnh vô ngại như thế giới Cực Lạc.

4. Nghiệp Tự Tại

“Bồ Tát có thể tùy theo các nghiệp để ứng thời thị hiện, thọ các quả báo không chướng không ngại”. “Nghiệp” là tạo tác, người thế gian gọi là sự nghiệp. Ngay khi tạo tác thì gọi là “sự”, kết quả về sau thì gọi là “nghiệp”. “Nghiệp” rất phức tạp, Phật đem nó qui nạp thành ba loại: Thiện nghiệp, ác nghiệp và vô ký nghiệp. “Vô ký” chính là không thiện, không ác. Thiện nghiệp có thiện báo, ác nghiệp có ác báo, vô ký nghiệp đọa ngay trong vô minh, đó là tạo nghiệp.

Phật, Bồ Tát cũng tạo tác, nhưng tạo tác của các ngài là tịnh nghiệp, “Tịnh” là thanh tịnh. Quả báo của tịnh nghiệp chỉ có ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, không có ở sáu cõi luân hồi. Do vậy, muốn vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, nhất định phải tu tịnh nghiệp, đem tất cả những thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp thay đều chuyển biến thành tịnh nghiệp. Nếu bạn có trí tuệ, có phương tiện khéo léo sẽ biết chuyển. Trên Kinh Lăng Nghiêm, nói: “*Nhược năng chuyển vật tức đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển được cảnh giới tức đồng với Như Lai). Chữ “chuyển”, thuật ngữ trong nhà Phật gọi là “hồi hướng”.

- Hồi hướng như thế nào?

- Hồi hướng chúng sinh, hồi hướng thực tế, hồi hướng Bồ Đề. Hồi hướng chính là chuyển biến. Trong cuộc sống thường ngày, khởi tâm động niệm, từ việc nhỏ nhất không đáng kể như sợi lông, hạt bụi cũng đều chuyển biến thành tịnh nghiệp, đó chính là bạn chân thật hiểu được hồi hướng, biết đem phiền não chuyển thành Bồ Đề, đem sinh tử chuyển thành Niết Bàn, chuyển nhiễm thành tịnh, chuyển tà thành chánh, chuyển vọng thành chân.

Phía trước đã nêu, ví như có người đến tìm bạn, bạn hoan hỉ tiếp họ, cung kính họ như đối với A Di Đà Phật, tức là tâm bạn đã chuyển biến họ thành A Di Đà Phật, đó gọi là hồi hướng. Nếu bạn

vẫn xem họ là chúng sinh, là oan gia, vừa thấy liền tức giận, bạn không thể vượt qua! Vừa thấy thì phiền não khởi hiện hành, nghiệp chướng hiện tiền, lập tức liền đọa lạc! Tâm bạn vừa chuyển, bạn liền thành Phật chỉ trong một niệm.

Đại Sư Ngẫu Ích nói rất hay: “*Cảnh duyên không tốt xấu*”, “cảnh” là hoàn cảnh vật chất, “duyên” là hoàn cảnh nhân sự, đều phải bình đẳng, quyết không có tốt xấu. Vì sao?- Duy tâm sở hiện! Tôi thường nói: “Tất cả người, tất cả vật, tất cả việc đều là thị hiện của chư Phật Như Lai”. Bạn nghe rồi không tin tưởng! Tôi nói lời thật bạn không tin, nói lời giả thì bạn lại tin! Nói lời giả là: Những chúng sinh này quá khứ đã tạo nghiệp: thiện nghiệp có thiện báo, ác nghiệp có ác báo thì bạn tin; nhưng đó chỉ là lời giả không phải chân thật, là tùy thuận chúng sinh mà nói. Nếu tùy thuận Phật, Bồ Tát mà nói thì không phải vậy: Sơn hà, đại địa, tất cả người, tất cả sự vật đều là Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân của chư Phật, Bồ Tát thị hiện, đây là nói lời chân thật với bạn.

Nếu bạn có thể tin, đem cảnh giới chuyển đổi lại thì chúc mừng bạn! Bạn đã vào được “Pháp giới Nhất Chân” rồi! Thành Phật không khó chỉ trong một niệm! Vạn pháp nhất như! Vạn pháp bình đẳng! Bao gồm tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khởi tan mây tán, không gì có được! Vấn đề chính là bạn có nhận biết, có thấy được hay không? Có thể chuyển đổi được hay không? Vừa chuyển bạn liền được tự tại.

Tổ tông hướng dẫn chúng ta, khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác nhất định phải tuân thủ đạo đức, rất đơn giản chỉ có mười hai chữ: “*Hiếu đễ trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình*”. Nếu triển khai ra cũng rất đơn giản, đều có thể nhớ được như:

- “*Ngũ luân*” gồm có: Phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín.

- “*Ngũ thường*” gồm có: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
 - “*Tứ duy*” có: Lễ, nghĩa, liêm, sĩ.
 - *Bát đức* có: Trung, hiếu, tín, nghĩa, nhân, ái, hòa, bình.
Đây là văn hóa truyền thống xưa, nhất định không được làm trái!
- Phải bắt đầu thực hiện từ đâu?
- Từ “*hiếu thân tôn sư*”

Thân ta có được là từ cha mẹ; trí tuệ ta có được là nhờ thầy. Đức Phật dạy ta phải “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”. Lời Phật dạy và văn hóa truyền thống là cùng một gốc “*hiếu thân, tôn sư*”, dùng lời hiện tại mà nói là giáo dục yêu thương. Sự thân ái giữa cha mẹ và con cái là tánh đức, hi vọng tánh đức này có thể duy trì bất biến, phát huy rộng lớn: Từ yêu thương cha mẹ phát huy đến yêu thương anh, chị em; yêu thương bà con, bạn bè thân thích, yêu thương láng giềng hàng xóm; yêu xã hội, yêu quốc gia v.v.. cho đến cuối cùng: Phạm là người đều phải yêu thương! Đây là mục đích của giáo dục, dạy bạn thật sự làm thánh nhân, làm hiền nhân. Con người là thánh hiền, quốc gia chánh trị là thánh hiền, gia đình là thánh hiền, sự nghiệp của họ cũng là thánh hiền.

Quốc gia nào cũng có chế độ, chế độ là “pháp”. “Pháp” có thể độc lập tồn tại không? Không thể! “*Pháp yếu đắc kỳ nhân*”, quan trọng nhất chính là “nhân”, nếu “pháp” đó đạt đến tiêu chuẩn của thánh nhân, thì “pháp” này là “*pháp thánh hiền*”; nếu đạt đến tiêu chuẩn quân tử thì pháp này là “*pháp quân tử*”. Nếu là tiểu nhân chấp chính thì pháp này là “*pháp tiểu nhân*”. Cho nên, cổ nhân có câu: “*Nhân tôn chánh cử, nhân vong chánh tức*”. Chúng ta phải hiểu được đạo lý này. Đối với cổ nhân phải có tâm tôn trọng không được xem thường, xem thường là tạo nghiệp! Chớ cho rằng ta rất tài giỏi, cổ

nhân chẳng bằng ta! Thật tể, còn thua xa lắm! Chúng ta không bằng cỏ nhân!

Ngày nay tuy khoa học kỹ thuật phát triển, đến cuối cùng là gì? Là trái đất hủy diệt! Lão tổ tông không phải không hiểu khoa học, thật sự họ rất hiểu. Sao họ không phát triển? Họ biết những thứ này nếu phát triển mà luân lý đạo đức không theo kịp thì hậu quả chính là trái đất bị hủy diệt, thế giới tận thế, nên họ không làm! Đây là phát xuất từ lòng từ bi, từ tâm yêu thương, đạo lý này chúng ta phải hiểu.

Ngày nay xã hội động loạn, thế giới thiên tai quá nhiều, phải hóa giải ra sao? Có thể tìm lại ba gốc “Nho-Thích-Đạo” của lão Tổ tông, chăm chỉ nỗ lực học tập, thực hành cho được thì thiên tai sẽ không còn, xã hội sẽ an định. Vì sao? Vì “cảnh tùy tâm chuyển”! Tâm con người thiện, cảnh liền biến thành thiện; tâm con người ác, cảnh liền biến thành ác. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật nói: Do tâm tham con người, chiêu cảm đến tai nạn về nước. Do sân nhuế chiêu cảm đến là hỏa tai, nhiệt độ trái đất tăng lên. Do ngu si, ngạo mạn chiêu cảm đến phong tai, động đất; tất cả đều có ứng đối.

- Chúng ta có cách gì cứu trái đất không?
- Giới khoa học nói có!
- Cứu thế nào?
- Phải thay đổi tâm thái!

Họ biết tất cả những thiên tai trên trái đất là do tâm thái không bình thường của con người biến hiện ra. Vô hình trung họ cũng có cái nhìn giống như Phật pháp: “Tham, sân, si, mạn, nghi” là không bình thường.

- Phải cần bao nhiêu người biết tu sửa, địa cầu này mới không đến nỗi bị hủy diệt?

- Giới khoa học tính ra một số liệu là: Căn bậc hai của một phần trăm dân số thế giới. Hiện tại, dân số trên địa cầu có khoảng sáu phẩy năm tỷ người; căn bậc hai của một phần trăm dân số là khoảng tám ngàn người. Họ nói: Toàn thế giới thật sự nếu có khoảng tám ngàn người biết quay đầu thì thế giới này liền được cứu.

- Sáu phẩy năm tỷ người, chỉ có tám ngàn người hành thiện mà có thể cứu được sao?

- Điều này chúng ta có thể tin được! Cổ nhân nói: “*Tà không thắng chánh*”. Tám ngàn người này là *chánh*, hơn sáu tỷ người kia là “*tà*”. “*Tà không thắng chánh*”, nghĩ lại cổ nhân nói câu này rất có lý!

Khoa học còn nêu ra một con số cụ thể: Một thành phố với một triệu nhân khẩu, chỉ cần có một trăm người biết quay đầu thì thành phố này có thể sẽ ít đi tai nạn. Tai nạn không thể tránh, vì con người tạo nghiệp quá nhiều. Cho nên, giới khoa học phát ra những tín hiệu này, đặc biệt đối với những tín đồ tôn giáo, hy vọng các tôn giáo có thể dẫn đầu hồi tâm hướng thiện.

Tháng sáu, chúng tôi viếng thăm Vatican, xem thấy giáo hoàng Thiên chúa giáo cùng những đại giáo chủ của họ rất nghiêm túc khuyên răn giáo đồ thiên chúa trên toàn thế giới hãy vì hòa bình thế giới, vì tất cả những thiên tai mà mỗi ngày đều cầu nguyện.

- Có hiệu quả không?

- Có! Chắc chắn có hiệu quả!

Trong Phật giáo không gọi là cầu nguyện mà gọi là hồi hướng, đem công đức chúng ta tu học hồi hướng cho thế giới, cho tất cả chúng sinh khổ nạn. Chúng ta phải nghiêm túc dẫn đầu thực hiện, bắt tay chăm chỉ nỗ lực tu “Lục hòa kính”, đem ba cái gốc “Nho-Thích-Đạo” làm cho tốt. Có cơ sở “Nho-Thích-Đạo” rồi thì tùy ý tu tập pháp môn nào, học bộ kinh luận nào, đều có thể đạt đến địa vị

Thánh Hiền: Học Nho có thể thành Thánh, thành Hiền; học Phật có thể thành Phật, thành Bồ Tát; học Đạo có thể thành Thần, thành Tiên. Thật sự có thể làm đến được, đây chính là “*nghiệp tự tại*”.

Thông thường, người thế gian hay tin lý số, thích xem tướng đoán mệnh. Người học Phật rất nhiều, cũng không ngoại lệ. Có cần xem tướng đoán mệnh không? Trong kinh Phật nói: “*Tướng do tâm sinh, cảnh tùy tâm chuyển*”, “*tất cả pháp từ tâm tướng sinh*” v.v... Nếu thật sự hiểu rõ đạo lý này đâu cần phải xem tướng đoán mệnh. Trong Kinh A Nan Vấn Phật Cát Hung nói rất rõ: Chỉ cần tâm thái bạn tốt thì mọi thứ đều tốt; việc không tốt cũng có thể chuyển thành tốt, khả năng này mọi người đều có.

Phật pháp dạy chúng ta “tri mệnh”, “mệnh” chính là nghiệp tạo tác. Hãy xét xem mỗi ngày chúng ta nghĩ gì? Nói những gì? Làm những gì? Đây chính là “nghiệp”. Nếu tâm hành tương ưng với “thập thiện nghiệp đạo”, với bốn đức như trong “Hoàn Nguyên Quán” nói: “*Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hòa chất trực, đại chúng sinh khổ*” thì quá tốt. Đây là “*nghiệp tự tại*”, tai nạn gì cũng không còn nữa, không cần phải xem tướng đoán mạng, tiền đồ của bạn sẽ hoàn toàn sáng lạn, có “gặp hung” cũng “hóa cát”, gặp “nạn” cũng thành “kiết tường”. Đây mới thật sự là hiểu được cải tạo vận mệnh.

5. Thọ Sanh Tự Tại

“*Bồ Tát theo tâm niệm có thể ở trong các thế giới thị hiện thọ sanh không chướng không ngại*”. “Thọ sanh” là đầu thai. “Thọ sanh tự tại” là đến đâu đầu thai cũng đều tự tại. Đây là người giác ngộ họ có thể tự chọn lựa, như Quán Thế Âm Bồ Tát nói: Đáng dùng thân gì để độ, ngài liền hiện ra thân ấy để độ. Thị hiện này có hai loại: Một là “Ứng thân thị hiện”, hai là “Hóa thân thị hiện”. “Ứng thân thị hiện” đến đầu thai thường ở thế gian thời gian dài để giúp

chúng sinh khổ nạn. “Hóa thân thị hiện” chỉ giúp một hoặc số ít người trong thời gian ngắn.

Trong “Hư Vân Niên Phở”, chúng ta thấy Hòa Thượng Hư Vân bái Ngũ Đài Sơn, ba bước một lạy, đường xa thăm thẳm, trải thời gian rất dài nhận chịu đói lạnh, giữa đường lâm bệnh, không ai hay biết! Lúc này, Bồ Tát Văn Thù thị hiện là một người ăn xin đi ngang qua đó, thấy lão Hòa Thượng bệnh, bèn đến bên chăm sóc cho ngài. Khi bệnh lão Hòa Thượng thuyên giảm, ông liền đi, đây là “Hóa thân thị hiện”.

“Ứng thân thị hiện” như đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện ở thế gian này suốt bảy mươi chín năm, với bốn mươi chín năm hoằng dương Chánh pháp. Người mê luôn phải tùy nghiệp lực của họ mà lưu chuyển. Người giác ngộ đến nhân gian đầu thai, họ biết nhìn và có thể chọn lựa. Họ nhìn cái gì? Không phải nhìn cha mẹ hiện tại có của cải, có địa vị hay không, mà nhìn họ hiện tại và tổ tông của họ có tích đức hay không, họ nhìn điều này. Lại hướng lên trên tổ tiên của gia đình này có bao nhiêu đời tích đức, ít nhất cũng phải năm đời trở lên thì gia đình này mới xuất hiện Thánh nhân. Thật không phải dễ dàng! Linh tánh biết nhìn!

Nhạc phụ của phụ thân Khổng lão phu tử, đem con gái mình gả cho ông ấy. Thật sự mà nói, phụ thân của Khổng Tử lúc tại thế là bình dân, rất nghèo khó.

- Vì sao nhạc phụ của phụ thân Khổng Tử lại đem con gái mình gả cho ông ấy?

- Vì tổ tông nhà họ cả năm đời đều có tích đức, cho nên lão nhạc phụ nói với ông ta, trong nhà họ nhất định sẽ có nhân tài, nên đem con gái mình gả cho ông ấy sinh ra Khổng Tử.

Lúc tại thế, tuy Khổng Tử không có thành tích gì, nhưng hậu thế xưng ông là “Vạn Thế Sư Biểu”, tôn phụng ông là Đại Thánh nhân số một của Trung Quốc. Cho nên, tổ tông tích đức là quan trọng. Nếu tổ tông không tích đức, phải bắt đầu từ bản thân. Thử nghĩ xem cha mẹ chúng ta có tích đức không? Không có tích đức! Tôi nói bản thân cha mẹ tôi không có tích đức! Vì sao? Vì sinh vào thời hoạn nạn! Thời kỳ Dân Quốc, lúc nhà Thanh mất nước, xã hội động loạn. Năm xưa mới mười một tuổi nên tôi không hiểu. Đến thời kỳ kháng chiến bản thân tôi cũng đã khôn lớn mới hoàn toàn hiểu. Tôi ngày nay đọc sách Thánh Hiền, biết được cha mẹ tôi không có tích đức, đời này tôi chịu khổ cũng đáng thôi!

Phụ thân tôi qua đời rất sớm! Sự việc trong nhà, tôi đều không biết. Tổ tông tôi có tích đức hay không, theo lời bạn học cũ của phụ thân tôi, ông ấy ở Đài Loan. Thời đó, mỗi năm tôi đều đến viếng thăm ông ấy, thỉnh giáo với ông, đặc biệt là hỏi về những chuyện trong thời ông nội tôi. Ông cũng biết ông nội tôi là vãng bối, ông nói với tôi, ông nội tôi là một người tốt, cũng làm quan, là một vị thanh quan.

Lại hướng lên trên nữa, tôi tin rằng cũng có tích một chút phước đức nên đời này tôi mới có thể gặp được Phật pháp, gặp được thiện tri thức chân chánh. Nếu không gặp được, không những đời này tôi khổ mà đời sau lại càng khổ hơn. Gặp được những bậc thầy hướng dẫn, tôi hiểu được chân tướng sự thật, liền giác ngộ biết được nên làm người thế nào, phải làm việc ra sao để quang minh về sau được vô lượng; sống đời loạn lạc phải sống tốt như thế nào mới đáng là mô phạm, muốn đem giáo huấn của Thánh Hiền, từ bản thân mình thực hành cho được để mọi người thấy. “Thân hành, ngôn giáo”, có thấy họ mới tin, mới có thể chăm chỉ học tập. Đây là phải tích cực từ bản thân mình.

“*Thọ sanh tự tại*” là sự việc của hàng Bồ Tát. Trong kinh nói: A la hán tuy có năng lực chọn lựa, nhưng vừa ra đời vẫn còn mê khi cách ám, nên phải bắt đầu trở lại từ đầu, phải học lại từ đầu. Chỉ có Bồ Tát nhập thai, xuất thai đều không mê hoặc.

6. Giải Tự Tại

“*Bồ Tát thành tựu kiến giải thù thắng, thị hiện các thứ sắc thân, diễn thuyết diệu pháp không chướng không ngại*”. “Giải” là đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh, chân thật thấu hiểu, lý giải, đây gọi là “*giải tự tại*”. Chỉ có chân thật lý giải mới có thể giảng nói “vi diệu pháp”.

Năm xưa, Thế Tôn ở đời giảng kinh nói pháp, ngài không có chuẩn bị, nhưng bất cứ sự kiện, vấn đề gì người khác nêu ra ngài liền giải đáp rất thỏa đáng, rất rõ ràng minh bạch, hoàn toàn không có chướng ngại, đây là “*giải tự tại*”. “*Giải tự tại*” biểu hiện trên việc dạy học, đương nhiên phải bắt đầu từ tu hành của bản thân. “Tu hành” là thuật ngữ trong nhà Phật, “hành” là hành vi; hành vi chúng ta sai lầm đem nó tu sửa lại gọi là tu hành.

Người hiện tại, nói đến tu hành chỉ biết lạy Phật, thắp hương, cúi đầu. Đây chỉ là hình thức không liên quan gì đến tu hành.

- Vì sao phải đốt hương? Vì sao phải cúi đầu?

- Họ không hiểu ý nghĩa! Cho rằng người khác làm, tôi cũng làm theo! Sai rồi! Nhất định phải hiểu cho rõ ràng thấu đáo. Lễ bái không phải để cầu xin Phật, Bồ Tát gia hộ. Tượng xi măng, gỗ, sắt, làm sao gia hộ bạn! Đây là biểu thị bạn tôn sư trọng đạo. Phật, Bồ Tát là thầy dẫn đường cho bạn, gặp hình tượng thầy bạn phải tỏ thái độ cung kính, tôn trọng. Huống chi là đối với cha mẹ bạn, lại có thể không cung kính được sao?! Đây là khởi được tác dụng này.

Muốn “*giải tự tại*”, bạn phải thật sự là người có tu dưỡng, có đạo đức. Có công phu thực tập những lời Phật dạy trong kinh, bạn mới có thể “tri hành hợp nhất”, như lý, như pháp trong tất cả mọi tình huống. Có “*giải tự tại*” bạn mới có thể vì tất cả chúng sinh mà “ứng cơ nói pháp”.

Cho nên, học giảng kinh, bước đầu đương nhiên bạn chưa vào được cảnh giới vì trí tuệ chưa khai mở, muốn giảng kinh bạn phải chuẩn bị rất vất vả. Khi vào được cảnh giới, bạn giảng kinh không cần phải chuẩn bị. Nói không chuẩn bị cũng không thể không chuẩn bị. Phương pháp chuẩn bị ra sao? Chính là niệm Phật! Tâm cùng tâm Phật tương ứng; nguyện cùng nguyện Phật tương ứng; đức cùng đức Phật tương ứng, hạnh cùng hạnh Phật tương ứng. Tất cả đều tương ứng với tâm hành của Phật. Đây là cách chuẩn bị. Chuẩn bị này giúp bạn nâng cao cảnh giới, đạt đến ngôn ngữ tự tại, tất cả lưu xuất đều tương ứng với tự tánh nên không cần phải chuẩn bị.

Nếu vẫn không chuyển đổi được cảnh giới, công tác chuẩn bị của bạn có làm cũng không xong! Bạn cần phải hiểu phương pháp, phương pháp chính là chân thật “y giáo phụng hành”, tôi nghĩ nhiều nhất là mười năm thì bạn có thể cử khôi rồi. Sau mười năm mà còn chuẩn bị kinh giáo, chứng tỏ bạn không có tu hành! Bạn có tu hành thì hà tất phải chuẩn bị?! Bạn có tu hành, lúc mở kinh ra tất cả đều là tâm hành của bạn thì làm gì có chuyện không thể không nói được chứ! Tương ứng ở mọi lúc, việc này thông thường chúng ta gọi là “*Tứ vô ngại biện tài*”; “*Vô ngại biện tài*” đều do đây mà có, đều từ đức năng vốn đủ của tự tánh.

Nên biết, thâm nhập kinh tạng, niềm vui đó không gì sánh bằng. Chưa vào cảnh giới thì bạn không biết, nhưng sau khi vào được, bạn muốn bỏ cũng không được! Thế gian đọc kinh là vui nhất. Một ngày không đọc kinh, ngày đó buồn vô hạn! Cho nên, đọc sách

nếu ném được ý vị của cổ nhân, bạn mới thật sự được thâm nhập, bằng không cái mà bạn có được chỉ là kiến thức, thường thức ngoài da! Lại nữa, khi bạn chân thật thọ dụng, chân thật hiểu rồi thì mỗi câu, mỗi chữ đều là vô lượng nghĩa, nói không cùng, hưởng không hết, nên gọi là “*giải tự tại*”.

“*Thị hiện các thứ sắc thân*”, “các thứ sắc thân” này, chúng ta nói phương tiện một chút, tức là trong bất cứ hoàn cảnh, trường hợp nào đều có thể thị hiện thông dong, vui vẻ, được đại tự tại. “*Diễn thuyết diệu pháp*”; “diễn” là biểu diễn, làm ra; “thuyết” là giải thích cho người khác không có chướng ngại.

7. Nguyện Tự Tại

“*Bồ Tát tùy lòng mong muốn, ở trong các cõi, ứng thời xuất hiện thành Đẳng Chánh Giác không chướng, không ngại*”: Trong nhà Phật nói là “nguyện”, cổ nhân Trung Quốc nói là “chí”; cho nên “chí nguyện” thường đi liền với nhau. Nhà Nho dạy người lập chí, Phật dạy người phát nguyện, cùng một ý nghĩa.

Người lập chí phải là người tốt, có tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt, vậy thì rất an vui. Người tốt không nhất định phải phú quý, có địa vị cao, mà thật sự trong tâm họ chỉ có đại đạo Thánh Hiền. Hiểu được đạo lý Thánh Hiền, trong đời này chắc chắn họ sẽ không sống uổng phí, họ sẽ tu vô lượng vô biên phước báo. *Chỉ cần không nghĩ đến lợi ích cá nhân mà chỉ nghĩ đến mọi người, đây là điều kiện tiên quyết để bạn thành Thánh, thánh Hiền.*

Trong Kinh giáo Đại Thừa nói ra chân tướng sự thật: “*Toàn thể vũ trụ với ta là một thể*”. Trong Đạo Đức Kinh, Lão tử cũng nói: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*”, hoàn toàn giống như Kinh Hoa Nghiêm. Thấu rõ đạo lý này mới có thể buông bỏ được tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm mới vì tất cả chúng sinh

khổ nạn. Đây là tương ứng với tâm Phật, Bồ Tát; cùng với chư Phật, Bồ Tát đồng tâm, đồng đức, đồng hạnh, đồng nguyện, đó là “*nguyện tự tại*”.

Mặt khác, “*hữu cầu tất ứng*”, cái nguyện này mới tự tại. Nếu cầu mà không được thì không tự tại.

Tôi nhớ khi bắt đầu học Phật, tôi thân cận Đại Sư Chương Gia, Đại sư dạy tôi như vậy. Ông nói “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”, tôi nghe rồi rất hoan hỷ. Sau đó ngài lại nói: Có lúc chú cầu nhưng không được cảm ứng là do nguyên nhân gì? Vì chú có nghiệp chướng! Cần phải tìm cho ra được nghiệp chướng của mình để tiêu trừ thì cảm ứng mới hiện tiền. Mấy câu nói này của Đại sư Chương Gia giúp tôi trong đời này có được đại thọ dụng. Hơn bốn mươi năm đến nay rất có hiệu quả. Cho nên, tôi tin tưởng sâu sắc, không hoài nghi.

Rất nhiều người niệm Phật, học Phật nhưng không tin tưởng đối với Phật, Bồ Tát, cho rằng làm gì có việc “*hữu cầu tất ứng*”, làm gì đơn giản đến như vậy! Cho nên, họ có mong cầu cũng không được cảm ứng! Họ không biết được cái mong cầu của họ phải như lý, như pháp thì cầu mới “*tất ứng*”.

Phật pháp là con mắt của trời, người. Nếu bạn vì tất cả chúng sinh mà mong cầu, sự mong cầu này là chuẩn xác. Nếu bạn có ý niệm riêng tư thì không có cảm ứng. Rất nhiều đồng tu đến đây (Singapore) tham học, nhiều vị yêu cầu tôi nhín chút thời gian đến nơi họ giảng kinh.

- Có cảm ứng hay không?
- Không có cảm ứng!
- Do nguyên nhân gì?

- Họ vì tâm riêng tư, vì đạo tràng nhỏ của họ nên không được cảm ứng!

Ngày trước, bạn đến tìm tôi, tôi lập tức đáp ứng, qua vài ngày thì đi rồi, bay nhảy bốn ba khắp nơi, do nguyên nhân không có đạo tràng để tôi giảng kinh, đành phải đến khắp nơi kết pháp duyên, cũng là việc tốt. Hiện tại, có đạo tràng nơi đây giảng kinh nếu chạy lung tung nữa thì đặc biệt sai lầm! Cho nên, khi chưa có đạo tràng thì được, có thể đi lại nhiều nơi. Đây là đối với người mới học Phật thì được, vì sơ học phải rộng kết pháp duyên.

Pháp duyên của tôi rất thù thắng, chính là đã bốn ba mấy mươi năm khắp nơi để kết pháp duyên với mọi người. Hiện tại có đạo tràng phải cố gắng nghiêm túc giảng một bộ kinh. Mọi người yêu cầu tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm quá dài! Tiến đề giảng kinh hiện tại, hai giờ đồng hồ mỗi ngày, chỉ giảng được hai, ba câu. Một bộ kinh lớn như vậy, tôi vốn dĩ dự tính giảng năm năm thì xong. Hiện tại, e rằng mười lăm năm cũng chưa giảng xong! Hỏi qua mọi người, họ đều thích cách giảng này, vậy thì không còn cách nào! Hy vọng mọi người chúng ta đều là vô lượng thọ, tuần tự giảng cho xong bộ kinh này, đây là “*nguyện tự tại*”, có nguyện ắt có thành.

8. Thần Lực Tự Tại

“Bồ Tát thân thông quảng đại oai lực khó lường, trong các thế giới thị hiện biến hóa không chướng, không ngại”: “Thần” là thần thông, thần kỳ, siêu việt ngoài sức hiểu biết của con người. Loại năng lực này là Định công, đòi hỏi phải có sự tu chứng, có công phu tu hành khai mở trí tuệ, kể đến phải học rộng nghe nhiều, phải thường tiếp xúc với tất cả người và sự vật mới có thể hiểu biết và có năng lực ứng phó.

- Thần thông này phát xuất từ đâu?

- Ngay nơi sáu căn! Đó là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mạng thông và lậu tận thông.

“*Túc mạng thông*” là năng lực biết được đời quá khứ, như A-la-hán có thể biết được năm trăm đời quá khứ; quá năm trăm đời họ không biết được. “*Sơ quả*”, *thần thông chưa phát hiện*. Đến “*Nhi quả*” có “*túc mạng thông*” nhưng chỉ biết được vài mươi đời quá khứ. Ở đây nói “*thị hiện biến hoá*”, có lẽ là “*Thần Túc Thông*”. “*Thần túc thông*” là từ tam quả A-Na-hàm trở lên mới có năng lực này. Tất cả thần thông nêu trên đều là bản năng tự tánh vốn có của chúng ta. Hiện tại, bản năng vốn có này không khởi tác dụng do tập khí vô minh, phiền não che lấp! Chính mình phải có tâm hổ thẹn, hy vọng có thể khôi phục lại nhanh chóng.

- Bằng cách nào?

- Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tư phiền não thì có thể khôi phục.

9. Pháp Tự Tại

“*Bồ Tát đắc đại biện tài, trong các pháp diễn thuyết rộng rãi vô biên pháp môn một cách không chướng không ngại*”: Đây là nói Bồ Tát đã kiến tánh nên trí tuệ đức năng trong tự tánh đều hiện tiền, như trong kinh nói “*lý sự vô ngại*”, “*sự sự vô ngại*”. Đối với chư pháp, bất luận là pháp thế gian hay xuất thế gian họ đều thông đạt không có chướng ngại.

10. Trí Tự Tại

“*Bồ Tát trí tuệ đầy đủ, trong một niệm hiện ra thập lực vô úy của Như Lai thành Đẳng Chánh Giác không chướng không ngại*”.

- Trí tuệ của Bồ Tát do đâu mà có?

- Từ tu “*Giới-Định-Tuệ*” mà có!

Cho nên, học Phật không thể không trì giới.

- Trì giới phải bắt đầu từ đâu?

- Từ “Đệ tử qui”, “Cảm ứng thiên”, “Thập thiện nghiệp”. Ba rễ “Nho-Thích-Đạo” này là căn bản. Nếu không dùng Nho và Đạo, phải dùng kinh Tiểu thừa. Kinh Tiểu thừa thì rất nhiều, Nho và Đạo đơn giản hơn. “Đệ tử qui” của nhà Nho tổng cộng chỉ có một ngàn tám mươi chữ. Đạo gia nói “cảm ứng thiên”, tổng cộng chỉ có một trăm chín mươi lăm sự việc, không nhiều. Dùng Nho và Đạo làm cơ sở tu “Thập thiện nghiệp đạo” thì không khó nữa. Sau đó vào cửa Phật thọ trì “Tam qui, ngũ giới”, “Sa Di luật nghi” sẽ vô cùng dễ dàng.

Thế Tôn trong “Phật Tạng Kinh” có câu khai thị rất quan trọng: *“Phật tử không học Tiểu thừa trước, sau đó học Đại thừa thì không phải là Phật tử”*. Chúng ta không phải là hàng thượng thượng căn, phải giữ qui củ, học tập từ cạn đến sâu, từ dễ đến khó, tuần tự như tiến. “Đệ tử qui” là giáo dục của luân lý đạo đức, là căn bản của căn bản; “Cảm ứng thiên” là giáo dục về nhân quả rất vô cùng quan trọng. Ấn Quang Đại sư một đời đã toàn tâm toàn lực đề xướng khuyên chúng ta phải chuyên tâm học tập, bắt đầu từ ba gốc rễ này. Không có cơ sở này, tu “Thập thiện nghiệp” rất khó mà thực dụng.

Trí tuệ Bồ Tát có được là từ “Giới-Định-Tuệ”. “Tuệ” này là từ “Định” mà có, tức là trí tuệ trong tự tánh sẵn có, không phải từ bên ngoài. Từ bên ngoài mà học được là tri thức không phải trí tuệ. Quảng học đa văn là tri thức; từ “Giới-Định-Tuệ” tu được mới là trí tuệ. Có trí tuệ mới có thể trong một niệm (một niệm này là Bồ Tát Di Lặc nói: Trong một khảy móng tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn niệm), *“năng hiện Như Lai chi thập lực vô úy, thành Đăng Chánh Giác”* (năng hiện ra mười lực vô úy của Như Lai thành Đăng Chánh Giác). *“Thập lực vô úy”* là “đức”, *“thành Đăng Chánh Giác”*

là “tướng”. Chúng sinh trong khu vực này duyên đã thuận thực, cần dùng thân Phật để độ, Bồ Tát liền hiện thân Phật với ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp để giáo hóa đều không có chướng ngại.

“*Tối thắng tự tại*” ở đây là như Kinh Pháp Hoa nói: “*Ngã vi Pháp vương, ư pháp tự tại*” (Ta là Pháp vương, tự tại trong các pháp). Tất cả pháp thế, xuất thế gian đều thông đạt rõ ràng, đây gọi là tự tại. Nếu có vấn đề người khác hỏi mà bạn không biết, đó tức là bạn chưa tự tại, bạn bị người khác hỏi cho bí rồi! Đức Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh nói pháp suốt bốn mươi chín năm, đích thực chưa bao giờ bị người khác hỏi cho bí. Vấn đề dù hi hữu, cổ quái thế nào, vừa nêu ra, Phật liền giải đáp rất tường tận khiến họ không thể không khâm phục ngài. Đây là trí tuệ chân thật, là Nhất Thiết Trí, vì vậy có thể viên mãn mười tự tại của Hoa Nghiêm một cách rớt ráo nên bảo là “*tối thắng*”.

“*Tối thắng tự tại*” chỉ có Pháp Thân Bồ Tát minh tâm kiến tánh mới được. Người chưa kiến tánh có thể cũng có tự tại nhưng không phải là “*tối thắng tự tại*”, vì đích thật có một số vấn đề họ vẫn không thể giải đáp.

“*A Nan để thính*”: Phật bảo A Nan “*để thính*” là chú ý lắng nghe cho kỹ. “*Thiện tư niệm chi*” là khéo tự suy nghĩ nghĩa lý được nghe. Chữ “*tư niệm*” là dùng ý thức, thêm vào chữ “*thiện*” tức “*thiện tư niệm*” thì không dùng ý thức. Do vậy mà “*thiện tư niệm chi*” ở đây chính là không dùng tâm ý thức mà thể hội thì mới có chỗ ngộ. Nghiêm khắc mà nói: Người không biết nghe thì “*tư niệm chi*”; người biết nghe thì “*thiện tư niệm chi*”, khác biệt rất lớn. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý.

Cuối cùng Phật bảo: “*Ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết*” (Ta sẽ vì ông, phân biệt giải nói).

Đến đây phần “*Biệt Tự*” đã hết.

“*Biệt Tự*” còn gọi là “*Phát Khởi Tự*” vì nó dẫn phát chánh văn của toàn bộ kinh. Hiện tại do A Nan phát ra câu hỏi, Thế Tôn hứa nói, diễn giảng pháp môn Tịnh Độ là phương tiện rốt ráo, cực viên, cực đốn, thù thắng này. Bởi đây là pháp “*siêu tình lý kiến*” chẳng thể nghĩ bàn, chúng sinh tình chấp sâu nặng rất khó tin được, nên trong phần phát khởi, thâm nhập chứng tín, tổng cộng có đến năm tầng (ngũ trùng):

- **Thứ nhất:** *Thế Tôn phóng quang, hiện tướng lành* để chứng tín, tăng cường tín tâm cho chúng ta.

- **Thứ hai:** *A Nan hoan hỉ thưa hỏi.* Lời hỏi của A-Nan có hai nghĩa trọng yếu:

- Một là, A Nan thấy Phật phóng quang minh hi hữu, biết Phật đang trụ trong pháp kỳ đặc, hạnh đạo sư tối thắng. Những pháp ấy, hạnh ấy, đạo ấy ắt được chư Phật nghĩ đến, chớ không phải là pháp nào khác. Điều chư Phật nghĩ đến chính là pháp môn Niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng, tất cả mười phương chư Phật đều đến hộ trì.
- Hai là, A Nan do đâu có thể hỏi được câu diệu nghĩa ấy? Chính là chỉ rõ A Nan vốn là vị đại Bồ Tát đức tuân Phổ Hiền, từ quả hướng nhân, ngài đến để thị hiện.

- **Thứ ba:** “*trùng chứng tín*”; “*trùng*” là lặp lại, rồi chứng tín, tức là Thế Tôn lần nữa khen ngợi công đức lời hỏi của A Nan thật khó thể nghĩ bàn. Phật nói: Hết thầy hàm linh trong tương lai đều do nơi lời hỏi này mà được độ thoát. Thực tế, nếu A Nan không hỏi, Phật cũng có thể tự mình nói ra như Kinh A Di Đà là kinh “vô vấn tự thuyết” không ai hỏi mà Phật tự thuyết.

- Vì sao kinh này phải khiến A Nan hỏi?

- Đây chỉ là thị hiện! Ngâm bảo công đức tinh pháp thật không thể nghĩ bàn. Người tinh pháp phải là người thông thạo, am hiểu mới biết tinh pháp.

Tóm lại, chỉ một lời nói của Phật “*tất cả hàm linh trong tương lai, do lời hỏi này mà được độ thoát*” đã phô trọn chánh nhân hưng khởi “pháp môn Tịnh Độ”, nên phẩm này có tên là “*Đại giáo Duyên Khởi*”.

- **Thứ tư:** “*thâm nhập chứng tín*”, Phật bảo A Nan: “Nhu Lai sở dĩ xuất hiện trong đời chỉ muốn cứu vớt quần sanh, ban cho lợi ích chân thật”. Lợi ích chân thật đó là gì? Chính là “sáu chữ hồng danh Di-Đà nguyện hải”. Chính nhờ lời hỏi của A Nan mà Phật khai thị diệu pháp khó gặp này. Tương lai hết thầy chúng sinh, cũng nhân lời hỏi này của A Nan mà được độ thoát, độ thoát ở đây chính là chứng quả.

- **Thứ năm:** Thế Tôn biết rõ, đây quả thật là pháp mà hết thầy thế gian khó thể tin nổi, nên khuyên chúng sinh: Giác trí Định Tuệ của Nhu Lai rất khó lường, thần thông vô ngại, thông suốt rọt ráo, tụ tại nơi pháp, lời của Thế Tôn chân thật chẳng dối, muôn vàn chớ có khinh nghi mà chỉ nên tín ngưỡng.

Do những điều trên, ta thấy được rằng “*Tự phần*” của kinh đều là chứng tín. Ngẫu Ích Đại Sư chỉ ra tông của Tiểu bản kinh này là “*tín, nguyện, trì danh*”. Ba thứ tư lương này nếu thiếu một chẳng được, nhưng lấy “*tín*” làm đầu, đủ thấy sự trọng yếu của “*tín*”. Trong “*Tự phần*”, trước hết nói đến cái gốc của kinh này là “*Chân Thật Tế*”, pháp này đáng tin, diệu dụng của kinh này rộng ban cho chúng sinh cái lợi chân thật, nên cần phải tin.

- “*Chân Thật Tế*” là gì?

- Là từ trong tự tánh mà lưu xuất ra. Như Liên Trì Đại sư trong “Sớ Sao” đã dạy: “*Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, chẳng trước, chẳng thanh, không lui, không tới. Lớn thay chân thể, chẳng thể nghĩ bàn được, chỉ có mỗi tự tánh (mới được như thể mà thôi)*”. Vì vậy, “*Chân Thật Tế*” chính là tự tánh của đương nhân.

- “*Cái lợi chân thật*” là gì?

- Sớ Sao nói: “*Lắng nghe trước thành thanh tịnh, quay lưng (bỏ cõi Sa Bà), hướng về (Tịnh Độ), siêu việt ba A - tăng - kỳ trong một niệm, ngang với chư Thánh trong một lời. Diệu dụng cùng cực thay, cũng chẳng thể nghĩ bàn nổi. Chỉ là Phật thuyết A Di Đà kinh mà thôi!*”.

Chúng ta ở đây là ngũ trước ác thế. “*Trước*” là ô nhiễm nghiêm trọng: Tinh thần ô nhiễm, cuộc sống vật chất ô nhiễm. Nghiêm trọng nhất là tự tư tự lợi, thị phi nhân ngã, tham, sân, si, mạn.

- Làm thế nào để gạn lọc ô nhiễm?

- “*Gạn đục khơi trong, phản bối nhi hướng*” (Lắng nghe trước thành thanh tịnh, quay lưng hướng về). Chữ “*bối*” ngày nay chúng ta nói là khởi tâm động niệm, nói năng hành động trái với tự tánh. Hiện tại phải “*phản bối nhi hướng*”, quay đầu lại hướng đến tự tánh, hướng đến tánh đức. Hai câu này chính là điều mà hiện nay các nhà khoa học nhắc nhở chúng ta: Thay đổi tâm thái là chúng ta được cứu! Vì sao? Y báo, chánh báo trang nghiêm đều từ tâm thái biến hiện ra.

Ba ngàn năm trước, đức Phật nói: “*Tâm hiện thức biến*”, “*Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh*”, nay đã được các nhà lượng tử học chứng minh rồi, là thật không phải giả! Cho nên, quay đầu lại phải từ bản thân, không ai có thể giúp ta được. Pháp môn Tịnh Độ dạy “*gạn đục khơi trong*”, trở về với tự tánh, chính là một câu A Di Đà Phật. Trong tâm bất luận là niệm thiện hay niệm ác đều không nên quản, lập tức

quay trở lại với A Di Đà Phật, tất cả đều qui về A Di Đà Phật. Vậy là bạn đã thật sự quay đầu, liền được tâm thanh tịnh, liền hướng về đạo Bồ Đề. Đây chính là cái lợi chân thật. Do diệu dụng chân thật như thế nên: “*Việt tam kỳ u nhất niệm*” (Siêu việt ba A-tăng-kỳ trong một niệm):

“*Tam kỳ*” là ba đại A-tăng kỳ kiếp. Ở đây ý nói phàm phu tu hành đến khi thành Phật rất khó, phải trải qua thời gian rất dài. Nhưng, nếu gặp được pháp môn Tịnh Độ thì không còn khó nữa, một niệm liền vượt qua ba A-tăng-kỳ kiếp một cách rất nhanh chóng! Lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khuyến nhắc niệm Phật, họ liền nhanh chóng niệm Phật A Di Đà cầu sinh thế giới Cực Lạc. Họ đã thật tin, thật làm, thật niệm, họ đã thành công. Đây là pháp khó tin!

“*Ngang với chư Thánh*”: “Chư Thánh” ở đây chính là bốn mươi mốt vị Pháp Thân Đại Sĩ; chúng ta thường nói: Thần thông đạo lực, trí tuệ của người vãng sinh thế giới Cực Lạc, mỗi mỗi đều bình đẳng; điều này thật hi hữu, thật rất khó gặp! Cho nên, những thứ tạp nhạp của thế gian đều nên quét sạch không để lây nhiễm, thứ nên xả thì phải xả, thứ không nên xả cũng phải xả, chỉ giữ chặt câu A Di Đà Phật thì không ai mà không thành tựu.

Kinh A Di Đà chính là tiểu bản của kinh Vô Lượng Thọ. Nên biết: “*Diệu dụng đến cùng cực chỉ là Kinh Vô Lượng Thọ này thôi!*” Tông của kinh này là “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. “Phát tâm Bồ Đề” bao hàm trọn vẹn “tín, nguyện”. “Nhất hướng chuyên niệm” chính là “trì danh”.

Năm xưa, lúc tôi đến Đài Loan, “Liên xã Đài Trung” có khoảng trên hai trăm ngàn người. Sau mười năm, khi tôi rời Đài Loan, số lượng liên hữu lên đến khoảng năm trăm ngàn người. Đây là một đoàn thể rất lớn ở Đài Loan, do đức hạnh của thầy Lý mà chiêu cảm được. Trong số này có khoảng hai mươi phần trăm là

người trẻ tuổi. Nếu hỏi họ thế nào là “*Bồ Đề tâm*”, họ không hiểu rõ ràng. Nhưng, họ vắng sinh: Đứng mà đi, ngồi mà đi, biết trước giờ đi. Đối chiếu với kinh này là “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”; “*nhất hướng*” thì chúng ta thấy rồi, họ từ sớm đến tối chỉ một câu A Di Đà Phật, tất cả mọi thứ khác đều không nghĩ đến.

Trong “*Yếu Giải*” của Ngẫu Ích Đại Sư nói: “*Chân tín thiết nguyện chính là phát Bồ Đề tâm vô thượng*”. Ấn Quang Đại Sư vô cùng tán thán câu nói này của Ngẫu Ích Đại Sư, từ trước đến nay chưa từng có ai nói qua, ngài đã nói ra được sự việc này khiến chúng ta hiểu rõ, dễ dàng tiếp thu không còn hoài nghi.

Hai bốn Đại, Tiểu có cùng một cương tông, đây thật sự là “*diệu pháp*”; Diệu Pháp Liên Hoa Kinh kể cả Kinh Hoa Nghiêm cũng không thể sánh bằng, đây là từ trên tác dụng mà nói. Kinh thể là bình đẳng, tất cả kinh đều không rời tự tánh, đều do đức Thích Ca Mâu Ni Phật từ trong tự tánh mà lưu xuất ra, nhưng tác dụng thì khác nhau. Tác dụng mỗi bộ kinh đều không tương đồng. Hơn nữa, tác dụng của bộ kinh này mới thật là Đại viên mãn: “*Tam Bối tề thu*” khiến cho phàm phu chóng cùng được “*Bồ Xứ*”.

“*Tam Bối*” là nói về căn tánh của chúng sinh: Thượng căn, trung căn, hạ căn đều có phần; thượng thượng căn được lợi ích, hạ hạ căn cũng được lợi ích. Chỉ cần bạn tin tưởng, chân thật muốn sinh đến thế giới Cực Lạc, được thân cận Phật A Di Đà; cái “*tin tưởng*” này chính là “*Nguyện*”. Kế đến là “*Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật*” thì nhất định vắng sinh. Chúng ta may mắn được nghe, thật đúng như cư sĩ Bành Tế Thanh, thời đại Càn Long nói: “*Vô lượng kiếp đến nay hiếm có khó gặp được ngày này*”.

VIII. PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA ĐỆ TỨ

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Phần kinh văn từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ mười là phần Chánh Tông, trình bày căn kẽ nhân địa của đức Phật A Di Đà: Thấy Phật nghe pháp, sơ phát đại tâm, năm kiếp tinh tấn kết thành đại nguyện, nhất thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh độ khắp ba căn, cứu hết muôn loài, tích công trừ đức, trụ “Chân Thật Tuệ”, một dạ chuyên chí trang nghiêm cõi nước nhiệm màu. Trong vô lượng kiếp, ngài vun bồi đức hạnh để thành tựu viên mãn các đại nguyện đã phát. Trong ba kinh Tịnh Độ, chỉ mỗi kinh này giảng nói những sự việc như vậy, nên kinh này được xưng tụng là “Kinh Tịnh Độ đệ nhất”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, phẩm kinh văn này vô cùng quan trọng, là cương lĩnh của người tu Tịnh Độ. Từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ mười hai, Hòa Thượng chia ra làm hai phần:

- Một là “*Di Đà nhân địa*” (Từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ tám).
- Hai là “*Quả đức viên mãn*” (Từ phẩm thứ chín đến phẩm thứ mười hai). Đoạn kinh văn này có thể nói là lịch sử của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta học Tịnh Độ không thể không hiểu biết. Có thật sự nhận biết đối với thế giới Cực Lạc, đối với Phật A Di Đà chúng ta mới có thể sinh khởi tín tâm kiên định. Đích thật, ngài không phải là thần, tiên cũng không phải từ không mà sinh có, ngài có lai lịch rõ ràng. Sau đây là phần kinh văn.

KINH VĂN:

Phật cáo A Nan:

- Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp. Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh, giảng đạo.

VIỆT DỊCH:

Phật bảo A Nan:

Vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô ương số kiếp trong quá khứ có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, tại thế giáo hóa trong bốn mươi hai kiếp. Khi ấy, đức Phật vì chư thiên và người đời nói kinh giảng đạo.

GIẢNG:

“Phật cáo A Nan”: Thích Ca Mâu Ni Phật nói với A Nan **“Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp”**: câu này ý nói thời gian rất dài, lâu xa đến vô cực về trước. **“Vô ương số”**, ngày nay gọi là “con số thiên văn”, tiếng Phạn là “A-tăng-kỳ”. **“Ương”** nghĩa là cùng tận. **“kiếp”** là đơn vị thời gian rất dài không thể tính đếm được. Do kiếp số chẳng thể tính đến cùng tận nên gọi là “vô ương số kiếp”.

- Trong Kinh A Di Đà, Phật nói: A Di Đà Phật thành Phật đến nay mới có mười kiếp, sao chỗ này Phật lại nói **“bất khả tư nghị vô ương số kiếp”**?

- Ý nói A Di Đà Phật nhân địa sớm đã thành Phật rồi, lần này ngài ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là thị hiện thành Phật, như Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước đến thế gian cũng là thị hiện. Bằng chứng là trên Kinh Pháp Hoa, Phật nói ngài đã thành Phật từ vô lượng kiếp. Trên kinh Phạm Võng, Phật cũng nói ngài đến thế gian này là lần thứ tám ngàn, không phải lần đầu.

“Hữu Phật xuất thế”: vào lúc đó có Phật xuất thế **“*danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai*”** (hiệu là Thế gian Tự Tại Vương Như Lai). Chữ **“*Tự Tại*”** chỗ này không cần phải nói nhiều, phía trước đã nói qua mười tự tại trong Kinh Hoa Nghiêm. **“*Thế Gian Tự Tại*”** có thể hiểu là thường ở thế gian nhưng không bị thế gian chướng ngại, như câu nói **“*Phật chiếu thế gian tướng, thường trụ tự tịch diệt*”**, chữ **“*tự*”** ở đây là tự tánh.

Sách Bình Giải lại bảo: **“*Chữ Thế Gian tương ứng với Bát Nhã; Tự Tại nghĩa là Giải Thoát, Vương là Pháp Thân. Ba chính là một, một chính là ba, chẳng ngang, chẳng dọc, nên gọi là Thế Tự Tại Vương*”**.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Đây là cách giải thích danh hiệu Phật dựa trên ba đức của Niết Bàn. Thời cổ, mọi thứ đều thuộc về nhà vua, nên dùng chữ “Vương” để ví cho Pháp Thân. Vì Pháp Thân là bản thể, tất cả mọi thứ đều qui về Pháp Thân nên bảo “Vương” là **“*Pháp Thân Đức*”**. Chiếu thế gian, thông đạt thế gian là **“*Bát Nhã Đức*”**. Tự tại trong thế gian là **“*Giải Thoát Đức*”**. Như vậy, danh hiệu **“*Thế Gian Tự Tại Vương*”** chứa trọn ba đức, ba tức là một, một tức là ba. Câu **“*chẳng ngang chẳng dọc*”** diễn tả diệu đức vô thượng Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của chân thân Niết Bàn.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chư Phật, Bồ Tát thật sự không có danh hiệu. Danh hiệu sở dĩ có là thuận theo thế gian mà

kiến lập. Nói cách khác, danh hiệu chính là tôn chỉ giáo hóa của Phật hay Bồ Tát ở một khu vực trong giai đoạn nào đó.

- Vì sao phải kiến lập Tông chỉ?

- Vì chúng sinh khu vực này có những tâm bệnh, phải dùng phương pháp này để chuyển hóa những tâm bệnh đó. Chẳng hạn như lúc Phật thị hiện ở thế gian xưng là Thích Ca Mâu Ni vì chúng sinh lúc ấy:

- Thứ nhất là tự tư tự lợi, kém lòng nhân từ. Phật vì muốn chuyển hóa tâm bệnh của họ nên thiết lập tông chỉ giáo dục là “Thích Ca”. “Thích Ca” là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung văn là “Năng nhân”, tức là nhân từ. Hai chữ “Thích Ca” chính là đề xướng lòng nhân từ.
- Thứ hai là tâm chúng sinh không thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm quá nhiều, nên trong danh hiệu có chữ “Mâu Ni”. “Mâu Ni” dịch thành ý Trung văn là “Tịch Diệt”. “Tịch” là tịch tịnh, thanh tịnh; “Diệt” là diệt tận tất cả vọng tưởng, tạp niệm.

Cho nên, danh hiệu Phật sở dĩ có là nhằm chuyển hóa căn bệnh của chúng sinh thời đó, chốn đó. Chỉ cần nghe danh hiệu của bất cứ Phật, Bồ Tát nào, chúng ta liền biết được các ngài đang độ loại chúng sinh nào. Danh hiệu khởi tác dụng như thầy thuốc đưa ra phương thuốc, thuốc đến thì bệnh khỏi.

Ngày nay, xem thấy danh hiệu “Thế Gian Tự Tại Vương Phật”, chúng ta liền tưởng chúng sinh thời đó ắt có tâm bệnh bảo thủ, chấp trước nên Phật phải dùng phương pháp này giúp họ giải trừ những tâm bệnh đó.

Dùng danh hiệu “Tự Tại” lại thêm vào chữ “Vương”. “Vương” cũng là ngậm ý “Tự Tại”, đặc biệt cường điệu “Tự Tại”.

Tóm lại, danh hiệu trong nhà Phật đều là biểu pháp, mãi đến hiện tại vẫn còn tuân thủ nguyên tắc này.

Từ “Nhu Lai” đến “Phật Thế Tôn” là thông hiệu (danh hiệu chung) của chư Phật, mỗi vị Phật đều có đủ mười hiệu này. Thật ra chư Phật vô lượng đức nên đức hiệu cũng vô lượng, nay do thuận theo căn cơ chúng sinh nên chỉ nói giản lược **mười đức hiệu của Phật**, được giải thích như sau:

1. Nhu Lai

“*Nhu*” là chân như, là chân tâm, bản tánh, là tự tánh, pháp tánh v.v... cũng gọi là Đệ nhất Nghĩa Đế. Trong kinh, Phật đã nêu ra mười danh từ khác nhau để nói về vấn đề này.

- Vì sao chỉ mỗi một vấn đề, Phật lại nêu ra nhiều như vậy?

- Đây là phương tiện thiện xảo trong khi Phật giảng kinh thuyết pháp. Phật ngại chúng ta chấp tướng nên đã dùng rất nhiều danh từ để hình dung một vấn đề, chỉ cần hiểu là được, còn nói như thế nào cũng chẳng sao, đây là chân thật nghĩa của Nhu Lai.

Cho nên, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta khi nghe kinh hoặc nghiên cứu kinh điển:

- Thứ nhất, đừng chấp vào tướng ngôn thuyết: Trong “Tứ y pháp”, Phật dạy chúng ta “*y nghĩa bất y ngữ*”, điều này rất quan trọng.
- Thứ hai, đừng chấp vào tướng văn tự: Văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ, văn tự dù có sâu cạn hay nhiều ít không quan trọng, chỉ cần nói lên được ý nghĩa là đủ. Tất cả danh từ, thuật ngữ chỉ là giả thuyết nhằm giúp chúng ta ngộ nhập nghĩa chân thật. Hiểu được nghĩa chân thật là “ngộ nhập tự tánh”, trong Tông môn gọi là “minh tâm

kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, đây là mục tiêu sau cùng trong giáo dục của đức Phật.

- Thứ ba, đừng chấp vào tướng tâm duyên:

- Thế nào là tâm duyên?

- Là “vọng văn sinh nghĩa”! Tôi thấy thế này, tôi nghe thế này, tôi nghĩ thế này v.v... thì không được! Vì sao? Vì bạn đã rơi vào đệ lục ý thức! Tất cả những gì bạn học được đều là “tri thức Phật học”, không phải là trí tuệ. Đức Phật không dạy bạn tri thức mà hy vọng bạn ngộ nhập trí tuệ. Chỉ có trí tuệ mới giúp bạn hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, thực tướng của các pháp, giúp bạn liễu sinh tử, xuất tam giới. Chẳng những xuất tam giới mà còn vượt thoát “thập pháp giới” đến “Nhất Chân Pháp giới”, cõi “Thật Báo Trang Nghiêm” của chư Phật Như Lai.

Chân Như tự tánh, mọi chúng sinh đều có, tuy có mà đã bị mê mất, không phải thật đã mất. Như vậy:

- Chân Như có khởi tác dụng không?

- Có! Nhưng chính bạn không hề hay biết!

- Lúc nào khởi tác dụng?

- Lúc bạn khởi tâm động niệm! Niệm thứ nhất là “*chân tâm*”, là “*Như Như*”, là “*Phật tri Phật kiến*”.

- Tâm bệnh của phàm phu ở chỗ nào?

- Không thể giữ được cái niệm ban đầu! Phàm phu, niệm thứ nhất rất ngắn chỉ trong một sát-na, kể đến là niệm thứ hai liền rơi vào trong ý thức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên biến thành phàm phu. Đến lúc nào có thể giữ được cái niệm ban đầu không thay đổi, bạn liền thành công.

Trong nhà Phật có rất nhiều phương pháp, tám vạn bốn ngàn pháp, nói ra chỉ là một sự việc: làm thế nào giữ được niệm đầu tiên không thay đổi, đây gọi là “*nhất niệm*”, Tịnh Độ tông gọi là “*nhất tâm*”. Vọng tưởng càng nhiều thì càng đáng lo! Càng nhiều càng hướng xuống đọa lạc! Cho nên, trong tất cả pháp môn, pháp môn Niệm Phật là thù thắng nhất. Một ngày từ sớm đến tối không có ý niệm nào khác, khởi tâm động niệm chỉ một câu A Di Đà Phật.

- Niệm Phật thế nào mới có lực?

- Xem tất cả mọi người đều là A Di Đà Phật, công phu mới có lực! Không chỉ mọi người là A Di Đà Phật mà tất cả mọi vật, mọi việc cũng là A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật, bất cứ thứ gì cũng đều không có.

Bạn nhìn xem! Thế giới Tây Phương Cực Lạc, bảo thọ thành hàng, gió thổi, chim hót, suối reo, nước chảy v.v... đều nói pháp. Các thứ đều là A Di Đà Phật biến hóa ra. Thế giới Cực Lạc như vậy! Chỉ là bạn chính mình không chịu thừa nhận! Cứ mãi miết trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không còn cách nào! Cho nên, làm thế nào chuyển đổi được cảnh giới, then chốt chính ngay chỗ này!

Thiên Thai Trí Giả Đại sư trong bản Sớ Giải phẩm “Thọ Lượng” trong Kinh Pháp Hoa, ngài giảng rằng: “*Như là pháp bất biến, giống như tấm gương, chẳng phải là nhân, chẳng phải là quả. Dẫu có Phật hay không có Phật thì tánh tướng vẫn thường như vậy. Trọn khắp hết thấy các chốn mà chẳng bị đổi khác là Như, bất động mà đến được khắp tất cả là Lai*”. Giải thích như vậy là giảng theo Pháp Thân Như Lai.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Pháp như như cảnh*”, “như như cảnh” là ví dụ, “như như” là không khác nhau, “Tánh, Tướng nhất như”, Tánh như Tướng, Tướng như Tánh; Tánh, Tướng là nhất

thể; lý sự là nhất thể; nhân quả là nhất thể; tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ là nhất thể, không nhân không quả.

- Có nhân quả chăng?

- Có nhân quả!

- Sao nói có nhân quả?

- Vì có ý niệm là có nhân quả! Không có ý niệm thì nhân quả không có!

- Tôi đã vô niệm!

- Vô niệm, bạn vẫn có nhân quả!

- Vì sao?

- Vì bạn có “vô niệm”! “Vô niệm” cũng không được có! Nếu thật sự bạn tu “vô niệm” tương lai bạn sẽ đến trời Vô Tướng. Cho nên “vô niệm” không còn, đoạn tận khởi tâm động niệm, đây mới là cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ từ Sơ Trụ trở lên.

Nên biết: Khởi nhân của tất cả pháp là ý niệm đầu tiên, “nhất niệm” này không có nguyên nhân nên gọi là “vô thi vô minh”, nó không có bắt đầu, đây là chân tướng sự thật! Câu này rất khó hiểu!

Trước đây tôi ở Đài Trung, học Kinh Lăng Nghiêm. Trong kinh này, ngài Phú Lô Na có nêu ra:

“Vô thi vô minh khởi như thế nào?” Lúc đó tôi giảng “vô thi” là thời gian rất lâu xa về trước. Tôi đã hiểu sai! Ý nghĩa thật sự của “vô thi” là vốn không có bắt đầu. Đức Phật đưa ra ví dụ: Chàng Diễn Nhược Đạt Đa “mê đầu nhận ảnh”. Đây là có ngộ nhận!

Khi tôi học cấp một, cấp hai vào thời kháng chiến, chiến tranh Trung-Nhật. Lúc đó, lớp năm, lớp sáu tiểu học có học quân sự nên chúng tôi cũng thường được huấn luyện quân sự. Trong huấn

luyện quân sự, chuyện bình thường nhất là tập hợp khẩn cấp. Sáng sớm, trưởng quan ở thao trường thổi một hồi còi, giới hạn trong vòng ba phút, tất cả phải phục trang chỉnh tề đến thao trường xếp hàng, thường có trường hợp này. Khi phục trang chỉnh tề, đột nhiên hoảng hốt hỏi mọi người:

- Mũ của tôi không thấy! Nó ở đâu?!

Bạn học nói:

- Chẳng phải bạn đang đội trên đầu đó sao?

Sờ lên là thật! Đây gọi là “*mê đầu nhận ảnh*”. Thử nghĩ: Cái mê này có thời gian chăng? Nó phát sinh khi nào? Câu chuyện Diễn Nhã Đạt Đa “*mê đầu nhận ảnh*” cũng như câu chuyện này! Thật sự, phát sinh hoảng hốt đó là “*nhất niệm bất giác*”, quên bản thân đã đội mũ đó là bất giác!

- “*Nhất niệm bất giác*” đó là nguyên nhân gì?

- Tìm không ra nguyên nhân!

Ý niệm đầu tiên không có nguyên nhân, ý niệm thứ hai trở đi mới có nguyên nhân. Ý niệm đầu là nhân của ý niệm thứ hai v.v... Duy chỉ niệm thứ nhất không có nhân cũng không có thời gian. Nếu hỏi:

- Nó khởi lên khi nào?

- Không có! Ngay ở tại đây!

Cho nên, vọng niệm là niệm này tiếp nối niệm kia, mới có thế giới này. Nếu đoạn tận ý niệm vọng tưởng, thế giới lập tức không còn! Vì sao? Đó là giả! Giống như ta xem phim, từng đoạn, từng đoạn băng phim nhựa, nếu một đoạn nào bị đứt, lập tức hình ảnh không có, chỉ còn lại một khoảng trống không.

Thế mới biết, thế giới này còn tương tục, còn tồn tại là ý niệm chưa đoạn. Trong “Đệ Nhất Nghĩa” không nhân, không quả. Trong đệ nhị nghĩa có nhân, có quả; cũng chính là nói: Trong mười pháp giới có nhân có quả; trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm vẫn có nhân có quả; chỉ trong Thường Tịch Quang là Đệ Nhất Nghĩa không có nhân, không có quả, chỉ là một cảnh giới như vậy.

Đại sư Huệ Năng nói: “*Nào ngờ tự tánh năng sinh vạn pháp*”, nhân quả sinh ra đồng thời với năng sinh vạn pháp, sinh đồng thời nên không có trước sau. Tánh tướng thường nhiên, Pháp tánh năng sinh năng hiện, Pháp tướng sở sinh sở hiện. Các biến hóa trong pháp tướng đều có thức. Thức là phân biệt, chấp trước. Thế Tôn nói: “*Tất cả pháp từ tâm tướng sinh*”, câu này bao gồm toàn thể vũ trụ, cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện, cõi Phạm Thánh Đồng cư đều từ tâm tướng sinh. Tâm tướng không có thì tất cả đều không, tâm tướng chưa đoạn thì nó tồn tại.

Do Phật có ba thân: Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân nên chữ “Nhu Lai” tất nhiên được giải thích theo từng quan điểm Pháp, Báo, Ứng khác nhau. Nói đầy đủ sẽ như Hội Sớ giảng:

- Chẳng đến, đi là Pháp Thân: Như Kinh Kim Cang nói “*vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ*” (không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu). Nói rõ hơn một chút, theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Không có đối lập là Pháp Thân*”.
- Chánh Giác Đệ Nhất Nghĩa Đệ, đạt đến Chân Như Thật Tướng như thế là Báo Thân. Nói cách khác, Báo Thân này là nương vào Pháp Thân mà đến.
- Nương theo Chân Như Thật Tướng để thành tựu Chánh Giác, đạt đến như vậy là Ứng Thân.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: chữ “*Nhu Lai*” người xưa giải thích: “*Thừa như thị đạo nhi lai*”.

- Cái gì là “*Thừa như thị đạo nhi lai?*”
- Thực tế mà nói là tương ứng với “*Nhu*” mà đến!
- Đến để làm gì?

- Để hiện thân nói pháp! Đây là Ứng Thân Phật, Báo Thân Phật. Như Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa xuất hiện ở thế gian, ngài là người tái lai, không phải phàm phu. Đáng dùng thân gì để độ, ngài liền hiện ra thân ấy để độ. Ngài là “*thừa như thị đạo*” mà đến ứng hóa, rất tự tại, gọi là *Nhu Lai*, chúng ta do nghiệp báo mà đến nên không được tự tại.

Trên Kinh Kim Cang có một giải thích rất hay, Phật nói: “*Nhu Lai giả chư pháp như nghĩa*”. Cách nói này là nói rộng, đối với người tu học chúng ta có sự giúp đỡ rất lớn. Như vừa rồi tôi dạy bạn: Ở Niệm Phật Đường, niệm Phật nên xem tất cả mọi người, tất cả mọi việc, tất cả mọi vật đều là A Di Đà Phật, đây chính là “*chư pháp như nghĩa*”; trong tất cả pháp “*pháp pháp giai như*”, tức là “nhất thể”. Vì sao vậy? Tất cả pháp đều từ tự tánh biến hiện. Tự tánh là “Chân Như”; “Chân Như” biến hiện mọi vật, như Kinh Hoa Nghiêm nói tất cả pháp đều “*duy tâm sở hiện*”, tâm đó chính là “Chân Như”, từ Chân Như hóa hiện ra. Ví như chúng ta dùng vàng làm thành các vật dụng, mỗi vật dụng đều là vàng. Vàng ví cho “Chân Như”, các vật dụng đều từ “Nhu” mà có. Cho nên, Phật nói: “*Chư Pháp như nghĩa*” câu nói này mới chân thật viên mãn; chân thật nói đến cùng tột.

Nói đến ba thân của Phật:

- “*Pháp Thân*” là Tỳ Lô Giá Na mà trên Kinh Hoa Nghiêm nói. Tỳ Lô Giá Na là tiếng Phạn, ý nghĩa là khắp tất cả mọi nơi, tận hư không pháp giới là “Pháp Thân”. Mười phương ba đời tất cả chư Phật cùng đồng một “Pháp Thân”. “Pháp Thân” chính là “Chân Như”, không có đến, đi mà chỉ có thị hiện. Nơi nào có cảm thì nơi

đó có ứng, việc thị hiện này thật không dễ hiểu! Chúng ta dùng truyền hình để ví dụ: Bạn mở bất cứ kênh đài nào, sắc tướng liền lập tức xuất hiện trên màn hình. Thử hỏi: Sắc tướng đó có phải từ nơi nào đó truyền đến hay không? Không hề có! Không luận ở bất cứ nơi nào, khi mở đúng kênh đài, hình ảnh liền lập tức xuất hiện; không muốn xem thì tắt máy, hình ảnh sẽ không còn, đây thật là “không đến cũng không đi”. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa ở thế gian cũng là như vậy.

Chúng ta đọc kinh, nghe pháp đích thật là phải “*tức tướng là tướng*”, “*ly tức đồng thời*”, chúng ta mới có chỗ vào, mới có chỗ ngộ. “Pháp Thân” là Chân Như lý thể, triết học gọi là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Bản thể là Chân Như tự tánh năng sinh, năng hiện. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là sở sanh, sở biến.

- “*Báo Thân Phật*” là “*tự thọ dụng*” của trí tuệ. Báo Thân phàm phu là thọ dụng của phiền não.

- “*Ứng Thân*” là “*tha thọ dụng*”, “*Ứng Thân Phật*” là lợi ích tất cả chúng sinh. Phàm phu chúng ta nếu vì xã hội, vì nhân dân đại chúng phục vụ, thân này cũng là “*Ứng Thân*”.

Cho nên, Phật có ba thân, phàm phu cũng có ba thân. Ba thân Phật tương ứng với Chân Như; ba thân của phàm phu không tương ứng với Chân Như vì mê mất đi tự tánh, biến thành vô tri, lỗi làm chính ngay chỗ này.

- Cách hồi phục tự tánh như thế nào?

- Đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì hồi phục chân tánh.

Niệm Phật Đường là nơi luyện tâm được Định, giảng đường giúp ta khai trí tuệ. Đạo tràng này Định-Tuệ đều học. Nếu không nghe kinh, chỉ dựa vào niệm Phật, sự thành tựu ắt sẽ chậm. Nếu có

thể vừa niệm Phật, vừa nghiên giáo, sự thành tựu của bạn sẽ nhanh hơn. Nếu chỉ dùng câu Phật hiệu đè nén tất cả tham, sân, si, mạn v.v... như dùng đá cuội đè cỏ, liễu mạng mà đè, đè đến mức bão hòa không còn đè xuống được nữa thì xong.

Thế nhưng, nên biết bạn có nghe kinh, thâm hiểu những lời Phật dạy, khi vọng tưởng sinh khởi, bạn liền dùng sức Định của câu A Di Đà Phật chế ngự nó, một mặt dùng trí tuệ nhìn thấu, buông bỏ nó, vọng tưởng sẽ lập tức tiêu hết, đây là phương pháp nhanh chóng và hiệu quả nhất. Cho nên, người chân thật biết dụng công, nhất định phải “Định-Tuệ đẳng trì”, hiệu quả sẽ rất thù thắng.

Tóm lại, “*Như*” là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

- Chân tướng là gì?

- Là “*vô sở hữu, bất khả đắc*”. Hai câu này là qui nạp của Kinh Đại Bát Nhã, sáu trăm quyển, mà Thế Tôn đã từng diễn nói suốt hai mươi hai năm, đã lặp đi lặp lại hàng mấy trăm lần.

- Vì sao “*vô sở hữu, bất khả đắc*”?

- “*Vô sở hữu*” là nói về hiện tướng, “*bất khả đắc*” là nói về thọ dụng. Kinh Kim Cang nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện*” đã nêu rõ “*vô sở hữu, bất khả đắc*” của vạn pháp vô thường, không chân thật. Tóm lại:

- *Pháp Thân Như Lai* là “*Pháp tánh*”, là bản thể, không có hình tướng, trong Tịnh Tông gọi là *Thường Tịch Quang*.
- *Báo Thân Như Lai* là “*Pháp tướng*”, có vô lượng tướng; tướng có vô số, vô lượng vẻ đẹp không phải chỉ có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp như bình thường chúng ta nói. Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp là “*Ứng Thân Phật*”, không phải “*Báo Thân Phật*”. Vì sao? Vì tánh đức

hoàn toàn hiển thị từ “Báo Thân”, gọi là “*Tự thọ dụng*”. Tánh đức vô lượng, vô biên, vô số, vô tận không thể nghĩ bàn, thật sự là lia khổ được vui.

- *Ứng Thân Như Lai* là “*Pháp dụng*” là khởi dụng của “Pháp tánh”. “*Thừa như thị đạo*” là tự tánh, “*lai thành Chánh Giác*” là thị hiện “*Ứng Thân*”.

Như đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện vào cõi nhân gian, cũng là con người, chỉ khác ở chỗ: Chúng sinh mê hoặc điên đảo; Phật là người triệt ngộ rốt ráo, ngài đến để giáo hóa chúng sinh, thị hiện dạy người. Nếu dạy súc sinh thì thị hiện thân súc sinh, nếu dạy ngựa quý thì thị hiện thân ngựa quý v.v... Hiện thân đồng loại, đây gọi là “*Ứng Thân*”.

Trong “*trai đàn chẩn tế*”, cúng thí thực, mời quý đến ăn, chúng ta thấy trên đàn cúng tế có cắm bài vị quý vương gọi là Tiêu Diện Đại sĩ, mặt mũi hung dữ. Tiêu Diện là Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện thân quý để “*hòa quang đồng trần*”, cứu độ chúng sinh trong đường ngựa quý.

“*Hóa Thân*” khác với “*Ứng Thân*”, “*Hóa Thân*” chỉ thị hiện trong thời gian ngắn. Bạn có thể nhìn thấy họ, trò chuyện với họ, họ chỉ điểm cho bạn xong liền biến mất, không còn để lại dấu vết nào, đây là “*Hóa Thân*”.

2. Ứng Cúng

Trong thế pháp và xuất thế gian pháp, Phật là đáng phước tuệ viên mãn, cứu cánh nhất. Cổ nhân có câu: “*Lượng lớn phước lớn*”, người có tâm lượng nhỏ mặc dù có phước lớn cũng không hưởng được lâu dài, đây là đạo lý nhất định. Tâm lượng của Phật là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. “*Lượng châu sa giới*” đồng nghĩa với “*hàm dung không hữu*”, là một trong ba loại chu biến (chu

biến pháp giới, xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu) mà Quốc sư Hiền Thủ đã nói trong “Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”. Cho nên, đức Phật xứng đáng thọ nhận cúng dường của hết thầy trời người.

Đại Luận viết: “Đức Phật đã trừ sạch hết kiết sử, đắc hết thầy trí tuệ, nên xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường của hết thầy chúng sinh trong trời đất. Vì vậy, Phật được xưng là Ứng Cúng”.

Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: “Chứng, diệt tương ứng nên gọi là “Ứng”. Lại do chứng, diệt nên đáng cúng dường; vì vậy bảo là Ứng Cúng”. “Chứng” là nói sự tu hành của ngài, “diệt” là tập khí phiền não đều không có, đây là từ “nhân” mà nói; “nhân” không có thì quả báo sinh tử cũng không có, đây gọi là “Ứng Cúng”. “Chứng, diệt tương ứng” là “bất sinh bất diệt”, đây là cảnh giới của “Pháp Thân Bồ Tát”; khế nhập vào cảnh giới này đáng được nhận sự cúng dường.

Sách Hội Sớ lại bảo: “Vạn hạnh viên thành, phước tuệ đầy đủ, xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường của trời người, lợi ích hữu tình, nên Phật hiệu là Ứng Cúng”.

3. Đẳng Chánh Giác

Tiếng Phạn là Tam Miệu Tam Bồ Đề, nói đủ là “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. “A” là “Vô”, “Nậu Đa La” là “Thượng”, “Tam” là “Chánh”, “Miệu” là “Đẳng”, “Bồ Đề” là “Giác”, nói gộp lại là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Bồ Tát nhân hạnh viên mãn nên thành “Đẳng Chánh Giác”, xưa kia dịch là “Vô Thượng Chánh Biến Tri”.

Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: “Chánh là lý. Chiếu soi tột cùng lý thể, nên bảo là Biến Tri”. Chữ “chiếu” ở đây là trực giác, không dùng ý thức. Nếu vận dụng ý thức để tìm hiểu, nghiên cứu liền biến thành tri thức, không phải trí tuệ, không phải Phật pháp, đây thuộc về công phu Thiền định. Trong Phật pháp: A la hán, Bích Chi Phật đều gọi là

Chánh Giác, đây là mức độ cao nhất ở trong “Thập pháp giới”. Trong “Nhất Chân pháp giới”, từ Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ là “Chánh Đẳng Chánh Giác”. Tiến thêm một bước, thêm vào chữ “Vô Thượng” là Quả giác cứu cánh viên mãn Phật. Đây là ba giai cấp trong Phật Giáo.

4. Minh Hạnh Túc

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Ngày xưa chữ “Hạnh” đọc là “Hoành” (Minh Hoành Túc). Đọc “Hạnh” là danh từ, đọc “Hoành” là động từ, là hành động, chữ “Minh” có nhiều cách giải thích:

Đại Luận giảng: “*Túc Mạng, Thiên Nhân, Lưu Tận gọi là Tam Minh*”. Sách Hội Sớ và Tịnh Ảnh Sớ, cùng giảng theo cách này đều cho rằng “Minh” chính là “Tam Minh”. Đây là danh từ Phật học, vốn có sáu loại thần thông nhưng hiện nay gọi là Tam Minh, thần thông này Phật có, Bồ Tát không có. Bồ Tát và A-la-hán chỉ có thể gọi là: Túc Mạng Thông, Thiên Nhân Thông, Lưu Tận Thông. Từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên, tức là Pháp Thân Bồ Tát trong “Nhất Chân Pháp Giới” mới gọi là “Minh”: Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, Lưu Tận Minh.

Tịnh Ảnh Sớ lại còn viết thêm: “*Minh là chứng hạnh, chứng pháp rõ ràng rốt ráo nên bảo là Minh*”. Nếu thấu suốt rõ ràng, chứng ngộ thông suốt được hành pháp mới gọi là “Minh”.

Quyển mười tám Kinh Niết Bàn có chép: “*Minh giả, danh đắc vô lượng thiện quả... Thiện quả giả, danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Minh là đắc vô lượng thiện quả... Thiện quả là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Thuyết này cực sâu cho rằng vì đã chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mới được gọi là “Minh”. Cho thấy “Minh” này không phải là trí tuệ của Tiểu thừa, của Bồ Tát, của quyền giáo Phật quả, đương nhiên càng không phải

là trí tuệ của phàm phu mà là trí tuệ cứu cánh viên mãn trên quả địa Như Lai.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Dùng thuyết của Kinh Niết Bàn để giải thích chữ “Minh” trong Kinh Vô Lượng Thọ này là thỏa đáng nhất. Quyển mười tám Kinh Niết Bàn giảng chữ “*Hạnh Túc*” như sau:

“Hạnh danh cước túc...Cước túc giả, danh vi Giới Tuệ. Thừa Giới Tuệ túc, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thọ cố danh vi Minh Hạnh Túc dã”.

(Hạnh là chân cẳng... Chân cẳng là Giới, Tuệ. Dùng chân Giới Tuệ để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên gọi là Minh Hạnh Túc).

Hòa Thượng Tịnh Không ca ngợi cách nói này rất hay.

- Làm sao đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?

- Nhờ tu “Giới-Định-Tuệ” mới đạt được, cho nên ví Giới Tuệ là chân. Có chân mới có thể đi đến được. Nói cách khác, công phu Tam học “Giới-Định-Tuệ” viên mãn mới chứng được “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Điểm này rất quan trọng! Bí quyết tu hành trong Phật pháp then chốt chính ngay chỗ này. “Giới” là qui củ, nếu học Phật mà không thể trì giới, cho dù bạn có dụng công thế mấy cũng không thể thành tựu! Bạn có giảng kinh lưu loát, trước tác rất hay, nhưng khi chết vẫn cứ là đau khổ, trôi lăn trong lục đạo!

- Vì sao?

- Vì không có Giới-Định-Tuệ!

- Giảng kinh, viết sách, sáng lập học thuyết của mình, như vậy có được xem là trí tuệ không?

- Không phải trí tuệ mà đó chỉ là tri thức!

Nên biết trí tuệ được sinh ra là từ Định, không phải từ bên ngoài như đọc sách, nghiên cứu nhiều mà có trí tuệ. Cho nên tri thức phong phú không hẳn là có trí tuệ, điều này cần phải biết! Trí tuệ có lợi ích thực tiễn, tri thức thì không được! Do nguyên nhân gì? Do tâm bạn Định, đem đến cho bạn ngày ngày an vui, ngày ngày được Pháp hỷ, đây là trí tuệ. Trái lại tri thức dù phong phú, họ vẫn còn ưu tư, vương bạn nên lão hóa rất nhanh.

Chúng ta học Phật phải noi theo Phật, phải cầu trí tuệ không cầu tri thức. Tri thức có hay không có không thành vấn đề, quan trọng là trí tuệ. Khi trí tuệ được khai mở, cho dù bạn không học cũng vẫn biết, đây là thật không phải giả! Nhưng tri thức thì không được! Nếu không học bạn sẽ không biết!

Năm 2007, nhà Hán học trường Đại học Cambridge nước Anh, ông là giáo thọ lâu năm ở đó. Ông biết tôi tổ chức lớp học ở Thang Trì rất thành công nên tự thân đến Thang Trì khảo sát. Đến đó ở bốn ngày, khi trở về đi qua Hồng Kông, ở lại Hồng Kông mấy ngày. Ông tìm đến tôi hai lần, mỗi lần chúng tôi nói chuyện ba tiếng đồng hồ. Ông có ý tốt mời tôi đến Luân Đôn thành lập một thư viện Đại Thừa Phật Học. Thư viện này thuộc Đại học Cambridge. Đại học này được xếp thứ ba trên thế giới. Tôi rất cảm tạ ông đã quan tâm và ưu ái đến tôi, nhưng tôi đáp lời ông tôi không đi được!

- Vì sao?

- Vì trong khuôn khổ chế độ trường học của quý vị tôi không có năng lực!

- Vậy thầy có phương pháp gì không?

- Tôi không có phương pháp nhưng cô nhân tôi có!

- Cô nhân có phương pháp gì?

- Ông đã học “*Tam Tự Kinh*” chưa?

Rõ ràng ông thuộc “Tam Tự Kinh”, thuộc “Tứ Thư”, thật quá giỏi! Đây là một người nước ngoài. Tôi nói tám câu trước trong “Tam Tự Kinh” là nguyên tắc chỉ đạo dạy học cao nhất mà cổ nhân đã truyền lại từ ngàn vạn năm nay. Ông nghe vậy vô cùng ngạc nhiên. Tôi nói:

- Ông nghiên cứu bao nhiêu năm mà không phát hiện ra: Phàm làm nghề giáo dục, lý niệm đầu tiên phải khẳng định tánh người vốn thiện.

- Mục đích giáo dục là gì?

- Là trở về bản thiện, giáo dục sẽ thành công! “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*”, không có giáo dục, đó là “tánh tương cận, tập tương viễn”, tập tánh bất thiện, bản tánh là thiện. Khoảng cách tập tánh và bản tánh của họ ngày càng xa nếu không dạy, họ chắc chắn là tâm hành này! Cho nên nhất định phải làm giáo dục, phải xem trọng giáo dục, lý niệm giáo dục hưng khởi cũng từ đây.

- Dạy như thế nào?

- “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên?*!”

- “*Chuyên*” là gì?

- Là “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”.

Tôi nói: Nếu tôi ở bên đó mở lớp học, tôi sẽ áp dụng phương pháp này. Phương pháp này có thể đào tạo ra nhân tài. Mỗi học sinh chỉ học một môn, không được học hai môn.

- Học bao lâu?

- Mười năm! Mười năm nhất định thành công, mười năm chỉ học một thứ.

Ông ta cảm thấy thật không thể nghĩ bàn!

Tôi nói: Ví như học Luận ngữ, mười năm chỉ học bộ sách này. Ông ta hỏi:

- Học như thế nào?

- Người tôi dạy, tôi không nói cho họ nghe mà chỉ định một số tài liệu tham khảo để họ nghiên cứu. Khi lên lớp, học trò nói cho tôi nghe. Tôi dạy họ học, không phải giảng học. Nếu học một giờ, họ nói năm mươi phút, mười phút sau cùng tôi đánh giá lại. Nên người dạy rất nhẹ nhàng, người học rất vất vả!

Ông hỏi:

- Như vậy có thể hoàn tất xong trong một học kỳ chẳng?

- Đúng vậy!

- Thế học kỳ hai thì sao?

- Học kỳ hai thì học lại lần thứ hai. Nếu học nhiều hơn một chút, khoảng bốn tháng có thể học xong một lần; một năm có thể học ba lần, mười năm học ba mươi lần, họ sẽ trở thành chuyên gia Luận ngữ trên toàn thế giới, trở thành Không tử.

Tôi nói đạo lý này, ông nghe cũng đã hiểu. Tôi nói: Ông trở về thảo luận với nhà trường xem có đồng ý phương pháp của tôi hay không? Tôi nói: Không nên học quá nhiều thứ, khiến đầu óc biến thành bột nhồi! Phương pháp dạy học của người xưa, chỉ có Đức Phật mới hiểu. Trong Kinh Phật đã dạy như vậy, cũng là “*nhất môn thâm nhập trường thời huân tu*”, hoàn toàn giống những gì cổ nhân dạy. Một kinh thông thì tất cả kinh điển đều thông, ngài Huệ Năng là trường hợp điển hình. Nói đến Huệ Năng ông ta cũng biết. Cho nên trí tuệ và tri thức là hai vấn đề khác nhau.

Trước đây, ở Đại học Luân Đôn và trường Đại Học Cambridge tôi đều có giảng dạy, cùng chia sẻ với sinh viên hệ Hán

học và các giáo thọ của họ. Tôi rất khâm phục, họ nói lưu loát tiếng Bắc Kinh, không cần phiên dịch. Không những thế, họ còn đọc được thể văn ngôn. Nói thật, rất nhiều sinh viên Trung quốc cũng chưa sánh bằng họ. Tôi nói với họ: Các bạn dùng kinh điển Phật giáo, kinh điển Đạo giáo, kinh điển Nho giáo để viết luận văn Tiến sĩ, bạn có thể lấy được học vị. Trong tương lai, bạn có thể là một giáo thọ, cũng có thể là nhà Hán học, nhưng tôi tin rằng bạn không thể nào có được sự an vui, niềm hoan hỉ như tôi được! Họ đều rất ngạc nhiên!

- Bạn có biết vì sao không?

- Tôi học không giống bạn!

- Sao lại không giống?

- Bạn xem! Bạn là Nho học, Đạo học, Phật học là học tri thức. Tôi viết lên bảng: Nho học, Đạo học, Phật học. Viết như vậy có đúng không?

- Đúng!

- Cái tôi học tương phản với bạn!

- Sao lại tương phản?

- Tôi học từ bên này đọc qua là học Phật, học Đạo, học Nho là học trí tuệ, như vậy không giống nhau. Học Nho phải học giống như Khổng Tử. Học Đạo phải học giống như Lão, Trang. Học Phật phải giống như Đức Thế Tôn . Ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.

Thời gian tôi nói với họ chỉ có một tiếng đồng hồ nhưng đối với những quan niệm trước đây của họ đã có rất nhiều thay đổi. Tôi cũng lưu tâm họ vấn đề: Tri thức không thể giải quyết vấn đề, dù có giải quyết được vẫn để lại rất nhiều hậu di chứng! Trái lại trí tuệ giải quyết được trọn vẹn vấn đề lại không có di chứng về sau. Đây là kinh nghiệm tôi có được khi tham gia mười mấy lần hội nghị Hòa Bình

Quốc Tế. Thành phần tham dự đều là chuyên gia, học giả, đều là những phần tử tri thức cao cấp. Trong hội nghị, họ đặt ra vấn đề:

- Làm sao hóa giải được xung đột trên thế giới? Làm sao khôi phục nền an định hòa bình cho xã hội?

- Không có cách nào!

Cho nên Thang Ân Tỷ mới nói (Thang Ân Tỷ là người Anh, nhắc đến người này họ đều biết):

“Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ hai mươi mốt chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp Đại Thừa”.

- Như vậy bạn có tin chẳng? Các bạn đều là nhà Hán học, nghiên cứu Hán học, Hán học thật sự có thể làm đến được như Thang Ân Tỷ nói chẳng? Có thể giải quyết được vấn đề chẳng?

Tất cả sinh viên và các vị giáo thọ đều nhìn tôi cười, không trả lời! Tôi hỏi:

- Thang Ân Tỷ nói sai ư?

Họ cũng không nói gì! Sau cùng tôi nêu nhận xét của tôi:

- Thang Ân Tỷ không nói sai! Có thể rất nhiều người trong chúng ta ngộ nhận lời nói của Thang Ân Tỷ. Vì sao?

- Nói đến học Nho, học thuyết Khổng Mạnh, bạn lập tức liên tưởng đến “Tứ Thư Ngũ Kinh”, “Thập Tam Kinh” có phải như vậy chẳng?

- Quả đúng như vậy!

- Nói đến “Phật pháp Đại Thừa” nhất định bạn nghĩ đến Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Bát Nhã..v.v... Những kinh điển này (bạn đều đã nghiên cứu), có thể giúp thế giới này giải quyết xung đột chẳng?

Quả thật không ai còn nói gì!

- Sao tôi lại nói lời của Thang Ân Tử không sai?

- Lời của Thang Ân Tử khiến bạn liền nghĩ ngay đến những đại kinh, đại Luận trong Phật giáo. Những đại Kinh, đại Luận là gì? Là hoa quả trong Phật pháp! Bạn chỉ thấy được phần này!

- Hoa quả từ đâu mà có?

- Từ rễ mà sinh ra! Hoa quả này nếu không có rễ nó sẽ chết!

- Rễ là gì?

- Rễ của Nho giáo là “Đệ Tử Qui”. Rễ của Đạo Giáo là “Thái Thượng Cảm Ứng Thiên”. Rễ của Phật giáo là Kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo”. Gốc rễ này là giáo dục phổ thế, giáo dục cắm rễ; nếu phổ biến nó, xung đột liền được hóa giải, an định hòa bình liền xuất hiện. Từ đó, “Tứ Thư Ngũ Kinh”, “Thập Tam Kinh” dần dần nâng cao, khai hoa kết trái. “Nho-Thích-Đạo” thành tựu huy hoàng đều nhờ “Giới”. Nếu không bắt đầu từ đây, những gì bạn nghiên cứu được đều là “tri thức”! Từ “Giới-Định-Tuệ” mà nâng cao, đó mới là “trí tuệ”. Không giống nhau! Nên tôi khuyên học sinh phải nỗ lực thực hành được ba nền tảng của “Nho-Thích-Đạo”. Tương lai thành tựu của họ sẽ là:

- Nếu học Nho sẽ thành Thánh, thành Hiền.
- Nếu học Đạo sẽ thành Thần, thành Tiên.
- Nếu học Phật sẽ thành Bồ Tát, thành Phật.

Thật sự là có thành tựu! Nếu không nương theo con đường “Giới-Định-Tuệ”, mà theo phương pháp hiện nay của các bạn, tối đa chỉ đào tạo nhân vật được người đời xưng tụng là nhà Phật học, nhà Hán học, nhà Đạo học mà thôi! Bạn có thể nói rất hay, trước tác rất

nhieu nhưng suốt đời không được an lạc, vẫn sống trong thế giới phiền não, thống khổ!

Thế mới biết những gì Thánh Hiền để lại không hề lạc hậu, cổ hủ. Nếu cho rằng họ lạc hậu, cổ hủ, bạn đã bị mắc lừa! Những gì họ để lại là chân lý, vĩnh viễn bất biến! Vì sao? Vì đó là trí tuệ không hề thay đổi; tri thức mới thường thay đổi, biến hóa. Ba nhà “Nho-Thích-Đạo” là trí tuệ không phải là tri thức. Ba nhà đều hạ thủ từ “Giới - Định - Tuệ”, đều chú trọng đến ngộ tánh, đến khai ngộ, đây là điều không thể không biết. Như trong Kinh Niết Bàn phía trước có nói: “Thừa Giới Tuệ túc” (dùng chân Giới Tuệ) mới có thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tịnh Ảnh Sớ cũng giảng tương tự: “Ngài Long Thọ nói: *Giới, Không Tuệ v.v... được gọi là Hạnh. Đây đủ trọn vẹn hai thứ ấy (chỉ Giới và Không Tuệ) thì gọi là Túc*”.

Sách Hội Sớ giảng hơi khác: “*Hạnh Túc là thân, khẩu, ý nghiệp chân chánh, thanh khiết. Dùng nguyện lực của chính mình để khéo tu trọn vẹn hết thấy các hạnh nên hiệu là Minh Hạnh Túc*”.

Hòa Thượng Tịnh Không cho rằng ý của sách Hội Sớ tuy không giống lắm với những chú giải ở trước, nhưng cũng rất có lý, và rõ ràng, dễ hiểu: “*Hạnh Túc là thân-khẩu-ý nghiệp chân thật thanh khiết*,” điều này cũng nói lên nguyên tắc tu hành cao nhất chính là “thiện hộ tam nghiệp” như trong phẩm thứ tám của Kinh Vô Lượng Thọ nói.

5. Thiện Thệ

Theo giải thích của Hòa Thượng Tịnh Không: “*Thiện*” là thiện hảo, là cực kỳ tốt đẹp. Cái tốt đẹp ở đây không cách nào có thể hình dung được nên chỉ dùng một chữ “*Thiện*” để biểu trưng mà thôi.

“Thệ” có nghĩa là “khứ”, là đi qua, “Thiện Thệ” còn được dịch là “Hảo Khứ”, là khéo đi qua, đơn giản mà nói là “dễ đi”.

- “Dễ đi”, bạn đi đến nơi nào?

- Tho thiên mà nói, con người đều phải chết! Chúng ta không nên sợ chết!

Ngày trước, có người nói với tôi “sinh tử sự đại”. Tôi nói với họ: Việc sinh tử không lớn, không gì đáng ngại; “tử sinh” mới là việc lớn. Trong Phật pháp, sau khi chết, trước mắt bạn bày ra mười con đường, mười pháp giới, bạn đến pháp giới nào? Cái lựa chọn này mới là việc lớn! Không phải đợi đến lúc lâm chung mới lựa chọn thì không còn kịp!

Hiện tại, bạn phải mau giác ngộ, phải biết lựa chọn ngay từ bây giờ, đặc biệt là trong thời đại này, trong kinh Phật gọi là đời ác năm trược, hơn nữa còn trược ác đến cùng tột! Có thể không cảnh giác hay sao? Nếu vẫn còn mê muội, không cảnh giác, vậy thì thật đáng lo!

Chân thật muốn thành tựu, bộ Kinh Vô Lượng Thọ này không thể không tường tận. Sau đó, y theo phương pháp lý luận, cảnh giới trong kinh này mà tu hành, ngay trong đời này bạn nhất định sẽ thành Phật, đó mới gọi là “Thiện Thệ”. “Thiện Thệ” là đi thành Phật, đây là từ trên sự mà nói.

Nếu từ trên lý mà nói: “Thệ” chính là “vô trụ”; “Thiện” chính là “sinh tâm”. Chúng ta có thể dùng câu nói trên Kinh Kim Cang: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” để nói lên sự việc này (Thiện Thệ).

- Vì sao dạy bạn “vô trụ”?

- Vì tất cả pháp đều không chân thật! Ngay cả tâm cũng không thật. Kinh Kim Cang nói: “Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được”. Vậy bạn trụ vào

đâu?! Tất cả pháp thể, xuất thể gian đều do duyên sinh. Phàm do duyên sinh đều không có tự thể; không có tự thể thì không thể có được. “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn, bào, ảnh*”, đây là thật không phải giả!

Khi sử dụng máy ảnh bạn có ngộ được điều gì không? Khi chụp lấy tướng, lúc ấn xuống chẳng phải là dính tướng rồi sao? Tôi cũng biết chụp hình, kinh nghiệm chụp hình của tôi rất phong phú, đã chụp mấy mươi năm. Cảm thọ của tôi không giống như bạn! Khi tôi ấn máy đóng mở ống kính, liền biết được đó là sát-na sinh diệt. Sát-na đó qua đi vĩnh viễn sẽ không còn nữa! Sát-na sau sẽ không hề giống sát-na trước! Đây chính là như trên Kinh Kim Cang nói “*như lộ diệt như điện*”, “*điện*” là ánh chớp.

Kinh Hoa Nghiêm nói “*sát-na tế*”, đó chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh: *Tất cả pháp bất khả đắc, vạn pháp giai không*. Cái tâm năng đắc, bất khả đắc! Cái pháp bạn có được cũng không thể được! Tâm bạn làm sao có thể trụ được chỗ nào?! Cái “*trụ*” này chính là ý nghĩa của sự vương bận. Trong tâm bạn nhớ nghĩ, phải biết cái nhớ đó là giả chẳng thật, không nên trụ trước vào đó. Không có chỗ trụ, chân tâm liền hiện tiền. Nếu có chỗ trụ, tâm trụ đó chính là vọng tâm không phải chân tâm.

Thông thường người già hay nghĩ đến con cháu, cái tâm đó dính nơi con cháu. Người trẻ, mỗi ngày từ sớm đến tối chỉ nghĩ đến tiền, tâm họ dính chặt vào tiền, thật đáng thương! Không biết được *năng trụ, sở trụ* đều là một mảng không! Nói thế không phải bảo bạn không quan tâm, không quản đến con cháu, không phải vậy! Bạn vẫn thương yêu, quan tâm và chăm sóc đến chúng nhưng đừng để trong lòng. Đây là “*lý sự vô ngại*”, “*sự sự vô ngại*”, hoàn toàn không có chướng ngại. Nếu tâm có trụ thì có chướng ngại. Đây là ý nghĩa của

“Thệ” tức “vô trụ”, “Thiện” là “sinh tâm”, “vô trụ” cùng “sinh tâm” là một sự việc, không phải hai việc.

- “Sinh tâm” gì vậy?

- Sinh tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm Chánh Giác, tâm từ bi. Cái tâm này là “*tự thọ dụng*”, cũng chính là chúng được Báo Thân Phật. “*Tha thọ dụng*” chính là “*tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp*” đó gọi là “sinh tâm”. Tuy “sinh tâm” vẫn tương ứng với “vô trụ”. Tuy “vô trụ” vẫn tương ứng với “sinh tâm”. Cho nên, “vô trụ” cùng “sinh tâm” là một sự việc, không phải hai. Đây chính là Phật, Bồ Tát.

- Phàm phu chúng ta thì thế nào?

- Phàm phu “sinh tâm” liền “có trụ”. Phật, Bồ Tát “sinh tâm” nhưng “vô trụ”.

- Sinh tâm gì vậy?

- Phật, Bồ Tát “sinh tâm” là tâm “*Giới-Định-Tuệ*”. Phàm phu “sinh tâm” là tâm “*vọng tưởng, phiền não, phân biệt, chấp trước*”. Then chốt: Một bên không trụ, một bên có trụ.

Tâm không trụ là chân tâm khởi dụng, có trụ là vọng tâm. Vọng tâm biến ra sáu cõi luân hồi. Chân tâm biến thành “Pháp giới nhất chân”. Thọ dụng hoàn toàn không như nhau. Nếu hiểu được đạo lý này rồi, ngay trong cuộc sống thường ngày bạn liền được tự tại. Bạn có thể thọ dụng nhưng không nên chiếm hữu, không nên chấp trước, bạn chính là “*Thiện Thệ*”. Nếu ngay trong thọ dụng bạn còn có thể lợi ích tất cả chúng sinh, bạn là Bồ Tát. Nếu chính mình có thọ dụng, không hề chấp trước, nhưng không tích cực đi giúp tất cả chúng sinh, bạn là Tiểu Thừa A-la-hán, Bích Chi Phật.

Phật, Bồ Tát xả mình vì người là chúng ta nói. Trên thực tế, trong cảnh giới của các ngài không có ý niệm ta và người thì làm gì

có ý niệm xả mình vì người, ý niệm hoàn toàn không có! Đây cũng chính là trên Kinh Kim Cang, Phật nói: “*Bồ Tát vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng*”, tu tất cả thiện pháp nhưng vẫn là “vô trụ, sinh tâm”.

“*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng*”, chính là “vô trụ”. “*Tu tất cả thiện pháp*” chính là “sinh tâm”. Phạm phu tu tất cả thiện pháp đều có ngã, có nhân, có chúng sinh, có thọ giả, đó là có trụ. Người học Phật phải “vô trụ, sinh tâm”, tu tất cả thiện pháp phải lìa bốn tướng, đó mới gọi là tích công bồi đức, tu vô lượng công đức. Nếu không lìa bốn tướng mà tu thiện pháp, đó chỉ là phước báo hữu lậu của thế gian, không phải tu công đức. Tu công đức nhất định phải lìa bốn tướng. Điều này rất quan trọng, không phải chỉ đàm huyền nói diệu mà cần yếu là phải thực tiễn được ngay trong đời sống của chính mình mới thật sự có lợi ích.

- Thực tiễn “*Thiện Thệ*”, đơn giản nhất phải như thế nào?

- Niệm niệm không nên nghĩ đến chính mình, niệm niệm luôn vì chúng sinh!

- Thế nào mới thật sự là giúp chúng sinh khổ nạn?

- Giúp chúng sinh khổ nạn không phải là từ thiện cứu tế xã hội. Loại cứu tế này chỉ là giai đoạn, không giải quyết được cội rễ của vấn đề. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời không hề làm qua sự việc này. Phật cứu tế chúng sinh là đem giáo pháp chỉ bày cho họ hiểu được nguyên nhân đau khổ mà phát tâm hướng thiện hồi đầu. Đây mới chân thật là cứu tế tận gốc.

- Khổ nạn của chúng sinh do đâu mà có?

- Do mê mà có! Chúng sinh mê hoặc nên mới tạo ác nghiệp, do tạo ác nghiệp nên mới thọ ác báo.

- Phước đức, an lạc do đâu mà có?

- Từ giác ngộ mà có! Cho nên, Phật cứu hộ tất cả chúng sinh là từ nơi căn bản mà làm. Chỉ cần bạn chịu làm, có một phần cày bừa, tự nhiên được một phần thu hoạch, nhân duyên quả báo không sót mảy trần. Nhờ người khác cứu giúp không phải là biện pháp, không thể giải quyết được vấn đề. Nhờ người khác bố thí, cúng dường, tương lai về sau vẫn phải trả nợ! Làm gì có chuyện ăn không, không hề có!

Người xuất gia tiếp nhận cúng dường của bốn chúng đồng tu, trong Phật pháp thường nói: “*Một hạt gạo của thí chủ nặng như núi Tu Di, đời này không liểu đạo, đời sau mang lông đội sừng để trả*”, vẫn là phải đền trả! Cơm này không dễ ăn, vẫn là chính mình cày bừa thì tương đối thuận tiện. Nghiệp nhân quả báo trong đây sâu rộng vô ngần! Nếu không nhờ Phật giáo hóa chỉ bày, ngay trong đời này chúng ta nhất định không thể nào nghĩ ra được. Cho nên, ân đức của Phật đối với chúng ta, cha mẹ cũng không thể sánh bằng. Ân đức của cha mẹ chỉ một đời, một kiếp. Ân đức của Phật đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn không có bờ mé.

- Ai biết được?

- Người giác ngộ biết được!

Cho nên tri ân, báo ân.

- Làm thế nào để báo ân Phật?

- Chỉ có y giáo phụng hành, đó mới là chân thật báo ân Phật. Đối với kinh điển có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng.

- Thế nào gọi là “chứng”?

- Đem đạo lý, phương pháp mà Phật chỉ dạy trong kinh, hoàn toàn ứng dụng được ngay trong đời sống, đó là chứng quả.

Ví như Phật dạy bố thí tài được tiền của, bạn hiểu đạo lý này bèn vâng làm theo, quả nhiên phát tài được tiền của, đó gọi là “chứng”. Nếu không phát được tài, ấy là bạn chưa “chứng”. Bố thí pháp được thông minh trí tuệ; bố thí vô úy được khỏe mạnh sống lâu. Tất cả đều có lý luận, có phương pháp, có chân tướng sự thật. Đích thật chúng ta đều có thể đạt được, đó không phải là tiêu chuẩn quá cao không thể với, quá sâu không thể dò, mà tất cả đều ở trong tầm tay.

Đại Luận nói về “*Hảo Khứ*” (khéo đi qua) như sau:

“Hảo Khứ là khéo đạt các tam-ma-đề (Chánh định) sâu và vô lượng đại trí tuệ như lời kệ: ‘Nhất Thiết Trí của Phật là cỗ xe lớn, hành tám chánh đạo nhập Niết Bàn’, nên gọi là Hảo Khứ”. Nên biết, “Niết Bàn” là cứu cánh viên mãn, cứu cánh tốt đẹp, không tìm ra dấu vết của một chút khiếm khuyết nào; trong đây, bất luận là trí tuệ, đức năng, hay tướng hảo, mọi thứ đều viên mãn nên gọi là “Hảo Khứ”.

Sách Hợp Tán lại bảo: *“Thiện là phát tâm lúc đầu tiên, Thế là Đại Bát Niết Bàn. Như Lai chẳng bỏ cái tâm đã phát đầu tiên mà chứng đắc Niết Bàn. Vì vậy, Như Lai hiệu là Thiện Thế”*. Cả hai thuyết trên đều xem “nhập Niết Bàn” là Thiện Thế.

Hòa Thượng Tịnh Không ca ngợi “Hợp Tán” giải thích rất hay. Sơ tâm vô cùng đáng quý! Người thật sự đi vào cửa Phật, phát tâm qui y, phát tâm học Phật, đây là tối sơ phát tâm, thật không dễ dàng! Nhưng phát tâm rồi như thế nào? Lập tức thoái chuyển, quên mất! Trên kinh Phật nói: *“Người phát tâm giống như trứng cá rất nhiều, nhưng thành tựu chẳng được mấy người!”* Vì sao? Vì không giữ được sơ tâm! Cũng chính là nói họ không chống được mê hoặc!

Xã hội bây giờ sức mê hoặc quá lớn! Người bây giờ nếu có được thành tựu, chư Phật Bồ Tát thấy sẽ đều khen ngợi vì rất khó được. Ngoại cảnh đối với người tu rất quan trọng, hoàn cảnh càng

khó khăn, càng hiểm ác, sự thành tựu càng thù thắng. Đối thuận cảnh không khởi tâm tham luyến, đối nghịch cảnh không khởi tâm oán hận, đây đều là đào thái ba độc “tham-sân-si”. Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: “*Cảnh duyên không tốt xấu*”. “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự; trong đây không có tốt xấu, vấn đề là ở tâm ta, không liên quan gì đến bên ngoài. Người thật sự có đạo tâm xem tất cả cảnh duyên đều giúp họ thành tựu, đây mới thật sự gọi là “*Hảo Khí*”.

Hiện nay, các nhà khoa học nghiên cứu vũ trụ vi quan, dùng máy móc tinh vi quan sát, thăm dò vũ trụ, chỉ có thể nhìn thấy được mười phần trăm của toàn thể vũ trụ, còn chín mươi phần trăm không thấy. Vì sao không thấy? *Thiện Thệ!* Nó đã nhập “Đại Bát Niết Bàn”, trong Tịnh Độ tông gọi là Thường Tịch Quang. Đúng là *Thiện Thệ!*

Thường Tịch Quang ở khắp nơi khắp chốn, nó không phải không gian cũng không phải thời gian. “Thời” và “Không” đều không có; tất cả mọi hiện tượng đều không có trong Thường Tịch Quang, nhưng nó có thể “*năng sanh vạn pháp*”, hiện tất cả mọi hiện tượng. *Tất cả pháp chính là Thường Tịch Quang; Thường Tịch Quang nghĩa là tất cả pháp*. Nhưng tuyệt đối chúng ta không tìm thấy nó, nghĩa là sáu căn ta không thể tiếp xúc được, cũng không nghĩ đến được, nhưng nó thực sự tồn tại ngay chính trên thân ta, mỗi tế bào không tách rời được nó.

Sách Hội Sớ bảo: “*Thiện Thệ nghĩa là diệu trụ, tức là vô lượng trí tuệ đoạn được các Hoặc, khéo xuất thế gian, nên đạt đến Phật quả vậy*”. Cách nói này nêu rõ trí tuệ rất quan trọng.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trí tuệ hoàn toàn không có áp lực từ vật chất đến tinh thần, nhưng tri thức thì có áp lực. Tri thức phải dùng đầu óc, phải ghi nhớ, trí tuệ thì không cần! Tâm trí tuệ là tâm không phân biệt, tâm thanh tịnh không nhiễm một trần. Trí tuệ

đạt đến cực điểm là giác chớ không mê. Ngày nay chúng ta niệm Phật cũng là kỳ xảo, vì không niệm Phật, tâm liền khởi vọng tưởng. Dụng ý của niệm Phật là đoạn trừ vọng tưởng, niệm đến sau cùng vọng tưởng thật sự không còn thì bạn đã thành Phật.

Nên biết: Niệm Phật là niệm trí tuệ, là thông tin liên lạc với Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Tây Phương Cực Lạc ở đâu? Bạn không cần biết chỉ cần gắn chặt câu tín hiệu này, nhất định liên lạc được với cõi Cực Lạc. “*Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật; niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật*”, khi bạn vãng sinh, Phật A Di Đà liền đến tiếp dẫn, lợi ích chính ở chỗ này.

Cho nên nhất định phải “*vô lượng trí tuệ*”, có trí tuệ mới đoạn được phiền não và mê hoặc; có phá mê khai ngộ mới có thể “*diệu xuất thế gian*”. Người mê ở thế gian tạo nghiệp thọ báo. Người ngộ “*diệu xuất thế gian*”, tuy ở thế gian nhưng tất cả mọi tạo tác của họ đều không có quả báo. Vì sao? “*Tức thế gian, xuất thế gian*”! Họ không hề có khởi tâm động niệm, tuy “*làm mà không làm*”. “*làm*” và “*không làm*” đều trở về con số không. Thật tuyệt diệu!

- Vậy tạo tác đó là gì?

- Tạo tác đó là “*ứng*”! Chúng sinh có “*cảm*”, họ liền có “*ứng*”. Như chúng ta đánh chuông: Đánh chuông là chúng ta “*có ý*”, âm thanh phát ra là “*vô ý*”. Nó không hề nghĩ rằng bạn đánh tôi một cái, tôi nên ứng với bạn như thế nào, nó không có ý niệm này.

Cho nên, sau khi kiến tánh, sẽ không có ý niệm, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tự nhiên mà ứng. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tám mươi năm cũng là hiện tượng này, đây là “*diệu xuất thế gian*”! Phàm là người “*minh tâm kiến tánh*”, người “*đại khai viên giải*”, người niệm Phật được “*lý nhất tâm bất loạn*” đều ở cảnh giới này. Như vậy, thuyết của Hội Sớ xem “*đạt Phật quả*”

là “*Thiện Thệ*”, nhưng thật ra cũng không khác với hai thuyết nói trên. Có người hỏi:

- Phật đã chẳng đến, đi sao lại bảo là “*Hảo khí*”?

- “*Tịnh Ảnh Sớ*” giảng: “*Phật đức viên mãn chẳng có chốn nào để đến nên bảo là Hảo Khí. Tuy không đến đâu nhưng chẳng phải là không đến được, như lửa lúc kiếp tận tuy chẳng thiêu cái gì, nhưng không cái gì nó chẳng thiêu được. Vì vậy cũng có thể gọi là “Khí”. Đây là nói với chúng sinh trong mười pháp giới: “Tuy không có chỗ đi nhưng không thể không đi”. “Tuy không có chỗ đi” câu này là thật, là cảnh giới của Phật.” “Không thể không đi” là cảnh giới của chúng sinh trong mười pháp giới, đây là “Tục Đê”.*

“*Như lửa lúc kiếp tận*” (kiếp tận hỏa):

- “*Kiếp tận hỏa*” là gì?

- Hiện nay các nhà khoa học gọi là thái dương, thái dương là hỏa cầu. Hỏa cầu nếu đốt hết, tức là nguồn năng lượng tiêu hao hết, nó sẽ bùng nổ, liền bị hủy diệt, đây là “*lửa lúc kiếp tận*”.

Chúng ta gọi vấn đề này là hiện tượng tự nhiên, tất cả cũng đồng nghĩa với con số không. Trong ý niệm: Ta nghĩ rằng nó có thì nó sẽ có; ý niệm ta không có, nó sẽ không tồn tại. Nói tóm lại, tất cả pháp từ tâm tưởng sinh, hiểu rõ đạo lý này là chúng ta đã thật sự giác ngộ.

Tình trạng xã hội hiện nay là toàn thế giới, không phải cục bộ; tạo nghiệp nghiêm trọng nhất không gì bằng tham tài, tham sắc, toàn thế giới đều như vậy! Tội nghiệp này vô cùng nghiêm trọng! nghiêm trọng ảnh hưởng đến mức sinh diệt của địa cầu! Phật dạy: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, phải ghi nhớ câu này! Cho dù họ tạo nghiệp ác hay nghiệp thiện, tất cả đều là hư vọng! Chỉ cần

giác ngộ, vọng liền biến mất trở về tự tánh, mọi thiên tai đều không còn.

- Đây có phải là mở lối thoát cho người tạo “*tội ngũ vô gián*” chẳng?

- Đúng thế! Vốn là như vậy! Vấn đề là họ có quay đầu được hay không? Nếu thật sự họ giác ngộ, ăn năn sửa lỗi, những tội nghiệp đã tạo trong quá khứ hoàn toàn sẽ không còn, sống lại cuộc đời của chư Phật, Bồ Tát.

Cho nên tội phước đều không thật, đừng để trong tâm, khổ vui nhất như, đây mới thật sự gọi là “*Thiện Thế*”. “*Kiếp hỏa*”, ở đây, hiện tại khoa học đã chứng minh sẽ có một ngày năng lượng mặt trời bị đốt hết. Hiện tượng này thường thấy trong không trung, tinh cầu bùng nổ biến mất, lại có nhiều tinh cầu mới xuất hiện. Cho nên tinh cầu cũng sinh diệt, cũng có “*thành, trụ, hoại, không*”, nó không phải thật, nó là pháp sinh diệt.

Tất cả mọi hiện tượng, động lực chủ thể của nó là ý niệm của con người, là ý niệm của chính mình. Mỗi người đều có vũ trụ riêng, vũ trụ của tôi và vũ trụ của bạn có bộ phận tương đồng nhưng cũng có chỗ dị biệt. Điểm tương đồng gọi là cộng nghiệp, điểm không tương đồng gọi là biệt nghiệp. Sự chi phối sau cùng là chính mình không phải người khác.

- Muốn biết tiền đồ của bản thân nên hỏi ai?

- Hỏi chính mình! Không cần đi bói toán, hỏi thần linh đều là sai lầm, không thể có đáp án chính xác! Ý niệm của bạn thiện thì mọi thứ đều thiện. Ý niệm bạn bất thiện, mọi thứ đều bất thiện. Ý niệm bạn thanh tịnh liền tương ứng với Phật, Bồ Tát.

6. Thế Gian Giải

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, chữ “*Thế*” là nói thời gian. Trung Quốc thời xưa, ba mươi năm gọi một đời, nên chữ “*Thế*” có ba cái mươi, biểu thị ý này. “*Gian*” là chỉ không gian. “*Thế gian*” có lúc cũng gọi là “*thế giới*”. “*Giới*” là giới hạn, đồng nghĩa với chữ “*gian*”. Chỗ này nói “*thế gian*” là bao gồm ba loại:

- *Hữu tình thế gian*: Chỉ chúng sinh trong sáu cõi, chúng sinh có tình thức, cũng chính là động vật.
- *Khí thế gian*: Là hoàn cảnh đời sống bao gồm: thực vật, khoáng vật cho đến vô số hiện tượng của đại tự nhiên.
- *Trí Chánh Giác thế gian*: Chỉ Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều bao gồm trong loại này.

“*Thế Gian Giải*”: “*Giải*” là thông suốt. Đức Phật đối với tất cả vũ trụ nhân sinh đều thông đạt tường tận, không gì không biết, không gì không thể.

“*Thế Gian Giải*” còn dịch là “*Tri Thế Gian*”. Sách Bình Giải giảng: “*Thế Gian là Ngũ Âm. ‘Giải’ là biết. Chư Phật Thế Tôn khéo hiểu Ngũ Âm nên được gọi là Thế Gian Giải*”. Thân chúng ta là thân Ngũ Âm. Ngũ Âm là “sắc-thọ-tưởng-hành-thức”. “Sắc” là phần vật chất nên gọi là sắc thân. Hiện tượng tinh thần có cảm thọ, có tư tưởng. Những cảm thọ của thân tâm biến hóa vô thường, thay đổi trong từng sát-na, đây gọi là “hành”. Ví dụ: Lúc bạn mới đến giảng đường và bạn hiện tại, sau hai tiếng đồng hồ học tập, không phải là một. Bất luận từ sắc đến tâm đều đang biến hóa.

Bồ Tát Di Lặc nói: Trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu ý niệm vi tế, như vậy trong hai tiếng đồng hồ có biết bao nhiêu là ý niệm sinh khởi, chúng ta hoàn toàn không cảm nhận, không hay biết nhưng đức Phật ngài “*thiện tri Ngũ Âm*” (khéo biết Ngũ Âm), hiểu biết tất cả nên gọi là “*Thế Gian Giải*”.

Nhận rõ các pháp đều vô thường, đã vô thường thì đừng nên khống chế nó, đừng chấp trước nó. Phải biết; muốn khống chế, muốn chiếm hữu, muốn hưởng thụ nó bạn phải hao tổn biết bao là năng lượng! Năng lượng này có thể giúp bạn tạo ra thân Kim Cang bất hoại, bạn lại sử dụng nó vào những thứ không cần thiết như: tham đắm dục lạc, khởi tâm oán hận, nã, nộ, phiền v.v... đều là những thứ tiêu hao năng lượng, mang đến hủy hoại sức khỏe và tâm linh bạn! Nếu loại bỏ được những thứ này trong tâm, mỗi ngày bạn chỉ cần ăn một bữa là đủ.

Trong kinh Phật nói: A-la-hán mỗi tuần chỉ ăn một bữa; Bích chi Phật nửa tháng mới khát thực một lần. Nửa tháng chỉ ăn một bữa thì tiết kiệm được biết bao việc. Đặc biệt đối với việc ăn uống ngày nay rất đáng sợ! Tất cả thực phẩm đều có chất độc! Trong kinh này, Phật nói: “*âm khổ thực độc*” (uống đắng ăn độc). Tôi nghĩ, câu nói này không phải Phật nói cho người ở thời đó mà nói với người thời đại chúng ta. Người bây giờ uống đắng, ăn độc! Các rau xanh đều có thuốc trừ sâu, phân bón.

Tiến sĩ Thang Ân Tỹ, người Anh đã từng nói: muốn khôi phục sức khỏe con người, cần phải khôi phục lại phương pháp canh trồng ngày xưa mới có được thực phẩm an toàn. Ông không tán thán những thứ thuộc về khoa học kỹ thuật.

Hiện nay quá bức bách, chúng tôi chỉ còn cách tự trồng trọt. Năm nay ((2010), ở Úc châu, Học Viện Tịnh Tông chúng tôi mua được mấy ngàn mẫu đất (tính theo mẫu của Trung Quốc) để trồng lương thực. Tất cả mọi nhu cầu sinh hoạt, chúng tôi đều tự trồng, tuyệt đối không dùng thuốc trừ sâu.

Chúng tôi trồng rau quả đã được mười năm, vô cùng thành công. Vườn rau của chúng tôi bình thường có thể cung cấp cho khoảng ba trăm người ăn. Trên thực tế, đạo tràng nhỏ của chúng tôi

chính là Học Viện Tịnh Tông, bình thường dùng cơm chỉ khoảng bảy, tám mươi người chưa đến một trăm người. Do thu hoạch vô cùng phong phú, chúng tôi bèn cung cấp cho một số đồng tu mỗi ngày đều đến đây lấy rau. Rau rất nhiều, quá nhiều!

Nếu tổ chức hoạt động, vườn rau chúng tôi có thể cung cấp cho một ngàn người ăn, qui mô rất lớn. Cây ăn trái của chúng tôi có hơn ba mươi loại, rất tươi ngon. Năm nay, chúng tôi trồng tre, thu hoạch rất nhiều măng. Bức bách phải tự mình trồng, không trồng không được! Mua bên ngoài ăn thật không yên tâm.

Bây giờ chúng tôi tự khai thác, chuẩn bị trồng lúa, trồng tiểu mạch. Hiện nay Học Viện có nông trường, chúng tôi phải học hỏi cách canh tác, tìm nông phu ở đó đến hướng dẫn. Kết quả, chúng tôi trồng tốt hơn họ. Cây nông nghiệp của chúng tôi đều nghe Phật hiệu A Di Đà.

Đối với các sâu bọ, chúng tôi chỉ định khu vực riêng chuyên môn cung cấp cho chúng. Chúng rất nghe lời, chúng tôi hợp tác rất tốt đẹp, hai bên quan tâm lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau. Chúng tuyệt đối không vượt qua ranh giới, chúng dễ giao tiếp hơn con người, biết giữ chữ tín. Con người không giữ chữ tín! Chúng giữ chữ tín! Cây ăn trái cũng vậy, đều có chỉ định vài cây cho chim ăn; không có chỉ định chim chóc sẽ không đến ăn.

Chúng tôi đều rất dụng tâm chăm sóc cây cối. Cây cho chim, sâu ăn cũng đều được chăm sóc như vậy, đã mười năm qua, cùng làm bạn với côn trùng, chim chóc. Chúng tôi tín nhiệm chúng, chúng cũng tin tưởng chúng tôi. Đến sâu, kiến chúng tôi đều không làm hại; chúng cũng không làm hại chúng tôi. Vì thế, hiện nay tiếp xúc với những động, thực vật này dễ hơn nhiều so với con người!

Lúa hiện nay chúng tôi canh tác với qui mô lớn đều dùng kinh nghiệm này. Hiện nay gọi là nông trường hữu cơ. Chúng tôi có

thể ăn được thực phẩm an toàn. Nếu có thể, chúng tôi cũng muốn mở một thị trường ở đây. Cây nông nghiệp và rau quả chúng tôi quá nhiều không dùng hết có thể đem ra bán để mọi người cũng được thực phẩm an toàn. Chúng tôi cũng hoan nghênh những xí nghiệp tham gia hoạt động của chúng tôi, có thể ra nước ngoài mở vài thị trường, chúng tôi cung cấp thực phẩm để họ cùng kinh doanh. Đây là việc tốt, họ dẫn đầu đề xướng.

Bạn xem! Không sát hại sâu bọ, cây nông nghiệp đều rất tươi tốt. Mọi người đến tham quan vườn rau chúng tôi, đều rất ngạc nhiên bèn hỏi:

- Bạn trồng cách nào mà rau quả không thấy bị sâu bọ ăn?
- Sâu bọ chúng ăn bên kia!

Họ sang bên kia quả nhiên là có sâu bọ ăn. Rất nghe lời! Bạn không tiếp xúc với chúng, ngày ngày bơm thuốc giết hại chúng, chúng liền đến trả thù! Như vậy rất phiền phức! Cho nên, không những con người là Ngũ Âm mà động vật, thực vật, khoáng vật cũng là Ngũ Âm.

Tiến sĩ Giang Bồn Thắng (Masaru Emoto) làm thí nghiệm nước.

- Nước là khoáng vật, nước có “*thọ-tướng-hành-thức*” chẳng?

- Có! Bạn hát cho nó nghe, nó đang cảm nhận. Bài hát hay nó rất hoan hỉ, nhưng rất ghét nhạc “rock” của phương Tây, chúng có thể hiện cho chúng ta thấy: Bạn viết cho nó một chữ “yêu”, nó phản ứng là một hình ảnh rất đẹp! Bạn viết cho nó chữ “ghét”, nó xem rồi phản ứng rất khó coi! Sự kiện này chứng minh nước có “*thọ-tướng-hành-thức*”, các hiện tượng vật chất khác thay đều cũng như vậy.

Bồ Tát Di Lặc nói: Trong một khay móng tay có ba trăm hai mươi triệu niệm. Mỗi ý niệm đều có hiện tượng vật chất. Niệm niệm thành hình, hình đều có “thức”. “Thức” là “thọ-tưởng-hành-thức”. Cho nên, vật chất dù nhỏ như đầu sợi lông, như vi trần, như nguyên tử, điện tử, hạt căn bản, lượng tử (lượng tử là tiểu quang tử, là vật chất nhỏ nhất không thể phân chia), tất cả đều có “sắc-thọ-tưởng-hành-thức”. Từ chỗ này, chúng ta mới thật sự lãnh hội được *toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, nó không phải chết mà rất linh hoạt.*

- Mặt bàn ghế biết nhìn chằng?

- Biết nhìn!

- Mặt đất, trần nhà, tường vách có nhìn được chằng?

- Biết nhìn! Không những thấy được mà còn nghe được. Chúng ta khởi tâm động niệm, chúng đều biết hết! Làm sao che dấu được người khác!

Cổ nhân nói: “*Mười con mắt nhìn vào, mười ngón tay chỉ vào*”, đó là chuyện nhỏ! Bây giờ, ta thật sự hiểu được trong pháp giới, hư không giới, tất cả mọi hiện tượng vật chất đều có “thọ-tưởng-hành-thức”. Nói cách khác, chúng ta khởi tâm động niệm, khắp nơi đều biết. Chớ cho rằng khởi một ác niệm không ai biết, mà khắp nơi đều biết! Đây là thật không phải giả!

Do nguyên nhân này, vì ác niệm chúng ta quá nhiều, ý niệm tự tư tự lợi quá nhiều, khởi tâm động niệm đều là “*tham-sân-si-mạn*”, tổn người lợi mình v.v... chiêu cảm đến sơn hà, đại địa đều biết, chúng cảm thấy quá bi ai nên mềm nhũng rồi sụp đổ! Nước biển dâng cao! Lục địa chìm xuống! Chính là nguyên nhân này! Nếu ý niệm ta thiện, chúng đều hoan hỷ, đại địa kiên cố, địa cầu biến thành thế giới Cực Lạc, hoàn toàn do tâm con người.

Do đây có thể biết giáo dục quan trọng dường nào. Trong giáo dục, đứng đầu là giáo dục thần thánh; người xưa gọi là giáo dục Thánh Hiền; người Ấn Độ gọi là giáo dục của Phật, Bồ Tát, rất quan trọng! Người người đều tiếp thu giáo dục Phật giáo, địa cầu này biến thành thế giới Cực Lạc. Người người tiếp thu giáo dục Thánh Hiền, địa cầu trở thành thiên đường. Ý niệm vừa chuyển, toàn thể vũ trụ liền sinh khởi biến hóa, đây là sức mạnh của ý thức tập thể.

Các nhà khoa học thừa nhận ý thức tập thể có thể thay đổi hoàn cảnh vật chất, mức độ thay đổi này chúng ta không thể nào tưởng tượng được! Ý niệm có thể chỉnh sửa được quỹ đạo vận hành của tinh cầu trong hư không. Bạn xem! Sức mạnh của niệm lực này lớn biết bao! Cho nên, kinh Phật nói: *“Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh”*, những cảnh giới đó đều không thật, chỉ trong Thường Tịch Quang là thuần chân vô vọng. Cảnh giới trong Thường Tịch Quang quả thật không sinh, không diệt, không đến, không đi, hoàn toàn không có đối lập nên gọi là “Nhất Chân”.

Sau cùng, Tịnh Ảnh Sớ giảng: *“Thế Gian Giải là Hóa Tha Trí. Khéo hiểu thế gian nên gọi là Thế Gian Giải”*. Sách Hội Sớ giảng: *“Với các pháp nhân quả thế gian, xuất thế gian, không pháp nào chẳng hiểu rõ nên gọi là Thế Gian Giải”*.

Tóm lại, *“Thế Gian Giải”* là thánh trí hóa độ người khác (Hóa Tha Trí), cũng là Phật trí thật sự thấu rõ tất cả các pháp nhân quả của thế gian và xuất thế gian.

7. Vô Thượng Sĩ

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, “Sĩ” là người đi học. Trong xã hội Trung Quốc thời xưa có bốn giai cấp: Sĩ, nông, công, thương. “Sĩ” được xếp vào hàng đầu, dùng lời hiện tại mà nói: “sĩ” chính là

phần tử tri thức. Trong phần tử tri thức, Phật là chí cao vô thượng nên gọi là “*Vô Thượng Sĩ*”.

Thực tế, tất cả chúng sinh, nếu từ nơi tự tánh mà nói, đều là “*Vô Thượng Sĩ*”. Ngày nay, đức hiệu này chúng ta đã đánh mất, do hai loại phiền não chướng ngại, đó là: “Phiền não chướng” và “sở tri chướng”, khiến Đại Niết Bàn, Đại Bồ Đề vốn đủ trong tự tánh bị ngăn che. Phật nói hai loại chướng ngại này không thật, là hư vọng. Chỉ cần buông bỏ hai loại chướng ngại này, trí tuệ và đức năng trong tự tánh liền sẽ hiện tiền, đức hiệu “*Vô Thượng Sĩ*” tự nhiên đầy đủ.

Đoạn phiền não chính là đoạn ác tu thiện. Mục đích của đoạn ác tu thiện là hồi phục tánh đức trong tự tánh, cũng chính là hồi phục mười hiệu trên quả địa Như Lai. Kinh Niết Bàn dạy: “*Như Lai giả, danh Vô Thượng Sĩ. Thí như nhân thân, đầu vi tối thượng, phi dư chi thủ túc đẵng dã. Phật diệc như thị, tối vi tôn thượng, phi Pháp, Tăng dã*” (Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ. Ví như trong thân người, đầu ở cao nhất, chân tay, những thứ khác chẳng bằng được. Phật cũng như vậy, cao quý nhất, Pháp, Tăng chẳng bằng).

Ngày nay, Phật không còn tại thế, thì “Pháp” là tối thượng, cao nhất. “Tăng” chỉ là những người tu học Phật pháp. Chữ “Tăng” không phải riêng chỉ cho người xuất gia; mà bất cứ hàng tại gia, xuất gia, nam chúng hay nữ chúng, chỉ cần họ y giáo tu hành đều gọi là “Tăng”. “Tăng chúng” là chỉ cho từ bốn người trở lên cùng nhau tu tập. Người xưa nói ba người là một “chúng”; trong Phật giáo, bốn người trở lên mới gọi là “chúng”.

Kinh còn chép: “*Hữu sở đoạn giả, danh Hữu Thượng Sĩ. Vô sở đoạn giả, danh Vô Thượng Sĩ*” (Còn có cái để đoạn thì gọi là “Hữu Thượng Sĩ”. Không còn gì để đoạn là “Vô Thượng Sĩ”). “*Đoạn*” tức là đoạn phiền não. Còn có phiền não tức còn có “*sở đoạn*”. Còn “*sở đoạn*” gọi là “Thượng Sĩ”, ví như bạn đã đoạn tận được “Kiến tư

phiền não” nhưng chưa đoạn tận “Trần sa phiền não” và “Vô minh phiền não”, có thể xưng là “Thượng Sĩ”.

Người xưa xưng “sĩ” là dành cho giai cấp sĩ đại phu, những người đọc sách, nhưng họ chưa đoạn được “Kiến Tư phiền não”. Nếu đoạn được “Kiến tư phiền não”, đương nhiên là vượt qua họ, đây là “Thượng Sĩ”. Thượng Sĩ là thánh nhân không phải phàm phu.

Thánh nhân có tiểu thánh, có đại thánh. Tiểu thừa A-la-hán, Bích chi Phật là tiểu thánh, đều đã đoạn được “Kiến Tư phiền não”. A-la-hán đoạn “Kiến Tư phiền não” nhưng vẫn còn tập khí. Bích chi Phật đến tập khí “Kiến Tư phiền não” cũng không còn. Bồ Tát đoạn “Trần sa phiền não”, chưa đoạn được “Vô minh phiền não”. Tuy địa vị Bồ Tát cao hơn A-la-hán và Bích Chi Phật nhưng cũng là “Thượng Sĩ”; chỉ có Phật, đến khởi tâm động niệm đều buông bỏ hết, trong tất cả thế, xuất thế gian trong mười pháp giới, nghiệp nhân đều đã đoạn tận, không còn gì để đoạn, thành “vô sở đoạn”. “Vô sở đoạn” gọi là “Vô Thượng Sĩ”.

Sách Hội Sớ cũng giảng giống hai thuyết trên: *“Hoặc nghiệp hết sạch thì không có gì để đoạn, là bậc nhất, tối thượng trong nhân thiên phàm thánh của tam giới, không ai bằng nên hiệu là Vô Thượng Sĩ”*.

Đại trí Độ Luận nói: *“Pháp Niết Bàn vô thượng, Phật tự biết là Niết Bàn, chẳng phải nghe từ người khác, lại còn có thể dẫn dắt chúng sinh đạt đến Niết Bàn. Như Niết Bàn là vô thượng trong các pháp, Phật cũng là vô thượng trong chúng sinh. Hơn nữa, Phật trì giới, Thiền Định, Trí tuệ giáo hóa chúng sinh không ai bằng được nổi, huống là hơn nổi ngài. Vì vậy gọi Phật là Vô Thượng”*.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Niết Bàn”, người xưa gọi là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. “Niết Bàn” là tiếng Phạn, thông thường dịch là “Diệt”. “Diệt” là một trong “Tứ Đế”

(Khổ, Tập, Diệt, Đạo). “Diệt” là diệt phiền não, diệt sinh tử. Phiền não là nhân, sinh tử là quả. Khi nhân đã diệt, quả đương nhiên không còn.

- Ở đâu có sinh diệt?

- Mười pháp giới có sinh diệt! Trong mười pháp giới có hai loại sinh tử: “*Phân đoạn sinh tử*” và “*Biến dịch sinh tử*”.

Nên nhớ: Trì giới, Thiền Định, Trí tuệ là nguyên tắc cao nhất trong việc tu hành, Phật là đấng Giác Ngộ đã hoàn toàn viên mãn “Giới-Định-Tuệ” nên gọi là “*Vô Thượng*”.

8. Điều Ngự Trượng Phu

“*Điều Ngự*” là giáo hóa chúng sinh khiến họ có thể tâm phục, khẩu phục, đây là việc không đơn giản! Chỉ có Đức Phật và Pháp Thân Bồ Tát mới làm được. Vì sao? Trong Hợp Tán nói rất rõ: “*Chính mình đã là trượng phu, lại có thể điều phục trượng phu. Vì vậy, xưng tụng Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Nếu đầy đủ bốn pháp thì gọi là trượng phu. Những gì là bốn? Gần thiện tri thức, hay nghe pháp, suy nghĩ ý nghĩa (của pháp đã được nghe), tu hành đúng như lời dạy*”.

Trên thực tế, việc tu hành, quan trọng nhất là phải điều phục được vọng tâm. Nếu chỉ tu từ ngôn hành cũng xem là không tệ, nhưng đó không phải là căn bản, vẫn là tu trên phương diện cành lá. Căn bản là khởi tâm động niệm có tốt thì cành lá mới thật tốt, đây là khẳng định! Cũng chính là điều phục viên mãn. Kế đến là giáo hóa chúng sinh, phải thật sự điều phục được chúng sinh thì giáo dục đó mới được xem là thành công.

Cũng theo Hòa Thượng Tịnh Không, thời xưa Trung Quốc xem hai chữ “trượng phu” tương đồng với hai chữ “anh hùng”. “Đại trượng phu” chính là “Đại anh hùng”. “Trượng phu” chỗ này, không

phân biệt nam, nữ, già trẻ, là từ trên tánh đức mà nói. Những gì người khác không làm được nhưng họ đều có thể làm được như: Liễu sinh tử, thoát luân hồi, đoạn phiền não, phá vọng tưởng v.v... thì gọi là “Đại trượng phu”.

Trên kinh, Phật dạy rất rõ ràng, quan trọng là phải thân cận minh sư, tu tích thiện pháp, thành tựu phẩm đức, học vấn của chính mình. Chữ “*Điều Ngự*” là nói hiệu quả. “*Điều*” là điều tâm, đoạn trừ tất cả vọng tưởng, tạp niệm. “*Ngự*” là không ngự, không chế hành vi của mình, không để thân, khẩu tạo tác ác nghiệp, đó gọi là “*Ngự*”. Cho nên, “*Điều tâm, ngự hành*” rất quan trọng, nhà Phật gọi đó là người chân thật tu hành. Là “Đại trượng phu” tất phải có năng lực này.

Xã hội ngày nay, rất nhiều người gọi đó là xã hội đa nguyên văn hóa. Đặc biệt, ở Úc châu trong mấy năm gần đây rất chú trọng đến việc điều hòa đa nguyên văn hóa. Họ chọn lấy chính sách mở rộng hoan nghênh người nước ngoài di dân đến Úc. Người mới di dân đến Úc, từ các quốc gia khác: Chủng tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, hoàn cảnh đời sống khác nhau, tín ngưỡng khác nhau v.v... làm thế nào có thể giúp họ điều hòa sự khác biệt này? Đây là vấn đề trọng đại! Chỉ có điều hòa thì xã hội mới có thể phồn vinh, hy vọng có thể đạt đến mọi người đều có thể tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, quan tâm hợp tác lẫn nhau, cùng xây dựng đời sống xã hội tốt đẹp mỹ mãn.

Mục tiêu lý tưởng này vô cùng cao cả, rất được đại chúng xã hội hoan nghênh. Cho nên, họ thường tổ chức những buổi luận đàm. Tôi nghe nói đầu tháng mười hai còn có buổi luận đàm đa nguyên văn hóa với qui mô lớn, họ yêu cầu chúng tôi tham gia. Ti mi mà quan sát, có quốc gia khu vực nào mà không có người nước ngoài đến, đây chẳng phải là hình thái của đa nguyên văn hóa sao? Người

Úc đem vấn đề này chính thức công khai thảo luận, hy vọng đạt đến mục tiêu này. Kỳ thật, bất cứ quốc gia khu vực nào, người lãnh đạo thông minh trí tuệ đều chú ý đến vấn đề này.

- Dùng phương pháp nào để điều hòa có hiệu quả?

- Hiện tại mọi người đang thăm dò!

Sự việc này khiến tôi nghĩ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc quả thật là khu vực đời sống đa nguyên văn hóa với qui mô lớn. Cư dân Thế giới Cực Lạc là di dân từ vô lượng vô biên các cõi nước chư Phật vãng sinh đến, đương nhiên bối cảnh văn hóa, tư tưởng, đời sống của mỗi người trước đây đều không như nhau, mang đến sự phức tạp rất lớn không nơi nào có như ở thế giới Cực Lạc.

- Đức Phật A Di Đà làm thế nào đem “đa nguyên” biến thành “nhất nguyên”?

- Đây là bản lĩnh của Phật A Di Đà!

Ngày nay, chúng ta cảm thấy đau đầu với đa nguyên văn hóa không thể giải quyết, có nghĩ đến Tỳ Lô Giá Na Phật hay *A Di Đà Phật* chăng?

- Các ngài làm thế nào giải quyết vấn đề này?

- Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm cùng Kinh Vô Lượng Thọ chính là giáo trình đa nguyên văn hóa quan trọng nhất. Muốn giải quyết vấn đề này phải học A Di Đà Phật, học Tỳ Lô Giá Na Phật, vấn đề này mới có thể giải quyết được cứu cánh viên mãn. Cho nên, Phật được xưng là đáng “*Điều Ngự Trượng Phu*”, thật đúng với tên, không hề quá đáng chút nào!

- Do đâu mà chư Phật, Bồ Tát có được bản lĩnh này?

- Do các ngài có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi mà có được lực dụng điều ngự, nhiếp hóa tất cả chúng sinh.

Lại nói: “*Nếu đầy đủ bốn pháp thì gọi là trượng phu*”. Bốn pháp này là:

1. Thân cận thiện tri thức: Điều này rất quan trọng!

- Hiện nay không có thiện tri thức phải làm sao?

- Tìm trước tác của thiện tri thức vẫn còn lưu lại thế gian mà học tập là được! Đối với hàng sơ học chúng ta, chỉ nên tìm một thiện tri thức, không được quá nhiều sẽ sinh ra phiền phức, khiến tâm ta không định.

2. Có thể nghe pháp: Việc này nghe qua hình như rất đơn giản, nhưng thật không đơn giản! Trường hợp điển hình như bà Lưu Tố Vân, bà “*có thể nghe pháp*”

- Bà nghe như thế nào?

- Mỗi ngày nghe một CD, mỗi CD thời lượng một tiếng đồng hồ, nghe lặp đi lặp lại đến mười lần, tức là mỗi ngày bà nghe mười tiếng chỉ có một đĩa. Quả đúng “*trường thời huân tu*”. Lúc đó, tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ ở Singapore, thời gian hình như là năm 1994, giảng xong trong vòng một tháng. Một ngày giảng hai tiếng, một tháng giảng xong là sáu mươi tiếng đồng hồ, gần sáu mươi đĩa.

Trong sáu mươi ngày, mỗi ngày mười tiếng, bà nghe hết một bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Nghe xong, bà nghe lại từ đầu, vẫn là mỗi ngày một CD, nghe mười tiếng đồng hồ. Cứ thế, bà đã nghe suốt mười năm. Đây là “*có thể nghe pháp*”. Trong mười năm này, chúng ta không biết công phu của bà như thế nào, nhưng có thể lãnh hội: Bà được tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh sinh trí-tuệ. Tôi chỉ nghe bà trả lời câu hỏi trên CD, thính chúng khoảng ba bốn trăm người đặt

câu hỏi. Thời gian giải đáp khoảng hai, ba tiếng đồng hồ. Bà trả lời rất viên mãn, đó là trí tuệ hiện bày, không phải chuyện đơn giản!

Nghe kinh phải nghe như thế, đọc kinh cũng phải như vậy. Đọc kinh đồng nghĩa là nghe theo cổ nhân. Những gì cổ nhân nói trong sách, khi nghe hiểu được ý nghĩa, nắm được pháp vị của cổ nhân nói, lúc đó muốn dừng lại không nghe cũng không thể! Đây là thật không phải giả! Thế gian vị sao đậm bằng pháp vị! Bạn vừa tiếp xúc, bất luận là nghe hay xem thì tâm hoan hỉ hiện tiền, niềm hoan hỉ phát xuất từ nội tâm không phải từ bên ngoài vào.

Hồ Tiểu Lâm báo cáo, ông nói: Hiện nay ông đọc kinh mỗi ngày mười hai tiếng, chuyên chú từ tám giờ rưỡi sáng đến tám giờ rưỡi tối, quên cả cơm nước lẫn nhà vệ sinh, Pháp hỉ sung mãn! Ông đã thực hiện được hai câu trên đây “*Thân cận thiện hữu tri thức*” và “*có thể nghe giảng*”.

3. *Tư duy nghĩa* (suy nghĩ ý nghĩa): Chữ “*tư duy*” này không phải là tương tâm duyên mà vừa nghe thì lập tức liền hiểu nghĩa, vừa xem đã hiểu, đây gọi là “*tư duy nghĩa*”.

4. *Như thuyết tu hành* (Tu hành đúng như lời dạy): Câu này rất quan trọng, đem tất cả những gì mình hiểu, mình bạch thực hành trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống sẽ vô cùng hạnh phúc, mỹ mãn tốt đẹp.

Sách Hội Sớ giảng: “*Đây đủ lực dụng của bậc đại trượng phu để nói các pháp, điều phục chế ngự hết thảy chúng sinh khiến cho họ lìa cấu nhiễm, đắc đại Niết Bàn*”. “Đại trượng phu” là Pháp Thân Bồ Tát, cũng chính là người “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Trong Nho giáo gọi là thánh nhân, tương đồng với Bồ Tát trong Phật pháp. Chữ Đại thánh nhân mới chính là để tôn xưng Phật.

“*Đây đủ lực dụng của bậc đại trượng phu để nói các pháp*”: chữ “*lực*” ở đây là chỉ cho “Thập Lực”, “Tứ Vô Sở Úy”, nói chung chung các pháp “*điều phục chế ngự tất cả chúng sinh khiến lìa cấu nhiễm được đại Niết Bàn*”. Phật Bồ Tát có năng lực này, giảng kinh thuyết pháp khiến người người nghe xong đều có thể tin, có thể hiểu, Pháp hỉ sung mãn, đây là “điều phục”. Sau khi thấu triệt lời dạy của Phật, trong cuộc sống hàng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác họ tự nhiên không trái với tánh đức, đây là “ngự”, nghĩa là tự mình có thể khống chế, kiểm soát bản thân mình không vượt ra ngoài phạm vi của quỹ đạo. Đây không phải nói người khác mà chính mình tự kiểm soát lấy mình. Đây là lực dụng dạy học của đức Phật.

“*Tất cả chúng sinh*” trong đây là chỉ cho chúng sinh trong mười pháp giới. “*Khiến lìa cấu nhiễm*”, hai chữ “*cấu nhiễm*” là đại danh từ của phiền não. “*Cấu*” là phiền não chướng, “*nhiễm*” là “*sở tri chướng*”. “*Sở tri chướng*” do bạn biết quá nhiều thứ cũng tạo thành chướng ngại, những thứ này bây giờ gọi là “*tri thức*”. Khi mê “*trí tuệ*” biến thành “*tri thức*”; khi giác ngộ “*tri thức*” biến thành “*trí tuệ*”, không giống nhau. “*Phiền não chướng*” và “*Sở tri chướng*” không còn, bạn được đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn chính là Chân Như tự tánh. Trở về tự tánh, trong Tịnh Độ gọi là trở về “*Thường Tịch Quang*” đây là quả vị Diệu Giác cao hơn Đẳng Giác .

Cụ Hoàng Niệm Tổ nêu ra vấn đề: Nếu có kẻ chắt vấn:

- Cũng phải nên giáo hóa bọn nữ nhân, có sao chỉ nói đến bọn trượng phu?

Sau đó, cụ mượn lời của Trí Độ Luận để đáp vấn đề này:

- “*Nếu nói ‘trượng phu’ là đã tính cả nhị căn (nhị căn là chỉ cho hai căn: nam, nữ), ‘vô căn’ (chỉ kẻ bần sinh không có bộ phận sinh dục), nữ nhân, nên chỉ nói là trượng phu*”. Như vậy, khi nói đến “trượng phu” là đã bao gồm cả “nhị căn, vô căn, phụ nữ” trong đó.

9. Thiên Nhân Sư

Phật tại thế gian là mô phạm của tất cả chúng sinh. Không chỉ là thầy của nhân gian mà cũng là thầy của chư Thiên nên gọi là “*Thiên Nhân Sư*”.

Sách Hội Sớ bảo: “*Tất cả thiên thượng, nhân gian, ma vương, ngoại đạo, Thích, Phạm, thiên, long đều cùng qui mạng, tuân lời dạy vâng làm, đều làm đệ tử, nên hiệu là Thiên Nhân Sư*”.

Sách Hợp Tán lại bảo: “Chư Phật tuy là vô thượng đại sư của hết thảy chúng sinh, nhưng trong các loài chúng sinh, chỉ có trời và người có thể phát nổi tâm vô thượng đại Bồ Đề. Do đó, xưng tụng Phật là Thiên Nhân Sư”.

10. Phật Thế Tôn

Thành Thật Luận tách danh hiệu này ra làm hai, xem Phật là danh hiệu thứ chín, Thế Tôn là danh hiệu thứ mười. Nay cụ Hoàng Niệm Tổ theo ý kinh Niết Bàn gom Phật và Thế Tôn thành danh hiệu thứ mười. Chữ “Phật” là lược dịch của Phật Đà có nghĩa là trí tuệ, là giác ngộ. Nói “trí” là từ thể mà nói; nói “giác” là từ dụng mà nói. Trong “giác” có: Tự giác, giác tha, và giác mãn. Ba giác viên mãn mới xưng là Phật. “Tự giác” là tự mình giác ngộ, không chủ động giúp người khác giác ngộ, đây là A-la-hán, Thánh giả Tiểu Thừa. Bồ Tát là “tự giác, giác tha”, chúng sinh không mong cầu, họ vẫn tìm đến giáo hóa, giúp đỡ chúng sinh. Đây là “tự hành hóa tha”. Tuy nhiên, Bồ Tát “tự hành hóa tha” chưa được viên mãn, mãi đến khi thành Phật mới được viên mãn. Trong trí tuệ có ba loại Trí:

- *Nhất Thiết Trí* là trí tuệ của A-la-hán.
 - *Đạo Chứng Trí* là trí tuệ của Bồ Tát.
 - *Nhất Thiết Chứng Trí* là trí tuệ của Phật.
- “*Nhất Thiết Trí*”, tổng tướng là gì?

- Tổng tướng của Nhất Thiết Trí là “không” gọi là “vạn pháp giai không, nhân quả cũng là không”.

Nhưng, bạn nên biết: Trong Phật pháp thường nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*”.

- Nói như vậy nghĩa là sao?

- Nhân quả và vạn pháp đồng thời sinh khởi! “Vạn pháp là không” thì làm gì có lý “nhân quả bất không”?! Chẳng qua “không” ở đây là phải chúng tới tận cùng cực điểm mới “không”. Ý nói: Đến quả vị Diệu Giác, trở về với Thường Tịch Quang, với tự tánh mới là đại viên mãn, lúc này “nhân quả” mới thật không còn nữa. Chưa trở về tự tánh thì nhân quả đều có. Nói cách khác, chỉ trong Thường Tịch Quang mới không có nhân quả.

“Phật” còn có nghĩa là “Tri” (hiểu biết), như Trí Độ Luận viết: “*Phật Đà, Hán dịch là Tri Giả (bậc hiểu biết). Biết được hết thấy các pháp: chúng sinh số, phi chúng sinh số, hữu thường, vô thường v.v... trong quá khứ, vị lai, hiện tại. Dưới cội Bồ Đề, ngài hiểu biết rành rẽ hết cả nên gọi là Phật Đà*”.

Trí Độ Luận còn chép: “*Phật thành tựu hết thấy trí tuệ, đầy đủ trọn vẹn các đức, nên đều hiểu rành rẽ quá khứ, vị lai, hiện tại, tận, bất tận, động, bất động, hết thấy thế gian, nên hiệu là Phật Đà*”.

“*Tận, bất tận*” là đối với lý mà nói, cùng tận căn nguyên.

- Đến trình độ nào mới “*tận*”?

- Trở về tự tánh mới là “*tận*”. Từ A-lại-da trở xuống đều là “*bất tận*” (không tường tận), cũng có nghĩa là chưa thật sự thấy được chân tướng sự thật, chưa thấy được viên mãn rốt ráo. “*Bất động*” là tự tánh, “*động*” là hiện tượng, “*hết thấy thế gian*” đều bao gồm cả ba loại thế gian: Hữu tình thế gian, khí thế gian, Trí Chánh Giác thế gian. “Trí Chánh Giác thế gian” là thế gian của Thánh nhân.

Tóm lại, Phật không có gì không biết.

- Phật ở đâu?

- Phật tại các ngành nghề, Phật trong nam, nữ già trẻ. Nếu họ giác ngộ, họ chính là “Phật”. Từ góc độ thế gian mà nói: “Phật” là người tốt nhất không ai sánh bằng, ngài có trí tuệ, có năng lực biết quá khứ, hiện tại, vị lai, đây là thuộc về đức năng của Phật.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ:

“*Thế Tôn*”, tiếng Phạn là Bạc Già Phạm (Bhagavan) đầy đủ trọn vẹn các đức được thế gian khâm ngưỡng nên hiệu là Thế Tôn . Phẩm “Thập Hiệu” của Thành Thật Luận có viết: “*Trọn vẹn chín danh hiệu như trên, là bậc cao quý trong tam thế thập phương thế giới, nên gọi là Thế Tôn*” (Trí Độ Luận xem Phật là hiệu thứ mười, thứ mười một là Thế Tôn , vì cho rằng Thế Tôn là tổng xưng, tiếng xưng tụng chung cả mười đức hiệu. Cách tách ra hay gom lại này so với thuyết của Tịnh Ảnh Sớ hơi khác đôi chút, nhưng vẫn tương đồng).

“*Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp. Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh, giảng đạo*” (Trụ thế, giáo hóa trong bốn mươi hai kiếp. Khi ấy, đức Phật vì chư thiên và người đời nói kinh giảng đạo). Câu này trích từ bản Hán dịch, cho thấy chư Phật Như Lai xuất hiện ở đời đều dùng thân phận một người thầy đến để giáo hóa chúng sinh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Những gì Phật dạy chúng ta, bản thân ngài đều làm được, thân hành ngôn giáo, khiến chúng ta không thể không kính ngưỡng và khâm phục ngài.

“Đạo” là con đường giác ngộ. Luận Câu Xá giảng: “*Đạo nghĩa là gì? Là đường Niết Bàn, vì đi theo con đường ấy đến được thành Niết Bàn*”. Hoa Nghiêm Đại Sớ cũng nói: “*Thông đến quả Phật*”

nên gọi là Đạo”. Ý này tương đồng với Câu Xá Luận. Đây là mục tiêu, phương hướng của Phật pháp Đại Thừa.

“Niết Bàn” là tiếng Ấn Độ, theo nghĩa trong “Tứ Đế” (Khổ, Tập, Diệt, Đạo), “Niết Bàn” có nghĩa là “Diệt”.

- Diệt những gì?

- Diệt phiền não: Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não. Đoạn tận cả ba loại phiền não này liền minh tâm kiến tánh, đó gọi là “Bát Niết Bàn”. Dùng cách nói dễ hiểu hơn gọi là trở về tự tánh. Vì thế, kinh luận Đại Thừa là con đường lớn giúp chúng ta trở về tự tánh, con đường thành Phật. Phật đạo là con đường rọt ráo, viên mãn nhất.

Đến đây, Hòa Thượng Tịnh Không nêu ra vấn đề:

- Ngày nay, chúng xuất gia, làm đệ tử Phật có nhận thức rõ chức vụ của người xuất gia hay không?

- Hiện tại, có số người đem mục đích xuất gia làm sai lệch! Sau khi xuất gia, họ làm một số sự nghiệp từ thiện xã hội, cũng nhận được sự tán thán của mọi người. Nếu vào thời xưa, tôi tin rằng nhất định không phải là hiện tượng này! Bạn xuất gia, mọi người gọi bạn là Pháp sư. Sư là thầy của mọi người. - Bạn có dạy học không? Bạn có lên lớp không? - Bạn không có dạy học, không lên lớp, mọi người gọi bạn là thầy, bạn nghĩ thế nào? - Không đúng với sự thật!

Nếu làm công tác từ thiện, cứu tế xã hội, đâu cần phải thân phận xuất gia, tại gia cũng làm được. Người xuất gia không thể làm. Vì sao? Người xuất gia không có tiền! Đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cho chúng ta thấy: Ngài chỉ ba y một bát, ngoài ra không có bất cứ thứ gì.

Cho nên, thời Phật tại thế, công tác cứu tế xã hội đều do những đại trưởng giả, học trò tại gia của Phật làm công việc này. Phật

thị hiện cho chúng ta thấy: “*Nhiều việc không bằng ít việc; ít việc không bằng không việc gì*”, những việc khác đều buông bỏ. Phật dạy chúng ta chỉ làm một sự việc, vì tất cả chúng sinh giảng kinh nói pháp, chỉ làm công việc này.

- Cái gì gọi là “kinh”? Cái gì gọi là “đạo”?

- “Kinh” còn gọi là kinh điển, là giáo huấn của Phật. Tất cả lời Phật nói ra không rời khỏi thật tướng các pháp, chân tướng của vũ trụ nhân sinh. “Điển” là điển hình, là mô phạm. Cho nên, “kinh” là chân lý vĩnh viễn không bao giờ thay đổi, siêu việt cả thời gian lẫn không gian; bất luận ở địa phương, khu vực nào cũng đều thích hợp. Đây mới là điều phi thường. “Đạo” là con đường, tỉ dụ cho tu hành, đời sống như lý mà hành, mang đến chân thật hạnh phúc mỹ mãn, thì gọi là “Đạo”.

Ngày nay, chúng ta qui y Vô Lượng Thọ Phật, qui y A Di Đà Phật, nếu có thể đem kinh Vô Lượng Thọ, từng câu từng chữ thực tiễn ngay trong cuộc sống hàng ngày, triển hiện cho xã hội đại chúng xem cũng là hình thức giảng đạo. Tuy không giảng, nhưng làm ra kiểu dáng để mọi người xem, đây là thân giáo. Chư Phật Bồ Tát “thân-khẩu-ý”, ba luân giáo hóa chúng sinh, đây đều là chúng ta phải nên học tập.

Hai ngày nay, chúng ta đã nghe qua cư sĩ Lý Mộc Nguyên kể về lão cư sĩ Hồng quyên hiến đất cho chúng ta xây dựng thôn Di Đà. Một tháng trước, tôi có đến thăm ông, ông bị bệnh rất nặng. Chúng tôi xem thấy hình tướng của ông có được sáng, không giữ được chiều. Chính ông cũng biết được, nên trong lòng rất lo lắng, muốn hiến tặng khu đất của mình để làm thôn Di Đà. Ông thành tâm, thành ý tìm cư sĩ Lý, cư sĩ Lý cũng có thành ý giúp mọi người làm. Nên biết, việc này không phải vì chính ông, chính ông tương lai cũng sẽ không ở trong đó, đây là vì chúng sinh tạo phước, vì mọi người

kết pháp duyên thù thắng với A Di Đà Phật, giúp mọi người thành tựu, mọi người vãng sinh thế giới Cực Lạc. Cái duyên này quá thù thắng, phước báo này không ai có thể sánh được với ông.

Tôi hoảng pháp từ Úc châu trở về, cư sĩ Lý nói với tôi, ông nghĩ đến tương lai xây dựng thôn Di Đà cần phải có phí dụng, hiện tại vay tiền tương đối khó khăn, cho nên Hồng lão tiên sinh tự động đem giá đất giảm bớt một ngàn vạn. Giá như ban đầu đã thỏa thuận là hai ngàn năm trăm vạn, hiện tại là một ngàn năm trăm vạn, hơn nữa chỉ cần trả một ngàn vạn, còn năm trăm vạn có thể trả từ từ.

Hồng lão tiên sinh bị ung thư cổ, cường hống đã có một cái lỗ ba năm rồi, nói chuyện không nghe được rõ. Lần đầu tôi gặp, ông nói âm thanh nghe rất nhỏ, sức khoẻ ông rất suy kiệt. Sau khi phát tâm này chưa được vài ngày, bác sĩ xem bệnh cho ông thấy cái ung thư không còn, nói với ông sau hai tháng nữa ông sẽ hoàn toàn hồi phục. Thật không thể nghĩ bàn!

Tôi nghe nói, liền đến thăm ông. Lần này, thấy nét mặt ông sáng lạn, âm thanh rõ ràng hơn trước, mỗi câu mỗi chữ ông nói tôi đều nghe được. Ông nói tiếng Phúc Kiến, tôi nghe hiểu được. Tôi đem xôi chuối tặng cho ông. Hôm qua, ông liền có cảm ứng, đến tìm cư sĩ Lý Mộc Nguyên, nói với Lý cư sĩ: Cả đời ông vốn dĩ đều hoài nghi, đều không tin tưởng, hiện tại ông thật tin tưởng. Ông nói tối hôm trước ông ngủ thấy một giấc mộng; thật ra không như giấc mộng mà rõ ràng tường tận như cảnh thật. Ông thấy có hai người, một nam, một nữ rất xinh đẹp, đoan chánh đứng cạnh ông. Ông hỏi các người là ai, từ đâu đến? Họ không trả lời, chỉ khuyên ông phải nhẫn nại, cho dù là chuyện lớn, chuyện nhỏ đều phải nhẫn nại. Hồng tiên sinh gật gật đầu, cả đời ông đích thật là hay nóng vội, họ khuyên ông nhẫn nại, sau đó nói với ông: “*Đến cũng không không, đi cũng không không*”. Lão tiên sinh nghe rồi liền hiểu, gật gật đầu. Họ nói hai người

họ là do Ngọc Hoàng Đại Đế phái đến để chăm sóc ông. Cảm ứng đạo giao thật không thể nghĩ bàn!

Hồng lão cư sĩ nói: “Tôi tám mươi tuổi rồi, tuyệt đối không có nói vọng ngữ”, đây đích thật là sự thật. Hiện tại, tôi nghe nói sáng sớm ông còn xuống lầu vận động. Việc này cho thấy, chúng ta khởi tâm thiện, làm một ít việc thiện, chư Phật Bồ Tát, thiên long thiên thần cảm ứng rõ ràng, liền đến giúp chúng ta, như cảm ứng của Hồng lão cư sĩ. Chỉ cần chúng ta chân thật phát tâm, vì chúng sinh, vì xã hội, vì Phật pháp, tự nhiên liền cảm ứng được chư Phật hộ niệm, long thiên thiên thần bảo hộ. Phát tâm của lão cư sĩ Hồng cho thấy tương lai khi thôn Di Đà này xây xong, trong đây nhất định sẽ có rất nhiều người niệm Phật vãng sinh bất thoái thành Phật. Đó là phước điền chân thật, nên ông mới có được công đức lớn đến như vậy.

KINH VĂN:

Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương, văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, tâm phát vô thượng chánh chân đạo ý, khí quốc quyền vương, hành tác sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng.

VIỆT DỊCH:

Có đại quốc chủ tên là Thế Nhiêu Vương, nghe Phật thuyết pháp hoan hỷ, khai giải, liền phát vô thượng chánh chân đạo ý, bỏ nước, bỏ ngôi vua, trở thành sa môn, hiệu là Pháp Tạng.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn trên đây là đức Thế Tôn giới thiệu lịch sử của Phật A Di Đà, trong Phật pháp gọi là “nhân địa”.

“Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương, văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải” (Có đại quốc chủ tên là Thế Nhiêu

Vương, nghe Phật thuyết pháp hoan hỷ, khai giải). “*Thế*” là thế gian, “*nhiêu*” là phong nhiêu. Theo Hòa Thượng Tịnh Không, chữ “*Thế Nhiêu Vương*” nhất định là tôn xưng của nhân dân xã hội thời đó tán thán mỹ từ này đối với quốc vương, vì vua này thống trị giỏi, có trí tuệ, rất từ bi, chăm sóc rất chu đáo đối với quốc gia. Thế gian này phong nhiêu, là quốc gia có nền văn hóa tài nguyên vô cùng phong phú, phát đạt; người xưa gọi là thái bình thanh thế, đặc biệt là phương diện văn hóa, lại có Phật xuất thế, điều này rất khó được.

Nhân dân phước báo lớn, quốc vương phước báo lớn mới chiêu cảm được Phật Bồ Tát đến xuất hiện. Không những chỉ xuất hiện mà còn trụ thế rất lâu đến bốn mươi hai kiếp. Vị đại quốc vương này tên là *Thế Nhiêu Vương*, nghe đấng *Phật Thế Gian Tự Tại Vương* thuyết pháp, tâm chợt khai ngộ, hiểu suốt thật nghĩa những lời Phật dạy nên gọi là “*khai giải*”. Do “*khai giải*” nên tự nhiên “*hoan hỷ*”. Điểm này giống như cuối các bản kinh thường chép: “*Văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ*” (Nghe lời Phật dạy đều đại hoan hỷ).

“*Tâm phát vô thượng chân chánh đạo ý*” (Liên phát vô thượng chánh chân đạo ý): “*Tâm*” là ngay lập tức, “*phát*” là phát tâm. “*Vô thượng chân chánh đạo ý*”, tiếng Phạn là “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”, chính là phát vô thượng đại Bồ Đề tâm, phát đại tâm thành Phật. Trong Phật pháp, giác ngộ có ba bậc:

- “*Tam Bồ Đề*” là Chánh Giác, quả vị của A-la-hán.
- “*Tam Miệu Tam Bồ Đề*” là Chánh Đẳng Chánh Giác, quả vị của Bồ Tát.
- “*A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là quả vị Phật.

“*Khí quốc quyền vương hành tác sa môn*”: “*Khí quốc*” là xả bỏ phú quý, tiền của; “*quyền vương*” là xả bỏ vương vị. Người xưa nói “*Quý vi Thiên tử, phú hữu tứ hải*”. Quốc vương vào thời xưa, lãnh

thỏ là tài sản tư hữu của họ. Nhân dân trồng trọt trên đất phải nộp thuế cho họ. *Thế Nhiêu Vương* có được phú quý, hơn nữa là đại phú quý. Ông là đại quốc vương, sau khi nghe pháp khai giải, lập tức phát vô thượng đại Bồ Đề tâm, từ bỏ đất nước, ngôi vua, xuất gia trở thành “sa-môn”.

“Sa-môn” (Sramana) nguyên là tiếng để gọi chung những người xuất gia, kể cả ngoại đạo, sau này mới trở thành danh từ dành riêng cho tăng lữ Phật giáo. “Sa-môn” nghĩa là “Cần Túc”, thông thường giải thích là “Cần tu Giới-Định-Tuệ tức diệt “tham-sân-si”, đó gọi là “Sa-môn”. Nói cách khác, ý nghĩa của “*Sa-môn*” là đoạn ác tu thiện. Người nào có thể siêng tu “Giới Định Tuệ”, dập tắt “tham-sân-si” thì gọi là “*sa-môn*”. Do đây có thể biết, tại gia hay xuất gia, chỉ cần chân thật đoạn ác, tu thiện đều có thể gọi là “*sa-môn*”. “*Hành tác sa-môn*” là nói ngài đã xuất gia rồi.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương chép: “*Từ thân xuất gia, thức tâm, đạt bốn, giải vô vi pháp, danh vi sa-môn*” (Từ biệt thân thuộc xuất gia, hiểu thấu cội rễ của tâm tánh, hiểu pháp vô vi, gọi là sa-môn). Đây chính là ý nghĩa sâu xa của chữ “*sa-môn*”.

“*Thức*” là nhận thức, “*thức tâm*” là nhận thức tâm, tâm này là chân tâm, là bản thể của vũ trụ vạn hữu, “*thức tâm*” cũng là “*minh tâm kiến tánh*”, “*đạt bốn*”: “*bốn*” là chỉ cho tứ tánh. “*giải vô vi pháp*” câu này không dễ hiểu.

- “Pháp vô vi” ở đâu?
- Ngay trước mắt chúng ta!

Trên thực tế, tất cả pháp đều là “*pháp vô vi*”, chúng ta ở trong hết thấy các pháp này khởi tâm động niệm phân biệt, chấp trước khiến nó thành “*hữu vi*”. “*Pháp hữu vi*” là giả không thật, “*Pháp vô*

vĩ” mới là thật. “Vô vĩ” nhưng “vô sở bất vĩ”, nó có thể hiện ra vạn pháp. Tuy hiện vạn pháp, nhưng vạn pháp là huyền hóa.

Kinh Kim Cang nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh*”, nó không phải thật, cho nó là thật sẽ mê muội ở trong đó! Trong giáo lý Đại thừa nói “*Bất nhị pháp môn*”: “*Hữu vĩ*”, “*vô vĩ*” đều không hai, đây thật sự là hiểu “*pháp vô vĩ*”. Ta biết “*vô vĩ*” nhưng “*vô sở bất vĩ*”; “*vô sở bất vĩ*” nhưng thật là “*vô vĩ*”. Cách nói này là cách nói khi chứng quả, đạt đến cảnh giới của Như Lai. Bồ Tát vẫn chưa đạt đến trình độ này. Phía trước nói “*cần tu Giới-Định-Tuệ, diệt trừ tham sân si*”, đó là lúc sơ học, sa-môn mới học Phật phải đi theo con đường này. Nhưng, Phật là bậc “*Đại sa-môn*”, sa-môn chúng được cứu cánh viên mãn nên đã siêu việt chặng đường này.

“**Hiệu viết Pháp Tạng**” (Hiệu là Pháp Tạng): “*Pháp Tạng*” chính là Pháp hiệu của Thế Nhiêu Vương sau khi trở thành tỳ kheo. “*Pháp*” là tất cả Phật pháp, “*Tạng*” là hàm tàng. Tất cả Phật pháp đều hàm tàng trong đó, nên gọi là “*Pháp Tạng*”. Do đây có thể biết: *Pháp Tạng* chính là tên gọi của tự tánh chúng ta; chỉ có “*Chân Như tự tánh*” mới hàm chứa tất cả các pháp thế và xuất thế gian.

Theo Thám Huyền Ký, chữ “*Pháp*” có đến bốn nghĩa:

- *Hàm nhiếp* (chứa đựng, bao gồm).
- *Uân tích* (tích chứa sâu sắc).
- *Xuất sanh* (sinh ra).
- *Vô tận*.

Do cất giữ tất cả pháp nên gọi là *Pháp Tạng*, đây là nói về hàm ý trong danh hiệu.

Theo Gia Tướng Sớ (đây là chú giải của Pháp sư Huệ Viễn thời nhà Tùy): “*Do có thể tích lũy Phật pháp một cách sâu xa nên gọi là Pháp Tạng*”, giải thích ý này là nói tự tánh, đây là tánh đức. Đại sư Huệ Năng nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*”, là ý nghĩa này.

Tự tánh không thiếu bất cứ một pháp nào. Tự tánh có vô lượng trí tuệ, có vô lượng đức năng, có vô lượng tướng hảo, cũng có nghĩa là hàm nhiếp, uân tích, xuất sanh, vô tận. Gặp duyên: Duyên của chư Phật Như Lai là chúng sinh có cảm, Phật liền có ứng. Cảm ứng đạo giao giống như thủy triều, thủy triều lên hay xuống đều có thời gian nhất định. Cho nên, trong kinh điển Cổ Đức cũng thường ví Như Lai thuyết pháp như tiếng hải triều, đúng thời gian nó tự nhiên đến, hết thời gian nó tự rút xuống.

Quả đúng là “*đến không có đến, đi cũng không có đi, đến không có chỗ đến, đi không có chỗ đi*”, chính là “*đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận*”, đây là chân tướng sự thật. Chúng ta thấy có đến, có đi vì chúng ta có quan niệm về thời gian lẫn không gian. Trên thực tế, trong thiền định thời gian và không gian đều không có.

Rất nhiều năm trước, các nhà khoa học đã chứng minh, biết được thời gian và không gian không thật, là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta sinh ra. Nếu buông bỏ được phân biệt, chấp trước thì thời gian và không gian sẽ không còn. Thời gian không còn sẽ không có trước sau, không có xưa nay, đều ngay tại đây. Nếu không có không gian thì khoảng cách sẽ không có, do đó nó là giả không thật.

- Thế giới Cực Lạc ở đâu?

- Ngay tại đây! Không có khoảng cách!

Như hiện nay chúng ta xem truyền hình.

- Trong truyền hình có khoảng cách không?

- Không có! Bậc nút kênh đài, nó liền hiện ra. Đồi kênh đài khác, kênh này lập tức biến mất, kênh mới xuất hiện đều ngay tại đây. Đồi kênh, giống như các nhà khoa học phát hiện “khác tầng không gian”. “Tầng không gian”, theo lý mà nói là vô tận vô lượng.

Về sự, ngài Hoàng Niệm Tổ là người học khoa học, ông dạy về thiết bị truyền tin vô tuyến ở trường, ông nói: Khoa học có chứng cứ, ít nhất có mười một loại không gian khác nhau tồn tại. Trên lý mà nói, không phải chỉ có chừng đó, đều là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà biến hiện ra. Nếu buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì thời gian và không gian không còn nữa, toàn thể vũ trụ từ xưa đến nay sẽ liền hiện ra trước mắt. Như mạng lưới trên quả cầu rất dày đặc, ta sẽ hoàn toàn nhìn thấy, tất cả đều thông đạt, đây là cảnh giới của Phật. Lại nữa, : Có thể khai mở Pháp tạng của Phật cũng là khai mở được tự tánh của chính mình nên gọi là “*Pháp Tạng*”.

KINH VĂN:

Tu Bồ Tát đạo, cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất. Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm tuệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả.

VIỆT DỊCH:

Tu Bồ Tát đạo, cao tài dũng triết, trội lạ hơn người, tín giải, nhớ rõ, đều là bậc nhất. Lại có hạnh nguyện và niệm tuệ lực thù thắng để tăng thượng tâm mình kiên cố chẳng động, tu hành tinh tấn, chẳng ai hơn nổi.

GIẢNG:

Đoạn kinh này khen ngợi nồng nhiệt đức hạnh tu hành của tỳ kheo Pháp Tạng sau khi xuất gia. Vừa nhập môn, ngài không tu theo đạo Thanh Văn, không tu theo đạo nhân thiên mà tu theo đạo Bồ Tát, hướng thẳng đến Nhất Thừa. Bản Tổng dịch ghi là “Đại thừa đệ nhất”. Như vậy, theo cụ Hoàng Niệm Tổ, pháp của Bồ Tát tu là đại pháp “Nhất Thừa Chân Như” viên mãn. Câu này rất quan trọng!

- Pháp này là gì?

- Theo Hòa Thượng Tịnh Không là: “Chí tâm tín nhạo”, chỉ có một niệm duy nhất, tất cả những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều buông bỏ. Một niệm này là nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sinh Tịnh Độ. Đây là “đại đạo Chân Như viên mãn” của Nhất Thừa.

- Tiêu chuẩn của “**Tu Bồ Tát đạo**” là gì?

- Tịnh tông chúng ta đề ra năm khóa mục làm tiêu chuẩn:

1. Tu “Tịnh nghiệp tam phước”.
2. Tu “Lục Hòa Kính”.
3. Tu “Giới-Định-Tuệ” tam học.
4. Tu “Lục Độ”.
5. Tu “Thập Nguyện Phổ Hiền Bồ Tát”.

Trong cuộc sống thường ngày đối nhân xử thế tiếp vật, khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm đều phải tương ứng với tiêu chuẩn này thì gọi là tu Bồ Tát đạo. Trái với tiêu chuẩn này là tu ba đường ác!

“**Cao tài dũng triết**”: “Cao” là tán thán đức cao của ngài, “tài” là tán thán trí của ngài, ngài có trí tuệ tài hoa, “dũng” là có ý

chí mạnh mẽ, “*triết*” là hiểu biết, sáng suốt. “*Dững triết*” là tán thán chí hướng mạnh mẽ của ngài. Ngài lập đại chí đích thật là khác với mọi người. Người thế gian mong cầu là phú quý, hưởng thụ lợi dưỡng năm dục sáu trần. Ngài giác ngộ biết tất cả đều là hư vọng, là căn bản của sinh tử luân hồi, nên đem nó xả được sạch trơn, biết được “vô thượng đạo” mới là “chánh pháp”, là “chư Phật Như Lai sở chứng”, là tất cả người giác ngộ mong cầu học tập.

Gia Tường Sớ giảng: “*Khen ngợi tài năng siêu quần nên bảo là Cao Tài. Tự thắng được mình, thắng được người nên khen là Dững. Sáng suốt phá tan tà kiến nên bảo là Triết*”. Câu này quan trọng nhất là “thắng được mình”. “Thắng được mình” là công phu, khắc phục được tập khí phiền não, sự biếng nhác, kiêu ngạo, phóng dật v.v... của chính mình, từ đó mới có thể tập trung, tinh tấn tu hành.

Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Tài là tài khéo, tài đức hơn người nên bảo là Cao Tài. Ý chí mạnh mẽ là Dững. Tâm sáng suốt là Triết*”. Như vậy, “*Cao tài dững triết*” hàm ý Bồ Tát Pháp Tạng tài cao hơn người, dững mãnh tinh tấn, tâm rạng trí sáng.

“*Dữ thế siêu dị*” (Trỗi lạ hơn người), siêu việt khác thế gian. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Riêng mình ngài đức hạnh vượt trỗi, nên bảo là ‘thế siêu dị’ (trỗi là hơn đời)*”.

Sách Hội Sớ bảo: “*Thường nhân chẳng thể bằng nổi nên bảo là dữ thế siêu dị*”.

Với vấn nạn: “*Khi phát tâm Bồ Tát, Pháp Tạng đã ở địa vị nào?*” Các nhà chú giải kinh nêu ra nhiều thuyết khác nhau:

Ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Ở đây, Ngài vừa mới phát tâm vô thượng nên còn thuộc Địa Tiền thế gian hạnh, đến đoạn sau có câu: ‘Ta phát tâm Vô Thượng Chánh Giác’, (lúc ấy) ngài mới thuộc Địa Thượng xuất thế gian hạnh*”. Các vị Nghĩa Tịch, Vọng Tây v.v...

cũng nghĩ tương tự (nên biết: Những người chưa đạt đến “Sơ Địa” được gọi bằng danh xưng “Địa Tiên” hay “thế gian”. Chỉ bậc chứng “Sơ Địa” trở lên mới được gọi là “xuất thế gian”).

Các ngài Đàm Loan, Gia Tường, Thiện Đạo và tác giả sách Bình Giải đều bác thuyết ấy. Sách Bình Giải bác thuyết của ngài Tịnh Ảnh như sau: *“Dẫu có nói phát tâm trước (đoạn kinh này), sau (phẩm thứ năm) nhưng chẳng có hai lượt phát tâm. Chỉ là một lần phát tâm mà thôi!”*

Cụ Hoàng Niệm Tổ nêu ra nhận xét như sau: Đoạn kinh văn này là đức Thích Ca thuyết pháp, thuật lại sự phát tâm của Bồ Tát Pháp Tạng. Trong phẩm thứ năm ở phần sau, chính tỳ kheo Pháp Tạng tự thuật việc phát tâm của mình. Cho nên phát tâm thuật trong phần sau chỉ là nhắc lại việc phát tâm lần này. Ý của sách Bình Giải (do Đại sư Đạo Ân người Nhật viết) rất xác đáng. Sách còn viết: *“Đại sĩ Long Thọ phán định là thuộc Sơ Địa hoặc là Bát Địa, cũng là từ quả hướng nhân, thật khác với ý các sư lắm!”*. Câu này chứng minh trong Đại Luận, Đại sĩ Long Thọ, phán định Bồ Tát Pháp Tạng khi vừa mới phát tâm ngài đã ở bậc Sơ Địa hay Bát Địa, tức là ở bậc Địa Thượng, do đó, ý Đại Luận hoàn toàn tương phản với ý của các sư.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chúng ta chưa minh tâm kiến tánh nên luôn luôn có nghi vấn trước quan điểm sai biệt của các Tổ sư, đại đức. Việc này chúng ta không cần phải nghiên cứu, mà chỉ nên dùng nó làm tài liệu tham khảo, bởi nó không liên quan đến việc niệm Phật vãng sinh Tịnh Độ của chúng ta. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thấy được A Di Đà Phật, chân tướng liền sẽ rõ ràng, hà tất ở đây cứ đoán già, đoán non tự tìm rắc rối! Tìm hiểu ngôn ngữ văn tự là sai!

Cụ Hoàng Niệm Tổ tiếp tục nêu ra:

Phẩm “Thọ Lượng” của Kinh Pháp Hoa chép: “*Ngã thực thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp*” (Từ khi ta (tức Phật Thích Ca) thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp). Kinh Pháp Hoa còn chép: Đức Thích Ca cùng Phật A Di Đà trong vô lượng A-tăng- kỳ kiếp trước đều là vương tử của Đại Thông Trí Thắng Như Lai. Như vậy, Phật A Di Đà cũng đã thành Phật từ rất lâu xa rồi, quả đúng là tỷ kheo Pháp Tạng chỉ là từ quả hương nhân mà thôi.

“*Tín giải minh ký, tất giai đệ nhất*” (Tín giải nhớ rõ đều là bậc nhất): “Tín” là tin nhận (tín thọ). Kinh Hoa Nghiêm bảo: “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu*”, lòng tin là mẹ của công đức, là nguồn gốc của học đạo. Chúng ta tu học Tịnh Độ cần có ba điều kiện, gọi là ba tư lương: *Tín, Nguyện, Hạnh*. Chữ “Tín” đặt ở đầu tiên.

- Thế nào là “Tín”?

- Quyển hai, sách Đại Thừa Nghĩa Chương viết: “*Đối với Tam Bảo tâm tịnh chẳng ngờ gọi là Tín*”. Hòa Thượng Tịnh Không khen câu nói này rất hay: Tâm phải thanh tịnh, không có nghi hoặc mới gọi là Tín. “Tín” trong Phật pháp không giống niềm tin của các tôn giáo khác. Họ cũng đặt niềm tin ở hàng đầu, nhưng niềm tin của họ là tin thần, tin Thượng Đế. Trong Phật pháp không phải vậy, tin đầu tiên là tin chính mình, hoàn toàn khác nhau.

Trong “Di Đà Yếu Giải”, Đại sư Ngẫu Ích nói về sáu loại “Tín”: Tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự và tín lý. Thứ nhất là “tín tự”, tin chính mình vốn là Phật. Nếu không tin điều này thì học Phật làm sao thành Phật! Trong Tịnh Tông lại càng đặc biệt: Tin tự tâm chính là Phật A Di Đà; Phật A Di Đà chính là tự tâm, Tịnh Độ tức ở đây, ở đây tức Tịnh Độ.

- Bạn có tín tâm này chăng?

- Không có niềm tin này thì công phu niệm Phật của bạn không có cảm ứng, không được tam-muội!

Niềm tin kế tiếp mới là “tín tha”, tức là tin đức Phật Thích Ca giới thiệu về thế giới Tây Phương Cực Lạc, từ nhân vật cho đến cảnh giới đều có thật, tin bốn mươi tám Đại Nguyện của đức Phật A Di Đà hoàn toàn không hư dối v.v...

Đại Trí Độ Luận nói: “*Tin là có thể vào, Trí là có thể chứng*”, nếu bạn không tin thì làm sao có thể vào! Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này phải nên có sự lĩnh ngộ, chỉ cần xây dựng tín tâm thanh tịnh, chúng ta cũng có thể giống như Pháp Tạng.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Kinh Hoa Nghiêm lấy “Tín-giải-hạnh-chứng” làm cương yếu, bởi có “tín, giải” chân thật mới có thể sinh khởi “hạnh chứng” chân thật, “*minh ký*” là ghi nhớ một cách phân minh, chẳng hề quên mất pháp đã nghe.

Cũng theo cụ Hoàng: “*Tất giai đệ nhất*” (Đều là đệ nhất) có hai nghĩa:

Một là chí cao vô thượng không ai có thể vượt qua.

Hai là những gì ngài tin hiểu, lãnh hội đều khế hợp “*Đệ nhất Nghĩa Đệ*”.

Hòa Thượng Tịnh Không cho rằng: Ý này rất sâu sắc, các đại đức xưa nay thường nói “*tiêu qui tự tánh*”, những gì ngài tin hiểu, nghe được đều tương ứng với Chân Như tự tánh. Đó không phải là sự tiếp thu bình thường. Kinh văn ở trước và khai thị của Tổ sư đại đức khiến chúng ta có lý do tin rằng: Tỳ kheo Pháp Tạng không phải người bình thường, là Pháp Thân Bồ Tát tái sinh, đương nhiên ngài có năng lực này.

“*Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm tuệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động*” (Lại có hạnh nguyện và niệm tuệ

lực thù thắng để tăng thượng tâm mình kiên cố chẳng động): “*Thù thắng*” là thuật ngữ riêng của Phật giáo. “*Thù*” là đặc biệt, đặc thù, “*thắng*” là vượt qua, siêu việt, siêu thắng. “*Hạnh nguyện*” là thân hạnh và tâm nguyện hỗ trợ nhau, hoàn toàn tương đồng, không phải “*khẩu thị tâm phi*”, miệng nói một đằng, tâm nghĩ một nẻo.

- Tỳ kheo Pháp Tạng dùng phương pháp gì có thể dẫn dắt những chúng sinh này sớm thành tựu?

- Thực tế mà nói, vấn đề này tất cả chư Phật đều luôn để tâm đến, nhưng không nghĩ ra phương pháp. Trong kinh thường nói: “*Tâm, Phật cập chúng sinh thị tam vô sai biệt*”, ba sức mạnh của: Tâm, Phật và chúng sinh ngang nhau. Thử xem, chúng ta kết hợp với sức mạnh nào? Nếu tâm kết hợp với tập khí phiền não của tất cả chúng sinh thì đó quả thật là vô lượng kiếp không có ngày ra khỏi luân hồi! Những gì trong kinh Phật nói không phải là để khiếp sợ người khác, mà mỗi câu Phật nói đều là thật. Luân hồi khổ! Luân hồi quá khổ! Sinh đến cõi trời giống như được thở một hơi, chưa thở hết một hơi, lại bị đọa lạc! Lần này đọa lạc đến khi nào mới ra được?! Quả thật không đơn giản!

Sách Bồ Đề Tâm Luận giảng: “*Cầu Bồ Đề là phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Đề tâm*”. “*Phát*” là “*tín, nguyện*”, “*tu*” là “*hạnh*”. Ba thứ tư lương “*Tín, Nguyện, Hạnh*” như ba chân của cái đỉnh, chẳng thể thiếu một. Phật Di Đà hiệu là Đại Nguyện Vương, pháp môn Tịnh Độ hoàn toàn nương vào biển nguyện Nhất Thừa của Phật A Di Đà, lấy “*Tín, Nguyện, Trì Danh*” làm Tông.

“*Cập niệm tuệ lực, tăng thượng kỳ tâm*” (Và niệm tuệ lực để tăng thượng tâm mình): Đại nguyện sinh ra đại lực, nên đại nguyện và sức niệm tuệ cùng làm tăng thượng duyên.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “*Nguyện để khởi hạnh thì gọi là nguyện lực*”. “*Nguyện*” ở phía trước dẫn đường cho “*Hạnh*”. Dùng “*Hạnh*”

để thực tiễn “*Nguyện*”, nguyện vọng mới đạt đến viên mãn thành tựu. Chúng ta ngay trong đời sống nhất định phải phát nguyện. Phải có thể xả mình vì người. Bồ Tát Pháp Tạng có thể mãn nguyện cũng chính nhờ cái nguyện tắc này mà làm. Pháp Tạng xây dựng đạo tràng thế giới Tây Phương Cực Lạc, không phải cho chính mình hưởng phước mà cung ứng cho tất cả chúng sinh mười phương thế giới đến đây thành Phật.

Ngày nay, chúng ta học Phật, tu học Tịnh Độ chính là học Phật A Di Đà, chúng ta có giống A Di Đà Phật không?

- Mỗi ngày chí ít phải hỏi vài lần: Ta có giống A Di Đà Phật không? Không giống Phật A Di Đà thì không được! Vậy thì phát nguyện của bạn chỉ là giả, không thật! Nhất định phải giống như A Di Đà Phật.

- Làm thế nào để giống?

- Lúc trước tôi đã từng nói qua rất nhiều lần: phải đem bộ kinh này, từng câu, từng chữ làm cho được thì bạn liền giống Phật A Di Đà. Bộ kinh này chính là Phật A Di Đà. Chúng ta phải thật tin, thật có thể lý giải, thật y giáo phụng hành, thật thành tâm phát nguyện. Nguyện phải giống như nguyện ngài; tu phải giống như các hạnh của ngài, vậy mới giống Phật A Di Đà. Nếu có được hai, ba phần giống thì bạn quyết định được vãng sinh. Nếu có thể tu được tám, chín phần giống thì được thượng thượng phẩm vãng sinh.

Sách Hội Sớ nói: “*Nguyện lực là Tứ Hoàng Thệ Nguyện để thanh tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sinh vậy*”. Tất cả chư Phật Như Lai thường phát đại nguyện khi còn ở nhân địa. Tập hợp tất cả những đại nguyện này, lại đưa ra một cương lĩnh chính là “Tứ Hoàng Thệ Nguyện”. Bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà cũng không ngoài cương lĩnh của “Tứ Hoàng Thệ Nguyện”.

“*Cập niệm tuệ lực*”: Chữ “*niệm tuệ lực*” còn chỉ cho “*Niệm Lực*” và “*Tuệ Lực*”. Tuy tính lực có hai nhưng thực tế bao gồm cả “*Ngũ Căn, Ngũ Lực*”. “*Ngũ Lực*” là: Tín Lực, Tinh Tấn Lực, Niệm Lực, Định Lực và Tuệ Lực. Chúng ta phải thực hành năm chữ này, biến năm “*Căn*” thành năm “*Lực*”. Trong pháp môn Niệm Phật rất dễ thực hành, hầu như người chân chánh niệm Phật đều có thể làm được. Rất nhiều người niệm Phật đều đầy đủ “*Ngũ Lực*”. Tu các pháp môn khác không dễ biến “*Ngũ Căn*” thành “*Ngũ Lực*”.

Trí Độ Luận nói: “*Tăng trưởng Ngũ Căn khiến cho chúng chẳng bị phiền não phá hoại nên gọi là Lực*”: “*Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ*” là “*Ngũ Căn*”; không bị phiền não phá hoại đây là “*Lực*”. Câu này nói đến cơ bản hành môn của chúng ta. “*Luận*” còn nói: “*Thiên ma ngoại đạo chẳng thể ngăn trở, phá hoại nên gọi là Lực*”.

Nếu “*Ngũ Căn*” khởi sức mạnh, thiên ma ngoại đạo gặp cũng không dám chướng ngại bạn, họ còn cung kính lễ bái bạn, làm hộ pháp cho bạn. Nếu không có công phu thật sự, họ sẽ xem thường, đến gây rối, bỡn cợt bạn. Cho nên, biết dùng “*Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ*”, ma gặp bạn liền biến thành Bò Tát. Hơn nữa, “*Niệm Lực*” tăng trưởng “*Niệm Căn*”, phá được các tà niệm; “*Tuệ Lực*” tăng trưởng “*Tuệ Căn*”, phá các “*Hoặc*” trong tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới).

Đại sư Linh Phong (Tổ Ngẫu Ích) còn bảo: “*Niệm căn tăng trưởng thành tựu hết thấy chánh niệm xuất thế công đức nên gọi là Niệm Lực. Tuệ căn tăng trưởng ngăn che hết thấy các Hoặc Chướng dù thông hay biệt, phát sinh chân vô lậu nên gọi là Tuệ Lực*”. Các “*Hoặc Chướng*” chính là ngu si, khi tiếp xúc rất dễ bị động tâm. Tam giới là phước báo của trời, người, người thế gian ưa thích hưởng thụ cảnh giới thần tiên tốt đẹp, nên rất dễ bị mê hoặc.

Do vậy mà Tuệ quang dứt được “*Hoặc Chướng*”, hiển phát chân trí vô lậu nên gọi là “*Tuệ Lực*”, đây là trí tuệ tăng trưởng giúp ta có năng lực nhìn thấu, buông bỏ những cảm dỗ, mê hoặc. “*Kiến Tư Hoặc*” là “*Thông Hoặc*” (phiền não chung), vì cả ba “*Thừa*” đều cùng phải đoạn trừ. “*Trần Sa Hoặc*” và “*Vô Minh Hoặc*” là “*Biệt Hoặc*”, chỉ riêng hàng Bồ Tát mới phải đoạn.

Nói đến Ngũ Căn, Ngũ Lực, chúng ta liền nghĩ ngay đến “*Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*”. Đứng đầu của “*ba mươi bảy phẩm trợ đạo*” là **Tứ Niệm Xứ**. “*Niệm Xứ*” là trí tuệ, cũng chính là nhìn thấu. **Tứ Niệm Xứ** dạy chúng ta bốn loại quan niệm chính xác. Ngày nay, chúng ta tu hành, công phu không có lực, do nền tảng tu học của chúng ta chưa chắc chắn.

- “*Không có lực*” là gì?
- Là không buông bỏ được!
- Vì sao không buông bỏ được?
- Vì không nhìn thấu!

Đức Phật dạy chúng ta phải bắt đầu học từ **Tứ Niệm Xứ**:

1. Quán Thân Bất Tịnh

Thân này không phải là thứ trong sạch, chớ nên tham đắm nó, đây là bước đầu vào cửa. Pháp quán này giúp chúng ta, tuy chưa thể đoạn dứt được “*Thân Kiến*”, cũng giảm nhẹ đi phần chấp trước về “*ngã chấp*”. Thân tuy giả không thật nhưng chúng ta không thể thiếu nó. Nhà Phật thường nói: “*Mượn giả tu thật*”. Chúng ta phải mượn cái thân giả này tu cái chân tánh; không có thân giả này cũng không được; cho nên, nó hữu dụng. Bạn sử dụng nó không chướng ngại, nhưng không được chấp trước.

Việc này tôi cũng thường nói qua: Tất cả vạn vật chúng ta có quyền sử dụng nhưng không nên có quyền sở hữu; quyền sở hữu là chấp trước. Không nhất thiết phải là sở hữu của ta, cũng dùng được, vậy thì tốt rồi! Giảng đường này chúng ta ngồi đây nghe giảng kinh là chúng ta có quyền sử dụng, nhưng quyền sở hữu thuộc Cư Sĩ Lâm, không phải của chúng ta. Thân này cũng vậy, chớ nên chấp trước thân này là ta, không nên chăm sóc, thương yêu nó quá đáng, vậy thì sai rồi! Phải lợi dụng nó, phải sử dụng nó, quyết không chấp trước nó. Sau này có xả thân, thọ thân bạn mới được tự tại.

2. Quán Thọ Thị Khổ

“Thọ” là hưởng thọ. Người ở Singapore có phước, đây là đất phước. Trên thế giới có rất nhiều nơi con người đang chịu khổ nạn, người ở đây cơm áo đầy đủ. Tỉ mỉ mà tư duy:

- Ngày ngày bạn hưởng thọ vui hay khổ?

- Không tệ! Cũng rất an vui!

- Bạn không biết được thật khổ!

- Vì sao?

- Vì ba bữa cơm bạn dùng đủ cơm rau vừa miệng thì rất vui! Nếu một ngày không có cơm ăn, đói đến khổ sở, cái khổ liền đến! Do đây có thể biết: Thọ dụng ba bữa cơm là thọ thuốc cứu khổ, mới biết hưởng thọ của bạn là khổ chớ không thật vui!

- Vì sao bạn không cảm giác được khổ?

- Vì khổ đó bị che mắt, chỉ tạm dùng. Một lần cơm đến trễ thì khổ liền đến ngay. Bạn vẫn không giác ngộ! Cho nên nói: “*Khổ là thật, vui là giả*”!

- Vì sao?

- Vui sẽ biến thành khổ, vui chính là giả! Khổ không thể biến thành vui, cho nên khổ là thật!

Ví như mỗi bữa ăn bạn dùng cơm rau vừa phải, bạn cảm thấy thú vị và ngon miệng. Nếu liên tục ép bạn ăn thật nhiều mười chén, hai mươi chén... thì bạn khổ rồi! Cái vui đó lập tức biến thành khổ, cho nên vui đó là không thật! Bụng đói một ngày thì rất khổ, đói hai ngày, liên tiếp đến nhiều ngày, sự khổ càng kéo dài, càng chòng chát trĩu nặng hơn; tuyệt đối không thể nói cái khổ chòng chát đến một lúc nào đó cái khổ liền biến thành vui, không hề có sự việc này! Cho nên, khổ là thật! Phải thường xuyên quán chiếu sự “*vui là giả, khổ là thật*”, lời Phật dạy không sai chút nào.

3. Quán Tâm Vô Thường

Tâm là ý niệm. Người thế gian qua lại là hư tình giả ý, không có gì là chân thật. Họ đối tốt với ta thế nào, thương yêu ta thế ấy, chỉ sau vài ngày tâm họ liền có biến đổi! Nếu nhìn thấu được sự thật này, vâng lời Phật dạy: Nhìn thấu, buông bỏ thì ta đã giác ngộ rồi. Do vậy mà họ dù có tốt với ta cũng chớ vội mừng, biết đó là giả không thật! Họ không tốt với ta cũng đừng buồn, vì biết đó cũng vô thường không thật! Tâm phàm phu là thế đấy, mê hoặc điên đảo, thiên biến vạn hóa, vô thường đổi thay, có gì là bảo đảm đâu! Thật chẳng đáng tin!

4. Quán Pháp Vô Ngã

“Ngã” là chủ thể. Kinh Hoa Nghiêm đưa ra tám loại “Ngã”, chủ yếu trong tám loại này chính là “chủ thể”. “Vô ngã” là không có “chủ thể”. Tất cả vạn vật đều không thể tự mình làm chủ được, đều đang bị luật vô thường biến hóa. Người, động vật có “sinh, lão, bệnh, tử”; thực vật có “sinh, trụ, dị, diệt”; khoáng vật có “thành, trụ, hoại, không”, đó là “vô ngã”.

Trên đây là bốn loại quan niệm cơ bản mà Phật dạy, giúp chúng ta khai mở trí tuệ, giúp chúng ta nhìn thấu, buông bỏ tất cả mọi phiền não vọng tưởng, phân biệt, chấp trước được an vui, tự tại.

Kể đến, là Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc. “Túc” là đầy đủ, “tri túc thường lạc”.

Năm xưa, Phật còn ở đời, nhu cầu đời sống của ngài chỉ có ba y, một bát, khát thực nuôi thân, nửa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ qua đêm, ngài biết đủ! “*Tứ Như Ý Túc*”, bốn điều này họp lại mà nói chính là “*Biết đủ thường vui*”, ngay trong đó có *Tứ Chánh Cần*. *Tứ Chánh Cần* dạy ta nguyên tắc đối nhân xử thế. “Chánh” là chính xác, “Cần” là phấn đấu. Bốn loại chánh đáng này bao gồm “đoạn ác tu thiện”, phải nên phấn đấu mà làm: Việc ác đã tạo phải mau đoạn dứt, việc ác chưa sinh quyết không tạo tác; việc thiện đã làm nên tiếp tục làm, việc thiện chưa làm phải mau phát tâm nỗ lực mà làm.

Có thể nói, muốn vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, muốn công phu tu tập có lực, cần phải đem ba loại khóa mục: *Tứ Niệm Xứ*, *Tứ Chánh Cần*, *Tứ Như Ý Túc* làm cho được, đây là nền móng vững chãi giúp ta đạt đến Ngũ Căn, Ngũ Lực. Chúng ta xem thấy trên Kinh A Di Đà, người ở thế giới Cực Lạc chỉ cần tu: Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần; ba khóa mục phía trước không hề nói qua, vì nền tảng này họ đều đã có.

Đại sư Trí Giả nói: Người thông thường đem “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo” xem thành giáo nghĩa của Tiểu thừa. cách nhìn này là sai lầm! “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo” là thông cả Đại, Tiểu thừa. Đây là pháp cơ bản trong Phật pháp, là khóa trình chung, không luận Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn hay Giáo hạ thầy đều phải tu.

Đại sư Trí Giả đem “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo” này, dùng phương thức bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên giảng giải, chúng ta mới hoác nhiên đại ngộ, mới thấy rằng “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo” là Pháp luân viên mãn của nhà Phật, bao gồm tất cả pháp ở trong đó, đó là tổng cương lĩnh của Phật pháp.

Trở lại phần kinh văn, “*niệm tuệ lực*” chính là “*Ngũ Lực*”. “*Ngũ Lực*”, cái thứ nhất là “*Tín*”, cái gốc này mới sinh sức mạnh. Thử hỏi:

- “*Tín*” của bạn có gốc hay không?

- Hôm nay thấy niệm Phật tốt, ngày mai nghe tham thiền tốt, ngày sau nghe trì chú tốt, lại muốn chuyển hướng! Vậy là tâm bạn bị dao động! “*Tín*” của bạn không có gốc! Như lục bình trôi sông, cuốn theo dòng nước! “*Tín*” như vậy không thể thành tựu được việc gì!

- Vì sao tín tâm bạn không có gốc?

- Bạn không có căn bản tu tập vững chắc của Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc. Nếu làm được hết ba khóa mục này, tín tâm bạn liền có gốc.

- Vì sao?

- Vì nhận biết rõ ràng lý sự nhân quả, tất cả pháp đều có thể tường tận, biết được “đoạn ác tu thiện”, biết được “Biết đủ thường vui”, tâm bạn liền có Định, tín tâm thêm lớn.

- Tín tâm làm thế nào thêm lớn?

- Thân cận thiện tri thức, thân cận bạn lành, đọc tụng Đại thừa, mỗi ngày nghiên cứu, thảo luận kinh điển. Càng nghiên cứu, càng rõ ràng, tín tâm càng có sức mạnh vững chắc, mới có thể nỗ lực tinh tấn. Chữ “*tinh tấn*” này đặc biệt chú ý đến chữ “*tinh*”. “*Tinh*” là thuần chớ không tạp, chỉ một môn thâm nhập, đây gọi là “*Tinh Tấn*”.

- Trong “Tứ Hoằng Thệ Nguyên” nói: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, sao lại bảo chỉ học một môn?

- Một môn này cùng vô lượng môn đều đồng một ý nghĩa, không có chút mâu thuẫn nào.

- Vì sao vậy?

- Tổ sư đại đức nói với chúng ta “*một kinh thông, tất cả kinh thông*”. Tất cả kinh chẳng phải là vô lượng pháp môn hay sao? Bạn thông một pháp môn rồi, bao gồm tất cả pháp môn đều thông. Đây gọi là “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”.

- Phải học thế nào mới gọi là thông? Có phải học thuộc kinh này mới gọi là thông?

- Không phải vậy!

- Phải chăng đạo lý của kinh này đều hiểu mới gọi là thông?

- Cũng không phải vậy!

- Thế nào gọi là thông?

- Mỗi bộ kinh đều có: “*Giáo, lý, hành, quả*”; nhà Phật gọi là bốn kinh. Văn tự của kinh là “*giáo*”; đạo lý hàm nghĩa trong văn tự là “*lý*” (“*lý*” là chân lý, chân như tự tánh); trong đây có phương pháp tu hành là “*hành*”. *Giáo, lý, hành* dung hòa thành một gọi là “*quả*”. Có như vậy mới gọi là thông.

Ngày trước tôi học giáo với thầy Lý. Buổi học đầu tiên thầy dạy tôi phải học “*giáo lý*”. Lúc đó, tôi hoàn toàn không hiểu. Thầy nói với tôi: Nếu bắt tay vào từ giáo lý, tương lai tất cả kinh đều quán thông, sẽ giảm được rất nhiều thời gian. “*Như kỳ bất năng*”, nếu không có năng lực này, chỉ chú trọng đến “*giáo nghĩa*”; “*nghĩa*” cũng là “*lý*” nhưng phạm vi của “*giáo nghĩa*” hạn hẹp hơn, thông một tông không thể thông toàn bộ. Không thể nói học một bộ kinh thì chỉ giảng

một bộ kinh, hoàn toàn chiếu theo phương pháp của thầy thì không được! Có làm thế nào cũng chẳng qua được máy ghi âm; máy ghi âm không sót một chữ nào.

Thế nhưng, không luận là “*giáo lý*” hay “*giáo nghĩa*”, không phải người thông thường có thể làm được! Tâm phải chắc, tâm phải chuyên, tâm phải tịnh, còn phải nhiệt thành với Phật pháp. Cần phải chuẩn bị mấy điều kiện này, bằng không đến “*giáo nghĩa*” bạn cũng không đạt được. Nói cách khác, bạn vẫn phải tu: *Tứ Niệm Xứ*, *Tứ Chánh Cần*, *Tứ Như Ý Túc*; không có nền tảng này thì rất khó.

Tôi giảng ba khóa mục này không giống như người xưa, người xưa giảng khó hiểu! Tôi đem “*Tứ Niệm Xứ*” giảng là “*nhìn thấu*”, đem “*Tứ Như ý Túc*” giảng là “*buông bỏ*” thì mọi người dễ hiểu; có vậy bạn mới chân thật được thọ dụng. Chính tôi học Phật, thực sự có lực là nhờ Đại sư Chương Gia. Đó là khi vừa bắt đầu học Phật, Đại sư dạy tôi sáu chữ: “*Nhìn được thấu, buông được xuống*”. Cho nên, về sau tôi đến thầy Lý học giáo thì tương đối dễ dàng, bởi về trước, Đại sư đã xây dựng cho tôi nền móng chuẩn xác, nên biết được một môn thâm nhập.

Trên lý mà nói: Pháp môn bình đẳng không có cao thấp, bất cứ bộ kinh nào, đều có bốn phần: “*Giáo, lý, hành, quả*”.

- Nên dụng công như thế nào?

- Phải “*tín-giải-hành-chứng*”! Có tín giáo, giải lý, tu hành, chứng quả thì bạn thông bộ kinh này. Bộ kinh này thông thì tất cả kinh đều thông. Tất cả kinh, chỉ cần vừa tiếp xúc, vừa nhìn, vừa nghe liền hiểu, cho nên rất dễ dàng.

Nếu bạn hoài nghi, hãy xem Lục Tổ Thiên tông Huệ Năng triều nhà Đường. Ngài không biết chữ, thời gian học giáo của ngài rất ngắn. Đại khái ngay trong tướng tượng của chúng ta, nhiều nhất

là hai đến ba giờ, vẫn chưa tới. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn bảo ngài nửa đêm đến phòng sẽ giảng kinh cho ngài; khi giảng đến “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, ngài liền khai ngộ, phía sau không cần giảng nữa. Nên biết, hai giờ đồng hồ đó của ngài thật cù khôi: Ngũ Tổ giảng cho ngài là “*Giáo-lý-hành-quả*” của Kinh Kim Cang; Huệ Năng nghe giảng liền “*Tín-giải-hành-chứng*”. Hai người đều rất cù khôi: Một người biết nói, một người biết nghe. Không như chúng ta ở nơi đây giảng đã nhiều năm vẫn không thể chứng quả!

Đại sư Huệ Năng sau khi chứng ngộ, ngài liền thông đạt tất cả. Trong lúc chạy nạn, ngài gặp người thứ nhất là tỳ kheo ni Vô Tận Tạng. Vị tỳ kheo ni này suốt đời trì kinh Đại Bát Niết Bàn. (Số lượng kinh Đại Bát Niết Bàn tương đối nhiều. Có hai loại bản dịch: Một bản dịch là ba mươi sáu quyển; một bản là bốn mươi quyển). Tuy ngày ngày đọc tụng vẫn không hiểu được nghĩa lý, vị tỳ kheo ni này đem kinh Đại Bát Niết Bàn đến thỉnh giáo với ngài Huệ Năng. Sau đó đọc cho Huệ Năng nghe. Đại sư Huệ Năng nghe qua liền giảng giải ý nghĩa cho cô, cô cũng khai ngộ. Cho thấy, kinh Đại Bát Niết Bàn, ngài chưa từng học qua, nghe xong ngài liền hiểu. Việc này nói rõ: Một kinh thông, tất cả kinh thông là sự thật.

Cho nên, “*thông*” có nghĩa là từ trong bộ kinh này mà “*minh tâm kiến tánh*”. “*Kiến tánh*” mới gọi là thông, không kiến tánh không gọi là thông. Sau khi kiến tánh, tất cả thế, xuất thế gian pháp vừa tiếp xúc liền thông đạt tất cả.

Thiền sư Pháp Đạt đến Tào Khê thỉnh giáo với Lục Tổ. Khi gặp mặt đương nhiên là đánh lễ. Lục Tổ thấy ông đánh lễ đầu không chạm đất liền hỏi: Phải chăng ông có được chút bản lĩnh đáng được kiêu ngạo? Pháp Đạt nói: Tôi đã tụng được ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa! Không tệ! Đó là có chút bản lĩnh!

Số lượng Kinh Pháp Hoa rất lớn, nếu mỗi ngày tụng được một bộ, thì hơn ba ngàn bộ ông phải mất đến khoảng mười năm mới hoàn tất. Việc này đáng được kiêu ngạo! Lục Tổ liền hỏi ông ý nghĩa Kinh Pháp Hoa, ông không trả lời được! Pháp Đạt đập đầu sứt đất thỉnh giáo với Lục Tổ. Lục Tổ nói: Kinh Pháp Hoa ta chưa nghe qua, ông đọc cho ta nghe. Pháp Đạt đọc một mạch từ đầu đến “phẩm Phương Tiện” (Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, “phẩm Phương Tiện” là phẩm thứ hai) thì Lục Tổ nói: Không cần đọc nữa, ta hoàn toàn hiểu hết rồi, liền giảng cho Pháp Đạt nghe. Sau khi nghe giảng, Pháp Đạt liền khai ngộ. Đây cũng là nói rõ: *Một kinh thông thì tất cả kinh thông.*

Cho nên, giáo dục của Phật giáo không giống như giáo dục của thế gian. Ngày nay, chúng ta dùng giáo dục thế gian, dùng cách này để học Phật thì đáng lo! Đem kinh điển Phật biến thành sách giáo khoa thế gian để xem thì hõng rồi!

- Mục đích giáo học của Phật pháp ở đâu?

- Minh tâm kiến tánh! Dạy bạn khai ngộ, không phải dạy bạn từng câu, kinh này giảng như thế nào, đoạn này giảng như thế nào? Không phải vậy! Khi bạn khai ngộ rồi, kinh là sống, bạn giảng thế nào cũng đều được: Nói dài, nói ngắn, nói sâu, nói cạn, tất cả đều tự tại không chướng ngại.

Cho nên “Tín” rồi, nhất định phải “Tinh Tấn”. Kế đến là “Niệm”, “Niệm” là trong tâm thật có mới gọi là “Niệm”. Nhà Phật thường giảng “Pháp môn tổng trì”; “Niệm” chính là “Pháp môn tổng trì”. Câu “A Di Đà Phật” đích thực là câu kinh văn, là chú ngữ, cũng là “pháp môn Đại Tổng Trì” gồm thâm vô lượng nghĩa; tất cả pháp mà chư Phật nói đều không rời khỏi tổng cương lĩnh này. Sau khi nắm được tổng cương lĩnh, tâm mới được Định; khi tâm kiên định, vọng niệm, phân biệt, chấp trước sẽ không còn, đứng như trong Đàn

Kinh nói: “*Vốn dĩ không một vật*” (Bỏ lại vô nhất vật). Vào được cảnh giới Định có thể sinh Tuệ. Tuệ có được thì tất cả pháp thể, xuất thể gian tự nhiên liền thông đạt tường tận.

Tóm lại, “*Tín-Tân-Niệm-Định-Tuệ*”, “*Ngũ Căn*” này sinh ra sức mạnh lớn là “*tăng thượng kỳ tâm*”. “Tăng thượng” là có thể lực mạnh mẽ có thể khiến các pháp khác được tăng trưởng, phát triển thêm nên gọi là “tăng thượng”. Cái được “tăng thượng” trong kinh này hết sức thù thắng, đó chính là “*kỳ tâm*”, tự tâm của đương nhân. Kinh Kim Cang dạy: “*Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” (Đừng trụ vào đâu cả mà sinh tâm mình). Cả hai kinh đều nhắc đến “*kỳ tâm*”, đó chính là “*nhất tâm*”.

Chỗ này giảng “*Ngũ Lực*” cùng thông thường chỗ khác giảng “*Ngũ Lực*”, ý nghĩa không như nhau, đây là “*Ngũ Lực thù thắng*”. Chúng ta có thể đem “*thù thắng*” phía trước quán thông để xem: *thù thắng hạnh, thù thắng nguyện, thù thắng niệm tuệ lực*. Tán thán như vậy mới rõ nét “*cao tài dũng triết, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất*” của Bồ Tát Pháp Tạng.

“*Kiên cố bất động*” (Kiên cố chẳng động): Tâm như Kim Cang phá được hết thấy, nhưng hết thấy chẳng thể phá được tâm nên bảo là “*kiên cố*”. Tâm ấy “*như như*”, giống như Kinh Kim Cang nói: “*Như như bất động*” nên bảo là “*bất động*”. Cái tâm bất động ấy chẳng hề bị chìm đắm, vướng mắc trong “*trầm không trệ tịch*” mà tâm tâm khế hợp với Chân Như tự tánh, niệm niệm lưu nhập vào biển giác của Như Lai, tương ưng với Đại Bát Niết Bàn.

Hai chữ “*như như*” này, chữ “*như*” thứ nhất là tâm của người tu hành, chữ “*như*” thứ hai là “*Chân như*”, là Phật tâm; tâm của bản thân tương ưng với tâm Phật. Tâm Phật bất động, tâm người tu cũng là tâm bất động. Bồ Tát Pháp Tạng kiên định, tâm không dao động nên ngài mới có được thành tựu không thể nghĩ bàn!

- “*Trầm không trệ tịch*” là gì?

- Là “*vô minh*”! Trong Phật pháp nói là “*Vô Tướng Định*”, họ thật sự buông bỏ, bạn có hỏi họ, cái gì họ cũng không nghĩ. Nhưng thật sự tâm họ không phải trống rỗng, vẫn còn một thứ “*vô tướng*”, cho nên quả báo của họ ở “*Vô Tướng thiên*” trong cõi Tứ Thiên.

Thật sự tu “*Tứ Không Định*” thì cao hơn “*Vô Tướng Định*”, nhưng “*Tứ Không Định*” cũng là vô minh. Họ có sự hưởng thụ ở trong Định; đích xác ngay cả thân thể, họ cũng không cần. Trong “*Tứ Không thiên*” không có thân thể, cõi Tứ Thiên có thân thể. Cho nên tôi thường xưng họ là “*phàm phu cao cấp*”. Trong lục đạo, phàm phu cao cấp không có thân thể, họ không có thân nên không cần nơi cư trú.

Trong “*Tứ Thiên thiên*”, “*Sắc Giới thiên*”, mọi ý niệm về “*tài-sắc-danh-thực-thù*”, thầy đều không có. Thực tế, họ dùng Định công để che lấp dục vọng, đê bẹp không cho khởi tác dụng. Nhưng “*Tứ Không thiên*”, cả điều này cũng không có. Cho nên, có thể nói “*Tứ Không thiên*” là linh giới thuần túy; ở Trung Quốc thông thường gọi là linh hồn, họ không cần thân thể, họ đang trong thiên định rất sâu tu “*Tứ Không Định*”.

“*Tứ Không Định*” trình độ cao thấp có khác nhau, đó chính là thời gian Định công của họ dài ngắn khác nhau. Dài nhất là tầng thứ tư, thọ mạng của họ đến tám vạn Đại Kiếp, tám vạn Đại Kiếp thật là vô cùng! Thái dương hệ, tinh cầu này của chúng ta một lần “*thành, trụ, hoại, không*”, một vòng tuần hoàn là một Đại Kiếp. Nói cách khác: Trái đất, thái dương hệ của chúng ta trải qua tám vạn lần “*thành, trụ, hoại, không*” họ mới xuất Định, thật là lợi hại biết bao. Nhưng, họ vẫn là phàm phu trong Lục đạo, là “*phàm phu cao cấp*”, họ vẫn không có cách chi phá được “*vô minh*”. “*Vô minh*” này không phải là “*căn bản vô minh*” (“*căn bản vô minh*” phá được là siêu việt

Thập pháp giới) mà là “vô minh” trong mười hai nhân duyên: (“vô minh” duyên “hành”, “thức” duyên “danh sắc” v.v...) là loại “vô minh” này. “Vô minh” này chính là linh hồn trong Lục đạo. Trong Lục đạo xả thân, thọ thân chính do “vô minh” này khởi tác dụng.

Cho nên, “*kiên cố bất động*” ở đây không phải là “trầm không trệ tịch”, không phải “Vô Tướng Định” trong cõi Tứ Thiên, cũng không phải “Tứ Không Thiên” trong Lục đạo mà là tâm giác ngộ, “*tâm tâm khế u chân như pháp nhất*”. Chữ “*nhất*” này là “*Nhất Chân*”, là “*Chân Như tự tánh*”.

“*Niệm niệm lưu nhập Như Lai Giác Hải*”: chữ “*Như Lai Giác Hải*” có nghĩa là Đại Giác của Như Lai sâu rộng như biển cả. Đây là danh từ trong giáo lý Đại Thừa, từ tiếng Phạn phiên dịch qua, cũng dịch là *tánh hải*, *tự tánh*.

“*Kiên cố*” cũng có nghĩa là không thoái. Tổ sư, Đại đức nói với chúng ta: Vãng sinh Tây Phương Cực Lạc liền “viên chứng Tam Bất Thoái”, trong đây đặc biệt chú trọng đến chữ “viên”. Nếu chỉ nói “chứng Tam Bất Thoái” thì Bồ Tát Sơ Trụ cũng chứng được Tam Bất Thoái. Nhưng muốn được “viên chứng” thì Bồ Tát Sơ Địa vẫn không làm được, chí ít phải từ Bát Địa trở lên, đó là phương tiện nói. Chắc thật mà nói: “Viên chứng” là Bồ Tát Pháp Vân Địa, Bồ Tát Đẳng Giác mới có thể “viên chứng Tam Bất Thoái”.

Người xưa chú giải cho chúng ta thấy Thất Địa trở lên mới là A Duy Việt Trí. Cho nên, pháp môn này thực tế là không thể nghĩ bàn! Ngày nay, chúng ta đối với Phật pháp phải xây dựng tín tâm kiên định, phải một lòng một dạ vạn duyên buông bỏ, trung thực niệm Phật, đó là bạn “*kiên cố bất động*”, chỉ một lòng ngưỡng vọng thế giới Tây Phương Cực Lạc, không khởi một niệm thứ hai.

“*Tu hành tinh tấn vô năng du giả*” (Tu hành tinh tấn, không ai hơn được). Chữ “tu hành” xưa kia vốn là tiếng thông dụng, chỉ từ

đòi Tấn trở đi, tu hành mới trở thành thuật ngữ Phật giáo chuyên biệt. Đúng như lý mà hành “Giới-Định-Tuệ” thì gọi là tu hành. Nếu không “như lý”, tu “Giới-Định-Tuệ” sẽ đi sai đường, lạc vào đường tà. Lúc ấy, khai mở “tà tuệ”, đắc “tà Định”, vậy là phiền phúc lớn! Nói thật, ma cũng có Định công, nhất định không nên học Phật mà học đến ma đạo!

- Có người như vậy không?

- Có! Không những có mà còn có rất nhiều! Ban đầu là tâm tốt học Phật, cuối cùng lại học đến đường ma!

Làm thế nào duy trì được chánh đạo, vĩnh viễn không rơi vào tà vậy? Phải nhờ kinh giáo Đại thừa! Xa rời kinh giáo thì lý y cứ của chúng ta không còn nữa. Nếu dùng ý nghĩ của bản thân, tự tìm phương pháp, cho rằng tốt hơn những gì trong kinh Phật nói, vậy là vấn đề nảy sinh rồi! Phương pháp bạn cho rằng hay hơn kinh Phật vậy bạn đã thành Phật rồi! Bạn đâu còn là phàm phu. Nếu thật sự bạn thành Phật thì Phật Phật đạo đồng, sao có thể nói phương pháp bạn vượt trội hơn Phật?! Đó chắc chắn là bạn đã rơi vào tà đạo! Vì sao? Vì pháp mà Phật chứng được giống như một hình tròn, tuyệt đối không thể thêm hay bớt!

Cho nên tuyệt đối không thể ngạo mạn! Khổng Tử trong Luận Ngữ có nói: “*Nếu như có tài đức như Chu Công mà kiêu mạn, keo lãn thì những thứ khác không cần xét đến nữa!*”, câu nói này là tiêu chuẩn cho người tu hành. Trong bất cứ mọi hoàn cảnh thuận hay nghịch đều phải giữ được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác vậy mới thật sự là tu hành. Cho nên, hai chữ “*như lý*” vô cùng quan trọng.

Nên nhớ: Tu hành không phải mỗi ngày đọc bao nhiêu bộ kinh, niệm bao nhiêu Phật hiệu, dập đầu bao nhiêu cái, không phải vậy! Đó chỉ mới là phần “*tín giáo*”, còn giải lý, tu hành, chứng quả

bạn chưa làm được! Nếu “lý” không hiểu, “hành” không tu, tuy ngày ngày đọc kinh niệm Phật, vẫn nghĩ tưởng xằng bậy, vẫn làm những việc tổn mình hại người, vẫn là đang tạo nghiệp! Cho nên, “*tín giáo*” không đủ, mà phải hiểu “lý”. “Lý” giải rồi vẫn không đủ, phải tu hành; có tu hành mới hữu dụng.

Nếu thật tu, công phu tu tập dù chưa chứng quả, cũng chắc được phước báo trời, người. Thế, xuất thế gian, phước báo đệ nhất đẳng chính là tu hành, tu sửa hành vi sai lầm của chính mình là phước báo chân thật, việc này chúng ta có thể làm được. Người chân thật tu hành luôn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, ngay đến những yêu ma quỷ quái hoặc oan gia trái chủ cũng không dám quấy nhiễu, chúng đều qui phục, tôn kính họ. Tu hành mà còn có yêu ma, quỷ quái đến nhiễu loạn, đến xem thường, phải xem công phu của mình ra sao rồi?! Mục đích của sự tu hành không gì khác hơn là khôi phục tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác của chính mình. Tóm lại, trong quá trình tu tập có ba giai đoạn:

- Thứ nhất là “*Tín giáo*”, tin tưởng giáo huấn của thầy.
- Thứ hai là “*giải lý*”, rõ lý giáo huấn của thầy.
- Thứ ba là “tu hành, chứng quả”.

“*Tinh tấn*” ở đây cùng “*tin tưởng*” của “*Ngũ Lục*” ở phía trước không như nhau. “*Tinh tấn*” chỗ này là chỉ chọn một pháp môn, một bộ kinh, một môn thâm nhập, đây gọi là “*Tinh tấn*”. “*Tinh tấn*” cũng có nghĩa là siêng năng, cần mẫn, trong đời bạn có được thành tựu hay không, then chốt ở chữ này.

Trong Sớ giải Kinh Quán Di Lạc Thượng Sanh, ngài Từ Ân (Khuy Cơ) giảng chữ “*Tinh tấn*” như sau: “*Tinh là tinh thuần, không ác tạp. Tấn là thẳng tấn chẳng biếng lười*”.

“*Vô năng du giả*”: chữ “*du*” là thắng qua, hơn hẳn, siêu việt, vượt trội. Bồ Tát Pháp Tạng “*tu hành tinh tấn*” không gì có thể chướng ngại được ngài. Đức hạnh của ngài cũng không ai sánh nổi, nên bảo là “*vô năng du giả*”.

KINH VĂN:

Vãng nghệ Phật sở, đánh lễ, trường qui, hướng Phật hiệp chưởng, tức dĩ già tha tán Phật, phát quang đại nguyện, tụng viết:

VIỆT DỊCH:

Đi đến chỗ Phật, đánh lễ qui dài, hướng về Phật chấp tay, liền dùng già tha khen Phật, phát nguyện rộng lớn, tụng rằng:

GIẢNG:

Câu kinh văn trên đây là lễ tiết khi gặp Phật. “*Vãng nghệ Phật sở*” (Đi đến chỗ Phật): “*Nghệ*” là đi đến, “*sở*” là xứ sở, là nơi chốn. “*Đánh lễ*”, tiếng Phạn là *Na Mộ*, Hán dịch là *Qui Mạng, Khể Thủ, Đánh Lễ* hoặc chi dịch là “*Lễ*”. Trong kinh thường nói “*Đánh lễ Phật túc*” (đánh lễ dưới chân Phật): Chỗ quý nhất trong thân ta là đánh đầu, chỗ thấp hèn nhất là bàn chân. Dùng cái tôn quý nhất của thân ta để cung kính cái thấp hèn nhất của Phật, nhằm biểu lộ lòng tôn kính đến cùng cực, chân thành tiếp thu giáo huấn của Phật Đà, đây cũng là chân nghĩa của “*Đánh lễ*”.

“*Già tha*” (Gatha), xưa dịch là “*kệ*”, nay dịch là “*tụng*”, có nghĩa là ca tụng, khen ngợi. Tỳ kheo Pháp Tạng đến trước đức Phật Thế Gian Tự Tại Vương đánh lễ, khen ngợi, lại còn phát ra lời nguyện rộng lớn (sẽ thuật đủ trong phần kinh văn kế tiếp). Phía sau có mười bài kệ tụng, mỗi câu kệ có bảy chữ gọi là “*thất ngôn tụng*”, mỗi bốn câu là một bài kệ. Trong kinh Phật, đại khái có mười hai thể loại gọi là “*thập nhị phân số*”; từ trên hình thức mà nhìn, cũng không

ngoài ba loại: Một loại là “văn trường hàng”, hiện tại chúng ta gọi là thể loại “tán văn”, trong kinh điển phần nhiều dùng phương thức này. Loại thứ hai là “kệ tụng”. Loại thứ ba là “Mật chú”. Vì sao Phật dùng phương pháp này để nói pháp?

Nên biết: “Văn trường hàng” tiện ở phát huy, không luận nói lý, nói sự đều có thể nói lâm ly, thống thiết, thỉnh thoảng xen vào một số thể loại thi ca. Phật rất tường tận, biết căn tánh chúng sinh không nhạy bén, nên sau khi giảng xong, ngài dùng “kệ tụng” trùng tuyên lại một lần. Loại “kệ tụng” này gọi là “trùng tụng”, chính là đem những gì đã nói ở phía trước, dùng kệ tụng nói lại một lần. Kinh Hoa Nghiêm có rất nhiều kệ tụng. Nếu “Văn trường hàng” không thể học thuộc, học “kệ tụng” cũng có thể ghi nhớ những gì Phật dạy. Dùng “kệ tụng” cũng có hai lý do:

- Một là lời kệ ít chữ nhưng chứa đựng nhiều ý nghĩa dễ hiểu, dễ nhớ.
- Hai là âm điệu bài kệ du dương nên thường dùng để tán vịnh.

Lại nữa, Phật giảng kinh không giống như ở trường lớp. Ở trường, học sinh cố định, đến giờ học tất cả học sinh đều đồng loạt đến. Nhưng ở pháp hội, Phật giảng kinh, cùng pháp hội của chúng ta như nhau, không có ràng buộc đối với thính chúng nên có người đến trước, cũng có người đến sau. Thậm chí, chúng ta giảng kinh nơi đây rất nhiều năm, vẫn có vài vị hôm nay mới đến nghe lần đầu.

Thế Tôn năm xưa giảng pháp, loại tình huống này cũng rất nhiều. Phật rất từ bi! Người mới đến, phần trước chưa nghe, nên Phật phương tiện khéo léo, dùng “kệ tụng” để lập lại một lần khiến người đến trước nghe lại cũng không sinh nhàm chán; người đến sau cũng có thể tiếp thu được phần trước. Cho nên, “kệ tụng” rất cần thiết.

Ngoài ra, còn một thể loại là “*mật chú*”, “*mật chú*” không phải là Phạn ngữ Ấn Độ, người Ấn nghe cũng không hiểu. Người xưa nói “*Chú ngữ*” là ngôn ngữ của quý thần sáu cõi, không phải ngôn ngữ của nhân gian. Đức Phật giảng kinh, thậm chí Pháp sư giảng kinh đều có quý thần đến nghe, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy. Nhưng Phật, Bồ Tát thấy rất rõ ràng. “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sinh tùy loại các đắc giải*”, làm gì có chuyện nghe không hiểu chứ! Sau khi Phật giảng xong, dùng ngôn ngữ của họ, đem ý nghĩa quan trọng đã nói nêu ra vài câu, đặc biệt thân thiết, dùng ngôn ngữ của quý thần để nói với họ. Cho nên, “*mật chú*” là ý nghĩa này.

Bài kệ tụng sau đây gọi là “*cô khởi tụng*”. “*Cô khởi*” là kệ tụng mà ý nghĩa trong đó phía trước “*văn trường hàng*” tuyệt nhiên không có nói qua. Bồ Tát Pháp Tạng đến trước Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai “*đảnh lễ, trường qui, hướng Phật hiệp chưởng*”, đây là lễ tiết. Nhà Nho thường nói: “*Nhân vô lễ tắc bất lập*”, cho nên, “*lễ*” rất quan trọng. Con người không hiểu “*lễ*”, nếu vào xã hội xưa thì không có chỗ đứng; cũng chính là nói, trong xã hội mọi người sẽ không tôn trọng bạn, bạn sẽ không có địa vị trong xã hội. Giáo học của nhà Nho: “*Lễ*” chính là “*Nho hành*”, trong nhà Phật chính là “*Luật Nghi*”, giới luật nghi qui. *Đệ tử Phật nếu xả bỏ “Luật Nghi” thì bạn đã xả bỏ đi Phật hạnh!*

- Ngày nay, chúng ta học Phật là học cái gì?

- Học những gì Phật làm! Nói cách khác, học đời sống của Phật, học hành vi của Phật. Hành vi, đời sống của Phật ghi chép lại gọi là “*Luật Nghi*”. Giới luật, nghi qui vô cùng quan trọng, quyết không thể xem thường.

Xã hội hiện nay, tuy mọi người không nói “*lễ*”. Thế nhưng, bạn dùng “*lễ*” đối với người, người khác đều hoan hỉ, không có ai

chán ghét. Trái lại, nếu bạn không có lễ mạo, mọi người xem thấy đều rất không hoan hỷ, dường như không vừa mắt! Nói cách khác, dần dần họ sẽ xa lánh bạn! Có thể thấy “lễ” vô cùng quan trọng. Tinh thần của “lễ” là biểu đạt thành kính của chính mình, điểm này rất then chốt. Người có lễ mạo, chí kính nhất định từ trong tâm chân thành mà biểu lộ ra, không phải chỉ hình thức hư ngụy bên ngoài.

Thời đại Đế Vương xưa kia, bá tánh xem thấy Đế Vương phải hành lễ chí kính. Lễ chí kính vào thời trước là “tam qui cửu khấu” (ba lần qui, chín lần cúi đầu), đó là “lễ” xưa. Trong nhà Phật, là “đảnh lễ ba lạy, đi nhiều phía hữu ba vòng” như trên kinh chúng ta thường thấy. Thế nhưng, sau khi Phật giáo đến Trung Quốc, lễ tiết “đi nhiều phía hữu ba vòng” đã miễn, chỉ đảnh lễ ba lạy. Nghi thức xưa và nay khác nhau nhưng tâm thành kính vẫn không hề khác.

Ngày nay, muốn đem Phật pháp mở rộng đến toàn thế giới, “ngghi qui” của chúng ta phải hiện đại hóa. Có thể nhiều thanh niên không dám đến học Phật, hỏi họ vì sao? Họ nói: Học Phật phải cúi đầu, việc này tôi không làm được! Bạn thấy, chỉ vì một “ngghi qui” nhỏ đã chướng ngại nhiều người không dám đến học Phật. Nên biết, việc này không phải là ý của Phật. Phật là người rất cởi mở, không hề có chút phân biệt, cố chấp. Phật pháp nhất định phải đi đến “hiện đại hóa”, “bồn thổ hóa” mới có thể được người hiện đại, người bản địa hoan nghênh. Hiện tại, đạo tràng chúng ta đề xướng: thấy hình tượng Phật, Bồ Tát, chấp tay cung cung, kính kính xá ba xá thì được rồi, thực chất vẫn tốt, chỉ khi cử hành Pháp hội mới đảnh lễ lạy Phật ba lạy.

Phật tiếp dẫn đại chúng dùng “*Tứ Nhiếp Pháp*”. “*Tứ Nhiếp Pháp*” là: Bồ thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự, cho thấy tâm Phật rất mở rộng, chưa từng miễn cưỡng, chưa từng gây phiền phức nào cho người, luôn khiến mọi người hoan hỷ, ưa thích. Chúng ta phải

hiểu nguyên tắc này, nhất định phải đề xướng nghi qui mới này mới có thể đem Phật pháp phổ cập đến toàn thế giới.

“*Hướng Phật hiệp chưởng*” (Hướng về Phật chấp tay): “*hiệp chưởng*” là chấp tay, biểu thị nhất tâm, hai lòng bàn tay phải khép lại giao sát vào nhau. Bình thường các ngón tay rời rạc biểu thị tâm tán loạn, tán loạn là không cung kính. Nay nghe Phật nói pháp, tỉnh giáo với Phật, chuyên tâm nhất chí đem tâm tán loạn thâm nhiếp lại, chính là nhất tâm, cũng là một biểu pháp.

“*Tức dĩ già-tha tán Phật*” (Liên dùng già-tha khen Phật): “*Già tha*” (Gatha) là tiếng Ấn Độ, dịch thành ý Trung văn là “*Cô khởi tụng*”. “*Cô khởi tụng*” thường thấy trong kinh Phật, nhưng không phổ biến như “*trùng tụng*”. “*Cô khởi tụng*” có lúc dùng để bổ sung phần phía trước chưa nói hết, hoặc chỉ riêng để tán Phật, Bồ Tát.

“*Phát quang đại nguyện*” (Phát nguyện rộng lớn): Tỳ kheo Pháp Tạng đến trước đức Phật Thế Gian Tự Tại Vương lễ Phật, tán Phật cùng thưa trình nguyện vọng của mình. Đây là điểm then chốt của người học Phật.

- Chúng ta học Phật, nguyện vọng của chúng ta là gì?

- Nguyện vọng thù thắng nhất, hiếm có nhất là học làm Phật. Thử xét xem, bạn đến Niệm Phật Đường có phải vì muốn nghe kinh, vì phát nguyện muốn làm Phật hay vì buồn chán chẳng có việc gì, đến đây tiêu khiển chốc lát?! Đích thật là có loại người này. Việc tiêu khiển này đương nhiên là tiêu khiển lành mạnh, cao thượng nhất so với những tiêu khiển khác trong xã hội ngày nay. Thế nhưng, việc này không thể giúp bạn thành tựu!

Chúng ta xem thấy Huệ Năng trong Đàn Kinh. Huệ Năng đến Hoàng Mai tham kiến Ngũ Tổ, ngài nói rất rõ với Hòa Thượng

Hoàng Nhẫn: Con đến đây là muốn cầu làm Phật! Khẩu khí của ngài thật lớn biết bao! Ngài lập chí muốn làm Phật, ngài chân thật đã làm được, ngài thật đã thành công! Điều này rất quan trọng! Nếu ngay đến nguyện vọng chúng ta cũng không có thì làm sao thành tựu?! Nhất định phải phát tâm nguyện này: Chỉ cầu làm Phật! “*Nguyện dĩ đạo hành*”, “nguyện” dẫn dắt ta tu hành, “*Hành dĩ tiến nguyện*”, “Hành” thực tiến nguyện vọng của ta. Nguyện, Hạnh đều tương ứng thì chắc chắn sẽ thành tựu.

Trong Tịnh Độ, chánh hạnh là “*chấp trì danh hiệu*”. Trong vô lượng hành môn, đại đức xưa đều tán thán “Hạnh” này là rất đơn giản, rất dễ dàng, rất ổn định, hơn nữa rất có hiệu quả. Pháp môn thù thắng như thế, đáng tiếc rất nhiều người không tin, vậy thì không còn cách nào! Nhiều người không tin, chúng ta cũng chẳng thấy là lạ. Vì sao? Chư Phật Như Lai đều nói đây là pháp môn khó tin. Nếu pháp môn này vừa nói, mọi người đều tin thì đâu gọi là khó tin. Bạn có thể tin là việc không dễ dàng! Thế gian này có bao nhiêu người học Phật, trong những người học Phật có bao nhiêu người niệm Phật?! Thật là quá ít! Chẳng phải là pháp khó tin hay sao?!

- Phải niệm Phật như thế nào?

- Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta: “*Gom nhiếp sáu căn, tịnh niệm tương tục*”. Ngày trước có người hỏi tôi:

- Thế nào là “gom nhiếp sáu căn”? Tôi nói:

- Tịnh niệm nói nhau! Họ hỏi:

- “Tịnh niệm nói nhau” phải làm thế nào?

- Là “gom nhiếp sáu căn”!

Hai câu này hỗ trợ lẫn nhau. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, các niệm khác đều không còn, là “gom nhiếp sáu căn”. Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn là “Tịnh niệm nói nhau”.

Chúng ta học Phật phải quan tâm và đồng thời ứng dụng “Tín-Giải-Hành-Chứng” thì nguyện vọng trong đời này nhất định thành tựu. Có Nguyện không có Hành thì Nguyện đó là trống không, cũng đồng với vọng tưởng. Có Hành không có Nguyện, cái Hành đó không có phương hướng, không có mục tiêu. Nói cách khác, khổ tu thế nào, đến sau cùng vẫn không có kết quả. Cho nên, Hành và Nguyện nhất định phải tương ứng.

KINH VĂN:

*Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng
Quang minh vô lượng chiếu thập phương
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu
Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh
Hữu tình các các tùy loại giải.
Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân
Phổ sử chúng sinh tùy loại kiến*

VIỆT DỊCH:

**Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Hết thấy thế gian không ai sánh
Quang minh vô lượng chiếu thập phương
Nhật, nguyệt, hỏa, châu đều ẩn sáng
Thế Tôn hay diễn một âm thanh
Hữu tình tùy loại đều hiểu được
Lại hiện ra một diệu sắc thân**

Khiến khắp chúng sinh tùy loại thấy.

GIẢNG:

Bài tụng trên gồm hai bài kệ: Kệ thứ nhất, bốn câu đầu, là tán thán Phật đức, khen ngợi quang minh, tướng hảo của Phật, mà thế gian này không ai có thể sánh được. Chúng ta thường đọc “Kệ tán Phật”: “*Tướng hảo quang minh vô đẳng luân*” chính là bốn câu này.

“N hư Lai vi diệu sắc đoan nghiêm,

Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng”

Chỗ này dùng chữ “*N hư Lai*”, không dùng chữ “Thế Tôn ” hay “Phật Đà” là ý nghĩa rất sâu.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Nếu nói “chư Phật” hay “Thế Tôn ” thì phạm phu chúng ta không có phần! Nói “*N hư Lai*”, mọi người đều có phần. Kinh Kim Cang có lúc nói “chư Phật”, có lúc nói “*N hư Lai*”. Phạm gọi “chư Phật” là từ trên sự tướng mà nói, gọi “*N hư Lai*” là từ trên tánh mà nói. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên gọi là “*N hư Lai*”. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Xuất Hiện, Phật nói: “*Nhất thiết chúng sinh giai hữu trí tuệ, đức tướng N hư Lai*”, cũng là từ trên tự tánh mà nói.

“*V i*” là tinh vi, nhỏ nhiệm, tinh diệu; “*diệu*” là tốt đẹp, tinh túy. “*Sắc*” là sắc thân, tướng hảo, vẻ đẹp của thân Phật chẳng thể nghĩ nổi, nên khen là “*diệu sắc*”. “*Vi diệu*” là tinh diệu đến cùng cực. “*Sắc đoan nghiêm*” là sắc tướng đoan chánh, trang nghiêm, thuần thiện, thuần tịnh, không có một mảy mai ác niệm nào. “*Vô hữu đẳng*” là không vật nào có thể sánh nổi sắc tướng của *N hư Lai*, đây là Đại viên mãn.

Kinh Pháp Hoa, phẩm “Tự” có câu: “*Thân sắc như kim sơn, đoan nghiêm thậm vi diệu*” (Sắc thân như hòn núi vàng, đoan nghiêm thật vi diệu). Dùng hình ảnh núi vàng để hình dung thân Phật, bởi vàng là một trong các kim loại quý hiếm, không bị ô-xy hóa, không bị thay đổi, tượng trưng cho sự vĩnh hằng, viên mãn, bất biến không thể nghĩ bàn. Hai câu trên cũng đồng ý nghĩa với câu “*Như Lai vi diệu nan tư chi sắc tướng, đoan chánh trang nghiêm. Nhất thiết thế gian sở hữu chư vật, vô hữu năng dữ đẳng bỉ giả*” (Như Lai vi diệu đoan chánh trang nghiêm khó thể nghĩ tưởng nổi. Hết thầy các vật trong thế gian, không vật nào sánh nổi sắc tướng của Như Lai).

Trong thập pháp giới thật sự là vô thường: Thân này, thế giới này thay đổi trong từng sát-na. Cõi “Nhất Chân Pháp giới”, cõi “Thật Báo Trang Nghiêm” của chư Phật Như Lai; thân và cõi đều không thay đổi, vĩnh hằng bất biến. Nhưng, vĩnh hằng bất biến ở đây là phương tiện nói, không phải chân thật nói. Bởi thời gian của nó rất dài, thật sự gọi là “vô lượng thọ”. Trong kinh giáo Đại Thừa nói ba đại “A-tăng-kỳ kiếp”, thời gian dài như vậy mà nó vẫn vĩnh hằng bất biến. Thế tục cho rằng: “Bồ Tát! Bồ Tát! Niên niên thập bát”, họ không già ngay cả núi sông, đất đai ở đó vẫn vĩnh viễn là tốt đẹp, không thay đổi, không có bất cứ tai nạn nào, thế giới Cực Lạc là như vậy. Cho nên, bạn sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng giống như cõi Thật Báo Trang Nghiêm, điều này thật không thể nghĩ bàn.!

Chúng ta ở cõi này là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Phật Thích Ca Mâu Ni, trong đây có thay đổi. Nhưng, cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Phật Di Đà không có thay đổi. Vì sao? Trong kinh nói: Phàm người sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, Hạ Hạ phẩm vãng sinh, đều thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Phật không có vọng ngữ! A Duy Việt Trí Bồ Tát là Địa Thượng Bồ Tát của Biệt giáo; là Sơ Trụ Bồ Tát trở lên của Viên

giáo. Thế giới Tây Phương Cực Lạc có bốn cõi đều là cõi Thật Bảo, đây là chân chánh đoạn nghiêm rất vi diệu.

“Quang Minh vô lượng chiếu thập phương

Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu”

“*Quang minh*” này là ánh sáng của thân, không phải nói phóng quang. Thân quang của Phật vô lượng vô biên, biến chiếu khắp mười phương pháp giới. Ánh sáng này là Trí tuệ Bát Nhã vốn đủ trong tự tánh, không phải từ bên ngoài đến. “*Hỏa*” ở đây chỉ chung tất cả đèn đuốc và các thứ ánh lửa sáng. “*Châu*” là “*ma-ni*”, còn phiên dịch là “*mạt-ni*”, nói đầy đủ là “*Chấn-đá-mạt-ni*”, dịch nghĩa là “*Như ý Bảo Châu*”. “*Ma-ni*” tỏa sáng hơn hẳn các thứ trong đời. Những thứ này cũng do tâm hiện thức biến, cõi người chúng ta không có loại trân bảo này vì phước đức chưa đủ! Nếu mọi người đều buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trân bảo này sẽ hiện tiền.

Cõi trời có hai mươi tám tầng, càng hướng lên trên, trân bảo càng quý hiếm. Cũng chính là càng hướng lên trên, tâm địa họ càng thanh tịnh, càng thiện lương, tất cả đều không tách rời khỏi ý niệm; khoa học gọi là tâm thái; tâm thái là chủ tử của tất cả pháp.

“*Nặc*” là dấu kín, ẩn đi, mất đi; “*diệu*” là sáng, là chiếu sáng; “*nặc diệu*” là ẩn sáng. Ý nói quang huy của Phật chiếu diệu rạng khắp, vượt hẳn mọi thứ ánh sáng, giống như dưới ánh mặt trời rất sáng lạn, chúng ta có thắp hàng ngàn ánh sáng đèn điện cũng không thấy được ánh đèn, đây là ý nghĩa của “*nặc diệu*”. Sách Hội Sớ nói: “*Vật sáng nhất trong thiên hạ không gì hơn mặt trời, mặt trăng. Vật sáng nhất trong muôn vật không gì hơn nổi Ma-ni. Nhưng Phật quang vừa tỏa, ánh sáng của chúng đều bị che lấp hết*”. Chúng ta biết rằng mặt trời là vật phóng quang, mặt trăng chỉ là ánh sáng từ mặt trời chiếu vào và nó phản chiếu đến trái đất, như tấm gương phản chiếu.

- Ánh sáng mặt trời là gì?

- Đó là vật chất phóng quang! Hiện nay con người biết được là “*hạt tử phát nổ*” mà phát ra ánh sáng. Toàn thể mặt trời là “*hạt tử phát nổ*”. Từ đó có thể biết, nguồn năng lượng trên mặt trời rất lớn, nhưng nó sẽ tiêu đốt hết đến mức độ không còn nữa. Cho nên, mặt trời cũng có thọ mạng. Khi năng lượng mặt trời mất thì những hành tinh quay quanh mặt trời sẽ xảy ra phiền phức! Đây chính là “Thành, Trụ, Hoại, Không” của thế giới mà trong kinh Phật đã nói. Thông thường, nó cũng có tính chu kỳ, nhưng bất luận dù thay đổi như thế nào, tất cả đều gốc tại ý niệm.

Ý nghĩa của hai câu kệ trên cũng giống như lời “*Kệ tán Phật*”: “*Thập phương sở hữu ngã tận kiến, nhất thiết vô hữu như Phật giả*” (Con đã thấy hết tất cả mọi vật trong mười phương. Trong hết thấy các vật, không có vật nào sánh bằng được Phật).

Bốn câu tụng kế tiếp là bài kệ thứ hai, đều trích nguyên văn từ bản Đường dịch. Bốn câu này xưng tán Thế Gian Tự Tại Vương Phật “viên minh cụ đức”, “sự sự vô ngại”, diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn.

“Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh

Hữu tình các các tùy loại giải

Đức Thế Tôn vô cùng diệu dụng! Ngài diễn thuyết diệu pháp, chỉ dùng một âm thanh mà có thể khiến các loài chúng sinh trong cửu pháp giới, lục đạo, tứ sanh đều nghe được, hiểu được lời Phật dạy. Đây là âm thanh ngoài lời phát xuất từ tự tánh bản giác, từ trí tuệ chân thật lưu xuất ra. Trái lại, ngôn ngữ trong thế gian thường bị trở ngại vì phương ngôn khác biệt, cũng do người nghe, kẻ nói không cùng một trình độ, nên không hiểu được nhau.

Phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” của Kinh Hoa Nghiêm có câu: “*Nhất Thiết Như Lai ngữ thanh tịnh, nhất ngôn cụ chúng âm thanh hải, tùy chư chúng sinh ý nhạo âm, nhất thiết lưu Phật biện tài hải*” (Lời nói của hết thầy Như Lai thanh tịnh, mỗi lời có đủ các biển âm thanh. Theo ý thích của từng chúng sinh, mỗi một tiếng phát xuất biển biện tài của Phật). Quả thật bài kệ của Kinh Hoa Nghiêm có cùng một ý chỉ với hai câu kệ trên của kinh này. Mỗi một âm thanh có vô lượng âm thanh; mỗi âm thanh trong vô lượng âm thanh ấy lại có vô biên diệu dụng, tùy theo ý thích của từng chúng sinh mà xuất hiện vô biên biện tài khiến mỗi chúng sinh đều được nghe hiểu, được độ thoát.

Chúng sinh được nghe là “Văn Tuệ”, được hiểu là “Giải Tuệ”, được độ là “Tuệ” có thể phá mê; mê phá rồi thì tự nhiên liền buông bỏ. Đây chính là “chủ bạn viên minh cụ đức” trong “mười huyền môn” mà trước đây đã học qua.

Trong Phật pháp, “chủ bạn” không phải là “độc nhất” mà là “bất kỳ”. Bất kỳ ai cũng có thể làm “chủ”, cũng có thể là “bạn”. Ví như trong tổ chức một cuộc hội thảo: Người lên bục giảng là “chủ”, thính chúng bên dưới là “bạn”. Giảng xong tiết mục này, tiết sau đổi người khác lên giảng. Cứ thế mà người nào cũng có thể làm “chủ”, cũng có thể làm “bạn”.

Một pháp viên mãn công đức của hết thầy pháp, nên bảo là “viên minh cụ đức”. Một pháp là “trí tuệ”, tất cả pháp là “tri thức”. Trong “trí tuệ” có “tri thức”; trong “tri thức” không tìm thấy “trí tuệ”. Trong một âm, vang ra vô lượng âm, nói trọn vẹn hết thầy pháp, phổ độ vô biên chúng sinh, đây chính là đại viên mãn, là “viên minh cụ đức”.

Hai câu kệ trên đây nói đến “cứu cánh xứ” đã hiển thị cảnh giới “sự sự vô ngại”, “siêu tình ly kiến” của Kinh Hoa Nghiêm.

“Tình” ở đây là tình thức, là phiền phức của người thế gian, chung qui họ tạo tội nghiệp cũng vì tình thức quá nặng. Phải chuyển hóa “tình thức” trở thành “trí tuệ”, chuyển “kiến giải” thành “giác ngộ” như trong tâm kinh nói: “*Quán Thế Âm Bồ Tát chiếu kiến...*”, chữ “*chiếu kiến*” là “*giác ngộ*”.

- Chiếu kiến những gì?

- Chiếu kiến vạn pháp giai không! “Ngũ uẩn” đều không, là vạn pháp đều không. Phạm vi của “Ngũ uẩn” rất lớn, bao gồm tất cả những hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần.

Các nhà Lượng tử học nói: Một *tiểu quang tử*, (rất có thể là “*cực vi chi vi*”; “*vi*” của “*cực vi*” mà trong Phật pháp đã nói) có đầy đủ “Ngũ uẩn”: “Sắc-thọ-tưởng-hành-thức”, hoàn toàn tương đồng với Bồ Tát Di Lạc đã nói: “*niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức*”. “*Niệm niệm*” chính là tích lũy ý niệm của chúng ta. “*Niệm niệm*” vừa thành hình chính là hiện tượng vật chất. Trong hiện tượng vật chất đã có “thọ, tưởng, hành, thức”. Cho nên, các nhà Lượng tử học đã nhìn thấy A-lại-da. Điều này chứng minh Phật nói về khởi nguyên của vũ trụ không sai tí nào.

- Ý niệm từ đâu mà có?

- Các nhà Lượng tử học chưa nói được rõ ràng. Nhưng, Phật pháp đã nói rất rõ; ấy là do một niệm bất giác mà có.

Một niệm bất giác này ý nghĩa rất sâu! Hiện nay, khoa học cũng nói vũ trụ là một định luật về dây đàn, giống như khay đàn, là hiện tượng dao động. Một niệm bất giác chính là hiện tượng dao động, thì vũ trụ đã phát sinh rồi; ta từ đâu đến cũng xuất hiện rồi, xuất hiện đồng thời với vũ trụ. Hơn nữa, là “*nhất thời đốn hiện*”, không có trước sau, không thể giống như phát nổ lớn từ từ bành trướng, điều này nói không thông! Các nhà khoa học nghiên cứu vũ

trụ hồng quang đã nhìn thấy sự bành trướng của vũ trụ, sự bành trướng này từ đâu mà có? Chúng ta từ trong Phật pháp Đại Thừa huân tập thời gian dài, dần dần hiểu được một số ý nghĩa:

- Phát nổ lớn là gì?

- Có thể dùng danh từ Phật pháp để nói là “tham-sân-si-mạn-nghi” đều đang bành trướng. Nếu “*thức tâm đạt bốn*”, đem những vọng niệm này buông bỏ hết, vũ trụ chân thật sẽ hiện bày, bạn mới có thể thật sự nhìn thấy thật tướng của các pháp.

Tóm lại, hai câu kệ trên đã diễn tả “Ngũ Mật” của Như Lai. Hai câu kệ kế tiếp:

“Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân

Phổ sử chúng sinh tùy loại kiến”

Diễn tả “*Thân Mật*” của đức “Như Lai” vô cùng thù thắng: Chỉ hiện duy nhất một sắc thân vi diệu đủ khiến cho tất cả các loại chúng sinh đều có thể thấy được Phật. Chữ “*Mật*” ở đây là thâm mật, không phải bí mật. Phật không có bí mật, chỉ vì tâm chúng sinh quá thô, vọng tưởng phân biệt, chấp trước quá nhiều đã che lấp bản năng tự tánh vốn có của chính mình mà không thể nhận biết.

Xét ra, có đến **năm loại Phật thân**: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân, Hóa Thân, và Đẳng Lưu Thân.

1. Pháp Thân

Pháp Thân tức là Tự Tánh Thân, mang tên Tỳ-Lô-Giá-Na (Vairocana), dịch là Biến Nhất Thiết Xứ. Thân này là lý thể của Trung Đạo, liả khỏi hết thảy các tướng và các hí luận, đầy đủ vô lượng vô biên công đức thanh tịnh chân thật. Đây là cảnh giới chỉ có Phật với Phật mới có thể chứng nhập được. Chữ Biến Nhất Thiết Xứ, ý nói thân và Độ nhất như không hai, dung hòa thành một khối không

thể nào phân chia. Chúng ta có thể lãnh hội được từ trong năm câu nói của Đại Sư Huệ Năng khi ngài mới khai ngộ, đó chính là nói Thường Tịch Quang, cũng là nói Tỳ Lô Giá Na trong Kinh Hoa Nghiêm.

Quốc sư Hiền Thủ trong “Hoàn Nguyên Quán” nói:

“*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, ý nghĩa vô cùng rõ ràng, tự tánh thanh tịnh mây trần không nhiễm, vĩnh viễn không bị ô nhiễm. Vì sao nó không có nhiễm ô? Bởi nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần thì lấy đâu mà nhiễm ô. Tuy không phải vật chất nhưng nó có thể hiện ra vật chất; không phải thân, nó có thể hiện thân. Nó là năng hiện, năng sinh; “mạt-na” và “ý thức” là năng biến, cho nên gọi là “duy thức sở biến”.

Tất cả hình hình, sắc sắc trong thế gian này, vô lượng vô biên, thiên biến vạn hóa đều do ý niệm phân biệt, chấp trước mà biến hiện ra. Không có phân biệt, chấp trước, sự biến hóa này hoàn toàn không còn nữa, nên nói “tất cả pháp từ tâm tướng sinh”; xa rời tâm tướng liền trở về với tự tánh. Tự tánh “viên minh cụ đức”; “viên” là viên mãn, không có mây mai khiếm khuyết; “minh” là trí tuệ, vô lượng trí tuệ. Khi mê “minh” liền mất nên gọi là “vô minh”. “Vô minh” là mê, “giác ngộ” liền sáng. Chữ “minh” cũng là quang minh của tự tánh. Tự tánh quang minh không giống như mặt trời. Ánh sáng mặt trời rất chói mắt, quang minh của tự tánh là nhu nhuyễn như ánh sáng mặt trăng. Quang minh tuy rất lớn nhưng không chói mắt, không có độ nóng, khiến người vô cùng dễ chịu.

- Quang minh tự tánh có thể hiện thân không?

- Có thể! Chúng sinh có cảm, Phật liền có ứng, cảm ứng đạo giao bất tư nghị! Cho nên, so với cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Pháp Thân càng thù thắng hơn một bậc. Cõi Thật Báo có thân; cõi Thường Tịch Quang không có thân mà năng hiện thân, khi sự việc

xong lại trở về với Thường Tịch Quang, như biển cả có bọt nước, nổi bọt nước chính là hiện thân, công việc xong, bọt nước vỡ tan lại trở về với biển lớn, đây mới là rốt ráo viên mãn.

- Cõi Thật Báo như thế nào?

- Cõi Thật Báo có bọt nước, nhưng bọt nước đó chưa tan vỡ. Nó cũng ứng hóa, nhưng ứng hóa xong rồi nó vẫn trở về với trạng thái bọt nước. Dùng thí dụ này hy vọng bạn có thể hiểu được phần nào.

- Tự tánh biến hóa vô cùng là đạo lý gì?

- Rất khó lý giải! Như kính vạn hoa, bạn cứ quay nó, bên trong liền có hoa văn. Quay mãi như vậy suốt năm cũng không có đồ án nào tương đồng. Đây chẳng phải là biến hóa vô cùng hay sao? Tự tánh khởi tác dụng cũng là đạo lý như vậy. Chúng ta liền hiểu tất cả các pháp đều không phải thật, chỉ có Thường Tịch Quang là “thuần chân”. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là “tương tự chân”, không phải “thuần chân”. Vì sao? - Phạm có hình tướng đều là hư vọng! Chẳng qua thời gian của cõi Thật Báo lưu trú dài, bất biến mãi cho đến khi “tập khí vô thi vô minh” đoạn tận thì cõi Thật Báo sẽ không còn! Điều này chứng minh cõi Thật Báo cũng không phải thật! So với Thập pháp giới, cõi Thật Báo Trang Nghiêm là thật. Nhưng so với Thường Tịch Quang nó vẫn là giả!

Chúng ta tu hành có thể đạt đến buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước sẽ sinh đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, nhưng buông bỏ tập khí khởi tâm động niệm là điều không thể nào! Chỉ có để vậy một thời gian, dần dần tập khí tự nhiên tiêu mòn hết. Trong kinh Phật nói: Thời gian tiêu mòn hết những tập khí này là ba A-tăng-kỳ kiếp, lâu xa như vậy.

Điều này chúng ta có thể lý giải được: *Khởi tâm động niệm là sóng động vô cùng vi tế! Sóng động tuy dừng, nhưng tập khí nhỏ nhiệm vẫn còn sót lại. Tập khí không còn nữa mới thật sự là bất động.* Như chúng ta khảy đàn, khảy đàn là chấn động của dây đàn. Không khảy nữa, đó chính là buông bỏ, nhưng dây đàn vẫn còn tiếp tục rung động, đây gọi là tập khí. Đến khi nào dây đàn hoàn toàn bất động, đó chính là đạt đến quả vị Diệu Giác, thành Phật.

- Có cách gì rút ngắn thời gian này không?

- Dường như có, nhưng việc này chúng ta không thể xác định!

Chúng ta nghĩ đến thế giới Hoa Tạng: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ cùng với Văn Thù, Phổ Hiền đều vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, đây là lý do gì? Trong đây có một tin tức, một tín hiệu: Rất có thể sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc được bốn nguyện của đức Phật A Di Đà gia trì nên đoạn trừ tập khí, vô minh phiền não sẽ nhanh hơn.

Trong Quán Kinh nói: Người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, cho dù ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư, Hạ Hạ phẩm, tu hành đến Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát, tức là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, thật sự thoát ly Thập pháp giới đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm chỉ cần mười hai đại kiếp. Mười hai đại kiếp này so với tuổi thọ của người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là vô lượng thọ thì có là bao! Cũng ví như người sống một trăm tuổi, trong khoảng mười hai tiếng đồng hồ thì đã chứng đắc. Điểm này cho thấy vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thành tựu rất nhanh.

Tỳ kheo Pháp Tạng, dưới đây phát bốn mươi tám đại nguyện, đã trải qua năm kiếp tu hành, nguyện nguyện đều thành tựu, ngài mới thành Phật, thế giới Cực Lạc mới bắt đầu chiêu sinh. Trên Kinh Di Đà nói: Ngài thành Phật đến nay chỉ mới mười kiếp. Cho nên, thế

giới Cực Lạc là thế giới rất mới mẻ, là một đạo tràng mới hưng khởi. Chúng ta vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, tương lai dường như đều là “nguyên lão khai sơn”, mới mười kiếp chúng ta đã đến rồi. Nhất định phải tranh thủ không nên chờ đợi, ngay đời này nhất định vãng sinh. Kinh này là giấy đảm bảo cho chúng ta, không ai không thành tựu. Trong mười phương quốc độ không có sự việc này.

Cho nên, Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn khó tin! Không phải chúng ta không tin mà Bồ Tát khó tin! Bồ Tát còn phải tu pháp môn của họ, tu đến thế giới Hoa Tạng gặp Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, lại dẫn họ đến thế giới Cực Lạc, vậy là họ đã đi rất nhiều đường vòng! Pháp môn Tịnh Độ là con đường tắt, một đời thành tựu, hi hữu khó gặp. Đến thế giới Cực Lạc, bạn liền chứng đắc A Duy Việt Trí đồng với Pháp Thân Đại Sĩ.

- Làm thế nào chúng được Pháp Thân?

- Buông bỏ chướng ngại là chúng được!

Pháp Thân vốn có, xưa nay chưa từng mất. Thân chúng ta là sắc tướng giả tạm, có biến hóa, có sinh lão bệnh tử. Sau khi chết lại thay một tướng khác. Tướng thay nhưng Tánh không thay. Hiểu rõ chân tướng sự thật này, người biết tu hành, càng thay càng tốt, càng thay càng sạch, càng thay càng đẹp. Không hiểu chân tướng này, càng thay càng kém, càng thay càng bản! Nếu đổi thân súc sinh đó là càng thay càng tệ! Thật là đáng tiếc!

2. Báo Thân

Thân này của đức Như Lai mang tên Lô Xá Na (Rocana), dịch là Quang Minh Biến Chiếu, phải là bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên mới thấy nổi.

3. Ứng Thân

Như đức Thích Ca Văn (Sākyamuni). *Ứng Thân* (nói chung) chỉ thân Phật dùng để hiện tám tướng thành đạo. Địa Tiền Bồ Tát, Nhị Thừa, phàm phu đều thấy được thân này.

4. Hóa Thân

Thân Phật hóa hiện trong một giai đoạn nào đó thì gọi là *Hóa Thân*.

5. Đẳng Lưu Thân

Đẳng Lưu Thân là một trong bốn thân do Mật giáo lập ra. “*Đẳng Lưu Thân*” là thân do Phật thị hiện có cùng hình dạng như các loài trời, người, quỷ, súc sinh v.v... cho các dị loại đều được thấy.

Tóm lại, phần kệ tụng trên đây là lời tán dương Phật: Từ một thân, Phật hiện ra vô lượng các thân, khiến mọi loài chúng sinh đều được trông thấy. Đây cũng là hiển thị cảnh giới viên minh cụ đức chẳng thể nghĩ bàn! Phần tiếp theo là phát nguyện. Tỳ kheo Pháp Tạng, sau khi tán thán công đức của Phật xong, liền phát khởi thệ nguyện rộng lớn: Nguyện tự làm Phật, nguyện nhiếp trì Phật độ, lợi khắp chúng sinh chóng thành Chánh Giác. Việc trọng yếu nhất đó là phải phát nguyện.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện chép: “*Như Lai công đức, giả sử thập phương nhất thiết chư Phật, kinh bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần sát kiếp, tương tục diễn thuyết, bất khả cùng tận. Nhược dục thành tựu thử công đức môn, ưng tu thập chủng quảng đại hạnh nguyện*” (Giả sử mười phương hết thảy chư Phật liên tục diễn nói công đức của Như Lai trong số kiếp nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật cũng chẳng thể nói hết nổi. Nếu muốn thành tựu môn công đức ấy phải tu mười thứ hạnh

nguyện rộng lớn). Vì vậy, Tịnh Tông dùng ba thứ: Tín, Hạnh, Nguyện làm tư lương.

Linh Phong Đại sư (tức Ngẫu Ích Đại sư) dạy: “*Không có Tín thì chẳng đủ để phát khởi Nguyện, không có Nguyện sẽ chẳng đủ dẫn dắt Hạnh*”.

Pháp sư Tĩnh Am đời Thanh cũng nói: “*Tu hành thì việc cần kíp trước tiên là lập Nguyện. Nguyện đã lập thì mới độ nổi chúng sinh, tâm đã phát mới kham thành được Phật đạo*”. Ngài còn dạy: “*Vì vậy, cần biết là nếu muốn học Như Lai thừa thì trước hết phải phát đủ Bồ Tát nguyện, chẳng được chần chừ*”. Đoạn kệ tụng tiếp sau đây là lời Pháp Tạng nguyện cầu đức tự giác, giác tha. Muốn giác tha trước tiên chính mình phải tự giác. Cầu tự giác chính là để giác tha.

KINH VĂN:

Nguyện ngã đấng Phật thanh tịnh thanh

Pháp âm phổ cập vô biên giới

Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn

Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp

Trí tuệ quảng đại thâm như hải

Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao

Siêu quá vô biên ác thú môn

Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh nạn

Vô minh, tham, sân giai vĩnh vô

Hoặc tận, quá vọng, tam-muội lực.

VIỆT DỊCH:

**Nguyện con được tiếng Phật thanh tịnh
Pháp âm phổ cập vô biên cõi
Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn
Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp
Trí tuệ rộng lớn sâu như biển
Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao
Vượt khỏi vô biên ác thú môn
Mau đến bờ Bồ Đề rốt ráo
Vô minh, tham, sân vĩnh viễn dứt
Hoặc tận, lỗi mất, tam-muội lực**

GIẢNG:

***“Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh
Pháp âm phổ cập vô biên giới”.***

Đây là tỳ kheo Pháp Tạng nguyện được đầy đủ hạnh đức lợi tha như Phật: Nguyện âm thanh đồng Phật, âm thanh thanh tịnh không có lầm lỗi ác hạnh, lìa hẳn phiền não cấu nhiễm, trọn khắp “vô biên giới”. Chữ “giới” ở đây có nghĩa là sai biệt. “*Phổ cập vô biên giới*” là phổ biến khắp hết thảy.

Thế Tôn năm xưa ở đời lấy âm thanh làm Phật sự, chính là giảng kinh nói pháp, giáo hóa tất cả chúng sinh. Căn tánh chúng sinh thế giới Ta Bà, năng lực nghe mạnh hơn năng lực thấy. Đưa kinh sách cho họ xem, chưa chắc họ hiểu được, nhưng nói cho họ nghe, họ tiếp thu rất dễ dàng. Đúng như Bồ Tát Văn Thù trên hội Lăng Nghiêm có nói: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*”.

Âm thanh thanh tịnh từ đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh! Nếu tâm không thanh tịnh thì mắt không thanh tịnh, tai không thanh tịnh, âm thanh cũng không thanh tịnh: Tu Phật trước tiên là phải tu tâm thanh tịnh, kế đến tu tâm bình đẳng, sau cùng là tu tâm giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

“*Pháp âm phổ cập vô biên giới*”, đây là sự thật! Trước đây, đọc câu kinh văn này, chúng ta cho rằng đó chỉ là nguyện vọng không thể là sự thật. Bây giờ, thâm nhập hiểu rõ Phật pháp, nhất là sau khi đọc “*Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*” của Pháp sư Hiền Thủ, chúng ta mới thấy quả thật âm thanh cũng là hiện tượng dao động. Bất luận là dao động của vật chất hay dao động của ý niệm, tinh thần; vừa dao động liền chu biến pháp giới, đây hoàn toàn là sự thật. Âm thanh của Phật diệu đến chỉ dùng một âm thanh nói pháp, chúng sinh tùy loại đều hiểu được.

- Cầu loại đức năng này để làm gì?

- Để giáo hóa, phổ độ tận hư không khắp pháp giới tất cả chúng sinh, mới có thể thực hiện được nguyện thứ nhất trong “*Tứ Hoằng Thệ nguyện*”: “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*”.

“*Phổ cập vô biên giới*”: là phổ biến khắp hết thảy. Muốn thực hiện được điều này, tâm lượng bạn phải lớn, giúp chúng sinh không phải chỉ riêng khu vực này, thành phố này, quốc gia này, thế giới này mà tận hư không khắp pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai chúng sinh đều phải giúp. Phải chân thật phát được cái tâm này mới tương ưng với tự tánh, mới được oai thần chư Phật Như Lai gia trì. Vì sao? Vì cùng chư Phật Như Lai: Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh.

“*Phổ cập vô biên giới*” cũng có nghĩa là không sót một pháp nào cho dù là rất nhỏ nhiệm; hiện nay khoa học gọi là “*lượng tử*”, đây là “*tiểu quang tử*”. “*Tiểu quang tử*” tu tập một nơi thành “*hạt*

căn bản”. “*Hạt căn bản*” tu tập thành *điện tử, nguyên tử, phân tử...* cho đến “*tế bào*”.

- Âm thanh Phật thuyết pháp, mỗi tiểu quang tử có thể tiếp thu chăng?

- Có thể! Vì thể của nó là Ngũ uẩn: “Sắc, Thọ, Tưởng, hành, thức”. Tuy rất nhỏ nhiệm đến chúng ta không thể tưởng tượng được, nhưng nó vẫn có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần; cũng chính là nói nó có “Kiến-văn-giác-tri”. Trong tự tánh gọi là “Kiến-văn-giác-tri”; trong A-lại-da gọi là “thọ-tưởng-hành-thức”. Cho nên, âm thanh Phật thuyết pháp, nó có thể tiếp thu. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí*”. Cuối cùng chúng ta đã thấu triệt, tình và vô tình đều có thể thành Phật là thật không phải giả!

“Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn”: Trích từ bản Tổng dịch, đây là tĩn lược, đích thật là nói “Lục Ba La Mật”. Học Phật, quan trọng nhất chính là Trì Giới, ý nghĩa của Trì Giới là thủ pháp; giữ qui củ chính là Trì Giới. Giáo huấn của Phật trong tất cả kinh đều là Giới; mỗi câu, mỗi chữ đều là Giới. Là Phật pháp, sống ở thế gian, ở quốc gia nào, ở thành phố nào đều phải tuân thủ luật pháp của quốc gia đó; thậm chí đến phong tục, tập quán, quan niệm đạo đức không có văn tự ghi chép cũng đều phải tuân thủ. Có câu: “Nhập cảnh tùy tục”, đến khu vực nào phải tuân theo phong tục, tập quán của khu vực đó, mới có thể cùng người chung sống hòa thuận. Đây đều là giới luật.

Muốn tiếp dẫn chúng sinh, Phật đề ra rất nhiều cương lĩnh, nguyên tắc như: Tứ Nhiếp Pháp, Tứ Tất Đàn v.v... hầu giúp chúng ta khi tiếp xúc, kết duyên với đại chúng được dễ dàng, khiến mọi người đều sinh tâm hoan hỉ, cung kính, từ đó họ có thể tiếp nhận giáo hóa của chúng ta.

“*Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn*”: Tất cả pháp môn trong Phật pháp đều cùng một mục tiêu là tu Định. Phương pháp tu Định không như nhau: Thiền tông dùng phương pháp Quán tâm, Thoại đầu; Giáo hạ dùng phương pháp Chỉ Quán, đọc tụng; Tịnh Độ tông dùng phương pháp Niệm Phật. Trong Niệm Phật có: *Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật* v.v... Định là tinh hoa của tu học Phật pháp. Tịnh tông không gọi là Thiền định mà gọi là “*nhất tâm bất loạn*”.

“*Tinh Tấn*”, hai chữ này rất quan trọng, chúng ta nhất định không thể xem thường. Ngày nay, chúng ta tu hành công phu không có lực, chính là không hiểu được đạo lý này. Tôi thường nói: Chúng ta đang làm là Tạp Tấn, làm quá nhiều, quá tạp! Tinh Tấn, chữ Tinh là tinh chuyên, chuyên nhất. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có thể chọn lấy một môn, đó chính là Tinh. Một môn thâm nhập thì có tiến bộ, đó chính là Tinh Tấn. Cho nên, Phật không hề dạy ta Tạp Tấn, cũng không dạy ta nhiều Tấn, mà dạy ta Tinh Tấn, vậy mới có đạo lý! Vì sao vậy? Tinh Tấn có thể được Định, Tinh Tấn có thể khai trí tuệ.

- Trong Tứ Hoàng Thệ Nguyễn nói “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, câu nói này cùng Tinh Tấn có mâu thuẫn chăng?

- “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học” là học rộng nghe nhiều, không phải chuyên tinh, cùng với Tinh Tấn, phương pháp giáo học này cũng không hề tương phản. Thế nhưng, có thứ tự trước sau.

Khi sơ học mới vào cửa, nhất định phải tinh tấn, một môn thâm nhập. Một môn tinh tấn là tu “Giới-Định-Tuệ” Tam học. Học rộng nghe nhiều là Tam Tuệ của Bồ Tát gồm có: Văn Tuệ, Tư Tuệ, Tu Tuệ. Tuệ này là Tuệ của “Giới-Định-Tuệ”. Nếu chưa khai Tuệ, làm sao có được Tam Tuệ! Phải có nền tảng của “Giới-Định-Tuệ”,

sau đó mới có thể học rộng nghe nhiều, đó chính là “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”.

Cho nên, Tinh Tấn có thể giúp ta hoàn thành “Phiền não vô tận thế nguyện đoạn”, thành tựu đức hạnh của chính mình, đây là “Đoạn Đức”. Phiền não đoạn dứt mới hồi phục được tâm thanh tịnh, lúc này mới “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”, mới học rộng nghe nhiều. Nếu đảo ngược thứ tự, trong đời này bạn sẽ không thành tựu, phương pháp bạn đã dùng sai! Tứ Hoảng Thế Nguyện chính là dạy ta tuần tự thứ lớp: trước nhất là phải phát tâm, kế đến là phải đoạn phiền não, sau đó mới học pháp môn, pháp môn viên mãn thì thành Phật. Thứ tự này là tuần tự nhi tiến, không được rối loạn.

“Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp”: Đây là nói đến pháp rất sâu vô thượng được mười phương chư Phật khen ngợi, đó là Trì Danh Niệm Phật, thành tựu ngay trong một đời. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thập Ba-la-mật”, Bồ Tát Phổ Hiền nói “Thập Đại Nguyện Vương”, tất cả đều qui về một câu Phật hiệu. Hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền lãnh đạo bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại sĩ của thế giới Hoa Tạng vắng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, mới biết Pháp môn Tịnh Độ thù thắng vô cùng, quả thật không thể nghĩ bàn! Trong giáo lý Đại thừa nói: “Vạn pháp qui nhất” cũng chính là câu Phật hiệu “nam mô A-Di-Đà Phật” này.

Tỳ kheo Pháp Tạng nguyện đạt được pháp âm như Phật, rộng tuyên các diệu hạnh như Lục Độ v.v... vì muốn chúng sinh thông đạt pháp vi diệu rất sâu là Trì Danh Niệm Phật, “*tâm tác tâm thị*”. Câu “*tâm tác tâm thị*” là trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “*Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật*”. “*Thị tâm thị Phật*” là cái mà ta vốn có, như trong kinh Đại thừa đức Phật nói: “*Tất cả chúng sinh vốn là Phật*”. “*Thị tâm tác Phật*”: Ta vốn là Phật, bây giờ phát nguyện muốn thành Phật.

- Có thể thành tựu được chăng?
- Đương nhiên thành tựu! Vì chúng ta vốn là Phật.
- Phải như thế nào mới thành Phật?
- Thực hành được sáu pháp Ba-la-mật!
- Thực hành sáu pháp này ở đâu?
- Ngay tại câu Phật hiệu!

- Một câu Phật hiệu này đầy đủ cả sáu pháp Ba-la-mật. Trong tâm chỉ có câu Phật hiệu, ngoài ra đều buông bỏ hết, không để trong tâm, đây là đại xả, đại Bồ Thí. Tuân thủ lời dạy của kinh điển “*Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục*”, đây là Trì Giới; Niệm Phật nghĩa là Trì Giới. Thành khẩn chỉ niệm một câu Phật hiệu, từ năm này đến năm khác, tuyệt đối không thay đổi, đó là Nhẫn Nhục. Nhẫn Nhục và Tinh Tấn là tiền phương tiện của Thiền Định. Hai chữ Tinh Tấn này rất quan trọng, đó là “*nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. “*Nhất môn thâm nhập*” là Tinh, “*trường thời huân tu*” là Tấn. Như vậy mới có thể được Định. Tuyệt đối không tham dự vào các pháp môn khác làm nhiều loạn Tinh Tấn và Thiền định của chúng ta. Nhất tâm Niệm Phật là trí tuệ chân thật.

Cho nên, sáu Ba-la-mật đều bao gồm trong một câu Phật hiệu, đây gọi là “chân Niệm Phật”, gọi là “tâm tác”, “thị tâm tác Phật”; niệm niệm đều tương ứng với câu Phật hiệu này. Tôi thường khuyên các đồng tu: *Người niệm Phật chân chánh phải thay đổi tâm. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra toàn là rác, phải đem đổ hết, dirt bỏ tất cả. Buông bỏ tất cả mới là tin Phật, đây gọi là biết Niệm, biết Niệm thì chắc chắn được vãng sinh.*

Bốn câu đầu của phần kệ tụng này là mong cầu “*giác tha Đức*”, sáu câu tiếp theo là mong cầu “*Tự giác Đức*”. Trước hết, cầu

pháp âm được tuyên lưu, sau cầu trí tuệ rộng như biển, đạt thẳng đến bờ bên kia rốt ráo.

“Trí tuệ quảng đại thâm như hải”: Trí tuệ là Bát Nhã. Trí Độ Luận nói: *“Bát Nhã: Hán dịch là Trí Tuệ. Trong hết thảy các thứ trí tuệ, Bát Nhã là bậc nhất, vô thượng, không gì sánh, không chi bằng, không có gì hơn được nổi”*.

Sách Vãng Sinh Luận Chú viết: *“Bát Nhã là tên gọi của cái trí tuệ đã đạt Như”*, nghĩa là Trí tuệ thông đạt được Chân Như gọi là Bát Nhã.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: *“Thể của Chân Như sáng tỏ, tự tánh chẳng tối tăm, nên gọi là Tuệ”*, cho thấy trí tuệ chính là bản thể của Chân Như sáng tỏ. Tự tánh là quang minh, cho nên sau khi kiến tánh, bạn sẽ nhìn thấy toàn thể vũ trụ là một ánh quang minh, là đại quang minh tạng.

Ngày nay, chúng ta thấy được ánh sáng là nhờ nhật nguyệt đăng quang. Nếu nhật nguyệt đăng bị che khuất, toàn thể vũ trụ sẽ là một mảng tối đen, đó là “vô minh”. Hư không là bóng tối, vũ trụ là tối đen! Nếu “minh tâm kiến tánh”, vũ trụ là trong sáng không phải bóng tối, nó không cần ánh sáng của nhật, nguyệt, mà ánh sáng tự nhiên vốn đã là trong suốt, đây là trí tuệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền.

- Rốt cuộc chúng ta thật sự kiến tánh hay chưa?

- Từ chỗ này sẽ thấy: Khi nào bạn nhìn thấy toàn thể vũ trụ là một ánh quang minh, bạn đã “minh tâm kiến tánh”. Nếu nhìn thấy toàn thể vũ trụ là một mảng tối đen tức là chưa đạt đến cảnh giới này. Ngay khi “minh tâm kiến tánh”, trí tuệ rộng sâu như biển thì nội tâm ắt cũng thanh tịnh, không ác, không lỗi, ly cấu, ly nhiễm, dứt sạch các trần lao nên nói: **“Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao”**, như Tâm

Kinh dạy: “*Hành thâm Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*” (Lúc thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa một cách sâu xa, soi thấy năm Uẩn đều là không, vượt khỏi hết thảy khổ ách).

Chúng ta thấy trong phần phát nguyện cầu “*Tự giác Đức*” của kệ tụng, trước tiên nói ngay đến Trí tuệ, vì Trí tuệ là tối thượng. Hơn nữa, chỉ dùng Trí mới vượt nổi biển cả sinh tử, như bản Hán dịch chép:

“*Đàn Thí điều phục ý, Nhẫn, Giới, cập Tinh Tấn, như thị tam-muội định, trí tuệ vi thượng tối*” (Đàn Thí, điều phục ý. Giới, Nhẫn và Tinh Tấn. Tam-muội định như thế, trí tuệ là tối thượng).

Ngài Gia Tường giảng: “*Thấu hiểu năm Độ mới là hạnh, chưa thể thoát khỏi sinh tử; cần phải do trí tuệ thấu đạt cội nguồn mới có thể giải thoát. Do đó, trí tuệ là tối thượng*”. Ý nói năm Độ trước mặc dù được Thiền Định, nếu không khai trí tuệ cũng chưa thể thoát ly sinh tử. Muốn thoát ly lục đạo phải có trí tuệ, có trí tuệ mới nhìn thấu chân tướng hư vọng của Lục đạo mà không còn tham luyến, như vậy mới có thể siêu việt.

“*Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao*”: Chữ “*trần lao*” này nghĩa rất rộng. Trong Phật pháp: Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não đều thuộc về “*trần lao*”. “*Trần lao*” là phiền não, là nguyên nhân chính của luân hồi lục đạo. “*Trần*” là ngũ dục lục trần, “*lao*” là hình dung từ. Người tham đắm ngũ dục lục trần sẽ rất lao khổ, gian nan, sống trong phiền não, thân tâm mệt nhọc!

Nhờ sức trí tuệ rộng sâu như biển, trong tâm tuyệt dứt mọi phiền não nhiễm ô, nên có thể vượt khỏi vô biên, vô số các nẻo ác như: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nên nói:

“*Siêu quá vô biên ác thú môn*”

Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh ngạn

(Vượt khỏi vô biên ác thú môn, mau đến bờ Bồ Đề rốt ráo):
“*Bồ Đề*” ở đây là “*viên mãn Bồ Đề*”, chính là giác ngộ đến cùng tột, trọn vẹn nhất của bậc Bồ Tát, đại hạnh viên mãn đạt đến Phật quả cứu cánh. “*Tốc đáo*” là rất nhanh.

- Dùng phương pháp gì có thể “*tốc đáo Bồ Đề cứu cánh*”?

- Trì Danh Niệm Phật, phát nguyện vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc là ổn định, dễ dàng, và nhanh chóng nhất.

Bài kệ trên đây, tỳ kheo Pháp Tạng đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta, biết được chính mình phải tu học như thế nào? Không đoạn phiền não thì không thể nào thành tựu; không đoạn phiền não không thể “*siêu việt ác thú môn*”, đương nhiên cũng không thể “*tốc đáo Bồ Đề cứu cánh ngạn*”.

“Vô minh, tham, sân giai vĩnh vô.

Hoặc tận, quá vong tam-muội lực”.

“*Vô minh*” là tên khác của Si. Vô minh, tham và sân là Tam Độc. Do trí tuệ đạt đến bờ kia, lại do sức tam-muội nên vĩnh viễn không còn Tam Độc, Tam Hoặc (Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, Vô Minh Hoặc), phiền não đều hết sạch, bao lỗi lầm cũng đều đoạn tận.

“*Tam-muội*”: Còn gọi là Chánh Định, Chánh Thọ, Đẳng Trì. Sách Thám Huyền Ký, quyển ba giảng: “*Tam-muội, Hán dịch là Đẳng Trì. Vì chẳng chìm nổi, vì trí tuệ bình đẳng nên gọi là Đẳng. Do tâm chẳng tán loạn, trụ vào một cảnh nên gọi là Trì*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, chữ “*Đẳng*” của “*Đẳng Trì*” ở đây là chỉ cho Định-Tuệ bình đẳng. Người tu thiền rất chú trọng điều này: Nếu Định-Tuệ không bình đẳng, tâm sẽ không an định được; nếu Tuệ nhiều hơn Định sẽ khiến tâm trôi nổi, sinh khởi vọng

niệm; nếu Định nhiều hơn Tuệ sẽ khiến tâm hôn trầm. Cho nên, Định- Tuệ nhất định phải bình đẳng.

Ở Niệm Phật Đường, sau khi đi nhiều Phật mấy vòng, bắt đầu ngồi xuống chỉ tịnh thì vọng niệm lại khởi lên quá nhiều, đây là Tuệ nhiều hơn Định. Có người, khi ngồi xuống mấy phút là ngủ gục, ngủ rất say, lại còn ngáy, đó là Định nhiều hơn Tuệ. Nhất định Định-Tuệ phải bình đẳng thì công phu mới đắc lực. Khi vọng niệm quá nhiều phải khiến tâm định lại bằng cách Niệm Phật, chuyên chú vào câu Phật hiệu, buông bỏ tạp niệm. Nếu hôn trầm, hãy đứng lên lạy Phật hoặc nhiều Phật, dùng phương pháp này điều chỉnh bản thân để công phu được đắc lực hơn.

Đẳng Trì là như thế, lia trầm phù: “Trầm” là hôn trầm, “phù” là tâm không Định. Tâm không tán loạn, trụ vào một cảnh gọi là “Trì”. Trong các tam-muội, chỉ có “*Niệm Phật tam-muội*” là tối tôn đệ nhất, Kinh Đại Tập gọi “*Niệm Phật tam-muội*” là “*Bảo Vương tam-muội*”. Tam-muội được nói trong bài kệ tụng ở đây chính là Niệm Phật tam-muội.

Sáu câu phát nguyện ở phần cuối của bài kệ trên, lấy Trí tuệ để mở đầu, lấy “*Bảo Vương tam-muội*” và “*Giới-Định-Tuệ*” v.v... để kết thúc, thật là ý chỉ sâu xa.

KINH VĂN:

Diệt như quá khứ vô lượng Phật

Vị bỉ quần sanh đại đạo sư

Năng cứu nhất thiết chư thế gian

Sinh lão bệnh tử chúng khổ não

Thường hành Bồ Thí cập Giới, Nhẫn

Tinh Tấn, Định, Tuệ, lục Ba-la

*Vị độ hữu tình linh đặc độ
Dĩ độ chi giả, sử thành Phật
Giả linh cúng dường hằng sa thánh
Bất như kiên dững cầu Chánh Giác.*

VIỆT DỊCH:

**Cũng như vô lượng Phật quá khứ
Làm đại đạo sư cho quần sanh
Cứu độ hết thảy các thế gian
Sanh, lão, bệnh, tử... các khổ não
Thường hành Bồ Thí và Giới, Nhẫn
Tinh Tấn, Định, Tuệ, sáu Ba La
Hữu tình chưa độ khiến được độ
Kẻ đã được độ, khiến thành Phật
Giả sử cúng dường hằng sa thánh
Chẳng bằng kiên dững cầu Chánh Giác.**

GIẢNG:

Theo chú giải của cụ Hoàng: Đoạn kệ trên đây diễn tả ý mong cầu đức Giác Tha của Phật. Ý nghĩa bốn câu kệ đầu là “Nhu Phật cứu khổ”.

*“Diệt như quá khứ vô lượng Phật
Vị bỉ quần sanh đại đạo sư”.*

(Cũng như vô lượng Phật quá khứ, làm đại đạo sư cho quần sanh). Tỳ kheo Pháp Tạng nguyện được như hết thảy vô lượng chư

Phật trong quá khứ, làm “đại đạo sư” cho hết thầy hữu tình, dẫn dắt chúng sinh lìa khổ được vui, từ mê được ngộ, thoát biển sinh tử, nhập Phật Tri Kiến, lại dùng các thứ phương tiện khiến hết thầy chúng sinh được sức vô úy. Vì thế, ngài nói:

**“*Năng cứu nhất thiết chư thế gian,
Sinh lão bệnh tử chúng khổ não*”.**

(Cứu độ hết thầy các thế gian sinh, lão, bệnh, tử v.v... các khổ não).

Chữ “đại đạo sư” ở đây là xưng hô đối với Phật. Chỉ có Phật mới có thể chỉ đạo, dìu dắt chúng sinh siêu việt sinh tử luân hồi, siêu việt mười pháp giới thành Phật, thành Tổ. Chỉ có Phật mới gánh vác nổi vai trò này, nên tôn xưng Phật là “đại đạo sư”.

Nói một cách thô thiên; Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới là “chư thế gian”. Tam giới không an ví như nhà lửa, đều thuộc trong biển sinh tử nên nguyện cứu độ. Nói ở mức độ cao hơn, ngay cả những vị ở bậc Địa Tiên (theo tự điển Phật Học Hán Việt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam: Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên là Địa thượng. Trước Sơ Địa gọi là Địa tiền) vẫn còn thuộc thế gian, vô minh chưa dứt, nên cũng cần phải độ thoát họ.

“*Thế gian*”, theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chữ “*Thế*” của Trung Quốc là “tam thập”, tức là ba cái “mười”. Trung Quốc thời xưa, ba mươi năm gọi một đời: Quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Gian*” là không gian. “*Thế gian*” còn gọi là “*thế giới*”, “*giới*” cũng là không gian. Ghép hai chữ “*thế*” và “*gian*” lại chính là không gian và thời gian. Trong “*Thời Không*” đều bao gồm tất cả ở trong đó.

Trong Phật pháp gọi “chư thế gian” là chỉ cho ba loại thế gian: *Hữu tình thế gian*, *khí thế gian*, và *Chánh Giác thế gian*. Giới học thuật hiện nay phân ra: Động vật, thực vật và khoáng vật. Động

vật do hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần kết hợp mà sinh ra, trong Phật pháp gọi là “hữu tình thế gian”. Thực vật và khoáng vật là vật chất trong đó không có tinh thần, Phật pháp gọi là “khí thế gian”. “Chánh Giác thế gian” chỉ cho chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, những bậc giác ngộ. Thế giới vô lượng vô biên, chư Phật cũng vô lượng vô biên. Mỗi thế giới đều có ba loại thế gian này, trong đây có một vị Phật giáo hóa chúng sinh, đó là “đại đạo sư”.

Trong hết thảy vô lượng vô biên thế giới, Phật đều có năng lực cứu, nên nói “*năng cứu nhất thiết chư thế gian*”. Trong thế gian có “*sinh lão bệnh tử chúng khổ não*”, rõ ràng nhất là chúng sinh trong sáu cõi. Các khổ não này trên kinh Phật gọi là: Ba khổ, tám khổ.

Bốn câu kệ kế tiếp từ “*Thường hành Bồ Thí*” trở đi là nói đến bốn nguyện đại bi vô tận của Pháp Tạng Bồ Tát: Nguyện thường hành Lục Độ phổ độ chúng sinh.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện chép: “*Chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm vì thế cố, nhân ư chúng sinh nhi khởi đại bi, nhân ư đại bi sinh Bồ Đề tâm, nhân Bồ Đề tâm thành Đẳng Chánh Giác. Thí như khoáng dã sa tích chi trung hữu đại thụ vương, nhược căn đắc thủy, chi diệp hoa quả, tất giai phồn mậu. Sanh tử khoáng dã Bồ Đề thọ vương, diệp phục như thị, nhất thiết chúng sinh nhi vì thọ căn, chư Phật, Bồ Tát nhi vì hoa quả. Dĩ đại bi thủy nhiều ích chúng sinh, tất năng thành tựu chư Phật, Bồ Tát trí tuệ hoa quả*”. (Do chư Phật Như Lai lấy Đại Bi làm thể, nên đối với chúng sinh khởi Đại Bi. Do Đại Bi nên sinh Bồ Đề tâm. Do Bồ Đề tâm thành Đẳng Chánh Giác. Ví như trong chốn sa mạc rộng lớn có một cây thật to, nếu rễ của nó hút được nước thì cành, lá, hoa, quả cây đều sum xuê. Cây chúa Bồ Đề trong chốn đồng hoang sinh tử cũng giống như vậy. Hết thảy chúng sinh là rễ cây, chư Phật Bồ Tát là hoa quả. Lấy nước Đại Bi làm lợi chúng sinh thì thành tựu được hoa quả trí tuệ của chư Phật, Bồ Tát).

Từ bi là sự yêu thương có giác ngộ. Kinh Đại Nhật cũng dạy: “*Đại Bi vi căn*” (Đại Bi làm rễ). Ở đây, ngài Pháp Tạng cũng thế. Do đại bi nên rộng hành Lục Độ, phổ độ quần sanh. Chúng ta học Phật, nếu không có tâm Đại Bi thương xót tất cả chúng sinh thì không thể có thành tựu.

Ngày nay, làm cha mẹ đã quay ngược lại hiếu thảo con cái, không phải con cái hiếu thảo cha mẹ, thiên hạ làm sao không loạn được! Thiên tai là từ đây mà có! Sự bất hiếu này hủy diệt nguồn gốc! Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, câu đầu tiên là “*Hiếu dưỡng cha mẹ*”, câu kế tiếp là “*Phụng sự sư trưởng*”, đây là căn bản. Thân mạng ta có được là từ cha mẹ; tuệ mạng có được là từ thầy, Tổ, đại ân đại đức, căn bản lớn lao. Nếu sơ suất điều này, quên mất đi hoàn toàn thì những thứ còn lại chỉ là giả! Cho dù bất luận tương lai bạn thành tựu đến đâu, chỉ cần không có nền tảng này, nói khó nghe một chút, quả báo của bạn nhất định ở trong Tam Đò!

Trong thế gian hạng người nào khổ nhất? Người tự tư tự lợi khổ nhất! Người đeo đuổi danh văn lợi dưỡng khổ nhất! Người tham đắm ngũ dục lục trần khổ nhất! Người đầy dẫy tham, sân, si, mạn khổ nhất! Khổ đến mức xem kinh Phật cũng không hiểu! Phật, Bồ Tát có đến dạy, họ cũng không hiểu! Vì sao? Vì nghiệp chướng, tập khí của họ quá nặng! Những gì họ nghe, họ đọc không phải là ý của Phật mà là ý của chính họ! Chỉ có người thật sự tâm Đại Bi mới có thể hiểu.

Kinh Hoa Nghiêm nêu ra mười loại đương cơ. Đương cơ là đối tượng học tập, tu học. Loại đương cơ thứ nhất là Pháp Thân Đại Sĩ, là thuần chánh đương cơ, nghĩa là đức Phật chủ yếu nói với họ. Họ hoàn toàn dùng chân tâm, đã chuyển “Bát thức” thành “Tứ Trí”, mỗi người đều phát tâm Đại Bồ Đề. Sau cùng là người có đầy đủ tâm Đại Bi, thật sự họ đã quên đi cái ta, khởi tâm động niệm đều chỉ nghĩ

đến chúng sinh khổ nạn, làm sao giúp họ được lìa khổ được vui. Tuy chưa “minh tâm kiến tánh” nhưng họ rất gần gũi, rất tương ưng với “Bồ Tát minh tâm kiến tánh”, vì thế họ cũng có thể hiểu và hưởng được lợi ích.

Đại Sư Ấn Quang nói rất cụ thể: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích. Hai phần thành kính được hai phần lợi ích. Mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Nói cách khác, không có tâm thành kính sẽ không có được lợi ích. Ý câu này rất thâm sâu! Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa ở thế gian, nếu không tìm thấy người có tâm chân thành, họ liền sẽ ra đi vì không có nhân duyên, không có người khế cơ. Nhưng nếu trong đại chúng được một, hai người có tâm chân thành; Phật, Bồ Tát sẽ ở lại mà giáo hóa họ, chủ yếu là nói với họ, người khác chỉ dự thính. Người đương cơ này rất có thể không phải là lục đạo chúng sinh, mà đến từ cõi trời. Nếu họ không đến, Phật sẽ không giảng kinh, họ đến là để độ chúng sinh.

Nên nhớ lúc đức Thế Tôn thị hiện ở thế gian này, khi sao mai vừa mọc, ngài “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Lúc ấy, không thấy có người đương cơ, ngài liền khởi niệm, muốn nhập Niết Bàn. Khi đó, người cõi trời Tịnh Cư nhìn thấy, liền lập tức xuống cõi Ta Bà, biến thành kẻ phạm phu đến thỉnh Phật trụ thế, thỉnh Phật chuyển Pháp luân và đức Phật đã nhận lời (Người trời Tịnh Cư là ở trong trời Tứ Thiên. Trong trời Tứ Thiên có chín tầng trời, trong đó có năm loại gọi là “Ngũ Bất Hoàn Thiên”, không còn trở lại cõi Dục. Những thiên nhân này, Tiểu thừa gọi đó là “Tam Quả” trở lên; trong Đại thừa như Kinh Hoa Nghiêm nói đó là “Bồ Tát Lục Tín vị”. Từ “Sơ Tín” đến “Lục Tín” vị, họ ở trong “Ngũ Bất Hoàn Thiên”). Do vậy mà người cõi trời Tịnh Cư có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Ở đây, chúng ta cũng có đặt bài vị cúng dường thiên nhân.

**“Thường hành Bồ Thí cập Giới, Nhân
Tinh Tấn, Định, Tuệ, lục Ba La”**

“Lục Ba La” tức là “Lục Độ”, là chánh nhân để chứng Niết Bàn. Bồ Tát học Phật phải thực tiễn “Lục Độ” ngay trong cuộc sống thường ngày. Nếu rời khỏi đời sống mà học Phật là trống không, không khế hợp thực tế, chỉ có lý luận mà không có sự thật. Phật pháp có sự, có lý; lý sự viên dung đó mới là trí tuệ chân thật.

Trong **Lục Độ**, Bát Nhã là nhìn thấu, năm cái còn lại là buông bỏ:

1. BỒ THÍ:

Bồ thí là buông bỏ tham lam. Đối với tất cả pháp thế, xuất thế gian nhất định một trần cũng không nhiễm.

Người sơ học chúng ta, tại nhà cũng có thể tu pháp bồ thí bằng cách hiếu thuận cha mẹ. Dùng sức lực, tài lực của mình phụng sự cha mẹ, đó là bồ thí. Nhưng, đối với cha mẹ nên dùng chữ “cúng dường” thì đúng hơn. Chăm sóc cha mẹ đó là Tài Thí, trong đây bao gồm cả nội tài lẫn ngoại tài Bồ Thí. Có thể khiến cho cha mẹ được an vui, lìa tất cả sự lo buồn đó là Vô Úy Thí. Nếu cha mẹ có những tập khí, thị hiếu nào, chúng ta đều có thể tùy thuận hầu hạ chu đáo đến cùng, đây thuộc về Pháp Thí. Ba loại Bồ Thí phải bắt đầu làm từ nơi cha mẹ.

Kế đến là thầy giáo, thầy có công dạy dỗ, chúng ta mới được khai trí tuệ, ân đức của thầy phải thường hay nhớ nghĩ. Lúc thầy còn ở đời, ngày lễ, ngày tết luôn phải có sự quan tâm, có sự biểu thị. Lúc rảnh rỗi, phải thường đi thăm thầy. Nếu thầy có bất cứ thiếu kém nào phải chăm sóc chu đáo giống như cha mẹ.

Thời trước, thầy dạy học không có tiền lương, học trò cúng dường thầy là tùy ý: Nhà giàu thì cúng dường nhiều, nhà nghèo khổ,

đôi khi không có cúng dường, thậm chí thầy còn hỗ trợ cho học trò, việc này hiện nay không còn nhìn thấy. Thời trước, thầy giáo hiểu được đạo đức nhân nghĩa, họ là mô phạm của xã hội, không xem trọng đời sống vật chất, chỉ xem trọng đời sống tinh thần, toàn tâm, toàn lực chăm sóc học trò. Ân đức này lớn biết bao! Không chỉ ân huệ đối với học trò mà còn đối với toàn thể xã hội, quốc gia, dân tộc.

Thời xưa, giai cấp có bốn loại là: Sĩ, nông, công, thương. “Sĩ” là người đi học thuộc giai cấp tri thức; trong xã hội địa vị này rất cao cả. Thế nhưng, người đi học rất kham khổ. Người buôn bán tuy có tiền nhưng địa vị trong xã hội được xếp sau cùng. Ngày nay thì ngược lại, người có tiền là đệ nhất, người đi học lại xếp ở sau cùng! Xã hội làm sao không đại loạn!

Tâm Bồ Tát nói mãi cũng không cùng! Chúng ta phải học tâm lượng lớn, phải có thể yêu thương tất cả chúng sinh vô điều kiện. Đây là tâm lượng của Bồ Tát. Có tâm lượng Bồ Tát mới có thể hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát đạo chính là thực tiễn ba loại Bồ Thí: Tài Thí, Pháp Thí và Vô Úy Thí ngay trong cuộc sống thường ngày.

a. Tài Thí:

Gồm có ngoại tài và nội tài. Nếu dùng lao lực, thân thể, trí tuệ mình phục vụ cho người, đây là nội tài. Chúng ta xem thấy đạo tràng Cư Sĩ Lâm có rất nhiều đồng tu làm công quả, phục vụ lao dịch, đó thuộc về nội tài Bồ Thí. Cũng có số đồng tu dùng tiền cúng dường, đó là ngoại tài Bồ Thí. Bồ Thí nhiều nhất là cư sĩ Lý Mộc Nguyên. Tôi nghe nói: Mỗi tối ông đều lo lắng về những việc của đạo tràng mà không ngủ yên giấc, đây là nội tài Bồ Thí. Tôi nghĩ: các đồng tu nơi đây đều tai nghe mắt thấy, Cư Sĩ Lâm ngày càng thịnh vượng.

- Do đâu mà hưng vượng?

- Do bố thí mà hưng vượng! Nhà ăn dưới lầu, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, không có ngày nào không bố thí. Bất luận người nào đến đây ăn đều được hoan nghênh. Đây không phải là tùy tiện cúng dường mà thật có tâm cúng dường. Cơm, thức ăn mỗi ngày họ đều phải nghiên cứu cải tiến, làm thế nào để mọi người được ngon miệng, không phải tùy tiện: Tôi cúng dường bạn thức ăn là đủ rồi, đâu cần phải nhọc sức đăn đo suy nghĩ. Không phải vậy! Có đồng tu e ngại nói:

- Nhiều người đến dùng cơm, vậy tiền đâu mà có?!

- Cư sĩ Lý nói: Từ khai trương Bố Thí mỗi ngày ba bữa ăn đến nay, chưa từng mua gạo, mua dầu, mua rau, mà rất nhiều nơi không ngừng tự nhiên có người mang đến; là Phật, Bồ Tát mang đến.

- Cho nên, lời của Lý Mộc Nguyên rất hay: “Ông chủ hỗ trợ phía sau chúng ta là Phật A Di Đà. Chúng ta không có phước báo, A Di Đà Phật có phước báo. Chúng ta thành tâm thành ý thay Phật A Di Đà làm việc, không chút tư riêng, liền cảm động chư Phật, Bồ Tát đến hộ trì đạo tràng này”, do vậy mà hưng vượng. Nếu có chút tâm riêng tư thì không có cảm ứng. Nếu có chẳng chỉ là “ma gia trì” không phải “Phật gia trì”. “Ma gia trì” thì không đáng tin! Hôm nào chúng không vui liền bỏ đi, đạo tràng bạn lập tức liền suy!

Năm nay kinh tế suy sụp, Đông Nam Á mỗi nghề đều bị ảnh hưởng, trong nhà Phật cũng không tránh khỏi. Rất nhiều đạo tràng mức thu nhập không đủ chi, hóa duyên cũng không thể hóa được. Chỉ riêng đạo tràng Cư Sĩ Lâm rất hưng vượng, không hề bị ảnh hưởng.

- Do nguyên nhân gì?

- Cư sĩ Lý nói với tôi: Không những không giảm ít mà thu thập mỗi tháng đều tăng hơn, chúng tỏ lời Phật nói không sai! Càng thí càng nhiều, càng nhiều lại càng thí.

b. Pháp Thí: Được thông minh trí tuệ.

Chúng ta đến đây Niệm Phật, nghe kinh, làm công quả... có quan sát hay không? Tôi xem thấy trí tuệ của họ mỗi ngày thêm lớn. Vì sao trí tuệ họ thêm lớn? Bởi đạo tràng này bố thí nhiều, hơn nữa mỗi ngày nơi đây luôn có người giảng kinh nói pháp và trong Niệm Phật Đường luôn có người Niệm Phật không gián đoạn, đó là Pháp Thí. Cho nên, mỗi người phiền não nhẹ, trí tuệ tăng.

Mặt khác, chân thật Pháp Thí là phải bồi dưỡng nhân tài, kế tục tuệ mạng Phật, hoằng pháp lợi sinh thì Phật pháp mới vĩnh viễn không bị gián đoạn. Hiện tại, chúng ta đang nỗ lực đem lớp bồi dưỡng mở rộng ra, thành lập Học Viện Giáo Dục Phật Đà, đó là Pháp Thí, chỉ có thể nói so với trước đây tiến thêm được một bước.

- Có làm được viên mãn không?

- Không có!

- Làm thế nào mới được viên mãn?

- Các bạn phải chân thật phát tâm làm Phật, làm Bồ Tát, pháp Bồ Thí này mới làm được viên mãn. Lại nữa, trên kinh Phật nói: Thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói là Pháp Thí chân thật viên mãn.

- Chúng ta tiếp thọ giáo huấn của Phật, không phải mỗi ngày đọc qua một biến, đó chỉ là đọc tụng, không phải “thọ trì”. “Thọ trì” phải đầy đủ “Tín-giải-hành-chứng”. Đối với kinh phải tin sâu không nghi, có thể lý giải những đạo lý trong kinh và thực tiễn được ngay trong đời sống của chính mình, đó là “chứng”. “Tín-giải-hành-chứng” nếu thiếu đi một chữ thì “thọ trì” không viên mãn.

c. Vô Úy Thí: Được quả báo khoẻ mạnh, sống lâu.

Đạo tràng Sư sĩ Lâm, vừa bước vào, không luận nhìn thấy người nào, mặt cười toe toét. Người ở đây thường sinh tâm hoan hỷ, sự hoan hỷ này chính là thành tựu của ba loại bố thí, nên tín tâm tăng trưởng, ý niệm bố thí thêm lớn, quả báo tương lai nhất định thù thắng.

Bồ Tát tu Bồ Thí Ba-La-Mật Đa, chữ Ba La Mật Đa thông thường dịch là Độ, đơn giản gọi là Bồ Thí Độ. Mục đích của Bồ Thí Độ là đoạn dứt phiền não, tâm xan tham bôn xễn. Tâm xan tham là đại phiền não. Đối tượng của tham ái là năm dục, sáu trần. Năm dục là: “Tài-sắc-danh-thực-thù”. Sáu trần là “sắc-thinh-hương-vị-xúc-pháp”. Tất cả đối tượng mà bạn tham thích đều bao gồm trong đó, dẫn khởi đến sinh tâm phiền não không thể ra khỏi sáu cõi, bạn đã tạo nghiệp thọ báo!

Bồ thí được phước, đó chỉ là việc ngoài da không đáng kể! Người thông thường một mặt tạo phước, một mặt xài hết, nên đến khi chết không còn một công đức nào, phước đức cũng không có, làm sao tránh khỏi đọa vào ba đường ác! Người học Phật hiểu rõ chân tướng sự thật, phước báo có được, quyết không hưởng thụ. Phật dạy chúng ta “xả đắc”: “xả” là bố thí; bố thí thì có “đắc”, “đắc” rồi vẫn phải xả, đem những gì có được thầy đều xả hết. “Xả đắc”, ý nghĩa hai chữ này rất sâu: Nghĩa cạn là bạn có “xả” thì liền có “đắc”; bạn “xả” nhiều thì bạn được càng nhiều. Thế nhưng, cái bạn có được vẫn phải tiếp tục “xả”, quyết không thể thọ dụng.

2. TRÌ GIỚI:

Chỗ này là nghĩa rộng không phải nghĩa hẹp. Thông thường nghe đến Trì Giới, chúng ta bèn nghĩ ngay đến năm giới, mười giới, tỳ kheo giới, Bồ Tát giới v.v... cách nghĩ này phạm vi quá hẹp! Chữ Giới ở đây là lời răn dạy của chư Phật. Nói cách khác, bao gồm tất

cả kinh luận, từng câu, từng chữ đều là răn dạy của Phật, Bồ Tát; chúng ta phải tường tận, phải thực tiễn cho bằng được.

Phật nói ra tất cả kinh điển đều là “Diệu pháp”, không riêng chỉ cho Kinh Pháp Hoa mới gọi là “Diệu pháp”. Chữ “Diệu” có nghĩa là tất cả kinh Phật đều đầy đủ “Giáo-Lý-Hành-Quả”, từng câu từng chữ đều rất viên mãn, một chút kém khuyết cũng không có. “*Tín Kỳ giáo, giải kỳ lý*”, đối với lời dạy của Phật, chúng ta phải tin tưởng; hiểu rõ tức là lý giải, kể đến phải y giáo phụng hành, sau cùng mới chứng được quả. Quả báo đó chính là công đức, lợi ích thù thắng, chúng ta thật có được.

Trì Giới là thủ pháp, tuân thủ lý luận, phương pháp của Phật Đà dạy bảo, đem nó thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày, đó là Trì Giới. Trong đây, từng câu từng chữ tràn đầy trí tuệ cao độ. Thế pháp hay Phật pháp đều phải hiểu được “thông quyền đạt biến”. “Pháp” không phải khô cứng mà linh động, hoạt bát. Hình thức tuy thiên biến vạn hóa nhưng nguyên lý nhất định không thay đổi.

- Nguyên lý là gì?

- “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý*”, đây là nguyên lý. Trên hình thức có thiên hình vạn trạng, nhưng nhất định không có ác niệm, ác hạnh, chỉ thuần là thiện tâm, thiện hạnh.

Trong Cao Tăng Truyện, chúng ta xem thấy có đến mấy mươi người, việc làm của các ngài, chúng ta không cách chi lý giải! Hành vi dị lạ của Tể Công trưởng lão, ngày ngày uống rượu, ăn thịt; người thông thường thấy ông phá giới đuổi ra khỏi chùa. Thật sự, ông là Bồ Tát hóa thân, hành vi tạo tác của ông là có dụng ý độ một chúng sinh nào đó.

Cho nên, chư Phật Bồ Tát ứng hóa thân phận không như nhau, hành trì không giống nhau. Những nhân vật liệt kê trong Cao

Tăng Truỵện, chúng ta dùng năm mươi ba tham để đối chiếu, đều có thể liệt kê vào loại nào, mới biết được đây là “đại quyền thị hiện”, thành tựu chúng sinh, thành tựu Phật pháp. Mất thịt phạm phu không thấy được nên phê bình, ruồng bỏ họ, chính mình tạo tội nghiệp lại không hề hay biết! Các ngài quyết không có phá giới, nhất định là người Trì Giới.

Phương thức Trì Giới không như nhau. Kỳ thật, những nguyên tắc, nguyên lý này trên kinh đều nói rất rõ ràng. Phương thức Trì Giới có : “*Khai-Giá-Trì-Phạm*”, chúng ta làm sao hiểu được! Mỗi giới đều đều có “*khai duyên*”. Trong tình huống lợi ích chúng sinh thì có thể “*khai duyên*”. “*Khai giới*” không phải “*phá giới*”. “*Phá giới*” là khi nào không có “*khai duyên*” mà bạn muốn “*khai giới*”, thì đó là “*phá giới*”.

Chúng ta xem thấy trong Ngũ Lục của Tông môn, có công án của Pháp sư Nam Tuyên: *Nam Tuyên chém mèo, có phải là sát sinh, phạm giới chăng?* Nếu chúng ta học theo ngài, ngày ngày cũng giết mèo, chúng ta sẽ đọa địa ngục! Nhưng ngài giết mèo thì thành Phật. Cũng thế! Chu Hà đem “Phật gỗ” xuống đốt thì ông thành Phật, bạn đem tượng Phật đốt, nhất định đọa địa ngục A Tỳ! Vì sao? Họ có nguyên nhân đặc thù! Đốt một tôn tượng Phật, có thể khiến cho một chúng sinh “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, cái tôn tượng đó đốt được bao nhiêu công đức? Ngài dùng phương pháp rất quyết liệt này để dạy bảo một chúng sinh từ chỗ này mà giác ngộ.

Chúng ta có đốt cả trăm pho tượng Phật cũng không có được một người khai ngộ, mà đó chính là “làm thân Phật chảy máu”, đọa A-tỳ địa ngục, phạm tội ngũ nghịch! Do đây có thể biết, giới luật là linh hoạt không phải khô cứng. Người thông thường mơ mơ hồ hồ mà thọ. Thầy truyền giới cũng mơ mơ hồ hồ không thể giảng rõ ràng, tường tận. Họ mơ mơ mà truyền, bạn cũng mơ mơ mà thọ!

Tôi học Phật, việc này đã nói qua với các bạn, ba năm đầu học Phật, thấy tượng Phật tôi không hề lạy, chỉ gở nón xá ba xá, thầy không hề trách tôi. Đại sư Chương Gia đối với tôi, yêu thương tôi, tôi cũng không hề quì lạy ngài. Đối với ngài, tôi cũng chỉ cúi đầu xá ba xá. Ngài không hề cho tôi là vô lễ.

- Vì sao tôi không thể quì lạy ngài?

- Tôi không hiểu được vì sao phải quì lạy ngài! Về sau, hiểu được rõ ràng tường tận, tôi mỗi ngày lạy Phật tám trăm lạy. Tôi lạy được nửa năm, mới biết được đây là phương pháp tốt nhất trong việc tu hành, có thể nhiếp tâm, không phải chỉ riêng là cung kính.

Thế Tôn năm xưa du hóa ở Ấn Độ, lúc đó giao thông không thuận tiện, Thế Tôn chưa hề đến Trung Quốc, cũng chưa đến Singapore. Hơn nữa, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, bối cảnh lịch sử văn hóa không như nhau, phương thức đời sống không như nhau, tư tưởng tín ngưỡng không như nhau, do đó ngoài căn bản giới luật ra, các nghi qui khác đều không thể siêu việt. Chỉ có “căn bản giới”, không luận ở thời điểm nào, khu vực, quốc gia, tín ngưỡng nào, mọi người đều công nhận, đây là siêu việt thời gian lẫn cả không gian.

Trong Phật pháp, “căn bản giới” gồm bốn điều là: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ. Riêng giới “không uống rượu”, Phật nói rất rõ ràng, đây là “*Giá giới*”, bốn giới kia là “*Tánh giới*”. “*Tánh giới*”, không luận bạn có thọ giới hay không thọ giới; bạn hiểu hay không hiểu “giới”, nếu vi phạm đều là có tội. Không thể nói tôi không có thọ giới hoặc tôi không hiểu thì tôi không có tội, không có đạo lý này! Thế nhưng, “không uống rượu”, giới điều này nếu bạn chưa thọ thì không phạm tội.

- Do đâu mà Phật chế định ra giới “không uống rượu”?

- Rượu có thể loạn tánh! Sau khi say, có thể làm bất cứ tội ác nào như: Giết người, trộm cắp, tà dâm v.v... cho nên Phật dạy không uống rượu là giữ cho đầu óc bạn được tỉnh táo, không đến nỗi mê hoặc, không đến nỗi phạm tội.

“*Giới rượu*” là “*giá giới*” thuộc về phòng ngừa bạn phạm tội, sự thật uống rượu không có tội, nhưng cũng đem nó xếp vào trong trọng giới, tuy không phải là “căn bản giới”. Ngoài giới điều ra, Trì Giới là nghĩa rộng không phải nghĩa hẹp. Đây là nói trong tất cả kinh giáo, tất cả qui phạm đời sống lưu xuất rất tự nhiên của Phật, Bồ Tát chúng ta đều phải học tập, phải tuân thủ, đó là Trì Giới. Phạm vi giới luật rất lớn, nhà Phật qui nạp thành ba loại lớn.

i. Nhiếp luật nghi giới:

Đây là giáo huấn của Phật Đà, có điều văn qui định rõ ràng. Luật nghi, điều văn qui định, bao gồm cả thế gian pháp như: Pháp luật, mọi qui ước, phong tục tập quán, khái niệm đạo đức của thế gian đều bao gồm trong đó. Đây là nói đến Phật pháp phải hiện đại hóa, bản thổ hóa mới có thể thường trụ thế gian.

Nếu Phật pháp không hiểu được bản thổ hóa, hiện đại hóa, Phật pháp nhất định chỉ ở khu vực Ấn Độ, sớm đã thành lịch sử rồi! Muốn siêu việt “Thời Không”. Ngoài giới điều căn bản ra, tất cả giới luật cũng phải hiện đại hóa, bản thổ hóa. Như vào thời nhà Đường ở Trung Quốc, Đại Sư Bách Trượng lập “Thanh qui”. “Thanh qui” đó chính là Trung Quốc hóa giới luật thời xưa, lúc đó triều nhà Đường đã Đường hóa, Hiện đại hóa, Bản thổ hóa thành giới luật hiện đại.

Theo trào lưu khoa học kỹ thuật ngày càng tiến bộ, đời sống hiện nay cũng bị ảnh hưởng. Nên biết, pháp luật cứ vài năm phải tu đính một lần. Vì sao phải tu đính? Tu đính chính là thời đại không giống nhau, pháp luật đó không còn thích hợp nên phải tu sửa, phải

hiện đại hóa, không ngừng thích hợp với địa phương. Có những pháp luật mỗi năm phải tu sửa hai, ba lần. Thậm chí ngay đến hiến pháp cách vài năm cũng phải trùng tân kiểm thảo lại.

ii. Nhiếp thiện pháp giới:

Tuy trong kinh không nói qua, điều văn pháp luật thế gian cũng không qui định, nhưng biết được đây là việc thiện có lợi ích cho tất cả chúng sinh, lợi ích cho xã hội, có quan hệ đến thế giới hòa bình hạnh phúc, thì chúng ta cũng cố gắng thực hiện, đây là “*nhiếp thiện pháp giới*”.

iii. Nhiêu ích hữu tình giới:

Trong “*nhiếp thiện pháp giới*” có cả tự lợi và lợi tha. Trong “*nhiêu ích hữu tình giới*” đôi khi chỉ có lợi ích cho tất cả chúng sinh mà không có lợi ích đối với chính mình, cũng phải nên làm. Đây là tâm từ bi của Bồ Tát luôn xả thân vì người, lấy lợi ích của tất cả chúng sinh làm hạnh phúc cho chính mình; hy sinh chính mình thành tựu cho người khác, đó gọi là “*Nhiêu ích hữu tình*”.

3. NHÃN NHỤC:

Ý nghĩa chính của “nhãn nhục” là “nhẫn nại”. Chữ “nhẫn nại” trong Phật kinh, đem nó dịch thành “nhãn nhục”, đây là do các pháp sư dịch kinh ngày trước có dụng ý dùng chữ này.

Thời xưa, tiếp xúc Phật pháp sớm nhất là giai cấp sĩ phu, tức là phần tử tri thức Trung Quốc thời đó. Trong số phần tử tri thức cũng có Đế Vương, Đại thần. Chúng ta xem thấy trong sách xưa có câu: “*Sĩ khả sát, bất khả nhục*”. “Sĩ” chính là phần tử tri thức. Phần tử tri thức có khí tiết, có thể chặt đầu nhưng không thể vũ nhục! Các pháp sư dịch kinh nghe lời nói này bèn dùng chữ “*Nhãn nhục*”, “nhục” mà có thể “nhẫn” thì có thứ gì không thể “nhẫn”?! Cho nên, đặc biệt dùng chữ này, đây không phải là bản ý của sáu Ba-la-mật, bản nghĩa

của nó là “Nhẫn nại”, chỉ có phiên dịch ở Trung Quốc đặc biệt dùng chữ “Nhẫn nhục” này. Cũng chính là nói: Người Trung Quốc xem sự vũ nhục quá nặng, chấp trước quá đáng! Các Đại sư muốn phá đi cái chấp trước này của họ nên lấy cái ý này.

Trong “nhẫn nhục”, Phật đem nó qui nạp thành ba loại lớn:

a. Nhẫn Nhục Đối Với Người:

Kinh Kim Cang có câu: “*Nhất thiết pháp đắc thành u nhân*”. Người không thể nhẫn thì không thể thành tựu: “*Nhẫn*” nhỏ thì thành tựu nhỏ, “*nhẫn*” lớn thì thành tựu lớn. Việc nhỏ, người khác không lượng thứ ta, thậm chí hãm hại ta, vũ nhục ta, hủy báng ta, chướng ngại ta v.v... đều có thể “*nhẫn*”, quyết không có ý niệm báo thù. Nên biết trong đây nhất định có nhân tố của nhân quả. Có thể trong đời quá khứ ta đã dùng thái độ này đối với họ, ngày nay nhân duyên hội đủ, họ hồi báo lại ta. Hiểu vậy, ta phải nên thừa nhận, không nên so đo, nhờ vậy mà ân oán với họ liền được hóa giải.

Phật dạy: “*Oan gia nên giải không nên kết*”. Đây là khai thị rất quan trọng: không nên kết oán với người mà chỉ nên hóa giải. Đại Sư Ấn Quang nói: “*Cho dù bị người khác ngũ mã phân thân, hình phạt tàn khốc mà chết, cũng không chút oán hận*”. Phật nói đó là hiện tượng “*nhẫn nhục Ba-la-mật*” viên mãn. Người khác vô duyên có hãm hại ta, đó chính là thành tựu “*nhẫn nhục Ba-la-mật*” cho ta. Nếu không thì pháp môn này đến đâu để tu?! Hiểu rõ đạo lý này, không những không có tâm oán hận mà còn cảm tạ họ đã tạo cơ hội cho ta tu “*nhẫn nhục Ba-la-mật*”. Họ đích thật là đại thiện tri thức, là đại ân nhân của ta.

Cũng đồng một đạo lý, người khác đối xử tốt với ta, thường chăm sóc, quan tâm đến ta, đó là thuận cảnh, thuận cảnh cũng phải “*nhẫn nhục Ba-la-mật*”. Vì sao? Vì nếu không tu nhẫn nhục, ta sẽ

khởi tâm tham luyến thì phiền phức rồi! Nghịch cảnh sinh tâm sân hận, thuận cảnh sinh tâm tham luyến đều là đọa lạc! Mọi người không nên cho rằng chỉ có người ác là đáng ghét, mà người thiện cũng đáng ghét; nếu ta không có trí tuệ, cả hai bên đều đọa lạc! Trong thuận cảnh dễ bị đọa lạc thê thảm hơn so với nghịch cảnh. Cho nên, đời người đích thật là hiểm đạo!

Sáng nay, tôi nói với mọi người: thức ăn của Cư Sĩ Lâm hiện tại không tệ! Có rất nhiều món ăn vừa ngon, vừa sạch. Rất nhiều người nhiệt tâm cúng dường, đó là thuận cảnh, chính mình phải nên có trí tuệ, chỉ lấy thứ cần thiết, vài món ăn no là đủ rồi! Chớ nên ăn quá no làm hư thân tâm của chính mình! Ăn quá no không dễ tiêu hóa, rất dễ sinh bệnh. Cho nên, khi lấy thức ăn, chọn lựa vài thứ đủ dùng, không nên mỗi thứ đều lấy là có lòng tham. Chính mình phải giữ lấy trí tuệ cao độ, đây đều là tu “*nhẫn nhục Ba-la-mật*”. Do đây có thể biết, nhẫn nại là ngay trong cuộc sống thường ngày, từng li từng tí đều phải biết đủ. “*Nhẫn nhục Ba-la-mật*” thực tế mà nói, đó chính là tu “*tri túc thường lạc*”.

b. Nhẫn Nhục Đối Với Hoàn Cảnh Vật Chất:

Phạm vi này rất rộng! Đối với hoàn cảnh tự nhiên, mỗi năm có bốn mùa: Xuân, hạ, thu, đông. Singapore gần đường xích đạo, đây là khu vực mùa hạ dài. Chúng ta suốt năm sống ở khu vực này gần như không có cảm giác gì. Thế nhưng, hiện tại do đời sống dư dả, giao thông thuận tiện, mùa hạ nếu bạn muốn du lịch đến phương Bắc, phương Bắc hiện tại là mùa đông, bạn phải có sức nhẫn nại đối với cái giá lạnh, nhẫn chịu phương thức đời sống khác nhau, ý thức, hình thái khác nhau, qui củ khác nhau. Như ở đây, chúng ta lái xe, tay lái nằm bên phải; ở Đài Loan, tay lái nằm bên trái, bạn đến đó tự mình lái xe cũng phải thích ứng với hoàn cảnh nơi đó. Đây chính là nói, bạn phải có nhẫn nại mới có thể thích ứng.

c. Nhẫn Nhục Đối Với Sự Tu Học:

Sự tu học bao gồm cả thể và xuất thế gian. Giáo học của thế gian có: Tiểu, Trung, Đại học. Ngay trong quá trình cầu học, nếu không có nghị lực, quyết tâm, sức nhẫn nại kiên trì thì học tập của bạn không thể thành tựu. Tu hành cũng vậy, không luận bạn tu pháp môn nào, đều phải trải qua thời gian dài, phải có tâm nhẫn nại, có nghị lực mới có thể thành công.

Kinh Vô Lượng Thọ so với tất cả kinh Đại thừa khác đích thật không xem là phân lượng quá dài, cũng không quá cao thâm, rất thích hợp với người hiện tại tu học. Bồn hội tập này của Hạ lão cư sĩ công đức vô lượng vô biên dẫn dắt chúng sinh có duyên của chín ngàn năm mật pháp về sau, nhất định là do bộ kinh này mà được độ. Trong bộ kinh này đã xây dựng nền tảng “*Tín-Giải-Hành-Chứng*”, niệm Phật vãng sinh bất thoái thành Phật. Kinh văn tuy không nhiều cũng phải có tâm nhẫn nại, không nên đọc quá nhanh, nên đọc chậm một chút, đọc cho ra ý nghĩa của nó mới chân thật có được thọ dụng.

Người xưa thường nói “*tùy văn nhập quán*”, câu nói này rất quan trọng, tùy theo văn kinh, liền khế nhập cảnh giới, đây là biết đọc. Không biết đọc, chỉ là đọc văn tự, ý nghĩa gì cũng không biết. Cho nên, đọc tụng vạn nhất không nên đọc quá vội, đọc cho qua, đây là trả bài cho Phật, Bồ Tát không liên quan gì đến ta! Đọc như vậy cũng như không đọc. Đó chính là người xưa thường nói: Đau mồm rất họng cũng chỉ uống công! Ngày nay, chúng ta công phu chỉ là trên bề nổi, không hề có thực chất! Không có tâm nhẫn nại làm sao được thành tựu!

Hiện tại, Phật Học Viện chúng ta cùng thôn Di Đà công tác trừ bị tương đối thuận lợi, đại khái hơn một tháng chúng ta có thể dọn vào. Lớp bồi dưỡng của chúng ta liền biến thành Phật Học Viện. Khóa trình của Phật Học Viện: Dự khóa là một năm, chánh khóa ba

năm, nghiên cứu ba năm, toàn bộ học trình là bảy năm. Phải có lòng nhẫn nại theo học xuyên suốt bảy năm mới có thể tốt nghiệp.

- Bảy năm học những gì?

- Chỉ học một môn! Một môn thâm nhập bạn mới có thể thành tựu.

- Học môn nào?

- Bạn tự mình chọn lựa! Chúng ta không hạn chế. Ví như bạn chọn “Phật thuyết A Di Đà Kinh”, cũng phải học bảy năm. Không thể nói tôi chọn bộ nhỏ, chỉ vài tháng là có thể tốt nghiệp rồi! Vẫn phải học bảy năm Kinh Di Đà mới học được tốt. Tôi có cách nghĩ:

- Lớp dự khóa một năm học Kinh Di Đà giảng nghĩa của Pháp sư Viên Anh.
- Lớp chánh khóa học Kinh Di Đà Yêu Giải. Phần Yêu Giải có hai vị thời cận đại yếu giải, đó là Pháp sư Viên Anh có “Yếu Giải Giảng Nghĩa”, Pháp sư Bảo Tịnh có “Yếu Giải Thân Văn Ký”. Hai loại này đủ cho bạn học ba năm.
- Lớp nghiên cứu ba năm học Số Sao của Đại Sư Liên Trì.

Tổng cộng, một bộ kinh Di Đà cũng phải học bảy năm, sau bảy năm miệt mài nghiên cứu, học tập, thấu triệt Kinh A Di Đà, bạn ra ngoài giảng Kinh A Di Đà mới có thành tựu. Cho nên, tương lai Phật Học Viện chúng ta, thậm chí diễn biến thành Đại Học Phật Giáo, mỗi học viên chỉ chọn một môn thâm nhập. Chúng ta sắp xếp khóa trình, phương pháp giáo dục hoàn toàn không giống với các trường khác. Phật Học Viện chúng ta nơi đây chưa đúng với chức danh của nó, chúng ta đến đây là học làm Phật, làm Bồ Tát, hoàn toàn khác với các nơi khác, đây là nói bạn tu học nhẫn nhục.

4. TINH TẤN:

Tiêu chuẩn Bồ Tát trong bộ kinh này là Pháp Thân Đại Sĩ, cho nên thiện căn của họ chỉ có duy nhất là tu Tinh Tấn. Bồ Tát đương nhiên “Kiến tư phiền não”, “Trần sa phiền não”, đều đã đoạn dứt; “vô minh” cũng phá đi một phẩm, chứng được Pháp Thân thanh tịnh, nên đối với thiện căn của thế gian, họ đã viên mãn.

Chữ Tinh Tấn, Tấn là tiến bộ, không lùi. Người xưa phán giáo bộ kinh này thuộc “Đại Thừa Viên Đốn”, còn thù thắng hơn Hoa Nghiêm. Đại đức thời Tùy, Đường cho rằng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chỉ là dẫn nhập của Kinh Vô Lượng Thọ. Đặc biệt, kinh này là “*tam căn phổ bị, lợi độn gồm thâm*”, do đó phạm vi Tinh Tấn cũng vô cùng rộng lớn.

“Pháp Viên Đốn” cần phải phá một phẩm vô minh, mới chứng được “Tam Bất Thoái” (*Tấn Bất Thoái, Hành Bất Thoái, Niệm Bất Thoái*). Thế nhưng, trên kinh Vô Lượng Thọ, không chỉ chứng “Tam Bất Thoái” mà là “Viên Chứng Tam Bất Thoái”, chữ “viên” này thật không thể nghĩ bàn! “Viên” là viên mãn, chúng ta xem thấy trên Kinh Hoa Nghiêm, Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát chứng được “Tam Bất Thoái”, nhưng không “viên”. Ai mới có thể được gọi là “*Viên Chứng Tam Bất Thoái*”? Nghiêm khắc mà nói: Bồ Tát Đẳng Giác mới có thể nói là “viên chứng”. Nếu đem tiêu chuẩn này mở rộng hơn một chút, đó chính là trong cả ba kinh thường nói: A Duy Việt Trí Bồ Tát là “Viên Chứng Tam Bất Thoái”. Cũng có thể nói họ ngang bằng với Viên Giáo Bồ Tát Thất Địa trở lên.

- Thế nào gọi là Tinh Tấn?

- “Tinh” là tinh thuần, không tạp mới gọi là “Tinh”. “Tinh Tấn” là khoa mục rất quan trọng trong tu học của Bồ Tát. Phật vì tất cả chúng sinh nói ra vô lượng pháp môn, tuyệt nhiên không phải bảo bạn toàn bộ đều phải học. Yêu cầu của Phật là bảo bạn trong tất cả

pháp môn chọn ra một môn, tinh tấn tu học. Ý nghĩa chữ “*Tinh*” chỗ này là “*một môn thâm nhập, trường thời huân tu*” mới gọi là Tinh Tấn.

Ngày nay, chúng ta phạm phải sai lầm rất lớn là học quá nhiều, quá tạp, môn nào cũng học, cũng muốn hạ thủ công phu, đến sau cùng không môn nào thành tựu! Người chân thật học Phật, đối với sự việc này không thể không lưu tâm.

- Người tu hành thành công hay thất bại là do đâu?

- Không thể nói họ không có dụng công, họ thật có tâm, có thật dụng công nhưng vẫn thất bại, vì họ không phải “*Tinh Tấn*” mà là “*Loạn Tấn*”, “*Tạp Tấn*” nên không thể thành tựu!

Chúng ta nơi đây mở lớp bồi huấn, kỳ hạn chỉ có ba tháng, bốn tháng. Tôi xem báo cáo của các bạn viết ra cảm tưởng tâm đắc của mình. Các bạn nói: Nơi đây học ba tháng còn chắc thật có hiệu quả hơn rất nhiều so với ngày trước học ở Phật Học Viện bốn năm. Đây là nguyên nhân gì? Tuyệt đối không phải chúng tôi cao minh hơn so với các thầy ở Phật Học Viện, cũng không phải phương pháp của chúng tôi khéo hơn so với các thầy, không phải vậy!

Thành thật mà nói, chúng ta mọi thứ đều không bằng người. Sở dĩ kết quả sau cùng chúng ta vượt trội hơn như cảm tưởng của chính bạn viết ra, đó là do chúng ta nắm được nguyên tắc “*Tinh Tấn*”. Ba tháng chỉ học một môn, trong khi đó ở Phật Học Viện, bạn phải học đến mấy mươi môn bài khóa, khác biệt chính ngay chỗ này. Suốt ba tháng, trong đầu bạn chỉ nghĩ có một sự việc, nghĩ một bộ kinh, một pháp môn, toàn bộ tinh thần đều tập trung vào điểm này nên bạn cảm thấy có thành tựu. Ngày trước, bạn học ở Phật Học Viện, giờ đầu học môn này, giờ sau học môn khác, trong một ngày phải học rất nhiều môn khiến não bạn bị loạn. Môn này chưa xong, lập tức lại đổi sang môn khác, đừng nói bốn năm không có thành tựu, bốn mươi

năm cũng không có kết quả! Chúng ta ngay chỗ này mà thể hội, Phật nói Tinh Tấn là có đạo lý.

Cho nên, mọi người trên hội Hoa Nghiêm, không luận họ thị hiện thân phận gì, họ chỉ nêu ra một môn. Chúng ta chân thật thể hội được: Trên hội Hoa Nghiêm: Pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Pháp môn tu học mỗi người không giống nhau, mỗi người đều chứng Vô Thượng Đạo, mỗi người đều thoát sáu cõi, mười pháp giới, chúng được Tịnh Độ Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật. Đây là điểm chúng ta phải sâu sắc tư duy, biết được Tinh Tấn là một bí quyết, là diệu phương, quyết không thể xen tạp.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát trong Tây Phương Xác Chi nói phương pháp Niệm Phật Tinh Tấn như sau: “*Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”. Đặc biệt ân cần dặn bảo: Người niệm Phật tối kỵ nhất là xen tạp, nếu xen tạp, Phật hiệu của bạn nhất định niệm không tốt. Nói cách khác, công phu của bạn không có lực! Người niệm Phật chân thật thành tựu, trên kinh Di Đà nói: “*Nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*”. “Nhất tâm bất loạn” là “Niệm Phật tam-muội”, “tâm không điên đảo” là trí tuệ khai mở. Công phu đều ở nhất tâm Tinh Tấn, một môn thâm nhập.

Cho nên, lớp bồi huấn của chúng ta đề xướng một môn thâm nhập. Tương lai thành lập Phật Học Viện vẫn là một môn thâm nhập. Phật Học Viện chúng ta có thể mở nhiều giáo trình, giáo trình bạn chọn vẫn là một môn thâm nhập. Tương lai sau khi tốt nghiệp, sẽ xuất hiện rất nhiều Bồ Tát, rất nhiều chuyên gia. Nếu bạn:

- Học giảng Kinh Vô Lượng Thọ bảy năm, tốt nghiệp ra trường bạn chính là Vô Lượng Thọ Phật.

- Học giảng Kinh A Di Đà bảy năm, tốt nghiệp ra trường bạn chính là A Di Đà Phật.

- Học giảng “Phổ môn” phẩm bảy năm, tốt nghiệp ra trường, bạn là Quán Thế Âm Bồ Tát.

Học vị nơi đây là Phật, là Bồ Tát. Sau đó, bạn mới có năng lực giáo hóa chúng sinh. Một môn thông, mỗi môn đều thông. Đây là chỗ Phật pháp không giống như thế pháp. Thế gian pháp, trong đại học, bạn theo học môn nào, chỉ thành tựu được môn đó, các môn khác vẫn không thể hiểu được! Phật pháp không như vậy, một kinh thông tất cả kinh đều thông. Do nguyên nhân gì? Phật pháp là dạy bạn “minh tâm kiến tánh”, bao gồm tất cả kinh giáo bạn đều có thể thông đạt.

Thế nhưng, bạn cần lưu ý: Sau khi thông tất cả kinh, bạn vẫn không thể như Phật mà giảng nói tất cả kinh pháp. Vì sao? Vì căn tánh chúng sinh hiện tại không như thời đức Phật Thích Ca, nên bạn phải “Quán cơ nói pháp”. Thời đại hiện nay, chư Phật đến cũng phải thị hiện Bồ Tát, không thể thị hiện thân Phật. Phật là “*đại thông gia*”, bất cứ kinh nào cũng đều có thể giảng, Bồ Tát không phải “*thông gia*” mà là “*chuyên gia*”, chỉ giảng một môn, đây là điểm Phật cùng Bồ Tát không giống nhau.

Thực tế không phải Bồ Tát không thông mà chúng sinh không thông. Chúng sinh học hai, ba môn thì không thể nhập môn. Chữ “*Tinh Tấn*”, các kinh luận khác đề cập rất nhiều, ở đây chỉ đặc biệt cường điệu, nhất định phải chuyên tinh. Tịnh Tông tu học là năm kinh một luận, tùy sở thích bạn có thể chọn lấy một môn, chỉ cần chuyên tinh đều có thể thành tựu. Bao gồm tất cả kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa, điển tịch thế gian cũng có thể làm tham khảo, bổ trợ.

5. THIỀN ĐỊNH:

“Định” là tam-muội, là thọ dụng chân thật. “*Định*” là *định ở nhất*. Cái “nhất” này không phải là “chuyên nhất”, không phải “duy nhất”, cũng không phải “độc nhất” mà là “*tùy nhất*” thì Phật

pháp mới viên dung. Tôi học Kinh Vô Lượng Thọ, tâm tôi định ngay trên Kinh Vô Lượng Thọ. Tôi học Kinh Kim Cang, tâm tôi định ngay trên Kinh Kim Cang. Pháp môn tu học mỗi người một khác thì điểm “Định” của mỗi người cũng không giống nhau, như vậy mới hiển thị được pháp môn bình đẳng không có cao thấp; dù học bất cứ pháp môn nào cũng đều có thể được Định.

Thiền định trong pháp môn Niệm Phật là “nhất tâm bất loạn”, là tâm thanh tịnh. Đề Kinh Vô Lượng Thọ đã nói "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác". "Thanh tịnh, Bình đẳng” chính là Thiền định, cũng là công phu.

- Thế nào là tâm thanh tịnh?

- Không tiêm nhiễm đối với thế và xuất thế gian là thanh tịnh. Không tiêm nhiễm không có nghĩa là hoàn toàn cách ly mà vẫn có thể tiếp xúc nhưng không bị ô nhiễm, đây là có sức Định.

Thiền định là tam-muội, là Chánh Thọ, là hưởng thọ bình thường. Phạm phu sáu cõi hưởng thọ không bình thường vì có “Khổ, lạc, ưu, hỉ, xả”. Thân có “khổ, lạc thọ”, tâm có “ưu, hỉ thọ”. Khi thân không có khổ vui, tâm không có lo, mừng; lúc này gọi là “xả thọ”. Trong Chánh Thọ hoàn toàn không có sự hiện diện của năm thứ thọ này. Hưởng thọ của phạm phu là “khổ, vui, lo, mừng, xả”. Hưởng thọ của Phật, Bồ Tát là Chánh thọ; không luận ở bất cứ hoàn cảnh, thân phận, nghề nghiệp nào, tâm họ lúc nào cũng thanh tịnh, an vui tự tại, không nhiễm chút trần.

Thiền định cũng có nghĩa là trong tâm có chủ tử, không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động. Đại sư Thiệu Đạo nêu ra thí dụ: “Cho dù Phật có thị hiện đến khuyên ta bỏ pháp môn này, cũng không dao động, hướng hồ là Thiện tri thức nào đó!” Chúng ta phải suy xét cẩn trọng, nếu không thì tâm chúng ta chỉ là đạo tâm sương sớm, như lục bình trôi sông theo gió mà lưu chuyển, không có gốc làm sao có

thành tựu! Bạn cũng từng nghe qua, lão Hòa Thượng Đế Nhân có một đồ đệ là người thợ vá nôi, ông này không biết chữ, chỉ một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” niệm đến cùng. Hòa Thượng dạy ông một lòng chuyên niệm, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ khoẻ rồi niệm tiếp. Cứ thế mà ông đã niệm đến ba, bốn năm thì đứng mà vãng sinh.

- Nhờ đâu mà ông được công phu này?

- Vì tâm ông Định trên câu A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra, ông không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ông đã thành công.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, vậy người thợ vá nôi này có phát tâm Bồ Đề hay không? Thực tế mà nói: Cái gì gọi là tâm Bồ Đề ông cũng không hiểu! Chắc chắn là có phát tâm nhưng ông không hề biết! Vì sao? Ngẫu Ích Đại Sư nói rất hay trong “Kinh Di Đà Yếu Giải”: “*Một lòng một dạ chuyên cầu vãng sinh thế giới Cực Lạc, một lòng một dạ chỉ muốn thấy A Di Đà Phật, tâm này chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề*”. Ngài nói không sai! Một lòng hướng Phật, đây không phải là tâm “Vô Thượng Bồ Đề” thì là tâm gì? Cho nên, chúng ta xem thấy rất nhiều lão ông, lão thái bà không biết chữ, không biết thứ gì, chỉ niệm Phật hai ,ba năm thì đứng mà vãng sinh, ngồi mà vãng sinh, biết trước giờ chết, lại không bệnh khổ, lúc ra đi tướng lạ rất đẹp, đây chính là nhờ chuyên tinh niệm Phật mà được Định, họ đã thành công.

Hiện tại, chúng ta đang tích cực trừ bị xây Niệm Phật Đường và thôn Di Đà, tương lai có thể vào thôn Di Đà để niệm Phật, đó là đại phước báo đệ nhất đẳng ngay trong thế kỷ này. Đến đó Niệm Phật sẽ có rất nhiều hộ pháp hộ trì, không để người khác quấy nhiễu bạn. Cho dù người thân quyến thuộc có đến thăm, lúc bạn đang niệm Phật, họ tuyệt đối cũng không được phép bước vào.

Tương lai thôn Di Đà không ráp đặt điện thoại để tránh người nhà vẫn thường hay gọi đến! Không có điện thoại là hoàn toàn cách tuyệt với tin tức bên ngoài. Bên trong có truyền hình nhưng không xem được tin tức, chỉ có thể xem Niệm Phật Đường, mọi người đang niệm Phật, Pháp sư đang giảng kinh; truyền hình là để bạn xem những thứ này. Thôn Di Đà cũng không có báo chí, tạp chí, ngày ngày thiên hạ thái bình, thân tâm an định, dễ dụng công, chân thật thành tựu.

Hôm nay các bạn tặng tôi bao đồ, tôi nói các bạn nghe: cúng dường tôi không có phước báo, tôi lập tức chuyển đến thôn Di Đà, phước báo của bạn sẽ lớn hơn, là phước báo chân thật, một chút cũng không giả. Tương lai, thôn Di Đà này sẽ có rất nhiều người đến ở đó niệm Phật vãng sinh bất thoái thành Phật, đây là chúng ta có thể xem thấy, có thể dự kiến được.

- Chúng ta dùng tâm như thế nào để hộ trì mọi người?

- Tôi đã nói qua rất nhiều lần, nhất định phải dùng tâm chân thành mà hộ trì. Mỗi người bước vào Niệm Phật Đường đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai của chúng ta. Chúng ta dùng tâm hiếu thuận, tâm cung kính để phục vụ mọi người. Bạn đến nơi đây sẽ cảm thấy một không khí thật khác thường, từ trường không như ở nơi khác. Đạo tràng này có chư Phật, Bồ Tát cùng đến niệm Phật với mọi người, long thiên thiện thần ủng hộ. Một số đồng tu thấy được những tướng lạ đến nói với tôi: Thần hộ pháp nhiều, thấy họ đang xếp hàng. Tình hình này tôi đều biết được, đều nhận ra, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn!

Tóm lại, tâm nhất định phải có chủ tể, tuyệt đối không bị bất cứ cảnh giới nào làm dao động. Chúng ta y cứ Kinh Vô Lượng Thọ, chọn lấy Trì Danh Niệm Phật, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Phương pháp này không phải chính tôi biên tạo mà do thầy Lý chỉ

dạy. Thầy Lý được Đại sư Ấn Quang truyền lại. Cho nên, truyền thừa của chúng ta là từ Đại sư Ấn Quang mà có. Núi Linh Nham Tô Châu là tổ đình của chúng ta. Pháp mạch của chúng ta là một mạch truyền thừa. Y theo phương pháp này tu học, người được thành tựu thật quá nhiều. Chúng ta chính mình được mắt thấy, tai nghe, nhất định không thể khinh suất bị người khác dao động. Bồ Tát tu Lục Độ, sáu cương mục này, từ Bồ Thí đến Thiên định đều thuộc về sự tướng, tức là thực tiễn ngay trong công việc, trong cuộc sống thường ngày; cái sau cùng là Trí tuệ, Trí tuệ Bát Nhã.

6. TRÍ TUỆ (BÁT NHÃ)

Không phải là “sự”, trí tuệ không có dấu tích có thể truy tìm, nhưng trí tuệ là tinh túy của sự tu học.

- *Trí tuệ Bát Nhã* từ chỗ nào mà hiển thị?

- Từ năm sự tướng phía trước (Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định) mà hiển thị.

- Hiển thị như thế nào?

- Nếu tu học không chấp trước, không phân biệt, đây chính là bạn có trí tuệ, có Bát Nhã. Năm điều phía trước nếu không có trí tuệ, không thể gọi là “Độ”; do đó không gọi là Bồ Thí Ba-La-Mật mà chỉ là Bồ Thí thông thường, đó chỉ là tu phước. Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định cũng đều như vậy.

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên chưa từng ngơi nghỉ, tối nay phải đi dự hội, bận rộn suốt ngày, nửa đêm vẫn chưa thể ngủ nghỉ. Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức. Thể lực ông tốt đến vậy, làm việc không vì chính mình mà vì chúng sinh. Vì chúng sinh làm cũng không dính vào tướng chúng sinh, cũng không chấp vào tướng đã tạo, đây gọi là Trí tuệ, là Bát Nhã Ba-La-Mật.

Bồ Tát tu Lục Độ, trong Bồ Thí Độ không có chấp tướng, Kinh Bát Nhã gọi là “*Tam luân không tịch*” (tam luân thể không): Không chấp ta là người Bồ Thí, không chấp người được ta Bồ Thí, cũng không chấp vật ta đã đem Bồ Thí, đây gọi là Bồ Thí Ba-La-Mật.

Cũng thế, Trì Giới, không chấp có “năng trì”, “sở trì” gọi là Trì Giới Ba-La-Mật v.v.. cứ thế mãi cho đến Thiền Định. Do đây có thể biết, từng li từng tí trong cuộc sống thường ngày, chúng ta có thể xả bỏ đi “năng, sở”, Bát Nhã Ba-La-Mật lập tức hiện tiền. Nếu còn rơi vào “năng, sở”, nhất định phải biết mình chưa có trí tuệ. Không có trí tuệ, tất cả tu học của bạn chỉ là phước báo. Phước báo không thể giải quyết vấn đề sinh tử, chỉ có Trí Tuệ Bát Nhã mới có thể giúp bạn thoát ly sinh tử, thoát ly mười pháp giới đến bờ cứu cánh giải thoát.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Nguyên hành Lục Độ chính là “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” và “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”. Hơn nữa, Bồ Thí trị được keo tham, Trì Giới trị phá giới, Nhẫn Nhục trị nóng giận, Tinh Tấn trị biếng trễ, Thiền Định trị tán loạn, Trí Tuệ trị ngu si. Thường hành “Lục Độ” chính là “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Tự giác, giác tha là dùng sự giác ngộ của chính mình để giác ngộ khắp các chúng sinh; dùng hạnh của chính mình để dẫn dắt chúng sinh, đem đức của chính mình hồi hướng cho chúng sinh. Đây chính là “*chúng sinh vô biên thế nguyện độ*”. Do vậy, trong kệ tụng có câu:

“*Vị độ hữu tình linh đặc độ.*”

“*Dĩ độ chi giả, sử thành Phật*”.

(Hữu tình chưa độ khiến được độ. Kẻ đã được độ, khiến thành Phật)

Cứu vớt, gánh vác cho họ đều đạt tới “bỉ ngạn”. Bốn câu kệ trên đây đã chứa trọn ý nghĩa Tứ Hoằng Thệ Nguyện.

- Đến lúc nào chúng ta mới có thể vận dụng vô lượng pháp môn để độ chúng sinh?

- Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Thành Phật mới được! không thành Phật không thể làm được!

Bởi lẽ, bạn phải ứng phó với nhiều loại căn tánh khác nhau, nên phải nói ra vô lượng pháp môn, không thể chỉ nói một loại pháp. Việc này chỉ có Phật mới làm được. Cho nên, chư Phật Như Lai là ứng cơ, tùy thuận chúng sinh mà hiện thân nói pháp, không phải thuận theo ý mình.

- Sau khi Phật diệt độ đến nay chưa có vị Phật nào xuất hiện, do nguyên nhân gì?

- Không có cơ hội này! Bởi đại đa số chúng sinh chỉ là một loại căn cơ chín muồi, nên chỉ thị hiện thân Bồ Tát, thị hiện một môn thâm nhập.

Thế Tôn trong Kinh Đại Tập nói: “Thời kỳ Chánh Pháp Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng pháp, Thiên Định thành tựu. Thời kỳ Mạt pháp, Tịnh Độ thành tựu”. Cái “thành tựu” này là nói “căn tánh chín muồi”. Ý nói: Thời kỳ Chánh pháp loại người Trì Giới chứng quả căn cơ chín muồi; thời kỳ Tượng pháp, loại người Thiên Định căn tánh chín muồi; thời kỳ Mạt pháp loại người căn tánh Tịnh Độ chín muồi. Chúng ta đọc kinh, nghe pháp phải hiểu được ý Phật, việc này giúp chúng ta chọn lấy pháp môn tu tập, đồng thời cũng giúp tất cả chúng sinh hữu tình chưa độ.

- Ngày nay đối với quần chúng rộng lớn trong xã hội, chúng ta làm thế nào giúp họ?

- Dùng một câu Phật hiệu, khi họ nghe qua tai đã mãi trong thiện căn. Cho dù họ tin hay không tin, câu Phật hiệu này lọt vào trong A-lại-da thức của họ, vĩnh viễn không thể xóa đi. Tương lai khi gặp được duyên Phật, nó sẽ khởi hiện hành, họ sẽ học Phật, sẽ Niệm Phật vãng sinh bất thoái về thế giới Cực Lạc.

Singapore khu vực này là vùng nhiệt đới, mỗi năm chỉ có một mùa. Suốt năm chỉ mặc chiếc áo thun là đủ, không cần phải thêm nhiều áo. Trên áo thun, chúng ta in Phật A Di Đà. Trên đường, đi một vòng cũng độ được rất nhiều chúng sinh. Nơi đây thường dùng bốn loại ngôn ngữ: Anh ngữ, Hoa ngữ, Mã Lai ngữ, Ấn Độ ngữ. Tôi hy vọng các đồng tu tương lai in danh hiệu Phật A Di Đà trên áo thun bằng bốn loại ngôn ngữ này. Khi mặc chiếc áo này đi ra ngoài là “đa nguyên văn hóa”, phổ độ chúng sinh.

“Vị độ hữu tình linh đặc độ” (Hữu tình chưa độ khiến được độ). Chúng ta phải dùng phương pháp này. Đồ án thiết kế phải đẹp để mỗi người xem thấy đều có thể sinh tâm hoan hỉ.

- Xã hội ngày nay, thanh niên mặc loại y phục nào?

- Vẽ trên áo đều là yêu ma quỷ quái! Xem thấy đều hù chết người! Chúng ta mặc phục trang này, phía sau in “A Di Đà Phật” để độ những yêu ma quỷ quái này. Tôi cảm thấy hiện tại những y phục này chúng ta vẫn chưa làm đủ. Người mặc tuy nhiều, vẫn chưa phổ biến. Phải nên chế ra số lượng lớn, miễn phí tặng cho.

Tương lai, bên dưới Cư Sĩ Lâm bố thí thức ăn cũng bố thí quần áo. Chúng ta in những chiếc áo thun này để sẵn bên dưới, họ đến dùng cơm, mỗi người đều lấy một chiếc áo mặc lên người. Lần sau đến, mặc chiếc áo này mới chiêu đãi, không mặc chiếc áo này chúng ta không tiếp đãi, là việc tốt! Đây là nói chúng sinh chưa được độ.

“*Dĩ độ chi giả, sử thành Phật*” (Kẻ đã được độ thì khiến họ thành Phật).

- Đã độ là loại người nào?

- Là loại người đã tin tưởng, đã tu học pháp môn Tịnh Độ. Đây là người căn tánh đã chín muồi. Đối với loại người này, chúng ta nhất định giúp họ ngay trong đời này vãng sinh. Cho nên, chúng ta xây Niệm Phật Đường, xây Thôn Di Đà, chính là “*Dĩ độ chi giả, sử thành Phật*” chúng ta phải thực tiễn câu nói này, không phải chỉ đọc suông mà phải toàn tâm toàn lực làm đến được viên mãn. Nhất định phải chân thật phát tâm.

Có rất nhiều người đến đây làm công quả, một số ít khởi lên ý niệm: Mọi người niệm Phật, tương lai họ được vãng sinh, riêng chúng con phải làm sao? Nghĩ đến chỗ này thì không muốn làm công quả! Hay là vào bên trong niệm Phật tốt hơn? Vậy thì không có người hộ trì! Đại Từ Bồ Tát sớm đã biết, trên kinh nói: “*Bạn khuyên hai người vãng sinh bằng chính bạn Tinh Tấn. Bạn khuyên được mười mấy người vãng sinh, công đức của bạn vô lượng vô biên. Bạn có thể hộ trì cho họ thấy đều vãng sinh, trừ khi chính bạn không chịu vãng sinh, nếu chính bạn muốn vãng sinh, công phu niệm Phật của bạn chưa đủ, không cần phải lo! Đến lúc bạn lâm chung, họ nhất định sẽ thỉnh A Di Đà Phật đến tiếp dẫn bạn*”.

Người thế gian vong ân bội nghĩa, người vãng sinh Cực Lạc tri ân, báo ân. Cho nên, bạn giúp họ vãng sinh, tương lai nhất định họ sẽ giúp bạn vãng sinh. Đạo lý này tôi nghĩ mọi người nghe qua đều có thể gật đầu, đều có thể khẳng định! Công đức của bạn tuyệt đối không luống uổng! Cho nên, tôi khuyên đồng tu chúng ta đồng tâm hiệp lực, cùng nhau làm công quả, thành tựu những chúng sinh căn tánh chín muồi này. Thành tựu họ cũng chính là thành tựu chính mình; tự tha công đức không hai.

“Giả linh cúng dường hằng hà sa thánh

Bất như kiên dững cầu Chánh Giác”.

Đây là nói, giả sử bạn cúng dường hằng hà sa thánh (thánh ở đây thông thường là chỉ Bồ Tát Địa Thượng, cũng có thể nói là Sơ Địa Bồ Tát trở lên), phước báo này rất lớn nhưng cũng không bằng “*Kiên dững cầu Chánh Giác*”. Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời thường giảng kinh nói pháp ở hai bên bờ sông Hằng, thời gian rất lâu. Cho nên, phàm hề nói đến số lượng lớn, Phật hay dùng cát sông Hằng để ví dụ. Phía trước đoạn kinh này nói rõ lúc A Di Đà Phật tu hành phát nguyện ở nhân địa, kinh văn chia làm sáu đoạn nhỏ: Một là “*Nguyện văn đồng Phật*”; hai là “*Tuệ siêu bi ngạn*”; ba là “*Như Phật cứu khổ*”; bốn là “*Tất linh thành Phật*”. Trên đây là đoạn thứ năm “*Kiên dững cầu Chánh Giác*”. Kinh văn tuy chỉ có hai câu, ý nghĩa rất sâu.

Từ trên bề mặt của kinh văn mà thấy: Gần như tu cúng dường không quan trọng lắm, cầu Chánh Giác mới là quan trọng. Nhưng, trên thực tế, hai việc đều quan trọng như nhau. Tuy như nhau, trong đây vẫn phân ra chủ, khách: Câu phía trước là nói tu phước, câu sau là nói tu tuệ. Trong Phật pháp, đặc biệt là Phật pháp Đại Thừa, Thế Tôn luôn dạy chúng ta phước, tuệ song tu; hai việc đều ngang nhau, phải nên đồng thời tu học, đồng thời hỗ trợ lẫn nhau mới có thể chứng được quả vị viên mãn. Trong “*Kệ tam qui*”, chúng ta đọc đến “*Qui y Phật, nhị túc tôn*”. Chữ “*nhị*” này chính là tu phước, tu tuệ. Hai loại này Phật đều đạt đến cứu cánh viên mãn.

Khoảng hai tuần trước, có một đồng tu đưa tôi xem một bản tin tức mới, đó là bản tin từ báo chí Đại lục Trung Quốc, nói rằng: Cuối năm nhà Thanh, có sáu nhân vật lớn hiện đã biến thành thân heo, trong đó có Viên Thế Khải, Lý Hồng Chương, đây đều là nhân vật nổi tiếng trên lịch sử.

- Làm sao biết được họ biến thành heo?

- Con heo này khi sinh ra, trên thân nó có tên của họ. Thật kỳ lạ! Đây là nói rõ tu phước không có tu tuệ. Khi còn ở nhân gian hưởng hết phú quý, sau khi chết, chưa đến một thế kỷ đã rơi vào cõi súc sinh, biến thành thân heo! Việc này đã cho chúng ta một cảnh giác cao độ, nói rõ tu tuệ còn quan trọng hơn tu phước. Thế nhưng, quyết không nên hiểu lầm cho rằng chúng ta không cần tu phước. Có cách nghĩ như vậy là bạn sai rồi!

Ngày nay, chúng ta học Phật, tu hành, hoằng pháp lợi sinh, thực tế mà nói, phước báo chúng ta không đủ, nên làm bất cứ việc gì đều có chướng ngại, khó khăn! Những chướng ngại này chính là nói rõ phước báo của chúng ta rất mỏng. Thường tận hiểu rồi, việc lợi ích tất cả chúng sinh vẫn cần phải làm, đây đều thuộc về phần cúng dường tu phước.

Singapore có Pháp sư Đàm Thiên, tôi rất tôn kính đối với ông. Ông quan hệ rất tốt với Lý hội trưởng, tôi cũng đã đến thăm ông rất nhiều lần. Con người này tu khổ hạnh, nơi ở chỉ một gian phòng nhỏ, quần áo chỉ vải thô bình thường, thức ăn chỉ một món với cơm, thức uống là nước máy. Rất đơn giản! Chúng tôi đến thăm, ông đi mua bình nước suối, đó là kính ý cao nhất mà ông tiếp đãi khách. Ông có sự giúp đỡ rất lớn đối với Phật pháp đại lục Trung Quốc. Số mỹ kim ông đưa người gửi đi quyên góp từng trăm ngàn, từng trăm ngàn. Sau khi quyên rồi, ông cũng không màng hỏi đến. Đây là ở hải ngoại tôi thấy được một vị pháp sư chân thật là hiếm có, chúng ta không thể sánh bằng!

- Tiền của ông do đâu mà có?

- Ông là miếu chủ của miếu Thành Hoàng. Trong miếu, ông bày ra một ít hương, giấy, đèn sáp. Người đến miếu đốt hương mua hương, đèn sáp một, hai đồng v.v... như vậy mà tích góp lại. Một

phân tiền ông cũng không đem đi hưởng thụ, toàn bộ đều bố thí. Đây là người xuất gia mô phạm của thời đại chúng ta. Hành nghi của ông là Bồ Tát thị hiện. Suốt ngày từ sớm đến tối chỉ niệm A Di Đà Phật, tâm không lìa miệng, miệng chẳng lìa tâm.

Bồ Tát Phổ Hiền nói: “*Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối*”, trong tất cả sự cúng dường, “Pháp cúng dường” là bậc nhất. Người thế gian xem trọng tiền tài vì họ có lòng tham. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, lợi ích chúng sinh, trước dùng tài bố thí cho họ, nhà Phật gọi là “*Tiền dĩ lợi dục khiên*” sau mới “*Hậu linh nhập Phật trí*”, khiến họ vào trí Phật. Cho nên, Tài Thí chỉ là phương tiện, Pháp Thí mới là mục đích, lợi ích chân thật vô tận mang đến cho người.

Nên biết, nhà Phật thường nói: Một ngụm nước, một bữa ăn đều do tiền định, đó là chân lý! Bạn muốn được tiền của, bạn phải tu “Tài Thí”; bạn muốn thông minh trí tuệ phải tu “Pháp Thí”; muốn khoẻ mạnh sống lâu nhất định phải tu “Vô Úy Thí”. Tôi hai mươi sáu tuổi học Phật, đạo lý này Chương Gia Đại sư truyền cho tôi, tôi y giáo phụng hành. Đời trước, tôi không tu “Tài Bố Thí” nên đời này sống rất gian khổ có chăng là có tu “Pháp Bố Thí” nên được chút thông minh trí tuệ. Tôi không có phước báo, cũng không có thọ mạng. Rất nhiều người xem tướng, đoán mạng cho tôi, kể đến Hàn Quán Trưởng cũng đi xem mạng cho tôi. Bà lấy tám chữ của tôi để đưa cho người đoán mạng. Sau khi đoán rồi, họ cảm thấy kỳ lạ hỏi:

- Con người này vẫn còn sao?

Lúc đó, đại khái tôi cũng sắp gần năm mươi tuổi. Có thể thấy được người đoán mạng cũng không tệ, đoán cũng tương đối chuẩn.

Họ hỏi bà:

- Con người này vẫn còn sao?

- Vẫn còn!

Thật kỳ lạ! Cuối cùng họ hỏi:

- Ông ấy làm những việc gì?

- Ông ấy xuất gia!

- Ô! Người xuất gia vậy thì miễn bàn!

Ý nói: Nếu không xuất gia, bốn mươi lăm tuổi tôi đã chết rồi! Thật ra, người xuất gia cũng không bảo đảm được! Cùng xuất gia với tôi, đồng thời thọ giới, huynh đệ chúng tôi có ba người: Pháp sư Minh Diễm, Pháp sư Pháp Dung và tôi. Cả ba chúng ta đều cùng một tuổi, hơn nữa, cũng đều đoán mạng! Người xem tướng đoán mạng đều nói ba chúng tôi không thể sống qua được bốn mươi lăm tuổi. Cho nên, bốn mươi lăm tuổi năm đó, khoảng tháng hai, tháng ba, Pháp Dung qua đời. Vào tháng năm thì Minh Diễm ra đi, còn tôi thì bị bệnh. Tôi nghĩ: Tôi cũng phải đi rồi! Chính mình biết được, chúng tôi đều không tỵ: Khi Pháp sư Minh Diễm ra đi, ông tự mình ngồi xe công cộng, đến Tổng Y Viện Vinh Dân để châm cứu. Bước vào phòng châm, nửa giờ sau thì ông đi! Ông cũng không có bệnh khổ, có thể thấy việc tu hành của ông cũng có được chút công phu.

Riêng tôi năm đó đang ở Hà An tại chùa Cơ Long Đại Giác. Lão Hòa Thượng chùa Đại Giác mời tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm rất dài gồm mười quyển, tôi giảng xong ba quyển, thì bị một trận cảm nặng kéo dài một tháng. Cả đời tôi đều không bệnh. Vừa lâm bệnh, tôi liền nghĩ: Thời gian đã đến rồi! Hai bạn mình đã đi, nay chắc đến phiên mình! Lại nghĩ: Nếu phải chết thì bác sĩ cũng không thể trị mạng. Tôi liền niệm Phật cầu vãng sinh, không gặp bác sĩ, cũng không uống thuốc, chỉ uống một chút cháo loãng. Lúc đó, Hàn Quán Trưởng chăm sóc cho tôi đợi đến vãng sinh. Qua được một tháng, sức khỏe tôi dần dần hồi phục và khỏi hẳn.

Sau khi hết bệnh, mãi đến về sau cũng không hề bị bệnh. Tôi không cầu tuổi thọ, cũng không cầu phước báo. Sau khi tôi xuất gia, liền dạy ở Phật Học Viện, từ nơi công tác hoàng pháp lợi sinh, suốt bốn mươi năm chưa hề gián đoạn. Tôi không cầu bất cứ thứ gì. Thế nhưng, phước báo tự nhiên liền đến. Có một năm ở Đài Bắc cử hành “Pháp Hội Nhân Vương Hộ Quốc”, tôi giảng kinh Nhân Vương, giảng hết hai mươi ngày. Ngay trong Pháp Hội, tôi gặp Cam Châu Hoạt Phật, đây là một đại đức Mật giáo Tây Tạng, cũng là bạn cũ rất tốt với tôi, ông lớn hơn tôi khoảng mười tuổi. Ông nói:

- Pháp sư à! Ông qua đây!

Tôi hỏi:

- Có việc gì không ạ, thưa Phật gia?

Ông nói:

- Những năm tháng gần đây, công đức giảng kinh nói pháp của ông rất lớn, không những phước báo rất lớn mà thọ mạng cũng rất dài, vốn dĩ ông đoản mạng! Ông nói: Chúng tôi phía sau đều nói về ông.

Tôi nói:

- Việc này ngài không nói, tôi cũng biết được!

Ngạn ngữ Trung Quốc thường nói: “*Làm Hòa Thượng một ngày, đánh chuông một ngày*”. Sống ở thế gian một ngày, vì Phật pháp làm việc một ngày. Thái độ này của tôi hoàn toàn giống với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ông cũng sống một ngày, vì Phật pháp, vì chúng sinh, phục vụ một ngày, quyết không có chính mình, cho nên chính mình thanh tịnh, tự tại. Vì chính mình thì rất mệt! Vì người khác không mệt! Sự việc có thành công thì mọi người được phước, không thành công thì mọi người thiếu phước, thế thôi! Chính mình tuyệt đối không có ý niệm được, mất, cuộc sống sẽ rất an vui tự tại. Đây là

ngay trong Phật pháp tôi tiếp nhận giáo huấn của thầy mà được lợi ích chân thật.

Tôi vào cửa Phật là do một câu nói của thầy, tiên sinh Phương Đông Mỹ. Ông nói với tôi: “*Học Phật là hưởng thụ cao nhất của nhân sinh*”. Tôi bị câu nói này của ông thức tỉnh. Tôi rất muốn hưởng thụ cái cao nhất của nhân sinh, tôi đương nhiên phải học Phật, không thể để lỡ qua nhân duyên này. Tu học suốt bốn mươi bảy năm, tôi chân thật có được sự hưởng thụ này. Cho nên, trong tâm tôi luôn cảm niệm đến ân đức của thầy. Nơi phòng học, giảng đường tôi đều cúng dường di ảnh của thầy; không luận ở bất cứ nơi nào, ở đạo tràng nào, hình chụp của thầy nhất định cúng trong giảng đường, trong Phật đường, mỗi giờ mỗi phút vẫn như còn sống bên cạnh thầy.

Cư sĩ Lý quen biết tôi rất lâu, luôn nghĩ đến biện pháp khiến tôi lưu lại Singapore. Ông biết giữ tôi không dễ! Chỉ cần có một chút không đúng pháp, tôi lập tức liền đi. Nếu nơi đây, tất cả đúng pháp, tôi có trách nhiệm giúp ông, toàn tâm toàn lực hiệp trợ ông. Nếu ông không làm như pháp, tôi liền rời khỏi, không có thứ tình riêng. Tuyệt đối không thể nói nơi đây điều kiện vật chất hùng hậu sẽ lưu giữ được tôi thêm vài ngày, không hề có việc này. Nơi đây chân thật hành đạo, chân thật tu hành, chân thật dụng công, tôi nhất định ở lại.

Tôi có “sứ mạng cảm”, có “trách nhiệm cảm” phải hiệp trợ đại chúng. Nếu mọi người chỉ đến để tiêu khiển, không phải để nỗ lực tu hành, tôi ở lại cũng không chút ý nghĩa gì! Tôi rất muốn tìm nơi tĩnh lặng để chính mình tu tập. Lần này đến Úc châu, ở trong rừng nguyên sinh hết ba ngày, tôi rất hoan hỉ. Nếu ở đó dựng một túp lều tranh để tản tu thì tự tại biết dường nào! Hoàn toàn cách tuyệt với thế gian, đó là hoàn cảnh mà cả đời tôi mong muốn được, tôi mỗi niệm không quên. Nếu không có duyên phận hồng pháp, tôi liền sẽ thoái hưu, tôi đến đó để hòa mình với đại tự nhiên. Thế nhưng, nơi

đây các đồng tu đều nỗ lực, cố gắng muốn tu học, tôi đành phải xả bỏ thọ dụng của chính mình, có gian khổ thế nào đi nữa, tôi cũng phải giúp mọi người. Quan niệm của tôi, tác phong tôi, cư sĩ Lý đều biết rõ.

**“Giả linh cúng dường hằng sa thánh
Bất như kiên dững cầu Chánh Giác”.**

Có nghĩa là “giả sử cúng dường chư Thánh nhiều như số cát sông Hằng, chẳng bằng cầu Chánh Giác một cách kiên cố, dững mãi, không khiếm nhược. Đoạn kinh này giống như ý nghĩa trong phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” của Kinh Hoa Nghiêm:

“Thiện nam tử! Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối. Sở vị: Như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sinh cúng dường, nhiếp thọ chúng sinh cúng dường, đại chúng sinh khổ cúng dường, cần tu thiện căn cúng dường, bất xả Bồ Tát nghiệp cúng dường, bất ly Bồ Đề tâm cúng dường.

Thiện nam tử! Như tiền cúng dường vô lượng công đức, tỷ pháp cúng dường nhất niệm công đức, bách phần bất cập nhất, thiên phần bất cập nhất, bách thiên câu-chi na-do-tha phần, ca-la phần, toán phần, số phần, dụ phần, ưu-ba-ni-sa-đà phần diệc bất cập nhất. Hà dĩ cố? Dĩ chư Như Lai tôn trọng pháp cố. Dĩ như thuyết hành xuất sanh chư Phật cố. Nhược chư Bồ Tát hành pháp cúng dường, tắc đắc thành tựu cúng dường Như Lai. Như thị tu hành, thị chân cúng dường cố”.

(Này thiện nam tử! Trong các loại cúng dường, pháp cúng dường là bậc nhất. Pháp cúng dường là: cúng dường bằng cách tu hành đúng như lời dạy, cúng dường bằng cách lợi ích chúng sinh, cúng dường bằng cách nhiếp thọ chúng sinh, cúng dường bằng cách chịu khổ thay cho chúng sinh, cúng dường bằng cách siêng tu các

căn lành, cúng dường bằng cách chắt bỏ Bồ Tát nghiệp, cúng dường bằng cách chắt rời Bồ Đề tâm.

Này thiện nam tử! Công đức của vô lượng các thứ cúng dường trước đó (ý nói cúng dường bằng tài vật) đem so với công đức của Pháp cúng dường đầu trong một niệm thì chắt bằng được một phần trăm, một phần ngàn (cho đến) cũng chắt bằng nổi một phần trăm ngàn câu-chi na-do-tha, ca-la phần, toán phần, số phần, dụ phần, ưu-ba-ni-sa-đà phần.

Vì sao vậy? Vì các đức Như Lai tôn trọng pháp do tu hành đúng như lời dạy sẽ sinh ra chư Phật. Vì nếu các Bồ Tát thực hành pháp cúng dường thì chính là thành tựu việc cúng dường Như Lai. Vì tu hành như thế mới là cúng dường chân chính).

Thông thường trong các Kinh Đại Thừa thường gọi là bố thí, đến hội Hoa Nghiêm thì gọi là “cúng dường”. Đạo lý này do đâu? Hoa Nghiêm là Viên giáo, Đại Thừa là Biệt giáo. Bồ Tát của Biệt giáo cùng Bồ Tát của Viên giáo kiến địa không như nhau. Bồ Tát Biệt giáo trí tuệ chưa viên mãn, đối với chân tướng sự thật họ chưa thấy được rõ ràng, nên dùng chữ bố thí. Đến Bồ Tát Viên giáo, kiến địa họ viên mãn tương đồng với chư Phật Như Lai, biết được hư không pháp giới, tất cả chúng sinh vốn dĩ thành Phật nên họ không dùng chữ “bố thí” mà gọi là “cúng dường”.

Bảy cương lĩnh trong “Pháp cúng dường” mà Phổ Hiền Bồ Tát đã nói ở trên, hoàn toàn dùng tâm cung kính để cúng dường. Chữ “cúng dường” phía trước đã nói qua, chỗ này Hòa Thượng giảng rõ thêm một lần nữa:

1. NHƯ THUYẾT TU HÀNH CÚNG DƯỜNG

Có nghĩa là trên kinh những gì Phật dạy chúng ta phải làm, chúng ta đều làm được; dạy chúng ta không được làm, chúng ta nhất định không trái phạm. Đây là “như thuyết tu hành cúng dường”.

- Đại đức xưa tôn xưng lời Phật dạy là “Diệu pháp”, vậy “Diệu” ở chỗ nào?

- Mỗi câu, mỗi chữ Phật nói ra đều viên mãn nên gọi là “Diệu”. Cái gọi là viên mãn, bên trong có bốn ý nghĩa “Giáo-Lý-Hành-Quả”.

Lần này, tôi ở Úc Châu trong tổ chức “Hòa bình tôn giáo thế giới” đã giới thiệu khái lược về nội dung của Phật pháp là “Diệu pháp” với các nhà lãnh đạo tôn giáo khác. Nếu giảng “Giáo-Lý-Hành-Quả” họ nghe không hiểu, tôi liền thay đổi phương pháp giới thiệu: Kinh Phật mỗi câu, mỗi chữ đều bao gồm bốn ý nghĩa: Giáo huấn chân thành, đạo lý chân thật, hành vi chí thiện, và hưởng thọ cao nhất, cho nên gọi là “Diệu pháp”. Họ nghe qua đều chấp nhận.

- Chúng ta phải dùng thái độ gì để tiếp nhận?

- Thứ nhất, đối với giáo huấn chân thành của Phật, chúng ta phải tín ngưỡng, tin sâu không hoài nghi. Thứ hai, đối với đạo lý chân thật mà Phật đã dạy, phải lý giải, thấu triệt. Thứ ba, hành vi chí thiện mà Phật đã nói, chúng ta phải chân thật làm đến được. Thứ tư, hưởng thọ cao nhất đó chính là chúng ta đã thực sự thể nhập, cảm nghiệm, thực dụng được lời dạy của Phật ngay trong cuộc sống hàng ngày.

Đối với mọi người chúng ta cần phải tôn kính. Trong Phật pháp chỉ có đệ nhất, không có đệ nhị: Mỗi pháp đều đệ nhất, người người đều đệ nhất, mọi việc đều đệ nhất, đây là bình đẳng chân pháp giới. “*Nhất Chân Pháp giới*” chính là Pháp giới Bình Đẳng, mới có

thể thực tiễn “đa nguyên văn hoá” cùng tồn tại phát triển, cùng sống hòa thuận với nhau. Hiệu quả của nó là xã hội an định, thế giới hòa bình, mọi người đều có thể trải qua đời sống hạnh phúc mỹ mãn. Đây là tôi hy vọng toàn thế giới, bao gồm tất cả tôn giáo, tất cả nhà truyền giáo, phải nên có sứ mạng dốc hết trách nhiệm của mình mà cứu độ tất cả chúng sinh khổ nạn.

“*Như thuyết tu hành*”, chữ “thuyết” này là Phật nói. Những gì Phật nói, chúng ta hoàn toàn vâng theo, làm được đây chính là cúng dường. Không chỉ là cúng dường chư Phật Như Lai mà còn cúng dường tự tánh của chúng ta, cúng dường tất cả chúng sinh. Tự tánh có được nuôi dưỡng tốt thì trí tuệ mới khai mở, phước đức vô tận vốn có trong tự tánh mới tự nhiên hiện bày. Do tin hiểu sâu xa đạo lý này, Cư Sĩ Lâm ngày đêm trừ bị phải mau xây dựng thôn Di Đà.

- Mục đích xây thôn Di Đà là gì?

- Phải cứu xã hội, cứu kiếp nạn! Vì việc này mà xây dựng. Niệm Phật tu hành có thể tránh được kiếp nạn của thế giới.

Cầu tướng của thôn Di Đà mọi người đều biết, trong đây yêu cầu hai sự việc: Ngày ngày nghe kinh, ngày ngày niệm Phật. Trong đây người ở, cơm áo đi đứng đều được cúng dường, không cần phải mang theo một xu tiền nào cả. Cúng dường bạn cả đời mãi cho đến khi đưa bạn vãng sinh, giúp bạn làm Phật. Cư sĩ Lý đang tìm người kiến thiết phục trang. Tương lai, khi bước vào thôn Di Đà, mọi người đều bình đẳng: Thức ăn bình đẳng! Mặc cũng bình đẳng!

Thử nghĩ: Thôn Di Đà kiến thiết có hơn bốn trăm phòng, mỗi phòng ở được ba người, như vậy có đến một ngàn hai trăm người ở. Phí dụng đời sống cho một ngàn hai trăm người từ đâu mà có? Cư sĩ Lý có nhiều tiền đến thế ư? - Cư sĩ Lý một xu cũng không có! Chỉ có cái gan to đến như vậy. Ông nói với tôi:

- Tôi không có tiền, ông chủ tôi có tiền.

- Ông chủ là ai vậy?

- Là A Di Đà Phật! Ngài có đại phước báo, chúng ta thay ngài làm công việc này. Bạn xem! Tín tâm thành tựu sự nghiệp, không phải đợi có tiền mới làm.

Ngày nay, đại tai nạn đến kề cận, việc bức bách cần phải làm, đây chính là “Bồ Tát phát tâm”. Người thế gian không dám làm, họ dám làm!

- Họ có thể thành tựu hay không?

- Chính họ có tràn đầy niềm tin, một chút hoài nghi cũng không có! Then chốt mọi người phải ghi nhớ: “*y giáo phụng hành*”, thành tựu đức hạnh của mình, thành tựu đạo nghiệp của mình. Nếu không phải là Bồ Tát chân thật, bạn không thể nào lợi ích được chúng sinh, cũng không thể thành tựu được sự nghiệp Phật pháp.

Để tiện lợi giúp mọi người dễ nhớ, tôi đem giáo huấn quan trọng nhất trong kinh văn, tiết lược ra sáu mươi điều, in thành quyển sách nhỏ, bạn có thể mang theo bên mình. Sáu mươi điều này trong Tịnh Tông Tu Hành Thủ Đắc. Đây là hành kinh, cũng chính là hành vi chí thiện mà tôi thường nói, từng điều bạn phải cố gắng làm cho được. Quyển sách nhỏ này có ba phần: Phần đầu là tiết lược giáo huấn trong năm Kinh Tịnh Độ. Phần hai có sáu mươi điều, chính là giáo huấn của Kinh Vô Lượng Thọ. Phần ba, có sáu mươi mấy điều là tiết lược giáo huấn từ trong Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn Kinh. Có thể làm được những điều này, bạn chính là Bồ Tát, là người tu hành chân thật, nhất định bạn sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ. Vì Phật pháp, vì chúng sinh bạn làm bất cứ sự nghiệp gì cũng đều được viên mãn.

2. LỢI ÍCH CHÚNG SINH CÚNG DƯỜNG

Lúc giảng giải tôi thường hay nhắc nhở các đồng tu: Tâm tâm niệm niệm phải vì lợi ích tất cả chúng sinh. Tâm niệm này phải lớn, quyết không thể nói: Chỉ lợi ích chúng sinh mà tôi ưa thích, không ưa thích tôi không lợi ích cho họ. Cách nghĩ này sai rồi! Lợi ích chúng sinh không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, tộc loại v.v... phải một mực bình đẳng lợi ích. Trong lợi ích, lợi ích lớn nhất là giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Tuy nhiên, thấy chúng sinh lâm khổ nạn, về mặt vật chất, chúng ta cũng nên tận tình giúp họ, dù đấy chỉ là việc nhất thời không thể cứu họ lâu dài.

- Làm thế nào thực tiễn được lợi ích chúng sinh?

- Giáo dục chính là thực tiễn. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh nói pháp hơn ba trăm hội, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm không hề dừng mỗi, suốt đời làm công tác giáo dục xã hội. Công tác giáo dục này là công tác nghĩa vụ không nhận thù lao, Phật không hề nhận bất cứ một xu tiền nào của ai cả. Tiếp nhận cúng dường chẳng qua là mỗi ngày ăn một bữa, nhận một bát cơm mà thôi, tuyệt đối không có tâm mong cầu, đó là “*lợi ích chúng sinh cúng dường*” chúng ta phải học tập.

- Hiện tại, địa cầu này biến thành một nhà, cái nhà này có lớn hay không?

- Không lớn! So với nhà của Phật còn kém xa hơn rất nhiều! Nhà của Phật là tận hư không khắp pháp giới. Phật lấy pháp giới là nhà, lấy chúng sinh làm chính mình. Nếu chưa thể thực hiện được hai câu này, bạn chưa thể thành Phật!

3. NHIẾP THỌ CHÚNG SINH CÚNG DƯỜNG

“*Nhiếp thọ*” là làm tấm gương tốt. “*Nhiếp thọ chúng sinh*” không phải nương vào học vấn mà là đức hạnh. Bạn có phẩm đức

cao thượng, có hành nghi thương yêu chúng sinh, lợi ích chúng sinh mới có thể nhận được sự ủng hộ nồng nhiệt của họ.

Giao thừa năm rồi, buổi dạ tiệc ấm áp của chúng ta, đây chỉ là mở đầu, chúng ta mời thỉnh tất cả đoàn thể tôn giáo Singapore đều đến tham dự, chúng ta đại đoàn viên. Có người đến hỏi tôi:

- Pháp sư! Vì sao phải làm như vậy?

Tôi chỉ trả lời:

- Phật dạy tôi cách làm như vậy!

Phật dạy tôi “*nhiep thọ chúng sinh cúng dường*”, đây chính là thực tiễn “*nhiep thọ chúng sinh cúng dường*”, thực tiễn “*đa nguyên văn hóa*”, không phải chỉ là lời nói suông mà chúng ta phải làm được. Ngày mừng chín, chúng ta thăm viếng Ấn Độ giáo, tiếp theo là Ki tô giáo; Thiên Chúa giáo thì đã liên hệ. Mỗi tôn giáo đều phải thăm viếng bình đẳng. Ngày lễ của chúng ta cũng rộng mời họ đến tham dự. Phải thực tiễn! Đây đều là “*nhiep thọ chúng sinh cúng dường*”.

Trong bốn loại “Pháp cúng dường” đầu tiên mà Bồ Tát Phổ Hiền đã nêu ra (Như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sinh cúng dường, nhiếp thọ chúng sinh cúng dường, đại chúng sinh khổ cúng dường). Trong bốn loại này, “Nhiếp thọ chúng sinh cúng dường” là vô cùng quan trọng! Nếu như không thể “nhiếp thọ chúng sinh”, bạn làm sao có thể giúp họ?! Trong Phật pháp thường gọi là “phổ độ chúng sinh”. Ý nghĩa của chữ “phổ” chính là phổ biến, là không phân biệt. “Độ” là giúp đỡ. “Phổ độ” là phổ biến, giúp đỡ tất cả chúng sinh không phân biệt.

- Nếu chúng sinh không tiếp nhận sự giúp đỡ thì phải làm sao?

- Phải làm tốt mối quan hệ giữa mình và chúng sinh, đây chính là “*nhiep thọ chúng sinh*”.

- Phật dùng phương pháp gì để làm tốt mối quan hệ với tất cả chúng sinh?

- Có bốn nguyên tắc Phật nêu ra đó là Tứ Nhiếp Pháp (Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự). Thù thắng hơn nữa, đó chính là Tứ Tất Đàn. Chữ *Tất Đàn* là Hoa-Phạn hợp dịch: Tất là chữ Trung Quốc, có nghĩa là phổ biến. Đàn là cách nói tắt của chữ “Đàn-na” trong tiếng Phạn, chính là “*Bố thí*”. *Tất Đàn*, có nghĩa là phổ thí, bố thí viên mãn, bố thí bình đẳng.

Muốn làm tốt mối quan hệ với tất cả chúng sinh, thật không dễ dàng! Đặc biệt là xã hội hiện nay, cha con đã không còn thân ái! Vợ chồng cũng không còn đạo nghĩa! Thì quan hệ giữa người với người làm sao xây dựng?! Thế nhưng, chúng ta thiết tưởng, phương thức đó của Phật vẫn có thể thực hiện tốt bằng cách “Biến Thí”. Bạn phải chịu bố thí. Bốn phương pháp của **Tứ Tất Đàn** là:

1. Thế Giới Tất Đàn:

Trước tiên phải khiến tất cả chúng sinh sinh tâm hoan hỷ. Muốn vậy, nhất định phải biết “*hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức*”. Nếu không thể “*hằng thuận chúng sinh*”, lại muốn chúng sinh hằng thuận mình, vậy thì khó rồi!

2. Vị Nhân Tất Đàn:

Chính là mỗi niệm đều nghĩ đến lợi ích của chúng sinh, thỏa mãn mong cầu của tất cả chúng sinh, lâu dần họ sẽ xem ta là bạn tri ân, đáng là chỗ nương tựa. Sau đó, ta có kiến nghị gì họ liền sẽ vâng theo.

3. Đối Trị Tất Đàn:

Sau khi tạo được mối quan hệ thân thiết với mọi người, Bồ Tát mới bắt đầu nói rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh cùng

lý luận về nhân quả báo ứng, giải thích thế nào là phải, quấy, lợi, hại ra sao, khiến họ dần dần tỉnh ngộ, biết được đoạn ác tu thiện. Đây chính là Phật pháp sơ cấp, chưa phải là mục tiêu chân thật.

4. ĐỆ NHẤT NGHĨA TẤT ĐÀN:

Đây mới là mục tiêu chân thật giúp họ thành Phật. Nếu chỉ giúp họ làm một người tốt được phước báo trời, người cũng không tệ, nhưng không phải cứu cánh, vì vẫn còn phải trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi.

“*Phật thị môn trung bất xả nhất nhân*”: Thực tế mà nói, Phật, Bồ Tát lúc nào cũng đang ở cạnh chúng ta, sẵn sàng bảo hộ, chăm sóc chúng ta, nhưng chúng ta không hề cảm giác được! Vì sao? Vì nghiệp chướng chúng ta quá nặng! Chẳng chịu nghe lời, không chịu nỗ lực học tập, nên gia trì của Phật, Bồ Tát đối với chúng ta là “*minh trì*”, không phải “*hiển trì*”. Nếu chúng ta thành tâm thành ý học Phật, chân thật phát tâm, y giáo phụng hành, liền sẽ cảm giác được Phật, Bồ Tát mỗi giờ, mỗi phút đều đang ở cạnh ta, giúp ta chưa từng rời xa bao giờ. Sự gia trì này là “*hiển trì*”, chính mình biết được.

Nên nhớ trong Tứ Tất Đàn đều có Tứ Nhiếp Pháp. Biết vận dụng Tứ Tất Đàn, Tứ Nhiếp Pháp, tôi tin tưởng thế gian này, bất cứ chủng tộc nào, văn hóa nào, chủng loại nào, thậm chí đến tín ngưỡng tôn giáo nào đều có thể xây dựng quan hệ tốt đẹp. Thực tế mà nói, thế gian này, người làm việc ngoại giao càng phải nên học tập. Đây là lý luận phương pháp triết học cao minh của Phật, có thể giúp mọi người cùng hòa thuận chung sống.

4. ĐẠI CHÚNG SINH KHỔ CÚNG DƯỜNG

Điều này quan trọng! Từ trên lý mà nói: Chúng sinh khổ, không ai có thể gánh vác thay thế được! “*Đại chúng sinh khổ*” (thay chúng sinh chịu khổ) đó chỉ là nguyện vọng của chúng ta mà thôi.

Trên thực tế, nếu có thể thay chúng sinh chịu khổ thì định luật nhân quả đã bị đánh mất rồi! Ngay Phật cũng không trái với định luật nhân quả.

- Phật, Bồ Tát làm thế nào thay chúng sinh chịu khổ?

- Phương pháp duy nhất là tự mình giảm thấp đi sự hưởng thụ của chính mình, đời sống phải nơi nơi tiết kiệm, ngày ngày có thể tiết kiệm một, hai đồng, dành dụm để giúp người khác. Phải chân thật có tâm này, có hành vi này. Có đồng tu muốn mời tôi dùng cơm. Ra ngoài ăn cơm thì rất lãng phí thời gian, một bữa cơm cũng mất mấy giờ đồng hồ! Tôi liền nghĩ phương cách: Bất cứ ai mời, tôi đều đáp ứng, cũng đều hoan nghênh.

- Đến đâu để mời khách?

- Lâu hai Cư Sĩ Lâm! Bạn đem tiền mời khách, quyên tặng thôn Di Đà, tôi sẽ cùng bạn dùng cơm, vậy thì tốt! Không lãng phí thời gian, cũng không lãng phí tiền.

Thức ăn của Cư Sĩ Lâm có phần ngon hơn so với tiệm cơm chay thông thường hiện tại. Tương lai, Cư Sĩ Lâm cải tiến, chắc hẳn nhiều quán cơm chay phải đóng cửa! Tôi hy vọng những người mời khách hãy đều mời họ đến Cư Sĩ Lâm. Dùng số tiền mời khách, quyên cho thôn Di Đà, tạo vô lượng công đức. Vừa tạo được công đức, vừa mời được khách, lại dùng được thức ăn ngon. Đây là “nhất cử tam tiện”, cũng chính là “*thay chúng sinh khổ cúng dường*”. Chúng ta trong cuộc sống thường ngày phải nên tích phước, tận lực tiết kiệm, không nên lãng phí!

Ngày trước, tôi theo học thầy Lý Bình Nam ở Đài Trung Liên Xã mười năm, mỗi tháng sinh hoạt phí dụng của thầy là sáu mươi đồng tiền Đài Loan, nếu tính theo Mỹ kim là hai đồng. Mỗi ngày thầy ăn một bữa, hơn nữa lại ăn rất ít. Tôi học theo thầy cũng

ăn một bữa, nhưng một bữa của tôi nhiều hơn so với thầy. Một bữa thầy dùng hai cái bánh bao bột, bánh bao nhỏ thì đủ rồi; tôi phải ăn ba cái. Tôi học theo thầy đến tháng thứ tám mới nói với thầy. Thầy hỏi tôi: - Tinh thần thể lực có gì khác không? Tôi nói: - Không có gì khác, vẫn bình thường! Thầy vỗ bàn một cái nói: - Tốt! Cứ như vậy mà làm! Suốt đời tiết kiệm tiêu phí, không mong cầu người. Ngạn ngữ thường nói: “*Nhân đạo vô cầu, phẩm tự cao*”, cầu người là việc rất khổ! Cả đời tôi dù có đói chết cũng không cầu người! Tôi có được cái khí chất này.

Ngày nay, bạn thấy tôi dường như có chút phước báo, rất nhiều người đến cúng dường. Tôi không cầu người cúng dường, tự động họ mang đến! Tôi cũng không có cách nào từ chối. Thế nhưng, nhu cầu đời sống của tôi vẫn là rất ít. Tặng phẩm cúng dường, tôi đều đem cho mọi người cùng hưởng. Hôm nay, có người từ Đài Bắc nấu sẵn hai nồi thức ăn lớn mang đến. Thật không dễ dàng! Tôi liền nói với thầy Ngô Nhẫn mang đến nhà ăn lâu hai để tối nay các bạn niệm Phật bụng đói đều có thể dùng.

Nhà Phật thường nói: “*Đời này không liễu đạo, đời sau mang lòng đói sùng để trả*”. Thức ăn cúng dường tôi, tôi đều cúng dường cho các bạn. Nếu tôi không liễu đạo, mọi người thay tôi trả! Các bạn cúng dường tiền cho tôi, ngay đến xem tôi cũng không xem, toàn bộ đem tặng hết cho thôn Di Đà. Chúng nhận của thôn Di Đà cho tôi đến nay có thể đem đóng thành sách. Nên biết, phước báo chuyển tặng cho tất cả chúng sinh, phước báo này là không cùng tận! Chính mình luôn khắc khổ, không được lãng phí, có dư nên giúp người thiếu kém, đây là “*thay chúng sinh khổ cúng dường*”.

Lần trước, có cư sĩ hỏi tôi:

- Pháp sư! Đạo tràng ngài ở đâu?

- Tôi không có đạo tràng! Suốt đời không có chỗ ở của chính mình. Tôi ở đạo tràng của người khác! Đã xuất gia rồi thì chính mình không có nhà, nếu vẫn có chẳng phải là đã trở lại nhà rồi sao?!

Lần này ở Úc Châu có cư sĩ La rất phát tâm, ông có quan hệ rất tốt với chính phủ Liên Bang Úc Châu, ông đến hỏi tôi: -Đạo tràng Tịnh Tông Học Hội có cần những vị pháp sư nào thường trụ ở Úc Châu, ông có thể làm giúp cho họ cư ngụ lâu dài, thậm chí nhập quốc tịch. Tôi nói với ông ấy: - Ông không nên hại người! Ông không nên tạo nghiệp! Ông nghe rồi ngăn người ra! Ông hỏi: - Vì sao vậy? – Nếu lo cho Pháp sư thủ tục cư ngụ dài lâu ở Úc Châu, người này đạo tâm liền không còn! Tham, sân, si, mạn, lòng tư riêng của họ sẽ khởi lên, họ đến khắp nơi phan duyên, đạo tâm sẽ không còn! Cho nên, tôi nói: Ông nên làm việc tốt, giúp họ cư trú một năm. Một năm ở nơi đây họ tu hành tốt, năm tới sẽ giúp họ ở thêm một năm. Nếu họ luôn luôn làm được tốt thì mỗi năm ta đều giúp họ. Nơi đây, tôi cũng nói với cư sĩ Lý Mộc Nguyên như vậy.

Cho nên, hộ pháp phải hiểu được đạo lý này. Bạn đã xuất gia, phải phấn đấu không ngừng, thật giống như băng kết, như vào đầm sâu, tâm luôn ở Đạo. Chỉ cần bạn có Đạo, chư Phật sẽ hộ niệm, long thần ủng hộ, người cúng dường cũng rất nhiều, bạn còn lo gì chứ?! Bạn không có Đạo, bạn tạo nghiệp, bạn bại hoại Phật môn, tương lai bạn nhất định đọa lạc!

Rất nhiều người hộ pháp không rõ đạo lý này, đem pháp sư rất tốt hộ trì họ thẳng đến địa ngục. Công đức họ ở chỗ nào?! Chỉ là tạo tội nghiệp! Lời nói của tôi không dễ nghe, nhưng thật có điều tốt đối với mọi người. Đồng tu xuất gia không nên cho rằng tôi đang chướng ngại bạn, mà tôi đang thành tựu bạn, tôi quyết không chướng ngại bạn.

Cho nên, chính mình cần phải khắc khổ chịu khó. Đối với nhân lực, vật lực, tài lực phải biết tiết chế, quyết không lãng phí vật phẩm công cộng. Bạn có thể tiếc phước, tích phước chính là bồi phước. Đạo lý này nhất định phải hiểu. Đây là “*thay chúng sinh khổ cúng dường*”.

- Thế giới ngày nay vì sao động loạn?

- Vì bạn không biết đủ! Tham cầu không biết chán nên làm ra những việc tổn người, lợi mình, tạo thành căn nguyên động loạn xã hội. Đức Phật biểu hiện cho chúng ta thấy đó là “*Biết đủ thường vui*”.

Tại Hoa Kỳ cũng như ở Úc Châu, tôi xem thấy có rất nhiều người thích ở nhà to. Họ mời tôi đến dùng cơm, xem thấy nhà to, sân rộng. Ti mi mà quan sát thì họ rất đáng thương! Họ phải làm nô tài, phục dịch phòng ốc. Mỗi ngày đi làm vất vả, về nhà còn phải chỉnh lý nhà cửa: Hút bụi, cắt cỏ, tưới hoa v.v... sân vườn càng lớn, khổ cực càng nhiều! Nếu thuê người thì phải tốn tiền, đành phải chính mình làm. Thật tẻ mà nói: Họ tự chuốc lấy cái khổ! Làm sao tốt hơn so với căn phòng nhỏ của chúng ta chứ?!

Do vậy mà tôi thích ở phòng đơn, dễ dàng chỉnh lý, ra ngoài cửa phòng không khóa cũng chẳng hề gì, chỉ cần một phòng nhỏ để nghỉ ngơi là đủ rồi, các thứ khác đều không cần, quá phiền phức! Thích Ca Mâu Ni Phật còn cao minh hơn, phòng ngủ cũng không cần, dưới gốc cây ngủ qua đêm, ngài chân thật được đại tự tại. Chúng ta vẫn không thể sánh được với ngài. Đây đều là: “*Đại chúng sinh khổ cúng dường*”.

5. CẦN TU THIỆN CĂN CÚNG DƯỜNG

- Cái gì là thiện căn?

- Không tham, không sân, không si là ba thiện căn của thế gian. Nếu trái lại là tam độc “tham-sân-si”, đây cũng là cội gốc của tất cả ác pháp ở thế gian.

Trong tất cả kinh luận Đại Thừa, Phật đã nhiều lần khuyên dạy chúng ta phải “*Cần tu Giới-Định-Tuệ, diệt trừ tham-sân-si*”. Kinh điển nhà Phật được chỉnh lý, qui nạp thành ba loại gọi là Tam tạng gồm có: Kinh tạng, Luật tạng, và Luận tạng. Kinh tạng nói “Định học”; Luật tạng nói “Giới học”; Luận tạng nói “Tuệ học”. “Giới-Định-Tuệ”, ba phương cách này là để đối trị “tham-sân-si”. Lý luận của “Giới” rất sâu, sự tương rất là phức tạp, đó là một môn đại học vấn. Thế nhưng, nó có cương lĩnh, có nguyên tắc. Nguyên tắc của nó là tám chữ “*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*”.

- Tiêu chuẩn của thiện ác là gì?

- Phạm hễ “tự tư tự lợi” là ác; lợi ích chúng sinh là thiện. Ở Trung Quốc có câu ngạn ngữ: “Người không vì mình, trời tru đất diệt”. Phật thì dạy chúng ta không nên vì chính mình, điều này dường như tương phản với quan niệm của người Trung Quốc. Rốt cuộc cái nào đúng?

- Phật dạy là hoàn toàn đúng!

- Đúng ở chỗ nào?

- Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta bất hạnh trôi lăn trong sáu cõi không cách gì ra khỏi. Phật dạy chúng ta phải đoạn dứt đi quan niệm, hành vi tự tư tự lợi mới có thể ra khỏi sáu cõi, đây là lợi ích chân thật.

Hiện nay, người nước ngoài rất xem trọng quyền cá nhân nên pháp luật của họ đều có qui định việc này.

- Quyền cá nhân là gì?

- Là quyền “tự tư tự lợi”, quyết không thể ra khỏi sáu cõi luân hồi! Nên biết: Mười thiện là bạn tốt, mười ác là oan gia. Tỉ mỉ mà quan sát, đời sống của chư Phật, Bồ Tát đều là mười thiện, chân thật là “*cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”.

Ngày trước tôi ở Đài Trung cầu học, thầy Lý giảng kinh nói pháp thường khuyên mọi người bố thí, cúng dường rộng kết pháp duyên. Lúc đó, đãi ngộ của thầy rất không tệ, bản thân thầy là tiên sinh Không Đức Thành, bí thư chủ nhiệm của phủ quan Phụng Tế, quan cấp đó đã giảm nhiệm nhất cấp, địa vị tương đối cao, đãi ngộ rất hậu. Thầy còn kiêm luôn giáo thọ của Đại học Trung Hưng, giáo thọ Học Viện Trung Dược Trung Quốc. Chỗ nào thầy cũng có thu nhập. Thầy trụ trì thư viện Từ Quang, Liên Xã Đài Trung. Khi thư viện Từ Quang sáng lập, thầy là Đồng sự trưởng kiêm Quán trưởng. Liên hữu thường hay có sự cúng dường đối với thầy. Số tiền thầy có đều đem đi bố thí. Thầy trải qua đời sống rất đơn giản.

Khi tôi cùng ở chung với thầy, khoảng năm Dân Quốc thứ năm mươi, đời sống rất khó khăn. Lúc đó, một đồng Mỹ đổi lấy bốn mươi đồng Đài Loan. Phí dụng của thầy một ngày chỉ hai đồng Đài Loan. Những liên hữu thấy vậy làm sao chẳng cung kính. Thầy nói và đã chân thật làm đến được. Cho nên, học trò tự nhiên kính phục, tin tưởng và học tập với thầy. Đây là “cần tu thiện căn”.

Thiện căn của Bồ Tát là từ ba thiện căn của thế gian đã viên mãn, nâng cao lên một tầng là Tinh Tấn. Tinh Tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát. Bồ Tát nếu thoái chuyển là do nguyên nhân giải đãi, phóng dật. Trên kinh nói: *Bồ Tát đến Bát Địa mới không còn thoái chuyển. Thất Địa trở về trước đều là tiến thoái không ngừng.*

Trong sáu nguyên tắc tu hành của Bồ Tát, trong đó có phần Tinh Tấn. “Tinh” là thuần mà không tạp, “Tấn” là tấn bộ. Có thể thấy được hai chữ Tinh Tấn này nói rõ “một môn thâm nhập, trường thời

huân tu”, đó gọi là Tinh Tấn. Ngoài ra, phải cần tu, chăm chỉ nỗ lực khắc phục phiền não, tập khí của chính mình. “*Khắc niệm tác thánh*”, đây là thánh nhân. Chữ “thánh” này chính là người sáng suốt đối với tất cả sự lý, nhân quả của thế gian đều thông đạt tường tận.

- Dùng phương pháp gì để khắc phục vọng niệm?

- Nhà Phật có vô lượng pháp môn. “Pháp” là phương pháp; “môn” là lối đi. Phương pháp khắc phục vọng niệm chính là khắc phục vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì có rất nhiều. Hiện tại, chúng ta chọn lấy hai thứ:

- *Một là nghiên giáo*: Thâm nhập nghiên cứu kinh giáo, mỗi niệm đều nghĩ đến đạo lý trong kinh điển, sẽ không khởi vọng tưởng.
- *Hai là Niệm Phật*: Mỗi niệm tương ứng với A Di Đà Phật.

- Vì sao có người Niệm Phật đã lâu vẫn còn giải đãi?

- Vì họ không hiểu được đạo lý Niệm Phật!

Niệm Phật là “Hành môn”. “Hành” nhất định phải nương “giải”. Đại sư Thanh Lương giảng Kinh Hoa Nghiêm, ngài đem Kinh phân thành bốn phần: “Tín-Giải” sau đó mới “Hành-chứng”. “Hành” phải nương “Tín-Giải”, không có “Tín-Giải” làm nền tảng, cái “Hành” đó không đáng tin, không thể lâu dài! “Tín-Giải” thấu triệt rồi thì “Hành” mới có thể lâu dài.

Niềm tin trong Tịnh Độ không phải không cần đến “Tín-Giải” mà “Tín-Giải-Hành-Chứng” là đồng thời. Khác với những pháp môn khác: Trước phải có “Tín- Giải”, sau mới có “Hành-Chứng”. Do đó niệm Phật không thể không nghe kinh. Không nghe kinh, bạn một mặt niệm Phật, một mặt nghĩ tưởng xằng bậy, một mặt ngủ gật! Có người công phu không tệt: Đi cũng ngủ, nhiều Phật cũng

ngủ gật, khi chỉ tịnh vừa ngồi xuống liền ngáy! Việc này thường thấy trong Niệm Phật Đường!

- Do nguyên nhân gì?

- Thiếu kém “Tín -Giải”!

Ngày nay, để bỏ túc cái không đủ này, nên mỗi ngày chúng ta đều có hai giờ giảng kinh, việc này rất quan trọng!

- “Cần tu thiện căn”, bạn có muốn tu thiện căn không?

- Đều muốn! Vậy tôi khuyên bạn: Nghe tôi giảng kinh không có công đức bằng nghe các pháp sư thực tập giảng kinh. Đạo lý này cần phải hiểu: Pháp sư trẻ như một mầm non, cần được tưới tẩm, kích lệ vun bồi. Tôi là cây già, không tưới cũng chẳng sao, không thể chết! Những mầm non này phải chăm sóc kỹ lưỡng.

- Làm thế nào chăm sóc họ?

- Ngày ngày đến nghe kinh! Họ ngồi giảng, xem thấy có rất nhiều người đến tham dự, họ sẽ rất thú vị, tinh thần được nâng cao. Nếu xem thấy bên dưới chỉ có mấy người, họ lác đầu thở dài! Chắc tại ta giảng không hay nên mọi người bỏ đi hết! Lòng tự tin của họ sẽ không còn! Cho nên, cần phải đến nghe để động viên tinh thần họ thêm phần sức mạnh, tín tâm họ không lui sụt, điều này thật vô cùng quan trọng!

Năm xưa, khi chúng tôi học giảng kinh, thầy Lý thường khuyên thính chúng của ông, dặn họ nhất định phải đến nghe người sơ học giảng kinh. Cho nên, mỗi lần chúng tôi giảng kinh bên dưới luôn có vài chục người, có lúc hơn cả trăm người đến nghe. Nhờ vậy mà tín tâm chúng tôi luôn đầy đủ.

Tóm lại, muốn tích lũy công đức, muốn “cần tu thiện căn”, không gì hơn là nỗ lực đến nghe người sơ học giảng kinh. Không

những chỉ nghe kinh mà còn phải góp ý phê bình giúp họ cải tiến. Nếu có chỗ nào không hiểu, hoặc có chỗ họ giảng sai, hay giảng không tường tận, bạn cần phải hỏi. Vì vậy, học trò là người trên giảng đài; thính chúng bên dưới là thầy giáo, là giám học, là hộ pháp chân thật.

Hộ pháp cùng hoằng pháp luôn phải phối hợp, “Giải-Hành” tương chất, đạo tràng mới có thể hưng vượng thành tựu, đạo phong mới khởi phát: Người học có lòng tin, người hộ có thu hoạch. Cái tâm huyết khổ cực hộ trì pháp sư này, luôn là muốn giúp họ thành tựu, cũng không đến nỗi phí uổng. Tương lai họ hoằng pháp lợi sinh, bạn cũng được dự phần trong hoằng pháp lợi sinh của họ. Thành tựu của họ cũng chính là thành tựu của bạn. Sao không làm việc tốt này?!

6. BÁT XẢ BỒ TÁT NGHIỆP CÚNG DƯỜNG

“*Nghiệp*” là sự nghiệp. Sự nghiệp của Bồ Tát là gì? Là kế tục tuệ mạng Phật, hoằng pháp lợi sinh, đây là sự nghiệp của Bồ Tát, gia nghiệp của Phật. Ngày nay, chúng ta đã cạo đầu, đắp y, là đệ tử của Phật phải kế thừa gia nghiệp của Phật. Phải đem gia nghiệp của Phật mà mở mang rộng lớn. Sự nghiệp của Phật là giúp tất cả chúng sinh làm Phật. Muốn giúp chúng sinh làm Phật, nhất định chúng ta phải làm Phật trước. Chính mình không thể làm Phật, sao có thể giúp người khác làm Phật!

- Làm thế nào chính mình làm Phật?

- Phải phát tâm “Tứ Hoằng Thệ Nguyện”, phải thực tiễn “Tứ Hoằng Thệ Nguyện”, quyết không phải chỉ có thời khóa sớm tối là đủ, vậy thì không ích gì! Phải thực tiễn! Mỗi niệm đều muốn độ chúng sinh, muốn giúp chúng sinh giác ngộ. Kinh giáo của Phật phải biết cách giảng. Nguyên lý, nguyên tắc không thay đổi, phương pháp giảng thì thiên hình vạn trạng. Nếu hiểu được Tứ Tất Đản, Tứ Nhiếp Pháp thì bạn liền thông suốt.

Ngày nay, toàn thế giới phổ biến cái nhìn sai lầm, cho rằng Phật Giáo là tôn giáo, đem Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, các vị Bồ Tát v.v... xem là thần linh để bái lạy. Chúng ta phải cấp bách chỉnh sửa cái quan niệm này. Nếu không thể thay đổi quan niệm này, giáo dục của Phật Đà sẽ không cách gì xúc tiến được.

Tôi đến Úc Châu tham gia tổ chức Tôn giáo Hòa Bình Thế giới. Hơn ba mươi lãnh đạo các tôn giáo đều có ý hướng như nhau, mong cầu xã hội an định, thế giới hòa bình, hợp tác lẫn nhau cùng tồn tại phát triển. Thế nhưng, sự việc này làm thế nào mới có thể thực tiến? Hiện tại mọi người đang nghĩ biện pháp! Chúng ta có duyên nhận lời mời của họ, đem Phật pháp giới thiệu cho họ.

- Phật pháp là gì?

- Ngày trước tôi thường nói: *Phật pháp là giáo dục chí thiện viên mãn của Thích Ca Mâu Ni Phật đối với tất cả chúng sinh.* Ngày nay, trước tình huống hiện tại, tôi không dùng cách nói này, tôi nói: *Phật pháp là giáo dục chí thiện viên mãn của Thích Ca Mâu Ni Phật đối với “Đa nguyên văn hóa”.* Họ nghe rồi liền thừa nhận: Đây là thứ mà chúng ta đang cần. Tôi không hề nói sai! Thích Ca Mâu Ni Phật không phải là thần, ngài là người làm công tác nghĩa vụ giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa. Mọi người vừa nghe liền hiểu biết được Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào.

- Vì sao gọi là Phật?

- Phật là người giác ngộ, Trung Quốc gọi là thánh nhân, đều cùng một ý nghĩa. Chữ “thánh” có nghĩa là người sáng suốt, người minh bạch đối với tất cả sự lý, chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Chúng ta đem giáo dục của Phật Đà giới thiệu cho tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh, đây là “*Bồ Tát nghiệp*”. Hy vọng chúng ta làm tốt sự nghiệp này. Nhưng hiện tại, khó khăn lớn

nhất đối với chúng ta là khác biệt về ngôn ngữ. Chúng ta đối diện, tiếp xúc với nhiều tôn giáo trên thế giới, cái cách biệt này tạo thành chướng ngại rất lớn! Cho nên, vấn đề phiên dịch thật vô cùng quan trọng. Người phiên dịch rất khó cầu, thật không dễ dàng! Tuyệt đối không thể nói thông đạt văn tự ngôn ngữ hai bên mà có thể phiên dịch, không có đạo lý này!

Ngày trước, lão cư sĩ Thẩm Gia Trinh ở Hoa Kỳ muốn đem Phật pháp Đại Thừa giới thiệu với người phương Tây. Ông rất nhiệt tâm, đã vận dụng thời gian, tinh thần, tài lực của mấy mươi năm, mời các phiên dịch viên đến để phiên dịch một số kinh luận Trung văn dịch thành Anh văn. Kết quả, ông dẫn tôi đi xem, một đống bản thảo chất chồng ở thư viện New York, cả một bức vách, trên kệ chất đầy cả sách. Ông lắc đầu nói với tôi, một quyển cũng không dùng được! Những thứ đã phiên dịch ra, người Trung Quốc xem cũng không hiểu, người nước ngoài xem cũng không hiểu! Tâm huyết, tinh thần, tài lực của nhiều năm thật vô cùng đáng tiếc! Ông quen biết tôi có thể nói là quá trễ! Tôi kiến nghị với ông: Phiên dịch như vậy đương nhiên không thể lưu thông!

Thời xưa, khi pháp sư Ấn Độ đến Trung Quốc, công tác dịch kinh tiến triển, không phải chỉ một người phiên dịch. Trung Quốc phiên dịch kinh là có tổ chức, bao gồm rất nhiều người phân công hợp tác. Trước tiên, do một tổ nhỏ làm khởi thảo. Sau đó, nêu ra nghiên cứu, thảo luận, xác định ý nghĩa không dịch sai. Kế đến, nhờ một số nhà văn học đến để nhuận văn, tu sức phần văn tự. Ý nghĩa nhất định không thể thay đổi. Sau cùng phải mời những vị thông đạt kinh giáo cả hai nước đến ấn chứng. Trước, đọc qua một lần cho họ nghe, nếu họ gật đầu chứng minh không hề sai, công tác này mới có thể hoàn thành. Cho nên dịch kinh có rất nhiều trình tự. Thử nghĩ: Nếu mời một người ở trong nhà tạo xe, chiếc xe chế tạo đó không thể đi trên đường được! Thẩm lão cư sĩ hỏi tôi:

- Vậy phải làm sao? Tôi nói:

- Nếu muốn phiên dịch bộ kinh nào, ông phải nghe ngóng trong và ngoài nước, xem vị nào có sự tu trì, thấu triệt về kinh đó, mời họ đến để thuyết giảng. Phải tập hợp tất cả người phiên dịch kinh đến để nghe giảng. Họ phải thật hiểu mới có thể phiên dịch. Có chỗ nào nghi vấn, họ phải hỏi pháp sư. Cách làm này nhất định phải có viện dịch kinh, phải có tổ chức qui mô. Tuy nhiên, ngày nay không thể sánh được với thời xưa.

Trung Quốc thời xưa, viện dịch kinh của Đại sư Cưu Ma La Thập có hơn bốn trăm người, viện dịch kinh của Đại sư Huyền Trang có hơn sáu trăm người, đều có biên chế, do quốc gia chủ trì, mọi kinh phí đều do quốc gia đài thọ.

Ngày nay, muốn dịch kinh, bạn phải có ít nhất hai, ba chục người, quyết không phải chỉ vồn vẹn có vài người mà có thể làm được! Phiên dịch bộ kinh nào thì ngày ngày phải giảng bộ kinh đó, mới có thể giúp họ thông hiểu, tránh được dịch sai những lời Phật dạy. Người dịch kinh không hiểu gì về Phật pháp, phiên dịch của họ chỉ là dịch văn tự, có khác nào như một chuyện cười mà thầy Lý đã kể về “*nhị túc tôn*”, họ dịch thành “hai cái chân tôn quý nhất”! Họ dịch không sai: “nhị” là hai, “túc” là chân; “nhị túc tôn” là “hai chân tôn quý nhất”! Thật là cười vỡ bụng! Cho nên dựa vào văn tự, dịch sai một chút, ý nghĩa đã hoàn toàn sai lệch! Có thể thấy được sự việc này không phải dễ dàng! Công tác phiên dịch là “*Bồ Tát nghiệp*”.

Muốn phát tâm “*Bất xả Bồ Tát nghiệp cúng dường*” phải phát tâm đem Phật pháp Đại thừa phổ biến đến toàn thế giới. Việc này đòi hỏi bạn phải thông thạo ngôn ngữ nước ngoài. Hiện tại, ngôn ngữ thông dụng nhất trên thế giới là: Anh văn, Tây Ban Nha văn, Trung văn. Do Trung Quốc có số lượng người rất đông, gần một tỷ tư, các quốc gia muốn giao lưu với Trung Quốc đều phải học ngôn

ngữ nước này. Hiện tại ở Hoa Kỳ, mỗi trường Đại học đều có khoa Hán học, chuyên học Trung văn.

“*Bát xả Bồ Tát nghiệp cúng dường*”, vào thời đại này, không những chúng ta phải tu hành đúng pháp, phải kế tục tuệ mạng của Phật, phải hoằng pháp lợi sinh, còn phải nghĩ đến các chủng tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, ngôn ngữ văn tự khác nhau, vấn đề này làm sao có thể giải quyết? Đồng tu trẻ tuổi, không luận tại gia hay xuất gia phải phát tâm đồng mãnh, chăm chỉ nỗ lực tu hành, phấn đấu học tập, tiếp nối tuệ mạng Phật, phổ độ tất cả chúng sinh, cho dù phải nhận chịu tất cả mọi khổ cực cũng cam tâm tình nguyện. Đây là Bồ Tát hạnh, Bồ Tát nguyện, cũng chính là bạn chân thật cúng dường chư Phật Như Lai.

7. BÁT LY BỒ ĐỀ TÂM CÚNG DƯỜNG

Bồ Tát Phổ Hiền trong “Hạnh Nguyện phẩm” nói cho chúng ta nghe “Pháp cúng dường”, tổng cộng có bảy điều. Ngài đem “*Như thuyết tu hành cúng dường*” đặt ở hàng đầu, đem “*Bát ly Bồ Đề tâm cúng dường*” đặt ở hàng cuối. Một cái trước, một cái sau này rất quan trọng. Thực tế, cả bảy câu đều quan trọng, hai câu này còn quan trọng hơn. Trên Kinh Đại Thừa, Phật thường nói: “*Lìa tâm Bồ Đề mà tu thiện pháp, đều là ma nghiệp*”.

- Vì sao gọi là ma nghiệp?

- Vì không có tâm Bồ Đề, tu tất cả thiện pháp, tương lai bạn có được chỉ là phước báo của trời người. Hương phước báo của trời, người vẫn chưa thể ra khỏi sáu cõi luân hồi, phước báo hưởng hết vẫn phải đọa lạc, cho nên gọi là ma pháp, không phải là Phật pháp; là “*ma nghiệp*” không phải “*Bồ Tát nghiệp*”.

Trong Quán Kinh nói: “*Tâm Bồ Đề là tâm chí thành, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm*”:

1. Tâm chí thành: Là tâm chân thành đến tột đỉnh. Đây là thể tánh của tâm Bồ Đề.

- Thế nào gọi là “thành”?

- Tiên sinh Tăng Quốc Phiên, trước nhà Thanh, đưa ra định nghĩa rất hay: “*Một niệm không sinh gọi là thành*”. Đích thật là tương ứng với Phật pháp đã nói: Một niệm không sinh gọi là chí thành, cũng gọi là “nhất tâm”, “nhất niệm”. Nhất niệm, nhất tâm là chí thành. Nhị tâm, nhị niệm thì không chí thành. Nếu bạn nhất tâm, nhất niệm, liền siêu việt mười pháp giới đến “Pháp giới Nhất Chân”. Cho nên, “nhất tâm, nhất niệm” là “năng chứng”; “Pháp giới Nhất Chân” là “sở chứng”.

Ngày trước tôi ở Hoa Kỳ, có đồng tu đọc Kinh Di Đà đến nói với tôi: Pháp sư à! Pháp môn Tịnh Độ tôi không thể tu. Tôi hỏi: Vì sao? Vì “Nhất tâm bất loạn” tôi không làm được! Tôi bội phục người này, họ xem kinh rất tỉ mỉ. Người thông thường xem thấy chỗ này đều không nêu ra vấn đề. Tôi liền nói: “Nhất tâm bất loạn”, cái “tử” này là dịch ý, do ngài Cựu Ma La Thập dịch. Trên bản dịch của Đại sư Huyền Trang là “nhất tâm chuyên niệm” không phải là “nhất tâm bất loạn”. Trên Kinh Vô Lượng Thọ cũng dịch là “nhất hướng chuyên niệm”. “Nhất hướng chuyên niệm” thì chúng ta có thể làm được, “nhất tâm bất loạn” thì thật không dễ!

Chỉ cần từ sớm đến tối, Phật hiệu không gián đoạn, trong tâm chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, không hề nghĩ đến bất cứ vọng niệm nào khác. Tất cả niệm khác đều biến thành “A Di Đà Phật”, đây gọi là “*công phu thành khởi*”. Có được công phu này, khi Phật đến tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu, liền đem công phu của bạn tặng gấp bội, đó là “sự nhất tâm bất loạn”. Đại sư La Thập dịch không sai. Đại sư La Thập cũng là người vãng sinh thế giới Cực Lạc, trong “Tịnh Độ Thánh Hiền Lục” có tên ông. Đây đều là Bồ Tát thế giới Cực Lạc tái

sinh. Cho nên, người Trung Quốc chân thật là có phước báo. Những Pháp sư dịch kinh thời xưa đều là cổ Phật, Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ tái lai. Nếu không phải là người tái sinh, kinh này làm sao có thể dịch ra được.

- Tâm chí thành này phải bắt đầu từ đâu?

- Từ không vọng ngữ mà làm, không gạt người mà làm, không tự gạt mình gạt người, đó là tối sơ phương tiện của tâm chí thành.

2. *Thâm tâm*: Là tự thọ dụng, là tâm hiếu thiện, hiếu đức. Ngày nay chúng ta gọi là: hoan hỷ xả mình giúp người, đó là thâm tâm.

3. *Hồi hướng phát nguyện tâm*: Là tha thọ dụng, chính là thực tiễn tâm chí thành của mình trong cuộc sống thường ngày. Đây là tâm Đại bi, tâm thương yêu, giúp đỡ tất cả chúng sinh không điều kiện.

Thông thường, người thế gian, bao gồm tại gia lẫn xuất gia, mỗi khi giúp đỡ, bố thí người khác, trong tâm thường khởi lên vọng niệm; cho dù không tham muốn hồi báo, cũng có phân vân do dự: Việc bố thí này phải chăng là việc tốt chân thật? Có phải ta đang bị họ đánh lừa không? v.v..., rất nhiều câu hỏi do dự khác. Tu bố thí, cúng dường như vậy chỉ là phước báo hữu lậu trong sáu cõi không phải công đức! Công đức là thanh tịnh bố thí, không hề có chút nghi hoặc; ngày nay chúng ta gọi là vô tư bố thí, cúng dường vô điều kiện.

“Giả linh cúng dường hằng sa thánh”:

“Hằng sa thánh” ở đây là chỉ Pháp Thân Đại Sĩ. Chúng được Pháp Thân Bồ Tát mới có thể gọi là Thánh nhân, chưa chúng được Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta gọi là Hiền nhân. Chữ “thánh” ở chỗ này là Biệt giáo Sơ Địa, Viên giáo Sơ Trụ.

“*Hằng Sa*” là chỉ cho số lượng rất nhiều không thể tính đếm được. Cúng dường vô lượng vô biên Pháp Thân Đại Sĩ phước báo lớn đến như vậy. Nhưng, Phật nói cũng không bằng: “*kiên dũng cầu Chánh Giác*”, câu này hàm nghĩa là có ý chí quyết tâm kiên định, dũng mãnh tinh tấn không lùi mỗi để cầu Chánh Giác, tức là cầu làm Phật. Chúng ta có thể qui kết hai câu trên thành một câu: “*Không bằng Niệm Phật vãng sinh làm Phật*”. Đây cũng chính là mục tiêu sau cùng của “Tứ Tất Đàn” là “Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn”; giúp mọi người Niệm Phật vãng sinh bất thoái thành Phật.

“*Kiên dũng cầu Chánh Giác*”: Chữ “*kiên*” là kiên định, tín nguyện kiên định, trước sau không đổi, thi chung bất biến, người này nhất định có thành tựu. Tín tâm kiên định, thực tế là rất khó, không phải việc dễ dàng! Chỉ có người thiện căn phước đức sâu dày, người thâm giải nghĩa thú mới không thoái chuyển. Hai loại người này nhất định sẽ thành tựu.

“*Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác*” đây chân thật là tự lợi, lợi tha; như phần trước kinh này đã nói: “*Trụ chân thật tuệ*”, thực tiễn “*huệ dĩ chân thật chi lợi*”. Cho nên, nhất định phải tín tâm kiên định, quyết không dao động.

Đại sư Thiệt Đạo nói: “Cho dù Thích Ca Mâu Ni Phật có tái sinh, mười phương chư Phật tái lai khuyên bạn; nếu nói mà không tương ưng với kinh này cũng không nghe”. Vì sao? Vì đó không phải Phật thật! Nếu là Phật thật thì Phật Phật phải như nhau. Chúng ta trong đời này quyết giữ tâm kiên định, dũng mãnh tinh tấn cầu Chánh Giác, chỉ duy nhất trì một pháp môn Niệm Phật, cầu vãng sinh bất thoái thành Phật. Đây là pháp viên đốn chẳng thể nghĩ bàn! Thật đáng tin, thật nhanh chóng và thật ổn định. Các pháp môn khác đương nhiên cũng không tệ, nhưng đòi hỏi bạn phải có khả năng đoạn diệt phiền não: Đoạn “Kiến Tư”, “Trần Sa”, phá “vô minh”, việc này thật

quá khó! Đích thật không phải việc mà người hiện tại có thể làm được.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ông là Kim Cang Thượng Sư của Mật Tông. Ông rất thẳng thắn mà nói với mọi người: Thời đại này tu học Mật pháp không có người thành tựu. Ông tiếp xúc với rất nhiều đồng tu Mật Tông, đều khuyên họ trì Kinh Vô Lượng Thọ, trì Kinh Di Đà Yếu Giải, trì Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên phẩm; những pháp môn khác không thể thành tựu, pháp môn này thành tựu.

Vào thời đại của Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, người tham thiền rất nhiều, ngài thấy rất rõ, họ không thể có thành tựu, cho nên đề xướng “Thiền, Tịnh song tu”: Có Thiền, có Tịnh như hổ mọc thêm sừng. Thật sự không phải ngài có ý muốn đề xướng “Thiền, Tịnh song tu” mà chỉ là phương tiện nói. Vì vấn đề thể diện của họ không thể buông bỏ, nên ngài chỉ khuyên nên thêm Tịnh Độ vào thì tốt hơn.

Hiện tại, chúng ta niệm A Di Đà Phật là chân thật cúng dường hằng sa thánh, cũng là “*nư giáo tu hành cúng dường*”. Chúng ta chân thật xả bỏ tất cả sự hưởng thụ, xả bỏ tất cả phú quý, tất cả thời gian đều dùng để niệm Phật, đọc kinh, cũng là tiêu tai giải nạn cho chúng sinh. Đây là hành vi chân thật tự lợi, lợi tha; phàm phu không nhận biết, nhưng chư Phật Như Lai tán thán, long thiên thiên thần xem thấy cũng đều cung kính, hộ trì.

Chúng ta cũng không quên lấy “*kiên dững cầu Chánh Giác*” làm chủ, lấy “*cúng dường hằng sa thánh*” rộng kết pháp duyên cùng tất cả chúng sinh. Kinh Phật thường nói: “*Phật không độ người vô duyên*”. Do đây có thể biết “*kết pháp duyên*” vô cùng quan trọng; đặc biệt là đối với người xuất gia. Người xuất gia tiếp nhận cúng dường của tín đồ, nhất định phải “*kết pháp duyên*”, đó là công đức chân thật. Việc cúng dường này của họ, nếu chính mình đem đi hưởng thụ, vậy

thì hỏng rồi! Đó chính là trong nhà Phật thường nói: “Đời này không liễu đạo, đời sau mang lông đội sừng để trả”.

Chúng ta thấy qua không ít viện dưỡng lão, nhất là ở Úc Châu có rất nhiều thôn dưỡng lão. Có người nói: Viện dưỡng lão là công trình không hy vọng, họ đến đó để chờ chết! Thật không phải vậy! Viện dưỡng lão là công trình hy vọng, có đại hy vọng. Viện dưỡng lão của nhà Phật, tương lai họ có thể vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Viện dưỡng lão của các tôn giáo, tương lai đều muốn lên thiên đàng hưởng phước, làm sao mà không hy vọng chứ!

- Hy vọng này do đâu mà có?

- Từ giáo dục tôn giáo! Bạn dưỡng lão, ngày ngày phải cho họ lên lớp, nhất định phải có thầy tôn giáo giảng kinh nói pháp, lãnh đạo họ tu hành. Mỗi tôn giáo đều có phương thức tu hành riêng. Nếu viện dưỡng lão không có người giảng kinh nói pháp, không đạo tu hành thì đích thật là có vấn đề!

Chúng ta xem thấy người già hay nói lầm nhảm, nghĩ tưởng viễn vông xằng bậy, hoặc ngây ngây dại dại, đó là họ đã rơi vào vô minh. Nghĩ tưởng xằng bậy, nhà Phật gọi là trạo cử. Hai loại hiện tượng này đều không tốt đó là nhân của ba đường ác. Cho nên, giúp viện dưỡng lão là công trình hy vọng, tràn đầy sáng lạn, giúp họ thành tựu đời sau càng tốt hơn đời này, quyết không phải là công trình vô vọng như người thông thường đã nghĩ.

Riêng đối với tuổi trẻ, chúng ta phải giúp chúng thành tựu đức hạnh, kỹ năng, học vấn; phải chân thật có lòng yêu thương, nhẫn nại mà dạy bảo chúng. Đây đều là “*cúng dường hằng sa thánh*”, là thiện căn, phước đức, nhân duyên; đem những công đức này hồi hướng cầu sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Lần này, tôi giảng kinh ở Hồng Kông, có đồng tu hỏi tôi: Niệm Phật thế nào mới có thể nắm chắc được phần vãng sinh?- Biết trước giờ chết, không có bệnh khổ, ngồi mà đi, đứng mà đi ... thì nắm chắc!

- Có thể làm được hay không?

- Có thể! Vấn đề chính là bạn có chịu làm hay không. Phải chân thật đoạn ác tu thiện, tích công bồi đức. Tu phước không nên hưởng phước, phước báo giữ lại đến khi lâm chung hưởng. Khi lâm chung không có bệnh khổ, rõ ràng tường tận, thấy Phật đến tiếp dẫn, chào từ biệt mọi người, vui vẻ mà ra đi. Biểu diễn được như vậy, bạn độ không biết bao nhiêu người, dù không tin, họ cũng phải tin. Hằng ngày, nói đến rách da miệng chưa chắc họ đã tin, nay họ liền tin, rõ ràng bạn đã rộng kết pháp duyên với họ.

Trong đoạn Kinh Hoa Nghiêm phía trước, chữ “câu-chi” là một ngàn vạn, “na-do-tha” là vạn vạn, những con số kế tiếp sau đó càng lớn hơn nữa. Dầu đem cả đại địa nghiền nát thành vi trần thì con số “ưu-ba-ni-sa-đà” vẫn còn lớn hơn số vi trần ấy nữa. Công đức của “*Pháp cúng dường*” ví như số vi trần trong toàn thể quả địa cầu, còn công đức của “*tài cúng dường*” chưa bằng một hạt bụi nhỏ, làm sao sánh nổi với tất cả số vi trần của quả địa cầu. Đây chính là lời khen chi tiết về công đức chẳng thể nghĩ bàn của “*Pháp cúng dường*” vậy.

Tóm lại câu “*Bất như kiên dững cầu Chánh Giác*” chỉ rõ công đức kiên cố, dững mãnh cầu Chánh Giác của Bồ Tát Pháp Tạng vượt xa công đức cúng dường hằng sa chư thánh.

Ở đây nói “*nhược chư Bồ Tát hành pháp cúng dường*” là cầu Trí tuệ, tức có thể “*tắc đắc thành tựu cúng dường Như Lai*”. Chữ “*Như Lai*” ở đây là chỉ chính mình, chính mình có thành tựu mới có thể ảnh hưởng đến người khác.

- Tu “*Pháp cúng dường*” như thế nào?

- Người xưa có câu: “Thân hành ngôn giáo”. Phải thực hành đúng như pháp. “Giới” là pháp, “Định” là pháp, đây là trong Phật pháp nói. Trong truyền thống văn hóa, tổ tông dạy: “Ngũ luân”, “ngũ thường”, “tứ duy”, “bát đức” cũng là pháp.

- *Ngũ Luân* có hai mươi chữ: Phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín.

- *Ngũ Thường* có năm chữ: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín

- *Tứ Duy* có bốn chữ: Lễ, nghĩa, liêm, sĩ.

- *Bát Đức* có tám chữ: Hiếu để trung tín, nhân ái hòa bình.

Đây là đạo lý chính thống ngàn vạn năm của cổ nhân, sau này phát huy thành “Tứ thư ngũ kinh”, “Thập tam kinh”. Đến thời Càn Long, nhà Thanh biên tập thành một bộ đại toàn thư tức là “Tứ Khố Toàn Thư”; không có loại học thuật, trước tác nào có thể vượt qua phạm vi này của cổ nhân. Không tìm thấy!

Truyền thống văn hóa xưa là bốn khoa mục trên, rất đơn giản nhưng khiến quốc gia này, mảnh đất này, ngàn năm ổn định lâu dài, nhân dân hạnh phúc. Một đất nước lễ nghĩa là quốc gia hòa thuận, chỉ dựa vào bốn khoa mục đơn giản như thế, máu chót ở chỗ: Trên thực hành, dưới làm theo.

Ngày xưa, làm Đế vương tự họ phải nêu gương trước, trăm họ tự nhiên học theo. Nhà nhà đều thực hành, người người đều học theo, xã hội này là xã hội Thánh hiền, nhân dân ở đây đều là Thánh hiền, quân tử. Đây cũng chính là “hành pháp cúng dường”, cúng dường chân chánh.

KINH VĂN:

Nguyện đương an trụ tam-ma-địa

Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết

*Cảm đặc quang đại thanh tịnh cư
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân.
Luân hồi chư thú chúng sinh loại
Tốc sinh ngã sát thọ an lạc
Thường vận từ tâm bạt hữu tình
Độ tận vô biên khổ chúng sinh*

VIỆT DỊCH:

**Nguyện sẽ an trụ tam-ma-địa
Luôn phóng quang minh chiếu hết thấy
Cảm được chôn thanh tịnh, rộng lớn.
Trang nghiêm thù thắng không chi sánh.
Các chúng sinh luân hồi các nẻo
Chóng sinh cõi tôi hưởng an lạc
Thường vận từ tâm cứu hữu tình
Độ hết vô biên chúng sinh khổ.**

GIẢNG:

Tám câu trên đây chính là lời nguyện cầu thành Phật, nhiếp thủ Tịnh Độ. Tám câu này đúng là chỗ qui kết của toàn bộ các nguyện trên, cũng chính là cốt lõi của bốn mươi tám nguyện sẽ tường thuật ở phần sau. Bốn câu đầu là “*cảm đặc tịnh sát*” cũng có thể nói là “*kiên dũng cầu Chánh Giác*”. Bốn câu sau “*độ tận chúng sinh*” cũng chính là thực tiễn “*cúng dường hằng sa thánh*”. Đây là mục tiêu mà Bồ Tát Pháp Tạng kiến lập thế giới Cực Lạc không phải vì thọ dụng

cho bản thân mà vì rộng độ chúng sinh, đặc biệt là chúng sinh trong Lục Đạo.

Phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” chép: “*Nhược chư Bồ Tát dĩ đại bi thủy nhiều ích chúng sinh, tắc năng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố Bồ Đề thuộc ư chúng sinh*” (Nếu các Bồ Tát dùng nước Đại Bi làm lợi ích chúng sinh thì có thể thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vậy, Bồ Đề thuộc về chúng sinh).

Trong kinh này nói đến ba thứ chân thật, trong đó chân thật rốt ráo là “tự tánh”, Kinh Đại Thừa gọi là “Vô Vi Pháp Thân” hay “Thanh Tịnh Pháp Thân”, đây là bản thể của các pháp. Trong tất cả pháp chỉ có “tự tánh” là chân thật, ngoài ra tất cả đều không chân thật. “Bồ Tát hạnh” lấy chân thật rốt ráo làm căn bản, lấy tâm Đại Từ Bi làm nghiệp dụng; nghiệp là sự nghiệp. Cho nên sự nghiệp của Bồ Tát là cứu giúp chúng sinh khổ nạn, điều này là dựa trên căn bản chân thật, gốc rễ của tâm Đại Bi. Chân thật rốt ráo là rễ, Đại Bi chân thật là gốc; hai thứ này là nhân tố thúc đẩy Bồ Tát thành tựu Vô Thượng Bồ Đề (tức “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề” trong tiếng Phạn). Cho nên “Bồ Đề thuộc chúng sinh”. Vì thành tựu phương tiện cứu cánh, sự nghiệp độ sinh nên ngài Pháp Tạng mới phát đại nguyện nhiếp tịnh quốc độ.

“Nguyện đương an trụ tam-ma-địa

Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết”.

(Nguyện sẽ an trụ tam-ma-địa, luôn phóng quang minh chiếu hết thảy). Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Tam-ma-địa chính là tam-muội hay Chánh Định. Câu đầu nói về Tịch, về Thê; câu sau nói về Chiếu, về Dụng. Hai câu kệ này ngụ ý diệu đức: Định-Tuệ đẳng trì, Tịch-Chiếu đồng thời, Thê-Dụng bất nhị. Phóng quang là Tu Đức, thể của nó là Tánh Đức: Tịch mà thường Chiếu, Chiếu

nhưng luôn Tịch. Cõi nước là Thường Tịch Quang, thân là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang Như Lai, cho nên an trụ tịch định, luôn phóng quang minh chiếu khắp hết thảy. Do vậy cảm đặc được cõi Phật rộng lớn thanh tịnh”.

“Cảm đặc quang đại thanh tịnh cư”: Chữ “cư” ở đây là chỉ cho nơi chốn, quốc độ. Quả thật như Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tùy chúng sinh tâm ứng sở tri lượng”*. Tâm Phật A Di Đà lớn, lượng lớn, nên từ trong “Tự tánh thanh tịnh viên minh thể” hiện ra thế giới Cực Lạc cũng rộng lớn, thanh tịnh.

Luận Vãng Sinh bảo ba thứ trang nghiêm vào trong một pháp cú, mà một pháp cú là thanh tịnh cú; thanh tịnh cú là “chân thật trí tuệ, vô vi Pháp Thân”. “Vô vi Pháp Thân” là Thể, từ Thể hiện ra y báo, Chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc, nên nói:

“Cảm đặc quang đại thanh tịnh cư

Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân”.

(Cảm được chốn thanh tịnh, rộng lớn trang nghiêm thù thắng không chi sánh). “*Vô đẳng luân*” là không gì bằng, không gì so sánh nổi. Bản Ngụy dịch ghi rằng: *“Đạo tràng siêu tuyệt”*. “*Siêu tuyệt*” là thù thắng, ý nghĩa cũng tương tự.

Gia Tường Sớ ghi: *“Tu đạo nhanh chóng thành Phật nên bảo là siêu tuyệt”*.

Lời của Đại sư Gia Tường đã mở toang chỗ siêu việt thù thắng của Tịnh Tông là: Nhanh chóng thành Phật, phàm phu vãng sinh chứng ngay Bất Thoái; có Bất Thoái mới mau chóng thành Phật. Chúng ta ở thế giới này học Phật tiến tiến, thoái thoái không ngừng nên mất rất nhiều thời gian. Đời này chưa thành tựu thì thọ mạng đã đến! Đặc biệt là hoàn cảnh hiện nay, sức cám dỗ quá lớn! Nhất là ma

vương truyền hình, mỗi ngày tiếp xúc nó, là tiếp thu bạo lực, sắc tình, sát, đạo, dâm, vọng khiến tâm ta không an định được!

Giáo dục hiện nay là giáo dục tranh danh đoạt lợi, có thể nói: Bắt đầu từ mẫu giáo đến Thạc sĩ, Tiến sĩ cũng đều như vậy! Khởi tâm động niệm là tổn người lợi mình! Quả thật đáng sợ! Ý niệm, hành vi này chiêu cảm đến thế giới bi thảm, địa cầu bị hủy diệt! Các nhà khoa học nêu ra rất nhiều nguyên nhân:

- Nguyên nhân đầu tiên là đại chiến thế giới thứ ba:

Vũ khí hạt nhân, chiến tranh hóa học, đưa đến sự hủy diệt nhân loại trên toàn địa cầu. Đây là nhân họa, không phải thiên tai. Mọi người rất có thể sẽ cùng nhau chết!

- Nguyên nhân thứ hai là thiên tai tự nhiên:

Đây là thảm họa lớn! Hiện nay, đáng sợ nhất là nhiệt độ địa cầu ngày càng tăng khiến băng ở Nam, Bắc cực cũng không ngừng tan chảy! Nhiệt độ toàn bộ địa cầu thay đổi, ảnh hưởng đến sinh tồn của động, thực vật. Nghiêm trọng nhất là lượng sản xuất lương thực bị giảm sút rất nhiều sẽ khiến nhân loại gặp cơn đói khát.

Miền Đông Bắc của Trung Quốc là khu vực sản xuất lúa mì nhiều nhất trên toàn thế giới, sản lượng lúa mì nghe nói thu hoạch năm nay bị tổn thất đến bốn mươi phần trăm. Năm nay, mùa đông ấm áp, mùa vụ của lúa mì không dài, khí hậu các nơi trên thế giới đều biến hóa. Nơi đúng ra lạnh thì trở thành ấm; nơi đúng ra ấm áp thì trở thành lạnh nên động, thực vật tử vong rất nhiều!

- Nguyên nhân thứ ba là nước biển sẽ dâng cao:

Việc này khiến các đô thị ven biển đều bị ngập. Có thể có những đợt sóng thần nghiêm trọng, núi lửa phun trào, động đất lớn trên cấp chín!

Tóm lại, thiên tai hay nhân họa đều liên quan mật thiết với nhân tâm con người. Nếu con người biết đoạn ác tu thiện, thay đổi tâm thái có thể cải hóa được địa cầu này. Trong kinh nói rất rõ: “*Cảnh tùy tâm chuyển*”. Từ chỗ này chúng ta có thể tỉnh ngộ, mau chóng hồi đầu. Phương pháp cứu vãn duy nhất chính là tìm lại nền tảng giáo dục của Thánh Hiền.

Những năm gần đây, đích thật tôi đã dùng không ít thời gian làm công việc hòa thuận giữa các tôn giáo, hy vọng tôn giáo có thể đoàn kết, học tập lẫn nhau, khuyến bảo tín đồ học tập lời dạy của Thánh Hiền, có thể giúp xã hội, thế giới khôi phục lại nền an định, giúp địa cầu hóa giải thiên tai. Ngoài sự việc này ra sẽ vô cùng khó khăn! Thế gian này người tín ngưỡng tôn giáo không ít, nếu họ hướng thiện quay đầu sẽ ảnh hưởng đến những người không tin tôn giáo. Việc này dựa vào sự nỗ lực của mọi người tự hành hóa tha.

Bồ Tát Pháp Tạng “*Nguyện đương an trụ tam-ma-địa*”. Chúng ta cũng nguyện đem tâm an trụ trong “*Niệm Phật tam-muội*”. Trên kinh nói: “*Niệm Phật tam-muội, tam-muội trung vương*”. “*Tam-muội*” là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung Quốc là “*Chánh thọ*”, tức là hưởng thọ bình thường. Hưởng thọ bình thường là “*Chấp Trì Danh Hiệu*”, đó mới là chân thật hưởng thọ bình thường. Khi chúng ta quên mất đi Phật hiệu, chính là lúc chúng ta nghĩ tưởng xằng bậy, đây là thọ dụng không bình thường. Nên biết: Nghĩ tưởng xằng bậy là tạo nghiệp luân hồi, chúng ta chính mình phải có tâm cảnh giác. Mỗi ngày hai mươi bốn giờ, tỉ mỉ mà tư duy: Ngay trong hai mươi bốn giờ, ta niệm Phật được bao nhiêu giờ? Khởi vọng tưởng chiếm bao nhiêu giờ? Rơi vào vô minh bao nhiêu giờ?

- Lúc nào rơi vào vô minh?

- Ngủ nghỉ là rơi vào vô minh!

Nếu thời gian chánh niệm dài, siêu việt vọng tưởng, siêu việt vô minh, công phu của bạn sẽ có lực, bạn mới an trụ trong “Niệm Phật tam-muội”.

Trên Kinh Phật thường nói: “Tài-sắc-danh-thực-thù” là gốc của địa ngục. “Thù” là ngủ nghỉ, là ma chướng cũng là gốc của địa ngục.

- Có phương pháp gì đột phá chăng?

- Có! Nghe nói ở Đại Lục có những người chân thật tu, tôi chưa thấy qua, chỉ nghe cư sĩ Lý Mộc Nguyên kể: Chân thật có người niệm Phật suốt cả năm không hề ngủ nghỉ, hai mươi bốn giờ niệm Phật, lạy Phật. Có người không tin, phái người luân phiên theo dõi, quả nhiên không sai, mỗi ngày đều như vậy. Hãy đến thỉnh giáo với ông ấy: - Ông làm thế nào đoạn dứt được ngủ nghỉ? Chúng ta vì sao không đoạn được?!

Bồ Tát Mã Minh trong Khởi Tín Luận nói: “*Bổn giác vốn có, bất giác vốn không*”. “Tài-sắc-danh-thực-thù” là bất giác “bổn lai không”, “bổn lai không” quyết có thể đoạn dứt. “Bổn lai có” quyết có thể chứng được. Vấn đề là bạn có quyết tâm đoạn nó hay không, nếu có quyết tâm tất sẽ đoạn được. Phải đột phá cửa ải này! Ngoài ra bạn còn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần hộ trì, sao không thành tựu được!

Niệm Phật Đường chúng ta nơi đây cũng có chút ít trải nghiệm. Thông qua trải nghiệm nhỏ này, tôi tin tưởng có thể giúp bạn tăng thêm tín tâm. Rất nhiều đồng tu thói quen ngày ngày ngủ nghỉ, còn ngủ nướng, đến Niệm Phật Đường nghe nói niệm Phật đến hai mươi bốn giờ, sợ e chịu không nổi! Kết cuộc, niệm luôn ba mươi sáu giờ vẫn rất nhẹ nhàng, vẫn rất thoải mái. Trong khi niệm Phật họ cũng không bị ngủ gật, đây chính là họ đã dần dần đột phá.

Có thể suốt ba mươi sáu giờ tinh thần đầy đủ thì cũng có thể ba trăm sáu mươi ngày tinh thần họ cũng đầy đủ. Vấn đề là họ có chân thật quyết tâm đột phá hay không. Nhân tố quan trọng nhất của đột phá này là tâm phải thanh tịnh. Nếu trong tâm còn có phiền não, lo lắng, vương bận v.v... thì không được! Nếu có thể buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước họ liền có thể trải qua đời sống của Phật, Bồ Tát. Không những Phật, Bồ Tát không có ngủ nghỉ, người trời Sắc giới ngủ nghỉ vẫn còn rất ít; trời Dục giới ngủ nghỉ cũng ít, đến Sơ Thiên thì không còn ngủ nghỉ.

Thánh nhân thế gian nói: “Khắc kỷ tác thánh”, ý nói phàm phu nếu có thể khắc phục được vọng niệm của chính mình liền có thể thành thánh. Trong Phật pháp, đoạn phiền não liền chứng Bồ Đề. Cho nên, *người tu hành nhất định phải vật lộn với phiền não, phải đánh thắng không thể đánh thua, thua thì xong rồi! Phải liều mạng không sợ khổ, không sợ khó, không sợ chết, nhất định chiến thắng.* Phàm hề bại trận là do sợ khó, sợ chết nên nhất định thất bại!

Chúng ta xem thấy trong Hư Vân Niên Phổ, lão Hòa thượng phát nguyện bái sơn, ba bước một lay. Trải qua mấy ngàn dặm đường, lay đến mấy năm mới đến được. Buổi tối ngủ ngay trên đất, nhiều tháng, nhiều năm làm sao không vương bệnh! Lúc bệnh khổ đến không thể đứng vững; Phật, Bồ Tát liền đến giúp ông hết bệnh. Sau khi ông lành bệnh; Phật, Bồ Tát liền đi, ông lại tiếp tục cuộc hành trình bái lay. Sợ khổ, sợ khó, sợ chết làm sao có thể thoát khỏi luân hồi!

“*Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết*” (Luôn phóng quang minh chiếu hết thảy). Năng lực này có từ ở “*an trụ tam-ma-địa*”. Thực tế mà nói, “*Tam-ma-địa*” chính là chân tâm, là bản tánh của chúng ta. Ngày nay, chúng ta đã mê mất đi chân tâm, bản tánh, lăn lộn trong sáu cõi, chịu khổ đến như vậy. Chư Phật, Bồ Tát giáo

hóa chúng sinh không gì khác hơn là giúp chúng sinh hồi phục lại tự tánh của chính mình. Tuy nhiên, mê là tự mình mê; ngộ cũng phải chính mình giác ngộ. Chư Phật, Bồ Tát chỉ là “tặng thượng duyên” cho chúng ta; chính chúng ta phải nương vào giác ngộ của chính mình.

- Vì sao chúng ta không giác ngộ?

- Vẫn là một câu nói cũ: “Không chịu nhìn thấu, buông bỏ nên không giác ngộ!” Nhìn thấu giúp chúng ta buông bỏ, buông bỏ giúp chúng ta nhìn thấu, tương bổ tương thành; thấy đều buông bỏ có thể thành Vô Thượng Đạo. Nhìn thấu là thông đạt, không mê hoặc; buông bỏ thì tâm thanh tịnh, không nhiễm trước; đây là “*Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết*”. Trên Kinh Đại thừa thường nói: “Thường sanh trí tuệ”. Thời thời sinh trí tuệ; nơi nơi sinh trí tuệ, niệm niệm sinh trí tuệ.

- Trí tuệ do đâu mà sinh?

- Tâm địa thanh tịnh! Niệm niệm vì tất cả chúng sinh mà lo nghĩ, quyết không nên nghĩ chính mình, đây là phương tiện ban đầu học Phật. Nếu vẫn nghĩ đến lợi ích chính mình thì bạn mê rồi! Không vì chính mình, *chỉ nghĩ đến tất cả chúng sinh, sự việc bạn làm dù có sai cũng trở thành đúng. Nếu bên trong vẫn còn có chút xen tạp vì mình, bạn dù có làm đúng cũng hóa thành sai!*

Pháp Tạng ở nhân địa đã làm được viên mãn hai câu này:

“Nguyện đương an trụ tam-ma-địa.

Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết”.

Hai câu này là “năng cảm”. Kế đến:

“*Cảm đắc quang đại thanh tịnh cư*” (Cảm được chốn thanh tịnh rộng lớn). Câu này là “sở cảm”. “Quang đại thanh tịnh cư”, đây chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc.

- Cực Lạc từ đâu mà có?

- Do nguyện lực của A Di Đà Phật biến hiện ra, luôn không rời “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. “*Cảm đắc quang đại thanh tịnh cư*”, cái pháp giới này là pháp giới thanh tịnh, rộng lớn.

- Lớn đến như thế nào?

- Chúng ta không cách chi tưởng tượng! Thực tế lớn đến tận hư không khắp pháp giới. Cực Lạc cách chúng ta không xa. Trong Vãng Sinh Truyện, có người hỏi:

- Thế giới Cực Lạc ở đâu?

- Trong phòng tôi! Ở nhà anh! Đó là người vãng sinh chính mắt nhìn thấy, chính ngay trước mắt họ.

- Thế giới Cực Lạc rốt cuộc như thế nào?

- Ngày nay chúng ta gọi là “Thời Không” khác nhau, giống như chúng ta xem truyền hình, vừa mở đúng kênh đài, ảnh tượng liền hiện ngay trước mắt.

- Thế giới Cực Lạc ở đâu?

- Chính ngay trên mặt hình! Thế giới Ta Bà cũng ngay trên mặt hình, chỉ khác kênh đài.

- Vì sao thế giới Cực Lạc lớn đến như vậy?

- Vì do tự tánh biến hiện ra!

- Thế giới này của chúng ta, sao nhỏ đến như vậy?

- Do nghiệp lực biến hiện ra! Nghiệp lực có phạm vi; tự tánh không có lớn nhỏ, không có đến đi, không có sinh diệt. Thế nhưng,

nghiệp lực biến hiện có lớn nhỏ, có đến đi, có sinh diệt, không như nhau.

“Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân” (Trang nghiêm thù thắng không chi sánh): Câu này là hình dung trang nghiêm tốt đẹp của thế giới Cực Lạc, các cõi nước chư Phật khác, không cõi nào có thể sánh được.

“Luân hồi chư thú chúng sinh loại

Tốc sinh ngã sát thọ an lạc

Thường vận từ tâm bạt hữu tình

Độ tận vô biên khổ chúng sinh”.

Đây là bài kệ thứ chín **“Độ tận chúng sinh”**. Chúng sinh này không chỉ riêng thế giới Ta Bà chúng ta mà bao gồm cả quá khứ, hiện tại, vị lai thế giới mười phương chư Phật phương khác, đặc biệt nghiêng nặng chúng sinh sáu cõi, khổ đau nhất là ở ba đường ác. Hai câu đầu, Tỳ kheo Pháp Tạng nói: Chúng sinh luân hồi trong Lục đạo mau sinh vào nước Ngài hưởng an lạc. An lạc ở đây là niềm an lạc thật sự, trong đây không hề có tác dụng phụ. Vì sao? **“Đốn thoát sinh tử, tốc thành Chánh Giác”** cho nên gọi là an lạc.

Vãng sinh thế giới Cực Lạc thuộc về **“đốn siêu”**. Đây là Pháp môn viên đốn một đời thành tựu, không cần thời gian quá dài. Thông thường, nhất tâm nhất ý trong vòng ba năm là lấy được ‘visa’ di dân đến thế giới Cực Lạc. Lấy được **“visa”** có thể đi bất cứ lúc nào. Có người lấy được là đi ngay. Vì sao? Vì lìa khổ được vui! Có người lấy được vẫn chưa đi, vì họ còn nhân duyên muốn **“khuyến tấn hành giả”** đưa nhiều người đi cùng, như trong **“Tịnh Nghiệp tam phước”** đã nói. Đây là điều Phật A Di Đà kỳ vọng ở chúng ta. Thực tế mà nói:

- Có phải đây là lần đầu tiên A Di Đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc mới thành Phật chăng?

- Pháp Tạng là cổ Phật tái lai; thế giới Tây Phương Cực Lạc là hóa độ của ngài. Như đức Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, ba ngàn năm về trước thị hiện ở phía Bắc Ấn Độ là thị hiện thành đạo, đâu phải lúc đó ngài mới tu hành chứng quả, không phải! Trên Kinh Phạm Võng, ngài nói: Lần này ngài đến thế gian biểu diễn thành Phật là lần thứ tám ngàn. Vỡ kịch này ngài diễn rất quen thuộc, đã diễn tám ngàn lần rồi. A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc thành Phật cũng diễn không biết đã bao nhiêu lần rồi, hoàn toàn là thị hiện làm tấm gương để chúng ta noi theo mà học tập.

“Tốc sinh ngã sát thọ an lạc”: Phật A Di Đà không những hy vọng tiếp dẫn chúng sinh mà còn mong muốn những chúng sinh này mau mau thành Phật. Hội Phật Giáo Đạt-La-Tur Hoa Kỳ, mấy ngày qua đang tổ chức Phật thất. Ngày mai, họ có Phật sự “Tam thời hệ niệm”. Phật thất đến ngày thứ ba, có lão cư sĩ họ Mã, năm nay đã tám mươi tuổi, chúng ta nơi đây có số đồng tu rất quen bà, các vị đến từ Hoa kỳ cũng đều biết bà. Mỗi năm, chúng ta tổ chức Pháp hội Phật thất, bà đều có cúng trai, làm điểm tâm để cúng dường đại chúng. Bà tham dự Phật thất đến ngày thứ ba thì ngồi mà vãng sinh. Chọn được rất hay!

Tôi nghe nói không phải chính bà chọn mà A Di Đà Phật dạy bà đến Niệm Phật Đường để hiện thân nói pháp, làm chứng minh cho mọi người. Vị lão cư sĩ này tai, mắt thông minh, hành động cũng rất lanh lợi. Các đồng tu trợ niệm cho bà suốt ba mươi giờ, sau đó mới mời cảnh sát pháp y đến để làm thủ tục. Tất cả đều rất thuận lợi, cũng độ được người nước ngoài khiến họ xem thấy kỳ tích người chết chưa hề thấy qua như thế này. Tôi nghe rất hoan hỷ! Đạo tràng phải chân thật có người vãng sinh, đạo tràng này mới có công đức thù thắng. Nếu xây đạo tràng, ngày ngày niệm Phật đến mấy chục năm vẫn chưa thấy có người được vãng sinh, đạo tràng này không có công đức, nhiều nhất chỉ được chút ít phước đức mà thôi.

Dường như vào ngày Phật thất thứ nhất, nhờ đường truyền liên hệ đôi bên, tôi nói với đồng tu bên đó đem hết tài khoản của tôi ở Hoa Kỳ, tôi không cần đến, đại khái trong tài khoản ngân hàng Á Châu vẫn còn một trăm mấy chục ngàn, toàn bộ tặng cho cư sĩ Vương Nhất Hoa. Hội Phật Giáo Hoa Kỳ Đạt La Tur bên đó có hai ngân hàng, trong đó có khoảng hơn hai trăm ngàn, toàn bộ đóng hết, thầy đều tặng cho Hội Phật Giáo Đạt La Tur. Tôi, một xu tiền cũng không cần.

Chúng tôi ở Đạt- La-Tur xây một đạo tràng, đại khái tổng cộng đầu tư sắp gần hai triệu. Hai triệu mà có người vãng sinh, tôi nói với họ đã đủ vốn rồi! Có người vãng sinh tiếp thì chúng ta lời trắng! Công đức chân thật đã không uổng phí xây đạo tràng. Đạo tràng nơi đây còn thù thắng hơn đạo tràng bên kia. Tôi rất tin tưởng nơi đây sẽ có rất nhiều đồng tu niệm Phật được vãng sinh. Đương nhiên không nhất định phải ở nơi Niệm Phật Đường vãng sinh mà ở nhà hay trong bệnh viện vãng sinh đều như nhau, thù thắng không gì bằng!

“Thường vận từ tâm bạt hữu tình

Độ tận vô biên khổ chúng sinh”.

“Từ” là ban vui, “Bi” là dẹp khổ. Nói cách khác, giúp chúng sinh thoát ly lục đạo là Bi tâm, giúp chúng sinh vãng sinh Tây Phương Cực Lạc là Từ tâm. Đây mới là lợi ích chân thật. “Bạt” là bạt trừ. Hai câu trên thể hiện hồng thệ đại từ đại bi của Pháp Tạng Bồ Tát, niệm niệm luôn luôn nhớ nghĩ phải độ tận hết thầy chúng sinh khổ nạn. Thời gian vô cùng tận, không gian vô cùng tận, chúng sinh cũng vô cùng tận nên đại từ, đại bi, đại nguyện, đại hạnh của ngài cũng vô cùng tận.

“*Bạt hữu tình*”: Chữ “*hữu tình*” chỉ chúng sinh luân hồi trong sáu cõi đều khổ. “*Dục giới*” có: Khổ Khổ, Hoại Khổ và Hành Khổ.

“Sắc giới” tuy không có Khổ Khổ, vẫn có Hoại Khổ, Hành Khổ. “Vô Sắc giới” là thế giới không vật chất, chỉ thuần là “thức tâm” trụ nơi thiên định thâm diệu. Tuy họ không có Hoại Khổ, vẫn còn Hành Khổ. Hành Khổ chính là họ có thọ mạng. Họ là phàm phu cao cấp, không cần thân vì biết thân là gốc khổ, gốc bệnh, gốc nhiều tai ương phiền phức. Lão Tử từng nói: “*Ta có mối lo lớn nhất vì ta có thân*”. Sở dĩ gọi họ là phàm phu cao cấp vì thọ mạng của họ rất dài. Nhưng khi thọ mạng hết, họ vẫn phải trôi lăn trong sáu cõi. Nên biết: Trời Phi Tướng Phi Tướng thọ mạng của họ là tám vạn đại kiếp. Khi thọ mạng hết, họ vẫn phải đọa lạc! Cho nên, đây không phải là pháp cứu cánh.

Tóm lại, chúng sinh hữu tình trong sáu cõi đều khổ. Phật luôn dùng tâm từ cứu giúp tất cả chúng sinh, duy chỉ có trời Vô Sắc giới thì Phật không cứu được! Vì sao? Vì thiên nhân Vô Sắc giới phần nhiều sống trong Định, họ không có sắc tướng. Trong kinh Phật gọi trời Vô Sắc giới là Trường Thọ thiên, là một trong tám nạn, tuy thọ mạng họ rất dài, nhưng hoàn toàn không nghe được Phật pháp, đây là chương ngại rất nghiêm trọng!

Đối với cõi Dục giới, và Sắc giới; Phật, Bồ Tát luôn tận tâm tận lực mà giúp họ, ngay trong đó “*tùy loại hóa thân, tùy cơ nói pháp*”. Chúng ta phải học theo chư Phật, Bồ Tát tận tâm tận lực mà giúp đỡ mọi người, giúp họ nhận thức chính xác về Phật Giáo. Trước tiên, phải khiến cho phần tử tri thức xã hội hiểu rõ: Phật pháp không phải là mê tín, Phật pháp không phải là tiêu cực, Phật pháp đối với xã hội, nhất là đối với xã hội hiện nay có chỗ tốt chân thật, họ sẽ từ chỗ này mà giác ngộ.

Ngày trước, ở Úc Châu có cư sĩ người Úc tên là Graeme, hôm trước cũng đến đây nghe kinh. Ông nói với tôi: Ông đã từng đến Đài Loan. Lúc đó có vị lão Pháp sư khuyên ông đem tín đồ Ki-Tô

đổi thành tín đồ Phật Giáo và ông đã tiếp nhận. Tôi liền nói: Ông sai rồi! Tín đồ Ki-Tô phải giúp họ trở thành tín đồ Ki-Tô gương mẫu; sao có thể đem tín đồ Ki-Tô biến thành tín đồ Phật Giáo?! Sao có thể phá hoại tôn giáo của người khác chứ! Tâm thái, quan niệm này hoàn toàn sai lầm! Thế nhưng, bạn có thể bảo họ làm Bồ Tát thì được. Làm Bồ Tát thì luôn nghĩ đến chúng sinh, phổ độ tất cả chúng sinh. Phổ độ chúng sinh không phải bảo họ cải biến tôn giáo, tín ngưỡng của họ thì bạn sai rồi!

Phật Giáo là giáo dục trí tuệ, Phật Giáo dạy người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, bất cứ người nào cũng cần phải hiểu. Cho nên, bất cứ tôn giáo nào cũng cần phải học Phật, làm học trò của Phật, không phải thay đổi tôn giáo. Họ vẫn là con cái của Thượng Đế, nhưng vẫn có thể làm học trò của Phật, không hề có sự xung đột, như vậy mới tốt. Không nên bảo họ phải quay lưng với Thượng Đế, cách nói này rất khó tiếp nhận.

Trong Phật Giáo, câu nói đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là phải “*hiếu dưỡng cha mẹ*”, đâu lại có thể bảo họ bội phản cha mẹ! Không thể được! Nghe tôi nói xong, Graeme gật đầu, biết được nên phải làm thế nào. Cho nên, “*Phật pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp*”, đem tín đồ tôn giáo khác kéo đến tôn giáo mình là phá hoại thế gian pháp, cần phải hiểu đạo lý này. Phật Giáo là giáo dục không phải tôn giáo. Tín đồ Phật Giáo quyết không như đồ chúng thông thường của các tôn giáo.

Đồ chúng trong tôn giáo, là kết hợp của cảm tình. Chúng ta cùng Thích Ca Mâu Ni Phật là quan hệ thầy trò, là kết hợp của đạo nghĩa, của trí tuệ. Cho nên, bất cứ tôn giáo nào cũng có thể theo học Phật, đều có thể lấy được học vị trong Phật Giáo. Học vị trong Phật Giáo là A-la-hán, Bồ Tát, Phật Đà; cũng giống như bất cứ tôn giáo

nào đều có thể theo học Đại học, đều có thể lấy được học vị của trường.

Chúng ta xem thấy trong Kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị Thiện tri thức thì rất rõ ràng: Thắng Nhiệt Bà La Môn là lãnh tụ Bà-la-môn giáo lấy được học vị trong Phật Giáo là Pháp Thân Đại Sĩ, đây là từ trên hình thức mà nhìn. Thực tế, họ không phải là Pháp Thân Đại Sĩ mà là Phật Đà, cao hơn Bồ Tát. Họ dùng thân phận lãnh tụ tôn giáo để thị hiện.

Đây chính là trong Phật pháp nói: Đáng dùng thân gì để độ, liền hiện ra thân ấy để độ. Đáng dùng thân lãnh tụ Ky-Tô giáo để độ, họ liền hiện thân Mục sư để độ. Đáng dùng thân lãnh tụ Thiên chúa giáo để độ, họ liền hiện thân thần phụ để độ v.v... Đây đều là Bồ Tát, đều là Phật! Đó mới là phổ độ chúng sinh, không làm hư tướng thế gian, mọi người mới có thể hoan hỉ tiếp nhận. Nếu nhất định nói tôn giáo họ không tốt, ta đây mới tốt, phải bỏ tôn giáo họ theo học với ta, liền khởi lên phản cảm, chống đối nhau, thì không giải quyết được vấn đề! Đó không phải là trí tuệ! Nhà Phật gọi là không khéo biết phương tiện.

Trong giao tiếp với mọi người, Phật vô cùng thiện xảo, dùng Tứ Tất Đàn, Tứ Nhiếp Pháp. Tứ Tất Đàn giúp chúng ta nhập chúng, qua lại với mọi người, có bốn nguyên tắc đã trình bày qua ở phía trước. Ở đây chỉ nêu ra hai nguyên tắc:

- Thứ nhất là “*Thế Giới Tất Đàn*”, phải khiến cho tất cả chúng sinh sinh tâm hoan hỉ. Nếu tiếp xúc mà họ không hoan hỉ thì cái duyên đó không còn! Muốn khiến người khác sinh tâm hoan hỉ, bạn phải tôn trọng và có sự cảm thông đối với họ.

Buổi tiệc ấm áp vào tối mừng một năm trước, chúng ta đã mời hơn ba ngàn tám trăm quý khách, là chủng tộc khác nhau, đều như trong một nhà, mọi người đều rất phấn khởi, hoan hỉ. Buổi tiệc hôm

đó, tôi không biết bạn có chú ý không? Thức ăn trên mỗi bàn đều không giống nhau. Chúng ta ăn chay là đồ chay, trên bàn người Mã Lai, họ ưa thích ăn thứ gì chúng ta đều cúng dường họ thứ đó. Chúng ta tôn trọng họ, lắng nghe thói quen ăn uống của họ. Họ thích ăn thứ gì, chúng ta đặc biệt mời người bên đó đến làm. Đó là biểu thị sự tôn kính đối với họ. Họ mời thỉnh chúng ta, cũng tôn trọng đối với chúng ta. Đôi bên tôn trọng nhau thì làm được “Thế Giới Tất Đàn”.

- *Thứ hai là “Vị Nhân Tất Đàn”*: Chính là quan tâm đến người khác. Mỗi niệm phải vì người mà lo nghĩ. Họ có khó khăn gì? Họ cần sự giúp đỡ nào? Làm thế nào giúp họ được hạnh phúc về đời sống tinh thần cũng như vật chất? Thậm chí, làm thế nào giúp họ hoằng dương tôn giáo của họ thì họ rất hoan hỉ.

Ở đây, chúng ta cũng đã làm được thăm viếng các tôn giáo. Họ thành lập cơ quan từ thiện như viện dưỡng lão, cô nhi viện v.v... chúng ta đều tặng một ít tiền giúp họ. Chúng ta biếu tặng các tôn giáo rất nhiều thức ăn như bún, gạo, mì, dầu ăn. Đây là những thực phẩm Cư Sĩ Lâm có quá nhiều, chúng ta dùng không hết, đem chia sẻ với họ.

Nhất định phải hợp tác, thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Cho nên, độ hóa chúng sinh chính là giúp chúng sinh; giúp chúng sinh phải có trí tuệ, có phương pháp, có phương tiện khéo léo. Chúng ta phải học với Phật, Bồ Tát về *Tứ Tất Đàn* và *Tứ Nhiếp Pháp*.

Tứ Nhiếp Pháp là bốn phương pháp thuần túy gồm có: Bồ thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

1. Bồ Thí

Bồ thí là một trong sáu cương lĩnh tu học của Bồ Tát. Trong Bồ Thí có: Tài Bồ Thí, Pháp Bồ Thí và Vô Úy Bồ Thí. Trong Lục Độ: Trì Giới và Nhẫn Nhục thuộc về Vô Úy Bồ Thí; Tinh Tấn, Thiền

Định, Bát Nhã thuộc về Pháp Bồ Thí. Một Bồ Thí đã đem vô lượng, vô biên hành môn của Bồ Tát toàn bộ bao gồm trong đó. Cho nên, Bồ Tát từ sơ học mãi đến khi thành Phật, họ tu là tu Bồ Thí Ba-La-Mật, ngoài ra không có phương pháp khác. Riêng chúng ta, đối với tất cả chúng sinh thì Bồ Thí xếp ở hàng đầu, nhất định phải nỗ lực mà học tập.

2. Ái Ngữ

Khi trò chuyện phải dùng tâm chân thành, thương yêu họ, đây gọi là “Ái ngữ”. “Ái ngữ” không phải là hoa ngôn xảo ngữ, lời nói đường mật để nghe để mê hoặc lòng người mà là lời chân thật quan tâm, thương yêu họ.

3. Lợi Hành

Hành vi, việc làm của chúng ta nhất định, phải có lợi ích đối với người khác mới chắc chắn được họ hoan hỉ tiếp nhận.

4. Đồng Sự

Đây là xây dựng mối quan hệ càng mật thiết hơn. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên sau khi mở dạ tiệc liên hoan, thỉnh mời các tôn giáo đến. Hiện tại, ông muốn trừ bị một “Hi Niên Hoa Hội Hòa Bình Tôn Giáo Singapore”, áp dụng đa nguyên văn hóa. Buổi dạ tiệc đêm giao thừa của chúng ta trước đây chỉ diễn biến trong thời gian ngắn có mấy giờ. Với “Hi Niên Hoa Hội” này đại khái sẽ kéo dài từ bảy đến mười bảy ngày. Mỗi ngày các tôn giáo, các sắc tộc sẽ cùng nhau tụ họp, vui vẻ náo nhiệt, thực tiễn đa nguyên văn hóa, đây là cách nói trong xã hội hiện đại. Riêng chúng ta, phải nói đó là thực tiễn “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm”.

Hiện tại, việc giảng Kinh Hoa Nghiêm dời đến giảng đường Tịnh Tông Học Hội. Mỗi buổi giảng chúng ta đều đưa lên mạng, các

bạn ở nhà mỗi sáng sớm từ mười đến mười một giờ rưỡi đều có thể lên mạng để xem. Nếu nhà không có đường truyền, muốn nghe Kinh Hoa Nghiêm có thể đến Tịnh Tông Học Hội mượn băng ghi hình về xem. Hoa Nghiêm chính là thực tiễn “Đa nguyên văn hoá”, cũng chính là Đồng Sự, tất cả chúng sinh đều hưởng thụ đời sống của Phật Hoa Nghiêm, đời sống của chân, thiện, mỹ.

Chúng ta xem thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà; thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ Lô Giá Na, mỗi ngày đều “Hi Niên Hoa Hội Đa Nguyên Văn Hóa” không hề gián đoạn. Phật pháp học rồi phải có chỗ dùng, nhất định phải ứng dụng ngay trong đời sống hiện tại mới chân thật có thể làm đến được “*Bạt hữu tình, độ chúng sinh*”. Điều sau cùng của “Tứ Tất Đàn” (tức “Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn”) chính là bốn nguyện cả chư Phật, vậy mới là bốn hoài của Phật độ sinh.

Chúng ta cần hiểu: Trong khác có giống; trong giống có khác. Tôn giáo, chủng tộc có khác nhưng đều giống nhau ở lòng thương yêu, trí tuệ và phương tiện khéo léo. Cho nên, trong khác có giống, trong giống có khác. Giống không chướng ngại khác; khác không chướng ngại giống; lý sự vô ngại; sự sự vô ngại, làm sao không được đại hoan hỉ chứ!

Chúng ta thường phạm sai lầm, cho rằng: Phải khiến người khác thành chính mình, phải đồng hóa họ, quan niệm này thật sai lầm! Trong giảng dạy, tôi thường nhắc nhở các đồng tu: Nhất định phải buông bỏ tất cả những quan niệm khống chế, buông bỏ ý niệm chiếm hữu đối với tất cả người, tất cả việc, tất cả vật, thì bạn mới có thể vào được “Hi Niên Hoa Hội” của chư Phật Như Lai. Nếu còn có ý niệm khống chế người khác, chiếm hữu tất cả sự vật, bạn vĩnh viễn là phạm phu sáu cõi, không vào được cảnh giới của chư Phật. Cho nên, chúng ta xem thấy cõi nước chư Phật có rất nhiều chủng tộc

khác nhau, họ đều có thể sống chung hòa thuận. Thế giới này của chúng ta chủng tộc không nhiều, nhưng ngày ngày đánh nhau. Hiện tại, Trung Đông lại sinh sự, lại đánh nhau, đó là không có trí tuệ!

- Vì sao họ đánh nhau?

- Vì phân tranh chủng tộc! Vì tín ngưỡng tôn giáo!

- Đánh nhau có giải quyết được vấn đề chẳng?

- Không thể giải quyết! Cho dù bạn có vương vị, có tài nghệ vũ lực, chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật đến đâu, cũng không thể giải quyết được tận gốc vấn đề. Yếu tố quan trọng nhất, cấp thiết nhất phải là giáo dục.

Do vậy mà đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã từ bỏ tất cả vương vị, danh vọng, tài lực v.v... vốn có của mình, dẫn thân làm nghĩa vụ công tác giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa suốt bốn mươi chín năm. Chỉ có giáo dục mới giúp con người giải quyết vấn đề, chỉ có giáo dục mới có thể thật sự mang lại hạnh phúc, an vui, hòa bình cho nhân loại.

- Tôn giáo vì sao không thể giải quyết được vấn đề?

- Họ chỉ có Tôn giáo không có giáo, nên không thể giải quyết!

Đó là khi tôi ở Úc châu, tại hội nghị tôn giáo, tôi đã nói ra lời này với các lãnh tụ tôn giáo. Có giáo dục mới có thể giải quyết vấn đề. Tuy kinh luận mỗi tôn giáo khác nhau nhưng chủ đích đều có chung một mục tiêu giáo dục: Giúp xã hội an định, thế giới hòa bình. Có như thế, tôn giáo mới góp phần duy trì tồn tại, phát triển, hòa thuận chung sống, xây dựng cùng hiểu; thiên tai, nhân họa nhất định sẽ không còn.

Trong Lễ Kỳ có câu: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Đây quả thật là cao minh, trí tuệ; người thông thường không thể nói ra được lời này.

Chúng ta phát nguyện noi gương đức Phật A Di Đà cũng có nghĩa là phát tâm cứu giúp tất cả chúng sinh khổ nạn, giúp họ ngay trong một đời này thành Phật. Đây là bốn nguyện của Phật A Di Đà, cũng là nguyện vọng chung của tất cả chư Phật. Đại nguyện này Phật A Di Đà đã làm được, nhưng chư Phật Như Lai vẫn chưa làm được! Vì sao? Vì A Di Đà Phật biết dùng phương pháp xảo diệu nhất, dễ dàng nhất là sáu chữ hồng danh. Cho nên, chư Phật Như Lai đều tán thán A Di Đà Phật là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi Vương*”, đều hộ niệm ngài.

Do đây có thể biết: Tất cả chư Phật Như Lai muốn độ khắp chúng sinh thành Phật đạo, chỉ duy nhất, hữu hiệu nhất là giới thiệu, khen ngợi thế giới Tây Phương Cực Lạc đến tất cả chúng sinh, khuyên mọi người Niệm Phật, phát nguyện vãng sinh. Đến nơi đó tiếp nhận giáo hóa của A Di Đà Phật, nhất định được một đời Bất Thoái thành Phật.

KINH VĂN:

*Ngã hạnh quyết định kiên cố lực
Duy Phật thánh trí năng chứng tri
Túng sử thân chỉ chư khổ trung
Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái.*

VIỆT DỊCH:

**Hạnh tôi: sức quyết định, kiên cố
Chỉ Phật thánh trí chứng biết được**

Dầu thân tôi trụ trong các khổ

Nguyện tâm như thế mãi chẳng thoái.

GIẢNG:

Tỳ kheo Pháp Tạng phát nguyện xong liền thỉnh đức Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai chứng minh.

“*Ngã hạnh quyết định kiên cố lực*” (Hạnh tôi: sức quyết định kiên cố). Chữ “Ngã” là tôi, là Pháp Tạng tự xưng. Hạnh nguyện của tôi vốn sẵn đủ sức kiên cố quyết định. Chỉ có đức Phật Thế Tôn là đáng đã viên mãn ba “giác”, ngũ nhãn rạng ngời, trí tuệ vô ngại mới có thể chân thật chứng minh cho tôi, nên nói:

“*Duy Phật thánh trí năng chứng tri*” (Chỉ Phật thánh trí chứng biết được). Hơn nữa, ngài Pháp Tạng phát nguyện thì đã thuộc về cảnh giới rất sâu của bậc Địa Thượng Bồ Tát, nên những người khác chẳng thể thấu hiểu nổi, chỉ có thánh trí của Phật mới có thể chứng biết. Điều này chứng tỏ Đại Sĩ Pháp Tạng diệu đức khó thể lường nổi.

Hai câu kệ cuối chính là kết thế để lập tâm. Bản Đường ghi:

“*Túng trầm vô gián chư địa ngục*

“*Như thị nguyện tâm chung bất thoái*”.

(Dầu chìm trong các ngục Vô Gián, nguyện tâm như vậy trọn chẳng thoái). “Địa ngục Vô Gián” khổ sở vô hạn, bản Đường dịch lấy nổi khổ nặng nề nhất trong địa ngục Vô Gián để chỉ chung tất cả nổi khổ khác. Trong bản hội tập này, ngài Pháp Tạng thệ rằng:

“*Túng sử thân chỉ chư khổ trung*” (Dầu cho thân trụ trong các khổ). Chữ “khổ” ở đây dĩ nhiên đã bao gồm cả khổ ở địa ngục. Thệ rằng: Dầu đọa vào địa ngục, hạnh nguyện trên đây của tôi cũng

không thoái chuyển, minh thị rõ điều được nói trong câu kệ phía trước

“Ngã hạnh quyết định kiên cố lực” (Hạnh tôi: sức quyết định, kiên cố). Trên đây là phần giải thích của cụ Hoàng Niệm Tổ.

Sách Hội Sớ giảng: *“Nếu chỉ có nguyện thì nguyện ấy là hư dối. Nếu chỉ có hạnh, hạnh ấy cũng luống uổng. Vì vậy, nguyện hạnh phải hỗ trợ nhau thì việc làm mới thành tựu”*.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chúng ta sống trong thời đại này, cho dù bạn có thành tâm thành ý, nhiệt tâm hoằng pháp lợi sinh thế mấy, chướng nạn quyết cũng không thể tránh miễn! Khi gặp những chướng ngại, thử thách này, phải có tâm nhẫn nại, phải nhớ đến lời giáo huấn của Pháp Tạng Tỳ kheo:

“Túng sử thân chỉ chư khổ trung

Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái”.

(Dẫu cho thân trụ trong các khổ, nguyện tâm như thế mãi chẳng thoái). Chính mình tu học rất khổ nhọc, độ chúng sinh lại càng khổ nhọc hơn! Có lúc họ không tiếp nhận hảo ý của mình lại xem thành ác ý, còn tìm cách phá hoại, đến gây phiền phức, chướng ngại, thậm chí còn hủy báng, đố kỵ v.v... Những sự việc này rất bình thường.

Khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, trong tăng đoàn của ngài có lục quần Tỳ kheo, học trò không nghe lời gây rối; bên ngoài có ngoại đạo, có ma vương Ba Tuần. Đây là Phật thị hiện để chúng ta thấy: Phật tự hành hóa tha còn có chướng ngại, huống hồ là chúng ta không gặp chướng ngại hay sao?! Cho nên, chúng ta phải luôn luôn có tâm cảnh giác, dùng tâm cảm kích, chăm chỉ nỗ lực tu học đúng pháp, vui vẻ tiếp nhận mọi sự việc, xem đây như là sự giám sát, nhắc nhở của họ đối với chính mình.

Nếu ngày ngày chúng ta chỉ ở trước Phật, Bồ Tát phát nguyện, vẫn chưa thực tiễn được trong đời sống thì nguyện đó chỉ là “không nguyện”. Mặt khác, nếu có “Hạnh” mà không có “Nguyện” thì việc làm của chúng ta chẳng có phương hướng, mục tiêu; có khác nào người đi đường cứ đi và đi mãi nhưng chẳng biết về đâu! Cho nên, then chốt là Hạnh, Nguyện phải tương ưng. Tóm lại, phẩm thứ tư này, tổng hợp có mười bài kệ (mỗi bài kệ có bốn câu). Trong mười bài kệ, chúng ta qui nạp lại thành ba sự việc:

- *Thứ nhất là tự giác:*

Đối với chính mình. Pháp tạng cầu nguyện sớm ngày thành Phật, chỉ thành Phật mới có thể là Đạo Sư giáo hóa tất cả chúng sinh, đây là tự cầu.

- *Thứ hai là giác tha:*

Sau khi tự cầu viên mãn, nhất định phải lợi tha. Bồ Tát Pháp Tạng giác ngộ tường tận: Hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là chính mình, không phải người khác, nên từ chỗ này mà hưng khởi “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, đây là Phật tri, Phật kiến; Kinh Pháp Hoa gọi là vào Tri Kiến Phật.

- Vì sao tất cả chúng sinh là chính mình?

- Vì tất cả đều từ một niệm tự tánh biến hiện ra!

Tất cả chúng sinh ở đây bao gồm: Chúng sinh hữu tình, chúng sinh vô tình (như thực vật, khoáng vật), cũng bao gồm tất cả hiện tượng tự nhiên.

- *Thứ ba là “thường hành Lục Độ, độ sanh thành Phật”:*

Thường hành Lục Độ là thành tựu chính mình, đồng thời cũng thành tựu tất cả chúng sinh. Không chỉ ngài Pháp Tạng dùng

phương pháp này để thành Phật mà mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đều dùng phương pháp này để thành tựu.

Ngày nay, chúng ta cũng phát tâm tự hành hóa tha, noi gương theo Bồ Tát Pháp Tạng. Thực tế, bốn mươi tám nguyện quá dài, khó nhớ, nhưng mười bài kệ này thì dễ nhớ. Mười bài kệ này chính là tổng cương lĩnh của bốn mươi tám nguyện. Nghĩ xem, chúng ta cùng mười bài kệ này có tương ưng chăng? Sinh tử, luân hồi quá khổ! Học Phật, nếu không gặp được pháp môn Tịnh Độ, thực tế mà nói, đó thật là không có phước báo, muốn ngay đời này siêu việt sáu cõi luân hồi, thoát ly ba đường ác, thật không phải dễ dàng! Chúng ta may mắn gặp được pháp môn này phải biết trân trọng, đây là cơ duyên rất khó được, không nên trì hoãn mà mất đi cơ hội. Hiện tại thế gian này động loạn! Thế giới không chỗ nào có thể an toàn!

- Làm thế nào cầu được chư Phật, Bồ Tát bảo hộ?

- Phải dùng tâm chân thành, chí thiết mới được cảm ứng. Cho dù có tai nạn thì tai nạn cũng giảm nhẹ.

Trong tất cả kinh, chúng ta thấy có kinh được một vị Phật, hai vị Phật, ba bốn năm vị Phật tán thán; nhưng được mười phương ba đời tất cả chư Phật tán thán thì chưa thấy qua. Duy chỉ có hai bộ kinh được tất cả chư Phật đều tán thán, đó là *Kinh Vô Lượng Thọ* và *Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn nguyện*.

- Chư Phật Như Lai vì sao tán thán A Di Đà Phật?

- Vì hạnh nguyện hoằng thâm của ngài không thể nghĩ bàn! Tất cả chư Phật phát nguyện độ sinh chỉ trong giới hạn phạm vi quốc độ nào đó, riêng độc nhất chỉ có A Di Đà Phật là muốn độ tận hết tất cả hư không, khắp pháp giới chúng sinh, cho nên chư Phật tán thán.

- Chư Phật Như Lai vì sao tán thán Bồ Tát Địa Tạng?

- Bồ Tát Địa Tạng đại biểu cho hiếu đạo, cho “hiếu thân tôn sư”. Đây là pháp đại căn, đại bản của chư Phật, Bồ Tát tu hành. Nếu xả bỏ căn bản này thì không thể nào thành tựu. Cho nên mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đều là học trò của ngài Địa Tạng.

Nên nhớ: Không có vị Phật, Bồ Tát nào không hiếu thuận cha mẹ; không có vị Phật, Bồ Tát nào không phụng sự sư trưởng. Chúng ta ngay một đời thành tựu, ân đức của cha mẹ và sư trưởng rất lớn. Cho nên, trong pháp Bồ Tát dạy chúng ta “*Tri ân, báo ân*”. “*Tri ân, báo ân*” là ở trong Kinh Đại Bát Nhã, tinh yếu nhất chính là ân cha mẹ và ân sư trưởng. Phật, Bồ Tát là sư trưởng của chúng ta, điều này phải biết.



IX. CHÍ TÂM TINH TẤN ĐỆ NGŨ

Phẩm này tiếp ý phẩm trước. Pháp Tạng Bồ Tát phát đại nguyện rằng: Tôi đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, lúc tôi thành Phật, quốc độ, Phật hiệu đều nổi tiếng, mười phương, hết thầy hữu tình cho đến các loại trùng bọ, hễ sinh vào nước tôi đều thành Bồ Tát, chẳng có thừa nào khác (ngoài Bồ Tát thừa) và nguyện rằng do Nhất Thừa nguyện hải vừa được phát khởi ấy, cõi nước của tôi sẽ siêu việt vô số cõi Phật. Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai đáp ứng lời thỉnh, hiện cho Pháp Tạng thấy hai trăm mười ức cõi Phật. Pháp Tạng liền tu tập siêng gắng trong năm kiếp, kết thành nguyện thù thắng, nhiếp thọ cõi nước vượt trội xa hơn cả hai trăm mười ức Phật sát ấy. Do vậy, phẩm này mang tên “*Chí tâm tinh tấn*”.

“Chí tâm” là tâm hạnh chí thành vô thượng. Pháp Tạng sau khi đích thân được thấy vô biên cõi Phật “*tiện nhất kỳ tâm, tuyền trạch sở dục*” (liên nhất tâm chọn lựa lấy những điểm mình ưa thích), “nhất tâm” tức là “chí tâm”. “*Tinh tấn*” là “*tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì, tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp*” (siêng năng, gắng gỏi, cung kính, thận trọng gìn giữ, tu tập công đức trọn cả năm kiếp), “*thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hạnh*” (thành tựu hạnh trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh).

KINH VĂN:

***Pháp Tạng tỳ kheo thuyết thử kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn: -
Ngã kim vi Bồ Tát đạo, dĩ phát Vô Thượng Chánh Giác chí tâm,
thủ nguyện tác Phật, tất linh như Phật. Nguyện Phật vị ngã quảng
tuyên kinh pháp, ngã đương phụng trì, như pháp tu hành, bạt chư
cần khổ sinh tử căn bản, tốc thành Vô Thượng Chánh Đẳng
Chánh Giác, dục linh ngã tác Phật thời, trí tuệ quang minh, sở cư***

quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương, chư thiên nhân dân, cập quyền nhuyển loại, lai sinh ngã quốc, tất tác Bồ Tát. Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả, ninh khả đắc phủ?

VIỆT DỊCH:

Tỳ kheo Pháp Tạng nói bài kệ ấy xong liền bạch Phật rằng: - Con nay hành Bồ Tát đạo đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, phát nguyện thành Phật ngõ hầu được như đức Phật. Nguyện Phật vì con rộng tuyên kinh pháp, con sẽ phụng trì, tu hành đúng như pháp, nhờ các cội rễ sinh tử nhọc nhằn, chóng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Con muốn khi mình được thành Phật, trí tuệ quang minh, quốc độ mình ở, giáo thọ danh hiệu đều nổi tiếng mười phương. Chư thiên, nhân dân và các loài bay, bò... hễ sinh về nước con đều là Bồ Tát. Nguyện con lập đây: (Cõi nước của con) thù thắng hơn vô số nước của chư Phật, có thể đạt được hay chăng?

GIẢNG:

Phía trước chúng ta xem thấy Pháp Tạng lúc còn ở nhân địa đã phát đại thệ nguyện. Đoạn kinh này, ngài dùng lối văn trường hàng để bạch Phật.

“Ngã kim vi Bồ Tát đạo” (Con nay hành Bồ Tát đạo). Đạo Bồ Tát là chí độ chúng sinh, (không vì chính mình), vì Phật pháp cứu trợ thế gian, vì thay chư Phật Như Lai phổ độ chúng sinh, đó chính là vì Bồ Tát đạo. Chỗ này là then chốt tu hành thành bại của chúng ta.

“Đĩ phát Vô Thượng Chánh Giác chí tâm” (Đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác). Mười bài kệ phía trước của tỳ kheo Pháp Tạng chính là tường thuật ngài đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đây

là điều quan trọng để nhập đạo, trước nhất phải phát tâm. Kinh Phật thường nói: *“Nhập đạo yếu môn, phát tâm vi thủ. Tu hành cấp vụ, lập nguyện u tiên”*. Chữ “phát” ở đây chính là phát nguyện.

“Thủ nguyện tác Phật” (Phát nguyện thành Phật). Mục đích của Pháp Tạng là một lòng một dạ quyết phải làm Phật, nên nói: đây chính là thành tựu phát tâm Vô Thượng. Trong Đàn Kinh, chúng ta xem thấy Đại sư Huệ Năng, khi ngài đến Hoàng Mai tham phỏng, Ngũ Tổ hỏi:

- Ông đến đây làm gì? Ngài nói: - Con đến đây nguyện làm Phật! Cho nên ngài liền thành Phật như nguyện.

Ngày nay, chúng ta đến đạo tràng để làm gì? Từ trước đến nay chưa từng nghe qua ai đến đạo tràng này để làm Phật. Không nghe nói! Cho nên không làm được! Bạn không có nguyện vọng làm Phật! Bạn không có chí khí này! Tu hành, việc cấp thiết nhất là phải lập nguyện. Chúng ta xem thấy, kinh văn vừa mở đầu chính là “Tứ Hoảng Thệ Nguyện”. Phía sau trong khoa đề nhỏ: Học Pháp môn, đoạn phiên não, thành Phật đạo, độ chúng sinh. Nếu khởi tâm động niệm vẫn vì chính mình ấy là bạn trong “giác” vẫn còn mang “mê”, vẫn chưa hoàn toàn giác ngộ, chưa phải Chánh Giác! Chân thật giác ngộ phải đem mê tình đoạn tận mới được.

- Cái gì là mê tình?

- “Ngã”, “tự tư” là mê tình!

- Sau khi đoạn tận mê tình có còn phân biệt, chấp trước hay không?

- Chúng ta chưa rời khỏi thế gian, còn sống chung với mọi người, làm sao có thể không phân biệt, không chấp trước! Giả như có người hỏi:

- Bạn là ai? - không biết!

- Bạn tên gì? - không biết!

Vậy thì không được! Biết và không biết vẫn là phân biệt! Đại sư Vĩnh Gia sau khi khai ngộ, đáp lời hỏi của Lục Tổ rằng: “*Phân biệt diệc phi ý!*” (Phân biệt cũng không phải là ý) vậy thì đúng! Nếu hỏi:

- Phật có phân biệt không?

- Nếu Phật không phân biệt làm sao có thể giảng kinh! Không phân biệt thì không thể giảng kinh; không chấp trước thì không thể giảng “giới”. Cho nên, Phật, Bồ Tát cũng phân biệt, cũng chấp trước, nhưng phân biệt, chấp trước đó không phải là chính ý của các ngài mà là “*hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức*”, cũng chính là “*hòa quang đồng trần*”. Nên nhớ, trong “*Tứ Nhiếp Pháp*” có “*Đồng sự nhiếp*” là đạo lý này.

Hiện tại, chúng ta cần phải đem đời sống vật chất chính mình điều chỉnh đến mức thấp nhất. Cái gọi là ba bữa cơm được no, quần áo mặc đủ ấm, một phòng nhỏ để che mưa che nắng thì đủ rồi. Đời sống tinh thần phải nâng cao được giống như chư Phật, Bồ Tát, đó là người giác ngộ.

Người thế gian không giác ngộ, đời sống vật chất của họ không ngừng nâng cao, nhưng đời sống tinh thần thì hoàn toàn trống rỗng! Nhiều nhất là ca vũ, dùng những thứ này để điều tiết, đó là những liều thuốc mê, chất độc, không hề có đời sống tinh thần! Trong kinh, Phật gọi những người này là kẻ đáng thương! Sau khi thọ mạng hết rồi, họ đi vào ác đạo!

“*Tất linh như Phật*” (Đều được như Phật):

Người thông minh, giác ngộ lấy Phật làm mục tiêu chuẩn mực cho sự tu học của chính mình. Hướng đến Phật, Bồ Tát học tập, mọi thứ phải học được cho giống như Phật: Khởi niệm giống như

Phật, lời nói giống như Phật, đối nhân xử thế tiếp vật đều giống như Phật. Học Phật mà không giống Phật thì học sai rồi!

Học Phật phải có trí tuệ. Nguồn gốc của phát huy trí tuệ chỉ có cách là nghe kinh và niệm Phật. Nghe kinh không niệm Phật, khai trí tuệ rất chậm! Niệm Phật không nghe kinh, khai trí tuệ cũng chậm! Nghe kinh cùng niệm Phật song hành thì trí tuệ mới khai mở nhanh chóng. Người không có trí tuệ luôn hành xử sai lầm, chính mình làm sai cũng không hay biết, còn tự cho mình làm được rất nhiều công đức, không biết chính mình đang tạo nghiệp! Đây chính là ngu si! Ngu si là đem thật cho là giả, đem giả cho là thật, không thể phân biệt tà chánh, đem chánh pháp xem thành tà pháp, đem tà pháp cho là chánh pháp, thiện ác điên đảo, lợi hại điên đảo, gọi là ngu si!

“*Nguyện Phật vị ngã, quảng tuyên kinh pháp, ngã đương phụng trì, như pháp tu hành*” (Nguyện Phật vì con rộng tuyên kinh pháp, con sẽ phụng trì, tu hành đúng như pháp): “*tuyên*” là tuyên giảng, “*kinh pháp*” là lời do kim khẩu Phật nói ra, là pháp thường hằng cho muôn đời, “*phụng trì*” chính là chữ “phụng hành” thường dùng, có nghĩa là “kính vâng nhận lấy” và “hành trì”. Cuối các kinh thường ghi: “Tín thọ phụng hành”, ý nói kính nhận, tuân hành, cung kính gìn giữ không mất. Chữ “*như pháp tu hành*” rất quan trọng! Chúng ta ngay đời này có thể thành tựu hay không, then chốt ở câu này.

“*Bạt chư căn khổ, sanh tử căn bản*” (Nhổ các cội rễ sinh tử nhọc nhằn). Câu này là đoạn phiền não. “*Bạt*” là phải nhổ tận gốc. “*Bạt chư căn khổ, sanh tử căn bản*” là nhổ tận gốc rễ của sinh tử. Nếu còn tùy thuận theo phiền não, tập khí thì vẫn là mê hoặc điên đảo, chưa giác ngộ. Cho nên, mỗi ngày phải phản tỉnh. Trong nhà Phật, sám hối chính là phản tỉnh. Tịnh Tông chúng ta, thời khóa buổi tối chọn đọc kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm ba mươi hai đến

phẩm ba mươi bảy. Trong đoạn kinh văn này là nói năm giới, mười thiện giúp chúng ta phản tỉnh, bạt trừ cội gốc phiền não.

Muốn bạt trừ cội gốc phiền não, trước nhất phải nhận biết nó. Ngày nay, chúng ta vẫn chưa nhận biết rõ ràng đối với bản chất của phiền não, vẫn xem nó là bạn tốt, vẫn mỗi niệm chưa chịu rời xa nó, đó chính là ngu si. Trên kinh Phật nói: “Khi chưa chứng đắc chớ tin vào cách nhìn, cách nghĩ của mình”. A-la-hán mới là Chánh Giác. “Chánh” là không tà, không có sai lầm, cách nhìn, cách nghĩ của họ mới có thể tin tưởng. Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

- Điều kiện “Chánh Giác” của A-la-hán là gì?

- Phải đoạn hết “Kiến Tư phiền não”: “Kiến” là kiến giải, “Tu” là tư tưởng. “Kiến Tư phiền não” là cách thấy, cách nghĩ sai lầm rơi vào trong phân biệt, chấp trước. Nếu dùng lời của Kinh Kim Cang mà nói A-la-hán đã phá được bốn tướng. Thật ra Tu-đà-hoàn cũng đã lìa bốn tướng: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng mới chứng được quả Tu-đà hoàn. Giữa A-la-hán và Tu-đà-hoàn chỉ khác nhau ở công phu cạn, sâu, rộng, hẹp mà thôi.

“Tốc thành Vô Thượng Chánh-Đẳng Chánh Giác”

(Chóng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Đây là nói chứng quả; không chứng quả nhất định sẽ thoái chuyển! Phật trong kinh Đại, Tiểu thừa đều nói: Bồ Tát đến Bất Động Địa tức là Bất Động Địa mới không thoái chuyển. Do đây có thể biết Bồ Tát Thất Địa trở xuống vẫn còn thoái chuyển. Tuy nhiên, thoái chuyển của họ cũng có mức thấp nhất, như Tiểu thừa thoái chuyển đến mức thấp nhất là Tu-đà-hoàn. Bồ Tát Đại thừa không thể thoái chuyển đến hàng Thanh Văn, mà mức thấp nhất là “Hành Bất Thoái”. Đại Bồ Tát thoái

chuyển không thể thoái hơn Sơ Địa. Sơ Địa là mức thấp nhất của họ gọi là “Niệm Bất Thoái”.

- Vì sao họ còn thoái chuyển?

- Vì tập khí phiền não của họ còn rất nặng! Bên ngoài mê hoặc họ không chống nổi nên thoái chuyển! Thế nhưng, tri kiến nhận biết của họ không thể thoái chuyển, chỉ vì không thể tránh khỏi mê hoặc của phiền não nên thoái chuyển, đây là biết rõ mà vẫn cố phạm! Phàm phu luôn có hiện tượng này! Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cũng có! Trên kinh nêu ra thí dụ:

Sư Tử Giác, Vô Trước và Thiên Thân Bồ Tát là ba huynh đệ. Sư Tử Giác là huynh trưởng, công phu không tệ, được sinh lên trời Đâu Suất. Trước đó, họ hẹn nhau: Sau khi anh lên trời Đâu Suất nhớ mau quay lại báo tin. Thế nhưng, sau khi Sư Tử Giác đi rồi, rất nhiều năm vẫn không có tin tức! Đến lượt Bồ Tát Vô Trước vãng sinh đến Đâu Suất Nội Viện, sau ba năm mới trở lại gặp Thiên Thân. Thiên Thân là tiểu đệ, Bồ Tát Thiên Thân nói với ngài:

- Huynh đi sao lâu quá vậy? Bồ Tát Vô Trước nói:

- Ta chỉ đi một vòng Trời Đâu Suất thì lập tức quay về. Trời Đâu Suất một ngày bằng nhân gian chúng ta bốn trăm năm. Thiên Thân bèn hỏi thăm về Sư Tử Giác. Ông nói: -Sư Tử Giác đã bị những thiên nữ mê hoặc rồi! Chưa hề đến Nội Viện! Hiện đang ở Đâu Suất Ngoại Viện hưởng năm dục sáu trần. Dục lạc nơi đây, cõi phàm phu không thể sánh được, ngay cả trời Đao Lợi, trời Dạ Ma cũng không thể sánh bằng. Việc này chứng tỏ Bồ Tát vẫn còn bị thoái chuyển, đừng nói chi đến Thanh Văn càng dễ dàng thoái chuyển. Đây chính là không ngăn nổi mê hoặc của vật chất.

Vào thời đại này, nếu muốn ngay trong một đời “*tốc thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, ngoài Niệm Phật vãng sinh

thế giới Tây Phương Cực Lạc ra, như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Tu học bất cứ pháp môn nào đều không thể thành tựu! Thứ nhất là do căn khí con người quá thấp kém không như người xưa. Thứ hai do hoàn cảnh hiện tại ác liệt hơn thời xưa rất nhiều; cũng chính là nói năm đục sáu trần mạnh hơn thời xưa gấp trăm, ngàn lần, bạn có năng lực vượt qua không?!

- Chân thật thành tựu chỉ có “*Đời nghiệp vãng sinh*”. Singapore, đạo tràng này tuy ở nơi đô thị náo nhiệt, nhưng rất khó được! Trong chỗ động mà có tịnh. Bạn chân thật muốn thành tựu đạo nghiệp thì chớ nên đi ra ngoài; ra ngoài cửa lớn là lò ô nhiễm. Bạn ở trong này, sáu căn tiếp xúc đều là Phật pháp, đều là Chánh pháp. Thường trụ nơi đây chăm sóc đại chúng rất chu đáo, chúng ta phải tri ân, báo ân.

- Làm thế nào để báo ân?

- Thành thật Niệm Phật, như pháp tu hành là chân thật báo ân.

Năm xưa, chùa Quốc Thanh, câu chuyện này có rất nhiều người biết: Văn Thù, Phổ Hiền làm công quả trong nhà bếp; A Di Đà Phật giả gạo trong nhà kho; Phật, Bồ Tát đến cúng trai! Đạo tràng này của chúng ta cũng không ngoại lệ! Cũng có chư Phật, Bồ Tát đến cúng dường! Mọi người vạn nhất không nên tìm hiểu: người công quả trong nhà bếp, ai là Phật, Bồ Tát tái lai? Chúng ta đều không biết! Họ cũng không chịu nói! Chúng ta chỉ duy nhất một việc là cung kính tất cả, vạn nhất không nên đắc tội! Có thể A Di Đà Phật đang đốt lửa, ở đó xào rau, nếu bạn đắc tội, là đắc tội ngay trước mặt Phật, còn muốn vãng sinh đến thế giới Cực Lạc hay sao? Tôi nói đây là lời thật, rất là có thể! Nhất là thời mạt pháp, đạo tràng hi hữu khó gặp này!

Tóm lại, nhất định phải phát tâm vãng sinh Tịnh Độ. Đại sư Ngẫu Ích nói: Có thể vãng sinh hay không quyết ở nơi Tín Nguyện bạn có hay không? Phẩm vị cao thấp là do công phu Niệm Phật của bạn sâu hay cạn.

- Công phu Niệm Phật sâu hay cạn là như thế nào?

- Câu Niệm Phật của bạn chân thật có thể hàng phục được phiền não đó là công phu sâu. Nếu niệm Phật mà không khống chế được phiền não là công phu cạn.

Nên nhớ: Ngày ngày nghe kinh là tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng nguyện tâm. Ngày ngày niệm Phật là tăng cao phẩm vị. Thế gian này là giả! Danh vọng lợi dưỡng, công danh phú quý là một mảng không, đến sau cùng chẳng mang theo được thứ gì! Chỉ có Niệm Phật, công phu sâu cạn thì nhất định có thể mang đi. Hơn nữa, nếu không như pháp tu hành, ta có lỗi với chúng sinh. Ta sớm một ngày thành tựu, chúng sinh sớm được một ngày lìa khổ được vui. Ta trễ một ngày thành tựu, chúng sinh thêm một ngày chìm ngập khổ đau. Đây là sứ mạng, nghĩa vụ của người học Phật luôn nghĩ đến chúng sinh.

“Dục linh ngã tác Phật thời, trí tuệ quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương” (Con muốn khi mình được thành Phật, trí tuệ quang minh, quốc độ mình ở, giáo thọ danh hiệu đều nổi tiếng mười phương): Đây là “phổ văn”, là căn bản của nguyện thứ mười bảy “chư Phật khen ngợi”, nguyện thứ mười tám “mười niệm ắt vãng sinh” và nguyện thứ mười chín “nghe tên phát tâm” trong bốn mươi tám nguyện. “Phổ văn” ở đây là vì lợi ích chúng sinh, không phải vì chính mình háo danh muốn nổi bật tên tuổi, đây là tâm phàm phu làm việc luân hồi.

- Vì sao phải “Phổ văn”?

- Có “Phổ văn” mới có thể nhiếp thọ, lợi ích tất cả chúng sinh.

Chúng sinh ở mười phương nhờ nghe danh hiệu Phật liền phát khởi tâm Bồ Đề, một dạ chuyên niệm; thậm chí chỉ mười niệm cũng đều được vãng sinh. Như vậy, chúng sinh đắc độ trước hết là do nghe danh. Nên nhớ: “Phổ văn” này phải xứng với thực chất, không phải là hư danh, mà phải chân thật là người có đức hạnh mới có thể giúp tất cả chúng sinh. Chữ “quang minh” ở đây là đức dụng của trí tuệ. Quang minh phổ chiếu là trí tuệ của Phật có thể lợi ích tất cả chúng sinh. Ý nghĩa trong đây thật vô cùng sâu rộng.

- Để giúp chúng sinh nhận biết Phật pháp, lý giải Phật pháp và tu học Phật pháp, chúng ta phải dùng cách gì?

- Duy nhất chính là truyền pháp!

Hiện tại, chúng ta lợi dụng đường truyền. Tương lai nếu có cơ duyên, có thể lợi dụng truyền hình vệ tinh phóng “đại quang minh”. “*Trí tuệ quang minh*”, chúng ta phải từ chỗ này mà nhắm đến, từ chỗ này mà cấu tượng.

“*Sở cư quốc độ*”, đây chính là thôn Di Đà. Lần đầu tiên tôi có khái niệm này là vào năm 1983, đã nghĩ đến hơn mười năm. Hiện tại, cư sĩ Lý Mộc Nguyên phát tâm thực hiện thôn Di Đà. Đây là việc tốt nhưng cũng nhiều dầy vò! Vấn đề là chúng ta phải chân thật quyết tâm, phải có nghị lực, thật sự vì chúng sinh thì mới có cảm ứng. Nếu trong đây còn có tâm riêng tư thì ma liền chướng ngại!

- Việc tốt nhiều dầy vò! Vì sao vậy?

- Ma đó ký!

Có thể biết tâm đó ký chính là ma, tâm ma! Tâm “tham-sân-si” cũng là ma! Họ sẽ đến nhiều loạn, chướng ngại bạn. Thôn Di Đà

sau khi xây xong, chúng ta sẽ ở đó làm công quả, không phải đến để hưởng thụ quyền lợi.

Dưỡng lão là một đại sự nghiệp. Xã hội phương tây ngày nay chăm sóc người già chỉ trên phương diện hình thức, không có đời sống tinh thần. Tuy một số viện dưỡng lão mỗi tuần cũng có một tiết mục ca vũ biểu diễn, người già đều sẽ tham gia. Nhưng thực tế, đó cũng là quá ít!

Chúng ta đến tham quan viện dưỡng lão, xem thấy người già, đời sống tinh thần họ rất thống khổ, làm thế nào có thể giúp họ? - Phải giúp họ đạt đến mục tiêu cao nhất của tôn giáo họ. Mục tiêu thôn Di Đà chúng ta là giúp họ vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phải giảng cho họ nhận biết rõ ràng về thế giới Tây Phương Cực Lạc, khiến họ sinh tâm hoan hỉ, ngưỡng vọng, mới chịu niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Cũng thế, viện dưỡng lão Ky-tô giáo, hay bất cứ tôn giáo nào cũng đều phải giúp những người già này chân thật đạt đến được thiên đường của họ. Nếu họ không thể đến thiên đường, bạn có thành lập viện dưỡng lão cũng là vô nghĩa!

Cho nên, giáo dục tôn giáo rất là quan trọng! Giáo dục này là giáo dục siêu phàm nhập thánh. Lúc trẻ, họ không có cơ hội học, tuổi già chúng ta phải tận lực giúp họ tiếp nhận giáo dục này. Ngày nay, mọi người có thể ra tiền, ra sức mà thành tựu thôn Di Đà, thành tựu “*sở cư quốc độ*” của chúng ta.

Lần này, tôi đến Trung Quốc, có số đồng tu nói với tôi, ở Thượng Hải nghe nói tôi qua họ rất hoan hỉ. Tháng sau, chính phủ thành phố Thượng Hải muốn mời tôi cùng cư sĩ Lý qua thăm một chuyến, đến để nói về việc của thôn Di Đà. Họ nghe nói đến thôn Di Đà thì rất có hứng thú, vì người già mỗi ngày càng nhiều, làm thế nào giúp họ trải qua cuối đời được hạnh phúc mỹ mãn; họ hy vọng chúng ta đem cầu tướng của thôn Di Đà giới thiệu cho họ. Cho nên,

vì sự việc này chúng ta phải đến Thượng Hải, đem khái niệm của thôn Di Đà hoằng dương đến toàn thế giới. Từ thôn Di Đà tiếp dẫn thông vãng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc.

“*Giáo thọ danh tự, giai văn thập phương*” (Việc dạy dỗ, danh hiệu đều nổi tiếng khắp mười phương): Trong đây có người, có “pháp”. Tên tuổi của người chính là ngày nay chúng ta gọi là Tây Phương Tam Thánh gồm có: A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát. “Pháp” là chỉ “Tịnh Độ ba kinh”: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Kinh A Di Đà. Về sau, chư Tổ, đại đức đem Phẩm Phổ Hiền Hạnh nguyện cùng Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông chương thêm vào phía sau ba kinh, trở thành “Tịnh Độ năm kinh”. Lại thêm phần Vãng Sinh Luận của Bồ Tát Thiên Thân. Đây là Bồ Tát Thiên Thân báo cáo tâm đắc tu học Tịnh Độ. Cho nên, toàn bộ kinh điển Tịnh Tông hiện tại gồm có năm kinh một luận.

Hai câu trên đây là căn bản của nguyện thứ mười bảy “chư Phật khen ngợi”. Chúng sinh đắc độ trước hết nhờ được nghe danh. Nhờ được nghe danh đức Phật A Di Đà, biết được đại nguyện độ sinh của ngài, nhất là nguyện thứ mười tám “Mười niệm ắt vãng sinh”. Vì vậy, họ mới phát tâm nguyện sinh về thế giới Cực Lạc, một đời thành Phật.

Trong phán khoa nói rất rõ: *Chánh báo diệu, y báo diệu, danh hiệu diệu*. Ý nghĩa chữ “*diệu*” này rất sâu, chân thật là “*diệu*” đến không thể nghĩ bàn! Nếu không thể thâm nhập kinh tạng, thâm giải nghĩa thú, không thể nào biết được ba chỗ “*diệu*” này. Ba thân của A Di Đà Phật (Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân) không chỉ là “*giai văn thập phương*” mà còn biến chiếu khắp mười phương pháp giới, không chỗ nào không có, đây là “*Chánh báo diệu*”. “*Sở cư quốc độ*” là thế giới Tây Phương Cực Lạc; nhiếp thọ tất cả chúng sinh

Niệm Phật từ mười phương ba đời thế giới chư Phật, đây là “*Y báo diệu*”. Tất cả chúng sinh ở mười phương thế giới chỉ nương vào câu Phật hiệu “A Di Đà Phật” mà được vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, công đức danh hiệu thật chẳng thể nghĩ bàn! Đây là “*Danh hiệu diệu*”.

“*Chư thiên nhân dân cập quyên nhuyển loại, lai sinh ngã quốc, tất tác Bồ Tát*” (Chư thiên nhân dân và các loài trùng, bay, bò v.v... sinh về cõi tôi đều thành Bồ Tát): Câu này ý nói A Di Đà Phật bình đẳng tiếp thọ tất cả chúng sinh về Tây Phương Cực Lạc, trong đó không có Nhị thừa mà chỉ là Bồ Tát, đều thuộc về Nhất thừa nguyện hải, đây quả thật là Tịnh Độ siêu thắng không gì bằng! Phía trước đã nói: Pháp môn này là bình đẳng thành Phật, dễ tu, dễ chứng, dễ hành; nếu chân thật tin tưởng, quyết tâm Niệm Phật không xen tạp, không gián đoạn, phát nguyện vãng sinh, bạn chắc chắn sẽ thành tựu.

Có một loại người không thể tiếp nhận, họ nói Tây Phương Cực Lạc là Thích Ca Mâu Ni Phật nói để an ủi những ông bà cụ, an ủi một số người không tri thức. Họ nêu ra: Địa cầu là tròn, nếu ngồi phi cơ bay về hướng Tây suốt mấy tiếng đồng hồ cuối cùng vẫn là quay trở lại, vậy Tây phương rốt cuộc ở chỗ nào?! Có rất nhiều vấn đề kỳ lạ cổ quái, chỉ có người chân thật mới có được lợi ích. Thực tế, đức Phật giáo hóa chúng sinh, bao gồm tất cả pháp môn, không pháp nào mà không phải là pháp phương tiện, riêng pháp môn Tịnh Độ đặc biệt được tất cả chư Phật Như Lai tán thán.

Chúng ta nhất định không hoài nghi, Tây Phương ở chỗ nào không hề gì! Phật A Di Đà đến tiếp dẫn hà tất phải tìm phương hướng! Chúng ta đến một nơi xa lạ, người tài xế đến tiếp chúng ta, có cần hỏi họ đi qua con đường nào, phương hướng nào chăng? Tuyệt đối không cần! Ngồi xe họ thì sẽ đến. Tu pháp môn này cũng vậy,

khi lâm chung A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, đâu cần phải hỏi phương hướng.

Nên biết: Phật nói Tây Phương, đây là phương tiện nói. Phật biết tâm phàm phu cạn cạn luôn phải có chỗ trụ ở một phương hướng, một mục tiêu; nếu không xác định rõ họ sẽ cảm thấy quá mông lung, mơ hồ, rất khó mà tin nhận. Cho nên Phật phải tùy thuận căn khí của chúng sinh mà chỉ ra phương hướng. Người xưa nói: Tây phương mà Phật nói không phải là hướng Tây của địa cầu mà là hướng tây của thế giới Ta Bà. Chúng ta nhất định không hoài nghi lời Phật dạy, y theo lời Phật chúng ta tu hành nhất định sẽ thành tựu.

“Ngã lập thị nguyện đô thắng chư Phật quốc giả, ninh khả đắc phử” (Nguyện con lập đây (cõi nước của con) thù thắng hơn vô số cõi nước chư Phật, có thể đạt được hay không?). Thoạt tiên, đọc đến câu này tôi cảm thấy bàng hoàng, chấn động rất lớn. Trước đây, tôi rất khâm phục Lục Tổ, ngài đích thật khác người! Ngài đến Hoàng Mai đánh lễ Ngũ Tổ. Ngũ Tổ hỏi: Ông đến để làm gì? Con đến để làm Phật! Câu nói này khiến tôi giật thoát cả người!

Thông thường mọi người đến chùa, miếu lễ Phật là để cầu thăng quan, phát tài, cầu tiêu tai khỏi nạn; trước giờ chưa hề nghe qua người nào đến để làm Phật! Bây giờ, đọc đến câu kinh văn này: Rõ ràng Lục Tổ vẫn không bằng ngài. Lục Tổ Huệ Năng chỉ nói làm Phật; chỗ này Pháp Tạng nói: Ngài muốn làm Phật mà còn siêu việt tất cả chư Phật! Lục Tổ muốn làm Phật, chân thật ngài đã thành tựu. Pháp Tạng muốn làm Phật, siêu thắng tất cả chư Phật, ngài cũng đã thành tựu.

KINH VĂN:

Thế Gian Tự Tại Vương Phật, tức vị Pháp Tạng nhi thuyết kinh ngôn: -Thí như đại hải nhất nhân đấu lượng, kinh lịch kiếp

số thượng khả cùng để. Nhân hữu chí tâm cầu đạo, tinh tấn bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc. Nhữ tự tư duy, tu hà phương tiện, nhi năng thành tựu Phật sát trang nghiêm. Như sở tu hành, nhữ tự đương tri, thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp.

VIỆT DỊCH:

Thế Gian Tự Tại Vương Phật liền vì **Pháp Tạng** mà nói kinh rằng: - Ví như có kẻ dùng dầu đong biển cả, trải qua bao kiếp số còn có thể đến tận đáy. Người chí tâm cầu đạo, tinh tấn chẳng ngại ắt đều thành công, nguyện gì chẳng đạt được. Ông tự suy nghĩ tu phương tiện nào để thành tựu được cõi Phật trang nghiêm. Việc tu hành như thế ông nên tự biết, đối với việc thanh tịnh cõi Phật ông nên tự nhiếp.

GIẢNG:

Đại ý đoạn kinh này là Thế Gian Tự Tại Vương Phật bảo Pháp Tạng rằng: “*Thí như đại hải nhất nhân dầu lượng, kinh lịch kiếp số thượng khả cùng để*” (Ví như có kẻ dùng dầu đong biển cả, trải qua bao kiếp số còn có thể đến tận đáy): Ý nói giả sử có người dùng dầu để đong nước trong biển cả, dầu trải qua thời kiếp lâu xa vẫn có thể thấy được tột cùng đáy biển. Người có tâm chí thành cầu đạo, tinh tấn chẳng ngại ắt sẽ đắc quả. Mấu chốt ở đây là hai chữ “*chí tâm*”. Thí dụ trên nhấn nhủ chúng ta phải có nghị lực, có sự quyết tâm kiên trì mới có thể thành công.

“*Hội đương khắc quả*”: Chữ “hội” này, ngài Nghĩa Tịch giảng là “giai dã”, nghĩa là “đều”. Ngài Cảnh Hưng giảng là “*diệc tất dã*” nghĩa là “ắt cũng”. Chữ “khắc” có nghĩa là đạt được, ắt hẳn, toại nguyện. “*Khắc quả*” là cầu được, có nguyện tất thành.

Người thế gian cầu học, tu tập, tâm quá gấp, chỉ hy vọng việc mau thành, tâm lý này phạm lỗi rất lớn. Người xưa thường nói “dục tốc bất đạt”! Chăm chỉ nỗ lực một thời gian thấy chưa thành tựu thì buông bỏ, lại tìm pháp môn khác! Thường hay thay đổi, đổi vài lần đã đến tuổi già, kết quả chẳng thành tựu được môn nào! Muốn làm ra thành tích, nhất định phải một môn thâm nhập, tinh tấn không ngừng.

“Hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc”: Câu nói này Phật không chỉ là an ủi mà còn khích lệ Pháp Tạng: Ông nhất định sẽ thỏa nguyện, chỉ cần tinh tấn thì nguyện gì mà chẳng thành.

“Nhữ tự tư duy, tu hà phương tiện, nhi năng thành tựu Phật sát trang nghiêm. Như sở tu hành, nhữ tự đương tri, thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp”. (Ông tự suy nghĩ tu phương tiện nào để thành tựu được cõi Phật trang nghiêm. Việc tu hành như thế ông nên tự biết, đối với việc thanh tịnh cõi Phật ông nên tự nhiếp). Đoạn khai thị này, đức Phật không trực tiếp đáp lời tỳ kheo Pháp Tạng, lại dùng đến ba chữ “tự”: “*Nhữ tự tư duy*” (ông tự suy nghĩ), “*nhữ tự đương tri*” (ông nên tự biết), “*nhữ ưng tự nhiếp*” (ông nên tự nhiếp). Ý nghĩa ba chữ “tự” này rất thâm sâu, ngầm bảo: Tất cả pháp không thể cầu ở ngoài tâm, cầu ngoài tâm là sai! Phật Giáo nói “ngoài tâm cầu pháp gọi là ngoại đạo”; “ngoại đạo” ở đây không phải phê bình người khác, mà ý nói chớ cầu nơi người khác, phải cầu ở khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chính mình, như vậy có nguyện tất sẽ thành. Tâm thế nào, hành vi sẽ thế đó, quả báo cũng là như vậy, đều do chính mình cầu được.

Sách Hội Sớ, ngài Tuân Đế người Nhật đã giải thích như sau: “*Câu ‘nhữ tự đương tri’ có ý giống như ba lượt ngăn không cho nói trong Kinh Pháp Hoa (Pháp Hoa tam chi). Nghĩa lý đó sâu xa quá, chẳng thể nói một cách dễ dàng được*”. Thuyết này rất hay! Câu kinh

“chỉ chỉ, bất tu thuyết” (thôi thôi, không cần phải nói) của Kinh Pháp Hoa có cùng ý nghĩa với câu này.

- Vì sao không cần phải nói?

- Vì những gì bạn hỏi, đáp án đều ở nơi bạn, không ở nơi khác, chỉ cần bạn quay đầu là hiểu.

Lục Tổ Huệ Năng bảo: “*Mật tại nhĩ biên*” (Điều ẩn mật ở ngay nơi ông). Nguyên nhân câu nói này của Lục Tổ là do ngài Huệ Minh hỏi. (Ngài Huệ Minh trước khi xuất gia là một vị tướng quân Tứ phẩm). Chúng ta biết rằng sau khi Huệ Năng được truyền y bát, Ngũ Tổ bảo ngài phải lập tức ra đi, đến phương Nam trốn, đừng để người khác biết. Sau đó, mọi người chia nhau đi tìm. Huệ Minh tìm thấy Lục Tổ, mục đích là muốn lấy lại y bát. Đại sư Huệ Năng rất thông minh, đặt y bát trên một tảng đá, còn mình thì trốn: Người có thể lấy y bát, còn ta giữ tánh mạng. Nào ngờ, Huệ Minh đến lấy y bát nhưng không nhắc lên được! Lập tức, ông sám hối biết đây không phải là việc tùy tiện, liền chuyển ý mời ngài Huệ Năng ra: - Hiền giả! Tôi đến đây không phải vì y bát mà đến để cầu pháp.

Đại sư Huệ Năng đi ra. Huệ Minh hỏi Lục Tổ:

- Khi ngài ở Hoàng Mai, thầy dạy ngài như thế nào?

- Thầy dạy tôi và dạy ông giống nhau cả thôi!

- Còn có mật ý nào chăng?

- Bí mật ở nơi ông!

Huệ Minh liền khai ngộ! Chỉ một câu nói đã thức tỉnh Huệ Minh (Trong hội của Đại sư Huệ Năng, trong số bốn mươi ba người khai ngộ có cả Huệ Minh). Vì sao vậy? Vì chân thành đến cực điểm, quay đầu là bờ! Nhất niệm quay đầu đó là chân tâm, không phải vọng tâm, vừa điểm đến là tỉnh ngộ ngay.

Các bậc cổ Thiên đức nói: “*Nhữ tự hội thủ hảo, ngã bất như nhữ*” (Ông tự biết lấy điều tốt, ta không bằng ông) cũng chính là nghĩa của ba chữ “*tự*” trong kinh này. Đây đều là lời thật, người thường nghe không hiểu!

- “Tôi không bằng ông”, vậy tôi có thể giúp được ông chăng?

- Ngay Phật cũng không thể giúp!

- Ai có thể giúp?

- Nâng cao cảnh giới là việc của chính mình! Phật chỉ có thể nhắc nhở bạn, làm “tăng thượng duyên” cho bạn, nhưng “thân nhân duyên”, “sở duyên duyên”, “vô gián duyên” nhất định là chính bạn phải đầy đủ. Bản thân không đầy đủ ba duyên này, Phật có làm “tăng thượng duyên” cho bạn cũng không lợi ích, có chăng chỉ là trồng chút hạt giống Phật pháp trong A-lại-da của bạn mà thôi, trong đời này bạn không dùng đến được.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, ba chữ “*tự*” này là khai đạo của Phật đối với Pháp Tạng, gần như hoàn toàn giống với “Thiền Cơ” trong Thiên tông; đây có thể biết, Pháp Tạng không phải là người thông thường. Theo ngài Tuân Đế, câu nói trên còn có ba nghĩa:

1. “*Từ xưa Pháp Tạng Bồ Tát đã gieo trồng thiện căn sâu dày, cao tài dũng triết, siêu dị hơn đời*”. Đối với việc nghiêm tịnh Phật quốc, ngài đã rõ thấu từ lâu. Do trí Phật không gì không biết nên ngài dạy: ‘ông biết như thế nào thì cứ thực hành như thế’ (Điều này cũng chứng minh rằng Pháp Tạng là từ quả hướng nhân).

2. “*Nhiếp thủ Phật quốc đều tùy theo ý thích: Hoặc chọn lấy uế độ, hoặc cầu cõi thanh tịnh, hoặc dung nhiếp tam thừa, hoặc nguyện Nhất Thừa*. Vì vậy, tùy lòng ưa thích của Bồ Tát mà chọn lấy, chẳng cần tuân theo ý chỉ của Như Lai”. Câu này nói lên sự lấy bỏ,

chọn lựa là việc của chính mình, người khác không thể miễn cưỡng mình được.

Chúng ta ngày nay “nhiếp thủ cõi Phật” là kiến tạo đạo tràng.

- Kiến lập đạo tràng có cần hỏi Phật, hỏi người khác chẳng?

- Không cần thiết mà tùy theo tâm bạn!

Như đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã chọn uế độ là cõi ngũ trược Ta Bà này. Khi Phật còn tại thế, phương thức sinh hoạt là khát thực:

- *Tôn giả Đại Ca Diếp:*

Chuyên đến nhà bần cùng khát thực. Hỏi ngài vì sao? -Vì họ quá đáng thương, quá khổ. Tôi đến nhận sự cúng dường của họ để vun bồi phước đức cho họ. Đây là tâm tốt!

- *Tôn giả Tu Bồ Đề:*

Chuyên đến nhà giàu sang khát thực. Hỏi ngài vì sao? -Vì giàu sang khó được! Nếu không tạo thêm cho họ chút phước, họ hưởng hết phước thì sau này sẽ không còn! Cả hai ngài đều có đạo lý, xuất phát từ tâm đại từ bi, các ngài không vì chính mình!

3. *“Phàm là cõi Tịnh Độ, ắt có cõi là báo độ hay hóa độ. Pháp, Báo cao diệu, Bồ Tát chẳng có phần, chỉ nên thuận theo sức mình mà nhiếp thủ, nên bảo: ‘ông nên tự biết’”.*

Ý nói chỗ Pháp Thân và Báo Thân Phật ở là cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ và Thật Báo Trang Nghiêm Độ thật quá ưu cao diệu, Bồ Tát cũng không có phần. *“Chỉ nên thuận theo sức mình”*, ý nói những việc thuộc về Pháp Thân vượt khỏi khả năng của Bồ Tát, phàm phu chẳng thể lãnh hội được nghĩa lý này, nên nói: *“ông nên tự biết”*. Trong đoạn kinh kế tiếp sau đây, Pháp Tạng Bồ Tát lại thỉnh cầu lần nữa.

Tóm lại, ba chữ “tự” trên đây, theo Hòa Thượng Tịnh Không, là “*trực chỉ nhân tâm*”, phải cầu ngay nơi tự tánh. Hướng vào tự tánh mà cầu mới được “*hữu cầu tất ứng*”.

KINH VĂN:

Pháp Tạng bạch ngôn: - Tư nghĩa hoằng thâm, phi ngã cảnh giới. Duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát. Nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện.

VIỆT DỊCH:

Pháp Tạng bạch rằng: - Nghĩa ấy sâu thẳm, chẳng phải là cảnh giới của con, kính xin đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri diễn rộng vô lượng cõi nước màu nhiệm của chư Phật. Nếu con được nghe những pháp như vậy, tư duy, tu tập, thề sẽ viên mãn sở nguyện.

GIẢNG:

Phía trước, chúng ta thấy Bồ Tát Pháp Tạng thỉnh pháp Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Phật nêu ra thí dụ rất hay nhằm khích lệ ngài: Phạm là người chân thật chí tâm cầu đạo, tinh tấn không ngừng, quyết sẽ có thành tựu. Cũng chính là, nhà Phật thường nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”.

Bồ Tát Pháp Tạng phát ra lời nguyện quá hi hữu, chân thật đáng để chúng ta tán thán tự đáy lòng. Ngài không những chỉ mong cầu làm Phật, mà thành tựu của ngài phải siêu việt tất cả chư Phật. Đại nguyện của ngài không phải trí tuệ Bồ Tát thông thường có thể hiểu ra được. Trong thuật ngữ Phật pháp nói: “Năm thừa đều vào Báo Độ”, sự việc này tất cả chư Phật Như Lai không phải không làm được mà là chưa từng nghĩ qua, chỉ có A Di Đà Phật sáng kiến nghĩ

đến. Cho nên, thành tựu của ngài ở thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng siêu việt mười phương cõi Phật.

“Pháp Tạng bạch ngôn: - Tư nghĩa hoằng thâm” (Pháp Tạng bạch rằng: - Nghĩa ấy sâu thẳm): “Tư” là này; “hoằng” là lớn. “Tư nghĩa” chính là phía trước đã nói: “*Nhữ tỳ tư duy*”, “*nhữ tỳ đương trì*”, “*nhữ ưng tỳ nhiếp*”. Ba chữ “*tỳ*” này ý nghĩa quá sâu rộng. Ngài muốn siêu thắng cõi nước chư Phật đều ở ngay ba chữ “*tỳ*” này.

Người xưa thường nói: “*Pháp Tạng là từ quả hướng đến nhân*”. Câu nói này hiện tại chúng ta gọi là “*thị hiện*”, là “*thừa nguyện tái sinh*”, cũng chính là nói: Pháp Tạng từ kiếp lâu xa đã thành Phật rồi. Cách nói này chúng ta tán đồng. Thích Ca Mâu Ni Phật, ba ngàn năm trước xuất hiện ở Ấn Độ cũng là thị hiện, không phải là chân thật phàm phu tu hành thành Phật. Trên Kinh Phạm Võng, đức Thế Tôn đã nói: Lần này ngài đến biểu diễn ở cõi Ta Bà là lần thứ tám ngàn. A Di Đà Phật cũng thế, ngài thị hiện ở thế giới Cực Lạc đây là lần thứ mấy, Phật không hề nói, nhưng trong tượng tượng của chúng ta, đại khái cũng không ít lần.

“Phi ngã cảnh giới” (Chẳng phải là cảnh giới của con): “*Cảnh giới*” ở đây có thể hiểu một cách thông thường là “trình độ hiểu biết”. “*Phi ngã cảnh giới*”, ý nói: nghĩa ấy quá sâu vượt tầm hiểu biết của con. “*Cảnh*” là những gì tâm đi qua, tâm cảm thọ, tâm nghĩ tưởng đến thì gọi là “*cảnh*”. Như “*Sắc*” là nơi Nhãn-thức đi qua nên gọi là “*sắc cảnh*”, cũng chính là đối tượng phan duyên của mắt chúng ta. “*Sắc cảnh*” là cảnh giới của “*Sắc*”; cho đến “*Pháp*” là nơi ý thức đi qua nên gọi là “*Pháp cảnh*”. Ý thức là tư tưởng, cảnh giới của tư tưởng gọi là “*Pháp cảnh*”.

“*Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-ý*” là lục căn, duyên với bên ngoài là “*sắc-thính-hương-vị-xúc-pháp*”. Mỗi “*Căn*” đối với mỗi “*Cảnh*”;

“Căn” và “Cảnh” giao kết, “thức” liền sinh. “Thức” là phân biệt, chấp trước. Nói cách khác, “Căn” và “Cảnh” không tạo nghiệp mà “thức” tạo nghiệp. Trong “căn” và “cảnh” không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, chỉ trong “thức” mới có thiện ác, nhiễm tịnh. Hiện nay chúng ta thường gọi là “tri thức”; đây không phải là danh từ hay.

Mục đích học Phật là chuyển “thức” thành “trí”, làm thế nào chuyển được sáu thức thành trí tuệ thì bạn thành công. Nói cách khác, phàm phu là chuyển “Trí” thành “Thức”, đó là tri thức là mê hoặc! Phật, Bồ Tát là chuyển “Thức” thành “Trí”, đây là giác ngộ.

Mặt khác, nếu xét về “lý” của thật tướng, điều gì được diệu trí cảm thọ đều gọi là “Cảnh”, cũng thuộc về “Pháp Cảnh”.

- Nhưng lý của Thật tướng ở đâu?

- Nó ở ngay trước mắt nhưng không ai biết! Nếu biết, đây gọi là diệu trí. Diệu trí là trí tuệ chân thật. Trên Kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn dạy: *“Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ của Như Lai”*. Diệu trí tức là trí tuệ của Như lai, là trí-tuệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh, nó có thể duyên Thật Tướng, tức là nói nó không mê.

- Thật Tướng là gì?

- Là Thật Tướng vô tướng!

“Thật tướng vô tướng” là tự thể của bản tánh. Chúng ta đã học “Hoàn Nguyên Quán”, dùng danh từ của “Hoàn Nguyên Quán” để nói, mọi người sẽ rất dễ hiểu: Thật Tướng là “Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, nó là bản thể của tất cả pháp, chúng ta có thể nhìn thấy.

- Thấy từ đâu?

- Từ “Tướng” nhìn thấy “Tánh”! Tánh Tướng nhất như; Tánh Tướng không hai!

Các bậc Cổ đức dùng vàng và đồ trang sức để làm thí dụ: Vàng ví như tự tánh, đồ trang sức ví như hiện tướng, tướng phần. – Vàng và đồ trang sức có thể tách rời chăng? - Không thể! Chúng ta dùng vàng làm thành xâu chuỗi hạt, vòng đeo tay, làm nhẫn. Đồ vật không giống nhau, đương nhiên tướng cũng khác nhau, nhưng thể chất vàng thì vẫn như nhau. Tôi hỏi: Vàng ở đâu? Nếu bạn chấp tướng sẽ không tìm thấy vàng! Nếu bạn không mê sẽ nhận ra toàn bộ đều là vàng. Tùy tiện cầm lên một vật, đó là vàng. Ý này chính là nói: Trong hiện tướng thấy được tánh. *Tánh Tướng không hai; Tánh Tướng nhất như*. Đây là diệu trí, là Trí tuệ Bát Nhã vốn đủ trong tự tánh.

- Chúng ta có trí tuệ này chăng?

- Không có! Tuy biết như vậy nhưng chúng ta không có!

- Vì sao?

- Nếu có thì bạn chính là Pháp Thân Bồ Tát, đối với hết thảy mọi hiện tượng bạn sẽ không còn chấp trước. Chẳng những không chấp trước mà đến khởi tâm động niệm cũng không có. Vì sao? Vì biết vạn pháp đều là không, không có tự thể.

Tự thể chính là: *“Thanh tịnh viên minh thể”*. Không những thể, bạn còn biết *“Thật tướng vô bất tướng”*; *“Vô bất tướng”* nghĩa là tuy nó hiện tướng, nhưng tướng đó là hư vọng, không có tướng nào chân thật. Quan điểm trong Phật giáo: Phàm những gì vĩnh hằng, bất biến mới gọi là chân; những gì có biến hóa thì gọi là giả. Chỉ có tự tánh là vĩnh hằng bất biến, ngay đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai tuy bất biến nhưng vẫn có sinh diệt.

Chúng ta biết: Bồ Tát trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm vẫn còn tập khí vô thi vô minh; đến khi nào đoạn tận tập khí vô thi vô minh này, cảnh giới Bồ Tát mới nâng đến quả vị Diệu Giác; Diệu

Giác là cứu cánh quả Phật. Đến lúc này, cõi Thật Báo Trang Nghiêm sẽ biến mất, trở về Thường Tịch Quang. Cho nên, chỉ có Thường Tịch Quang là thật, vĩnh hằng bất biến, không sinh không diệt.

Cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát cũng gọi là “Pháp Cảnh”. Trong “Pháp cảnh” có thô, có tế: phạm phu trải qua là cảnh giới thô; Pháp Thân Bồ Tát trải qua là cảnh giới tế. Đây là nói về chữ “Cảnh”.

- “Giới” là như thế nào?

- “Giới” là giới vực, khu vực giới hạn. “Cảnh giới” là cảnh giới vực, khu vực phạm vi mà ta thấy được.

Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú là chú giải của cư sĩ Đinh Phước Bảo, ông chú rất hay, ông nói: “*Cảnh giới ngang bằng với sức thể lực của mình ảnh hưởng đến, là quả báo giới vực ta đạt được, đây gọi là cảnh giới*”. Quả báo và cảnh giới của A-la-hán chứng được khác với Bồ Tát; Cảnh giới của “Quyền Giáo Bồ Tát” chứng được khác với Pháp Thân Đại Sĩ. Ta cũng có thể lãnh hội được: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trong cõi Thật Báo, cảnh giới họ chứng được giống nhau, là bình đẳng nhưng sự thanh tịnh, ô trược của mỗi người không tương đồng.

Chúng ta sống ở đất Hồng Kông, sáng sớm thức dậy thường thấy sương mù. Khi sương mù rất nhẹ, ta nhìn thấy cảnh giới bên ngoài có một lớp sương mù. Khi sương mù dày đặc, ta nhìn không rõ lắm. Khi trời nắng không có sương mù, cảnh giới trước mắt hiện ra vô cùng trong sáng. Cảnh giới của bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ cũng giống như khi ta mở cửa sổ nhìn thấy phong cảnh bên ngoài: cảnh đều như nhau, nhưng tập khí của Thập Trụ Bồ Tát đậm hơn nghĩa là sương mù của họ nhiều hơn một chút. Thập Hạnh, Thập Hội Hương, sương mù của họ nhẹ nên thấy rõ hơn. Đến Thập Địa Bồ Tát là trời sáng nắng.

Tôi dùng thí dụ trên để mọi người dễ hiểu. Cảnh giới của họ nhìn thấy rất thiết thực đều như nhau, không phải hư vọng, đều là Thật Tướng của các pháp. Nhưng, mức độ nhìn thấy của mỗi vị có rõ ràng, đậm nhạt khác nhau; sự khác biệt này không trở ngại họ tự hành hóa tha. Đây là chúng ta đối với cõi Thật Báo Trang Nghiêm có sự hiểu biết như vậy.

“Duy nguyện Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri”: Đây là ba hiệu trong mười hiệu của Phật từ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đến Phật, ở đây đã tĩnh lược bớt.

“Quảng diễn chư Phật, vô lượng diệu sát”: “diễn” là diễn thuyết. Ngài không dùng “quảng tuyên” hay “quảng thuyết” mà dùng “quảng diễn”. Ý nghĩa của “diễn” so với “thuyết” phong phú hơn nhiều. “Diễn”, ý nói ngoài giáo hóa ra còn biểu diễn cho ngài xem, không phải nói suông, đây cũng chính là chỗ Pháp Tạng muốn tu học. Ngài muốn biết tất cả chư Phật tu nhân chứng quả cách nào? Chúng sinh trong tất cả sát độ của chư Phật, tướng chân thật của nhân duyên quả báo ra sao? Từ đó ngài có thể tuyển chọn những tinh hoa, tốt đẹp thù thắng nhất của chư Phật sát độ, để viên mãn thành tựu thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đại ý của đoạn kinh trên là Bồ Tát Pháp Tạng thưa: Nghĩa này quá thâm sâu vượt ngoài cảnh giới của con (cũng có thể miễn cưỡng hiểu là: vượt qua trình độ hiểu biết của con). Vì vậy, lại một lần nữa Bồ Tát Pháp Tạng thỉnh Phật rộng nói vô lượng cõi Phật, làm y cứ kiến tạo thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sau khi nghe xong, ngài nhất định có thể tu tập như pháp, viên mãn sở nguyện.

Sư Tuán Đê, người Nhật, trong chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của ông có nói:

“Câu ‘Tu nghĩa hoằng thâm, phi ngã cảnh giới’ (nghĩa ấy sâu thẳm, chẳng phải là cảnh giới của con) cũng có ba nghĩa:

1. Con đã biết cách thức thông thường của việc Bồ Tát trang nghiêm Tịnh Độ rồi, nay muốn đạt được Tịnh Độ tối thắng trong các cõi Phật thì nghĩa ấy quá sâu thẳm, chẳng phải là cảnh giới của con.

2. Quả thật tuy là tùy theo sự ưa thích của mỗi người mà tự chọn lấy Tịnh Độ, nhưng nay con muốn cả năm thừa (tức Phật thừa, Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa, Thiên thừa và Nhân thừa) cùng được vào báo độ thì nghĩa ấy quá sâu thẳm, chẳng phải là cảnh giới của con (Báo Độ mà ngài nói ở đây là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, là chỗ Pháp Thân Đại Sĩ ở. Nay vì muốn khiến cho Ngũ thừa có thể vào Báo Độ tức là muốn cho hành nhân phàm phu được giống y như Đại thừa và Đại Bồ Tát của “Nhất Phật thừa” cùng chứng cõi Thật Báo Tịnh Độ thì đúng là điều quá khó, chẳng phải phàm phu có thể thấu hiểu nổi).

3. Tuy Pháp Báo cao diệu Bồ Tát chẳng có phần (Bồ Tát ở đây là “Quyền Giáo Bồ Tát” chưa chứng được Pháp Thân) nhưng con có thể trong vô lượng kiếp quyết sẽ đạt được (trải qua vô lượng kiếp ắt sẽ chứng ngộ Pháp Thân và Báo Thân, nhưng lúc này chưa có phần nên bảo là “chẳng phải cảnh giới của con”). Nghĩa ấy hoằng thâm (rộng lớn là Hoằng, u viễn là Thâm) chẳng phải là cảnh giới của con.

Tuy có ba nghĩa khác nhau, nhưng bỏ đi phần mình để chuyên hướng về Phật lực. Đây chính là Pháp Tạng Bồ Tát tự mở ra tha lực môn vậy”.

Thuyết “mở ra tha lực môn” của ngài Tuán Đế thật đã chỉ rõ sự thật mầu nhiệm siêu tình ly kiến chẳng thể nghĩ bàn, phương tiện rốt ráo Quả giác nhân tâm của Tịnh Tông, cũng chính là tất cả chúng sinh trong vô lượng kiếp đến nay tu hành đều nương vào tự lực. Bây giờ bỏ đi sức mình, thỉnh Phật khai thị chính là nương vào Phật lực.

“Siêu tình ly kiến”: chữ “tình” ở đây là tình chấp; “kiến” là kiến giải. Tình chấp và kiến giải của phàm phu không phải là tri kiến chính xác mà là gốc của phiền não, phải nhổ gốc này mới tin vào Tịnh Độ, mới thật sự có thể vãng sinh.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Sở dĩ Tịnh Tông có thể thích ứng khắp ba căn, một đời thành Phật; phàm phu, Nhi thừa cùng chứng Bất Thoái đều nhờ vào Nhất thừa nguyện hải của Phật Di Đà, oai lực của sáu chữ hồng danh, đó chính là “cậy vào tha lực”. *Sở dĩ Tịnh Tông là phương tiện rốt ráo là vì đã lấy Vô Thượng Quả Giác của Phật Di Đà làm sơ tâm cho chúng sinh tu nhân. Nhân đã tột cùng biến quả, quả lại thấu triệt nguồn nhân, nhân quả đồng thời, cảm ứng khó nghĩ bàn. Đây chính là diệu dụng của Tha Lực môn.*

Hơn nữa, ngoại thánh thì dễ tin, cái linh tri trong tâm mình thì khó rõ. Do vậy, phàm phu đầy dẫy phiền não chỉ có thể tin rằng: *“Hữu thế giới danh viết Cực-Lạc, kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà”* (Có một thế giới tên là Cực Lạc, cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà). Tin sâu xa vào hai chữ “hữu” (có) ấy mà khẩn thiết nguyện được vãng sinh, một dạ trì danh thì được như nguyện, mau đạt “Bất Thoái”, đây là điều phàm phu có thể thực hiện được. Nếu chỉ nói thấu hiểu tự tâm đến cùng tột, ắt chỉ có bậc thượng trí mới có thể kham nổi!

Trong lúc tu nhân, Pháp Tạng Bồ Tát bi nguyện sâu thẳm, khai hiển pháp môn tha lực này, nên Phật Di Đà được cõi đời xung tưng là Đại Nguyện Vương.

Ngoài ra, Mật tông cũng là Tha Lực Môn cũng thuộc về Quả Giáo, cũng là từ quả khởi tu.

Tha Lực Môn thù thắng khó thể suy nghĩ nổi này, chính là điểm cùng tột của Di Đà bi nguyện, cũng chính là chỗ phương tiện rốt ráo của cả hai tông Tịnh và Mật. Do Tự, Tha vốn bất nhị, *chỉ chịu cậy vào tha lực thì mới có thể sinh nổi lòng tin trong sạch nơi pháp*

khó tin này. Khó tin mà tin nổi, toàn là do trí tuệ vô thượng của đương nhân; đây lại chính là tự lực. Chỉ cần tin nhận, thật thà Niệm Phật thì tự nhiên Năng, Sở đều mất, tự tâm hiện rõ, từ “sự trì” đạt đến “lý trì” tâm phàm biến thành tâm Phật. Sự nhiệm màu của Tịnh Tông hoàn toàn là ở điểm này”.

“Nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện” (Nếu con được nghe những pháp như vậy, tư duy, tu tập, thệ sẽ viên mãn sở nguyện). Đây là chỗ Pháp Tạng hướng về Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai khái thỉnh, mong Phật hãy vì mình mà diễn nói các cõi nước thù thắng nhiệm màu của chư Phật. Sau khi được nghe những pháp như vậy ngài sẽ tư duy, tu tập, thệ sẽ viên mãn sở nguyện. Đây là thái độ của người học trò tốt.

- Làm sao biết được ngài là học trò tốt?

- Đầy đủ ba “Tuệ”! Bạn xem! “Nhược ngã đắc văn”, phía sau “tư duy tu tập”, “Văn-Tư-Tu” ba Tuệ đều đầy đủ, chân thật có thể đem lời thầy dạy thọ trì, đọc tụng, y giáo phụng hành. Ngài thật làm!

“Văn-Tư-Tu” ba Tuệ chỗ này đơn giản sơ lược giới thiệu qua với bạn, vạn nhất không nên hiểu lầm! Ví như bạn ở đây suốt hai giờ nghe giảng kinh, về nhà bạn tư duy, nghĩ ngợi, nghiên thảo tường tận rồi làm theo, đó là tu hành. Như vậy cũng khá lắm rồi! Tuy nhiên, ba Tuệ ở đây là của Bồ Tát tu, không phải Thanh Văn, Duyên Giác có thể làm đến được, đừng nói chi đến phàm phu

- “Tuệ” là gì?

- “Tuệ” là “Tuệ” của “Giới-Định-Tuệ”, mới biết được Bồ Tát tu, cùng với sơ học chúng ta không giống nhau. Trì Giới được Định, khai Trí-Tuệ. Sau khi “Tuệ” khai rồi mới có “Văn-Tư-Tu”. Cho nên, trong Tuệ gồm cả “Văn-Tư-Tu”.

- “Vấn” là gì?

- “Vấn” là biểu thị tiếp xúc: Tai nghe là “Vấn”, mắt thấy cũng gọi là “Vấn”; lưỡi nếm vị cũng gọi là “Vấn”. Dùng một chữ để đại biểu, không dùng “Kiến” làm đại biểu. Bồ Tát Văn Thù trong hội Lăng Nghiêm nói với chúng ta: *“Thủ phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm vấn”*. Chúng sinh ở thế giới Ta Bà này; trong sáu căn, nhĩ căn là mạnh nhất. Cho nên, dùng “vấn” làm đại biểu, dùng “Vấn-Tu-Tu”, không dùng “Kiến-Tu-Tu” là ý nghĩa này

- “Tu” là gì?

- “Tu” là đại biểu cho tường tận; vừa tiếp xúc liền tường tận, không trải qua giai đoạn suy tư, nghiền ngẫm của ý thức mới gọi là “Tu”. Nên biết “Vấn-Tu-Tu” là đồng thời, không có trước sau thứ lớp, không có cách khoảng của thời gian mới gọi là “Tuệ”; chính là “Giới-Định-Tuệ”.

- Bồ Tát tu ba Tuệ (Vấn Tuệ-Tu Tuệ-Tu Tuệ) ở chỗ nào?

- Tu ở Bồ Thí, ở Trì Giới, ở Nhẫn Nhục, ở Tinh Tấn, ở Thiền Định. Cho nên, ba Tuệ thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày.

“Thệ mãn sở nguyện” đây là ngài Pháp Tạng phát đại thệ nguyện; sau khi nghe Phật dạy bảo, ngài nhất định sẽ thực tiễn cho bằng được nguyện vọng của mình. Nguyện vọng của ngài phía sau sẽ nói đến. Đây là nói rõ thế giới Cực Lạc không phải dựa vào không mà hư tạo, mà là tập hợp tất cả thành tựu tốt nhất của cõi nước chư Phật, chọn lấy tinh hoa tốt nhất để kiến tạo thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc thù thắng là ở chỗ này.

KINH VĂN:

Thệ Gian Tự Tại Vương Phật tri kỳ cao minh, chí nguyện thâm quảng, tức vị tuyên thuyết nhị bách nhất thập ức chư Phật

Sát độ công đức nghiêm tịnh, quảng đại viên mãn chí tướng, ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện dữ chi. Thuyết thị pháp thời kinh thiên ức tuế.

VIỆT DỊCH:

Thế Gian Tự Tại Vương Phật biết ông ta cao minh, chí nguyện sâu rộng, liền vì ông ta tuyên thuyết công đức nghiêm tịnh, tướng trạng viên mãn rộng lớn của hai trăm mười ức các cõi nước Phật, ứng theo tâm nguyện ông ta đều hiện cho thấy. Lúc nói pháp ấy trải qua một ngàn ức năm.

GIẢNG:

“Thế Gian Tự Tại Vương Phật tri kỳ cao minh, chí nguyện thâm quảng” (Thế Gian Tự Tại Vương Phật biết Pháp Tạng cao minh, chí nguyện sâu rộng). Hai câu nói này là Phật quán cơ nói pháp, nếu không phải loại căn cơ này, có nói cũng không lợi ích. Phật biết Pháp Tạng cao minh có đầy đủ đức hạnh, trí tuệ, đây là điều kiện cơ bản của học trò có thể tiếp nhận lời dạy bảo của thầy. Nếu có trí tuệ, không có đức hạnh, thầy sẽ không dạy bạn. Có đức hạnh nhưng không có trí tuệ, thầy vẫn rất sẵn lòng dạy bạn. Đức hạnh là bậc nhất!

“Chí nguyện thâm quảng” là chí nguyện rộng sâu, phát xuất từ tâm lượng thanh tịnh, đại từ bi của Pháp Tạng nguyện phổ độ mười phương ba đời tất cả chúng sinh bình đẳng thành Phật, đây là rất khó được!

“Tức vị tuyên thuyết nhị bách nhất thập ức chư Phật sát độ công đức nghiêm tịnh” (Liền vì ông ta tuyên thuyết công đức nghiêm tịnh của hai trăm mười ức các cõi nước Phật). Pháp Tạng yêu cầu thỉnh pháp, Thế Tôn vì ngài quảng diễn hai trăm mười ức các cõi nước Phật. “Hai trăm mười ức” ở đây không phải là số tự, nếu là số tự thì cái số tự này không lớn. Trên Kinh Di Đà nói thế giới Cực Lạc

cách thế giới Ta Bà mười vạn ức cõi nước Phật. Mười vạn ức mà so với hai trăm mười ức, cái số tự này quá nhỏ.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Số tự ở chỗ này là biểu trưng cho đại viên mãn. Trên Kinh Di Đà dùng số bảy là đại biểu viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm dùng số mười biểu thị viên mãn. Phía trước của kinh này, chúng ta đọc đến “*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*”, số mười sáu đại biểu viên mãn. Trong Mật Tông thường dùng số mười sáu hoặc số hai mươi một, đại biểu viên mãn. Chỗ này dùng hai trăm mười là số hai mươi một mở rộng. Cho nên, hai trăm mười ức cõi nước chư Phật cũng chính là nói vô lượng vô biên, vô số cõi nước chư Phật sát độ, một cõi cũng không sót!

Đối với “*Hai trăm mười ức cõi*”, cụ Hoàng Niệm Tổ cũng nêu ra vấn nạn: Ất có kẻ nghi rằng Pháp Tạng Bồ Tát chỉ thấy có hai trăm mười ức cõi, sao lại bảo quốc độ của ngài tạo dựng “*đô thắng vô số chư Phật quốc gia?*” (đều thù thắng hơn vô số quốc độ của chư Phật). Có hai cách trả lời câu vấn nạn này:

- Thứ nhất, theo phẩm Hoa Tạng Thế Giới trong Kinh Hoa Nghiêm, cõi Phật vô lượng nhưng nói chung có hai mươi tầng, số lượng các cõi nước vây quanh các cõi ấy nhiều bằng hai trăm mười vi trần số (“*vi trần số*” là số lượng vi trần (bụi nhỏ) trong một cõi. Như vậy nói “hai trăm mười vi trần số” tức là bằng số lượng của các vi trần trong hai trăm mười cõi Phật). Nay trong kinh này cũng lấy con số hai trăm mười để chỉ số các cõi nước thì đã ngầm hợp với nghĩa lý Kinh Hoa Nghiêm hàm nhiếp vô lượng cõi nước trong mười phương.

- Thứ hai, như Trí Độ Luận bảo: “*Khi xưa, A Di Đà Phật làm tỳ kheo Pháp Tạng, được Phật dẫn đến khắp mười phương chỉ cho cõi nước thanh tịnh để chọn lựa những nước tịnh diệu nhất để tự*

trang nghiêm cõi nước mình". Như vậy, kinh dùng chữ "hai trăm mười ức cõi" để phiếm chỉ cõi Phật mười phương.

"Quảng đại viên mãn chi tướng" (Tướng trang viên mãn rộng lớn). Chữ "viên" là trọn khắp, "mãn" là đầy đủ. "Viên mãn" còn gọi là "viên túc" cũng chính là huyền nghĩa "*viên minh cụ đức*" (tròn sáng, đầy đủ các đức) của tông Hoa Nghiêm. Đây là cực kỳ, hình dung công đức quảng đại viên mãn.

"Ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện đĩ chi" (Ứng theo tâm nguyện ông ta đều hiện cho thấy): Ứng theo tâm nguyện của Pháp Tạng, Phật đều thị hiện cho thấy các hình tướng của hai trăm mười ức cõi Phật. Thị hiện của Thế Tôn là "Tùy cơ ứng lượng", chúng sinh có thể tiếp nhận bao nhiêu thì cho họ bấy nhiêu. Chỗ này cũng hiển hiện thần lực bất khả tư nghị của Phật, không những đã tường tận thuyết giảng cho Pháp Tạng nghe, còn dùng thần lực biến hiện ra trước mắt cho ngài thấy.

"Thuyết thị pháp thời, kinh thiên ức tuế" (Lúc nói pháp ấy trải qua một ngàn ức năm). "Tuế" là năm. Lúc Phật nói pháp trải qua một ngàn ức năm, chỉ rõ thời gian rất dài, Thế Gian Tự Tại Vương Phật từ bi chỉ dạy Pháp Tạng không hề mỏi mệt. Pháp Tạng là học trò, cũng rất phi thường, học mãi cũng không chán. Đây là nhắc nhở chúng ta tu hành nhất định phải trải qua thời gian dài kiên nhẫn mới có thể thành tựu.

Chúng ta ở đây học được hai, ba năm đã thấy dài. Họ ở đó học cả ngàn ức năm, đương nhiên thọ mạng của các ngài dài. Phía trước đã nói qua: Thế Gian Tự Tại Vương Phật trụ thế giảng kinh nói pháp bốn mươi hai kiếp, ắt hẳn thọ mạng của ngài phải rất dài, mới có thể đem cái tướng "*quảng đại viên mãn công đức nghiêm tịnh cõi nước chư Phật*" mà nói rõ cho Pháp Tạng.

Không Tử nói: “*Giáo bất yém, hời bất quyện*” (“yém” là nhàm chán, “quyện” là mệt mỏi, “hời” là khuyên răn, dạy dỗ) nói lên tinh thần giáo học của Không lão Phu tử chẳng mệt, chẳng chán, không khác chi Phật.

KINH VĂN:

Nhĩ thời Pháp Tạng văn Phật sở thuyết, giai tất đồ kiến, khởi phát vô thượng thù thắng chi nguyện. Ư bỉ thiên nhân thiện ác, quốc độ thô diệu, tư duy cứu cánh, tiện nhất kỳ tâm, tuyền trạch sở dục, kết đắc đại nguyện, tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì, tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp. Ư bỉ nhị thập nhất câu-chi Phật độ công đức trang nghiêm chi sự, minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát. Sở nhiếp Phật quốc, siêu quá u bi.

VIỆT DỊCH:

Lúc bấy giờ Pháp Tạng nghe lời Phật dạy thấy đều thấy rõ, khởi phát nguyện thù thắng vô thượng. Với thiên, nhân, thiện, ác, quốc độ thô, diệu của các cõi ấy đều tư duy đến rốt ráo. Ngài liền dốc một lòng chọn lựa lấy điều mình mong muốn kết thành đại nguyện, siêng gắng cầu lấy, cung kính, thận trọng gìn giữ, hành trì, tu tập công đức trọn đủ năm kiếp. Với các công đức trang nghiêm của hai mươi một câu-chi cõi Phật kia, ngài hiểu rõ, thông đạt như một cõi Phật. Cõi nước được ngài nhiếp thọ siêu việt các cõi kia.

GIẢNG:

“Nhĩ thời Pháp Tạng văn Phật sở thuyết, giai tất đồ kiến” (Lúc bấy giờ, Pháp Tạng nghe lời Phật dạy thấy đều thấy rõ): Thế Gian Tự Tại Vương Phật vì Pháp Tạng giảng kinh nói pháp, triển hiện ra cõi nước chư Phật ngay trước mắt Pháp Tạng đều xem thấy

rõ hết. “*Giai tất đồ kiến*”, sự việc này cũng nói lên ngài nhận được Phật lực gia trì. Nếu không nhận được Phật lực gia trì thì không cách gì ngài có thể rõ ràng xem thấy tất cả mười phương cõi nước chư Phật.

Sách Bình Giải giảng: “*Đồ là thấy bằng mắt, kiến là thấy bằng Tuệ, như cái thấy của Kiến Phần. Chữ ‘đồ kiến’ có nghĩa suy cầu và soi xét*”. Kiến Phần còn gọi là Năng Thủ Phần. Kiến có nghĩa là soi rõ, nhận thức. Kiến Phần chỉ cho tác dụng nhận thức của tám thức (Duy Thức Học gọi là Năng Duyên Dụng). Cái được Kiến Phần nhận thức gọi là Tướng Phần. Ví dụ như: Mắt có khả năng thấy được các hình sắc, khả năng nhìn thấy đó là Kiến Phần. Các hình sắc được thấy bởi mắt là Tướng Phần. Nay kinh ghi là “đồ kiến” tức là cả hai ý nghĩa: Thấy bằng mắt và thấy bằng trí tuệ đều trọn đủ.

Kinh Pháp Tập dạy: “*Bồ Tát Ma Ha Tát, đắc bỉ chư Phật Như Lai thiên nhãn*” (Bồ Tát Ma Ha Tát đắc thiên nhãn của đức Phật Như Lai ấy).

Trí Độ Luận nói: “*Thiên nhãn thấy cùng tột, bất động nhưng đến khắp nơi. Mười phương chẳng đến (chỗ tỳ kheo), tỳ kheo cũng chẳng đi qua đấy, nhưng giống như thiên nhãn của Phật, nên cùng một lúc trông thấy rõ cả mười phương cõi nước*”.

Dựa theo các kinh luận trên đây, ta thấy được: Pháp Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nương thần lực gia bị của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, được thiên nhãn như Phật, nên có thể bất động mà thấy trọn khắp mười phương tất cả cõi nước Phật. Thế là ngài:

“*Khởi phát vô thượng thù thắng chi nguyện*” (Khởi phát nguyện thù thắng vô thượng).

Sách Hội Sớ giảng: “*Không gì hơn được nguyện này nên bảo là ‘vô thượng’. Siêu thắng (vượt trội xa) các nguyện nên bảo là ‘thù*

thắng'. Đó là vì trang nghiêm vô thượng, hưởng vui vô thượng, quang minh thọ lượng vô thượng, danh hiệu vô thượng, chánh nhân vãng sinh vô thượng, lợi ích vô thượng. Đây chính là đại thể của cả bốn mươi tám nguyện”

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích phần này như sau:

1. Trang nghiêm vô thượng: Thế giới Tây Phương Cực Lạc là một đại tập thành thực trang nghiêm tất cả ưu điểm của mười phương cõi nước chư Phật. Lại nữa, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có thoái chuyển. Trong cõi nước chư Phật khác đều có thoái chuyển. Có lẽ cũng có một ít không thoái chuyển, nhưng “Viên mãn không thoái chuyển” thì đích thật không nghe nói qua. Người vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là “Viên chứng Tam Bất Thoái”. Loại trang nghiêm này, khắp Đại Tạng Kinh không hề nghe nói qua có sự việc này trong các cõi chư Phật khác.

2. Thọ lạc vô thượng: Thế giới Cực Lạc chỉ thuần có hưởng thọ an vui, không có sự khổ, ngay đến tiếng “khổ” cũng không có.

3. Quang, thọ vô thượng: “Quang” biểu trưng cho trí tuệ, “Thọ” là thọ mạng, tuổi thọ. Người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc đều được oai thần bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì cho nên người người đều có trí tuệ giống như A Di Đà Phật - Vô Lượng Quang! Người người đều có thọ mạng giống như A Di Đà Phật - Vô Lượng Thọ! Cái “Vô Lượng Thọ” này dài đến cùng cực, không cách chi có thể tính đếm được. Ba loại: Trang nghiêm, thọ lạc, quang thọ nêu trên đã nói lên quả báo thù thắng của cõi Tây Phương Cực Lạc, khiến mọi người vô cùng ngưỡng mộ.

- Có thể đi được hay không?

- Tất cả cõi nước chư Phật đều có thể vãng sinh. Tuy nhiên, điều kiện của mỗi cõi Phật không như nhau.

Có rất nhiều đồng tu ưa thích Bồ Tát Di Lạc, muốn vãng sinh về Di Lạc Nội Viện. Lại nghe nói, Di Lạc Nội Viện rất gần, ở tầng trời thứ tư Dục giới, còn thế giới Tây Phương Cực Lạc quá xa. Cách ly thế giới Ta Bà đến mười vạn ức cõi Phật, họ đều muốn đi tìm Bồ Tát Di Lạc. Nhưng, bạn có nghĩ đến điều kiện vãng sinh Tịnh Độ Di Lạc là gì không? - Đó là “Duy tâm thức Định”. Nếu bạn không thể thành tựu loại Đại Định này, Tịnh Độ Di Lạc bạn không thể đến được! Điều kiện quá cao! Thực tế mà nói: Chúng ta không làm được!

Vào đầu năm Dân Quốc, lão Hòa Thượng Hư Vân là sinh về Tịnh Độ Di Lạc. Trong Niên Phổ của ngài, chúng ta xem thấy ngài thật có công phu, ngài có sức Định. Nếu công phu của bạn giống như Hòa Thượng Hư Vân thì được, bạn mới có thể sinh về Di Lạc Nội Viện. Nếu không thể so sánh được với Hòa Thượng Hư Vân, e rằng bạn vẫn phải luân hồi.

Tỳ kheo Pháp Tạng thật có ân đức quá lớn đối với chúng sinh pháp giới. Vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, điều kiện của ngài đưa ra rất đơn giản, dễ dàng, mọi người đều có thể đi, cái khó đã ở nơi ngài rồi! Trên từ Bồ Tát Đẳng Giác, dưới đến chúng sinh địa ngục A-Tỳ, chỉ cần bạn tha thiết chí thành muốn đi, bạn đầy đủ Tín, Nguyện, bạn lão thật niệm câu “A Di Đà Phật” là được, đây là “*danh hiệu vô thượng*”. “*Chánh nhân Vô thượng*” là “*Tín-Nguyện-Hạnh*”, ba điều kiện này đầy đủ thì chắc chắn được vãng sinh. Đến thế giới Cực Lạc, liền “*Viên chứng Tam Bất Thoái*”, một đời thành Phật, không đợi đến đời thứ hai, đây là “*lợi ích vô thượng*”. Lợi ích này do bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì.

Ở thế giới Cực Lạc chân thật là muốn áo được áo, muốn ăn được ăn; không luận là đời sống tinh thần hay vật chất, thầy đều viên mãn đầy đủ. Ngày ngày tiếp cận với bạn học đều là các bậc “*thượng*”

thiện nhân”, Bồ tát Đẳng Giác ; chư Phật Như Lai là thầy, bạn đến đâu mà tìm?!

Di Đà tiếp dẫn mười phương thế giới, vô lượng vô biên chúng sinh, phương pháp của ngài chính là một câu danh hiệu này. Danh hiệu công đức chẳng thể nghĩ bàn! Tất cả chúng sinh, không luận nam nữ, già trẻ, bận việc hay nhàn rỗi, không luận trí ngu hay sang hèn v.v... đều có thể niệm câu “A Di Đà Phật”. Câu “A Di Đà Phật” là căn bản của bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện chính là từ “lý niệm” này mà hàm xúc ra.

“U bỉ thiên nhân thiện ác, quốc độ thô diệu, tư duy cứu cánh” (Với thiên nhân thiện ác, quốc độ thô diệu của các cõi ấy đều tư duy đến rốt ráo): “U bỉ”, chữ “bỉ” chính là hai trăm mười ức cõi Phật mà phía trước đã nói qua. “Thiên nhân” là chánh báo, “quốc độ” là y báo. “Thiện, ác” là nhân; “thô diệu” là quả. Tất cả cõi nước chư Phật y chánh trang nghiêm, ngài đều thấy được rõ ràng, tường tận. Chỗ này nói đến thiên, nhân, thiện, ác. Phán định về tánh “thiện, ác”, có nhiều thuyết không đồng. Trong chú giải, cụ Hoàng đã nêu ra các thuyết trọng yếu nhất như sau:

Kinh Bồ Tát Anh Lạc coi thuận theo **Đệ Nhất Nghĩa Đế** là thiện, trái nghịch **Đệ Nhất Nghĩa Đế** là ác.

Kinh dạy “**Nhất thiết chúng sinh thức, thí khởi nhất tướng trụ u duyên. Thuận Đệ Nhất Nghĩa Đế khởi danh thiện, bội Đệ Nhất Nghĩa Đế khởi vi ác**” (Thoạt tiên, tâm thức của hết thầy chúng sinh khởi lên một ý tướng trụ vào duyên. Thuận theo Đệ Nhất Nghĩa Đế mà khởi thì gọi là thiện, trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa Đế mà khởi thì gọi là ác). Theo cụ Hoàng Niệm Tổ “Đệ Nhất Nghĩa Đế” mà kinh vừa nói chính là Chân Đế, Thánh Đế, Chân Như, Thật Tướng, Trung Đạo v.v... Cũng chính là Thật Tế Lý Thể. “Đế” là đạo lý chân thật. Đạo lý ấy là bậc nhất trong các pháp nên gọi là “Đệ Nhất Nghĩa Đế”.

Nếu chúng sinh khởi một niệm thuận với Lý Thể thì là thiện, trái với Lý Thể thì thành ác. Cách phán định này lấy Lý Thể làm chuẩn.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đệ Nhất Nghĩa Đế, nói đơn giản là “tánh đức” cũng chính là điều mà Lục Tổ Huệ Năng lúc khai ngộ nói: “*Nào ngờ tự tánh năng sinh vạn pháp; nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt*”. Tiêu chuẩn “thiện” của Kinh Bồ Tát Anh Lạc quá cao, đó là tiêu chuẩn của Bồ Tát, ý nói: Phải siêu việt thập pháp giới mới gọi là thiện, không siêu việt thập pháp giới vẫn gọi là ác.

Chúng ta thấy: Người trong cõi Thật Báo vĩnh viễn không suy lão, không có thay đổi. Người trong thập pháp giới có thay đổi vì họ có thức, chính là có phân biệt, chấp trước. Người trong Nhất Chân pháp giới không những không có phân biệt, chấp trước mà cả khởi tâm động niệm họ cũng không có, đây là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Cho nên, tiêu chuẩn này cao chúng ta không làm được. Trong Thiên tông, “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, đây chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Trong Giáo môn gọi là “Đại khai viên giải”, trong Tịnh Tông gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”. Người niệm Phật niệm đến “Lý nhất tâm bất loạn”, sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, họ ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, họ chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát, không cần phải A Di Đà Phật gia trì vì họ đã chứng đắc.

Chỗ này cho chúng ta thấy pháp môn Tịnh Độ thật không thể nghĩ bàn! Tu theo pháp môn này là thuận theo Đệ Nhất Nghĩa Đế; tu pháp môn khác chưa chắc đã thuận theo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Trên kinh nói rất rõ: Người vãng sinh thế giới Cực Lạc là “đời nghiệp vãng sinh”, một phẩm vô minh chưa phá, phiền não tập khí chưa đoạn, nhưng nhờ sức oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì nên họ đến Tây Phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. *Đắc A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là thuận Đệ Nhất Nghĩa Đế, mới biết tiêu chuẩn này cao nhưng người niệm Phật vẫn có phần.*

Duy Thức Luận viết: “*Có thể thuận ích cho đời này, đời khác thì gọi là Thiện. Quả vui trong cõi trời, người tuy thuận ích cho đời này nhưng chẳng thuận ích đời sau, nên chẳng được gọi là Thiện. Gây tổn hại cho đời này, đời sau thì gọi là Bất Thiện. Khổ quả trong đường ác tuy là tổn nghịch cho đời này nhưng chẳng tổn hại đời sau, nên chẳng gọi là Bất Thiện*”. Đây là cách phán định thiện ác trên quan điểm thuận ích hay tổn nghịch.

Ngài Tịnh Ảnh phán định ba thứ thiện, ác:

a. “*Thuận ích là thiện, tổn nghịch là ác*”: Cách phán định này giống với Duy Thức Luận.

b. “*Thuận lý là thiện, nghịch lý là ác*”: Lý là vô tướng tánh không. Ví như khi thực hành bố thí, nếu có thể đối với người thí, kẻ nhận và vật được thí đều thấy Thể của chúng là không, chẳng có gì, tức là thuận theo Lý. Vô tướng mà hành là thiện. Nếu còn ý tưởng có kẻ thí, người nhận, vật đem bố thí là trái Lý, là hữu tướng hành, là ác. Như vậy, thiện pháp ở chỗ này chỉ có Phật, Bồ Tát dưới đến A la hán mới là thiện. Thiện pháp của chúng sinh tu đều là hữu tướng hành nên gọi là ác.

Chúng ta thấy ở Hồng Kông có rất nhiều người tu phước, khi họ làm bất cứ việc thiện nào đều muốn khắc tên tuổi mình lên, đó là chấp tướng. Chấp tướng thì phước của họ liền hết. Mọi người trông thấy liền tán thán thì phước của họ liền tiêu. Làm việc tốt không ai biết, đó mới gọi là tích âm đức. Đức đó càng sâu, càng lâu, càng lớn, tương lai phát khởi là đại phước báo.

c. “*Thuận theo Thể là thiện, trái với Thể là ác*”: Quan điểm này vừa tương đồng cách phán định thứ hai, vừa giống với quan điểm của Kinh Anh Lạc. Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “*Chân tánh của pháp giới là tự thể của chính mình. Thể tánh duyên khởi trở thành hạnh đức, sở hạnh chỉ là tự thể, tâm không duyên vào đâu, tùy theo ý thích*

mà chẳng phạm giới, đây mới là Thiện. Theo quan điểm này, chẳng luận phạm phu, Nhị thừa, kể cả Tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) đều làm điều thiện mà còn có chỗ duyên vào thì đều là ác cả”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích quan điểm của Cụ Hoàng như sau: “*Chân tánh của pháp giới là tự thể của chính mình*”. Câu nói này vô cùng quan trọng, hiện tại không ai biết nữa! Bản thân thật sự là “Chân tánh của pháp giới” cũng gọi là “Tánh pháp giới”; Kinh giáo Đại thừa nói là “Thường-Lạc-Ngã-Tịnh”.

- Có Ngã hay không?

- Có Ngã, có Chân Ngã! Chân Ngã là “Chân tánh pháp giới”. Thân này không phải là ta. Trong Phật pháp định nghĩa chữ “Ngã” rất rõ ràng:

1. *Ngã là chủ thể.*

- Thử hỏi: Thân này bạn có làm chủ được nó hay không?

- Không thể! Nếu có thể làm chủ được nó, mỗi năm bạn đều mười tám tuổi thì tốt biết mấy! Đây là bạn không làm chủ được! Bạn vẫn khổ, vẫn “sinh-lão-bệnh-tử”!

2. *Ngã là tự tại.*

Thân thể này không tự tại, chịu đủ thứ trói buộc. Trước nhất, mỗi ngày đều phải ăn cơm ba bữa, không ăn thì không được! Nếu tự tại, thân này đâu phải ràng buộc vào ba bữa ăn! Cho nên, thân không có tự tại; Chân Ngã mới có chủ thể, có tự tại.

- Đến lúc nào mới đạt đến Chân Ngã?

- Đến cõi Thật Báo thì đạt đến Chân Ngã!

Trên Kinh Hoa Nghiêm: Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát, Biệt Giáo Sơ Địa Bồ Tát trụ ở cõi Thật Báo, họ thật sự có chủ thể, có tự tại, đó

là “Chân Ngã”. “Thường-Lạc-Ngã-Tịnh” bốn đức này họ đều đầy đủ. Chúng ta hiện nay, đối với bốn chữ này, hữu danh vô thực, đều không có! Nên nhớ: Người vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là cõi “Phàm Thánh Đồng Cư, Hạ Hạ phẩm vãng sinh” cũng đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, họ thật sự đã đạt đến Chân Ngã, có “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”.

- “Ngã” thật sự ở đâu?

- Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc!

“Ngã” ở thế gian này chỉ là giả Ngã, không thật! A Duy Việt Trí Bồ Tát ở Tây Phương Cực Lạc, đích thật họ làm chủ được, đích thật được đại tự tại. Nhờ bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì mà thần thông, trí tuệ, đạo lực của họ thấy đều đầy đủ, mới biết trong đời này gặp được Phật pháp là rất may mắn; lại được gặp pháp môn Tịnh Độ là may mắn trong may mắn.

Gặp được Phật pháp, đời này bạn chưa chắc có thể thành tựu; nhưng gặp được pháp môn Tịnh Độ, bạn chắc chắn sẽ thành tựu. Sự thành tựu này không phải là thành tựu thông thường. Thành tựu thông thường chỉ là chứng quả A-la-hán, thành Phật, Bồ Tát trong Thập pháp giới. Sự thành tựu này là siêu việt mười pháp giới đến Nhất Chân pháp giới, thành tựu vô cùng thù thắng! Cho nên, chúng ta phải khẳng định “*Ngã chân thật (Chân Ngã) là ‘chân tánh của pháp giới’, là tự thể của chính mình*”. Chứng đắc “Tánh pháp giới” liền thành tựu “thân pháp tánh” và trú ở “cõi pháp tánh” đó chính là “*Chân tánh pháp giới*”.

“*Thể tánh duyên khởi, trở thành hạnh đức*”:

“*Thể tánh duyên khởi*” chính là cảm ứng đối với tất cả chúng sinh. Chúng sinh trong thập pháp giới có cảm, Bồ Tát liền có ứng. Bồ Tát này là Pháp Thân Đại Sĩ, là Bồ Tát trú trong cõi Thật Báo.

Chúng sinh có cảm, đây là “duyên”; Phật, Bồ Tát có ứng gọi là “khởi”. “Duyên khởi” là thành tựu “hạnh đức”; “hạnh đức” là giúp chúng sinh, giáo hóa chúng sinh, thành tựu chúng sinh. Hai câu sau đây rất ý nghĩa: “*Sở hạnh chỉ là tự thể, tâm không duyên vào đâu*”. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa tại thế, thị hiện tám tướng thành đạo. Sau khi thành đạo, ngài giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, những điều này đều thuộc về “hạnh đức”; “hạnh” là tánh thể.

- Đức Phật giảng kinh thuyết pháp có khởi tâm phân biệt, chấp trước hay không?

- Nếu không khởi tâm, không động niệm, Phật làm sao giảng kinh nói pháp!

Chỗ này đã giải thích rõ ràng “*Sở hạnh chỉ là tự thể*” nên quán “Tánh pháp giới”, tất cả do tâm tạo. Tâm đó là chân tâm. “Tất cả do tâm tạo” chính là “*năng sinh vạn pháp*”. Vạn pháp kỳ thật chính là tự tánh, chính là tự thể, xa rời tự tánh thì không có pháp gì để đắc. “Tự thể” đó ở đây chính là tự tánh, là chân tâm của chính mình, cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa.

“*Tâm không duyên vào đâu, tùy theo ý thích mà chẳng phạm giới, đây mới là thiện*”. “Tâm vô sở duyên”, chân tâm năng hiện năng sinh; “*năng hiện năng sinh*” là “duyên”. *Tùy theo ý thích mà chẳng phạm giới*”, nói rõ ràng hơn là “*Tùy tâm sở dục mà không động tâm*”; nói như vậy mọi người dễ hiểu.

Đại Sư Huệ Năng đã nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn không dao động*”. Tuy hiện tất cả tướng, nên dùng thân gì để độ; Phật, Bồ Tát liền hiện thân đó; nói tất cả pháp mà chưa từng khởi tâm, chưa từng động niệm, cảnh giới này gọi là “*cảnh giới bất tự nghị*”.

Chúng ta phàm phu nghe không hiểu! Đây là thật không phải giả! Nếu Phật, Bồ Tát còn khởi tâm động niệm thì các ngài đã đọa lạc làm phàm phu rồi! Cho nên, các ngài đích thật không khởi tâm, không động niệm.

- Vì sao ngài năng hiện?
- Vì chúng sinh có cảm!
- Vì sao ngài có thể nói?
- Cũng vì chúng sinh có cảm!

Trong kinh Phật nêu ra thí dụ về ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất là “Trí tuệ đệ nhất” trong hàng đệ tử Phật. Bất cứ câu hỏi khó khăn, hóc búa nào nêu ra ngài đều giải đáp rất rõ ràng, tường tận. Có người đến thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni Phật:

- Trí tuệ ngài Xá Lợi Phất do đâu mà có?

Đức Phật hỏi họ:

- Bạn có từng thấy cái trống chưa?
- Đã từng thấy!
- Thấy nó như thế nào?
- Đánh nó liền vang, đánh lớn tiếng vang lớn, đánh nhỏ tiếng vang nhỏ, không đánh không vang!

- Đây chính là biểu trưng: Bạn hỏi ngài Xá Lợi Phất bất cứ việc gì, ngài đều rõ biết giải thích cho bạn rất tường tận. Vậy thử hỏi bạn:

- Trong trống có thứ gì chằng?
- Hoàn toàn rỗng không!

Phật liền nói:

- Trong tâm Xá Lợi Phất cũng rỗng không như thế!

Đây chính là “*Tùy theo ý thích mà chẳng phạm giới*”.

Trong tâm ngài không có thứ gì cả, chính là ngài không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Còn phàm phu chúng ta, ai hỏi điều gì cũng đều không biết! Vì sao? Vì trong tâm ta chứa chấp quá nhiều vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên đánh mà không kêu!

Đức Phật nêu ra thí dụ này rất có ý nghĩa. Mỗi chúng ta đều có trí tuệ, nếu xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì trí tuệ liền biến chất, biến thành phiền não. Cho nên, kinh nói: “Phiền não tức Bồ Đề”. Bồ Đề là trí-tuệ; đem tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bỏ đi hết thì phiền não chính là trí-tuệ.

Phiền não vô biên thì trí-tuệ cũng vô lượng. Trong tâm chỉ cần có xen tạp thứ gì đó, trí-tuệ liền biến thành phiền não; tánh đức liền biến thành tạo nghiệp; tướng hảo trở thành lục đạo, bị biến chất rồi! Không phải là không khởi tác dụng. Nếu không khởi tác dụng thì không thể gọi là tánh đức.

Cho nên, tánh đức cũng tùy duyên nhiễm tịnh: Tâm thanh tịnh đó chính là thiện duyên; tâm nhiễm ô đó là ác duyên. “*Tùy duyên thiện*”, đó chính là “nhất chân pháp giới”, là cõi Thật Báo; “*Tùy duyên nhiễm*” đó chính là “Thập pháp giới”, Lục đạo, Tam đồ. Sự việc như vậy là “*tùy tâm sở dục*”.

“*Tâm vô sở dục*”, tâm không duyên vào đâu. Câu này vô cùng quan trọng! Nếu bạn hiểu rõ rồi sẽ thật sự giác ngộ: Khấp pháp giới, hư không giới, tất cả chúng sinh và bản thân là một thể! Như khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đã độ vô lượng vô biên chúng sinh, nhưng

thực tế ngài không thấy có chúng sinh nào được độ! Vì sao? Vì “*Tam luân thế không*”! Đạo lý chính là đây!

Cuối cùng, cụ Hoàng kết luận: “Theo quan điểm này, chẳng luận phạm phu, Nhị thừa, kể cả Tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) đều làm điều thiện mà còn có chỗ duyên vào thì đều là ác cả”. Cũng chính là nói: “*Tâm có sở duyên*” chính là ác; “*tâm vô sở duyên*” là thiện. “*Tâm vô sở duyên*” là “Nhất chân pháp giới”; “*Tâm có sở duyên*” là “thập pháp giới”. Phật, Bồ Tát trong “thập pháp giới” vẫn là “*Tâm có sở duyên*”; chỉ có người “minh tâm kiến tánh”, người Niệm Phật đến “Lý nhất tâm bất loạn” mới khẳng định được khắp pháp giới, hư không giới là một bản thân mình. Do vậy mà: Vì tất cả chúng sinh phục vụ chính là vì bản thân phục vụ, không phải vì người khác, đây là “vô sở duyên”.

Tóm lại, làm bất cứ việc gì; “tâm có sở duyên” đó là Thập pháp giới, không gọi là Thiện. “Tâm vô sở duyên” mới gọi là Thiện.

Tông Thiên Thai lập ra **sáu thứ thiện ác**: Cơ bản thấp nhất là “nhân, thiên”, thứ hai là Nhị Thừa, thứ ba là Bồ Tát Tiểu Thừa, thứ tư là Bồ Tát Thông giáo, thứ năm là Bồ Tát Biệt giáo, thứ sáu là Bồ Tát Viên giáo.

1. Thiện Trong Trời, Người

“Ngũ giới, thập thiện” là “Sự thiện” (điều lành về mặt sự) nhưng khi quả báo cõi trời, người đã hết lại đọa lạc trong ba đường ác nên cũng là ác. Chỗ này, Hòa Thượng Tịnh Không giải thích và nêu ra vấn đề như sau:

- Nghĩ xem! Tiêu chuẩn năm giới, mười thiện chúng ta đã làm được chưa? Chúng ta có phải là người thiện chưa?

Năm xưa, tôi giảng Kinh Địa Tạng, đã từng có người xuất gia, sau khi nghe xong liền đến hỏi tôi:

- Pháp sư à! Trên kinh nói đều không có thực!

Tôi hỏi:

- Vì sao vậy?

- Tôi y theo pháp môn Địa Tạng mà tu đều không cảm ứng!
Trên kinh nói thật không đáng tin! Tôi nói:

- Không đến nỗi như vậy đâu!

Ông ta liền nêu ra sự thật để đối chiếu nói với tôi. Tôi nói:

- Trên kinh có một chữ, ông có chú ý đến không?

- Chữ nào vậy?

- Chữ “thiện nam tử”, “thiện nữ nhân”. Ông có phải là “thiện nam tử” chưa? Nếu không phải là “thiện nam tử”, ông y theo đây tu hành không có quả báo là việc đương nhiên! Then chốt chính ngay chữ này!

Cái mà bạn dùng là tâm gì? Bạn ngày ngày tạo tác tất cả tội nghiệp còn mong Phật, Bồ Tát bảo hộ bạn, cho bạn thiện báo, làm gì có loại đạo lý này! Bạn không tương ưng! Cho nên, chữ “thiện nam tử”, “thiện nữ nhân” nhất định không thể xem thường. Nếu bạn chân thật là “thiện nam tử”, “thiện nữ nhân”, y theo lời Phật dạy mà tu học, nếu không được quả báo thù thắng như trên kinh thì bạn tìm Phật để kiện!!

Thọ năm giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Thọ thì rất dễ, nhưng giữ được thật không dễ dàng! Giới thể, giới tướng, giới hạnh bạn đều không hiểu, mơ mơ hồ hồ mà thọ, mơ mơ hồ hồ mà phạm, còn cho rằng chính mình giới luật trì được rất tốt, chính mình không biết phản tỉnh, không biết kiểm điểm việc làm sai trái của mình! Cho nên tôi mong

các đồng tu không nên mong cầu cao xa, có thể làm tốt năm giới, mười thiện thì rất cừ khôi rồi!

Đại sư Ngẫu Ích, cuối đời nhà Minh xuất gia, thọ qua tam đàn đại giới. Sau khi thọ xong mới biết đó không phải là việc đơn giản, chính mình không làm được, nên đến trước Phật thoái giới, ngài xả đi giới Tỳ kheo, cả đời chỉ phụng trì giới Sa Di cùng Bồ Tát giới. Vì vậy, ngài tự xưng là “Sa Di Bồ Tát giới”, không dám xưng Tỳ kheo. Học trò của ngài là Pháp sư Thành Thời. Pháp Sư Thành Thời công hiến rất lớn đối với thầy mình. Chú Sớ của cả đời Đại Sư Ngẫu Ích có thể lưu truyền được về sau là do công lao của Pháp sư Thành Thời. Ông khắc thư ấn hành lưu thông. Thầy là Sa Di, ông không dám xưng là Sa Di nên xưng là “Xuất gia Ưu Bà Tắc”. Chân thật là cao tăng đại đức một đời, không dám xưng “Sa Di”.

Ngay trong thời đại này có thể làm được “Sa Di giới” chăng? Khó! Rất Khó! Đại Sư Hoàng Nhất. Ngài hiểu được giới luật cho nên cả đời ngài chỉ tự xưng là “Xuất gia Ưu Bà Tắc” chúng ta làm sao dám cuồng vọng, dám tự cao?! Cho nên, ngày nay chỉ cần làm tốt được năm giới, mười thiện chính là người thượng thượng căn rồi. Nếu ngay đến năm giới vẫn chưa làm được thì còn nói cái gì?! Thật không dễ dàng!

- **Không sát sinh:**

Không những không thể giết hại tất cả chúng sinh mà khởi lên ý niệm muốn hại chúng sinh cũng đều không được! Nếu có ý niệm này, bạn đã phá giới rồi! Chúng ta đọc kinh này là kinh Đại thừa. Năm giới của Đại thừa cùng năm giới của Tiểu thừa không như nhau. Năm giới của Tiểu thừa là luận sự không luận tâm. Năm giới của Đại thừa là luận tâm không luận sự. Tâm bạn khởi lên ác niệm thì bạn đã phá giới rồi!

- **Không trộm cắp:**

Càng khó trì! Trên kinh Phật định nghĩa trộm cắp rất rõ ràng: “*Bát dư thủ*”, hễ vật có chủ, nếu chưa thương lượng, chưa được sự đồng ý của chủ nhân mà tự tiện lấy, đó chính là trộm cắp. Phạm vi của giới trộm rất rộng như: Biền thủ tài vật của người khác, đoạt danh dự, quyền lực, địa vị của người khác đều là trộm; đối với thường trụ cứ tha hồ tùy tiện sử dụng cũng là trộm!

Ngày trước, tôi thân cận thầy Lý Bình Nam mười năm. Thầy năm xưa nhậm chức ở Phụng Tự Quan Phủ. Ông là Bí thư chủ nhiệm của Phụng Tự Quan Phủ. Bình thường viết thư cho bạn bè, dùng giấy và bao thư của quốc gia, ông nhất định phải báo cáo với quan Phụng tự: Hôm nay tôi đã dùng bao nhiêu giấy viết thư, mấy cái bao thư. Quan Phụng Tự cảm thấy ông này rất lạ! Ai mà không dùng như vậy, thiết nghĩ ông cũng không nên quá bận tâm về việc này. Ông nói: Tôi là tín đồ Phật giáo, nếu không có sự đồng ý của ông mà tôi tự tiện dùng là phạm giới trộm cho nên cần phải báo cáo với ông. Đây là hiểu được qui củ.

Năm xưa, có một vị hiệu trưởng già ở Đài Loan, là huynh đệ với tôi, ông cũng là học trò của thầy Lý. Ở Đài Loan, ông làm thứ trưởng Bộ Chánh Sách. Quốc gia cấp cho ông một chiếc xe hơi, trong nhà lắp cho ông một điện thoại bàn. Nếu không phải việc công thì ông không dùng điện thoại công. Nếu không phải là việc nhà nước thì ông không đi xe công, chỉ dùng xe công cộng. Vì sao vậy? Không phạm giới trộm!

Ngày nay, ai có thể làm được!? Hiện tại chúng ta cầm đến điện thoại thường trụ thì tán gẫu, nói hết nửa giờ, một giờ, hai giờ v.v... Không biết có đến bao nhiêu lời thừa! Có phải bạn đã phạm giới trộm rồi chăng?! Tương lai bạn đi đến vua Diêm La, vua Diêm La đều có sổ sách đưa ngay trước mặt, bạn không thể nào chôi cái!

Kinh Địa Tạng nói rất rõ: Chúng sinh ngày ngày đang phạm giới, chính mình hoàn toàn không hay biết, lại cho rằng việc rất bình thường! Vì sao vậy? Vì mọi người đều làm vậy! Nếu bạn không làm như vậy, người ta nói bạn khờ dại!

Vị hiệu trưởng già đó là Châu Bang Đạo. Có nhiều người nói ông là kẻ ngốc, đầu óc quá ngoan cố không thể chuyển đổi! Điện thoại của ông vì sao ông không thể dùng?! Cấp cho ông chiếc xe, chẳng phải gián tiếp bảo ông đừng đi bộ hay sao? Không phải việc công còn phải đi taxi, làm gì có loại người này! Cho nên, người ta xem ông như quái vật, rất không bình thường! Thế nhưng, trong Phật pháp ông là người rất bình thường. Chúng ta xem thấy ngày trước, các ngài tu hành là như thế. Ngày nay, chúng ta tự cho là phải, là bạn tự cho; Phật, Bồ Tát không cho là vậy! Trong đây đạo lý nhân quả nào ai hiểu!

- **Không tà dâm:**

Người xưa nói: “*Trăm thiện, hiếu đứng đầu. Vạn ác, dâm trước tiên*”. Đây là cội gốc của họa hại, không thể xem thường! Người tu hành không thể thành tựu được đạo nghiệp, sau cùng đọa A-Tỳ địa ngục cũng chính vì nguyên nhân này.

- **Không nói dối:**

Giới này phải cẩn trọng vì rất dễ phạm! Người hiện tại chúng ta xem thấy quá nhiều, không chỉ gạt người còn gạt cả chính mình, như vậy làm sao có thể thành tựu?!

- **Không uống rượu:**

Giới này “*khai duyên*” rất nhiều, nhất định phải rõ ràng; nếu không phải “*khai duyên*” thì là phạm giới.

“Giới” cùng “Thiện” không giống nhau. “Giới” là Phật giáo hóa, ràng buộc đối với chúng ta, một khi đã phát nguyện thọ giới thì nhất định phải tuân thủ. “Thiện” không do Phật, Bồ Tát ràng buộc chúng ta mà là lương tâm, lương tri của chính mình. Cho nên, dù bạn không thọ giới cũng phải nên tuân thủ đạo đức.

Ba giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm là thuộc về “thân thiện”. “Miệng thiện” có bốn là: Không nói dối, không ác khẩu (nói lời thô lỗ khiến người nghe rất khó chịu), không nói lưỡi hai chiều (lưỡi hai chiều là trêu chọc phải quấy, gây xung đột, hiểu lầm cả đôi bên), không ý ngữ (dùng lời nói khéo léo, đường mật mê hoặc lòng người). Kế đến là ý thiện: Không tham, không sân, không si.

Năm giới, mười thiện là đại căn, đại bản tu hành của chúng ta. Dùng năm giới, mười thiện, đức hạnh này để hồi phục tâm thanh tịnh, tâm chân thành của chúng ta thì Niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ nhất định thành tựu. Từ trong pháp chân thật mà nhìn “*thiện trong trời, người*” dù có được sinh thiên cũng không phải là việc tốt, hưởng hết phước rồi vẫn phải đọa lạc trong sáu cõi luân hồi nên cũng là ác!

2. Thiện Của Nhị Thừa

Thanh Văn, Duyên Giác trong Phật pháp gọi là Nhị Thừa. Nhị Thừa không còn chấp thân này là ta mà chỉ là cái của ta, là sở hữu của ta, nên họ đã phá được “Thân kiến” (cái thấy sai lầm về thân), cũng phá được bốn tướng. Chúng ta xem thấy trên Kinh Kim Cang, Tu-đà-hoàn cũng đã lìa bốn tướng. Kế đến “Biên kiến” là có đối lập, có chấp trước, có người, có ta, có lớn có nhỏ, có dài có ngắn v.v... Phàm phu chúng ta đều sống trong “Biên kiến”. Các nhà khoa học gọi là “Tương đối luận”, đây là sai lầm!

Cho nên, trong cái “Không” của Nhị thừa vẫn còn có “Biên kiến”, vẫn là cái thấy có đối lập hai bên. Tiếp đến: “Kiến thủ kiến” và “Giới thủ kiến”, người Trung Quốc gọi là thành kiến. Thành kiến là tự cho là phải. “Kiến thủ kiến” là thành kiến đối với trên quả báo. “Giới thủ kiến” là thành kiến đối với trên tu nhân. Hai loại kiến giải này đều sai lầm. Ngoài bốn loại trên đây, bao gồm tất cả kiến giải sai lầm, qui nạp đến điều sau cùng là “Tà kiến”. Năm loại vừa kể gọi chung là “kiến phiền não cũng gọi là “Kiến Hoặc” (Kiến giải sai lầm).

Ngoài ra, còn có năm cách nghĩ sai lầm là “Tư phiền não”: “tham-sân-si-mạn-nghi”. Cái “nghi” này là hoài nghi đối với Thánh giáo (giáo huấn của thánh nhân), “Tham-Sân-Si”, phạm vi này rất rộng. Phật nói mười “Kiến Tư phiền não” từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp ở trong A-lại-da huân tập thành chủng tử kiên cố, rất khó phá trừ, vừa sinh ra liền có không cần phải học. Ý niệm chúng ta vừa khởi chính vì những thứ này biến hiện, đây là nghiệp nhân của sáu cõi luân hồi. Nếu đoạn dứt được “Kiến Tư phiền não” thì sáu cõi luân hồi sẽ không còn.

Tôi thường nhắc các đồng tu phải tìm một pháp phương tiện, tìm chỗ bắt tay vào, làm được bao nhiêu tính bấy nhiêu, nhất định có chỗ tốt đối với chính mình.

- Phải bắt tay vào từ chỗ nào?
- Từ đoạn “Kiến Tư phiền não”!

“Kiến Tư phiền não” là chấp trước, “Trần Sa phiền não” là phân biệt, “Vô Minh phiền não” là vọng tưởng. Chúng ta phải hạ thủ bắt đầu từ không chấp trước, tức là đoạn “Kiến Tư phiền não”.

- Từ chỗ nào không chấp trước?

- Đối với tất cả người, tất cả vật, tất cả sự vật, buông bỏ ý niệm không chế. Sau đó, đối nhân xử thế tiếp vật phải “*tùy duyên*”.

Nếu có ý niệm không chế, chiếm hữu là “*phan duyên*” không phải “*tùy duyên*”. Tâm “*tùy duyên*” là tâm thanh tịnh, tâm sáng suốt. Thọ dụng của “*tùy duyên*” là tự tại. Tâm “*phan duyên*” là tâm không thanh tịnh, thọ dụng của nó tất nhiên không tự tại. Đây là “*thiện*” của Nhị thừa tương đối đã không dễ dàng. Thành thật mà nói: E rằng chúng ta cũng không làm đến được! Thế nhưng, theo quan điểm của Thiên Thai tông: Nếu chỉ biết tự độ mà không thể độ tha như cái thiện của Nhị thừa cũng vẫn là ác.

3. Thiện Của Tiểu Thừa Bồ Tát

Thiện này có chỗ khác với Nhị thừa, họ tự động, tự phát cứu vớt tất cả chúng sinh nhưng tâm họ “*Trần Sa phiền não*”, “*Kiến Tư phiền não*” vẫn chưa đoạn sạch trơn nên chưa siêu việt mười pháp giới. Hướng lên trên mà so sánh thì họ là ác; hướng xuống mà nhìn thì họ là thiện. Thiên Thai tông nói về “*Tạng, Thông, Biệt, Viên*”, trong đó “*Tạng giáo*” chính là Tiểu thừa; trong đây cũng có Phật, có Bồ Tát.

4. Thiện Của Bồ Tát Trong “*Thông Giáo*”

“*Thông giáo*” là phía trước thông “*Tiểu thừa*”, phía sau thông Đại thừa, họ cũng chưa kiến tánh. So với phía trước họ cao hơn một tầng, họ đoạn được “*Kiến Tư phiền não*”, có thể tự hành hóa tha, tương đồng với A-la-hán, Bích Chi Phật. Họ có tâm từ bi, chủ động độ khắp chúng sinh nhưng vẫn còn rơi vào nhị biên (có và không), chẳng thấy được “*lý Trung Đạo*” của Biệt giáo. Nói cách khác, họ đã xả bỏ chấp trước nhưng vẫn còn phân biệt; vì có phân biệt nên không thể thấy lý Trung Đạo.

Mặt khác, “Thông giáo” vẫn chưa đoạn được một phần vô minh; so với bên trên họ vẫn là ác, so với bên dưới thì họ là thiện. Đây là cõi “Pháp giới tứ thánh”. Tuy họ đã vượt thoát được lục đạo nhưng vẫn còn trong phạm vi mười pháp giới, nên trong kinh Phật gọi họ là “ngoại phàm”. Đến khi nào họ siêu việt mười pháp giới mới trở thành thánh nhân. Trên Kinh Hoa Nghiêm, bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ là thánh nhân vì họ đã siêu việt mười pháp giới, phá được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân.

5. Thiện Của Bồ Tát Trong Biệt Giáo

“*Biệt giáo*” là thuần túy Đại thừa, không giống như “*Thông giáo*” họ thấy được “*lý Trung Đạo*” tức là phân biệt không còn nữa, đây là thiện. Nhưng họ vẫn còn cách biệt Trung Đạo, chẳng thể thấy được “*Diệu Trung*” (tức là lý của Trung Đạo nhiệm mầu) viên dung của Viên giáo, sở hành còn vướng trong phương tiện, chẳng xứng hợp với lý thể nên cũng là ác. Tâm lượng của Viên giáo, chính là nhà Phật thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, hàng Biệt giáo không có tâm lượng này. Tâm lượng của Phật, Bồ Tát Biệt giáo có thể nói là tư duy cả một đại thiên thể giới. Nhưng, Viên giáo Bồ Tát, khảo lượng của các ngài là tận hư không khắp pháp giới tất cả chúng sinh, bình đẳng, từ bi không có giới hạn.

Chúng ta muốn biết tâm lượng của mình ra sao, hãy dùng tâm thanh tịnh, tâm đại từ bi mà khảo lượng. Tâm lượng càng lớn thì công đức càng lớn. Công đức lớn, nhỏ không qui định ở sự việc lớn hay nhỏ, không ở chỗ ra tiền, ra sức nhiều hay ít mà cốt ở tâm lượng bạn. Người có tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi; trong cuộc sống thường ngày cho dù họ làm việc thiện nhỏ, nhưng công đức họ làm ra lại không thể nghĩ bàn! Vì sao? Vì xứng tánh!

Tâm lượng cứu cánh viên mãn chính là tự tánh. Tâm trùm hư không, lượng khắp pháp giới đó là tự tánh. Dùng tâm hạnh như

vậy, không luận làm bất cứ việc gì, dù chỉ bố thí một xu tiền, thậm chí trên người không có tiền, thấy việc tốt của người chấp tay hoan hỉ, tán thán, công đức đó đều là vô lượng vô biên. Người có trí tuệ, thông minh rõ được đạo lý này, thấu suốt chân tướng sự thật, nắm lấy cơ hội thành tựu vô lượng vô biên công đức. Người ngu luôn luôn là để cho cơ hội qua đi trước mắt! Không những không biết nắm lấy cơ hội tích lũy công đức mà còn tạo tác vô biên tội nghiệp!

Người thế gian ham thích hưởng thụ năm dục, sáu trần; đây không phải là chân thật hưởng thụ, đó là năm gốc của địa ngục! Thử hỏi, họ có thể hưởng thụ được bao nhiêu ngày, hay quả khổ tiếp nối theo sau?! Thật nói không nên lời!!

Thánh nhân, bậc có trí giác triệt để nói với chúng ta: “*Lạc thọ chân thật là cứu giúp người khác*”, lấy sự việc giúp người làm vui. Chúng ta học Phật, phải tỉ mỉ mà quan sát hành nghi của Phật, Bồ Tát; phải sâu sắc mà lĩnh hội mới phát hiện được các ngài trải qua đời sống rất kham khổ, giúp người khác được an vui, đó là niềm chân lạc, đại tự tại nhất của các ngài.

6. Thiện Của Bồ Tát Trong Viên Giác

Lý viên diệu là diệu thiện cùng tột như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Vô Lượng Thọ đều đạt đến viên diệu cùng tột, cho nên đây là chí thiện. Nhưng lý này, Đại Sư Thiên Thai nói có hai nghĩa:

- *Nghĩa thứ nhất: “Viên lý thuận với Thật Tướng là thiện, trái nghịch với Thật Tướng là ác”.*

Lời nói này nghe qua vẫn không dễ hiểu; đổi cách nói khác: “*Tùy thuận chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đây là thiện*”. Câu nói này tuy có phần dễ hiểu nhưng cảnh giới, nghĩa thú trong đây vẫn không cách gì hiểu được!

- Cái gì là chân tướng vũ trụ nhân sinh? Làm thế nào để tùy thuận nó?

- Chân tướng của vũ trụ nhân sinh là “*tướng có, thể không*”; “*sự có, lý không*”. Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc mà nói; sau đó mới biết cách hành trì ra sao, tùy thuận như thế nào. Trong tùy thuận có đại an vui, đại tự tại nên gọi là “*thiện*”.

Xét lại, chúng ta đã hoàn toàn trái ngược với chỗ này. Chúng ta không hề hay biết đối với chân tướng sự thật. Tuy Phật pháp đã học nhiều năm, danh từ thuật ngữ có thể ghi nhớ, cũng thường hay nói ở đầu môi, nhưng khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm hoàn toàn trái ngược với chân tướng sự thật. Cho nên, tu học của chúng ta không có kết quả!

- Niệm Phật vãng sinh, bạn có thể nắm chắc được chưa? Có tin tức gì chưa? Vì sao tu học công phu không có lực?

- Luôn có một đạo lý, một nguyên tắc: Nếu có thể tìm ra được nhân tố “không thể thành tựu”, đem cái nhân tố này loại trừ, công phu của bạn mới thành tựu.

Thông thường trong lúc giảng dạy, tôi thường xuyên nhắc nhở mọi người phải chân thật nhìn thấu, buông bỏ; phải đem tâm mình làm một cuộc cải biến lớn: Lúc trước mê hoặc điên đảo, tất cả đều không thuận với Thật Tướng, khởi tâm động niệm đều vì chính mình; chỉ cần vì chính mình liền tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp; nay chuyển đổi lại, niệm niệm đều vì pháp giới chúng sinh không còn vì mình.

- Những chúng sinh nào vậy?

- Tất cả chúng sinh tận hư không khắp pháp giới, trong đó bao gồm cả chính mình. Nếu ý niệm bạn chỉ vì một chúng sinh này mà quên đi tất cả thì bạn đã sai lầm! Thực tế mà nói: Chính bạn,

chúng sinh này cũng không cách gì giữ được! Đây là chân tướng sự thật!

- *Nghĩa thứ hai: “Thấu đạt viên lý là thiện, chấp trước viên lý là ác”* (Đạt thủ viên lý chi thiện, trước chi vi ác)

Quan điểm “*Thấu đạt viên lý là thiện, chấp trước viên lý là ác*” là giáo thuyết độc đáo tinh diệu do tông Thiên Thai phát huy, nghĩa lý này rất hay, đã nói đến cùng tột của viên diệu. “*Thấu đạt viên lý*” có nghĩa là thông đạt tường tận thì quá tốt, đây là thiện. Nhưng, thông đạt tường tận, vẫn còn chấp trước cái “thông đạt” thì sai rồi! Cái “thông đạt tường tận” đó của bạn sẽ trở thành ác! Cho nên, chấp vào viên lý còn là ác huống là chấp vào các pháp khác.

Năm giới mười thiện là pháp “thiện” căn bản của thế và xuất thế gian. Từ nơi cội nguồn mà nói: Năm giới tương ưng với tánh đức phát xuất từ tâm thanh tịnh của tự tánh mà lưu xuất ra; mười thiện tương ưng với tâm thức là từ ý thức mà lưu lộ ra. Hành trì của Phật, Bồ Tát năm giới, mười thiện là tự nhiên không hề có chút tạo tác, cũng chính là nói tâm các ngài hoàn toàn thanh tịnh, không có ô nhiễm, không có khởi tâm động niệm như: Phải trì giới, phải hành thiện.v.v...Tâm các ngài là “*tâm vô tâm*”, đây mới là chân tâm, là thuần thiện. Nếu còn khởi tâm, tâm đó là tâm ý thức, là vọng tâm, không gọi là thiện.

Nếu nói: Tất cả chúng sinh là chính mình, vậy ta phải nên làm thế nào đó tức là bạn đã rơi vào trong ý thức rồi! Đó không phải là thuần thiện, nhiều nhất cũng chỉ là “thiện của Biệt giáo Bồ Tát”, cũng đã đưa bạn lên quá cao rồi. Nếu hướng xuống thấp một chút là “thiện của Bồ Tát Tiểu thừa”, họ vẫn còn có tâm đang làm thiện. Cho nên, tất cả vì chúng sinh, không chấp cái tướng vì chúng sinh.

Kinh Bát Nhã nói: “*Tam luân thể không*”. Chân thật làm đến được “*Tam luân thể không*”: đoạn ác cũng là “*Tam luân thể không*”; làm thiện cũng là “*Tam luân thể không*”, liền tương ứng với cái lý của viên diệu.

- Cái gì là “*Tam luân thể không*”?

- Phá được bốn tướng như Kinh Kim Cang nói chính là “*Tam luân thể không*”.

Bốn tướng đó là “*không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sinh tướng, không thọ giả tướng*”. Sơ quả Tiểu thừa gọi là “*Nhập Lưu*” tức nhập vào dòng thánh cũng đã lìa bốn tướng. *Lìa tướng là công phu!* Mặc áo ăn cơm, đối người tiếp vật, từ sớm đến tối cũng học lìa tướng. *Tướng tận mọi thứ là trí tuệ; thông đạt mà không chấp trước là trí tuệ Bát Nhã chân thật.* Đem công phu này, Niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, chắc chắn được vãng sinh.

“*Quốc độ thô diệu*”: “*Thô*” là chẳng tinh, “*diệu*” là thắng diệu (tốt đẹp tuyệt vời). Sư Nghĩa Tịch bảo: “*Trong Tịnh Độ có thô, diệu sai khác. Thô chính là biến hóa, diệu chính là thọ dụng*” nghĩa là trong Tịnh Độ có các sự thô hay diệu sai khác: “*thô*” là có suy, có biến đổi; “*diệu*” chính là cõi Thật Báo Tự Thọ Dụng hay Tha Thọ Dụng.

“*Thiên nhân thiện ác*” là nhân, “*Quốc độ thô diệu*” là quả. Thực tế mà nói chánh báo cũng là quả; chỗ này đã tinh lược bớt; tuy tinh lược, ý nghĩa vẫn đầy đủ. Vì sao? Vì y báo tùy theo chánh báo chuyển. Người lành thì cõi nước lành, người ác ắt cõi nước hèn kém. Vì vậy, sách Hội Sớ bảo: “*Quốc độ chính là hình bóng của chúng sinh. Hình dài thì bóng dài, hình ngắn thì cõi đất ngắn ngủi*”; ý nói ảnh tùy hình chuyển biến. Đem hình ví cho tâm, đem ảnh ví cho cảnh; cảnh tùy tâm chuyển.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “*Câu ‘thiên nhân thiện ác’ phiếm chỉ cái nhân của các cõi nước. ‘Quốc độ thô diệu’ là chỉ chung cái quả hết thảy các cõi*”. Câu nói này không sai chút nào. Môi trường chúng ta cư trú, bản thân phải chịu trách nhiệm, không liên quan gì đến người khác. Tâm ta thanh tịnh liền trú tại Tịnh độ. Tâm ô nhiễm liền trú tại uế độ. Cho nên, ác không thể không đoạn; thiện không thể không tu. Nhưng, thiện ác đó bạn phải có năng lực nhận biết nó, đây là trí tuệ. Nếu không có trí tuệ, không thể nào phân biệt được thiện ác: Đem ác cho là thiện, đem thiện cho là ác, đây là điên đảo! Điên đảo là hướng đến diệt vong, đến tận thế!

- Tiêu chuẩn thiện ác ở đâu?

- Ở nơi lời giáo huấn của chư Phật và Thánh Hiền.

Phật, Bồ Tát dạy chúng ta: Thập thiện, ngũ giới, lục Ba la mật v.v... những thứ này là tiêu chuẩn. Thánh nhân dạy: Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức, đây cũng là tiêu chuẩn. Tương ứng với tiêu chuẩn là thiện; trái với tiêu chuẩn là ác. Chỗ này nói “*thô diệu*”, ý nghĩa rất sâu rộng, chúng ta phải tỉ mỉ mà thể hội.

- “Chánh báo diệu”, chánh báo là thân tướng, thế nào mới gọi là diệu?

- Trên kinh có tiêu chuẩn: Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đó là diệu.

- Vì sao phải dùng cách này làm tiêu chuẩn?

- Ba mươi hai tướng hảo, mỗi tướng hảo đều do nhân thiện mà biến hiện ra. Nhân thiện này không phải từ phước đức mà do công đức thành tựu. Ý nghĩa thô diệu là từ chỗ này mà định.

Hiện tại, người thế gian tướng mạo đẹp cũng rất nhiều, nhưng đó là tướng phước đức không phải tướng công đức. Công đức cùng phước đức có khác biệt. Tướng người thế gian tuy chánh báo tốt,

hoàn cảnh y báo cũng không tệ. Nhưng tỉ mỉ mà quan sát tư tưởng, hành vi của họ đều là tạo tác nghiệp bất thiện, do vậy mà không phải diêu. Nên biết: Người tạo tác đại ác, nếu họ có đại phước báo thì vẫn không bị tội. Người không có phước báo, giết một mạng người cũng phải ngồi tù hoặc lãnh án tử hình! Đây là nói đến “*thô diêu thiện ác*” của chánh báo.

Trong Phật kinh có bộ kinh gọi là “Tạo Tượng Độ Lượng Kinh”. Thời xưa, tạo tượng đều y theo tiêu chuẩn trong bộ kinh này. Ngày nay thì không có! Họ tạo tượng Phật, Bồ Tát chỉ là “nghệ thuật hình người”! Phật, Bồ Tát cũng biến thành phàm phu!

“*Tư duy cứu cánh, tiệp nhất kỳ tâm, tuyền trạch sở dục, kết đắc đại nguyện*” (Tư duy đến rốt ráo, ngài liền nhất tâm chọn lựa lấy điều mình mong muốn kết thành đại nguyện): Đoạn kinh văn này, chúng ta có thể thể hội được Pháp Tạng Bồ Tát không phải dựa vào không tưởng mà kiến lập ra thế giới Tây Phương Cực Lạc. Với mỗi cái nhân thiện ác, mỗi quả thô diêu của tất cả cõi Phật, ngài đều dốc tâm suy nghĩ thấu đáo, hiểu rõ tường tận, “*thủ nhân chi trường, xả nhân chi đoản*”, như vậy mà tuyền chọn tạo thành ra thế giới Cực Lạc. Cho nên, thế giới Cực Lạc là kết tập đại thành thiện nhân, thiện quả của tất cả cõi nước chư Phật.

Ngài “*tư duy cứu cánh*”, chữ “*cứu cánh*” (rốt ráo) chính là “*Chân Thật Tế*” được nói trong kinh, cũng là một pháp cú, một thanh tịnh cú “*Chân thật trí-tuệ, vô vi Pháp Thân*”. “Nhất pháp cú” chính là câu “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Chỉ cần dùng một câu Phật hiệu này có thể đánh tan khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, giúp bạn kiến tánh, liền tương ứng với tự tánh. Tịnh Tông kỳ diêu là ở điểm này.

Có niệm là phàm phu, vô niệm mới là Phật. Chỉ dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật mà dẹp bỏ được tất cả ý niệm, đây gọi là

biết niệm. Cổ nhân nói không chế vọng niệm giống như dùng đá đè cỏ; tuy không nhổ được gốc nhưng vẫn hữu dụng. Thật sự đè nén được những vọng niệm, đây là bạn có công phu, vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ không còn chướng ngại nữa. Nếu phải đoạn gốc phiền não, điều này không dễ dàng! Đoạn gốc là không “đói nghiệp”. Đè nén được vọng niệm là “đói nghiệp”. Có người hỏi:

- Tôi không niệm A Di Đà Phật; chỉ niệm “một-hai-ba-bốn” có được không?

- Được! nhưng niệm “một-hai-ba-bốn” phải niệm cho hết phiền não mới có thể thành tựu!

Niệm A Di Đà Phật, phiền não tuy chưa đoạn hết, họ vẫn có được cảm ứng với A Di Đà Phật; A Di Đà Phật sẽ gia trì họ. Bạn niệm “một-hai-ba-bốn” không có ai gia trì bạn, vậy là công hiệu khác nhau rồi! Nên nhớ: Bạn niệm đức Phật khác vẫn không bằng niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Vì A Di Đà Phật có bốn nguyện gia trì tất cả chúng sinh niệm danh hiệu ngài.

“Tiện nhất kỳ tâm, tuyển trạch sở dục, kết đức đại nguyện”: Đây là Bồ Tát Pháp Tạng dốc hết tâm lực, chọn lựa lấy điều mình mong muốn kết thành đại nguyện. Chữ “*nhất kỳ tâm*” là nhất tâm, một lòng một dạ vì tất cả chúng sinh, vì tận hư không khắp pháp giới tất cả chúng sinh. Bốn ý hai chữ “chúng sinh” này là chúng duyên hòa hợp mà sinh ra hiện tượng như: Động vật, thực vật, khoáng vật, thậm chí đến tất cả hiện tượng tự nhiên đều do chúng duyên hòa hợp mà sinh ra. Bồ Tát Pháp Tạng vì tất cả chúng sinh này mà cứu độ, không hề nói chỉ vì chúng sinh hữu tình.

Kinh Hoa Nghiêm, sách Thám Huyền Ký, Đại Sư Hiền Thủ có nói: “*Nhất tâm giả, tâm vô dị niệm cố*” (Nhất tâm là tâm không có một niệm khác). Nhất tâm là chân tâm. Chân tâm không có ý niệm, chân tâm ly niệm, vọng tâm thì có niệm. Phàm phu dùng là vọng tâm

nên ý niệm họ quá nhiều, cho nên nói “ba tâm, hai ý”: “ba tâm” là A-lại-da, Mạt-na, và Ý thức. “Hai ý” là Ý thức (tức là thức thứ sáu) và Mạt-na (là thức thứ bảy). Dùng A-lại-da chính là dùng vọng tâm. Nếu có thể chuyển A-lại-da thành Đại Viên Cảnh Trí, đó chính là chân tâm.

Muốn không có niệm khác, đầu tiên sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần phải thật sự làm đến được không khởi tâm, không động niệm, chân tâm liền hiện tiền. Cách tu là dùng một câu A Di Đà Phật: mắt thấy sắc, phân biệt chấp trước liền khởi, phải lập tức chuyển nó thành câu A Di Đà Phật; tai nghe âm thanh cũng A Di Đà Phật; mũi ngửi hương cũng A Di Đà Phật, lưỡi nếm vị cũng A Di Đà Phật, tất cả đều là A Di Đà Phật. Sự vi diệu của Tịnh tông là ở chỗ này. Thử hỏi: Bạn có biết chuyển hay không? Ý niệm vừa khởi, lập tức chuyển thành A Di Đà Phật, đây gọi là biết Niệm Phật.

Sách Giáo Hạnh Tín Chứng Văn Loại viết: “*Một niệm là tín tâm không có hai tâm nên bảo là một niệm. Đây gọi là nhất tâm. Nhất tâm là cái nhân chân thật của báo độ thanh tịnh vậy*”. Câu này giống y như câu “*nhất tâm kết thành đại nguyện*” trong kinh này, chỉ rõ: Nhất tâm chính là cái nhân chân thật của báo độ. Báo độ thanh tịnh chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên, vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là có điều kiện. Điều kiện này không liên quan gì đến niệm Phật nhiều hay ít, quan trọng là nhất tâm.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam, chiều hôm trước khi vãng sinh nói với những học trò bên cạnh rằng: “Thế giới này loạn rồi! Phật, Bồ Tát hay thần tiên có hạ phàm cũng cứu họ không được! Mọi người chỉ có một con đường sống là niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ”. Sáng sớm hôm sau ông đã đi rồi! Thọ chín mươi bảy tuổi. Lời này là thật!

“*Tuyển trạch sở dục*” (Chọn lựa lấy điều mình mong muốn): Cái sở dục này chính là “*khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”.

“Chân thật” này chính là pháp môn Tịnh Độ mà Bồ Tát Pháp Tạng đã thành tựu thế giới Cực Lạc, ngài đã viên mãn thành tựu được y báo, chánh báo. Dùng hai chữ “Cực Lạc” để hình dung, thực tế mà nói, không tìm ra được hình dung từ nào tốt hơn để biểu trưng thế giới Cực Lạc.

“**Kết đức đại nguyện**” là nguyện tâm của Pháp Tạng đã thành tựu. Đại nguyện của A Di Đà Phật là độ tận khắp hư không pháp giới tất cả chúng sinh, mỗi mỗi đều bình đẳng, viên mãn thành Phật. Đây đích thật là “Vô thượng thù thắng chi nguyện”, tất cả chư Phật khác rất có thể các ngài không hề nghĩ đến phương cách này, A Di Đà Phật đã làm ra được một công hiến vĩ đại, chân thật không thể nghĩ bàn cho tất cả chúng sinh tận hư không khắp pháp giới.

Ngày nay, chúng ta muốn vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, muốn làm đệ tử của Phật A Di Đà, tối thiểu cũng phải niệm đến “*công phu thành khởi*”. Đây là bờ mé của “*Sự nhất tâm bất loạn*”, việc này chúng ta có thể làm được. Đây chỉ là “*nhất tâm tương tợ*”, vẫn có thể đè nén được vọng tưởng, phiền não, như người xưa nói: Đem đá đè cỏ, gốc cỏ tuy chưa nhổ hết, nhưng cỏ không thể khởi tác dụng. Được trình độ này, chúng ta có thể an tâm về việc vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc của mình.

“**Tinh cần cầu sách**” (Siêng gắng cầu lấy): “Cầu” là mong cầu, “sách” là giữ lấy. Hai bản Hán dịch và Ngô dịch đều chép là: “*dững mãnh tinh tấn, cần khổ cầu sách*” (dững mãnh tinh tấn, vất vả tìm tòi), nên chữ “*tinh tấn*” ở đây cũng có nghĩa là rất dụng tâm. Chữ “*cần*” là “*cần phẩn*”, có nghĩa là chuyên cần tìm cầu, nỗ lực phấn đấu.

“**Cung thận bảo trì**” (Cung kính, thận trọng, gìn giữ, hành trì): bốn chữ này rất quan trọng! Chúng ta tu học, thành công hay thất bại mấu chốt chính ngay chỗ này. Sở dĩ tu hành, công phu không có

lực, thực tế mà nói: Bốn chữ này chúng ta không có. “*Cung*” là cung kính, “*thận*” là thận trọng, cẩn thận; “*cung thận*” chính là ý nghĩa của thành kính.

Ngày nay, chúng ta tu học, không luận tại gia hay xuất gia: học kinh, nghiên giáo, niệm Phật dụng công, kém khuyết chính là thiếu sự chân thành, cung kính. Tâm thành của chúng ta không đủ, cung kính cũng không đủ, cho nên niệm Phật công phu không có lực! ở Phật đường, chúng ta nhìn thấy tượng Phật không hề xem tượng Phật như là Phật thật, đây chính là không đủ thành kính! Người chân thật đầy đủ thành kính, nhìn thấy tượng Phật giống như thấy Phật vậy. Hiện tại, cơ hội học Phật rất thuận tiện so với ngày trước, nhưng tâm cung kính thì không có, do vậy mà thành tựu kém xa người trước. Ấn Tổ dạy: “*một phần thành kính được một phần lợi ích... mười phần thành kính được mười phần lợi ích*” là ý nghĩa này.

Khi xưa, muốn có được một quyển kinh thật không dễ dàng, phải chép lại. Nếu may mắn có được một bộ kinh sách, quyển đóng vào thời xưa, không dám viết chữ, ghi ký hiệu, chú giải gì trên đó, phải chép ra một quyển sách khác mới có thể ghi chú trên đó. Sách xưa là đời đời truyền nối nhau, chúng ta xem xong còn phải bảo quản lưu truyền cho đời sau, mới biết thời xưa vất vả, khó nhọc học tập là dường nào!

Khi tôi mới bắt đầu học Phật, kinh sách toàn là chép tay, không dám động đến nguyên bản. Hiện tại, trên tay tôi vẫn còn một số sách kết chỉ của thời xưa. Cho nên, “*cung thận bảo trì*”, bốn chữ này nhất định phải đầy đủ thì đời này chúng ta mới có được thành tựu. Phải chăm chỉ, nỗ lực học tập! Phải xem sự việc học Phật là việc lớn duy nhất trong đời: “*Sống đến già học đến già*”, vẫn học không hết! Đời sau vẫn phải học tiếp, đời đời kiếp kiếp từ sơ phát tâm mãi đến Như Lai địa.

Kinh Đại thừa thường nói: Vô lượng kiếp, A Di Đà Phật tu hành ở nhân địa trọn đủ năm kiếp. Năm kiếp này là đại kiếp, không phải tiểu kiếp. Nếu không phát tâm dài lâu ắt không thể nào thành tựu. Quyết không thể nói: Tôi học Phật đã được mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm v.v.... là đủ rồi, không cần phải nỗ lực nữa, vậy thì sai rồi! Mười năm, hai ba mươi năm, có thể học được thứ gì chứ?! Tuyệt đối không nên có ít cho là đủ. Đối với dục vọng phải nên ít muốn biết đủ, nhưng cầu học đạo thì không thể nào ít muốn biết đủ. Vừa ít muốn biết đủ thì bạn không thể nào hướng lên trên.

Cho nên, phải không ngừng tinh tấn mãi đến Như Lai quả địa. Đến Như Lai quả địa mới chân thật là “vô học”, Bồ-tát Đẳng Giác vẫn còn phải tu học. Người học Phật, đối với bất cứ thú vui gì của thế gian vẫn không bằng học Phật, như vậy mới có thể “*cung thận bảo trì*”. Hơn nữa, việc học Phật phải đi đôi với thực hành, nỗ lực làm đến được “Pháp hỉ sung mãn” công phu mới chân thật có lực, một chút miễn cưỡng cũng không có, trí tuệ mới phát sinh, tâm từ bi mới mỗi ngày thêm lớn.

Trong Luận ngữ, câu nói đầu tiên “Học nhi thời tập chi, bất diệt duyệt hồ”, đây là Khổng Phu Tử dạy chúng ta học rồi phải thực hành. “Tập” chính là thực tiễn, nuôi dưỡng thành thói quen, mỗi giờ, mỗi phút đều thực tiễn, “thời tập chi”, pháp hỉ liền tràn đầy. Nên nhớ: “duyet” cùng “lạc” không như nhau. “Lạc” là sự vui do tác động bên ngoài hưởng thụ của năm dục, sáu trần. “Duyệt” là an vui phát xuất từ nội tâm lưu lộ ra bên ngoài, không phải từ ngoài đến.

“*Tu tập công đức*”; Đại đức xưa nói: “chuyển quen thành lạ, chuyển lạ thành quen”. Phạm phu thói quen là tạo ác, “thân-khẩu-ý” tạo tác mười ác nghiệp, không cần học họ cũng biết làm. Trên Kinh Phật dạy: mười ác là sai, phải đem nó chuyển thành mười thiện. Mười thiện, chúng ta chưa quen, thế nhưng vâng lời Phật dạy, chúng ta nỗ

lực, gắng sức đem cái lạ chuyển thành cái quen. Khởi tâm động nệm, lời nói, việc làm đều tương ứng với mười nghiệp thiện, hành vi của mười nghiệp ác dần dần xa lìa, không còn tạo tác nữa, đó chính là “chuyển quen thành lạ”, gọi là tu tập.

“*Tu*” chính là tu chánh, tu sửa thói quen sai lầm thành tập quán chính xác. Tập quán chính xác chính là năm giới, mười thiện, đây là có “Giới”. Nâng cao hơn một tầng đến tu học trong Đại thừa là phá mê khai ngộ, tức là tu học có sức “Định”, có sức “Tuệ”. Sức “Định”, “Tuệ” có cạn sâu khác nhau. Sức Định càng sâu, trí tuệ càng rộng. Chúng ta xem thấy trên kinh: “Định” của A-la-hán là “Cửu Định”, siêu việt ba cõi sáu đường; sức Định này vượt qua sức Định của “Bát Định” (quả báo của Bát định là cõi trời “Phi Tướng Phi Phi tướng”.) Định Tuệ tiếp tục nâng cao, đó chính là quả báo của Bồ Tát trong “Thập pháp giới”. Lại hướng lên trên đến quả báo của Phật trong “Thập pháp giới”, nếu siêu việt mười pháp giới sẽ đến “Pháp giới Nhất Chân”. Trong “Pháp giới Nhất Chân” còn có bốn mươi một giai cấp, cho nên công phu của Định, Tuệ phải không ngừng nâng cao, không thể nào đình chỉ. Một phần công phu liền có một phần thu hoạch; thu hoạch chính là “đức”. Trong “công đức”, chữ “đức” cùng với chữ “đạo” (mắt) của chúng ta là một ý nghĩa.

- Làm thế nào bảo trì đạo công đức?

- Trong Phật pháp thường nói: “Lửa thiêu rừng công đức”. Tu “công đức” thật không phải dễ! Nếu không cẩn trọng, chỉ một đóm lửa nhỏ của sân giận cũng thiêu rụi hết cả rừng công đức! Thật sự muốn tu công đức phải thật cảnh giác điều này, nhất định không khởi tâm sân giận, vì đây là ma chướng! Kinh Kim Cang nói “*nhất thiết pháp đắc thành u nhĩ*”, nhấn nhục Ba la mật có thể giúp ta bảo trì đạo công đức.

Nên biết: “Phước báo” có thể san sẻ cho người khác; với “công đức” thì không được! “Công đức” người nào tu người đó được, nên nói: “Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc”. Ví như bạn có tiền bạc, của cải có thể ban tặng cho người khác, đây là phước báo mà bạn có được. Còn “công đức” là công phu tu hành của bạn, không cách chi ban tặng cho người.

Nên nhớ: Chỉ có “công đức” mới giải quyết được vấn đề sinh tử, “phước đức” thì không thể! Trong “công đức” có đầy đủ “phước đức”. Trong “phước đức” không đầy đủ “công đức”. Từ mặt thiền cận mà nói: Lợi ích chúng sinh là “công đức”, nhưng lợi ích chúng sinh phải không dính vào tướng lợi ích chúng sinh, cái công đức này mới thù thắng, quả báo mới không thể nghĩ bàn. Nếu làm sự nghiệp lợi ích chúng sinh mà chấp tướng thì đó chỉ là phước đức.

Phàm hề làm tất cả việc lợi ích chúng sinh đều gọi là bố thí. Trong bố thí, nếu không có trí tuệ, việc bố thí này chỉ là “phước đức”, quả báo của “phước đức” này tương lai đến đâu hưởng thì không nhất định!

Lần này, tôi đến Úc Châu, có đồng tu nói với tôi: Bên đó có một người rất giàu có, chết rồi để lại tài sản trên một tỷ cho con chó cưng của ông, không cho con cái, cũng không cho hội từ thiện. Ông bảo luật sư làm tờ di chúc, tất cả tài sản đều giao cho con chó đó, báo chí Úc đều đăng tin, con chó đó là đại phú ông, tài sản trên tỷ bạc! Bạn xem! Yêu thích chó đến như vậy! Cho nên tôi khẳng định, sau khi chết nhất định ông làm thân chó! Yêu thích chó, nhất định chết rồi sẽ đầu thai làm chó! Ông ta không biết được, nếu đem số tài sản này làm những việc lợi ích xã hội mà không chấp tướng, đời sau sẽ sinh lên trời làm vua trời, hiện tại do vô minh mà làm thân chó! Có thật đáng tiếc chẳng? Đây gọi là người ngu si, cơ hội có mà để lỡ qua trước mắt!

Do đây có thể biết, trí tuệ Bát Nhã quan hệ rất lớn! Không có trí tuệ, cái mà bạn tu được chỉ là phước báo; phước báo đến đâu hưởng thì không nhất định! Bạn xem! Phú ông giàu đến vạn ức có thể đầu thai là một chú chó! Con chó của ông ta đời trước nhất định có tu đại phước báo nên đời này có được tài phú nhiều đến như vậy. Nhưng, trong tu phước của nó không có trí tuệ nên đầu thai làm chó để hưởng phước. Tóm lại, “*tu tập công đức*”, câu này chúng ta phải rất rõ ràng tường tận.

“*Mãn túc ngũ kiếp*” tức là trọn đủ năm kiếp, tu tập liên tục không gián đoạn.

“*Tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp*”, câu này trên kinh, Phật không xác định rõ ràng cụ thể, nên các cổ đức mới nêu ra nhiều thuyết khác nhau. Chúng ta không nên phê phán, suy đoán, phân biệt, chấp trước ở đây, đó là thái độ của người học Phật; chỉ cần nói có đạo lý là được! “Pháp” không có định pháp, chủ yếu là giúp chúng ta tăng trưởng tín tâm, biết được thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải là thế giới không tưởng mà đó là sự thật, khiến tín tâm, nguyện tâm chúng ta càng kiên định, nhất tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, đợi đến thế giới Cực Lạc mọi việc sẽ tường tận. Các thuyết như sau:

- Thứ nhất, các vị Tịnh Ảnh, Cảnh Hưng đều cho rằng: Năm kiếp là thời gian tu hành sau khi phát nguyện.

Sách Tịnh Ảnh Sớ (đây là pháp sư Huệ Viễn thời nhà Tùy) viết “*Nương nguyện tu hành*” và “*vì vậy ở ngay nơi đức Phật ấy, ngài Pháp Tạng ngay trong một thân tu hành năm kiếp*”.

- Thứ hai, năm kiếp chính là thời gian phát nguyện.

Sách Hợp Tán bảo: “Năm kiếp là thời gian phát nguyện tu duy”. Ngài Vọng Tây cũng đồng quan điểm này. Sách Hội Sớ viết “*Phàm Bồ Tát kiến lập Tịnh Độ cũng giống như thợ giỏi xây dựng*”

đại thành, trước hết phải suy nghĩ, hoạch định họa đồ...Năm kiếp tu duy như vẽ đồ án”. Sách Bình Giải cũng có cùng một nhận định. Các vị ấy đều lấy bản Ngụy dịch của Khương Tăng Khải làm chứng có để lập luận.

- Thứ ba, riêng ngài Gia Tường lại bảo: “*Trong năm kiếp tu hành phát nguyện*”.

Thuyết này nêu cả tu hành lẫn phát nguyện, nhưng lấy phát nguyện làm chỗ qui thú, rất phù hợp với bản Tống dịch. Bản Tống dịch trước tiên viết: “*Tu duy tu tập*” rồi viết tiếp: “*Phát đại thệ nguyện, kinh u ngũ kiếp*” (Phát đại thệ nguyện suốt trong năm kiếp). Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Quan điểm này rất phù hợp với ý của hội bản, phải là sau khi “*tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì, tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp*” (siêng gắng tìm lấy, cung kính, thận trọng gìn giữ hành trì, tu tập công đức trọn đủ năm kiếp) thì “*sớ nhiếp Phật quốc, siêu quá u bỉ*” (quốc độ được ngài nhiếp thủ mới siêu việt cõi ấy). Kinh chép như vậy thật tương hợp với thuyết của ngài Gia Tường. Vì vậy, “*năm kiếp tu hành*” là thời gian tu hành và phát nguyện.

“*U bỉ nhị thập nhất câu-chi Phật độ công đức trang nghiêm chi sự, minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát*” (Với các công đức trang nghiêm của hai mươi một câu-chi cõi Phật kia, ngài hiểu rõ thông đạt như một cõi Phật): Đây là viên mãn thành tựu quá đức. Chữ “*câu-chi*” là danh từ số lượng thời cổ ở Ấn Độ, tương đương với mười triệu, tức một ngàn vạn của Trung Quốc. Hai mươi một câu-chi, chính là phía trước nói hai trăm mười ức.

- Vì sao có sự khác biệt xưng hô này?

- Nguyên do là lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh văn, nguyên bản dịch không phải là một bản mà đến năm bản. Hội tập phải trung

thành với nguyên bản dịch nên không được tùy tiện cải sửa những chữ này.

“*Nhị thập nhất câu-chi*”, phía trước đã nói qua, nó không phải là số tự mà là biểu pháp, đại biểu cho “đại viên mãn”, cũng chính là nói hư không pháp giới tất cả cõi nước chư Phật, không có sót lọt nơi nào. Trong các cõi nước chư Phật này “*Công đức trang nghiêm chi sự, minh liễu thông đạt*”, đây là nói về sự thành tựu của tỳ kheo Pháp Tạng đã làm ra được thành tích: Trong mười phương cõi nước chư Phật, đạo lý của y báo, chánh báo, nghiệp nhân quả báo, sự tướng chuyển biến tiếp nối ngài đều rõ ràng, tường tận.

- Kết quả đó là hiện tượng gì?

- Hư không pháp giới đồng một duyên khởi hòa dung không ngại! Đây là trên Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã đem hiện tượng này nói rất rõ ràng.

Hiện nay chính phủ Úc đang chủ động thúc đẩy tiến hành “đa nguyên văn hóa”, chính thức thiết lập cơ cấu, ủy thác quan viên tiến hành việc quan trọng này.

- Cái gì là “đa nguyên văn hóa”?

- Chúng tộc khác nhau, tín ngưỡng khác nhau, văn hóa khác nhau v.v..., làm thế nào có thể trong một quốc gia, một khu vực, mọi người cùng tôn trọng, kính yêu, hợp tác lẫn nhau, cùng tồn tại phát triển, đó chính là “đa nguyên văn hóa”.

- Làm thế nào thực tiễn “đa nguyên văn hóa”?

- Đây là vấn đề!

Hôm qua tôi ở Úc Châu, sáng sớm cục trưởng “đa nguyên văn hóa” ở Queensland đến thăm tôi, cũng thảo luận vấn đề này. Tôi nói với ông ấy: - Thực tiễn “đa nguyên văn hóa” là vấn đề giáo dục!

Cổ Thánh tiên Hiền Trung Quốc nói rất hay: “Kiến quốc quân dân, giáo dục vi tiên”. Muốn thực tiễn “đa nguyên văn hóa” vẫn là giáo dục hàng đầu, đào tạo con người có được quan niệm, tư tưởng chính xác. Nhà Phật nói: “Hư không pháp giới đồng một duyên khởi” cũng chính là “hư không pháp giới, tất cả chúng sanh cùng đồng một thể sinh mạng”.

Tôi nêu ra vấn đề với cục trường văn hóa: Như thân thể này của chúng ta là tổ hợp của rất nhiều tế bào, mỗi tế bào là một chủng tộc do rất nhiều nguyên tử hợp lại mà thành. Phân tích nữa, trong nguyên tử lại có điện tử, có hạt nhân, có hạt tử; cho nên mỗi tế bào là một chủng tộc nhỏ. Khí quan của chúng ta là chủng tộc lớn.

Thí dụ sau đây sẽ khiến họ dễ hiểu: “Chúng ta cùng đồng một thể sinh mạng”. Nếu đem thân thể chúng ta ví như hư không pháp giới tất cả chúng sinh thì mỗi cơ quan trên thân chúng ta như: mắt, tai, mũi, lưỡi v.v... là một chủng tộc lớn do rất nhiều tế bào tạo thành. Những chủng tộc này không như nhau, nhưng mỗi mỗi đều là đệ nhất không có đệ nhị: mắt thấy đệ nhất, tai nghe đệ nhất, mũi ngửi đệ nhất, lưỡi nếm đệ nhất, v.v... Kinh Hoa Nghiêm nói: “Không có thứ nào là đệ nhị. Cho nên có thể hòa bình cùng sống chung với nhau.

Có đệ nhất, có đệ nhị, có lớn, có nhỏ thì đánh nhau là cái chắc!” Cũng thế, nếu đôi mắt, đôi tai, lỗ mũi v.v... của chúng ta đều kình chống nhau, thì con người của chúng ta sẽ thế nào?! Chắc chắn là phải lâm bệnh! Nghiêm trọng nữa là chết! “Tất cả chúng sinh cùng đồng một thể sinh mạng, cùng đồng một duyên khởi”, sự việc này nếu chân thật triệt để tường tận, đó chính là bạn chúng được Pháp Thân thanh tịnh.

Chúng ta biết được chư Phật Như Lai có Pháp thân, chúng ta cũng có Pháp thân. Cái gì là Pháp thân? Hư không pháp giới tất cả chúng sinh là Pháp thân của chính chúng ta. Chúng ta giúp đỡ,

thương yêu người khác cũng chính là thương yêu, giúp đỡ chính mình. Kinh Đại thừa thường nói: “Mười phương ba đời chư Phật cùng đồng một Pháp thân”. “Mười phương ba đời chư Phật” tức là các chủng tộc khác nhau, tư tưởng không như nhau, tôn giáo không như nhau v.v... cùng đồng một Pháp thân, cùng đồng một thể sinh mạng.

Phải chân thật đem những đạo lý, chân tướng sự thật này làm cho rõ ràng, làm cho thấu đáo. Một khi đã thấu triệt được đạo lý này thì việc thực tiễn “đa nguyên văn hóa” không khó. Ngày nay, sở dĩ chúng ta không làm được vì không có người dạy!

Sau khi đàm luận, tôi mời ông xem giá sách của tôi. Trên giá sách có kinh điển của Thiên chúa giáo, của Ki-tô giáo, của Hồi giáo, của Đạo giáo v.v... Tôi nói: - Ông xem! Tất cả tôi đều đọc!

Ông là Do Thái giáo, tôi nói: - Kinh điển của Do Thái giáo ở đây tôi không có; nếu không gì trở ngại, ông có thể tìm giúp cho tôi có được chăng? Ông nói: - Tốt! Không có vấn đề gì! Tôi nhất định sẽ đưa đến.

Mỗi tôn giáo, mỗi văn hóa khác nhau, chúng ta đều phải học, phải hiểu rõ. Họ không đọc kinh điển của chúng ta, họ sẽ không hiểu rõ về chúng ta. Chúng ta đọc kinh điển họ, chúng ta hiểu rõ họ. Hiểu rõ chính là giác ngộ. Trước tiên, chúng ta phải giúp họ, phải thương yêu và tôn kính họ trước. Đây là hy vọng đồng tu chúng ta, kinh này không thể đọc suông. Sau khi đọc rồi, nhất định phải thực tiễn giống như Bồ Tát Pháp Tạng vậy.

“Công đức trang nghiêm chi sự, minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát”: Đây là nói trình độ nhận biết của ngài đối với các công đức trang nghiêm của hai mươi một “câu-chi” cõi Phật kia; tất cả ngài đều thông đạt như một cõi Phật. Việc này cũng giống như sự

nhận biết đối với hư không pháp giới tất cả chúng sinh không khác với sự nhận biết đối với thân thể này của chúng ta.

“Sở nhiếp Phật quốc, siêu quá u bi” (Quốc độ được ngài nhiếp thủ vượt trội các cõi kia), **“Phật quốc”** ở đây chỉ cho thế giới Tây Phương Cực Lạc. **“Siêu quá u bi”**, chữ **“bi”** là chỉ cho hai mươi một câu-chi cõi Phật phía trước, cũng chính là nói: Thế giới Tây Phương Cực Lạc siêu việt tất cả hư không pháp giới cõi nước chư Phật.

Phía trước, chúng ta đã thấy Thế Gian Tự Tại Vương Phật dùng thần lực đem tình hình của mười phương thế giới chư Phật hiện bày ngay trước mắt Bồ Tát Pháp Tạng cho ngài xem thấy. Đây chính là **“đọc ngàn quyển sách đi vạn dặm đường”**; **“đi vạn dặm”** chính là ngày nay chúng ta nói tham quan khảo sát.

Trên thực tế đọc sách là thăm dò lý luận của nó, hiểu rõ chân tướng sự thật. Sau đó, còn phải tận mắt quan sát sự việc khiến cho **“kiến văn”** (cái thấy, cái nghe) có thể tương ứng, đều không có kém khuyết, vậy mới có thể khai trí tuệ, mới biết thế nào để chọn lựa đúng sai, hay dở. Đây là thái độ tu học của Bồ Tát Pháp Tạng, không phải ngài chính mình dựa vào không tưởng để kiến tạo thế giới Tây Phương Cực Lạc mà đích thật ngài học tập, tham quan, chọn lấy cái hay, loại bỏ cái dở của người mà thành tựu thế giới Cực Lạc.

Thế giới Cực Lạc là tập đại thành trang nghiêm của mười phương cõi nước chư Phật trong đó bao gồm tất cả mọi ưu điểm thầy đều có, tất cả mọi khuyết điểm thầy đều không, như thế mà tạo thành, vậy mới có thể **“siêu quá u bi”** (siêu việt tất cả cõi nước chư Phật).

Phần trước đoạn kinh văn này Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai nói pháp một ngàn ức năm, chúng ta có chú ý đến vấn đề này không? Một đạo tràng giáo hóa chúng sinh, nếu không nói pháp dài lâu, sẽ không nhận được hiệu quả, điểm này chúng ta cần lưu ý! Nên

biết: Không nói pháp, mọi người sẽ nghĩ tưởng xăng bậy, niệm Phật sẽ không chuyên, phiền não tập khí sẽ tăng trưởng, nhất là thời đại hiện nay phong khí xã hội không tốt, người nước ngoài gọi là từ trường không tốt. Chúng ta bị ảnh hưởng phong khí, từ trường này, thân tâm đều không ổn, tánh tình bất định, tâm ý bao chao, dễ dàng xảy ra sự việc không hay.

Cho nên, mỗi ngày nghe giảng kinh là giúp cho tâm tình chúng ta ổn định, đạo lý chính ngay chỗ này. Thời gian giảng kinh càng dài, hiệu quả sẽ càng thù thắng. Thế Tôn năm xưa ở đời, mỗi ngày giảng kinh nói pháp tám giờ, không phải hai giờ như đạo tràng chúng ta. Nên nhớ: Hưng suy của đạo tràng, tùy thuộc thời gian giảng kinh nhiều hay ít, đây là nhân tố quyết định. Ngàn ức năm giảng kinh của Thế Gian Tự Tại Vương Phật chính là nhắc nhở chúng ta kinh giáo phải huân tu thời gian dài.

Bồ Tát Pháp Tạng khổ hạnh năm kiếp “Tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì, tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp”. Điều này nói lên những phương pháp lý luận mà Pháp Tạng đã tu học, ngài đều thực tiễn được ngay trong cuộc sống thường ngày.

Sau cùng, tôi muốn nhắc nhở mọi người: Tỳ kheo Pháp Tạng vì sao phải kiến tạo thế giới Cực Lạc? Ngài làm với dụng ý gì? Dụng ý của ngài chính là thực tiễn “đa nguyên văn hóa”, hư không pháp giới tất cả chúng sinh đều hòa thuận cùng sống, kính yêu lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, cùng tồn tại phát triển, biết được đây là cùng đồng một thể sinh mạng, tất cả chúng sinh chính là chính mình, không phải người khác. Thương yêu, tôn kính, giúp đỡ mọi người vô điều kiện là việc nên làm, là bổn phận chúng ta phải làm. Đây chính là mục tiêu của chư Phật giáo hóa, cũng chính là mục tiêu của A-Di-Đà-Phật kiến lập nên thế giới Tây Phương Cực Lạc.

KINH VĂN:

Ký nhiếp thọ dĩ, phục nghệ Thế TỰ Tại Vương Như Lai sở, khể thủ lễ túc, nhiễu Phật tam táp, hiệp chướng nhi trụ, bạch ngôn:

- Thế Tôn , ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh.

Phật ngôn:

- Thiện tai! Kim chánh thị thời, nhữ ung cụ thuyết, linh chúng hoan hỷ, diệc linh đại chúng, văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi, năng u Phật sát, tu tập nhiếp thọ, mãn túc vô lượng đại nguyện.

VIỆT DỊCH:

Đã nhiếp thọ xong, lại đến chỗ Thế TỰ Tại Vương Như Lai, dập đầu lễ dưới chân Phật, nhiễu Phật ba vòng, đứng chấp tay, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn , con đã thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật.

Phật khen:

- Lành thay! Nay chính là đúng lúc, ông nên thuật đủ, khiến cho đại chúng hoan hỷ, cũng khiến cho đại chúng nghe pháp ấy xong được đại thiện lợi, có thể tu tập, nhiếp thọ cõi Phật, đầy đủ vô lượng đại nguyện.

GIẢNG:

“Ký nhiếp thọ dĩ” (Đã nhiếp thọ xong) là câu đề nói đoạn kinh trước với đoạn kinh này. Chữ “nhiếp thọ” là tiếp nhận trọn hết. Khi đó, Pháp Tạng Bồ Tát lại đến chỗ đức Thế Gian TỰ Tại Vương Phật, “khể thủ” là cúi đầu sát đất; “lễ túc” là dùng đầu mình áp sát

chân Phật, đây gọi là “*tiếp túc lễ*”. Trong kinh luận giải thích vì sao phải hành “tiếp túc lễ”, đó chính là để nhiếp phục tâm ngạo mạn của chính mình. Nên biết: Ngạo mạn là phiền não từ nhiều đời, không những chướng ngại bạn chứng quả mà đến khai ngộ cũng bị nó chướng ngại!

Sau đó, “nhiều Phật” cũng chính là cách kính lễ. “*Tam táp*” là nhiều quanh Phật ba vòng, biểu thị ý trân trọng hành lễ. Đi nhiều xong liền chấp tay đứng yên trước Phật, hướng về đức Phật bạch rằng: “*Ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh*” (Con đã thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật).

“**Phật ngôn: - Thiện tai!**” (Phật khen: - Lành thay!). Ý nói hạnh của tỳ kheo Pháp Tạng thật vừa ý thánh tâm, không những thấu suốt bản hoài của Phật mà còn ứng trọn các căn cơ nên được Phật khen ngợi. Chữ “*thiện tai!*” là tiếng biểu lộ sự vui mừng rất sâu của Phật.

“***Kim chánh thị thời***” (Nay chính là đúng lúc):

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Câu nói này hàm nghĩa cơ duyên đại chúng đã chín muồi, đúng hợp thời cơ gom ba Thừa về một Thừa. Hành giả cả ba Thừa đều được hưởng xe trâu trắng lớn, cùng nhập một Như Lai Thừa để khai tri kiến Phật, chỉ bày tri kiến Phật cho các chúng sinh, nên Kinh Pháp Hoa nói: “*Kim chánh thị thời*”. Kinh này cũng thế, muốn cho thập phương cửu pháp giới chúng sinh cùng nhập Nhất thừa đại thế nguyện hải của Phật A Di Đà, hết thảy hàm linh đều được độ thoát, nên Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai bảo:

“***Kim chánh thị thời, nhữ ưng cụ thuyết, linh chúng hoan hỷ, diệc linh đại chúng văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi***” (Nay chính là đúng lúc, ông nên thuật đủ khiến đại chúng hoan hỷ, cũng khiến cho đại chúng nghe pháp ấy xong được đại thiện lợi).

Đây là Như Lai có ý khuyên Pháp Tạng tuyên thuyết để toàn bộ đại chúng được lợi ích. Hai chữ “đại chúng” bao gồm đại chúng hiện diện khi ấy lẫn hết thầy phàm phu, Nhị thừa và Bồ Tát trong đời tương lai (phàm phu chúng ta ngày nay cũng nằm trong số này). Toàn bộ đại chúng được lợi ích, ấy là khiến cho khắp đại chúng được nghe cùng phát nguyện vãng sinh, học theo hạnh của ngài Pháp Tạng, nhiếp thủ cõi Phật, viên mãn đại nguyện, mau vượt khỏi biển khổ sinh tử nên “*linh chúng hoan hỉ*” (khiến cho đại chúng hoan hỉ).

Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Pháp Tạng tự nói nguyện của mình xong khiến các Bồ Tát học theo ngài cùng phát nguyện*”.

Sách Hội Sớ nói: “*Bồ Tát nghe xong tự phát tâm dũng mãnh. Ông là trượng phu, ta cũng vậy, ông đã phát nguyện nhiệm màu, ta há chẳng bằng ông sao? Vì vậy, nguyện của Pháp Tạng làm duyên viên mãn đại nguyện (của đại chúng)*”.

“**Năng ư Phật sát, tu tập nhiếp thọ**”: “*năng ư Phật sát*” là nói thế giới Cực Lạc; “*tu tập*” là chỉ những người vãng sinh đến đó đều được A Di Đà Phật “*nhiếp thọ*”, cũng chính là quan tâm, chăm sóc họ. Không những hiện tại được A Di Đà Phật nhiếp thọ, mà tương lai đến thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn được A Di Đà Phật nhiếp thọ.

“**Mãn túc vô lượng đại nguyện**” (Đầy đủ vô lượng đại nguyện) là viên mãn hết thầy chí nguyện.

Sách Vãng Sinh Luận Chú viết: “*Viên mãn một nguyện vãng sinh Tịnh Độ chính là viên mãn hết thầy chí nguyện, nên bảo là: mãn túc vô lượng đại nguyện*”. Cũng theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Đại sư Đàm Loan (tác giả sách Vãng Sinh Luận Chú) quả thật đã giải bày trọn vẹn tâm tủy của chư Phật. Đại nguyện do Pháp Tạng Bồ Tát trong năm kiếp siêng gắng tìm cầu, chọn lọc (các cõi Phật thanh tịnh)

thật ra chỉ là một nguyện nhằm khiến tất cả chúng sinh chân thật phát khởi ý nguyện cầu vãng sinh Tịnh Độ.

Cho nên, bọn phàm phu đời mạt pháp chúng ta chỉ cần viên mãn nguyện này ắt liền xứng hợp với Di Đà đại nguyện. Những gì là phương tiện, những gì là đường thẳng chớ? Chính là từ quả khởi tu thẳng đến cứu cánh. Pháp môn Tịnh Độ thật chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải Diễn Nghĩa

Hết

(Quyển Một)

